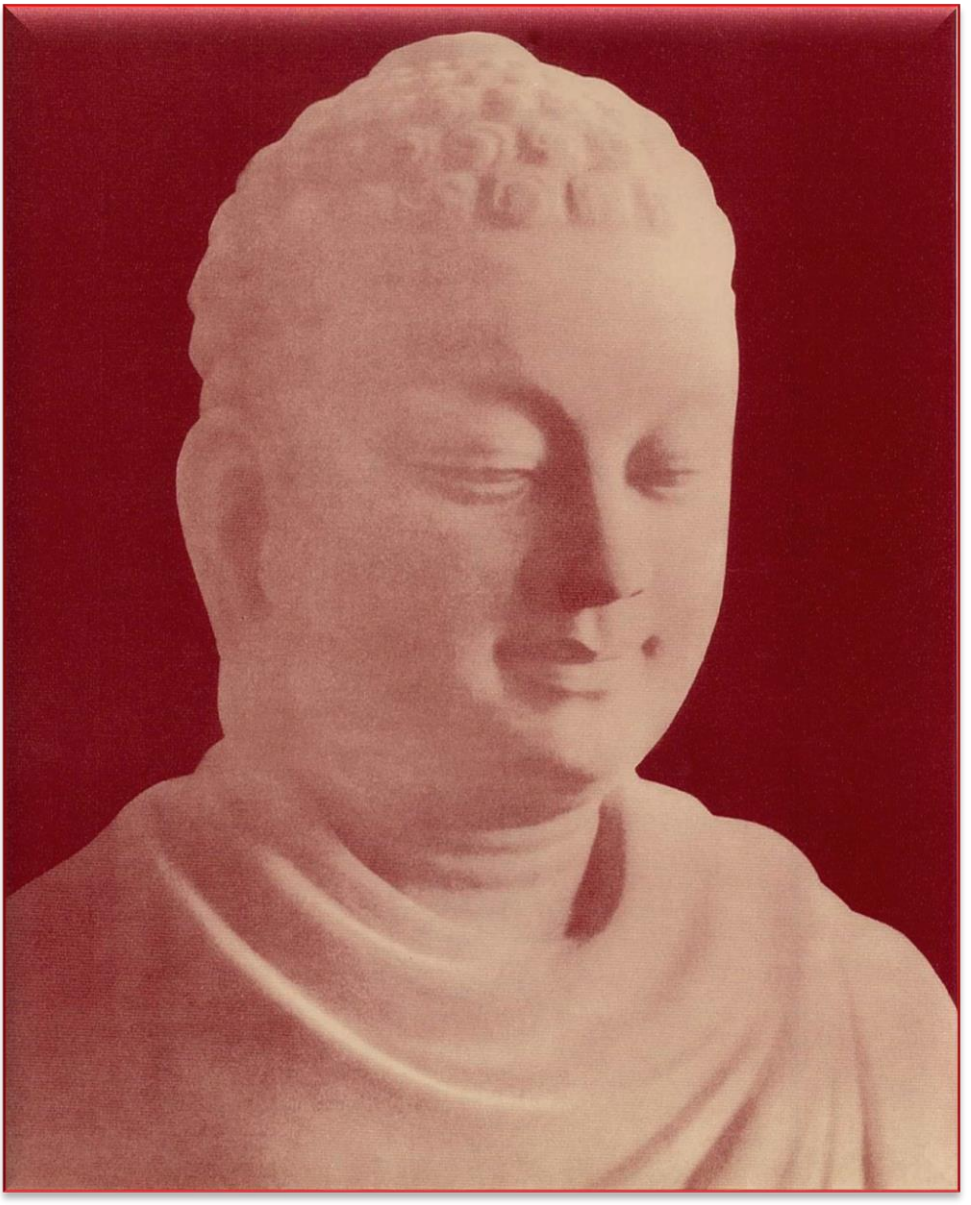

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 98

BỘ A TỲ ĐÀM

X

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)

   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn

   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 98

BỘ A-TỲ-ĐÀM
X

SỐ 1550 → 1557

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ A TỲ ĐÀM 10 – T098

SỐ 1550 3
LUẬN A TỲ ĐÀM TÂM 3
QUYỂN 1 3
Phẩm 1: GIỚI 3
Phẩm 2: HÀNH 8
Phẩm 3: NGHIỆP 16
QUYỂN 2 28
Phẩm 4: SỬ 28
Phẩm 5: HIỀN THÁNH 38
QUYỂN 3 47
Phẩm 6: TRÍ 47
Phẩm 7: ĐỊNH 56
QUYỂN 4 69
Phẩm 8: KHẾ KINH 69
Phẩm 9: PHẨM TẠP 85
Phẩm 10: LUẬN 95
SỐ 1551 99
A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN KINH 99
QUYỂN 1 99
Phẩm 1: GIỚI 99
Phẩm 2: HÀNH 109
QUYỂN 2 122
Phẩm 3: NGHIỆP 122
Phẩm 4: SỬ 1 (Phần đầu) 137
QUYỂN 3 145
Phẩm 4: SỬ 2 (Phần cuối) 145
Phẩm 5: HIỀN THÁNH 154
QUYỂN 4 168
Phẩm 6: TRÍ 168
Phẩm 7: ĐỊNH (Phần đầu) 181
QUYỂN 5 189
Phẩm 7: ĐỊNH (Phần cuối) 189
Phẩm 8: TU ĐA LA (Phần 1) 195
QUYỂN 6 211
Phẩm 8: TU ĐA LA (Phần 2) 211
Phẩm 9: TẠP 217

Phẩm 10: VẤN LUẬN 229
SỐ 1552 235
LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM 235
QUYỂN 1 235
Phẩm MỞ TỰA 235
Phẩm 1: GIỚI 238
QUYỂN 2 275
Phẩm 2: HÀNH 275
QUYỂN 3 300
Phẩm 3: NGHIỆP 300
QUYỂN 4 342
Phẩm 4: SỬ 342
QUYỂN 5 371
Phẩm 5: HIỀN THÁNH 371
QUYỂN 6 400
Phẩm 6: TRÍ 400
QUYỂN 7 424
Phẩm 7: ĐỊNH 424
QUYỂN 8 452
Phẩm 8: TU-ĐA-LA 452
QUYỂN 9 493
Phẩm 9: TẠP 493
QUYỂN 10 523
Phẩm 10: TRẠCH (Phần đầu) 523
QUYỂN 11 554
Phẩm 10: TRẠCH (Phần cuối) 554
Phẩm 11: LUẬN 570
SỐ 1553 579
LUẬN A TỲ ĐÀM CAM LỘ VỊ 579
QUYỂN THƯỢNG 579
Phẩm 1: BỐ THÍ TRÌ GIỚI 579
Phẩm 2: GIỚI ĐẠO 582
Phẩm 3: TRỤ THỰC SINH 585
Phẩm 4: NGHIỆP 586
Phẩm 5: ẤM TRÌ NHẬP 591
Phẩm 6: HÀNH 595
Phẩm 7: NHÂN DUYÊN CHỦNG 599
Phẩm 8: TỊNH CĂN 602
Phẩm 9: KIẾT SỬ THIỀN TRÍ 603

Phẩm 10: BA MƯƠI BẢY NGƯỜI VÔ LẬU 607
QUYỂN HẠ 611
Phẩm 11: TRÍ 611
Phẩm 12: THIỀN ĐỊNH 613
Phẩm 13: TẠP ĐỊNH 616
Phẩm 14: TAM THẬP THẤT PHẨM 622
Phẩm 15: BỐN ĐẾ 624
Phẩm 16: TẠP 628
SỐ 1554 637
LUẬN NHẬP A TỲ ĐẠT MA 637
QUYỂN THƯỢNG 637
QUYỂN HẠ 654
SỐ 1555 671
LUẬN NGŨ SỰ TỲ BÀ SA 671
QUYỂN THƯỢNG 671
Phẩm 1: PHÂN BIỆT SẮC (Phần đầu) 671
QUYỂN HẠ 682
Phẩm 1: PHÂN BIỆT SẮC (Phần cuối) 682
Phẩm 2: PHÂN BIỆT TÂM 687
Phẩm 3: PHÂN BIỆT TÂM SỞ PHÁP 690
SỐ 1556 699
LUẬN TÁT BÀ ĐA TÔNG NGŨ SỰ 699
SỐ 1557 711
KINH A TỲ ĐÀM NGŨ PHÁP HÀNH 711

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 98

LUẬN
A TỲ ĐÀM TÂM

SỐ 1550

(SỐ 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1550

LUẬN A TỲ ĐÀM TÂM

Tác giả: Tôn giả Pháp Thắng.
Hán dịch: Đại sư Tăng Già Đề Bà
và Huệ Viễn Đời Đông Tấn.

QUYỂN 1

Phẩm 1: GIỚI

Trước đảnh lễ Tối Thắng
Mặt từ thương lìa não
Cũng kính thuận giáo chúng
Tăng vô trước, ứng chân.

Có thuyết nói: Phải biết rõ pháp tướng. Vì sao phải biết rõ pháp tướng? Vì thường định, biết được tướng của thường định.

Thuyết đó nói: Định trí có tướng của định trí, đó là quyết định. Vì thế cho nên nói pháp tướng cần phải biết.

Hỏi: Thế gian cũng biết pháp tướng, đó là rất ngu si, cũng biết đất là tướng cứng, nước là tướng ẩm ướt, lửa là tướng nóng, gió là tướng xao động, không là tướng chẳng có ngăn cách, thức là tướng chẳng phải sắc. Tất cả điều không nên đã biết lại biết, nếu đã biết lại biết thì đó là vô cùng, mà vô cùng thì việc đó không đúng.

Thế nào là pháp tướng cần phải biết?

Đáp: Thế gian không biết pháp tướng, nếu thế gian biết được pháp tướng, thì tất cả thế gian cũng nên quyết định, mà không quyết định. Pháp tướng là thường định, biết pháp tướng không thể nói biết pháp tướng mà không quyết định. Vì nếu như vậy thì không quyết định cũng nên quyết định, chỉ vì không như vậy, cho nên thế gian không biết được pháp tướng.

Vả lại, đất là tướng cứng, là tướng vô thường, tướng khổ, tướng phi ngã, nếu không đúng, thì tướng cứng lẽ ra có tướng thường, tướng vui, tướng có ngã, mà thật ra không đúng. Cho nên, tướng cứng chắc tức là tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã. Nếu thế gian biết đất là tướng

cứng chắc, thì đối với tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, cũng nên biết mà không biết, do vậy, thế gian không biết được tướng cứng chắc của đất.

Hỏi: Trước đây nói pháp tướng cần phải biết, vậy pháp này như thế nào?

Đáp:

Nếu biết tướng các pháp
Chánh giác mở mắt tuệ
Cũng vì người hiện rõ
Bây giờ ta sẽ nói.

Hỏi: Đức Phật biết được pháp gì?

Đáp:

Có thường, lạc, ngã, tịnh
Lìa các hành hữu lậu.

Các hành hữu lậu vì chuyển sinh nhau nên xa lìa thường. Vì không tự tại, nên lìa ngã, vì mục nát nên lìa lạc, vì tuệ ghét nên lìa tịnh.

Hỏi: Nếu có thường, lạc, ngã, tịnh thì là xa lìa các pháp hữu lậu, làm sao trong đó chúng sinh thọ nhận có thường, lạc, ngã, tịnh?

Đáp:

Chấp thường là đứng đầu
Vọng thấy trong hữu lậu.

Chúng sinh đối với pháp hữu lậu, không biết được tướng của chúng, liền cho là có thường, lạc, ngã, tịnh, như người đi đêm thấy có xảy ra giặc trộm, tướng hữu lậu kia cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là pháp hữu lậu?

Đáp:

Nếu sinh các phiền não
Là Thánh nói hữu lậu.

Nếu đối với pháp, sinh các phiền não: Như thân kiến (chấp thân có thật), v.v... Như phẩm Sử nói pháp này là nói hữu lậu. Vì sao?

Cái gọi phiền não lậu
Người tuệ tạm gọi vậy.

Phiền não gọi là lậu vì các nhập là lậu. Vì tâm lậu rót chảy liên tục, nên lưu ở trong sanh tử. Như không phải do người nắm giữ, nên nói là hữu lậu.

Hỏi: Hữu lậu này còn có tên là gì?

Đáp:

Đây gọi là thọ ấm,
Cũng là phiền não tránh
Pháp này ấm lẫy lừng
Nói lao nhọc nói tránh.

Hỏi: Vì sao?

Đáp:

Phiền não từ tránh khởi
Vì vậy kia phải biết.

Các phiền não như thân kiến, v.v..., làm cho chúng sinh mệt nhọc, nên nói là phiền não. Vì thọ thân nên nói là thọ, vì tâm phẫn nộ, nên nói là tránh. Từ thân kiến v.v… mà sinh các pháp hữu lậu, vì sinh ra sự mệt nhọc nên nói là lao, vì sinh ra thọ nên nói là thọ, vì sinh ra cảnh tranh chấp nên nói là cạnh tranh.

Đã nói về thạnh ấm, nay sẽ nói về tướng ấm,

Nếu xa lìa phiền não
Các hữu vi, vô lậu
Tất cả tạp thọ ấm
Là ấm Thánh đã nói.

Nghĩa là pháp lìa bỏ các phiền não như thân kiến, v.v... cũng giải thoát các lậu hữu vi, vì từ nhân phát sinh, là tất cả và thạnh ấm trước đây đã nói. Đó là nói chung về ấm, là năm ấm như sắc, thống (nên dịch là giác), tưởng, hành, thức.

Hỏi: Sắc ấm là thế nào?

Đáp:

Mười thứ gọi sắc nhập
Cũng vô giáo giả sắc
Phân biệt sắc ấm ấy
Đấng Mâu-ni đã nói.

Mười thứ gọi là sắc nhập, đó là nhãn, sắc, nhĩ, thanh, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, xúc.

Vô giáo giả sắc: Như phẩm Nghiệp đã nói: Sắc này là sắc ấm, lúc phân biệt sắc ấm, Đức Thế Tôn nói:

Cái gọi là thức ấm
Đây tức là ý nhập
Ở trong mười tám giới
Cũng lại nói bảy loại.

Gọi thức ấm tức là ý nhập, cũng là bảy thứ phân biệt trong mười tám giới: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ, thiệt, thân, ý thức và ý.

Ngoài ra có ba ấm
Vô giáo, ba vô vi
Nghĩa là nói pháp nhập
Cũng gọi là pháp giới.

Ngoài ra còn có ba ấm, là thọ ấm, tưởng ấm và hành ấm.

Ba vô vi, vô giáo là hư không, số duyên diệt, phi số duyên diệt, đó là thuyết chung về pháp nhập, cũng là pháp giới. Như thế, pháp này nói về ấm, giới, nhập, như vậy ấm chỉ có một hướng là giới hữu vi, còn nhập thì có hữu vi, vô vi. Đã nói về ấm, giới, nhập, nay sẽ nói về từng tướng một.

Trong giới, một được thấy
Mười là nói có đối
Vô ký nói tám thứ,
Còn là thiện, bất thiện.

Có thể thấy một trong mười tám giới là Sắc giới. Vì Sắc giới có thể thấy ở nơi này, chỗ khác cho nên nói được thấy. Phải biết mười bảy giới không thể thấy.

Mười là nói có đối, nghĩa là mười giới có đối: Sắc đối với mắt, tiếng đối với tai, mùi hương đối với mũi, vị đối với lưỡi, sự xúc chạm đối với thân. Mỗi tướng này đối lập với một tướng chướng ngại. Về xứ sở, nếu có một thì không có hai, nên có đối, phải biết có tám vô đối.

Vô ký gồm tám loại là mắt, tai, mũi, hương, lưỡi, vị, thân, xúc, vì các pháp này không phải là quả báo vui đáng ghi nhớ, cũng không phải là quả báo khổ có để ghi nhớ, nên gọi là Vô ký.

Ngoài ra là thiện, bất thiện: Là sắc, thanh, ý, pháp và sáu thức. Hành vi của thân thiện là sắc thiện, hành vi của thân bất thiện là sắc bất thiện, sắc khác là vô ký.

Như vậy, tiếng là miệng động, tâm tịnh là giới của bảy thức, phiền não thiện, bất thiện tương ứng là bất thiện, ngoài ra là vô ký. Pháp giới thức tâm tương ứng với tâm như đã nói. Nếu không tương ưng thì như phẩm Tạp nói.

Hữu lậu có mười lăm
Còn hai, ba ba hữu
Trong Dục hữu có bốn
Mười một ở hai hữu.

Hữu lậu có mười lăm là năm giới nội, năm giới ngoại, năm thức giới,

vì lậu dừng trụ. Còn có hai, là ý giới, ý thức giới và pháp giới, ba pháp này hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, nếu lậu dừng trụ là hữu lậu, nếu khác đây là vô lậu.

Ba thứ ba hữu là ý, pháp, thức giới, là có thể đạt được trong ba hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô Sắc hữu.

Trong Dục hữu có bốn: hương, vị, tỷ thức, thiệt thức đều toàn bộ là Dục hữu, trung hữu gồm nhiếp hữu, phi sắc, Vô Sắc. Vì lìa bỏ đoàn thực của cõi Dục, nên tất cả hương, vị là tính chất của đoàn thực.

Mười một ở hai hữu là Dục hữu, Sắc hữu. Mười một là năm sắc thanh trong giới, xúc và là cảnh giới thức. Cảnh giới này không phải trong Vô Sắc vì lìa sắc.

Năm: có giác, có quán
Ba loại ba còn: không
Có duyên nên biết bảy
Pháp nhập ít sở nhập.

Năm: có giác, có quán: Nghĩa là giới của năm thức. Vì cùng có giác quán và đều thô nên tương ưng với giác quán.

Ba hành có ba là giới của ý, pháp và thức. Ba hành này, nếu ở cõi Dục và Sơ thiền là có giác, có quán, nếu ở thiền trung gian là không có giác, ít quán, là không có giác, không có quán ở trên.

"Còn: không" không có, nghĩa là những giới khác còn lại là chẳng phải giác, cũng chẳng phải quán, đều không tương ưng.

Có duyên nên biết có bảy. Nghĩa là bảy giới có duyên. Vì có duyên này nên nói là có duyên. Như người có con, gọi là có con. Bảy giới kia cũng như vậy. Tức là nhãn thức duyên với sắc, nhĩ thức duyên với tiếng, tỷ thức duyên với mùi hương, thiệt thức duyên với vị, thân thức duyên với xúc, ý thức duyên với các pháp và pháp nhập, phần ít sở nhập.

Nếu tâm, tâm sở pháp là có duyên, thì ngoài đây là không có duyên.

Chín (giới) không thọ, ngoài hai
Vô vi, vì chung một
Hoàn toàn là hữu vi
Nên biết mười bảy giới.

Chín giới không thọ: Được gọi là thọ nhận tức là nếu là số của sắc căn, cũng không lìa căn, thì tâm, tâm sở, pháp đã hiện hành dừng ở trong đó. Nếu khác đây là không thọ. Ở trong đó chín giới không thọ: Bảy tâm giới, thanh giới và pháp giới, không phải là sự dừng lại của tâm, tâm sở pháp trong đó. Ngoài ra có hai là năm giới nội, nếu hiện tại là thọ, trong ấy,

pháp tâm, tâm sở dừng trụ. Quá khứ, vị lai không thọ, không phải pháp tâm, tâm sở đó dừng trụ. Sắc, hương, vị, xúc, nếu không lìa căn và hiện tại là thọ, như pháp tâm, tâm sở trong căn. Nơi pháp tâm, tâm sở đó cũng vậy, vì không lìa căn. Ngoài ra, là không thọ.

Vô vi là chung một: Nghĩa là một pháp giới hữu vi và vô vi, trong đó ba thứ có thường nên không thể nói là hữu vi, pháp giới khác là vô thường, nên là hữu vi. Vì hữu vi và vô vi được gồm lại và đặt ra, cho nên vô vi chung là một.

Hoàn toàn là hữu vi, phải biết là mười bảy giới. Nghĩa là vì mười bảy giới là vô thường, nên tất cả đều là hữu vi, nên chỉ hoàn toàn là hữu vi.

Hỏi: Như vậy là đã phân biệt pháp tướng rồi?

Thế nào là pháp gồm nhiếp? Là tự tánh hay tha tánh?

Đáp: Là tự tánh.

Hỏi: Vì sao?

Đáp:

Các pháp lìa tha tánh.
Đều tự trụ tánh mình
Nên nói tất cả pháp
Đều thuộc về tự tánh.

Các pháp đều lìa tha tánh, nghĩa là mắt lìa tai. Như vậy, tất cả pháp không nên nói thuộc về tha tánh. Nếu lìa thì mới gồm thâu được, do đó không phải thuộc về tha tánh. Mỗi pháp tự an trụ nơi tánh của nó. Nghĩa là mắt, tự an trụ nơi tánh của mắt,… Như vậy, tất cả pháp nên nói là gồm nhiếp, nếu trụ là nhiếp. Vì vậy, nên nói tất cả pháp đều thuộc về tự tánh.

Đã đặt ra các pháp đều thuộc về tự tánh, trong đó, pháp có thể thấy là thuộc về một giới, một ấm, một nhập. Tất cả pháp đều như vậy. Lại nữa, về nghĩa này trong phẩm Khế kinh sẽ nói rộng.

Phẩm 2: HÀNH

Đã nói tự tướng của các pháp, như sự sinh của pháp, nay sẽ nói:

Hỏi: Nếu các pháp đều thuộc về tự tánh riêng, thì cũng do sức của mình mà sinh ra chăng?

Đáp:

Đến cùng, không thể sinh

Dụng lìa bạn đồng hành.

Tất cả pháp, đều không có khả năng tự sinh. Vì sao? Vì tánh của các hành yếu kém, không có thế mạnh, như người bị bệnh gầy ốm, không có khả năng tự đứng lên được bằng sức của mình.

Hỏi: Nếu không tự sức mình đứng dậy được làm sao đứng dậy?

Đáp:

Do sức tất cả duyên
Các pháp mới được sinh.

Như người bị bệnh gầy yếu phải nhờ người khác nâng đỡ mới đứng dậy nổi. Pháp kia cũng như vậy. Như tâm do bạn mới phát sinh nay sẽ nói qua kệ sau:

Nếu tâm có chỗ khởi Tâm ấy phải cùng có Tâm số pháp... tụ họp Và hành bất tương ưng.

Tâm là ý, ý là thức, thật sự thì đồng, mà tên có khác. Tâm này hoặc nương dựa, hoặc duyên lấy, hoặc khi dấy khởi cùng có chung tâm số pháp... tụ họp mà sinh khởi.

Hỏi: Tâm, số pháp v.v... tụ họp là gì?

Đáp:

Tưởng, dục, cánh lạc (xúc), tuệ
Niệm, tư và giải thoát
Tác ý nơi cảnh giới
Tam-ma-đề và thọ...

Tưởng là lúc việc lập ra được chấp nhận, tưởng tượng theo hình dạng, của việc đó.

Dục, là lúc duyên với thọ, muốn lãnh thọ.

Cánh lạc (xúc), nghĩa là tâm dựa vào duyên hòa hợp, không lìa nhau.

Tuệ, là đối với duyên, quyết định, xét kỹ. Niệm là duyên thì nhớ kỹ không quên.

Tư (suy nghĩ): Là tâm tạo ra các công đức, tội ác, đều trái nhau.

Giải thoát, là khi ở trong duyên đó, thọ nhận tư tưởng, thì việc ấy tất nhiên là có.

Tác ý, nghĩa là hoạt động mạnh mẽ trong duyên. Định, nghĩa là lúc thọ duyên, tâm không tán loạn.

Thọ, là duyên với sự tiếp nhận vui hay không vui đều trái nhau.

Lúc tất cả tâm sinh
Sinh này Thánh đã nói

Đồng chung một duyên hành
Cũng lại thường tương ưng.

Lúc tất cả tâm sinh, sinh này Thánh đã nói: Đây là mười pháp lúc tất cả tâm sinh thì đều cùng sinh, nên nói là đại địa.

Đồng chung một duyên hành, nghĩa là tất cả tâm đều có chung một duyên hành không lìa nhau. Cũng lại thường tương ưng với nhau, nghĩa là mỗi hành đều có chung và hành động chung thường tương ưng với tâm, vì lìa thêm bớt, nên gọi là tương ưng.

Đã nói tâm số pháp, nghĩa là chung đối với tất cả tâm, còn không chung nay sẽ nói:

Các căn và giác quán
Tín, ý không buông lung
Tinh tiến, hộ phiền não
Đôi lúc không tương ưng.

Các căn, là các căn thiện, không tham, không giận dữ, không ngu si.

Giác, là tâm thô nối tiếp nhau.

Quán, là tâm tinh tế tiếp nối nhau.

Tín, là sự thành thật, chân, tịnh.

Ỷ (khinh an): Lúc tâm thiện trong thân, tâm đều lìa bỏ điều ác, nên cảm thấy vui sướng.

Không buông lung: Nghĩa là không bỏ phương tiện lúc làm việc thiện.

Tinh tiến, là làm việc chuyên cần, say mê.

Hộ (xả), là làm công việc, là làm do không làm, mong cầu do không mong cầu, tự giữ gìn vô vi.

Các phiền não, là như phẩm Sử nói: Pháp này không phải trong tất cả tâm mà có thể được, vì đôi lúc tương ưng, đôi lúc lại không tương ưng.

Hỏi: Vì sao gọi là tâm sở?

Đáp: Ý, nghĩa là tâm, quyến thuộc của tâm đó nên nói là tâm sở.

Đã nói tướng của các tâm số, như chỗ sinh nay sẽ nói:

Trong phẩm tâm bất thiện
Hai mươi mốt tâm số
Ô uế hai tổn giảm
Cõi dục phi bất thiện.

Trong phẩm tâm Bất thiện, hai mươi mốt tâm số gọi là bất thiện, nếu tâm sinh các phiền não cõi Dục, trừ thân kiến và biên kiến cõi Dục, vì đó là chuyển thành quả không đáng ưa thích, nên gọi là bất thiện.

Phải biết, trong phẩm tâm này có hai mươi mốt pháp tâm số, mười giác quán đại địa, hai phiền não không hổ, không thẹn, sự ngủ nghỉ, trạo cử, không tin tưởng, sự buông lung, lười biếng, hai sự hao hụt cấu uế.

Cõi Dục không phải bất thiện, nghĩa là phẩm tâm là sự cấu uế của cõi Dục, chứ không phải bất thiện, như tâm tương ưng với thân kiến, biên kiến. Trong phẩm tâm này, phải biết có mười chín pháp tâm số, trừ không hổ, không thẹn, hoàn toàn là bất thiện.

Thiện, không chung hai mươi
Vô ký có mười hai
Tâm ăn năn, ngủ nghỉ
Là khả năng gia tăng.

Thiện, không chung hai mươi: Gọi không chung, là tâm có riêng một phiền não vô minh sinh ra hai mươi tâm số này, trừ một phiền não, còn lại như trước đã nói.

Thiện, được gọi là tâm tịnh, có khả năng chuyển biến thành quả đáng ưa thích. Tâm này đều có chung, phải biết có hai mươi, mười giác, quán của đại địa, đức tin, tinh tiến, ỷ (khinh an), không buông lung, căn thiện, hộ (xả), hổ thẹn.

Vô ký có mười hai, nghĩa là trong phẩm Tâm không cấu uế, có mười hai pháp tâm sở, mười giác quán của đại địa, tâm ăn năn và sự ngủ nghỉ là khả năng làm cho gia tăng, gọi là ăn năn, là việc không thành, ân hận, vì ăn năn là thiện, bất thiện. Trong phẩm tâm tương ưng kia, có thêm sự ăn năn. Ngoài ra, các tâm số pháp khác, như trước đã nói.

Sự ngủ nghỉ gọi là tâm tắt mất, hoàn toàn khiến người ta không tự tại, là ngủ, sự sinh trong tất cả năm phẩm, việc ngủ nghỉ kia đều tăng ích. Ngoài ra các pháp tâm sở khác như trước đã nói. Nếu sự ăn năn, ngủ nghỉ không hoạt động trong ba phẩm thì tăng hai. Các tâm số pháp khác, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm cõi Dục này nối tiếp nhau, nói cõi Sắc là thế nào?

Đáp:

Sơ thiền lìa bất thiện
Khác biết như cõi Dục
Thiền trung gian, trừ giác
Với trên quán cũng vậy.

Sơ thiền lìa bất thiện, sự biết khác như cõi Dục. Nghĩa là Sơ thiền đều là thiện. Trong đó có bốn phẩm: Thiện, cấu uế, không chung và vô ký, là như đã nói trong cõi Dục. Trong đó thiện có hai mươi, vô ký có mười hai,

sự cấu uế có mười chín. Đã lìa bất thiện, thì biết cũng lìa xa sự không hổ, không thẹn, vì hoàn toàn bất thiện, chỗ nên bất cộng có mười tám.

Thiền trung gian trừ giác, nghĩa là thiền trung gian không có giác, thiền đó hoàn toàn trừ giác, ngoài ra như Sơ thiền đã nói.

Đối với trên quán cũng vậy, nghĩa là thiền thứ hai, thứ ba, thứ tư cũng không có quán. Và tất cả trong cõi Vô Sắc, đều trừ quán, giác như trước đã trừ.

Đã nói về pháp tâm số pháp, do hỗ trợ sinh sắc, nay sẽ nói:

Cực vi ở bốn căn
Mười thứ cần phải biết
Thân căn có chín thứ
Tám thứ khác là hương.

Cực vi ở bốn căn, có mười thứ phải biết: Nghĩa là cực vi ở trong mắt là biết có mười chủng, là chủng đất, chủng nước, gió, lửa, chủng sắc, chủng hương, vị, xúc, chủng nhãn căn, chủng thân căn.

Cực vi của tai, mũi, lưỡi cũng như vậy. Thân căn có chín thứ: Nghĩa là ngoài thân căn, cực có chín thứ. Vì thân căn đó đã có một chủng căn, còn lại như trên đã nói.

Tám chủng khác là, trong đó còn có tám loại cực vi của không phải sắc, căn sắc căn.

Hỏi: Cực vi này là nói ở cõi nào?

Đáp: Nghĩa là hương, có mùi hương trong cõi Dục. Trong cõi Sắc, lìa bỏ mùi hương, tất cả cõi Sắc đó đều trừ chủng hương, vị. Chủng khác như nói trong cõi Dục.

Hỏi: Ở trước đã nói, nếu tâm sinh, thì tâm số pháp và tâm bất tương ưng hành sinh; trong đó đã nói tâm số pháp, vậy thế nào là tâm bất tương ưng?

Đáp:

Tất cả pháp hữu vi
Sinh, trụ, biến dị, hoại.

Tất cả pháp hữu vi, mỗi pháp đều có bốn tướng: Sinh, trụ, thay đổi, hư hoại.

Vì khởi hiện trong đời, nên sinh. Đã khởi, sự nghiệp của chính pháp ấy được kiến lập, cho nên trụ. Khi thế lực an trụ đã suy yếu thì thay đổi, khi đã thay đổi thì hư hoại.

Tướng trên đây là nói tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Nếu tất cả pháp hữu vi đều có bốn tướng thì đó là tướng, lại có tướng nữa không?

Đáp: Phải, cũng có bốn tướng. Trong tướng kia còn có bốn tướng cùng sinh: Sinh là sinh, trụ là trụ, thay đổi là thay đổi, hư hoại là hư hoại.

Hỏi: Nếu vậy là vô cùng? (không có tận cùng)

Đáp: Lần lượt lại làm nhau.

Mỗi tướng này đều vì nhau. Như sinh sinh đều sinh nhau. Trụ trụ cũng như vậy, mỗi trụ đều sinh nhau. Đổi khác, đổi khác, mỗi sự đổi khác đều đổi khác nhau. Hư hoại, hư hoại, mỗi sự hư hoại đều hoại lẫn nhau. Do vậy, không phải vô cùng. Bốn tướng sau mỗi tướng đều hành một pháp, bốn tướng trước đều hành tám pháp.

Sinh, là sinh tám pháp, ba pháp trước, bốn pháp sau và pháp kia, ngoài ra cũng như vậy.

Đã nói bạn của các hành, như do bạn sinh, nay sẽ nói:

Sở tác, cộng, tự nhiên
Phổ biến, báo, tương ưng
Từ sáu thứ nhân này
Chuyển sinh pháp hữu vi.

Hết thảy nhân đều ở trong sáu nhân. Nhân này sinh ra tất cả hành hữu vi. Trong đó, nhân sở tác nghĩa là lúc sinh pháp, không chướng ngại, không lưu trụ, do đó nên sinh pháp không giống nhau, ví như do đất mà muôn vật được sinh.

Nhân chung: Nghĩa là các hành, mỗi hành đều làm bạn với nhau. Do việc này nên sinh, như tâm, tâm số pháp, tâm bất tương ưng hành và các thứ cực vi.

Nhân tự nhiên, nghĩa là nhân đó tự nó đã giống nhau, như huân tập thiện thì sinh thiện, huân tập bất thiện thì sinh bất thiện, huân tập vô ký thì sinh vô ký. Như gieo trồng thực vật, tùy nhân của tướng loại ấy. Nhân nhất thiết biến: Là các phiền não đều chuyển biến, tiếp nối nhau sinh, như chấp ngã, xét nhập, chấp trước. Do kiến chấp này, nên đối với ngã, có sự xét đoán nhập, rồi chấp là thường, vô thường, chê bai tướng ấm, xét đoán nhập, rồi chấp mắc.

Đối với tướng ấm, chấp nhận một cách do dự là có thường, lạc, tịnh v.v… Sinh, các phiền não như vậy nói là nhân tất cả khắp. Như, phẩm Sử đã nói. Nhân tương ưng: Tâm và tâm số pháp, mỗi năng lực ở trong một điều kiện, nhất thời hành lìa nhau thì không sinh.

Nhân báo: Nghĩa là hành sinh ở trong sự sinh, chuyển thành quả. Như làm việc thiện được quả đáng ưa thích, làm việc bất thiện sẽ được quả không đáng ưa thích. Do đó nên sinh.

Đã nói các nhân. Các pháp theo trong nhân nảy sinh, nay sẽ nói:

Nếu tâm do báo sinh
Tâm số và phiền não
Là từ nơi năm nhân
Sinh khởi, nên phải biết.

Nếu tâm, tâm số pháp, nhân báo sinh khởi và các phiền não thì sinh ra từ năm nhân.

Nhân báo sinh, là từ nhân đã tạo tác mà sinh, là từ lúc sinh giống nhau hay không giống nhau, vì vật không chướng ngại nên sinh. Từ nhân cùng sinh, từ sức hỗ trợ của bạn nên sinh. Mỗi nhân đó đều là bạn với nhau và tâm bất tương ưng hành là bạn chung. Từ nhân tự nhiên sinh, nhân đó có sự giống nhau, trước kia sinh pháp vô ký. Từ nhân tương ưng sinh, đều có hành trong cùng một lúc, một. Từ nhân báo sinh thiện, bất thiện kia, quả đó là tâm, tâm số pháp cấu uế, trừ nhân báo, vô ký, đó là từ nhân nhất thiết biến sinh, do đó nên sinh. Ngoài bốn nhân ra, như trước đã nói.

Pháp không tương ưng kia
Các pháp tương ưng khác
Trừ vô lậu đầu tiên
Là từ bốn nhân sinh.

Pháp không tương ưng kia, nghĩa là nếu sắc từ báo sinh và tâm bất tương ưng hành thì từ bốn nhân sinh: Nhân sở tác, nhân chung, nhân báo và nhân tự nhiên. Nếu sắc cấu uế và tâm bất tương ưng, thì hành cũng từ bốn nhân sinh: Nhân sở tác, nhân chung, nhân tự nhiên, nhân nhất thiết biến. Các pháp tương ưng khác, trừ pháp vô lậu ban đầu kia, đều từ bốn nhân sinh, nghĩa là pháp tâm, tâm sở khác, trừ pháp vô lậu đầu tiên, cũng từ bốn nhân sinh: Nhân sở tác, nhân chung, nhân tự nhiên và nhân tương ưng.

Gọi bất tương ưng khác
Nhân sinh phải biết ba
Và các tương ưng khác
Trước sinh pháp vô lậu.

Nghĩa là trong pháp bất tương ưng trước đây đã nói nếu có nhân tự nhiên, trừ pháp vô lậu ban đầu thì từ ba nhân sinh: Nhân sở tác, nhân tự nhiên và nhân chung. Pháp tương ưng với vô lậu ban đầu, cũng sinh ra từ

ba nhân: Nhân sở tác, nhân chung và nhân tương ưng, là không có tự nhiên ở trước.

Trong đó bất tương ưng
Nên từ hai nhân sinh
Nếu sinh từ một nhân
Thì sinh sẽ không có.

Trong đó bất tương ưng, nên từ hai nhân sinh, nghĩa là sắc, tâm, hành bất tương ưng, trong phẩm vô lậu ban đầu đều sinh ra từ hai nhân: Nhân sở tác và nhân chung.

Đã nói tất cả pháp hữu vi, trong đó, nếu sinh ra từ một nhân thì sẽ không có.

Đã nói các nhân, như nhân này, Đức Như Lai nhất định biết tường tận các pháp tướng, với năng lực giác ngộ vì giáo hóa, nên nói. Bây giờ sẽ nói duyên:

Thứ đệ cũng duyên duyên
Tăng thượng cùng với nhân
Pháp từ bốn duyên sinh
Người trí sáng đã nói.

Duyên thứ đệ: Là mỗi tâm nảy sinh đều tuần tự nối tiếp nhau không dứt quãng.

Duyên duyên: Là cảnh giới của tâm, tâm số pháp. Vì duyên với cảnh giới kia, nên tâm, tâm số pháp sinh ra.

Duyên tăng thượng: Nhân sở tác tạo ra hết thảy vạn vật, lúc vạn vật sinh ra không gây trở ngại, chỉ tự gây tạo là cốt lõi, gọi là duyên tăng thượng.

Nhân duyên, là nhân chung, nhân tương ưng, nhân tự nhiên, nhân báo, nhân nhất thiết biến.

Đã nói các duyên. Bây giờ sẽ nói về các pháp tùy duyên sinh:

Tâm và các tâm số
Đều từ bốn duyên sinh
Hai chánh thọ từ ba
Ngoài ra nói có hai.

Tâm và các tâm số, đều từ bốn duyên sinh: Là tâm, tâm số pháp đều sinh ra từ bốn duyên. Vì mở mang, dẫn đường trước nên sinh, là duyên thứ đệ. Cảnh giới là duyên duyên kia, trừ cảnh giới của mình. Ngoài ra, hết thảy các pháp khác đều là duyên tăng thượng cho nó.

Hai chánh thọ từ ba, nghĩa là định Vô tưởng, định Diệt tận đều sinh

ra từ ba duyên, trong đó, tâm nhập định là duyên thứ đệ, là địa của mình, trước sinh ra công đức, là nhân duyên kia và nhân duyên đó đều có: Sinh, trụ, thay đổi, hư hoại. Cũng như nhân duyên kia thì duyên tăng thượng, như trước đã nói.

Gọi là thuyết khác nói có hai, nghĩa là lìa tâm bất tương ưng hành ấy và sắc, đều từ hai duyên phát sinh, đó là nhân duyên và duyên tăng thượng.

Hỏi: Vì sao gọi các pháp trên đây là hành?

Đáp:

Nhiều pháp sinh một pháp
Một cũng sinh ra nhiều
Duyên hành tạo ra hành
Cần phải biết như vậy.

Nhiều pháp sinh ra một pháp, một pháp cũng có khả năng sinh ra nhiều pháp. Nghĩa là không có một pháp nào, vật thể nào có khả năng, tự lực sinh, nhưng một pháp phải do nhiều pháp sinh, nhiều pháp cũng do một pháp sản sinh. Vì lý do này, nên nói là duyên với hành rồi tạo ra hành. Như vậy, cần phải biết.

Phẩm 3: NGHIỆP

Đã nói tính chất của các hành và các hành ấy do các nhân duyên sinh rồi, nay, nói các hành này đều có nhân, có công năng nuôi lớn hạt giống của quả, hạt giống của sinh, sự khác nhau của sinh có thể đạt được, nay sẽ nói:

Nghiệp năng tô điểm đời
Các đường ở các nơi
Nên phải suy nghĩ nghiệp
Cầu xuất thế giải thoát.

Nghiệp có công năng tác dụng tô điểm cho đời, các đường ở các nơi: Nghĩa là trang sức khác nhau các thứ thân trong năm đường khắp ba đời, là việc trang sức cho đời chỉ là nghiệp. do đấy nên tư duy về nghiệp cầu xa lìa thế gian được giải thoát.

Nghiệp thân, nghiệp miệng, ý
Hữu, hữu đã gây ra
Từ đó sinh các hành
Tô điểm vô số thân.

Nghiệp thân nghiệp miệng, ý, đã gây ra hữu hữu. Nghĩa là nghiệp của thân, miệng, ý đã gây tạo từ đời này sang đời khác, từ nghiệp này sinh ra các hành, tô điểm các thứ thân. Về tướng của nghiệp đó, nay sẽ nói lược:

Nghiệp thân: giáo, vô giáo
Phải biết đều có hai
Nghiệp miệng cũng như vậy
Nghiệp ý chỉ vô giáo.

Nghiệp của thân dù có giáo, vô giáo, phải biết cả hai đều có. Nghĩa là tánh của nghiệp thân có hai thứ: Tính giáo và tính vô giáo.

Có giáo ở đây, là động tác của thân là thiện, bất thiện, vô ký. Thiện là từ tâm thiện sinh ra. Bất thiện sinh ra từ tâm bất thiện. Vô ký là từ tâm vô ký sinh ra.

Vô giáo nghĩa là nếu tạo nghiệp bền chắc thì chủng tử này sinh ra trong tâm chuyển đổi khác. Như người thọ giới thiện thì bất thiện, vô ký trong tâm cũng tùy thuộc theo. Người kia gây nghiệp ác thì giới ác sẽ theo nhau. Nghiệp miệng cũng như vậy, nghĩa là tính chất của nghiệp miệng cũng có hai thứ.

Nghiệp ý chỉ vô giáo, nghĩa là tính của ý nghiệp hoàn toàn vô giáo. Vì sao? Vì ý thức không khởi hiện, vì suy nghĩ tinh vi nối tiếp nhau.

Hỏi: Năm nghiệp này, có bao nhiêu là thiện, bất thiện, vô ký?

Đáp:

Phải biết giáo có ba:
Thiện, bất thiện, vô ký
Ý vô giáo cũng vậy
Ngoài, không nói vô ký.

Phải biết giáo có ba: Thiện, bất thiện, vô ký: Nghĩa là giáo của thân, miệng nói có ba thứ: Thiện, bất thiện và vô ký, trong đó, thân giáo thiện, nghĩa là tâm thiện thực hành sự vâng giữ giới cấm, v.v... làm nên hành động của thân.

Thân giáo bất thiện: Nghĩa là giết hại chúng sinh, của không cho mà lấy, không có phạm hạnh, v.v... Tâm bất thiện tạo nên hành động của thân.

Thân giáo vô ký, nghĩa là tâm vô ký tác động lên hành động của thân, như oai nghi, nghề nghiệp khéo léo.

Như vậy, hành vi thiện của miệng như lời nói không dối trá, tương ưng với việc lợi ích, lời nói đúng lúc v.v... đều sinh ra từ tâm thiện. Nghiệp miệng bất thiện là như nói dối, nói hai lưỡi, nói lời hung dữ, nói lời thêu dệt, thêm thắt v.v... đều từ tâm bất thiện sinh ra.

Nghiệp miệng vô ký là từ tâm vô ký sinh. Nghiệp của miệng, ý vô giáo cũng như vậy. Nghĩa là nghiệp ý vô giáo cũng có ba thứ: Thiện, bất thiện, vô ký. Tâm thiện tương ưng với sự suy nghĩ là thiện. Tâm bất thiện tương ưng với suy nghĩ là bất thiện. Tâm vô ký tương ưng với sự suy nghĩ là vô ký.

Ngoài ra, không nói là vô ký, nghĩa là có hai: thân vô giáo và miệng vô giáo thì có hai thứ thiện, bất thiện, mà không có vô ký. Vì sao? Vì tâm vô ký rất yếu kém, nên nó không có khả năng sinh ra nghiệp có thế lực mạnh. Nghĩa là trong tâm, sự chuyển biến khác nhau và giống nhau, tùy thuộc nhau.

Cho nên, thân vô giáo, miệng vô giáo không có vô ký.

Hỏi: Nghiệp vô ký có những tánh gì? Và là thuộc xứ nào?

Đáp:

Sắc có hai vô ký
Ẩn mất, không ẩn mất
Ẩn mất thuộc cõi Sắc
Ngoài ra ở hai cõi.

Sắc có hai vô ký: Ẩn mất, không ẩn mất. Nghĩa là nghiệp của thân, miệng là tánh của sắc, vì nghiệp vốn là tánh của sắc.

Hai thứ ẩn mất và không ẩn mất. Thứ ẩn mất là bị phiền não che lấp, cũng sinh ra từ các phiền não. Khác với đây là không ẩn mất.

Sự ẩn mất hệ thuộc cõi Sắc, nghĩa là sự ẩn mất đó hoàn toàn hệ thuộc cõi Sắc. Vì sao? Vì phiền não thuộc tư duy đoạn có khả năng gây nên nghiệp của thân, miệng. Phiền não thuộc tư duy đoạn của cõi Dục này hoàn toàn là bất thiện, nên không do phiền não bất thiện mà có khả năng khởi nghiệp vô ký.

Ngoài ra ở hai cõi, nghĩa là nghiệp vô ký không ẩn mất cũng hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc.

Nghiệp ý nói như tâm, là sự phân biệt của chỗ khác, nên ở đây không nói.

Nghiệp thân, miệng vô giáo
Phải biết thiện, bất thiện
Ba tướng: Thiền-Vô lậu
Điều ngự oai nghi, giới

Nghiệp vô giáo của thân, miệng, phải biết là thiện, bất thiện. Nghĩa là nếu nghiệp là tánh của sắc, trong đó nếu vô giáo thì tánh là thiện, bất thiện. Ba tướng, Thiền-Vô lậu Điều ngự giới, oai nghi, là giới vô giáo có

ba tướng: Vô lậu, Thiền sinh và Điều ngự oai nghi giới.

Vô lậu, tức là giới và đạo đều đi chung chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Thiền sinh là thiền đều thực hành lìa bỏ điều ác. Điều ngự oai nghi giới là giới cõi Dục.

Vô giáo ở cõi Dục
Giáo nương vào hai cõi
Nên biết không cùng tâm
Ngoài ra nói cũng tâm.

Nghĩa là Vô giáo của cõi Dục, thì không phải tâm đều cùng hiện hành. Vì sao? Vì lúc thọ giới, dù là tâm thiện, tâm bất thiện, hay tâm vô ký, tùy theo hiện hành, nhưng không chung với thiện, bất thiện, vô ký.

Giáo, nghĩa là vừa ở cõi Dục, vừa ở cõi Sắc, nhưng không phải tâm đều cũng hiện hành. Vì sao? Vì có thân. Ở cõi Sắc vô giáo và vô lậu đều cùng hiện hành với tâm. Vì sao? Vì tâm nên vô lậu này không phải tùy thuộc vào hành vi trong tâm khác.

Đã phân biệt các nghiệp, nếu thành tựu nghiệp, nay sẽ nói:

Luật nghi, giới vô lậu
Thấy đế, đã thành tựu
Thiền sinh, nếu được thiền
Giữ giới sinh cõi Dục.

Luật nghi giới vô lậu, thấy đế đã thành tựu: Thấy đế nghĩa là vô lậu thấy Thánh đế. Lúc mới sinh kiến vô lậu, là thấy khổ đế cõi Dục. Thế nên, tất cả bậc Thánh đều thành tựu giới vô lậu.

Thiền sinh nếu được thiền, nghĩa là được thiền, là thành tựu giới của thiền.

Giữ giới sinh cõi Dục, nghĩa là nếu người thọ giới, người đó sẽ thành tựu giới cõi Dục.

Đã nói lược về thành tựu. Như quá khứ, vị lai, hiện tại có thể đạt được, nay sẽ nói:

Gọi trụ giới oai nghi
Vô giáo ở hiện nay
Phải biết thường thành tựu
Hoặc cùng tận quá khứ.

Gọi là an trụ giới oai nghi, vô giáo ở ngày nay, phải biết thường thành tựu: Nghĩa là nếu an trụ giới oai nghi, ở khắp mọi thời thì sẽ thành tựu giới vô giáo. Người đó, trọn không lìa bỏ cho đến gắn bó suốt đến khi cuối đời.

Hoặc lại hết ở quá khứ, nghĩa là hoặc thành tựu giới vô giáo ở quá khứ. hoặc hết mà không mất, nghĩa là ngay từ lúc đầu đã xong hết thì đã thành tựu quá khứ. Quá khứ ấy tạm gọi là hết.

Nếu có làm ở giáo
Tức thời lập đời giữa
Phải biết thành quá khứ
Đã hết mà không xả.

Nếu có làm ở giáo, thì sẽ kiến lập ở đời giữa. Nếu làm nên giáo của thân, miệng thì bấy giờ liền thành tựu giáo hiện tại. Hiện tại gọi là đời giữa.

Phải biết thành tựu quá khứ, đã hết mà không xả, nghĩa là nếu giáo kia đã hết mà không mất, bấy giờ tức đã thành tựu quá khứ.

Gọi được thiền vô giáo
Thành tựu diệt vị chí
Giữa, nếu nhập chánh thọ
Giáo như trước đã nói.

Gọi là được thiền vô giáo, thành tựu diệt vị chí, nghĩa là nếu được thiền thì người đó đã thành tựu quá khứ, vị lai. Vì sao? Vì như thiền kia, sự thành tựu giới cũng giống như vậy.

Giữa, nếu nhập chánh thọ, nghĩa là hiện tại tạm gọi là khoảng giữa. Nếu người kia, nhập định thì lúc ấy đã thành tựu hiện tại vô giáo. Vì sao? Vì cùng có với định. Về giáo cũng như trước đã nói, là như trụ ở giới oai nghi, nếu làm giáo thì bấy giờ sẽ thành tựu giáo của hiện tại. Nếu không làm giáo, thì sẽ không thành tựu giáo. Nếu đều không mất giáo thì lúc đó, người ấy sẽ thành tựu quá khứ. Nếu không cùng tận mà đặt ra cùng tận thì liền mất, lúc ấy sẽ không thành tựu. Sự an trụ giới của thiền, cũng giống như vậy.

Phải biết, đều thành tựu
Được đạo, hoặc vị chí
Trung gian ở tâm đạo
Đều không xả đời trước.

Phải biết đều thành tựu, được đạo hoặc vị chí, nghĩa là tất cả sự đắc đạo đều thành tựu vô lậu, vô giáo ở vị lai. Vì sao? Vì như tâm vô lậu của người kia, việc thành tựu giới, cũng giống như vậy.

Trung gian ở tâm đạo, nghĩa là đã hợp đạo, hoặc nhập định, bấy giờ đã thành tựu hiện tại.

Đều không bỏ đời trước: Đời trước là quá khứ, người kia ở hiện tại này vô giáo. Nếu đều không mất, thì như được quả Thánh và lui sụt, thì

thành tựu quá khứ vô giáo.

Nếu làm ác, bất thiện
Lập giới thành tựu hai
Đến triền kia ràng buộc
Đều phải biết đã hết.

Nếu làm ác, bất thiện, kiến lập giới, thành tựu hai. Nghĩa là như trụ giới oai nghi này, hoặc trụ giới thiền, hoặc trụ giới vô lậu, hoặc tạo nên sự ràng buộc trầm trọng, vẩn đục, bất thiện, bấy giờ khởi vô giáo trong bất thiện, tức thành tựu giáo và vô giáo. Nếu không phải sự ràng buộc trầm trọng vẩn đục, thì không khởi vô giáo.

Hỏi: Đến bao giờ mới thành tựu?

Đáp: Đến đối tượng ràng buộc, của triền kia, nếu đối tượng ràng buộc của triền kia thì tùy theo có thể được thành tựu.

Phải biết tận, đã tận, nếu sự ràng buộc kia đã hết, thì giáo và vô giáo cũng hết theo.

Trong không giới oai nghi
Thành tựu vô giáo ác
Như quả không đáng yêu
Cũng lại quá khứ tận.

Ở trong không giới oai nghi, thành tựu vô giáo, vì tạo ác nên quả không đáng ưa, nghĩa là nếu trụ không giới oai nghi, thì bấy giờ sẽ thành tựu bất thiện, vô giáo. Bất thiện, gọi là quả không đáng ưa thích.

Cũng lại quá khứ tận, là dứt mất, chứ chẳng phải không dứt mất.

Có giáo ở hiện tại,
Là nói thành tựu giữa
Cũng lại tận quá khứ
Thiện trái với ở trên.

Có giáo hiển hiện ngay lúc này, là nói đã thành tựu trung gian, cũng lại cùng tận quá khứ: Giáo, như trước đã nói.

Thiện trái với ở trên. Như trụ giới oai nghi mà nói. Bất thiện như vậy là trụ không oai nghi, nói thiện là tận cùng cực tâm thiện kia.

Nếu ở giữa làm ra
Thì thành tựu đời giữa,
Cũng lại tận quá khứ
Hoặc hai, cũng lại một.

Ở giữa, nghĩa là trụ giữa không oai nghi, cũng chẳng phải không oai nghi, kia như khéo trụ nói là thiện, hoặc lại hai: Có giáo và vô giáo, hoặc

hoàn toàn có giáo, hoặc thiện, bất thiện, hoặc một.

Hỏi: Thế nào là được giới của cõi Sắc? Thế nào là xả? Vì được thiền căn bản, hay vì phương tiện khác?

Đáp: Không phải hoàn toàn là thiền căn bản, nếu được.

Tâm thiện trong cõi Sắc
Được định giới oai nghi
Đây mất, kia cũng mất
Vô lậu có sáu tâm.

Tâm thiện trong cõi Sắc, được giới định oai nghi, nghĩa là nếu được tâm thiện cõi Sắc, hoặc lìa dục, hoặc không lìa dục. Tất cả tâm thiện đó, đều được giới cõi Sắc. Vì sao? Vì tất cả giới trong tâm thiện cõi Sắc, thường đi chung.

Hỏi: Thế nào là mất?

Đáp: Đây mất, kia cũng mất.

Hỏi: Thế nào là vô lậu?

Đáp: Vô lậu có giới vô lậu của sáu tâm và tâm của sáu địa vô lậu đều được.

Hỏi: Thế nào là mất?

Đáp: Đây mất, kia cũng mất.

Sáu địa, là thiền vị lai, thiền trung gian và bốn thiền căn bản.

Hỏi:: Giới này đến lúc nào mới xả?

Đáp:

Giới điều ngự oai nghi
Xả vào năm thời gian
Thiền sinh và vô lậu
Hai thời giác đã nói.

Giới Điều ngự oai nghi, xả vào năm lúc: Là giới oai nghi được xả trong năm lúc: Lúc bỏ đạo, lúc phạm giới, lúc chết, lúc tà kiến gia tăng và lúc pháp diệt mất.

Thiền sinh và vô lậu, hai lúc giác đã nói, nghĩa là giới của thiền có hai lúc xả, là lúc lui sụt và lúc sinh lên cõi trên. Giới vô lậu, cũng có hai lúc xả, là lúc lui sụt và lúc đắc quả.

Hỏi: Còn nghiệp khác, xả như thế nào?

Đáp:

Giới bất thiện có hai
Thiện Vô Sắc cũng vậy

Nghiệp uế nói một lúc
Hoặc nghiệp ở trong ý.

Giới bất thiện có hai, là không thực hành phương tiện và lúc chết.

Thiện của Vô Sắc cũng vậy. Nghĩa là nghiệp thiện của cõi Vô Sắc cũng có hai lúc xả: Lúc căn thiện dứt và lúc sinh lên địa trên.

Nghiệp uế nói một lúc, hoặc nghiệp còn ở ý: Nghĩa là nghiệp ý cấu uế được xả cùng lúc, đó là lúc lìa bỏ sự ham muốn.

Đã nói tánh của các nghiệp và sự tạo thành.

Như nghiệp này, Đức Thế Tôn đã phân biệt các thứ, nay sẽ nói:

Nếu nghiệp cho quả khổ
Phải biết là hành ác
Ý ác hành tăng thượng
Tham, giận dữ, tà kiến.

Nếu nghiệp cho quả khổ, phải biết là hành ác, thì nghiệp là bất thiện, đều nói là hành vi ác. Bất thiện là quả khổ.

Ý ác hành tăng thượng tham, giận dữ, tà kiến, nghĩa là tư duy, mong muốn bất thiện là hành giác của ý thức. Còn có ba thứ được gọi là hành Ý ác: Tham, giận, tà kiến.

Tướng này trái diệu hạnh
Do đấng Tối Thắng nói
Nếu trên hết trong đó,
Thì gọi là mười đạo.

Tướng này trái với hạnh tốt đẹp mà đấng Tối thắng đã nói. Nghĩa là tướng này trái với tất cả nghiệp thiện và vô tham, không giận, chánh kiến. Nếu trên hết trong đó thì đây là mười đạo, nghĩa là nếu ở trong nghiệp bất thiện, hoặc nghiệp trên hết thì gọi là đạo nghiệp. Như sát sinh, không cho mà lấy, hạnh tà, nói dối, nói hai chiều, nói lời hung dữ, nói lời thêu dệt, tham, giận, tà kiến.

Sát sinh ở đây, là Ý tưởng chúng sinh, bỏ chúng sinh, cắt đứt thân mạng của chúng sinh, tìm cách đoạn mà thành nghiệp.

Không cho mà lấy, là vật của người, nghĩ là của người, không cho mà lấy.

Hạnh tà; như phụ nữ của người mà xâm phạm đạo, hoặc là hiện có của mình, mà cứ luôn luôn xâm phạm, là không phải đạo.

Nói dối, là ý nghĩ khác để lừa dối người.

Nói lời hai chiều, là vì ghét người khác, nên tìm cách để chia rẽ người.

Miệng nói lời hung dữ, là giận người, nên nói lời không đáng yêu.

Nói lời thêu dệt, là với tâm bất thiện, nói lời không có nghĩa. Tham là sự ham muốn của cõi Dục.

Giận là sự tức giận, phẫn nộ. Tà kiến là chê bai nhân quả.

Đấy là nghiệp đạo, ngoài ra, không phải là nghiệp đạo. Nghĩa là hành phương tiện mong cầu và nghiệp bất chánh như uống rượu, v.v… thì không phải nghiệp đạo. Tư duy, nguyện làm là nghiệp căn bản. Nghiệp này lấy mười pháp kia làm đạo.

Nếu nghiệp hiện pháp báo
Thì tiếp thọ sinh báo
Hậu báo cũng như vậy
Ngoài ra nói bất định.

Nghĩa là lúc nghiệp có khả năng trở thành quả hiện pháp, thì không nhất định.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Ba nghiệp là báo vui, báo khổ và báo không vui không khổ. Nghiệp này thế nào?

Nếu thiện trong cõi
Dục Và ba địa cõi Sắc
Thì nên có báo vui
Người thọ, định, bất định.

Nếu là thiện trong cõi Dục và ba địa của cõi Sắc thì thuận theo có báo vui, nghĩa là nếu nghiệp thiện của cõi Dục thì sinh báo đi chung với niềm vui. Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền của cõi Sắc cũng là sinh báo và đi chung với vui. Đây là nói chung về báo vui.

Hỏi: Báo này cũng là nhất định hay sao?

Đáp: Không, vì kẻ nhận lãnh báo, có nhất định và không nhất định. Hoặc nhất định, hoặc không nhất định, thì thiện xảy ra trong bốn địa, còn việc thiện thì tất cả đều có quả báo vui.

Sinh báo không khổ, vui
Là nghiệp thiện địa trên
Nếu người nhận báo khổ
Là nói nghiệp bất thiện.

Sinh báo không khổ, không vui, là nghiệp thiện ở địa trên: nghiệp thiện của địa Tứ thiền và trong Vô Sắc là báo không khổ, không vui. Đây là sinh báo đi chung với không khổ, không vui. Trong đó, không có thọ vui, nếu thọ báo khổ thì nói là nghiệp bất thiện. Nghiệp bất thiện ấy là quả báo khổ, tất nhiên là đi chung với thọ khổ. Người thọ báo này, cũng nhất định

và không nhất định như trên.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn nghiệp: Báo đen đen, báo trắng trắng, báo đen trắng đen trắng, báo không đen không trắng và không báo. Những nghiệp này như thế nào?

Đáp:

Trong sắc có nghiệp thiện
Trắng thì có báo trắng
Đen, trắng ở cõi Dục
Báo đen gọi bất tịnh.

Trong sắc có nghiệp thiện, trắng thì có báo trắng, nghĩa là nghiệp thiện của cõi Sắc là báo trắng, vì hoàn toàn là tịnh và lìa bất thiện, nên báo của cõi đó hoàn toàn tốt đẹp. Đây là trắng, có báo trắng.

Đen, trắng ở trong cõi Dục, nghĩa là nghiệp thiện của cõi Dục, có báo đen trắng, đen trắng. Vì sao? Vì nghiệp bất thiện này, đã bị hư hoại, yếu kém, nên nói là đen trắng. Vì thọ báo xen lẫn đáng yêu, không đáng yêu, nên nói là báo đen trắng. Báo đen gọi là bất tịnh. Bất thiện nghĩa là bất tịnh, là đen, tăng thêm điều ác, vì xấu xa thấp kém, nên gọi là báo đen.

Nếu nghĩ, lìa bỏ được
Dứt hết không còn sót
Đối với đạo không ngại
Gọi là nghiệp thứ tư.

Gọi là Đạo có công năng tiêu diệt ba nghiệp này là đạo không ngại. Nếu có suy nghĩ thì suy nghĩ này, là nghiệp thứ tư. Trong đó bốn tư duy đạo diệt. Nghiệp thứ hai mười ba hữu hai đạo: Đạo kiến đế có bốn, đạo tư duy có chín, đó là sự suy nghĩ vô lậu, vì không tăng thêm điều ác, cho nên không đen. Vì không đáng ưa, nên không trắng, vì trái với không cùng tận, nên không có báo.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Sự không ngay thẳng, cấu uế, vẩn đục của thân, miệng, ý, việc này thế nào?

Đáp:

Không ngay sinh nịnh, dối
Bẩn từ giận dữ sinh
Dục sinh gọi là đục
Đức Thế Tôn đã nói.

Sự không ngay thẳng, sinh ra tánh dua nịnh, dối trá: Nghĩa là nếu nghiệp từ sự dối trá sinh, là vì sự không ngay thẳng và lừa dối.

Sự cấu uế sinh ra từ giận dữ, nghĩa là nếu nghiệp từ giận dữ sinh ra

thì sự cấu uế này là do một bề tranh chấp nhau.

Từ dục vọng sinh, là sự vẩn đục, do Đức Thế Tôn nói, nghĩa là nếu nghiệp sinh ra từ sự ham muốn, là vẩn đục, vì hoàn toàn nhắm vào chỗ cấu uế của trần tục.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói ba tịnh thân, miệng, ý. Việc này thế nào?

Đáp:

Tịnh tất cả diệu hạnh
Là viên mãn thân miệng
Ý vô học viên mãn
Tức là tâm vô học.

Tịnh tất cả diệu hạnh: Nghĩa là nếu diệu hạnh tất cả đều thanh tịnh, vì lìa phiền não bất tịnh.

Hỏi: Viên mãn là sao?

Đáp: Viên mãn là nói thân, miệng, hạnh tốt đẹp của thân, miệng trong ý của bậc Vô học. Đấy gọi là điều thiện viên mãn, vì đã dứt bỏ hết thảy vật chướng ngại. Nói ý của vô học đã viên mãn, tức là tâm vô học. Nghĩa là nếu ý vô học đã viên mãn thì đó là tâm vô học. Vì sao? Vì tâm vô học nghĩa là đã chứng được tướng của đấng Mâu-ni.

Đã nói về giả danh của các nghiệp, nay sẽ nói về quả:

Thiện, ác, nghiệp bất thiện
Đều cùng có hai quả
Thiện hoặc thành ba quả
Một quả là nói khác.

Nghiệp thiện, ác, bất thiện đều có hai quả, nghĩa là nghiệp thiện được thành hai quả: Quả sở y và quả báo.

Nghiệp vô lậu cũng có hai quả, là quả sở y và quả giải thoát. Nghiệp bất thiện cũng có hai quả, quả sở y và quả báo. Nghiệp thiện hoặc thành ba quả, là nghiệp thiện hữu lậu có công năng dứt bỏ các phiền não, là ba quả: Quả sở y, quả báo và quả giải thoát.

Một quả, gọi là nói khác, gọi là nghiệp vô ký khác là một quả, là quả sở y, không có quả nào khác.

Hỏi: Tướng của tạo sắc là nghiệp thân, miệng hay nghiệp của bốn đại tạo?

Đáp:

Nếu địa mình có đại
Dựa vào nghiệp thân, miệng

Vô lậu tùy sức được
Gọi quả của địa kia.

Nếu địa mình có đại, là dựa vào nghiệp thân, miệng, nghĩa là các nghiệp cõi Dục, là dựa vào đại của cõi Dục mà tạo, nghiệp của cõi Sắc cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là các nghiệp vô lậu?

Đáp: Vô lậu tùy sức mà được, gọi là quả của địa vô lậu đó. Nghĩa là nếu sắc vô lậu, dựa vào bốn đại mà được, tức là căn cứ ở địa vô lậu đó. Nếu trụ ở cõi Dục mà được đạo, thì nghiệp của thân, miệng kia là do bốn đại của cõi Dục tạo.

Tất cả địa như vậy là năng lực trừ dục cõi Sắc, và cõi Vô Sắc. Nếu người kia chết, sinh lên cõi Vô Sắc, nếu chưa được, mà được nghiệp thân, miệng, thì nghiệp thân, miệng này tức là bốn đại của địa Vô Sắc kia tạo.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói ba chướng, là nghiệp chướng, phiền não chướng và báo chướng. Tướng này thế nào?

Nghiệp vô gián không cứu
Sinh ra nhiều phiền não
Đường ác chịu báo ác
Chướng ngại cũng nên biết.

Ba pháp này là chướng ngại, vì không thọ nhận Thánh pháp, nên nói là chướng ngại.

Hỏi: Trong ba nghiệp này, nghiệp nào là ác lớn hơn hết?

Đáp:

Nếu nghiệp phá hoại tăng
Gọi là ác hơn hết.

Nghĩa là nghiệp phá hoại tăng là nghiệp ác hơn hết, là nghiệp ác trụ một kiếp trong đại địa ngục A-tỳ.

Hỏi: Nghiệp nào là tốt đẹp hơn hết?

Đáp:

Tư trong đệ nhất hữu
Phải biết lớn hơn hết.

Ở hữu thứ nhất của phi tưởng, phi phi tưởng xứ. Địa đó, gồm nhiếp sự suy nghĩ, là quả báo rất tốt đẹp rộng lớn sống lâu đến tám muôn kiếp.

□

LUẬN A TỲ ĐÀM TÂM

QUYỂN 2

Phẩm 4: SỬ

Đã nói các nghiệp, nay sẽ nói về các phiền não.

Tất cả có cội gốc
Bạn nghiệp sinh trăm khổ
Chín mươi tám sử kia
Mâu-ni nói phải nghĩ.

Thí dụ như kẻ thù, vì không biết nên bị chúng giết hại, nếu biết thì sẽ thoát khỏi, các phiền não cũng như vậy, phải biết chúng như kẻ thù.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp:

Tất cả các phẩm sử
Phải biết lập hai loại:
Loại do kiến đế đoạn
Cũng do tư duy đoạn

Nếu có sử thì đều là do thấy đạo mà dứt và tư duy mà dứt, tức từ thấy đạo là kiến đế đoạn, từ tư duy đạo là tư duy đoạn. Trong đó:

Nói hai mươi tám kiết
Là thuộc về thấy khổ
Là ngay khi thấy khổ
Đoạn diệt hết, không sót.
Kiến tập, đoạn: mười chín
Phải biết diệt cũng vậy
Thêm ba, kiến đạo đoạn
Mười nói tư duy đoạn.

Trên đây là chín mươi tám sử đã nói về loại, nay sẽ nói về giới (cõi).

Loại phiền não thứ nhất
Cõi dục, biết có mười
Hai chủng chủng có bảy
Còn tám, kiến đạo dứt

Ở cõi Dục, phải biết
Bốn do tư duy dứt
Còn ở nơi hai cõi
Ấy cũng nên phân biệt.

Ở cõi Dục, phải biết có bốn là tư duy đoạn. Ba mươi sáu sử này là thuộc về cõi Dục, hai cõi còn lại cũng nên phân biệt: Sáu mươi hai sử còn lại trong đó, ba mươi mốt sử thuộc cõi Sắc, ba mươi mốt sử thuộc cõi Vô Sắc.

Đã nói về cõi nay sẽ nói: về các sử.

Thọ biên kiến, tà kiến
Cùng với năm ngã kiến
Hai trộm, phải nên biết
Phiền não này gọi kiến.

Từ nhân tiếp nối nhau, không biết tánh các pháp, trong đó, hoặc có tưởng là thường, hoặc có tư tưởng đoạn. Đoạn, thường là hai bên, Đức Thế Tôn đã nói, trong đó, nếu thấy, thọ một bên gọi là chấp biên kiến, chê bai nghĩa chân thật, kiến này là tà kiến. Nếu loài có tình thức ở trong đó ngu si chấp ngã, đó gọi là thân kiến.

Pháp hữu lậu, thọ nhận kiến chấp bậc nhất này, là trộm kiến, không phải nhân, chấp là nhân chấp này là trộm giới. Năm phiền não này là tánh của tuệ, nên nói là kiến.

Dục do dự, giận dữ
Mạn, si, chẳng phải kiến
Vì là giới khác nhau
Chuyển hành các tên gọi.

Dục do dự, giận dữ, kiêu mạn và ngu si, chẳng phải là kiến. Dục gọi là thọ, niệm, tưởng tư đối với các hành, ưa mê đắm. Do dự, gọi là như đã thấy trước đây, trong đó, hoặc tư duy. Giận dữ, gọi là sở tác, trái nghịch, phẫn nộ. Kiêu mạn là tự đề cao. Si mê là không biết tất cả.

Năm phiền não này, không phải là kiến mà là tất cả các phiền não.

Vì sự khác nhau của giới này, nên chuyển hành các thứ tên gọi.

Nghĩa là mười phiền não này, hoặc từ hành khổ, hoặc từ tập, hoặc từ diệt, hoặc từ đạo, trong đó, nếu từ hành khổ gọi là kiến khổ đoạn, cứ như vậy cho đến đạo, ngoài ra là Tư duy đoạn.

Khổ cõi dưới tất cả
Lìa ba kiến, hành hai
Đạo dứt, trừ hai kiến

Cõi trên không hành sân.

Khổ cõi dưới đối với tất cả, nghĩa là khổ cõi dưới là khổ của cõi Dục, trong đó có mười phiền não. Đối với khổ cõi Dục, kẻ phàm phu vì không hiểu rõ nhân nên chấp đoạn. Vì không biết rõ quả, nên chấp thường. Đó là thứ tà kiến chê bai quả, chê bai khổ.

Khổ thọ là trộm kiến bậc nhất, nghĩa là pháp đối với pháp, không phải nhân, mà chấp là nhân, đó là trộm giới. Tự chấp, muốn cho người khác chấp, sự tức giận từ kiến chấp, hoặc do nghi ngờ, tự chấp, tự cao, kiêu mạn, không hiểu rõ vô minh.

Lìa ba kiến, hành hai, nghĩa là tập và diệt, mỗi thứ đều có bảy hành. Hành vi của thân kiến được biểu hiện ở năm ấm. Tập là nhỏ nhặt, không hiện khởi, nên trong đó, không hoạt động. Diệt cũng như vậy.

Thọ lãnh biên kiến, thì cũng hành ở hiện tại. Trộm giới hoạt động ở quả. Biên kiến đó, cũng không phải tập, diệt. Đạo dứt trừ hai kiến, là thân kiến và biên kiến, không hành ở cảnh giới hữu lậu của đạo.

Trộm giới là hành đối với đạo, vì giống như đạo, nên cuối cùng không am hiểu rốt ráo, thậm chí không thấy được chánh đạo.

Ở cõi trên, không có giận như cõi Dục phân biệt. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng vậy, đã trừ bỏ giận. Trong các cõi đó không có giận Ý chỉ mềm mỏng, nhu hòa.

Các kiến và sự nghi ngờ, chẳng phải do tư duy mà dứt. Ngoài ra, ở cõi Dục có bốn do tư duy mà dứt, cõi Sắc có ba, cõi Vô Sắc có hai tư duy mà dứt.

Hỏi: Các cõi đó, duyên với cảnh giới như thế nào?

Đáp:

Phổ biến ở nhân khổ
Nghi, kiến và vô minh
Là hết thảy loại sử
Ưa thích đối tất cả.

Thấy khổ đoạn chủng và thấy tập dứt nghi, kiến và vô minh. phiền não này là cùng khắp. Tất cả năm thứ, đều có ở địa mình. Vì sao? Vì hết thảy pháp hữu lậu là tánh của khổ, tập.

Hỏi: Vì sao chỉ hoạt động ở địa mình mà không phải ở địa khác?

Đáp: Vì không phải là cảnh giới của mình, nên không có ở địa trên. Vì lìa sự ham muốn, nên không có ở địa dưới. Đó gọi là cõi Dục, có mười một phiền não cùng khắp tất cả, cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng vậy.

Ngoài ra, vì cảnh giới của chủng loại mình không khắp tất cả.

Năm thứ phiền não đầu
Bốn gọi là thứ hai
Cảnh giới ở cõi trên
Không rời tuệ mà nói.

Do thấy khổ mà dứt tà kiến ở cõi Dục, chê bai khổ của cõi Sắc, cõi Vô Sắc và trộm kiến. Thọ lãnh trộm giới thứ nhất, thọ lãnh phương tiện giải thoát, nghi hoặc vô minh không hiểu rõ.

Thấy tập dứt tà kiến. Chê bai nhận cõi Sắc, cõi Vô Sắc là trộm kiến. Đối với nhân, thọ lãnh sự nghi ngờ thứ nhất, nghi hoặc vô minh không hiểu rõ.

Tất cả địa của cõi Sắc, cõi Vô Sắc là như vậy, cho đến Vô sở hữu xứ.

Tà, nghi là câu sinh
Và vô minh không chung
Đạo ngừng dứt hai đoạn
Phải biết duyên vô lậu.

Thấy diệt, đoạn tà kiến, chê bai diệt, là vì duyên với diệt, nên duyên với vô lậu. Như vậy, sự nghi hoặc đối với diệt và vô minh, tương ưng với sự nghi ngờ đó, duyên với vô lậu.

Như vậy, thấy diệt là dứt, vô minh không chung, nghĩa là không muốn Niết-bàn. Thấy diệt đó cũng duyên với vô lậu, thấy đạo đoạn cũng giống như vậy. Mười tám sử này, duyên với vô lậu.

Hỏi: Thế nào là chủng loại hữu lậu bị các sử ràng buộc?

Đáp:

Nếu chủng loại cõi Dục
Tất cả các sử khắp
Duyên buộc với cõi Sắc
Ở cõi trên cũng vậy.

Tất cả các sử khắp, là duyên với hết thảy chủng loại sử trong địa mình.

Các kiết sử khác đó
Nên biết tự chủng duyên
Đã khiến ở cõi mình,
Và là phẩm tương ưng.

Các kiết, sử khác, phải biết nó tự duyên với chủng loại của mình, đã sai khiến ở cõi của mình, nghĩa là tất cả sử không cùng khắp, duyên với các pháp trong chủng loại mình, tức là đã bị sai khiến do các pháp đó và là

phẩm tương ưng, thì tất cả cùng khắp và tất cả không cùng khắp, là hết thảy đối tượng sai khiến, đều tương ưng trong phẩm mình.

Nếu hành trong vô lậu
Địa khác duyên phiền não
Sử là chỗ tương ưng
Là cảnh giới giải thoát.

Nếu vô lậu đã hành và địa khác duyên lấy phiền não, là đã bị tương ưng sai khiến đó. Nghĩa là nếu sử duyên lấy vô lậu và duyên lấy địa trên thì sự tương ưng của phẩm mình đã bị sai khiến, chứ chẳng phải duyên lấy sử. Vì sao? Vì sự giải thoát của cảnh giới. Sử này không ràng buộc cảnh giới, vì các pháp vô lậu, đã giải thoát hết thảy phiền não. Các pháp của địa trên, giải thoát phiền não của địa dưới.

Hỏi: Sử này phải gọi là bất thiện hay vô ký?

Đáp:

Kiến, biên kiến thân ta
Đây tương ưng Vô minh
Vô ký trong cõi Dục
Tất cả Sắc, Vô Sắc.

Thân kiến, biên kiến của mình, vô minh tương ưng với các kiến này, là vô ký trong cõi Dục, nghĩa là thân kiến, biên kiến của cõi Dục và vô minh của sự tương ưng là vô ký. Vì sao? Vì thân kiến của mình thường hoạt động.

Nếu là người bất thiện, thì chúng sinh cõi Dục, lẽ ra không có niềm vui, vì thường làm việc bất thiện. Lại nữa nếu người bất thiện, trong đây chấp ngã nhân thực hành phước khiến ngã được vui bất thiện trái với thiện, vì lẽ đó, nên thân kiến không phải bất thiện.

Đoạn kiến là chấp vô thường, chán ghét sự sống chết, quan niệm này cũng không phải bất thiện. Thế nên, không phải bất thiện, là chấp có thường, cũng không trái với điều thiện, như thân kiến, cho nên không phải bất thiện. Ngoài ra, phiền não cõi Dục hoàn toàn là bất thiện.

Tất cả Sắc, Vô Sắc nghĩa là các sử của cõi Sắc, cõi Vô Sắc thảy đều là vô ký. Vì sao? Vì là đối tượng hoại của chánh thọ.

Bất thiện là lãnh báo khổ thọ, trong cõi Sắc, cõi Vô Sắc không có khổ thọ!

Hỏi: Tất cả các phiền não đều ràng buộc cảnh giới mà mình có hay không?

Đáp:

Tham dục, giận kiêu mạn
Biết hoặc Quá khứ buộc
Vị lai nhận hết thảy
Hai đời khác thọ hết.

Tham dục, giận dữ, khinh mạn, biết nghi hoặc là sự ràng buộc của quá khứ, nghĩa là yêu, tức giận, ngạo mạn của quá khứ thì không hẳn khởi sự yêu đối với tất cả cảnh giới trước. Không có khả năng khởi hiện trước đối với tất cả pháp, vì chẳng phải do không chấp mà sinh.

Vị lai thọ lãnh tất cả, nghĩa là sự yêu, tức giận, ngạo mạn ở vị lai đều ràng buộc tất cả pháp hữu lậu. Vì sao? Vì duyên với tất cả hữu lậu.

Hai đời còn lại đều thọ lãnh, là kiến chấp, nghi ngờ và vô minh đều duyên tất cả pháp. Thế nên, chúng ràng buộc các pháp hữu lậu của quá khứ, vị lai. Sử ở hiện tại, vì không nhất định, nên không nói. Nếu có, là sự nhận lãnh cụ thể (tướng riêng), và sử đó, nên nói là như quá khứ.

Đã nói. Về cảnh giới của sử, thứ lớp này sẽ nói:

Thứ lớp chuyển biến sinh
Tự địa đối tự địa
Địa trên sinh địa dưới
Việc này nên phân biệt.

Theo thứ lớp sự chuyển biến sinh ở địa mình đối với địa mình, Nghĩa là tất cả các phiền não, đều tuần tự, duyên với phiền não của địa mình, có thể được mỗi mỗi thứ lớp sinh tất cả.

Địa trên cũng sinh địa dưới, việc này sẽ phân biệt, tức là trên trời Phạm chết đi, theo thứ lớp sinh tất cả cõi Dục. Nếu với tâm cấu uế trong cõi Dục kia, chết đi thì trong đó vẫn một mực với tâm cấu uế nối tiếp nhau, tất cả địa đều như vậy.

Đã nói tự tướng của các sử. Phiền não này, Đức Thế Tôn khi giáo hóa đã nói có nhiều thứ. Nay sẽ phân biệt.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có bảy sử: Ham muốn, yêu, tức giận, ngạo mạn, kiến, nghi và vô minh. Các sử này thế nào?

Đáp:

Năm thứ dục Cõi Dục
Đó là dục, ái, sử
Sắc, Vô Sắc như trên
Có ái sẽ phân biệt.

Năm thứ dục cõi Dục. Đó là dục sử ái, là thấy khổ, tập, diệt, đạo và tư duy mà đoạn.

Sắc, Vô Sắc như trên, có ái sẽ phân biệt. Nghĩa là ái cõi Sắc có năm thứ, cõi Vô Sắc cũng vậy.

Nhuế tức là sử giận Năm thứ, như trước nói Kiêu, mạn và vô minh Mười lăm ở ba cõi.

"Nhuế tức là sử giận, năm thứ như trước nói", nghĩa là sự giận dữ cũng có năm thứ như vậy. "Kiêu mạn và vô minh, mười lăm ở ba cõi," nghĩa là sự ngạo mạn của cõi Dục có năm thứ, cõi Sắc có năm thứ, cõi Vô Sắc cũng có năm thứ. Vô minh cũng vậy.

Sử kiến ba mươi sáu
Nói ở khắp ba cõi
Sử, nghi có mười hai
Bảy sử có tên khác.

Sử kiến có ba mươi sáu, nó ở khắp ba cõi, nghĩa là cõi Dục có mười hai kiến với năm kiến khổ đoạn, hai kiến tập đoạn, hai kiến diệt đoạn, ba kiến đạo đoạn. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy.

Sử nghi có mười hai, nghĩa là cõi Dục có bốn: kiến khổ, tập, diệt, đạo dứt. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy. Bảy sử nghi này có tên khác, nghĩa là phiền não này còn được gọi là ách, thọ, lưu, lậu.

Hỏi: Vì sao?

Đáp:

Ách buộc và thọ lưu
Lậu hết thảy không cùng
Các ách và thọ, lưu
Phiền não gọi là lậu.

Vì trói buộc tất cả chúng sinh, nên nói là ách. Vì thọ sanh đầy đủ nên nói là thọ. Vì cuốn trôi hết thảy chúng sinh đi xuống, nên nói là dòng chảy (lưu). Vì lậu, tất cả đều không cùng tận, nên nói là lậu.

Đã nói các thứ tướng của sử, nay sẽ nói về: Căn tương ưng với sử.

Các sử ở ba cõi
Đều tương ưng căn hộ (xả)
Theo địa, sử các căn
Tương ưng với Sắc hữu.

Các sử ở ba cõi đều tương ưng với hộ căn (xả căn), nghĩa là tất cả chín mươi tám sử đều tương ưng với hộ căn. Các phiền não lúc sau này, đều căn cứ ở sự không mong cầu mà ngừng dứt. Sử của các căn, đều tùy thuộc vào địa, mà tương ưng với hữu của cõi Sắc. Trời Phạm và Quang

Diệu đều có hỷ căn. Các sử của địa đó, đều tương ưng với hỷ căn và

hộ căn. Biến Tịnh có lạc căn, các sử của địa đó, đều tương ưng với lạc căn và hộ căn.

Tà kiến và vô minh
Vui, khổ trong cõi Dục
Giận, nghi chỉ có khổ
Còn lại hoàn toàn vui.

Tà kiến và vô minh, vui, khổ trong cõi Dục: Nghĩa là tà kiến, vô minh của cõi Dục đều tương ưng với lạc căn. Và khổ tà kiến là lấy nghiệp ác làm mừng, nghiệp, tịnh làm lo buồn, những nghiệp đó đều tương ưng với vô minh cũng vậy.

Sự giận dữ, nghi hoặc chỉ có khổ, nghĩa là nỗi hoài nghi và lo buồn là gốc, không quyết định. Không vui, giận dữ cũng vậy. Nói còn lại là hoàn toàn vui nghĩa là các sử còn lại của cõi Dục một hướng tương ưng với vui, chứ không phải khổ. Nó là gốc của hoan hỉ.

Hai huân dính chặt vào thân
Kiến đoạn, chỉ với ý
Các phiền não cõi Dục
Căn này là tương ưng.

Hai căn được huân tập, dính chặt vào thân, gọi là các phiền não, do tư duy đoạn phiền não kia tương ưng với thân thọ và tâm thọ, trong đó, thân thọ là lạc căn và khổ căn. Tâm thọ là hỷ căn và ưu căn đều đi chung

Hộ căn là tất cả thân thọ, do ý tư duy đều có chung.

Kiến đoạn chỉ ứng với ý, là kiến đế dứt kiết, chỉ tương ưng với ý.

Đối với các phiền não cõi Dục, căn này là sự tương ưng. Đấy gọi là các phiền não cõi Dục.

Đã phân biệt căn tương ưng với phiền não. Nay sẽ nói: Các phiền não trên.

Không hổ, cũng không thẹn
Thùy hối cùng với xan
Tật, trạo, miên phiền nhiều
Nên lập phiền não trên.

Tám việc này, là nói phiền não trên các sử là phiền não. Trong đó, phiền não từ đây sinh khởi gọi là trên. Tức là sử cấu uế này dựa vào sử.

Hỏi: Sao gọi là sử cấu uế?

Đáp:

Đều có các phiền não,
Nói Thùy...cùng với Trạo

Không hổ, cùng bất thiện
Không thẹn cũng như vậy.

" Đều có các phiền não, nói Thùy cùng với Trạo" là nói Trạo tức ở tâm không ngừng dứt, nó tương ưng với hết thảy phiền não. Phiền não là sự không ngừng dứt, Miên là ngủ dù gọi là ý hôn trầm, nhưng sự ngủ đó, cũng tương ưng với tất cả phiền não, vì tâm hôn trầm sinh ra phiền não.

"Không hổ cùng bất thiện, không thẹn cũng như vậy": Không hổ là lúc làm ác, không biết xấu hổ với người khác. Không thẹn là việc tự làm ác không biết nhàm chán, không biết xấu hổ. Hai thứ này là phiền não trên, hoàn toàn tương ưng với bất thiện, không phải vô ký.

Gọi khổ ở trong ý,
Hối do tư duy đoạn
Ngủ nghỉ, ý ham muốn
Ngoài ra đều tự lập.

"Nói khổ, ở trong ý, hối do tư duy đoạn". Hối là hối tiếc, tức khi làm lành, làm ác không thành thì hối tiếc. Không thể nói là vui mừng, vì nó hoàn toàn tương ưng với khổ, là tương ưng với ưu căn của ý, vì đều từ hành vi ác mà sinh. Cho nên nói tư duy, đoạn. Vì tương ưng với khổ nên biết là ở cõi Dục. Ngủ nghĩ ham muốn, là vì lúc ngủ đóng bít ý, nên ngủ là hoàn toàn do lĩnh vực ý ở cõi Dục.

Sự ngủ nghĩ kia luôn tương ưng với tất cả phiền não của cõi Dục và hết thảy các phiền não, đều hoạt động vào lúc ngủ. Ngoài ra, các phiền não khác đều tự kiến lập, nghĩa là ngoài hai phiền não trên, còn có Xan và Tật. Tật là ganh ghét, thấy người khác vui mà sinh nóng, tức Xan là keo kiệt là giữ chặt, luyến tiếc, mê đắm. Hai phiền não này đều tự mình tạo lập, không tương ưng với phiền não khác.

Hỏi: Các phiền não tương ưng với bao nhiêu thức?

Đáp:

Dục, sân khuể, vô minh
Nên biết dựa sáu thức
Dục do tư duy đoạn
Trong Sắc tùy thuận được.

Phải biết ham muốn, giận dữ, vô minh đều dựa vào sáu thức. Ham muốn do tư duy đoạn là cõi Dục do tư duy mà đoạn. Ái, tức giận, vô minh đều tương ưng với sáu thức.

Trong cõi Sắc thì tùy theo cõi mà được, nghĩa là ái, vô minh đều tùy thuộc vào cõi Sắc mà có được. Bốn thức trên của trời Phạm. Trong cõi đó,

hai phiền não này, tương ưng với bốn thức, các phiền não khác đều ở trong ý thức.

Đã nói các phiền não. Như đối tượng dứt, nay sẽ nói:

Một lúc dứt phiền não
Giải thoát ngay trong đó
Vô lượng thời mới được
Do bậc Chánh trí nói.

"Một lúc dứt phiền não mà giải thoát trong đó" tức là phiền não này, trong đạo vô ngại, dứt cùng lúc, chứ không phải đã dứt rồi lại dứt nữa!

"Trong vô lượng thời gian mà được, do bậc chánh trí nói," nghĩa là các phiền não này, đều được dứt hết, thường như do thấy đạo mà dứt ở cõi Dục. Trong năm thời được dứt hết các phiền não, chứng được tự phần và bốn quả Sa-môn. Như thế, tất cả như trong phẩm Hiền Thánh nói.

Giải thoát trong cõi Dục
Thánh nói bốn trí đoạn
Lìa cõi Sắc, Vô Sắc
Phải biết năm trí đoạn.

Dứt hết không còn sót, gọi là trí đoạn. Trong đó, nếu cõi Dục thấy Khổ, Tập mà dứt, hoặc dứt hết được giải thoát không còn sót đó là một trí đoạn. Thấy Diệt đoạn là hai, thấy Đạo đoạn là ba, Tư duy đoạn là bốn. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc thấy khổ, tập dứt, là một trí đoạn, thấy Diệt đoạn là hai, thấy Đạo đoạn là ba, cõi Sắc Tư duy đoạn là bốn, cõi Vô Sắc Tư duy đoạn là năm.

Hỏi: Vì sao dứt gọi là trí dứt?

Đáp: Vì quả của trí, nên nói là trí dứt. Như sinh trong họ Cù-đàm cũng gọi là Cù-đàm, trí đoạn này cũng như vậy.

Hỏi: Các sử này tương ưng hay không tương ưng với tâm?

Đáp: Tương ưng. Vì sao?

Tâm là sử phiền não
Làm ngăn ngại tánh tịnh
Trái với thiện có được
Biết là tương ưng sử.

Tâm là sử phiền não: Nghĩa là nếu tâm không tương ưng với sử, thì tâm không bị phiền não. Nếu tâm phiền não thì sẽ tương ưng với sự chướng ngại. Nếu tâm không tương ưng với sử thì không chướng ngại các pháp thiện. Nếu chướng ngại, thì pháp thiện sẽ không phát sinh. Còn nếu không chướng ngại, thì pháp thiện sẽ phát sinh, cho nên tương ưng với tịnh

Trái nghịch với điều thiện tốt đẹp có thể được, nghĩa là nếu sử không tương ưng, thì sẽ không trái với điều thiện. Nếu không trái với điều thiện, tất nhiên tâm thiện cũng phát sinh. Nếu không trái nhau, thì tánh của phiền não này, cũng không gây ra tai hại. Nếu trái nhau thì thường tùy thuộc vào nhau, không phát sinh việc thiện. Không tùy thuộc nhau mới phát sinh điều thiện. Vì việc này, nên tương ưng với sử.

Phẩm 5: HIỀN THÁNH

Đã nói về phẩm Sử rồi, bây giờ sẽ nói về phẩm Hiền Thánh.

Như Thánh này dứt nhọc
Là gốc các thứ sợ
Phương tiện đẳng, chánh trí
Nay nói, hãy lắng nghe.

Nếu tâm không dừng lại; sẽ không có khả năng phát khởi chánh kiến, cho nên:

Bắt đầu ở tự thân
Buộc tâm khiến cho định
Cũng phải buộc chân thức
Diệt hết thù phiền não
Là phương tiện, đối thân
Tướng chân thật thường, định
Các thọ và tâm này
Pháp cũng quán như vậy.

Tướng bất tịnh, tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã của thân này là tướng nhất định chân thật. Tự thân ấy phải trói buộc tâm vào một chỗ, xa lìa tâm rối loạn. Đầu tiên là chân thật quán tướng của thân, kế là quán thọ, sau là quán tâm, bao gồm bạn bè của tâm, chỗ dựa của tâm đó, và tâm số pháp khác tương ưng, mà quán; cũng như quán các tâm bất tương ưng hành, như tánh của tâm đó, như tướng của tâm đó vốn có.

Như vậy, ý chỉ của thân, thọ, tâm, pháp kia, đều theo trình tự sinh ra.

Vào trong pháp, quán tổng
Đồng quán tướng các pháp
Bốn quán là: vô thường
Không, vô ngã, chẳng vui (khổ).

"Vào trong pháp quán tổng, đồng quán tướng các pháp" nghĩa là hội nhập các pháp, ý dừng lại trong đó, các bậc Thánh kia, quán chung các hành tướng, quán các hành tướng rồi, tăng trưởng sự dừng lại của tâm phát sinh mắt trí không nhơ, quán chung tất cả thân, thọ, tâm, pháp.

Hỏi: Quán như thế nào?

Đáp: Bốn quán là Vô thường, Không, Vô ngã, Chẳng vui.

Thân, thọ, tâm pháp này, đều lần lượt phát sinh lẫn nhau nên vô thường. Vì không tự tại, cho nên là không, vì chẳng phải chủ, cho nên vô ngã. Vì tai hại, độc ác, cho nên khổ.

Từ đây gọi pháp noãn
Tức là sinh trong ý
Hạnh là mười sáu hạnh
Chánh quán bốn chân đế.

Từ đây được gọi là pháp noãn, tức là sự sinh ra trong ý, nghĩa là các Thánh quán như vậy, sinh ra pháp noãn thiện, trong đó, sẽ phát sinh lửa trí vô lậu, có khả năng đốt cháy hết thảy củi hành.

Hỏi: Kia là hành gì? Thuộc cảnh giới nào?

Đáp: Hành là mười sáu hành, chánh quán bốn chân đế, hành đó là cảnh giới của mười sáu hành. Bốn chân đế, bốn hành, quán khổ đế, thì khổ này có tính yếu kém, vì từ nhân duyên sinh, nên vô thường. Vì bị sức của vô thường làm hư hoại, nên khổ. Vì bên trong lìa bỏ con người, nên không. Vì không tự tại, nên vô ngã.

Bốn hành quán tập, thì tập này gây thành quả tương tợ, nên gọi là nhân. Vì hành nối tiếp nhau, nên gọi là Tập. Vì tất cả sự sống, chết không cùng tận, có thể nắm bắt, nên gọi là hữu. Vì việc không giống nhau, mà nối tiếp nhau cho nên duyên.

Bốn hành quán diệt, thì diệt này che lấp hết tất cả hoạn nạn, cho nên là diệt. Vì dập tắt tất cả ngọn lửa phiền não, cho nên là chỉ. Vì hơn tất cả pháp, cho nên là diệu. Vì xả sống chết nên là ly.

Bốn hành quán đạo, thì đạo này cùng cực không phải phẩm, nên gọi là Đạo, vì không phải điên đảo, nên gọi là Như. Vì tất cả bậc Thánh đã đi qua, nên gọi là Tích (dấu vết). Vì tai họa sinh tử di chuyển ra ngoài nên gọi là Thừa. Do vậy gọi hành kia là cảnh giới của mười sáu hành. Căn thiện của bốn chân đế gọi là pháp noãn.

Pháp Noãn đã thành lập Sinh Đảnh và đến Nhẫn Được pháp Thế đệ nhất Nương dựa vào một tướng.

Noãn khởi sự đã thành lập, sinh Đảnh rồi đến Nhẫn, nghĩa là nếu đã thành lập pháp Noãn rồi, ở trong đó lại phát sinh căn thiện cõi Dục như Đảnh, cũng với mười sáu hành, quán bốn chân đế, vì tốt đẹp hơn pháp Noãn, nên nói là Đảnh. Đã tăng thượng Đảnh thì sinh ra căn thiện, nên gọi là Nhẫn, cũng với mười sáu hành, quán bốn chân đế, vì có khả năng chịu đựng nên gọi là Nhẫn. Nếu nhẫn đã được thành lập, sẽ được pháp thế đệ nhất, nương vào một tướng và phát sinh căn thiện tốt đẹp hơn hết, trong tất cả công đức thế tục, gọi là pháp bậc nhứt thế gian, mở rộng cổng Niết-bàn. Vì hơn hết trong ý của phàm phu, nên nói là pháp bậc nhất.

Hỏi: Vì sao nói nương vào một tướng?

Đáp: Trong ý của phàm phu không có so sánh hai công đức. Nếu có, thì lẽ ra phàm phu kia cũng mở cửa Niết-bàn, mà đã không mở, do vậy mới nói là nương vào một tướng.

Hỏi: Có bao nhiêu hành kia? Duyên với cái gì? Và thuộc về địa nào?

Đáp:

Hành khổ có bốn hành
Nói gồm nhiếp sáu địa.

Hành khổ kia là hành khổ duyên với khổ đế, không phải hành khác. Bốn hành nghĩa là cảnh giới của hành khổ đế, vô thường đứng đầu. Vì sao? Vì tâm vô lậu đầu tiên, duyên với khổ đế kia, cũng giống như vậy.

Nói là gồm nhiếp sự nương dựa vào sáu địa, nghĩa là pháp vô lậu kia gồm nhiếp đối với sáu địa, thiền vị lai, thiền trung gian, bốn thiền căn bản chứ không phải cõi Dục là cõi không nhất định, không phải cõi Vô Sắc là không kiến đạo.

Hỏi: Căn thiện khác thuộc về địa nào? Đáp:

Nhẫn cũng gồm sáu địa Còn lại thì dựa bảy.

Nhẫn cũng gồm nhiếp sáu địa, nghĩa là đế - thuận - nhẫn thuộc về sáu địa, như pháp bậc nhất của thế gian.

Ngoài ra, phải dựa vào bảy địa, nghĩa là Noãn và Đảnh thuộc về bảy địa. Tức sáu địa này cõi Dục. Chưa dứt trừ dục là cõi Dục, đã trừ dục là cõi Sắc.

Kế pháp thế đệ nhất
Sẽ hưng khởi pháp nhẫn
Kế Nhẫn sinh ra trí
Đều quán cả khổ dưới.

Kế pháp thế đệ nhất sẽ hưng khởi pháp nhẫn, nghĩa là theo trình tự

của pháp bậc nhất thế gian, là phát sinh pháp nhẫn vô lậu, gọi là khổ pháp nhẫn.

Hành giả kia chưa từng quán, nay lúc quán thì nhận lấy, giữ gìn nên gọi là nhẫn. Đấy gọi là đạo vô ngại vô lậu đầu tiên.

Kế nhẫn là phát sinh trí, nghĩa là theo thứ tự, nhẫn kia sinh ra khổ pháp trí, đồng cảnh giới, thọ nhận đạo giải thoát có tánh chân thật.

Hỏi: Nhẫn và trí kia duyên với cái gì?

Đáp: Cả hai đều quán về khổ cõi dưới, khổ cõi dưới là khổ cõi Dục, nhẫn, trí kia đồng duyên.

Khổ trên cũng như vậy Nhân diệt, đạo cũng thế Là chánh quán các pháp Nói mười sáu tâm tịnh.

Khổ trên cũng như vậy, khổ trên là khổ cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Nỗi khổ của hai cõi đó cũng như vậy, là sinh nhẫn đạo vô ngại, trí đạo giải thoát. Nhẫn khổ chưa biết và trí khổ chưa biết. Nhân là tập đế. Nhân đó, cũng phát sinh bốn đạo như vậy Như nhẫn khổ tập pháp, trí tập pháp, nhẫn tập chưa biết, trí tập chưa biết. Diệt cũng sinh bốn đạo như thế. Tức là nhẫn diệt pháp, trí diệt pháp, nhẫn diệt chưa biết, trí diệt chưa biết. Đạo cũng như vậy, tức phát sinh bốn đạo: nhẫn đạo pháp, trí đạo pháp, nhẫn đạo chưa biết, trí đạo chưa biết. Đó gọi là chánh quán các pháp.

Nói mười sáu tâm tịnh nghĩa là thấy pháp, thấy pháp, nghĩa là chánh quán, là tên khác của thấy.

Pháp hành căn nhạy bén
Căn này mười lăm ý
Trong đây thấy chậm chạp
Ấy là từ Tín hành.

Căn cơ nhạy bén từ pháp hành, căn này ở mười lăm ý, nghĩa là trong khoảng mười lăm tâm kia, nếu là căn cơ nhạy bén thì nói là từ pháp hành. Trong đây thấy chập chạp ấy là từ Tín hành, nghĩa là trong khoảng mười lăm tâm kia, nếu là căn cơ chậm lụt thì nói là từ Tín hành.

Chưa lìa dục cõi Dục Hướng về quả đầu tiên Bỏ sáu hướng đến hai Ba hướng chín vô lậu.

Chưa lìa bỏ dục cõi Dục, hướng về quả đầu tiên, các căn kia từ tín hành và từ pháp hành, lúc hướng đến quả Sa-môn, nếu chưa lìa dục thì đều hướng đến quả Tu-đà-hoàn.

Bỏ sáu hướng đến hai, nghĩa là phiền não cõi Dục có chín thứ: Vi vi, vi trung, vi thượng, trung vi, trung trung, trung thượng, thượng vi, trung

thượng, thượng thượng. Nếu lúc phàm phu đã lìa bỏ sáu thứ phiền não, sau đó nếu họ hướng về sự tu chứng, thì đều hướng về quả thứ hai.

Ba hướng chín vô lậu, nghĩa là đã lìa bỏ chín thứ, đều hướng về quả A-na-hàm.

Nếu đến mười sáu tâm
Thì gọi trụ ở quả
Tín giải thoát nhuyễn kiến
Kiến đáo nói lợi kiến.

Nếu đến mười sáu tâm, gọi là trụ ở quả. Nghĩa là mười sáu tâm được gọi là trí đạo chưa biết. Tâm tương ưng với trí sinh rồi, nói là trụ ở quả. Chưa từng lìa bỏ sự ham muốn của cõi Dục, đều có Tu-đà-hoàn. Đã từng xa lìa sáu phẩm, đều là Tư-đà-hàm, lìa hết chín phẩm đều là A-na-hàm.

Tín giải thoát, là nhuyễn kiến (thấy yếu ớt). Kiến đáo, nói là lợi kiến. Nghĩa là nếu hành giả kia lúc hướng đến quả từ Tín hành độn căn thì gọi là tín giải thoát. Nếu từ pháp hành lợi căn, thì đó là kiến đáo.

Chưa hết tư duy đoạn Cực sinh bảy sinh tử Gia gia có ba tận Cùng ở quả đạo tích.

Chưa hết tư duy đoạn rốt sinh trong sinh tử bảy lần, nghĩa là Tín giải thoát và kiến đáo, chưa lìa phiền não do tư duy đoạn của cõi Dục, là bảy lần sinh trong sinh tử. Tu-đà-hoàn, kia có bảy lần, sinh lên cõi trời và trong loài người, nên nói là tối đa sinh bảy lần trong sinh tử.

Gia gia có ba thứ dứt sạch, nghĩa là nếu ba thứ dứt hết: Thượng vi, thượng trung, thượng thượng, thì đó gọi là Gia gia. Trên cõi trời và trong loài người, Tu-đà-hoàn kia, hoặc sinh hai nhà, hoặc sinh ba nhà. Về sau, nhập Niết-bàn, nên gọi là Gia gia.

Đều là quả ở đạo tích, là cùng cực bảy hữu và Gia gia, nên nói là đều trụ Tu-đà-hoàn.

Sáu hết, một qua lại Lìa tám, nói một chủng Chín diệt hết, Bất hoàn Ra khỏi bùn dục nhơ.

Sáu thứ dứt hết, một lần qua lại, nghĩa là nếu dứt hết sáu thứ: Ba thứ trên, ba thứ giữa là Tư-đà-hàm. Còn lại kia, một lần sinh lên trời, một lần sinh trong loài người, một lần qua lại, rồi nhập Niết-bàn, nên gọi là Tư-đà-hàm.

Lìa tám phẩm gọi là một chủng, nghĩa là nếu tám phẩm đều dứt hết thì đó là một chủng.

Còn lại kia, nghĩa là vì chỉ có một lần sinh, không có lần nào khác,

nên nói là một chủng.

Chín phẩm diệt hết không trở lại, nghĩa là nếu tất cả chín phẩm đều dứt hết thì là A-na-hàm, quả vị đó không còn trở lại cõi Dục nữa, nên gọi là A-na-hàm. Vì sao? Vì họ đã thoát khỏi bùn dục nhơ uế.

Chín phiền não như vậy
Nếu ở tám địa trên
Hai đạo kia đã diệt
Ấy, do Thế Tôn nói.

Chín phiền não như vậy, nếu ở tám địa trên, nghĩa là như chín thứ phiền não cõi Dục, Noãn nhuyễn đến cõi trên, cõi trên trên, cũng như vậy. Tám địa trên là Phạm thế, Quang Diệu, Biến tịnh, Quả thật, Vô lượng Không xứ, Vô lượng Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Hai đạo kia đã diệt mất, ấy là do Đức Thế Tôn nói, nghĩa là tất cả phiền não cõi Dục này và song đạo của cõi Sắc, cõi Vô Sắc đã diệt mất, vì đạo vô ngại diệt, được chứng đạo giải thoát.

Hỏi: Đạo này là thế tục hay vô lậu?

Đáp:

Đạo có nhơ, không nhơ
Có thể lìa tám địa
Trụ đó gọi thân chứng
Là được định Diệt tận.

Địa của cõi Dục có một, địa của cõi Sắc có bốn, địa của cõi Vô Sắc có ba, cũng là đạo thế tục diệt mất, cũng là vô lậu. Phàm phu từ đạo thế tục, mà còn được xa lìa, huống chi là trụ trong Hiền Thánh, cho nên nói là thân chứng.

Được gọi là định Diệt tận, nghĩa là trụ trong tám địa, không ham muốn, gọi là học được định Diệt tận đó là thân chứng. Vì sao? Vì pháp giống với Niết-bàn, mà chính thân đã tiếp xúc, nên nói là thân chứng.

Sau định Kim Cương dụ
Phải đạt được tận trí
Sinh ý: Sanh tử hết
Là lìa tất cả lậu.

Sau định Kim Cương dụ thì sẽ đạt được tận trí, nghĩa là định Kim Cương dụ gọi là Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Lúc lìa bỏ sự ham muốn, trong tâm học sau cùng của đạo vô ngại thứ chín, ở đó tất cả các phiền não, đều dứt hết, không sót, tất cả hạnh Thánh đều rốt ráo, nên nói là Tam-ma-đề Kim Cương dụ.

Theo thứ lớp sinh Tận trí trí vô học đầu tiên, nảy sinh ý: sanh tử của ta chấm dứt, xa lìa tất cả lậu. Nghĩa là hành giả phát sinh ý quyết định: hết thảy đời sống của ta đều dứt hết. Hành giả lúc đó không còn mê đắm, giải thoát tất cả lậu.

Hỏi: Không mê đắm có bao nhiêu thứ?

Đáp:

Không đắm, có sáu thứ
Từ tín, sinh ra năm
Chứng được hai thứ trí
Phải biết thời giải thoát.

Không mê đắm có sáu thứ, nghĩa là Đức Thế Tôn nói có sáu thứ vô trước (A-la-hán): Thối pháp, Niệm pháp, Hộ pháp Đẳng trụ, Thăng tấn và pháp Bất động pháp. Trong các loại đó, nếu trí chậm và tiến chậm thì bị thối lui. Vì là thối lui nên nói là Thối lui pháp. Nếu trí chậm và tiến chậm thường là thân làm ác, thân làm ác rồi tâm nhớ nghĩ, nên nói là pháp nhớ nghĩ. Chán ghét cái thân này, chán ghét rồi nảy sinh ý nghĩ hủy hoại thân, cho nên nói Niệm pháp.

Trí chậm mà tinh tiến rộng, thì sức tinh tiến thường tự giữ được tâm, nên nói là Hộ pháp. Trí trung bình và đều tinh tiến không thêm, không bớt v.v... trụ ở trung đạo, nên nói là Đẳng tru. Vì trí hơi nhạy bén mà tinh tiến rộng, tất nhiên được bất động, nên nói: Thăng tấn, vì lợi trí và sức tinh tiến rộng, thì bắt đầu được bất động, nên nói là Bất động. Từ đức tin, sinh năm, chứng được hai trí, nghĩa là trong đó, năm đã từng từ tín hành. Năm loại có hai trí là Tận trí và các kiến của Vô học. Phải biết thời giải thoát là người kia, phải biết thời giải thoát, mà mong cầu thời gian, không có khả năng theo sự mong muốn học hỏi điều thiện bất cứ lúc nào mà giải thoát.

Bất động pháp lợi căn
Là bất thời giải thoát
Đạt được cả ba trí
Thành tựu đẳng giải thoát.

Bất động pháp lợi căn là bất thời giải thoát, nghĩa là hoàn toàn căn cơ nhạy bén là loại Bất động pháp Bất thời giải thoát kia, có khả năng tùy ý mình, muốn được học hỏi điều thiện, bất cứ lúc nào. Không cần mong cầu. Đạt được cả ba trí, nghĩa là bất thời giải thoát kia, có ba trí, là Tận trí, Vô sinh trí và các kiến của Vô học.

Thành tựu đẳng giải thoát, là nói năm loại vô trước thời giải thoát này, là thành tựu các ý giải thoát. Nói Bất động pháp là thành tựu giải thoát

bất động.

Phải biết Tuệ giải thoát Không được định Diệt tận Chỉ có Câu giải thoát Thành tựu định Diệt tận.

Phải biết Tuệ giải thoát là không được định Diệt tận. Nghĩa là sáu thứ vô trước này nếu không thành tựu định Diệt tận, thì đó là nói tuệ giải thoát, là do năng lực của tuệ mà giải thoát, chứ không phải do năng lực của định. Chỉ có Câu giải thoát là thành tựu định Diệt tận. Nghĩa là nếu sáu thứ vô trước này, được định Diệt tận, thì gọi là Câu giải thoát. Sáu thứ vô trước kia, đều có hai năng lực của tuệ giải thoát và năng lực của định.

Đã nói về Hiền Thánh, nay sẽ nói: về người và pháp:

Từ các pháp Tín hành
Và từ pháp Pháp hành
Thánh đạo, kiến đế đạo
Là đều đồng một tướng.

Từ pháp Tín hành, từ pháp Pháp hành, là nói về Kiến đạo.

Pháp căn trong kiến đạo
Gọi là Vị tri căn
Gọi pháp Hữu học khác
Phật nói Dĩ tri căn.

Các pháp căn trong kiến đạo gọi là Vị tri căn, trong pháp Kiến đạo, gọi là căn căn số như tâm và năm căn như thọ, tín, v.v... đều là Vị tri căn. "Nói pháp hữu học khác, Phật nói Dĩ tri căn" , nghĩa là lìa pháp học của kiến đạo, trong các pháp học khác, tức là căn hữu học kia, Phật gọi là Dĩ tri căn.

Đương tri vô tri căn
Ở ngay trong Vô học
Đã được quả liền xả
Đạo trước cần phải nói.

Đương tri Vô tri căn ở trong Vô học là trong pháp Vô học, căn kia gọi là Vô tri căn. Quả đã được liền xả, đạo trước cần nên nói, nghĩa là pháp vô lậu này, lúc tinh tiến hơn lên sẽ được quả. Xả là thuộc về đạo vô ngại và đạo giải thoát.

Đã dứt, vì giải thoát
Được gồm nhiếp một quả
Không nhơ bẩn. Thứ chín
Diệt tận cần nên nói.

Đã dứt hết, vì giải thoát được gồm nhiếp về một quả, nghĩa là từ đạo

vô ngại đến đạo giải thoát, ở trong khoảng đó, đã dứt hết phiền não, nhưng lúc được quả thì tất cả phiền não hết và được một quả giải thoát không nhơ bẩn. Diệt tận thứ chín, cần nên nói, nghĩa là nói các phiền não chín loại do Đạo diệt không nhơ bẩn nữa, chỉ đạo vô ngại thứ chín, dứt được phiền não trong nhất thời, chứ không phải dần dần.

Nếu có hành tương tợ Thì gọi được bất động Vô trước và tín thoát Đồng tánh đó tăng đạo.

Nếu có hành tương tợ thì gọi đó là có khả năng đạt bất động. Nghĩa là ất cả loại Vô trước không phải đều được tánh bất động, mà loại Thăng tấn được bất động ấy gọi là tương tợ. Vô trước và tín thoát, đồng tánh đó tăng đạo. Nghĩa là tánh của Tín giải thoát hoàn toàn một hướng là thăng tấn, tăng ích các căn kịp được kiến đáo, chứ không phải loại nào khác.

Hỏi: Làm sao biết dần dần thấy đế?

Đáp:

Kiến lập công đức, ác
Thứ lớp thấy chân đế.

Không phải do lúc thấy công đức, mà thấy điều ác, cũng không vì lúc thấy việc ác, mà thấy công đức, cũng không phải lúc đầu quán chung điều ác kia, cũng không phải cùng lúc nhàm chán tất cả, cũng không phải công đức chung, các công đức cũng không phải kết hợp cùng một lúc. Mà là do kiến lập công đức ác thứ lớp thấy chân đế.

Hỏi: Làm sao biết quả của hữu vi, vô vi?

Đáp: Do năng lực của đạo vô ngại mà được quả hữu vi, vô vi. Năng lực của đạo vô ngại thì được quả hữu vi và quả vô vi. Thế nên, do năng lực của đạo vô ngại mà được quả hữu vi, vô vi.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐÀM TÂM

QUYỂN 3

Phẩm 6: TRÍ

Tánh trí tuệ, hiểu rõ Quán sát tất cả hữu Có và không Niết-bàn Tướng ấy nay sẽ nói.

Nghĩa là ở phẩm Hiền Thánh đã nói lược về trí, nay sẽ nói về cảnh giới của trí có, không có:

Ba trí Phật đã nói Ý bậc nhất hơn hết Pháp trí-Vị tri trí Và thế tục đẳng trí.

Ba trí này, gồm thâu tất cả trí. Trong ba trí, Pháp trí gọi là cảnh giới. Cảnh giới của trí vô lậu là khổ, tập, diệt, đạo đối với cõi Dục, là đầu tiên thọ lãnh pháp tướng, nên nói là Pháp trí.

Từ căn của Pháp trí hiện thấy rồi, không phải căn hiện cũng thấy là Vị tri trí, Vị tri trí được gọi là cảnh giới, cảnh giới của trí vô lậu về khổ, tập, diệt, đạo ở cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Do về sau, trí này tiếp nhận pháp tướng, nên nói là Vị tri trí (chưa biết). Đẳng trí được gọi là trí hữu lậu. Trí này chủ yếu phần nhiều nhận lấy sự hiểu biết về các đế, nam, nữ, dài, ngắn ...

Khổ, Tập, Ngưng dứt, Đạo Hai trí có thể được

Đây gọi cùng bốn trí Bậc thầy giải thoát nói.

Hai trí là Pháp trí, Vị tri trí này nếu hành ở đế, thì tương tợ như tên gọi đã nói, tức là cảnh giới khổ đế được nói là Khổ trí, cảnh giới của tập đế gọi là Tập trí, cảnh giới diệt đế gọi là Diệt trí, cảnh giới của đạo đế, nói là Đạo trí và thầy của giải thoát đã nói như vậy.

Nếu trí quán tâm người
Là nói từ trong ba
Tận trí, Vô sinh trí
Cảnh giới ở bốn môn.

Nếu trí quán tâm của người, là nói từ trong ba, nghĩa là Tha tâm trí là cảnh giới hữu lậu, là cảnh giới của đẳng trí. Cõi Dục thì nói là cảnh giới của Pháp trí, cõi Sắc, thì nói là Vị tri trí.

Hai thứ Tận trí, Vô sinh trí, nghĩa là hai trí của bậc Vô học: Tận trí, Vô sinh trí, trong đó, việc phải làm đã làm xong, thọ nhận trí vô học, là Tận trí. Không còn làm nữa, thọ nhận trí vô học, là Vô sinh trí, cũng vừa là Pháp trí và Vị tri trí.

Hỏi: Tận trí, Vô sinh trí là cảnh giới của đế nào?

Đáp: Là cảnh giới ở bốn môn, hai trí này là cảnh giới của bốn đế: khổ, tập, diệt, đạo.

Đã nói mười trí, nay sẽ nói về hành.
Hai trí, mười sáu hành Pháp trí,
Vị tri trí Hành như vậy, hoặc không
Ấy gọi là đẳng trí.

Hai trí, mười sáu hành, Pháp trí, Vị tri trí, nghĩa là tánh của pháp trí là mười sáu hành, thọ (Sự nhận lãnh) bốn hành, khổ có bốn hành, tập có bốn hành, diệt có bốn hành đạo. Còn Vị tri trí ở cõi Sắc và cõi Vô Sắc cũng vậy.

Hành như vậy, hoặc không, ấy gọi là đẳng trí, nghĩa là hành của đẳng trí được gồm nhiếp trong Noãn, Đảnh, Nhẫn, và pháp Thế đệ nhất. Hành vô lậu, thuộc về hai đế. Trong mười sáu hành, pháp thứ nhất gồm nhiếp bốn hành: Nghe, suy nghĩ và mười sáu hành của tư duy đẳng trí khác, ngoài đẳng trí này, đẳng trí khác không phải là mười sáu hành, nghĩa là thí, giới, từ, so sánh như vậy.

Bốn trí có bốn hành
Hành quyết định đã nói
Chánh quán tha tâm trí
Hoặc phải, hoặc không phải.

Bốn trí có bốn hành, hành quyết định như đã nói. Nghĩa là Khổ trí có bốn hành như trên đã nói. Trí tập, diệt, đạo cũng như vậy.

Chánh quán tha tâm trí, trí này hoặc phải hoặc không phải. Nghĩa là Tha tâm trí vô lậu có bốn hành, như Đạo trí hữu lậu là không phải.

Tận, Vô sinh trí
Lìa hành không, vô ngã
Nói có mười bốn hành
Thọ tướng là hơn hết.

Tận trí, Vô sinh trí, lìa hành không, vô ngã, nghĩa là có mười bốn hành. Mười bốn hành của Tận trí, Vô sinh trí, trừ hành không và hành vô ngã. Vì sao? Vì kia hành các đế ta đã làm, không còn làm nữa. Không, vô ngã là không do hành này.

Thọ tướng là hơn hết, nghĩa là không phải hết thảy trí vô lậu, đều ở mười sáu hành, mười sáu hành là hành chung, lại còn có trí vô lậu thọ nhận mười sáu tướng, như thân, ý dừng lại là trí tự tướng, không ở mười sáu hành, mà là trước đã thọ nhận mười sáu hành.

Vì hành của tự tướng này đã thọ nhận trí vô lậu trước hết, cho nên là hơn.

Đã nói mười sáu hành, nay sẽ nói sở đắc của trí.

Thứ nhất, tâm vô lậu
Hoặc có thành tựu một
Hai, hoặc thành tựu ba
Ở trên tăng ích một.

Thứ nhất tâm vô lậu, hoặc có thành tựu một, nghĩa là tâm vô lậu thứ nhất tương ưng với khổ pháp nhẫn. Chưa ly dục thì thành tựu một đẳng trí, đã lìa dục thì thành tựu Tha tâm trí.

Hai, hoặc thành tựu ba, nghĩa là tâm vô lậu thứ hai tương ưng với khổ pháp trí. Chưa lìa dục thì thành tựu ba: Pháp trí, Khổ trí và đẳng trí. Đã lìa dục thì thành tựu Tha tâm trí.

Ở trên tăng ích một, nghĩa là khi ở bốn địa trên, nói thêm một. Khi ở bốn địa trên, được khổ Vị tri trí thì được Vị tri trí; Tập pháp trí thì được Tập trí, Diệt pháp trí thì được Diệt trí, Đạo pháp trí thì được Đạo trí. Trong Nhẫn không được trí.

Hỏi: Trí này thuộc về địa nào?

Đáp:

Chín trí Thánh đã nói
Nương dựa ở địa trên
Trong thiền có mười trí
Tám trong địa Vô Sắc.

Chín trí bậc Thánh đã nói, nương vào hai địa trên, nghĩa là thiền vị lai, thiền trung gian không có Tha tâm trí vì thuộc về thiền căn bản.

Trong thiền có mười trí, nghĩa là trong bốn thiền căn bản có mười trí, trong địa Vô Sắc có tám, nghĩa là trong địa Vô Sắc có tám trí, trừ Pháp trí và tha tâm trí. Cảnh giới của Pháp trí là cõi Dục không dùng cảnh giới Vô sắc. Hành của Tha tâm trí ở cõi Dục nương vào Sắc; trong địa Vô sắc, thì không có sắc.

Đã nói địa xong, nay sẽ nói: về tu.

Tu có hai thứ: Đắc tu và Hành tu. Đắc tu là công đức chưa từng được

mà được. Được rồi thì các công đức khác sẽ nương tựa, cũng có khi được rồi, thời gian về sau không cầu mong mà vẫn sinh ra. Hành tu là đã từng được công đức, nay hành ở hiện tại.

Hỏi: Các trí này tu thế nào?

Đáp:

Nếu trí do Đắc tu
Tức là các Thánh thấy
Cũng tức tu đương lai
Các nhẫn cũng như vậy.

Nếu trí do Đắc tu, tức là các Thánh thấy, cũng tức là tu ở vị lai: Hiện trong Đạo kiến đế gọi là trí tri hiện tiền cũng chính là tu Pháp trí ở vị lai, cho đến Đạo trí.

Các nhẫn cũng như vậy, nghĩa là nhẫn thì cũng như vậy, cũng tu khổ pháp nhẫn hiện ở trước mặt, Là tu khổ pháp nhẫn ở đương lai, không phải trí, không phải nhẫn nào khác, mà tất cả là như vậy.

Là ở trong ba tâm
Được tu ở Đẳng trí
Hoặc tu bảy, hoặc sáu
Tâm sau cùng đã nói.

Đắc tu trong ba tâm này là đối với đẳng trí, nghĩa là ba tâm trong đạo kiến đế là tu đẳng trí ở đương lai: Khổ Vị tri trí, Tập vị tri trí và Diệt vị tri trí. Lúc thực hành ba đế này là Đẳng trí của Đắc tu. Vì sao? Vì ba đế ấy từng đã quán, không phải Đạo đế. Nghĩa là kiến đạo của địa, chính là Đẳng trí của địa đó và cõi Dục.

Hoặc tu bảy hoặc sáu, tâm sau cùng đã nói, nghĩa là Đạo vị tri trí, lìa dục, tu bảy trí, gọi là thuộc về quả A-na-hàm. Chưa lìa bỏ dục thì tu sáu trí, trừ Tha tâm trí. Trong đó Phi tưởng Phi phi tưởng nói là được quả Sa-môn, là do không tu Đẳng trí.

Mười bảy tâm vô lậu
Ở trên, tư duy đạo
Phải biết tu bảy trí
Lợi ích căn tu sáu.

Mười bảy tâm vô lậu, ở trên tư duy đạo, phải biết tu bảy trí, nghĩa là đạo tư duy đạo trên quả Tu-đà-hoàn, trong khoảng mười bảy tâm tu bảy trí. Đạo này thuộc về thiền vị lai, là do không có tha tâm, trí còn Tận trí, Vô sinh trí là trí Vô học. Vì thế cho nên không có gì ngoài bảy trí cần phải tu. Vì sao? Vì ý vô lậu kia và công đức này là thường chẳng không. Nếu người

không tu từng được, đã xả mà không được lại. Khoảng trung gian, lẽ ra là không mà chẳng không vì phải tu.

Tru sáu, lợi ích căn gọi là Tín giải thoát, lợi ích các căn, sẽ đạt được kiến đáo. Căn tăng ích, có chín đạo vô ngại, chín đạo giải thoát, là hết thảy đạo vô ngại, hết thảy đạo giải thoát đều tu sáu trí. Đây nói là chưa lìa dục, là do không có tha tâm trí. Bấy giờ, học đạo mà chẳng học, đoạn phiền não. Hành giả kia, chưa từng được tu công đức, không phải đã từng được, là do không tu đẳng trí.

Lúc được quả Bất hoàn
Xa lìa cả bảy địa
Tư học các thần thông
Giải thoát tu tập tám.

Lúc được quả Bất hoàn, nghĩa là nếu tu tám trí, sẽ được quả Bất hoàn, trong quả đó cốt yếu là được thiền căn bản do tu tha tâm trí, còn các trí khác, như trước đã nói.

Xa lìa cả bảy địa, tức là lúc ba Vô sắc và bốn thiền lìa bỏ dục, tất cả chín đạo giải thoát đều tu tám trí, trong số đó, tất cả đều tu thiền của địa dưới. Tư học các đạo thần thông, đạo giải thoát, tu tập tám. Nghĩa là ba thần thông: Như ý túc, thiên nhãn, thiên nhĩ. Tất cả chín đạo giải thoát đều tu tám trí. Vì sao? Vì gồm nhiếp thiền căn bản.

Trong đạo vô ngại này
Diệt mất hữu bậc nhất
Tám đạo giải thoát kia
Nói là tu tập bảy.

Lúc bảy địa lìa dục, trong tất cả đạo vô ngại thì tu bảy trí, trừ tha tâm trí. Vì sao? Vì đạo vô ngại này tu diệt kiết, tập tha tâm trí chẳng phải diệt kiết. Vì thế nên không tu hữu bậc nhất là Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Khi hành giả kia lìa dục thì, tu bảy trí trong tám đạo giải thoát, trừ đẳng trí. Vì sao? Vì đẳng trí, chuyển biến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ chuyển trở lại, chứ chẳng phải lìa bỏ.

Lìa bỏ hữu bậc nhất
Tu sáu đạo vô ngại
Phải biết nương địa trên
Mà tu tập địa dưới.

Lìa bỏ hữu bậc nhất, tu sáu trí trong đạo vô ngại. Nghĩa là lúc đạo thứ nhất lìa dục trong chín đạo vô ngại thì tu sáu trí, trừ tha tâm trí và đẳng trí. Nên biết nương địa trên tu tập địa dưới, nghĩa là tu tất cả địa này phải biết

là tu các trí của địa mình và thuộc về địa dưới, gọi là căn cứ sự lìa dục ở Sơ thiền, tu công đức của hai địa kia, thuộc về địa mình và thiền vị lai, như vậy cho đến Vô sở hữu xứ.

Tất cả lậu, vô lậu
Các địa tu công đức
Trong tâm vô học đầu
Là ý vị tri trí.

Tất cả các địa, lậu, vô lậu, tu công đức, trong tâm vô học lúc ban đầu, nghĩa là chín địa và địa mình, lúc được quả vô trước, cũng đều tu trong tất cả các địa. Vì sao? Vì trái nghịch với phiền não của địa Phi tưởng Phi phi tưởng. Tất cả địa, có phiền não ý, không trong sạch, không có phiền não, ý sáng suốt, thanh tịnh, đó là do sự lìa bỏ phiền não, tu tất cả địa ấy.

Hỏi: Tâm ban đầu của Vô học này tương ưng với trí nào?

Đáp: Ý của vì tri trí ấy là tâm của Vô học ban đầu, tương ưng với vị tri trí Vô học đó, nghĩ rằng: Sanh tử của ta đã hết, là sanh duyên của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Vì sao? Vì sự tận diệt sau cùng, là do tương ưng với khổ vị tri trí.

Hỏi: Đức Thế Tôn có nói: Kiến, trí, tuệ, ba thứ này là một thứ hay là nhiều thứ?

Đáp: Ba thứ này là sự khác nhau của tuệ, là tánh sở hữu của tuệ, nhưng vì sự nên Đức Thế Tôn đôi khi nói là kiến, hoặc có lúc nói là trí.

Hỏi: Nghĩa này thế nào?

Đáp:

Là quyết định biết được
Các nhẫn phi tánh trí
Tận trí không phải kiến
Vô sinh trí cũng vậy.

Quyết định mà biết được, các nhẫn không phải tánh của trí, nghĩa là vì tu hành tám nhẫn, nên có khả năng mong cầu, vì thấy nên có khả năng quán sát, gọi là tuệ, nhưng không phải trí, không quyết định. Vì sao? Vì tác dụng duyên ngay từ đầu. Trí tận thì không phải kiến, Vô sinh trí cũng vậy, nghĩa là Tận trí, Vô sinh trí vì quán sát, vì do tuệ quyết định nên là trí, chỉ không phải kiến, vì không mong cầu, nên không có làm gì. Ngoài ra, ba tánh của loại tuệ vô lậu vốn có kiến, trí và tuệ.

Tục thiện, trí hữu lậu
Ở ý và các kiến
Nên biết đây là Kiến

Nói tất cả là tuệ.

Thế tục thiện, trí hữu lậu là ở ý và các kiến, phải biết trí này là kiến. Nghĩa là thiện trong địa của ý thức là hữu lậu tuệ ba tánh: Kiến, trí và tuệ, là tánh phiền não của năm kiến, vì kiến này mà có quán sát, nhưng cũng không ngoài trí và tuệ. Chủng loại tuệ hữu lậu khác, không phải tánh kiến vốn có. Vì sao? Vì chủng loại tuệ tương ưng với ý thức vô ký, không phải những tánh kiến vốn có không quán sát. Chủng loại tuệ cấu uế, cũng không phải là tánh kiến vốn có phiền não làm hư hoại, chủng loại tuệ tương ưng với năm thức, cũng không phải là tánh kiến vốn có không quán sát, và cũng không ngoài tánh của trí.

Nói tất cả là tuệ, nghĩa là như trước đã nói lìa như lìa trí trong nhẫn. Tận trí, Vô sinh trí lìa kiến, trừ địa của ý thức thiện và năm kiến rồi, ngoài ra, tuệ hữu lậu và tuệ lìa kiến đều không như vậy. Vì sao? Vì tất cả chủng loại trí, tất cả chủng loại kiến, tức là chủng loại tuệ.

Hỏi: Mỗi trí có bao nhiêu duyên của trí?

Đáp:

Pháp trí, Vị tri trí
Hiểu rõ về chín trí
Nhân trí và quả trí
Là cảnh giới hai trí.

Pháp trí, Vị tri trí hiểu rất rõ về chín trí. Nghĩa là Pháp trí quán chín trí, duyên với chín trí, trừ Vị tri trí. Vì sao? Vì Vị tri trí là không phải quả của cõi Dục, không phải nhân của cõi Dục, không phải diệt của cõi Dục, không phải đạo của cõi Dục. Vị tri trí cũng duyên với chín trí như vậy, trừ pháp trí.

Nhân trí và quả trí là hai cảnh giới của trí: Tập trí là nhân trí, Tha tâm hữu lậu trí và đẳng trí, đồng duyên với tập. Ngoài ra, không duyên với vô lậu, Khổ trí cũng như vậy, đây tức là quả trí.

Đạo trí là chín trí
Giải thoát trí không duyên
Tất cả cảnh giới khác
Trí quyết định đã nói.

Đạo trí là chín trí, nghĩa là chín trí, tức cảnh giới của Đạo trí. Chín trí không duyên với đẳng trí, vì hữu lậu. Ngoài ra đều duyên lấy, vì đồng là đạo đế.

Giải thoát trí không duyên: Giải thoát trí là Diệt trí. Không duyên với trí, mà duyên với vô vi. Ngoài ra, tất cả cảnh giới khác mà trí quyết định đã

nói, nghĩa là còn có bốn trí duyên với tất cả mười trí. Đẳng trí duyên với tất cả pháp của cảnh giới mười trí. Tha tâm trí cũng duyên với mười trí, vì hội đủ cảnh giới của tha tâm. Tận trí, Vô sinh trí cũng duyên với tất cả cảnh giới hữu vi của mười trí.

Hỏi: Đức Thế Tôn có nói: Vị tri trí, như lìa Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, được quả Vô trước. Vị tri trí là đạo kia, không phải do trí này mà có thể biết. Vị tri trí là đạo kia, không phải cái gì khác chăng?

Đáp: Cũng có pháp trí là đạo của cõi Sắc, cõi Vô Sắc.

Hỏi: Vậy là sao?

Đáp:

Nếu ngừng dứt và đạo
Chỗ hành của pháp trí
Là diệt trừ ba cõi
Không phải dục vị tri (trí).

Nếu ngừng dứt và đạo, chỗ hành của pháp trí thì dứt mất ba cõi, nghĩa là diệt pháp trí và đạo pháp trí đang trong tư duy đạo là diệt kiết của ba cõi. Hoặc có pháp trí, lìa sự ham muốn của cõi Sắc, cõi Vô Sắc, gọi là thấy lại mà chán ghét tức là tư duy diệt và đạo của cõi Dục, lìa bỏ sự ham muốn của cõi Sắc, Vô Sắc, không phải khổ trí, không phải tập trí. Vì sao? Vì không đồng với khổ, tập mà đồng với diệt, đạo.

Hỏi: Từng có Vị tri trí làm diệt mất cõi Dục không?

Đáp: Không phải Vị tri trí của cõi Dục vì không có Vị tri trí có khả năng diệt ở cõi Dục. Vì sao? Vì không có Vị tri trí thấy lại, chán ghét, mà không phải cõi Dục này.

Hỏi: Tánh của trí thần thông vốn có Vị tri trí, cũng phải nói mỗi thần thông có bao nhiêu trí?

Đáp:

Như ý túc, đẳng trí
Thiên nhãn, nhĩ cũng vậy
Sáu trí trong túc mạng
Năm, gọi trí tha tâm.

Như ý túc, đẳng trí, thiên nhãn, nhĩ cũng vậy: nghĩa là như ý túc gọi là đẳng trí, thiên nhãn, thiên nhĩ cũng vậy. Trí vô lậu không do hành này.

Sáu trí trong túc mạng, nghĩa là túc mạng gồm có sáu trí. Pháp trí ghi nhớ phần pháp trí, vị tri trí ghi nhớ phần vị tri trí, đẳng trí ghi nhớ thế tục, khổ trí ghi nhớ khổ quá khứ, tập trí ghi nhớ tập quá khứ, đạo trí ghi nhớ

đạo quá khứ.

Năm, là nói tha tâm trí, nghĩa là tha tâm trí chung thành năm trí. Pháp trí biết pháp trí trong tâm người khác và tâm, tâm số pháp tương ưng với pháp trí đó. Vị tri trí chưa biết cũng như thế, đẳng trí biết tâm, tâm số pháp thế tục của người khác. Đạo trí biết tâm, tâm số pháp vô lậu của người khác. Và tha tâm trí là năm.

Chín trí, lậu tận thông
Do bậc Thánh nói ra
Tám cảnh giới ở thân
Pháp mười, chín trí hai.

Chín trí, lậu tận thông, do bậc Thánh nói ra, nghĩa là lậu tận thông thì có chín trí vô lậu, đều trái với tất cả lậu.

Hỏi: Đức Thế Tôn có nói: Ý chỉ quán quán thân thân, với tuệ, ý chỉ này trí nào có?

Đáp: Tám cảnh giới đối với tám trí của thân. Quán sắc thân giả gọi là thân, là đối tượng của tám trí, trừ tha tâm trí và diệt trí. Nếu trí duyên với sắc thì là ý chỉ của thân. Hai trí này không duyên với sắc.

Pháp có mười, nghĩa là ý chỉ của pháp có mười trí, lìa sắc, tâm, còn thọ pháp. Gọi pháp là cảnh giới, có mười trí; cảnh giới tự tướng và tất cả trí, là ý chỉ của pháp. Chín trí có hai, là thọ và tâm, chín trí trừ diệt trí, gọi là trí duyên với thọ là ý chỉ của thọ, trí duyên với tâm là ý chỉ của tâm.

Hỏi: Các Như Lai có Trí lực, sao lực của Như Lai mà thiết lập trí? Và bốn pháp Vô sở úy thuộc tánh trí của Như lai vốn có như đã nói: "Ta, Bậc đẳng chánh giác"

Các pháp này, khi chưa thành Đẳng chánh giác thì không thấy tướng pháp này. Như vậy, hết thảy pháp này cũng cần phải phân biệt, mỗi pháp có bao nhiêu tất cả trí tánh?

Đáp:

Thị xứ, phi xứ lực
Và Vô úy thứ nhất
Đây là mười trí Phật
Ngoài ra, khác mười trí.

Thị xứ, phi xứ lực và vô úy thứ nhất, đấy là mười trí của Phật. Nghĩa là Đức Phật có mười trí, thị xứ, phi xứ lực. Thị xứ trí gọi là sự thọ nhận tướng chân thật, hành chân thật của các pháp. Thọ biết pháp này có tướng như vậy, hành như vậy. đó gọi là trí thị xứ, trí Phi xứ trí là tướng khác, hành khác của các pháp, đều không thể nắm bắt, tức biết không phải là pháp này

có tướng như vậy, hành như vậy. Pháp vô úy là đầu tiên trong mười trí của Phật, cũng gọi là mười trí cùng chánh thọ.

Ngoài ra còn có khác biệt trong mười trí, nghĩa là sự khác nhau của Thị xứ, phi xứ, lực có mười lực. Sự khác nhau của pháp Vô úy đầu tiên có bốn pháp Vô úy. Thị xứ, phi xứ trí là sự khác nhau của cảnh giới, nên có mười thứ phân biệt. Vì pháp không sợ hãi ban đầu cũng là sự khác nhau của cảnh giới, nên có bốn thứ phân biệt.

Hỏi: Bốn biện tài cũng là tánh trí vốn có, điều này cũng nên phân biệt, mỗi biện tài cần bao nhiêu trí?

Đáp:

Pháp biện, Từ biện, một
Ứng, Nghĩa nói đều mười
Nguyện trí là bảy trí
Trí hơn hết đã nói.

Pháp biện, Từ biện một: Pháp biện gọi là biết rõ tên gọi, các pháp là đẳng trí, không phải do trí vô lậu. Tiếp nhận tên gọi trong thế tục là giả hiệu, trí vô lậu không dùng hành này. Từ biện gọi là biết rõ nói đúng, việc ấy đều là trí giả trong thế tục. Ứng nghĩa nói đều mười, nghĩa là ứng biện tên gọi quán và hiện trí phương tiện không có trở ngại là mười trí. Nghĩa biện là biết rõ các pháp chân thật. Nó cũng do mười trí mà tiếp nhận tướng chân thật. (Kinh sư nói: Từ, Ứng biệt tài tương ưng một Đẳng trí. Pháp, Nghĩa biện tài tương ưng mười trí).

Hỏi: Nguyện trí có bao nhiêu trí?

Đáp: Nguyện trí là bảy trí sự hơn hết của trí đã nói. Nguyện trí có bảy trí, trừ Tha tâm trí, Tận trí và Vô sinh trí. Nguyện trí là cảnh giới nhạy bén, nhanh chóng, thọ nhận hết thảy các pháp của ba đời, là tánh của bảy trí vốn có (Kinh sư nói: Một đẳng trí).

Phẩm 7: ĐỊNH

Hỏi: Biết các trí như vậy, trí đó phải như thế nào?

Đáp:

Trí nương dựa các định
Hành hạnh không ngăn ngại
Cho nên tư duy định

Mong cầu chỗ chân thật.

Trí dựa vào các định, thực hành hạnh không trở ngại, nghĩa là ví như đèn thì phải dựa vào dầu, tránh chỗ có gió thì ánh sáng đèn sẽ rất sáng. Cũng vậy, trí dựa vào định, ở đó ý lìa bỏ mọi tán loạn, ánh sáng của trí thật sáng suốt, nhất định không có hoài nghi ở hành động đối với cảnh được duyên, đó là do tư duy định, muốn mong cầu sự chân thật của định đó.

Quyết định nói bốn thiền Cùng với định Vô Sắc Trong mỗi thiền này nói Vị tạp, tịnh vô lậu.

Quyết định nói bốn thiền cùng với định Vô Sắc, là có tám định, bốn thiền và bốn định Vô Sắc. Trong định này, mỗi mỗi đều nói vị tạp, tịnh vô lậu, nghĩa là Sơ thiền có ba thứ vị, tương ưng với tịnh vô lậu. Tất cả các môn định đều như vậy.

Hỏi: Thế nào là vị tương ưng? Thế nào là tịnh? Thế nào là vô lậu?

Đáp:

Thiện hữu lậu là tịnh
Không nóng là vô lậu
Khí vị tương ưng ái
Trên hết không vô lậu.

Thiện hữu lậu là tịnh: Nghĩa là vì thiện là tịnh, nên nói là tịnh. Không nóng bức là nói vô lậu, nghĩa là phiền não giả gọi là nóng, chắc chắn không có phiền não là vô lậu.

Khí vị tương ưng với ái, nghĩa là thiền của định Vô Sắc tương ưng với ái, là do có đầy đủ sự tương ưng chung, thực hành chung, là nói sự tương ưng với vị.

Trên hết không vô lậu, nghĩa là trên hết thì không có vô lậu, ở trong cái trên hết của Phi tưởng phi phi tưởng xứ đó không có vô lậu. Vì hành động không nhanh nhẹn nên có hai thứ. Ngoài ra, đều có ba thứ.

Hỏi: Thiền sở hữu tánh gì?

Đáp:

Năm chi có giác quán
Cũng lại có ba thống (thọ)
Ngần ấy thứ bốn tâm
Gọi đó là Sơ thiền.

Năm chi, nghĩa là năm chi thu nhiếp Sơ thiền, khiến cho vững chắc. Cũng từ ý nghĩa này mà được gọi là giác-quán hỷ-lạc-nhất tâm. Giác là khi đang nhập định, bắt đầu sinh công đức thiện, thì tâm thô bắt đầu tư duy.

Quán là khiến cho tâm vi tế nối tiếp liên tục. Hỷ là sự vui vẻ ở trong định. Lạc tức đã vui ở thân còn an ổn, hoan hỷ trong tâm. Nhất tâm là tâm chuyên chú không tán loạn trong các cảnh duyên. Chủng loại này lúc trụ nơi định là chi và khi nhận, khi xả, nên gọi là năm chi.

Sơ thiền có giác, có quán, nghĩa là có giác, có quán tức là Sơ thiền.

Hỏi: Do thọ nhận năm chi, nay giác quán có công dụng gì?

Đáp: Chi có nghĩa là thiện. Còn nói sự uế tạp và vô ký trong năm chi, cũng có giác, có quán mà không phải thiện.

Cũng lại có ba thọ, là Sơ thiền có ba thọ: Lạc căn, Hỷ căn và Hộ căn. Ở trong thọ, Lạc căn là thọ của thân. Hỷ căn là giới của ý; Hộ (xả) căn, ở bốn thức. Ngần ấy thứ cũng là ngần ấy thứ trong Phạm thế, có trên có dưới, nên nói là đầy đủ nơi sinh.

Bốn tâm nghĩa là Sơ thiền thì có bốn tâm: Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức và ý thức. Gọi đó là Sơ thiền, nghĩa là tất cả các pháp này được gọi là Sơ thiền.

Đã nói Sơ thiền, nay sẽ nói: thiền thứ hai.

Hai thọ ngần ấy thứ
Nhị thiền có bốn chi
Năm chi là thứ ba
Thiền này gọi hai thọ.

Hai thọ, nghĩa là thiền thứ hai có hai thọ, đó là Hỷ căn và Hộ căn Ngần ấy thứ, nghĩa là bên trong thân, có ngần ấy thứ, đã lìa giác, quán thì có ngần ấy tâm, có lúc thể nhập Hỷ căn hoặc đôi khi thể nhập Hộ căn Nhưng Hỷ là căn bản, bên cạnh có Hộ căn.

Nhị thiền có bốn chi, nghĩa là thiền thứ hai có bốn chi: Nội tịnh, hỷ, lạc, nhất tâm. Nội tịnh được gọi là tín. Trong sự chia lìa nảy sinh ra tín. Đã được lìa Sơ thiền bèn nghĩ: Tất cả có thể lìa bỏ, các chi còn lại như trước đã nói. Chủng loại này, ở Nhị thiền là chi.

Năm chi là Tam thiền, nghĩa là thiền thứ ba có năm chi: Lạc, Hộ, Niệm, Trí và Nhất tâm. Lạc là lạc căn trong địa ý thức. Hộ là đã vui trong ý thức, mà còn vui không cầu mong gì nữa. (Có thuyết nói: Hộ tuy có nghĩa nhưng không nên nói đó là chi). Niệm là phương tiện hộ trì không bỏ. Trí là không làm cho ưa thích. Nhất tâm tức là định. Những loại này ở trong thiền thứ ba là chi. Thiền này được nói là hai thọ, nghĩa là thiền thứ ba có hai thứ thọ, là Lạc căn và Hộ căn. Lạc căn là căn bản; Hộ căn là bên.

Lìa hơi thở vào, ra
Tứ thiền có bốn chi

Chi này gọi là thiện
Cũng lại phân biệt loại.

Lìa hơi thở ra vào, nghĩa là hít vào là đến, thở ra là đi, là việc không có trong thiền thứ tư. Vì sao? Vì do sức của định, nên các lỗ chân lông khép lại.

Tứ thiền có bốn chi: Không khổ, không vui, Hộ-Tỉnh-Niệm-Nhất tâm. Vĩnh viễn lìa bỏ khổ vui là không khổ, không vui. Ngoài ra như trước đã nói.

Hỏi: Sao thiền là chi tương ưng?

Đáp: Chi này được gọi là thiện, thiện là chi tương ưng với chi thiền, không phải sự cấu uế, cũng không phải vô ký.

Cũng lại phân biệt, loại nghĩa là tùy theo chỗ như đã nói. Phải biết là chỗ khác thì không nên có. Như Sơ thiền có giác, có quán; bốn tâm thì nói ở Sơ thiền này, hết thảy địa khác không có.

Thiền thứ tư đã lìa hơi thở ra vào là việc không có trong thiền thứ ba, nên không nói.

Đã nói bốn thiền; bốn định Vô Sắc, nay sẽ nói: Về vấn đề khác.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Có căn bản y, nếu chưa lìa dục thì chưa có được căn bản y mà vẫn có công đức vô lậu. Vậy công đức vô lậu này thuộc về địa nào?

Đáp: Thuộc về thiền vị lai.

Hơn nữa, Đức Thế Tôn nói: Có ba định: Có giác, có quán, không có giác và một ít quán không có giác, không có quán.

Trong Sơ thiền là có giác, có quán. Thiền hai là không có giác, không có quán. Còn nói không có giác, một ít quán, thì định thuộc về địa nào?

Đáp: Là thuộc về thiền trung gian.

Về tướng của thiền vị lai, và thiền trung gian, nay sẽ nói:

Tương ưng có giác, quán
Đều ở Vị lai thiền
Quán tương ưng: Trung gian
Người trí sáng đã nói.

Tương ưng có giác, có quán, đều tồn tại trong thiền vị lai, nghĩa là có giác có quán trong thiền vị lai. Thiền trung gian tương ưng với quán, là lời người có trí sáng suốt đã nói. Nghĩa là thiền trung gian chỉ có một ít quán mà không có giác. Do tâm của hành giả dần dần tạm nghỉ ngơi.

Không dựa mà hai thứ

Trừ tương ưng với vị
Thiền trung gian: ba thứ
Đều là nói một thọ.

Không có chỗ dựa mà có hai thứ, trừ tương ưng với vị, nghĩa là thiền vị lai hoàn toàn là thiện hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu là tịnh, vô lậu tức vô lậu.

Thiền trung gian có ba thứ: thiền trung gian có ba thứ là: có vị, tịnh, vô lậu ở trong sinh tử.

Đều là nói một thọ, nghĩa là thiền vị lai và thiền trung gian đều có chung một thọ, vì là hộ căn (xả) chứ không phải là địa căn bản.

Đã nói các định. còn công đức được gồm thâu trong định nay sẽ nói.

Tam-ma-đề có thông
Vô lượng, tu nhất thiết
Trừ nhập và các trí
Giải thoát khởi trong đó.

Tam-ma-đề là ba Tam-ma-đề Không-Vô nguyện-Vô tướng, bị tâm vô lậu ràng buộc.

Có thông là có sáu thông: Như ý túc trí, thiên nhĩ trí, tha tâm thông trí, ức túc mạng trí, sinh tử trí và lậu tận thông trí.

Vô lượng là bốn vô lượng: Từ, bi, hỷ, (hộ) xả. Vì cảnh giới của chúng sinh là vô lượng, nên nói là vô lượng.

Tu nhất thiết, nghĩa là Mười nhất thiết nhập: Đất nhất thiết nhập, nước, lửa, gió, các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng nhất thiết nhập, vô lượng không xứ nhất thiết nhập, vô lượng thức xứ nhất thiết nhập, vì đầy đủ giải thoát nên tất cả nhập.

Trừ nhập, là tám trừ nhập: Bên trong chưa trừ sự tưởng tượng về sắc, một ít cảnh giới của quán bất tịnh là một.

Vô lượng cảnh giới là hai.

Trừ bỏ một ít cảnh giới của tưởng về sắc là ba.

Vô lượng cảnh giới là bốn.

Lại bỏ tưởng về màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng.

Quán trừ nhập: Trừ cảnh giới tịnh, nên nói là trừ nhập.

Và các trí, là các trí có mười, như trước đã nói.

Giải thoát là tám giải thoát:

Chưa loại bỏ tưởng về sắc, tư duy bất tịnh là một.

Dứt trừ tưởng về sắc, tư duy bất tịnh là hai.

Tư duy tịnh là ba.

Bốn Vô Sắc và định Diệt tận, vì trái với cảnh giới, không hướng theo nên nói là giải thoát. Khởi sự trong đó là các công đức này, có thể được trong chín địa và khởi sự trong chín địa đó (Kinh Sư nói: Nên nói mười địa).

Đã nói về các công đức, thuận theo địa có thể được, nay sẽ nói:

Một tuệ Bi-Hộ-Từ
Cũng đều có năm thông
Nói khắp trong bốn thiền
Trong sáu có hiện trí.

Một tuệ bi-hộ-từ cũng đều có năm thông, nói khắp trong bốn thiền: Một tuệ là Tha tâm trí. Bi-Từ-Hộ (xả) là ba Vô lượng tâm. Và đều có năm thông tất cả công đức trong bốn thiền căn bản, chẳng phải thiền nào khác.

Trong sáu có hiện trí: Hiện trí là Pháp trí. Trong sáu địa có bốn thiền căn bản, thiền vị lai và thiền trung gian.

Trong trừ nhập nói bốn
Trong đó cũng có hỷ
Giải thoát đầu và hai
Công đức sơ-nhị thiền.

Bốn trừ nhập ở trước và Hỷ, v.v... là giải thoát Sơ thiền, Nhị thiền.

Công đức đó trong Sơ thiền, Nhị thiền, không phải thiền nào khác.

Bốn trừ nhập còn lại
Cùng với một giải thoát
Cũng tám, nhất thiết nhập
Phật nói thiền trên hết.

Tịnh giải thoát của bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập trước, là công đức trong Tứ thiền, không phải thiền nào khác.

Thoát khác tức tên gọi
Hai, nhất thiết cũng vậy
Diệt tận ở sau cùng
Chín khác nói vô lậu.

Sự giải thoát khác tức là danh từ được gọi là hai tất cả cũng vậy, nghĩa là bốn giải thoát còn lại tự gọi tên mình mà nói và hai, tất cả nhập cũng như vậy.

Vô lượng không xứ, giải thoát vô lượng không xứ, tất cả nhập, thuộc về vô lượng không xứ. Như vậy, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Diệt tận ở sau cùng, nghĩa là định Diệt tận, thuộc về Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Vì sao? Vì chưa lìa sự dục kia cũng nhập.

Chín địa khác gọi là vô lậu, nghĩa là pháp vô lậu khác, thuộc về chín địa, như ba Tam-ma-đề, bảy trí, lậu tận thông là thuộc về chín địa. Vị lai và trung gian đẳng trí bốn thiền ba Vô Sắc là thuộc về mười địa. Đẳng trí này ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng có thể có được, vì là số nhất định.

Hỏi: Công đức này có bao nhiêu hữu lậu, vô lậu?

Đáp:

Ba giải thoát, phải biết
Hữu lậu và vô lậu
Trí định đã phân biệt
Cái khác đều hữu lậu.

Ba giải thoát, phải biết là hữu lậu và vô lậu, nghĩa là giải thoát vô lượng không xứ, vô lượng thức xứ, vô sở hữu xứ đều là hữu lậu, vô lậu.

Trí định đã phân biệt: Định như phẩm trong Khế kinh nói, trí vô lậu và các thần thông như phẩm Trí đã nói.

Cái khác đều hữu lậu: Nghĩa là tất cả công đức khác đều hoàn toàn hữu lậu, và như ba pháp thần thông oai nghi, vì sắc, tiếng được tướng, vì vô lượng chúng sinh đều duyên, vì tất cả nhập ý giải hy vọng.

Ba giải thoát cũng giống như vậy, vì Phi tưởng Phi phi tưởng xứ không phải là sự hoạt động nhanh chóng, vì tưởng trí, là sự tắt mất, lìa bỏ giác quán, trừ nhập, cũng là ý giải, hy vọng.

Đã nói tướng thành tựu công đức, nay sẽ nói:

Chưa thể vượt qua dục
Thành tựu vị tương ưng
Vượt dưới, chưa đến trên
Thành tựu các định tịnh.

Chưa có khả năng vượt qua sự ham muốn, thành tựu vị tương ưng. Nghĩa là nếu địa nào chưa lìa bỏ sự ham muốn, thì địa đó, sẽ thành tựu sự vượt qua tương ưng với vị. Dưới là vị chí, trên là thành tựu các thanh tịnh định. Nghĩa là xa rời sự ham muốn của cõi Dục, nếu chưa sinh lên địa trên của Phạm thế, người đó sẽ thành tựu tịnh Sơ thiền và công đức hữu lậu của địa Sơ thiền. Tất cả đều phải biết như vậy.

Phải biết trụ địa trên
Vô lậu thành tựu thiền
Cầu được các công đức
Biết là còn ham muốn.

Trụ địa trên phải biết vô lậu thành tựu thiền, là lìa sự ham muốn của địa dưới, người đó trụ địa trên cũng thành tựu vô lậu của địa dưới. Như kiến đế lìa bỏ sự ham muốn, an trụ địa trên của Phạm thế, thành tựu Sơ thiền vô lậu và địa định của Sơ thiền, đều là các công đức vô lậu, tất cả đều phải biết như vậy.

Công đức thế tục trói buộc, ở chỗ thuận theo thì phát sinh, vô lậu thì tồn tại trong đoạn, vì rời bỏ nơi sinh, xả công đức hữu lậu, không xả vô lậu, mong cầu được các công đức, biết chẳng phải không có trong sự ham muốn.

Đã nói là lìa bỏ sự ham muốn của địa dưới, thì thành tựu công đức của địa trên, phải biết, không phải tất cả mọi công đức thu tóm được là lúc lìa bỏ sự ham muốn. Như trí như ý túc, trí thiên nhãn, trí thiên nhĩ, vì tánh của vô ký mà nên tất cả dục và định diệt tận, ở đây mong cầu được công đức này, không phải đợi đến lúc rời bỏ sự ham muốn của địa dưới, mới có được.

Đã nói thành tựu, nay sẽ nói: Về nhân duyên.

Có hai mươi ba chủng loại, định, pháp tương ưng với vị có tám, tám tịnh, bảy vô lậu.

Hỏi: Những pháp này mỗi thứ như vậy có bao nhiêu nhân?

Đáp:

Diệu vô lậu không nhiễm
Bảy thứ gọi là nhân
Thiền tịnh, vị tương ưng
Nên biết có một nhân.

Vô lậu mầu nhiệm, không nhiễm, bảy thứ được gọi là nhân, nghĩa là Mỗi vô lậu có bảy thứ nhân tự nhiên. Nhân tương ưng với địa mình, là nhân chung. Tứ thiền tương ưng với vị tịnh, phải biết chỉ có một nhân, nghĩa là Sơ Tứ thiền tương ưng với vị. Nhân của Sơ Tứ thiền tương ưng với vị, không phải nhân, không phải nhân thiện, vì không giống nhau, không phải là nhân cấu uế của địa khác, vì trái với hành. Tịnh Sơ thiền là nhân của tịnh Sơ thiền, không phải là nhân cấu uế, vì không giống nhau. Không phải là nhân vô lậu, vì cũng không giống nhau. Không phải là nhân của địa tịnh khác, vì là quả báo của địa mình, vì sự ràng buộc của địa mình, Tất cả như vậy, đều nên biết.

Đã nói về nhân duyên, nay sẽ nói: Về tuần tự duyên.

Hỏi: Mỗi thứ lớp sinh có bao nhiêu thứ?

Đáp:

Thứ lớp thiền vô lậu

Hưng khởi sáu thứ thiền
Bảy, tám, chín, có mười
Khởi thiền, cũng Không định.

Sơ thiền là vô lậu, theo thứ lớp, sinh ra sáu thứ tịnh của địa mình và vô lậu. Như vậy, theo thứ lớp của thiền thứ hai thiền thứ ba, vô lậu, Vô sở hữu xứ thứ lớp phát sinh bảy thứ thiền: Địa của mình hai, địa dưới bốn và địa trên một.

Trình tự của thiền thứ ba vô lậu phát sinh tám: Địa mình hai, địa dưới hai và địa trên có bốn.

Theo thứ lớp của vô lậu vô lượng Thức xứ, sinh ra chín: Địa mình hai, địa dưới bốn và địa trên ba. Thứ lớp của vô lậu khác, sinh ra mười: Địa mình hai, địa dưới bốn và địa trên bốn.

Tịnh sáu, có bảy, tám
Chín mười sinh mười một
Các thiền tương ưng vị
Phát sinh hai đến mười.

Tịnh sáu có bảy, tám, chín, mười, phát sinh mười một, nghĩa là theo thứ lớp của tịnh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ phát sinh sáu: Địa mình tương ưng với vị và tịnh địa dưới có bốn, vô lậu tịnh Vô sở hữu xứ, vô lượng thức xứ, không phải lìa ham muốn tương ưng với vị. Tất cả đều như vậy, cần phải biết.

Tất cả địa mình đều tương ưng với vị. Các Tứ thiền tương ưng với vị, đều phát sinh hai cho đến mười thứ, nghĩa là theo thứ lớp của Tứ thiền tương ưng với vị, phát sinh hai vị tương ưng với địa mình và tịnh, không sinh ra thứ thiền khác, vì mỗi thứ thiền đều trái nhau.

Như vậy, tất cả địa của mình có hai, địa dưới có một tịnh (Kinh Sư nói: Không nên có địa dưới một tịnh) tất cả đều tương ưng với vị, phát sinh lúc chết.

Đã nói duyên thứ lớp, nay sẽ nói: Về duyên duyên.

Hỏi: Mỗi thứ có bao nhiêu thứ duyên?

Đáp:

Thiền tịnh đến vô lậu
Phải duyên tất cả địa
Thiền tương ưng uế nhiễm
Chỉ duyên lấy địa mình.

Thiền tịnh đến vô lậu, phải duyên tất cả địa, nghĩa là tịnh và tất cả địa của Sơ thiền vô lậu, tất cả địa duyên với tất cả các thứ thiền.

Thiền tương ưng với sự cấu uế, vì chỉ duyên với địa mình. Nghĩa là Thiền tương ưng với vị, duyên lấy thiền tịnh tương ưng với vị của địa mình, không phải ái, vô lậu, không có vô lậu duyên, cũng không ưa thích địa của người khác.

Vô Sắc không có sức
Duyên địa hữu lậu dưới
Thiện có địa căn bản
Cấu uế như thiền vị.

Vô Sắc không có sức, duyên với địa hữu lậu dưới, nghĩa là định Vô Sắc không có khả năng duyên với pháp hữu lậu của địa dưới, vì rất vắng lặng.

Hỏi: Tại sao nói là Vô Sắc không có khả năng duyên với pháp hữu lậu của địa dưới?

Đáp: Thiện, có tịnh địa căn bản và Vô Sắc của căn bản vô lậu là sự duyên của địa mình và địa trên, không phải địa dưới duyên lấy sự cấu uế như thiền vị, nghĩa là như Tứ thiền tương ưng với vị, nói Vô Sắc cũng vậy.

Nói thứ khác cõi Sắc

Công đức như Vô lượng v.v... Là phải duyên cõi Dục

Là lời Thế Tôn nói.

Nói công đức khác của cõi Sắc, như vô lượng đẳng. Tất cả nhập, trừ nhập và giải thoát, chỉ duyên với cõi Dục, duyên với các sắc xanh, v.v... của vô lượng chúng sinh đau khổ. Đấy là cõi Dục. Vì sao? Vì thần thông duyên với hai cõi.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Thế nào là huân tu thiền?

Đáp: Là huân tu tất cả bốn thiền vô lậu, nghĩa là huân tập hữu lậu là vì sức của vô lậu, thọ nhận quả báo của Tịnh Cư.

Hỏi: Nếu tất cả bốn thiền đều huân tu, thì vì sao, không có quả của Tịnh Cư trong ba thiền dưới?

Đáp:

Nếu huân tu các thiền
Là nương thiền thứ tư
Ái ba địa đã dứt
Quả Tịnh Cư chắc thật.

Nếu được thiền thứ tư, là có khả năng huân tu thiền, thì niệm của thiền thứ tư trước phải huân tu, về sau mới tu thiền khác. Nghĩa là được thiền thứ tư thì lìa sự ham muốn của thiền thứ ba. Vì lý do này, nên ở địa

dưới không có quả chắc thật của Tịnh cư.

Có người hỏi: Đức Thế Tôn nói có nguyện trí là thế nào?

Đáp:

Tánh vô trước, bất động
Đã được tất cả định
Đó là do sức định
Năng khởi đảnh Tứ thiền.

Ở trong định, nếu ý của người tu định kia sinh ra công đức, thì Nguyện trí, Vô tránh, và biện tài, đó là các công đức hàng đầu. Nguyện trí, là như điều mình đã mong muốn, mà nhập định, hoặc trong quá khứ, hiện tại, vị lai, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, tất cả đều biết.

Vô tránh, là muốn cho ý của người khác không khởi tranh chấp, tức là không khởi biện luận. Mọi pháp nghĩa và vị quyết định, không chướng ngại, không sợ hãi.

Hỏi: Nguyện trí, Vô tránh và Biện tài này, thuộc về địa nào?

Đáp:

Ba địa có Nguyện trí
Vô tránh nương năm địa
Pháp Từ biện nương hai
Hai biện nương vào chín.

Ba địa có Nguyện trí. Nguyện trí thuộc về ba địa: Thiền thứ tư, Sơ thiền và cõi Dục. Nhập Tứ thiền biết Sơ thiền và cõi Dục.

Nói Vô tránh dựa vào năm địa, nghĩa là năm địa có Vô tránh, là bốn Thiền căn bản và cõi Dục. Muốn cho tất cả không tranh chấp.

Pháp Từ biện nương vào hai: Nghĩa là biện luận về pháp, được gọi là duyên với vị, là cõi Dục và trời Phạm thế, không phải địa trên vì lìa giác quán. Từ biện gọi là trí của sự lựa chọn vị. Trí đó, cũng có thể được trong hai địa: Cõi Dục và trời Phạm Thế.

Hai biện tài nương vào chín địa: Nghĩa biện và ứng biện trong chín địa: Bốn thiền, bốn Vô Sắc và cõi Dục.

Đã nói Sơ thiền, phải biết đã nói thiền vị lai và thiền trung gian, vì hai thiền này là quyến thuộc của Sơ thiền.

Hỏi: Làm thế nào được định này?

Đáp:

Dứt dục, cũng lại sinh
Vẫn được ở thiền tịnh

Ô uế thối lại sinh
Vô lậu chỉ dứt dục.

Dứt sự ham muốn, cũng lại sinh, mà vẫn được ở thiền tịnh, nghĩa là tịnh Sơ thiền có hai thời mà được, là lúc lìa cõi dục và mất ở địa trên, sinh lên trời Phạm Thế. Như vậy, tất cả đều phải biết rõ.

Cấu uế vui và sinh, nghĩa là sự cấu uế, tương ưng với vị, có được là lúc thối lui. Nếu thối lui bị ràng buộc của cõi Dục và đời Phạm thiên, bấy giờ mới được. Sơ thiền tương ưng với vị lúc sinh thì mới được, nghĩa là nếu địa trên chết, sinh cõi Dục và trời Phạm thế, bấy giờ mới được, Sơ thiền tương ưng với vị. Tất cả đều phải biết như vậy.

Vô lậu chỉ dứt dục, nghĩa là vô lậu chỉ có được lúc dứt trừ sự ham muốn, mới được gọi là Thánh được lìa sự ham muốn, và lúc ấy mới được Sơ thiền vô lậu. Như vậy, tất cả đều phải biết.

Hỏi: Công đức gì mà có khả năng dứt trừ phiền não?

Đáp:

Vô lậu dứt phiền não
Cũng là định trung gian
Tất cả định trung gian
Đều tương ưng xả căn.

Vô lậu trừ phiền não: Nghĩa là tám địa của Sơ thiền vô lậu sẽ dứt trừ phiền não. Như vậy, tất cả đều phải biết.

Cũng lại là định trung gian. Định trung gian còn gọi là sự dứt trừ ham muốn của địa dưới. Vì dùng đạo phương tiện, nên chung quy không được căn bản, đến nỗi chưa lìa bỏ được sự ham muốn. Ngoài ra, không có khả năng dứt trừ.

Trung gian của tất cả định đều tương ưng với Hộ căn. Nghĩa là tất cả định trung gian tương ưng với Hộ căn, rốt cuộc không được hỷ cho đến không được nghĩa.

Hỏi: Có bao nhiêu tâm biến hóa? Nghĩa là có như ý túc, có khả năng biến hóa?

Đáp: Có tám: Quả của bốn thiền Cõi Dục và quả của bốn thiền của địa Sơ thiền.

Hỏi: Địa nào thành tựu tâm biến hóa đó?

Đáp:

Ý, biến hóa địa dưới
Thành tựu quả loại kia

Nếu hợp ba thứ tâm
Địa trên cần phải nói.

Ý biến hóa của địa dưới, thành tựu quả của thiền kia, nghĩa là nếu thành tựu thiền là thành tựu quả của thiền đó, là tâm biến hóa của địa dưới.

Hỏi: Nói Sơ thiền có bốn tâm, trụ ở địa trên, muốn nghe, muốn thấy. Địa đó làm sao thấy, nghe?

Đáp: Thức của địa Phạm thế hiện ở trước mặt.

Hỏi: Tâm của địa kia được thành tựu vào lúc nào?

Đáp: Nếu hòa hợp ba thứ tâm, thì địa trên phải nên nói: Nếu vào lúc, mà thức của địa Phạm thế kia, hiện ra ở trước mặt, hoặc là nhãn thức, hoặc là nhĩ thức, nếu là thân thức, bấy giờ sẽ thành tựu thức của địa đó. Nếu thức của địa Phạm thế kia, không hiện ở trước mặt, tức là diệt mất, thì bấy giờ sẽ không thành tựu.

-oOo-

LUẬN A TỲ ĐÀM TÂM

QUYỂN 4

Phẩm 8: KHẾ KINH

Đã nói xong về phẩm Định, bấy giờ sẽ nói: Về Phẩm Khế kinh.

Đấng Nhất Thiết Trí nói Nghĩa mầu nhiệm khế kinh Bây giờ tôi sẽ nói

Hãy dùng tâm thiện nghe.

Mặc dù đã có nghĩa của Khế kinh, của tất cả A-tỳ-đàm, nhưng các Khế kinh cũng nên phân biệt đủ, nay sẽ nói về vấn đề này.

Đức Thế Tôn nói ba cõi: Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

Hỏi: Ba cõi này, như thế nào?

Đáp:

Dục có mười cư trú
Cõi Sắc nói mười bảy
Cõi Vô Sắc có bốn
Ba hữu cũng như vậy.

Cõi Dục có mười chỗ cư trú, nghĩa là cõi Dục này có mười chỗ cư ngụ là: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người và sáu tầng trời cõi Dục: Trời Tứ Thiên Vương, trời Ba Mươi Ba, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại, là chỗ chúng sinh khởi lên ý tưởng ham muốn.

Trong xứ sở này hoặc vật có thể được, đều là sở hữu của sự dâm dục nên nói là cõi Dục.

Hỏi: Thế nào là cõi Sắc?

Đáp: Cõi Sắc nói mười bảy, nghĩa là nói cõi Sắc có mười bảy chỗ ở: Phạm Thân, Phạm-Phú-Lâu, Thiểu Quang, Vô Lượng Quang, Quang Diệu, Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Biến Tịnh, Vô Quái Ngại, Thọ Phước, Quả Thật, Vô Tưởng, Chúng Sinh Bất Phiền, Bất Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện và Sắc Cứu Cánh.

Những xứ sở trên đây, không sinh khởi tưởng ham muốn, chỉ thành sắc rất mầu nhiệm. Vì không phải hình nam, không phải hình nữ nên nói là

cõi Sắc.

Trong cõi Vô Sắc có bốn, nghĩa là cõi Vô Sắc có bốn nơi cư trú: Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Xứ sở này không có sắc. Họ đã lìa sắc dục, nên gọi là cõi Vô Sắc.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Ba hữu là Dục hữu, Sắc hữu, Vô Sắc hữu.

Ba hữu này như thế nào?

Đáp: Ba hữu cũng giống như vậy, nghĩa là chia ba cõi trước, tức là ba hữu.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã nói bảy thức trụ, thức trụ này là sao?

Đáp:

Nẻo thiện là cõi Dục
Và ba địa cõi Sắc
Vô Sắc cũng như vậy
Tuệ biết các thức trụ.

Trong cõi Dục này, số nẻo thiện, như người, sáu tầng trời cõi Dục, ba địa trước của cõi Sắc, ba địa trước của cõi Vô Sắc.

Địa trên của Sơ thiền, địa Nhị thiền có ba. Địa trên của Nhị thiền, địa Tam thiền có ba. Trên địa của Tam thiền, địa Tứ thiền có chín. Trong đó, ba địa trước và ba địa trước của Vô Sắc, là nói bảy thức trụ. Vì sao? Vì thức không hoại, khổ thọ trong đường ác đã làm cho thức bị hư hoại, nên không lập được thức trụ. Ở thiền thứ tư, bị định Vô tưởng đã làm hư hoại thức, nên cũng không lập được thức trụ. Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì định Diệt tận làm hư hoại thức, nên không lập được thức trụ, cho nên không nói.

Đệ nhất hữu, Vô tưởng
Chúng sinh cư có chín
Bốn ấm, các hữu lậu
Là nói bốn thức trụ.

Đệ nhất hữu, Vô tưởng, nơi chúng sinh cư trú, nói là chín, nghĩa là bảy thức trụ này và chúng sinh Vô tưởng, Phi tưởng Phi phi tưởng, là nói nơi cư trú của chín loài chúng sinh. Vì ở trong đó chúng sinh cư trú nên nói là chúng sinh cư trú.

Bốn ấm của các hữu lậu, được gọi là bốn thức trụ. Nghĩa là Sắc hữu lậu, thọ, tưởng, hành, nếu thức nối tiếp nhau, sẽ có bạn này, nên nói là thức trụ.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói mười hai chi duyên khởi, về tướng của mười

hai duyên khởi này, cũng nên nói về tướng?

Đáp:

Các phiền não và nghiệp
Có thể sinh dần dần
Đấy gọi là chi hữu
Chúng sinh tất cả sinh.

Trong đó, phiền não là vô minh, ái, thủ, gọi là nghiệp, nghĩa là hành và hữu được gọi là thể. Chi khác là sự sinh dần dần của tất cả chúng sinh, dựa vào thể để lập ra phiền não. Nghiệp do phiền não tạo ra, thể do nghiệp tạo nên. Thế nên chia ra mười hai thứ.

Hỏi: Các chi này diễn ra cùng lúc hay dần dần?

Đáp: Không phải cùng lúc. Mười hai ấm, khổ, nói là mười hai chi, vô minh đứng đầu.

Chi hữu lớp thứ lập
Thọ lãnh sự sống, chết
Quá khứ và vị lai
Ở giữa nói có tám.

Chi hữu kia được lập theo trình tự, trong đó trước khi sinh, tất cả phiền não đều có chung và là bạn bè với nhau, được gọi là vô minh. Do vô minh này, nên tạo ra nghiệp, nghiệp tạo nên quả là hành. Hành sinh ra tâm của hạt giống là thức. Thức đó chung sinh bốn ấm nối tiếp nhau là Danh sắc. Trong danh sắc này, mắt là nơi nương dựa đứng đầu, các căn là sáu nhập. Căn, cảnh giới tâm cùng hòa hợp với nhau là cánh lạc (xúc). Xúc khiến sinh ra thọ nhận là thống (thọ), ái, thống mê đắm là ái. Thống (thọ) có đủ phiền muộn, nhọc nhằn, là thọ (thủ). Thủ đã phải vất vả gây tạo nghiệp là hữu. Trong hữu đó lại thọ nhận quả là sinh. Từ sinh kia lại sinh vô lượng tai ương, hoạn nạn là già, chết.

Như vậy, chi hữu này, hiện diện trong tất cả sự sống, hai thuộc về đời quá khứ và hai thuộc về vị lai, tám hữu thuộc đời hiện tại.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sáu cõi. Những cõi này như thế nào?

Đáp:

Các đại, nói có bốn
Và với thức hữu lậu
Cũng sắc trung gian, biết
Cõi này nói gốc sinh.

Các đại, có bốn và thức hữu lậu cũng là trung gian của sắc biết, nghĩa là bốn đại: Đất, nước, lửa, gió, thức hữu lậu và trung gian của sắc có thể

biết. Nói mắt đã tiếp nhận sáu pháp này, là nói về cõi.

Hỏi: Vì sao chỉ nói có sáu giới trong rất nhiều pháp?

Đáp: Vì cõi này được gọi là gốc của sự sống. Sáu pháp ấy là gốc của sự sống, chết, trong ấy có tưởng của con người. Ở đây, thân do đất sinh ra, nước làm cho thấm nhuần, lửa làm cho thành thục trừ bỏ thức ăn bị thối, gió làm khởi động nguồn uống ăn trong không gian, do gió vận hành ra vào, mà thức được thành lập. Trong thức này, khởi tưởng của con người, vì là tánh của sự sống, chết, cho nên nói là giới.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn Thánh Đế. Tướng bốn Thánh đế này thế nào?

Đáp:

Nếu các hành có quả
Hữu lậu, là nói khổ
Nếu có nhân là tập
Nếu dứt hết là diệt.

Nếu các hành có quả hữu lậu, là nói khổ. Nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều từ trong nhân sinh ra thì cũng sẽ tác động đến tất cả tai họa khốn khổ, thế nên, hết thảy hành đều gọi là khổ đế.

Nếu có nhân là tập, nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều nói là nhân. Vì lý do này, nên hết thảy hành đều gọi là tập đế. Như một cô gái, vừa gọi là mẹ, cũng gọi là thiếu nữ, chỉ có trước và sau. Như vậy, hành hữu lậu cũng vừa gọi là khổ đế, cũng vừa gọi là tập đế, vì đã sinh và sẽ sinh.

Nỗi đau khổ đã chấm dứt, gọi là diệt, nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều dứt trừ, dừng nghỉ, gọi là diệt đế.

Nếu có hành vô lậu
Đó gọi là đạo đế
Đạo đế đó, hai việc
Thấy vướng, biết vi tế.

Nếu có hành vô lậu, phải gọi là đạo đế, nghĩa là hết thảy hành vô lậu đều gọi là đạo đế. Vì sao? Vì lúc đã dứt khổ, đều là Đạo.

Hỏi: Vì sao gọi là đế?

Đáp: Vì Đế kia, có hai việc, vì hai việc này nên gọi là đế. Vì tự tướng chân thật, không điên đảo, và vì nhận thấy tự tướng đó mà được ý không điên đảo.

Hỏi: Như nhân trước, quả sau. Vì sao, Đức Thế Tôn trước nói quả, rồi sau mới nói nhân?

Đáp: Thấy sự vướng mắc là biết nguyên nhân vi tế. Mặc dù Thánh Đế có nói trước tập, sau khổ, là trước tu đạo, sau mới được diệt, nhưng lẽ ra trước nên thấy khổ đế, sau thấy tập đế. Như vậy, trước nên thấy diệt đế, rồi sau mới thấy đạo đế. Vì sao? Vì khổ thì to, tập thì nhỏ, diệt thì thô, cạn, mà đạo thì rất vi tế, sâu xa. Thế nên, Đức Thế Tôn trước nói khổ đế, sau mới nói tập đế, trước nói diệt đế sau mới nói đạo đế.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn quả Thánh Sa-môn, quả này có bao nhiêu thứ?

Đáp:

Quả Thánh có sáu thứ
Hơn hết ở chín địa
Thứ ba ở sáu địa
Hai đều nương vị lai.

Thánh quả có sáu thứ, nghĩa là sáu thứ bốn quả Sa-môn, năm ấm vô lậu và số duyên diệt.

Hỏi: Bốn quả Sa-môn thuộc về địa nào?

Đáp: Hơn hết là ở chín địa, hơn hết là quả Vô trước (A-la-hán) là thuộc về chín địa. Bốn thiền căn bản, ba Vô sắc, Vị lai và Trung gian.

Thứ ba ở sáu địa, nghĩa là quả Bất hoàn thuộc về sáu địa, đầy đủ bốn thiền, vị lai và trung gian, không phải Vô sắc, vì không có Pháp trí.

Thứ hai đều dựa vào vị lai, nghĩa là quả Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hàm đều thuộc về thiền vị lai, do chưa lìa sự ham muốn.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn đạo: Khổ không phải là đạo nhanh chóng, khổ là đạo nhanh chóng, niềm vui là đạo không nhanh chóng, niềm vui là đạo nhanh chóng. Tướng của bốn đạo này ra sao?

Đáp:

Các pháp từ tín, hành
Tưởng chậm: không phiền não
Các pháp từ pháp hành
Tưởng nhanh không phiền não.

Các pháp từ tín, hành, tưởng chậm không phiền não, nghĩa là pháp vô lậu từ tín hành không phải nhanh chóng, do thuộc về nhóm căn độn nên chậm. Nếu thọ nhận căn này, thì phải biết đến lúc có được niềm tin và sự giải thoát thì mới giải thoát, vì thọ nhận cũng đồng với căn độn.

Các pháp từ pháp hành, tưởng nhanh không phiền não. Nghĩa là pháp vô lậu xuất sinh từ pháp hành, là thuộc về chúng có căn cơ nhạy bén, cho

nên nhanh chóng. Nếu thọ nhận căn cơ nhạy bén này phải thấy biết, đến bất thời giải thoát, vì thọ nhận cũng đồng thời với lợi căn này.

Trong địa thiền căn bản
Biết giả gọi tưởng vui
Vô ích và khó được
Ngoài ra là tưởng khổ.

Biết giả gọi là tưởng vui, trong địa của thiền căn bản, nghĩa là căn cơ nhạy bén và pháp của căn độn, chậm lụt trong bốn thiền căn bản, gọi là vui với đạo. Vì sao? Vì đạo chỉ quán nên đạt được hành vui.

Vì ít và khó được, ngoài ra, đều là tưởng khổ: nghĩa là địa khác gồm nhiếp vô lậu là tưởng khổ. Vì sao? Vì ít. Đạo chỉ trong thiền trung gian, thiền vị lai ít, và quán trong Vô sắc cũng ít, nên rất khổ. Vì hoàn toàn khó được và vì ít, nên nói là khổ.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn tịnh không hư hoại, là đối với Phật tịnh không hư hoại, đối với Giới, Pháp, Thánh Tăng tịnh không hư hoại. Việc này thế nào?

Đáp:

Tự giác, pháp Thanh văn
Giải thoát cũng nhân khác
Tin thanh tịnh vó cấu
Giới Thánh và quyết định.

Tự giác, pháp của Thanh văn, sự giải thoát cũng là nhân khác, với đức tín thanh tịnh không có cấu uế, nghĩa là tự giác là Phật. Đức Phật đó thuộc về quả Vô trước. Công đức vô học là pháp của Phật. Đối với pháp này, nếu có niềm tin vô lậu, thì nói là đã được thanh tịnh không hư hoại, đối với Đức Phật và dĩ nhiên đã chứng quả Thanh văn. Và công đức của Hữu học, vô học kia được gọi là pháp Thanh văn. Đối với pháp này, nếu có niềm tin vô lậu, thì đối với tăng, được gọi là sự thanh tịnh không hư hoại. Niềm tin vô lậu trong Niết-bàn và những pháp hữu vi khác, như tin tưởng ở khổ đế, tập đế.

Tin tưởng ở công đức vô lậu của Bồ-tát, tin tưởng vào pháp Hữu học, Vô học, Bích-chi-Phật thì gọi là được tịnh không hư hoại đối với pháp.

Giới của Thánh, là giới vô lậu. Đây là nói sự thanh tịnh không hư hoại đối với giới.

Hỏi: Vì sao gọi là tịnh không hư hoại? Hoàn toàn là vô lậu, không phải hữu lậu?

Đáp: Đạt được quyết định! Đấy là sự quyết định, vì sinh từ trong

chánh kiến, nên là tưởng vô lậu, giới vô lậu và định vô lậu.

Niềm tin hữu lậu, là niềm tin bị phá hoại vì bất tín. Giới hữu lậu, là giới đã bị phi giới phá bỏ, do vậy, không quyết định, còn vô lậu không hư hoại cho đến đời sau, là do sự quyết định, nên tịnh không hư hoại, là hoàn toàn vô lậu.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Tu định có bốn:

1. Có khi tu định, được yên vui trong hiện pháp.
2. Có khi tu định, được tri kiến.
3. Có khi tu định, được tuệ phân biệt.
4. Có khi tu định, được dứt hết lậu. Tướng của tu định này ra sao?

Đáp:

Sơ thiền nếu có thiện
Nói hiện pháp là vui
Nếu biết việc sống, chết
Đó gọi là tri kiến.

Nếu Sơ thiền có điều thiện, nói hiện pháp là niềm vui: Nghĩa là Sơ thiền tịnh và Sơ thiền vô lậu có khả năng được ở trong niềm vui hiện pháp. Nếu biết được sanh tử thì gọi là tri kiến, nghĩa là sanh tử trí thông là nói tri kiến của tu định cùng nương vào năm ấm.

Tuệ phân biệt phải biết
Mong cầu các công đức
Kim Cương dụ, bốn thiền
Đó gọi là lậu tận.

Tuệ phân biệt, phải biết mong cầu được các công đức. Nghĩa là phương tiện sinh ra công đức, gọi là giới cõi Dục. Công đức của nghe, nghĩ, tu là tất cả pháp thiện của cõi Sắc, cõi Vô sắc. Tất cả pháp hữu vi, vô lậu, hết thảy đều là tu định phân biệt tuệ.

Bốn thiền, định Kim Cương dụ được gọi là lậu tận. Kim Cương dụ gọi là tâm học sau cùng. Cùng tương ưng, cùng có thuộc về Tứ thiền, là nói tu định lậu tận. Nghĩa là gì? Đấy là Đức Như Lai đã tự nói.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói về bốn như ý túc, bốn chánh đoạn và bốn ý chỉ. Các pháp đó cũng cần nói về tướng chăng?

Đáp:

Các pháp thiện hữu vi
Cầu phương tiện đẳng khởi
Phật nói như ý túc

Cũng hiện chánh ý đoạn.

Các pháp hữu vi thiện, mong cầu phương tiện đều khởi, Phật nói như ý túc, nghĩa là mong cầu phương tiện đẳng khởi, thì như trước kia đã tu định tuệ phân biệt, nói là tất cả như ý túc, là đồ đựng thừa như ý. Cũng thể hiện chánh ý đoạn, nghĩa là tất cả công đức này gọi là chánh đoạn.

Chánh đoạn là ý chỉ
Bốn Thánh chủng cũng vậy
Nói có sức nghĩ sinh
Do bậc Thánh kia nói.

Chánh đoạn kia cũng là ý chỉ, tức là pháp chánh đoạn này cũng nói là ý chỉ.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn Thánh chủng, bốn Thánh chủng này như thế nào?

Đáp: Bốn Thánh chủng cũng vậy, tức là chính pháp này cũng gọi là bốn Thánh chủng.

Hỏi: Vì sao hết thảy công đức này đều gọi là ý chỉ, chánh đoạn, như ý túc, của Thánh chủng?

Đáp: Vì có sức suy nghĩ mà phát sinh, lời bậc Thánh kia nói. Các pháp này được gọi là định, vì sức lo nghĩ nảy sinh, do định phát sinh, nên gọi là như ý túc.

Tinh tiến vì nhờ sức suy nghĩ phát sinh, nên nói là chánh đoạn. Sự nhớ nghĩ, vì nhờ sức suy nghĩ sinh khởi, nên gọi là ý chỉ. Sự ít ham muốn và biết đủ là, do sức suy nghĩ sinh ra, nên gọi là của Thánh chủng.

Đã cùng phân biệt phẩm Đạo, nay sẽ nói về tự tướng:

Tịnh tín, tinh tiến niệm
Hỷ, tuệ, và ỷ giác
Hộ (xả), suy nghĩ, giới, định
Pháp này là phẩm đạo.

Mười pháp này được nói là phẩm đạo, chẳng phải pháp nào khác. Trong đó, Tín là Tín căn, Tín lực. Tinh tiến là bốn chánh đoạn. Căn Tinh tiến, căn Tinh tiến, Lực Tinh tiến, giác chi là chánh phương tiện.

Niệm (sự nhớ nghĩ) là Niệm căn, Niệm lực, Niệm giác chi, chánh niệm.

Hỷ, là Hỷ giác chi.

Tuệ là bốn ý chỉ,

Tuệ căn, Tuệ lực tuệ,

Trạch pháp, Giác chi, chánh kiến là chánh kiến.

Ỷ (khinh an) là Ỷ giác chi. Hộ (xả) là Hộ giác chi.

Tư duy là chánh chí.

Giới là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Định là bốn như ý túc: Định căn, Định lực định, Định chi giác, chánh định.

Hỏi: Vì sao pháp này lại phân biệt có nhiều thứ như vậy?

Đáp:

Xứ phương tiện, một ý
Độn căn và lợi căn
Kiến đạo, tư duy đạo
Phật nói ba bảy phẩm.

Xứ: Chánh niệm, được lập trong duyên, nên gọi là ý chỉ.

Phương tiện: Là phương tiện chân chánh, nên gọi là chánh đoạn. Một ý: Vì lập một ý, nên gọi là như ý túc. Sự yếu kém, chậm lụt: ý được nên nói là Căn.

Căn cơ nhạy bén: Ý của căn cơ nhạy bén mà được, nên gọi là lực.

Thấy đạo: Vì thấy đạo mà được nên gọi là chi đạo.

Tư duy đạo: Vì đạo tư duy mà được nên gọi là Giác chi.

Vì đây là phân biệt sự, nên Đức Phật nói ba mươi bảy phẩm, vì mười pháp sự này, nên Đức Phật nói ba mươi bảy phẩm.

Hỏi: Phẩm đạo này thuộc về địa nào?

Đáp:

Nhị thiền vị lai thiền
Là nói ba mươi sáu
Tam, Tứ (thiền), ba mươi lăm
Trung gian thiền cũng vậy.

Thiền thứ hai, vị lai, là nói ba mươi sáu: nghĩa là thiền thứ hai không có chánh chí, thiền vị lai không có Hỷ giác chi. Ngoài ra, còn có ba mươi bốn, ba mươi lăm. Thiền trung gian cũng vậy, nghĩa là thiền thứ ba, thiền thứ tư và thiền trung gian đều không có Hỷ giác chi, không có chánh chí, ngoài ra thì có.

Sơ thiền, nói tất cả
Ba không, ba mươi mốt
Trên hết hai mươi mốt
Cõi Dục hai mươi hai.

Thứ nhất là nói tất cả, nghĩa là Sơ thiền có đủ ba mươi bảy.

Ba không có ba mươi mốt, nghĩa là có ba mươi mốt trong ba không. Hỷ, chánh chí (chánh tư duy), chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, thân ý chỉ, trong đó không có pháp khác.

Trên hết có hai mươi mốt: Phi tưởng Phi phi tưởng xứ không có bảy giác, tám đạo và ý chỉ của thân.

Cõi Dục có hai mươi hai: Trừ chi giác, chi đạo, ngoài ra là có.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Có bốn cách ăn: Ăn vốc, ăn bằng xúc chạm, ăn bằng ý suy nghĩ, ăn bằng sự nhận thức. Những cách ăn này là thế nào?

Đáp:

Đoàn thực, trong các ăn
Ba cách ăn cõi Dục
Thức, Tư và Cánh lạc (xúc)
Ăn ấy là hữu lậu.

Đoàn thực: Ăn bằng nắm vốc, trong các cách ăn, là ba cách ăn ở cõi Dục, nghĩa là ăn vốc ở cõi Dục có ba cách:

Dùng hương vị, xúc để trừ bỏ cơn đói khát, nên nói là ăn. Nhận thức, suy nghĩ, cánh lạc (xúc) gọi là ăn. Nói là hữu lậu; nghĩa là thức hữu lậu, lo nghĩ hữu lậu, xúc hữu lậu gọi là ăn. Có nghĩa gì? Vì đời sau cứ tiếp nối nhau không dứt, nên gọi là ăn.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói Tam-ma-đề: Không, Vô Nguyện, Vô Tướng.

Tam-ma-đề này thực hành bao nhiêu hành?

Vô nguyện có mười hành
Hai hành là định Không
Bốn hành trong hạnh Thánh
Nói là định Vô tướng.

Vô nguyện có mười hành: Tam-ma-đề vô nguyện thực hành mười hành: Hành vô thường, khổ hạnh, bốn hành tập đế, bốn hành đạo đế.

Hai hành là định Không: Nghĩa là Tam-ma-đề Không, hai hành không và hành vô ngã.

Bốn hành trong hạnh Thánh, được gọi là định vô tướng: Bốn hành của diệt đế là Tam-ma-đề vô tướng.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn điên đảo: Đối với vô thường tưởng có thường, tâm tưởng điên đảo, điên đảo thấy điên đảo. Khổ có tưởng vui, bất tịnh có tưởng tịnh, phi ngã có tưởng là ngã.

Tâm tưởng điên đảo, điên đảo thấy điên đảo, những điên đảo này,

pháp nào là đoạn, pháp thế nào là Tánh?

Hiểu rõ thấy khổ dứt,
Bốn thứ là điên đảo
Tất cả thấy ba tánh
Bỏ kiến nói chánh kiến.

Hiểu rõ thấy khổ dứt bốn thứ đều là điên đảo, nghĩa là tất cả bốn thứ điên đảo do thấy khổ mà dứt, đều lấy làm chỗ hành khổ.

Tất cả tánh ba kiến gọi là bỏ kiến, chánh kiến: Tức điên đảo là tánh kiến của ba kiến. Trên hết trong ba kiến chấp, tức là nói điên đảo. Thân kiến là nói chấp ngã, vì ngã là ngã kiến. Biên kiến là chấp có thường và đoạn, trộm kiến thì bất tịnh chấp là tịnh. Những kiến chấp đó, là chỗ của tất cả hành khổ. Và do tánh của kiến mà chấp có tâm, tưởng và kiến chấp làm cho rối loạn, nên gọi là tâm tưởng điên đảo, điên đảo thấy điên đảo, nhưng không phải tánh điên đảo.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có rất nhiều kiến, sáu mươi hai kiến là đứng đầu, thì thuộc kiến nào?

Đáp: Tất cả kiến đều thuộc về năm kiến, thân kiến là đứng đầu. Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp:

Chê bai sự chân thật
Đó gọi là tà kiến
Không thật chấp là thật
Hai kiến này và trí.

Chê bai sự chân thật, điều đó là tà kiến, nghĩa là kiến chấp chê bai pháp chân thật cho là không. Chẳng hạn như nói: Không có bố thí, không có trai giới, không có nói pháp. Tất cả lối nói như vậy đều gọi là tà kiến.

Không phải thật mà chấp là thật, hai kiến này và trí: Nghĩa là ngã kiến không chân thật trong năm ấm. Quán ngã là có thật, gọi là thân kiến. Nó không phải lạc, tịnh chân thật, mà thấy là lạc tịnh, đó là kiến chấp. Trộm kiến và các tà trí khác, đều do tư duy mà dứt. Như ban đêm, thoáng thấy một pho tượng người bằng gỗ , rồi cho là kẻ trộm!

Thấy tịnh là trộm giới
Không nhân chấp là nhân
Thọ biên, nói thấy này
Nhưng đoạn diệt có thường.

Thấy tịnh là trộm giới, không phải nhân, chấp là nhân: Pháp này không phải là nhân pháp kia mà chấp là nhân. Kiến chấp như vậy gọi trộm

giới, như khổ hạnh đến giải thoát.

Thọ nhận một bên, gọi kiến này là dựa vào đoạn diệt mà có thường. Thấy việc vô thường, chấp là thường, đấy là chấp có thường.

Nhân duyên tiếp nối nhau, không nhận biết rồi chấp là đoạn, đó là chấp đoạn, gọi là thọ lãnh biên kiến.

Đặt ra các chê bai
Do dựa vào hai bên
Nếu có việc chuyển hành
Là chánh kiến nên đoạn.

Đặt ra các chê bai, gọi là tà kiến. Nếu tà kiến đó, chê bai khổ, là do thấy khổ mà dứt. Nếu chê bai tập, thì do thấy tập mà dứt. Nếu chê bai diệt, thì do thấy diệt mà dứt. Nếu chê bai đạo thì do thấy đạo mà dứt.

Thân kiến lập ra khổ ngã là ngã, là thấy khổ mà dứt.

Trộm kiến, đặt ra chấp khổ là vui, là do thấy khổ mà dứt. Nếu tập là thấy tập mà dứt. Nếu chấp diệt, là thấy diệt mà dứt. Không thọ lãnh chánh pháp, nên thấy diệt mà dứt. Đạo cũng như vậy.

Nếu giới trộm hoạt động ở chỗ hữu lậu, là do thấy khổ mà dứt. Nếu hoạt động ở chỗ vô lậu, là do thấy đạo mà dứt. Chấp đoạn diệt, chấp thường còn, thì cũng do thấy khổ mà dứt. Năm ấm hiện có, là thọ đoạn diệt mà chấp là thường không phải không hiện. Trong đây là đã phân biệt tất cả các kiến.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói hai mươi hai căn, các căn này thế nào?

Đáp:

Các giới ở bên trong
Thân ba, và mạng căn
Căn này dựa sống chết
Do bậc Thánh nói ra.

Các giới ở bên trong, là mắt, tai, mũi, lưỡi, ý. Thân ba, nghĩa là thân căn có ba thứ: Là thân căn, nam căn, nữ căn. Mạng căn: Mạng căn thứ chín, căn này là chỗ nương dựa của sự sống, chết. Do bậc Thánh nói ra: Nghĩa là chín căn này làm nơi nương dựa của sinh tử, nên nói gốc chúng sinh, là tư tưởng về sự sống chết.

Các phiền não từ thọ
Tin đầu dựa thanh tịnh
Chín căn gọi vô lậu
Ba căn dựa vào đạo.

Các phiền não từ thọ: Nghĩa là với căn vui, căn khổ, căn mừng, căn

lo và căn hộ (xả), thì các thọ này đều bắt nguồn từ các phiền não này nên nói là gốc.

Tín đứng đầu, dựa vào thanh tịnh, nghĩa là tín căn, tinh tiến, niệm, định, tuệ căn, đều dựa vào đó mà giải thoát, nên gọi là gốc.

Chín căn gọi vô lậu, là ba căn dựa vào đạo, nghĩa là niềm tin đứng đầu năm căn, ba thọ và ý căn, như vô lậu dựa vào đạo, nên gọi là gốc. Tín hành, pháp hành thuộc về đạo, là căn chưa biết, tư duy thuộc về đạo là căn đã biết. Vô học thuộc về đạo là căn không biết.

Hỏi: Trong các căn này, có bao nhiêu thuộc cõi Dục, có bao nhiêu thuộc cõi Sắc, có bao nhiêu thuộc cõi Vô Sắc?

Đáp:

Cõi Dục bốn, thiện tám
Chủng tánh sắc có bảy
Các tâm sở, có mười
Một tâm, tuệ, đã nói.

Cõi Dục có bốn: Là nam căn, nữ căn, khổ căn, ưu căn là hoàn toàn thuộc cõi Dục. Ngoài ra, như đã nói trong phẩm giới.

Thiện có tám: Tín căn đứng đầu trong năm căn và ba vô lậu.

Chủng tánh của sắc có bảy, nghĩa là sắc căn có bảy: Là năm sắc căn, nam căn và nữ căn. Ngoài ra không phải sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu tâm tánh, bao nhiêu số của tâm tánh, có bao nhiêu không phải tâm tánh và có bao nhiêu không phải số của tâm tánh?

Đáp: Các tâm sở: Mười đức tin, đứng đầu trong năm căn và năm thọ. Nhất tâm, tuệ đã nói ấy là Ý căn. Căn khác, không phải tâm tánh, không phải là số tâm tánh.

Hỏi: Có bao nhiêu căn có báo, căn không có báo?

Đáp:

Một và mười có báo
Là do tuệ nói ra
Mười ba căn có báo
Thấy thật là phân biệt.

Một là ưu căn nhất định có báo, vì hoàn toàn là thiện, bất thiện. Trong hiện tại, khởi phương tiện, là không từ sinh báo, không phải oai nghi, không phải nghề khéo, là do không phải vô ký, nên hoàn toàn có báo.

Và mười căn có báo, là do người tuệ đã nói, nghĩa là đức tin đứng đầu trong năm căn, nói hữu lậu thì có báo, vô lậu thì không có báo. Ý căn

và ba thọ là vô ký và vô lậu thì không có báo. Thiện, bất thiện khác là có báo.

Khổ căn gọi là vô ký thì không có báo, ngoài ra căn khác thì có báo.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là báo, bao nhiêu căn không phải báo?

Đáp: Mười ba là báo, trông thấy thật, nghĩa là phân biệt, trong mười ba căn, hoặc tánh là báo, hoặc không phải sắc căn, bảy mạng căn, ý căn và bốn thọ, pháp vô ký, nghĩa là sinh ra trong thiện, bất thiện, nên có báo.

Hỏi: Lúc sinh lần đầu tiên có bao nhiêu căn được báo trước?

Đáp:

Hai, sáu, bảy, tám căn
Lúc đầu có được báo
Trong Dục có tưởng báo
Cũng sáu và trên một.

Hai hoặc sáu, bảy, tám căn, nghĩa là lúc đầu thì có thể được báo, dần dần mới thành căn, như các loài sinh bằng trứng, sinh nơi ẩm ướt, sinh bằng thai, là ngay từ đầu có hai căn sinh là thân căn và mạng căn. Loài hóa sinh, vô hình có sáu căn: Năm sắc căn và mạng căn. Loài một hình có bảy loài hai hình có tám căn.

Trong Dục có tưởng về báo: Đấy là hoàn toàn nói chúng sinh của cõi Dục.

Cũng có sáu và cõi trên có một căn, nghĩa là lúc sinh lần đầu ở cõi Sắc được sáu căn, cõi Vô Sắc có một căn. Bấy giờ, hoàn toàn là tâm cấu uế, đấy là do trên hoàn toàn cấu uế mà được pháp tâm, tâm sở, chứ không phải báo.

Hỏi: Lúc chết có bao nhiêu căn được xả sau cùng?

Đáp:

Bốn xả tám và chín
Hoặc lại xả đến mười
Lúc chết dần dần diệt
Thiện xả đều thêm năm.

Bốn xả tám và chín, hoặc lại xả đến mười, lúc chết dần dần diệt: Nghĩa là các tâm vô ký dần dần qua đời, sau cùng mới xả bốn căn: Thân, ý, mạng và xả căn .

Vô hình: Tâm vô ký trong lúc chết, xả tám căn. Một hình: Xả chín, hai hình xả mười.

Thiện, xả thì mỗi căn đều tăng thêm năm, nghĩa là tâm thiện của

người đó, cộng thêm tín đứng đầu trong năm căn.

Như vậy, cõi Sắc, Vô Sắc tùy thuộc vào căn có thể được, cũng như vậy.

Hỏi: Có bao nhiêu căn do thấy đạo mà dứt, do tư duy mà dứt và không có dứt?

Đáp:

Hai dứt, bốn không dứt
Hai thứ căn có sáu
Ba vi diệu không dứt
Là tư duy khác dứt.

Hai dứt, bốn không dứt, tức là bốn căn do thấy đạo mà dứt, do tư duy mà dứt. Bốn không dứt là ý căn và ba thọ. Hai thứ căn có sáu: Là Tín căn đứng đầu năm căn và Ưu căn.

Ba vi diệu không dứt: Nghĩa là ba vô lậu là không dứt. Nói khác tư duy khác dứt, là chín căn, do tư duy mà dứt. Mạng căn... tám và khổ căn.

Đã nói về các Khế kinh, bây giờ sẽ nói: Về môn.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sáu thức: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức, các thức này biết pháp nào?

Nếu chấp nghĩa các căn
Là năm thứ tâm giới
Thọ nhận tất cả pháp
Đó là ý thức giới.

Nếu chấp nghĩa các căn là năm thứ tâm giới, là danh nghĩa năm thứ sắc, là năm thức biết, nhãn thức biết sắc, cho đến thân thức, biết xúc, thọ nhận tất cả pháp, đó là giới ý thức, nghĩa là ý thức biết hết thảy các pháp. Cảnh giới này là tất cả các pháp.

Hỏi: Có mười pháp tương ưng, không tương ưng với cõi Dục, tương ưng, không tương ưng với cõi Sắc, tương ưng, không tương ưng với cõi Vô Sắc, tương ưng, không tương ưng với hữu vi, vô lậu. Vô vi có hai thứ là thiện và vô ký. Trong đấy, nên dùng trí phân biệt. Cảnh giới của mỗi trí có bao nhiêu pháp?

Đáp:

Phải nên biết năm pháp
Là cảnh giới pháp trí
Trí vị tri là bảy
Cảnh giới tha tâm, ba.

Năm pháp, nên biết là cảnh giới của pháp trí, nghĩa là năm pháp là cảnh giới của pháp trí.

Tương ưng, không tương ưng với cõi Dục, là vô vi thiện, tương ưng, không tương ưng với vô lậu. Trí vị tri là bảy, nghĩa là cảnh giới của trí vị tri có bảy pháp, là vô vi thiện tương ưng, không tương ưng với vô lậu và cõi Sắc, cõi Vô Sắc.

Cảnh giới của tha tâm là ba, nghĩa là cảnh giới của trí tha tâm có ba pháp tương ưng với cõi Dục, cõi Sắc và vô lậu.

Trí hữu lậu có mười
Cảnh giới nhân quả sáu
Trí giải thoát một pháp
Đạo hai, trí khác chín.

Trí hữu lậu có mười, đó là trí hữu lậu là đẳng trí. Vì tất cả cảnh giới của mười pháp là cảnh giới của tất cả pháp.

Cảnh giới nhân quả có sáu, đó là khổ trí và tập trí là sáu pháp của cảnh giới, tương ưng, không tương ưng với ba cõi.

Trí giải thoát có một pháp, nghĩa là cảnh giới diệt trí có một pháp là chỉ có thiện vô vi. Đạo có hai nghĩa là cảnh giới đạo trí có hai pháp tương ưng, không tương ưng với hữu vi, vô lậu.

Nói trí khác có chín: Nghĩa là Tận trí, Vô sinh trí khác có chín pháp của cảnh giới, trừ vô vi, vô ký của cảnh giới đó, gọi là trí giải.

Phiền não ở địa mình
Định sử ở địa mình
Khắp tất cả là chủng
Đều thuộc loại sử kia.

Phiền não ở địa mình, định, sử địa mình, nghĩa là các phiền não cõi Dục sai khiến ở cõi Dục. Các phiền não của Phạm Thế đã sai khiến ở Phạm thế. Như vậy, đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ đều phải biết. Khắp tất cả là chủng, đều tùy thuộc ở loại sử kia, nghĩa là thông suốt tất cả cùng khắp hay không thông suốt tất cả cùng khắp, các phiền não sai khiến thì tùy ở chủng loại mà chung cho tất cả cùng khắp, cũng với chủng loại khác. Như thân kiến do thấy khổ mà dứt, trong đó, khổ đế đã dứt hết thảy sử sai khiến và thấy tập mà dứt nên chung cho tất cả. Như vậy, cho đến mạng căn, do tư duy mà dứt. Tư duy này dứt tất cả đối tượng sai khiến và chung cho tất cả.

Phiền não ba cõi định Định tồn tại ba cõi Hai cõi cần phải biết Một cõi cũng như vậy.

Phiền não cõi nhất định, chắc chắn tồn tại ở ba cõi, nghĩa là pháp

thuộc về ba cõi chắc chắn ở khắp ba cõi, ở đó tất cả là sử đối tượng sai khiến của ba cõi. Như ý căn, nhất định tồn tại ở ba cõi, trong đó tất cả là sử đối tượng sai khiến.

Hai cõi cần nên biết, nghĩa là pháp thuộc về hai cõi thì nhất định ở hai cõi, trong đó hết thảy là sử, đối tượng sai khiến của hai cõi, tùy thuộc vào cõi mà có thể được, như giác quán thì nhất định ở cõi Dục, cõi Sắc, trong đó, cõi Dục cõi Sắc là tất cả sử, đối tượng sai khiến.

Một cõi cũng giống như vậy, nghĩa là pháp nhất định ở một cõi, trong cõi này, tất cả sử đối tượng sai khiến. Như căn ưu thì nhất định ở cõi Dục, trong đây cõi Dục là tất cả sử đối tượng sai khiến.

Phật nói Khế kinh này Là chỉ rõ các pháp Thức, trí và các sử Phân biệt ba môn này.

Nếu trong Khế kinh của Phật nói các pháp là ba môn, thì lẽ ra chia làm: Môn thức, môn trí, môn sử. Như nghĩa của năm căn trong Dục, hữu là sự nhận biết của sáu thức, bốn thức của cõi Sắc, trừ tỷ thức, thiệt thức, vì sự tương ưng, không tương ưng nên biết bảy trí, vì năm chủng loại đều là sử của đối tượng của sử ở cõi Dục, cõi Sắc.

Phẩm 9: PHẨM TẠP

Đã nói về phẩm Khế kinh, bây giờ nói về phẩm Tạp.

Đã nói tùy, tương ưng
Mỗi mỗi phân biệt pháp
Các nghĩa phức tạp trên
Nay nói lược khéo nghe,
Có duyên cũng tương ưng
Có hành hoặc nương dựa
Pháp tâm và tâm sở
Là nói đồng một nghĩa.

Pháp tâm và tâm sở, đó gọi là khác nhau. Một duyên của tất cả hành nên nói là có duyên. Vả lại, tương ưng lẫn nhau nên nói là tương ưng. Vì sự cảnh giới hành nên nói là hành. Vì nương dựa mà sinh, nên nói là nương dựa.

Duyên sinh cũng là nhân
Có nhân và hữu vi
Nói xứ, có đường đi

Có quả nên phải biết.

Đấy gọi là sự khác nhau trong pháp hữu vi: Do dựa vào duyên nên nói là duyên. Vì sinh từ cái khác, nên nói là nhân. Do dựa vào nhân, nên nói là có nhân. Do dựa vào tạo tác mà có, nên nói là hữu vi. Vì sử dụng nhiều phương tiện, khéo léo chỉ rõ, nên nói là Xứ. Vì căn cứ vào con đường ở quá khứ, hiện tại, vị lai, nên nói là đường đi. Và vì có sự chuyển biến thành quả, nên nói là có quả.

Có ác cũng ẩn mất
Cấu uế và thấp hèn
Thiện, hữu vi và tập
Cũng gọi là tu học.

Có điều ác cũng ẩn mất, cấu uế và thấp hèn: Nghĩa là điều bất thiện và pháp vô ký ẩn mất, đấy gọi là sự khác nhau. Vì không thể nói lên sự thiết lập trong đồng nhóm, nên nói là có ác. Vì bị phiền não che lấp, nên nói là ẩn mất. Vì bị phiền não làm cấu uế nên nói là cấu uế. Tâm thường thô bỉ, nên nói là thấp hèn. Vì không có trí, tối tăm, rối loạn, nên nói là đen tối.

Thiện, hữu vi và tập, nghĩa là pháp hữu vi thiện gọi là sự khác nhau. Vì sinh trong tuệ, nên nói là thiện. Lúc thực hành, vì được công đức và có thể làm, nên nói tập và tu.

Đã nói về tâm tương ưng hành, bây giờ nói tâm bất tương ưng hành.

Không tư tưởng, hai định
Cũng chủng loại chúng sinh
Cú thân, vị, danh thân
Mạng căn và pháp đắc.
Tất cả tánh phàm phu
Và bốn tướng các pháp
Chẳng sắc, không tương ưng
Gọi là hành hữu vi.

Không có tư tưởng là sinh cõi trời vô tưởng, pháp tâm, tâm sở không sanh khởi.

Hai định là định Vô tưởng và định Diệt tận. Định Vô tưởng gọi là nhàm chán sanh tử, tưởng đến sự giải thoát, do tâm tiếp nối nhau của Tứ thiền đã dứt trong một lúc. Định Diệt tận gọi là chán ghét việc mệt nhọc, nên tưởng tượng đến sự dừng nghỉ. Vì tâm của Phi tưởng phi phi tưởng được nối tiếp nhau, được cắt đứt trong một lúc.

Cũng là chủng loại chúng sinh: Nghĩa là chỗ sinh đã sinh, chúng sinh

ở nơi này nương dựa và tâm giống nhau.

Câu là danh từ hợp với lời đã nói, như việc đã làm, không phải thường mà cho là pháp thịnh suy.

Vị: Câu hợp với việc, nói rộng như bài kệ và Khế kinh.

Danh từ: Chữ hội thuyết nghĩa. Như: Mạng căn thường nói, nghĩa là căn và các đại v.v… đều nối tiếp nhau, không dứt.

Đắc: Thành tựu các pháp không bỏ.

Tánh của phàm phu: Chưa thọ nhận sự chánh chứng và lìa bỏ Thánh pháp, là tánh của phàm phu.

Tất cả bốn tướng: Sinh, trụ, già, vô thường.

Không phải sắc: Tất cả các này pháp như đã nói trên, đều chẳng phải sắc, chẳng phải thuộc về sắc.

Không tương ưng, là không có duyên.

Nói là hành hữu vi, vì là hữu vi tạo tác, nên nói là hành hữu vi.

Hỏi: Trong hành hữu vi này, có bao nhiêu thiện, bao nhiêu bất thiện, bao nhiêu vô ký?

Đáp:

Thiện hai, ba thứ năm
Bảy lẽ ra vô ký
Hai ở sắc, nên biết
Một ở địa Vô Sắc.

Thiện hai là định vô tưởng và định diệt tận.

Ba thứ có năm là đắc, sinh, già, trụ, vô thường. Thiện trong thiện, bất thiện trong bất thiện, vô ký trong vô ký.

Bảy lẽ ra vô ký, là bảy vô ký, là chủng loại của chúng sinh ở cõi trời Vô Tưởng. Câu, vị, danh, mạng là tánh sẵn có của phàm phu.

Hỏi: Trong bảy vô ký này, có bao nhiêu thuộc cõi Dục, bao nhiêu thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thuộc cõi Vô Sắc?

Đáp: Hai ở cõi Sắc phải biết, một ở địa Vô Sắc, hai ở cõi Sắc phải biết, nghĩa là định Vô Tưởng và trời Vô Tưởng là cõi Sắc. Một ở địa Vô Sắc nghĩa là định Diệt tận ở cõi Vô Sắc.

Hai cõi nói ở ba
Chúng sinh khác ở ba cõi
Hữu lậu, vô lậu, năm
Ngoài ra, định hữu lậu.

Hai cõi nói ở ba, nghĩa là câu, vị, danh cũng có ở cõi Dục, cũng có ở

cõi Sắc, không có ở cõi Vô Sắc, vì lìa bỏ lời nói.

Nói chúng sinh khác ở tại ba cõi, nghĩa là mạng, chủng loại của chúng sinh, đã có được tánh của phàm phu sẵn có và bốn tướng chung ở ba cõi.

Trong đây có bao nhiêu là hữu lậu, bao nhiêu là vô lậu?

Đáp: Hữu lậu, vô lậu có năm, ngoài ra, định hữu lậu có Năm: Nghĩa là đắc, sinh, già, trụ, vô thường. Ở hữu lậu trong hữu lậu, ở vô lậu trong vô lậu. Ngoài ra là định hữu lậu, nghĩa là tất cả các định hữu lậu khác.

Hỏi: Đấy là lìa Thánh pháp, giả gọi là phàm phu vô ký trong ba cõi, việc này thế nào là xả, thế nào là dứt?

Đáp:

Trong tâm vô lậu đầu
Thánh không thành tựu xả
Phàm phu trôi các cõi
Lúc lìa dục dứt hết.

Thánh không thành tựu xả trong tâm vô lậu lúc đầu, nghĩa là trong tâm vô lậu thứ nhất lúc được Thánh pháp, là được bất thành tựu xả. Phàm phu bị trôi dạt trong các cõi, nghĩa là lúc trôi dạt trong các cõi, là nơi mạng chung xả bỏ xứ sở đó, là nơi sinh thì ở xứ sở đó, được vô ký. Lúc xa lìa dục thì dứt hết, nghĩa là hết thảy địa phàm phu sẵn có, nếu địa này lìa dục, thì bấy giờ dứt được tánh phàm phu.

Đã nói về tâm bất tương ưng hành, nay sẽ nói: Về vô vi

Ba pháp vô vi là pháp số duyên diệt, phi số duyên và hư không, ở trong số duyên diệt: Là giải thoát các phiền não. Căn cứ ở số duyên diệt này, nên pháp hữu lậu được lìa phiền não và giải thoát.

Do sức của số duyên, nên sức trí tính toán, so sánh sự việc có mà không, gọi là số duyên diệt, tướng không gây trở ngại, gọi là hư không, nghĩa là không trở ngại sắc, đó là hư không.

Các pháp nhiều duyên sinh
Cũng nương dựa với duyên
Không đủ, nên không sinh
Diệt này không phải sáng.

Tất cả pháp hữu vi đều từ các duyên sinh ra, nếu không có duyên thì không sinh. Như nhãn thức phải nương vào mắt, dựa vào sắc, dựa vào hư không, dựa vào ánh sáng, nương dựa vào đất, dựa vào sự vắng lặng. Nếu tất cả yếu tố này, cùng hòa hợp chung, thì được sinh. Ngoài ra nếu không đủ thì không sinh được. Như cơn buồn ngủ sẽ sinh bất cứ lúc nào cho mắt, bấy giờ, việc khác không đủ thì nhãn thức sẽ không được sinh. Nhãn thức

kia, đáng lẽ phải sinh mà không sinh. Mắt đã sinh rồi, sẽ không bao giờ sinh nữa, vì đã lìa duyên này, có vị lai, thì không còn sẽ sinh. Nhãn thức nọ sinh khởi, hội đủ việc sai trái, không hòa hợp, là phi số duyên diệt. như vậy, tất cả hành phải biết hết.

Đã nói về vô vi, nay sẽ nói: Về nguyên nhân của vô vi

Hỏi: Pháp hữu vi được gọi là nhân. Trong đấy, thế nào là nhân?

Thế nào là không nhân?

Đáp:

Nhân trước dường như tăng
Hoặc đều nương dựa sinh
Hai nhân và một duyên
Gọi hoàn toàn đã sinh.

Nhân trước dường như tăng, nghĩa là pháp sinh trước và sinh sau giống nhau, tương tự như nhân chuyển biến tăng thêm, như khéo ở địa mình, khéo ở nhân thiện và nhân giữa, nhân trên, nhân giữa thì ở giữa và nhân trên thì ở trên, chỉ có nhân trên. Lúc pháp hành thì vẫn có sự an trụ, có sự gia tăng, cuối cùng không giảm bớt. Do vậy, nên không phải vì nhân mềm mỏng.

Hoặc đều nương nhau mà sinh: nghĩa là hoặc nhân cùng sinh, như nhân tương ưng và nhân cùng có.

Hai nhân và một duyên, nói là hoàn toàn đã sinh, nghĩa là nhân tự nhiên đã sinh, phải nói là nhân, trước chẳng phải không sinh, nghĩa là nhân sau và chưa sinh, nghĩa là không có trước sau. Nếu có, thì lẽ nên tùy lúc mà sinh, không từ nhân, nhưng không như vậy cho nên không có tất cả. Nhân cùng khắp cũng như vậy và thứ lớp duyên.

Hỏi: Báo này là số chúng sinh hay không phải số chúng sinh?

Đáp: Báo là số chúng sinh. Báo, nghĩa là trong pháp số chúng sinh, mà nói chẳng phải không là số chúng sinh. Vì sao? Vì số chúng sinh, nghĩa là không có sự cùng chung, vì không phải là số chúng sinh có chung, cho nên chẳng phải báo.

Hỏi: Pháp của quả này như thế nào?

Đáp: Là quả giải thoát hữu vi, là quả của hết thảy pháp tánh hữu vi, hết thảy do nhân duyên, cho nên giải thoát vô vi cũng nên nói là quả của đạo.

Hỏi: Pháp có duyên, thế nào là hành duyên?

Đáp: Có duyên, nghĩa là pháp có chung duyên. Là tương ưng, là có

chung hành trong một duyên, không khác nhau.

Hỏi: Hành ở chỗ nào?

Đáp: Hành ở cảnh giới khác, hành ở cảnh giới khác, không phải tự tánh, là lìa hành của mình và duyên khác nhau.

Hỏi: Pháp tâm, tâm sở, có xứ sở hay không có xứ sở?

Đáp: Không có xứ sở. Vì sao? Vì nhân phổ biến, nhân phổ biến sinh pháp tâm, tâm sở nhân hai mắt, sinh ra một thức. Nếu có chỗ ở, thì lẽ ra, phải ở trong một mắt, vì là một thức. Nếu vậy, thì mắt thứ hai, lẽ ra không thấy sắc, mà vẫn thấy! Vì thế, nên không phải ở trong một mắt. Như thế, tất cả đều biết, và nếu như vậy thì không có chỗ ở.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói tâm giải thoát như thế nào? Tâm giải thoát là quá khứ, vị lai hay hiện tại?

Đáp: Lúc sinh, lúc đạo giải thoát sinh là giải thoát. Vì sao? Vì lúc đạo giải thoát sinh, thì các phiền não diệt, cho nên lúc sinh là giải thoát.

Hỏi: Có phải lúc sinh là dứt phiền não không?

Đáp:

Lúc đạo diệt, diệt kiết
Người tuệ sáng đã nói.

Lúc đạo diệt là đã dứt trừ các phiền não, chứ không phải lúc đạo sinh. Vì sao? Vì lúc đạo sinh là vị lai, mà đạo ở vị lai thì không thể làm việc. Chính vì lý do này, nên lúc đạo vô ngại diệt, thì dứt mọi phiền não, lúc đạo giải thoát sinh thì giải thoát.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có ái, không có ái, có bao nhiêu thứ có ái, bao nhiêu thứ không có ái?

Đáp:

Có ái, có năm thứ
Không có, một tướng riêng.

Có ái có năm thứ. Có ái, gọi là đối với sự vật sinh, bất sinh. Nếu ái, đó gọi là có ái. Năm thứ ái này, do khổ dứt mà thấy tập, diệt, đạo dứt và tư duy dứt.

Không có một tướng riêng, là không có ái, gọi là đã thấy dứt. Vui với đoạn, đó gọi là không có ái, đó hoàn toàn là tư duy dứt. Vì sao? Vì từ thấy ái, mới tư duy dứt. Đấy là hành không chuyển biến, trong sự nối tiếp nhau, vì chấp ái, chẳng phải, nên tư duy dứt.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có ba cõi: Cõi dứt, cõi không có sự ham muốn và cõi diệt, tướng của các cõi này thế nào?

Ái xứ phiền não khác
Diệt tận là ba cõi.

Ái cắt đứt, là cõi không có sự ham muốn, chỗ dứt là cõi diệt, phiền não khác dứt là cõi dứt.

Hỏi: Với mười tâm là thiện, cấu uế, vô ký của cõi Dục, thiện, cấu uế, vô ký của cõi Sắc, thiện, cấu uế, vô ký và vô lậu của cõi Vô Sắc. Tâm này có bao nhiêu sự cấu uế có thể được trong tâm, bao nhiêu thiện có được trong tâm, bao nhiêu vô ký trong tâm?

Đáp:

Tâm cấu uế có mười
Lời chánh giác đã nói
Trong tâm thiện có sáu
Vô ký tức vô ký.

Tâm cấu uế có mười, là lời đấng Chánh giác đã nói, nghĩa là cõi mười tâm được hết thảy trong tâm cấu uế và thiện, cấu uế, vô ký của ba cõi là lúc địa trở lại. Lúc tất cả đều được sự thối lui được vô lậu của tâm này.

Trong tâm thiện có sáu: Nghĩa là trong tâm thiện có sáu tâm. Thiện của cõi Dục, là do sự mong cầu học hỏi mà được và do hành vi của thân, miệng, và cũng là vô ký của tâm biến hóa, Vô ký của tâm biến hóa, thiện cõi Sắc. Tâm thiện và vô lậu, của cõi Vô Sắc.

Vô ký tức vô ký, là tâm vô ký thì chỉ có được vô ký, vì yếu kém.

Hỏi: Ở trước đã nói mười pháp trong phẩm Đạo. Trong phẩm Đạo này có tất cả bao nhiêu căn tánh và bao nhiêu không phải căn tánh?

Đáp:

Phẩm đạo có sáu pháp
Phải biết đây là căn.

Căn tánh của sáu pháp trong đấy, đã có đức tin đứng đầu trong năm căn và hỷ căn. Ngoài ra, không phải điều mà căn có.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tự tánh hay tánh khác?

Đáp:

Tương ưng với các pháp
Đây gọi là tánh khác.

Các pháp tương ưng với tánh khác, chứ không phải với tự tánh, không phải là tự tánh đối với trợ bạn của tự tánh.

Hỏi: Nếu đây là giải thoát thì phải thế nào?

Đáp:

Trong duyên mở trói buộc
Là lời Đại Tiên nói.

Các phiền não ở trong duyên là sự ngu si, tức là phiền não, không khởi lên sự ngu si. Sự trói buộc ở trong duyên tức là ngay trong đó cởi mở. Không thể đem sự tương ưng để giải tỏa sự tương ưng, vì sao? Vì là không!

Hỏi: Dứt phiền não, tức giải thoát là khác nhau phải không?

Đáp: Đúng vậy! Vì nếu đã giải thoát, tức là đã dứt phiền não rồi.

Hỏi: Có khi nào đã dứt phiền não rồi, mà không phải là giải thoát chăng?

Đáp: Có. Vì đôi khi đã cắt đứt dây phiền não, thì lại bị trói buộc nữa. Thấy đạo và tư duy, trí khổ đã sinh, tập trí chưa sinh. Thấy khổ mà dứt, là phiền não sẽ bị dứt, nhưng thấy tập mà dứt, thì phiền não lại trói buộc. Tư duy như vậy là đã cắt đứt tất cả chủng, lại làm duyên lẫn nhau.

Hỏi: Thấy bốn chân đế, được tịnh không hư hoại là thế nào?

Đáp:

Hai giải thoát, ba đế
Bốn do thấy chánh đạo
Phát khởi tín thanh tịnh
Tu tập ở hai đời.

Hai sự giải thoát ở ba đế, nghĩa là quán khổ, tập, diệt, được pháp thanh tịnh không hư hoại, niềm tin tương ưng với trí khổ tập, diệt. Đó gọi là được thanh tịnh không hư hoại và là giới của Thánh.

Bốn do thấy chánh đạo, hưng khởi niềm tin thanh tịnh, nghĩa là lúc thấy đạo có đủ được bốn.

Hỏi: Tu bao nhiêu đời?

Đáp: Tu tập hai đời. Các pháp được tu ở hai đời: Tu hành ở hiện tại, tu hành ở vị lai, đều được tu.

Hỏi: Tâm với pháp hành chung như thế nào?

Đáp:

Tất cả pháp tâm sở
Nói là tâm hành chung
Tướng này và pháp khác
Tạo tác cần phải biết.

Tất cả pháp tâm sở, được gọi là tâm cộng hành, nghĩa là tất cả pháp tâm sở được gọi là tâm hành chung, vì gần với tâm.

Tướng của tâm này, tức là tâm này có bốn tướng: Sinh, trụ, già, vô

thường, vì cũng gần với tâm.

Và pháp khác là tướng của pháp tâm sở khác cũng là tâm hành chung.

Sự tạo tác cũng cần phải biết: Nghĩa là không có sự dạy răn, như trước đã nói.

Hỏi: Thế nào là pháp dứt?

Đáp: Là dứt các pháp hữu lậu, vì tất cả pháp hữu lậu đều dứt do lẫn lộn điều ác.

Hỏi: Thế nào là biết pháp?

Đáp: Biết các hữu lậu không có cấu uế và vô lậu, là Nhất thiết tri pháp, là cảnh giới của Nhất thiết trí.

Hỏi: Thế nào là pháp xa?

Đáp: Quá khứ, vị lai là nói xa, vì là việc không làm.

Hỏi: Thế nào là pháp gần?

Đáp: Pháp khác gọi là gần, vì gần với hiện tại, vì việc đã làm xong, vì được nhanh chóng gần với vô vi.

Hỏi: Thế nào là pháp định?

Đáp:

Vô gián, nghiệp không cứu
Và các hạnh vô lậu
Người tuệ nói là định.

Năm nghiệp Vô gián thì chắc chắn phải đọa địa ngục. Hành vô lậu cũng là định, tất nhiên sẽ đến quả giải thoát. Nghiệp khác thì không định.

Hỏi: Thế nào là kiến xứ?

Đáp: Kiến xứ tất nhiên là hữu lậu. Kiến xứ của tất cả pháp hữu lậu, là xứ sở của năm kiến.

Hỏi: Nếu thành tựu căn thì thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp:

Nói có mười chín căn
Là thành tựu rất nhiều
Thành tựu ít nhất tám
Hiểu rõ căn đã nói.

Nói có mười chín căn là thành tựu nhiều nhất, nghĩa là thành tựu mười chín căn là nhiều nhất, như hai hình và người đủ căn, chưa lìa bỏ sự mong muốn thấy đế.

Thành tựu ít nhất là tám căn, hiểu rõ căn đã nói, nghĩa là thành tựu

tám căn, như không đủ thân căn, đoạn căn thiện và phàm phu sinh trong cõi Vô Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ cánh lạc (xúc)?

Đáp: Có năm thứ:

Thêm, có đối, vô minh
Trong đó nói về xúc,
Thánh đạo đều có hai
Hưng khởi lên thành quả.

Xúc tương ưng với ý thức, là nói tăng xúc. Năm thức tương ưng xúc, đó gọi là xúc có đối. Xúc cấu uế là nói xúc vô minh.

Xúc vô lậu, là nói xúc của minh. Hữu lậu không phải là xúc cấu uế, là nói xúc của chẳng phải minh, chẳng phải vô minh.

Hỏi: Đạo nào đắc quả? Là đạo vô ngại hay đạo giải thoát?

Đáp: Thánh đạo có cả hai, có khả năng hưng khởi thành quả, cả hai đạo, đều đắc quả:

1. Cởi mở sự ràng buộc.
2. Được giải thoát. Đó là hai đạo thành quả.

Hỏi: Sự không chấp mắc trụ ở tâm nào để nhập Niết-bàn?

Đáp: Không vướng mắc trong tâm, là được Niết-bàn vô vi. Không vướng bận tất cả việc, không có tạo tác, không có làm gì, không có mong cầu được an trụ. Từ trong tâm quả báo đó, mà nhập Niết-bàn.

Hỏi: Có bao nhiêu hữu?

Đáp:

Sinh hữu và tử hữu
Căn bản cũng ở giữa.

Sinh hữu tức là lúc ấm mới sinh, nên gọi là sinh hữu.

Tử hữu tức là ấm lúc chết, gọi là tử hữu.

Căn bản hữu, tức là trừ sinh hữu và tử hữu.

Ấm ở khoảng giữa, gọi là căn bản hữu.

Trung hữu, nghĩa là ấm có chỗ đến, gọi đó là Trung hữu.

Hỏi: Nói có sự nhàm chán, có sự lìa bỏ ham muốn.

Thế nào là nhàm chán? Thế nào là lìa bỏ ham muốn?

Đáp:

Các trí ở nhân khổ
Nhẫn này tu nhàm chán

Diệt dục được vô dục
Nói phổ biến trong bốn.

Các trí ở nhân khổ, nhẫn này tu ở sự nhàm chán. Nghĩa là nếu trí và nhẫn duyên với khổ, tập là nói nhàm chán tu hành, nhàm chán xứ sở. Dập tắt ham muốn thì được vô dục.

Nói khắp trong bốn, tức là trí và nhẫn trong bốn đế, nên mới nói: Lìa bỏ ham muốn, có công năng dứt bặt ham muốn.

Phẩm 10: LUẬN

Oai nghi, không oai nghi
Nếu lìa rồi lại được
Không do đấy đến hơn
Người năng quyết định đáp.

Đáp: Có, từ Vô Sắc sinh sắc
Lúc chứng được quả
Thánh Tất cả lìa các ác
Pháp hữu vi tịnh lành.
Được rồi mà không tu?

Đáp: Có, lúc lui sụt được quá khứ
Đạo giả lúc hưng khởi
Chưa xa lìa các ác
Giải thoát lìa bỏ ác.
Xin đáp rồi nhất định?

Đáp: Có, là tu ở đương lai
Sáng mặt chiếu phiền não
Lúc hưng khởi ra định trong
Sơ thiền thanh tịnh.
Đạt được đọa suy thoái?

Đáp: Có, quả vô trước tu và huân tu
Từng trong đạo kiến đế
Có được các pháp thiện
Pháp này cũng có duyên
Bậc thánh không thấy duyên?

Đáp: Có, khi trong cõi
Dục tu hành đẳng trí

Quả trí tuệ hữu lậu
Xa lìa công đức tịnh
Không lìa từ nơi ý
Đây cũng là quả kia?

Đáp: Có, tâm biến hóa ở cõi Dục.

Khi trụ đạo vô ngại
Thành tựu được các diệt
Các phiền não từ đó
Chẳng như vô lậu kiến?

Đáp: Có, lúc tu học các thần thông.

Có kiết không giải thoát
Người không nhơ thì được
Không dứt trừ phiền não
Gọi đó, vô cấu hết.

Đáp: Có, khi từ trong ánh sáng mà

Sinh lên Phạm thiên.
Có địa vô lậu tịnh
Chưa từng được, đã được
Không lìa dục, chẳng lui
Không dựa vào kiến đạo?

Đáp: Có khi lìa sắc, dục mà chứng ngộ, được đạo tư duy Vô Sắc vô lậu.

Vả chưa được các pháp Mà chứng được pháp này Không xả nó không được Nếu người biết thì đáp?

Đáp: Có. Phẩm tâm vô lậu thứ nhất khác được công đức vô lậu khác, xả việc của phàm phu. Ngoài ra, tất cả đều không được.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 98

A TỲ ĐÀM
TÂM LUẬN KINH

SỐ 1551

(QUYỂN 1 š 6)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1551

A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN KINH

Tác giả: Tôn giả Pháp Thắng, Tôn giả Ưu-Ba-Phiến-Đa giải thích. Hán dịch: Tam Tạng Na Liên Đề Da Xá. Đời Cao Tề

QUYỂN 1

Phẩm 1: GIỚI

Trước đảnh lễ Tối Thắng
Lời lợi ích, mát mẻ,
Lời nói ấy tương ưng
La-hán, thấy chân thật.

Trước, là trước hết. Đảnh lễ là cúi lạy với niềm tin thanh tịnh.

Tối Thắng là Đức Thế Tôn, là bậc Ứng Cúng, được sự cúng dường.

Lại là bậc vượt hơn trong tất cả pháp, nên gọi là Tối Thắng.

Lại Đức Thế Tôn được tự tại với tất cả pháp, với tất cả chủng nên Ngài được gọi là Tối Thắng.

Lìa sự nóng bức: Là lìa bỏ sự đốt cháy, nghĩa là phiền não nóng bức có thể đốt cháy thân, tâm. Đức Thế Tôn đã lìa bỏ sự đốt cháy của phiền não nóng bức đó, nên gọi là lìa sự nóng bức. Đây là trí đoạn mà chính Ngài đã thành tựu.

Sư ấy (Tôn giả Pháp Thắng) nói như thế là bày tỏ Như Lai tự lợi đầy đủ. Kế nói lời lợi ích, nghĩa là lời Đức Thế Tôn nói có công năng làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Lợi ích là sự yên ổn. Sự yên ổn và lợi ích đều một nghĩa, chỉ khác tên gọi. Điều đó nói lên hạnh lợi tha của Đức Thế Tôn đã đầy đủ. Đấy là nói sơ lược về công đức lợi mình, lợi người đã viên mãn của Đấng Thiên Nhân Sư. Vì Đức Thế Tôn đã thực hiện rốt ráo hai hạnh trên, nên là hơn hết trong Ứng Cúng.

Lời nói ấy tương ưng tức là nghĩa đạo lý đã được chỉ rõ, tương ưng với công đức như vậy, tương ưng với lời nói của bậc Thầy trời người. Lễ

kính lời nói ấy là lễ pháp bảo.

La-hán thấy chân thật, v.v... Nghĩa là xứng đáng nhận sự cúng dường của trời, người, A-tu-la, v.v... nên gọi là A-la-hán, đấy là nói bậc Vô học. Thật là bốn Thánh đế. Do học mà thấy, nên kia gọi là thấy thật. Đấy chỉ nói về học. Bậc học, vô học, v.v... đó được gọi là Tăng đệ nhất nghĩa.

Lễ kính nói ở đây gọi là lễ Tăng bảo.

Hỏi: Vì sao phải lễ kính?

Đáp rằng:

Phật mở mắt giác tuệ
Nếu biết các pháp chúng
Cũng chỉ bày cho họ
Nay ta nói ít phần.

Phật, là người biết tất cả pháp, biết tất cả chủng, nên gọi là Phật. Mở mắt giác tuệ là mắt trí vô ngại. Nếu: Nghĩa là những pháp mà

Đức Phật đã giảng nói, đã chỉ rõ, đã tuyên bố, đã giải thích.

Biết là hiểu. Pháp là gìn giữ. Gìn giữ tự tánh, làm duyên cho vật khác, nên gọi là Pháp. Vì pháp có chứa nhóm nên gọi là pháp chúng. Pháp chúng và quần tụ là một nghĩa mà khác tên.

Cũng vì người mà nêu bày: Nghĩa là tự mình giác biết rồi, phải làm lợi ích cho thế gian nên chỉ bày cho người. Hoặc có người đã giác biết, nhưng lại không vì kẻ khác giảng nói, như kinh Thăng Nhiếp-Ba Lâm đã nói.

Nay ta nói ít phần: Nghĩa là trong pháp do Đức Phật đã giảng nói, nay ta chỉ nói ít phần về pháp tướng, đâu có khả năng nói hết nghĩa như vậy.

Hỏi: Pháp nào là pháp do Đức Phật đã giảng nói, nay sắp nói?

Đáp: Đó là hữu lậu, vô lậu, có phiền não, không phiền não, thọ ấm, có tranh chấp, không tranh chấp, sắc, vô sắc v.v... nay ta sẽ nói.

Tất cả hành hữu lậu
Lìa thường, lạc, ngã, tịnh
Ở đây thọ ngã thảy
Không thấy pháp hữu lậu.

Tất cả các hành hữu lậu đều lìa thường, lạc, ngã, tịnh: Nghĩa là các hành hữu lậu đều lìa thường, lìa lạc, lìa ngã, lìa tịnh, trong đó, thế gian không có thể quán sát, vì trí mờ tối do vô minh che lấp, cho nên nhận thấy điên đảo về bốn môn này, nên gọi là điên đảo.

Hỏi: Vì sao biết được các hành hữu lậu đều lìa ngã?

Đáp: Vì việc của ngã là không, thuộc về nhân duyên, nên tên của hành thuộc về cái khác, không phải là tự tánh của ngã. Kẻ chấp ngã thì nói: Ngã không thuộc về cái khác, trừ ngã này là không. Thế nên, tánh của ngã không thật có, vì không có nhân của ngã, nên các hành đều lìa ngã.

Hỏi: Vì sao biết được các hành đều lìa lạc?

Đáp: Vì gây ra sự ép ngặt nên các hành hữu lậu là tự tánh của khổ, cũng là duyên của khổ, nên bị ép ngặt, ép ngặt gọi là khổ, cho nên lìa lạc.

Hỏi: Vì sao biết được các hành đều lìa thường?

Đáp: Vì sinh diệt, vì hiện thấy các hành sinh rồi liền diệt, vì không thấy thường, nên nói là lìa thường.

Hỏi: Vì sao biết được các hành hữu lậu lìa tịnh?

Đáp: Vì việc nhiễm ô. Các việc hữu lậu, cảnh giới phiền não của các việc hữu lậu đều là bất tịnh, nhiễm ô, cho nên lìa tịnh.

Hỏi: Các hành như vậy, đều lìa ngã, v.v... vì sao thế gian lại chấp ngã?

Đáp: Sự chấp ngã này vì không thấy hữu lậu. Các hành hữu lậu đều không thấy như thật, thế gian không có khả năng quán sát, tạo được sự hiểu biết về ngã, v.v... Cũng như kẻ thù che giấu ham muốn độc ác, cố thốt ra lời tốt đẹp để được đi vào trong nhà, thật ra họ không phải là bạn thân, mà cố làm cho chúng ta nghĩ là bạn thân: Do ngã, ngã sở che lấp, nên không nhận thấy vô ngã, vì vậy hiện thấy hành, v.v... tạo nghiệp là do mê lầm, vì vậy trong việc vô ngã mà thấy có ngã. Đối trị với việc che lấp khổ, nên trong mọi cử chỉ đi, đứng v.v... đều cho là vui, rồi với các khổ trong thọ nhận ấm lại cho là vui. Sự giống nhau, tiếp nối nhau cũng che lấp sự vô thường. Người kia hiện thấy sắc dường như nối tiếp nhau, rồi ghi nhớ việc trước, như tụng đọc, thọ trì kinh luận, cho nên hành vô thường mà cho là thường. Vì màu da bên ngoài che giấu sự bất tịnh, nên con người cho rằng lông, tóc, móng, răng, v.v... của mình là tịnh trong bất tịnh. Mặc dù trông thấy phân, nước tiểu, vốn là bất tịnh mà vẫn còn sinh ra sự mê lầm cho những thứ này là bất tịnh, nhưng còn thứ khác vẫn là tịnh, giống như dã can xem hoa Kiên-thúc-ca!

Hỏi: Vì sao luận này trước tiên nói đến về điên đảo?

Đáp: Vì để hiểu biết pháp tướng không điên đảo, nên như trước tôi đã nói, vì muốn cho đệ tử nhận hiểu được sự chân thật. Do tâm không điên đảo, nên yên ổn dễ lãnh hội. Đó là lý do luận này nói về điên đảo trước

nhất.

Hỏi: Chỉ có các pháp hữu lậu v.v... lìa ngã, v.v... này hay còn pháp khác nữa?

Đáp: Còn pháp khác nữa:

Những nơi sinh phiền não
Bậc Thánh nói hữu lậu
Tên gọi hữu lậu đó
Người tuệ nói phiền não.

Nếu xứ sở sinh phiền não, Thánh nói là hữu lậu, nghĩa là nếu nương dựa, hoặc tụ tập, hoặc duyên theo, hoặc là số chúng sinh, hay chẳng phải số chúng sinh, sinh khởi phiền não như thân kiến, v.v..., đó là pháp bậc Thánh gọi là hữu lậu.

Vì sao?

Đáp: Vì tên gọi lậu đó, nên người trí tuệ gọi là phiền não. Quán sát phiền não rồi đặt ra tên gọi lậu. Vì pháp kia sinh ra phiền não, vì dựa vào lậu mà sinh nên gọi là hữu lậu. Như có con đường sợ hãi thì có thức ăn độc hại v.v... nên nói như vậy. Nếu sự thuộc về lậu, bị lậu gồm thâu, thì sự đó gọi là hữu lậu. Ở đây, gọi vô lậu duyên sinh phiền não, thì không phải pháp vô lậu thuộc về phiền não, bị phiền não gồm nhiếp, vì pháp vô lậu chỉ duyên sinh phiền não, chứ không lệ thuộc ở phiền não, hay bị gồm nhiếp do phiền não. Hỏi: Thế nào là nghĩa lậu?

Đáp: Từ Hữu đảnh xuống đến ngục Vô Gián, trong khoảng giữa đó là ung nhọt sáu nhập nên gọi là lậu, giống như ghẻ lậu. Vả lại, vì lưu trú trong sinh tử nên gọi là lậu.

Hỏi: Hữu lậu này còn có tên khác chăng?

Đáp: Có.

Cũng gọi có phiền não
Thủ ấm, có tranh chấp
Phiền, thủ, tranh chấp sinh
Biết gọi tự tánh kia.

Cũng gọi có phiền não, thủ ấm, có tranh chấp: Đó là pháp hữu lậu, cũng gọi là có phiền não, cũng gọi là thủ ấm, cũng gọi là có tranh chấp.

Hỏi: Vì sao hữu lậu có nhiều tên gọi?

Đáp: Phiền não thì tranh chấp sinh, nên biết đó là nói về tự tánh.

Các phiền não, tranh chấp, v.v... là tên khác của lậu. Từ phiền não sinh ra nó, cũng lại sinh phiền não, cho nên gọi là có phiền não. Cũng vậy,

từ thủ sinh ra nó, nó cũng lại sinh thủ, nên gọi là hữu thủ. Từ tránh sinh ra nó, cũng lại sinh ra tránh, nên gọi là hữu tránh.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã nói ấm này là thủ ấm, tức là ấm, có phải vì lìa thủ ấm mà có ấm riêng chăng?

Đáp: Nếu là thủ ấm thì ấm đó tức là ấm. Đôi khi có ấm mà không phải thủ ấm.

Hỏi: Vì sao?

Đáp:

Nếu hành lìa phiền não
Đây là ấm vô lậu
Trước đây có thủ ấm
Là ấm, Thánh đã nói.

Nếu hành đã lìa phiền não thì hành này là ấm vô lậu: Nghĩa là ấm này còn có thuyết khác: Có hai thứ ấm: Vô lậu và hữu lậu. Nếu hành lìa phiền não như thân kiến, v.v..., thì được gọi là vô lậu, là ấm, chứ không phải thủ ấm.

Và trước có thủ ấm, là ấm do bậc Thánh nói: Nghĩa là nếu ấm vô lậu này cùng thủ ấm đã nói trước đây kết hợp lại mà nói là ấm thì đó là năm ấm như sắc, v.v...

Hỏi: Thế nào là nghĩa ấm?

Đáp: Nghĩa tụ tập là nghĩa ấm.

Hỏi: Nếu như vậy thì ấm chỉ là giả danh, không có sự thật, vì không phải chỉ một vật được tên là tụ, mà vì hòa hợp nên gọi là Tụ?

Đáp: Không phải chỉ có tướng, mà cũng có sự thật. Có việc này thì có tướng kia, cho nên ấm có tướng. Như Đức Phật đã nói tướng trở ngại là sắc ấm, v.v... Thế nên, có những thứ thuộc về sự giới cảnh giới của trí, thức, sử, v.v..., như bốn Thánh đế, cho nên ấm có sự, chứ không phải chỉ là giả danh.

Hỏi: Ấm, giới, nhập v.v… có gì khác nhau không?

Đáp:

Mười thứ gọi sắc nhập
Cũng gọi vô giáo sắc
Là phân biệt sắc ấm
Do Đức Thế Tôn nói.

Sắc có hai thứ:

1. Sắc do sự chứa nhóm vi trần.

2. Sắc không phải do sự chứa nhóm vi trần.

Sắc do sự chứa nhóm vi trần tức là mười sắc nhập: Từ nhãn cho đến xúc.

Sắc không phải do sự chứa nhóm vi trần: Được gọi là vô giáo sắc, thuộc về pháp nhập, đến phẩm Nghiệp sẽ nói. Tất cả sắc này đều là tướng của sắc ấm, cùng vào số sắc ấm, Đức Phật đã nói là sắc ấm, do đây tiếp xúc với kia, do kia tiếp xúc với đây, nên gọi là sắc. Do đây xúc não kia, do kia xúc não đây, là nghĩa ấy. Như Đức Phật đã nói: Như sự tiếp xúc của tay, v.v..., vì tiếp xúc nên gọi là sắc.

Hỏi: Nếu vậy thì trừ vô giáo sắc ra, nó không phải sắc. Vì sao? Vì không phải tay v.v... có thể tiếp xúc, vì không có đối. Nếu ông có ý cho rằng do chỗ nương dựa là có thể xúc chạm, vô giáo sắc cũng có thể tiếp xúc, nên không có lỗi, thì thọ, v.v… lẽ ra cũng là sắc chăng?

Nếu ý của ông cho rằng: Vì sắc kia đã dựa vào bốn đại là có thể xúc chạm, nên vô giáo sắc cũng có thể xúc chạm thì tôi sẽ nói: Hiện thấy những việc cần cho tạo tác, như tạo nên bức họa, tạo ra bùn. Nếu như vậy thì tâm sở như thọ, v.v... lẽ ra cũng là sắc, vậy ông có lỗi vì thọ, v.v... kia cũng dựa vào các căn như mắt, v.v... và thọ kia lẽ ra cũng có thể xúc chạm chăng?

Đáp: Chẳng phải chỉ là nhân sinh khởi tâm, tâm sở cũng chẳng phải tâm, tâm sở dựa vào các căn như mắt, v.v... Như ánh sáng dựa vào viên ngọc, khi ánh sáng ấy sinh ra sẽ làm nhân cho mắt, v.v... như vậy, mắt v.v... là sự xúc chạm, thọ kia không phải xúc chạm.

Lại nữa, sắc được tạo là dựa vào đại, như ánh sáng dựa vào viên ngọc, cho nên đại là sự xúc chạm, sắc được tạo kia cũng là sự xúc chạm.

Hỏi: Mặc dù nói như vậy, nhưng tướng của ông nêu vẫn tự không thành. Vì sao? Vì trừ sắc của vi trần trong quá khứ, vị lai?

Đáp: Tướng không thể hư hoại, sự xúc chạm của sắc trong quá khứ đã diệt mất, sắc của vị lai cũng sinh ra lẫn nhau như vậy. Như thế, vi trần cũng là vật có thể xúc chạm, vì quá nhỏ, nên cái biết là không thể đạt được. Thế nên, hết thảy các sắc đều có thể xúc chạm.

Chỗ gọi là thức ấm
Tức nói là ý nhập
Ở trong mười tám giới
Cũng gọi là bảy giới.

Thức ấm, là sáu thức thân, được gọi là ý nhập trong mười hai nhập. Trong mười tám giới, phân biệt là giới của bảy tâm: Nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỉ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý thức giới, ý giới,

v.v...

Thức có khả năng nhận biết về duyên, nên gọi là Thức. Thức là nghĩa Năng thủ duyên.

Ngoài ra có ba ấm
Ba vô vi-vô giáo
Đó gọi là pháp nhập
Chúng cũng là pháp giới.

Như trước đã nói, các pháp như thọ v.v... tổng làm một pháp nhập, là một pháp giới trong mười tám giới, nghĩa nhập đó là nghĩa cổng, là nghĩa vào, như cửa sổ. Như Đức Phật đã nói: Mắt của Bà-la-môn là cửa... cho đến thấy sắc. Nghĩa của chữ nhập là nghĩa chuyên chở, có thể làm tăng trưởng tâm, tâm số pháp. Do nghĩa này nên gọi là Nhập.

Nghĩa của giới: Nghĩa của tánh là nghĩa của giới, như giới chu sa, giới hùng hoàng, v.v...

Chữ giới nghĩa là có khả năng gìn giữ tự tướng, làm duyên cho cái khác nên gọi là giới. Sự của giới này có mười bảy, hoặc lại có mười hai. Vì sao? Vì trừ sáu thức giới, lại không có ý giới, thế nên, mười bảy tức là sáu thức thân, lần lượt tiếp nối nhau, gọi là ý giới. Như tên gọi cha, con, đứa con sẽ lần lượt nối tiếp nhau theo thứ lớp sẽ được gọi là cha. Như vậy, trừ ý giới, ngoài ra không có sáu thức giới riêng, vì thế, mười hai sự nương dựa và nương dựa nghĩa là duyên sai biệt, nên có mười tám, tất cả pháp đều thuộc về sự của giới nhập, nên ấm kia hoàn toàn chỉ là hữu vi.

Hỏi: Vì sao vô vi không thuộc về ấm?

Đáp: Vì vô vi không có tướng ấm. Hai tướng của ấm là tướng chung và tướng riêng (cộng tướng-biệt tướng).

Cộng tướng là nghĩa nhóm họp, là nghĩa của ấm và vô thường, v.v...

Biệt tướng là sắc ngăn ngại, v.v... Hai tướng này, không có trong vô vi. Vì vậy, nên ấm không thuộc về vô vi. Ngoài ra, còn có nghĩa gì nữa? Nghĩa là các việc không phải điên đảo và phương tiện dứt, Vô vi không phải việc điên đảo và phương tiện dứt trừ sự điên đảo. Vì những việc điên đảo nên nói là thủ ấm. Vì dứt trừ phương tiện điên đảo nên nói là ấm vô lậu. Chính vì vậy nên trong ấm không gồm nhiếp vô vi.

Như vậy là nói rất rộng về cảnh giới của ấm, giới, nhập, nhằm kiến lập ở giới, muốn nói các thứ nghĩa, nên nói như vậy.

Trong giới, một thấy được
Mười giới nói có đối
Tám giới là vô ký

Ngoài ra thiện, bất thiện.

Trong giới, một có thể thấy, nghĩa là nên biết một giới có thể thấy trong mười tám giới, đó là giới sắc. Vì sao? Vì là cảnh giới của nhãn thức nên có thể thấy. Lại nữa, có thể chỉ rõ cái này, chỉ rõ cái kia, cho nên có thể thấy. Mười bảy giới còn lại nhất định không thể thấy.

Mười giới gọi là có đối, nghĩa là năm giới nội trong mười tám giới là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Năm giới ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Mười giới đó gọi là có đối. Ba thứ có đối, là chướng ngại có đối, cảnh giới có đối và duyên có đối.

Chướng ngại có đối là như tay trái và tay phải đối nhau. Cảnh giới có đối là căn và cảnh giới đối nhau.

Duyên có đối là ý thức đối với tất cả pháp, trong đấy, chỉ nhận lấy chướng ngại có đối, lại chướng ngại nhau nên gọi là có đối.

Tất cả mười thứ giới kia còn đối lẫn nhau. Nếu không như vậy thì mười giới đó sẽ không lớn thêm, như Thượng tọa Cưu-ma-la-đa nói: Nếu lúc tâm muốn khởi mà bị thứ khác gây chướng ngại, phải biết là có đối, trái lại là không có đối, ngoài ra, tám giới còn lại nhất định là không có đối.

Tám giới là vô ký: Nghĩa là trong mười tám giới, phải biết có tám giới là vô ký. Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, hương, vị, xúc. Chúng không có ái, không có quả của ái có thể ghi nhận, cho nên vô ký.

Ngoài ra là thiện, bất thiện: Nghĩa là mười giới còn lại được gọi là thiện, bất thiện, vô ký, đó là giới của sắc thanh, do thân, miệng, ý tạo ra, là thiện, bất thiện. Vì sao? Vì khởi lên từ tâm thiện, bất thiện, ngoài ra là vô ký.

Bảy tâm giới như nhãn thức, v.v..., là giới của pháp tương ưng với tâm thiện, bất thiện, vô ký, là giới của pháp tâm sở thiện, bất thiện, vô ký, là tự tánh tương ưng với thiện, bất thiện, vô ký.

Tự tánh thiện của tâm kia là sự hổ thẹn và ba căn thiện như không tham, v.v... tương ưng với thiện.

Tự tánh bất thiện tương ưng với tâm sở như thọ, v.v... kia, nghĩa là ba căn bất thiện là không hổ, không thẹn và tham, tương ưng với bất thiện, nghĩa là tương ưng với các tâm sở như thọ, v.v... đó, cả hai trái nhau là vô ký.

Về pháp giới bất tương ưng, sẽ được nói trong phẩm Tạp. Một thiện, hai vô ký trong vô vi: Số duyên là thiện, hư không phi số diệt là vô ký, trong đó, sự yên ổn của quả ái gồm nhiếp trong thiện nên gọi là thiện.

Sự gồm nhiếp của thiện là đạo đế và ít phần của khổ đế, tập đế.

Quả ái, nghĩa là ít phần của khổ đế, tập đế.

Sự yên ổn là diệt đế, sự trái nhau gọi là bất thiện, ít phần của khổ đế tập đế kia, trừ phần này ra, gọi là vô ký.

Không có thiện, bất thiện có thể ghi nhận, nên gọi là vô ký.

Không có quả để ghi nhận cũng gọi là vô ký.

Mười lăm định hữu lậu
Hai thứ ba ba hữu
Trong Dục hữu có bốn
Mười một ở hai hữu.

Mười lăm giới nhất định là hữu lậu, tức là năm giới trong, năm giới ngoài và năm giới thức. Mười lăm giới này hoàn toàn là hữu lậu.

Hai thứ: Ngoài ra có ba giới là ý giới, pháp giới và ý thức giới, v.v... Ba giới đó có hai thứ là hữu lậu và vô lậu.

Hữu lậu: Sinh lậu cùng tương ưng với lậu. Vì lậu có đầy đủ dấu vết, xứ sở, nên gọi là hữu lậu. Trái với hữu lậu này gọi là vô lậu.

Nói sơ lược về vị tri, dục tri căn, v.v..., các căn vô lậu đều có pháp sinh và đắc kia, được giải thoát xuất thế gian và vô vi là vô lậu, ngoài ra là hữu lậu.

Ba ba hữu: Tức ba giới này có thể được ở trong ba hữu. Trong Dục hữu có bốn: giới của hương, vị, tỷ thức, thiệt thức, v.v... hoàn toàn thuộc về cõi Dục. Vì Dục hữu kia, không phải cõi Sắc, lìa bỏ đoàn thực và ái.

Mười một giới ở hai hữu: Nghĩa là năm giới trong, giới của sắc, thanh, xúc và duyên với ba thức giới kia.

Mười một giới ở cõi Dục, cõi Sắc này, không phải ở cõi Vô Sắc, vì không có sắc.

Dục hữu kia, bị sử cõi Dục trói buộc là thuộc cõi Dục, bị sử cõi Sắc trói buộc là thuộc cõi Sắc, bị sử cõi Vô Sắc trói buộc là thuộc cõi Vô Sắc.

Năm: có giác, có quán, Ba thứ ba. Còn: Không Có duyên nên biết bảy Cũng phần ít giới pháp.

Năm: có giác, có quán: Là năm thức giới hoàn toàn là có giác, có quán, vì nghĩa tương ưng với giác, quán. Ba thứ có ba là ý giới, pháp giới và ý thức giới. Chúng có ba thứ là Sơ thiền của cõi Dục là có giác, có quán. Thiền trung gian là không giác, có quán. Từ thiền thứ hai lên cho đến Hữu đảnh là không có giác, không có quán.

Giới của pháp có giác, có quán là cõi Dục và Phạm thế, trừ tâm sở

của giác quán.

Giới của pháp không có giác, có quán là thiền trung gian, trừ tâm sở của quán.

Giới của pháp không có giác, không có quán, nghĩa là thiền thứ hai lên cho đến pháp giới tâm sở của Hữu đảnh.

Quán của thiền trung gian, tất cả vô giáo sắc v.v... và pháp giới bất tương ưng, thì quán của cõi Dục. Phạm Thế không thâu gồm trong ba thứ này. Nếu muốn nói lá không có quán-có giác.

"Còn: không" Nghĩa là mười giới còn lại là không có giác, không có quán, vì mười giới đó không tương ưng với giác, quán.

Có duyên phải biết là bảy, cũng là phần ít của pháp giới. Nghĩa là giới của bảy tâm và giới của tâm số pháp là có duyên. Vì có duyên này, nên gọi là có duyên. Vì cảnh giới đó có thể giữ lấy nên nói là có duyên. Ngoài ra, lại có duyên khác, như tay duyên với cây gậy, đấy là lời của thế tục nói. Phải biết, còn lại nhất định là không có duyên.

Chín không tho. Khác: hai Hữu vi, vô vi một

Hoàn toàn là hữu vi
Phải biết mười bảy giới.

Chín không thọ: Là chín giới nhất định không nhận tên thọ, nếu sắc ở số căn và không lìa căn, hoặc cắt đứt, giết hại, làm hư hoại mà tâm, tâm số, pháp ở trong đó thọ nhận, ở trong đó dừng trụ. Nếu khác với đây, là không thọ. Giới của pháp, giới của tiếng và bảy giới tâm kia, chín giới này gọi là không thọ nhận. Vì những giới đó không phải là chỗ dừng nghỉ của tâm, tâm số pháp.

Chín giới khác có hai: Nghĩa là chín giới khác thì có hai loại: năm giới bên trong, nếu ở hiện tại gọi là thọ (sự nhận lãnh), hoặc thức hiện tại này dù là không, cũng gọi là có thọ, vì gồm nhiếp trong số chúng sinh thuộc chủng loại của thức đó nên gọi là thọ. Như vậy, quá khứ, vị lai và chẳng phải chúng sinh số đều gọi là không thọ. Sắc, hương, vị, xúc không lìa căn ở hiện tại thì gọi là thọ. Như sự dừng nghỉ của tâm pháp, tâm sở nơi căn, trong căn đó cũng vậy, ngoài ra gọi là không thọ Nói tóm lược, thì nếu pháp sinh, chưa diệt, số chúng sinh có đối, có thể lôi kéo, có thể dời đổi, pháp sinh đó gọi là sự nhận lãnh (thọ).

Pháp kia sinh chưa diệt, nghĩa là trừ quá khứ. Số chúng sinh ở vị lai, nghĩa là trừ hiện tại. Không phải số chúng sinh có đối, nghĩa là trừ pháp sinh chưa diệt. Tâm, tâm số pháp, có thể lôi kéo, có thể dời đổi, xô đẩy, nghĩa là trừ giới của tiếng.

Hữu vi, vô vi, một: Vì nhân duyên hòa hợp tạo tác, nên gọi là vi. Đây có nghĩa năng sinh. Tạo tác là nghĩa gì? Là nghĩa có nhân. Nghĩa có nhân là nghĩa có làm, vì có làm nên gọi là tạo tác. Một pháp giới dung hợp hữu vi, vô vi. Trong pháp giới này có ba thứ thường còn, cho nên là vô vi: Hư không, Số diệt, Phi số diệt. Ba ấm như thọ, v.v... và vô tác sắc, gọi là hữu vi. Hoàn toàn là hữu vi, phải biết là mười bảy giới, nghĩa là mười bảy giới khác, vì có nhân nên hoàn toàn là hữu vi.

Hỏi: Phân biệt pháp tướng như vậy là xong. Thế nào là pháp gồm nhiếp? Là tự tánh hay tha tánh?

Các pháp lìa tha tánh
Đều tự trụ tánh mình
Cho nên hết thảy pháp
Đều thuộc về tự tánh.

Các pháp lìa xa tha tánh: Nghĩa là mắt lìa xa tai. Như vậy, tất cả mọi việc, nếu tánh lìa tánh, mà gồm nhiếp lẫn nhau gọi là không tương ưng. Thế nên, không phải thuộc về tánh của cái khác. Sự việc đó có lỗi gì? Nghĩa là, nếu thuộc về tha tánh thì một pháp sinh diệt, tất cả pháp khác cũng sinh diệt. Điều này trái đạo lý. Do vậy, tha tánh không thể thâu nhiếp.

Mỗi pháp đều trụ nơi tánh của mình: Nghĩa là mắt tự trụ vào tánh của mắt, tất cả pháp đều như vậy. Thế nên, tất cả pháp đều thuộc về tự tánh của nó, tự tánh gồm nhiếp tất cả pháp. Ở đây, Sư đã nói tự tướng là nghĩa gồm nhiếp. Tự tướng này cũng có hai thứ: Sinh và phần giới hạn.

Sinh: Sắc ấm gồm thâu mười sắc nhập, cho đến sắc trong pháp nhập. Giới của mắt gồm thâu giới của mắt.

Phần giới hạn, nghĩa là một niệm gồm thâu một niệm, không gồm thâu niệm khác. Nếu gồm nhiếp pháp khác mà được tên, thì như đền đài, lầu gác gồm có nền, thềm, bực, cột, kèo, v.v..., đó là ngôn thuyết thế tục. Giới của mắt kia thuộc về một giới, một nhập, một ấm. Phải biết tất cả pháp cũng như vậy.

Phẩm 2: HÀNH

Đã nói tướng của các pháp sự sai khác về sinh nay sẽ nói:

Hỏi: Nếu tất cả pháp đều gồm nhiếp tự tánh thì với sức của mình lẽ ra cũng có khả năng sinh chăng?

Đáp:

Trước, không một năng sinh
Vì lìa xa bè bạn
Tất cả sức đây, kia
Các pháp mới được sinh.

Không một pháp nào là đầu tiên có khả năng sinh bằng cách xa lìa bè bạn: Nghĩa là tự tánh của các hành hữu vi rất yếu kém, cho nên không pháp nào với sức của mình mà có khả năng sinh!

Hỏi: Làm sao được sinh?

Đáp: Phải nhờ vào tất cả các pháp của năng lực kia đây mới được sinh. Các pháp hữu vi đều do sức kia đây mới sinh khởi. Như hai người đều ốm yếu, người này phải nhờ vào sức của người kia mới gượng đứng dậy nổi.

Hết thảy hành này nói lược có bốn thứ: Đó là sắc, tâm, tâm số pháp và tâm bất tương ưng hành. Sự sinh kia cũng có bốn thứ: Tạo sự nhận lấy, tạo sự nương dựa, tạo sự thêm lên, tạo trợ bạn.

Tạo sự nhận lấy: Là dựa vào quả của quả báo và phần ít của quả Trượng phu.

Tạo sự nương dựa, là các giới, sáu nhập, bốn đại tạo sắc.

Tạo sự thêm lên, là từ một sát na sinh ra các sự, tất cả pháp.

Tạo trợ bạn, là tâm kia và tâm số pháp này làm bạn với nhau và các tướng hữu vi.

Với các pháp hữu vi như vậy, ta sẽ nói trước tiên là chung với tâm cùng sinh làm trợ bạn.

Nếu có chỗ tâm sinh
Ắt cùng tâm cọng sinh
Các nhóm tâm pháp thảy
Và hành bất tương ưng.

Tâm: là Tâm, ý, thức. Nghĩa là một, mà tên khác. Tâm ấy phân biệt thiện, v.v..., phân biệt giới, phân biệt chủng loại. Căn cứ vào sự phân biệt mà phân biệt vô lậu, v.v... với vô lượng chủng loại khác nhau. Tâm này hoặc nương dựa, hoặc duyên, hoặc sinh ra trong một sát-na, sẽ quyết định cùng pháp tâm, tâm sở và tâm bất tương ưng hành phát sinh.

Hỏi: Thế nào là tâm, tâm số pháp?

Đáp:

Tưởng dục và xúc tuệ
Niệm, tư và giải thoát

Tác ý ở cảnh giới
Tam-ma-đề, thọ nhận v.v...

Tưởng: Đối với duyên có khả năng nhận lấy tướng mạo, nghĩa là nhận lấy các tướng nam, nữ, to, nhỏ, dài, ngắn, v.v...

Dục là yêu thích, mình ưa thích như thế, v.v…

Xúc là dựa vào duyên và tâm hòa hợp, như ánh sáng mặt trời và viên ngọc cùng hòa hợp sẽ sinh ra lửa.

Tuệ là khả năng hiểu biết về duyên, như đây là sắc, không phải vị, là sai, là đúng v.v...

Niệm là buộc niệm ở duyên, Tư là đối với thiện, bất thiện đều có tâm ràng buộc trái nhau.

Giải thoát là tâm trong duyên tâm chuyển biến không chướng ngại.

Tác ý là nhận lấy duyên một cách mạnh mẽ.

Có người nói là nghĩa của tâm chuyên chú.

Tam-ma-đề là lúc nhận lấy duyên, tâm không tán loạn.

Thọ là nhận lãnh trong duyên với việc vui, không vui trái nhau.

Lúc tất cả tâm sinh
Sinh ấy Thánh đã nói
Đồng chuyển ở một duyên
Cũng lại thường tương ưng.

Khi tất cả tâm sinh, sinh ấy như bậc Thánh đã nói: Nghĩa là mười pháp như tưởng, v.v... cùng với tất cả tâm đều sinh nên gọi là đại địa. Vì là tâm địa rộng lớn nên gọi là đại địa.

Đồng chuyển biến ở một duyên: Nghĩa là mười pháp này cùng chung với tất cả tâm, đều cùng chuyển biến trong một duyên, không có duyên khác. Có năm thứ đồng: đó là tướng mạo, duyên, thời nương tựa và sự. Đồng một tướng mạo, một sự duyên, một lúc, một nương dựa, một việc.

Đồng là nghĩa là cùng tương ưng.

Cũng lại thường tương ưng: Nghĩa là sự sinh này thường tương ưng với tâm, kia đây cùng sinh. Vì tương ưng nhận lấy duyên, nên gọi là tương ưng.

Đã nói pháp tương ưng trong tất cả tâm. Nay sẽ nói không phải: pháp tương ưng trong tất cả tâm:

Các căn có: Tàm, Quý Tín, Ỷ, Không buông lung Không hại, Tinh tiến, Xả Hoặc nhiệt và Giác Quán.

Các căn: Là hai căn thiện, không tham và không giận.

Thể của căn thiện không ngu si là tuệ.

Vì đại địa chung nên trong đây không nói.

Không tham nghĩa là đối với có và không chẳng mê đắm.

Không giận là đối với số chúng sinh không giận dữ.

Tàm là tôn trọng thân mình, biết nhục đối với việc ác.

Quý là tôn trọng pháp thế gian.

Tín là tin nhân quả không điên đảo.

Ỷ là tâm thiện lìa bỏ xấu ác, cảm thấy thư thái trong thân.

Không buông lung là dùng phương tiện điều phục, đối với việc nên làm, không nên làm, Xả tâm hoàn toàn tạo phương tiện, đấy là nghĩa tu thiện.

Không hại là đối với số chúng sinh không có tâm não hại.

Tinh tiến là lìa bỏ lỗi lầm xấu ác, tu tập công đức, tâm khuyên gắng giữ gìn làm tăng trưởng.

Xả là tâm bình đẳng, tất cả tâm thiện đều thuận theo đạo lý.

Mười pháp này đều có thể đạt được trong tất cả tâm thiện, gọi là đại địa thiện.

Hoặc nhiệt: Các phiền não như ngã kiến v.v... sẽ nói trong phẩm Sử.

Tâm thô gọi là giác, là nghĩa nhạnh nhẹn, nhạy bén. Tâm tế gọi là quán, là nghĩa nhỏ ít. Pháp này không thể có được trong tất cả tâm, hoặc có thể được, hoặc không thể được.

Sau đây, nếu là nhóm cho đến tâm số sinh khởi nay tôi sẽ nói:

Phân biệt tâm, tâm số pháp thiện v.v... thì có năm thứ nhóm: Bất thiện, thiện, không chung, vô ký ẩn mất và vô ký không ẩn mất. Cõi Dục, thành tựu cả năm thứ; cõi Sắc, cõi Vô Sắc thành tựu bốn thứ, trừ bất thiện.

Trong nhóm tâm bất thiện Hai mươi mốt tâm số Trong ba kiến, bớt một Dục hai, kiến thiếu ba.

Có hai mươi mốt tâm số trong nhóm tâm bất thiện: Tâm bất thiện là tâm tương ưng với không hổ, không thẹn (vô tàm, vô quý).

Trong nhóm tâm này, có hai mươi mốt tâm số: Nghĩa là mười đại địa và giác, quán. Hai phiền não, tham, giận, mạn, nghi, trong đó, một là vô minh tham, cho đến nghi, v.v.... Phiền não kia và vô minh này không tương ưng với vô minh, sự tương ưng với vô minh kia cùng tương ưng với tất cả phiền não.

Bảy thứ sanh khởi phiền não, đó là không hổ, không thẹn, ngủ nghỉ,

trạo cử, bất tín, buông lung, lười biếng.

Hỏi: Trong tất cả tâm bất thiện đều có hai mươi mốt tâm sở chăng?

Đáp: Không phải vậy. Vì đã bớt một trong ba kiến. Cõi Dục có hai kiến, thiếu ba: Tà kiến, kiến thủ, giới thủ. Có hai mươi pháp tương ưng với tâm, trong nhóm tâm bất thiện, trong số này trừ tuệ.

Cõi Dục có hai kiến, thiếu ba: Nghĩa là có mười tám pháp tương ưng với hai kiến thân và biên của cõi Dục, trừ tuệ như trước đã nói, trừ không hổ, không thẹn. Vì kiến là tánh của tuệ nên kiến trong tụ tương ưng là không có tuệ, không phải trong một tụ có đến hai tuệ. Hai kiến thân và biên là vô ký. Không hổ, không thẹn hoàn toàn là bất thiện, nên thiếu ba.

Tâm thiện hai mươi hai
Không chung có hai mươi
Vô ký có mười hai
Hối, miên đều được tăng.

Tâm thiện có hai mươi hai: Là mười đại địa, mười đại địa thiện, giác và quán.

Không chung có hai mươi, là trong hai mươi mốt thứ của nhóm tâm bất thiện, trừ một phiền não.

Không chung là chỉ có một vô minh, không phải sử khác.

Vô ký có mười hai: Có mười hai tâm sở trong nhóm vô ký không ẩn mất, đó là mười đại địa, giác và quán: trong số đó, có công đức của không tin v.v... và không có lỗi ác của tham v.v... Vì sao? Vì vô ký.

Không ẩn mất là không phải nhiễm ô.

Ăn năn, ngủ nghỉ đều tăng thêm: Theo đuổi, luyến tiếc, gọi là ăn năn. Sự ăn năn này có ba thứ: Thiện, bất thiện, vô ký, trong đó do hành tác của thiện, bất thiện nên gọi là thiện, bất thiện. Thiện, bất thiện đó có bốn thứ khác nhau:

Hoặc có thiện lập nên bất thiện, như thực hiện việc bố thí, v.v... rồi ăn năn hối tiếc. Hoặc có trường hợp bất thiện lập nên thiện, như làm điều ác rồi ăn năn hối cải. Hoặc có bất thiện lập nên bất thiện, như làm ác rồi tiếc cho là ít. Hoặc có trường hợp thiện lập nên thiện, như làm việc thiện bố thí, v.v... rồi tiếc là còn ít. Nếu trường hợp ăn năn về oai nghi v.v... khác, đó là vô ký. Thế nên, có thêm sự ăn năn trong nhóm tương ưng với sự ăn năn. Về tâm sở khác, như trước đã nói. Trong đó, con người ăn năn không phải do các sử như tham, v.v... chuyển không phải là người không ngu si nảy sinh sự ăn năn, nên sự ăn năn bất thiện tương ưng trong nhóm, chỉ một vô minh là phiền não, không phải pháp khác, do vậy nên có hai mươi mốt

thứ.

Sự ăn năn thiện tương ưng trong nhóm chỉ có thêm sự ăn năn.

Như vậy, hai mươi ba thứ vô ký không ẩn mất: Mười ba thứ ở đây đổi thay trong ba nhóm, đó là thiện, không chung, vô ký không ẩn mất.

Ngủ là ngủ nghĩ, trong đó tất cả năm nhóm đều chuyển đổi. Vì sao? Vì ngủ nghỉ có tâm bất thiện, nhiễm ô và vô ký, thế nên, trong nhóm đó tăng thêm một ngủ nghỉ. Về tâm sở khác, như trước đã nói.

Hai thứ ăn năn, ngủ nghỉ của ba nhóm như vậy đều chuyển biến thêm hai trong nhóm kia. Đấy là thứ lớp của tâm pháp ở cõi Dục.

Hỏi: Cõi Sắc, cõi Vô Sắc thế nào?

Đáp:

Sơ thiền lìa bất thiện
Nên biết như cõi Dục
Thiền trung gian, trừ giác
Quán cõi trên, cũng vậy.

Sơ thiền lìa bất thiện, nên biết như cõi Dục: Nghĩa là Sơ thiền lìa nhóm bất thiện, vì đã lìa không hổ không thẹn. Ngoài ra còn có bốn nhóm nữa, như đã nói ở cõi Dục.

Thiền trung gian trừ giác: Nghĩa là thiền trung gian trừ giác, ngoài ra như đã nói trong Sơ thiền.

Quán cõi trên cũng vậy: Tức là Nhị thiền trở lên, cho đến Hữu đảnh đều trừ giác, quán. Ngoài ra, như đã nói ở Sơ thiền.

Đã nói tâm, tâm số pháp do sức của bạn sinh, bây giờ sẽ nói: về sắc pháp.

Vi trần ở bốn căn
Mười thứ cần phải biết
Thân căn chín, ngoài tám
Tồn tại ở địa hương.

Vi trần ở bốn căn, có mười thứ cần nên biết, nghĩa là vi trần của nhãn căn có mười thứ, phải biết mười thứ này là nghĩa không rời nhau. Đó là, đất, nước, lửa, gió, sắc, hương, vị, xúc, nhãn căn và thân căn. Mười thứ này thường không lìa nhau. Tai, mũi, lưỡi cũng như vậy.

Thân căn có chín, tức trừ nhãn căn, v.v... các căn khác đều đồng với trước.

Ngoài có tám, tức là tám thứ vi trần trong pháp không phải căn, đó là bốn vi trần như sắc v.v... của bốn đại.

Hỏi: Bất cứ vi trần của cõi nào cũng đều nói như vậy sao?

Đáp: Là chỉ ở địa có hương. Đây là nghĩa trong cõi Dục, vì cõi đó có mùi hương. Vì vi trần của cõi Sắc lìa hương, vị, nên trừ hương, vị trong cõi ấy ra, còn lại như đã nói ở trước.

Hỏi: Trước đây đã nói, nếu lúc tâm sinh khởi, thì tâm số pháp kia và hành bất tương ưng đó phát sinh. Đã nói về tâm, tâm số pháp rồi, còn hành bất tương ưng là thế nào?

Đáp:

Tất cả hành hữu vi
Sinh, trụ và dị hoại
Thì cũng có bốn tướng
Kia, đây lại trái nhau.

Tất cả hành hữu vi, sinh, trụ, và dị, hoại, nghĩa là tất cả hành hữu vi đều có bốn thứ tướng: sinh, trụ, thay đổi, hư hoại. Vì chưa sinh mà sinh nên gọi là sinh sinh. Việc của tự nó đã thành lập gọi là trụ trụ. Vì đã suy yếu, đổi thay nên gọi là dị dị. Vì thế lực đã mất, nên gọi là hoại. Nên nói như vậy.

Nếu pháp hữu vi có được tướng như vậy thì gọi là tâm bất tương ưng hành. Nay tôi sẽ nói về tướng hữu vi: Vì việc này đều có thể biết, nên gọi là Tướng, như sinh, trụ, già, vô thường. Sinh là sự việc hữu vi sinh. Trụ là an lập. Lão là suy yếu, biến đổi. Vô thường là hư hoại. Chúng không phải cùng một lúc. Tạo ra sự sinh ấy là lấy việc sinh khởi làm nghiệp. Còn lại là nghiệp sau khi sinh xong. Thế nên, pháp hữu vi: sinh, trụ, đổi khác, diệt hoại không phải là một tướng.

Hỏi: Nếu tất cả pháp hữu vi có bốn tướng, thì pháp này cũng là hữu vi, ngoài ra, pháp này còn có tướng nào khác chăng?

Đáp: Pháp này cũng có bốn tướng, chung với tướng sinh kia, gọi là sinh của sinh, trụ của trụ, đổi khác của đổi khác, hoại diệt của hoại diệt.

Hỏi: Nếu như vậy, hóa ra là vô cùng?

Đáp: Tướng kia với tướng này, cùng tạo tác lẫn nhau, tướng này và tướng kia sinh ra lẫn nhau, tướng đó đây, sinh ra tướng đó đây. Như vậy, an trụ, rồi an trụ trong an trụ, tướng an trụ đó đây, cùng an trụ lẫn nhau. Đổi khác rồi đổi khác trong đổi khác, tướng đổi khác đó đây cùng đổi khác lẫn nhau. Hoại diệt, rồi hoại diệt trong hoại diệt, tướng hoại diệt đó đây, cùng hoại diệt lẫn nhau, nên không phải vô cùng.

Bốn pháp sau này là một pháp sinh sinh, việc sinh sinh không phải là pháp khác. Như vậy, an trụ và an trụ, việc an trụ và an trụ không phải là

pháp khác. Pháp còn lại cũng như vậy.

Bốn thứ tướng trước, mỗi tướng đều tạo tám pháp sinh và sinh tám pháp. Nghĩa là ba tướng trước, bốn tướng sau sinh khởi tướng và pháp của tướng kia. Phải biết pháp khác cũng như vậy.

Đã nói các hành cùng sinh khởi. Nay sẽ nói thuận theo bạn mà sinh, không có trợ bạn thì không sinh khởi.

Sở tác-cộng-Tương tợ Phổ biến-Tương ưng-báo Từ sáu thứ nhân này Chuyển sinh pháp hữu vi.

Sáu thứ nhân này chuyển sinh pháp hữu vi.

Nhân sở tác: Nghĩa là nếu pháp không làm chướng ngại pháp khác sinh, do sức này nên pháp kia được sinh. Như lúc mắt sinh tất cả pháp trừ tự tánh. Như vậy, tai v.v... trừ tự tánh, không phải tự tánh làm nhân cho tự tánh.

Nhân cộng: Là các hành và bạn cùng sinh khởi, như tâm, tâm số, tâm bất tương ưng hành, và tướng hữu vi. Như là vi trần của bốn đại tùy thuộc vào giới của tâm. v.v…

Nhân tương tợ: Là nếu nghĩa có khả năng sinh pháp tương tợ, như tập thiện sẽ sinh điều thiện, tập bất thiện sẽ sinh bất thiện. Như tập công xảo sẽ có thể hiểu biết công xảo. Như gieo trồng giống lúa mạch sẽ mọc lên lúa mạch, như vậy v.v... Nhân phổ biến: Là các phiền não đều tiếp nối nhau sinh. Như người chấp trước ngã kiến, do sức của kiến chấp mà ngã chấp trước đoạn, thường, chê bai tướng ấm, nghi hoặc nhận lấy sự thanh tịnh và lỗi do sự khinh mạn quá mức sinh ra. Pháp khác cũng như vậy, tất cả cùng khắp phải biết.

Nhân tương ưng: Nghĩa là tâm, tâm số pháp, do sức của đây kia mà cùng có sự chuyển biến trong một lúc, một duyên.

Hỏi: Nếu tâm, tâm số pháp sinh cùng một lúc, thì nhân cộng sinh với nhân tương ưng khác nhau thế nào?

Đáp: Nghĩa không lìa nhau là nhân tương ưng, nghĩa đồng một quả là nhân cộng sinh. Ví như cầm gậy thì theo nghiệp gậy, như lội qua sông thì tay phải bơi liên tục không ngớt.

Nhân báo: Là thọ lãnh sự sinh trong sanh của thế gian, với quả của sự việc tiếp nối nhau, gọi là sinh. Ví như làm điều thiện sẽ được quả đáng yêu, làm điều bất thiện sẽ gặp quả không đáng yêu.

Đã nói pháp của các nhân, nay sẽ nói, pháp theo nhân sinh

Báo sinh tâm, tâm pháp Cùng tạp phiền não khác Đều từ năm nhân

sinh Cộng sinh, cần nên biết.

Nếu báo sinh tâm, tâm số pháp và tâm, tâm số pháp cấu uế, v.v... đều từ năm nhân sinh: Báo sinh năm nhân của tâm, tâm số pháp, đó là nhân sở tác, nhân cộng sinh, nhân tương tợ, nhân tương ưng và nhân báo.

Nhân sở tác: Nghĩa là lúc pháp kia sinh, thì những việc tương tợ, không tương tợ, không gây trở ngại, ngăn cách.

Nhân cộng sinh: Nghĩa là bạn của cái kia cái này, sinh ra sự sinh của cái kia v.v… đều do sức bạn của tâm bất tương ưng hành mà sinh.

Nhân tương tợ: Nghĩa là trước sinh pháp vô ký, hoặc tạo ra sự hiểu biết này: Nhân của báo này sinh, không phải oai nghi, v.v... Vì sao? Vì nhân hơn hết kia, không phải làm nhân cho các yếu kém.

Nhân tương ưng: Nghĩa là sức của cái kia với cái này cùng chuyển vận trong một lúc, một duyên.

Nhân báo: Nghĩa là nhân kia, hoặc là nghiệp thiện, bất thiện. Đấy là nhân không có báo của tâm, tâm số pháp cấu uế của quả kia. Vì sao? Vì sự ẩn mất, không phải là quả của vô ký, mà là tánh của báo.

Nhân cùng khắp thứ năm do sức của nhân cùng khắp đó nên nhân này mới được sinh. Bốn nhân còn lại như trước đã nói.

Là bất tương ưng kia
Và pháp tương ưng khác
Trừ vô lậu đầu tiên
Vô lậu bốn nhân sinh.

Là bất tương ưng kia, nghĩa là báo sinh sắc và báo sinh tâm, bất tương ưng hành đều từ bốn nhân sinh, đó là: Nhân sở tác, nhân cộng sinh, nhân tương tợ, nhân báo. Sắc cấu uế và tâm cấu uế, hành bất tương ưng, cũng từ bốn nhân sinh, đó là: Nhân sở tác, nhân cộng sinh, nhân tương tợ, nhân phổ biến và pháp tương ưng khác trừ vô lậu đầu tiên.

Từ bốn nhân kia sinh: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở khác, trừ vô lậu ban đầu. Cũng từ bốn nhân sinh, đó là: Nhân sở tác, nhân cộng sinh, nhân tương tợ, nhân tương ưng. Khác nghĩa là vô ký, không ẩn mất, trừ báo.

Nếu bất tương ưng khác
Tương tợ nên biết ba
Và các tương ưng khác
Pháp vô lậu đầu tiên.

Nếu pháp bất tương ưng khác giống nhau, phải biết có ba: Nghĩa là trước đã nói tâm bất tương ưng và bất tương ưng khác, khác ấy gọi là khác.

Bất tương ưng khác đó là thiện, vô ký không ẩn mất, trừ báo.

Nếu nhân tương tợ kia thành tựu, trừ vô lậu ban đầu, thì từ ba nhân sinh, đó là: Nhân sở tác, nhân cộng sinh và nhân tương tợ. Và các tương ưng khác, pháp vô lậu ban đầu, là pháp tương ưng với vô lậu mới sinh, cũng từ ba nhân sinh, đó là: Nhân sở tác, nhân cộng sinh và nhân tương ưng. Không có pháp giống nhau, vì trước sinh vô lậu không có nhân tương tợ.

Trong đó, bất tương ưng
Từ hai nhân mà sinh
Nếu từ một nhân sinh
Thì không có việc ấy.

Trong đó bất tương ưng, từ hai nhân sinh, là sắc trong nhóm vô lậu mới sinh và tâm bất tương ưng hành, đều từ hai nhân sinh, đó là: Nhân sở tác và nhân cộng sinh.

Đã nói tất cả pháp hữu vi nếu từ một nhân sinh thì không có việc ấy: Hết thảy pháp nhất định từ nhân sở tác, nhân cộng sinh mà sinh, nhân khác thì không nhất định, cho nên, không có pháp nào từ một nhân sinh.

Đã nói sự khác nhau của nhân. Đức Thế Tôn đã dùng nhân như vậy để hóa độ chúng sinh, cho nên nói duyên. Nay sẽ nói về duyên

Thứ đệ cũng duyên duyên
Tăng thượng và nhân duyên
Pháp từ bốn duyên sinh
Là do Thế Tôn nói.

Bốn duyên như vậy, sinh ra tất cả pháp hữu vi.

Duyên thứ đệ ấy: Nghĩa là mỗi tâm sinh đều theo thứ lớp tiếp nối nhau, nhằm tạo ra phương tiện dung nạp.

Duyên duyên là cảnh giới của pháp tâm, tâm sở, dựa theo phương tiện, duyên với cảnh giới đó, nên có công năng sinh khởi.

Duyên tăng thượng là lúc pháp sinh không gây chướng ngại, như vua tự tại, tức nhân sở tác mà trước đã nói.

Duyên nhân là trừ nhân sở tác, năm nhân còn lại là duyên nhân.

Hỏi: Nhân và duyên có gì khác nhau?

Đáp: Có thuyết nói: Không có khác nhau. Ta nói nhân như pháp hạt giống.

Duyên là gìn giữ phương tiện kia như đất, phân, v.v...

Đã phân biệt duyên. Nay sẽ nói về pháp theo duyên sinh

Tâm và các tâm pháp

Là từ bốn duyên sinh
Hai chánh thọ, từ ba
Pháp khác nói có hai.

Tâm và các tâm pháp, từ bốn duyên sinh, nghĩa là tâm, tâm số pháp từ bốn duyên sinh ra. Trước đây đã chấp nhận pháp này là duyên thứ đệ.

Cảnh giới là duyên duyên: Trừ tự tánh, ngoài ra, tất cả pháp đều là duyên tăng thượng.

Nhân cộng sinh, nhân tự phân và nhân tương ưng đều là duyên nhân, đôi khi có nhân phổ biến, nhân báo.

Hai chánh thọ từ ba: Nghĩa là chánh thọ vô tưởng, chánh thọ diệt tận, đều từ ba duyên sinh. Hai tâm nhập định của hai chánh thọ là duyên thứ đệ. Duyên thứ đệ ấy, trước hết là sinh khởi sự nhớ nghĩ chánh thọ và tâm chánh thọ. Giới, địa thiện, tự phần gọi là nhân tương tợ.

Sinh, trụ, đổi thay, hư hoại của sự sinh chung được gọi là nhân cộng sinh.

Hai nhân như vậy là duyên tăng thượng của duyên nhân kia, như trước đã nói.

Pháp khác nói có hai, nghĩa là tâm bất tương ưng hành khác, sắc được sinh từ hai duyên, là duyên nhân và duyên tăng thượng.

Hỏi: Vì sao pháp này gọi là hành?

Đáp:

Nhiều pháp sinh một pháp
Cũng có thể sinh nhiều
Vì duyên hành làm ra
Gọi là hành nên biết.

Nhiều pháp sinh một pháp, cũng có khả năng sinh ra nhiều pháp, nghĩa là một pháp nhờ sức nhiều pháp nên sinh, thì cũng có khả năng sinh nhiều pháp.

Như vậy, tất cả sức của pháp kia đây đã duyên với việc làm của hành, nên gọi là hành. Cần phải biết nghĩa là vì hành này vừa là duyên, vừa là hành, nên gọi là duyên hành. Vì duyên với hành mà làm ra nên gọi là duyên hành. Việc làm này cũng có khả năng làm duyên hành, nên gọi là hành. Nói như vậy nghĩa là hành này, vì cái khác mà làm, cũng có khả năng làm cái khác, nên gọi là hành.

Thứ lớp là chuyển sanh tự địa. Ở tự địa, tất cả các phiền não đối với tự địa, phiền não theo thứ lớp duyên có thể được, mỗi pháp thứ lớp sanh,

tất cả địa trên cũng sanh địa dưới.

Việc này nên phân biệt: Trên cõi trời Phạm thiên qua đời, thứ lớp sanh trong tất cả cõi Dục. Nếu trong đó tâm ô uế mà qua đời thì trong đây hoàn toàn là tâm ô uế nối tiếp nhau, tất cả địa như thế. Đã nói về tự tướng các sử, phiền não như thế, Đức Thế Tôn vì giáo hóa nên nói nhiều thứ, nay sẽ phân biệt.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bảy sử: Dục ái, khuể, hữu ái, mạn, kiến, nghi và vô minh, việc này thế nào?

Đáp:

Năm thứ dục cõi Dục,
Đây gọi sử dục ái,
Sắc, Vô sắc như trên,
Hữu ái sẽ phân biệt.

Năm thứ dục cõi Dục, đây gọi sử dục ái: Là kiến khổ, tập, diệt, đạo đoạn và Tư duy đoạn. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc như trên, hữu ái, sẽ phân biệt: năm thứ ái cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng vậy.

Khuể tức là sử khuể
Năm thứ như trước nói,
Kiêu mạn và vô minh
Mười lăm ở ba cõi.

Khuể tức là sử khuể, năm thứ như trước nói, sân khuể cũng có năm thứ như thế; Kiêu mạn và vô minh, mười lăm ở ba cõi: Mạn ở cõi Dục có năm thứ, cõi Sắc có năm thứ, còn Vô sắc có năm thứ. Vô minh cũng thế.

Sử kiến ba mươi sáu Nói rộng trong ba cõi, Sử nghi có mười hai, Bảy này có tên khác.

Sử kiến ba mươi sáu, nói khắp trong ba cõi: Cõi Dục có mười hai kiến: Năm thứ thấy khổ thì dứt, năm thứ thấy tập thì dứt, hai thứ thấy diệt thì dứt, ba thứ thấy đạo thì dứt. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng vậy. Năm do kiến Khổ đoạn, hai do kiến Tập đoạn, hai do kiến Diệt đoạn và ba do kiến Đạo đoạn. Cõi Sắc, Vô sắc cũng vậy.

Sử Nghi có mười hai: Cõi Dục có bốn là Kiến khổ, Tập, Diệt, Đạo đoạn. Cõi Sắc, Vô sắc cũng vậy. Bảy pháp này có tên khác: Phiền não này gọi là ách, thọ lưu, lậu.

Hỏi: Vì sao?

Đáp:

Ách buộc và thọ lưu,
Lậu, tất cả vô cùng

Các ách và thọ lưu
Phiền não là gọi lậu.

Vì ràng buộc tất cả chúng sanh nên gọi là ách. Vì là công cụ thọ sanh nên gọi là tho. Vì rót chảy xuống tất cả chúng sanh nên gọi là lưu. Vì rò rỉ tất cả vô cùng nên gọi là lậu.

Đã nói về các tướng, bây giờ sẽ nói về căn tương ưng.

-oOo-

A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN KINH

QUYỂN 2

Phẩm 3: NGHIỆP

Đã nói các hành do năng lực của nhân duyên mà sinh, kế đây là phần quán sát sự sinh diệt khác nhau của thế gian.

Do nghiệp nhân của phiền não cho nên sinh, phải tư duy về nghiệp đó, Sư muốn nói rộng về nghiệp, cho nên nói kệ:

Nghiệp tô điểm thế gian Mỗi đường đầu khác nhau Nên phải tư duy nghiệp Cầu lìa thế giải thoát.

Nghiệp tô điểm thế gian, mỗi đường đều khác nhau: Nghĩa là các thân trong năm đường của tất cả thế gian như vậy, đều sinh ra nghiệp, có khả năng tô điểm, cần phải suy nghĩ về nghiệp đó, vì nhân thế gian sinh ra các thân. Như Đức Thế Tôn nói: Chúng sinh khác nhau là do nghiệp đã tạo ra nên mới có sự cao, thấp, hơn, kém.

Vì lý do đó, nên phải tư duy nghiệp, để mong cầu ra khỏi thế gian, được giải thoát. Chủng loại, địa, tư tánh của nghiệp đó, đã thành tựu thiện, bất thiện khác nhau. Để hiểu biết được nghiệp ấy, nên phải siêng năng tư duy.

Hỏi: Nghiệp đó là gì? Tư duy như thế nào? Vì sao nhân của thế gian sinh khởi ra các thân?

Đáp:

Thân, miệng, ý tập nghiệp
Hiện ở trong các hữu (cõi)
Từ nghiệp sinh các hành
Và thọ các thứ thân.

Thân, miệng, ý tập họp nghiệp, hiện ở trong các hữu: Nghĩa là có ba thứ nghiệp, đó là nghiệp thân, miệng, ý. Thân kia đã tạo, hoặc nghiệp nương dựa vào thân, gọi là thân nghiệp. Nếu miệng đã gây ra gọi là khẩu nghiệp, ý tương ưng gọi là ý nghiệp. Từ đời này đến đời khác, chúng sinh đã gây nên nghiệp thân, miệng, ý.

Từ nghiệp đó sinh ra các hành và thọ các thứ thân: Nghiệp ấy sinh các hành và các công cụ bên ngoài như nhà cửa, sắc lực, thân thế, giàu sang, tội phước, mạng sống, v.v... và làm cho chúng sinh thọ các thứ thân.

Hành này có hai thứ, đó là số chúng sinh, chẳng phải số chúng sinh, chung không chung.

Không chung nghĩa là mỗi mỗi chúng sinh đều do nghiệp tăng thượng sinh riêng.

Chung là do nghiệp tăng thượng của hết thảy chúng sinh mà sinh.

Như vậy, đủ các thứ thân nghiệp tịnh, bất tịnh của năm đường như địa ngục, v.v... sẽ thọ nhận đủ các thứ khổ, vui khác nhau.

Vì nghiệp đó đã tạo đủ các loại chúng sinh, cho nên người mong cầu được giải thoát thì phải biết rõ nghiệp này.

Thân nghiệp cần phải biết
Có giáo và vô giáo
Khẩu nghiệp cũng như vậy
Ý nghiệp chỉ vô giáo.

Về nghiệp của thân, phải biết là có giáo và vô giáo. Nghĩa là nghiệp của thân có hai thứ, đó là có giáo và vô giáo. Có giáo là thân động, vô giáo là thân động diệt rồi, tương ưng với thức khác. Hành động ấy sẽ được chuyển biến nối tiếp nhau, như sau khi thọ giới, dù là tâm bất thiện hay vô ký, giới thiện vẫn phát sinh theo. Như bắt chim, v.v..., dù với tâm thiện hay vô ký, giới ác cũng vẫn phát sinh theo.

Nghiệp miệng cũng như vậy. Nghĩa là nghiệp miệng cũng có hai thứ: Tánh có giáo, tánh vô giáo. Chỉ nghiệp ý là vô giáo, nghĩa là nghiệp ý chỉ có tánh vô giáo, tánh không phải như sắc giáo. Vì nghiệp này, không thể chỉ bày cho người khác hiểu, nên gọi là vô giáo, vì có lời nói nên mới gọi là giáo. Trong năm nghiệp này:

Có giáo, phải biết ba: Thiện, bất thiện, vô ký Ý nghiệp cũng như vậy Khác không gọi vô ký.

Có giáo, phải biết có ba thứ: Thiện, bất thiện, vô ký. Nghĩa là thân giáo, khẩu giáo, phải biết có ba thứ thiện, bất thiện, vô ký. Thiện là thực hành bố thí, thọ giới, v.v... là do tâm thiện khởi động thân. Bất thiện là giết hại chúng sinh, v.v... là do tâm bất thiện khởi động thân.

Vô ký có hai thứ là ẩn mất và không ẩn mất. Ẩn mất nghĩa là tâm vô ký cấu uế khởi động thân. Không ẩn mất nghĩa là chẳng phải tâm vô ký cấu uế khởi động thân, các gọi là oai nghi, nghĩ nghiệp khéo léo. Khẩu giáo cũng như vậy, cần phải biết. Ý nghiệp cũng như vậy. Nghĩa là ý nghiệp

cũng có ba thứ. Tâm thiện kia tương ưng với tâm thiện gọi là thiện. Tương ưng với tâm bất thiện gọi là bất thiện. Vô ký cấu uế tương ưng với tâm gọi là vô ký ẩn mất, không phải tương ưng với tâm vô ký cấu uế gọi là vô ký không ẩn mất.

Nghiệp khác không gọi là vô ký, nghĩa là còn có hai nghiệp, đó là nghiệp thân, miệng vô giáo. Nghiệp đó có hai thứ: Thiện và bất thiện, không có vô ký. Vì sao? Vì yếu kém, vì tâm vô ký yếu kém, cho nên không có khả năng sinh khởi nghiệp mạnh mẽ. Nếu tâm vô ký này và thức khác và việc khác, đều nối tiếp nhau thì như cầm cành hoa Tu-ma- na, dù bỏ hoa lại đàng sau, vẫn còn phảng phất mùi thơm quyện theo. Vì sao? Vì năng lực của mùi hương luôn tỏa ra liên tục, không phải như cầm miếng gỗ, cục đá, v.v... Đã nói về các nghiệp.

Hai thứ sắc vô ký
Ẩn mất, không ẩn mất
Ẩn mất thuộc cõi Sắc
Ngoài ra, ở hai cõi.

Hai thứ sắc vô ký: ẩn mất, không ẩn mất, nghĩa là nếu tánh của sắc, gọi là nghiệp vô ký có giáo, như trước đã nói thì nghiệp này có hai thứ, phải biết là ẩn mất và không ẩn mất.

Nghiệp ẩn mất thuộc cõi Sắc, nghĩa là ẩn mất thuộc Phạm thế của cõi Sắc, không phải ở địa trên. Vì sao? Vì vô ký kia làm tâm, không phải là phiền não của địa trên, địa dưới khởi hiện ở trước mặt. Vì sao? Vì địa trên đã lìa bỏ dục cũng không ở cõi Dục, vì phiền não do Tu đạo đoạn, có khả năng khởi nghiệp thân, miệng. Vì sao? Vì vận chuyển ở môn ngoài. phiền não do kiến đạo đoạn là hành môn trong, không thể khởi nghiệp thân, miệng. Phiền não do Tu đạo đoạn ở cõi Dục, chỉ là bất thiện thì không phải phiền não bất thiện có khả năng sinh khởi nghiệp vô ký.

Ngoài ra ở hai cõi, nghĩa là nếu vô ký không ẩn mất, thuộc hai cõi Dục và Sắc, ý nghiệp như nói ở tâm, Vì sao? Vì sự ẩn mất, không ẩn mất kia chung cho ba cõi, trong đó:

Giới có giáo, vô giáo
Nói lược có ba thứ:
Vô lậu và thiền sinh
Nương thuận giới giải thoát.

Giới có giáo, vô giáo, nói lược có ba thứ: giới vô giáo nói lược phải biết có ba thứ.

Hỏi: Ba thứ đó là gì?

Đáp: Vô lậu và thiền sinh, nương thuận giới giải thoát.

Giới vô lậu, nghĩa là giới này sinh chung với đạo, đó là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Giới của thiền sinh, nghĩa là giới và thiền sinh chung, đó là ly dục, không ly dục; phàm phu và Thánh nhân.

Nương thuận giới giải thoát: Nghĩa là các nhóm hòa hợp, bên cạnh sĩ phu kia, cầu xin được thọ lãnh. Ba thứ giới này gồm nhiếp hết thảy giới.

Hỏi: Đã phân biệt giới có giáo, vô giáo rồi, thế nào là giới phát sinh với tâm, và giới không phát sinh với tâm?

Đáp:

Vô giáo, ở cõi Dục
Có giáo nương hai cõi
Nên biết chẳng cùng tâm
Ngoài ra nói cùng tâm.

Vô giáo ở cõi Dục nếu thuộc thuận giới giải thoát, hoặc không thuộc thuận giới giải thoát thì tất cả giới kia đều không phải là tâm cùng phát sinh, không có nghĩa chuyển biến theo tâm.

Hỏi: Vì sao không chuyển biến theo tâm?

Đáp: Vì người kia thọ giới rồi thì tâm bất thiện, vô ký cũng sinh theo nhưng không chuyển biến theo tâm thiện, bất thiện, vô ký. Vì sao? Vì vô tâm cũng chuyển theo.

Có giáo tức là hai cõi Dục, Sắc không chuyển biến theo tâm. Vì sao? Vì thuộc về thân.

Vì tâm khác cũng có, vì tâm khác đều cùng nói. Tâm khác là giới của Vô lậu, Thiền. Hai thứ giới đó đều tùy thuộc vào sự chuyển biến của tâm. Vì sao? Vì tâm khác không chuyển biến theo, mà do sức của tâm của người đó sinh hai thứ giới. Người đó đã thường tùy tâm để tạo nên nghĩa tùy thuận. Do vậy nên hai thứ giới ấy là quá khứ thành tựu quá khứ, vị lai thành tựu vị lai, hiện tại thành tựu hiện tại.

Đã nói về sự khác nhau của nghiệp, nay sẽ nói: về nghiệp thành tựu.

Luật nghi giới vô lậu
Thấy thật thì thành tựu
Thiền sinh, nếu được thiền
Giữ giới sinh cõi Dục.

Luật nghi giới vô lậu, thấy thật thì thành tựu: Tức là từ khổ pháp nhẫn ban đầu và tất cả bậc Thánh thành tựu giới vô lậu, giới này hiện ở sáu địa:

bốn thiền căn bản, thiền trung gian và thiền vị lai. Địa cõi Sắc này cũng vô lậu. Người đó chưa lìa dục, thấy đế, thành tựu giới ở địa vị lai. Nếu lìa bỏ sự ham muốn, tất cả bậc hữu học, ít nhất là thành tựu được ba địa, hoặc có sáu địa thì tất cả A-la-hán đều thành tựu sáu địa.

Thiền sinh nếu được thiền, nghĩa là nếu người được thiền, thì thành tựu được giới của thiền, không phải giới khác. Giới này, ở sáu địa, nghĩa là địa tiếp cận với thiền, thiền trung gian và bốn thiền. Nếu người, hoặc được các địa, hoặc là phàm phu, hoặc là bậc Thánh, đều thành tựu được giới của địa đó.

Giữ giới, sinh cõi Dục: Nghĩa là nếu người thọ giới, người đó thành tựu thuận theo giới giải thoát, thì giới này là người cõi Dục được, không phải cõi khác thọ.

Đã nói lược về thành tựu khác nhau nay sẽ nói có ba hạng người thuận theo thành tựu giới quá khứ, vị lai và hiện tại: Người trụ giới, người trụ phi giới, người trụ phi giới phi phi giới.

Người trụ giới cũng có ba hạng, do giới có ba thứ, nên người trụ giới kia:

Nếu trụ giới giải thoát
Vô giáo hiện tại kia
Phải biết thường thành tựu
Hoặc dứt thành quá khứ.

Nếu người kia an trụ giới giải thoát, thì vô giáo hiện tại phải biết là thường thành tựu. Nghĩa là nếu an trụ thuận theo giới giải thoát thì người đó ngay từ sát-na đầu, đã thọ lãnh giới vô giáo, thành tựu bất cứ lúc nào ở hiện tại, người đó hiện tại vô giáo, thường theo thứ tự tiếp nối nhau, cho đến thân mạng chưa hết. Vì sao? Vì đó là giới hạn phạm vi, bắt buộc. Hoặc dứt thành quá khứ, hoặc có người trụ giới thuận theo giải thoát, thành tựu giới vô giáo trong quá khứ, được gọi là đã chấm dứt mà không xả. Về xả có năm nhân duyên, ở sau sẽ nói.

Nếu có làm ở giáo
Thành tựu ở đời giữa
Giáo kia hết, không xả
Nên biết thành quá khứ.

Nếu có làm ở giáo, thành tựu ở đời giữa: đời giữa là đời hiện tại.

Nếu có người thực hành thân giáo khẩu giáo, lúc xin nhận lãnh giới là đã thành tựu giới giáo của hiện tại. Giới giáo đó đã hết mà không xả, phải biết đã thành quá khứ. Dứt hết là nghĩa quá khứ. Lúc giới giáo kia đã

hết, nếu không xả thì người đó đã thành tựu giới giáo quá khứ. Về nhân duyên xả giới này như trước đã nói.

Nói tóm lại, thì khi giáo ở niệm ban đầu là đã thành tựu giáo trong hiện tại và vô giáo, cho đến giáo chưa chấm dứt ở vị lai, là đã thành tựu giáo trong quá khứ, hiện tại và vô giáo. Giáo đó đã hết rồi nếu không xả, thì đối với việc thành tựu vô giáo quá khứ, hiện tại, người đó chỉ thành tựu giáo trong quá khứ, không phải giáo ở hiện tại.

Nếu được thiền vô giáo
Thành tựu diệt vị lai
Chặng giữa nhập chánh thọ
Giáo cũng như trước nói.

Nếu được thiền vô giáo, sẽ thành tựu diệt ở vị lai, nghĩa là nếu người được thiền thì đã thành tựu được giới thiền của quá khứ, vị lai. Như thành tựu thiền, vô giáo của người ấy dù quyết định diệt mất, nhưng do sức thiền nên lúc đầu người kia đã được thiền quá khứ như vậy. Sự nhớ nghĩ v.v... của nhị thiền đều thành tựu ở cả ba đời, cho đến lúc chưa khởi thiền, hoặc khởi mà không xả. Thành tựu giới vô lậu ở quá khứ, vị lai, giống như thiền, nên trong đây không nói.

Đã nói giới của thiền, cũng nói giáo kia. Vì sao? Vì nếu có người thấy đế giáo, người đó quyết định được giới của thiền, cho nên nói giới thiền, tức là nói giới giáo kia.

Nếu tạo nghiệp bất thiện
Trụ giới, thành tựu hai
Phiền não chung với triền
Nên biết kia dứt hết.

Nếu tạo nghiệp bất thiện, an trụ giới, thành tựu hai, nghĩa là người an trụ giới thuận giải thoát, nếu an trụ giới thiền người đó sẽ không thấy đế, sẽ làm điều bất thiện, lúc triền thêm lên, điều bất thiện vô giáo sẽ khởi hiện ngay, bấy giờ, người đó sẽ thành tựu giáo và vô giáo bất thiện.

Hỏi: An trụ giới thiền làm điều bất thiện là sao?

Đáp: Nếu người nào chưa lìa dục mà nương thiền vị lai, sẽ làm điều bất thiện.

Hỏi: Đến bao giờ thì thành tựu vô giáo?

Đáp: Lúc đi chung với triền phiền não thì người này cho đến lúc chưa xả triền bất thiện. Phải biết người kia đều dứt hết, nếu xả được triền bất thiện kia thì có giáo, vô giáo cũng xả.

Nếu trụ trong phi giới

Thành tựu vô giáo này
Phải biết quả không ưa
Hoặc hết ở quá khứ.

Nếu an trụ trong chỗ phi giới, thành tựu vô giáo này, phải biết người đó sẽ được quả không đáng ưa, nghĩa là người an trụ phi giới, đó là kẻ đồ tể giết dê, giết gà, mổ heo, bắt cá, bắt chim v.v..., người này, bất cứ lúc nào cũng gây ra điều bất thiện vô giáo ở hiện tại. Người ấy, lúc sát-na đầu tiên tạo nghiệp, là đã thành tựu vô giáo, thuộc về giới bất thiện đối với tất cả chúng sinh.

Nếu người nào lúc bắt đầu sát sinh, thì tức liền được vô giáo thuộc về sát sinh. Về sau, tùy chỗ sát sinh, lại được vô giáo thuộc về sát sinh. Giới thuộc về phi luật nghi, trước đã được rồi, nên không còn được nữa. Hoặc lại dứt ở quá khứ là niệm thứ hai trở đi, sát sinh và phi luật nghi gồm nhiếp vô giáo thì thành tựu quá khứ, hiện tại, cho đến không bỏ . Sát-na chấm dứt ở quá khứ gọi là hết.

Nếu sát-na trụ giáo
Là nói thành tựu giữa
Cũng dứt ở quá khứ
Thiện trái với ở trên.

Nếu sát na an trụ giáo là nói thành tựu giữa, nghĩa là lúc tùy thuận an trụ giáo là đã thành tựu giáo ở hiện tại. Sát-na hiện tại gọi là sát-na an trụ.

Cũng lại chấm dứt ở quá khứ, tức là tùy thuận giáo. Sát-na chấm dứt quá khứ, chưa dứt trở về sau, bấy giờ thành tựu quá khứ, hiện tại. Nếu chấm dứt nhưng chưa xả thì chỉ thành tựu quá khứ.

Thiện trái với phi luật nghi ở trên, nghĩa là an trụ nơi luật nghi. Nói bất thiện, như là an trụ phi luật nghi. Nói thiện, là đem hết lòng tin thanh tịnh để làm việc từ thiện như bố thí, v.v... Lúc đó là vô giá thiện sinh khởi. Do vậy, khi phi luật nghi xả thì vô giáo bất thiện này cũng xả.

Nếu ở giữa đã làm
Là nói thành tựu giữa
Cũng chấm dứt quá khứ
Hoặc hai, cũng lại một.

Nếu ở giữa đã làm là nói thành tựu giữa, nghĩa là ở mực giữa không phải luật nghi, chẳng phải không luật nghi. Nếu người kia làm điều thiện, sẽ thành tựu giáo thiện trong hiện tại. Nếu làm việc bất thiện, sẽ thành tựu giáo bất thiện trong hiện tại.

Cũng lại chấm dứt quá khứ, nghĩa là nếu giới giáo này diệt mất, mà

chưa dứt, thì cũng thành tựu quá khứ, hiện tại. Nếu chấm dứt rồi, không xả thì chỉ thành tựu quá khứ.

Hoặc hai, tức là hoặc có giáo, vô giáo, quá khứ, hiện tại. Nếu thật muốn làm, thì nhất định phải dùng phương tiện không xả.

Cũng lại một, nghĩa là phương tiện hết rồi chỉ thành tựu vô giáo ở hiện tại.

Có người, cho đến thân mạng chưa chấm dứt, về sau thành tựu vô giáo trong hiện tại, vì không muốn dừng nghỉ.

Hỏi: Đã nói giáo thuận theo giới giải thoát. Giới thiền vô lậu làm thế nào đạt được?

Đáp:

Tâm thiện trong cõi Sắc
Được giới luật nghi thiền
Đây xả, kia cũng xả
Vô lậu có sáu tâm.

Tâm thiện trong cõi Sắc, được giới luật nghi của thiền, nghĩa là nếu có người được tâm thiện cõi Sắc, hoặc có lúc lìa dục, có lúc không lìa dục, người đó được tất cả giới luật nghi của thiền. Tất cả giới tâm thiện của cõi Sắc, thường thuận theo, chỉ trừ sáu tâm, đó là: Mắt, tai, thân, thức và tâm văn tuệ, tâm lúc sắp chết và tâm tạo nghiệp.

Hỏi: Thế nào là xả?

Đáp: Tâm này xả, tâm kia cũng xả. Nếu xả tâm thiện của cõi Sắc thì tâm ở cõi đó cũng xả.

Vô lậu có sáu tâm, nghĩa là sáu tâm của giới vô lậu kia cùng được, đó là vị lai, trung gian và bốn thiền căn bản, tâm kia xả, sáu tâm thiền này cũng xả.

Hỏi: Các giới như vậy, đó là giới gì? Có bao nhiêu lúc xả?

Đáp:

Thuận giải thoát, điều phục
Thì xả vào năm lúc
Giới thiền sinh, vô lậu
Hai lúc, người trí nói.

Thuận giải thoát điều phục, là xả vào năm lúc: Nghĩa là lúc xả chủng loại của phần mình, lúc xả giới, lúc dứt căn thiện, lúc hai căn sinh, lúc chánh pháp ẩn mất thì xả.

Hoặc có người nói: Xả vào lúc vi phạm phạm hạnh của giới căn bản.

Sư Kế-tân nói: Có bốn lúc xả, trừ hai thứ sau. Giới vô lậu, thiền sinh có hai lúc xả, do người trí nói, nghĩa là giới của thiền có hai lúc xả: là thối lui và vượt qua địa giới. Giới vô lậu cũng có hai lúc xả: Thối lui và đắc quả. Căn kia, theo thứ tự được quả vì giống nhau nên không nói riêng.

Có người nói căn kia có ba lúc xả riêng.

Hỏi: Phi luật nghi làm sao xả?

Đáp:

Phi luật nghi bốn lúc
Thiện Vô Sắc như vậy
Nhiễm cấu chỉ một lúc
Là nói ở nơi ý.

Phi luật nghi bốn lúc: Đó là: Lúc thọ giới, lúc được giới thiền, lúc hai căn sinh và lúc xả chủng loại của phần mình. Giới, phi giới, xả trong ba lúc: Thế lực gốc đã qua, hy vọng đã chấm dứt, phương tiện đã dừng là nói xả giới, phi giới, cần phải quán sát.

Hỏi: Đã nói nghiệp tự tánh của cõi Sắc, nghiệp tự tánh của cõi Vô Sắc, rốt ráo là thế nào?

Đáp: Vô Sắc thiện như vậy, nghiệp của Vô Sắc thiện cũng có bốn lúc xả, đó là: Lúc đắc quả, lúc lui sụt, lúc dứt căn thiện, lúc vượt qua địa giới. Sự cấu uế chỉ có một lúc, là nói ở ý, nghĩa là ý nghiệp cấu uế chỉ xả có một lúc, đó là lúc lìa sự ham muốn, tùy thuộc ở mỗi nơi nào lìa sự ham muốn thì xả ở nơi đó.

Đã nói tự tánh và sự thành tựu của nghiệp, tùy nghiệp kia, Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng pháp môn để phân biệt, nay sẽ nói:

Nếu nghiệp cho quả khổ
Nên biết là hành ác
Lại có hành ý ác
Tham, giận và tà kiến.

Nếu nghiệp cho quả khổ, phải biết đó là hành ác: Nếu nghiệp chiêu cảm quả không đáng yêu, phải biết đó là hành ác, là sát sinh, v.v... tất cả nghiệp của thân, miệng, ý bất thiện và quyến thuộc của nghiệp bất thiện đó, đó là hành ác. Vô ký ẩn mất không có quả báo, không gọi là hành ác.

Lại có hành Ý ác là tham, giận và tà kiến: Nghĩa là tư (tư duy) bất thiện kia là hành Ý ác, như trước đã nói.

Lại, có phần nghiệp của tham giận, tà kiến, phải biết như nghiệp, do quả thành nhân như người nữ phạm hạnh bị cấu uế như vậy v.v... đã nói.

Trái lại là hành thiện

Đấng Tối thắng đã nói
Trong ấy nếu tăng thượng
Thánh nói mười nghiệp đạo.

Trái lại là hành thiện, lời đấng Tối thắng nói, nghĩa là trái với hành vi ác phải biết đó là hành thiện, là tất cả nghiệp thiện. Nghiệp của ý không tham, không giận, chánh kiến, trong đó nếu được thêm lên, Thánh nói là mười nghiệp đạo. Nghĩa là trong hành nghiệp thiện, ác kia, nếu nghiệp được gia tăng hơn lên thì gọi là nghiệp đạo. Gia tăng trong hành ác gọi là nghiệp đạo bất thiện, nếu gia tăng trong hành thiện gọi là đạo nghiệp thiện.

Nghiệp đạo bất thiện, đó là bảy thứ như sát sinh, v.v... và tham, giận, tà kiến.

Nghiệp đạo thiện là lìa bỏ bảy thứ như sát sinh v.v... và không tham, không giận và chánh kiến. Hoặc thực hành phương tiện, xem trọng, thì không phải nghiệp đạo, hoặc nghiệp đạo trọng nên nói như vậy.

Sát sinh: Đối với người kia, có tưởng là chúng sinh khác, có ý muốn giết chết, định tìm cách hãm hại mạng sống. Nghiệp đó được hoàn thành gọi là sát sinh.

Không cho mà lấy, là có sự hiểu biết về vật dụng của người khác, người khác có tưởng không cho mà có ý muốn cướp đoạt lấy làm của mình. Đó gọi là không cho mà lấy.

Hạnh tà là ở chỗ đã làm đều phi đạo, phi xứ, phi thời. Điều không nên làm mà làm, đó gọi là hạnh tà.

Nói dối là dùng tư tưởng, lời nói khác lạ để lừa dối người, đó gọi là nói dối.

Nói lời hai chiều là ngữ nghiệp, với tâm nhiễm ô, muốn phá hoại người khác, đó gọi là nói lời hai chiều.

Nói lời thô tục, độc ác là có tâm giận dữ nói ra lời lẽ khiếm nhã, không đáng yêu đối với kẻ khác, đó gọi là nói lời thô ác.

Bị vấp váp, mềm lòng lúc gặp tham, v.v... rồi vội dùng lời không tốt đẹp, lời nói vô ích, lời lẽ phi pháp, đó gọi là lời nói thêu dệt.

Tham là yêu thích tiền của, tài sản của người, sinh ý tưởng ham muốn xấu xa, đó gọi là tham.

Giận là phiền não tăng thượng, nhằm hủy hoại người khác với tâm xấu ác, đó gọi là giận dữ.

Tà kiến là chê bai không có nhân quả.

Trên đây là mười nghiệp đạo bất thiện, trái với mười nghiệp đạo này

gọi là nghiệp đạo thiện. Nghiệp khác không gọi là nghiệp đạo, nghĩa là phương tiện sau của nghiệp đạo này cho đến hành động như uống rượu, đánh đập, v.v... là hành vi ác. Hành thiện như là lễ bái, v.v..., lìa nghĩ đến uống rượu, những hành vi như vậy là nghiệp, chứ không phải nghiệp đạo.

Hỏi: Nghiệp đạo nghĩa là gì?

Đáp: Vì nghiệp này là đạo, nên gọi là nghiệp đạo. Vả lại, là đạo của nghiệp, nên gọi là nghiệp đạo, vì nghiệp đạo của nghiệp đạo, nên gọi là nghiệp đạo.

Bảy nghiệp vừa là nghiệp, vừa là đạo, vì là đạo tư duy. Ba nghiệp đạo này không phải là nghĩa nghiệp.

Hỏi: Vì sao ba thứ như tham, v.v... trong các phiền não gọi là nghiệp đạo, không phải thứ khác?

Đáp: Vì tăng thượng điều ác, vì tự gây phiền não cho người khác. Điều ác này là cùng cực, các thứ khác thì không như vậy. Để đối trị với điều ác đó, dùng đạo không tham của chính mình, v.v... Đối với nghiệp đạo gồm nhiếp và nghiệp đạo không gồm nhiếp này, nói lược có hai thứ: Định và bất định. Định có hai thứ: Báo định và thời định. Thời định có ba thứ.

Hỏi: Ba thứ đó là gì?

Đáp:

Nghiệp của quả hiện pháp
Kế là quả sinh thọ
Quả sau cũng như vậy
Nên biết thời đều định.

Nếu nghiệp đã gây ra ở đời này, tức là đã chín ở đời này, gọi là nghiệp hiện pháp thọ. Nếu nghiệp chín ở đời kế, gọi là nghiệp sinh thọ. Qua đời kế tiếp sau là chín ở đời khác, gọi là nghiệp hậu thọ. Ba thứ này gọi là thời quyết định.

Báo quyết định, tức không phải thời quyết định. Nếu được nhân duyên bèn thuần thục. Ngoài ra gọi là bất định.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Ba nghiệp như, lạc thọ v.v... khác nhau thế nào?

Đáp:

Nghiệp thiện trong cõi Dục
Và ba địa cõi Sắc
Thì gọi là lạc thọ
Đây cũng định, bất định.

Nghiệp thiện trong cõi Dục và ba địa của cõi Sắc gọi là lạc thọ. Nghĩa là nghiệp thiện trong cõi Dục có công năng sinh báo câu hành(cùng hiện hành) với lạc. Trong địa Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền của cõi Sắc, cũng sinh báo câu hành với lạc. Các địa đó, gọi chung là lạc thọ.

Hỏi: Nghiệp này cũng là định nghiệp chăng?

Đáp: Nghiệp này cũng định, bất định. Hoặc định, hoặc bất định, thì nghiệp thiện trong bốn địa này đều gọi là lạc thọ. Vì quả báo thuộc về lạc thọ nên gọi là lạc thọ.

Sinh không khổ, không lạc
Là thiện ở địa trên
Nếu thọ nhận báo khổ
Gọi là nghiệp bất thiện.

Sinh không khổ không vui, thiện đó ở địa trên, nghĩa là nếu nghiệp thiện của Tứ thiền và cõi Vô Sắc, gọi là thọ không khổ, không vui. Nghiệp đó có công năng sinh ra báo không khổ, không vui đi chung. Nếu thọ nhận báo khổ, là nói về nghiệp bất thiện, nghĩa là nghiệp bất thiện gọi là khổ thọ. Nghiệp đó, có khả năng sinh ra khổ thọ, đi chung. Cho nên, nghiệp này cũng nhất định, không nhất định.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Bốn nghiệp của báo đen đen, v.v... thì phân biệt thế nào?

Đáp:

Nếu nghiệp thiện cõi Sắc
Là trắng, là báo trắng
Đen, trắng trong cõi Dục
Hai đen gọi bất tịnh.

Nếu nghiệp thiện trong cõi Sắc là trắng thì báo trắng: Nghĩa là nghiệp thiện trong cõi Sắc là trắng, hoàn toàn không có phiền não, báo đó cũng trắng, hoàn toàn khả ái. Đen trắng trong cõi Dục: Nghĩa là nghiệp thiện của cõi Dục, lẫn lộn với bất thiện, nên gọi là đen, trắng. Nghiệp thiện của cõi Sắc kia, không có sự thọ nhận lẫn lộn của một nghiệp, có hai báo đen trắng.

Hỏi: Nếu báo không phải đen thì sao gọi là đen?

Đáp: Do không yêu thích nên gọi là đen, yêu thích gọi là trắng.

Hai đen gọi là bất tịnh, nghĩa là nghiệp bất thiện gọi là đen, vì không khả ái. Nghiệp đen kia lại sinh ra báo đen.

Nếu nghĩ, năng phá hoại
Các nghiệp thành tựu kia
Tương ưng đạo vô ngại

Là nói nghiệp thứ tư.

Nếu đạo có công năng dứt ba thứ nghiệp kia, tức là đạo vô ngại gồm nhiếp mười bảy học tư, là nghiệp thứ tư. Vì nghiệp này không thể quở trách, nên gọi là không đen, vì không có sự đắm nhiễm, nên gọi là không trắng. Vì trái với sự lưu chuyển, nên gọi là không có báo. Nghiệp trắng đó, gồm nhiếp phần pháp trí trong kiến đạo, tương ưng với bốn sự suy nghĩ và lìa tám tư duy tương ưng với tám đạo vô ngại của cõi Dục. Mười hai tư duy này dứt nghiệp báo đen đen. Đạo vô ngại thứ chín, tương ưng với một tư duy đoạn nghiệp báo đen trắng. Sơ thiền, lìa dục cho đến Tứ thiền lìa dục, gồm nhiếp đạo vô ngại thứ chín, tương ưng với bốn tư duy đoạn nghiệp báo trắng trắng, ngoài ra không phải nghiệp báo. Nghiệp thiện của Vô Sắc, trong đó là không số. Vì sao? Vì không có việc hai trắng. Nghĩa là thuộc thứ trắng tươi, tinh khiết, thứ trắng có thể mừng vui, do đó không gọi là trắng, trong kinh ấy, Đức Thế Tôn gọi là Trung hữu.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Sự không ngay thẳng, lỗi lầm, v.v... của nghiệp thân, miệng, ý, việc này là thế nào?

Đáp:

Nịnh sinh gọi là cong
Lỗi từ giận dữ sinh
Dục sinh gọi là nhám
Là do Thế Tôn nói.

Sự dua nịnh sinh khởi gọi là không ngay thẳng, nghĩa là tìm cách dua nịnh người, nhằm che giấu việc mình, với lòng dạ không ngay thẳng, gọi là dua nịnh. Sự dua nịnh này được tồn tại ở Phạm thế cõi Dục, không phải ở địa trên, nó ở lĩnh vực ý, do tu đạo dứt trừ. Nếu nghiệp từ sự dua nịnh sinh khởi, sẽ do quả thành nhân, nên Đức Thế Tôn nói: Cong vạy kia không phải tánh tà vạy. Lỗi sinh ra từ tức giận là từ sự giận dữ sinh ra nghiệp, do quả thành nhân, nên Đức Thế Tôn gọi là lỗi.

Dục sinh: Là nói vướng mắc, nghĩa là nếu nghiệp từ sự ham muốn phát sinh thì trong quả nói nhân, nên Đức Thế Tôn nói là vướng mắc.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Ba thứ thanh tịnh và ba thứ vắng lặng.

Tướng đó thế nào?

Đáp:

Tất cả diệu hạnh tịnh
Thân, miệng vô học tịnh
Cái gọi ý vắng lặng
Tức là tâm vô học.

Tất cả diệu hạnh tịnh, nghĩa là đã có tất cả diệu hạnh hữu lậu, vô lậu của thân, miệng, ý, đều được gọi là tịnh.

Hỏi: Diệu hạnh hữu lậu ở xứ sở bất tịnh, sao lại nói là tịnh?

Đáp: Vì trái với phiền não bất tịnh, vì một phần ít tịnh của diệu hạnh kia có khả năng dẫn đường, đến vắng lặng đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Thế nào gọi là tịnh?

Đáp: Thân, miệng vô học thanh tịnh: Thân miệng diệu hạnh của vô học, gọi là thân miệng thanh tịnh. Cái gọi là ý vắng lặng, tức là tâm vô học. Tâm vô học đó gọi là ý vắng lặng, được tướng Mâu-ni, lìa ngữ ngôn phiền não, cắt đứt tóc bện của ba cõi, dựa vào búi tóc phiền não của Hữu đảnh, vì thân có khởi tác ý không vắng lặng, nên không nói là Mâu-ni. Mâu-ni là nghĩa vắng lặng. Vì đoạn yêu thích giáo như nước rửa sạch v.v… nên gọi là tịnh. Vì đoạn giáo Mâu-ni, nên nói Mâu-ni của thân, miệng, ý.

Đã nói sự khác nhau về sự hòa hợp của nghiệp. Nay sẽ nói: sự khác nhau của nghiệp quả,

Nghiệp thiện, nghiệp bất thiện
Là nói cả hai quả
Thiện hoặc thành ba quả
Một quả khác nên biết.

Nghiệp thiện, nghiệp bất thiện là nói cả hai quả: Nghiệp thiện có hai thứ quả, thiện hữu lậu kia có quả y và quả báo. Quả y, nghĩa là địa, giới sinh trước, sinh sau, tự phân ra thiện.

Quả báo là vô ký. Vô lậu dứt nghiệp phiền não có quả y và quả giải thoát.

Quả y là đời trước sinh Thánh đạo, đời sau sinh Thánh đạo, tất cả đều giống nhau, tăng trưởng, không giảm bớt.

Quả giải thoát là đạo vô ngại, dứt các phiền não. Nghiệp bất thiện kia cũng có hai quả: quả y và quả báo.

Thiện hoặc thành ba quả, nghĩa là nếu thiện hữu lậu dứt phiền não, thiện đó sẽ có ba quả: Quả y, quả báo và quả giải thoát, như đạo dứt kiết của thế tục.

Một quả còn lại nên biết, là nghiệp vô ký và vô lậu khác không dứt kiết, tức nghiệp đó có một quả, cái gọi là quả y.

Hỏi: Nghiệp của thân, miệng kia là tự tánh của sắc tạo hay do bốn đại sinh khởi, nghiệp đó là nghiệp gì, do bốn đại nào tạo?

Đáp:

Địa mình nếu có đại
Chỗ nghiệp thân, miệng nương
Vô lậu tùy sức được
Trở lại nương sức kia.

Địa mình nếu có đại, chỗ nghiệp thân miệng nương tức là nghiệp thân, miệng của cõi Dục, nghiệp đó chỉ là bốn đại của cõi Dục tạo, cõi Sắc cũng như vậy.

Vô lậu tùy sức được, lại nương vào sức kia, nghĩa là nghiệp thân, miệng vô lậu tùy sức mà được, rồi lại dựa vào địa kia, bốn đại như vậy sinh khởi, nếu đạo vô lậu của cõi Dục sinh khởi, đạo đó lại dựa vào cõi Dục, nghiệp thân miệng vô lậu do bốn đại tạo như vậy, cần phải biết.

Như thế, cõi Sắc lại dựa vào địa kia. Nghiệp vô lậu của bốn đại tạo như vậy, cần phải biết.

Hỏi: Nếu sinh cõi Vô Sắc là đã xả giới học, được giới vô học. Kia xả giới học rồi, sẽ nương vào giới của địa nào, được nương giới của địa nào?

Đáp: Tùy thuộc dựa vào địa kia sinh, tùy thuộc dựa vào địa kia diệt, dựa vào giới quá khứ của địa kia và dựa vào giới vị lai của năm địa, v.v... thảy đều xả hết, thì lại được dựa vào giới ở vị lai của năm địa. Năm địa: Là bốn thiền và cõi Dục.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói ba chướng, tướng ấy thế nào?

Đáp:

Nghiệp vô gián không cứu
Sinh nhiều các phiền não
Đường ác nhận báo ác
Chướng ngại phải nên biết.

Có ba thứ chướng, đó là nghiệp chướng, phiền não chướng và báo chướng. Chướng ngại Thánh đạo và phương tiện của Thánh đạo, nên gọi là chướng.

Nghiệp chướng: Năm nghiệp vô gián, đó là: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hoại tăng và ác tâm làm thân Phật chảy máu. Tạo nghiệp này rồi, chắc chắn đời sau sẽ bị đọa vào địa ngục Vô gián, nên gọi là Vô gián. Vì giết cha, giết mẹ là phản bội ân nghĩa, nên đọa vào địa ngục Vô gián. Ba thứ còn lại là phá hoại ruộng phước.

Phiền não chướng là gồm cần phiền não và lợi phiền não. Cần phiền não là phiền não thường hành, lợi phiền não là phiền não tăng thượng. Phiền não hiện hành gọi là chướng, không phải là thành tựu. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều bình đẳng tạo ra các phiền não.

Báo chướng là tùy thuộc vào báo đã trụ không phải khí báo của Thánh đạo mà vì lỗi lầm xấu ác.

Hỏi: Làm sao biết được việc đó là đúng?

Đáp: Vì tất cả đường ác hoàn toàn là địa phàm phu châu Uất-đơn-việt ở phía bắc và chúng sinh cõi Vô tưởng.

Hỏi: Trong ba nghiệp này, nghiệp nào ác nhất?

Đáp:

Nói dối, phá hoại tăng
Phải biết tội rất nặng,
Nghĩ trong đời Hữu đảnh
Quả lớn nhất, trong thiện.

Nói dối, phá hoại tăng, phải biết đó là tội rất nặng, nghĩa là sự nói dối, phá tăng, là một tội lỗi cực kỳ độc ác trong tất cả nghiệp. Người đó sẽ phải đọa vào địa ngục A-tỳ, trải qua một kiếp trụ, với mười ba đống lửa bao quanh thân họ. Vì sao? Vì người đó đối với pháp tưởng là phi pháp, với phi pháp tưởng là pháp, cũng phá hoại tưởng thấy pháp. Vì để phá tăng, khởi xướng đạo kỳ dị, phá hoại pháp luân. Vì vậy, nghiệp này là nghiệp vô cùng ác trong tất cả nghiệp.

Có hai cách phá tăng: Phá pháp luân và phá yết-ma. Phá yết-ma nghĩa là đồng trong một giới, mà lại Bố-tát, làm pháp yết-ma, v.v... ở một chỗ riêng.

Hỏi: Gì là nghiệp thiện được quả lớn nhất?

Đáp: Sự suy nghĩ trong đời Hữu đảnh, quả rất to lớn trong điều thiện, là tư duy chánh thọ của Hữu đảnh là quả vô cùng lớn, trong tất cả điều thiện, vì trong suốt tám muôn kiếp đó rất vắng lặng. Vì nhân duyên của quả báo, nên sự tư duy trong Hữu đảnh gọi là quả lớn. Ngoài ra, tất cả quả lớn của sự tư duy này còn tương ưng với định Kim Cương dụ, hết thảy quả báo, quả của tất cả kiết rốt ráo dứt hết.

Phẩm 4: SỬ 1 (Phần đầu)

Đã nói rộng về nghiệp và nhân duyên phiền não lưu chuyển, do nghiệp và sức phiền não của nghiệp kia, nên nhận đủ các thứ sinh không thể nào lìa bỏ phiền não. Vì vậy, muốn phân biệt phiền não, Sư nói như vầy:

Căn bản tất cả hữu
Bạn nghiệp, sinh trăm khổ

Chín mươi tám thứ sử
Mâu-ni nói nên nghĩ.

Tất cả hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô Sắc hữu. Ba hữu này lấy chín mươi tám sử làm căn bản. Vì sao? Vì đây là bạn của nghiệp có khả năng sinh ra các thọ, sinh ra các khổ, nghiệp đó do sức của phiền não, nên việc thọ sinh là do sức của hữu, không thể tách rời phiền não. Do vậy, người muốn mong cầu giải thoát, thì phải biết điều ấy. Biết rồi thì xa lìa. Vì sao? Vì nếu không biết được kẻ thù thì sẽ bị chúng hãm hại.

Trong kinh, Phật nói có bảy thứ sử. Giới, hành, chủng loại phiền não đó được phân biệt thành chín mươi tám sử. Đó là sử Tham, thì giới (cõi) chia thành ba; chủng (loại) chia thành năm; giới chủng chia thành mười lăm. Sử Mạn, vô minh cũng giống như vậy. Sử sân thì giới được chia thành một, chủng chia thành năm. Sử nghi thì giới chia thành ba; chủng chia thành bốn; giới chủng, chia thành mười hai. Sử Kiến thì giới được chia thành ba; chủng chia thành bốn. Hành được chia làm năm; chủng loại hành được chia thành mười hai. Hai kiến thân và biên, vì đồng do thấy khổ mà dứt, nên làm một chủng loại. Giới thủ vì thấy khổ, thấy đạo mà dứt, nên chia làm hai chủng loại. Tà kiến, kiến thủ làm bốn chủng loại. Như vậy, chia thành mười hai sử.

Chủng loại, giới, hành được chia thành ba mươi sáu sử. Thế nên có chín mươi tám sử.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp:

Tất cả các phẩm sử
Phải biết lập hai phần
Là phần kiến đạo đoạn
Và phần tu đạo đoạn.

Kiến đạo đoạn, cho đến Tu đạo đoạn, chỉ có các sử này, không có sử nào khác.

Kiến là thấy. Hành giả thấy được đối tượng phải đoạn, nên gọi là Kiến đạo đoạn. Đấy là nói nghĩa nhẫn đã hại. Phiền não tu là nghĩa thường tập. Là đối tượng đoạn của tu nên gọi là tu đạo đoạn. Đấy gọi là nghĩa được tánh đạo đã đoạn phiền não.

Phiền não hai mươi tám
Biết chướng ngại, thấy khổ
Lúc người kia thấy khổ
Dứt hết, không còn sót.

Trong chín mươi tám sử, do kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn, thì hai mươi tám sử gây chướng ngại việc kiến khổ. Kiến khổ đoạn này sau đây sẽ nói.

Kiến tập đoạn: mười chín Phải biết diệt cũng vậy Thêm ba Kiến đạo đoạn Mười, nói tu đạo đoạn.

Kiến tập đoạn: mười chín, là mười chín sử, vì ngăn che thấy tập, nên do kiến tập đoạn. Phải biết diệt cũng vậy, tức thấy diệt cũng dứt mười chín sử.

Thêm ba kiến đạo đoạn, nghĩa là hai mươi hai sử do kiến đạo đoạn. Mười là nói tu đạo đoạn, là phải biết mười sử, do Tu đạo đoạn.

Đã nói sự khác nhau của chủng loại sử, nay sẽ nói sự khác nhau về cõi của sử.

Chủng loại phiền não đầu
Cõi Dục nên biết mười
Trong hai đều có bảy
Tám thứ kiến đạo đoạn.

Chủng loại phiền não đầu tiên ở cõi Dục, phải biết là mười: Như trước đã nói: Đầu tiên, kiến khổ đoạn chủng loại phiền não, trong đó có mười sử thuộc cõi Dục, đó là: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ, tham, sân, mạn, nghi, vô minh.

Trong hai cõi, mỗi cõi đều có bảy: Như trước đã nói: kiến tập, diệt đoạn chủng loại phiền não, trong đó, mỗi cái thấy đều có bảy sử cũng thuộc cõi Dục. Phải biết trong mười sử này, trừ thân kiến, biên kiến, giới thủ là còn bảy. Tám chủng loại kiến đạo đoạn, nghĩa là trong bảy sử thuộc cõi Dục thì thêm giới thủ.

Cõi Dục cần phải biết
Bốn là tu đạo dứt
Hai cõi trên còn lại
Nên biết đều khả đắc.

Ở cõi Dục, phải biết bốn thứ do tu đạo đoạn, đó là tham, sân, mạn, vô minh, v.v... Như vậy, ba mươi sáu sử kia là thuộc cõi Dục, cần phải biết.

Còn lại hai cõi trên, nghĩa là sáu mươi hai sử còn lại, thuộc cõi Sắc, cõi Vô Sắc.

Phải biết là các sử này đều có thể được: Ba mươi mốt sử như vậy thuộc cõi Sắc, ba mươi mốt sử thuộc cõi Vô Sắc, trong ba mươi sáu sử, trừ năm sử sân.

Đã nói sự khác nhau về giới, chủng loại, số lượng của sử, nay sẽ nói về tự tánh của sử,

Cái gọi có thân kiến
Biên kiến và tà kiến
Hai thủ, phải nên biết
Năm kiến phiền não này.

Năm phiền não này đều là tánh của kiến. Thân kiến, nghĩa là đối với trong năm thọ ấm, chấp là ngã, ngã sở, đó gọi là thân kiến.

Biên kiến là đối với kia chấp là đoạn, thường, đó gọi là biên kiến.

Tà kiến là phỉ báng bốn đế. Xét như vậy rồi chấp đắm, gọi là tà kiến.

Giới thủ là đối với tự tánh của tự tại, v.v... trí trung gian của trượng phu, v.v..., chúng thật sự không phải trong nhân giải thoát khổ mà chấp làm nhân. Nhận lấy giới, v.v... trong đây loại trừ những thứ khác gọi là giữ giới. Vì thế cho nên gọi là Giới thủ.

Kiến thủ là đối với pháp hữu lậu, chấp cho là hơn hết. Giữ lấy kiến giải này v.v... trong đây cũng loại trừ những tên gọi khác, cho nên gọi là kiến thủ. Vì là tánh của trí tuệ ấy, nên gọi là Kiến. Năm kiến này, gồm thâu hết thảy kiến. Một tà kiến này là chấp tà vạy, mê đắm. Do sự khác nhau của hành, nên phải nói năm thứ.

Tham dục và nghi, sân
Mạn, vô minh, phi kiến
Cảnh giới chuyển khác nhau
Nói có các thứ tên.

Tham dục, nghi, sân, mạn, vô minh: Không phải kiến: Nghĩa là tham thì người ấy có tưởng yêu trong hữu, ưa vướng chấp, đó gọi là tham.

Nghi là đối với nghĩa chân thật, chính xác chấp cho là thật, hoặc chê bai nghĩa thật đó, trong ấy còn do dự, đó gọi là nghi.

Sân là nếu bị người khác lấn hiếp, không thể nhịn nhục rồi sinh ý nghĩ xấu ác, đối với chúng sinh thì phá hoại bức bách. Không phải nơi chốn mà sinh tâm não hại người kia, đó gọi là sân.

Mạn là ngang với địa mình, tâm tự đề cao, đó gọi là Mạn

Vô minh là trong tưởng về đế, không biết, bất tịnh, đó gọi là vô minh. Vì năm phiền não này không phải tánh của tuệ, nên không gọi là kiến.

Như vậy, hết thảy cảnh giới phiền não đều luôn chuyển biến khác nhau, nên nói có nhiều tên gọi, nghĩa là mười phiền não này, tùy thuộc vào sự đổi thay khác nhau của cảnh giới, nên mới lập các tên để gọi. Trong cảnh giới này, nếu duyên khổ chuyển thì gọi là kiến khổ đoạn. Như vậy, kiến tập đoạn cũng như thế.

Khổ cõi dưới tất cả
Lìa ba kiến, hai chuyển
Đạo dứt trừ hai kiến
Cõi trên không hành sân.

Khổ của cõi dưới ở khắp tất cả: Nghĩa là khổ trong cõi Dục còn gọi là khổ của cõi dưới. Tất cả mười sử kia đều trái với kiến khổ.

Hỏi: Trái nhau thế nào?

Đáp: Vì thế gian không thể quán sát, người kia đã không biết như thật về khổ ấm, nghe nói ấm khổ, thì không mừng, không vui. Sự không quán sát này gọi là ngu si. Vì ngu si nên trong đó sinh hoài nghi không biết, chỉ là ấm hay là có ngã nữa. Nghĩ như vậy, gọi là Nghi. Vì nghi nên nói không ngay thẳng, hoặc vì thói quen xưa, rồi chê bai không có ấm, ta gọi là tà kiến. Chấp ngã là có, đó gọi là thân kiến. Vì thấy thân năm ấm kia giống như tiếp nối nhau không dứt, nên sinh chấp thường, thấy nhân quả kia nối nhau hoại diệt và do sự mê lầm nên sinh ra chấp đoạn. Vì chấp đoạn, thường nên gọi là biên kiến. Trong kiến này, chấp cho là tịnh, đây gọi là giới thủ. Với kiến chấp ấy, cho thủ là hơn hết, đó gọi là kiến thủ. Nếu ưa kiến chấp của mình gọi là tham. Nếu tức giận về sự nhận thấy của người khác gọi là sân. Do cơn tức giận này, rồi tự đề cao mình, đó gọi là kiêu mạn.

Mười phiền não ấy cứ theo thứ tự như vậy, đều trái với khổ.

Lìa ba kiến, hai chuyển biến: Nghĩa là trừ thân kiến, biên kiến, giới thủ, ngoài ra bảy sử chuyển biến theo tập và diệt.

Người kia, vì không hiểu biết được nguyên nhân của khổ nên gọi là vô minh. Vì ngu si sinh hoài nghi, ngờ vực về nhân của khổ là có hay không, đó gọi là nghi. Vì nghi ngờ, nên nói tà vạy, hoặc nhân tập quán cũ, rồi bác bỏ không có nhân của khổ, đó gọi là tà kiến, với tà kiến này, thủ là hơn hết, nên gọi đó là kiến thủ, ngoài ra, như đã nói ở trước.

Như vậy, không hiểu biết diệt đế, Niết-bàn, gọi là vô minh.

Vì ngu si, nên mê lầm Niết-bàn là có, là không, đó gọi là nghi.

Ngoài ra, như trước đã nói.

Đạo dứt trừ hai kiến, tức là đạo dứt trừ thân kiến và biên kiến, tám thứ còn lại chuyển. Không tin tưởng, tiếp nhận đạo kia, gọi là vô minh. Ngoài ra, tất cả như trước đã nói.

Giới thủ là do các kiến chấp này tin tưởng vào giới trâu, v.v… cho là tịnh.

Hỏi: Vì sao thân kiến, v.v... đó không được chuyển trong tập, diệt,

đạo?

Đáp: Vì thân kiến là hành trong quả, ngã và ngã sở chuyển, không có được sự hiểu biết như vậy, cho nên đối với nguyên nhân của khổ này và diệt, đạo đều chấp là ngã. Do vậy, thân kiến chuyển biến trong khổ, nên hễ thấy khổ thật đều dứt hết, không sót.

Biên kiến sinh từ thân kiến, nên duyên với khổ. Nếu thấy đoạn thân kiến, thì sự duyên với nỗi khổ và thân kiến kia cũng đoạn biên kiến.

Hỏi: Nếu giới thủ không tin tưởng ở nhân, chấp nhân tự tại là đạo, thì kia làm sao thấy khổ mà dứt?

Đáp: Vì người đó ngu ở quả, chấp ấm như tự tại, v.v... thường khởi phân biệt tự tại v.v..., cho là nhân tạo tác, bấy giờ người kia, có thể dùng các hành như vô thường, v.v... để quán sát khổ đế, thì mọi chấp tưởng tự tại, v.v... là nhân liền dứt. Vì vậy, thấy khổ dứt. Còn không tin tưởng là đạo, người kia chấp phi đạo là đạo. Vì là đạo, nên thấy đạo mà dứt. Vì thấy chân đạo, nên không có đạo này trong diệt. Vì sao? Vì nhân nơi đạo như vậy thì không có trong diệt.

Cõi trên không hành sân, nghĩa là cõi Sắc, cõi Vô Sắc đã dứt sân. Ngoài ra như đã nói ở cõi Dục. Vì sao? Vì hai cõi kia không có tướng tổn hại, có sự ham muốn điều thiện, có tánh vắng lặng, có tâm nhuần thấm, cho nên không có sân.

Đã nói sự khác nhau về tự tánh các sử, nay sẽ nói: về sự khác nhau của duyên

Phổ biến ở nhân khổ
Nghi, kiến và vô minh
Sử ấy tất cả mọi phẩm
Tồn tại ở một địa.

Trong phẩm do thấy khổ, thấy tập mà dứt thì nghi, kiến và vô minh tương ưng, vô minh không chung. Phải biết, mười một sử này hiện diện khắp tất cả trong địa, trong giới của mình. Đây là duyên với sử ở cõi trên, không duyên với sử của cõi dưới, trong tất cả năm phẩm của địa mình. Vì sao? Vì đã lìa bỏ tánh ham muốn. Cõi dưới không sai khiến cõi trên. Vì sao? Vì cõi trên không phải là cảnh giới, vì vậy, nên nói là sai khiến ở địa mình.

Hỏi: Nghĩa phổ biến tất cả là thế nào?

Đáp: Vì nghĩa, duyên với tất cả việc hữu lậu, nên gọi là nghĩa khắp tất cả. Tất cả đó là tất cả chúng sinh, trong tất cả các việc hữu lậu, vì đã sinh khởi từ trước đến nay, đó gọi là nghĩa khắp tất cả, không có một pháp

hữu lậu nào, nếu con người phàm phu, từ trước đến giờ, không chấp ngã, ngã sở v.v...

Hỏi: Vì sao trong phẩm do thấy khổ, thấy tập mà dứt nói là khắp tất cả, mà không phải diệt, đạo?

Đáp: Vì duyên với tất cả hữu lậu, là đồng một ý. Vì thế, tất cả sự hữu lậu cho là bền chắc đều được khổ đế, tập đế gồm thấy. Còn các sử do thấy diệt, thấy đạo dứt thì một phần ít duyên với hữu lậu, phần ít duyên với vô lậu, không thể đồng một ý, nó không bền chắc, cũng không phải duyên với tất cả.

Hỏi: Vì sao tham, sân, mạn v.v... không phải khắp tất cả?

Đáp: Vì đấy là sử của tự tướng. Đối với phần ít của một chúng sinh cũng sinh, tất cả sử cùng khắp thì không như thế. Khắp tất cả là duyên với tất cả cõi, với tất cả địa, tác ý tham v.v... dấy lên tìm cầu tham dục.

Đủ tất cả cùng khắp, là chỉ sinh hành ác, trong đời hiện tại đối với người khác, cũng như dòng nước chảy.

Đã nói tất cả cùng khắp của địa, giới mình, nay sẽ nói: Tất cả cùng khắp của địa, giới người khác,

Phiền não đầu năm thứ,
Bốn, nói là thứ hai
Cảnh giới trên chuyển biến
Do Trí phổ biến nói.

Trước đã nói mười một, trong tất cả cùng khắp, trừ hai là biên kiến và thân kiến. Chín phiền não còn lại, được gọi là khắp tất cả trong địa, giới của người khác.

Cõi Dục kia, do thấy khổ dứt trừ tà kiến và chê bai quả khổ của cõi Sắc, cõi Vô Sắc.

Kiến thủ thì thủ chấp là trội; còn giới thủ là đối với nhân không khổ chấp thủ làm nhân khổ.

Nghi là do dự trong nhân kia, Vô minh là mê lầm. Như vậy, thấy tập dứt tà kiến trong cõi Dục, và chê bai nhân của ấm cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Kiến thủ là chấp đối với việc của nhân là trội hơn.

Nghi là do dự về việc của nhân. Vô minh là mê lầm. Như vậy, tà kiến của cõi Sắc, chê bai quả khổ của cõi Vô Sắc. Như vậy, nên nói rộng. Địa cũng như vậy, địa Sơ thiền chê bai khổ của Nhị thiền. Như vậy, nên nói rộng, cho đến Bất dụng xứ chê bai Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Hơn nữa, cõi Vô Sắc khác với cõi Dục, Sắc kia, không phổ biến ở tất

cả cõi khác, vì sao? Vì trên không có cõi. Phi tưởng phi phi tưởng xứ không có tất cả cùng khắp của địa khác, vì trên đó không có địa.

Hỏi: Vì sao biên kiến, thân kiến không phải là khắp tất cả của giới địa khác?

Đáp: Vì không phải sinh ở giới địa khác. Ấm của giới địa khác sinh ngã, ngã sở thì không có việc đó.

Không có việc của hai thân hành, vì đó không phải là hiện thấy.

Vì vô ngã, nên không có lý nào sinh ngã sở.

Biên kiến là chấp đoạn thường ở ngay trong ấm của mình.

Tà kiến và nghi ngờ
Đều sinh vô minh riêng
Thấy hai diệt, đạo dứt
Phải biết duyên vô lậu.

Thấy diệt đoạn tà kiến chê bai diệt đế. Nghi là ngờ vực đối với diệt đế, hai thứ tà kiến và nghi đó đều tương ưng với vô minh và vô minh độc nhất. Vô minh không thấy tướng chuyển biến ở chỗ diệt, ba phiền não này duyên với diệt đế thì vô lậu ấy duyên với đạo cũng vậy.

Như thế, ba cõi có mười tám sử, nhất định là duyên với vô lậu.

Hỏi: Vì sao, các phiền não như tham v.v... do thấy Diệt mà đoạn, nhưng không duyên với vô lậu?

Đáp: Nếu phiền não kia, duyên với vô lậu thì sẽ không thấy lỗi của tham. Cho nên sử tham không duyên với vô lậu. Nếu tham diệt, đạo thì sự ham muốn của pháp thiện này không phải là sử tham.

Không phải giận là vì tướng chê bai chăng, tự tánh mềm yếu tạo ra. Vì vô lậu không phải là điều có thể khinh mạn. Thanh tịnh hơn hết là đạo Niết-bàn, nên không phải hai thủ.

-oOo-

LUẬN KINH A TỲ ĐÀM TÂM

QUYỂN 3

Phẩm 4: SỬ 2 (Phần cuối)

Hỏi: Sử là gì? Sử ở xứ nào?

Đáp:

Tất cả chủng cõi Dục
Mọi biến sử sai khiến,
Duyên trói buộc địa mình,
Địa trên cũng như vậy.

Tất cả chủng cõi Dục, mọi biến sử sai khiến, duyên trói buộc địa mình, nghĩa là tất cả cùng khắp ở cõi Dục duyên với sử, sai khiến tất cả chủng loại của cõi Dục.

Địa trên cũng như vậy, nghĩa là tự địa của cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy.

Ngoài ra, các kiết sử
Phải biết đối tự chủng
Duyên sử ở tự địa
Tất cả đều nương phẩm.

Ngoài ra các kiết sử, phải biết ở chủng loại mình, sử duyên với địa mình, nghĩa là không phải sử tất cả cùng khắp. Ở chủng loại mình, trong pháp của địa mình, duyên với sử bị sai khiến, do cảnh giới kia, đây.

Tất cả đều nương phẩm, nghĩa là tất cả sử cùng khắp và sử không cùng khắp, đều là sử tương ưng trong pháp tương ưng của phẩm và chủng loại của mình.

Nếu pháp vô lậu hành
Địa khác duyên phiền não
Tương ưng kia sai sử
Vì cảnh giới giải thoát.

Nếu pháp vô lậu hành, địa khác duyên phiền não, tương ưng kia sai sử: Nghĩa là nếu sử duyên với vô lậu, và địa giới khác duyên với phiền não, thì đối tượng sử đó sẽ tương ưng với địa ấy, chứ không phải duyên với sử.

Vì sao?

Đáp: Vì cảnh giới giải thoát, vì sử này là cảnh giới giải thoát, là các pháp vô lậu, là giải thoát tất cả phiền não.

Hỏi: Duyên mà không sai khiến là thế nào?

Đáp: Vì không có chỗ trụ. Đối trị với sự duyên đó là vô lậu, cho nên không được có chỗ trụ. Ví như ngọc lưu ly hừng hực ánh lửa, các loại sâu bọ, muỗi mòng, ruồi thì thích bay lên trên mà không thể đậu lại. Như người giẫm chân lên chỗ đất nóng, vì cảm giác nóng, nên không thể đặt chân. Sự duyên kia cũng như vậy. Vì các pháp của địa trên giải thoát cho địa dưới, nên chỉ duyên mà không sai khiến.

Hỏi: Sử này thế nào? Là bất thiện hay vô ký?

Đáp:

Thân kiến và biên kiến
Vô minh kia sinh chung
Là vô ký cõi Dục
Tất cả: Sắc, Vô Sắc.

Thân kiến và biên kiến, vô minh kia sinh chung, là vô ký cõi Dục: Nghĩa là hai kiến biên và thân của cõi Dục và vô minh tương ưng với chúng là vô ký. Vì sao? Vì không trái với thí, giới v.v..., Thân kiến, thường kiến không trái với tu thí và giữ giới. Vì sao? Vì muốn thọ nhận quả khả ái ở vị lai, nên làm những việc bố thí, v.v..., còn bất thiện thì trái ngược với bố thí, v.v... thế nên là vô ký. Lại, các chúng sinh thường có kiến chấp này. Nếu phiền não ấy là bất thiện thì ở cõi Dục, lẽ ra không có một chúng sinh nào được thọ vui. Vì sao? Vì thường hiện hành bất thiện.

Lại nữa, vì kiến này ngu si đối với việc của mình, không gây sự ép ngặt cho người khác nên thân kiến không phải bất thiện.

Đoạn kiến thì tùy thuận theo lìa dục, gần với vô ngã, làm cho nhàm, lìa hành vô thường, nên cũng không phải bất thiện. Các phiền não khác của cõi Dục đều là bất thiện.

Tất cả: Cõi Sắc, Vô Sắc, nghĩa là tất cả các sử cõi Sắc, cõi Vô Sắc đều là vô ký, do tam-muội của bốn chi, năm chi đã chế phục, nên không sinh báo. Ví như kẻ khéo dùng chú thuật để chế phục rắn độc, không bị nó làm hại. Cõi sắc, vô sắc cũng vậy.

Lại nữa, vì vô ký không thể làm nhân cho báo, nghĩa là bất thiện có khả năng sinh khổ thọ báo. Vì cõi trên không có thọ khổ nên không thể thọ nhận quả cõi Dục.

Hỏi: Tất cả phiền não là thế nào? Quyết định trói buộc trong cảnh giới của mình phải không?

Đáp: Không.

Hỏi: Vì sao?

Đáp:

Tham, sân, mạn, nên biết
Duyên buộc đời quá khứ
Vị lai nói tất cả
Hết thảy ba đời khác.

Tham, giận và kiêu mạn, phải biết là duyên trói buộc đời quá khứ: Nghĩa là nếu tham, giận, kiêu mạn, v.v... đời quá khứ, chúng không phải tất cả, mà chỉ trói buộc đời quá khứ trong cảnh giới của mình. Vì sao? Vì chẳng phải không thấy, không nghe, không phân biệt sự việc, để sinh khởi tham, giận, kiêu mạn. Vì sao? Vì duyên theo giới hạn, đôi khi có người chỉ tham bằng mắt, chứ không phải ở các bộ phận khác của thân. Vì sao? Vì là sử của tự tướng. Vì không phải sử như tham, v.v... cùng nhận lấy chung cảnh giới, như thân kiến v.v...

Vị lai nói tất cả; tức là, nếu sự tham, giận, kiêu mạn, v.v... ở đời vị lai sẽ duyên với sự trói buộc của các pháp hữu lậu trong ba đời. Trong đó, nếu năm thức thân, nhất định sinh pháp thì hệ thuộc buộc vị lai. Nếu không sinh pháp, sẽ trói buộc cả ba đời. Và Ý địa sinh, không sinh pháp thì cũng duyên trói buộc các pháp hữu lậu ba đời. Vì sao? Vì Ý duyên với tất cả pháp hữu lậu.

Ngoài ra, tất cả ba đời là kiến, nghi, vô minh, đó gọi là trừ, vì chúng cùng ràng buộc nhau. Nếu duyên với quá khứ, vị lai, thì sẽ ràng buộc các pháp hữu lậu trong ba đời. Vì sao? Vì sự duyên đó là sử của cộng tướng, còn sử ở hiện tại thì không nhất định, nên không nói. Nếu có, thì sử của tự tướng kia sẽ tùy theo mà hiện ở trước mặt, sử đó sẽ trói buộc hiện tại, vị lai. Trói buộc vị lai, nghĩa là ý địa và không sinh năm thức thân v.v....

Đời quá khứ là sử kia sinh khởi rồi diệt mất. Không cắt đứt sự ràng buộc với đời quá khứ ấy, nếu sử của tướng chung hiện trước mặt, thì sử đó sẽ ràng buộc các pháp hữu lậu của ba đời.

Đã nói sự khác nhau về đời có sử. Sự chuyển biến theo thứ lớp, nay sẽ nói:

Phiền não thứ lớp chuyển
Địa mình đối địa mình
Địa trên cũng sinh dưới

Theo thứ lớp, nên biết.

Phiền não thứ lớp chuyển địa mình đối với địa mình, nghĩa là tất cả sử đối với sử của địa mình, sẽ chuyển biến duyên theo thứ lớp. Mỗi thứ lớp sinh khởi ở tất cả. Địa trên, cũng theo thứ lớp sinh cõi dưới, cần phải biết: Chết ở địa Phạm thế, theo thứ lớp sinh ở cõi Dục, tất cả trong đó đều chết với tâm nhiễm ô thì theo thứ lớp ấm trong cõi Dục, tâm cấu uế sinh khởi. Như vậy cho đến sinh khởi trong Hữu đảnh, hoặc sinh sinh như vậy, ví như sinh cõi Vô Sắc, rồi lại sinh cõi Vô Sắc.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bảy sử như tham, v.v... nơi chín mươi tám sử khác nhau như thế nào?

Đáp:

Cõi Dục có năm tham
Đó gọi sử dục ái
Sắc, Vô Sắc cũng vậy
Hữu ái cần phải biết.

Cõi Dục năm tham đó gọi sử dục ái: Nghĩa là năm thứ dục tham, gọi là sử ái dục do thấy khổ, tập, diệt, đạo, tu đạo đoạn v.v… năm thứ dục tham là sử dục ái. Sử này, như trước đã nói. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng có sử hữu ái như vậy, cần phải biết.

Cõi Sắc có năm thứ, trong cõi Vô Sắc cũng có năm thứ, gọi là sử hữu ái.

Giận tức là sử giận
Năm thứ như trước nói
Kiêu mạn và vô minh
Mười lăm ở ba cõi.

Giận tức là năm thứ sử giận, như trước đã nói, nghĩa là giận của cõi Dục có năm thứ, do thấy khổ mà dứt, v.v... gọi là sử giận.

Kiêu mạn và vô minh, mười lăm ở ba cõi, nghĩa là sự kiêu mạn của ở Dục cũng có năm thứ, do thấy khổ mà dứt v.v... Cõi Sắc, Vô Sắc cũng có năm thứ, mười lăm thứ kiêu mạn này gọi là sử mạn. Vô minh cũng vậy.

Sử kiến ba mươi sáu Phải biết ở ba cõi Sử nghi có mười hai Nói lược là bảy thứ.

Sử kiến có ba mươi sáu, phải biết ở ba cõi, nghĩa là ba mươi sáu sử kiến, phải biết có mười hai thuộc về cõi Dục, đó là do thấy khổ dứt năm, thấy tập dứt hai, thấy diệt dứt hai, thấy đạo dứt ba. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng vậy. Sử nghi có mười hai: Bốn thứ thuộc cõi Dục, nghĩa là do thấy khổ, tập, diệt, đạo mà dứt. Cõi Sắc, Vô Sắc cũng vậy.

Mười hai thứ này gọi là sử nghi. Nói lược có bảy thứ: Nghĩa là sự khác nhau về chủng tánh của cõi Dục, gồm chín mươi tám sử. Trong kinh, Đức Thế Tôn nói lược là bảy thứ.

Hỏi: Sử có nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa vi tế là nghĩa của sử. Chúng vi tế, còn hành thô gọi là triền. Nghĩa thường theo vào gọi là sử, như tướng ve tròn hạt mè. Nghĩa bám víu (trước) gọi là sử, cũng như trẻ con bám víu theo vú nuôi. Nghĩa tiếp nối nhau gọi là sử, cũng như chuột và độc, như bệnh sốt rét kéo dài đến bốn ngày, như bệnh trái trời dứt, như màu đen của sắt không bỏ, như đọc tụng tích lũy dần.

Các phiền não như vậy, Đức Thế Tôn gọi là ách, lưu, thủ, lậu, phược. Vì sao?

Đáp:

Ách, thủ và nổi trôi
Lậu tiết với buộc ràng
Do nghĩa này nên nói
Ách, lưu, thủ, lậu, phược.

Nghĩa khổ trói buộc gọi là ách, ách này có bốn thứ: Ách dục, ách hữu, ách kiến và ách vô minh.

Thủ sinh; vì sinh đầy đủ nên gọi là thủ. Thủ này cũng có bốn thứ: Dục thủ, kiến thủ v.v... Vì làm cho chúng sinh nổi trôi, nên nói là lưu. Lưu này cũng có bốn thứ, như đã nói trong ách.

Nghĩa chảy ra là nghĩa lậu. Hành lậu trong tất cả sự sinh có ba thứ: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Nghĩa có khả năng ràng buộc thế gian, nên gọi là buộc ràng.

Hỏi: Kiết là gì?

Đáp: Kiết có chín thứ: Kiết ái, kiết giận dữ, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết tha thủ, kiết nghi, kiết keo kiệt, kiết ganh ghét.

Đã nói về sự khác nhau của tên gọi phiền não, nay sẽ nói: Về sự tương ưng với căn,

Các sử ở ba cõi
Tương ưng với xả căn
Các sử căn tùy địa
Tương ưng đến Sắc hữu.

Các sử trong ba cõi đều tương ưng với xả căn: Nghĩa là tất cả phiền não của ba cõi đều tương ưng với xả căn. Vì sao? Vì vô minh tương ưng

với xả căn. Vô minh kia thuận theo tất cả phiền não và thuận theo phiền não riêng. Hết thảy phiền não lúc sau này đều được dứt trong đó. Các sử căn tùy địa tương ưng đến Sắc hữu, như Phạm Thế có Hỉ căn, Lạc căn các sử trong cõi đó tương ưng với căn này. Như trời Quang Diệu có Hỉ căn. Các sử của địa ở cõi đó tương ưng với căn mừng. Trời Biến Tịnh cũng có Lạc căn, các sử trong cõi đó đều tương ưng với Lạc căn.

Tà kiến và vô minh
Khổ, vui trong cõi Dục
Giận, nghi chỉ có khổ
Cái khác hoàn toàn vui.

Tà kiến và vô minh, khổ vui trong cõi Dục: Nghĩa là tà kiến trong cõi Dục tương ưng với Khổ căn, Lạc căn. Tà kiến tạo nghiệp ác thì mừng, tạo nghiệp thiện thì lo buồn, vô minh tương ưng với tất cả căn.

Sự tức giận, nghi chỉ có khổ: là vì sử nghi của cõi Dục không quyết định, cho nên không có mừng, tương ưng với Ưu căn, tức giận chuyển ở tướng không yêu thích nên tương ưng với Khổ căn, Ưu căn.

Cái khác hoàn toàn vui: nghĩa là các phiền não khác của cõi Dục đều cùng tương ưng Hỉ căn, Lạc căn, trừ tà kiến, tức các kiến tham, mạn, v.v... khác đều chuyển ở tướng mừng (hỉ).

Gọi là huân hai thân
Kiến đoạn chỉ ở ý
Các phiền não cõi Dục
Nói tương ưng các căn.

Gọi là huân tập hai thứ thân: Nghĩa là tu đạo dứt phiền não gọi là huân, sự huân tập ấy tương ưng với thân thọ, tâm thọ, trừ mạn, vì mạn chỉ có ở giới của ý. Khổ căn, Lạc căn là nói thân thọ, Khổ căn, Ưu căn là tâm thọ. Xả căn có hai thứ thọ. Tất cả thân thọ đều do tu đạo đoạn. Tâm thọ có hai thứ đoạn. Kiến đoạn chỉ có giới của ý: là phiền não của kiến đoạn và tâm thọ các căn tương ưng, vì tất cả phiền não của kiến đoạn, đều ở ý địa.

Các phiền não cõi Dục, gọi là tương ưng với các căn, nhất định pháp phiền não cõi Dục là như vậy. Địa trên tùy thuộc vào sự tương ưng của căn địa cũng như vậy. Nghi thì trong cõi Sắc chỉ tương ưng với Hỉ căn, Lạc căn. Sự nghi ngờ kia khéo giúp cho tưởng đạo, tương ưng với Hỉ.

Đã nói về phiền não, nay sẽ nói về khởi phiền não.

Không hổ và không thẹn
Thụy, hối và xan, tật
Trạo, miên, phiền não trên

Nên gọi phiền não khởi.

Sử cũng gọi là phiền não, sử đó thêm lên thì khởi phiền não. Vì tám pháp này sinh trong sử kia nên gọi là khởi phiền não, cũng gọi là triền. Ba thứ: ngủ nghỉ, không hổ thẹn trong phiền não trong đó đều dựa vào si mà khởi. Ba thứ: Trạo, keo kiệt, không hổ đều dựa vào tham mà dấy lên. Hối tiếc dựa vào nghi sinh khởi. Ganh ghét dựa vào giận nổi dậy. Tự mình làm điều ác không ganh ghét, gọi là không hổ. Không đoái hoài đến người khác, không biết xấu hổ, gọi là không thẹn. Lúc ngủ khiến tâm không chịu đựng được gì, vì mê ngủ, làm cho cả năm căn không có khả năng chuyển ý, không được tự tại, phát sinh sự phân biệt đối với cảnh giới đáng yêu, không đáng yêu. Tâm không vắng lặng, đó gọi là trạo cử, với tư tưởng việc có thể làm mà không làm, lại làm việc không thể làm, lòng dạ đổi thay, hối tiếc, về sau, cảm thấy ray rứt, đó gọi là sự ăn năn. Thấy người khác có của cải, trong tâm không vui, gọi là ganh ghét. Đối với pháp, của cải, phước đức của mình tỏ ra bủn xỉn, luyến tiếc, tâm keo kiệt, trái với ban bố thế, đó gọi là keo kiệt.

Tất cả bạn phiền não
Nên biết ngủ, trạo cử
Không hổ và không thẹn
Hẳn đi chung bất thiện.

Tất cả bạn phiền não, phải biết là ngủ nghỉ và trạo cử: nghĩa là hai thứ này sinh khởi phiền não và tương ưng với hết thảy phiền não. Vì sao? Vì nó ở khắp cả ba cõi, tất cả phiền não đều không vắng lặng, phải biết lúc phiền não trạo cử hiện trước mặt, sẽ không có khả năng làm điều thiện.

Phải biết, ngủ nghỉ, không hổ và không thẹn, nhất định đi chung với bất thiện. Hai thứ này dấy lên phiền não, tương ưng với sử bất thiện, vì cõi Dục hoàn toàn là bất thiện.

Hối ở ý gọi khổ
Do tu đạo dứt trừ
Ngủ, chỉ ở ý dục,
Ngoài ra tự kiến lập.

Hối ở ý gọi là khổ, nghĩa là sự ăn năn ở ý địa, sinh ở chốn thấp kém, nên tương ưng với Ưu căn. Nói khổ, phải biết ở cõi Dục, không phải ở cõi trên.

Hỏi: Sự ăn năn này đến quả vị nào mới dứt?

Đáp: Do tu đạo mà dứt, vì sự ăn năn ở trong hành vi thiện, ác, nên đến địa vị tu đạo mới dứt, ngủ chỉ có ở ý ham muốn, nghĩa là ngủ là ở lĩnh

vực ý của cõi Dục. Vì lúc ngủ, tất cả phiền não đều hiện hành, nên tất cả phiền não đều tương ưng với lĩnh vực ý của cõi Dục.

Ngoài ra, các phiền não đều tự kiến lập: Nghĩa là sự keo kiệt và ganh ghét, phải chuyển với sức mình, nghĩa không tương ưng với phiền não khác là trừ vô minh, nhất định do tu đạo mà dứt, tương ưng với sử vô minh bất cộng.

Hỏi: Sử này tương ưng với bao nhiêu thức thân?

Đáp:

Tham dục, giận, ngu si
Phải biết dựa sáu thức
Dục do tu đạo đoạn
Địa trên tùy chỗ được.

Tham dục, giận dữ, ngu si, phải biết là dựa vào sáu thức, là dục do tu đạo mà dứt, nghĩa là cõi Dục do tu đạo mà dứt, vô minh, ái, tức giận tương ưng với sáu thức, nếu do kiến đạo mà dứt, thì chỉ có ở ý địa.

Địa trên tùy thuộc chỗ được: Nghĩa là vô minh, ái của cõi Sắc, Vô Sắc đều tùy thuộc ở thân thức đã được, liền tương ưng. Như bốn thức thân của cõi Phạm Thế là có thể đạt được, hai sử trong cõi đó tức tương ưng với bốn thức thân.

Trên đây chỉ có tương ưng với ý thức, vì những sử khác trong cõi Phạm Thế kia chỉ hoàn toàn ở của ý địa.

Đã phân biệt phiền não, nay sẽ nói: Về phân biệt,

Tất cả dứt phiền não Trí phương tiện đã nói

Như vậy được giải thoát Phải biết chẳng cùng lúc.

Tất cả dứt phiền não, Trí phương tiện đã nói: Nghĩa là các phiền não này sẽ dứt tức khắc cùng lúc trong đạo Vô Ngại, không dứt nhiều lần.

Việc dứt đó có bốn thứ: Biết duyên, bạn dứt, dứt duyên, tự thanh tịnh.

Biết duyên nghĩa là thấy khổ tập mà dứt duyên tự giới và duyên vô lậu.

Bạn dứt là duyên với cõi khác.

Dứt duyên: Tức do diệt, đạo dứt duyên hữu lậu.

Tự thanh tịnh nghĩa là do tu đạo dứt, thuận theo các thứ duyên kia mà dứt. Cứ như thế mà tự thân được thanh tịnh. Như vậy được giải thoát phải biết chẳng phải một thời. Nghĩa là được sự giải thoát này, phải tùy thuộc nhiều thời mới được. Như kiến dứt của cõi Dục năm thời làm chứng, nghĩa

là lúc đối trị phần mình như khổ pháp trí do thấy khổ mà dứt, như thế, cho đến đạo pháp trí do kiến đạo dứt và bốn quả Sa-môn. Bốn quả này trước đã dứt: Quả Tu-đà-hoàn gồm nhiếp một giải thoát được sinh. Quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán cũng đều gồm nhiếp như thế. Ba địa của cõi Sắc, Vô Sắc cũng như vậy.

Trong đây nói đối trị phần mình là thuộc phần tỉ trí. Thấy đạo mà dứt là lấy dứt (đoạn) phiền não làm chứng quyết định phàm phu, Thánh giả.

Cõi Sắc, Vô Sắc, do kiến đạo dứt thì dứt một thời. Thế nên, trong các cõi này không có pháp đối trị của phần mình.

Thấy khổ, tập, diệt mà dứt trong địa Hữu đảnh: Nghĩa là quyết định năm thời như trước đã nói. Pháp thứ lớp của Hiền Thánh là kiến đạo dứt, nghĩa là chỉ bốn quả Sa-môn là đối trị phần mình, tức quả Tu- đà-hoàn quyết định tu đạo đoạn. Ba thời của cõi Dục, nghĩa là quả A- na-hàm, quả A-la-hán và địa phàm phu, tất cả đều là pháp đoạn, đó là đối trị phần mình.

Trong quả Tu-đà-hoàn, không nói hai loại của cõi Sắc nghĩa là đối trị phần mình và quả A-la-hán.

Đối trị phần mình nghĩa là tất cả cõi Sắc, lìa dục, cõi Vô Sắc. Chỉ vì quả A-la-hán, thảy đều là pháp đoạn.

Đã nói về tác chứng diệt, nay sẽ nói: Về đoạn tri.

Giải thoát trong cõi Dục
Phật nói bốn đoạn tri
Giải thoát Sắc, Vô Sắc
Nên biết năm đoạn tri.

Vì đoạn sạch hết thì được giải thoát vô lậu, được ra khỏi cõi, nên kiến lập nghĩa "đoạn tri". Vì sao? Vì sự giải thoát là rốt ráo không sót lại gì (vô dư), nên theo nghĩa đó mà được tên đoạn tri. có chín loại đoạn tri; cõi Dục có bốn: Thấy khổ, Tập mà đoạn, thì đoạn là được giải thoát vô dư. Vì sao? Vì mở ra tất cả nhân cùng khắp. Đây là đoạn tri thứ nhất. Thấy Diệt mà đoạn là đoạn tri thứ hai. Thấy Đạo mà đoạn là đoạn tri thứ ba. Tu đạo đoạn là đoạn tri thứ tư. Phần cõi dưới như thế, phân biệt cõi Sắc, Vô sắc cũng vậy. Ba đoạn tri thuộc Thấy (kiến) mà đoạn như trước đã nói. Đoạn tri thứ tư là Tu đạo đoạn ở cõi Sắc; đã lìa sắc, dục rốt ráo không còn sót; đoạn tri thứ năm là Tu đạo đoạn ở cõi Vô sắc là tất cả Kiết đều hết. Trong đây phân biệt đoạn tri có hai: đắc quả A-na-hàm và quả A la hán. Do hai quả này mà vượt ra khỏi cõi, đắc quả.

Hỏi: Các sử có tương ưng với tâm hay không?

Tỳ-bà-xà-bà-đề nói: Tâm không tương ưng. Cho nên nay sinh nghi?

Đáp: Nhất định tương ưng. Vì sao?

Vì tâm gây phiền não
Chướng ngại trái với tịnh
Các diệu thiện sẽ được
Chẳng phải không tương ưng.

Vì tâm gây phiền não: Nghĩa là nếu sử quyết định là không tương ưng, thì lẽ ra không phải là tâm gây ra phiền não, nên như cảnh giới sắc, v.v.... Nhưng vì tâm tạo phiền não, như nói tâm tham dục, cấu uế, vì lời nói này nên biết là tương ưng. Chướng ngại: Nghĩa là nếu sử không tương ưng với tâm thì lúc trí thiện phát sinh không nên chướng ngại, nên như hư không, không tạo ra ngăn cách. Nay vì bị chướng ngại nên biết là tương ưng.

Trái với tịnh, tức là nếu sử không tương ưng với tâm thì lẽ ra không trái với điều thiện, vì không trái nên không có lỗi, nhưng vì đã có lỗi nên biết là trái, mà nếu đã trái thì biết là tương ưng.

Các điều diệu thiện có thể được: Nghĩa là nếu sử của ông trái với điều thiện, tâm ông lại chấp nhận sự tương ưng thì sử của ông phải thường nối tiếp, trong đó, điều thiện lẽ ra không thể khởi lên. Nhưng vì hiện thấy pháp thiện, nên vẫn có thể được phát sinh. Vì vậy nên các sử chẳng phải không tương ưng là tương ưng.

Phẩm 5: HIỀN THÁNH

Đã nói thứ lớp lưu chuyển, nay sẽ nói về thứ lớp không lưu chuyển.

Hiền Thánh bỏ như đây,
Lo sợ các phiền não
Trí phương tiện tinh tiến
Khéo nghe phương tiện đó.

Hiền Thánh là bậc đáng được thọ nhận cúng dường của trời, người, nên gọi là Hiền Thánh.

Bỏ nghĩa là lìa bỏ. Như: Nếu là phương tiện thì nghĩa như vậy. Đây là nói về sử theo thứ lớp, là luận về tướng mạo của sử. Phiền não là thường nối tiếp nhau làm phiền nhọc, mỏi mệt chúng sinh, nên gọi là phiền não.

Các thứ lo sợ dữ dội: là nghĩa nhân của tất cả khổ não. Chánh tinh tiến nghĩa là tinh tiến như pháp.

Trí phương tiện là nghĩa của trí Xa-ma-tha lúc chế ngự phát xả.

Phương tiện là nghĩa phương tiện của trí kia.

Lắng nghe kỹ là dốc lòng nghe: Nghĩa là nghe biết, nhiếp giữ.

Phương tiện: Căn cứ vào nghiệp đầu. Người của địa, cho đến người của địa Vô học, đã tạo nên phương tiện hành v.v... nay sẽ nói: về nghiệp ban đầu.

Bắt đầu một phần thân Hành giả buộc tâm mình Ràng buộc với chân thức Giết kẻ thù trí tuệ.

Bắt đầu từ một phần thân, hành giả buộc tâm mình.

Hỏi: Buộc tâm ở chỗ nào?

Đáp: Hoặc ở chót mũi, hoặc giữa hai đầu chân mày, bất tịnh, sổ tức. Giới, nhập, ba phương tiện quán.

Nói buộc tâm trong phần thân mình, là không phải pháp ở bên ngoài, dù có phương tiện duyên với bên ngoài cũng không nói.

Hỏi: Vì sao buộc tâm?

Đáp: Là buộc chân thức, tâm tánh thô tháo, loạn động, chuyển biến không ngừng, như vượn khỉ kinh hoảng. Đấy là nghĩa buộc trong một duyên.

Hỏi: Vì sao buộc trong một duyên?

Đáp: Vì giết kẻ thù của trí tuệ. Kẻ thù của thật trí, đó là phiền não.

Vì nghĩa dứt trừ phiền não kia nên nhất tâm, được quán như thật, không phải với tâm tán loạn. Vì nhận thấy như thật, cho nên có khả năng dứt trừ phiền não, vì nghĩa này nên nói như vậy.

Phương tiện này ở thân
Tướng chân thật quyết định
Các thọ và tự tâm
Pháp cũng thuận theo quán.

Vì tâm buộc một duyên, nên quán thật tướng của thân, thật tướng của thân nghĩa là không có tướng điên đảo.

Hỏi: Thật tướng của thân là gì?

Đáp: Là tự tướng và cộng tướng. Tự tướng là mười sắc nhập và phần ít sắc trong pháp nhập. Cộng tướng là vô thường, khổ, không, vô ngã, những nghĩa như vậy, v.v... Hành giả tâm không tán loạn trong ba phương tiện tùy ý hiện trước mặt, thực hành phương tiện theo thứ lớp, thật tướng của thân được quyết định.

Hành giả này quán sắc vi trần, trong niệm niệm tán hoại. Bấy giờ, quán thân niệm xứ đầy đủ, như cách nước chảy ở ruộng, mà vào thọ niệm

xứ. Vì thọ là thô sơ nhất trong pháp Vô Sắc, nên sau khi quán thân, kế đến quán thọ, người này sẽ quán tự tướng và cộng tướng của thọ. Lúc ấy, thọ niệm xứ đầy đủ. Thọ ấy dựa vào tâm, nên sau thọ mới quán tâm. Xứ này cũng quán tự tướng và cộng tướng. Ý quyết định hiểu tâm niệm xứ đầy đủ. Lúc ấy, quán pháp còn lại, đi vào pháp niệm xứ. Pháp còn lại đó là hai ấm và pháp vô vi. Pháp đó cũng quán tự tướng và cộng tướng, bấy giờ thì pháp niệm xứ đầy đủ.

Vào trong pháp quán tổng
Được tướng chân thật pháp
Bốn pháp này vô thường
Không, vô ngã, chẳng vui.

Vào trong pháp quán tổng, được tướng chân thật của pháp: Nghĩa là vào pháp niệm xứ còn lại rồi, hành giả biết giới hạn duyên với niệm xứ, tu phương tiện. Đối với cộng tướng còn lại, của hết thảy pháp là hoại, duyên với niệm xứ, thường quen tu tập thân thọ, duyên với cộng tướng là pháp niệm xứ.

Thân tâm như vậy, duyên với ba, hai như vậy, phải biết duyên hoại như vậy thường quen tu tập duyên với hoại rồi, thì tất cả thân, thọ, tâm, pháp niệm xứ đồng loạt đều là trong quán tổng.

Hỏi: Như thế nào?

Đáp: Bốn pháp này là vô thường, không, vô ngã, chẳng vui. Quán tổng tất cả các pháp hữu vi với nghĩa vô thường v.v... như vậy. Vì mỗi mỗi niệm, lần lượt hư hoại, tiêu mất cho nên là vô thường. Vì hư giả nên là không. Vì không tự tại nên vô ngã. Vì ba nỗi khổ thường xuyên theo đuổi, nên chẳng vui. Người tu hành kia, muốn hoại bỏ phiền não, phải tìm cho được đầu mối của chúng. Như sự khác nhau về nhân quả của pháp đã thấy mà phân biệt về đế, trong đó có hai thứ nhân quả: Hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu: Là Tập nhân, Khổ quả. Vô lậu: Là Đạo nhân, Diệt quả. Người tu hành kia, phân biệt đế như vậy rồi, đầu tiên phát khởi hướng theo thứ lớp văn, tư, về tự tướng và cộng tướng của niệm xứ, nhiếp lấy giới hạn, duyên với sự phân bố trong đế. Lúc đó, là lấy tướng hoại duyên với niệm xứ, và trong bốn đế tư duy thành mười sáu hành quán.

Từ đây gọi là Noãn
Hiểu biết (giác) pháp mà sinh
Mười sáu hành đều khởi
Quán sát bốn Thánh đế.

Từ đây gọi là Noãn, ở giác pháp mà sinh, nghĩa là hành giả tư duy

niệm xứ cộng pháp. Sự việc tu lúc ban đầu và về sau, cộng pháp niệm xứ bậc Thánh được kiến lập nối nhau, Thánh giả gọi là căn thiện noãn.

Hỏi: Pháp đó có bao nhiêu hành và thuộc cảnh giới nào?

Đáp: Mười sáu hành cùng khởi, quán sát bốn Thánh đế, nghĩa là hành giả dùng mười sáu hành quán sát bốn đế. Họ dùng bốn hành quán sát Khổ đế. Khổ này vốn không, nay có, đã có rồi lại lìa bỏ, cho nên là vô thường, ba khổ theo đuổi cho nên khổ. Bên trong lìa người nên không, không tự tại nên vô ngã.

Như vậy, cũng dùng bốn hành quán sát Tập đế. Vì tập này sinh quả tương tợ, cho nên là nhân. Vì năng sinh lưu chuyển, cho nên là tập. Có thể lôi kéo tất cả sự sống chết, cho nên là hữu. Vì có thể hòa hợp những việc không giống nhau, cho nên là duyên.

Cũng dùng bốn hành quán sát Diệt đế. Diệt này mâu thuẫn với tất cả sự sống chết cho nên là diệt. Vì lìa của tất lửa cả phiền não cho nên là chỉ. Vượt hơn tất cả pháp cho nên là diệu. Có khả năng xả bỏ sự sống chết cho nên là ly.

Cũng dùng bốn hành quán sát Đạo đế. Đạo này có khả năng đạt đến phi phẩm cho nên là Đạo. Vì không điên đảo cho nên là chánh. Vì là nơi tất cả bậc Thánh đã đặt chân đi qua cho nên là Tích, vì vượt ra khỏi sinh tử cho nên là xuất.

Hỏi: Noãn có nghĩa là gì?

Đáp: Noãn là đối tượng nhận biết của trí. Như dùi lửa, có khả năng dứt hết các hữu, sinh lửa trí vô lậu, vì noãn là tướng, nên gọi là Noãn.

Pháp ấy tăng trưởng rồi Sinh Đảnh, và đến Nhẫn Kế pháp Thế đệ nhất Nương vào một sát na!

Pháp này tăng trưởng, rồi sinh Đảnh và cả Nhẫn, nghĩa là hành giả nhập chánh tinh tiến, nên được trợ đạo tốt đẹp. Vì thuận theo các lực thắng tấn tăng trưởng đầy đủ, nên sau khi Noãn đã được lớn mạnh và thành tựu, người kia sẽ tu tất cả niệm xứ cọng pháp, sinh khởi căn thiện thù thắng gọi là Đảnh.

Hỏi: Đảnh nghĩa là gì?

Đáp: Là căn thiện bất động. Lúc người đó ở đảnh này, vì đã lìa bỏ mọi lỗi lầm nên có khả năng nhập vào Nhẫn. Nếu người đó không tiến bước lên mà lùi lại thì trụ vào Noãn. Khác nào như người trèo lên núi, nếu không leo lên đến đỉnh thì sẽ rơi xuống bốn bên. Hành giả cũng vậy, vận dụng chánh phương tiện một cách liên tục, sau khi đảnh tăng trưởng thì kế sinh

căn thiện, gọi là thuận đế nhẫn, là tu tất cả cộng pháp niệm xứ, để tinh tiến tốt đẹp nơi hai pháp đó, hành giả dùng mười sáu hành quán sát bốn đế.

Hỏi: Nhẫn có nghĩa là gì?

Đáp: Đối với các hành như bốn đế, vô thường, v.v... với sức ưa muốn lớn mạnh, nên gọi là Nhẫn. Do vậy, gọi là thuận đế nhẫn, có công năng dứt trừ ngu tăng thượng đối với bốn đế. Noãn, Đảnh có công năng dứt trừ ngu phẩm hạ, trung về bốn đế, không phải nhẫn tăng thượng. Tăng trưởng rồi, kế là pháp Thế đệ nhất căn cứ vào một sát-na. Sau khi nhẫn đã tăng trưởng, tất cả cộng pháp niệm xứ đều tinh tiến tốt đẹp hơn, nên sinh căn thiện cũng tốt đẹp hơn hết trong tất cả công đức thế gian. Vì, hành giả kia bắt đầu mở cửa Thánh đạo, nên gọi là pháp Thế đệ nhất.

Có thuyết nói: Vì hơn hết trong thế gian, nên gọi là pháp Thế đệ nhất. Pháp này khởi lên trong một sát-na. Hành giả kia mở cửa Niết-bàn, diệt theo thứ lớp duyên với khổ pháp nhẫn, một niệm Noãn, Đảnh, Nhẫn và công đức trên hết của pháp đó. Tất cả căn thiện này, đều là tánh của năm ấm.

Hỏi: Ông nói pháp Thế đệ nhất làm thứ lớp duyên cho Thánh đạo, sao lại nói là tánh của năm ấm?

Đáp: Vì tâm, tâm sở pháp duyên với sắc theo thứ lớp và tâm bất tương ưng hành, đều thuận theo một quả, nên chẳng phải lỗi.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất này duyên với cái gì?

Đáp: Duyên với khổ đế, nghĩa là duyên với khổ đế của pháp đó.

Hỏi: Có bao nhiêu hành?

Đáp: Có bốn hành. Nếu cảnh giới của khổ đế là bốn hành như đã nói trên, thì đó là hành kia, hành đây.

Hỏi: Thuộc về bao nhiêu địa?

Đáp: Sáu địa sinh, phải biết đó là thiền vị lai, trung gian và bốn thiền căn bản.

Hỏi: Đạt phần căn thiện khác thuộc về bao nhiêu địa?

Đáp: Phần căn thiện khác cũng căn cứ vào sáu địa, căn thiện kia cũng thuộc sáu địa, như pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Vì sao đạt phần căn thiện thuộc về sáu địa?

Đáp: Vì từ căn thiện đó có công năng phát sinh kiến đạo. Địa đó có kiến đạo, có xứ sở của kiến đạo, tức là có các căn thiện này. Vì sao? Vì là quyến thuộc của kiến đạo, cho nên như thế.

Pháp bậc nhất thế gian

Kế đó sẽ khởi nhẫn
Sau nhẫn là sinh trí
Hiểu được khổ cõi dưới.

Pháp bậc nhất thế gian, kế đó sẽ khởi nhẫn: Lớp noãn v.v... theo thứ lớp, sinh phần nhân như trên, cho đến năng sinh pháp Thế đệ nhất. Thứ lớp của pháp thế đệ nhất sinh khởi pháp vô lậu. Kiến khổ thì dứt của cõi Dục, đối trị với mười sử, gọi là Khổ pháp Nhẫn. Vì xưa kia chưa thấy pháp, nay muốn hiểu biết và ưa thích, nên gọi là nhẫn. Nhẫn này là đạo vô ngại, vô lậu trước nhất.

Kế nhẫn là phát sinh trí, nghĩa là theo thứ tự, khổ pháp nhẫn sinh khởi khổ pháp trí, đó là tự tánh của đạo giải thoát.

Hỏi: Nhẫn trí này duyên với pháp nào?

Đáp: Nhẫn trí này có công năng giác ngộ khổ ở cõi dưới, khổ ở cõi dưới là khổ cõi Dục. Hai thứ duyên này đều là nghĩa như vậy.

Gọi khổ Sắc, Vô Sắc
Tập, diệt, đạo cũng vậy
Pháp này là vô gián
Từ nơi mười sáu tâm.

Gọi khổ Sắc, Vô Sắc: Nghĩa là khổ của cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy. Sinh nhẫn trí nơi đạo vô ngại và đạo giải thoát, thì bậc Thánh cũng gọi là khổ tỷ nhẫn, khổ tỷ trí.

Tập, diệt, đạo cũng vậy, nghĩa là tập, diệt, đạo cũng sinh ra bốn thứ như thế. Hai nhẫn với nghĩa khác là đạo vô ngại, hai trí là đạo giải thoát. Pháp này là vô gián, v.v... Từ nơi mười sáu tâm: Nghĩa là khoảng mười sáu tâm này đã thành tựu vô gián v.v... Vô gián v.v... là nghĩa kiến, khoảng mười lăm tâm này là kiến đạo. Một tâm sau cùng là gồm nhiếp tu đạo. Từ tu đạo ấy gọi là địa tu, cho đến định Kim Cương dụ. Từ đây về sau được gọi là địa việc phải làm đã làm xong.

Nói lược về ba địa: Là địa kiến, địa tu và địa vô học, thuận theo địa này kiến lập con người, nay sẽ nói:

Tùy pháp hành, lợi kiến
Đây ở mười lăm tâm
Tùy tín hành, phi lợi
Nên biết, cũng ở đó.

Tùy pháp hành là kiến nhạy bén. Kiến này ở trong mười lăm tâm, nghĩa là người của mười lăm tâm thuộc về kiến đạo. Nếu là người có căn cơ nhạy bén, gọi là Tùy pháp hành. Vì trí tuệ là Tùy pháp hành, nên gọi là

tùy pháp hành. Chướng ngại của hạnh này là không tin ở nghĩa khác.

Tùy tín hành không phải là căn cơ nhạy bén, nên biết cũng ở trong đó, nghĩa là người của mười lăm tâm này, nếu người tuệ yếu kém, gọi là Tùy tín hành, là tin vào pháp khác mà được nghĩa hành, người đó tin tưởng, thuận theo tuệ hiện ở trước mặt. Trái với hành đó gọi là pháp hành.

Chưa lìa dục cõi Dục
Hướng về quả đầu tiên
Thứ hai xả ở sáu
Thứ ba, chín vô cấu.

Chưa lìa dục cõi Dục, hướng về quả đầu tiên: Nghĩa là người Tùy tín hành, Tùy pháp hành này đã có đủ tất cả sự ràng buộc, trước chưa lìa dục, còn tất cả trói buộc, tiến đến phần quyết định, gọi là Hướng quả Tu-đà-hoàn. (Tu đà hoàn Hướng)

Thứ hai xả ở sáu, tức là cõi Dục do tu đạo mà dứt phiền não, có chia ra chín thứ, đó là: Hạ hạ, hạ trung, hạ thượng. Trung hạ, trung trung, trung thượng. Thượng hạ, thượng trung, thượng thượng.

Người Tín hành, Pháp hành kia ở địa phàm phu, sau khi đã cắt đứt sáu thứ phiền não, nhập quyết định, lúc đó được gọi là Hướng quả Tu-đà-hàm.

Thứ ba, chín vô cấu, nghĩa là sau khi cắt đứt chín thứ phiền não, nhập quyết định, bấy giờ mới được gọi là Hướng quả A-na-hàm. (A na hàm Hướng)

Nếu đến mười sáu tâm
Là nói trụ ở quả
Kiến kém, tín giải thoát
Kiến tịnh, gọi Kiến đáo.

Nếu đến mười sáu tâm, gọi là trụ ở quả: Ở đạo mười sáu tâm, tỷ trí tương ưng với tâm đó phát sinh. Căn cơ nhạy bén, căn cơ yếu kém, đều gọi là trụ ở quả. Trước chưa lìa dục quả Tu-đà-hoàn, thì đã lìa sáu thứ dục quả Tư-đà-hàm, và lìa chín thứ dục quả A-na-hàm.

Kiến yếu kém, tín giải thoát: tức là người căn cơ yếu kém sẽ hướng đến trong địa, được gọi là Tín hành. Người đó trụ ba quả, gọi là tín giải thoát.

Kiến tịnh gọi là Kiến đáo, tức là người có căn cơ nhạy bén đó đã trụ quả, được gọi là Kiến đáo.

Chưa hết tu đạo dứt
Phải biết bảy qua lại

Gia gia có ba hết
Ấy trụ Tu-đà-hoàn.

Chưa hết tu đạo dứt, phải biết có bảy lần qua lại: Nghĩa là người này trụ quả nhưng vì chưa cắt đứt tu đạo dứt, nên biết có bảy lần sống chết. Chịu bảy lần sinh trong cõi người, bảy lần sinh lên các tầng cõi Dục và hai mươi tám lần Trung ấm, sinh đều tiếp nhận. Vì bảy lần sinh nên gọi là Thất sinh, như cây bảy lá, như thiện bảy xứ.

Gia gia đều có ba thứ dứt hết, nghĩa là nếu trụ quả, người phàm phu sẽ có ba thứ dứt hết, do trong tu đạo dứt của cõi Dục: Thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, phàm phu gọi là Gia gia.

Gia gia là từ nhà này đến nhà khác, qua lại, rồi nhập Niết-bàn, nên gọi là Gia gia.

Trong cõi người có hai, ba nhà, trong cõi trời có hai, ba nhà qua lại. Nhà này có hai loại: Gia gia của người và Gia gia của trời. Do sự khác nhau của nghiệp căn dứt phiền não, nên gọi là Gia gia.

Nghiệp nghĩa là trong phần hai ba nhà phàm thọ phu nhận có tập nghiệp. Căn là được căn vô lậu, dứt phiền não là dứt hai thứ, bốn thứ phiền não.

Người đó trụ Tu-đà-hoàn, tức người đó đã bảy lần qua lại và đạt Gia gia, gọi là trụ quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Vì sao gọi là Tu-đà-hoàn?

Đáp: Tu-đà dịch là dòng Thánh đạo, hoàn dịch là vào. Nếu người nối tiếp nhau, đầu tiên thấy, tu đạo, vào dòng Thánh kia thì người này được quả Tu-đà-hoàn nên gọi là Tu-đà-hoàn, như người nữ mang thai lấy pháp đặt tên người.

Sáu hết, Tư-đà-hàm
Lìa tám, một hạt giống
Chín phẩm hết, Bất hoàn
Vì đã thoát bùn dục.

Sáu thứ dứt hết là Tư-đà-hàm: Tức là người nào dứt hết sáu thứ, đó là ba thứ thuộc phẩm thượng, ba thứ thuộc phẩm trung, là Tư-đà-hàm. Từ đây chết đi, sinh lên cõi trời, lại sinh trong cõi người, rồi nhập Niết-bàn, được gọi là Tư-đà-hàm.

Lìa tám, một hạt giống nghĩa là một đời là nghĩa hạt giống. Người đó chỉ có một đời, hoặc người, hoặc trời có hai thứ, một hạt giống, đó là người một hạt giống, trời một hạt giống, hoặc phiền não khác nhau, gọi là một hạt giống. Người kia chỉ có một hữu còn lại chưa dứt hết, nên gọi là một hạt

giống. Người này vì hướng quả A-na-hàm, phải biết là trong quả Tư-đà-hàm gồm nhiếp thắng đạo.

Chín phẩm dứt hết là Bất Hoàn: Nghĩa là người cõi Dục, dứt tất cả chín thứ phiền não, gọi là A-na-hàm, vì không còn sinh trở lại cõi Dục nữa, nên gọi là A-na-hàm.

Hỏi: Vì sao không trở lại?

Đáp: Vì đã ra khỏi vũng bùn ái dục, vì ra khỏi vũng bùn ái dục nên không còn trở lại cõi Dục nữa.

Chín phiền não như vậy
Ở tại tám địa trên
Do hai đạo mà đoạn
Là lời Thế Tôn nói.

Chín phiền não như vậy, ở tại tám địa trên, tức là tu đạo của cõi Dục dứt phiền não như trước đã nói. Chín thứ phiền não từ hạ hạ cho đến thượng thượng, phải biết tám địa cũng như vậy. Đó là bốn thiền, bốn định Vô Sắc. Do hai đạo mà đoạn, là lời Thế Tôn đã nói: Nghĩa là phiền não ba cõi, phải biết là do đạo vô ngại, giải thoát mà đoạn. Đạo vô ngại dứt kiết, được đạo giải thoát, chứng đạo giải thoát hạ hạ, đoạn chủng thượng thượng, cho đến đạo thượng thượng đoạn chủng hạ hạ.

Trên đây là nói sơ lược một trăm bảy mươi tám đạo và kiến đạo.

Hỏi: Thế nào là đạo quyết định xuất thế gian, có dứt phiền não hay không?

Đáp: Không. Vì sao?

Đạo có cấu, không cấu
Đều vượt hơn tám địa
Trụ địa gọi thân chứng
Là được chánh thọ diệt.

Đạo có cấu, không cấu, đều có khả năng vượt hơn tám địa: Nghĩa là có cấu là đạo thế gian, không cấu là đạo vô lậu.

Tám địa kia, bốn thiền của cõi Dục, ba định Vô Sắc, đạo thế gian, xuất thế gian, đều có khả năng vượt hơn Hữu đảnh kia, tất nhiên đạo xuất thế gian có khả năng vượt qua đạo thế tục nọ. Cũng là đạo vô ngại, đạo giải thoát, đạo vô ngại kia có ba thứ chuyển biến, đó là khổ thô chướng ngại. Đạo giải thoát, cũng có ba thứ, đó là trên hết, mầu nhiệm và đạo xuất thế gian. Như trước đã nói, hành vô thường ,v.v..., trụ đạo đó gọi là thân chứng.

Nói là được chánh thọ diệt, tức là người trụ học trong sự lìa bỏ ham muốn của tám địa kia, nếu là người được định diệt tận, thì người đó sẽ được

gọi là thân chứng, thân chứng là pháp tương tự Niết-bàn, nên gọi là thân chứng.

Tam-muội Kim Cương dụ
Tiếp ắt sinh Tận trí
Sinh ý đời ta hết
La-hán lìa các lậu.

Tam-muội Kim Cương dụ, kế ắt sinh tận trí: Nghĩa là sinh Hữu đảnh, đạo vô ngại thứ chín, lìa dục, với tâm học sau cùng, gọi là Tam- muội Kim Cương dụ, giống như Kim Cương có công năng đập vỡ tất cả.

Kế sau sẽ sinh Tận trí: Tức là tâm vô học ban đầu này, khác với hai trí kia, là khổ tỷ trí, hoặc là tập tỷ trí. Như người kia từ Tận trí phát sinh ý nghĩ là duyên tận như thế rồi tùy thuận phát sinh tuệ, sinh ý nghĩ: Sanh tử của ta đã hết, nghĩa là bốn ấm của Phi tưởng Phi phi tưởng phải biết từ trong đây này phát sinh. Vì sao? Vì sau cùng dứt.

La-hán đã lìa các lậu, là khi Tận trí phát sinh thì tất cả lậu đều dứt hết, gọi là A-la-hán. Vì xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của hàng trời, người nên gọi là A-la-hán.

Hỏi: Có bao nhiêu loại A-la-hán?

Đáp:

Có sáu loại A-la-hán
Năm hạng từ tín sinh
Hạng đó được hai trí
Nên biết thời ly cấu.

Có sáu loại A-la-hán là: Thối pháp, Tư pháp, Hộ pháp, Trụ pháp, Tất thăng tiến pháp và Bất động pháp. Trong số đó, nếu là người trí yếu kém, phương tiện yếu kém, thì trước hết trí này tương ưng đầy đủ với sự thối lui, nhất định thối lui, nên gọi là hạng Thối pháp.

Nếu là người có trí, phương tiện yếu kém, thường có tưởng nhàm chán thân xấu ác, nhớ nghĩ muốn hoại diệt, sau khi chết, họ sẽ thành tựu được pháp tư duy. Đó gọi là hạng Tư pháp. Nếu là người có trí yếu kém, cộng thêm sự tinh tiến, dùng sức tinh tiến để tự giữ mình, đó gọi là Hộ pháp. Nếu là người thuộc trí bậc trung bình, đều tinh tiến, họ trụ đạo này, không tiến, không lùi, thì gọi là Trụ pháp. Nếu người nào trí ít nhạy bén, rất tinh tiến thì có khả năng tiến đến địa vị Bất động, được gọi là hạng Tất thăng tiến pháp. Nếu người nào có trí nhạy bén, tinh tiến rộng, mới được pháp bất động lần đầu, người này được gọi là hạng Bất động pháp.

Năm hạng đầu từ niềm tin sinh, sẽ được hai trí: nghĩa là trong sáu loại

A-la-hán ấy, năm loại trước vốn là Tín hành. Họ có hai trí: Tận trí và chánh kiến vô học. Đôi khi, họ thối lui, nên không phát sinh Vô sinh trí, Tận trí của họ, hoặc hiện hành trong một sát na, hoặc trình tự, chánh kiến vô học sẽ hiện trước mặt, hoặc tăng trưởng. Nếu chánh kiến đó đã được biểu hiện trước mặt, phải biết, bấy giờ, họ đã ly cấu, gọi là hạng Thời giải thoát. Họ quán sát hoặc cõi nước, hoặc thời gian, hoặc bạn, hoặc nói pháp, hay ăn mặc, v.v... đều tinh tiến tu căn thiện. Phần căn thiện này, không phải bất cứ lúc nào cũng tùy sở thích muốn tu tinh tiến, nên gọi là Thời giải thoát.

Bất động pháp: lợi căn

Là phi thời giải thoát
Người đó được ba trí
Tự giải thoát thành tựu.

Hạng bất động pháp là hạng có căn cơ nhạy bén và giải thoát bất cứ lúc nào mình muốn (phi thời). Nghĩa là nếu người nào hoàn toàn là căn cơ nhạy bén, là pháp bất động, thì phải biết là phi thời giải thoát, vì họ đã khéo phân biệt bất cứ lúc nào cũng tùy ý thích mà tu tiến, không lệ thuộc thời gian, nên gọi là phi thời giải thoát.

Người đó được ba trí: Tận trí, Vô sinh trí và chánh kiến vô học.

Người này do không thối lui pháp, cho nên phát sinh Vô sinh trí. Tận trí của người ấy đạt trí tận trong một sát-na, và Vô sinh trí hoặc một sát-na, hoặc theo trình tự chánh kiến vô học hiện ở trước, hoặc có lúc được tinh tiến hơn, chánh kiến đó hiện ở trước.

Tự giải thoát thành tựu: Nghĩa là người đó thành tựu, giống với mình, nên gọi là Giải thoát.

Phải biết thời giải thoát, nghĩa là người đó đã quyết định lúc nào được giải thoát.

Thành tựu bất động: Nghĩa là phiền não kia không có khả năng làm xao động, cũng như ấn tín của vua, nên gọi là bất động.

Phải biết Tuệ giải thoát
Không được định Diệt tận
Chỉ có câu giải thoát
Mới được định Diệt tận.

Phải biết tuệ giải thoát không được định Diệt tận: Nghĩa là trong sáu loại A-la-hán này, nếu ai không được định Diệt tận phải biết người đó là tuệ giải thoát.

Tuệ giải thoát, nghĩa là người đó chỉ có sức của tuệ được giải thoát, nên gọi là Tuệ giải thoát. Chỉ có bậc Câu giải thoát mới thành tựu định Diệt

tận. Trong sáu loại A-la-hán, nếu người nào được định Diệt tận, phải biết người đó là bậc Câu giải thoát. Vì họ nhờ sức của tuệ nên được giải thoát đối với chướng phiền não, và nhờ sức định, nên gạt bỏ mọi cản trở mà được giải thoát. Vì nghĩa này, nên gọi là Câu giải thoát. Như trên đã nói, sĩ phu, Hiền Thánh là nói lược hai hạng: Học, Vô học. Vì dứt phiền não nên học, gọi là Học, vì không phải đoạn phiền não nên gọi là Vô học. Vì sao không học? Vì học đã hoàn tất.

Đã phân biệt bậc Hiền Thánh, nay sẽ nói về sự khác nhau của người và pháp.

Nếu pháp Tùy tín hành
Và pháp Tùy pháp hành
Đạo kiến đế như vậy
Đều là đồng một tướng.

Pháp Tùy tín hành hoặc pháp Tùy pháp hành: nếu kiến đế thì đều đồng một tướng trông đạo thấy đế. Khác nhau giữa Tín hành và Pháp hành là dùng pháp đặt tên người.

Số căn trong đạo kia
Gọi là Vị tri căn
Các pháp hữu học khác
Người trí nói Tri căn.

Số các căn trong loại kiến đế kia là nói Vị tri căn, nghĩa là nếu căn số pháp thuộc về đạo kiến đế, thì gọi là ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn. Năm căn như tín, v.v... đều gọi là Vị tri căn. Vì chưa biết, muốn biết, nên gọi là Vị tri căn. Sĩ phu thuộc về kiến đạo kia nên biết căn như thế. Về các pháp hữu học khác, người trí gọi là Tri căn, nghĩa là kiến đạo trở lên, tức là pháp của các căn số này, gọi là Tri căn. Vì đã biết rồi lại biết nữa, nên gọi là Tri căn. Nếu là sĩ phu thuộc về tu đạo thì phải biết căn như thế.

Trong đó, pháp vô học
Phải biết Dĩ tri căn
Được quả, bỏ đạo trước
Nghĩa này cần phải biết.

Trong đó pháp vô học, phải biết Dĩ tri căn, nghĩa là trong pháp vô học, các căn số pháp này gọi là Dĩ tri căn. Vì biết rồi, không còn gì để biết nữa, nên gọi là Dĩ tri căn. Nếu sĩ phu thuộc về vô học, phải biết căn như thế.

Hỏi: Mỗi bậc Thánh Hiền này đều theo trình tự như trên đã nói, tất cả họ đều thành tựu đạo, mà trước đã được, hay là không được?

Đáp: Được quả rồi, bỏ đạo trước. Về nghĩa này cần phải biết. Nếu sĩ phu ấy vào đạo rồi, phải biết hạnh thắng tiến. Được quả này là do bỏ đạo trước. Vì sao? Vì không muốn cho quả kia hướng về một. Nếu là căn thối lui và căn tinh tiến thêm lên thì người đó cũng xả đạo. Trong đó không nói là được quả Tu-đà-hoàn, xả bỏ kiến đạo được quả Tư-đà-hàm, hoặc xả bỏ kiến đạo hoặc xả bỏ đạo tốt đẹp của quả Tu-đà-hoàn để được quả A-na-hàm, hoặc xả bỏ kiến đạo hoặc xả bỏ đạo tốt đẹp của quả Tư-đà-hàm để được quả A-la-hán, bỏ quả A-na-hàm, bỏ đạo tốt đẹp của quả A-na-hàm.

Nếu là sự khác nhau của căn tinh tiến thêm lên thì bỏ đạo tốt đẹp của quả, cũng được quả, vì Hữu học, Vô học đều thuộc về căn cơ nhạy bén, xả bỏ quả cũng được quả, nếu thối lui là bỏ phần hơn, được phần kém.

Hỏi: Như người được quả đã bỏ đạo trước đây, họ cũng bỏ sự dứt chăng?

Đáp: Bỏ đạo, không phải dứt.

Đã hết là giải thoát
Được nương dựa một quả
Không nhiễm ô thứ chín
Trừ đoạn, cần nên biết.

Đã dứt hết là giải thoát, được nương dựa một quả: Nghĩa là những phiền não trước đã đoạn thì cứ một giải thoát, là được quả thâu nhiếp. Cho nên không bỏ đoạn đạo giải thoát vốn có trong đạo trước đây, được giải thoát như vậy.

Hỏi: Về việc đoạn phiền não, như trước đã nói, chúng không là cấu uế, sao lại đoạn?

Đáp: Không cấu uế, Đạo thứ chín ngoại trừ đoạn, cần phải biết, đã nói chín thứ phiền não, chín thứ đạo đoạn, sự không cấu uế đó, quyết định lúc đạo vô ngại thứ chín dứt tức khắc, chứ không phải dứt dần dần. Không cấu uế, là nói thiện hữu lậu, hành vô ký không ẩn mất, nên sắc cấu uế cũng nhất định dứt sau cùng.

Hỏi: Vì sao chín thứ phiền não dứt không phải là thiện?

Đáp: Vì trái với phiền não, nên Thánh đạo trái với phiền não, không trái với điều thiện. Vì nhàm chán phiền não ác, cũng như bỏ việc thiện là đồng một sự ràng buộc.

Hỏi: Đã nói căn tinh tiến tốt đẹp của A-la-hán, thế nào là A-la-hán được bất động?

Đáp:

Nếu có hành tương tợ

Thì gọi được Bất động
Ấy, cũng tín giải thoát
Tánh kia cũng tăng đạo.

Nếu có hành tương tợ thì gọi người đó là có khả năng được Bất động: Nghĩa là không phải tất cả A-la-hán đều có khả năng đạt được Bất động. Nếu danh tướng công đức, tương tợ thì người kia có khả năng đạt được, nghĩa là nhất định thăng tiến. Người này cũng tín giải thoát, tánh của họ cũng tăng trưởng đạo, đây là lời nói này thêm. Vì nếu Tín giải thoát thì tánh nhất định phải thăng tiến, có khả năng được kiến đáo chứ chẳng phải tánh khác. Sự tăng trưởng đạo, nghĩa là sự gia tăng của căn, nghĩa ấy như vậy.

Hỏi: Đã nói thứ lớp thấy đế, nhưng chưa nói về nguyên nhân của sự thấy đế, sẽ nói về nhân đó?

Đáp:

Công đức, ác khác biệt
Thứ lớp thấy chân đế
Sức đạo vô ngại được
Quả hữu vi, vô vi.

Công đức và tội ác khác nhau, theo thứ lớp nhận thấy chân đế: Nghĩa là trong đó, sự khác nhau của công đức qua hai đế và sự khác nhau của lỗi ác qua hai đế, đều không phải ở chỗ nhận thấy lỗi ác, thì thấy công đức, không phải thấy công đức, là thấy lỗi ác. Vì sao? Vì có sự khác nhau giữa hành và duyên. Vì chẳng phải không chân thật thấy đế mà đế không có sự gián đoạn, v.v..., cũng không phải chỉ một trí này mà có khả năng quán chung sự khác nhau giữa công đức và lỗi ác của đế. Vì nghĩa ấy, nên phải thứ lớp thấy đế.

Hỏi: Hễ thấy đế là được quả Sa-môn. Việc đó như thế nào? Là hữu vi hay là vô vi?

Đáp: Nhờ năng lực đạo vô ngại mới được quả hữu vi, vô vi. Nếu dứt phiền não là vô vi, nếu đạo giải thoát là hữu vi, hai thứ đó đều có được nhờ năng lực của đạo vô ngại. Cho nên, cả hai đều được gọi là quả Sa-môn.

-oOo-

LUẬN KINH A TỲ ĐÀM TÂM

QUYỂN 4

Phẩm 6: TRÍ

Nay muốn phân biệt về trí phần của Niết-bàn. Vì sao? Vì trí có công năng cắt đứt các phiền não. Vì muốn giải thích rộng về trí nên trước nói kệ này:

Nếu tánh trí biết rõ Quán sát tất cả hữu Có không có Niết bàn, Tướng đó ta sẽ nói.

Có không có là gọi Niết-bàn. Thế nên, người trí quán có, không. Có, nghĩa là hết thảy pháp hữu lậu, là nghĩa khổ, tập. Có, không có đó là diệt đế. Vì tất cả hữu, không có, cho nên gọi là có, không có. Trong đó là nghĩa không có.

Đấy là nói có đối trị, gọi là diệt, nên diệt chẳng phải là không. Không phải không có vật mà có đối trị. Ví như diệt tận, chánh thọ, tâm, tâm sở pháp không hành. Vì đối trị nên nói diệt là có vật, như là Niết bàn đối trị tất cả hữu. Do đó có sự việc như trừ khỏi bệnh được không có bệnh. Tướng ấy gọi là tịch diệt, tương tịch diệt v.v...

Chúng phan duyên với trí, người trí quán sát Niết-bàn, chẳng phải không có cảnh giới mà có trí chuyển. Thế nên, nếu trí quán sát cảnh giới đó, tức là đạo.

Hỏi: Trí đó như thế nào?

Đáp:

Ba trí, Phật đã nói
Giác bậc nhất hơn hết
Pháp trí, tùy thuận trí
Cho đến Thế tục trí.

Ba trí này gồm thâu tất cả trí. Pháp trí là trí đối với cảnh giới cõi Dục, hoặc đối trị Diệt của cõi Dục. Hoặc cảnh giới vô lậu. Trí ấy đầu tiên chọn lấy pháp, quyết định thực hành, nên gọi là pháp trí. Tùy thuận trí, nghĩa là nếu trí đối cảnh giới cõi Sắc, Vô Sắc đối trị diệt cõi Sắc, hoặc cảnh giới vô

lậu. Vì kế sau Pháp trí, thứ lớp thuận theo, nên gọi là tùy thuận.

Thế tục trí, nghĩa là nếu trí hữu lậu thọ nhận nhiều số thế tục, nghĩa là nam, nữ ,v.v... nên nói là trí thế tục. Hết thảy như vậy v.v... gọi là Thế tục trí.

Khổ, tập và diệt, đạo
Hai trí thuận theo sinh
Bốn thứ trí như vậy
Mâu-ni tùy tên nói.

Pháp trí, Tùy thuận trí, nghĩa là tùy thuận theo Thánh đế mà chuyển, Đức Thế Tôn tùy theo tên gọi mà nói là cảnh giới khổ đế, nên nói là Khổ trí. Như vậy, vì cảnh giới Tập, Diệt, đạo đế, nên gọi là Tập, Diệt, Đạo trí. Ở đây, hành của hai trí Khổ, Tập khác nhau: Hành khổ chuyển thì gọi là Khổ trí, hành tập chuyển, gọi là Tập trí. Còn duyên sự thì không khác nhau vì đồng duyên với năm ấm. Hai trí diệt, đạo hành duyên thì khác nhau.

Nếu trí quán tha tâm Ấy từ ba trí nói

Hai trí: Tận, vô sinh Phải biết ở bốn môn.

Nếu trí quán tha tâm, là nói từ ba trí: Nghĩa là trí tha tâm hữu lậu trong ba trí là thế trí. Nếu là cảnh giới đối trị của cõi Dục, thì cảnh giới đó là Pháp trí. Nếu là cảnh giới đối trị của cõi Sắc, Vô Sắc, thì đó là Tùy thuận trí. Nếu cảnh giới của tâm, tâm sở pháp phương tiện tâm, tâm sở đó được thành tựu, thì gọi là trí tha tâm.

Hai trí tận, vô sinh: Nghĩa là Tận trí và Vô sinh trí. Hai trí: Pháp trí, Tùy thuận trí đã làm và đã thọ nhận rốt ráo cuối cùng thì gọi là Tận trí; Không còn làm và nhận nữa là Vô sinh trí.

Hỏi: Tận, Vô sinh trí là cảnh giới của đế nào?

Đáp: Phải biết là ở bốn môn. Đấy là nghĩa duyên với bốn đế, Trừ Tận trí ở đầu, còn các trí kia đều duyên với hai đế.

Đã phân biệt mười trí, nay sẽ phân biệt về hành

Hai trí, mười sáu hành
Pháp trí, Tùy thuận trí
Trên đã nói và khác
Là nói Thế tục trí.

Mười sáu hành của Thế trí chuyển, trước và sau đều có mười sáu hành đó, gồm nhiếp Noãn, Đảnh, Nhẫn, ngoài ra, gồm nhiếp văn, tư, tu tuệ và pháp Thế đệ nhất. Mười hai hành, bên cạnh bốn hành vô gián, v.v... Ngoài kia lại có hành, đó là thí, giới, từ, v.v...

Bốn trí có bốn hành

Do hành quyết định nói
Nếu biết tha tâm trí
Hành đó hoặc không phải.

Bốn trí có bốn hành, do hành quyết định nói: Nghĩa là khổ trí có bốn hành. Tập, diệt, đạo trí cũng như vậy.

Nếu biết tha tâm trí với hạnh như vậy, hoặc không phải: Nghĩa là nếu tha tâm trí vô lậu thì trí đó có bốn hành. Như đạo trí là phần ít của đạo trí, nếu hạnh hữu lậu thì khác, vì chỉ gồm nhiếp tâm, tâm sở pháp hữu lậu.

Tận trí, Vô sinh trí
Lìa hành Không - Vô ngã
Nói có mười bốn hành
Tướng thọ là trên hết.

Tận trí, Vô sinh trí, lìa bỏ hành Không, Vô ngã, nói có mười bốn hành: nghĩa là Tận trí, Vô sinh trí từ Đệ nhất nghĩa chuyển; cũng là thân cận với Thế trí, tác ý: Ta và chúng sinh đã tận. Như thế, cùng giữ lấy hành tướng tợ của ta và chúng sinh; còn hành không, hành vô ngã, nhất định là nghĩa đệ nhất chuyển, không duyên với thế tục. Cho nên, Tận trí, Vô sinh trí thì hành không, hành vô ngã không chuyển biến. Do đó có mười bốn hành.

Hỏi: Tất cả trí vô lậu có gồm nhiếp tất cả mười sáu hành chăng?

Đáp: Không. Thọ tướng là trên hết. Mười sáu hành kia là hành chung. Nếu lại chấp lấy tự tướng trí vô lậu thì như thân - niệm - xứ, v.v... trí đó không thuộc về mười sáu hành.

Đã nói sự khác nhau của các hành, nay sẽ nói về sở đắc của hành:

Tâm vô lậu đầu tiên
Hoặc có thành tựu một
Hai hoặc thành tựu ba
Ở bốn trên, thêm một.

Tâm vô lậu đầu tiên, hoặc có thành tựu một, nghĩa là tâm tương ưng với Khổ pháp nhẫn đầu tiên, chưa lìa Dục, thành tựu một trí, đó là Thế trí. Lìa Dục rồi, thành tựu Tha tâm trí, không hiện ở trước. Chẳng phải kiến đạo, Tha tâm trí thứ lớp hiện ra trước. Vì sao? Vì trái với sự lưu chuyển.

Hai hoặc thành tựu ba: Nghĩa là tâm tương ưng với Khổ pháp trí vô lậu thứ hai, chưa lìa Dục thì thành tựu ba: pháp trí, khổ trí và thế trí. Nếu lìa bỏ dục thì thành tựu Tha tâm trí.

Ở bốn trên thêm một, nghĩa là với bốn địa trên trong sát na tâm phải biết mỗi địa đều thêm khổ tỷ trí, là được tỷ trí; tập pháp trí, được tập trí;

diệt pháp trí, được diệt trí, đạo pháp trí, được đạo trí, tập, diệt, đạo, tỷ trí. Và nhẫn thì không được, vì chưa từng được trí.

Hỏi: Các trí này y cứ vào các địa nào?

Đáp:

Chín trí, bậc Thánh nói
Trí này dựa hai địa
Nên biết thiền có mười
Tám trong địa Vô Sắc.

Chín trí bậc Thánh nói, đều căn cứ hai địa: Nghĩa là chín trí này căn cứ vào thiền vị lai, thiền trung gian, trừ tha tâm trí.

Phải biết thiền có mười: Bốn thiền căn bản mỗi thiền có mười trí. Hỏi: Vì sao trong thiền trung gian, thiền vị lai không có tha tâm trí?

Đáp: Vì cảnh giới này rất nhỏ nhặt. Thiền vị lai thì ít đạo đối với tâm, tâm sở pháp trong thân của người khác. Không phải ít đạo, mà có khả năng nhận lấy nghĩa nhỏ nhặt của cảnh giới kia. Đạo của thiền căn bản, với song hành chỉ, quán, là đạo có sức khá mạnh mẽ, nên tâm kia có khả năng nhận lấy.

Trong địa Vô Sắc có tám: Trừ Pháp trí và Tha tâm trí. Pháp trí là cảnh giới cõi Dục, cõi Vô Sắc dựa vào pháp đối trị, hành duyên xa ở cõi Dục. Vì vậy, nên ở cõi Vô Sắc không có Pháp trí. Tha tâm trí duyên với sắc, có khả năng phát sinh. Do vậy, chuyển biến ở cõi Sắc không phải là trong Vô Sắc. Ngoài ra, ở Hữu đảnh vị lai có một thế trí. Vì sao? Vì là hữu lậu.

Đã nói sự khác nhau của các địa, nay sẽ nói sự khác nhau về tu.

Tu có sáu thứ: Đắc tu, Tập tu, Đối trị tu, Xuất ly tu, Giới tu và Quán sát tu.

Đắc tu là đối với pháp thiện không được mà được ở hiện tại vị lai.

Tập tu là với công đức trước đây đã được, hiện tiền tu.

Đối trị tu là tu đạo đối trị đối với các pháp hữu lậu.

Xuất ly tu là lúc tu đạo, lìa bỏ pháp cấu uế.

Giới tu là đạo có khả năng điều phục các căn.

Quán sát tu là quán sát thân, v.v... Trong đây, chỉ chọn hai thứ tu, đó là Đắc tu và Tập tu.

Các trí của Đắc tu
Là ở Thánh kiến đạo
Tập tu là vị lai
Các Nhẫn cũng như vậy.

Nếu là các trí của Đắc tu thì ở Thánh kiến đạo tu thế nào, vị lai cũng tu thế ấy. Nếu là các trí ở kiến đạo hiện tiền tu thì tức là Tập tu ở vị lai. Nghĩa là Khổ pháp trí tu hiện tại, cũng là trí tu ở vị lai. Không phải Nhẫn, không phải trí khác.

Như vậy, cho đến Đạo pháp nhẫn. Các nhẫn cũng như thế, nghĩa là trong nhẫn cũng như vậy. Khổ pháp nhẫn tu hiện tại, nhẫn đó cũng tu ở vị lai, không phải trí, không phải nhẫn khác, tất cả nhẫn đều cũng như thế.

Hỏi: Vì sao Kiến đạo chỉ tu đạo của phần mình, còn Tu đạo thì tu phần mình và không phải phần mình?

Đáp: Vì trí ấy chưa tu. Trí ấy chưa tập, chưa luyện trong Kiến đạo.

Cả hai đều thực hiện trong Tu đạo.

Ở trong ba tâm kia
Đắc tu ở Thế trí
Hoặc tu bảy hoặc sáu
Nên biết tâm sau cùng.

Ở trong ba tâm kia, Đắc tu là đối với Thế trí, nghĩa là Thế trí của Đắc tu trong ba tâm thuộc Kiến đạo tức là Khổ, Tập, Diệt Tỷ trí, thuận theo kiến đạo của địa đó, tức địa ấy có Thế trí và tu Thế trí cõi Dục. Hoặc dựa vào địa của vị lai được quyết định sự tu ở vị lai và Thế trí của cõi Dục.

Như vậy, y cứ vào thiền thứ tư được quyết định, người đó tu Thế tục trí của bảy địa.

Hỏi: Vì sao không tu Đạo Tỷ trí?

Đáp: Vì trí đó vô biên, vì nên đế không có gián đoạn; các biên hạn thành tựu nên gọi là vô gián đẳng biên. Không có khả năng tu tất cả đạo, đối với đạo của người khác không có khả năng tu, đối với tự thân tu, cho đến hành vị lai của phần mình cũng không hiện trước mặt. Đối với ba đế kia thì mình, người đều có khả năng nhận biết, khả năng dứt trừ và khả năng chứng đắc, cho nên thuận theo mà được biên, và có khả năng tu. Do đó trí đó có khả năng tu, không phải trí khác; thậm chí pháp trí cũng không tu. Vì sao? Vì đế vô gián v.v... chưa rốt ráo. Vì đối với đế này, Thế tục trí vốn đã từng làm chứng, cho nên tu trí này chỉ có tên tốt, nhưng về phương tiện vẫn chưa được.

Hoặc tu bảy, hoặc sáu, phải biết là tâm sau cùng, nghĩa là nếu lìa bỏ dục của cõi Dục, thì hành giả kia với Đạo Tỷ trí là tu bảy trí thuộc về quả A-na-hàm, trừ Thế tục trí, Tận trí, Vô sinh trí. Nếu chưa lìa bỏ dục thì tu sáu trí, trừ Tha tâm trí. Do đối trị Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, người đó được quả Sa-môn, đó là do không tu Thế trí.

Ở trên đó tu đạo
Mười bảy tâm vô lậu
Phải biết tu bảy thứ
Căn tăng ích tu sáu.

Ở trên đó tu đạo, với mười bảy tâm vô lậu, phải biết tu bảy thứ, nghĩa là nếu chưa lìa sáu thứ ham muốn, từ mười bảy sát-na trong tu đạo trên quả Tu-đà-hoàn, phải biết tu bảy trí. Đây nói thuộc về thiền vị lai, không có Tha tâm trí, cũng không có Tận trí, Vô sinh trí, vì là vô học. Thế nên, trong Tu đạo tu bảy trí còn lại này. Nếu hành giả đó do đạo thế tục tiến triển trí thế tục kia hiện trước mặt thì bảy thứ trí ở vị lai. Nếu bốn thứ pháp trí, của đạo xuất thế gian, mỗi trí hiện trước mặt, thì bảy trí còn lại ở vị lai.

Căn tăng ích, tu sáu: Căn tăng ích, nghĩa là hoặc tín giải thoát, luyện tập, đối trị các căn, tiến tới đắc Kiến đạo. Căn tăng tiến kia được tu sáu trí, trong tất cả đạo vô ngại, đạo giải thoát. Vì chưa lìa dục nên không có Tha tâm trí. Hơn nữa, tu đạo tinh tiến, không phải dứt phiền não một cách tinh tiến. Người này chưa được công đức của tu tiến, cho nên không tu Thế trí.

Lúc được quả Bất hoàn
Vượt khỏi bảy địa trên
Huân tu các thần thông
Giải thoát tu tập tám.

Lúc được quả Bất hoàn, nghĩa là nếu lúc được quả A-na-hàm thì nhất định phải được căn bản thiền, cho nên tu Tha tâm trí và bảy thứ đã nói ở trước. Vượt qua bảy địa trên, nghĩa là bốn thiền, ba Vô Sắc, lúc lìa ham muốn của bảy địa, cũng tu tám trí trong chín đạo giải thoát.

Nếu dùng đạo thế tục để tu tiến trí thế tục của đạo kia hiện trước mặt thì vị lai có tám. Nếu khi tu tinh tiến đạo xuất thế gian thì vào lúc đó, bốn tỷ trí và diệt, đạo, pháp trí, mỗi trí hiện ở trước vị lai có tám, huân tu các thần thông giải thoát. Tu tập tám trí. Nghĩa là huân tu khởi hiện một đạo giải thoát, trong đó có tám pháp trí, tỷ trí, mỗi trí hiện ngay trước mặt, vị lai có tám. Sanh ra cảnh giới thần thông, trí túc mạng trong đạo giải thoát. Trí thế tục được hiện ở trước mặt, vị lai có tám trí, trí tha tâm, pháp trí, tỷ trí của đạo giải thoát. Nếu là Tha tâm trí trong thế trí, mỗi trí đều hiện ở trước, vị lai có tám, thì không có sanh tử, thông, đạo giải thoát vì vô ký mà không tu.

Trong đạo vô ngại này
Ra khỏi hữu thứ nhất
Tám đạo giải thoát kia

Phải biết tu bảy trí.

Bảy địa lìa dục tất cả trong đạo vô ngại thì tu bảy trí nghĩa là tu đối trị trí trong đạo vô ngại. Vì vậy, nên không tu Tha tâm trí, vì trí đó không phải đối trị. Huân tu khởi hiện, hai tâm ở đạo vô ngại tương tợ. Tâm thứ nhất là vô lậu. Tâm thứ hai là Thế tục. Trong tâm vô lậu tám: pháp trí, Tỷ trí mỗi trí hiện ở trước, vị lai có bảy trí, trừ Tha tâm trí, tất cả đạo vô ngại, không tu Tha tâm trí. Đạo thế tục, thế tục trí hiện ở trước mặt, ở vị lai cũng có bảy trí. Khởi hiện bốn thần thông trong đạo vô ngại, trí thế tục hiện ở trước, vị lai nhất định bảy trí. Tha tâm trí hữu lậu cũng vậy. Tha tâm trí vô lậu, đạo pháp, tỷ trí, mỗi trí đều hiện ở trước, vị lai nhất định bảy trí. Hữu đảnh lìa ham muốn, tám đạo giải thoát, bốn tỷ trí, hai pháp trí, mỗi trí đều hiện ở trước, vị lai cũng có bảy trí. Trí thế tục thối lui trong đạo vô ngại kia, vì không phải đối trị. Trí thế tục chưa từng đến Hữu đảnh, đôi khi còn làm phương tiện không quyết định.

Qua khỏi đệ nhất hữu
Đạo vô ngại tu sáu
Thượng thừa phải nên biết
Tu tập ở địa dưới.

Qua khỏi đệ nhất hữu, đạo vô ngại tu sáu trí, nghĩa là hữu thứ nhất lìa bỏ ham muốn, chín đạo vô ngại, tu sáu trí, trừ trí tha tâm, trí thế tục, các trí khác đều hiện ở trước. Về đạo giải thoát ở trước đã nói: Sáu trí gồm bốn tỷ trí và hai pháp trí.

Thượng thừa cần nên biết, tu tập ở địa dưới, nghĩa là phải biết tu trí địa mình và trí địa cõi dưới trong tất cả địa. Nếu Sơ thiền tiến đến trí đó, tu công đức của địa mình, cũng tu công đức thuộc về thiền vị lai. Như vậy, cho đến trình tự của Bất dụng xứ cũng như thế.

Nếu người nào cho đến Bất dụng xứ lìa ham muốn, dựa vào Sơ thiền, cho đến Hữu đảnh lìa dục, thì người đó tu tiến trí vô lậu của chín địa, như vậy, tất cả cần phải biết.

Sơ tâm vô học tu
Các địa sinh công đức
Tất cả lậu, vô lậu
Đấy là thuận theo trí.

Sơ tâm vô học tu, các địa sinh công đức, tất cả: Lậu, vô lậu, nghĩa là được quả A-la-hán, công đức hữu lậu, vô lậu của tất cả địa, tất cả tu tinh tiến.

Hỏi: Vì sao địa này tu tất cả công đức?

Đáp: Vì việc đoạn tất cả sự ràng buộc đã xong được nghỉ ngơi. Pháp cởi mở sự ràng buộc của Đức Như Lai là hàng phục phiền não, chúng lực sĩ đều vui sướng, tâm được tự tại, đứng đầu là giải thoát sự trói buộc. Như vua mới lên ngôi, muôn họ ở bốn phương đều đem ngọc ngà, châu báu dâng cống, đoạn sạch kẻ thù phiền não khó trị, giết mọi oan gia, mọi người trong nước đều quy phục. Hành giả kia, trước đây, tuy đã được công đức của địa dưới, nhưng còn có phiền não nối tiếp, nên không sáng sạch. Nay vì dứt sạch phiền não, nên công đức sáng sạch và thành tựu tâm nhập định, xuất định, nên mới huân tu. Nếu trụ cõi Dục, được quả A-la-hán, hoặc là pháp như vậy. Nếu trụ cõi Sắc, được A-la-hán, nghĩa là tu tiến tu đầy đủ công đức của hai cõi kia, cho nên sinh ở một cõi, các địa như vậy cần phải biết.

Hỏi: Sơ tâm của Vô học tương ưng với trí nào?

Đáp: Đấy là Tùy thuận trí. Tương ưng với Tùy thuận trí này, người kia nghĩ rằng sanh tử của ta đã dứt hết, ấm của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ nhận lấy sự sanh trong đấy, người kia duyên với sự sanh đó. Vì sao? Vì đấy là dứt sau cùng. Cho nên là khổ tỷ trí, hoặc tập tỷ trí.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Như thấy và trí, tuệ thì đây là một hay khác?

Đáp: Thấy là tánh của tuệ, Đức Thế Tôn quán nhân duyên nên nói như vậy.

Các nhẫn, không phải trí
Tận, vô sinh: phi kiến
Ngoài ra các Thánh tuệ
Phải biết ba chủng tánh.

Các nhẫn không phải trí, nghĩa là nhẫn của tám vô gián, v.v... chẳng phải trí. Vì sao? Vì nhẫn không quyết định. Nghĩa quyết định là nghĩa của trí, còn nhẫn thì không quyết định. Khi đối trị với phẩm của mình, thì nghi sinh theo. Người có nhẫn thì mong dục chuyển, người trí thì mong dứt dục. Vì vậy, nên nhẫn không phải trí.

Tận trí, vô sinh trí không phải kiến: Nghĩa là hai trí: Tận và vô sinh đều có khả năng thấy, và chỉ cho ta biết, là tuệ quyết định.

Vì sao trí không phải là thấy? Vì không mong cầu, vì trung bình.

Ngoài ra các Thánh tuệ, phải biết có ba chủng tánh, nghĩa là việc của tuệ vô lậu khác là có ba tánh: thấy, trí và tuệ.

Nếu trí hữu lậu thiện
Ở ý thì là kiến
Thấy phiền não là trí
Trí này gọi là tuệ.

Nếu trí hữu lậu thiện ở ý thì là kiến, nghĩa là địa của ý trí hữu lậu thiện có khả năng mong cầu, nên cũng nói là thấy.

Thấy phiền não là trí, là nếu thấy tự tánh của phiền não. Nghĩa là thân kiến, v.v..., thì thân kiến đó chuyển từ sự đo lường, suy nghĩ, hiểu biết, cố mong cầu, nên gọi là kiến. Còn mang tính quyết định thì gọi là trí.

Trí này và cái khác gọi là tuệ, nghĩa là nếu đã nói, ấy là sự của Thấy, sự của Tuệ, còn cái khác chưa nói, như năm kiến của ý địa vô ký. Giới của ý cấu uế bên ngoài và hết thảy trí tương ưng với năm thức thân, tất cả là tuệ. Phải biết trong ấy chưa nói là nói trong năm kiến kia, nếu là vô ký thì không thể suy lường, không thể giác sát, không thể tìm kiếm, nên không phải kiến, bị cấu uế là do phiền não cấu uế, pháp tương ưng với năm thức thân không thể phân biệt cảnh giới hiện thật, hễ đi qua là rơi ngay, các kiến thì không như vậy.

Hỏi: Mỗi trí duyên bao nhiêu trí?

Đáp:

Pháp trí, Tùy thuận trí
Quán sát nơi chín trí
Trí nhân và trí quả
Cảnh hai trí, phải biết.

Pháp trí, Tùy thuận trí, quán sát chín trí, nghĩa là Pháp trí duyên với chín trí, trừ Tỷ trí. Tỷ trí cũng duyên với chín trí, trừ Pháp trí. Đạo pháp trí duyên với tất cả. Pháp trí và phần của nó cũng như các trí khác như Khổ, Tập pháp trí duyên với Thế trí cõi Dục.

Như vậy, Đạo tỷ trí duyên với tỷ trí của phần mình. Khổ, tập, tỷ trí duyên với Thế trí của cõi Sắc, cõi Vô Sắc và Tha tâm Thế tục trí.

Hỏi: Vì sao Pháp trí và Tỷ trí không duyên lẫn nhau?

Đáp: Vì có sự khác nhau giữa sự duyên trên dưới. Như hai người cùng thấy đất và hư không. Cảnh của hai trí là trí nhân và trí quả, phải biết là Tập trí duyên với hữu lậu tha tâm trí và thế tục trí. Vì sao? Vì số phận của tập đế là không duyên với trí khác, vô lậu khác. Khổ trí cũng vậy.

Đạo trí duyên chín trí
Diệt trí không cảnh giới
Tất cả cảnh giới khác
Do trí quyết định nói.

Đạo trí duyên với chín trí: Nghĩa là Đạo trí duyên với chín trí, trừ Thế tục trí. Vì sao? Vì hữu lậu. Duyên với chín trí còn lại. Vì sao? Vì là số phần của đạo đế. Diệt trí không có cảnh giới, là Diệt trí không duyên với trí. Vì

sao? Vì nó duyên với vô vi. Ngoài ra, đã nói trí quyết định tất cả cảnh giới khác, nghĩa là bốn trí còn lại duyên với mười trí.

Thế trí duyên với mười trí. Vì sao? Vì cảnh giới của tất cả pháp. Như vậy, Tha tâm trí là cảnh giới của tất cả tâm, tâm sở khác, vì trí tha tâm hữu lậu đó, duyên với trí hữu lậu. Như vậy, vô lậu duyên với vô lậu, trong đó, Pháp trí thì thuộc phần của Pháp trí, tùy thuận thì thuộc phần Tùy thuận trí; căn địa, người, sự hóa độ đều không phải duyên. Tận trí, vô sinh trí cũng như vậy, vì tất cả là cảnh giới hữu vi.

Hỏi: Như Đức Phật đã nói: Nếu Tùy thuận trí lìa dục Hữu đảnh, sẽ được quả A-la-hán, không phải đều là Tùy thuận trí chăng?

Đáp: Pháp trí đoạn đối trị của phần kia, cũng có là phần đối trị của Pháp trí.

Hỏi: Việc này là sao?

Đáp:

Sở chuyển của Pháp trí
Nếu ở trong Diệt đạo
Thì đối trị ba cõi
Chẳng Dục tùy thuận trí.

Nếu là sở chuyển của Pháp trí trong Diệt, Đạo, thì là đối trị của ba cõi, nghĩa là pháp trí của diệt, đạo trong tu đạo, cũng là pháp đối trị của cõi Sắc, Vô Sắc. Người đó sinh cõi Dục, lìa bỏ kiết của cõi Sắc, Vô Sắc. Tự địa đó bị ấm ép ngặt, trong ấy đã thấy lỗi lầm, muốn lìa bỏ lỗi lầm đó, nên họ mong cầu pháp đối trị. Lìa bỏ ham muốn ba cõi, trừ khử lìa dục của Hữu đảnh, chỉ có đạo vô ngại của Pháp trí đạo giải thoát của Tùy thuận trí.

Hỏi: Vì sao không là khổ, tập, pháp trí trừ bỏ?

Đáp: Vì khổ, tập không đồng đều: Khổ, tập của cõi Dục thì thấp kém, còn cõi Sắc, Vô Sắc thì tốt đẹp, không nên quán sát sự thấp kém mà nhàm chán lìa bỏ cõi trên nào có lỗi gì? Tuy phiền não ở khác chỗ, nhàm chán, lìa bỏ khác chỗ nhưng Diệt Đạo thì tương tợ. Cho nên, quán sự nhàm chán, lìa bỏ dục của ba cõi kia, theo đạo lý này mà nói.

Hỏi: Từng có Tùy thuận trí cũng là đối trị của cõi Dục chăng?

Đáp: Không phải Tùy thuận trí của cõi Dục. Không có Tùy thuận trí để đối trị cõi Dục, không có một người nào nhận thấy lỗi tăng thượng bằng Tùy thuận trí. Không có việc này. Như lìa dục cõi Sắc, Vô Sắc, sau đó mới lìa bỏ ham muốn cõi Dục thì không có việc đó! Hoặc lúc đầu, khó dứt địa mình, vì không thể lìa. Ví như quốc vương, không có khả năng hàng phục ở nước mình, lại muốn hàng phục nước khác. Là vua thì phải hàng phục

nước mình, rồi mới hàng phục nước khác, Pháp trí cũng vậy.

Hỏi: Thần thông là tánh của trí nào?

Đáp:

Thần túc, thiên nhãn, nhĩ
Phải biết một Thế trí
Sáu trí nhớ túc mạng
Năm nói Tha tâm trí.

Thần túc, thiên nhãn, nhĩ, phải biết một Thế trí: Nghĩa là thần túc, thiên nhãn, thiên nhĩ là một Thế trí, trí vô lậu chẳng chuyển như vậy. Trí của thần túc thông kia có khả năng hiện rõ các việc, các việc được hiện rõ là công năng của trí tuệ.

Thiên nhĩ thông là tuệ tương ưng với thiên nhĩ thức. Sinh tử trí thông là tuệ tương ưng với thiên nhĩ thức.

Sáu trí nhớ lại đời trước, là nhớ lại sáu trí thần thông của quá khứ, đó là: Pháp trí thì nhớ lại phần của pháp trí, Tùy thuận trí thì nhớ lại phần của tùy thuận trí, thế trí nhớ lại phần của thế trí, khổ trí thì nhớ lại các thứ khổ trong quá khứ. Tập trí cũng như vậy. Đạo trí thì nhớ lại hành xuất thế gian. Luận sư nước Kế-tân nói: Chỉ là một thế trí. Năm nói tha tâm trí: Nghĩa là tha tâm trí thông thì có năm trí, đó là: Pháp trí, Tùy thuận trí, Thế trí , Đạo trí và Tha tâm trí.

Chín trí lậu tận thông Do trí quyết định nói

Tám trí chuyển trong thân Pháp mười, chín trí hai.

Chín trí lậu tận thông, do trí quyết định nói, nghĩa là lậu tận thông thuộc về chín trí vô lậu Lậu tận trí.

Hỏi: Như Tha tâm trí, Tận trí, Vô sinh trí không sao lại nói là thuộc về?

Đáp: Vì thuộc về chánh kiến của vô học. Tất cả ba thứ trí vô học đó, đều gọi là lậu tận thông.

Hỏi: Niệm xứ là tánh của trí nào?

Đáp: Tám trí chuyển trong thân, nếu có sắc thân thì gọi là tám trí chuyển trong sắc thân đó trừ Tha tâm trí và Diệt trí.

Pháp mười là trừ sắc, thọ, tâm, còn pháp, gọi là pháp niệm xứ, mười trí chuyển trong đó, như trước đã nói.

Chín trí hai là trong thọ, tâm, trừ Diệt trí, có chín trí chuyển.

Hỏi: Mười lực, bốn pháp vô úy của Như Lai là tánh của trí, trí đó khác nhau thế nào?

Đáp:

Lực thị xứ , phi xứ
Cho đến vô úy đầu
Phải biết mười trí Phật
Còn lại khác trong đây.

Lực Thị xứ, phi xứ cho đến Vô úy đầu, phải biết là mười trí của Phật: Nếu là mười trí của lực xứ, phi xứ, như vậy, pháp Vô úy đầu tiên như ta là bậc chánh biến tri v.v... Như vậy, nói rộng thì vô úy đó cũng có mười trí. Vì sao? Vì chính đang nhận lấy. Ngoài ra, sự khác nhau trong mười trí này là sự khác nhau của lực xứ, phi xứ. Lực khác là sự khác nhau của pháp không sợ ban đầu và pháp không sợ khác.

Hỏi: Vì sao Đức Phật tạo lập ra nhiều loại khác nhau?

Đáp: Đức Phật tùy theo xứ sở, mà giáo hóa chúng sinh, nên lập ra nhiều loại khác nhau. Có người tin ưa thì nói rộng, không ưa thì nói chung. Có người thích nói lược. Nghĩa của lực, là thuận theo sự ưa muốn của mình, nghĩa là có khả năng thành tựu, đó là nghĩa lực. Nghĩa không chướng ngại là nghĩa lực, nghĩa năng chế ngự là nghĩa lực, nghĩa không thể xâm lấn là nghĩa lực, nghĩa có khả năng xâm đoạt người khác là nghĩa lực.

Lực của xứ, phi xứ kia là quyết định không ngại trong nhân quả, đó gọi là lực của xứ, phi xứ.

Tự nghiệp trí lực là báo nhân của việc thiện, bất thiện nghiệp xứ, hoặc nhiều, hoặc ít, hoặc nhất định, hoặc không nhất định. Trí vô ngại trong các nghĩa như thế... gọi là Tự nghiệp trí lực.

Thiền giải thoát Tam muội, chánh thọ trí lực: Tên gọi, tự tánh của thiền v.v… này đã được phương tiện thuộc về có phần vị, tịnh, vô lậu, thoái, trụ thắng đạt. Nếu trí vô ngại trong các nghĩa như thế v.v... thì gọi là định lực.

Căn sai biệt trí lực: Nghĩa là đối với căn cơ, trung, thượng của chúng sinh, đều có khả năng biết được. Nếu trí vô ngại thì gọi là Căn sai biệt trí lực.

Chủng chủng giải trí lực: Nghĩa là trí lực tự hiểu biết mọi dục lạc, thiện ác hạ trung thượng của chúng sinh, một cách không ngăn ngại. Đó gọi là chúng sinh giải trí lực.

Chủng chủng tánh trí lực: Nghĩa là biết tánh của chúng sinh, biết tánh sai biệt của pháp. Nếu trí không chướng ngại, đó gọi là chủng chủng tánh trí lực,

Nhất thiết chí xứ đạo lực: Nghĩa là tất cả nghiệp chuyển biến sanh tử,

có khả năng dứt hết thảy pháp sinh, biết rõ trí không chướng ngại, đó gọi là Chí xứ đạo trí lực.

Ức túc mệnh trí lực: Nghĩa là trí lần lượt nhớ biết về sự sống, chết của mình, của người trong quá khứ một cách không chướng ngại. Đó gọi là Ức túc mệnh trí lực.

Sinh tử trí lực: tức trí nhận thấy sự nối tiếp nhau của chúng sinh ở vị lai một cách không chướng ngại. Gọi đó là Sinh tử trí lực.

Lậu tận trí lực: Nghĩa là nếu lậu dứt hết, phương tiện của lậu cũng dứt hết, mà trí không bị chướng ngại, đó gọi là Lậu tận trí lực.

Đây là mười lực của Như lai, Vô úy thì như trong kinh có nói rộng. Nghĩa không yếu hèn là nghĩa Vô úy, nghĩa không e sợ là nghĩa Vô úy, nghĩa không trốn tránh là nghĩa Vô úy, nghĩa không thấp hèn là nghĩa Vô úy. Như sư tử với sức mạnh mẽ đầy đủ của mình, không nhờ ở bạn. Như sư tử không sợ, là nghĩa Vô úy.

Hỏi: Kiến của vô ngại biện, cũng là tánh của trí. Sự sai biệt của mỗi loại thế nào?

Đáp:

Pháp biện - Từ biện một
Nhạo - Nghĩa biện đều mười
Bảy trí là nguyện trí
Do người trí nói ra.

Pháp biện, Từ biện một: Pháp Vô ngại biện tài là đối với câu, vị đều biểu hiện ở trước. Nếu trí đối với câu, vị ấy không ngăn ngại thì gọi là Pháp vô ngại, là Thế trí.

Từ vô ngại biện tài: Nghĩa là phương tiện ngôn ngữ, chánh hay không chánh tùy theo phong tục địa phương, nếu trí không bị chướng ngại, đó gọi là Từ vô ngại; cũng là Thế trí.

Nhạo nghĩa biện tài đều có mười: Nghĩa là ưa nói, không bị ngăn ngại, tức là nghĩa của pháp và lời tương ưng nhau, tùy ý phát ra lời nói hùng hồn, không yếu ớt, nói lên các thuyết, nếu trí không bị ngăn ngại, đó gọi là ưa nói không ngăn ngại (Nhạo thuyết vô ngại), Biện tài này có mười trí.

Nghĩa vô ngại biện tài: Nghĩa là đối với tự tướng và cộng tướng của pháp, nếu trí không bị ngăn ngại, gọi là Nghĩa vô ngại biện tài; cũng đủ mười trí, vì có khả năng thọ nhận tướng chân thật.

Hỏi: Nguyện trí có bao nhiêu trí?

Đáp: Nguyện trí có bảy trí, do người trí nói ra, lời nguyện ước, được

vận chuyển đầu tiên, vì nghĩa ưa muốn vận chuyển, nên gọi là nguyện trí. Về bảy trí đó, theo Luận sư nước Kế-tân nói, là trừ Tha tâm trí, Tận trí và Vô sinh trí.

Phẩm 7: ĐỊNH (Phần đầu)

Như vậy đã biết về các trí, nay sẽ nói về nghĩa nương dựa của trí,

Trí nương vào tam-muội
Vận chuyển không ngăn ngại
Thế nên tư duy định
Để tìm tướng chân thật.

Trí nương vào tam-muội, vận chuyển không trở ngại, nghĩa là như ngọn đèn nương vào tim và dầu sạch, tránh chỗ có gió, dao động, thì ánh lửa đèn sẽ yên và rất trong sáng. Tam-muội nương vào trí cũng vậy, phải tránh các thứ gió thì chuyển không chướng ngại, tâm người đó bất động, là nghĩa như vậy. Chuyển hành đến với duyên, không có sự ngờ vực, mê lầm.

Thế nên, tư duy định là để tìm tướng chân thật, nghĩa là nếu không có định, thì không thể phát sinh trí chân thật. Không có việc lìa trí chân thật mà có thể hướng đến Niết-bàn. Cho nên, người mong tìm tướng chân thật thì phải biết tam-muội. Tam-muội là gì? Đó là khéo nhất tâm, là nghĩa căn tối thắng. Như vậy, một căn chuyển thì tâm thiện của mình nối tiếp, gọi là nhất tâm. Tối thắng: Hoặc là gọi tên cảnh giới. Như vậy, một duyên chuyển thì tâm thiện nối tiếp, gọi là nhất tâm.

Hỏi: Tam-muội là gì? Làm sao biết được?

Đáp:

Quyết định nói bốn thiền
Và với định Vô Sắc
Trong đó nói từng thứ
Có vị, tịnh, vô lậu.

Quyết định nói bốn thiền và định Vô Sắc: Nghĩa là nói lược có tám thứ tam-muội gồm nhiếp tất cả tam-muội.

Trong đó nói từng thứ, có vị, tịnh, vô lậu: Nghĩa là trong đó, mỗi tam muội đều có ba thứ: vị tương ưng, tịnh, vô lậu.

Hữu lậu thiện gọi tịnh
Không nóng là vô lậu
Có vị tương ưng ái

Hữu đảnh chẳng vô lậu.

Hữu lậu thiện gọi là tịnh: Nghĩa là trong điều thiện đó, nếu là thiện hữu lậu, phải biết gọi là tịnh.

Không nóng bức, gọi là vô lậu, tức là: Nếu người đã lìa bỏ phiền não, phải biết là vô lậu.

Hỏi: Nếu vô lậu là thiện thanh tịnh bậc nhất, thì vì sao phiền não thế gian tiếp nối nhau nói là tịnh, không gọi vô lậu là tịnh?

Đáp: Vô lậu, không đợi phải nói, tự biết là tịnh. Pháp thanh tịnh của thế gian nếu không phô bày thì mọi người không biết. Vì muốn thành tựu pháp ấy nên nói lìa phiền não, chớ không trái với thế gian, vì có khả năng dẫn dắt đến vô lậu. Do vậy, nên nói là Tịnh.

Có vị: Tương ưng ái: Nghĩa là nếu tam muội tương ưng với ái, thì đó là tương ưng với vị. Cũng có tương ưng với phiền não khác như kiến chấp, nghi ngờ, tăng thượng mạn trong thiền v.v... Người tu định với lực trói vào duyên, là tương ưng với ái của Thiền chứ không phải phiền não khác cùng tương ưng, không phải phiền não khác có khả năng duyên ràng buộc tâm như vậy, giống như ái bị tam-muội duyên vào ràng buộc.

Hữu đảnh không có vô lậu: Là Hữu đảnh có tương ưng vị tịnh, không phải vô lậu, vì không nhanh nhẹn, nhạy bén. Thánh đạo mới lanh lợi, nhạy bén.

Hỏi: Thiền này có những tánh gì?

Đáp:

Năm chi có giác, quán
Cũng lại có ba thọ
Các thứ bốn tâm kia
Đây gọi là Sơ thiền.

Năm chi: Vì dứt trừ năm chi, nên gọi là năm chi.

Hỏi: Dứt trừ chi còn có thiền chăng?

Đáp: Không đúng. Vì mỗi chi kia là thiền, mỗi thiền đều làm chi lẫn nhau, nghĩa phải phân biệt: Nghĩa chia ra là nghĩa chi, như chi xe, như chi vua.

Hỏi: Chi là gì?

Đáp: Giác, quán, hỷ, lạc và nhất tâm. Giác là nghĩa chánh thọ, bắt đầu phân biệt, tâm thô lanh lợi hẳn lên. Quán là tâm thô thuận theo pháp tiếp nối nhau, nói là tâm tế; là nghĩa tâm nhỏ nhiệm vi tế. Hỷ là tâm vui vẻ trong định. Lạc là niềm vui của thân, tâm, do lìa bỏ sự thô nặng, dựa vào

hơi thở là phương tiện điều hòa của tâm. Nhất tâm là buộc tâm vào một duyên, có giác có quán.

Hỏi: Trước đây nói năm chi, vì sao nay lại nói có giác, có quán?

Đáp: Trước nói chi là thiện. Đây nói có giác, có quán, là cấu uế. Ba thọ: Trong Sơ thiền có ba thọ, đó là Lạc căn của ba thức thân,

Hỷ căn của Ý địa, và Xả căn của bốn thức thân.

Các thứ kia, nghĩa là các thứ thân của Phạm thế, là thân trên, dưới của Phạm thế. Do năng lực của giác quán, nên sinh. Bốn tâm, nghĩa là Sơ thiền có bốn tâm: Mắt, tai, thân và ý thức. Đó gọi là Sơ thiền, nghĩa là các pháp này là nói về Sơ thiền, đều sinh chánh thọ, thuộc về thiền này.

Thứ hai có bốn chi
Các thứ và hai thọ
Thứ ba có năm chi
Thiền này nói hai thọ.

Thứ hai có bốn chi: Nói tịnh nghĩa là tin tưởng. Lìa bỏ ham muốn của Sơ thiền, vì quyết định lỗi lầm của cõi, địa nên chánh tín. Hỷ, lạc và nhất tâm, chúng không chung với các thứ thân. Vì sao? Vì không có giác quán, nên thành tựu các thứ tâm. Có lúc Hỷ căn hiện ở trước, đôi khi Xả căn hiện ở trước. Hỷ căn là căn bản còn Xả căn ở vị lai.

Hai thọ là Hỷ căn, Xả căn nhất định thuộc về lĩnh vực của ý. Những việc như vậy là nói Nhị thiền.

Thứ ba có năm chi, thiền này nói có hai thọ, nghĩa là Tam thiền có năm chi: Xả, niệm, an, tuệ, lạc, nhất tâm. Vì mê đắm vui (lạc) nên không mong cầu gì nữa; gọi đó là Xả hộ. Lấy hoan hỉ làm thức ăn, nên gọi là Niệm. Sợ hoan hỷ của Nhị thiền lôi kéo địa mình phạm lỗi. Tuệ là tất cả pháp đối trị với lạc dục thù thắng ở thế gian và chánh trí. Lạc là lạc căn của ý địa. Nhất tâm gọi là định. Hai thọ là Lạc căn, Xả căn. Trong đó Lạc căn, Xả căn của hai thọ, những pháp đó là nói thiền thứ ba.

Lìa hơi thở ra vào
Thứ tư có bốn chi
Chi được gọi là thiện
Tùy việc như trước nói.

Lìa hơi thở ra vào, thứ tư có bốn chi, nghĩa là Tứ thiền không có hơi thở ra vào, chỉ do năng lực của tam-muội, vì thân của họ không có lỗ chân lông. Bốn chi là thọ không khổ, không vui, Xả niệm, Thanh tịnh, Nhất tâm.

Hỏi: Ba thứ như vị tương ưng v.v… Thiền đều thành tựu chăng?

Đáp: Chi, có nghĩa là thiện, Thiền thiện tương ưng với chi, nên biết

không phải cấu uế.

Hỏi: Trong sự cấu uế không có chi. Vì sao?

Đáp: Trong Sơ thiền không có ly sinh hỷ, lạc.

Hỏi: Trong cấu uế cũng có hỷ, vì sao nói không có chi tương ưng?

Đáp: Vì dựa vào lạc, Sơ thiền kia đã lìa bỏ sinh, tương ưng với hỷ, nên nói là ly sinh hỷ lạc. Đây một hướng thiện, cho nên không có cấu uế. Ngoài ra thì có hỷ; đối với sự có hỷ này, không phải chi mà là cấu uế.

Nhị thiền không có nội tịnh thì phiền não vẩn đục, loạn động, dựa vào lạc là trước tiên phải xả phiền não. Cho nên trong Tam thiền, không có suy niệm, an tuệ. Và vì lạc tối thắng làm mê hoặc tâm nên không có suy niệm. Dù có suy niệm, thì cũng thất niệm, cho nên không phải chi, không yên ổn. Vì không yên ổn nên không phải chi. Xả cũng không có. Vì hoàn toàn thiện nên trong Tứ thiền là trừ bỏ. Vì sao? Vì có hai thứ bình đẳng. Thiền thứ tư không có xả, niệm thanh tịnh thì không phải thiện; không có xả, phiền não nhiễm ô thì niệm không thanh tịnh. Vì thế không phải chi. Hoặc là thất niệm nên cũng không phải là chi.

Tùy việc như trước đã nói: Nếu việc là thiện, thì như đã nói trong Thiền. Nếu cấu uế trong Thiền không loại trừ ra, thì cũng phải nói cấu uế trong Thiền. Như Giác, quán, nhất tâm trong Sơ thiền kia, vì người khác muốn lập Hỷ, cho nên là cấu uế. Vì vậy Sơ thiền có bốn chi.

Với hỷ, nhất tâm của Nhị thiền, vì người khác muốn lập tín, cho nên Nhị thiền có ba chi. Với hỷ nhất tâm của Tam thiền, vì người khác muốn lập niệm tuệ, nên Tam thiền có bốn chi. Sự không khổ, không vui, nhất tâm của Tứ thiền, cũng có người muốn thành lập sự suy niệm, nên Tứ thiền có ba chi. Vì gồm nhiếp tất cả, nên nói chi là thiện.

Hỏi: Đã nói Sơ thiền có giác, có quán, thiền vị lai, thiền trung gian thuộc về Sơ thiền, trong chúng có giác, quán là như thế nào?

Đáp:

Tương ưng có giác, quán
Trí nói Vị lai thiền
Quán tương ưng: Trung gian
Do Bậc Minh trí nói.

Tương ưng với có giác, có quán, Bậc Trí nói là Vị lai thiền, nghĩa là thiền vị lai nương vào có giác, quán. Quán tương ưng Trung gian thiền, do Bậc Minh trí đã nói, nghĩa là Trung gian thiền có quán, không có giác. Vì sao? Vì địa dừng nghỉ. Theo thứ lớp phương tiện, sự nối tiếp của con người

được dừng nghỉ (nghỉ ngơi).

Hỏi: Tự tánh của vị lai, trung gian thiền là gì?

Đáp:

Vị lai: hai tự tánh
Hoặc lìa vị tương ưng
Trung gian thiền: ba tánh
Hai đều có một thọ.

Vị lai thiền: hai tánh, hoặc lìa vị tương ưng: là hai tánh: vô lậu, tịnh thuộc vị lai thiền, không có tánh vị tương ưng. Có yêu thích (ái) chánh thọ (định) mới có tánh tương ưng với vị (vị thiền). Vì không sai mê trong cái đạo chán lìa dục, thế nên không có tánh tương ưng với vị Thiền; vẫn còn yêu thích thọ sinh, không trừ bỏ. Vì sao? Vì sự trói buộc liên tiếp của cõi, nên vị lai thiền cũng theo đó mà bị trói buộc.

Trung gian thiền: ba tánh là Tịnh, Vô lậu và Vị tương ưng.

Hai đều có một thọ, tức vị lai Trung gian thiền đều có một thọ là Xả căn.

Hỏi: Vì sao Vị lai thiền không có hỷ?

Đáp: Vì có lo sợ, vì gần cõi Dục, vì hành giả kia còn lo sợ nên trong Vị lai thiền không phát sinh hỷ. Vì việc làm chưa rốt ráo nên sự phát động lìa bỏ cõi Dục chưa được xong. Vì thế, việc làm chưa rốt ráo người này không thể sinh hỷ. Vả lại, vì có sự dừng nghỉ trong chốc lát, Trung gian thiền cũng đình chỉ trong giây lát, nên trong thiền đó cũng không có hỷ.

Đã nói các địa, nay sẽ nói về công đức trong các địa đó.

Tam muội thông - Vô lượng
Tất cả nhập xứ, tu
Trừ nhập và các trí
Giải thoát, khởi trong đó.

Tam-muội: Là ba tam-muội: Không, Vô nguyện, Vô tướng. "Không" có hai thứ: hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu: Nghĩa là tư duy pháp hữu lậu, vô lậu là không, vô ngã. Vô lậu là tư duy pháp hữu lậu là không, vô ngã.

Tam muội Vô nguyện cũng có hai thứ, Hữu lậu và vô lậu tam muội. Hữu lậu là tư duy về các hành của đạo, nhân vô thường, khổ, của pháp hữu vi. Tam muội vô lậu là tư duy về các hành của đạo, nhân vô thường, khổ của pháp hữu lậu.

Tam muội vô tướng là sự tư duy về các hành như diệt, v.v... Nếu tam muội hữu lậu, vô lậu, thì trong đấy, hoàn toàn chọn lấy vô lậu, cần nên biết.

Thông là sáu thông, như phẩm Trí đã nói.

Vô lượng là bốn vô lượng: Từ, bi, hỷ, xả. Là duyên với vô lượng chúng sinh này, nên gọi là vô lượng.

Từ, nghĩa là muốn cho tất cả chúng sinh đều được vui, tâm tưởng như vậy, nên là đối trị với sân khuể. Chính là tánh của thiện căn vô sân nên gọi là Từ.

Chúng sinh khổ, làm thế nào để cứu thoát? Tưởng như vậy, sẽ đối trị với hại, chính là tánh của thiện căn Vô sân nên gọi là Bi.

Làm sao tùy hỷ với chúng sinh? Tưởng như vậy, chuyển là đối trị tánh ganh ghét. Vì là hỷ căn nên gọi là Hỷ.

Xả, là tưởng xả chúng sinh. Tâm như vậy chuyển chính là đối trị với ái dục, sân khuể là tánh của thiện "Căn Vô si", gọi là xả. Tất cả đều là bạn chung, phương tiện chung.

Tánh của bốn ấm trong cõi Dục, tánh của năm ấm trong cõi Sắc, tu tất cả nhập, nghĩa là mười nhất thiết nhập, như trong Tu-đa-la nói Tánh của tám căn thiện không tham trong đó, đối trị với tham. Và tánh năm ấm của bạn và phương tiện, đối với tánh bốn ấm trên, tiếp nối nhau, không đứt quãng, không có thiếu kém. Để cho ý hiểu biết được rộng, nên nói tất cả nhập xứ. Trừ nhập là tám trừ nhập, như trong kinh nói: Vì tất cả không tham kia, đối trị với tham và bạn, phương tiện. Cõi Dục là bốn ấm, cõi Sắc là năm ấm, vì năng đoạt duyên, nên gọi là trừ nhập, rất tăng thượng, rất sáng suốt, rất hơn hết, duyên với căn thiện này, nên mau được trừ nhập. Như kẻ tôi tớ, dù có trang điểm đi nữa, vẫn bị chủ khi dễ. Hoặc nói, không phải tất cả bậc Thánh đều xem thường duyên. Năm ấm kia duyên theo phiền não, không thể sinh khởi, nên gọi là trừ nhập.

Trí là mười trí, như phẩm Trí đã nói.

Giải thoát là tám giải thoát, như kinh nói: Ba giải thoát đầu là thiện căn không tham, vì đối trị tham, nên bạn chung, phương tiện chung là tánh của năm ấm. Bốn giải thoát vô sắc, tánh thuộc bốn ấm. Diệt tận định thuộc tánh ấm bất tương ưng hành.

Hỏi: Giải thoát có nghĩa gì?

Đáp: Đoạn dứt tâm sau cùng, không còn hiện tiền, gọi là giải thoát. Ba giải thoát đầu là bỏ tham sắc để lại sau lưng (tham bối xả), là Tịnh - Bất tịnh bối xả. Đối với bốn loại ở cõi trên (Vô sắc) tất cả hành chuyển bỏ lại sau lưng; tưởng, thọ diệt, tất cả duyên chuyển thành bỏ lại sau lưng và đoạn dứt cuối cùng (Diệt tận định). Ở trong đó phát khởi, là công đức giải thoát thuộc về Tam muội được sinh khởi ở trong Thiền.

Đã nói công đức thuộc phần giải thoát, nay sẽ nói tùy theo mỗi địa mà có công đức nào.

Năm thông trong bốn thiền
Và thấy Tha tâm trí
Trong sáu, có Pháp trí
Trong năm ba vô lượng.

Năm thông trong bốn thiền, là năm thông gồm nhiếp chi, thọ, Tam-ma-đề.

Và thấy Tha tâm trí, là Tha tâm trí cũng như vậy. Trong sáu có pháp trí, là sáu địa của pháp trí: bốn thiền căn bản, trung gian và vị lai.

Trong năm có ba vô lượng: Nghĩa là trừ hỷ vô lượng trong năm địa: Bốn thiền và cõi Dục.

Trong trừ nhập, nói bốn
Cùng với hỷ vô lượng
Cũng hai thứ giải thoát
Sơ thiền và Nhị thiền.

Bốn trừ nhập đầu và hỷ vô lượng, giải thoát Sơ thiền và Nhị thiền. Vì đối trị sắc tham của cõi Dục thuộc Sơ thiền, Nhị thiền. Trong Sơ thiền, lập hai giải thoát, bốn trừ nhập, vì đối trị sắc tham của địa Sơ thiền.

Nhị thiền lập hai giải thoát, bốn trừ nhập. thiền không có sắc tham Nhị. Vì sao? Vì nhãn thức thân không có.

Tam thiền không lập giải thoát, cho nên trong thiền này cũng không lập trừ nhập và tất cả xứ. Muốn nhập vào giải thoát thì nhập trừ nhập, muốn nhập trừ nhập thì nhập tất cả xứ. Thiền thứ ba bị lạc (vui thích) mê hoặc, nên họ không thể phát sinh căn thiện như vậy. Hỷ căn cũng như thế. Cho nên, công đức này chỉ ở trong Sơ thiền, Nhị thiền chứ không phải ở thiền khác.

Còn có bốn trừ nhập
Cùng với một giải thoát
Cũng nhập tất cả nhập
Phật nói thiền sau cùng.

Tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau và tám nhất thiết xứ, là ở Tứ thiền, không phải thiền khác.

Thoát khác, tự gọi thuyết,
Hai nhất thiết cũng vậy
Diệt tận, ở sau cùng
Còn chín địa vô cấu.

Sự giải thoát khác, tự gọi thuyết: Nghĩa là giải thoát vô biên hư không xứ, cho đến giải thoát Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Hai, nhất thiết cũng vậy: Hai nhất thiết còn lại là theo tên gọi mà nói, Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ.

Diệt tận ở sau cùng, quyết định thuộc Hữu đảnh. Thuận theo đoạn ở phía sau cùng. Tức, thứ lớp từ địa dưới, đoạn tâm, tâm số pháp, cho đến địa Phi tưởng phi phi tưởng, rồi bắt đầu dứt thượng thượng, kế là dứt thượng trung, sau dứt hạ hạ. Tất cả dứt rồi, là định Diệt tận. Chín địa vô cấu khác, hoặc công đức Vô lậu khác, đó là ba tam-muội, bảy trí và lậu tận thông. Trong chín địa là trong Tứ thiền ba Vô sắc, vị lai, trung gian. Thế trí, ở Hữu đảnh cũng có. Cho nên nói là khắp tất cả địa.

Ba giải thoát, phải biết
Hữu lậu và vô lậu
Định, Trí thông đã nói
Ngoài ra đều hữu lậu.

Ba giải thoát, phải biết là hữu lậu và vô lậu: Nghĩa là Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Bất dụng xứ giải thoát, phải biết là hữu lậu, vô lậu, Định Trí Thông đã nói, nghĩa là phẩm Định Tu-đa-la sẽ nói rộng về Định, vô lậu, Thần thông, Trí thì đã nói trong phẩm Trí.

Ngoài ra, đều là hữu lậu, nghĩa là vì oai nghi của ba Thông như vậy, vì thọ nhận sắc thanh tự tướng, vì duyên với vô lượng chúng sinh, tất cả trừ nhập, ba giải thoát đầu, vì tất cả tín giải, niệm xứ kia, vì Phi tưởng Phi phi tưởng không phải là hành lanh lợi, nhạy bén. Vì tưởng, thọ diệt không có tuệ, nên đều là hữu lậu.

-oOo-

A TỲ ĐÀM TÂM LUẬN KINH

QUYỂN 5

Phẩm 7: ĐỊNH (Phần cuối)

Đã nói tự tánh của công đức, cũng đã nói hữu lậu, vô lậu. Nay sẽ nói việc thành tựu công đức.

Phải biết chưa lìa dục
Thành tựu vị tương ưng
Lìa dưới, chưa đến (địa) trên
Thành tựu các định tịnh.

Phải biết chưa lìa dục, thành tựu vị tương ưng, nghĩa là hoặc người, hoặc địa này chưa lìa dục thì thành tựu vị tương ưng của địa ấy. Lìa địa dưới, chưa đến địa trên, chỉ là thành tựu định tịnh, là lìa dục cõi Dục, chưa sinh lên cõi trời Phạm thế trong Nhị thiền v.v... Lìa dục hay không lìa dục, chỉ là thành tựu Sơ thiền thanh tịnh và công đức thiện khác của địa ấy.

Trụ địa trên, phải biết Thành tựu vô lậu dưới Phương tiện sinh công đức Phải biết không lìa dục.

Trụ địa trên, phải biết là thành tựu vô lậu của địa dưới: Nghĩa là bậc Thánh sinh lên cõi trời Phạm Thế, thành tựu Sơ thiền vô lậu và vô lậu khác. Thần thông tam muội và các công đức như trí, v.v... công đức hữu lậu của địa đó, ràng buộc chỗ sinh. Vô lậu cắt đứt sự buộc ràng, nên lìa chỗ sinh, Xả hữu lậu, không phải vô lậu. Như vậy, tất cả địa đều tùy thuộc nghĩa mà nói.

Phương tiện sinh ra công đức, phải biết không lìa dục, nghĩa là đã nói lìa dục của địa dưới, thành tựu các công đức thì phải biết nói được thành tựu là không hiện ra ở trước. Phương tiện hiện ra ở trước nghĩa là địa đó không lìa dục. Phương tiện được: Là như thiên nhãn, thiên nhĩ, vì chúng là vô ký, không thuộc về tương ưng vị tịnh vô lậu. Thế nên, lúc được ba thứ thiền kia, không được định Diệt tận. Định Diệt tận là phương tiện. Định đó được hai mươi ba thứ chánh thọ hiện ở trước. Tám vị tương ưng với tám tịnh, bảy vô lậu.

Hỏi: Trong mỗi loại kia có bao nhiêu nhân?

Đáp:

Chỗ gọi định vô lậu
Mỗi định có bảy nhân
Thiền tịnh, vị tương ưng
Nên biết có một nhân.

Cái gọi là định vô lậu, mỗi định đều có bảy nhân: Mỗi vô lậu đều có bảy thứ. Trong vô lậu, tự phân ra tự địa của nhân trong nhân, nghĩa là cũng là nhân tương ưng, cộng sinh. Thiền tịnh vị tương ưng, phải biết có một nhân, nghĩa là vị tương ưng với Sơ thiền, là nhân của Sơ thiền vị tương ưng chứ không phải nhân khác. Vì nhân của Sơ thiền, không tương tợ chứ không phải là nhân cấu uế của địa khác, hành trái nghịch. Không phải hành cấu uế trái nghịch, cũng không phải là phần của mình. Như vậy, tịnh Sơ thiền là nhân của tịnh Sơ thiền, không phải cấu uế, không phải vô lậu. Vì sao? Vì không có tương tợ, không phải nhân tịnh của địa khác. Vì quả báo của địa mình và vì sự ràng buộc của địa mình nên tất cả như vậy.

Hỏi: Theo trình tự mỗi thiền vô lậu sinh ra bao nhiêu thứ?

Đáp:

Thiền vô lậu Vô Sắc
Ngược, xuôi vượt thứ lớp
Thứ lớp sinh sáu thứ
Phải biết cho đến mười.

Sơ thiền vô lậu, theo trình tự sinh ra sáu thứ. Địa mình tịnh và vô lậu. Nhị thiền, Tam thiền như vậy, siêu việt chánh thọ như vậy. Vô sở hữu xứ vô lậu, theo trình tự sinh ra bảy thứ: địa mình hai, địa dưới bốn, địa trên một. Nhị thiền vô lậu, theo trình tự sinh ra tám thứ: địa mình hai, địa Sơ thiền hai, địa trên bốn. Vô biên thức xứ Vô lậu, theo trình tự phát sinh chín thứ: Địa mình hai, địa dưới bốn, địa trên ba. Vô lậu khác, theo trình tự sinh mười thứ: Địa mình hai, địa dưới bốn, địa trên bốn.

Hoặc sáu đến mười một Là tịnh thứ lớp sinh

Từ hai cho đến mười Phải biết nói có vị.

Hoặc sáu đến mười một, là tịnh thứ lớp sinh: Nghĩa là Phi tưởng Phi phi tưởng xứ tịnh theo lớp phát sinh sáu thứ: Địa mình vị tương ưng và tịnh, bốn địa dưới là tịnh và vô lậu chứ không phải Vị tương ưng vì đã lìa dục.

Sơ thiền tịnh theo trình tự sinh bảy: Địa mình ba, địa trên bốn là tịnh và vô lậu.

Bất dụng xứ, tịnh theo trình tự sinh tám: Địa mình ba, địa trên một,

địa dưới bốn.

Nhị thiền tịnh theo trình tự sinh chín. Vô biên thức xứ theo trình tự sinh mười, thiền khác sinh mười một. Tất cả là như vậy.

Phải biết, lúc chánh thọ mới nói như vậy, chứ không phải lúc chết. Thế nên, trong thiền kia, vị tương ưng với địa trên, địa dưới không gồm nhiếp, không sinh mà được tịnh theo trình tự vị tương ưng với địa trên, địa dưới sinh ra.

Từ hai cho đến mười, phải biết nói có vị, nghĩa là Sơ thiền vị tương ưng, theo trình tự sinh hai: Vị tương ưng và tịnh của địa mình vì chúng không trái nhau. Vị tương ưng với Hữu đảnh, vị tương ưng theo trình tự sinh ra mười, lúc chánh thọ ba, địa mình hai và địa dưới tịnh, vì phiền não của địa mình đã gây phiền não, dựa vào địa tịnh của Bất dụng xứ để tự cứu hộ.

Tất cả địa như vậy, địa dưới tịnh có ba và lúc chết địa trên lui xuống, địa dưới, tất cả vị là vị tương ưng.

Hỏi: Trước đã nói chánh thọ, về phiền não nay sẽ nói chăng?

Đáp: Theo trình tự của tịnh, chánh thọ. phiền não là nói vị tương ưng và thọ phát sinh phiền não. Vì sao? Vì sức phiền não sinh, không phải là sức của định. Cho nên trong đây nói tất cả phiền não thanh tịnh, chắc chắn là do sức của định, nên nói chung chánh thọ phiền não.

Hỏi: Trong mỗi một địa duyên với bao nhiêu thứ?

Đáp:

Thiền tịnh và vô lậu
Chuyển trong tất cả địa
Pháp hữu lậu địa mình
Vị tương ưng sở duyên.

Thiền tịnh và vô lậu, chuyển trong tất cả địa: Nghĩa là thiền tịnh và vô lậu duyên với hết thảy địa, tất cả việc.

Pháp hữu lậu của địa mình, vị tương ưng sở duyên: Nghĩa là thiền có vị tương ưng, duyên với vị tương ưng của địa mình và tịnh, không phải vô lậu. Vì sao? Vì chẳng phải duyên của vô lậu. Có ái cũng không phải ái địa khác.

Vô Sắc thì không hành
Đối với hữu lậu dưới
Hoặc thiện căn bản kia
Cấu uế như thiền vị.

Cõi Vô sắc thì không hiện hành đối với sự hữu lậu ở địa dưới mình. Nghĩa là chánh thọ của cõi Vô sắc không duyên với pháp hữu lậu của địa dưới. Vì sao? Vì địa dưới không vắng lặng, cũng duyên với vô lậu của địa dưới, như phần của tỷ trí.

Hỏi: Tất cả hữu lậu đều không duyên với địa dưới chăng?

Đáp: Không đúng, vì nếu căn bản của hữu lậu đó là thiện, nếu căn bản Vô Sắc là tịnh, không có vô lậu thì pháp đó duyên với địa mình và địa trên, không duyên với thiền vị lai của địa dưới. Nếu duyên với địa dưới thì địa dưới đó phải có tưởng thô sơ, nhàm chán, lìa bỏ cấu uế. Như thiền vị, có nghĩa như nói vị tương ưng với thiền. Sự cấu uế của Vô Sắc cũng như vậy.

Nếu cõi Sắc có dư

Công đức như Vô lượng v.v... Cảnh giới cõi Dục kia

Là lời Thế Tôn nói.

Nếu công đức cõi Sắc: Nghĩa là bốn Vô lượng, Nhất thiết xứ v.v... pháp đó duyên với cõi Dục. Vì sao? Trừ Thần thông, gọi là Vô lượng v.v...? Vì năm thần thông kia duyên với cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Như trước nói, trong huân Thiền tu trí, thế nào gọi là huân?

Đáp:

Nếu năng huân các thiền
Thì căn cứ Tứ thiền
Ái ba địa đã hết
Tịnh cư chỉ Quảng Quả.

Nếu năng huân các thiền, thì căn cứ vào Tứ thiền, nghĩa là được Tứ thiền là được năng huân các Thiền chứ không phải thiền khác. Người đó, thường nhập Tứ thiền vô lậu, khởi hiện vô lậu, thường nhập thiền hữu lậu, rồi trở lại nhập vô lậu, nhập hữu lậu, dần lược cho đến trụ trong hai sát-na. Với phương tiện như vậy, hoặc một tâm vô lậu, hoặc một tâm hữu lậu, thời gian một niệm hữu lậu, một niệm vô lậu này, hai niệm một hữu lậu, một vô lậu là nói thành tựu.

Hỏi: Xứ nào được quả này?

Hỏi: Trên cõi trời Tịnh cư. Vì sao? Vì ái của ba địa đã hết, Tịnh cư chỉ có Quảng Quả. Được Tứ thiền, lìa ái của ba địa, cho nên người đó được Tứ thiền. Phàm phu trong Quảng Quả, Tịnh Cư cùng huân tu thiền, không tu chung với phàm phu, sẽ có năm thứ: Hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Như vậy năm thứ kia, đó là trời Bất Quảng, trời Vô Nhiệt,

trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện và trời Sắc Cứu Cánh, thế nên, được quả trong các xứ đó.

Hỏi: Như trước nói bảy thứ nguyện trí, trí này thế nào?

Đáp:

Vô trước, Bất động pháp
Được tất cả chánh thọ
Sức trí tam muội kia
Hay khởi đảnh Tứ thiền.

Phiền não của người kia, không thể ép ngặt, vì tâm nối tiếp nhau, với sức của tất cả chánh thọ. Vì tâm nối tiếp nhau sinh khởi, nên được ba công đức, đó là nguyện trí, vô tránh và vô ngại.

Nguyện trí: Là nếu muốn biết quá khứ, vị lai, hiện tại và vô vi, thì hành giả lúc đó trụ chánh thọ của Tứ thiền, có khả năng biết. Vô tránh là không muốn dấy lên phiền não tranh cãi tiếp tục đối với người khác, người ấy ở trong sự tiếp nối của người khác không khởi lên phiền não tranh chấp. Vô ngại, như đã nói ở trước.

Hỏi: Nguyện trí thuộc về địa nào?

Đáp:

Ba địa có Nguyện trí
Vô tránh trong năm địa
Pháp Từ biện hai địa
Hai biện nương chín địa.

Ba địa có Nguyện trí: Trong Sơ thiền, Tứ thiền và cõi Dục, quyết định được Nguyện trí trong Tứ thiền. Cõi Dục chỉ có trong loài người, mới có khả năng khởi lên tâm lời nói tương ưng với Phạm thế, cõi Dục. Vì xứ đó có dấy khởi tâm và lời nói cho nên nói là ba địa. Trong năm địa vô tránh: Bốn thiền căn bản và cõi Dục. Vô tránh này nhất định được trong bốn thiền và trong loài người cõi Dục có khả năng phát sinh Vô tránh này, chứ không phải xứ khác.

Pháp Từ biện hai địa: Pháp biện ở Phạm thế, cõi Dục: Năm địa này, bốn thiền căn bản và cõi Dục, đây chỉ là danh duyên với ngôn từ, theo danh mà chuyển. Cho nên khởi việc nói năng. Nơi có giác quán, nói là Từ biện tài ở cõi Dục và Phạm thế. Vì sao? Vì duyên với nói năng.

Hai biện tài nương chín địa, là Nghĩa biện tài và Nhạo thuyết biện tài, trong cõi Dục bốn thiền và bốn định của Vô sắc. Thiền vị lai, trung gian, căn bản thuộc về Sơ thiền.

Hỏi: Được chánh thọ này là thế nào?

Đáp:

Lìa dục và thọ sinh
Mà được thiền thanh tịnh
Cấu uế lui và sinh
Vô lậu chỉ lìa dục.

Lìa dục và thọ sinh mà được thiền tịnh, nghĩa là Sơ thiền thanh tịnh có hai lúc được: Được lúc lìa dục và lúc từ địa trên mất, sinh lên Phạm thế, xả bỏ địa đã qua. Tất cả như vậy cấu uế thoái lui và sinh ra, nghĩa là thiền vị tương ưng, thối lui địa trên, được địa dưới, hoặc trong Nhị thiền, hoặc triền ràng buộc của cõi Dục, hoặc triền ràng buộc của trời Phạm thế làm cho thối lui, lúc ấy sẽ được Sơ thiền vị tương ưng.

Vị sinh đắc là Như địa trên mất, sinh cõi Dục và Phạm thế, bấy giờ sẽ được vị tương ưng với Sơ thiền tất cả như vậy. Vô lậu chỉ có lìa dục, nghĩa là thiền vô lậu do lìa dục mà được, bậc Thánh lìa dục cõi Dục, bậc Thánh đó đã được Sơ thiền vô lậu, xưa chưa được, nên nay được, tất cả đều như vậy.

Hỏi: Công đức này là gì? Có khả năng dứt trừ phiền não hay không?

Đáp:

Vô lậu trừ phiền não
Chánh thọ, trung gian ấy
Trung gian, tất cả định
Tương ưng với xả căn.

Vô lậu trừ phiền não: Nghĩa là thiền vô lậu Vô Sắc dứt trừ phiền não, chứ không phải thế tục.

Hỏi: Vì sao thế tục không dứt phiền não?

Đáp: Vì đồng một ràng buộc. Thế tục có chung một sự ràng buộc của phiền não, nên không thể tự cắt đứt phiền não của địa mình. Như người bị trói chặt, thì không thể tự cởi trói được, hoặc đối trị nó và dứt phiền não trong đó sinh.

Hỏi: Tất cả thế tục đều không thể dứt trừ phiền não chăng?

Đáp: Có thế tục có thể dứt trừ phiền não.

Hỏi: Là gì?

Đáp: là chánh thọ, trung gian. Nghĩa là thiền vị lai vẫn chưa được thiền căn bản, nếu vận dụng phương tiện, được lìa dục của địa dưới thì Sơ thiền vị lai là hữu lậu, vô lậu. Còn ngoài ra Thiền vị lai chỉ hoàn toàn hữu lậu. Vì thiền căn bản và chánh thọ của Vô sắc, nên nói thế tục không dứt

phiền não.

Hỏi: Chỗ nào là cận phần thiền?

Đáp: Trung gian của tất cả định tương ưng với xả căn, trong tất cả chánh thọ tương ưng với xả căn, vì chưa được điều mình mong cầu, nên không sinh hỷ.

Hỏi: Mặc dù nói thần thông trí chứng của cảnh giới thần túc, nhưng chưa nói là có bao nhiêu tâm biến hóa, nay sẽ nói chăng?

Đáp: Mười bốn quả Sơ thiền của cõi Dục. Địa Sơ thiền, quả Sơ thiền. Quả của Nhị thiền cõi Dục. Quả của Sơ Thiền địa Nhị thiền, quả của Nhị thiền địa Nhị thiền, cho đến thiền thứ tư cũng như vậy.

Hỏi: Thiền kia thành tựu cái gì?

Đáp:

Tâm biến hóa địa dưới
Thành tựu giống quả đó
Tùy tương ưng thức kia,
Thành tựu địa trên kia.

Tâm biến hóa địa dưới, thành tựu hạt giống của quả đó: Nghĩa là Nếu người nào thành tựu thiền thì người đó sẽ thành tựu quả của thiền ấy, với tâm biến hóa của địa dưới. Như được Sơ thiền, là địa của Sơ thiền, quả của Sơ thiền trong cõi Dục. Thành tựu tất cả như vậy, cần phải biết.

Hỏi: Trước kia ông đã nói Nhị thiền v.v... không có năm thức thân. Nếu sinh lên cõi trên, nếu muốn thấy, nghe, thì người đó làm sao thấy, nghe?

Đáp: Thức của Phạm Thế khởi hiện ra trước.

Hỏi: Vì sao ở địa trên không có thức này?

Đáp: Vì không có giác, quán.

Hỏi: Đến bao giờ thì thức kia mới thành tựu?

Đáp: Tùy thuộc vào pháp tương ưng với thức đó, địa trên của thức đó được thành tựu, cho đến pháp tương ưng với thức kia bấy giờ mới thành tựu, hoặc nhãn thức, hoặc nhĩ thức, hoặc thân thức, đều tùy thuộc vào sự khởi hiện trước mặt và lúc ấy mới thành tựu. Đến lúc thức này tắt mất, gọi là xả. Vì sao? Vì lệ thuộc ở căn.

Phẩm 8: TU ĐA LA (Phần 1)

Lời của bậc Nhất thiết trí nói ra nghĩa thật sâu xa, mầu nhiệm.

Còn lại bao nhiêu nghĩa đó, nay ta sẽ nói.

Lời Nhất thiết trí nói
Ý nghĩa rất sâu xa
Nay tôi nói ít phần
Tu-đa-la, hãy nghe.

Hỏi: Như Phật nói ba cõi, ba cõi đó là gì?

Đáp:

Cõi Dục, mười chỗ trú
Cõi Sắc nói mười bảy
Cõi Vô Sắc có bốn
Quyết định chỉ hữu ấy.

Cõi Dục mười chỗ trú đó là: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người và sáu tầng trời cõi Dục. Chủng loại của mười chỗ cư trú này, phải biết gọi là cõi Dục. Chúng sinh này, có tương dục chuyển biến, hoặc chỗ này có đầy đủ tất cả ái dục tương ưng nên gọi là cõi Dục.

Cõi Sắc nói mười bảy: Phạm Thân, Phạm Phú Lâu, Thiểu Quang, Vô Lượng Quang, Quang Diệu, Thiểu tịnh, Vô Lượng tịnh, Biến tịnh, Vô Ấm, Phước Sinh, Đại Quả, Chúng Sinh Vô Tưởng, Bất Quảng, Bất Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện và Sắc Cứu Cánh. Mười bảy chỗ cư trú này, được gọi là cõi Sắc. Tưởng dục của chúng sinh cư trú ở đây, đều không chuyển. Cõi Sắc rộng lớn đó, không có tướng nam, nữ, nên nói là cõi Sắc.

Cõi Vô Sắc có bốn, nghĩa là cõi Vô Sắc có bốn nơi cư trú: Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Trong chỗ cư trú này, sắc không sinh. Vì sao? Vì lìa sắc dục. Lại vì theo trình tự diệt, nếu trong Vô Sắc sinh ra sắc thì sẽ không có sự diệt mất theo trình tự. Nhưng vẫn có trình tự tắt mất, nếu không sẽ có lỗi sinh dục trong cõi Sắc. Vì vậy, trong Vô Sắc, không sinh ra sắc, nên nói là Vô Sắc.

Hỏi: Như Phật nói ba hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Hữu này là thế nào?

Đáp: Quyết định chỉ hữu ấy. Trước đã nói về cõi, ở đây chính là hữu.

&&&

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bảy thức trụ, thức đó ra sao?

Đáp:

Nẻo thiện là cõi Dục
Và ba địa cõi Sắc
Vô Sắc cũng ba địa
Phải biết là thức trụ.

Trong số nẻo thiện của cõi Dục, đó là Trời, người và ba địa trước của cõi Sắc, ba địa trước của cõi Vô Sắc; bảy địa này được gọi là chỗ thức trụ.

Hỏi: Vì sao ba đường ác và Hữu đảnh của thiền thứ tư không gọi là Thức trụ?

Đáp: Nếu địa, là do kiến đạo đoạn, do tu đạo đoạn, nếu không đoạn mà sinh thức thì địa đó gọi là thức trụ. Trong ba đường ác thì không gì không là sự đoạn. Chúng sinh vô tưởng trong thiền thứ tư và trời Tịnh Cư thì không có việc do thấy mà đoạn. Cho nên không thuộc thiền thứ tư. Hữu đảnh hoàn toàn là hữu lậu, nếu thức ưa trụ, thì mới gọi là thức trụ. Thức không ưa trụ trong ba đường ác. Vì sao? Vì bị khổ bức bách. Vì trời Tịnh cư hướng về Niết-bàn, nên thức không ưa trụ. Chúng sinh Vô Tưởng cũng hoàn toàn không có tâm, nên không thuộc về thiền thứ tư. Hành của Hữu đảnh không lanh lợi, nhạy bén, nên cũng không thuộc Hữu đảnh. Ba thứ chúng sinh hoặc ưa thú vui cảnh giới, ưa thích tư tưởng vui sướng. Trong số đó, chúng sinh của cảnh giới vui kia và các vị trời cõi Dục. Ưa thích tư tưởng yên vui của địa Tam thiền, ba Vô Sắc. Vì vậy, nên các trời đó được gọi là thức trụ.

Hỏi: Nơi cư ngụ của chín loại chúng sinh là thế nào? Đáp:

Hữu đảnh và Vô tưởng Là nói chúng sinh ở Bốn thứ ấm hữu lậu Nên biết chỗ thức trụ.

Hữu đảnh và Vô tưởng là nói nơi cư trú của chúng sinh, nghĩa là trước đây đã nói bảy thức trụ và Hữu đảnh trời Vô tưởng, ở đây là nói chỗ cư trú của chín loài chúng sinh.

Hỏi: Vì sao ngoài chúng sinh ở đường ác và cõi trời Vô tưởng, thì Tứ thiền không gọi là nơi chúng sinh cư trú?

Đáp: Vì tùy theo nơi nào vui, thì ở mãi không muốn đi, chỗ đó gọi là nơi chúng sinh cư trú. Trong đường ác, không có hai chỗ cư trú này. Ở cõi trời Quảng Quả, tuy ưa muốn trụ, nhưng cũng muốn bỏ đi.

Hỏi: Như Phật nói bốn thức trụ, thức trụ đó là thế nào?

Đáp: Bốn thứ ấm hữu lậu, phải biết đó là chỗ ở của thức hữu lậu.

Sắc, thọ, tưởng, hành, hữu lậu, gọi là ấm, được gọi là thức trụ. Vì chấp nhận cùng có thức sanh, trụ vào chấp trước, nuôi lớn, nên gọi là thức trụ. Chính vì vậy, nên vô lậu không phải thức trụ. Vì vô lậu làm hư hoại hữu, nên nó cũng không giữ lấy trụ xứ của thức hòa hợp.

Hỏi: Vì sao thức không phải là nơi cư trú của thức?

Đáp: Vì là nhân. Do đó không thành. Như nói đạo của vua, thì vua

không phải là đạo. Không có câu sinh thức của phần trụ, gọi là trụ xứ. Ba hòa hợp gọi là trụ xứ, thức này không phải như vậy.

Hỏi: Không có thức của người khác, hiện tiền duyên chăng?

Đáp: Vì tự hòa hợp không sinh, nên thức khác cũng không thành tựu; thức kia, cũng là số chúng sinh, không phải số chúng sinh.

Hỏi: Thế nào là việc làm ở trụ xứ của thức bên ngoài?

Đáp: Hòa hợp câu sinh, phần nhiều nương duyên mà trụ nên không có lỗi. Thức kia cũng duyên trụ, địa, giới thuộc phần của thức ấy, không phải địa, giới thuộc phần người khác.

Hỏi: Như đức Thế Tôn nói mười hai duyên khởi, duyên khởi đó có tướng gì?

Đáp:

Các phiền não và nghiệp
Có việc thứ lớp sinh
Nên biết là hữu chi
Chúng sinh tất cả sinh.

Vô minh, ái, thủ là phiền não, hành và hữu là nghiệp, chi khác là việc. Như vậy, sự, nghiệp, phiền não này, trong đây sanh theo trình tự khởi, nên gọi là chi duyên khởi. Phiền não trong chi đó, dựa vào sự việc, phiền não tác động nghiệp, nghiệp tác động đến sự việc. Như vậy, không có vô thỉ mà có luân chuyển.

Các phần kia kiến lập
Là chúng sinh thọ sinh
Quá khứ và vị lai
Trung gian nên biết tám.

Các phần kia kiến lập, là chúng sinh thọ sinh: Nghĩa là sự khác nhau của phần này, gọi là mười hai chi.

Hỏi: Mười hai chi này là thế nào?

Đáp: Quá khứ, vị lai, trung gian, phải biết là có tám. Trong đó, vô minh là phiền não quá khứ, hành là nghiệp quá khứ, thức là tâm nối nhau và bà con, danh sắc là đã thọ sinh nối tiếp nhau, chuyển biến liên tục không dứt. Bốn chủng loại sắc căn chưa sinh, sáu nhập chưa đủ, đó gọi là danh sắc.

Sáu nhập là đã sinh bốn thứ sắc căn, nhưng chưa có thể, vì sự tiếp xúc mà làm nơi nương dựa, lúc này gọi là sáu nhập.

Xúc: Các căn này đã có khả năng, vì sự tiếp xúc mà làm nơi nương

dựa, chưa có thể phân biệt khổ, vui, không thể phân biệt lợi, suy, lúc này gọi là xúc.

Thọ là năng phân biệt nhân khổ, vui, lợi suy, biết phân biệt khác nhau về cái ăn, sự tiếp nhận, không dấy lên sự dâm dục, lúc này gọi là thọ.

Ái là đối với mọi ham muốn, ái tìm cầu sự ham muốn, không thể mong cầu sự phân biệt, lúc này gọi là ái.

Thủ là chủ thể chấp có phân biệt.

Hữu là đây đối với cảnh giới kia, tìm đi tới một cách nhanh chóng, sinh nhiều các hữu, thú sinh đương lai, lúc này gọi là hữu.

Sinh là thứ lớp kia chết là sự ràng buộc nối nhau, lúc này gọi là sinh.

Già chết: Nghĩa là tiếp theo là danh sắc, thọ, v.v..., đó gọi là sự già, chết.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sáu giới, sáu giới này là thế nào?

Đáp:

Cái gọi bốn đại chủng
Và các thức hữu lậu
Cũng sắc trung gian thấy
Giới này là gốc sinh.

Cái gọi là bốn đại chủng và các thức hữu lậu, cũng là sắc trung gian thấy nghĩa là bốn đại và năm thức thân, ý thức hữu lậu. Nếu sắc là số hư không mà mắt đã nhận lấy, đấy gọi là sáu giới.

Hỏi: Vì sao trong mười tám giới chỉ nói sáu giới?

Đáp: Vì giới này được gọi là gốc sinh. Pháp kia là gốc của sự sinh, tưởng trượng phu trong đây do đất thành lập, nước hòa hợp theo tánh chất thấm nhuần, ngâm tẩm, lửa nấu chín, tẩy trừ mùi thối rữa, gió lùa vào lỗ hổng trong hư không, ăn uống vào ra tương ưng với sức của thức, kiến lập được gọi là tưởng của trượng phu. Thế nên, đây gọi là tưởng của giới. Vì sao? Vì có tánh của sự sinh. Như Thế Tôn nói: Do nhân duyên sáu giới mà nhập thai mẹ, câu trong kinh nói như vậy. Các đại chủng cũng sinh, nên gọi là Đại sinh giống như Đại; như chúng sinh giống như Đại sinh.

Trong đây đất là tướng cứng chắc, nước là tướng ẩm ướt, lửa là tướng nóng, gió là tướng chao động nhẹ nhàng. Biên hạn của sắc, tiếp nhận tướng sắc, gọi là giới hư không. Sắc là việc khác với suy nghĩ. Thức là tướng hiểu rõ.

Hỏi: Thánh đế có tướng gì?

Đáp:

Quả tương tợ các hành
Hữu lậu gọi là khổ
Nhân tương tự là tập
Diệt đế các khổ dứt.

Quả tương tợ các hành, hữu lậu gọi là khổ, nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều từ nhân sinh ra tướng bức bách, khổ não, nên gọi là khổ. Nhân tương tợ tập này: Nghĩa là tất cả hành hữu lậu đều tương tự với nhân của cái khác, nên do đó gọi là khổ, tập. Như một hạt lúa, đối chiếu trước sau mà nói là nhân cũng là quả.

Như vậy, quán các hành hữu lậu đã sinh, sẽ sinh thì cũng gọi là khổ, gọi là tập.

Diệt đế, các khổ đều dứt, nghĩa là tất cả hành hữu lậu, đều hoàn toàn dứt hết, nên nói là diệt đế.

Nếu các hành vô lậu
Đây gọi là đạo đế
Vì hai thứ danh kia
Từ thô thứ lớp thấy.

Nếu các hành vô lậu, ấy gọi là đạo đế, nghĩa là tất cả hành vô lậu đều gọi là đạo đế, vì tất cả khổ đã hết, nên gọi là Đạo.

Hỏi: Vì sao gọi là đế?

Đáp: Vì hai thứ danh kia, vì hai việc nên gọi là đế, đó là tự tướng không giả dối và nhận thấy sự sinh kia là không điên đảo, là chánh giác.

Hỏi: Vì sao Hư không, phi số diệt, không thuộc về đế?

Đáp: Vì không phải nhân, quả. Vì quán sát dứt hết khổ nên quán sát Thánh đế. Hư không phi số diệt không phải khổ, nhân khổ, không phải phương tiện lìa khổ, nhưng vì muốn dứt hết khổ cho nên quán sát. Ví như bệnh, nguyên nhân gây bệnh, thuốc chữa bệnh thì bệnh lành, không giống như phải quán sát bệnh.

Hỏi: Thánh đế có nghĩa gì?

Đáp: Thánh nghĩa là đã giác ngộ như thật, rồi chỉ bày cho kẻ khác, nên gọi là Thánh đế. Tướng bức bách trong đây là khổ, tướng sinh là tập, tướng vắng lặng là diệt, tướng ra khỏi là đạo.

Hỏi: Như thấy nhân có quả, vì sao Đức Phật trước nói quả, sau nói nhân?

Đáp: Theo trình tự thấy từ thô. Như vậy, chỉ vì thấy không gián đoạn, v.v... nên Đức Thế Tôn trước nói hành của quả là trước bị khổ không gián

đoạn v.v... sau mới nói nhân khổ, trước diệt, sau đạo. Vì sao? Vì trước biết quả rồi, sau mới tu đoạn nhân. Và trí phát sinh hành giả kia biết rõ tự tánh khổ không gián đoạn, về sau, vì dứt nhân khổ, nên trí quyết định phát sinh hiểu biết, đó là nhân của tai hại, lỗi lầm. Như vậy, hành giả kia, trước nhận thấy tướng diệt. Lúc đó, vì muốn chứng diệt, nên tu phương tiện phát sinh trí quyết định, nên trước nói quả. Như thế, trước thấy thô, sau thấy vi tế, khổ thì thô, tập thì vi tế, vì đặt ra sự tìm tòi, mong cầu, vì tin tưởng nên diệt thô còn đạo tinh tế. Thế nên, trước nói diệt, sau nói đạo. Như Tu-đa-la nói: Tỳ-kheo! Nên vì nói diệt là chỗ hướng đến. Vì diệt nên nói đạo, như thế, v.v… Cho nên, trước phải tìm diệt, sau mới tu đạo. Như đi đến một ngôi thành, thì trước phải tìm cho ra con đường, sau đó mới bước vào. Tất cả đều tin tưởng ở diệt. mà không tin tưởng ở đạo, là vì muốn được hiểu biết dễ dàng, nên theo trình tự từ thô mà nói.

Hỏi: Thế Tôn nói bốn quả Sa-môn, vậy quả Sa-môn có bao nhiêu việc?

Đáp:

Việc Thánh quả có sáu
Tối thắng ở chín địa
Thứ ba ở sáu địa
Hai thứ dựa vị lai.

Việc của quả Thánh có sáu, nghĩa là có sáu việc nói về quả của Sa-môn, đó là năm ấm vô lậu và số duyên diệt.

Hỏi: Quả Sa-môn nghĩa là gì?

Đáp: Thánh đạo nói Sa-môn, vì Sa-môn kia tinh tiến thành tựu, nên gọi là quả Sa-môn.

Hỏi: Đạo thế tục cũng do trượng phu tinh tiến mà được. Vậy trượng phu đó, có được quả Sa-môn hay chăng?

Đáp: Chỉ thấy được sự khác nhau của quả Thánh đạo. Hỏi: Quả này là quả gì? Thuộc về địa nào?

Đáp: Tối thắng là ở chín địa, quả A-la-hán thuộc về chín địa: Thiền vị lai, thiền trung gian, bốn thiền và ba Vô sắc. Thứ ba ở sáu địa, là quả A-na-hàm thuộc về sáu địa ngoại trừ Vô sắc. Hai loại nương vào vị lai. là quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm thuộc về vị lai. Vì sao? Vì chưa lìa dục.

Hỏi: Dấu vết có tướng gì?

Đáp:

Các pháp tùy tín hành
Căn độn, không phiền não

Các pháp tùy pháp hành
Tướng nhanh không phiền não.

Các pháp tùy tín hành, với căn cơ chậm lụt, không có phiền não, nghĩa là tự thân của người tùy tín hành là pháp vô lậu, thuộc về phần yếu kém. Nên biết chậm lụt thuộc tín hành kể cả tín giải thoát, thời giải thoát cũng thuộc về căn cơ yếu kém. Các pháp tùy pháp hành với tướng nhanh nhẹn không có phiền não. Vì tự thân của tùy pháp hành, là thuộc về pháp căn cơ nhạy bén, phải biết tướng nhanh nhẹn, thuộc về căn đó, kể cả kiến đáo và pháp bất thời giải thoát cũng thuộc về. Vì sao? Vì căn cơ nhạy bén.

Trong thiền căn bản kia
Phải biết là đạo vui
Vì ít và khó được
Biết địa khác nói khổ.

Phải biết là đạo vui, trong thiền căn bản kia, nghĩa là bốn thiền căn bản, nếu là căn cơ yếu kém và pháp căn cơ nhạy bén, phải biết đó là dấu vết của niềm vui. Vì là đạo đạt được chỉ, quán, v.v... nên vui hiện hành.

Vì ít và khó được, phải biết địa khác gọi là khổ, nghĩa là địa khác ấy là địa vô lậu, gồm nhiếp đạo, gọi là khổ, vì ít. Thiền vị lai, trung gian kia, ít đạo chỉ, quán ít vô lậu trong cõi Vô Sắc. Thiền vị lai khó được. Vì sao? Vì từ trước đến nay, thế gian chưa được, được thiền thì rất dễ tu. Tâm, tâm sở trung gian của thiền nhất địa, thiền trung gian, thì đoạn trừ sự hiện tiền, nghĩa là giác đoạn quán hiện ở trước thành tựu, như dùng thanh gỗ để chặt đứt thanh gỗ. Sự nhỏ nhặt của cõi Vô Sắc, rất khó thành tựu việc chuyển dứt năm ấm, bốn ấm chuyển hiện ở trước. Nỗi khó khăn của cõi Vô Sắc kia đúng là khó được, nên nói là khó, chứ không phải tự tánh Thánh đạo là khổ, không phải tương ưng với khổ thọ, vì trong đấy đã kiến lập đạo thù thắng. Vì nghĩa vào thành Niết-bàn, nên gọi là nghĩa dấu vết.

Hỏi: Tịnh không hư hoại là thế nào?

Đáp:

Phật và pháp Thanh văn
Giải thoát, cũng nhân khác
Với tịnh tín vô cấu
Giới Thánh nói quyết định.

Phật và pháp Thanh văn, giải thoát cũng nhân khác, niềm tin thanh tịnh không nhơ, nghĩa là Nhất thiết chủng, Chánh giác trí, Bồ-đề là Phật. A-la-hán kia, gồm nhiếp công đức là pháp Phật. Phải biết, nếu kính tin vô lậu, Đối với Nhất thiết chủng v.v... thì gọi là đối với Phật có niềm tin thanh

tịnh chẳng thể hủy hoại. Được người khác dạy dỗ, truyền trao mà quyết định gọi là Thanh văn. Nên biết, Học và Vô học đạt được pháp của Thanh văn. Đối với Thanh văn có niềm tin vô lậu, gọi là niềm tin thanh tịnh chẳng thể hủy hoại đối với Tăng. Hoặc đối với Niết bàn, nếu có niềm tin vô lậu, chuyển trong các pháp hữu vi khác, như tin Khổ đế, Tập đế, Vô lậu như thế, đối với công đức của Bồ tát, pháp của Học Vô học, Bích chi, Phật đều chẳng hủy hoại niềm tin vào đó. Trong Khổ Tập thì chánh tín thanh tịnh, trong Diệt Đạo thì tin tưởng mong cầu. Đó gọi là niềm tin thanh tịnh không thể hủy hoại đối với Pháp. Cùng với giới Vô lậu, Thánh đạo mà sinh niềm tin thanh tịnh không thể hủy hoại thứ tư.

Sao gọi là không hư hoại? Biết đã quyết định niềm tin thanh tịnh, gọi là không hư hoại.

Hỏi: Làm sao biết được niềm tin không hư hoại?

Đáp: Trong bốn Thánh đế.

Hỏi: Vì sao vô lậu không làm hư hoại niềm tin?

Đáp: Vì quyết định nên thật trí kia cùng phát sinh với niềm tin vô lậu và giới quyết định. Lòng tin hữu lậu thì có thể gây trở ngại, quở trách, không tin giữ giới, phá giới, quở trách gây chướng ngại, còn vô lậu thì không sinh, chướng ngại, quở trách. Vì vậy, nhất định vô lậu không làm hư hoại niềm tin, ấy là khác nhau.

Hỏi: Tu định có tướng gì?

Đáp:

Sơ thiền nếu có thiện
Phải biết vui hiện pháp
Là được trí sinh tử
Đó gọi là tri kiến.

Nếu Sơ thiền có thiện, phải biết là vui hiện pháp, nghĩa là trụ vào tịnh và vô lậu, vui hiện pháp của Sơ thiền, đấy gọi là tu định được vui hiện pháp.

Nghĩa là được trí sinh tử, gọi là tri kiến. Tức sinh tử trí thông, gọi là tu định được tri kiến.

Tuệ phân biệt nên biết
Phương tiện sinh công đức
Kim Cương dụ, bốn thiền
Đó gọi là lậu tận.

Tuệ phân biệt, nên biết phương tiện sinh ra công đức: Nghĩa là tất cả phương tiện sinh ra công đức, cho đến cõi Dục, có công đức giáo giới, văn, tư, tu, trong ba cõi tùy sở hữu. Nếu hữu vi, vô lậu, thì tất cả pháp đó đều

được gọi là tu định được phân biệt tuệ.

Tứ thiền, Kim Cương dụ gọi là lậu tận, nghĩa là định Kim Cương dụ là tâm học sau cùng, Tâm đó cùng tương ưng chung với quyến thuộc. Vì lậu của Tứ thiền đã dứt hết, nên nói là tu định. Đấy là Đức Thế Tôn tự nói lên công đức của mình. Khi còn là Bồ tát ngồi dưới bóng cây ở cõi Diêm-phù-đề chứng chánh thọ Sơ thiền an trú trong niềm vui thấy pháp. Mười một khởi phiền não, thiên nhãn, trí kiến thanh tịnh. Như kinh Điệt-kỳ-la nói: Biết thọ phát sinh như vậy, v.v..., tuệ sai biệt, nương thiền thứ tư của đạo Chánh chân Vô thượng, chứng lậu tận.

Hỏi: Như ý túc có tự tánh gì?

Đáp:

Các pháp thiện, hữu vi
Phương tiện sanh khởi lên
Phật nói như ý túc
Đó cũng nói chánh thiêu.

Các pháp thiện, hữu vi, từ phương tiện khởi lên, Phật nói như ý túc: Nghĩa là nếu pháp khởi lên từ phương tiện. Đã nói tất cả pháp đó đều là đồ đựng như ý, vì thế nên gọi là như ý túc. Tâm mình tự tại, khởi các thứ công đức, thành tựu đầy đủ như ý, nên gọi là như ý túc. Đủ chi, đủ nhân là một nghĩa. Sao gọi là Tam-muội? Đó là sự khác nhau của bốn thứ tăng thượng. Như dục tăng thượng phát sinh tam muội gọi là dục Tam-muội. Như vậy, tinh tiến tâm tăng thượng phát sinh gọi là tam muội lựa chọn. Vì đầu tiên khởi lên ham muốn nên là dục tăng thượng. Ham muốn đã sinh, thì ham muốn đạt cho được điều mình mong cầu, càng tinh tiến quyết định tăng thượng. Khởi tinh tiến rồi, không xả tinh tiến, tâm tùy thuận hướng đến gọi là tâm định. Đạo lý của Dục, Tinh tiến, Tâm này hiện ra, như ý túc đã rốt ráo có đủ trong thân, nên gọi là Tuệ tam muội. Nếu không lựa chọn, ngoài một tâm này thì tất cả đều thành tựu. Sự sinh khởi trong tất cả tâm, là sự khác nhau của phương tiện. Vì sự sinh đó được lớn mạnh thêm, nên nói là công đức khác. Công đức đó cũng được gọi là chính thức đốt cháy (Chánh thiêu).

Công đức đã nói như vậy cũng gọi là chính thức đốt cháy, nghĩa là căn cứ vào đạo lý có khả năng đốt cháy cỏ phiền não, nên gọi là chính thức đốt cháy ngay. Hoặc do khả năng dứt trừ phiền não, nên gọi là chánh đoạn. Vì nhập Chánh quyết định, nên gọi là chánh thắng. Vì đã xả bỏ lỗi lầm xấu ác, công đức phát sinh, giữ gìn tăng trưởng, cố gắng siêng năng gọi là tinh tiến chánh thắng. Vì sự khác nhau của bốn thứ nghiệp đó, nên trong một

tâm kiến lập, tinh tiến có thể làm thành bốn nghiệp: Phiền não trong hiện tại được dứt, vị lai không còn phát sinh, chấp nhận sự thọ sinh đối với pháp thiện, sinh rồi thì tiếp nối, không mất sức phương tiện. Đó cũng là sự khác nhau của bốn chủng loại.

Chánh thắng là Niệm xứ
Cũng là bốn Thánh chủng
Tùy thế lực phát sinh
Do tên kia, nói kia.

Chánh thắng cũng gọi là niệm xứ, cũng gọi là bốn Thánh chủng: Trước đã nói công đức của chánh thắng, còn Niệm xứ, như Tu-đa-la nói: Trong ngoài của thân, thọ, tâm, pháp đều có cộng tướng và tự tướng nên gọi là niệm xứ. Bốn thứ duyên kia khác nhau, hết thảy những duyên đó đều có giới hạn khác nhau. Thân niệm xứ duyên với thân, không phải pháp khác. Cũng vậy, thọ niệm xứ gọi là thọ niệm xứ, không phải tâm niệm xứ khác. Nói tâm niệm xứ không phải pháp niệm xứ khác. Hai thứ duyên với pháp khác, là tưởng ấm, hành ấm duyên với hữu vi và duyên với hoại, do thân thọ nên thân tâm thọ.

Như vậy, v.v... cho đến duyên với tất cả pháp. Hỏi: Thế nào là Thánh chủng?

Đáp: Thánh chủng cũng như vậy. Công đức đã nói kia cũng gọi là bậc Thánh chủng. Vì bậc Thánh lấy công đức này làm chủng (hạt giống) nên gọi là Thánh chủng. Vì tự tánh của pháp này là hạt giống Thánh, nên nói là Thánh chủng. Vì sinh trong chủng loại của Thánh này, nên gọi là Thánh chủng. Vì đối trị với bốn thứ thọ sinh, nên gọi là bốn sự khác nhau. Vì nhân y phục nên thọ sinh. Nói rộng, có bốn thứ như Tu-đa-la đã nói.

Hỏi: Tại sao cho công đức này là như ý túc, cho đến bốn chánh đoạn, v.v...?

Đáp: Tùy thuộc vào thế lực của chúng phát sinh, mà đặt tên nói theo nghĩa của chúng. Pháp này, do sức của định phát sinh, nên gọi là như ý túc, do sức tinh tiến sinh khởi, nên gọi là chánh đoạn, do sự nhớ nghĩ mà tăng thượng sinh, nên gọi là niệm xứ. Vì biết tăng thượng sinh, nên gọi là Thánh chủng.

Đã nói trợ Bồ-đề phần, nay sẽ nói cộng tướng và tự tướng của nó.

Tịnh tín, tinh tiến, niệm
Trí tuệ và ý, hỷ
Phần giác cùng với xả
Tư giới Tam-ma-đề.

Như ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề phần do Phật nói, nghĩa là tên của pháp phần Bồ-đề có ba mươi bảy, việc thì có mười, trong số đó, tín, v.v... như trong bài kệ đã kiết tập, thì tín căn, tín lực gọi là tín. Chánh đoạn, tinh tiến căn, tinh tiến lực, tinh tiến giác chi, chánh tinh tiến, đó là tinh tiến. Niệm căn, niệm lực, niệm giác chi, chánh niệm, gọi là bốn niệm xứ. Tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, chánh kiến, các pháp này đều gọi là Tuệ. Nỗi mừng, ỷ (khinh an), xả giác chi, chánh tư duy giới là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, như ý túc, định căn, định lực, định giác chi, chánh định, tám chi là định chi.

Hỏi: Vì sao phải nói nhiều thứ như vậy?

Đáp:

Xứ, phương tiện, nhất tâm
Độn và lợi cũng vậy
Kiến đạo cũng tu đạo
Nên nói ba mươi bảy.

Xứ là chỗ duyên chân chánh, nên gọi là niệm xứ. Phương tiện là chánh phương tiện, gọi là chánh đoạn. Nhất tâm là trụ xứ trong một tâm, nên gọi là như ý túc. Căn cơ yếu kém thấy nối tiếp nhau gọi là căn. Sự việc nhạy bén cũng là căn. Căn cơ nhạy bén thấy nối tiếp nhau nên gọi là lực. Nghĩa tăng thượng trong lực đó là nghĩa căn. Các thứ khác không thể xâm lấn gọi là lực. Kiến đạo được thấy, nên gọi là Đạo phần. Tu đạo thấy nên gọi là giác chi. Nói ba mươi bảy, vì mười pháp này có sự khác nhau của mỗi nghiệp như vậy, nên Phật nói ba mươi bảy, trong đó chi giác hoàn toàn là vô lậu, số còn lại là hữu lậu, vô lậu.

Hỏi: Sao phẩm đạo là hữu lậu, Bồ đề là vô lậu?

Đáp: Vì là đồ đựng Bồ-đề, quyến thuộc của Bồ-đề, nên gọi là Bồ- đề phần. Như vậy, vì Bồ-đề phần này cách xa tức là hữu lậu, vì thuận theo Bồ-đề, gọi là Bồ-đề phần, nên không có lỗi.

Nhị thiền ba mươi sáu
Vị lai thiền cũng vậy
Tam, Tứ, Trung gian thiền
Thảy đều ba mươi lăm.

Nhị thiền ba mươi sáu nghĩa là trừ sự suy nghĩ. Vì sao? Vì địa này không có giác quán. Thiền vị lai cũng vậy, nghĩa là cũng ba mươi sáu, trừ hỷ giác chi. Vì sao? Vì chưa thành tựu, nên không có giới hỷ như đã nói ở trước.

Ba, bốn và trung gian, tất cả ba mươi lăm, nghĩa là Tứ thiền, Tam

thiền, thiền trung gian là ba mươi lăm: trừ hỷ, trừ chánh tư duy.

Sơ thiền nói tất cả
Ba không, ba mươi hai
Hữu đảnh hai mươi hai
Cõi Dục cũng như vậy.

Sơ thiền nói tất cả, nghĩa là tất cả trong Sơ thiền, có ba mươi bảy. Ba không, có ba mươi hai là trừ hỷ, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Hữu đảnh có hai mươi hai, nghĩa là tất cả không có giác chi, đạo chi, nên có hai mươi hai. Tùy theo giác chi của xứ nào mà kế nói đạo phần, trong đó phải biết hữu lậu, vô lậu.

Cõi Dục cũng như vậy: Cõi Dục cũng có hai mươi hai, hoàn toàn là hữu lậu. Hai xứ này hoàn toàn là hữu lậu.

Hỏi: Bốn cách ăn ở địa nào? Tính nào?

Đáp:

Đoàn thực trong các ăn
Cõi Dục nói ba nhập
Ăn bằng thức, tư, xúc
Ăn này gọi hữu lậu.

Cách ăn vốc trong các cách ăn, cõi Dục nói có ba nhập, nghĩa là cách ăn vốc là ba nhập: Hương, vị, xúc của cõi Dục.

Sự có mười ba, mười một việc là xúc. Bốn đại, bảy chủng tạo sắc, đó là nhám, trơn, nặng, nhẹ, lạnh, đói khát và hương vị.

Hỏi: Vì sao sắc, thanh không phải thức ăn?

Đáp: Vì sự thấy, nghe không tăng trưởng. Căn đầy đủ, là nghĩa giúp, ích lớn, là nghĩa ăn. Hoặc thấy, hoặc nghe, với sức phân biệt giả dối cho nên phát sinh, cảm nhận niềm vui, tiếp xúc sinh nỗi mừng. Nỗi mừng đó không thể thấm nhuần, giúp ích cho căn đại. Thế nên, xúc là thức ăn có khả năng làm lợi ích, không phải sắc, thanh. Hương vị, lìa sự phân biệt cũng có khả năng giúp ích cho thân. Thức ăn bằng thức và tư duy xúc là thức ăn. Nói hữu lậu nghĩa là sự nhận thức, sự suy nghĩ, sự tiếp xúc là hữu lậu. Hữu lậu đó giữ lấy sự sinh, ràng buộc nối tiếp nhau, có khả năng lôi kéo hữu nên gọi là ăn. Xúc vô lậu, v.v... dù có tạo lợi ích cho các căn đại, nhưng vì nó không thể lôi cuốn hữu, nên dứt trừ hữu, không phải ăn. Vì có ba việc, nên gọi là ăn. Khả năng dẫn dắt đến hữu sau, dẫn dắt rồi, lại dẫn dắt nữa, nhiếp giữ thân mình nên gọi là ăn. Ý, sự suy nghĩ, thức, dẫn dắt đến hữu ở vị lai. Ăn vốc, ăn bằng sự tiếp xúc khi đã sinh rồi, thì các hữu nhiếp giữ.

Lại nữa, tất cả các cách ăn đều có công năng lôi kéo hữu và đều nhiếp giữ các căn.

Hỏi: Các tam-muội trước đây đã nói. Tam-muội là gì? Có mấy thứ chuyển?

Đáp:

Vô nguyện có mười hành Không: hai hành, nên biết Bốn hành nói Vô tướng Đó gọi là hạnh Thánh.

Vô nguyện có mười hành, nghĩa là Tam muội Vô nguyện nói chung có mười hành. Vì duyên với ba đế, nên mười hành chuyển. Hai hành là vô thường và khổ trong khổ. Bốn hành trong tập như trước đã nói, bốn hành trong đạo, cũng như trước đã nói.

Hỏi: Vì sao không duyên với diệt?

Đáp: Vì không nguyện cầu, nên gọi là vô nguyện, nghĩa là không ưa sự mong cầu.

Không mong muốn những gì? Là khổ, nhân của khổ dứt hết thì là không, thế nên nhân của khổ kia cũng xả. Nhân khổ kia do tu đạo dứt hết, nên duyên với đạo, vì thế, đạo này nhất định duyên với đạo nhân khổ, chứ không duyên với diệt.

Hoặc lại nói, vì không nguyện đối với hữu vi nên duyên với ba đế. Tu đạo trong đây như uống thuốc đắng. Như vậy, biết Không có hai hành, nên biết là đối trị gần với thân kiến. Tam-muội Không gồm có hai hành, đó là: không và vô ngã. Thân kiến chấp lấy hành kiến của ngã và ngã sở. Vì đối trị với ngã, nên nói hành vô ngã, để đối trị với ngã sở, nên nói hành không, ví như pháp kia không có ngã nên nói là vô ngã.

Bốn hành gọi là vô tướng: Nghĩa là tam-muội Vô tướng, diệt mất sự chuyển biến của bốn hành, trừ hành của hữu vi. Nhưng duyên với pháp hành nói vô tướng là, trong đây nhằm chỉ bày môn giải thoát, nên chỉ hoàn toàn là tam-muội vô lậu.

Hỏi: Làm sao dứt trừ điên đảo? Tự tánh của điên đảo là gì?

Đáp:

Nói bốn điên đảo kia
Nên biết, thấy khổ dứt
Đối với kiến tăng thượng
Người thấy thật phế lập.

Nói bốn thứ điên đảo kia, phải biết là do thấy khổ dứt, nghĩa là tất cả bốn thứ điên đảo đều nương vào khổ mà chuyển. Vì vậy, do thấy khổ mà

dứt. Đã nói trong ba cái thấy đối với điên đảo là tăng thượng thấy nghĩa là bốn thứ điên đảo này trong ba cái thấy thì một phần ít là thấy tự tánh. Trải qua trong đó vì tâm tưởng vẩn đục, nên gọi là tâm tưởng điên đảo. Thấy thật ra là phế bỏ hoặc kiến lập, sao nói là trong cái thấy tăng thượng? Vì nếu được sức tăng thượng như vậy, sẽ kiến lập sự điên đảo. Như ngã kiến điên đảo, không phải ngã sơ kiến. Như vậy, điên đảo Thường kiến của Biên kiến, không phải Đoạn kiến; kiến thủ là sự điên đảo của Tịnh, Lạc kiến.

Hỏi: Tăng thượng cái gì?

Đáp: Kiến lập một hướng điên đảo, nên điên đảo. Vì tưởng như vậy, nên không phải tất cả kiến đều là điên đảo. Tà kiến, đoạn kiến tuy hoàn toàn điên đảo, nhưng việc hư hoại lại được chuyển để kiến lập giới thủ. Theo kiến lập không phải một hướng điên đảo, chỉ nhận lấy một ít tịnh, một ít sự tốt đẹp, chứ chẳng phải thắng kiến, thắng thủ! Sức của ngã kiến kiến lập ngã sở, do vậy, chấp ngã sở thì không lập điên đảo.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có nhiều kiến chấp, như sáu mươi hai kiến, chúng thuộc về kiến nào?

Đáp: Thuộc về năm kiến.

Hỏi: Nghĩa thế nào?

Đáp:

Phỉ báng sự chân thật
Kiến này là tà kiến
Không phải thật, mà lập
Hai kiến và trí này.

Phỉ báng sự chân thật, kiến này là tà kiến, nghĩa là nếu chấp hoặc chê bai sự chân thật có nghĩa, nói là không có gì, như nói không có sự bố thí v.v... đó là tà kiến.

Không phải sự thật mà kiến lập, hai kiến và trí này, nghĩa là đối với ấm chẳng thật là ngã sở mà kiến lập thân kiến, chẳng phải lạc, tịnh chân thật mà kiến lập kiến thủ. Hoặc những kiến lập chẳng phải thật khác, như thoáng thấy gốc cây khô mà nghĩ là người đứng, đó là tà trí, chẳng phải tà kiến.

Lại giới oai nghi thủ
Chẳng phải nhân, chấp nhân
Nếu nhận lấy biên kiến
Nương Thường kiến, Đoạn kiến

Lại giới oai nghi thủ, không phải nhân mà chấp là nhân: Nghĩa là có người chấp giới bò, v.v... cho đó là nhân để được sanh lên cõi trời Tự Tại,

sanh thiên; Trôi lăn trong thế gian là giải thoát.

Nếu nhận lấy biên kiến, là dựa vào chấp thường, chấp đoạn, nghĩa là nếu chấp các hành là thường, đấy gọi là thường kiến, vì như nói thường, người đó không biết được sự liên tục của nhân, quả. Thế nên, kiến lập tưởng đoạn trong sự việc, đấy gọi là đoạn kiến. Hai kiến chấp này, gọi là thọ biên kiến. Ngoài hai kiến chấp ấy, không còn kiến chấp nào khác. Vì vậy, nên tất cả kiến chấp đều xếp vào kiến này, nên biết.

Hỏi: Kiến ấy, kiến nào dứt và kiến nào không dứt?

Đáp:

Phỉ báng mà kiến lập
Nhân kiến dựa hai biên
Tùy theo việc này chuyển
Nếu thấy khổ thì dứt.

Phỉ báng là tà kiến như đã nói. Nếu tà kiến kia phỉ báng khổ, thì tà kiến đó gọi là thấy khổ dứt, như vậy, tập, v.v... kiến lập sự không thật để nói về hai kiến chấp: Thân kiến kia là từ khổ kiến lập, do thấy khổ mà dứt, còn kiến thủ do thấy khổ dứt vui, v.v... mà kiến lập, cho nên cũng thấy khổ dứt, nên biết.

Như vậy, giới thủ, thấy tập mà dứt, v.v..., nếu dựa vào sự chuyển biến của hữu lậu, thì giới thủ đó do thấy khổ mà dứt. Nếu căn cứ theo vô lậu chuyển thì giới thủ ấy sẽ do thấy đạo mà dứt, nên biết! Đoạn kiến, thường kiến dựa vào khổ mà chuyển, nên thấy khổ mà dứt.

LUẬN KINH A TỲ ĐÀM TÂM

QUYỂN 6

Phẩm 8: TU ĐA LA (Phần 2)

Hỏi: Đức Thế Tôn nói hai mươi hai căn, căn đó như thế nào?

Đáp:

Bốn căn như Nhãn căn v.v...,
Thân căn có ba thứ
Như ý căn và mạng
Là sinh tử dựa vào.

Là bốn căn như mắt, v.v...:đó là mắt, tai, mũi, lưỡi. Căn mắt kia là tịnh sắc, chỗ dựa của nhãn thức. Đối với sắc thì đã thấy, nay thấy, vị lai, hoặc sẽ biết sắc này. Hoặc còn có sắc khác, tự phần khác.

Hỏi: Sao nói là tự phần?

Đáp: Là nghĩa giống với sắc kia. Như sắc, chưa từng thấy, nay không thấy, sẽ không thấy. Vì sao? Vì thức là không. Như vậy, tất cả như thức tự nương mà nói.

Thân căn có ba thứ: Nghĩa là thân căn cũng vậy, nói ba thứ kia là thân căn, nam căn, nữ căn. Như ý căn thế nào là Ý căn? Như tâm, ý, thức. Nó lại là sáu thức thân. Hoặc pháp đã biết, pháp nay biết và pháp sẽ biết hoặc lại là tự phần, không sinh pháp như là đương lai.

Và mạng: Mạng căn thứ chín, đó là tuổi thọ của chúng sinh trong ba cõi. Căn này được gọi là nơi nương dựa của sự sống chết, nên gọi là căn, là sự sống, chết của chúng sinh.

Thọ là bạn phiền não
Tín v.v... nương dựa Niết-bàn
Chín căn nếu vô lậu
Ba căn này dựa đạo.

Thọ là bạn của phiền não: Nghĩa là khổ, vui, lo, mừng, xả, thọ. Phiền não lẫn lộn, bạn phiền não đều nương vào đất nên gọi là gốc. Tín, v.v... dựa vào Niết-bàn, nghĩa là nói tinh tiến, niệm, định, tuệ, vì nương vào bạn vắng

lặng nên gọi là căn. Nếu chín căn vô lậu, thì ba căn này sẽ dựa vào đạo, nghĩa là tín, v.v..., năm thứ hỷ, xả, ý căn, v.v..., trong hữu lậu, vô lậu này, nếu vô lậu thì vô lậu kia sẽ dựa vào ba căn của đạo mà nói. Như phẩm Hiền Thánh nói: Như vậy, tên của các căn có hai mươi hai, việc có mười bảy. Nam căn, nữ căn, thân căn phần ít, ba vô lậu không khác.

Hỏi: Căn có nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa tăng thượng là nghĩa của căn, như người chủ đứng đầu loài thú, tất cả pháp đều có chủ tăng thượng, là chủ tăng thượng trên hết được gọi là Căn. Pháp kia nhận lấy chủ tăng thượng của sáu cảnh giới. Hai căn nam, nữ là chủ tăng thượng, phân biệt sự khác nhau của chúng sinh, ban đầu không có sự khác nhau. Mạng căn duy trì sự tăng thượng của thân chúng sinh, thọ có phiền não tăng thượng. Tín v.v... là Niết-bàn tăng thượng, đạo vô lậu là sai biệt tăng thượng.

Cõi Dục bốn, thiện tám Căn sắc chủng có bảy Các tâm sở có mười Người trí nhất tâm nói.

Cõi Dục bốn: Nghĩa là bốn căn như vậy ở cõi Dục. Đó là nam căn, nữ căn, ưu căn, khổ căn, quyết định tương ưng với cõi Dục.

Hỏi: Vì sao ở cõi Sắc không có nam căn, nữ căn?

Đáp: Vì không có thọ dụng. Hai căn mũi, lưỡi lẽ ra cũng không có, nhưng vì làm đoan nghiêm thân nên có cũng không trở ngại gì. Vả lại, vì hai căn nam và nữ làm cho thân xấu xí nên không có. Không có khổ căn vì chẳng phải quả bức bách; không bị phiền não bởi người khác, nên không có ưu căn. Vì sao? Vì do không biết sinh ra trí kia biết cõi Dục. Ngoài ra sắc căn, Ý căn như phẩm Giới đã nói. Năm căn như Xả, tín v.v..., tương ưng và không tương ưng với ba cõi; Hỷ, Lạc căn tương ưng không tương ưng với cõi Sắc dục, và ba căn vô lậu nhất định không tương ưng với mạng căn, ở phẩm Tạp sẽ nói.

Hỏi: Có bao nhiêu điều thiện?

Đáp: Có tám điều thiện. Năm căn như tín, v.v... và ba căn vô lậu nhất định là thiện, không thể bất thiện. Ngoài ra, Ưu căn, thọ nhận, v.v... hoặc thiện, bất thiện, vô ký. Ưu căn, mạng căn, về sau sẽ nói. Căn khác thì như phẩm Giới đã nói. Như vậy, nhận lấy sắc có bảy: Năm căn như nhãn căn v.v… và nam căn, nữ căn; những căn này đều là sắc, ngoài ra chẳng phải sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu tánh của tâm? Có bao nhiêu không phải tánh của tâm? Nói rộng như vậy.

Đáp: Các tâm sở có mười, năm thọ, năm tín v.v..., người trí nhất tâm

nói: Ý căn là một loại tự tánh của tâm. Về vô lậu, trước đây đã nói chín căn vô lậu, ngoài ra không phải tâm, tâm sở quyết định.

Hỏi: Bao nhiêu có báo và bao nhiêu không có báo?

Đáp:

Một và mười có báo
Nghĩa này phải nên biết
Trong mười ba là báo
Do người thấy thật nói.

Một và mười có báo, nghĩa này phải nên biết, nghĩa là Ưu căn thì hoàn toàn có báo. Vì sao? Vì là thiện, bất thiện.

Hỏi: Vì sao Ưu căn không có vô ký?

Đáp: Vì Ưu căn trái với hành thấp kém của hỷ, không tương ưng với thân kiến, biên kiến, không phải vô ký ẩn mất, phân biệt chuyển, không phải vô ký không ẩn mất, không phải khéo léo, phân biệt báo sinh, oai nghi, v.v…. Nếu căn kia phân biệt sinh, thì ai ở sau chẳng lìa sự ham muốn, dập tắt sự lìa ham muốn. Vì không dứt, không phải vô ký không ẩn mất, vì vậy nên không phải vô ký không ẩn mất. Trong Ưu căn, Tín căn, v.v..., nếu hữu lậu thì những căn đó có báo, nếu vô lậu thì các căn đó không có báo. Ý căn và ba thọ nếu bất thiện, thiện, hữu lậu, chúng sẽ có báo, vô ký không phải lậu, thì không có báo. Khổ căn thiện, bất thiện thì có báo, vô ký thì không có báo, căn khác chẳng có báo.

Hỏi: Vì sao bất thiện, thiện, hữu lậu có báo?

Đáp: Vì trụ bền bỉ với sự trợ sức, ví như nước trong ruộng thấm thấu vào lớp phân được ủ mục nát, qua đó hạt giống chắc được nẩy mầm, chứ không phải vô lậu không có duyên trợ giúp. Như hạt giống cất giữ trong bồ, dù chắc vẫn không nẩy mầm, vì nước ái không thấm nhuần. Phiền não khác như phân nếu không có thì không thể làm mục nát, do đó, chẳng phải vô ký có báo. Như hạt giống hư, dù có gieo xuống ruộng vẫn không nảy mầm.

Hỏi: Có bao nhiêu căn có báo?

Đáp: Trong mười ba căn là báo, người thấy thật đã nói: Bảy sắc căn, ý căn, mạng căn, trừ ưu căn và bốn thọ là có báo. Cũng có sắc chẳng phải có báo, nuôi lớn chẳng phải báo, ngoài ra là báo. Mạng căn, quả chánh thọ, số thọ hành, những căn đó không có báo, ngoài ra có báo. Ý căn và thọ thiện, cấu uế, không phải oai nghi, nghề khéo, tâm sở biến hóa, đều không có báo, ngoài ra là báo. Những căn khác nhất định không có báo.

Hỏi: Có bao nhiêu căn được báo lúc sinh đầu tiên?

Đáp:

Hai, hoặc sáu, bảy, tám
Sinh niệm đầu được báo
Cõi Dục có tướng báo
Sắc sáu và trên một.

Nếu căn của chúng sinh thứ lớp sinh: Sinh bằng trứng, sinh nơi ẩm ướt, sinh bằng thai, có hai căn của ý niệm ban đầu kia đều do báo sinh là thân căn và mạng căn, ý căn kia là cấu uế, nên không nhận lấy. Không phải tâm cấu uế, là báo liên hệ, vì không phải cấu uế, nên không phải báo. Xả căn cũng như vậy. Hóa sinh không có căn. Sáu sắc căn có năm và mạng căn. Tất cả hóa sinh không thiếu nhãn căn, v.v... Một căn có bảy, hai căn có tám. Vì có tướng báo trong cõi Dục. Pháp này dùng cho chúng sinh cõi Dục, nên biết!

Sắc có sáu và trên có một, nghĩa là cõi Sắc được sáu báo, cõi Vô Sắc một, chỉ có mạng căn.

Hỏi: Sau cùng, lúc chết xả bao nhiêu căn?

Đáp:

Xả bốn, tám và chín
Cũng nói Xả đến mười
Chết dần và mất ngay
Điều thiện xả thêm năm.

Xả bốn, tám và chín căn, cũng nói xả đến mười căn, chết dần và mất tức khắc: Tâm vô ký chết dần, xả bốn: Thân, ý, mạng và xả căn. Nếu nhất thời vô căn, tâm vô kí chết, xả tám, đó là các căn như nhãn v.v... mạng, ý, xả căn. Một căn có chín, hai căn có mười, tâm bất thiện cũng vậy.

Hỏi: Tâm thiện bỏ bao nhiêu căn?

Đáp: Mỗi tâm thiện xả bỏ đều thêm năm, trong đó, thêm năm căn như tín, v.v... Cõi Sắc, cõi Vô Sắc tùy sở đắc, cũng như vậy.

Hỏi: Có bao nhiêu căn do thấy mà dứt? Như vậy, v.v... phải nên nói rộng?

Đáp:

Hai dứt, bốn không dứt
Sáu căn thì hai thứ
Ba vô lậu không dứt
Khác thì tu đạo hết.

Hai dứt, bốn không dứt: Nghĩa là ý căn và ba thứ thọ, kiến dứt trừ và tu dứt trừ này, nếu vô lậu thì không dứt. Sáu căn thì hai thứ, nghĩa là ưu

căn thì kiến tu dứt. Năm căn như tín, v.v... thì tu đạo dứt, không dứt. Ba căn vô lậu thì không dứt, nghĩa là vì hoàn toàn vô lậu, ngoài ra tu đạo hết, nghĩa là chín căn khác là tu đạo dứt, vì tám căn như nhãn v.v… kia không cấu uế, nên tu đạo dứt. Vì còn rơi vào sinh tử nên chẳng phải không dứt. Khổ căn là năm thức thân, nên tu đạo dứt.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sáu thức thân, Ngài nhận lấy pháp nào?

Đáp:

Giữ lấy nghĩa các căn
Năm thứ cảnh giới tâm
Nếu lấy tất cả pháp
Là cảnh giới ý thức.

Nếu giữ lấy nghĩa các căn, năm thứ cảnh giới tâm: Nghĩa là năm thức thân, nhận lấy năm cảnh giới sắc v.v... Nhãn thức nhận lấy sắc, sắc của hình tướng sắc, nghĩa là xanh, v.v... thì có vô lượng thứ. Hình tướng dài, v.v... có vô lượng thứ. Mắt, v.v... kia không nhận lấy, như mắt nhìn sát vào viên thuốc thì không thấy! Nhĩ thức cũng không đến lấy tiếng. Mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc chạm thì nhận lấy. Tất cả năm thức thân đều nhận lấy cảnh giới hiện tại.

Hỏi: Ý thức nhận lấy thế nào?

Đáp: Nếu nhận lấy tất cả pháp thì đó là ý thức giới. Nếu năm thức thân nhận lấy, mà không nhận lấy pháp quá khứ, vị lai, hiện tại và vô vi, thì tất cả ý thức nhận lấy, trừ pháp tương ưng với sự sinh chung của tự thể trong sát-na kia.

Hỏi: Đầu tiên, biết cảnh giới không hoại rồi, nên nói cảnh giới này, mười thứ khác nhau thế nào?

Đáp: Tương ưng, bất tương ưng cõi Dục như vậy. Vô lậu, hữu vi, vô vi, thiện và vô ký của cõi Sắc, cõi Vô Sắc là như thế.

Hỏi: Mười trí, mỗi trí có bao nhiêu cảnh giới pháp?

Đáp:

Năm pháp phải nên biết
Cảnh giới của pháp trí
Bảy thứ thuận theo trí
Cảnh giới tha tâm ba.

Năm pháp cần nên biết, cảnh giới của pháp trí, đó là pháp tương ưng, bất tương ưng cõi Dục và vô lậu, vô vi là thiện.

Bảy thứ trí thuận theo, đó là sắc, Vô Sắc, vô lậu, tương ưng, bất tương

ưng, thiện, vô vi.

Cảnh giới của tha tâm có ba: Tương ưng với cõi Dục, Cõi Sắc và vô lậu.

Hữu lậu phải biết mười
Trí nhân, quả có sáu
Trí giải thoát, một pháp
Đạo trí hai, còn chín.

Hữu lậu phải biết mười, nghĩa là trí thế tục, tất cả có mười thứ cảnh giới pháp.

Trí Nhân quả có sáu: Nghĩa là Khổ trí, Tập trí tương ưng, bất tương ưng với ba cõi.

Trí giải thoát một pháp, nghĩa là một vô vi thiện trong Diệt trí.

Trí đạo hai, nghĩa là tương ưng, bất tương ưng với hữu vi, vô lậu của Đạo trí.

Còn lại chín, nghĩa là cảnh giới của trí tận, vô sinh trí. Chín pháp trừ vô vi, cảnh giới của sử vô ký, như trước đã nói, lại muốn nói chung nên nói kệ:

Các phiền não tự địa
Định, sử ở tự địa
Tự chủng khắp tất cả
Ở trong chủng loại kia.

Các phiền não tự địa, định sử ở địa mình, nghĩa là tất cả sử cõi Dục, sai khiến từ cõi Dục cho đến Hữu đảnh, địa kia cũng vậy. Vì vượt hơn, vì đối trị, nên địa dưới không sai khiến địa trên. Lìa dục hiện tiền ở địa trên không sai khiến địa dưới.

Tự chủng khắp tất cả, trong chủng loại kia: Nghĩa là pháp của tự chủng loại, bị sử của tự chủng loại sai khiến.

Khắp hết thảy loại khác, cũng sai khiến như thân kiến, kiến khổ dứt bị sử sai khiến, thấy tập dứt, v.v... tức những loại khác cũng sai khiến.

Như vậy, nói sử khắp tất cả cho đến tu đạo dứt bị hết thảy sử của tu đạo dứt sai khiến.

Định phiền não, ba cõi Định ba cõi như vậy Như thế, nói hai cõi Một cõi sinh cũng thế.

Ba cõi định phiền não, Định ba cõi như vậy: Nghĩa là trong ba cõi nhiếp phiền não bị sử ba cõi sai khiến.

Tùy phương tiện như ý căn: Trong ba cõi, bị tất cả sử ba cõi sai khiến.

Như vậy, nói hai cõi, nghĩa là những pháp thuộc về hai cõi, thì bị sử của hai cõi sai khiến. Như phương tiện, như giác, quán trong cõi Dục và cõi Sắc, ở đó bị sử cõi Dục, cõi Sắc sai khiến.

Sự sinh của một cõi cũng vậy, nghĩa là pháp thuộc một cõi bị sử của một cõi sai khiến, như ưu căn ở cõi Dục bị sử cõi Dục sai khiến.

Kinh do Phật nói này Nếu pháp do ta nói Thức, trí và các sử Quan sát ba môn này.

Kinh do Phật nói này, nếu pháp do ta nói thì lẽ ra giảng nói ba môn này, đó là môn Thức, môn Trí và môn Sử.

Như căn trong cõi Dục là sự tất cả hữu. Thế nên sáu thức thân của cõi Dục, phải biết là tương ưng, bất tương ưng. Bảy trí phải biết trừ tỷ trí, trí diệt, trí đạo, vì thuộc về năm chủng loại, bị tất cả sử cõi Dục sai khiến. Ba căn cõi Sắc có bốn thức là thức, bảy trí là biết. Thức này bị tất cả sử cõi Sắc, cõi Vô Sắc sai khiến. Cõi Vô Sắc không có năm cảnh giới, chỉ có một thức là thức, sáu trí là biết, trừ trí tha tâm, trí pháp, trí diệt, trí đạo, bị tất cả sử cõi Vô Sắc sai khiến. Tất cả đều như vậy cần nên biết!

Phẩm 9: TẠP

Đã nói định nối tiếp
Đủ các thứ pháp khác
Nghĩa lẫn lộn ở trên
Nay ta sẽ nói lược.

Đã nói định nối tiếp, đủ các thứ pháp khác, nghĩa là đã nói đủ các thứ nhóm về sự nối nhau của các pháp kia đây. Qua các nghĩa lẫn lộn ở trên, nay ta sẽ nói lược, tức trên đây đã nói nghĩa rộng, nay sẽ nói lược.

Có duyên, có tương ưng
Có hành và có nương
Tâm và tâm sở thảy
Là nói nghĩa rộng, lược.

Đấy là tên của pháp tâm, tâm sở, đối với các pháp dựa theo duyên mà chuyển nên gọi là duyên đồng hành, đồng phương tiện, gọi là tương ưng, vì hành tác của cảnh giới nên gọi là có hành, vì nương vào căn mà chuyển, nên gọi là có nương.

Từ duyên sinh cũng nhân
Hữu nhân và hữu vi

Nói sự và thế đạo
Có quả đây quyết định.

Đây là tên của pháp hữu vi, các pháp hữu vi kia duyên theo hòa hợp mà được sinh, nên gọi là duyên sinh. Vì nhân, do sức của nhân mà các pháp khác sinh, vì có nhân mà các pháp hòa hợp tạo ra, nên gọi là hữu vi. Vì chỉ cho biết rõ sự khác nhau của nhiều nhân, nên gọi là nói sự. Chưa có hoạt động do chuyển mà tự tướng hành, nên gọi là đời. Vì hành đó có quả, nên gọi là có quả.

Có tội cũng ẩn mất
Ô uế, hạ tiện, hắc
Thiện hữu vi và tập
Cũng còn gọi tu học.

Có tội cũng ẩn mất, ô uế, hạ tiện, hắc: Đó là các tên gọi đối với pháp bất thiện, vô ký ẩn mất. Vì đáng nhàm chán, ghét bỏ, nên gọi là có tội. Vì phiền não che lấp nên gọi là ẩn mất. Vì phiền não cấu uế nên gọi là ô uế. Vì tầm thường, thô bỉ, nên gọi là hèn. Vì không có trí, tối tăm, nên gọi là hắc. Thiện, hữu vi và tu tập cũng lại gọi là tu học, nghĩa là pháp hữu vi thiện, như tên gọi này. Trong trí có hoặc tiếp nối nhau, pháp này gọi là trí, cho nên thiện. Như thế gian nói: Người ca múa giỏi thì rất khéo tay. Hoặc thiện nghĩa là tên tuệ, vì tuệ kia khéo nói năng, nên gọi là thiện, nhiếp lấy nghĩa như vậy. Vì công đức tăng thượng được thành tựu, nên nói là tập, cũng nói là tu tâm, về hành bất tương ưng, trong đây sẽ nói:

Hai chánh thọ vô tưởng Cũng chủng loại chúng sinh Cú, vị và danh thân

Mạng căn và pháp đắc
Kia là tánh phàm phu
Và bốn tướng các pháp
Phi sắc, bất tương ưng
Gọi là hành hữu vi.

Vô tưởng gọi là chúng sinh sinh vô tưởng, pháp tâm, tâm sở không chuyển.

Hai định vô tâm, đó là định Vô tưởng, định Diệt tận. Định Vô tưởng gọi là tưởng giải thoát, nhàm chán sinh tử. Sức của thiền thứ tư, tiếp nối với tâm theo thứ lớp trung gian diệt. Định Diệt tận được gọi là tưởng vắng lặng, nhàm chán tâm tán loạn. Tâm, tư, niệm ban đầu trụ tưởng, tâm tâm sở nhớ nghĩ lỗi lầm của Phi tưởng phi phi tưởng lần lượt diệt.

Chủng loại chúng sinh, gọi là chúng sinh sinh một đường, thân căn

thấp cao, đến, đi, đứng, uống, ăn nơi tự cộng phần.

Cú là nghĩa danh tự nhóm họp, tùy đều muốn nói, giới hạn rốt ráo gọi là cú. Như Bà-già-la-na nói: vị của ngôn thuyết, nghĩa là chữ sinh. Danh là tên theo nghĩa, như nói bò, ngựa, v.v..., như ngôn, cú của Luận Tỳ-già-la.

Mạng: Nghĩa là tùy theo sự đắc căn đại hòa hợp tâm với mọi việc, theo trình lớp nối nhau, không hư hoại. Nhân đắc, gọi là đắc, pháp đến chỗ thành tựu là một nghĩa đắc.

Tánh phàm phu: nghĩa là chưa đạt đến nhóm chánh quyết định, xa lìa pháp Thánh sĩ phu.

Bốn tướng là sinh, già, trụ, vô thường, như phẩm Hành đã nói. Phi sắc là không phải tự tánh của pháp sắc này.

Bất tương ưng, nghĩa là không tương ưng với không có duyên. Nói là hành hữu vi, nghĩa là thuộc hành ấm.

Hỏi: Hành ấm này có bao nhiêu pháp thiện nên nói rộng như vậy, v.v...?

Đáp:

Hai thiện, năm thứ, ba
Phải biết bảy vô ký
Hai là ở cõi Sắc
Một ở địa Vô Sắc.

Hai thiện: là chánh thọ vô tưởng, chánh thọ diệt tận, hoàn toàn là thiện thì có báo. Chánh thọ Vô tưởng là vô tưởng báo. Chánh thọ diệt tận trừ mạng căn là bốn ấm của Hữu đảnh.

Năm thứ có ba là đắc, sinh, già, trụ, vô thường, v.v... thiện trong thiện, bất thiện trong bất thiện, vô ký trong vô ký.

Phải biết bảy vô ký: nghĩa là cú, vị của chủng loại vô tưởng, được gọi là mạng căn tánh phàm phu.

Hỏi: Có bao nhiêu cõi Dục, v.v... như vậy cần nên biết?

Đáp: Có hai ở cõi Sắc: Địa Quảng Quả của chánh thọ Vô tưởng.

Một ở địa Vô Sắc, nghĩa là định Diệt tận, thuộc về Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Hai cõi, ba phải biết Còn lại ở ba cõi

Hữu lậu, vô lậu năm Ngoài ra, định hữu lậu.

Hai cõi, ba phải biết, nghĩa là danh cú, vị của cõi Dục, cõi Sắc, không phải cõi Vô Sắc, là lìa lời nói.

Còn lại ở ba cõi, nghĩa là chủng loại, đắc, mạng, tướng phàm phu.

Hỏi: Có bao nhiêu hữu lậu, bao nhiêu vô lậu như vậy?

Đáp: Hữu lậu, vô lậu có năm. Đó là các tướng: Đắc, sinh, già, trụ, vô thường, v.v..., hữu lậu trong hữu lậu, vô lậu trong vô lậu.

Đắc: Nghĩa là hữu lậu trong hữu lậu. Vô lậu đều là vô lậu. Số diệt hữu lậu, vô lậu của Thánh, phàm phu không phải thường duyên vô vi, chỉ có hữu lậu.

Ngoài ra, định hữu lậu: Nghĩa là phải biết các hành khác quyết định là hữu lậu.

Hỏi: Lìa Thánh pháp gọi là phàm phu, pháp đó xả như thế nào?

Dứt như thế nào?

Đáp:

Tâm vô lậu đầu tiên
Là Thánh không được xả
Cõi kẻ ngu trôi lăn
Lúc lìa dục diệt tận.

Tâm vô lậu đầu tiên, là Thánh không được xả: Nghĩa là bậc Thánh xả khổ pháp nhẫn, xả tánh phàm phu thì xả đối trị phàm phu.

Cõi kẻ ngu trôi lăn: Đây là xả trôi lăn của cõi phàm phu, theo chỗ kia mất, xả địa sinh, tùy theo địa được, vì không phải vô ký ẩn mất, một sát na như vậy đạt được.

Lúc lìa dục diệt tận: Nghĩa là thuận theo địa lìa dục, hoặc phàm phu, hoặc bậc Thánh, sự phàm phu của địa kia dứt.

Hỏi: Ba vô vi đã nói, vô vi đó có tướng gì?

Đáp:

Xa lìa dứt phiền não
Đó gọi số duyên diệt
Không có sự ngăn ngại
Đó gọi là hư không.

Xa lìa, dứt phiền não, đó gọi là số duyên diệt, nghĩa là nếu phiền não như thân kiến, v.v... với sức số duyên diệt, thì dứt kia theo thứ lớp dứt. Nếu xa lìa dục mà được thì số phần kia gọi là số diệt.

Không các tướng ngăn ngại, đó gọi là hư không, nghĩa là chấp nhận sắc không có sự ngăn ngại, nên các việc: ở, đến, đi v.v... đều được, đó gọi là hư không.

Dựa vào pháp các duyên Có nương và duyên theo, Nếu không đủ, không sinh Diệt này không phải trí.

Pháp hữu vi, nương vào sức duyên mà sinh ra, chứ chẳng có pháp nào bất sinh. Như nhãn thức, nhãn sắc, ánh sáng, hư không, do nhớ mà sinh khởi ý nghĩ hòa hợp, tác ý rồi phát sinh nhãn thức. Nếu thiếu một thì không sinh. Nếu tương ưng với thức khác, mỗi niệm nhãn sinh diệt hòa hợp. Thiếu việc này thì nhãn thức không sinh. Nếu nhãn kia dựa vào thức sắp sinh, thì thức nọ sẽ không sinh. Nếu nhãn kia sinh diệt rồi, thì thức nọ chắc chắn không còn sinh nữa.

Sắc như vậy, nhãn kia duyên thiếu, nhãn thức đó sẽ diệt ở vị lai, sẽ không còn sinh nữa. Như vậy, thân thức khác như được sinh mà nói. Nếu thân thức đó sinh diệt thì ngay từ lúc đầu thân thức đó chẳng phải trí duyên.

Những việc như vậy không thường diệt, nên gọi là phi số diệt.

Nói lược trong pháp bất sinh ở vị lai, duyên thiếu sẽ không bao giờ sinh, tự nhiên diệt gọi là phi số diệt.

Hỏi: Đã nói nhân của pháp hữu vi, vậy pháp hữu vi đó là pháp nào? Nhân nào?

Đáp:

Nhân trước dường như tăng
Hoặc cùng nương nhau sinh
Hai nhân và một duyên
Nói hoàn toàn đã sinh.

Nhân trước dường như tăng: nghĩa là ở trước pháp trước đã giống nhau như vậy. Nhân vị lai cũng là nhân tăng thêm, không phải nhân giảm. Như căn thiện hạ, trung, thượng là căn thiện của tự địa tăng trong nhân. Tăng, nhân tăng, pháp tu tập trụ tăng mà không giảm, chẳng phải thắng pháp vì nhân thấp.

Hoặc cùng, nương nhau sinh, nghĩa là như nhân tương ưng, cộng hữu.

Hai nhân và một duyên, nói hoàn toàn đã sinh: Nghĩa là nhân tự phần đã sinh, nói chẳng phải chưa sinh, nhân tự phần sinh trước, sinh sau, nói chẳng phải chưa sinh, có trước sau.

Như vậy, nhân tất cả khắp cũng nói là sẽ biết duyên thứ lớp ở quá khứ, hiện tại. Tâm, tâm sở sau cùng của A-la-hán, trừ tâm, tâm sở quá khứ, hiện tại khác. Tất cả nhân đó đều gọi là một chủng loại của duyên thứ lớp. Một chủng loại không khác nhau về nhóm trước, nhóm sau, vì duyên theo thứ lớp, nên gọi là thứ lớp duyên.

Hỏi: Vì sao sắc, tâm bất tương ưng hành, không phải duyên thứ lớp?

Đáp: Vì nhiều sự phức tạp, sắc phức tạp, như vậy nên trong một lúc

hiện tiền cõi Dục, cõi Sắc bất tương ưng. Như phàm phu thọ giới, giới Thánh cũng không có hành tương ưng. Bất tương ưng của ba cõi, cùng lúc hiện tiền, vì không có các việc lẫn lộn của tâm, tâm sở nên được gọi là duyên thứ lớp.

Hỏi: Báo là số chúng sinh hay không phải số chúng sinh?

Đáp:

Báo là số chúng sinh
Quả hữu vi, giải thoát
Có duyên nói cùng chuyển
Nghĩa là chuyển tướng khác.

Báo là số chúng sinh, nghĩa là pháp của số chúng sinh, nhất định được gọi là báo. Vì sao? Vì không chung, nên chẳng phải phi số chúng sinh chung.

Hỏi: Báo nghĩa là gì?

Đáp: Vì sự thọ lãnh không giống nhau, như thiện, bất thiện, vô ký.

Hỏi: Nói pháp của quả là sao?

Đáp: Là quả của giải thoát hữu vi. Quả của tất cả pháp hữu vi là thiện, bất thiện, vô ký. Vì nhân duyên nương vào nhau, nên số duyên diệt. Vô vi là nói đến đạo quả của diệt đó.

Hỏi: Pháp có duyên, làm sao trong duyên mà chuyển?

Đáp: Có duyên nói là đều chuyển. Nếu pháp có duyên thì trong cùng một lúc, thì duyên đó sẽ chuyển không khác nhau.

Hỏi: Duyên chuyển ở chỗ nào?

Đáp: Là chuyển tướng của người khác, nghĩa là vin vào duyên người khác, không phải tự tánh duyên tự tánh. Vì sao? Vì tự tánh lìa tự tánh. Như mắt, không tự thấy, trong tất cả việc, các đầu ngón tay không tự xúc chạm, dao không tự cắt, chỉ tương ưng chứ không duyên. Vì sao? Vì một duyên, vì đều sinh, cũng không duyên, vì rất gần nhau. Như ta đặt viên thuốc sát vào mắt, mở lớn mắt, mắt nháy, vì quá gần nên không thấy được viên thuốc, vì nó tự nương, nên không thể duyên!

Hỏi: Mắt đó có chỗ ở hay không có chỗ ở?

Đáp:

Nhân khắp không nơi chốn
Giải thoát lúc sắp sinh
Trong tâm trí phiền não
Lúc đạo sắp diệt diệt.

Nhân khắp không nơi chốn: Nghĩa là tâm, tâm sở của nhân này, nhân hai mắt sinh ra một thức.

Như vậy, thức của nhĩ, tỷ, thiệt cũng thế. Nếu nhân khắp có nơi chốn thì lẽ ra sinh trong một mắt. Và nếu vậy thì lẽ ra chỉ một mắt thấy, chứ không phải hai mắt thấy, hoặc hai thức phát sinh thì không đúng, cho nên không có nơi chốn.

Hỏi: Tâm nào giải thoát? Là quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Giải thoát lúc sắp sinh. Khi sắp sinh, đạo diệt phiền não, nên lúc sắp sinh thì được giải thoát, được giải thoát trong chướng ngại của tâm Vô học.

Hỏi: Lúc đạo sinh là dứt trừ phiền não chăng?

Đáp: Lúc đạo sắp diệt, trong tâm trí, phiền não mà xả. Lúc đạo sắp diệt, thì dứt phiền não, sắp sinh là vị lai, đạo ở vị lai, không thể tạo ra sự việc. Thế nên, lúc đạo vô ngại sắp diệt thì đã xả phiền não. Lúc

@@@đạo giải thoát sắp sinh, thì giải thoát được phiền não, kế đây là nói về tên phiền não.

Hỏi: Hữu ái có bao nhiêu thứ? Đáp:

Hữu ái có năm thứ

Không hữu, chỉ một tướng Sự ái, phiền não khác Dứt, lìa ba cõi này.

Hữu ái có năm thứ: nghĩa là hữu ái được gọi là sự tham đắm trong hữu. Hữu ái đó có năm thứ: Khổ, tập, diệt, đạo, kiến tu đạo dứt. Không hữu, chỉ một tướng: Nghĩa là không có hữu ái gọi là dứt kiến, tự mình dứt trừ niềm vui. Hữu ái đó cũng tu đạo dứt. Vì lẽ gì kiến ái, kiến đạo dứt? Vì kiến này cũng chuyển biến ái, nên tu đạo dứt. Dù Tu-đà-hoàn này không dứt, cũng không hành chung. Vì sao? Vì đoạn kiến đã được nuôi lớn. Vì đoạn kiến đó trái với sự hiện tiền ở trên mà Tu-đà-hoàn kia đã dứt hết, vì tướng nhân duyên, nên biết.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Đoạn giới, lìa giới và diệt giới, là thế nào?

Đáp: Sự ái, phiền não khác dứt lìa ba cõi này, dứt ái, lìa giới, thì ái kia nhiễm đắm với sự tương ưng. Đoạn diệt giới thì ái kia vừa nhiễm, vừa tương ưng. Nếu giới đó, dứt phiền não khác, đó là đoạn giới, tương ưng với nó, chứ không phải nhiễm, vì đối trị gần, nên kiến lập như vậy. Như thế, tất cả một tướng, mười một tâm, là thiện, bất thiện, vô ký ẩn mất, vô ký không ẩn mất của cõi Dục. Cõi Sắc có ba, trừ bất thiện. Cõi Vô Sắc có ba cũng như vậy và vô lậu.

Hỏi: Trong ba cõi này, có bao nhiêu tâm cấu uế, bao nhiêu thiện, bao

nhiêu vô ký?

Đáp:

Tâm cấu uế có mười
Người trí nói như vậy
Tâm thiện phải có sáu
Vô ký tức vô ký.

Tâm cấu uế có mười, người trí nói như vậy, nghĩa là địa, giới tới lui hai cõi, tâm thiện, cấu uế, vô ký ẩn mất, được tâm tương tục. Ngoài ra là thiện, cấu uế, vô ký không ẩn mất của cõi Vô Sắc, việc đó được hiện tiền.

Hỏi: Thế nào là vô ký không ẩn mất của cõi Dục, cõi Sắc?

Đáp: Tâm biến hóa sẽ được, lúc sắp sinh lên cõi Sắc. Do sức thiền của cõi Sắc kia được, chứ không phải phiền não khác, cho nên không phải vô ký được. Sự thối lui không phải vô lậu, như thối vô học, được Hữu học. Những việc như vậy, được như thế, nên duyên theo thứ lớp, chứ không phải một người mà được mười, trong một sát na.

Tâm thiện thì được sáu, nghĩa là tâm thiện được sáu như tận trí.

Tâm biến hóa trong tâm vô lậu thiện cõi Dục, cũng vô ký. Như vậy, tâm thiện và vô lậu của cõi Sắc, cõi Vô Sắc.

Vô ký tức vô ký, nghĩa là không có tâm vô ký ẩn mất, chỉ được tâm vô ký chứ không phải sự hiện tiền khác cũng được, như trước đây đã nói, không phải là tâm chưa được sát-na kia mà được.

Hỏi: Trong mười pháp Bồ-đề phần, có bao nhiêu tánh căn?

Đáp:

Sáu pháp Bồ-đề phần
Nên biết là tánh căn
Nếu các pháp tương ưng
Nên biết là phần khác.

Sáu pháp phần Bồ-đề, nên biết là tánh căn, nghĩa là năm căn như tín, v.v... và chi hỷ giác, ngoài ra không phải là tự tánh của căn.

Hỏi: Là pháp tương ưng với tự tánh của căn, hay là pháp tương ưng với tánh khác?

Đáp: Nếu các pháp tương ưng, nên biết là phần khác tương ưng với phần khác, nên biết, không thể tự tánh là bạn của tự tánh, vì cùng một lúc không có hai!

Hỏi: Chỗ nào được giải thoát?

Đáp:

Được giải thoát trong duyên
Đại tiên nói như vậy
Cũng dứt ít mà buộc
Kiến đạo và Tu đạo.

Được giải thoát trong duyên, Đại tiên nói như vậy: Nghĩa là lìa phiền não trong duyên thì không thể tương ưng với giải thoát. Vì sao? Vì một sát-na, một niệm tâm phiền não trong duyên. Chúng sinh ngu hoặc nhưng không ngu đối với duyên, nên sự giải thoát phiền não thành tựu.

Hỏi: Nếu không tương ưng dứt, không dứt chăng? Chỗ được dứt là tương ưng hay không tương ưng?

Đáp: Nếu không tương ưng cũng dứt, cũng dứt một ít mà trói buộc thì kiến đạo và tu đạo có dứt một phần ít, cũng không thể giải thoát. Ví như trí khổ sinh, tập trí chưa sinh. Nếu kiến khổ dứt, phiền não dứt, thì kiến tập kia dứt, khắp hết thảy phiền não trói buộc. Trong tu đạo cũng một thứ dứt, tức trong đạo đó, tám thứ buộc ràng cho đến tám dứt rốt ráo sự trói buộc của địa hạ hạ.

Hỏi: Kiến đế thế nào để được tịnh bất hoại?

Đáp:

Hai giác ở ba đế
Bốn do thấy chánh đạo
khởi lên tịnh bất hoại
Tu tập ở hai đời.

Hai giác ở ba đế, bốn do thấy chánh đạo thì khởi tịnh bất hoại, nghĩa là khổ, tập, diệt, vô gián đẳng thì được pháp tịnh bất hoại và giới Thánh ái, vì là tự tánh của ba pháp đó. Kiến đạo, tất cả đều được bốn thứ Phật, Pháp, Tăng, có ở trong đó.

Hỏi: Có bao nhiêu tu thế pháp?

Đáp: Tu tập ở hai đời: Đời hiện tại tu hành, thì tu đắc ở vị lai. Hỏi: Pháp nào chuyển theo tâm?

Đáp:

Tất cả pháp tâm sở
Nói cùng chuyển với tâm
Nếu tướng tâm và khác
Tạo ra, cũng nên biết.

Tất cả pháp tâm sở, nói cùng chuyển với tâm, nghĩa là tất cả pháp tâm sở nói là hoạt động chung với tâm. Vì sao pháp tâm sở chung với tâm? Vì cùng một duyên với tâm.

Nếu tướng tâm và khác: nghĩa là tướng của tâm ấy sinh khởi, v.v... nó cũng chuyển theo tâm vì cùng một sinh diệt với tâm.

Và tướng khác. Như vậy, tướng của tâm sở khác cũng chuyển theo tâm vì là một thứ phương tiện yên ổn.

Tạo ra, cũng cần nên biết: là tên của nghiệp này, trong đó nói là chỗ của tâm sở.

Đã nói suy nghĩ về nghiệp thân, miệng chưa hết. Nay sẽ nói giới vô giáo của đạo thiền kia. Vì sức của giới kia phát sinh, nên nói là tác. Thiền đó chuyển theo tâm, vì cùng một quả với tâm. Tâm làm một việc, nói tất cả chuyển theo tâm.

Hỏi: Thế nào là cách dứt?

Đáp:

Dứt các pháp hữu lậu
Người trí cũng không nhơ
Diệt vị lai, nói xa
Khác xa nói là gần.

Dứt các pháp hữu lậu: Nghĩa là tất cả pháp hữu lậu đều dứt, vì có lỗi, nên vô lậu không dứt, vì người trí kia không có vết nhơ, nên không có lỗi, bỏ đi vết nhơ, gọi là dứt, ví như chiếc áo bị nhơ, mới có việc giặt giũ.

Hỏi: Thế nào là biết pháp?

Đáp: Người biết cũng không có nhơ, nếu pháp hữu lậu và pháp vô lậu là tất cả biết pháp, vì tất cả cảnh giới của pháp trí, tùy theo phương tiện trí, như phẩm Trí đã nói.

Hỏi: Thế nào là pháp xa?

Đáp: Diệt ở vị lai, nói là xa. Vì việc không làm nên có bốn thứ xa: Việc làm xa, chỗ xa, tướng xa, tự phần xa.

Việc không làm xa: Nghĩa là đạo ở đời quá khứ, vị lai. Chỗ xa, biển bên này, bờ bên kia.

Tướng xa: Như mặt đất và hư không, chất ẩm ướt khác với hơi ấm áp.

Phần xa: Pháp thiện, bất thiện, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc, dù là một tướng, tướng đó cũng là xa.

Ngoài sự xa này thì nói gần, nghĩa là hiện tại và vô vi nên biết là gần. Vì hiện tại có thể làm xong việc, nên gần. Vô vi tùy theo nơi chốn chóng được, số duyên, phi số duyên diệt, tùy chỗ mà được, hư không nghĩa là khắp tất cả chỗ.

Hỏi: Thế nào là pháp quyết định?

Đáp:

Cái gọi nghiệp Vô gián
Và các hành vô cấu
Người tuệ nói quyết định
Kiến xứ là hữu lậu.

Cái gọi nghiệp Vô gián và các hành vô cấu, người tuệ nói quyết định: Nghĩa là nghiệp Vô gián, tà định, các pháp như vậy, nhất định dẫn thẳng tới địa ngục. Ngoài ra, các hành động ác cũng nhất định vào địa ngục. Địa ngục này nhất định phải là Vô gián hay không? Đã nói quyết định vô cấu hành chánh quyết định thì được quả giải thoát. Trừ năm nghiệp Vô gián, ngoài ra là không nhất định. Hữu lậu và vô vi là không nhất định.

Hỏi: Thế nào là thấy pháp xứ?

Đáp: Kiến xứ là hữu lậu, hết thảy pháp hữu lậu là kiến xứ. Có năm kiến tương ưng. Nếu pháp cấu uế đó duyên kiến, tương ưng khiến cùng sinh, trụ trong pháp bạn thì pháp đó gọi là kiến xứ.

Hỏi: Có bao nhiêu căn chúng sinh thành tựu được?

Đáp:

Nói có mười chín căn
Là thành tựu nhiều nhất,
Ít nhất thành tựu tám
Bậc biết rõ căn nói.

Nói có mười chín căn là thành tựu rất nhiều: Nghĩa là nếu thành tựu hết thảy nhiều căn là mười chín, như bất đoạn căn thiện, bất khuyết căn, vì hai căn này nên phàm phu kia không có vô lậu, căn không thiếu sót.

Như vậy, bậc Thánh chưa lìa dục thì bậc Thánh đó một căn hai vô lậu.

Ít nhất thành tựu tám, bậc hiểu rõ căn, nói nghĩa là nếu tất cả ít thành tựu chỉ có tám, như thân căn khác dứt căn thiện thì kia có thân. Ý, mạng căn, năm thọ, v.v... và phàm phu sinh cõi Vô Sắc. Ý, mạng, xả căn của họ có năm căn như tín, v.v...

Hỏi: Có mấy thứ xúc?

Đáp:

Tăng ngữ và có đối
Trong chỗ minh, vô minh
Cái gọi người đắc quả

Đấy là việc song đạo.

Tăng ngữ và có đối, trong chỗ minh, vô minh: Nghĩa là ý thức kia tương ưng với xúc, tăng ngữ xúc. Vì sao? Vì tăng ngữ dựa vào sự chuyển biến. Do sự chuyển biến của tăng ngữ, nên gọi là tăng ngữ. Do ý thức, nên ngữ chuyển, vì thế ý thức cùng tương ưng với xúc, gọi là tăng ngữ xúc. Hoặc gọi tăng ngữ là cảnh giới phân biệt của ý thức, không phải là năm thức khác, nên cảnh giới của tăng ngữ tương ưng với xúc, gọi là tăng ngữ xúc. Năm thức thân tương ưng với xúc, gọi là xúc có đối. Vì sao? Vì có đối nương vào duyên, năm thức thân dựa vào có đối và duyên có đối, nên xúc tương ưng với năm thức thân đó, gọi là xúc có đối.

Xúc vô minh thì cấu uế, xúc minh vô lậu thì chẳng cấu uế. Hữu lậu không phải minh, không phải xúc vô minh.

Hỏi: Thế nào là đắc quả đạo vô ngại? Là đạo vô ngại hay đạo giải thoát?

Đáp: Cái gọi là đắc quả tức đó là việc của hai đạo. Cả hai đạo đều được quả. Đạo vô ngại do dứt trừ kiết sử mà được. Đạo giải thoát là chứng được giải thoát. Như bắt được con rắn độc, một tay phải bỏ vào hũ, một tay bịt miệng hũ lại. Như với kẻ thù, một tay tống cổ chúng ra ngoài, một tay đóng cửa lại.

Hỏi: A-la-hán trụ tâm nào để nhập Niết-bàn?

Đáp:

Tâm vô trước trụ báo
Được nhập vào Niết-bàn
Sinh hữu và hoại hữu
Bản hữu cũng lại trung.

Tâm không tham đắm trụ báo, được chứng nhập Niết-bàn, nghĩa là đối với tất cả việc đã làm, tâm trụ bình đẳng nhậm vận. A-la-hán trụ trong tâm sinh báo nhập Niết-bàn, cũng trụ tâm oai nghi mà nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì hành nhậm vận. Nói tâm trụ báo nhập Niết-bàn, vì tâm tự nhiên của A-la-hán kia dứt sự thuận theo, tâm trụ vô ký, nhập Niết-bàn, tiếp nối nhau trong tâm thiện, tâm thứ lớp kia tự dứt. Lúc tâm bất thiện, thân lìa dục, xả tâm cấu uế. Lúc Hữu đảnh lìa dục, xả thiện, vô ký hiện ở trước cho nên tâm sau cùng của A-la-hán kia mới trụ tâm vô ký như thế mà nhập Niết-bàn.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ hữu?

Đáp: Có bốn thứ hữu: Sinh hữu và hoại hữu, bản hữu, cũng lại trung. Sinh hữu kia nghĩa là sát na sinh hoặc ấm sinh.

Hoại hữu, nghĩa là ấm sau cùng lúc chết. Bản hữu còn gọi là sinh hữu, tử hữu. Ấm trung gian gọi là bản hữu. Hữu trung gian gọi là chết rồi, cho đến hữu khi chưa thọ sinh. Ấm ở chỗ trung gian này, gọi là trung hữu.

Hoặc có thuyết không lập trung hữu, vì khoảng giữa nơi chốn của người kia không tiếp nối nhau, lời nói của họ không tương ưng. Vì sao? Vì tâm sở dựa vào chỗ chuyển mà thấy. Tâm sở này dựa vào xứ, kiến, không phải pháp nào khác. Tâm sở đó dựa vào thân cộng báo, báo của thân này, không còn trung ấm, nghĩa là xứ cõi Dục nối tiếp nhau, kiến thành trái nhau tâm sở chuyển biến nên không sinh nối tiếp nhau. Nếu còn trung ấm, trung ấm đó sẽ dựa vào xứ. Như vậy, ấm trung hữu sinh kiến, pháp với tâm sở chuyển, tương ưng với thành tựu xứ, nối tiếp nhau, thế nên phải có trung ấm.

Hỏi: Đức Phật nói có sự nhàm chán, lìa bỏ, thế nào là nhàm chán? Sao là lìa bỏ?

Đáp:

Các trí ở nhân khổ

Và nhẫn, tu chỗ nhàm Lìa dục được không dục Là nói ở trong bốn.

Các trí ở nhân khổ và nhẫn, tu ở chỗ nhàm: Nghĩa là khổ, tập duyên theo trí và nhẫn, nói là việc nhàm chán chuyển biến. Lìa dục được vô dục, là nói ở trong bốn, nghĩa là trong khổ, tập, diệt, đạo, trí và nhẫn gọi là lìa dục, vì có thể dứt bỏ dục, trong đó nhẫn kiến đạo hoại trí, nghĩa là tu đạo của đạo vô ngại, dứt trừ phiền não, không còn trí kiến đạo. Có bốn trí trong tu đạo của đạo vô ngại.

Phẩm 10: VẤN LUẬN

Lìa luật nghi, bất luật nghi Mà được ở luật nghi Không nhờ kia được hơn Như bậc Năng Tri nói?

Đáp: Có khi qua đời ở cõi Vô Sắc, sinh xuống cõi Sắc. Theo pháp phàm phu, người ấy ở cõi người, lúc lưu chuyển xả giới vì hệ thuộc vào cõi. Người này lúc sinh xuống cõi Sắc, được phần thối giới của thiền kia. Vì thế nên không tăng.

Từng được quả Sa-môn Hiền Thánh lìa các lỗi Được pháp thiện hữu vi Không gọi là tu tập?

Đáp: Có. Như vốn đã được, thối lui được quá khứ Sa-môn kia chỉ

được không tăng, nên gọi là không tu tập. Sự tu tập khác không thể hiện ra. Vốn đã được lại được.

Lại lúc đạo hưng khởi Chưa lìa các lỗi lầm Lúc giải thoát lìa dục

Đấng năng quyết định nói?

Đáp: Có khi như tu vị lai, như đời trước hiện tiền. Tận trí dứt trừ, hoặc là tận trí ở vị lai khác. Lúc dục kia sinh, khi được dục đó là chưa giải thoát. Vì sao? Vì lúc xưa, gây trở ngại cho sự giải thoát. Tất cả vô học ở vị lai, tâm tiếp nối nhau mà giải thoát.

phiền não rất lẫy lừng Khởi rồi tương ưng định Trong Sơ thiền thanh tịnh Mà được ở thối pháp?

Đáp: Có khi triền lẫy lừng sinh, thối A-la-hán, được tận trí. Nghĩa là sức tận trí của Sơ thiền thanh tịnh, lúc được thiền đó, xả học, vô học kia, hoặc huân tu Sơ thiền.

Từng có kiến đế đạo
Mà được các pháp thiện
Pháp kia là có duyên
Người trí không thấy duyên.

Đáp: Có khi bên cạnh vô gián đẳng trong cõi Dục mà được thế trí. Ấm cõi Dục không thấy tỷ trí, bên vô gián kia mà được thế trí, nên lúc đó không thấy ấm cõi Dục.

Về quả tuệ hữu lậu Tương ưng công đức tịnh Không tương ưng trí tuệ Lúc đó được quả kia?

Đáp: Có khi như cõi Dục lìa dục, không phải Phạm thế lìa dục, quả của đệ tứ thiền cõi Dục kia, vì tâm biến hóa không tương ưng dứt trừ nên thành tựu sự lìa dục. Quả kia trong thiền này, không tương ưng trong thiền kia, vì tuệ không dứt. Như vậy là nói tâm biến hóa của cõi Sắc, lìa dục, không lìa dục ở địa dưới, địa trên.

Về trụ đạo vô ngại Thành tựu ở các diệt

Chướng ngại phiền não đó Không phải kiến vô lậu?

Hỏi: Có khi như hữu lậu sinh chung, trụ đạo vô ngại, tùy theo địa chung năng sinh địa kia lìa dục. Địa đó lìa cả dục đoạn, nên địa đó trụ đạo vô ngại. Sự xa lìa của địa ấy thành tựu, thường nối tiếp nhau để được xa lìa.

Từng có phiền não diệt Bậc vô cấu đạt được Chẳng xả phiền não kia Vô cấu kia dứt hết?

Đáp: Có khi như từ cõi trời Quang Diệu sinh lên Phạm Thế, lúc sắp

sinh, phiền não cõi Dục được xa lìa. Như vậy, địa kia trước đã dứt, địa đó được xa lìa. Vì thế tục lệ thuộc địa đó, nên xả bỏ sự lưu chuyển của địa. Lại nữa, vì còn được trở lại địa ấy, nên cái được này gọi là xa lìa được.

Về địa tịnh vô cấu

Chưa từng được mà được Chẳng lìa dục, chẳng thối Không dựa vào kiến đạo?

Đáp: Có khi như cõi Sắc lìa dục, quyết định chứng vô lậu, trong tu đạo cõi Vô Sắc, được phương tiện.

Trong pháp từng chưa được
Mà được sự thắng lợi
Không bỏ bất lợi đó
Như từng đã học chăng?

Đáp: Có khi như người kia mới sinh phẩm vô lậu, trừ công đức vô lậu khác. Lúc được, người đó không xả việc phàm phu. Với khổ pháp nhẫn, người đó đã lui sụt tất cả công đức vô lậu, không được việc phàm phu.

Đại đức Ưu-ba-phiến-đa, vì muốn đem lại lợi ích cho đệ tử, nên soạn ra Luận A-tỳ-đàm Tâm này.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 98

LUẬN
TẠP A TỲ ĐÀ TÂM

SỐ 1552

(QUYỂN 1 11)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1552

LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

Tác giả: Tôn giả Pháp Cứu. Hán dịch: Tam Tạng Tăng già Bạt Ma, người Thiên Trúc, Đời Lưu Tống.

QUYỂN 1

Phẩm MỞ TỰA

Các Đại sư thuở xưa
Đối với pháp sâu xa
Đa văn thấy Thánh tích
Đã nói tất cả nghĩa.
Tinh tiến phương tiện cầu
Chưa từng được phần khác
Luận A-tỳ-đàm Tâm
Bậc học rộng đã nói.
Có khi rất tổng lược
Có khi rộng vô lượng
Với các thuyết như vậy
Không thuận Tu-đa-la.
Khéo thuận theo sáng tỏ
Chỉ luận này hơn hết
Không nương hư không luận
Người trí còn không rõ.
Quá lược khó rõ biết
Quá rộng, khiến thối trí
Nay tôi nói vừa chừng
Nói rộng nghĩa trang nghiêm.

Nói rộng, theo âm Hồ là Tỳ-bà-sa. Vì dùng nghĩa trong Tỳ-bà-sa để trang nghiêm. Nói "vừa chứng" đó là, nói các sự giải thích nghĩa A tỳ đàm Tâm luận của ngài Pháp Thắng thì rộng, lược không đồng. Bản giải thích của chính ngài Pháp Thắng thì quá lược. Còn luận thích với tám ngàn kệ

giải thích của Ưu bà phiến đa và một luận sư khác với mười hai ngàn kệ giải thích thì lại quá rộng. Ngài Hòa-tu-bàn-đầu dùng sáu ngàn kệ để giải thích pháp bí mật sâu xa., rộng lớn, không có vương chấp điều gì. Người đối với Tam tạng mà giải thích, thì không dựa vào hư không mà luận.

Kỉnh lễ Pháp Thắng tôn
Đã nói tôi kính nhận
Đạt-ma-đa-la tôi
Nói điều chưa từng nói
Đệ tử đều khuyến thỉnh
Tỳ-đàm Tỳ-bà-sa
Chuyên tinh tư duy nghĩa
Các Hiền đều nên học
Chánh yếu dễ hiểu rõ
Lìa não cứu chúng sinh.

Lại nữa, vì hiển hiện pháp thanh tịnh, đối trị phiền não, vì dựa vào A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa là thích đáng nhất, nên Đại đức Pháp Thắng và Đạt-ma-đa-la tôi cùng trang nghiêm chung bộ Tạp A-tỳ-đàm Tâm, lìa các rộng lược, nói nghĩa chân thật.

Hỏi: Hãy tạm gác lại nghĩa chân thật, thế nào gọi là A-tỳ-đàm?

Sao gọi là Tỳ-bà-sa?

Đáp: Đấng Mâu-ni đã thuyết pháp chứa đựng pháp vị, ý nghĩa sâu xa của các đế, đệ nhất nghĩa đế nay nói rõ nghĩa tánh chân thật của các đế ấy v.v... gọi là A-tỳ-đàm. Lại có thể hiển hiện về nghĩa của Tu-đa-la, như đèn soi sáng là tánh của tuệ căn. Nếu nhận lấy tự tướng thì giác ngộ pháp đó gọi là A-tỳ-đàm. Nếu nhận lấy các thứ là tánh của năm ấm, gọi là sự vượt hơn trong các luận, hướng đến giải thoát, gọi là A-tỳ-đàm.

Lại nữa, Tỳ-bà-sa là nghĩa của tánh chân thật, do Đấng Mâu-ni giảng nói. Sự phân biệt hỏi đáp, nhằm nghiên cứu chỗ chân yếu, thuận theo Tu-đa-la, khai mở niềm vui cho mọi người. Đó là như: tánh tướng danh tự, địa, y, hành, duyên, niệm, trí, căn, định, thế, thiện và nghĩa giới học, nghĩa kiến đế đoạn, duyên phương tiện đắc, cũng là lìa dục đắc; khởi sự đầu tiên ở chỗ nào, gồm thâu nhân tương ưng, duyên quả, hữu quả v.v..., vô lượng các thứ nghĩa của các pháp sinh, thuyết có nhiều loại, nhiều thuyết, đó gọi là Luận Tỳ-bà-sa.

Như Phật Thế Tôn nói tóm lược về hai trí: Pháp trí và Tỷ trí. Tỳ- bà-sa nói thì vô lượng phân biệt, nghĩa là Pháp trí kia là tánh tuệ vô lậu, là tướng của trí. Gọi là Pháp trí tức bắt đầu biết pháp, đó gọi là Pháp trí, ở sáu

địa, dựa vào cảnh giới của mười sáu hành nơi cõi Dục, bốn đế, bốn niệm xứ, trí ấn, trí tướng, ba căn, ba tam-muội tương ưng (Ba căn là hỷ, lạc, xả; Ba tam-muội là có giác, có quán, không có giác có quán, không có giác không có quán) ba đời, duyên ba đời và xa lìa đời. Đây là ba thứ duyên thiện (thiện, bất thiện, vô ký) là duyên không trói buộc nơi cõi Dục và không trói buộc, là Học, Vô học duyên ba thứ (Học, Vô học, Phi học phi vô học) là ba loại bất đoạn duyên (kiến đế đoạn, tu đạo đoạn và không đoạn).

Duyên danh và duyên nghĩa, phương tiện đắc, lìa dục đắc, từ cõi Dục khởi pháp của pháp giới, nhập, thuộc về hành ấm, pháp giới, ý giới tương ưng với ý thức giới.

Tự tánh của ba nhân, bốn duyên do ba nhân là chỗ sinh ra. Chỗ sinh của tự tánh bốn duyên là bắt đầu sinh quả y vô lậu và quả công dụng.

Câu sinh, nghĩa là chỉ có quả công dụng. Có quả, nghĩa là ba quả, hai quả trước và quả giải thoát, không nói quả tăng thượng. Tất cả pháp như thế cần nên biết.

Hỏi: Đã biết căn bản của duyên khởi lâu xa, A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa đều nói về pháp đối trị của duyên khởi đó, vì sao nói là nghĩa chân thật?

Đáp: Vì biết nghĩa chân thật. Nếu không phân biệt các luận, tất nhiên khó có thể biết rõ. Vì không biết nên thật trí không phát sinh, vì thật trí không phát sinh nên không biết chân thật. Vì không biết chân thật nên không nhận thấy được lỗi ác của các hành phiền não. Vì không thấy lỗi lầm nên rơi vào đường ác. Trái lại là sinh lên cõi trời, giải thoát.

Hỏi: Đã nói lý do thuyết minh về sự chân thật, tưởng cũng nên nói về nghĩa chân thật?

Đáp: Luận này thù thắng nhất trong các luận chỉ cho chúng ta biết rõ đầy đủ tất cả cảnh giới. Ở luận A-tỳ-đàm thì trí tuệ thêm rộng. Lúc đời năm trược gia tăng, thời, mạng (kiếp trược, mạng trược) trí tuệ và niệm đều bị tổn giảm, quán sát những việc đối với luận rộng lớn này mà nghe, thọ trì cảm thấy sợ hãi. Vì làm lợi ích cho mình và mọi người nên tôi trong ba thời khéo nói tóm lược về điều chân thật. Vì thương xót ngoại đạo và các sư tà luận, xa cách Pháp chủ của chánh luận vượt hơn trước và các Thánh chúng, khắp trong đây, sinh tâm kinh tin, khai phát khiến chúng sinh nhớ nghĩ đến Phật, Pháp, Tăng, đồng thời mở bày công đức chân thật của Tam bảo, vì thế mới soạn luận nói kệ ấy.

Phẩm 1: GIỚI

Trước đảnh lễ Tối thắng Lìa não, an nơi giáo Thuyết giảng đều đầy đủ La-hán thấy chân đế.

Đảnh lễ: Là khởi tâm thiện, chuyển quả ái, khởi thân kính lễ. Tiền là trước. Sao gọi là trước? Nghĩa là tối thắng. Vì thị hiện chỗ cúng dường. Tối thắng có nghĩa gì? Là hàng phục các phiền não nên gọi là Tối thắng. Như kệ đã nói: "Ưu-ba-già nên biết! Như Chư Phật của chúng ta đều đã lìa các lậu, cho nên gọi là Tối thắng".

Lìa phiền não: Là các triền phiền não đốt cháy thân tâm. Qua nhiều kiếp, Đức Thế Tôn đã đem lại sự yên ổn cho chúng sinh. Vì thiêu đốt phiền não hết hẳn nên gọi là lìa phiền não. Vì sự an lạc nên nói phải biết là lìa phiền não, do đấy kế là nói về an giáo. An là an ổn, giáo là ngôn thuyết. Vì lời dạy bảo đem lại sự yên ổn nên gọi là an giáo. Nói tóm tắt, tự yên ổn cho mình đồng thời đem lại sự yên ổn cho người. Lìa phiền não là tự yên ổn, an giáo nghĩa là đem lại sự yên ổn cho người khác.

Vì không điên đảo nên biết là an giáo, cho nên kế là nói những gì đã nói đều đầy đủ. Thuyết là ngôn thuyết tức là an giáo. Đầy đủ nghĩa là biện luận thích đáng, sâu xa, mầu nhiệm, biểu hiện rõ sự quyết đoán. Nói không điên đảo là nghĩa đến chỗ chân thật, vì không trái với hai đế, nên nói là đầy đủ. Thế nên lễ pháp ấy được gọi là cúng dường pháp.

A-la-hán nghĩa là đến chỗ rốt ráo, pháp tướng đầy đủ. Vì thế kế là nói A-la-hán là ruộng phước chân thật, xứng đáng nhận lãnh sự cúng dường, nên gọi là A-la-hán. Đây là hoàn toàn nói về bậc Vô học.

Nói Vô học rồi, kế là nói học kiến chân thật, chân thật nghĩa là bốn Thánh đế không điên đảo, nghĩa là đã học tám nhẫn, tám trí, thấy được chân đế nên gọi là kiến chân thật. Tuy trú nơi kiến đạo chưa chu toàn bốn đế, tất nhiên cần phải kiến, nên cũng gọi là kiến chân thật.

Hỏi: Vì sao kính lễ?

Đáp:

Đấng Mâu-ni biết cả
Hai thứ tướng pháp tụ
Cũng vì người hiện rõ
Nay tôi nói ít phần.

Mâu-ni, nghĩa là thân, miệng, ý viên mãn, nên gọi là Mâu-ni. Đều là đấng Nhất Thiết trí đã nói Tu-đa-la, Tỳ-ni và A-tỳ-đàm truyền bá rộng rãi đến nay. Biết nghĩa là thấy biết nghĩa giác. Pháp nghĩa là nắm giữ, vì gìn

giữ tự tánh nên gọi là Pháp. Vì pháp có tính chứa nhóm nên gọi là pháp tụ. Pháp thiện kia là pháp thiện tụ. Pháp bất thiện, vô ký cũng như thế. Hai thứ này là danh số. Tướng là tướng mạo.

Hỏi: Thế nào là hai tướng?

Đáp: Tự tướng và cộng tướng. Tự tướng là không chung, tức không phải tướng khác, như tướng trở ngại là sắc, so sánh như vậy. Cộng tướng là chung, tướng chung này và tướng khác, như sắc là vô thường, so sánh như vậy.

Hỏi: Nếu tướng ngăn ngại là tự tướng của sắc thì cũng là cộng tướng, vì quán bốn ấm là tự tướng, quán mười thứ sắc là cộng tướng. Như thế tự tướng tức là quán cộng tướng, có hai thứ lớp tướng, cộng tướng là không thành?

Đáp: Một là tự, vì ngăn ngại là tướng của sắc, nên gọi là tự tướng của sắc. Vì các sắc khác nhau nên nói là sắc có mười thứ. Ông nói là quán tự tướng, cộng tướng không thành thì không đúng. Vì sao? Vì không hư hoại, như cha con, như trái và hạt giống, như khổ, tập đế, như cho phép, ngăn cấm. Nếu quán tự tướng thì không phải cộng tướng, nếu quán cộng tướng thì không phải tự tướng. Như một người vừa gọi là cha, vừa gọi là con. Vì do có cha nên gọi là con, vì có con nên gọi là cha. Nếu quán cha thì sẽ không quán con. Nếu quán con tất nhiên sẽ không quán cha. Nếu nói không thành thì không đúng. Vì sao? Vì đã thành, đây là nghĩa cha con đã thành. Nếu là thiện hoặc ác, chánh kiến, tà kiến trong đó nói rộng, khởi lên nghiệp Vô gián. Nếu không có nghĩa cha, cũng không có tà kiến không cha và chánh kiến có cha. Nếu việc này không có thì việc sạch nhơ cũng không có, mà sự sạch nhơ đã không có tất nhiên sự giải thoát cũng không có. Nếu không có nghiệp Vô gián thì cũng không có nhân quả, mà nhân quả đã không có thì tất cả pháp cũng không có, đừng nói là không có lỗi. Thế nên nghĩa cha con được thành thì không thể đã thành lại thành, vì nếu đã thành lại thành thì sẽ vô cùng, cho nên nghĩa tự tướng và cộng tướng được thành.

Hỏi: Những pháp Phật nhận biết, Ngài sẽ nói tất cả chăng?

Đáp: Không.

Hỏi: Vậy Ngài đã nói những gì?

Đáp: Cũng vì người khác thị hiện rõ, nay ta nói một phần ít. Thị hiện rõ là khai thị nghĩa. Người khác là người được giáo hóa. Nếu nghĩa lợi ích, thuận theo phạm hạnh, như Khế kinh Thân Thứ Lâm nói: "Hôm nay ta chỉ nói một phần ít trong pháp mà Phật đã vì người khác giảng nói. Chỗ nhận biết của Như lai sâu rộng vô lượng, như Tôn giả Xá-lợi- phất còn không

thể nói hết, huống chi là người khác.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã nói pháp gì?

Đáp: Hữu lậu, vô lậu, tất cả như thế.

Tất cả hành hữu lậu
Lìa ngã lạc thường tịnh
Vì không thấy hữu lậu
Nên vọng chấp làm Ngã v.v...

Các hành hữu lậu này vì không tự tại nên lìa ngã, vì ba khổ thành nên lìa lạc, vì sức của duyên nên lìa thường, vì ở chốn phiền não nên lìa tịnh.

Hỏi: Những gì là hành hữu lậu?

Đáp: Năm ấm do các phiền não sinh ra.

Hỏi: Nếu hành hữu lậu lìa ngã, lạc, thường, tịnh thì tại sao ở trong đó chúng sinh lại thọ nhận?

Đáp: Vì không thấy hữu lậu nên vọng thọ chấp ngã, v.v... Đối với hành hữu lậu chúng sinh không biết tướng hữu lậu bèn nhận lãnh là ngã, lạc, thường, tịnh. Vì sự tạo nghiệp đã che lấp nên không biết phi ngã (vô ngã). Vì oai nghi bị che lấp nên không biết là khổ. Vì sự nối tiếp giống nhau đã che lấp nên không biết chẳng phải thường (vô thường). Vì lớp da mỏng che khuất nên không biết là bất tịnh. Vì không nhận biết như vậy nên nhận làm ngã, lạc, thường, tịnh.

Hỏi: Tướng nào là hành hữu lậu?

Đáp:

Nếu các phiền não tăng
Là Thánh nói hữu lậu
Vì tên hữu lậu kia
Người tuệ nói phiền não.

Hoặc nương dựa, hoặc duyên theo tăng trưởng các phiền não như thân kiến, v.v... như phẩm Sử nói: Vì các hành kia sinh ra từ lậu, vì sinh ra lậu, vì ở trong lậu, nên nói là hữu lậu. Duyên vô lậu không tăng trưởng, nhuyến trung thượng thì không như vậy. Vì tăng nương dựa, chẳng phải không tăng, tăng nương dựa, không tăng duyên.

Hỏi: Vì sao? Đáp:

Vì tên hữu lậu kia

Người tuệ nói phiền não.

@@@Phiền não nói là lậu, vì tất cả nhập, xứ thường rịn chảy, vì tâm lậu liên tục rỉ chảy, cho nên các hành phiền não tăng nên biết là hữu lậu.

Hỏi: Hữu lậu kia còn có tên khác không? Đáp:

Cũng gọi là phiền não Thọ ấm và tranh cãi

Vì phiền thọ tránh khởi Là các Hiền Thánh nói.

Tức hành hữu lậu này gọi là phiền não, thọ lãnh ấm, tranh cãi. Vì sao? Vì lúc thọ nhận phiền não thì sự cạnh tranh sinh khởi, là các Hiền Thánh nói. Các phiền não như thân kiến v.v... làm não hại chúng sinh nên gọi là phiền não. Vì nhận lãnh thân mình nên gọi là thọ. Vì tâm bị nhiễm loạn nên gọi là tránh, tránh có ba thứ: Phiền não tránh, ấm tránh và đấu tránh.

Phiền não tránh là một trăm lẻ tám phiền não. Ấm tránh nghĩa là sự chết. Đấu tránh là các thứ đều trái nhau. Nên biết trong đây nói phiền não tránh là các phiền não như thân kiến v.v… sinh ra các hành hữu lậu. Vì từ phiền não nẩy sinh nên nói là phiền não. Vì từ thọ sinh ra nên nói là thọ ấm, từ tránh sinh khởi nên nói là tránh.

Đã nói tướng của thọ ấm, nay sẽ nói về tướng ấm.

Nếu hành lìa phiền não Cũng giải thoát các lậu Hành và thọ ấm trước Ấm này do Thánh nói.

Nếu hành lìa bỏ các phiền não như thân kiến, v.v... và các lậu, phải biết là hành vô lậu. Các hành vô lậu này và thọ ấm đã nói ở trước, đây gọi là tướng ấm.

Sự khác nhau giữa ấm và thọ ấm, nghĩa là chuyển biến và không chuyển biến, hợp lại thành ấm, chuyển biến là thọ ấm.

Hỏi: Việc này là sao?

Đáp:

Gọi là sắc, thọ ấm
Tưởng, hành cùng với thức
Là thứ lớp năm ấm
Thuận theo nói thô, tế.

Năm ấm này là sắc, thọ, tưởng, hành, thức ấm.

Hỏi: Thế nào là sắc ấm?

Đáp: Tất cả các sắc quá khứ, vị lai, hiện tại nói rộng như thế. Các sắc ấm đó khởi rồi lại diệt là nói quá khứ, chưa khởi chưa diệt là nói vị lai, đã khởi, chưa diệt là nói hiện tại. Ở thân mình gọi là trong, ở thân người và số phi chúng sinh gọi là ngoài.

Lại nữa, về nghĩa trong ngoài như nói nhập, xứ. Thô gọi là có đối, tế gọi là không đối. Nếu nói không thành thì không đúng, vì quán không thành

là không đúng. Nếu quán thô thì không phải tế, nhiễm ô gọi là sắc xấu ác, không nhiễm ô gọi là sắc tốt đẹp. Quá khứ, vị lai gọi là xa, hiện tại gọi là gần. Nghĩa xa có bốn thứ, như phẩm Hạnh nói. Tất cả thứ đó hoàn toàn là nói lược. Về sắc ấm đây gọi là lược chứ không phải sự lược. Như sắc ấm, thọ, tưởng, hành, thức ấm cũng như vậy.

Trong đó có sự khác nhau, nghĩa là thân mình nhận lãnh gọi là bên trong, thân người khác nhận lãnh gọi là bên ngoài. Nội duyên, ngoại duyên, lực phương tiện khởi, lực cảnh giới khởi. Thô là năm thức thân, tế là ý địa. Địa giới nhiễm ô, không nhiễm ô cũng như thế, cho đến thức ấm cũng như vậy, hành là hành ấm. Bên ngoài là số chúng sinh, phi chúng sinh, nên biết.

Hỏi: Sắc cho đến thức có tướng gì?

Đáp: Tướng ngăn ngại là tướng của sắc. Tùy giác là tướng của thọ, thuận với biết là tướng của tưởng. Sự tạo tác là tướng của hành. Sự phân biệt là tướng của thức. Sắc quá khứ kia tuy không ngại nhưng đã từng chướng ngại. Tuy sắc ở vị lai chưa ngại, nhưng vì sẽ trở ngại, dù mỗi cực vi tuy không ngại nhưng vì nhiều số cực vi tụ tập lại thì trở ngại. Vô tác (vô tác sắc) tuy không ngại nhưng do sắc tạo tác là ngại, nên cực vi kia cũng trở ngại, như cây chao động, bóng cây cũng chao động. Như sắc ấm quá khứ, vị lai, bốn ấm còn lại cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao trước đây nói sắc ấm cho đến thức ấm?

Đáp: Vì thuận theo nói thứ lớp thô tế của năm ấm này. Sắc ấm trong năm ấm kia rất thô, vì năm thức nương dựa, vì cảnh giới sáu thức, nên nói trước. Thọ ấm tuy không phải sắc, vì hành thô nên như nói về sắc, như đầu chân, v.v... của ta thọ nhận sự tùy chuyển, như vậy cho đến thức ấm rất tinh tế cho nên nói sau. Lại nữa, từ lúc không thể biết bổn tế đến nay, nam vì sắc của nữ, nữ vì sắc của nam, vì chỗ nhiễm đắm cho nên nói trước. Vì thích thọ nhận tham, nên khởi sắc dục. Vì tưởng điên đảo nên khởi tham lạc thọ. Vì phiền não nên khởi lên tưởng điên đảo, vì dựa vào ý nên khởi phiền não.

Lại nữa, vì quán hai thứ sắc nên nhập vào pháp Phật là cửa ngõ cam lộ, nghĩa là quán bất tịnh và niệm an ban. Quán bất tịnh kia nghĩa là quán sắc tạo. Niệm an-ban nghĩa là quán bốn đại, vì vậy nên trước nói sắc ấm, quán sắc rồi mới nhận lỗi của thọ, thấy được lỗi của thọ thì tưởng không điên đảo, tưởng đã không điên đảo thì phiền não sẽ không hiện hành, phiền não đã không hiện hành tất nhiên tâm có thể nhẫn. Đây là nói thuận với năm ấm. Nay sẽ nói nghịch với năm ấm. Vì sự sống sạch, nhơ đều lấy tâm làm gốc, cho nên trước quán thức ấm. Quán thức ấm rồi, phiền não sẽ mỏng.

Phiền não đã mỏng thì khởi lên tưởng pháp. Khởi tưởng pháp thì tham thọ không sinh. Tham thọ không sinh nên quán sắc, cho nên, trước nói sắc ấm cho đến thức ấm.

Hỏi: Thế nào là phân biệt nói sắc ấm?

Đáp:

Mười thứ là sắc nhập
Và giả sắc vô tác
Phân biệt sắc ấm ấy
Lời đấng Mâu-ni nói.

Mười thứ gọi sắc nhập: Nghĩa là sắc của mắt, tiếng của tai, mùi của mũi, vị của lưỡi, xúc chạm của thân.

Giả sắc vô tác là: Như phẩm Nghiệp nói. Các sắc này, mỗi sắc được nói trong sắc ấm.

Đã gọi là thức ấm
Đây tức là ý nhập
Ở trong mười tám giới
Cũng lại nói bảy thứ.

Nói thức ấm tức là ý nhập, là nói bảy tâm giới trong mười tám giới.

Ngoài ra có ba ấm
Vô tác, ba vô vi,
Đây là nói pháp nhập
Cũng gọi là pháp giới.

Ba ấm: Thọ ấm, tưởng ấm và hành ấm. Ba tác vô vi vô: Hư không, số diệt, không phải số diệt. Bảy pháp này gọi là pháp nhập, cũng gọi là pháp giới.

Hỏi: Vì sao thọ, tưởng được lập riêng là ấm, còn tâm pháp khác lại chỉ được lập một hành ấm?

Đáp:

Luân chuyển trong sinh tử
Phải biết hai căn tránh
Cho nên thọ, tưởng riêng
Kiến lập làm hai ấm.

Vì hai việc nên chúng sinh trôi lăn trong sinh tử, đó là tham lạc thọ và tưởng điên đảo. Vì tham lạc thọ nên hành ái, vì tưởng điên đảo chấp trước nên hành kiến.

Hai căn tránh, nghĩa là tập dục ái, Tham dục buộc từ thọ sinh, kiến dục buộc từ tưởng sinh. Thọ tu các thiền, tưởng tu Vô sắc. Lại nữa, tâm

pháp hoặc căn, hoặc chẳng phải căn. Căn pháp là thọ, chẳng phải căn pháp là tưởng, thế nên tùy theo nghĩa mà nói.

Hỏi: Tất cả năm ấm đều là hành, vì sao nói một hành ấm?

Đáp:

Dù năm ấm là hành
Mà tên một thọ hành
Vì pháp hữu vi nhiều
Nói hành ấm là đủ.

Vì trong hành ấm có nhiều hành: pháp hữu vi như tương ưng, bất tương ưng v.v... Pháp tương ưng nghĩa là tự nguyện, v.v... Pháp bất tương ưng nghĩa là đắc, v.v...

Hỏi: Tất cả đều là hành ấm, vì sao Khế kinh nói một tư là hành ấm, không phải pháp khác?

Đáp: Vì vượt hơn, vì tăng thượng, vì trước hết, vì tưởng là tướng của hành, tư kia là tánh của tác. Nếu có ấm khác thì đều nhập vào năm ấm, nay sẽ nói như thật.

Nói rộng các pháp ấm
Gồm có tám mươi ngàn,
Giới và các ấm khác
Đều thuộc về năm ấm.

Tám muôn pháp ấm đều thuộc về sắc ấm, vì Phật nói về tánh của lời nói. Có thuyết nói: Gọi là tánh là thuộc về hành ấm, năm ấm như giới khác v.v… Giới ấm giới đó thuộc về sắc ấm. Định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến đều thuộc về hành ấm. Nếu có tên ấm khác đều thuộc về năm ấm.

Hỏi: Giới hạn ngang đâu gọi là pháp ấm?

Đáp:

Pháp ấm là kinh luận
Mỗi pháp nói như vậy
Và các hành đối trị
Đều gọi số pháp ấm.

Có thuyết nói mỗi kinh, luận đều gọi là pháp ấm. Số kinh luận như vậy có đến sáu ngàn. Có thuyết nói: Mỗi xứ ấm là xứ pháp ấm. Lại nói xứ ấm, xứ giới, v.v... đều là số pháp ấm. Nói như vậy nghĩa là chúng sinh có tám muôn hành. Cho nên Đức Thế Tôn tùy theo chỗ hành kia, vì họ nói pháp đối trị, đều là số pháp ấm.

Hỏi: Trước ông đã nói mười loại, nghĩa là sắc nhập, cũng là giả sắc vô tác, đó gọi là sắc ấm. Vậy còn những pháp nào là nhập?

Đáp:

Đó là nhãn, nhĩ, tỷ,
Thiệt, thân cùng với ý
Sắc, thanh, hương, vị, xúc
Ngoài ra nói pháp nhập.

Nhãn nhập kia nghĩa là chỗ nương của nhãn thức, sắc tịnh do bốn đại tạo, không thể thấy, có đối. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng như vậy.

Sự khác nhau nghĩa là tùy theo chỗ nương dựa của thức. Ý nhập là tâm, ý, thức. Danh nghĩa tạo bày ra nghiệp ở đời. Các danh, v.v... kia đã tạo nên sự khác nhau, cần nên biết. Danh gọi là tâm, gọi là ý, gọi là thức. Nghĩa: Tập khởi là nghĩa của tâm. Tư lương là nghĩa của ý, phân biệt nhận biết là nghĩa của thức. Nghiệp: Biết xa là tâm, biết trước là ý, nối tiếp sinh ra là thức.

Đời: đời quá khứ là ý, đời vị lai là tâm, đời hiện tại là thức. Lập bày: Lập bày ra giới là tâm, lập bày ra nhập là ý, lập bày ra ấm là thức. Lại nữa, phân biệt tham, sân, si, v.v... là cảnh giới vô lượng. Tâm định gọi là không rối loạn, tâm nhiễm ô trái với tâm định này gọi là tán loạn. Tâm tương ưng với lười biếng, gọi là đi xuống, tâm tương ưng với tinh tiến, gọi là đi lên. Vì ít luyện tập tâm tịnh và tâm nhiễm ô, nên gọi là ít. Luyện tập nhiều tâm tịnh gọi là nhiều. Căn ít dễ được ít đối trị, tùy chuyển. Các tâm nhiễm ô gọi là nhỏ, tâm thiện trái với tâm này gọi là lớn. Ở tâm đó, đắc tu tập, không tu tập. Tâm nhiễm ô như vậy gọi là không tu. Tâm thiện trái với tâm này gọi là tu. Tự tánh giải thoát và tại giải thoát, ở tâm nhiễm ô kia gọi là không giải thoát, tâm thiện trái với tâm này, gọi là giải thoát. Hoặc có tâm tự tánh giải thoát, chẳng phải tại giải thoát, hoặc có tâm tại giải thoát, chẳng phải tự tánh giải thoát. Hoặc có tâm tự tánh giải thoát, cũng tại giải thoát, hoặc có tâm không phải tự tánh giải thoát, cũng chẳng phải tại giải thoát. Tự tánh giải thoát chẳng phải tại giải thoát, nghĩa là tâm hữu học vô lậu, tại giải thoát chẳng phải là tự tánh giải thoát, tâm vô học hữu lậu này là tự tánh giải thoát cũng tại giải thoát, tâm vô học vô lậu này chẳng phải tự tánh giải thoát cũng chẳng phải tại giải thoát. Tâm hữu học hữu lậu và tâm phàm phu.

Sắc nhập có ba thứ: sắc, xứ, câu (đều cùng có). Sắc: sanh, vàng, đỏ, trắng, nói rộng như vậy. Xứ: Là thân làm sắc. Câu (đều cùng có): như tạo ra bức họa, v.v...

Thanh nhập có ba thứ, nghĩa là nhân thọ tiếng của bốn đại, nhân không thọ tiếng của bốn đại, nhân đi chung với tiếng. Nhân thọ bốn đại, nghĩa là nhân duyên của cuống họng, môi, lưỡi, phát ra tiếng. Nhân không

thọ bốn đại, nghĩa là nhân duyên của gió, chuông, cây, v.v... phát ra tiếng. Nhân đi chung với tiếng, nghĩa là do nhân duyên đánh trống thổi các nhạc cụ phát ra tiếng. Mỗi tiếng đó đều có hai thứ, đó là tiếng vừa ý, không vừa ý.

Hương nhập có ba thứ: Hương tốt, hương xấu, hương không phải tốt xấu. Vị nhập có sáu thứ: Cay, chua, ngọt, đắng, mặn, lạt.

Hỏi: Nếu lúc nếm vị, vị riêng là thiệt thức, vậy cái giác ở trước có phải là thân thức hay chăng?

Đáp: Nếu trước biết nóng lạnh, thì thân thức trước, thiệt thức sau, nếu phân biệt vị cay riêng, v.v... thì thiệt thức có trước, thân thức có sau.

Xúc nhập có mười một thứ, đó là bốn đại và bảy thứ sắc tạo. Bảy thứ sắc tạo đó là nhám, trơn, nhẹ, nặng, lạnh, nóng, đói, khát. Nhám là thô cứng, trơn là mềm, nhỏ nhuyễn, nhẹ là không thể cân, nặng là dầy dặn, lạnh là tìm ấm, đói là thèm ăn, khát là muốn uống.

Hỏi: Có đại nào tăng nên có nhám, trơn, cho đến đói khát?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không tăng thêm riêng. Nghiệp báo của người đó trước được quả bốn đại nhám cho đến đói khát.

Có thuyết nói: Vì nước, lửa tăng nên trơn láng, vì đất, gió tăng nên nhám rít, vì đất, nước tăng nên nặng, vì gió, lửa tăng nên nhẹ, vì nước, gió tăng nên lạnh, vì gió tăng nên đói, vì lửa tăng nên khát.

Hỏi: Có bao nhiêu xúc có thể phát sinh thân thức?

Đáp: Có thuyết nói: Từ sự nhám rít cho đến khát, mỗi việc đều có thể sinh khởi. Lại nói, năm xúc có thể khởi bốn đại cùng với chất nhám rít, như vậy cho đến đói khát.

Có thuyết nói: Có mười một thứ khởi lên thân thức v.v... vì là cảnh giới của thân thức này nên không có lỗi. Có hai thứ lớp tướng: sự tự tướng và nhập xứ tự tướng. Sự tự tướng là đồng cảnh giới. Nhập xứ tự tướng là cảnh giới của tự tướng. Trong mười một thứ này có hai thứ thuộc về cõi Dục, đói và khát chẳng thuộc cõi Sắc, chín thứ thuộc cõi Dục, cõi Sắc. Chiếc áo của cõi Sắc tuy không thể cân nhưng với cõi khác cũng có thể cân, cũng có thể chứa nhóm, tuy không có tai hại của sự lạnh nóng mà vẫn có sự nuôi lớn, điều hòa.

Sự đói khát: Hoặc nói dựa vào quả, vì thức ăn có thể đoạn. Phái A-tỳ-đàm nói: "Sắc báo không thể đoạn, đoạn rồi lại nối tiếp". Phái Kế Tân nói: "Vì sự đói khát là báo thiện, bất thiện, vì ngăn ngại nên không thể biết. Thức ăn đã tiêu hóa rồi lại còn có thể biết, cho nên người giàu có mà đói

khát là báo thiện, còn người nghèo khổ mà đói khát là quả báo bất thiện".

Pháp nhập có bốn thứ sắc vô tác như phẩm Nghiệp chép: Tâm pháp như phẩm Hành nói và tâm bất tương ưng hành như phẩm Tạp nói. Vô vi ở sau phẩm này sẽ nói. Trong nội nhập cảnh giới của nhãn nhập vì thô nên nói trước. Tự tánh của sắc nhập trong ngoại nhập vì thô nên nói trước. Vì là cửa vào của khổ, vui, nên nói là xứ nhập. Lại nghĩa sát hại là nghĩa của nhập xứ, tâm, tâm pháp diệt trong xứ nhập này.

Hỏi: Nhập xứ và xúc nhập xứ khác nhau ở chỗ nào?

Đáp: Xứ xúc nhập tức là xứ nhập, hoặc xứ nhập không phải ngoại nhập của xứ xúc nhập. Nếu nội xứ nhập không có thì xứ nhập này không phải là xứ xúc nhập. Duyên khác không khởi xúc gọi là không phải phần, vì là chỗ trụ của xúc nên gọi là xứ xúc nhập.

Xúc không chỉ là xứ nhập, vì là cửa vào của xúc, giống như cửa sổ (Thiên trúc cho là cửa sổ, vì gió thổi vào). Vì là chỗ trú của xúc như Thánh trụ, cũng nên nói là thọ xứ nhập, đã nuôi lớn xúc của tâm, tâm pháp, vì xúc đem đến, xúc chuyển biến, vì sức của xúc hiện ở trước, cho nên gọi là xứ xúc nhập (Thánh trụ, Trung quốc gọi là Thánh trụ biên địa, gọi là chỗ ở của Di-ly-xa).

Hỏi: Một thân có mười hai nhập là thế nào?

Đáp:

Dù ở trong một thân
Việc đã làm đều khác
Nương tự tánh của duyên
Mười hai thứ phân biệt.

Ở trong một thân có mười hai nhập, chỉ vì mỗi việc đều khác. Nếu việc là nhãn nhập thì việc này cho đến chẳng phải pháp nhập. Nếu sự là pháp nhập thì sự này cho đến chẳng phải nhãn nhập.

Hỏi: Những gì là sự nhãn nhập cho đến sự pháp nhập?

Đáp: Mắt do thấy sắc là sự, sắc do mắt thấy là sự, như thế cho đến pháp nhập. Ví như một nhà có mười hai người ở làm việc, việc mỗi người đều khác nhau, việc kia cũng giống như vậy. Vả lại, vì chỗ dựa và duyên khác nhau nên nói có mười hai, nghĩa là sáu thức thân có sáu chỗ dựa, sáu duyên. Lại vì tự tánh phân biệt nên nói có mười hai, hoặc như tự tánh của nhãn cho đến chẳng phải tự tánh của pháp, hoặc tự tánh của pháp cho đến chẳng phải tự tánh của nhãn.

Hỏi: Mười hai nhập và phần ít của pháp nhập là sắc, vì sao lại nói riêng một xứ nhập là sắc nhập?

Đáp:

Dù có rất nhiều sắc
Chỉ nói một sắc nhập
Nên biết một sắc nhập
Là cảnh giới ba mắt.

Cảnh giới của ba mắt trong sắc nhập kia gọi là sắc nhập: nhục nhãn, thiên nhãn và Thánh tuệ nhãn. Do sắc thô nên nói có hai mươi loại. Đó là sanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, ngay, không ngay, vuông, tròn, cao, thấp, mây, khói, bụi, sương mù, ảnh, quang, sáng, tối. Trong tám sự như dài v.v... kia, có chia ra ba thứ, ngoài ra đều vô ký.

Hỏi: Tất cả mười hai nhập đều là pháp tánh vì sao chỉ nói một pháp nhập?

Đáp:

Tất cả các pháp kia
Dù đều là pháp nhập
Trong pháp có rất nhiều
Một pháp nhập, không khác.

Tất cả pháp kia tuy đều là pháp nhập nhưng chỉ vì có rất nhiều pháp trong một nhập, đó là pháp sắc, pháp Vô Sắc, pháp tương ưng, pháp bất tương ưng, pháp hữu vi, pháp vô vi, thế nên chỉ nói một pháp nhập.

Lại nữa, ba tướng hữu vi, pháp tướng đó không trái nhau, vì tướng đó nhập vào pháp nhập, nên chỉ nói một pháp nhập. Vả lại, tất cả các pháp đều dùng danh để hiển hiện, danh đó nhập vào pháp nhập. Pháp là tướng chân thật, nghĩa là môn giải thoát không. Vì pháp trước là pháp giác, là trong không nhập pháp nhập, thân kiến có thể tự giác là không đúng, vì điên đảo chuyển. Pháp là nghĩa đệ nhất, nghĩa là Niết-bàn vắng lặng, là pháp nhập trong pháp nhập.

Hỏi: Đức Thế Tôn trong khế kinh nói vô lượng nhập, vì sao chỉ nói mười hai nhập?

Đáp:

Mười tất cả nhập kia
Tám nhập, hai, bốn nhập
Và năm giải thoát nhập
Đều thuộc về mười hai.

Mười trong tất cả nhập, tám nhập trước và tám thắng xứ là tánh của căn thiện vô tham, đều xếp vào pháp nhập. Nếu nhận lấy quyến thuộc thì tánh của năm ấm đều xếp vào ý nhập, pháp nhập. Mười trong tất cả nhập,

hai nhập sau và bốn Vô Sắc nhập là tánh của bốn ấm, đều xếp vào ý nhập, pháp nhập.

Hai nhập nghĩa là chúng sinh Vô tưởng nhập và chúng sinh phi tưởng nhập. Chúng sinh Vô tưởng nhập là tánh của mười nhập, trừ hương vị nhập. Nói bốn Vô Sắc là đã nói phi tưởng nhập, nói năm giải thoát nhập là tánh tuệ, quyến thuộc là tánh của năm ấm, đều xếp vào ba nhập (thanh nhập, ý nhập, pháp nhập). Năm giải thoát nhập:

1. Phật nói liền được giải thoát.
2. Nghe xong tư duy đắc.
3. Nhân tự tụng kinh đắc.
4. Nhân người khác nói pháp đắc.
5. Quán nhân duyên đắc.

Hỏi: Đã nói mười tám giới là chủng loại có mười tám hay là danh có mười tám?

Đáp:

Giới chủng nói mười bảy
Hoặc nói là mười hai
Cảnh giới, y là nương
Phân biệt mười tám thứ.

Mười tám giới, hoặc mười bảy thứ, hoặc mười hai thứ, nếu nhận lấy ý giới thì mất sáu thức, nếu nhận lấy sáu thức thì mất ý giới. Ví như lấy riêng từng cây thì mất rừng, nếu lấy rừng thì mất cây. Thí dụ ngón tay, nắm tay, v.v... cũng giống như vậy. Nếu lấy ý giới thì mất sáu thức, nếu nhận lấy sáu thức thì mất ý giới.

Hỏi: Nếu vậy thì sao lại nói mười tám giới?

Đáp:

Cảnh giới, nương, người nương
Chia ra mười tám thứ.

Vì ba việc nên nói mười tám giới, vì nương dựa, vì người nương tựa, vì cảnh giới. Nương tựa là sáu nương dựa: Nhãn giới cho đến ý giới. Nương dựa nghĩa là sáu thức giới, từ nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Cảnh giới nghĩa là sáu ngoại giới. Nếu nói tâm sau cùng của A-la-hán không sinh thức sau, không phải là ý giới, điều này không đúng, vì duyên khác, nên thức sau không nối tiếp, như đất không có hạt giống.

Lại nữa, vì xúc nên lập mười tám giới, nhãn xúc có ba nhân duyên sinh, nghĩa là nhãn, sắc, thức. Như vậy cho đến ý, vì đồ dùng, vì thức ăn,

vì người ăn. Đồ dùng là nhãn giới. Thức ăn là sắc giới, người ăn là nhãn thức giới.

Hỏi: Nên nói hai mươi mốt giới: hai nhãn, hai nhĩ, hai tỷ là sáu, thiệt giới, thân giới, bảy tâm giới, sáu ngoại giới?

Đáp:

Hai nhãn nói một giới
Vì hai chỉ là một
Nhĩ, tỷ cũng như vậy
Hai nói chung một giới
Vì khiến thân đoan nghiêm
Kia đều không mỗi một.

Dù có hai nhãn mà nói một giới, vì chỉ có một, vì cùng một bốn đại tạo, vì có một cái thấy, không phải một mình có hai căn, vì là một thức nương dựa, hai nhãn một thức nương dựa cũng không nên hai căn, vì một thức dựa vào một xứ nhập. Cảnh giới của một nhập cũng đều thọ nhận cảnh giới của một nhập, hai nhãn cùng nhận lấy chung một sắc. Dùng một mắt để thấy sắc thì sẽ không rõ, hai mắt thấy sắc thì rõ hơn. Hai tai, hai mũi thành một giới, cũng nói như mắt. Vì trang nghiêm thân nên có hai mắt, hai tai, hai mũi. Vì kẻ một mắt, người ta không yêu kính, thế nên mắt, v.v... phải có hai, thân lưỡi chỉ có một. Như Phật Thế Tôn dù nói các thứ giới đều xếp vào mười tám giới, nay sẽ nói theo thứ lớp.

Nếu có các giới khác
Khế kinh của Phật nói
Mỗi mỗi tùy tự tánh
Đều nhập mười tám giới.

Nếu Đức Thế Tôn nói giới khác đều xếp vào mười tám giới, vì ba việc: Dựa, người dựa và duyên. Như Đức Thế Tôn nói: "Kiều-thi-ca! Thế gian có các thứ giới, nghĩa là các kiến dùng giới để gọi, kiến đó đều xếp vào pháp giới". Nếu kiến đó được nói là sáu mươi hai giới, như kinh Đa Giới và Khế kinh khác nói: "Dùng tên giới để nói nghĩa là đều tùy theo nghĩa của kiến kia, đều xếp vào mười tám giới".

Hỏi: Giới, nhập, ấm khác nhau ra sao?

Đáp:

Giới nói tất cả pháp
Pháp tức mười hai nhập
Trừ ba pháp vô vi
Còn lại là năm ấm.

Tất cả pháp gọi là mười tám giới, không lìa chỗ dựa, vì người dựa và duyên. Tất cả pháp tức là nói mười hai nhập. Bảy tâm giới là ý nhập, đây tức là nghĩa khác nhau. Trừ ba pháp vô vi, pháp khác gọi là năm ấm, vì thế lực chứa nhóm.

Hỏi: Nếu nói tất cả pháp là giới, giới tức là nhập, trừ ba pháp vô vi gọi là ấm, vì sao Đức Thế Tôn nói có ba thứ?

Đáp:

Mâu-ni quán chúng sinh
Dục, giải, căn không đồng
Tánh hành ngu khác nhau
Nên nói ấm, giới, nhập.

Ba thứ mong muốn hiểu biết của chúng sinh là quảng, lược, trung. Quảng (rộng) là nói về giới, trung là nói về nhập, lược là nói về ấm. Căn hạ, trung, thượng cũng giống như vậy.

Đối với kẻ ỷ tánh buông lung thì, vì họ nói giới, nghĩa tánh là nghĩa của giới. Cậy vào của cải, kiêu mạn, buông lung thì vì họ nói nhập, nghĩa của môn chuyển vận là nghĩa nhập. Dựa vào thân mạng mà kiêu mạn, buông lung thì nói về ấm, là dùng pháp ấm tử. Đối với người mới bắt đầu tu hành, vì họ nói giới. Với kẻ tu hành ít vì họ nói nhập. Với người đã tu hành vì họ nói ấm. Đối với kẻ ngu về sắc, tâm thì vì họ nói giới, ngu về sắc vì họ nói nhập, ngu về tâm pháp vì họ nói ấm.

Hỏi: Ấm, nhập, giới có nghĩa gì?

Đáp:

Chứa nhóm là nghĩa ấm
Nghĩa chuyển vận nói nhập
Nghĩa chủng tánh nói giới
Ba thứ này khác nhau.

Mười một thứ vô lượng như sắc, v.v... nói chung là sắc ấm, như kho tàng, như đoàn quân. Ví như bốn thứ quân, mỗi loại chúng đều khác nhau, gọi là quân chúng. Sắc cũng như vậy, tuy có mười một thứ nhưng đồng một sắc tướng, gọi là sắc ấm, như A-tỳ-đàm nói: "Khéo quán sắc ấm, nghĩa là một cực vi gồm thâu phần ít của một giới, một nhập, một ấm. Không khéo quán nghĩa là nói một cực vi gồm thâu một giới, một nhập, một ấm. Như sắc ấm, thọ, tưởng, hành, thức ấm cũng giống như vậy".

Nghĩa môn chuyển vận gọi là nhập, nghĩa là vì có cả khổ vui. Nghĩa chủng tánh là nói giới, nghĩa là như trong một núi có nhiều tánh: tánh vàng, tánh, bạc v.v... cũng vậy trong một thân có các thứ tánh, mỗi tánh đều khác

nhau, nên nói là mười tám giới.

Hỏi: Vì sao nói mười tám giới, mười hai nhập và năm ấm, không thêm, không bớt?

Đáp:

Cảnh giới nương, người nương,
Pháp đo lường thích ứng
Thế nên giới, nhập, ấm
Không thêm cũng không bớt.

Giới đo lường thích ứng, nghĩa là với sáu chỗ dựa, sáu người dựa và sáu duyên. Chỗ dựa kia nếu tăng thì không phải là chỗ dựa, vì không có người dựa. Nếu giảm thì người dựa sẽ không có chỗ nào để nương dựa. Tất cả nhập như vậy cũng đều lấy chỗ dựa và duyên làm đo lường. Vì sao ấm lại nhiễm đắm sắc? Vì nhiễm vướng lạc thọ. Vì sao nhiễm vướng lạc thọ? Vì tưởng điên đảo. Vì sao tưởng điên đảo? Vì tương ưng với phiền não, phiền não nương vào ý, ý tức là dựa vào ý, như chỗ nói ý duyên pháp sinh ý thức. Lìa chỗ dựa này, không có chỗ dựa nào khác, đã nói tự tánh của giới, nhập, ấm và nhân duyên, nay sẽ nói rộng về giới.

Một khả kiến trong giới
Lại nói tất cả giới
Vô ký nói tám thứ
Còn lại thiện, bất thiện.

Một có thể thấy trong giới, nghĩa là sắc giới trong mười tám giới có thể thấy, có thể ngắm, ở chỗ này, ở nơi khác, cho nên có thể thấy. Lại nữa, chỉ cho ta biết về tâm hành của con người nên nói là có thể thấy. Lại nữa, vì tự hiện, nghĩa là mắt thấy được, nên biết có mười bảy, không thể thấy, vì không có tướng kia. Lại nói tất cả giới đều có thể thấy, vì cảnh giới của mắt tuệ, như nói kệ:

Tất cả các pháp kia Người tuệ thấy vô ngã.

Như A-tỳ-đàm nói: "Người hữu học thấy dấu, vì là thấy dấu ấn của bốn chân đế". Thế nên, tất cả mười tám giới đều có thể thấy. Vô ký nói là tám thứ, nghĩa là tám giới vô ký, nghĩa là năm tình và hương, vị, xúc. Vì không có quả ưa thích, không ưa thích để ghi nhớ nên nói là vô

@@@ký. Mười giới kia có thể ghi nhớ vì thiện và bất thiện. Nghĩa là bảy tâm giới của pháp sắc, thanh. Thân hành động thiện là sắc thiện. Thân hành động bất thiện là sắc bất thiện, sắc còn lại là vô ký. Như vậy miệng thốt ra tiếng động tịnh, bảy thức giới của tâm là thiện, tâm tương ưng với vô tàm (không hổ) vô quý (không thẹn) là bất thiện, ngoài ra là

pháp giới vô ký. Nếu tâm tương ưng với tâm thì như tâm, nếu không tương ưng như phẩm Tạp nói: Thiện có bốn thứ: tự tánh, tương ưng, cộng khởi, đệ nhất nghĩa. Tự tánh thiện nghĩa là sự hổ thẹn và ba căn thiện. Pháp tương ưng tức tâm, tâm pháp tương ưng với nó. Cộng khởi tức là nghiệp thân miệng do kia khởi lên và tâm bất tương ưng hành.

Đệ nhất nghĩa: Đó là Niết-bàn, đây là bốn thứ thiện. Tự tánh bất thiện nghĩa là không hổ, không thẹn, ba căn bất thiện. Pháp tương ưng tức là tâm, tâm pháp tương ưng với điều bất thiện đó. Cộng khởi tức là chỗ khởi ấy của nghiệp thân, miệng và tâm bất tương ưng hành. Đệ nhất nghĩa nghĩa là luân chuyển trong sự nguy hiểm, đều trái nhau, nghĩa là vô ký.

Hỏi: Tất cả pháp, nghĩa là mười hai nhập, chính là điều Đức Thế Tôn đã ghi nhận, vì sao lại nói là vô ký?

Đáp: Không do hoàn toàn không nói, nên gọi là vô ký. Thiện thì ghi nhận là thiện, bất thiện thì ghi nhận là bất thiện, vì không ghi nhận thiện, bất thiện nên nói là vô ký. Nếu là thời nhân quả thì ghi nhận nhân quả, lúc khác thì vô ký, hoặc có trường hợp không gọi là vô ký, như Khế kinh Ký Luận nói:

Tất cả đều sẽ chết
Luận này hoàn toàn ghi
Tất cả chết lại sinh
Đó gọi phân biệt luận.
Nếu hỏi sinh thù thắng
Đó gọi cật vấn luận
Năm ấm chúng sinh khác
Đây gọi chỉ ký luận.

Hoàn toàn ký luận: Nếu có người hỏi: Tất cả chúng sinh đều chết phải chăng? Nên đáp thẳng rằng: Tất cả chúng sinh đều phải chết.

Phân biệt luận giả nói: Nếu có ai hỏi: Tất cả đều sẽ chết, chết rồi lại sanh phải chăng? Nên đáp theo thứ lớp rằng: Người có phiền não thì sau khi chết rồi sẽ sinh lại, người không có phiền não thì chết rồi không sinh lại nữa.

Cật vấn ký luận giả nói: Nếu có người hỏi: Đời sống con người có

@@@thù thắng không thì nên hỏi ngược lại: Vậy ông từ đâu đến? Hỏi: Nếu họ nói vừa từ cõi trời đến thì nên đáp là thấp kém. Nếu họ nói vừa đến từ cõi ác thì nên đáp là: Vượt hơn.

Chỉ ký luận giả nói: Nếu có người hỏi ấm và chúng sinh là khác hay đồng? Thì phải im lặng. Vì sao? Vì lý do không thích hợp. Ví như có người

hỏi con của gái bất dục có khéo cung kính không? Vì gái bất dục không có con thì đâu được đáp con của nó có cung kính hay không. Như vậy có ấm mà không có chúng sinh làm sao lại có được sự đồng và khác? Vì không thích ứng nên không đáp.

Phái A-tỳ-đàm nói: Hoàn toàn ký luận giả cho là nếu có người hỏi: "Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác chẳng? Khéo nói giáo pháp chăng? Đệ tử của Đức Thế Tôn có hướng thiện chăng? Sắc là vô thường, phải chăng thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường? Khéo phân biệt khổ, tập, diệt, đạo chăng?", nên đáp thẳng rằng vì nghĩa lợi ích.

Phân biệt luận giả nói: Nếu họ nói nên vì tôi giảng nói pháp thì nên hỏi pháp có nhiều, hoặc quá khứ, hoặc vi lai, hoặc hiện tại, ông muốn tôi nói pháp nào? Nếu họ nói hãy vì tôi giảng nói pháp quá khứ thì nên hỏi pháp quá khứ cũng nhiều, hoặc sắc ấm, hoặc thọ, tưởng, hành, thức ấm, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu họ nói sắc ấm thì nên hỏi sắc ấm cũng nhiều, hoặc thiện, hoặc bất thiện, vô ký, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu họ nói sắc thiện thì nên hỏi sắc thiện có bảy thứ, từ không sát sinh cho đến không nói lời thêu dệt, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu họ nói không sát sinh thì nên hỏi không giết hại có ba thứ: không tham, không sân, không si, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu họ nói xin giảng nói pháp không tham thì nên hỏi không tham có hai thứ tạo tác và không tạo tác, vậy tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Các lối lý luận như vậy gọi là phân biệt ký luận.

Cật vấn luận giả nói: Nếu có người hỏi pháp thì nên hỏi vặn lại: Pháp có rất nhiều, ông hỏi về pháp nào? Không vì phân biệt hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại cho đến tạo tác, không tạo tác. Nếu người đó với tâm dịu dàng thì sẽ vì họ phân biệt nói. Nếu họ là kẻ dua nịnh, không ngay thẳng thì nên hỏi ngược lại, để cho họ tự đáp, đó gọi là Luận cật vấn.

Chỉ ký luận giả nói: Nếu có người hỏi thế gian là hữu biên, hay thế gian là vô biên? Các câu hỏi như vậy, như hư không, như tràng hoa, không thể ghi nhận thơm hay không thơm, đây gọi là chỉ ký luận. Đã nói về ký, vô ký, nay sẽ nói về mười hai hữu:

Mười hai giới có đối
Một giới nói phần ít
Mười giới, bảy có đối
Một phần ít cũng vậy
Nói cảnh giới có đối
Chướng ngại cùng với duyên.

Giới của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và bảy giới tâm, mười hai giới này gọi là có đối. Phần ít trong pháp giới cũng nói là có đối, đó là tâm pháp. Lại nữa, mười sắc giới nói là có đối, bảy tâm giới và phần ít pháp giới cũng nói là có đối.

Hỏi: Trong đây, những thứ nào có đối?

Đáp:

Nói cảnh giới có đối
Chướng ngại cùng với duyên.

Ba thứ có đối: cảnh giới có đối, chướng ngại có đối và duyên có đối. Cảnh giới có đối như Kinh Thi Thiết đã nói: Mắt đối với sắc cho đến ý đối với pháp. Đã nói ý giới nên biết, là đã nói bảy tâm giới và phần ít pháp giới, cho nên phải biết phần ít một giới của mười hai giới, là có đối, năm giới ngoại và phần ít pháp giới là không có đối. Như các kinh ấy v.v.. nói nếu quán trên đất liền thì không quán dưới nước, nói rộng như vậy.

Sự chướng ngại có đối nghĩa là mỗi pháp đều đối nhau, mỗi chỗ đều chướng ngại. Nếu sự chướng ngại đó có một thì sẽ không có trụ thứ hai, vì sự nhóm họp của cực vi, vì sự chướng ngại, vì có thể phân biệt, vì căn cứ vào nơi chốn nên biết. Tám vô đối trong đây nên nói rộng.

Duyên có đối nghĩa là tâm, tâm pháp chuyển biến cảnh giới, cho nên nói rằng: Nếu cảnh giới của pháp có đối thì pháp đó sẽ chướng ngại có đối chăng? Nên chia làm bốn trường hợp:

1. Hoặc cảnh giới có đối, không có chướng ngại có đối, nghĩa là bảy tâm giới và pháp giới tương ưng với tâm.

2. Hoặc chướng ngại có đối, không phải cảnh giới có đối, nghĩa là năm giới ngoài.

3. Hoặc cảnh giới cũng chướng ngại có đối, nghĩa là năm giới nội.

4. Hoặc không phải cảnh giới, cũng không phải chướng ngại có đối, nghĩa là thuộc về pháp nhập, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Nếu cảnh giới của pháp có đối thì pháp đó sẽ duyên có đối chăng? Nghĩa là duyên có đối là cảnh giới có đối. Hoặc cảnh giới có đối không phải duyên có đối, nghĩa là năm giới nội.

Hữu lậu có mười lăm
Hai khác, ba ba hữu
Trong cõi dục có bốn
Mười một ở hai hữu.

Mười lăm giới hoàn toàn hữu lậu, nghĩa là năm giới nội, năm giới

ngoại, năm thức giới. Vì lậu sinh ra, vì sinh ra lậu, vì ở nơi lậu, vì khởi lên trong lậu, nên nói là hữu lậu. Như trước kia có sự sợ hãi, vì cùng có với lậu có nên nói là hữu lậu, như thức ăn trộn lẫn thuốc độc.

Hai thứ khác là ý giới, pháp giới, ý thức giới. Hai thứ của ba giới này hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, nếu từ hữu lậu sinh ra là hữu lậu, trái lại là vô lậu.

Ba ba hữu nghĩa là ý giới, pháp giới và ý thức giới, có thể đắc trong ba hữu là Dục hữu, Sắc hữu, Vô Sắc hữu.

Vô lậu là không trói buộc, trong ba cõi trong thân đắc, nhưng không phải là tự tánh đắc.

Trong cõi Dục có bốn, nghĩa là hương giới, vị giới và thức của cảnh giới này không phải ở cõi Sắc, Vô Sắc, vì đã lìa cách ăn vốc của cõi Dục. Ba nhập là tánh chất của cách ăn vốc. Cõi Sắc, Vô Sắc kia lẽ ra cũng không có xúc. Cõi Dục này thì không như vậy, tánh xúc nhập có hai thứ: hoặc là tánh ăn vốc, hoặc không phải cách ăn vốc, ở cõi Sắc không có tánh ăn vốc vì thân vi diệu. Hương, vị hoàn toàn là tánh ăn vốc, thế nên cõi kia không có. Vì cảnh giới không có nên thức ở cõi kia cũng không có.

Hỏi: Cõi Sắc kia không có hương vị, cũng không có thức của hương vị đó, thì tỷ giới, thiệt giới lẽ ra cũng không có phải chăng?

Đáp: Vì đủ các căn, vì các căn thay nhau giữ gìn. Mười một ở hai hữu nghĩa là Dục hữu, Sắc hữu. Năm nội giới, sắc, thanh, xúc giới và cảnh giới thức này. Mười một giới ấy không phải ở cõi Vô Sắc, vì lìa tánh sắc.

Có giác, có quán năm
Ba hành ba, khác không
Có duyên phải biết bảy
Pháp nhập nói phần ít.

Có giác có quán năm: Nghĩa là năm thức giới có giác, có quán vì thô, cho đến cõi Phạm Thế, không phải địa trên.

Ba hành ba, nghĩa là ba chủng của ba cõi: ý giới, ý thức giới, tâm tương ưng với pháp giới. Cõi Dục và Sơ thiền có giác, có quán. Thiền trung gian không giác, có quán. Địa trên và tất cả pháp giới bất tương ưng, không giác, không quán.

Hỏi: Pháp của địa có giác, có quán có bốn thứ: Hoặc có giác, có quán; không giác, có quán; không giác, không quán. Không giác, có quán, chẳng phải không giác, có quán, chẳng phải không giác, không quán.

Thế nào là có giác, có quán?

Đáp: Cõi Dục và Sơ thiền, các tâm, tâm pháp khác, trừ giác, quán.

Hỏi: Thế nào là không giác, có quán?

Đáp: Giác.

Hỏi: Thế nào là không giác, không quán?

Đáp: Sắc, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Thế nào là không giác, có quán, chẳng phải không giác, có quán, chẳng phải không giác, không quán?

Đáp: Quán giác khác không có, nghĩa là chẳng có giác, chẳng có quán, vì không có duyên. Hữu duyên nên biết là nói phần ít của bảy pháp nhập, nghĩa là bảy tâm giới gọi là hữu duyên. Vì có duyên này nên nói là hữu duyên. Như người có con, nói là người đó có con.

Phần ít pháp giới có duyên, nghĩa là phần ít tâm pháp không có duyên là không phải tâm pháp, nghĩa là nhãn thức và pháp tương ưng duyên với sắc cho đến thân thức và pháp tương ưng. Xúc duyên với, ý thức và pháp tương ưng duyên với tất cả pháp.

Chín không thọ hai khác
Vô vi là chung một
Toàn bộ là hữu vi
Nên biết mười bảy giới.

Chín không thọ, nghĩa là chín giới không nhận tên Thọ. Nếu căn số của sắc hiện tại và không lìa căn, nếu căn này bị đoạn hoại, phá vỡ, ép ngặt, thì tâm, tâm pháp thọ sẽ dừng lại ở nơi kia. Nếu khác thì không thọ, nghĩa là chín giới không thọ, bảy tâm giới, thanh giới, pháp giới vì không đoạn hoại.

Hai khác: Nghĩa là năm giới nội ở hiện tại là thọ, vì biết khởi sự đoạn, v.v... Quá khứ, vị lai là không thọ, vì tâm, tâm pháp không trụ. Nên sắc, hương, vị, xúc nếu hiện tại và không lìa căn là thọ, như tâm, tâm pháp dừng nghỉ trong căn, trong năm giới kia cũng vậy, vì không lìa căn.

Vì vô vi chung một, nghĩa là một pháp giới hữu vi, vô vi, trong đó có ba thứ: vì thường còn nên vô vi, vì pháp khác là vô thường, nên hữu vi. Thế nên hữu vi, vô vi chung một.

Hoàn toàn là hữu vi, nên biết mười bảy giới, nghĩa là vì mười bảy giới vô thường, vì hoàn toàn hữu vi sinh diệt, vì ba tướng hữu vi đã thành, vì có nhân, vì rơi vào ấm, vì rơi vào thế gian, vì hạ trung, thượng. Trái ngược với trên là vô vi.

Có tội và có báo

Nhiễm ô và ẩn mất
Tu tập thì có mười
Có kiến trong một giới
Cũng nói có tâm pháp
Một giới là thấy tánh.

Bảy tâm giới, sắc, thanh, pháp giới có hai thứ: hoặc có tội, hoặc không có tội. Nhiễm ô là có tội, không nhiễm ô là không có tội. Như có tội, như không có tội, sự nhiễm ô, ẩn mất cũng như vậy. Năm thức giới, sắc giới, thanh giới thiện, bất thiện là có báo, nếu vô ký là không có báo. Ý giới, ý thức giới, pháp giới, nếu bất thiện, thiện hữu lậu là có báo, nếu vô ký, vô lậu thì không có báo.

Hỏi: Vì sao bất thiện, thiện hữu lậu thì có báo, còn vô ký, vô lậu thì không có báo?

Đáp: Ví như hạt giống bên ngoài do ba yếu tố hòa hợp mới nẩy mầm, có hạt giống chắc do nước tưới tiêu, do phủ lấp cỏ đất, cộng với công sức, tự tánh của nó với mọi công cụ đầy đủ, nên mầm lá mới mọc ra. Dù có hạt giống cứng chắc, nhưng vì không dùng nước để tưới, không dọn cỏ, lấp đất vào và vì các duyên không đủ nên hạt giống sẽ không nẩy mầm, ra lá non. Có hạt giống không chắc, dù có tưới nước, dọn cỏ, lấp đất vào nhưng vì tự tánh của hạt giống không chắc thật nên mầm chồi không mọc.

Như sự khác nhau nơi ba việc của hạt giống bên ngoài như vậy, nhân bên trong duyên khởi, cũng có ba việc khác nhau. Như hạt giống ban đầu, pháp hữu lậu thiện, bất thiện vững chắc như thế, dùng nước ái tưới, lấy kiết khác để che lấp, do sức tự tánh của các duyên nên mầm được mọc lên. Như hạt giống thứ hai như vậy, pháp vô lậu vững chắc không rưới bằng nước ái và kiết khác che lấp, nhưng vì không đủ nhân duyên nên mầm không mọc.

Như hạt giống thứ ba, dùng pháp vô ký như vậy tuy có dùng nước ái để tưới, dùng kiết khác để ngăn che nhưng vì tự tánh của chúng không thật có nên không nẩy mầm.

Tu tập thì có mười, nghĩa là bảy tâm giới, sắc giới, thanh giới thiện là tu, bất thiện, vô ký là không tu, pháp giới thiện, hữu vi là tu, bất thiện, vô ký và thường diệt là không tu.

Hỏi: Vì sao bất thiện, vô ký và thường diệt là không tu?

Đáp: Vì quả ái nên tu, vì bất thiện, vô ký không có quả ái nên không tu. Tánh thường diệt là quả, vì sự sinh không nối tiếp nhau nên không tu. Phải biết tám giới không có tội, không có báo, không có nhiễm ô và không có ẩn mất, nên không tu.

Trong một giới có kiến, nghĩa là có tám thứ kiến trong pháp giới: năm kiến như thân kiến, v.v... kiến của thế tục, v.v... kiến học, kiến vô học. Vì kiến nghĩa là quán thấy, vì quyết định, vì nhận lãnh vững chắc, vì duyên vào sâu như đêm tối âm u, thấy sắc cấu uế, tuệ thấy pháp cũng như vậy, như đêm tạnh thấy sắc. Sự thấy của thế tục, v.v... cũng giống như thế, như ban ngày râm mát nhìn thấy sắc. Kiến học cũng như vậy. Như nhìn thấy sắc vào ban ngày tạnh ráo, kiến vô học cũng giống như thế.

Cũng nói có tâm pháp, nghĩa là pháp giới này có tâm pháp, tức thọ, tưởng, v.v... vì có tâm pháp ấy nên nói có tâm pháp. Nên biết mười bảy giới và phần ít của một giới không phải tâm pháp, vì một giới là tánh kiến.

Một giới là tánh kiến nghĩa là vì nhãn giới có thể ngắm nhìn, nên biết mười sáu giới và phần ít của một giới chẳng phải kiến.

Hỏi: Thế nào là thấy? Vì mắt thấy hay vì nhãn thức thấy? Vì tuệ tương ưng với nhãn thức mà thấy, hay vì sự hòa hợp mà thấy? Tất cả những chỗ nghi gì là có lỗi. Vì nếu nói mắt thấy thì tại sao thức khác phát sinh trong cùng một lúc, lại không thấy. Vì sao không đều có được tất cả cảnh giới? Nếu nói nhãn thức thấy thì tướng của thức không phải là tướng của kiến, người không có mắt lẽ ra cũng thấy. Nếu nói vì nhãn thức tương ưng với tuệ nên thấy thì lại do nhĩ thức tương ưng với tuệ nên nghe chăng? Nếu nói do hòa hợp nên thấy thì điều này không nhất định, vì đôi khi nhãn thức có hai mươi hai pháp, hoặc hai mươi mốt pháp, hoặc mười hai thì sao?

Đáp:

Tự phần mắt thấy sắc
Không phải nhãn thức thấy
Không phải tuệ, hòa hợp
Vì không thấy sắc ngại.

Vì tự phần mắt thấy sắc, cho nên thức khác cùng lúc thì không thấy, vì thức khác đều có cái không, mắt hiện ở trước vì chẳng phải tự phần. Vì lý do này nên không cùng có tất cả cảnh giới. Vì các căn của tự phần, vì không cùng với thức trụ căn, nên gọi là tự phần. Không có hai thức cùng hiện hành chung, không có duyên thứ đệ thứ hai.

Hỏi: Nếu mắt lìa không thấy sắc, thì đó là thức thấy chớ không phải mắt thấy, đâu cần dùng đến mắt?

Đáp: Thức đã thành mắt kia thì thành mắt kia, không phải phần thì nhân chẳng phải phần, như thọ không lìa tưởng, tưởng không lìa thọ, mắt kia cũng như vậy.

Nếu nhãn thức thấy thì cái gì nhận thức? Nếu tuệ thấy thì cái gì biết?

Nếu do hòa hợp mà thấy thì việc hòa hợp của các pháp này đều khác nhau, nghĩa đó đã có gián đoạn thì sẽ không có sự hòa hợp. Nếu do hòa hợp mà thấy thì lẽ ra phải có hai quyết định của tự pháp, nghĩa này không đúng.

Nếu nhãn thức thấy thì lẽ ra thấy sắc chướng ngại, vì không có đối. Tuệ và hòa hợp cũng giống như vậy. Do nhãn thức không đối nên không nhận thức được sắc chướng ngại, rồi cho rằng không thấy là không đúng, vì cần phân biệt. Phân biệt nghĩa là nên nói vì sao nhãn thức không biết sắc chướng ngại? Nên nói là vì một cảnh giới của mắt chuyển biến, cho nên nhãn thức không biết được sắc chướng ngại, vì mắt có đối, vì có đối nên không thấy sắc chướng ngại, nên nhãn thức không nhận biết. Thức lẽ ra có hai tự tánh, hoặc biết hoặc thấy, thức khác cũng như vậy.

Vả lại, nếu nhãn thức thấy thì vì sao không nhận biết? Đã biết nhãn thức không biết được sắc chướng ngại, còn phải biết vì một cảnh giới của mắt chuyển biến, lại phải nói là chướng ngại, vì có đối dựa mà nói rằng không biết được sắc chướng ngại là không đúng, vì có đối, không đối và dựa. Nhãn thức có hai thứ dựa mắt và thứ lớp diệt ý. Nếu vì có đối dựa nên không thấy sắc chướng ngại. Nếu không đối dựa, thì lẽ ra phải thấy sắc chướng ngại, nói khác đi là có lỗi. Vì mắt là không cùng dựa, còn ý là cùng dựa mà không thấy sắc chướng ngại thì không đúng. Dựa là đối với tướng: Sắc, v.v... chẳng phải phần, cũng chẳng phải mắt là sắc, nhãn thức là sắc, cũng chẳng phải mắt không có duyên, không có duyên cũng vì chẳng phải mắt không tương ưng với nhau. Những thứ không tương ưng như vậy, v.v... đều có lỗi.

Lại nữa, ý cũng biết là không cùng dựa. Nếu nương vào ý mà nhãn thức sinh thì khi chưa từng nương vào ý kia mà thức khác vẫn sinh, vì mỗi tâm luôn chuyển biến nối tiếp nhau. Thế nên ý cũng là không cùng dựa chung, nên kiến và thức không gián cách, vì biết tức là kiến thì không đúng, vì có bốn thứ không hư hoại. Đức Thế Tôn nói bốn thứ: Không hư hoại là kiến, văn, giác, thức. Nếu thức tức là kiến thì chỉ có ba thứ: Văn, giác và thức, kiến tức là thức thì không như vậy. Thế nên phải biết có mắt thấy và tác dụng phân biệt của thức mà kiến lập thành bốn loại thì không đúng, vì nhãn thức không thấy sắc chướng ngại là lỗi mà trước đây đã nói, do thức và kiến có danh nghĩa của chúng đều khác nhau, nhãn quang chiếu gọi là kiến, tâm phân biệt theo gọi là nhận thức.

Nếu nói là mắt thấy thì sắc kia lẽ ra phải cân xứng với nhãn lượng, là phạm lỗi tự sinh, vì thức không có hạn lượng. Vì thức không có hạn lượng nên Đức Thế Tôn nói mắt có thấy mà cho thức thấy là không đúng. Vì như

nói pháp của ý thức, còn có thức ở trong pháp chăng? Nếu nói pháp của ý thức thì nên biết mắt cũng như vậy. Như Đức Thế Tôn nói: "Này Phạm chí! Mắt là cửa ngõ, vì nó thấy sắc nên cái thấy này có tên khác. Ông đã hiểu sai lời ta nói, vì tâm, tâm pháp đều không có phương hướng, nơi chốn mà lại nói có sự ra vào là không đúng". Tức Khế kinh kia nói ý là cửa ngõ, vì biết pháp, không còn pháp nào khác trong đó biết pháp. Thế nên trong mắt tức là thấy (Từ câu "nhãn thức không phải thấy" đến đây gồm có bảy chương: Chương một là gạn hỏi, phân tích về không phải. Sáu chương còn lại là biện luận, phân tích, giải thích thức không phải thấy, nhằm hạn chế người lạ nêu lên chấp, sau cùng xem xét sự thật, nhằm bác bỏ sự sai trái để thành lập nghĩa của mình).

Số cực vi có mười
Chín giới bốn đại tạo
Hai giới nói phần ít
Nội giới nói mười hai
Đây là tánh của căn
Trong một giới có căn.

Số cực vi có mười, nghĩa là mười sắc giới là tụ cực vi, vì có phần, vì ngăn che, vì trở ngại lớn, vì căn cứ nơi chốn. Nên biết tám giới không phải nhóm cực vi.

Chín giới bốn đại tạo nghĩa là trừ xúc giới, số còn lại là bốn đại tạo chín sắc giới khác vì nó do bốn đại tạo sinh ra, vì làm nhân cho bốn đại. Bốn đại và năm nhân của các giới này sinh ra: nhân sinh, nhân dựa, nhân kiến lập, nhân dưỡng, nhân trưởng.

Hai giới nói phần ít, nghĩa là hai giới sẽ phân biệt là xúc giới và pháp giới, hoặc bốn đại tạo, hoặc không phải bốn đại tạo. Trong xúc giới, tánh bốn đại chứ chẳng phải bốn đại tạo, bốn đại tạo của bảy thứ sắc tạo, bốn đại tạo của nghiệp thân, miệng trong pháp giới, còn trong pháp giới khác không phải là bốn đại tạo. Bảy tâm giới không phải là bốn đại tạo, mười một loại, bốn đại nhãn nhập làm chỗ dựa, cho đến pháp nhập làm chỗ dựa, không phải ý nhập. Sắc tạo cũng có mười một loại, từ nhãn nhập cho đến pháp nhập, không phải ý nhập.

Hoặc có thuyết nói: Bốn đại, chỗ nương dựa của nhãn nhập, sinh ra nhãn nhập, số còn lại cũng như vậy. Có thuyết nói bốn đại, chỗ nương dựa của nhãn nhập, sinh ra ba nhập là nhãn nhập, thân nhập và xúc nhập. Như vậy cho đến chỗ nương dựa của thiệt nhập.

Sự khác nhau trong đây: Từ chỗ nương dựa của thân nhập tự căn,

sinh ra hai nhập là thân nhập và xúc nhập, chỗ nương dựa của sắc, thanh, hương, vị nhập cũng như vậy, chỗ nương dựa của xúc nhập chỉ có sinh ra xúc nhập. Lại nữa, tất cả bốn đại sinh ra sắc, thanh. Tất cả sắc của cõi Dục đều không rời hương, vị, chỗ nương dựa của pháp nhập cũng như vậy. Chỗ nương dựa của nhãn nhập sinh ra bảy nhập: nhãn nhập, thân nhập và năm cảnh giới. Như vậy cho đến nơi nương dựa của thiệt nhập, thân nhập sinh ra sáu nhập, trừ bốn căn như: Nhãn, v.v... Chỗ nương dựa của pháp nhập cũng như vậy. Chỗ dựa của sắc nẩy sinh ra năm nhập cho đến chỗ dựa của xúc nhập cũng như thế.

Có thuyết nói: Chỗ nương dựa của nhãn nhập sinh ra mười một nhập, cho đến chỗ nương dựa của pháp nhập cũng như vậy. Đối với nhân duyên bốn đại này, phân biệt bốn đại với tướng khác lạ, khởi sắc tạo của tướng khác lạ, nên có bốn trường hợp:

1. Có bốn đại của tướng đồng, khởi tạo sắc của tướng khác. 2 . Có bốn đại của tướng khác, khởi tạo sắc của tướng đồng. 3 . Có bốn đại của tướng khác, khởi tạo sắc của tướng khác. 4 . Có bốn đại của tướng đồng, khởi tạo sắc của tướng đồng.

Thế nào là bốn đại của tướng đồng khởi tạo sắc của tướng khác?

Nghĩa là bốn đại của tướng xúc sinh khởi mười một thứ tạo sắc.

Thế nào là bốn đại của tướng khác khởi tạo sắc của tướng đồng? Nghĩa là bốn đại của tướng cứng chắc, ẩm ướt, ấm áp, lay động khởi tạo sắc của tướng xúc.

Thế nào là bốn đại của tướng khác khởi tạo sắc của tướng khác? Nghĩa là bốn đại của tướng cứng chắc, ẩm ướt, ấm áp, lay động khởi mười một thứ tạo sắc.

Thế nào là bốn đại của tướng đồng khởi tạo sắc của tướng đồng?

Nghĩa là bốn đại của tướng xúc khởi tạo sắc của tướng xúc.

Hỏi: Bốn đại và tạo sắc có khác gì nhau không?

Đáp: Bốn đại là nhân, tạo sắc là quả. Tướng cứng chắc, ẩm ướt, ấm áp, lay động là bốn đại. Nếu sắc nào nhân bốn đại ra mà không có tướng của bốn đại thì sắc đó là tạo sắc. Lại nữa, sắc không thể thấy là bốn đại, sắc có thể thấy, không thể thấy là tạo sắc.

Các thuyết như vậy, v.v... nói nội giới có mười hai, nghĩa là năm giới sắc trong và bảy giới tâm. Mười hai giới này là giới trong, nên biết sáu giới là giới ngoài.

Hỏi: Vì pháp nói là trong hay vì con người mà nói là trong? Nếu vì

pháp mà nói là trong, thì tất cả pháp sẽ không có tự, nếu vì con người mà nói là trong thì pháp sẽ không có con người?

Đáp: Vì pháp nên nói là trong, nhưng không phải tất cả pháp, vì là đối tượng nương dựa của tâm, tâm pháp nên nói là nội, ngoại giới, ý kia cũng nương dựa, cũng là người nương dựa, năm sắc giới kia là chỗ dựa, không phải người nương dựa, tâm pháp tuy là người nương dựa nhưng không phải chỗ dựa. Ngoài ra không phải chỗ dựa cũng không phải người nương dựa. Đây chính là tánh của căn, tức là mười hai thuyết căn. Trong một giới có căn nghĩa là mười một pháp trong pháp giới là căn, số còn lại không phải căn. Nên biết năm giới ngoại và phần ít của một giới không phải căn.

Phần phần khác mười bảy
Một giới nói có phần
Mười bảy giới thuộc về
Một phần ít ba nghiệp.

Phần phần khác mười bảy nghĩa là trừ pháp giới, giới khác nói là có phần và có phần khác. Nhãn giới kia có phần, nghĩa là vì chia ra ba loại đời: Quá khứ đã thấy sắc, hiện tại đang thấy sắc và vị lai sẽ thấy sắc.

Có phần khác nghĩa là bốn loại: quá khứ không thấy sắc đã diệt, hiện tại không thấy sắc đang diệt. Đời vị lai có hai thứ: pháp không sinh và pháp sinh. Pháp sinh nghĩa là không thấy sắc sẽ diệt, sắc giới khác cũng như thế. Bảy tâm giới, nếu pháp vị lai bất sinh là Hữu phần, còn lại là có phần.

Một giới nói là có phần nghĩa là pháp giới hoàn toàn có phần, chẳng phải có phần khác, vì tất cả pháp giới đều là cảnh giới của ý thức. Nếu nói giới khác thì lẽ ra cũng chẳng phải có phần khác. Việc này không đúng, vì giới kia không do ý thức, nên lập có phần và phần khác, nghĩa là mắt thấy sắc là có phần, không thấy sắc là có phần khác. Sắc mà mắt thấy là có phần, cái không thấy là phần khác.

Về sự khác nhau, nghĩa là nếu mắt là một có phần thì tất cả căn khác cũng là có phần. Nếu một phần khác thì tất cả căn khác cũng có phần khác. Nếu sắc mà mắt thấy là có phần, không phải có phần khác, tai, mũi, lưỡi, thân, tiếng, vị, xúc cũng vậy. Đệ nhất nghĩa như nói về mắt, tục số như nói về sắc.

Hỏi: Có phải pháp cộng hữu, hoặc có phần, hoặc phần khác chăng?

Đáp: Có. Mười sắc nhập hoặc có phần khác. Tướng: Sinh, v.v... của sắc kia là có phần, vì thuộc về pháp giới. Nếu ý pháp bất sinh là khác có phần. Pháp cộng hữu tương ưng với ý kia là có phần, vì thuộc về pháp giới.

Hỏi: Có phần và có phần khác có ý nghĩa gì?

Đáp: Lúc có phần nói là có phần.

Hỏi: Nhãn giới có hai thứ: có nghiệp và phần không có nghiệp. Mắt kia là phần có nghiệp hay phần không có nghiệp? Vì phần có nên nói có phần. Một phần không có nghiệp của mắt kia cũng là phần có nghiệp, vì phần có nên cũng nói là có phần, cả hai phần đều được tướng có phần, vậy những số phần nào được gọi là phần?

Đáp: Phần không có nghiệp là phần có nghiệp, vì phần có nên nói có phần khác. Vì sao? Vì được có sức của phần nghiệp, như người có con, nghiệp kia cũng như vậy.

Mười bảy giới rơi vào thế gian nghĩa là vì mười bảy giới rơi vào việc ba đời nên nói là ba đời, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại. Nếu sinh khởi rồi diệt là quá khứ, nếu chưa sinh khởi là vị lai, đã sinh khởi chưa diệt là hiện tại.

Lại nữa, nếu chưa tạo ra thì nói là vị lai, nếu đang tạo ra nói là hiện tại, nếu đã tạo rồi diệt mất thì nói là quá khứ.

Một là sẽ phân biệt, nếu pháp giới là hữu vi thì rơi vào ba đời, còn vô vi thì không rơi vào ba đời.

Nghiệp là ba cõi có nghiệp, nghĩa là pháp giới sắc thanh. Thân của sắc giới tạo ra nghiệp, sắc giới khác không phải nghiệp. Thanh, khẩu giới tạo ra nghiệp này, thanh khác không phải nghiệp. Thân nghiệp, khẩu nghiệp và tư là nghiệp, pháp giới khác không phải nghiệp. Tướng nghiệp sẽ nói rộng trong phẩm Nghiệp.

Phi học phi vô học
Phải biết mười lăm giới
Kia đều tu đạo đoạn
Giới khác đều ba thứ
Ở trong ba giới đó
Nói trì giới, phạm giới.

Phi học, phi vô học phải biết là mười lăm giới, nghĩa là mười sắc giới, năm thức giới là phi học, phi vô học, vì hữu lậu chính là các giới này. Tu đạo dứt trừ vì trí đối trị.

Giới khác đều ba thứ nghĩa là ba giới khác: Ý giới, pháp giới, ý thức giới đều có ba thứ: Hoặc Học, hoặc vô học, hoặc phi học, phi vô học, hoặc kiến dứt trừ, tu dứt trừ, hoặc vô học dứt trừ. Ý tương ưng với học là học, nghĩa là khổ pháp nhẫn cho đến ý tương ưng với Tam-muội Kim Cương là Học. Vô học tương ưng với ý là vô học, nghĩa là tận trí, trí vô sinh và vô

học đẳng kiến tương ưng với ý là vô học. Phi học phi vô học tương ưng với ý là phi học phi vô học, nghĩa là thiện, nhiễm ô, vô ký. Thiện có ba thứ là: Phương tiện đắc, lìa dục đắc và sinh đắc. Sự nhiễm ô có hai thứ: Bất thiện và vô ký ẩn mất. Vô ký có bốn thứ: Oai nghi, công xảo, sinh báo và biến hóa. Như ý giới, ý thức giới cũng vậy.

Pháp giới hoặc học, hoặc vô học, hoặc phi học, phi vô học, nghĩa là nghiệp thân miệng của bậc Hữu học thọ, tưởng, hành ấm là học. Đây tức là vô học, thuộc về pháp giới, Thọ, tưởng hành ấm của nghiệp thân, miệng hữu lậu và vô vi là nghĩa Học, Vô học, phi học, phi vô học (Về nghĩa học, vô học sẽ được nói rộng trong phẩm Nghiệp).

Nhẫn đối trị của ba giới này là kiến dứt trừ, trí đối trị là tu dứt trừ, vô lậu là không có dứt trừ (Về nghĩa của kiến dứt trừ, tu dứt trừ sẽ nói rộng trong phẩm Sử).

Nói trì giới, phạm giới ở trong ba cõi kia, nghĩa là thân làm điều thiện ở cõi Sắc là trì giới, thân làm việc bất thiện là phạm giới. Thanh giới do miệng làm ra. Pháp giới chỉ là vô tác (Về tướng của trì giới, phạm giới, sẽ nói rộng trong phẩm Nghiệp).

Mười bảy, nói có trên
Một giới nói hai thứ
Quả có quả mười bảy
Một ba giác đã nói.

Mười bảy nói có trên, nghĩa là trừ pháp giới, mười bảy giới kia có trên, vì hữu vi.

Một giới nói hai thứ, nghĩa là pháp giới hoặc có trên, hoặc không có trên, pháp giới hữu vi và hư không chẳng phải thường diệt là có thường diệt trên, vì thiện, vì thường còn nên nói không có trên.

Quả có quả mười bảy: nghĩa là trừ pháp giới, mười bảy giới khác là quả có quả, vì là pháp hữu vi, tánh yếu kém, vì lần lượt làm nhân lẫn nhau mà sinh ra.

Một, ba giác đã nói, nghĩa là pháp giới có ba thứ: hoặc là quả chẳng có quả, hoặc là quả có quả, hoặc chẳng phải quả, chẳng có quả. Quả chẳng phải có quả nghĩa là thường diệt. Quả có quả nghĩa là pháp giới hữu vi. Không phải quả, không phải có quả, nghĩa là hư không chẳng phải thường diệt.

Ba cõi ba thứ duyên
Một nương dựa cũng vậy
Năm, một hoặc phân biệt

Duyên khác chỉ nói một.

Ba cõi ba thứ duyên, nghĩa là nhãn, nhĩ và ý thức giới có ba thứ duyên là thiện, bất thiện và vô ký. Năm, một nghĩa là năm thức dựa vào một thứ. Hoặc phân biệt, nghĩa là đều khởi năm căn và thứ đệ diệt ý. Nếu nhận lấy cùng sinh khởi và nương dựa thì một vô ký, vì năm căn chỉ có vô ký. Nếu nhận lấy thứ đệ diệt ý, thì sẽ có ba thứ, vì ý giới là thiện, bất thiện, vô ký.

Lại nữa, phần dựa và duyên thứ đệ phần của nhãn thức nên chia ra bốn trường hợp:

1. Hoặc phần dựa, không phải phần duyên thứ đệ. 2 . Hoặc phần duyên thứ đệ, không phải phần dựa. 3 . Hoặc phần dựa, cũng là phần duyên thứ đệ.

4 . Hoặc không phải phần dựa, không phải phần duyên thứ đệ.

Phần dựa, không phải phần duyên thứ đệ, nghĩa là nhãn thức cùng sinh khởi với nhãn căn. Phần duyên thứ đệ, không phải phần dựa nghĩa là tâm pháp thứ đệ diệt kia. Phần dựa cũng là phần duyên thứ đệ nghĩa là thứ đệ diệt ý. Không phải phần dựa, không phải phần duyên thứ đệ, nghĩa là trừ ba trường hợp trên cho đến thân thức dựa cũng như vậy.

Hỏi: Ý thức dựa là duyên thứ lớp phải chăng?

Đáp: Đúng vậy. hỏi: ý thức dựa là duyên thứ đệ, còn duyên thứ đệ không phải là ý thức dựa chăng?

Đáp: Ý thức dựa tương ưng với tâm pháp.

Hỏi: Nếu nhãn thức lấy ý giới làm người dựa thì vì sao gọi là nhãn thức mà không gọi là ý thức?

Đáp: Vì mắt là pháp bất cộng y, như mầm của hạt giống, như tiếng trống. Mắt là không cùng dựa với nhãn thức, còn ý là dựa chung, vì sáu thức xoay vần nhau sinh duyên thứ lớp.

Duyên khác chỉ nói một, nghĩa là tỷ, thiệt, thân thức chỉ duyên vô ký, vì hương, vị, xúc hoàn toàn là vô ký. Ý giới tức sáu thức thân, vì ngoài sáu thức thân này không có thức nào khác nên không nói là pháp giới. Nếu tương ưng với tâm thì nên nói như tâm.

Nếu mắt sinh theo thấy Nhĩ giới sinh theo nghe Ba cõi sinh theo giác

Ý giới sinh theo thức.

Nếu mắt tùy sinh, gọi là thấy, tai tùy sinh gọi là nghe, ba việc tùy sinh ra gọi là giác, ý tùy sinh ra gọi là thức. Ba giới kia dùng do phương tiện đắc, lìa dục đắc, tu đắc tánh thần thông của định quả của bốn chi, năm chi định. Cho nên mắt và tai kia tùy sinh mỗi thứ mà kiến lập riêng. Ba căn còn

lại tùy sinh nhưng vì không có tướng phần của chúng nên kiến lập chung một.

Hỏi: Giác có nghĩa gì?

Đáp:

Cảnh giới chỉ vô ký
Tâm giác chuyển ở trong
Tùy sinh ba thứ thức
Đó được gọi là giác.

Hương, vị, xúc hoàn toàn vô ký, vì vô ký nên là giác, cho nên tùy theo sinh ba thức gọi là giác.

Hai cảnh không thọ gần Cảnh giới xa gần một Một hướng khác thọ gần Chỗ dựa, cảnh giới thảy.

Hai cảnh không thọ gần, nghĩa là nhãn thức, nhĩ thức là cảnh giới không thọ gần, như áp sát mắt vào sắc sẽ không thấy, tai cũng thế, đặt sát gần thì không nghe. Dù ở sâu bên trong nhưng vẫn nghe âm thanh xa từ bên ngoài.

Nếu nói là cách xa cũng không thấy, nghe thì bất luận cảnh giới xa hay gần, ý thức cũng đều nhận được hết, trừ chính mình, và những pháp tương ưng cộng hữu, tất cả pháp khác đều thọ nhận.

Một hướng khác thọ gần, nghĩa là thọ cảnh giới gần tỷ, thiệt, thân thức nhận cảnh giới gần vì dựa vào duyên vô gián.

Chỗ dựa, cảnh giới thảy: Nghĩa là tỷ, thiệt, thân thức, ba thức này đều dựa vào cảnh giới, nhận lấy cảnh giới, v.v... Tỷ căn tiếp xúc với mùi hương nhỏ nhặt, đồng đều mới sinh ra thức. Thiệt căn, thân căn nhỏ nhặt cũng như vậy. (Nghĩa là ở chỗ căn, trần hoà hợp mới sinh ra thức).

Hai giới nói bất định Cảnh một giới cũng vậy Năm giới dựa hoặc chung Một giới dựa nói xa.

Hai giới nói bất định, nghĩa là nhãn thức, nhĩ thức dựa, duyên đều bất định. Nhãn thức giới hoặc chỗ dựa lớn mà duyên nhỏ, như thấy sợi lông, hoặc chỗ dựa nhỏ mà duyên lớn như thấy ngọn núi, hoặc chỗ dựa duyên bằng nhau như thấy quả nho. Nhĩ thức cũng như thế.

Cảnh một giới cũng vậy, nghĩa là cảnh giới của ý thức là cảnh giới bất định, hoặc lớn hoặc nhỏ, vì là cảnh giới của tất cả pháp, vì vô hình, vì lớn nhỏ không thể nói, vì lìa ý giới, sáu thức không có tự thể riêng, nên không nói tâm pháp như nói tâm.

Năm giới dựa hoặc chung: nghĩa là năm thức thân, hoặc chung với

chỗ dựa, kết hợp nghĩa là năm căn, cách xa nghĩa là ý diệt theo thứ lớp. Một giới dựa nói xa nghĩa là ý thức giới nói là xa, là nói ý diệt theo thứ lớp của giới kia.

Mười một giới có hai
Sáu, ba, một, bốn thứ
Sự và báo trưởng dưỡng
Sát-na và dựa chủng.

Mười một giới có hai, nghĩa là năm giới nội, thanh giới, năm thức giới có hai thứ.

Sáu có ba, nghĩa là sắc, hương, vị, xúc, ý giới, ý thức giới. Sáu giới này có ba thứ.

Một có bốn thứ: Nghĩa là pháp giới có bốn thứ.

Hỏi: Nói chủng loại có hai, ba, bốn là thế nào?

Đáp: Sự và báo trưởng dưỡng, sát-na và nương chủng. Nhãn giới kia có hai thứ báo và trưởng dưỡng.

Sinh báo kia: Nghĩa là quả báo của nghiệp thiện, bất thiện. Ba đường ác là quả của nghiệp bất thiện, người trời là quả của báo thiện. Mắt và các dụng cụ, phạm hạnh, chánh thọ được trưởng dưỡng. Vì sự trưởng dưỡng này không có tánh chất nương dựa riêng, nên không nói. Sự nương vào sát-na cũng vậy. Như giới mắt, tai, mũi, lưỡi, thân giới cũng vậy. Thanh giới cũng có hai thứ trưởng dưỡng và nương dựa.

Hỏi: Vì sao âm thanh không phải báo?

Đáp: Vì phương tiện trong hiện tại phát sinh, âm thanh là phương tiện hiện tại nẩy sinh, báo nghĩa là nghiệp trước sinh khởi. Âm thanh nghĩa là tùy theo sự ham muốn sinh ra, còn báo chẳng phải tùy theo sự ham muốn sinh ra.

Lại nữa, mỗi âm thanh đều có báo nghe, báo không có gián đoạn. Nếu âm thanh là báo, lẽ ra sẽ như sắc, bất cứ lúc nào cũng không đứt, mà âm thanh thì có đứt, cho nên chẳng phải báo. Năm thức giới là báo sinh và chỗ dựa. Sắc, hương, vị, xúc giới có ba thứ là báo, chỗ dựa, trưởng dưỡng. Ba thứ báo của ý giới dựa vào sát-na. Sát-na nghĩa là khổ pháp nhẫn cùng sinh với ý giới. Ý thức giới cũng giống như vậy.

Pháp giới có bốn thứ, đó là sát-na, báo, chỗ dựa, sự. Báo kia nghĩa là quả báo của nghiệp thiện, bất thiện. Sát-na nghĩa là quyến thuộc của khổ pháp nhẫn. Chỗ dựa là trừ quyến thuộc của khổ pháp nhẫn, còn lại pháp giới thiện hữu vi, trừ báo, còn lại là pháp giới hữu vi không ẩn một vô ký, pháp giới nhiễm ô. Pháp giới vô vi chỉ có sự.

Sinh thân nhãn sắc giới
Tự địa và tha địa
Nếu nhãn thức kia sinh
Tự tha địa cũng vậy.

Sinh cõi Dục, thân cõi Dục, mắt cõi Dục, sắc cõi Dục, nhãn thức cõi Dục sinh ra. Như vậy sinh ở địa Sơ thiền, với thân của địa Sơ thiền, mắt của địa Sơ thiền, sắc của địa Sơ thiền, nhãn thức của địa Sơ thiền sinh ra. Đó gọi là tự địa.

Tha địa nghĩa là sinh cõi Dục với mắt của địa Sơ thiền thấy sắc cõi Dục. Thân cõi Dục kia và mắt của địa Sơ thiền, sắc cõi Dục sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Thấy Sơ thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia, mắt, sắc của địa Sơ thiền sinh nhãn thức địa Sơ thiền. Sinh cõi Dục, mắt của địa Nhị thiền trông thấy sắc cõi Dục, thân cõi Dục kia với mắt của địa Nhị thiền, sắc cõi Dục sinh nhãn thức của địa Sơ thiền. Thấy địa Sơ thiền nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Nhị thiền, sắc của địa Sơ thiền sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Thấy Nhị thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia, với mắt, sắc của địa Nhị thiền, nhãn thức của địa Sơ thiền sinh ra. Sinh cõi Dục với mắt của địa Tam thiền thấy sắc cõi Dục. Thân cõi Dục kia với mắt của địa Tam thiền thấy sắc cõi Dục, nhãn thức của địa Sơ thiền sinh ra.

Thấy Sơ thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Tam thiền thấy sắc của địa Sơ thiền sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Thấy Nhị thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Tam thiền thấy sắc của địa Nhị thiền sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Thấy Tam thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt, sắc của địa Tam thiền sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Sinh cõi Dục, mắt của địa Tứ thiền thấy sắc cõi Dục, thân cõi Dục kia với mắt của địa Tứ thiền trông thấy sắc cõi Dục. Thân cõi Dục kia với mắt của địa Tứ thiền thấy sắc cõi Dục sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Thấy Sơ thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Tứ thiền thấy sắc của địa Sơ thiền, nhãn thức của địa Sơ thiền sinh ra.

Thấy Nhị thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Tứ thiền không thấy sắc của địa Nhị thiền sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Thấy Tam thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Tứ thiền thấy sắc của địa Tam thiền sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Thấy Tứ thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt sắc của địa Tứ thiền

sinh nhãn thức của địa Sơ thiền. Như nói sinh cõi Dục, cho đến sinh lên đệ Tứ thiền cũng như vậy.

Có sự khác nhau nghĩa là mắt của địa dưới không trông thấy sắc của địa trên. Sinh địa trên, địa dưới, mắt không hiện hành ở trước.

Nhĩ giới như trước nói Tỷ, thiệt giới tự địa Thân xúc, tức nói địa Ý thức thì rất nhiều.

Nhĩ giới như trước nói nghĩa là như trước đây đã nói nhãn thức, nhĩ thức cũng như vậy.

Tỷ giới thuyết tự địa nghĩa là sinh cõi Dục, thân cõi Dục, mũi cõi Dục, hương cõi Dục, tỷ thức cõi Dục sinh ra. Thiệt giới cũng như vậy.

Thân xúc tức nói địa, nghĩa là vì thân thức có khác nhau: Sinh cõi Dục, thân cõi Dục, xúc cõi Dục sinh thân thức cõi Dục. Sanh Sơ thiền cũng như vậy. Sinh Nhị thiền, thân, xúc của Nhị thiền, sinh thân thức địa Sơ thiền, vì biết xúc của tự địa không phải sinh địa khác. Đệ tam, đệ Tứ thiền cũng như thế.

Ý thức thì rất nhiều: hoặc là ý của tự địa, pháp của tự địa, ý thức của tự địa sinh, hoặc tha địa. Hoặc tự địa nghĩa là sinh cõi Dục, ý của cõi Dục, pháp cõi Dục sinh ý thức cõi Dục, cho đến sinh lên Hữu tưởng, Vô tưởng xứ cũng như thế. Tha địa nghĩa là sinh cõi Dục lúc chánh thọ, tâm thiện cõi Dục kia theo thứ lớp chánh thọ của Sơ thiền, khởi ý cõi Dục kia sinh ý thức của địa Sơ thiền, hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc. Tâm thiện cõi Dục theo thứ lớp của Sơ thiền được hiển hiện ở trước. Ý của Sơ thiền kia, ý thức của cõi Dục nảy sinh pháp, hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc. Theo thứ lớp Sơ thiền là chánh thọ của Nhị thiền. Ý của Sơ thiền kia sinh pháp ý thức của Nhị thiền, hoặc lệ thuộc hoặc không lệ thuộc ba cõi.

Như vậy đệ Nhị thiền Sơ thiền, Sơ thiền đệ Nhị thiền, Sơ thiền đệ Tam thiền, đệ Tam thiền Sơ thiền cho đến Hữu tưởng, Vô tưởng xứ, vượt qua theo thứ lớp nghịch thuận nên nói rộng.

Có sự khác nhau nghĩa là chánh thọ này là ý giới, chánh thọ kia là ý thức. Nếu thiền là ý thức, là pháp thì hoặc lệ thuộc cả ba cõi, hoặc không lệ thuộc. Nếu Vô Sắc là ý thức, là pháp hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc. Nếu Vô Sắc là ý thức thì pháp kia ở tự địa, địa trên và không lệ thuộc.

Lại nữa, chánh thọ tịnh theo thứ lớp của Sơ thiền là quả của Sơ thiền cõi Dục và tâm biến hóa hiển hiện ở trước. Ý của Sơ thiền kia sinh ý thức cõi Dục.

Pháp là sự biến hóa của cõi Dục, tức là quả của Sơ thiền cõi Dục kia,

Sơ thiền theo thứ lớp tịnh, hiển hiện ở trước. Ý của cõi Dục kia sinh pháp ý thức của Sơ thiền, hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc cho đến Tứ thiền cũng như vậy.

Sinh là chết ở cõi Dục kia, sinh lên địa Sơ thiền, ý của cõi Dục kia sinh pháp ý thức của địa Sơ thiền, hoặc lệ thuộc cõi Sắc, Vô Sắc, hoặc không lệ thuộc. Mất ở địa Sơ thiền, sinh cõi Dục, ý của địa Sơ thiền kia sinh pháp ý thức của cõi Dục, hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc, cho đến Hữu tưởng, Vô tưởng xứ cũng như thế.

Chết mất là ý thọ sinh, Sinh là ý thức, chỉ vì pháp của ý thức đó ở tự địa, địa trên và không lệ thuộc.

Như kia đắc nhãn giới Hoặc kia nương dựa thức Cả hai đắc, không đắc Cũng là sắc và xả.

Nếu kia đắc nhãn giới, nghĩa là hoặc nhãn giới không thành tựu, được thành tựu, đều không phải là nhãn thức giới, nghĩa là chết ở cõi Vô Sắc, sinh đệ nhị, đệ tam, đệ Tứ thiền, sinh cõi Dục, dần dần được nhãn căn. Hoặc nhãn kia nương thức, hoặc nhãn thức giới không thành tựu hay được thành tựu, đều không phải nhãn giới, nghĩa là mất ở địa Tam thiền trên, sinh cõi Dục và Sơ thiền. Nếu trụ ngay Sơ thiền, thì nhãn thức kia sẽ hiện tiền.

Cả hai đắc, nghĩa là hoặc nhãn và nhãn thức giới đều đắc: mất ở cõi Vô Sắc, sinh cõi Dục và Sơ thiền. Cả hai đều không đắc, nghĩa là chẳng phải nhãn giới không thành tựu, được thành tựu, cũng không phải nhãn thức giới không thành tựu, được thành tựu. Nghĩa là sinh cõi Dục không mất nhãn căn và ở trên Phạm thiên. Nếu chết sinh lên Phạm thiên và cõi Dục, đệ nhị, đệ tam, đệ Tứ thiền mất, sinh lên đệ nhị, đệ tam, đệ Tứ thiền. Chết ở Vô Sắc, sinh cõi Vô Sắc, cũng cõi Sắc. Nghĩa là nếu cõi Sắc không thành tựu, được thành tựu thì đó chính là nhãn giới không thành tựu, được thành tựu. Hoặc nhãn giới không phải sắc giới, nghĩa là sinh cõi Dục dần dần sẽ được nhãn căn. Nếu sắc giới không thành tựu, được thành tựu là nhãn thức giới kia chăng? Về vấn đề này lẽ ra đặt ra bốn trường hợp:

1. Sắc giới không thành tựu, được thành tựu, không phải là nhãn thức giới, nghĩa là chết ở cõi Vô Sắc sinh lên cõi Tam thiền.

2. Nhãn thức giới không thành tựu, được thành tựu không phải sắc, tức là chết ở Tam thiền kia, sinh cõi Dục và Sơ thiền. Nếu trụ ngay thiền đó, nhãn thức sẽ hiện tiền.

3. Cõi Sắc không thành tựu được thành tựu, cũng là nhãn thức giới, nghĩa là chết ở cõi Vô Sắc, sinh cõi Dục và Sơ thiền.

4. Không phải sắc giới cũng không phải nhãn thức giới, nghĩa là trừ

ngần ấy việc trên. Với xả, nghĩa là như nói đắc, xả cũng nói rộng như thế.

Hai thức, thức cõi Sắc Cho đến xúc cũng vậy Với mười ba giới khác Hoàn toàn ý thức duyên.

Hai thức thức cõi Sắc nghĩa là: Hai thức thức cõi Sắc, là nhãn thức và ý thức, tự tướng của nhãn thức giới, tự tướng của ý thức giới và cộng tướng cho đến xúc cũng vậy. Hai thức thức của thanh giới là nhĩ thức và ý thức. Tự tướng của nhĩ thức giới, tự tướng của ý thức giới và cộng tướng, cho đến hai thức thức của xúc, giới là thân thức và ý thức. Tự tướng của thân thức, tự tướng của ý thức và cộng tướng của ý thức, vì cảnh giới của tự tướng của năm thức thân, vì không tư duy, vì cảnh giới hiện tại vì một niệm.

Về mười ba giới khác, hoàn toàn ý thức duyên, nghĩa là năm tướng sắc căn, bảy tâm giới và pháp giới. Mười ba giới này hoàn toàn là ý thức, tự tướng của thức và cộng tướng. Ý thức này có hai thứ duyên hư hoại và duyên không hư hoại. Duyên không hư hoại tức là sự duyên của mười ba giới này. Sự duyên hư hoại, nghĩa là mười ba giới với năm cảnh giới, mỗi giới đều hợp duyên, cho đến duyên chung mười tám giới.

Thức tư duy ba thứ Là ý trong dục hữu

Phân biệt sắc, Vô Sắc Một chủng nói giới khác.

Thức tư duy ba thứ là ý trong dục hữu, nghĩa là ý thức của cõi Dục có ba thứ tư duy: Tư duy tự tánh, tư duy tùy ức và tư duy phân biệt.

Tư duy tự tánh nghĩa là giác. Tư duy tùy ức nghĩa là niệm của ý địa. Tư duy phân biệt nghĩa là tuệ bất định của ý địa. Ba tư duy này là sự tư duy của ý thức cõi Dục.

Phân biệt cõi sắc, Vô Sắc nghĩa là ý thức của cõi Sắc, Vô Sắc có ba thứ: địa bất định Sơ thiền, nhập định có hai, bất định có ba, ý thức của ba thiền bất định có hai, trừ tư duy tự tánh. Nếu định là một, thì thuộc về tư duy tùy ức.

Có thuyết nói cõi Vô Sắc đều là nhất định, nghĩa là cõi Vô Sắc chỉ có một thứ là tư duy tùy ức. Nếu nói có bất định thì định có một, bất định có hai.

Một chủng nói giới khác, nghĩa là năm thức thân nói là giới khác chỉ có tư duy tự tánh, vì bất lợi.

Hỏi: Phân biệt pháp tướng như vậy rồi, thế nào là pháp gồm thâu là tự tánh hay tha tánh?

Đáp: Là tự tánh vì sao?

Các pháp lìa tha tánh
Đều an trụ tự tánh
Nên nói tất cả pháp
Đều thuộc về tự tánh.

Các pháp lìa tha tánh nghĩa là nhãn giới lìa mười bảy giới vì tánh khác, giới khác cũng như vậy. Không nên nói nếu lìa tánh là gồm thâu, vì tướng khác nhau, nên mới nói thuộc về tự tánh, không phải tha tánh. Mỗi pháp đều tự trụ tánh của mình, nghĩa là tất cả tánh đều trụ nơi tự tướng, vì tánh này chẳng phải tướng khác, mà nên nói nếu trụ là sự gồm thâu, không phải pháp khác.

Nói nghĩa gồm thâu là thuộc về tự tánh của tất cả pháp, nghĩa là tự tánh của tự tánh là bất không, chẳng phải khác, như sắc của sắc là bất không.

Lại nữa, nói nghĩa giữ gìn nhau là sự gồm nhiếp, như Khế kinh nói: "Như ở giữa lầu quán, các cây đều nương dựa vào nhau để làm cho lầu quán càng thêm tốt đẹp". Như kinh đã nói như chỉ tơ giữ lấy áo, như then cửa giữ lấy cánh cửa, như búa giữ lấy củi.

Hoặc nói phương tiện gồm thâu, như nói trong năm sự gìn giữ này, tuệ là hàng đầu, nghĩa là vì gồm thâu. Hoặc nói thuộc về hòa hợp nghĩa là bốn nhiếp sự có thể nhiếp giữ chúng sinh.

Hoặc nói tùy thuận nhiếp phục, như Đức Phật nói đẳng kiến, đẳng chí, đẳng phương tiện đều là thân của tuệ. Hoặc nói vì gồm giữ nên gọi là thâu nhiếp, nghĩa là hòa với trên, do thuộc về tài pháp.

Trên đây là những lời nói của thế tục, không thuộc về rốt ráo. Tự tánh nhiếp tự tánh nghĩa là đệ nhất nghĩa rốt ráo, có ba giai đoạn gồm thâu. Giai đoạn nói ở đây là tự tánh nhiếp tự tánh nhiếp như vậy không bỏ đệ nhất nghĩa. Đã nói tự tánh gồm thâu, nhãn giới của mắt gồm thâu một giới, một nhập, một ấm, không gồm thâu mười bảy giới, mười một nhập, năm ấm.

Lại nữa, mắt phải gồm thâu mắt phải, mắt trái gồm thâu mắt trái. Mắt có hai thứ trưởng dưỡng và báo. Trưởng dưỡng thâu tóm trưởng dưỡng, báo thâu tóm báo. Báo lại có hai thứ: báo của nghiệp thiện và báo của nghiệp bất thiện. Nghiệp thiện gồm báo của nghiệp thiện. Báo của nghiệp bất thiện gồm báo của nghiệp bất thiện. Báo của nghiệp bất thiện có ba thứ, nghĩa là ba đường ác: Súc sinh gồm thâu súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục cũng như vậy. Báo của nghiệp thiện có hai thứ, nghĩa là người, trời. Người gồm thâu người, trời gồm thâu trời. Quá khứ gồm thâu quá khứ, vị lai, hiện tại cho đến sát-na gồm thâu sát-na.

Trong giới nói một giới Ấm nhập cũng như vậy Ấm nhập giới như thế Là gồm tất cả pháp.

Một giới là pháp giới, một nhập là ý nhập, một ấm là sắc ấm.

-oOo-

LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

QUYỂN 2

Phẩm 2: HÀNH

Đã nói các pháp trụ tự tướng, nay sẽ nói pháp sinh. Nếu vì các pháp gồm thâu tự tánh, nghĩa là cho do tự lực sinh thì không đúng. Vì sao?

Rốt ráo không thể sinh Vì dụng lìa đồng bạn Nhờ Năng lực các duyên Các pháp mới được sinh.

Rốt ráo không thể sinh, vì dụng lìa đồng bạn, nghĩa là vì tự tánh của các hành yếu kém nên không thể tự sinh.

Hỏi: Nếu không tự sinh, thì phải làm thế nào để sinh?

Đáp:

Năng lực tất cả duyên
Các pháp mới được sinh.

Như người và thuyền nhờ nhau mới được qua bên kia sông. Do sức của tâm, tâm pháp kia lần lượt phát sinh. Thâu nhận cảnh giới cũng như vậy, trước phải nói đến tâm, tâm pháp do bạn sinh ra

Nếu lúc tâm kia khởi Tâm này phải cùng có

Các nhóm tâm pháp thảy, Và hành bất tương ưng.

Các hành lần lượt làm nhân cho nhau sinh ra tâm kia, hoặc nương, hoặc duyên, hoặc sát-na sinh, nhóm tâm pháp v.v… kia sinh.

Hỏi: Nhóm tâm pháp, v.v... là thế nào?

Đáp:

Tưởng, dục và xúc tuệ
Niệm, tư, với giải thoát
Ức, định cùng với thọ
Đây nói nhóm tâm thảy.

Tưởng nghĩa là giữ lấy hình tượng, diện mạo của cảnh giới. Dục nghĩa là đối với duyên dục thọ. Xúc nghĩa là nương duyên tâm hòa hợp sinh ra cảnh giới xúc. Tuệ nghĩa là đối với duyên, quyết định xét kỹ. Niệm nghĩa là đối với duyên ghi nhớ không quên. Tư nghĩa là công đức và lỗi ác

đều trái nhau, tâm tạo tác chuyển biến. Giải thoát nghĩa là đối với duyên, khởi lên tưởng nhận lấy, hạn lượng của nó, việc ấy phải như vậy. Ức nghĩa là đối với duyên, phát sinh giác ngộ. Định nghĩa là thọ duyên không rối loạn. Thọ nghĩa là tiếp nhận cảnh giới đáng ưa, không đáng ưa, đều trái nhau về thọ nhận cảnh giới.

Lúc tất cả tâm sinh
Bậc Thánh nói là sinh
Đồng chung một duyên hành
Cũng lại thường tương ưng.

Tất cả tâm thiện, bất thiện, vô ký của mười pháp này đều sinh ra đại địa có thể được, nên nói là địa đại. Đồng chung một duyên hành, nghĩa là tất cả tâm đồng chuyển một duyên, không lìa nhau, không có hai quyết định, cũng lại thường tương ưng, lần lượt cùng có và cùng sinh khởi với chúng, đều thường tương ưng, để làm một việc.

Hỏi: Sự tương ưng có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa bình đẳng là nghĩa tương ưng.

Hỏi: Tâm pháp hoặc nhiều, hoặc ít, làm sao nghĩa bình đẳng là nghĩa tương ưng được?

Đáp: Vì việc bình đẳng, nếu trong một tâm có một tưởng, hai thọ thì không phải là nghĩa tương ưng, vì một tâm, một tưởng sinh. Tâm pháp khác cũng vậy. Vì lý do này nên nghĩa bình đẳng là nghĩa tương ưng. Lại nữa, các nghĩa bình đẳng về thời, nương dựa, hành, duyên là nghĩa tương ưng. Thời bình đẳng nghĩa là thời gian một sát-na sinh ra. Nương bình đẳng nghĩa là nếu tâm dựa vào mắt sinh tâm thì pháp cũng vậy. Hành bình đẳng nghĩa là nếu tâm hành màu sanh sinh ra thì tâm pháp cũng vậy. Duyên bình đẳng nghĩa là nếu tâm duyên sắc mà sinh thì tâm pháp cũng duyên sắc. Cho nên nói là thường tương ưng.

Đã nói tâm pháp có mặt ở tất cả, nay sẽ nói tâm pháp không có mặt ở tất cả.

Các căn có hổ thẹn
Tín, ỷ, không buông lung.
Bất hại, tinh tiến, xả
Chung tất cả tâm thiện.

Các căn là hai căn thiện: Không tham và không sân. Đối với sự sống và tiền của, vật dụng dứt bỏ tâm tham đắm, gọi là không tham. Đối với số phi chúng sinh và phi chúng sinh, hoại bỏ tâm giận dữ, gọi là không sân. Đối với các lỗi lầm, tự cảm thấy nhàm chán chính mình, gọi là hổ. Đối với

mọi lỗi lầm cảm thấy xấu hổ đối với người khác gọi là thẹn. Đối với Tam bảo, bốn đế, tâm được thanh tịnh gọi là Tín. Thân, tâm đều lìa ác gọi là ỷ tức (khinh an). Thực hành phương tiện thiện, tránh xa mọi việc xấu ác, không làm, gọi là không phóng dật. Không lấn áp, bức bách người gọi là không hại. Dứt trừ điều ác đang khởi, chưa khởi, sinh ra điều thiện đang khởi, chưa khởi, muốn dùng phương tiện siêng năng tu không ngừng nghỉ, gọi là tinh tiến. Tâm bình đẳng gọi là xả.

Mười pháp thiện này chung cho tất cả tâm thiện. Nếu ý thức tương ưng với năm thức hữu lậu, vô lậu tương ưng với ý thức, thì vì sự tương ưng đó, nên nói là địa đại thiện. Đã nói đại địa thiện, nay sẽ nói về địa đại phiền não.

Hiểu tà, nhớ bất chánh
Trí không thuận, thất niệm
Bất tín, biếng nhác, loạn
Vô minh, trạo, buông lung.

Hiểu biết điên đảo gọi là tà giải, thọ nhận cảnh giới bất chánh gọi là nhớ nghĩ bất chánh. Quyết định điên đảo gọi là trí bất thuận. Ghi nhận sai quấy, quên mất gọi là thất niệm. Tâm bất tịnh đối với Tam bảo, bốn đế gọi là bất tín. Không dứt trừ điều ác đang khởi, chưa khởi, không sinh việc thiện đang khởi hay chưa khởi, không siêng năng vận dụng phương tiện gọi là biếng nhác. Bị lôi cuốn do cảnh giới, phân tán theo các duyên gọi là loạn. Mé trước, v.v... không biết gọi là vô minh, tâm chao động không ngừng dừng nghỉ gọi là trạo cử, lìa phương tiện tạo thiện gọi là buông lung.

Đại địa phiền não mười
Tất cả tâm cấu uế
Vô tàm và vô quý
Nói đại địa bất thiện.

Đại địa phiền não mười, tất cả tâm nhiễm ô, nghĩa là tà giải thoát này gồm có mười pháp, tất cả tâm nhiễm ô đều có, nghĩa là năm thức thân và ý thức địa của cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Cho nên nói là địa đại phiền não.

Hỏi: Thùy miên cũng đi chung với tất cả tâm nhiễm ô, tại sao

@@@không lập nó là đại địa phiền não?

Đáp: Vì thuận với chánh thọ, nghĩa là chúng sinh thùy miên mau phát ra định, nên không lập. Nếu là đại địa, đại địa phiền não kia nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có đại địa không phải là địa đại phiền não, nghĩa là thọ, tưởng, tư, xúc, dục.

2. Hoặc có đại địa phiền não không phải là đại địa, nghĩa là bất tín, biếng nhác, vô minh, trạo cử, buông lung.

3. Hoặc đại địa cũng là đại địa phiền não nghĩa là nhớ nghĩ giải thoát, nhớ nghĩ định, tuệ.

4. Hoặc không phải đại địa, không phải địa đại phiền não, tức trừ các trường hợp trên.

Đã nói đại địa phiền não, nay sẽ nói đại địa bất thiện.

Vô tàm và vô quý
Gọi đại địa bất thiện.

Nghĩa là đối với các lỗi lầm của mình không tự nhàm chán gọi là vô tàm (không hổ). Đối với những điều xấu ác, không hổ thẹn với người, gọi là vô quý (không thẹn). Hai pháp này hoàn toàn bất thiện vì tương ưng với tất cả tâm bất thiện, cho nên xếp vào đại địa bất thiện. Đã nói địa đại bất thiện, nay sẽ nói đại địa tiểu phiền não.

Phẫn, hận, cuống, san, tật
Não, siểm, phú, cao, hại
Các phiền não như vậy
Nói là tiểu đại địa.

Đối với việc lợi ích, không lợi ích nên làm mà không làm, không nên làm lại làm, giận dữ nối tiếp nhau sinh ra, gọi là phẫn. Đối với việc đáng ham muốn, mà không ham muốn, nên làm lại không làm, không nên làm lại làm, giận nối tiếp nhau sinh ra gọi là hận. Vì khi dễ người kia nên tỏ vẻ kính thờ gọi là cuống. Tiếc nuối của cải, giáo pháp gọi là san. Đối với lợi dưỡng, cung kính, danh dự, công đức của người, tâm không chịu đựng nổi, sanh tâm ganh ghét, gọi là tật. Đối với việc không nên mong muốn lại mong muốn, trái với tâm tư duy, nên nóng nảy, gọi là não. Che giấu tự tánh dua nịnh, thuận theo thời, tiện nghi gọi là siểm. Vì danh lợi nên tự che giấu lỗi ác gọi là phú. Gây trở ngại cho dòng họ người khác bằng của cải giàu có, sắc lực, phạm hạnh, giữ giới, trí tuệ, chánh nghiệp, tâm tự thị, gọi là cao. Muốn ép ngặt người gọi là hại. Mười pháp trên đây gọi là đại địa tiểu phiền não vì không có chung, do tu đạo dứt trừ, không phải kiến đạo dứt trừ, ở ý địa không ở năm thức, chẳng phải một tâm cùng sinh. Vì hiện hành đều khác nhau, nghĩa là có một thì không có hai.

Hỏi: Đại địa thiện, đại địa phiền não với đại địa bất thiện, đại địa tiểu phiền não khác nhau ở điểm nào?

Đáp: Đại địa có bốn loại: thiện, bất thiện, vô ký ẩn mất (hữu phú vô ký) và vô ký không ẩn mất (vô phú vô ký), đại địa thiện chỉ có thiện. Đại

địa phiền não có hai thứ: bất thiện và vô ký ẩn mất. Đại địa bất thiện chỉ có bất thiện. Trong đại địa tiểu phiền não thì cuống, siểm, cao có hai loại bất thiện và vô ký ẩn mất, ngoài ra hoàn toàn bất thiện.

Trong phẩm tâm bất thiện
Tâm pháp hai mươi mốt
Dục ba, kiến giảm một
Hai kiến trừ ba thứ.

Trong phẩm tâm bất thiện, tâm pháp hai mươi mốt: bất thiện nghĩa là phiền não cõi Dục tương ưng, trừ thân kiến, biên kiến, vì chuyển thành quả không ưa thích nên gọi là bất thiện. Bất thiện có tám thứ: tham, sân, mạn, nghi, tà kiến, kiến thủ, giới thủ vô minh bất cộng và tương ưng với bảy thứ đó. Tâm tham, sân, mạn, nghi kia có hai mươi mốt pháp cộng sinh mười địa đại và mười pháp là biếng nhác, vô minh, bất tín, buông lung, trạo cử, thùy miên, giác, quán, không hổ, không thẹn.

Dục ba, kiến bớt một, nghĩa là tà kiến, kiến thủ, giới thủ của cõi Dục. Tâm tương ưng với các kiến đó có hai mươi pháp cộng sinh, trừ tuệ.

Hai kiến trừ ba thứ, nghĩa là trừ thân kiến, biên kiến của cõi Dục. Tâm tương ưng với các kiến đó có mười tám pháp cộng sinh trừ tuệ và vô tàm vô quý. Các pháp khác như trước đã nói. Trừ không hổ, không thẹn, vì hoàn toàn bất thiện, không có hai tuệ, vì sử, kiến tức là tuệ.

Hai mươi hai dục thiện
Bất cộng có hai mươi
Vô ký nói mười hai
Hối miên đều tăng thêm.

Dục thiện nghĩa là tâm tịnh của cõi Dục chuyển thành quả ái có ba loại: sinh đắc và văn, tư. Tâm kia có hai mươi hai pháp cùng sinh là mười đại địa, mười thiện đại địa thiện giác, quán.

Bất cộng có hai mươi là bất cộng tức tâm kia chỉ có một, phiền não vô minh có hai mươi tâm pháp cộng sinh, trừ một phiền não.

Vô ký nói mười hai nghĩa là tâm vô ký không ẩn mất của cõi Dục có bốn loại: Báo sinh, oai nghi, công xảo và tâm biến hóa. Bốn thứ tâm vô ký kia với mười hai tâm pháp cộng sinh mười đại địa giác quán.

Hối miên đều tăng thêm, nghĩa là tâm theo đuổi, biến đổi gọi là hối, là thiện, bất thiện, vô ký, là hối tiếc, ghét bỏ trong phẩm tâm kia, ngoài ra như trước đã nói. Phải biết hối có ba thứ thiện, bất thiện và vô ký không ẩn mất, vì không phải tự lực khác. Người của Tỳ-bà-sa nói: Bất dục khiến cho hối có vô ký, vì hối rất nhanh nhẹn, nhạy bén. Miên nghĩa là thân tâm mờ

tối, cảnh giới duyên hời hợt gọi là miên. Tất cả năm phẩm tâm cùng sinh kia, tức tâm phẩm đó tăng thêm tùy miên. Nếu hối, miên cùng sinh thì trong ba phẩm sẽ thêm hai.

Hỏi: Đây là nói tâm cõi Dục, còn tâm cõi Sắc thế nào?

Đáp:

Sơ thiền lìa bất thiện
Ngoài ra như dục hữu
Thiền trung gian trừ giác
Với quán trên cũng vậy.

Sơ thiền không có bất thiện, ở thiền đó có bốn phẩm tâm: thiện, bất cộng, vô ký ẩn mất và vô ký không ẩn mất. Các phẩm tâm này trừ vô tàm vô quý, các tâm còn lại như đã nói ở cõi Dục.

Hai mươi hai phẩm thiện kia, ái, mạn, nghi cùng sinh có mười chín: năm kiến và cùng sinh bất cộng có mười tám, vô ký không ẩn mất có mười hai, vì không hổ, không thẹn hoàn toàn bất thiện. Cõi Sắc, Vô Sắc kia không có hối, miên.

Thiền trung gian trừ giác, ngoài ra như đã nói ở Sơ thiền. Đối quán trên, cũng vậy, nghĩa là ở thiền thứ hai, ba, tư và cõi Vô Sắc đều không có quán. Đã nói về tâm, tâm pháp có sức hạn phát sanh, bây giờ sẽ nói về sắc.

Cực vi ở bốn căn
Mười thứ phải nên biết
Thân căn chín, còn tám
Nghĩa là địa có hương.

Cực vi ở bốn căn, mười thứ cần phải biết, nghĩa là bốn căn có mười thứ cực vi cộng sinh bốn đại: Sắc, hương, vị, xúc; Nhãn căn, thân căn, nhĩ, tỷ, thiệt căn cũng vậy.

Thân căn chín: Nghĩa là thân căn khác có chín loại, kia chỉ có chủng loại của thân căn, ngoài ra như trước đã nói. Trừ tám nghĩa là lìa bỏ tám thứ cực vi của căn, sắc, hương, vị, xúc.

Hỏi: Các cực vi này là nói ở giới nào?

Đáp: Cực vi này là nói ở địa có hương. Cực vi trong cõi Dục hợp với hương, hương và vị không lìa nhau, hễ có hương là có vị. Cực vi cõi Sắc vì không có cách ăn vốc, nên lìa hương, vị. Cực vi của bốn căn cõi Sắc có tám thứ. Cực vi của thân căn khác có bảy thứ, cực vi ngoài có sáu thứ.

Hỏi: Nếu cực vi của nhãn căn có mười loại thì vì sao không phải mắt tức là sắc mà tức là thứ khác, như vậy thì tánh của pháp là tạp loạn, trái với A-tỳ-đàm, vì A-tỳ-đàm nói nhãn căn thuộc về một giới, một nhập, một ấm?

Đáp: Có hai thứ cực vi: sự cực vi và tụ cực vi. Sự cực vi nghĩa là cực vi của nhãn căn, tức là cực vi của nhãn căn. Cực vi khác đều nói việc mình, vì là sự cực vi.

A-tỳ-đàm nói nhãn căn thuộc về một giới, một nhập, một ấm. Còn tụ cực vi là gồm rất nhiều sự, là tụ cực vi nói ở đây. Vì trụ nơi tự tướng nên pháp tướng không lẫn lộn, như pháp tương ưng với tâm, tướng của chúng đều khác nhau, không bị lẫn lộn. Sự cực vi kia cũng vậy. Cực vi này có bốn nghĩa xa, sẽ nói trong phẩm này.

Hỏi: Ở trước đã nói nếu tâm sinh thì tâm pháp cùng sinh và hành bất tương ưng, trong đó đã nói tâm pháp rồi, còn tâm bất tương hành ra sao?

Đáp:

Tất cả pháp hữu vi
Sinh, trụ và dị diệt
Pháp này có bốn tướng
Lần lượt làm cho nhau.

Tất cả pháp hữu vi: sinh, trụ và dị, diệt: Nghĩa là tất cả pháp hữu vi có bốn tướng sinh, trụ, dị, diệt. Vì khởi trong đời nên sinh, đã khởi lập việc của mình nên trụ, đã trụ mà uy lực suy yếu nên đổi khác (dị), vì đã đổi khác và hư hoại nên diệt. Tướng này là nói hành bất tương ưng với tâm.

Hỏi: Nếu tất cả pháp hữu vi có bốn tướng thì lẽ ra tướng lại có tướng phải chăng?

Đáp: Tướng này cũng có bốn tướng, tức tướng này cùng sinh, sinh sinh, trụ trụ, dị dị, diệt diệt.

Hỏi: Nếu vậy thì là vô cùng sao?

Đáp: Lần lượt làm cho nhau, tùy nhau, lần lượt cho nhau, sinh nhau, chẳng phải không cùng. Sinh trước, sinh ra sinh sinh, sinh sinh sinh ra sinh trước. Như vậy trụ trong trụ trụ, các thứ đều trụ lẫn nhau. Dị dị rồi lại dị, các thứ đều dị lẫn nhau. Diệt, diệt rồi lại diệt, các thứ đều diệt lẫn nhau.

Hỏi: Tùy nhau, lần lượt lẫn nhau, làm lẫn nhau thì tướng trước có bao nhiêu pháp?

Đáp:

Phải biết bốn tướng trước
Mỗi tướng đều tám pháp
Tướng tùy cũng nên biết
Mỗi tướng chỉ một tướng.

Bốn tướng trước, mỗi tướng thành tám pháp, nghĩa là sinh trước, trừ

tự mình sinh tám pháp, ba tướng có bốn tướng tùy và pháp kia. Trụ: Trừ tám pháp tự mình trụ. Dị: trừ tám pháp dị của mình. Diệt: trừ tám pháp diệt của mình. Ba tướng, bốn tùy tướng và tự tánh của pháp đó, vì không tự làm. Tự tánh không tự diệt, như đầu ngón tay không tự xúc chạm.

Hỏi: Tùy tướng có bao nhiêu pháp?

Đáp: Tùy tướng lẽ ra cũng như tướng tướng chỉ có một tướng. Bốn tùy tướng này đều là một pháp. Tùy sinh sinh tiền sinh, tùy trụ trụ và tiền trụ, tùy dị dị tiền dị, tùy diệt diệt tiền diệt.

Đã nói các hành lần lượt sinh nhau, như sinh cùng một lúc không loạn, nay sẽ nói.

Tánh tướng khác nói xa
Nơi chốn, thời cũng vậy
Giới, chủng và đại địa
Phân biệt tánh các thức.

Tánh tướng khác nói xa, nơi chốn thời cũng vậy. Xa có bốn loại: Dị tánh xa, tướng xa, xứ sở xa và thời xa.

Hỏi: Những gì là pháp xa?

Đáp: Gọi là địa giới và đại địa, phân biệt tánh các thức. Dị tánh xa kia: Nghĩa là như trong một thân, giới thiện, giới ác, vô tác nối nhau sinh ra, dù cùng ở trong một thân, và khởi cùng lúc, đồng là tánh vô tác, mà vì các tánh đều khác, nên nói là xa.

Tướng xa nghĩa là bốn đại chủng lần lượt chuyển biến nuôi dưỡng nhau, cùng ở chung một chỗ, hợp thành một thể, vì mỗi tướng của chúng đều khác nhau, nên nói là xa.

Nơi chốn xa, ở Chấn đán, Thiên-trúc dù cùng lúc sinh, hợp thành một thể nhưng vì nơi chốn kia khác nên nói là xa.

Thời xa nghĩa là mắt sinh ra nhãn thức, sau mắt đó, vì thời gian sinh trước cách xa thời gian sau nên nói là xa.

Đã nói các hành vì sinh cùng lúc mà không loạn, nay sẽ nói các hành từ nhân kia sinh ra.

Sở tác, cộng, tự phần Tất cả báo, tương ưng Từ sáu thứ nhân này

Chuyển sinh pháp hữu vi.

Nghĩa là nhân sở tác, nhân cộng hữu, nhân tự phần, nhân nhất thiết biến, nhân tương ưng và nhân báo, sáu nhân này bao gồm tất cả nhân, sáu nhân này sinh ra tất cả hành hữu vi.

Đã nói tên của nhân, nay sẽ nói từng tướng của nhân.

Giống nhau, không giống nhau
Đều trừ bỏ tự tánh
Tất cả là tác nhân
Lúc sinh không chướng ngại.

Giống nhau không giống nhau, đều trừ bỏ tự tánh, tất cả là tác nhân, nghĩa là nếu pháp giống nhau, không giống nhau, trừ tự tánh xoay vần làm nhân, nói là nhân sở tác. Vì sao? Vì lúc sinh, không có chướng ngại, lúc pháp sinh, trừ tự tánh, tất cả tánh mỗi mỗi tự trụ, các phần khác bình đẳng sinh ra không chướng ngại. Như vì nhân địa, nên tạo ra nghiệp tịnh, bất tịnh, vì nhân không nên được qua lại. Như lúc nhãn thức sinh ra, vì mười bảy giới không chướng ngại nên sinh ra tất cả giới như vậy.

Hỏi: Vì sao tự tánh không phải là nhân sở tác của tự tánh?

Đáp: Vì tự tánh không tự làm, vì không tự nương dựa, nên tự tánh đối với tự tánh không nuôi dưỡng, không hao tổn, không thọ nhận, không hại, không nắm giữ, không hư hoại, không thêm không bớt, không thành, không bại, không chướng ngại, đều gọi là nhân sở tác. Vì tự tánh đối với tự tánh không chướng ngại nên không lập nhân sở tác.

Hỏi: Nếu không chướng ngại là nhân sở tác thì vì sao tất cả pháp không sinh và diệt cùng lúc, mà là có lúc sinh rồi diệt, diệt rồi sinh?

Đáp: Vì không hòa hợp, nên dù có nhân sở tác, nhưng phải có sự hòa hợp mới sinh, cũng không phải tất cả pháp đều hòa hợp sinh, hòa hợp diệt cùng lúc, cũng không phải một sự hòa hợp mà sinh ra hai quả.

Hỏi: Nếu vậy thì có một người giết chúng sinh, chúng sinh khác sẽ không bị chướng ngại, vì sao kẻ giết hại có tội mà không phải chúng sinh khác?

Đáp: Vì không có phần tâm ác, lại vì không tạo ra nghiệp, đối với trộm cắp cũng như vậy.

Hỏi: Nếu vật bên ngoài là vật sinh ra tăng thượng cho tất cả chúng sinh thì tại sao lại lấy của không cho để mắc tội trộm đối với tất cả chúng sinh?

Đáp: Vì không có phần thọ, vì không có quả của công lao người. Nếu tất cả chúng sinh đối với người kia ắt có phần thọ và quả công lao của người kẻ nhận lấy đối với người đó phải là tội trộm. Cũng không phải một vật mà tất cả chúng sinh thọ và quả của công lao người đều có ba loại tăng thượng là: Tự tăng thượng, pháp tăng thượng và thế tăng thượng.

Tự tăng thượng là người kia khởi lên cảnh giới phiền não hiện tiền, có thể tự giữ gìn, không bị nghiệp tội, đừng để cho ta phải chịu đau khổ.

Pháp tăng thượng là như có người học rộng, khởi lên cảnh giới phiền não, hiển hiện ra trước nhưng vì mục đích bảo vệ pháp nên không gây tội.

Thế tăng thượng là như có một vị Đại đức nổi tiếng, vị Đại đức đó khởi lên cảnh giới phiền não, hiện ra ở trước, nhưng vì hộ trì thế gian nên không gây ra tội. Đã nói nhân sở tác, nay sẽ nói: Về nhân cộng hữu

Một tánh khởi nương dựa
Cũng nói không nương dựa
Nên biết nhân cộng hữu
Thay nhau làm nhân quả.

Một tánh khởi nương dựa, cũng nói không nương dựa, nên biết nhân cộng hữu, nghĩa là cùng lúc sinh ra tâm, tâm pháp, chuyển biến theo tâm, đạo của tâm bất tương ưng hành cộng định, cộng giới và bốn đại cộng sinh. Các pháp này gọi là nhân cộng hữu, làm nhân quả lẫn nhau, nếu khởi cùng lúc làm quả lẫn nhau là nhân cộng hữu, có mười một nhân, tuy sinh cùng lúc, nhưng người đó không xoay vần làm quả.

Nhân tự phần nghĩa là khác thời mà cùng chung một quả.

Nhân cộng hữu nghĩa là sức của các hành xoay vần phát sinh cùng lúc, nghĩa là tâm đối với tâm pháp, tùy tâm chuyển và tâm bất tương ưng hành, tùy theo tâm chuyển biến sắc, sắc này cũng do ở tâm. Mắt đối với sự sinh, v.v... sự sinh v.v... đối với mắt và bốn đại chủng sẽ lần lượt là nhân cộng hữu. Vì có đối nên sắc tạo không phải thay nhau làm quả, nên không phải là nhân cộng hữu.

Hỏi: Chuyển biến theo nghĩa là gì?

Đáp: Nếu có tâm, thì có pháp kia, nghĩa là tâm phẩm hạ thì là hạ, trung thì là trung, thượng thì là thượng, so sánh như vậy, pháp đó có mười tùy chuyển, đó là một khởi, một trụ, một diệt, một quả, một y và một báo. Thiện là thiện, bất thiện là bất thiện, vô ký là vô ký, đều rơi vào sự sinh của một đời.

Đã nói mười thứ tùy chuyển, trong đó đạo hữu lậu dứt trừ kiết có tám thứ tùy chuyển, trừ bất thiện, vô ký. Đạo phương tiện của thế tục, đạo giải thoát, đạo thắng tiến và bảy thứ tùy chuyển của tâm hữu lậu thiện khác, trừ bất thiện, vô ký và quả giải thoát.

Đạo vô lậu dứt trừ kiết, có bảy loại tùy chuyển, trừ bất thiện, vô ký và báo. Đạo phương tiện vô lậu, đạo giải thoát và đạo thắng tiến có sáu loại tùy chuyển, trừ bất thiện, vô ký, quả giải thoát và báo. Bảy thứ tùy chuyển của tâm bất thiện, trừ thiện, vô ký và quả giải thoát. Tâm vô ký có sáu thứ tùy chuyển, trừ thiện, bất thiện, quả giải thoát và báo.

Có khi cộng hữu cũng là nhân cộng hữu, có khi cộng hữu không phải là nhân cộng hữu. Mắt kia đối với tám pháp cộng hữu cũng là nhân cộng hữu, đó là bốn tướng, bốn tùy tướng. Tướng đối với mắt cộng hữu, là nhân cộng hữu, tùy tướng đối với mắt cộng hữu, chẳng phải là nhân cộng hữu, sinh đối với tám pháp cộng hữu, là nhân cộng hữu, trừ tự tánh của sinh. Mắt và tùy tướng tướng khác sinh, năm pháp này đối với sinh cộng hữu nhân cộng hữu. Tùy tướng khác là cộng hữu, không phải là nhân cộng hữu. Như thế tùy tướng của tướng khác cũng như vậy, cho đến xúc nhập cũng như thế. Ý nhập năm mươi tám nhập tướng tùy tướng, tám pháp đối với những thứ khác là cộng hữu khác chẳng phải nhân cộng hữu. Có năm mươi bốn pháp đối với ý nhập cộng hữu là nhân cộng hữu, trừ bốn tùy tướng. Lại nói mười bốn pháp đối với ý nhập cộng hữu là nhân cộng hữu, đó là bốn tướng tâm của mười đại địa, tám mươi bốn pháp cộng hữu khác chẳng phải nhân cộng hữu. Đại địa cũng nói như vậy. Năm mươi tư pháp đối với tâm cộng hữu là nhân cộng hữu, trừ tùy tướng của tâm. Thuyết này là đúng, nếu khác với thuyết này thì trái với phần chúng sự trong A-tỳ-đàm, nên nói như thế, trừ các pháp thân kiến, v.v... sinh, trụ, dị, diệt các khổ đế của sự cấu uế khác. Như vậy tất cả pháp đều phải biết. Đã nói nhân cộng hữu, nay sẽ nói về nhân tự phần.

Sinh trước và sinh sau
Cũng nói đó chưa sinh
Tự địa tương tợ nhân
Hoặc nói nơi địa khác.

Sinh trước và sinh sau, nghĩa là sinh trước trong quá khứ, đối với sinh sau của quá khứ là nhân tự phần hiện tại.

Hỏi: Vì đã sinh, nhân đã sinh, lại còn nhân chưa sinh chăng?

Đáp: Cũng nói chưa sinh chưa sinh kia, là vị lai, nhân tiền sinh, hậu sinh như vậy, nên biết quá khứ hiện tại là nhân tự phần của vị lai. Vị lai đối với vị lai không có nhân tự phần, vì không có trước sau.

Hỏi: tất cả tiền sinh đối với hậu sinh là chưa sinh nhân tự phần phải không?

Đáp: Cõi Dục của tự địa là nhân của cõi Dục, không phải tha địa, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng, là nhân của Phi tưởng Phi phi tưởng địa, chứ không phải tha địa. Vì sao? Vì nhân quả dứt trừ địa.

Hỏi: Tất cả tự địa có làm nhân cho tất cả tự địa không?

Đáp: Nhân tự phần tương tự, tự địa là nhân tự phần tương tự, chẳng phải không tương tự, như thiện làm nhân cho thiện, cấu uế làm nhân cho

cấu uế, vô ký làm nhân cho vô ký. Do tương tợ nối tiếp với pháp tương tự, đó là tập thiện, sinh thiện, tập bất thiện sinh bất thiện, tập công xảo sinh công xảo, tập oai nghi sinh oai nghi, đó là nói nội phần, ngoại phần, tùy chủng sinh cũng như vậy.

Hỏi: Hoàn toàn là nhân tự phần của tự địa, có vì tha địa chăng?

Đáp: Hoặc nói về tha địa, tha địa phải phân biệt, nếu pháp vô lậu tất cả chín địa xoay vần làm nhân vì lìa ái, vì không rơi vào giới, thì địa dưới sẽ làm nhân cho địa vượt hơn, chứ không phải địa vượt hơn làm nhân cho địa dưới. Hữu lậu nghĩa là vì bị ái ràng buộc, vì rơi vào giới nên chỉ có tự địa.

Đã nói các thứ nhân tự phần, nay sẽ nói về pháp thiện không phải nhân của tất cả pháp thiện.

Cấu uế có chín thứ
Xoay vần làm nhân nhau
Do thọ sinh mà được
Phương tiện sinh chẳng dưới.

Cấu uế có chín thứ, chín thứ cấu uế này là từ phẩm hạ hạ cho đến thượng thượng, sẽ xoay vần làm nhân cho nhau, vì lẽ sự lần lượt tiếp nối nhau hiện tiền và vì mỗi địa kia thọ sinh, vì tất cả đều được ngay lập tức.

Hỏi: Chín thứ cấu uế đều xoay vần làm nhân cho nhau, còn thứ khác thì sao?

Đáp: Nghĩa là do thọ sinh mà được. Nếu vì thọ sinh mà được điều thiện thì điều thiện đó cũng sẽ có chín thứ xoay vần làm nhân cho nhau.

Hỏi: Còn về phương tiện sinh thì sao?

Đáp: Phương tiện sinh không phải của địa dưới. Nếu phương tiện sinh nghĩa là do văn, tư, và tu mà sinh thì các địa kia đều ngang bằng nhau, và nhân tăng thêm không phải của địa dưới, nghĩa là nhân hạ hạ cho đến nhân thượng thượng. Thượng thượng chỉ có nhân thượng thượng, cho đến không phải là nhân hạ hạ. Lại nữa, văn là nhân của văn, nhân của tư, lại nữa tư là nhân của tư và nhân của tu, chẳng phải làm nhân cho văn, vì văn ở địa dưới. Tu chỉ làm nhân cho tu, chẳng phải làm nhân cho địa dưới.

Lại nữa, có bốn loại tu tuệ: Noãn, Đảnh, Nhẫn, Pháp thế đệ nhất. Pháp Noãn kia có bốn thứ nhân, Đảnh có ba, Nhẫn có hai, Thế gian đệ nhất pháp chỉ làm nhân cho thế gian đệ nhất pháp, chứ không phải pháp khác. Đây là nói pháp hữu lậu thiện.

Vô ký không ẩn mất có bốn thứ: Sinh báo, oai nghi, công xảo và tâm biến hóa. Sinh báo đó có bốn loại nhân, oai nghi có ba, công xảo có hai,

tâm biến hóa chỉ làm nhân cho biến hóa, đây là nói hữu lậu.

Pháp vô lậu, nghĩa là khổ pháp nhẫn làm nhân cho khổ pháp nhẫn cho đến làm nhân cho trí vô sinh, trí vô sinh chỉ có nhân của trí vô sinh, chứ không phải nhân khác.

Đã nói nhân của tự phần, nghĩa là nhân tự phần này thọ nhận quả và quả, nay sẽ nói.

Nhân tự phần như thiện v.v… Nhận quả mà không cho Hoặc cho mà không nhận

Hoặc nói chung chẳng chung.

Có khi nhân của tự phần thiện thọ nhận quả mà không cho, nên chia làm bốn trường hợp:

1. Tiếp nhận mà không cho, nghĩa là lúc cắt đứt căn thiện, sau cùng được xả.

2. Hoặc cho mà không nhận, nghĩa là lúc căn thiện nối tiếp nhau phát sinh đầu tiên đạt được.

3. Hoặc cùng có, nghĩa là không đoạn căn thiện, trụ tự tánh khác.

4. Cùng không, nghĩa là trừ ngần ấy việc trên.

Lại nữa, thọ nhận cấu uế mà không cho, nghĩa là lúc sẽ được quả A-la-hán, cấu uế đắc sau cùng xả. Cho mà không thọ nhận, nghĩa là lúc lui sụt quả A-la-hán, lần đầu tiên đắc. Đều cùng có đắc, nghĩa là chưa lìa dục, ngoài ra trụ tự tánh khác. Cùng không phải: Nghĩa là trừ các trường hợp trên.

Đã nói pháp không duyên, có duyên, có thọ nhận mà không cho, nghĩa là theo thứ lớp, dùng tâm thiện, tâm cấu uế và tâm vô ký hiện tiền. Cho mà không thọ nhận nghĩa là tâm cấu uế và vô ký theo thứ lớp cùng tâm thiện hiện tiền. Cùng có tâm thiện thứ lớp cùng tâm thiện hiện tiền.

Cùng không: Nghĩa là trừ những nghiệp trên, tâm cấu uế và vô ký cũng nói như vậy.

Đã nói nhân tự phần, nay sẽ nói: Về nhân nhất thiết biến

Khổ, tập ở tự địa
Nghi, kiến và vô minh
Nói nhân nhất thiết biến
Các phiền não khởi trước.

Khổ tập ở tự địa, nghi, kiến và vô minh, nói nhân nhất thiết biến: Nghĩa là vì nuôi lớn cảnh giới, vì hoàn toàn quyết định, vì hai thứ sử, vì thuộc về tất phiền não khổ, tập đế. Kiến khổ, tập mà dứt trừ, hạt giống phiền

não, kiến, nghi, tức là phiền não đó do kiến khổ tập dứt trừ, tương ưng với vô minh và vô minh bất cộng tương ưng với chính nó. Các sử này vì không siêng năng vận dụng phương tiện cũng sẽ bừng cháy và vì phiền não biến khắp nên nói là nhân nhất thiết biến, vì dứt phân biệt nhận biết, vì phân biệt giới là tự địa, không phải là tha địa.

Hỏi: Cái gì là nhân biến, phần nào là nhân biến?

Đáp: Các phiền não trước đã khởi, làm nhân nhất thiết biến cho quá khứ, hiện tại, vị lai, làm nhân nhất thiết biến ở hiện tại, vị lai. Hơn nữa các tâm phiền não nối tiếp nhau mà sinh. Như ngã kiến, xét về sự chấp trước này là do sức của kiến sinh khởi, so lường chấp trước này, bài báng về tướng thọ chân đế đệ nhất và thanh tịnh. Đối với đế, sinh ra các lầm lỗi sai khác như do dự, tham, sân, si, mạn v.v... phải biết tất cả nhất thiết biến như vậy, phẩm Nhất Thiết Biến Sử sẽ nói. Đã nói nhân nhất thiết biến, nay sẽ nói: Về nhân tương ưng.

Là pháp đồng một hạnh
Một nương, cũng một thời
Và chuyển một cảnh giới
Là nói nhân tương ưng.

Tâm chuyển hoặc hành, hoặc dựa nương, hoặc thời gian, hoặc cảnh giới, tức hành ấy, chỗ dựa ấy, thời gian ấy, cảnh giới ấy, thọ… tâm pháp chuyển. Nếu tâm pháp đó chuyển biến thì chính vì tâm đó chuyển tánh yếu kém, do sức lần lượt nẩy sinh, như bó lau. Cho nên nói tâm là nhân tương ưng của tâm pháp. Tâm pháp làm nhân cho tâm pháp và tâm là nhân của tâm, chứ không phải tâm làm nhân cho tâm. Vì sao? Vì ba việc, không có một sát-na nào có hai tâm cùng sinh, tâm trước không đợi tâm sau. Tự tánh của tất cả các pháp không tự đối nhau. Sắc, tâm bất tương ưng hành không có nhân tương ưng, vì không duyên. Đã nói nhân tương ưng, nay sẽ nói: Về nhân báo.

Bất thiện, hữu lậu thiện
Là thuộc về ba đời
Vì pháp đó có báo
Nên gọi là nhân báo.

Nếu pháp hữu lậu thiện và bất thiện đều rơi vào hành của ba đời thì quả báo nối tiếp nhau từ đời này sang đời khác trong sinh tử, sinh ra quả báo, như quả thiện đáng yêu, quả bất thiện không đáng yêu. Có khi quả báo nghiệp một nhập sinh ra, gọi là mạng căn, nếu được ý nhập thì hai nhập, nghĩa là ý nhập và pháp nhập. Xúc nhập cũng như vậy, nếu được thân nhập

thì thành ba nhập, nghĩa là thân nhập, xúc nhập và pháp nhập. Sắc, hương vị nhập cũng như thế.

Nếu được nhãn nhập thì thành bốn nhập, đó là nhãn nhập, thân nhập, xúc nhập, pháp nhập. Nhĩ, tỷ, thiệt nhập cũng như vậy. Có khi nghiệp báo hoặc năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một nhập, vì các thứ nghiệp nên biết quả báo cũng có nhiều thứ. Như hạt giống bên ngoài, các thứ quả cũng có nhiều thứ, như cây lúa, mía, trái nho v.v... Không phải các thứ nghĩa là như lúa miến, lúa mạch, v.v... nên biết duyên khởi bên trong cũng như vậy. Có khi nghiệp của một đời, báo của ba đời, không có nghiệp của ba đời, báo của một đời. Vì quả không giảm nhân. Như thế nghiệp của một sát-na, là quả của nhiều sát-na, chứ không phải nghiệp của nhiều sát-na mà là quả của một sát-na.

Nhân báo của một ấm cõi Dục, được một quả, nghĩa là "đắc". Nhân báo của hai ấm được một quả, nghĩa là nghiệp thân, nghiệp miệng. Nhân báo của bốn ấm được một quả, đó là tâm, tâm pháp thiện, bất thiện. Nhân báo của một ấm cõi Sắc được một quả, đó là "đắc" và chánh thọ vô tưởng. Nhân báo của hai ấm sẽ được một quả, nghĩa là sắc của Sơ thiền. Nhân báo của bốn ấm sẽ được một quả, đó là tâm, tâm pháp thiện không có nghiệp tùy chuyển. Nhân báo của năm ấm sẽ được một quả, nghĩa là tâm, tâm pháp thiện có nghiệp tùy chuyển. Nhân báo một ấm của cõi Vô Sắc sẽ được một quả, đó là "Đắc" và chánh thọ Diệt tận. Nhân báo bốn ấm sẽ được một quả, đó là một hạt giống nghiệp,

@@@một chủng loại thân của tâm, tâm pháp thiện, không phải nhiều, đó là nghiệp hiện báo v.v... vì mỗi nghiệp đều khác nhau, trái với kinh A-na- luật-đà thì không đúng. Vì kinh ấy ở đầu có nói như vầy: Vì báo của một lần thí cho nên sinh vào nhà thuộc dòng dõi lớn. Vừa mới chào đời là đã biết được đời sống từ kiếp trước. Tự nhận thấy quả của bố thí rồi, lại tăng thêm nghiệp tịnh, thành ra quả báo rộng thêm, cho đến lậu tận, nói là căn bản của báo đó giống như của một hạt giống.

Lại còn nói là người kia lúc một lần bố thí có rất nhiều hành, phát nguyện trong một duyên, hoặc nguyện sẽ được sinh lên cõi trời, hoặc nguyện được sinh trong loài người. Đã nói tự tánh của nhân là như thế, nay sẽ nói nhân thọ quả và cho quả.

Trong năm thế thọ quả
Cũng nói hai cho quả
Đã hết cho quả một
Hai nhân sẽ phân biệt.

Trong năm thế thọ quả, nghĩa là hiện tại gọi là năm nhân trung thế (đời giữa), đó là ở đời hiện tại thọ quả hiện tại.

Cũng nói hai cho quả: nếu là nhân tương ưng, nhân cộng hữu, thì sẽ cho quả ở đời hiện tại. Nhận quả vào lúc này tức là lúc này sẽ cho quả, nên nói là hai cho quả.

Đã hết cho quả một, đã hết gọi là nhân báo quá khứ, sẽ cho quả ở đời quá khứ.

Hai nhân cho quả nên phân biệt, nghĩa là nhân tự phần và nhân biến, hoặc ở đời hiện tại cho quả, hoặc là nhân sở tác của đời quá khứ, không nói vì rối loạn.

Đã nói nhân thọ quả, cho quả, nay sẽ nói về kiến lập đời.

Làm nhân tất cả pháp
Hai nhân nói hai đời
Còn ba, nói ba đời
Tăng y báo, công quả.

Làm nhân tất cả pháp, hai nhân nói hai đời, còn ba nói ba đời: Nghĩa là tất cả pháp hữu vi, vô vi đều được nói là làm nhân. Nhân tự phần, nhân nhất thiết biến gọi là quá khứ, hiện tại, ba nhân còn lại nói là ba đời. Đã phân biệt các nhân ba đời. Nếu là nhân của quả có quả thì nay sẽ nói công quả tăng, y, báo làm nhân của quả tăng thượng, nhân tự phần, nhân biến có quả y. Nhân báo có quả báo, nhân tương ưng và nhân cộng hữu đều có quả công dụng. Đã phân biệt các nhân, nay sẽ nói các pháp từ nhân sinh.

Báo sinh tâm, tâm pháp
Cùng với các phiền não
Đều từ năm nhân sinh
Nghĩa ấy cần phải biết.

Báo sinh tâm, tâm pháp cùng với các phiền não đều từ năm nhân sinh: Nghĩa là báo kia sinh ra tâm, tâm pháp, và tâm, tâm pháp phiền não đều sinh ra từ năm nhân. Báo sinh ra năm nhân của tâm, tâm pháp là: Nhân sở tác, nhân cộng hữu, nhân tự phần, nhân tương ưng và nhân báo.

Nhân sở tác, nghĩa là pháp kia lúc sinh, pháp trú tương tợ, không tương tự đều không chướng ngại.

Nhân cộng hữu, nghĩa là do sức lần lượt sinh, lần lượt làm bạn, và tâm bất tương ưng hành làm trợ bạn sinh ra.

Nhân tự phần, nghĩa là tương ưng với pháp tự phần sinh ra trước kia.

Nhân tương ưng, nghĩa là nhân kia đều chuyển biến trong một duyên

Nhân báo, nghĩa là pháp thiện, bất thiện kia là quả của nhân báo đó, trừ nhân biến, vì báo vô ký. Tâm, tâm pháp của phiền não trừ nhân báo vì nhiễm ô, sinh ra từ nhân biến, bốn nhân khác như trước đã nói.

Nếu bất tương ưng kia
Các pháp tương ưng khác
Trừ vô lậu đầu tiên
Là từ bốn nhân sinh.

Sắc báo và tâm bất tương ưng hành sinh ra từ bốn nhân, trừ nhân biến vì là vô ký, trừ nhân tương ưng vì không có duyên. Sắc nhiễm ô và tâm bất tương ưng hành, từ bốn nhân sinh ra, trừ nhân tương ưng vì không có duyên, trừ nhân báo vì nhiễm ô. Các pháp tương ưng khác, trừ vô lậu ban đầu, nghĩa là tâm, tâm pháp, thiện hữu lậu, tâm tâm pháp oai nghi, công xảo biến hóa, trừ khổ pháp nhẫn tương ưng. Các tâm, tâm pháp vô lậu khác từ bốn nhân sinh, trừ nhân biến và nhân báo.

Gọi bất tương ưng khác
Tự phần nên biết ba
Và các tương ưng khác
Mới sinh pháp vô lậu.

Nói là báo sinh nhiễm ô nếu có nhân tự phần, trừ vô lậu ban đầu, từ ba nhân sinh ra: Nhân sở tác, nhân cộng hữu, nhân tự phần, không phải nhân tương ưng, vì không có duyên, hai nhân trước đã trừ và các pháp tương ưng khác, đầu tiên sinh ra pháp vô lậu, nghĩa là như pháp tương ưng với khổ pháp nhẫn, cũng có ba nhân sinh: nhân sở tác, nhân cộng hữu, và nhân tương ưng, vì không có vô lậu sinh trước nên không có nhân tự phần, cũng không có nhân biến, nhân báo.

Trong đó, bất tương ưng
Là từ hai nhân sinh,
Nếu từ một nhân sinh
Nên biết là không có.

Trong đó bất tương ưng, là từ hai nhân sinh, nghĩa là sắc, tâm bất tương ưng hành trong phẩm vô lậu ở đầu đều từ hai nhân sinh, là nhân sở tác và nhân cộng hữu.

Đã nói tất cả pháp hữu vi, trong đó nói rộng các pháp từ một nhân sinh, tất nhiên là không có. Vì sao? Vì tự tánh của pháp hữu vi đó rất yếu kém, cho đến một cực vi sinh ra, cũng trừ chính mình. Các nhân sở tác của tất cả các pháp khác và sinh, trụ, dị, diệt của cộng sinh cũng có nhân cộng hữu. Đó là nói chung về nghĩa bốn loại lược nêu về pháp báo sinh ra pháp

nhiễm ô, trừ báo và pháp vô lậu ban đầu. Các pháp không nhiễm ô khác, vô lậu ban đầu ấy, báo sinh tương ưng ấy, bất tương ưng, cho đến pháp vô lậu ban đầu. Báo sinh tương ưng ấy từ năm nhân sinh, trừ nhân biến, báo sinh tương ưng từ bốn nhân sinh, trừ nhân biến, nhân tương ưng. Như tương ưng, bất tương ưng khác nhau là chỉ có trừ nhân báo, từ nhân nhất thiết biến sinh ra, trừ báo và pháp vô lậu ban đầu. Các pháp tương ưng không nhiễm ô khác từ bốn nhân sinh, trừ nhân biến, nhân báo. Pháp bất tương ưng có ba nhân sinh, trừ nhân biến, nhân tương ưng, nhân báo.

Pháp tương ưng với vô lậu ban đầu có ba nhân sinh là nhân tương ưng, nhân cộng hữu và nhân sở tác. Pháp bất tương ưng có hai nhân sinh là nhân sở tác và nhân cộng hữu.

Đã nói các nhân, như nhân này Đức Thế Tôn vì năng lực giáo hóa và năng lực giác ngộ tướng chân thật của các pháp nên nói là duyên, nay sẽ nói:

Thứ đệ cũng duyên duyên
Tăng thượng cùng với nhân
Pháp từ bốn duyên sinh
Lời Thế Tôn đã nói.

Tánh của tất cả pháp là do lực duyên, lực cảnh giới nhiếp thọ sinh ra, vì tánh yếu kém nên tất cả sự duyên đều thuộc về bốn duyên. Bốn duyên đó là phương tiện mở bày, dẫn dắt, là duyên thứ đệ, nhận giữ phương tiện, là duyên duyên. Phần không chướng ngại là duyên tăng thượng, phương tiện của pháp hạt giống là duyên nhân.

Trừ La-hán tâm sau
Các tâm, tâm pháp khác
Thường có hành đã sinh
Là nói duyên thứ đệ.

Trừ tương ưng tâm sau cùng của A-la-hán, các tâm, tâm pháp của quá khứ, hiện tại khác, mỗi thứ đều nối tiếp nhau sinh ra. Vì các tâm đó mỗi mỗi đều nối tiếp nhau sinh không gián đoạn, nên gọi là duyên thứ đệ. Tâm tương ưng sau cùng của A-la-hán kia không phải duyên thứ đệ, vì không có tâm nào khác nối tiếp nhau, do tâm, tâm pháp ở vị lai chưa khởi, không có tâm nào khác tiếp nối nhau, cũng không có duyên thứ đệ, cũng không phải lập phương tiện theo thứ lớp trước sau ở vị lai. Nếu phương tiện lập lần lượt trước sau ở vị là làm hư hoại nghĩa chánh tu phương tiện. Chánh tu phương tiện, tà tu phương tiện, nên tùy theo từng phần thứ lớp nẩy sinh. Hoặc nói theo thứ lớp của nhất tâm mà kiến lập hai tâm thiện và nhiễm ô.

Hoặc lúc chánh tư duy, tâm thiện sinh ra tâm nhiễm ô chẳng phải thường diệt. Hoặc lúc tư duy tà phương tiện, tâm nhiễm sinh ra tâm thiện chẳng phải thường diệt, như hạt giống vừa là mầm, vừa là cháo nhừ. Nếu mầm hội đủ yếu tố hòa hợp thì sinh ra, còn cháo nhừ thì không nẩy mầm. Nếu cháo nhừ có đủ điều kiện hòa hợp thì cháo nhừ sinh ra, còn mầm mộng thì không sinh. Điều này không đúng. Vì sao? Vì trước đây đã nói là trước sau chẳng có phần, vì tâm sau cùng của A-la-hán là ý giới, nên là duyên thứ đệ, là không đúng, vì khác với duyên phần. Nếu nói tâm sau cùng của A-la-hán không phải là ý thức dựa, cũng gọi là ý giới, vì được tướng nương tựa. Tâm sau cùng của A-la-hán như vậy thường nối tiếp không dứt, cũng gọi là duyên thứ đệ, điều này cũng không hợp lý, vì sao? Vì duyên phần khác lạ, vì tướng nên lập giới. Như không có bộ phận mắt, sẽ không thấy sắc, vì nhãn thức không có cũng gọi là nhãn giới, vì cũng được tướng nương tựa. Tâm sau cùng của A-la-hán như trước đã nói. Duyên là vì nghiệp nên kiến lập tâm sau cùng của A-la-hán làm duyên thứ đệ nơi nghiệp nối tiếp nhau không dứt sinh ra, chẳng phải phần của tâm pháp, cũng nói như vậy. Thường nghĩa là không phải như nhân tự phần, nhân biến.

Hỏi: Vì sao sắc và tâm bất tương ưng hành không phải là duyên thứ đệ?

Đáp: Vì rối loạn. Không rối loạn, nghĩa là nói sắc, tâm bất tương hành của duyên thứ đệ vì rối loạn nên không phải duyên thứ đệ, vì cùng lúc thiện, bất thiện, vô ký, lậu, vô lậu hiện hành hiện tiền ở giới khác.

Ba thứ tư duy của cõi Dục: văn tuệ, tư tuệ, sinh tuệ, không phải tu tuệ, vì bất định. Văn tuệ, tư tuệ của cõi Dục, theo thứ lớp Thánh đạo hiện tiền, ba thứ tư duy Thánh đạo thứ lớp hiện ở trước.

Ba thứ tư duy của cõi Sắc: văn tuệ, tu tuệ và sinh tuệ, không phải tư tuệ, vì cõi Sắc là cõi định. Thánh đạo thứ lớp hiện ở trước văn tuệ, tu tuệ ấy, văn tuệ, tu tuệ kia hiện trước Thánh đạo thứ lớp.

Cõi Vô Sắc có hai thứ tư duy là tu tuệ và sinh tuệ, Thánh đạo thứ lớp hiện ở trước tu tuệ đó. Theo thứ lớp của Thánh đạo tu tuệ hiện tiền (về nghĩa này sẽ nói rộng trong phẩm Trạch)

Hoặc thứ lớp pháp, tâm
Chẳng phải tâm vô gián
Vô gián chẳng thứ lớp
Chung, chẳng chung nên biết.

Hoặc thứ lớp tâm, pháp, chẳng phải tâm vô gián, nghĩa là bỏ sát- na của chánh thọ đầu, các chánh thọ khác nối tiếp nhau trong sát-na và khởi

tâm định không gián đoạn, không phải theo thứ lớp. Sát-na chánh thọ đầu, sinh, trụ, dị vô thường kia và các tâm nối tiếp nhau.

Sinh, trụ, dị, vô thường kia đều chung kia, nghĩa là sát-na chánh thọ đầu trừ khởi tâm định, các tâm nối tiếp nhau khác, không chung nghĩa là trừ sát-na chánh thọ đầu, sinh, trụ, dị, vô thường kia, các sát-na chánh thọ nối tiếp nhau khác, sinh, trụ, dị, vô thường kia. Nếu theo thứ lớp của pháp, tâm, chánh thọ kia sẽ không gián đoạn, nên chia làm bốn trường hợp:

1. Hoặc theo thứ lớp pháp, tâm, không phải chánh thọ vô gián, nghĩa là sát-na chánh thọ đầu trừ khởi lên tâm định, các tâm nối tiếp nhau khác, chánh thọ vô gián không phải thứ lớp của tâm, nghĩa là trừ sát-na chánh thọ đầu, sinh, trụ, dị, vô thường kia, các chánh thọ nối tiếp nhau khác. Sinh, trụ, dị, vô thường kia đều đi chung, nghĩa là trừ sát-na chánh thọ đầu, các chánh thọ nối tiếp nhau khác và khởi tâm định. Không đi chung nghĩa là sát-na chánh thọ ban đầu, sinh, trụ, dị, vô thường kia, trừ khởi tâm định, sinh, trụ, dị, vô thường, các tâm nối tiếp nhau. Sinh, trụ, dị, vô thường kia, chánh thọ Diệt tận, vì tâm dẫn dắt tâm tạo tác, vì tâm thứ lớp, tâm trái nhau, không phải duyên thứ đệ của tâm, khởi tâm định ở trước, tuy có định nối tiếp nhau không dứt, nhưng vì chẳng phải tâm, lại dùng tâm làm duyên thứ đệ. Đã nói duyên thứ đệ, nay sẽ nói duyên duyên:

Cảnh giới, đối tất cả
Tâm và các tâm pháp
Thế nên, tất cả pháp
Được gọi là duyên duyên.

Tất cả pháp là đối tượng mà tâm, tâm pháp duyên lấy, tùy thuộc vào việc của đối tượng đó. Nghĩa là nhãn thức và pháp tương ưng cùng lấy sắc làm duyên, cho đến ý thức và pháp tương ưng, dùng tất cả pháp làm duyên.

Đối với một sắc, nhãn thức sinh một quyết định nhận biết đều thấy các sắc, điều này không đúng vì nó nhanh chóng, nên không phải nói đều thấy.

Đều thấy nghĩa là tăng thượng mạn, như vòng tròn lửa không phải bánh xe mà tưởng tượng là bánh xe lửa, đó là tăng thượng mạn. Nếu không thấy rõ ràng, hoặc rõ ràng sự khác nhau của sắc thì có thể tiếp nhận chung. Như ngắm xem khu rừng rậm, âm thanh, mùi hương, chất vị, sự xúc chạm cũng nên hiểu biết như vậy. Đã nói duyên duyên, nay sẽ nói về duyên tăng thượng:

Nếu nhân sở tác kia
Đây là duyên tăng thượng

Đó gọi là nhân duyên
Phải biết nói nhân khác.

Trước đây nói nhân sở tác, nên biết tức là duyên tăng thượng, trừ tự tánh, vì tất cả tánh không chướng ngại. Lúc pháp sinh, tự làm việc của mình, vì vượt hơn nên gọi là duyên tăng thượng.

Đã nói duyên tăng thượng, nay sẽ nói duyên nhân. Cái gọi là duyên nhân, nên biết nói nhân khác, trừ nhân sở tác, nhân khác là nói duyên nhân. Đã nói duyên, nay sẽ nói: Về các pháp tùy theo duyên sinh khởi

Tâm và các tâm pháp Là từ bốn duyên sinh Hai chánh thọ từ ba Là thuyết khác có hai.

Tâm và các tâm pháp là từ bốn duyên sinh, nghĩa là tâm, tâm pháp từ bốn duyên sinh, vì mở dẫn ở trước nên sinh, là cảnh giới của duyên thứ đệ, là duyên duyên, trừ tất cả pháp khác của chính nó, là duyên tăng thượng, còn nhân khác thì tùy thuộc vào điều nó thích hợp, nên nói là duyên nhân.

Hai chánh thọ từ ba: Chánh thọ vô tưởng, chánh thọ Diệt tận đều từ ba duyên sinh. Tâm, tâm pháp trước của hai chánh thọ là duyên thứ đệ kia. Pháp thiện sinh trước tự địa và cùng khởi chung bốn tướng ấy là duyên nhân, duyên tăng thượng kia, như trước đã nói. Thuyết khác có hai, trừ định Vô tưởng, định Diệt tận, tâm bất tương ưng hành khác và sắc. Các pháp này có hai duyên sinh, đó là duyên nhân, duyên tăng thượng. Đã nói các pháp từ duyên sinh, nay sẽ nói giới hạn của pháp hữu vi:

Giới hạn có ba thứ Danh sắc và thời gian Phần đầu nói một chữ Cực vi sát-na khác.

Giới hạn có ba thứ, danh sắc và thời gian, nghĩa là tất cả pháp hữu vi được lập ra ba thứ giới hạn, tùy thuộc vào giới hạn của hữu vi đó, gọi là giới hạn sắc và thời gian.

Hỏi: Việc ấy thế nào?

Đáp: Phần đầu nói một chữ, cực vi sát-na khác. Với một ít danh, nghĩa là một chữ, gọi cực vi là rất ít, rất ít hơn một chữ nên nói là một chữ, gọi là giới hạn.

Một ít sắc, nghĩa là một vật thể cực vi. Nếu trí hành chân thật phân tích tướng của sắc thì sắc đó rất nhỏ hơn một vi, nên nói một vi là sự phân chia giới hạn của sắc.

Một ít thời gian, nghĩa là một sát-na, một khoảng thời gian cực ngắn, khoảng trong một ý niệm nên nói sát-na là mức giới hạn thời gian. Sự lường xét về sát-na, có thuyết nói như tráng sĩ đã nhanh chóng trở về trái đất, sau

khi trải qua một chuyến quan sát các vì tinh tú. Tráng sĩ đó đã đi qua mỗi vì sao trong một sát-na, và tất cả vì sao đều như vậy. Lại nói như tráng sĩ búng ngón tay trong khoảnh khắc đã trải qua sáu mươi bốn sát-na.

Lại nói như tráng sĩ dùng dao bén cắt đứt sợi tơ nhỏ Ca-thi, cắt đứt một sợi tơ trong một sát-na, tất cả sợi tơ đều như vậy. Lại nói Đức Thế Tôn không nói sát-na, như Ngài đã nói Tỳ-kheo nên biết, bốn chàng thiện xạ cầm cung đều bắn, như kia là nói rộng. Đã nói cực vi là như vậy, nay sẽ nói sắc tăng trưởng:

Bảy vi thành a-nậu
Bảy nậu thành đồng trần
Thủy, thố, dương, mao, trần
Nên biết từ bảy khởi.

Bảy cực vi thành a-nậu, a-nậu đó là sắc rất nhỏ, thiên nhãn có thể thấy và Bồ-tát, vua Chuyển Luân thấy. Bảy a-nậu là lớp đồng thượng trần, bảy đồng thượng trần là một thủy thượng trần, bảy thủy thượng trần là một thố hào thượng trần, bảy thố hào trần là một dương mao thượng trần, bảy dương mao thượng trần là một dương mao thượng trần.

Ngưu mao, hộ hướng trần Chấy, rận, mì và gạo Nhỏ, lớn là chuyển tăng Đều khởi từ số bảy.

Bảy dương mao trần thành một ngưu mao trần, bảy ngưu mao trần thành nhất hướng du trần, bảy hướng du trần hợp thành một con chấy, bảy con chấy hợp thành một con rận, bảy con rận hợp thành hạt lúa mì.

Bảy lúa, mì như vậy
Chuyển tăng thành một lóng (tay)
Bề dài hai mươi bốn
Gọi là một khuỷu tay.

Bảy hạt lúa mì hợp thành một lóng tay, hai mươi bốn lóng tay thành một khuỷu tay.

Bốn khuỷu là một cung Năm trăm câu-lũ-xá Cách thôn câu-lũ-xá Đó gọi là chỗ trống.

Như vậy cần nên biết số đó tức là số đo ở thân bằng bốn khuỷu thành một cung. Cách thôn năm trăm cung gọi là chỗ trống, là một câu- lũ-xá của Ma-kiệt-đề, phương Bắc gọi là nửa câu-lũ-xá.

Hỏi: Đã biết sát-na cho đến câu-lũ-xá. Tám câu-lũ-xá là một-do- tuần, nên nói là số đo của thân. Vậy lấy gì để làm số đo của thân?

Đáp: Số đo ấy tức là số đo của thân, trước đã nói số khuỷu tay và câu-lũ-xá, nên biết tức là số đo của thân. Khuỷu tay của nhân gian kia làm số

đo của thân. Người ở cõi Diêm-phù-đề, về chiều dài đo được là ba khuỷu rưỡi tay, hoặc bốn khuỷu tay. Người Phất-bà-đề cao tám khuỷu tay, người Cù-đà-ni mười sáu khuỷu tay, người Uất-đơn-việt cao ba mươi hai khuỷu tay.

Trước đây nói câu-lũ-xá là số đo của thân trời. thân của Tứ Thiên vương bằng một phần tư câu-lũ-xá. Trời Thân Tam thập tam cao nữa câu-lũ-xá. Thân Đế-thích bằng một câu-lũ-xá. Thân trời Dạ-ma bằng ba phần tư câu-lũ-xá. Thân của Đâu-suất-đà bằng một câu-lũ-xá, thân trời Tha hóa tự tại cao một câu-lũ-xá rưỡi. Đây là số đo của thân trời cõi Dục.

Thân Phạm thiên cõi Sắc cao nửa do-diên. Thân trời Phạm phước lâu cao một do-diên. Thân của trời Đại Phạm cao một do-diên rưỡi. Thân trời Thiểu quang bằng hai do-diên. Thân trời Vô Lượng Quang cao bốn do-diên. Thân trời Quang âm bằng tám do-diên. Thân trời Thiểu Tịnh cao mười sáu do-diên. Thân trời Vô Lượng Tịnh cao ba mươi hai do-diên. Thân trời Biến Tịnh cao sáu bốn do-diên. Thân trời Phước ái cao một trăm hai mươi lăm do-diên. Thân trời Phước Sinh cao hai trăm năm mươi do-diên. Thân trời Quảng quả cao năm trăm do-diên. Thân trời Vô tưởng cũng vậy. Thân trời Vô Hy Vọng cao một ngàn do-diên. Thân trời Vô nhiệt cao hai ngàn do-diên. Thân trời Thiện kiến cao bốn ngàn do-diên. Thân trời Thiện Hiện cao tám ngàn do-diên, thân trời Sắc Cứu Cánh cao một vạn sáu ngàn do-diên. Trên đây là nói số đo chiều cao thân của các tầng trời cõi Sắc. Đây gọi là giới hạn của cõi Sắc.

Hỏi: Như ở trước nói giới hạn của thời gian là một sát-na, nay sẽ nói về thời khác.

Trăm hai mươi sát-na
Gọi là Đát-sát-na
Sáu mươi gọi La-bà
Ba mươi Ma-hầu-la.

Một trăm hai mươi sát-na gọi là một Đát-sát-na, sáu mươi Đát sát- na gọi là một La-bà, tức bảy ngàn hai trăm sát-na, ba mươi La-bà gọi là một Ma-hầu-la đa, tức hai mươi mốt vạn sáu ngàn sát-na.

Ba mươi Ma-hầu-la
Gọi là một ngày đêm
Hoặc ngày đêm cõi Dục
Vì kiếp số ở trên.

Ba mươi Ma-hầu-la-đa là một ngày, một đêm, có sáu trăm bốn mươi tám vạn sát-na. Đã biết số sát-na trong ngày, đêm, nay sẽ nói về tuổi thọ.

Hoặc ngày, đêm cõi Dục, dùng kiếp số ở trên, nghĩa là tuổi thọ của chúng sinh ở cõi Dục, tức lấy số ngày đêm trên để làm số đo tuổi thọ của cõi Dục. Hoặc số kiếp sống lâu của con người ở cõi Diêm-phù- đề, hoặc vô lượng tuổi, hoặc mười tuổi. Người của cõi Phất-bà-đề sống lâu hai trăm năm mươi tuổi. Người Cù-đà-ni năm trăm tuổi. Người Uất- đơn-việt một ngàn tuổi. Năm mươi năm ở nhân gian bằng một ngày, một đêm trên cõi trời Tứ Thiên vương, tức là lấy ba mươi ngày này làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Số ngày tháng năm là như vậy. Tuổi thọ của trời Tứ Thiên vương là năm trăm năm, ở nhân gian là chín trăm vạn năm, là một ngày, một đêm ở địa ngục Đẳng Hoạt, chính là lấy ba mươi ngày này làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Số của ngày tháng năm là như vầy: Địa ngục Đẳng hoạt sống lâu năm trăm tuổi, bằng một trăm năm ở nhân gian, là một ngày, một đêm ở cõi trời Tam thập tam, với số ngày, tháng, năm là như vầy: Tuổi thọ của cõi trời Tam thập tam được một ngàn tuổi, là ba ức sáu trăm vạn năm ở nhân gian, là một ngày một đêm ở đại địa ngục Hắc thằng, với số ngày, tháng, năm được tính như vầy. Tuổi thọ của đại địa ngục Hắc thằng là một ngàn tuổi, hai trăm năm của nhân gian là một ngày, một đêm ở trên Diệm ma thiên, với số ngày, tháng, năm như vầy. Thọ mạng của trời Diệm ma là hai ngàn tuổi, bằng mười bốn ức bốn trăm vạn năm ở nhân gian, là một ngày đêm ở đại địa ngục Chúng Hợp, với số ngày tháng năm như vầy: Tuổi thọ của đại địa ngục Chúng Hợp là hai ngàn tuổi bằng bốn trăm năm ở nhân gian, là một ngày đêm ở cõi trời Đâu- suất-đà, với số ngày tháng năm như vầy: Trời Đâu-suất-đà sống lâu bốn ngàn tuổi, là năm mươi bảy ức sáu trăm vạn năm ở nhân gian, bằng một ngày một đêm ở địa ngục Hô, với số ngày tháng năm như vầy. Tuổi thọ của địa ngục Hô là bốn ngàn tuổi, tám trăm năm ở nhân gian, là một ngày một đêm ở cõi trời Hóa lạc với số ngày tháng năm như vậy. Tuổi thọ của cõi trời Hóa lạc là tám ngàn tuổi, hai trăm ba mươi ức bốn trăm vạn năm ở nhân gian, là một ngày một đêm ở địa ngục Đại Hô, với số ngày tháng năm như vậy. Tuổi thọ của địa ngục Đại Hô lên đến tám ngàn tuổi, ở nhân gian chỉ có một ngàn sáu trăm năm bằng một ngày đêm ở cõi trời Tha hóa tự tại, với số ngày tháng năm như vậy. Tuổi thọ của trời Tha hóa tự tại là một vạn sáu ngàn tuổi, tương đương với chín trăm hai mươi mốt ức sáu trăm vạn năm, là một ngày một đêm trong đại địa ngục Nhiệt, với số ngày tháng năm như thế. Đại địa ngục Nhiệt sống lâu một vạn sáu ngàn năm. Tuổi thọ của đại địa ngục Chúng nhiệt là nửa kiếp. Đại địa ngục Vô trạch sống lâu một kiếp. Tuổi thọ cao nhất của cõi súc sinh cũng là một kiếp, như Long vương Trì địa. Thọ mạng tối đa của ngạ quỷ là năm trăm năm.

Hỏi: Đã nói tuổi thọ của cõi Dục, còn tuổi thọ của cõi trên thế nào?

Đáp: Ở cõi trên lấy kiếp số. Như thân Phạm thiên ở cõi Sắc kia, sống lâu nửa kiếp, trời Phạm phước lâu sống lâu một kiếp, tuổi thọ của Đại Phạm thiên là một kiếp rưỡi, trời Thiểu quang hai kiếp, trời Vô lượng quang bốn kiếp, trời Quang âm tám kiếp, trời Thiểu tịnh sống lâu mười sáu kiếp, trời Vô lượng tịnh ba mươi hai kiếp, trời Biến tịnh sáu mươi bốn kiếp, trời Phước ái một trăm hai mươi lăm kiếp, trời Phước

@@@sinh hai trăm năm mươi kiếp, trời Quảng quả năm trăm kiếp, trời Vô tưởng cũng như vậy. Trời Vô hy vọng sống lâu một ngàn kiếp, trời Vô nhiệt hai ngàn kiếp, trời Thiện kiến bốn ngàn kiếp, trời Thiện Hiện tám ngàn kiếp, trời Sắc cứu cánh một vạn sáu ngàn kiếp.

Không xứ của cõi Vô Sắc sống lâu hai vạn kiếp, Thức xứ bốn vạn kiếp, Vô sở hữu xứ sáu vạn kiếp và Phi tưởng Phi phi tưởng xứ sống lâu đến tám vạn kiếp. Tất cả ba cõi đều có số tuổi thọ trung bình và yểu, chỉ trừ Uất-đơn-việt và Bồ-tát thân sau cùng ở trời Đâu-suất và trời Vô tưởng.

Hỏi: Vì sao các pháp này được gọi là hành?

Đáp:

Nhiều pháp sinh một pháp
Một cũng hay sinh nhiều
Duyên hành, hành tạo tác
Là hành cần nên biết.

Không có pháp nào do sức mình sinh ra, vì một pháp phải do sức của nhiều pháp mới được sinh và nhiều pháp cũng do sức của một pháp sinh ra.

Tất cả pháp hữu vi đều như thế, cho nên nói là duyên hành, tạo ra hành. Hành này cần nên biết vì duyên hành đó, vì có tạo ra nên nói là duyên hành. Vì hành đã tạo ra, vì tạo nên hành đó nên nói là hành tạo ra.

-oOo-

LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

QUYỂN 3

Phẩm 3: NGHIỆP

Đã nói các hành lần lượt do năng lực của nhân duyên sinh ra. Các hành đó đã khởi lên các thứ sinh, sự khác nhau của mỗi thứ sinh, hơn hết chỉ có nghiệp. Nay sẽ nói về nghiệp đó.

Nghiệp tô điểm thế gian Mỗi đường ở mỗi xứ Nên phải tư duy nghiệp Cầu giải thoát thế gian.

Nghiệp tô điểm thế gian, mỗi đường ở mỗi xứ: Nghĩa là tất cả mỗi chủng tánh của năm đường như vậy sinh ra các thứ nghiệp được tô điểm, rồi lấy nghiệp làm hạt giống. Nghiệp đó có, như vì trồng hạt giống khác nhau, nên mầm không giống nhau. Do đó phải tư duy về nghiệp, cầu xa lìa thế gian được giải thoát. Vì đối với sự thọ sinh, nghiệp hơn tất cả nên người nào muốn quay lưng lại với sinh tử, phải khéo quán sát nghiệp.

Hỏi: Nghiệp là gì?

Đáp:

Thân, miệng, ý nhóm nghiệp
Ở chỗ trong các hữu
Nghiệp đó là các hành
Trang sức các thứ thân.

Thân, miệng, ý nhóm, nghiệp ở chỗ trong các hữu: Nghĩa là ba nghiệp thân, miệng, ý này sinh ra các thứ quả. Chúng sinh trú trong bổn hữu, có sinh hữu tu tập các nghiệp.

Hỏi: Vì sao lập ba nghiệp? Vì tự tánh, vì nương tựa hay vì đẳng khởi? Nếu vì tự tánh thì phải một nghiệp, đó là ngữ nghiệp. Nếu vì nương tựa thì tất cả đều nương dựa vào thân, cũng có một nghiệp là thân nghiệp. Nếu vì đẳng khởi nghĩa là hết thảy đều từ ý khởi, thì lẽ ra cũng có một nghiệp, đó là ý nghiệp?

Đáp: Nghiệp này cũng như vậy, vì ba việc. Tự tánh của nghiệp kia là ngữ nghiệp, vì ngữ tức là nghiệp, sự nương dựa chính là thân nghiệp, vì

nghiệp dựa vào thân, vì thân tạo ra, vì thân nhóm họp (kết hợp) vì thân vận động. Đẳng khởi, nghĩa là ý nghiệp. Dù thân, miệng, ý nghiệp đã khởi nhưng không cùng có tên chung như nhãn thức.

Hỏi: Như đã nói thì nghiệp để làm gì?

Đáp: Nghiệp kia là các hành và thọ các thứ thân. Đây là nói quả tăng thượng của tất cả chúng sinh, nghĩa là mọi công cụ bên ngoài gọi là hành, hoặc là hình tướng, thọ mạng v.v… của chúng sinh, đó là nghiệp quả kia (quả của nghiệp thân đó)

Hỏi: Nếu các tướng trong, ngoài của thân kia thì tướng này tại sao là các tướng của bốn đại, hay các tướng của sắc tạo, hay là các tướng của nghiệp?

Đáp: Cả ba loại đều có nhân sinh, nương nhân mà kiến lập nhân, nhân trưởng nhân dưỡng là các tướng của bốn đại, vì là nhân tự phần, là các thứ tướng của sắc tạo, vì là nhân báo. Các tướng của nghiệp này tuy là phần ngoài không có nhân báo nhưng chúng sinh tạo ra hành động thiện, sẽ được sắc đẹp, xứ sở đẹp. Ngược lại nếu gây ra hành vi xấu ác thì chắc chắn chúng sẽ mắc phải sắc xấu xí, xứ sở xấu ác, do các thứ nghiệp nên phần trong, ngoài cũng có các thứ nghiệp. Về tướng của nghiệp này nay sẽ nói lược:

Thân nghiệp phải biết hai
Nghĩa là tác, vô tác
Khẩu nghiệp cũng như vậy
Ý nghiệp nên biết tư.

Thân nghiệp phải biết hai, đó là tác, vô tác: Thân nghiệp có hai thứ là tánh tác và tánh vô tác. Tác là hành động của thân, phương tiện của thân, sự tạo tác của thân. Vô tác là thân động đã diệt, cùng với các thức khác, tánh vô tác kia tùy theo đó mà sinh. Như người lãnh thọ giới thiện, tâm nhiễm ô, vô ký sẽ hiện ở trước, rồi giới thiện sinh theo. Như kẻ thọ giới ác với tâm thiện, vô ký, khởi hiện ở trước, giới ác sẽ tùy theo đó mà sinh.

Khẩu nghiệp cũng như vậy, nghĩa là khẩu nghiệp có hai thứ là tánh tác và tánh vô tác như trước đã nói.

Ý nghiệp phải biết tư, nghĩa là ý nghiệp là tự tánh của tư. Có dục làm cho ý nghiệp thành tánh vô tác. Điều này không đúng vì ý chẳng phải tánh tác, vì không phải sắc và vì ba loại nên vô tác cũng gọi là không ưa, cũng gọi là lìa, cũng gọi là xả, cũng gọi là bất tác. Vì không có tạo tác nên gọi là vô tác. Nói không phải nghiệp là không đúng. Vì sao? Vì có tạo tác, nếu thiện không làm điều bất thiện, hoặc bất thiện không làm việc thiện, cũng gọi là tác. Như xả giác chi không lấy tên xả, nên xả tu đạo. Vì chấm dứt

việc khác nên gọi là xả. Ý nghiệp cũng như vậy.

Lại nữa, vì nhân tác, vì quả tác, vì thấy nhân nên nói là quả. Như Đức Thế Tôn nói vì hình chất là sắc, vô tác cũng chẳng phải sắc. Vì do tác là sắc, vô tác kia cũng gọi là sắc, nghiệp đó cũng như vậy.

Đã nói năm nghiệp như thế, nay sẽ nói: Về sự khác nhau của các thứ nghiệp,

Tác nên biết có ba
Thiện, bất thiện, vô ký
Ý nghiệp cũng như thế,
Còn, không nói vô ký.

Tác nên biết có ba loại là thiện, bất thiện, vô ký, nghĩa là thân, miệng tạo ra ba loại thiện, bất thiện, vô ký.

Thiện: Hành động thân, miệng với tâm tịnh, như bố thí, giữ giới v.v...

Bất thiện: Hành động thân, miệng với tâm bất thiện như sát sinh, v.v...

Vô ký: Hành động thân, miệng với tâm vô ký.

Ý nghiệp cũng như vậy: Ý nghiệp cũng có ba thứ: tương ưng với tâm thiện là thiện, tương ưng với tâm bất thiện là bất thiện, tương ưng với tâm vô ký là vô ký.

Nghiệp khác không nói vô ký, nghĩa là hai nghiệp còn lại là thân và miệng vô tác, hai thứ thiện, bất thiện kia không có vô ký. Vì sao? Vì tâm vô ký rất yếu kém. Tâm mạnh mẽ, có thể khởi nghiệp thân, miệng. Tâm khác đều cùng với hành nối tiếp nhau sinh, như tay cầm đóa hoa thơm, dù đã vứt đóa hoa rồi nhưng mùi thơm vẫn còn vương trên tay, chứ không phải như cầm cây, đá, v.v...

Hỏi: Đã biết năm nghiệp, tư không phải là tánh của sắc, đã nói trong đại địa, nghiệp khác có tánh gì?

Đáp:

Tánh sắc, nhiễm, không nhiễm
Không nhiễm ô năm địa
Ẩn mất thuộc cõi Sắc
Bất thiện ở cõi Dục.

Sắc, nghĩa là tất cả thân nghiệp, khẩu nghiệp là tánh của sắc, vì là bốn đại, thân ấy tạo tác thể thấy, có đối đãi, khẩu tạo tác không thể thấy, có đối. Vô tác đều không thể thấy, không có đối.

Hỏi: Nghiệp thân, nghiệp khẩu có bao nhiêu thứ?

Đáp: Nhiễm ô, không nhiễm ô. Sắc kia có hai thứ nhiễm ô, không

nhiễm ô. Nhiễm ô do phiền não khởi lên. Phiền não đó có hai thứ: vô ký ẩn mất và bất thiện. Vô ký ẩn mất: Vô báo, không hổ, không thẹn, không tương ưng với một quả phiền não đắm khởi. Bất thiện nghĩa là có báo, không hổ, không thẹn tương ưng với hai quả phiền não đẳng khởi. Không nhiễm ô cũng có hai thứ là thiện và vô ký không ẩn mất. Thiện được quả ái, thiện ấy cũng có hai thứ là hữu lậu và vô lậu (sau phẩm này sẽ nói rộng). Vô ký không ẩn mất, nghĩa là tâm vô ký không ẩn mất đẳng khởi, đó là oai nghi, công xảo, không phải báo sinh ra, tâm mạnh mẽ có thể khởi nghiệp báo của thân, miệng, quả báo sinh tâm yếu kém nên không khởi, cho nên nghiệp thân, miệng không phải là tánh của báo. Nếu báo sinh tâm, có thể khởi lên nghiệp thân khẩu nghĩa là nghiệp thân, miệng kia cũng ứng với báo này, nhưng không phải như vậy, vì phương tiện hiện tại sinh ra. Nếu báo sinh ra tâm thì không nên gọi là oai nghi, công xảo, cho nên nghiệp thân miệng không phải là báo.

Hỏi: Thuộc về địa thứ mấy?

Đáp: Năm địa không nhiễm ô, cõi Dục và Tứ thiền, đây là nói chung. Nếu làm điều thiện thì chỉ có đến Sơ thiền, chứ không hướng lên địa trên.

Hỏi: Vì sao thân miệng làm điều thiện, chỉ đến Sơ thiền, chứ không hướng lên địa trên?

Đáp: Vì tâm thô khởi tạo nghiệp thân miệng, vì tâm đó nhỏ nhặt nên tâm hướng bên ngoài, khởi tạo nghiệp. Vì tâm kia hướng bên trong nên giác quán khởi sự tạo nghiệp, ở địa kia không có.

Thiện vô tác nghĩa là năm địa cõi Dục và Tứ thiền có thiền vô tác luật nghi là luật nghi vô lậu. Thân vô ký không ẩn mất tạo ra cũng là năm địa như trước đã nói. Sự sai khác nghĩa là tâm đẳng khởi tạo ra oai nghi, công xảo của cõi Dục. Tâm đẳng khởi tạo ra oai nghi của cõi Sắc, ở cõi Sắc kia không có tâm công xảo.

Hỏi: Đã nói địa trên không có tâm khởi tác, thì sao lại có sự tao tác?

Đáp: Vì năng lực Sơ thiền kia tâm khởi tác hiện ở trước cho nên khởi. Nếu nói là thiện cũng như vậy thì không đúng, vì sinh lên địa trên, tâm thiện địa dưới không hiện ở trước, vì tâm thiện đó yếu kém.

Sự ẩn mất lệ thuộc ở cõi Sắc, nghĩa là nếu nghiệp thân miệng vô ký ẩn mất ở Sơ thiền cõi Sắc, không lên địa trên, vì không khởi lên tâm tạo ra, không sinh ở địa trên, mà tâm nhiễm ở địa dưới hiện tiền, do đã lìa dục, cũng không phải tu đạo cõi Dục dứt trừ phiền não, đẳng khởi nghiệp thân miệng ở cõi Dục, mà tu đạo cõi Dục dứt trừ phiền não, vì hoàn toàn bất thiện, kiến đạo dứt trừ tâm không khởi nghiệp thân miệng sẽ nói sau phẩm

này.

Bất thiện ở cõi Dục, nghĩa là nếu bất thiện trong nhiễm ô, là ở cõi Dục, không phải cõi Sắc. Vì sao? Vì tâm thiện ở cõi Dục kia dễ được, do chánh thọ được nuôi lớn, vì chẳng có không hổ, không thẹn, và vì không có thọ khổ.

Bất thiện nghĩa là thọ khổ, thọ báo của quyến thuộc, ở cõi Sắc, Vô Sắc không có, không có nghiệp cõi Sắc và thọ báo cõi Dục, vì khác cõi, vì nhân quả đoạn là cõi. Đã nói tự tánh, nay sẽ nói: Về chủng địa của nghiệp thân, miệng là sự khác nhau của luật nghi vô tác.

Nếu trụ giới vô tác
Nói lược có ba thứ
Vô lậu và thiền sinh
Nương giới biệt giải thoát.

Nếu trụ giới vô tác, nói lược có ba loại, nghĩa là giới vô tác nếu thuộc về luật nghi thì nói lược nên biết có ba loại.

Hỏi: Ba loại đó là gì?

Đáp: Ba loại đó là vô lậu, thiền sinh nương tựa vào giới biệt giải thoát. Giới vô lậu đó và đạo cùng hành một quả với đạo là thiền của Học, Vô học phát sinh, nghĩa là giới của thiền kia và thiền là cùng thực hành một quả thiền một quả thiền, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Chánh mạng là kiến lập nghiệp thân miệng, vì không có tự thể khác nhau. Nghiệp thân miệng được phát sinh từ vô tham, vô sân và vô si.

Vô sân, vô si phát sinh được gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp.

Vô tham phát sinh được gọi là chánh mạng. Tuy trong một tâm có ba căn thiện nhưng vì do tăng thượng nên nói như tham, v.v... Hành như gió lay động, thuốc như âm của chữ.

Dựa vào giới biệt giải thoát, nghĩa là lãnh thọ Thức-xoa-thi-la giới, tùy chuyển, cũng có luật nghi đoạn, sẽ nói rộng trong phẩm Khế kinh.

Hỏi: Những gì của nghiệp thân nghiệp miệng này không chuyển biến theo tâm? Chuyển biến theo tâm là sao?

Đáp:

Vô tác ở cõi Dục
Tạo dựa vào hai hữu
Phải biết không cùng tâm
Là nói tâm khác cùng.

Vô tác cõi Dục không chuyển biến theo tâm, nghĩa là sau khi thọ giới

rồi, tâm bất thiện, vô ký cũng chuyển biến theo, cũng không chuyển biến theo với tâm thiện, bất thiện, vô ký, vì tướng khác. Lại nữa, vì che giấu giới ác, vì do tạo tác, do bất định.

Sự tạo tác nghĩa là cõi Dục, sắc cũng không chuyển biến theo tâm, vì do thân, vì không phải một quả của tâm.

Là tâm khác cùng thuyết nghĩa là luật nghi thiền, luật nghi vô lậu là tâm khác. Luật nghi đó tùy tâm chuyển biến, vì là một quả của tâm, vì do tâm. Đã nói kiến lập nghiệp, thành tựu giới, nay sẽ nói qua bài tụng:

Luật nghi giới vô lậu Được đạo thì thành tựu Thiền sinh, nếu đắc thiền Giữ giới sinh cõi Dục.

Luật nghi giới vô lậu, được đạo thì thành tựu, được đạo nghĩa là tất cả Thánh đạo, từ khổ pháp nhẫn cho đến trí vô sinh, thành tựu luật nghi vô lậu. Luật nghi vô lậu này ở Lục địa, thiền vị lai, thiền trung gian, bốn thiền căn bản, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm hướng và quả.

Thành tựu giới vô lậu của một địa là A-na-hàm hướng, hoặc thành tựu một địa, hoặc sáu địa, quả A-na-hàm, hoặc ba địa cho đến sáu địa, sáu địa A-la-hán.

Thiền sinh nếu đắc thiền, nghĩa là nếu được thiền thì thành tựu luật nghi thiền, đó là được không mất, đó cũng là sáu địa.

Giữ giới, sinh cõi Dục, nghĩa là nếu người thọ giới thì thành tựu luật nghi biệt giải thoát. Luật nghi này là dành cho người cõi Dục, không phải cõi khác, vì không có phần thọ.

Đã nói lược về giới thành tựu, nay sẽ nói: Phân biệt về thế gian.

Trụ nơi biệt giải thoát
Vô tác ở lúc chuyển
Phải biết thường thành tựu
Đều không xả quá khứ.

Trụ nơi biệt giải thoát, vô tác ở lúc chuyển, phải biết thường thành tựu, nghĩa là luật nghi biệt giải thoát, giới vô tác hiện tại thường thành tựu, mỗi niệm được pháp chưa từng được.

Đều không xả quá khứ, nghĩa là trụ luật nghi biệt giải thoát vô tác, nếu diệt mà không xả thì thành tựu quá khứ (về việc xả sẽ được nói sau phẩm này)

Nếu có tác ở tác
Tức thì lập đời giữa
Đã hết mà không xả
Phải biết thành quá khứ.

Nếu có tác ở tác, tức thì lập đời giữa, đời giữa nghĩa là thân miệng cầu thọ giới ở hiện tại, là bấy giờ thành tựu thân miệng tạo tác ở hiện tại.

Đã hết mà không xả, phải biết thành quá khứ, nghĩa là nếu tạo tác hết mà không xả thì bấy giờ thành tựu quá khứ tác, chứ không phải hiện tại, do tạo tác không niệm niệm tiếp nối nhau mà sinh.

Nếu được thiền vô tác Thành tựu diệt vị chí Giữa nếu nhập chánh thọ Tác cũng như trước nói.

Nếu được thiền vô tác, thành tựu diệt vị chí, nghĩa là nếu được thiền thì người đó đã thành tựu luật nghi thiền quá khứ, vị lai. Nếu lần đầu mới được thiền thì thiền đó sẽ diệt trong sinh tử từ vô thỉ thuộc quá khứ, đến nay đều được thiền đó.

Giữa nếu nhập chánh thọ, nghĩa là như thiền chánh thọ hiện tại, vô tác của thiền kia cũng thế, vì tùy tâm phát sinh. Tạo tác như trước đã nói nghĩa là như biệt giải thoát ở trước, lúc tạo tác sự mong cầu đã thành tựu hiện tại. Nếu diệt rồi không xả, bấy giờ đã thành tựu quá khứ chứ không phải thành tựu hiện tại. Người trụ thiền tạo tác cũng như vậy.

Hỏi: Nếu sinh cõi Sắc, thì sẽ thành tựu sự tạo tác thế nào?

Đáp: Khi Đức Thế Tôn đến cõi Sắc, chư thiên cõi Sắc đều lễ kính, vây quanh bên phải Ngài, cho đến chưa rốt ráo, bấy giờ đã thành tựu việc tạo tác quá khứ.

Đều thành tựu nên biết Được đạo hoặc vị chí Đạo trung gian ở tâm Đều không xả đời trước.

Đều thành tựu nên biết, được đạo hoặc vị chí, nghĩa là tất cả bậc Thánh trong bất cứ lúc nào cũng đều thành tựu luật nghi vô lậu ở vị lai.

Đạo trung gian ở tâm, nghĩa là nếu đạo hiện tại bấy giờ thành tựu luật nghi vô lậu vô tác.

Đều không xả đời trước, nghĩa là đời trước là quá khứ. Nếu luật nghi vô tác kia diệt rồi không xả thì thành tựu quá khứ.

Nếu tạo nghiệp bất thiện
Lập giới thành tựu hai
Năng, sở kia ràng buộc
Đã hết phải biết hết.

Nếu tạo nghiệp bất thiện, lập giới thành tựu hai, nghĩa là trụ thiền biệt giải thoát, phát sinh luật nghi vô lậu. Nếu do sự ràng buộc của phiền não bất thiện tột độ khởi tác, vô tác bất thiện thêm nắm tay thì đó là tạo thành tác, vô tác cho nên thành tựu tác, vô tác. Đây là nói hành bất thiện chưa lìa

dục.

Hỏi: Lúc nào mới thành tựu?

Đáp: Cho đến khi nào phiền não ràng buộc chưa xả, trụ phi luật nghi.

Đã hết, phải biết hết, nghĩa là nếu sự ràng buộc của phiền não kia đã dứt hết thì tác, vô tác cũng hết.

Nếu trụ bất luật nghi
Trong thành tựu vô tác
Phải thọ quả bất ái
Hoặc lại hết không xả.

Nếu trụ bất luật nghi, trong thành tựu vô tác, thọ có thể cảm nhận quả bất ái, trụ bất luật nghi nghĩa là giết mổ, thái thịt, v.v... bất luật nghi đó bất cứ lúc nào cũng tạo thành bất thiện vô tác trong hiện tại, bất thiện vô tác vì mỗi niệm sinh ra.

Hoặc hết không xả nữa: Vô tác bất luật nghi kia diệt không xả thì thành tựu quá khứ.

Nếu sát-na trú tác
Tức thì nói đời giữa
Đã hết mà không xả
Thiện trái với ở trên.

Nếu trụ tác sát-na, tức thì nói đời giữa, nghĩa là trụ bất luật nghi kia, nghĩa là lúc thọ bất luật nghi, thành tựu việc làm hiện tại.

Đã hết mà không xả, nghĩa là tác động bất luật nghi kia đã diệt mà không mất, đó là thành tựu quá khứ, chứ không phải hiện tại, vì không nối tiếp nhau.

Thiện trái với bất thiện, nghĩa là như trụ luật nghi thì nói là bất thiện, còn trụ bất luật nghi lại cho là thiện.

Nếu đã tạo trong xứ
Đây là lập đời giữa
Nếu hết mà không xả
Hoặc hai cũng lại một.

Nếu đã tạo trong xứ, đây là lập đời giữa: Trong xứ nghĩa là không phải luật nghi, không phải bất luật nghi. Nếu lúc tiếp nhận điều thiện, tâm không thuần tịnh thì thành tựu việc làm thiện trong hiện tại. Nếu lúc trụ bất thiện thì phiền não ràng buộc không tột độ, tạo thành việc làm bất thiện hiện tại.

Nếu hết mà không xả nghĩa là diệt rồi không xả, thành tựu việc làm quá khứ kia chẳng phải hiện tại, vì không nối tiếp nhau sinh.

Hoặc hai nghĩa là nếu nói tâm thuần tịnh thì phiền não bất thiện ràng buộc tột độ, thọ nhận hiện tại, thành tựu tác, và vô tác.

Cũng lại một, nghĩa là khởi sát-na thứ hai, chỉ có vô tác hiện tại, hoặc phân biệt quá khứ, hiện tại, hoặc phân biệt thiện, bất thiện cũng vậy.

Ẩn mất, không ẩn mất Hai tác đều chẳng hết Và tịnh cùng bất tịnh Tất cả nói vô sinh.

Ẩn mất, không ẩn mất hai tác đều chẳng tận, nghĩa là nếu việc làm vô ký ẩn mất và vô ký không ẩn mất đều không thành tựu thì tâm yếu kém quá khứ đẳng khởi, vì thế lực khác không mạnh. Nếu lúc thọ nhận tác động hiện tại thì sẽ thành tựu hiện tại, vì sát-na thành tựu cũng không nói vô tác, vì vô ký không cùng khởi.

Và tịnh cùng bất tịnh tất cả nói vô sinh, nghĩa là nếu tác động thiện, bất thiện, vô ký ẩn mất và vô ký không ẩn mất đều không thành tựu, vị lai vì vô trụ, vì chịu sự tác động ở đời vị lai.

Hỏi: Những gì là luật nghi, bất luật nghi?

Đáp:

Chảy rót nối tiếp thành
Giới thiện và bất thiện
Đối tất cả chúng sinh
Luật nghi, bất luật nghi.

Luật nghi biệt giải thoát kia, nghĩa là thọ giới đối với tất cả chúng sinh, tất cả thời, giới đều không dứt, hoặc mười hai loại, hoặc hai mươi mốt loại tùy chuyển.

Bất luật nghi nghĩa là trụ bất luật nghi, đối với tất cả chúng sinh, bất cứ lúc nào giới ác cũng không dứt.

Hỏi: Những gì là trụ bất luật nghi?

Đáp: Có mười hai loại trụ bất luật nghi, đó là giết mổ dê, nuôi gà, nuôi heo, bắt chim, bắt cá, thợ săn, làm kẻ trộm, thái thịt làm nem, cai ngục, dùng chú thuật bắt rồng, rắn, hàng chó, rình rập săn thú. giết mổ dê: Là làm thịt dê, đem lòng sát hại, hoặc nuôi, hoặc bán, hay giết hại, đều gọi là giết mổ dê. Nuôi gà, nuôi heo cũng vậy. Bắt chim: Hoặc giết chim để nuôi sống, bắt cá, thợ săn cũng như thế. Làm kẻ trộm: Thường làm việc trộm cướp, sát hại. Thái thịt làm nem: Mục đích giết người để tự nuôi sống. Cai ngục: lấy nghề cai ngục làm kế sinh nhai. Dùng chú thuật bắt rồng rắn: Luyện tập chú thuật bắt rồng rắn, làm trò vui chơi để tự kiếm sống. Giết mổ chó: Chiên-đà-la. Kẻ săn rình rập: Thợ săn của nhà vua.

Nếu người giết mổ dê dù không sát hại chúng sinh khác nhưng đối với tất cả chúng sinh đã được bất luật nghi. Tại sao? Vì nếu tất cả chúng sinh giống như dê hiện ở trước mặt, nên tất cả trạng thái đó đều khởi tâm giết hại, vì tất cả chúng sinh có lý làm dê, vì nếu không khởi lý cho là dê thì đối với họ, cũng có tâm địa giết hại nên được bất luật nghi. Như trụ tâm từ, tưởng về lòng nhân rộng khắp, nên biết trụ bất luật nghi khác cũng như vậy. Hoặc là vua, hoặc người coi về hình phạt, hoặc coi về kiện tụng mà có tâm hãm hại, cũng đều rơi vào nghĩa bất luật nghi.

Hỏi: Giới hạn được bất luật nghi vào lúc nào?

Đáp:

Là thọ giới luật nghi
Suốt đời hoặc ngày đêm
Bất luật nghi suốt đời
Hai đều không thọ thêm.

Là thọ giới luật nghi, suốt đời hoặc ngày đêm, nghĩa là thọ luật nghi biệt giải thoát có hai thứ: hoặc suốt đời, nghĩa là bảy chúng, bảy chúng là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu- bà-tắc, Ưu-bà-di. Ngày đêm, nghĩa là thọ trai có hai thời gian: Ngày đêm và suốt đời.

Hỏi: Còn bất luật nghi là thế nào?

Đáp: Bất luật nghi suốt đời, nghĩa là suốt đời bất luật nghi không phải ngày đêm.

Hỏi: Vì sao luật nghi thì được ngày đêm chứ không phải bất luật nghi?

Đáp: Vì bất luật nghi kia không có tánh thọ, không có nói "Tôi thọ bất luật nghi ngày đêm", nghĩa là vì có thể xấu hổ, chán nản, trong khi thiện luật nghi thì có tánh thọ, có thể hân hoan vui mừng.

Cả hai đều không thọ thêm, nghĩa là luật nghi, bất luật nghi đều không có thọ nhận thêm, nửa tháng, một tháng hay sáu tháng. Hy vọng thiện ác không rốt ráo xả, giới ngày đêm cũng như vậy, lỗi là không đúng, vì không có tánh giới hạn. Hai thứ giới hạn ở trước đã nói.

Hỏi: Làm sao được luật nghi biệt giải thoát?

Đáp:

Thọ giới biệt giải thoát
Phải biết do người dạy
Tùy tâm hạ, trung, thượng
Được ba phẩm luật nghi.

Thọ giới biệt giải thoát, phải biết do người dạy: Nghĩa là luật nghi biệt giải thoát do người khác dạy bảo, hoặc là chúng, hoặc người, hoặc pháp. Chúng nghĩa là bạch tứ yết-ma thọ giới cụ túc. Người nghĩa là thiện lai. Pháp nghĩa là Đức Phật và năm Tỳ-kheo, v.v...

Lại hỏi ưa thích, nghĩa là luật Tu-đà-da, Tỳ-bà-sa nói có mười loại thọ cụ túc, đó là tự khởi, nghĩa là Đức Phật vượt lên trên ly sinh. Nói là năm Tỳ-kheo thiện lai, nghĩa là các sư như Da-xá, v.v... lãnh thọ, đó là Ma ha Ca-diếp

Hỏi: Vui thích, nghĩa là Tu-đà-da lãnh thọ pháp trọng, nghĩa là bà Ma ha Ba-xà-ba-đề sai sứ, nghĩa là pháp với năm luật sư, v.v... đó là mười chúng biên địa, đó là ba quy y, ba thuyết ở giữa nước .

Hỏi: Những người nào được luật nghi?

Đáp: Tùy tâm hạ, trung, thượng được ba phẩm luật nghi. Nếu thọ giới biệt giải thoát với tâm phẩm hạ, người đó sẽ được giới phẩm hạ, vì quả của tâm thuộc phẩm hạ. Nếu hành thiện bằng phương tiện tích cực, cho đến lìa dục của cõi Sắc, Vô Sắc, gieo trồng hạt giống ba thừa, chủng loại chúng sinh nối tiếp nhau thì người đó vẫn còn chuyển theo phẩm hạ.

Nếu thọ giới với tâm phẩm trung, sẽ được luật nghi phẩm trung, hoặc thực hành điều thiện bằng phương tiện tích cực, hoặc không xả giới, tạo ra mọi hành vi ác, thì người đó vẫn còn chuyển theo phẩm trung.

Nếu thọ giới với tâm tăng thượng sẽ được luật nghi phẩm thượng, cho đến chủng loại nối tiếp nhau, vẫn còn chuyển theo tăng thượng. Hoặc có Tỳ-kheo trẻ tuổi được luật nghi tăng thượng, tuy là A-la-hán, cũng vẫn thành tựu giới tâm phẩm hạ. Có giới biệt giải thoát từ phẩm hạ đến trung, từ phẩm trung đến thượng, nghĩa là trước đem tâm phẩm hạ để thọ luật nghi Ưu-bà-tắc. Kế là với tâm phẩm trung để thọ luật nghi Sa-di. Về sau với tâm phẩm thượng để thọ luật nghi Tỳ-kheo.

Từ phẩm trung hạ thượng, từ phẩm thượng hạ trung nghĩa là trụ luật nghi, có người đối với tất cả chúng sinh khởi không phải tất cả chi, không phải tất cả nhân. Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả chi, không phải tất cả nhân, có người đối với hết thảy chúng sinh khởi hết thảy chi, hết thảy nhân. Có người đối với hết thảy chúng sinh, khởi tất cả nhân, không phải tất cả chi, nghĩa là không có. Chúng sinh ấy là loài cựa động. Chi nghĩa là từ không sát sinh, cho đến không nói thêu dệt. Nhân nghĩa là tâm phẩm hạ, trung, thượng.

Lại nói vô tham, vô sân, vô si, nghĩa là có người đối với tất cả chúng sinh khởi không phải tất cả chi, chẳng phải tất cả nhân, nghĩa là tâm phẩm

hạ thọ giới Ưu-bà-tắc, tâm phẩm hạ thọ giới Sa-di. Có người đối với tất cả chúng sinh khởi tất cả chi, chẳng phải tất cả nhân, nghĩa là tâm phẩm hạ thọ ba loại giới, hoặc trung, hoặc thượng, hoặc cả hai. Có người đối với hết thảy chúng sinh khởi tất cả chi, tất cả nhân, nghĩa là ba thứ tâm lãnh thọ ba loại giới. Cho nên đối với hết thảy chúng sinh khởi tất cả nhân, chẳng phải tất cả chi, nghĩa là không có. Hoặc dùng tâm phẩm hạ lần đầu để thọ giới một ngày đêm, kế là tâm phẩm trung thọ giới Ưu-bà-tắc, về sau với tâm phẩm thượng thọ giới Sa-di. Nghĩa là nói nên đối với hết thảy chúng sinh khởi tất cả nhân, chẳng phải tất cả chi. Nghĩa này không đúng vì giới đó là suốt đời, nên nói.

Hỏi: Trụ những tâm nào để được luật nghi biệt giải thoát?

Đáp: Khởi tâm từ đối với tất cả chúng sinh, nếu nói "Tôi thọ ở đây, không thọ ở kia", nên không được luật nghi, vì tùy theo tâm ác, như nói "Tôi thọ không săn thú", vì phần ít là nghiệp thiện, nên không được luật nghi. Vì giới biệt giải thoát khắp tất cả, vì có khả năng, không có khả năng được luật nghi, nếu khác với quan điểm này thì luật nghi lẽ ra có thêm bớt, vì có khả năng là sinh mà không có khả năng ở, không có khả năng là sinh mà có khả năng ở, như vậy có lỗi gì? Nghĩa là không phải lúc xả, nên xả. Luật nghi biệt giải thoát phải mau chóng biệt xả nên không lãnh thọ mà vẫn được luật nghi biệt giải thoát. Đối với ấm, giới, nhập hiện tại, được chỗ sở đắc của chúng sinh, xứ không phải quá khứ, vị lai, vì rơi vào pháp số. Vì lý do này nên chia làm bốn trường hợp:

1. Có ấm, giới, nhập được luật nghi biệt giải thoát, chẳng phải luật nghi thiền vô lậu, nghĩa là ở hiện tại khởi quyến thuộc trước sau và chế tội.

2. Có ấm, giới, nhập được luật nghi thiền vô lậu, chẳng phải luật

nghi biệt giải thoát, nghĩa là quá khứ, vị lai khởi nghiệp đạo căn bản.

3. Có ấm, giới, nhập được luật nghi biệt giải thoát, cũng được luật nghi thiền vô lậu, nghĩa là khởi đạo nghiệp căn bản ở hiện tại.

4. Có ấm, giới, nhập không được luật nghi biệt giải thoát và luật nghi vô lậu thiền, nghĩa là khởi quyến thuộc trước, sau ở quá khứ, vị lai. Được lúc có cỏ tươi và xả khi cỏ khô héo, việc này không đúng vì khởi ở chỗ cỏ mọc, rồi cho có khả năng, không có khả năng, nói như vậy là không đúng, vì tánh của chúng sinh trước sau đều đồng còn cỏ tươi v.v… về sau, không phải là tánh. A-la-hán bát Niết-bàn của luận này đồng với thuyết này, vì về sau không phải tánh, nghĩa này sẽ được nói rộng trong phẩm Trạch.

Hỏi: Đã nói luật nghi biệt giải thoát, làm thế nào được luật nghi thiền?

Đáp:

Được tâm thiện cõi Sắc
Được giới luật nghi thiền
Đây xả, kia cũng xả
Vô lậu có sáu tâm.

Được tâm thiện cõi Sắc, được giới luật nghi thiền, nghĩa là nếu người nào được tâm thiện cõi Sắc, người đó sẽ được luật nghi thiền, vì giới thường tùy theo tâm thiện cõi Sắc, trừ sáu tâm: tâm nơi ba thức thân của Sơ thiền, tâm của văn tuệ và tâm khởi tạo nghiệp, tâm lúc sắp chết vì không nhất định, nên giới tâm định thường tùy chuyển theo. Vì tâm của ba thức thân khởi hướng bên ngoài, nên khởi tâm tạo nghiệp cũng như vậy, vì tâm văn tuệ gọi là xứ khởi, do tâm lúc chết yếu kém. Đệ nhị, đệ tam, đệ Tứ thiền có hai tâm bất định, đó là tâm văn tuệ và tâm lúc qua đời.

Hỏi: Vì sao cõi Vô Sắc không có giới?

Đáp: Vì tánh của Vô Sắc kia, giới có nghĩa là sắc, trong đó cõi Vô Sắc, không có tánh của bốn đại. Nếu cõi Vô Sắc kia có bốn đại thì phải có giới, nhưng cõi Vô Sắc không có bốn đại. Giới nghĩa là đối trị với giới ác, chẳng phải đối trị với giới ác là giới ở cõi Dục.

Cõi Vô Sắc có bốn thứ viễn viễn: Đó là y viễn, hành viễn, duyên viễn và đối trị viễn. Tất cả phẩm tỷ trí của thiền căn bản dù không phải là đối trị đoạn, nhưng có đối trị trì và đối trị viễn phần. Nếu khổ pháp trí, tập pháp trí có đối trị với hư hoại, vì thuộc về thiền căn bản, thiền vị lai có đối trị đoạn. Nếu diệt, đạo pháp trí thuộc về thiền căn bản thì không phải là đối trị với hư hoại vì duyên vô lậu.

Hỏi: Thế nào là xả?

Đáp: Tâm này xả thì luật nghi kia cũng xả. Nếu mất tâm cõi Sắc, thì luật nghi kia cũng mất, vì do tâm.

Hỏi: Làm thế nào được luật nghi vô lậu?

Đáp: Vô lậu có sáu tâm, tâm cùng được luật nghi vô lậu của sáu địa. Thiền vị lai cho đến đệ Tứ thiền do sáu địa có kiến đạo, không phải địa trên, vì cảnh giới của địa trên không rộng. Nếu dựa vào thiền vị lai vượt lên trên ly sinh, tu một địa, kiến đạo vô gián đẳng biên, tu nhị địa đẳng trí. Nghĩa là thuộc về thiền vị lai và cõi Dục, cho đến dựa vào đệ Tứ thiền, vượt lên ly sinh, tu sáu địa, kiến đạo vô gián đẳng biên, tu đẳng trí của bảy địa.

Hỏi: Vì sao cõi Vô Sắc không có kiến đạo?

Đáp: Vì không có nhẫn và tánh của pháp trí, vì không có căn thiện Câu-xá-la (Câu-xá-la là nói hành nghiệp), vì không có giới, vì không duyên cõi Dục.

Hỏi: Giữa luật nghi thiền và luật nghi vô lậu có khác gì nhau không?

Đáp: Luật nghi thiền có cấu, luật nghi vô lậu lìa cấu. Lại nói, luật nghi thiền là giới thiền căn bản, luật nghi vô lậu là tất cả giới vô lậu. Vấn đề này nên đề ra bốn trường hợp:

1. Hoặc luật nghi thiền không phải vô lậu, nghĩa là thiền căn bản là giới của thế tục.

2. Luật nghi vô lậu không phải thiền, nghĩa là giới vô lậu của vị lai, thiền trung gian.

3. Cũng luật nghi vô lậu thiền, nghĩa là giới vô lậu của thiền căn bản.

4. Không phải luật nghi vô lậu thiền, nghĩa là giới thế tục của trung gian, thiền vị lai được bốn trường hợp cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là được bất luật nghi?

Đáp:

Nếu tác và thọ việc
Mà được bất luật nghi
Tùy tâm hạ, trung, thượng
Sinh ba phẩm giới ác.

Nếu tác và thọ việc mà được bất luật nghi, nghĩa là có hai nhân duyên được bất luật nghi là tác và thọ việc, tác là sinh vào nhà bất luật nghi, cho đến chưa sát sinh, chưa được bất luật nghi, nếu sát sinh thì người đó sẽ được bất luật nghi. Thọ việc: Nếu sinh vào gia đình khác thì người kia sẽ nói như vầy: "Tôi sẽ làm nghề nghiệp này để tự nuôi sống, tức là họ được bất luật nghi".

Hỏi: Vì sao gọi là trụ bất luật nghi? Là vì có hay không có bất luật nghi?

Đáp: Có thuyết nói: Không có cũng gọi là trụ bất luật nghi, nghĩa là sinh vào nhà bất luật nghi. Tánh của họ không nói mà vì chỉ sát sinh nên được tánh của thân nghiệp, chứ không có khẩu nghiệp.

Phái Tỳ-bà-sa nói nếu luật nghi không đầy đủ thì không gọi là trụ luật nghi. Bất luật nghi cũng như vậy, chỉ vì hy vọng điều ác đầy đủ nên sinh vào nhà bất luật nghi. Tuy tánh không nói nhưng vì do ngữ nghĩa của thân biểu thị cho nghĩa nói nên y cứ, người ấy được bất luật nghi.

Hỏi: Nếu trụ bất luật nghi mà thọ pháp của luật nghi ngày đêm thì bấy giờ sẽ được luật nghi, xả bất luật nghi. Đến sáng sớm hôm sau, tướng sáng xuất hiện người đó lại xả luật nghi để trở lại được bất luật nghi chăng?

Đáp: Có thuyết nói: Được, vì xả bất luật nghi đắc luật nghi, xả luật nghi được bất luật nghi có thuyết nói không được. Vì nếu một chủng loại thân không Sát sinh, cho đến khi chủng loại thân hết, sẽ không được bất luật nghi. Vì vô tác, vô thọ. Xả bất luật nghi, được luật nghi, xả luật nghi được bất luật nghi, cũng chẳng phải bất luật nghi.

Hỏi: Thế nào là được bất luật nghi?

Đáp: Tùy theo ba phẩm tâm hạ, trung, thượng phát sinh giới ác, nếu ngay từ đầu, dùng tâm phẩm hạ để giết chúng sinh, nếu thọ việc thì người đó sẽ được sát sinh bậc hạ, vô tác và bất luật nghi bậc hạ, nghĩa là đối với hết thảy chúng sinh khác thuộc về được bất luật nghi. Về sau nếu người đó lại dùng tâm trung, thượng để sát sinh, thì họ sẽ được bất luật nghi vô tác sát sinh bậc trung, thượng. Trước đó họ đã được từ bậc trung, thượng khởi, cũng như vậy.

Có người trụ bất luật nghi đối với tất cả chúng sinh, khởi lên không phải tất cả chi, không phải tất cả nhân. Có người đối với hết thảy chúng sinh khởi tất cả chi, không phải tất cả nhân. Có người đối với hết thảy chúng sinh khởi không phải tất cả chi, không phải tất cả nhân. Có người đối với hết thảy chúng sinh khởi tất cả nhân, tất cả chi. Có người đối với hết thảy chúng sinh khởi không phải tất cả chi, không phải tất cả nhân. Đó là do triền phược giết chúng sinh, hoặc trung, hoặc thượng mà không tạo ra đạo nghiệp khác. Có người đối với hết thảy chúng sinh khởi tất cả chi, không phải tất cả nhân, nghĩa là dùng triền phược phẩm hạ giết chúng sinh cho đến nói lời thêu dệt, không phải phẩm trung, thượng.

Có người đối với hết thảy chúng sinh khởi tất cả nhân, không phải tất cả chi, nghĩa là đem triền bậc hạ, trung, thượng để giết chúng sinh, không phải đạo nghiệp khác. Có người đối với hết thảy chúng sinh khởi tất cả nhân, tất cả chi, nghĩa là dùng triền bậc hạ, trung, thượng để giết chúng sinh cho đến nói lời thêu dệt, người đó nói bất luật nghi bất cụ túc, không gọi là kẻ trụ bất luật nghi, vì người đó nói là sinh khởi đối với tất cả chúng sinh và tất cả chi, mà nhân không nhất định.

Hỏi: Các luật nghi được xả vào những thời điểm nào?

Đáp:

Biệt giải thoát điều phục
Được xả vào bốn lúc
Nếu xả và qua đời
Dứt hai căn thiện sinh.

Biệt giải thoát điều phục được xả vào bốn thời điểm, nghĩa là biệt giải

thoát điều phục, phải biết xả vào bốn lúc.

Hỏi: Bốn lúc nào?

Đáp: Nếu xả và qua đời đoạn hai căn thiện sinh, nghĩa là xả chủng loại của thân giới, diệt căn thiện, đoạn hai hình sinh. Phái Trì Luật nói: Lúc pháp mất hết, tất cả thuyết giới, kiết giới, yết-ma đều dứt.

Phái A-tỳ-đàm nói: Lúc pháp mất hết, luật nghi đã lãnh thọ trước đây vẫn phát sinh nối tiếp không xả, người chưa từng được luật nghi sẽ không được. Cho nên nói tất cả đều dứt.

Có thuyết nói phạm các tội lần đầu, gọi là xả luật nghi, điều này không đúng. Vì nếu người xả luật nghi là đã phạm tội căn bản, đã hoàn tục, nên được xuất gia lại, vì đã xả luật nghi. Đức Phật nói người này không phải Tỳ-kheo, vì không phải Tỳ-kheo đệ nhất nghĩa, thuyết này không có lỗi.

Người phạm các tội lần đầu đối với luật nghi biệt giải thoát, là Tỳ-kheo nhưng đối với luật nghi vô lậu thì không phải Tỳ-kheo. Luật nghi suốt đời có bốn lúc xả. Luật nghi trai giới được xả vào lúc tướng sáng xuất hiện, gọi là người trụ luật nghi mà phạm luật nghi, nghĩa là phạm giới này mà không phải xả giới. Nên biết người đó trụ trì giới, phạm giới. Nếu người đó biết ăn năn tức là xả phạm giới, trụ trì giới. Như người giàu mắc nợ, gọi là người giàu, cũng gọi là người mắc nợ. Nếu trả nợ hết rồi thì chỉ gọi là người giàu việc xả giới, trì giới kia cũng như vậy.

Là thiền sinh luật nghi
Nên biết hai lúc xả
Nếu khởi phiền não thối
Sinh địa trên, địa dưới.

Luật nghi thiền xả vào hai lúc.

Hỏi: Xả vào lúc nào?

Đáp: Nếu khởi phiền não, thối sinh lên địa trên và địa dưới, nghĩa là lúc lui sụt thiền, xả luật nghi kia, vì thiền và lúc sinh địa trên, địa dưới.

Luật nghi giới vô lậu
Là nói ba lúc xả
Thối và được quả Thánh
Căn tăng ích nên biết.

Luật nghi vô lậu xả vào ba lúc.

Hỏi: Xả vào lúc nào?

Đáp: Xả luật nghi vào lúc lui sụt và được căn tăng ích của quả Thánh.

Phải biết người lui sụt nghĩa là làm mất công đức thù thắng. Đắc quả, nghĩa là được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán. Căn tăng ích nghĩa là tín, giải thoát, lúc được kiến đáo, giải thoát được bất động.

Hỏi: Thế nào là xả bất luật nghi?

Đáp:

Bốn thời bất luật nghi,
Thọ giới và qua đời
Mau được các thiền định,
Hai căn sinh cũng vậy.

Bốn thời xả bất luật nghi: Là lúc thọ giới, lúc xả chủng loại thân, lúc được luật nghi thiền và lúc hai căn sinh.

Hỏi: Người trụ bất luật nghi, nếu bỏ dụng cụ sát sinh có gọi là xả bất luật nghi hay không?

Đáp: Gọi là đình chỉ nghiệp. Nếu không thọ luật nghi thì không gọi là xả bất luật nghi vì không phải đối trị, như không uống thuốc mà trừ bệnh, vì bệnh thì sinh theo.

Hỏi: Đã biết lúc xả luật nghi, bất luật nghi, người lìa bỏ đầy đủ kia đã tạo ra giới thiện, giới ác thì lúc xả thế nào?

Đáp:

Lỗi người ấy có hạn
Và với tâm hy vọng
Cũng xả bỏ phương tiện
Là nói xả thiện, ác.

Người ấy đều lìa bỏ, nghĩa là nếu giới thiện, giới ác đều xả trong ba thời gian, nghĩa là vượt quá thế lực giới hạn, hy vọng dứt. Xả phương tiện, hạn chế thế lực vượt quá, nghĩa là nếu lúc muốn làm việc giới thiện, giới ác thì trước hết phải tạo ra giới hạn, nếu vượt quá giới hạn thì dừng lại, như người thợ gốm, thế vòng quay cùng cực thì dừng lại.

Sự hy vọng chấm dứt: Nghĩa là người đó nghĩ rằng: "Sau này mình sẽ không làm nữa". Xả phương tiện nghĩa là ngưng hành động của thân, miệng. Người ấy đều lìa bỏ nghĩa là làm việc thiện, việc ác, cùng tận chủng loại thân, sự vô tác sinh theo, nghĩa là thề rằng: "Không cúng dường Phật thì không bao giờ ăn trước". Nếu dùng hương hoa để ca ngợi, kính lễ và những thứ khác, hằng ngày cúng dường, chủng loại thân suốt đời vô tác tùy sinh.

Có người thệ rằng: "Không thí cho người khác, ít nhất là một nắm cơm thì không bao giờ ăn trước". Người đó cũng là chủng loại thân suốt

đời, vô tác tùy sinh.

Nếu làm việc bố thí có kỳ hạn nhất định, hoặc ngày, hoặc tháng, hoặc năm phát thệ rằng: "Tôi thề làm việc bố thí suốt đời", liền bỏ ra một ít vật dụng, cho người kia dùng. Chủng loại thân suốt đời kia, vô tác tùy sinh. Hoặc xây tháp, hoặc tăng xá bốn phương, hoặc tăng xá, hoặc phòng riêng, hoặc vườn, nhà, ao tắm, hoặc cầu thuyền, những việc như vậy đều có ba nhân duyên: Vô tác, không đoạn, hoặc hy vọng, hoặc thân, hoặc sự. Giới ác nghĩa là người ác kia cũng thệ rằng: "Hằng ngày tôi sẽ làm những việc không lợi ích, đối với kẻ thù kia", hoặc bằng một cú đánh, hoặc một lời nói ác, người đó suốt đời không một điều bất thiện nào mà không tùy sinh. Đã nói bỏ nghiệp sắc, nay sẽ nói Vô Sắc.

Lúc xả thiện Vô Sắc Dứt thối sinh các địa Cấu uế chỉ lìa dục Nên biết là ý nghiệp.

Lúc xả thiện Vô Sắc, dứt thối sinh các địa, nghĩa là nếu pháp thiện hữu lậu vô sắc được xả trong ba thời gian, nghĩa là lúc đoạn căn thiện, lúc thối và lúc sinh các địa.

Cấu uế chỉ lìa dục nghĩa là lúc xả pháp cấu uế của Vô Sắc lìa dục, nếu phẩm đối trị này sinh tức là xả phẩm này.

Đã nói tự tánh của các nghiệp và sự thành tựu. Như nghiệp này, Đức Thế Tôn đã phân biệt các thứ, nay sẽ nói.

Nếu nghiệp và quả khổ
Nên biết là hành ác
Lại có hành ý ác
Tham, sân hận, tà kiến.

Nếu nghiệp và quả khổ, nên biết là hành ác, nghĩa là nếu vì nghiệp của thân, miệng và tư sinh ra quả báo không yêu thích, nên biết đó là hành ác.

Hỏi: Chỉ có hành vi ác này hay sao?

Đáp: Còn có hành vi ác của ý nữa chứ, nghĩa là tham, sân, tà kiến, bất thiện tư là hành ác của ý như trước đã nói. Lại có tham, sân, tà kiến.

"Là trái hạnh vi mầu
Do bậc Tối Thắng nói
Nếu tăng thượng trong đây
Gọi là mười nghiệp đạo."

Là trái với hạnh mầu, bậc Tối Thắng nói, nghĩa là trái với hành vi ác đều là hành vi mầu, nếu nghiệp thiện của thân đều là hành vi mầu của thân, nếu nghiệp thiện của miệng đều là hành vi mầu của miệng, nếu nghiệp thiện

của ý là không tham, không sân, chánh kiến đều là hành vi mầu của ý thì nghiệp vô ký ẩn mất, không ẩn mất, vì không có báo nên chẳng phải hành vi ác, chẳng phải hành vi diệu. Nếu vô ký không ẩn mất kia là phương tiện khéo léo, nghĩa là làm như làm, nói như nói, trái với vô ký không ẩn mất này và ẩn mất gọi là chẳng có phương tiện, không khéo léo.

Hỏi: Tất cả hành vi thiện, hành vi ác đều thuộc về nghiệp đạo phải chăng?

Đáp: Nếu tăng thượng ở trong đó gọi là mười nghiệp đạo. Nghiệp tăng thượng vượt hơn trong các hành vi thiện, hành vi ác này là nghiệp đạo. Hành vi diệu kia tăng là nói nghiệp đạo thiện, hành vi ác tăng thì nói là nghiệp đạo bất thiện. Nếu nói không nhất định thì không đúng, vì nghiệp đạo căn bản phần nhiều tăng thượng, vì rất bức bách, vì rất sợ hãi, vì sự rốt ráo, cho nên nói tăng thượng là nghiệp đạo căn bản.

Hỏi: Những gì là nghiệp đạo?

Đáp: Từ sát sinh cho đến tà kiến, nay sẽ nói về sát sinh kia.

Có tâm muốn sát sinh
Sát sinh nghĩ chúng sinh
Đó gọi là sát sinh
Trộm, dâm cũng như thế.

Có tâm muốn sát sinh, có ý nghĩ giết chúng sinh, nghĩa là muốn giết chúng sinh khác, chúng sinh định, bất định, khởi tưởng chúng sinh, giết chúng sinh kia gọi là tác, vô tác, hoặc hoàn toàn gọi là vô tác. Thân nghiệp này sát sinh, không phải nghiệp khác, không có tự tại, nghĩa là miệng nói và ý của vị tiên đã ngờ vực mà giết, gọi là tự tánh của khẩu nghiệp, ý nghiệp là không đúng, vì tự tánh của nghiệp là khác, do sự không rốt ráo. Nếu cho rằng có tâm, không tâm mà giết chúng sinh kia thì lẽ ra cùng mắc phải tội sát, như người chạm phải lửa, ăn nhằm chất độc là không đúng, vì không phải thí dụ. Hoặc tay cầm dao, hoặc tay quăng dao, hoặc có tâm, hoặc không có tâm chạm lửa không bị cháy, nếu chú độc, hoặc uống thuốc tạp độc, hoặc có tâm hoặc vô tâm không chết, sát sinh không như vậy, cho nên không phải thí dụ.

Nếu lại cho đối với lửa, thuốc độc, được nhân duyên không bị đốt cháy, không chết mà sát sinh, không được nhân duyên không giết hại thì không đúng, vì được tâm không ác. Như người kia dùng dao, chú thuật, các thứ thuốc, v.v... là nhân duyên không đốt cháy, không chết. Tâm không ác là nhân duyên không giết hại cũng như vậy. Do tâm không ác mà sát sinh thì không phải sát sinh, như cầm dao xúc chạm lửa thì không bị đốt cháy.

Hỏi: Vô tâm hãm hại thì chúng sinh có chết không?

Đáp: Chết. Tuy sát sinh không mắc phải tội sát, vì không có tâm ác, ép ngặt người khác thì không mắc tội sát, rồi cho việc này không phải người nói là không đúng. Chẳng hạn như không ép ngặt người khác, không dẫn dắt người khác, mà tội, phước lớn mạnh nghĩa là đoạn căn thiện, được tâm từ, cho nên chẳng phải sai quấy.

Nói ăn trộm, nghĩa là vật sở hữu của người khác, nghĩ là vật của người khác, biết người ta không cho mà muốn lấy làm của mình. Có tưởng đó được gọi là tác vô tác, hoặc hoàn toàn gọi là vô tác, là nghiệp trộm của thân.

Tà dâm: Đối với người con gái được cha mẹ gìn giữ, nghĩ là giữ gìn hành dâm đúng đạo, không đúng đạo. Đối với kẻ không có sự bảo hộ, không phải chỗ, không phải lúc, là điều không nên làm mà làm, gọi là tác, vô tác, đây là nghiệp tà dâm của thân.

Nói người kia tưởng khác Chia lìa, lời không dịu Nói vô nghĩa không thành Đây là nghiệp đạo miệng.

Đối với những việc thấy nghe, v.v... điên đảo, không điên đảo, khởi lên tưởng che giấu, gọi là tác vô tác, hoặc hoàn toàn gọi là vô tác, là nghiệp nói dối của miệng. Hoặc thân cử động, hoặc im lặng, nghĩa là việc bố-tát, đó cũng gọi là nói dối.

Nếu nói đó là tánh của nghiệp thân, ý thì không đúng, vì tánh của nghiệp là khác, vì chấp vào nghiệp thân, nghiệp miệng. Ví như chấp thân, nếu thân cố tạo ra là nghiệp của thân. Ví như mắt nhìn rồi sau đó thân mới tiếp xúc và mới có cảm giác được vật thể đó dài v.v... Ví như lúc thọ giới, miệng nói được thân nghiệp. Ví như lúc thọ giới cụ túc, hoặc im lặng, hoặc vô tâm, được nghiệp của thân.

Chia lìa là hoặc hư hoại, hoặc không hư hoại, mà nghĩ là sắp hư hoại. Nếu đã hư hoại thì không làm cho hòa hợp, gọi là tác, vô tác. Hoặc một bề gọi là vô tác, là lưỡi đôi chiều của khẩu nghiệp. Lời nói không mềm mỏng, nhã nhặn là tâm não loạn, hoặc não, không não, gọi là tác, vô tác, hoặc chỉ gọi là vô tác.

Lời nói hung dữ của khẩu nghiệp, lời nói vô nghĩa, không chân thành là với tâm bất thiện, phi nghĩa, không đúng lúc. Lời nói không hợp pháp, tùy nhập vào tất cả hành ác của miệng, như vô minh, tùy phiền não, như âm thanh tùy thuộc vào chữ.

Chúng sinh hại lẫn nhau
Đó gọi là sân hận
Vật người tham, tưởng mình

Tà kiến là kiến nào.

Chúng sinh hại lẫn nhau, đó gọi là sân hận, nghĩa là tâm hung dữ đối với chúng sinh khác, muốn giết, muốn đánh đập, trái với từ bi, đó gọi là sân hận.

Tham vật người, tưởng của mình: Nghĩa là có tưởng yêu thích vật của người khác, muốn lấy làm của mình, là tham của tất cả cõi Dục.

Tà kiến là kiến gì: Nghĩa là đối với việc bố thí, v.v... mà không nhận thấy rõ, gọi là tà kiến.

Hỏi: Nghiệp đạo gì, ai rốt ráo?

Đáp:

Sát sinh và ác khẩu
Và nghiệp đạo sân hận
Đều do sân hận thành
Chỗ chúng sinh khởi lên.

Sát sinh, ác khẩu và nghiệp đạo sân hận, đều do sân hận thành, nghĩa là phải biết sát sinh, ác khẩu, sân hận đều từ sân hận thành, lúc rốt ráo ác, cùng khởi với sân hận.

Hỏi: Ba nghiệp đạo này sinh ra từ chỗ nào?

Đáp: Chỗ chúng sinh khởi lên: Nên biết ba nghiệp đạo này đều khởi lên từ chỗ chúng sinh.

Hai nghiệp thân và tham
Sự tham dục rốt ráo
Đều do tham dục thành
Chỗ các vật khởi lên.

Hai nghiệp thân và tham, sự tham dục rốt ráo, đều do tham dục thành, nghĩa là trộm, tà dâm và tham, ba nghiệp đạo này phải biết tham là rốt ráo.

Hỏi: Ba nghiệp đạo này lại khởi ở chỗ nào?

Đáp: Khởi ở chỗ các vật, ba nghiệp đạo này nên biết khởi từ chỗ các vật.

Tức có khẩu nghiệp khác
Đều do ba chỗ thành
Từ chỗ danh khởi lên
Do bậc Minh trí nói.

Tức có khẩu nghiệp khác, đều do ba chỗ thành, nghĩa là phải biết sự nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời thêu dệt đều từ tham dục, sân hận và ngu si được rốt ráo.

Hỏi: Ba thứ đó sinh khởi từ chỗ nào?

Đáp: Từ danh xứ, khởi lên, do bậc Minh trí nói. Nên biết ba nghiệp đạo của miệng này đều sinh ra từ danh.

Tà kiến khởi danh sắc
Cũng từ ngu si thành
Tất cả các nghiệp đạo
Ba thứ làm phương tiện.

Tà kiến khởi danh sắc cũng từ ngu si thành, nghĩa là tà kiến khởi lên từ chỗ danh sắc.

Hỏi: Đâu là chỗ rốt ráo của tà kiến này?

Đáp: Cũng được thành lập từ ngu si. Nên biết tà kiến này xuất phát từ ngu si rốt ráo.

Hỏi: Tất cả phương tiện của nghiệp đạo, như căn bản rốt ráo, hay là có khác?

Đáp: Tất cả các nghiệp đạo đều lấy ba thứ làm phương tiện, hết thảy mười nghiệp đạo bất thiện đều là phương tiện của tham dục, sân hận và ngu si.

Tham sát là vì mình hoặc vì bạn thân mà giết để lấy da thịt, gân, cốt của mạng sống chúng sinh. Sân hận sát, nghĩa là giết kẻ thù và giết kẻ oán ghét của bạn bè, làm cho họ lo buồn. Ngu si sát, nghĩa là nói việc sát hại các loài sâu độc, v.v... là không có tội, vì chúng hại người, việc giết các cầm thú, v.v... đều không có tội, do chúng là thức ăn của con người. Người nước Ba-tư nói: "Như vì lý do cha, mẹ già nếu gặp phải nhân duyên bệnh truyền nhiễm thì nên giết không có tội".

Tham trộm nghĩa là trộm vật cần dùng của người khác làm của mình, sân trộm nghĩa là hoặc trộm vật của kẻ mình oán ghét, hoặc vật của kẻ oán, người thân làm cho họ lo buồn. Si trộm nghĩa là như Bà-la- môn nói tất cả vật sinh ra trên trái đất đều thí cho Bà-la-môn. Vì Bà-la- môn yếu đuối nên Sát-đế-lợi, v.v... thọ dụng. Thế nên Bà-la-môn nói tự lấy vật dụng của mình là vô tội mà lúc họ lấy lại nghĩ là vật của người khác nên gọi là trộm.

Tham tà dâm, phương tiện tham tâm ở chỗ chúng sinh. Nếu người khác đã nhận lãnh và mình đã nhận. Hoặc vì của cải, lợi dưỡng, không phải phương tiện tham thì sân hận khởi lên, nghĩa là đối với kẻ thù và người, thân đã nhận lãnh. Si tà dâm nghĩa là như nói cầu, thuyền, ruộng hoang, hoa quả, người nữ đi trên đường, tất cả chúng sinh đều nhận dùng chung. Như Bà-la-môn nói "Bà-la-môn lẽ ra có bốn người vợ, Sát- đế-lợi nên có ba, Tỳ-xá nên có hai và Thủ-đà-la chỉ có một".

Nếu khẩu nghiệp khởi tham, nên biết từ tham sinh. Nếu khởi từ sân, nên biết từ sân sinh. Nếu khởi từ si nên biết từ si sinh. Tham nghĩa là nếu theo thứ lớp của tham mà khởi lên thì chính là từ tham sinh ra. Nếu do sân khởi thì từ sân hận sinh. Nếu do ngu si khởi thì từ ngu si sinh. Tà kiến sân hận cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là nghiệp đạo nhất định là tác, vô tác hay chẳng phải?

Đáp:

Nghiệp căn bản vô tác
Hoặc lại nói hữu tác
Phương tiện trọn thì khác
Tham, không tham đẳng khởi.

Nghiệp căn bản vô tác, hoặc lại nói hữu tác, nghĩa là bảy nghiệp đạo của tự tánh quyết định là vô tác, hoặc làm việc tà dâm nhất định là hữu tác. Do vì tự rốt ráo, chẳng phải nghiệp đạo khác của người là không nhất định. Nếu tự làm thì hữu tác, nếu sai bảo người khác làm thì hoàn toàn vô tác.

Hỏi: Có khi nào chẳng phải thân làm mà phạm sát sinh hay không?

Đáp: Có, đó là miệng sai bảo.

Hỏi: Có khi nào không phải miệng làm mà mắc tội nói dối hay không?

Đáp: Có, đó là thân ra dấu.

Hỏi: Có khi nào không phải thân, miệng làm mà mắc hai tội hay không?

Đáp: Có. Đó là trường hợp vị tiên khởi tâm ác, nghĩa là sự bố-tát. Nếu nghiệp đạo thiện tánh sắc của cõi Dục thì nhất định hữu tác và vô tác. Về luật nghi vô lậu thiền chỉ vô tác, không có tác, vì do tâm. Phương tiện nghĩa là hữu tác, nếu tâm thuần tịnh và triền rất nhạy bén mà tạo tác thì có vô tác, nếu tâm không thuần tịnh và triền không nhạy bén tạo tác thì chỉ có tác, không có vô tác. Là hoàn toàn khác hẳn, nghĩa là nghiệp đạo trọn vẹn chỉ có vô tác, tác nghiệp đã dứt.

Hỏi: Những gì là phương tiện của nghiệp đạo? Những gì là kết cuộc?

Đáp: Phương tiện giết, đó là người giết mổ dê, hoặc bắt trói, hoặc mua, hoặc lôi kéo đến, một lần đánh, hai lần đánh, cho đến mạng sống chưa dứt, đều gọi là phương tiện. Lúc cắt đứt mạng sống trong khoảng sát-na, tác và vô tác là nghiệp đạo căn bản. Về sau cho đến ở chỗ này, thân bất thiện đã tạo tác và không tạo tác, là sau khi sát sinh, cho đến nói lời thêu dệt cũng như vậy, đó gọi là kết cục.

Tham, sân, tà kiến không có phương tiện hiện tiền, đây là căn bản

khởi. Có thuyết nói tất cả mười nghiệp của nghiệp đạo thân, miệng là phương tiện và kết cuộc. Điều đó thế nào? Như muốn giết chúng sinh kia, giết chúng sinh này là nhân, nhưng về sau khi giết chúng sinh kia rồi, cho sát sinh là để cầu xin sức giúp đỡ cho sự giết chúng sinh kia, hoặc cướp tài sản của người khác nhằm giúp cho việc giết hại. Hoặc dâm với người mà người khác đã yêu, rồi xúi giục họ giết chết sự sống của người kia. Hoặc dù biết người kia vốn là bạn của mình, nhưng hắn ta vẫn tìm cách nói dối, nói lời độc ác, nói lưỡi hai chiều, nói lời thêu dệt, nhằm chia rẽ tình thân của người kia. Hoặc tham tài sản của người bạn kia, hoặc lại giận bạn, hoặc khởi lên tà kiến, nuôi lớn cách thức giết hại rồi về sau giết chết con của bạn kia, lại thông dâm với vợ bạn. Theo thứ lớp, cho đến mười nghiệp đạo bất thiện, nên biết là kết cuộc. Tất cả như vậy đều nên biết.

Tham, không tham đẳng khởi: Nghĩa là tham, sân, si của nghiệp đạo bất thiện là phương tiện, cũng là chung cuộc. Nghiệp đạo thiện do không tham, không sân hận, không ngu si khởi lên. Bỏ phương tiện của nghiệp đạo bất thiện, tức là phương tiện của nghiệp đạo thiện, bỏ căn bản tức là căn bản, bỏ chung cuộc, tức là chung cuộc.

Hỏi: việc này thế nào?

Đáp: Như Sa-di thọ giới cụ túc, sau khi vào giới trường đi vòng quanh lễ tăng, để cầu Hòa-thượng truyền trao y bát, bạch một lần yết- ma cho đến hai lần yết-ma, đều là phương tiện. Đến tác bạch yết-ma lần thứ ba trong khoảng sát-na, tác và vô tác của Sa-di kia là nghiệp đạo căn bản. Kế là nói bốn y. Như vậy cho đến thân miệng đã tác và vô tác, đó gọi là chung cuộc.

Hỏi: Ở chỗ nào có bao nhiêu nghiệp đạo?

Đáp:

Địa ngục năm nghiệp đạo
Uất-đơn-việt bốn sau
Phương khác có đủ mười
Và trời, đường ác khác.

Địa ngục có năm nghiệp đạo. Nghĩa là chúng sinh ở địa ngục có năm đạo nghiệp bất thiện: Miệng nói lời hung dữ, lời thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Vì vô tướng sát, nên không có nghiệp đạo sát. Vì không có thọ lãnh của cải, nên không có trộm. Vì không có chấp thọ người nữ, nên không có tà dâm. Vì tưởng khác mà nói, nên gọi là nói dối, vì người kia không có tưởng khác nên không có nói dối. Vì thường lìa bỏ, nên không có lưỡi hai chiều. Vì bị khổ ép ngặt nên có ác khẩu. Vì nói không hợp thời, nên có lời thêu dệt. Tham và tà kiến thành tựu mà không hành. Sân hận thì đều có.

Uất-đơn-việt bốn sau: Nghĩa là có bốn nghiệp đạo bất thiện sau: Vì tuổi thọ nhất định nên không có sát sinh. Vì không nhận của cải nên không có trộm. Vì không chấp thọ người nữ, nên không có tà dâm. Lúc muốn hành dục, dẫn người nữ nọ đến dưới cội cây, nhánh cây tự động cong xuống che khuất họ. Hành dục xong, họ bỏ đi, nhánh cây trở lại như cũ. Nếu nhánh cây không che khuất họ nữa, họ sẽ đều cảm thấy hổ thẹn rồi chia tay. Vì không có cử chỉ khi dễ người khác nên không có nói dối. Vì thường hòa hợp nên không có nói lưỡi hai chiều, vì mềm mỏng nên không có lời lẽ thô lỗ. Vì có sự khen ngợi nên có lời nói thêu dệt. Dù nghiệp đạo của ý tuy đã thành tựu mà không hoạt động.

Phương khác có đủ mười nghiệp, nghĩa là trừ người ở Uất-đơn- việt, còn ba phương khác có mười nghiệp đạo, hoặc không thuộc về bất luật nghi, hoặc lìa thuộc về bất luật nghi.

Và trời đường ác khác, nghĩa là súc sinh, ngạ quỷ và trời cõi Dục có mười nghiệp đạo. Lìa bất luật nghi, tuy trời không hại, nhưng trời hại đường khác.

Lại nói trời cũng có khi chặt đứt cả tay chân rồi mọc trở lại. Nhưng nếu chặt đứt giữa đầu thì chết, lần lượt cướp đoạt lẫn nhau, cho đến mười nghiệp đạo, tất cả đều có. Trời sắc, Vô Sắc không có nghiệp đạo bất thiện.

Hỏi: Nơi nào có bao nhiêu nghiệp đạo thiện?

Đáp:

Địa ngục, Uất-đơn-việt
Có ba nghiệp đạo thiện
Đều hiện ở Vô Sắc
Thánh kia thành tựu mười.

Địa ngục, Uất-đơn-việt có ba nghiệp đạo thiện: Nghĩa là địa ngục có vô tham, vô sân, chánh kiến. Uất-đơn-việt cũng vậy. Đẳng hiện ở Vô Sắc nghĩa là cõi Vô Sắc tức là hiện ở trước nơi cõi Vô Sắc. Bậc Thánh kia thành tựu mười, nghĩa là bậc Thánh ở cõi Vô Sắc thành tựu mười nghiệp đạo thiện vô lậu.

Như thế cũng lại khác
Là luật nghi cõi Sắc
Súc sinh, ngạ quỷ khác
Còn, cũng khác như vậy.

Như đây cũng lại khác, là luật nghi cõi Sắc, nghĩa là đủ mười nghiệp đạo thiện, thuộc về luật nghi thiền cõi Sắc, cũng thành tựu, cũng hiện ở trước. Bậc Thánh sinh cõi Sắc kia là có nghiệp đạo vô lậu.

Súc sinh, ngạ quỷ khác: Nghĩa là súc sinh, ngạ quỷ cũng có mười nghiệp đạo thiện, lìa luật nghi cùng lìa bất luật nghi.

Khác như vậy cũng khác nghĩa là Diêm-phù-đề, Phất-bà-đề, Cù- đà-ni, và các tầng trời cõi Dục là nói khác. Cõi đó có mười nghiệp đạo thiện là thuộc về luật nghi, hoặc lìa luật nghi, nghĩa là trời cõi Dục chỉ có luật nghi vô lậu thiền.

Hỏi: Có bao nhiêu nghiệp đạo bất thiện chuyển biến cùng lúc với tư?

Đáp:

Nghiệp đạo bất thiện khởi
Một cùng chuyển với tư,
Hai, ba cho đến tám
Phải biết thứ lớp tăng.

Đây là ba nghiệp đạo bất thiện, tự tánh của thân này. Mỗi nghiệp đạo đó cùng chuyển với tư, đó là sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Hai cùng chuyển là giết hại chúng sinh khác mà trộm lấy. Ba đều cùng chuyển nghĩa là sai làm hai việc kia rồi tự hành tà dâm, vì hành vi này hoàn toàn do mình, không phải người khác. Nếu chủng loại kia hòa hợp thì tất cả đều rốt ráo.

Nghiệp đạo miệng có một đều chuyển, đó là nói thêu dệt, cả hai đều chuyển, đó là bao gồm cả nói dối là nói lời không phải lúc, nói lời thêu dệt, gồm cả muốn nói lời ly biệt, nói lời thêu dệt không đúng lúc, hoặc gồm cả nói lời hung dữ, nói lời thêu dệt không phải lúc. Ba nghiệp đều chuyển, nghĩa là gồm thâu muốn nói lời chia rẽ, nói dối, nói lời thêu dệt không phải lúc, gồm ác khẩu, nói lời chia rẽ, nói thêu dệt không phải lúc. Bốn thứ cùng chuyển bao gồm muốn nói lời chia rẽ, nói dối, ác khẩu, nói lời thêu dệt không phải lúc.

Nghiệp đạo của ý là mỗi mỗi đều chuyển, vì hành vi riêng, nên không phải là hai nghiệp đạo. Như vậy năm, sáu, bảy, tám nghiệp đạo cùng chuyển, sai người làm sáu thứ kia, tự hành tà dâm, chứ không do người khác. Nếu chủng loại kia hòa hợp thì trong một lúc đều rốt ráo và tham sẽ hiện ở trước. Với tám nghiệp đạo bất thiện như vậy đều cùng chuyển biến với tư.

Hỏi: Có bao nhiêu nghiệp đạo thiện được chuyển biến cùng lúc với tư?

Đáp:

Cái gọi nghiệp đạo thiện
Hai, ba cùng với bốn
Sáu, bảy, chín với mười

Cùng tư chuyển một lúc.

Năm thức thân thiện cõi Dục hiện ở trước. Ba thức của địa Sơ thiền và dựa vào tận trí, trí vô sinh cõi Vô Sắc. Hai nghiệp đạo thiện này cùng chuyển với tư, nghĩa là vô tham, vô sân. Ý thức thiện cõi Dục hiện ở trước, với tâm bất định cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

Lại, dựa vào ba việc chánh kiến vô lậu, cõi Vô Sắc, đều cùng chuyển biến với tư. Ưu-bà-tắc và Sa-di nhiễm ô và tâm vô ký thọ luật nghi.

Bốn tức năm thức trụ thiện này, sáu tức ý thức trụ thiện này và tâm vô ký, chẳng phải tâm của Tỳ-kheo nhiễm ô. Năm thức trụ thiện của bảy Tỳ-kheo nếu dựa vào thiền tận trí, trí vô sinh đi chung với tâm. Chín, tức ý thức trụ thiện của Tỳ-kheo này và tâm định cõi Sắc, dựa vào chánh kiến thiền vô lậu hiện ở trước, mười nghiệp đạo thiện cùng chuyển với tư.

Hỏi: Nghiệp đạo nào có bao nhiêu quả?

Đáp:

Mỗi quả có ba thứ
Cái gọi là quả báo
Quả nương và tăng thượng
Gọi là quả nghiệp đạo.

Mỗi nghiệp đạo đều có ba quả, nghĩa là quả báo, quả y và quả tăng thượng.

Tu tập nghiệp đạo kia, thường tu tập đọa trong địa ngục là quả báo. Ra khỏi địa ngục sinh lên cõi người, thọ quả giống nhau, nghĩa là kẻ sát sinh thì tuổi thọ ngắn ngủi, kẻ ăn trộm sẽ bị mất hết của cải, kẻ tà dâm, vợ sẽ không trinh tiết, hiền lành, người nói dối sẽ bị mang tiếng xấu chê bai. Kẻ nói lưỡi đôi chiều thì bạn thân họ đều chống đối, tránh xa, kẻ ác khẩu thì thường nghe tiếng xấu, người hay nói thêu dệt, thì lời nói của họ không đúng đắn, kẻ tham thêm tham, người giận dữ giận thêm dữ, kẻ tà kiến càng si mê thêm, đây là quả y. Các quả tăng thượng của nghiệp đạo này là mọi công cụ thô sơ, không sáng sạch, thường gặp phải sương mù, giông bão, bụi nhiễm ô, vẫn đục, hôi hám, bất tịnh, chỗ cư trú đầy quanh co, chông gai, nguy hiểm. Kết quả chắc chắn của hành động châm chích độc ác là sự lung lạc, nhỏ mọn, là nỗi đau khổ to lớn, không có hoa quả.

Hỏi: Quả giống nhau thế nào?

Đáp:

Khổ của đường khổ khác
Hại tuổi thọ chết yểu
Đồ dùng không sáng sạch,

Hoại vật sáng, sạch kia.

Khổ của đường khổ khác, nghĩa là sát sinh làm cho người kia chịu nỗi đau khổ, bị khổ của đường ác, là quả giống nhau.

Hỏi: Giết những ấm nào? Là sắc ấm hay năm ấm?

Đáp: Có thuyết nói là sắc ấm, vì sắc có thể cắt đứt, hư hoại, còn bốn ấm chẳng phải xúc. Có thuyết nói năm ấm, bốn ấm tuy chẳng phải xúc, nhưng vì các ấm đó đều dựa vào sắc ấm mà chuyển biến, nên giết sắc ấm, thì cũng giết các ấm đó, như chiếc bình đã bể thì sữa sẽ chảy hết.

Hỏi: Giết vô ký hay giết cả ba thứ?

Đáp: Có thuyết nói là vô ký, vì vô ký nhận dao, gậy, ba thứ còn lại không phải xúc. Lại nói tất cả ba thứ như trước đã nói.

Hỏi: Giết ấm nào? Quá khứ chăng? Vị lai, hiện tại chăng? Nếu là quá khứ thì ấm kia đã diệt, nếu là vị lai thì ấm kia sẽ không thể được, nếu là hiện tại thì ấm kia không dừng lại trong khoảng sát-na?

Đáp: Có thuyết nói đời vị lai, hiện tại thì trụ, ở vị lai hòa hợp. Có thuyết nói là vị lai, hiện tại vì hiện tại tiếp nhận dao gậy, ấm diệt không tiếp nối nhau.

Hại tuổi thọ thì chết yểu, nghĩa là kẻ giết hại người kia vì cắt dứt mạng sống của họ nên tuổi thọ ngắn ngủi. Đồ dùng bên ngoài không sáng sạch, vì họ đã phá hoại sự sáng sạch của người kia, nghĩa là kẻ giết hại kia vì đã làm hư hoại vẻ sáng sạch kia nên mọi công cụ đã được đều không sáng sạch, tất cả nghiệp đạo đều tùy thuộc vào sự thích ứng, nên biết.

Trộm cắp và tà dâm, dù không làm cho người kia đau khổ, nhưng vì làm hư hoại niềm hy vọng, nếu không chia rẽ, cũng gọi là lưỡi đôi chiều. Dù người kia không gây phiền hà cũng gọi là ác khẩu. Đã nói về nghiệp đạo, nay sẽ nói: Về sự khác nhau của nghiệp đạo,

Gọi nghiệp quả hiện pháp
Kế thọ nhận sinh quả
Quả sau cũng như thế
Nên biết mỗi phần định.

Ba nghiệp là hiện thọ sinh, thọ hậu thọ.

Thọ nghiệp hiện pháp, nghĩa là nếu nghiệp đã gây ra ở đời này, tức là chín muồi ở đời này gọi là hiện thọ, nếu chín muồi ở đời thứ hai gọi là sinh thọ, nếu chín muồi ở đời sau thứ hai, gọi là hậu thọ.

Hoặc có sự ham muốn khiến cho bốn nghiệp: Ba nghiệp trước và bất định thọ, ba nghiệp trước không chuyển, bất định thọ là chuyển, chuyển là

hộ sự trì giới, v.v...

Thí Dụ giả nói: Tất cả nghiệp chuyển cho đến Vô gián. Thuyết đó nói nếu nghiệp vô gián không chuyển thì cũng sẽ không có sự vượt qua đệ nhất hữu. Nếu vượt qua đệ nhất hữu thì nên biết nghiệp vô gián cũng chuyển. Thuyết đó nói nghiệp hiện pháp không hẳn là hiện báo chín muồi, vì nếu chín muồi là thọ hiện pháp chứ không phải pháp khác. Nói như vậy có nghĩa là nói báo hiện pháp của tám nghiệp, hoặc nhất định, hoặc không nhất định, cho đến nghiệp bất định thọ cũng như vậy. Cho nên thuyết đó nói về phần định chín muồi, bất định nên chia ra bốn trường hợp: Hoặc phần định, thuần thục bất định. Hoặc thuần thục phần định, bất định. Hoặc về phần định, thục cũng định. Hoặc không phải là phần định, cũng không phải định chín muồi.

Hỏi: Bốn nghiệp này có bao nhiêu thứ chủng loại của một thân?

Đáp: Có ba, trừ hiện pháp thọ bốn loại nghiệp chủng của cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy. Có bốn loại nghiệp chủng bất thiện của địa ngục. Thiện có ba loại, trừ nghiệp hiện thọ, cõi khác đều có bốn loại. Phàm phu sinh cõi Dục, ái dục chưa dứt hết, cõi Dục có bốn thứ chủng loại. Nếu ái dục đã dứt hết thì ái của Phạm thiên chưa dứt hết. Nếu pháp chủng tánh bất thoái, nghĩa là cõi Dục có ba thứ chủng loại, trừ sinh thọ. Phạm thiên cũng có ba loại trừ hiện thọ. Nếu pháp chủng tánh thoái thì Phạm thiên như trước đã nói. Cõi Dục có bốn thứ nghiệp chủng thiện. Như thế tùy theo nghĩa, của tất cả địa sinh phàm phu, bậc Thánh cũng nói như vậy. Đã nói hiện thọ, v.v... nay sẽ nói về lạc thọ:

Nghiệp thiện trong cõi Dục
Và ba địa cõi Sắc
Nói tên là lạc thọ
Đây cũng định, bất định.

Nghiệp thiện trong cõi Dục và ba địa cõi Sắc, nói tên là lạc thọ: Nghĩa là nghiệp thiện cõi Dục sẽ được lạc thọ và các báo đầy đủ, cõi Sắc cho đến nghiệp của đệ Tam thiền đều được lạc báo.

Hỏi: Nghiệp của thiền trung gian được những báo nào?

Đáp: Có thuyết nói lạc báo của Sơ thiền, đây không phải là thuyết vì do Tỳ-đàm nói.

Hỏi: Hoặc nghiệp được tâm thọ không phải thân chăng?

Đáp: Có, nghiệp thiện vô giác. Lại nói nghiệp của thiền trung gian không được thọ báo, vì chỉ có sắc, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Phần này cũng nhất định chăng?

Đáp: Phần này cũng nhất định, không nhất định, hoặc nhất định, hoặc không nhất định, thiện trong bốn địa này đều có lạc báo.

Được không khổ không vui
Đây nói là thượng thiện
Nếu thọ ở báo khổ
Là nói nghiệp bất thiện.

Được không khổ không vui, đây nói là thượng thiện, nghĩa là nghiệp thiện của địa đệ Tứ thiền và nghiệp thiện của địa Vô Sắc, nói là báo không khổ, không vui, là vì địa đó được thọ không khổ, không vui và chúng cụ.

Hỏi: Vì sao địa dưới không có báo không khổ, không vui?

Đáp: Có thuyết nói: Vì địa dưới thì thô, còn địa trên thì thọ nhận tinh tế, vì địa dưới không vắng lặng, còn địa trên thì thọ sự vắng lặng. Nếu địa dưới tạo nghiệp thiện vì đều thọ lạc thọ, không có sự mong cầu thọ bất khổ, bất lạc. Tuy không mong cầu báo khổ, nhưng vì do mong cầu niềm vui, nên tạo ra hành vi ác. Cho nên tuy không mong cầu mà vẫn thọ báo khổ.

Nếu thọ báo khổ là nói nghiệp bất thiện, thì nghiệp bất thiện được gọi là báo khổ, vì quả của khổ thọ không phải nghiệp thọ báo một mình. Bốn ấm, năm ấm cũng thọ báo, chỉ vì nghiệp vượt hơn nên nói là nghiệp thọ báo, phải biết nghiệp này cũng có nhất định và không nhất định.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thọ?

Đáp:

Cái gọi thọ tự tánh
Tương ưng với thọ báo
Hiện tiền và cảnh giới
Là nói năm thứ thọ.

Năm thứ thọ, đó là thọ tự tánh, thọ tương ưng, thọ báo, thọ hiền tiền và thọ cảnh giới. Thọ tự tánh nghĩa là thọ. Thọ tương ưng nghĩa là thọ pháp tương ưng. Thọ báo nghĩa là nghiệp lạc thọ, v.v... Thọ hiện tiền nghĩa là hiện tại thọ. Như kinh Đại Nhân nói: "Nếu lúc lạc thọ biểu hiện ở trước thì hai thọ diệt".

Thọ cảnh giới nghĩa là mắt tiếp xúc sinh ra cảm giác, thọ sắc là nghĩa duyên theo. Trong năm thứ thọ này nên biết là nói thọ báo, chứ chẳng phải thọ khác.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn nghiệp như hắc báo, v.v... được kiến lập thế nào?

Đáp:

Có nghiệp thiện cõi Sắc

Là bạch có báo bạch
Hắc, bạch trong cõi Dục
Đều hắc, nói bất tịnh.

Có nghiệp thiện cõi Sắc là bạch, có báo bạch, nghĩa là nghiệp thiện cõi Sắc là hoàn toàn không có sân hận, vì lìa hắc.

Hỏi: Nghiệp của cõi Vô Sắc vượt hơn, không phải cõi Sắc, vì sao không nói?

Đáp: Vì hai báo. Cõi Sắc thọ nhận trung ấm và sinh ấm, cõi Vô Sắc chỉ có sinh ấm. Như vậy cõi Sắc, Vô Sắc có thể thấy, không thể thấy thọ báo có đối không đối. Lại vì hai cõi đó có thọ báo của ba nghiệp, năm ấm, và mười nghiệp đạo thiện, nên nói.

Hắc, bạch trong cõi Dục là nghiệp xen lẫn với nghiệp bất thiện cõi Dục, cho nên nói là hắc, bạch. Lại nữa, hai thứ nghiệp trong một thân có thể được, cũng là hai thứ báo, cho nên nói như vậy. Không phải hắc tức là bạch, vì là tướng khác của hắc.

Cùng hắc nói bất tịnh, nghĩa là nghiệp bất thiện nói là hắc. Nghiệp đó có báo hắc và nhân của nghiệp đó cấu uế, vì cấu uế nên nói là hắc và vì thô kém đáng nhàm chán, nên nói là báo hắc, chỉ có hắc là thô kém, không phải là thứ hắc của sự cấu uế, vì không nhiễm ô.

Nếu có tư hư hoại
Các nghiệp đó không sót
Đây nói đạo vô ngại,
Gọi là nghiệp thứ tư.

Nếu đạo có thể diệt ba nghiệp kia thì đạo đó sẽ tương ưng với tư, là nghiệp thứ tư. Vì nghiệp này không nhiễm ô, không hắc, không đáng ưa, không bạch, vì không rơi vào cõi, nên không có báo.

Hỏi: Nghiệp nào? Có bao nhiêu tư dứt trừ?

Đáp:

Nói có mười hai tư
Dứt trừ nghiệp báo hắc
Bốn tư dứt được bạch
Một tư, hai cùng lìa.

Nói có mười hai tư, dứt trừ nghiệp báo hắc, nghĩa là mười hai tư dứt trừ nghiệp báo hắc có bốn pháp nhẫn kiến đạo tương ưng với tư, và lìa dục cõi Dục, tám đạo vô ngại tương ưng với tư.

Bốn tư dứt được bạch, nghĩa là bốn tư dứt trừ nghiệp bạch, đạo vô ngại thứ chín của Sơ thiền lìa dục tương ưng với tư, cho đến đệ Tứ thiền lìa

dục cũng vậy, vì đạo vô ngại dứt trừ pháp hữu lậu thiện sau cùng.

Một tư, hai đều lìa, nghĩa là đạo vô ngại thứ chín của cõi Dục lìa dục, tương ưng với tư, làm tiêu diệt nghiệp hắc và nghiệp hắc bạch.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sự tà vạy cấu uế. Về việc này thế nào?

Đáp:

Tà vạy từ dua nịnh
Cấu uế sinh từ sân
Dục sinh, là vẩn đục
Lời Thế Tôn đã nói.

Tà vạy khởi từ dua nịnh, nghĩa là sự dua nịnh là nói quanh co. Đối với pháp của tướng tà vạy mà khởi nghiệp gọi là quanh co, vì quả của sự quanh co đó.

Sự dua nịnh, nghĩa là vì không ngay thẳng, nên gọi là tà vạy. Vì sự dua nịnh làm trở ngại, khó thoát khỏi sinh tử, khó nhập Niết-bàn, ví như khúc gỗ cong.

Cấu uế sinh từ sân hận, nghĩa là hai thứ cấu uế: Cấu uế tự thân và thân người. Sân hận gọi là cấu uế. Đối với pháp của tướng cấu uế mà khởi nghiệp gọi là cấu uế, vì là quả của pháp đó.

Dục sinh là vẩn đục, lời Thế Tôn đã nói, Dục là tánh nhiễm ô, nên gọi là vẩn đục. Nếu nghiệp tham muốn đã khởi gọi là vẩn đục, vì quả của sự ham muốn giống như quả của nhân đã nói.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ đẳng khởi?

Đáp:

Đẳng khởi có hai thứ
Nhân và sát-na kia
Như trước đã hồi chuyển
Nhân này cũng chuyển theo.

Đẳng khởi có hai thứ nhân và sát-na kia là có hai thứ nhân đẳng khởi. Đẳng khởi là ta sẽ làm. Việc phải làm. Đẳng khởi của sát-na kia nghĩa là nếu tâm trụ, tạo ra nghiệp kia.

Hỏi: Hai đẳng khởi này những gì là chuyển, những gì là tùy chuyển?

Đáp: Chuyển là nếu trước đây với nhân đẳng khởi kia gọi là chuyển, về sau thì nói là tùy chuyển, sát-na đẳng khởi kia được nói là tùy chuyển.

Hỏi: Trong sáu thức thân, những gì là chuyển, những gì là tùy chuyển?

Đáp:

Nếu thức tu đạo đoạn
Ở ý có hai thứ
Năm thứ tâm nói một
Ngoài ra nói hữu lậu.

Nếu thức tu đạo đoạn, ở ý có hai thứ: Nghĩa là tu đạo dứt trừ, ý thức vừa chuyển, vừa tùy chuyển, vì ý thức đó đều có thể khởi nghiệp. Nghiệp đó cũng là thiện, bất thiện, vô ký, nghiệp thiện kia chuyển tức là thiện tùy chuyển. Bất thiện, vô ký cũng như vậy.

Vô ký là oai nghi, công xảo. Tâm oai nghi kia chuyển tức là công xảo nọ cũng chuyển theo. Tâm thiện, nhiễm ô, hiện ở trước thì không đúng, vì sinh khởi rất nhanh chóng, như quay thành vòng tròn lửa. Tâm công xảo cũng giống như vậy. Trước đã nói tâm của sinh báo không khởi nghiệp thân miệng.

Năm thứ tâm nói một, nghĩa là năm thức thân nói là thọ tự tác tùy chuyển, chẳng phải chuyển, vì không có tư duy. Ngoài ra nói hữu lậu, nghĩa là tâm kiến đạo dứt trừ, nói là ngoài ra. Tâm đó là chuyển, vì nó có thể làm nhân đẳng khởi, nên chẳng phải tùy chuyển. Không do tâm kiến đạo dứt trừ đẳng khởi nghiệp thân, miệng, vì do vi tế, vì hướng về bên trong. Nếu lại là tâm của kiến đạo dứt trừ, đẳng khởi nghiệp thân, miệng thì nghiệp đó là kiến đạo dứt trừ, hay là tu đạo dứt trừ hay cùng có đạo dứt trừ. Nếu nói là kiến đạo dứt trừ, nghĩa là không có sắc kiến đạo dứt trừ, vì minh và vô minh trái nhau. Nếu nói là tu đạo dứt trừ thì pháp của tu đạo dứt trừ mà tâm của kiến đạo dứt trừ đẳng khởi, điều này không thích hợp. Nếu nói là đều cùng có dứt trừ thì hữu, có thể phân tích, việc này cũng không đúng. Vì như khế kinh nói nghiệp thân miệng của người tà kiến, được gọi là kiến. Nghiệp đó cũng được gọi là nhân đẳng khởi.

Hỏi: Những gì là tịnh?

Đáp:

Tất cả hành diệu tịnh
Thân miệng vô học mãn
Cái gọi ý viên mãn
Tức là tâm Vô học.

Tất cả hành diệu tịnh, nghĩa là nếu đã có hạnh diệu thì tất cả gọi là tịnh, nếu thân hành diệu thì nói thân tịnh. Cứ như vậy mà so sánh.

Hỏi: Pháp hữu lậu có cấu uế, sao lại nói là tịnh?

Đáp: Vì trái với phiền não, vì dẫn dắt đến đệ nhất nghĩa tịnh, nên nói

là tịnh.

Hỏi: Thế nào là mãn?

Đáp: Vì thân miệng vô học mãn, vì thân miệng vô học hành diệu, nên gọi là mãn. Cái gọi là ý mãn, chính là tâm Vô học. Tâm vô học nên nói là ý mãn, vì là tướng của Mâu-ni.

Hỏi: Vì sao các sắc ấm, thức ấm gọi là mãn, không phải ấm khác?

Đáp: Vì có thô, tế. Tâm là đệ nhất nghĩa mãn, vì so sánh nghiệp thân miệng mà biết được sự ngừng dứt thêm rộng lớn. Phiền não nóng bức không gây tổn thương, vì ý, ngữ không hư hoại, cho nên nói là A-la-hán mãn, không phải quả vị khác.

Hỏi: Hành diệu và tịnh mãn có gì khác nhau không?

Đáp: Vì chỗ tạo tác nên nói là hạnh diệu, vì thanh tịnh nên nói là tịnh, vì Mâu-ni nên nói là viên mãn. Hơn nữa, vì quả ái, nên nói hành diệu, vì lìa phiền não nên nói là tịnh, vì lìa si nên nói là mãn, đã nói nghiệp, nay sẽ nói quả của nghiệp:

Nói quả y, tương tự
Báo thì không tương tự
Tịnh và quả bất tịnh
Cho nên gọi là báo.

Quả y, nghĩa là thiện sinh thiện. So sánh như vậy nên biết là nói nhân tự phần. Quả báo nghĩa là quả tịnh, bất tịnh như trước đã nói. Nhân báo tương tự với quả, nghĩa là quả y, không tương tự, nghĩa là nhân thiện, bất thiện, quả vô ký.

Cái gọi quả giải thoát
Nói lìa dục thấy chân
Do công lực đạt được
Là nói quả công dụng.

Cái gọi quả giải thoát, nói lìa dục thấy chân: Quả giải thoát, nghĩa là dứt trừ. Vì công lực đạt được là nói quả công dụng, nghĩa là nếu quả do công lực chiêu cảm nên cùng với dứt trừ là nói quả công dụng.

Các pháp các thứ tướng Quả kia chỉ một tướng Là nói quả tăng thượng Trừ pháp trước đã khởi.

Nếu các pháp có nhiều tướng giống nhau, không giống nhau, chỉ có một quả, thì đó là quả tăng thượng, là nhân sở tác.

Trừ pháp trước đã khởi, nghĩa là trừ đời trước đối với đời sau, không phải là quả.

Hỏi: Quả tăng thượng và quả công dụng có khác gì nhau không?

Đáp: Công việc làm đã hoàn thành là quả công dụng, thọ dụng là quả tăng thượng, nghĩa là sự gieo trồng sẽ có hai quả: thọ dụng là có quả tăng thượng.

Đã nói chung về quả, nay sẽ nói: Về nếu quả đó là nghiệp hữu lậu.

Hữu lậu dứt kiết nghiệp
Năm quả là quả hữu
Đạo vô lậu dứt kiết
Đạo đó có bốn quả.

Hữu lậu dứt kiết nghiệp có năm quả là quả hữu, nghĩa là đạo dứt kiết của thế tục, nghiệp đó có năm quả. Nghiệp đó về sau sẽ giống nhau và tăng thượng là quả y, báo của nghiệp đó là quả báo. Kiết kia đã dứt trừ là quả giải thoát. Nghiệp kia đã gây ra và dứt trừ là quả công dụng. Trừ chính mình ra, tất cả pháp khác là quả tăng thượng. Đạo vô lậu dứt trừ kiết, nghiệp đó có bốn quả, trừ quả báo, quả khác như trước đã nói.

Nghiệp bất thiện bốn quả
Cũng thiện hữu lậu khác
Vô lậu khác có ba
Nghiệp vô ký cũng vậy.

Nghiệp bất thiện bốn quả, cũng là thiện hữu lậu khác, nghĩa là nghiệp bất thiện có bốn quả, trừ đạo dứt trừ kiết (kiết do đạo dứt trừ). Các nghiệp hữu lậu thiện khác nghĩa là đạo phương tiện, đạo giải thoát, đạo thắng tấn và văn tư tu tuệ, v.v... Các nghiệp này cũng có bốn quả trừ quả giải thoát.

Vô lậu khác có ba, nghiệp vô ký cũng vậy, nghĩa là trừ vô lậu dứt trừ kiết, các nghiệp vô lậu khác và nghiệp vô ký có ba quả, trừ quả báo và quả giải thoát.

Bốn, hai và ba quả
Ba, bốn cũng lại hai
Ba, hai, ba tịnh thảy
Đây gọi là nghiệp quả.

Nghiệp thiện nghĩa là lấy pháp thiện làm bốn quả, trừ quả báo, lấy bất thiện làm hai quả là quả công dụng và quả tăng thượng, lấy vô ký làm ba quả, trừ quả y và quả giải thoát.

Nghiệp bất thiện lấy pháp bất thiện làm ba quả, trừ quả báo, quả giải thoát, lấy pháp vô ký làm bốn quả, trừ quả giải thoát. Nhân tự phần, nhân biến, lấy thân kiến, biên kiến, pháp vô ký của cõi Dục làm quả y, lấy pháp thiện làm hai quả: Quả công dụng và quả tăng thượng. Nghiệp vô ký nghĩa

là lấy pháp vô ký làm ba quả: Quả y, quả công dụng và quả tăng thượng, lấy việc thiện làm hai quả: Quả công dụng và quả tăng thượng, lấy pháp bất thiện làm ba quả, trừ quả báo và quả giải thoát.

Quá khứ tất cả bốn
Trung, vị lai cũng vậy
Trung ở trung nói hai
Vị sinh, vị sinh ba.

Quá khứ tất cả bốn, nghĩa là nghiệp quá khứ lấy tất cả pháp của ba đời làm bốn quả, trừ quả giải thoát, vì không rơi vào đời. Trung vị lai cũng vậy, nghĩa là nghiệp hiện tại dùng pháp vị lai làm bốn quả, như trước đã nói. Trung ở trung nói hai, nghĩa là nghiệp hiện tại dùng pháp hiện tại làm hai quả: Quả công dụng và quả tăng thượng. Vị sinh vị sinh ba: Nghĩa là nghiệp vị lai lấy pháp vị lai làm ba quả: Quả báo, quả công dụng và quả tăng thượng.

Tự địa, tự địa bốn
Hoặc lấy tha địa hai
Nếu địa chánh tư duy
Cũng có quả giải thoát.

Tự địa tự địa bốn, nghĩa là nghiệp của địa mình dùng pháp của địa mình làm bốn quả, trừ quả giải thoát. Như lệ thuộc cõi Dục dùng lệ thuộc cõi Dục, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng cũng vậy.

Hoặc lấy tha địa hai, nghĩa là nghiệp của tha địa, lấy pháp của tha địa làm hai quả: Quả công dụng và quả tăng thượng. Nếu nghiệp vô lậu lấy vô lậu của địa người khác làm quả y. Nếu là địa chánh tư duy, cũng có quả giải thoát, nghĩa là địa định hoặc có quả giải thoát, nghĩa là thuộc về đạo vô ngại.

Đều dùng tất cả ba
Ba, hai, một lại năm
Nói thứ lớp hai, hai
Nói là nghiệp học thảy.

Nghiệp của học lấy học làm ba quả: Quả y, quả công dụng và quả tăng thượng, lấy vô học làm ba quả cũng như vậy, lấy phi học, phi vô học làm ba quả: Quả giải thoát, quả công dụng và quả tăng thượng. Nghiệp vô học lấy vô học làm ba quả: Quả y, quả công dụng và quả tăng thượng, lấy phi học, phi vô học làm hai quả: quả công dụng và quả tăng thượng, lấy học làm một quả là quả tăng thượng. Nghiệp của Phi học, phi vô học, lấy phi học, phi vô học làm năm quả, lấy học làm hai quả: Quả công dụng và

quả tăng thượng, lấy vô học làm hai quả cũng như vậy.

Là nói ba, bốn, một
Bốn, ba cùng với hai
Bốn lại một cũng hai
Là nói nghiệp kiến thảy.

Nghiệp của kiến đạo dứt trừ, lấy pháp của kiến đạo dứt trừ làm ba quả: quả y, quả công dụng và quả tăng thượng. Lấy pháp của tu đạo dứt trừ làm bốn quả, trừ quả giải thoát. Lấy pháp không có dứt trừ làm một quả là quả tăng thượng. Nghiệp của tu đạo dứt trừ dùng pháp của tu đạo dứt trừ làm bốn quả, trừ quả giải thoát. Lấy pháp không có dứt trừ làm ba quả: quả giải thoát, quả công dụng và quả tăng thượng. Lấy pháp kiến dứt trừ làm hai quả là quả công dụng và quả tăng thượng. Nghiệp không có dứt trừ dùng pháp không có dứt trừ làm bốn quả, trừ quả báo. Lấy pháp kiến dứt trừ làm một quả, là quả tăng thượng. Dùng pháp tu đạo dứt trừ làm hai quả: Là quả công dụng và quả tăng thượng.

Đã nói nghiệp có quả, nay sẽ nói bốn đại tạo tác nghiệp thân, miệng:

Tự địa nếu có đại
Sở y nghiệp thân, miệng
Vô lậu tùy sức được
Đây tức là quả kia.

Tự địa nếu có đại, sở y nghiệp thân miệng, nghĩa là nếu nghiệp thân miệng cõi Dục, tức là bốn đại tạo cõi Dục của nghiệp thân miệng, nghiệp thân miệng địa Sơ thiền cõi Sắc, tức bốn đại Sơ thiền tạo tác, cho đến đệ Tứ thiền cũng như vậy. Do rơi vào cõi, vì sự kết hợp của phiền não, vô lậu tùy theo sức chứng đắc, vô lậu này tức là quả của địa kia, nghĩa là nghiệp thân miệng vô lậu, tùy theo sức đã nương dựa mà được, tức là bốn đại tạo tác của địa Sơ thiền kia. Nếu sinh Sơ thiền chánh thọ vô lậu cõi Dục, cho đến nghiệp thân miệng kia của đệ Tứ thiền, tức là bốn đại cõi Dục tạo. Sự sinh của tất cả địa cũng như vậy, vì không rơi vào cõi, vì chẳng phải phiền não kết hợp. Nếu quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và hướng đến phẩm Tỷ trí, Pháp trí trong đạo Ba-la-mật, của Bích-chi-Phật, Phật Thanh văn, dựa vào thân cõi Dục hiện ở trước. Tất cả nghiệp bốn đại cõi Dục tạo tác ấy. Nếu dựa vào thân cõi Sắc hiện ở trước, bốn đại tạo của cõi Sắc, của tất cả nghiệp kia, Hữu học sanh cõi Vô Sắc, nương giới vị lai của năm địa thành tựu. Nếu trước đây địa khi khởi đạo vô lậu, tức dựa vào địa quá khứ kia. Nếu địa đó được qua A-la-hán, địa đó đã xả học giới, được vô học vị lai, dựa vào giới của năm địa.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói ba chướng. Ba chướng này thế nào?

Đáp:

Nghiệp vô gián không cứu
Sinh rộng các phiền não
Đường ác thọ báo ác
Chướng ngại cần phải biết.

Ba chướng: nghiệp chướng, phiền não chướng và báo chướng, nghĩa là vì chướng ngại Thánh đạo và phương tiện của Thánh đạo nên nói là chướng, trừ ba chướng này, pháp khác tùy là chướng ngại, nhưng năm nhân duyên của ba chướng này rất dễ thấy, dễ biết, đó là xử thú sanh quả.

Nghiệp chướng kia là năm nghiệp vô gián. Đó là hại cha, hại mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu. Nghiệp báo vô gián này phải đọa vào địa ngục. Cho nên nói là Vô gián. Vì có hai nhân duyên nên bị Vô gián, đó là phản bội ơn nghĩa và làm hư hoại ruộng phước. Hại cha mẹ là bội ân, vô gián, còn lại là làm hư hoại ruộng phước vô gián, tội lớn hơn hết đó là phá hoại tăng, kế đến làm thân Phật chảy máu, kế đó là hãm hại A-la-hán, thứ đến hại cha hại mẹ. Về nghĩa này sẽ được nói rộng trong phẩm Tạp.

Phiền não chướng nghĩa là phiền não siêng năng và nhạy bén. Có khi chúng sinh có phiền não siêng năng mà không nhạy bén, nên chia làm bốn trường hợp:

1. Siêng năng mà không nhạy bén, nghĩa là phiền não thường hoạt động nhẹ.

2. Nhạy bén mà không siêng năng, nghĩa là phiền não tăng thượng, không thường hoạt động.

3. Vừa siêng năng, vừa nhạy bén, nghĩa là phiền não tăng thượng thường hoạt động.

4. Không siêng năng không nhạy bén, nghĩa là phiền não nhẹ không thường hoạt động, phiền não kia nhẹ mà không nhạy bén.

Đây là nói phiền não chướng, vì dựa vào kiết phẩm hạ liền có phẩm trung, dựa vào phẩm trung liền có tăng thêm. Nếu phiền não nhạy bén, không siêng năng thì không phải chướng, vì không thường hoạt động. Nếu cùng có là tất cả ác, không cùng có là tất cả vượt hơn. Phải biết căn thiện cũng như vậy. Vì hoạt động phiền não nên kiến lập chướng, không phải thành tựu, nghĩa là do tất cả chúng sinh đều thành tựu phiền não, tùy thuộc vào điều mà chúng thích hợp. Phiền não chướng kia nghĩa là phải nên biết, hạng huỳnh môn, khí hư, Phú-lan-na, v.v… Lại nói Nan-đà Ương-quật-ma,

Uất-tỳ-la-ca-diếp.

So sánh như vậy là vì sức nói nên người kia được kiến đế. Xá-lợi-phất, v.v... không phải là cảnh giới của họ. Báo chướng nghĩa là chỗ cõi ác Uất-đơn-việt, trời Vô tưởng.

Hỏi: Tại sao chướng này là điều ác rất lớn? Đáp:

Gọi là phiền não chướng Là nói ác rất lớn

@@@Nghiệp Vô gián là trung Báo chướng thì rất nhẹ.

Phiền não chướng là điều ác lớn hơn hết trong ba chướng, kế đến là nghiệp chướng và sau đó là báo chướng vì phiền não chướng có thể chuyển thành nghiệp chướng, nghiệp chướng chuyển thành báo chướng. Lại nói báo chướng là điều ác rất lớn, vì có lúc tất cả nhân có thể chuyển thành quả, có lúc không thể chuyển, việc này không đúng. Vì nhân kia hoặc có phiền não chướng thành tựu, hoặc nghiệp chướng hay báo chướng, hoặc phiền não chướng, nghiệp chướng, hoặc phiền não chướng, báo chướng, không có nghiệp chướng, báo chướng đều cùng thành tựu, vì nhân quả không đi chung. Nghiệp chướng kia thì ở ba phương còn phiền não chướng và báo chướng nọ lại hiện diện ở năm đường.

Hỏi: Như vừa nói nghiệp vô gián, tội đó rất lớn là phá hoại Tăng, vậy sự phá hoại Tăng có tánh gì?

Đáp:

Là tánh không hòa hợp
Nên biết là hoại tăng
Vô ký không ẩn mất
Là hành bất tương ưng.

Tăng hoại, là tánh không hòa hợp, vô ký không ẩn mất, thuộc về hành ấm bất tương ưng, tội phá hoại tăng là nói dối.

Hỏi: Những ai thành tựu?

Đáp:

Người hoại chính là Tăng
Tội là người hoại tăng
Kia thọ báo một kiếp
Trong địa ngục Vô Trạch.

Hoại đây là Tăng, tội là người hoại Tăng: Nghĩa là Tăng thành tựu mà bị phá hoại thì người phá hoại Tăng tạo thành tội. Người đó sẽ phải cảm thọ báo một kiếp trong địa ngục Vô Trạch, nghĩa là tội phá hoại Tăng sẽ phải chịu báo một kiếp trong địa ngục Vô Trạch. Nếu gây ra các hành vi ác

khác là gieo trồng nhân báo ở địa ngục khác, địa ngục đó có lẽ là Vô Trạch. Về sau này người đó không thể phá hoại Tăng. Sau khi phá hoại Tăng còn gây ra hành vi ác khác, tất cả tội của họ đều là quả địa ngục Vô trạch. Nếu là kẻ phần nhiều làm hành ác là chỗ thọ thân rộng lớn, hòa dịu thì phần nhiều là cảm nhận mọi đau khổ. Nghiệp Vô gián khác về sau này sẽ không có khả năng phá hoại tăng, nghĩa là kẻ phá hoại tăng, chủ yếu là thuộc dòng họ đoan nghiêm, có giữ giới, học rộng, có tài hùng biện. Phải là con người như vậy mới có thể phá hoại Tăng, vì họ tự xưng mình là Đại sư, cho rằng kẻ phạm giới không phải tăng thượng.

Hỏi: Thế nào là phá hoại Tăng?

Đáp:

Đại sư và đạo này
Các Tỳ-kheo nhẫn lạ
Phá hoại hòa hợp tăng
Gọi là kiến hành tăng.

Đại sư và đạo này, các Tỳ-kheo nhẫn lạ, phá hoại hòa hợp Tăng: Nghĩa là Tỳ-kheo khởi lên hy vọng rằng: "Đề-bà-đạt-đa là Đại sư của ta, chứ không phải Cù-đàm". Họ đặt ra năm pháp là đạo, không phải tám chánh nên biết là hoại tăng. Lại nói, thọ thể kiến văn cùng với tăng.

Hỏi: Những người nào phá Tăng?

Đáp: Đó là những người kiến hành tăng thượng, người kiến hành hoại tăng, có hy vọng xấu ác, không phải người có hành động đáng yêu, do hành vi xem thường.

Hỏi: Người tại gia phá hoại tăng hay người xuất gia?

Đáp: Tỳ-kheo thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo phá hoại tăng, chứ không phải kẻ tại gia, không phải Sa-di, không phải Tỳ-kheo-ni. Nếu tâm người đó trụ phá hoại tăng, tức tâm họ là quả, đủ sáu thức thân, mỗi thức thân đều biểu hiện ở trước. Làm hoại tri giác của tăng cũng như vậy.

Hỏi: Ở chỗ nào? Có bao nhiêu người phá hoại Tăng,

Đáp:

Ba phương ít nhất tám
Đây là hoại yết-ma
Diêm-phù-đề đến chín
Đây là hoại pháp luân.

Ba phương ít nhất tám, đây là hoại yết-ma, nghĩa là sự phá hoại yết-ma Tăng trong ba thiên hạ.

Ít nhất là đến tám, lấy bốn người gọi là Tăng, chứ không phải ba người. Nếu ở trong giới nội cùng một trú xứ mà hai bộ tăng, mỗi bộ đều làm yết-ma riêng, phải biết đó là tăng hoại.

Hỏi: Ở nơi nào? Phá hoại pháp luân Gồm bao nhiêu người?

Đáp: Diêm-phù-đề đến chín người, đây là sự phá hoại pháp luân, phá hoại pháp luân ở Diêm-phù-đề, chứ không phải chỗ khác, vì ở cõi này có đạo thì cũng có dị đạo. Nếu ở đây có Đại sư, thì sẽ có sư khác.

Ít nhất đến chín người, cho đến hai bộ tăng, khác nhau. Có một tăng mà đồng, nghĩa là Tăng giáo huấn, Tăng tùy thuận, nghĩa là bộ Tăng nhằm dạy không hổ, không thẹn, đó là Đề-bà-đạt-đa.

Hỏi: Là phá hoại Thánh tăng hay phàm phu tăng?

Đáp: Phá hoại phàm phu tăng, chứ không phải bậc Thánh, do nhóm chánh định, vì tịnh bất hoại. Lại nói phàm phu đắc nhẫn, cũng không phá hoại, vì đã nhập Thánh tăng quyết định, vì Đức Thế Tôn không phá hoại quyến thuộc.

Hỏi: Trú ở đâu thì phần tăng không hoại?

Đáp:

Không kiết giới trước sau
Mâu-ni đã Niết-bàn
Khi chưa khởi dứt thịt
Không có hai đệ nhất
Trong sáu thời gian này
Thì không hoại pháp luân.

Có sáu thời gian, Tăng không hoại, nghĩa là không kiết giới, về nhân duyên kiết giới ở trước đã nói, cũng không phải trước, cũng không phải sau. Vì tăng trong hai bộ này chỉ là một vị, cũng không phải sau khi Đại sư nhập Niết-bàn, vì không có sư nào khác, cũng không phải lúc chưa khởi giới ác, kiến ác, mà thôi ăn thịt, cũng không phải vì lúc chưa kiến lập cặp thứ nhất, vì tăng phá hoại không trải qua một đêm ở riêng, vì cặp thứ nhất hòa hợp trở lại.

Hoặc có người muốn khiến cho bảy nhân duyên không hư hoại, nghĩa là Đại sư ở trong chúng, vì họ không có oai nghiêm, sáng suốt, không phải tất cả chư Phật đều có việc hoại tăng, do hành động.

Hỏi: Trong năm nghiệp vô gián này, nghiệp nào là ác nhất?

Đáp:

Nói dối phá hoại tăng

Rất ác trong các nghiệp
Tư trong hữu thứ nhất
Là quả lớn hơn hết.

Nói dối nhằm phá hoại tăng là tội ác hơn hết trong các nghiệp: Phá hoại tăng bằng sự nói dối là điều rất ác, vì chuyển pháp thân, pháp được Phật coi trọng, vì chúng sinh kia mà chuyển phương tiện rộng. Phá hoại tăng là sự gây phiền hà náo loạn đại chúng. Nếu tăng hư hoại chưa vượt lên lìa sinh, không vượt lên lìa sinh, cũng không được quả, cũng không ngồi thiền, học hỏi, phát sinh nghiệp tư duy, không chuyển pháp luân trong thế giới Đại thiên. Nếu tăng hoà hợp trở lại là người chưa vượt lên lìa sinh sẽ vượt lên lìa sinh và đắc quả, lìa dục lậu tận, tọa thiền, học hỏi, phát sinh nghiệp tư duy thì pháp luân lại được chuyển khắp cả thế giới đại thiên.

Hỏi: Ở đây nói sự nói dối là tội rất lớn, còn chỗ khác lại nói ý nghiệp và tà kiến là tội rất lớn, vậy có gì khác nhau?

Đáp: Sự nói dối là tội rất lớn trong năm tội vô gián, ý nghiệp là nghiệp rất lớn trong ba nghiệp, tà kiến là kiến chấp rất lớn trong năm kiến. Lại nữa, vì báo rất rộng nên sự nói dối là tội rất lớn. Vì nghiệp cố ý gây phiền não đại chúng là tội rất lớn. Vì cắt đứt căn thiện nên tà kiến là tội rất lớn.

Hỏi: Những nghiệp nào có quả rất lớn?

Đáp: Tư trong đệ nhất hữu, được nói là quả rất lớn, vì tư đó là do quả báo sống lâu đến tám muôn kiếp ở cõi Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, nên nói như thế. Quả giải thoát là tam-muội Kim Cương tương ưng với tư rộng lớn, vì sự tư duy đó dứt hẳn tất cả phiền não đắc quả.

Lại nói một tư chủng có tám muôn kiếp, nhưng về sau, nhiều tư hoàn thành viên mãn, như người họa sĩ trước hết dùng một màu để phác họa mô hình rồi sau đó mới vẽ các mầu. Lại nói một thời gian chánh thọ, một hành, một duyên, nhiều tư được thể hiện ở trước, trong đó hoặc có tư tiếp nhận tuổi thọ đến mười ngàn kiếp, có ba mươi ngàn kiếp, bốn mươi ngàn kiếp tuổi thọ, đây là nói kiếp số lớn.

-oOo-

LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

QUYỂN 4

Phẩm 4: SỬ

Đã nói rộng về nghiệp, nghiệp ấy giúp cho phiền não được các thứ sinh, không phải lìa phiền não, nay sẽ nói về phiền não:

Căn bản tất cả hữu
Bạn nghiệp sinh trăm khổ
Nghiệp kia có bảy Sử
Đức Phật nói, nên nghĩ.

Nghĩa là dục hữu, sắc hữu, Vô Sắc hữu, ở đây có bảy sử như tham dục, v.v... làm hạt giống. Do phiền não nên tạo nghiệp, vì nghiệp nên thọ sinh, phiền não đó giúp cho nghiệp sinh ra hằng trăm nỗi đau khổ không lìa bỏ nghiệp. Lúc phiền não chuyển biến tạo tác nên mười việc, đó là phần rễ vững chắc nối tiếp nhau sinh khởi ở nơi ruộng sinh giống nghiệp, quả y tự đủ sự chín muồi, ngu mê nơi các duyên, dẫn thức trôi chảy vượt qua sự trói buộc nhanh chóng nghiệp thiện, không thiện khiến vượt qua giới phương tiện, người trí kia nên biết nghĩa này. Như bảy sử này là chín mươi tám, nay sẽ nói:

Phân biệt giới, hành, chủng
Nói có chín mươi tám
Mười thứ tu đạo diệt
Ngoài ra thấy đạo dứt.

Phân biệt giới, hành, chủng của bảy sử này là chín mươi tám sử. Trong bảy sử kia sử tham dục chia hạt giống trong chín mươi tám sử làm năm, sử sân cũng như vậy, chia giới, chủng của sử hữu ái thành mười. Phân biệt giới, chủng của sử khinh mạn thành mười lăm, sử vô minh cũng như vậy. Chia hành của kiến sử làm năm, chia hành, chủng thành mười hai, chia giới, hành, chủng thành ba mươi sáu. Chia giới, chủng của nghi sử thành mười hai. Đây là bảy sử phân biệt thành chín mươi tám.

Hỏi: Chín mươi tám sử này có bao nhiêu sử do kiến đạo dứt trừ, bao nhiêu sử do tu đạo dứt trừ?

Đáp: Có mười thứ do tu đạo diệt, ngoài ra là do kiến đạo dứt trừ. Ái, mạn, vô minh giới phân biệt thành chín, với sân hận là mười. Tám mươi tám sử còn lại là do kiến đạo dứt trừ, sử kia đối với đế, tạm thấy thì dứt trừ, nên nói là kiến đạo. Nếu thường huân tập theo đạo mà được dứt trừ, nên nói là tu đạo. Nếu kiến đạo dứt trừ là nói kiến dứt trừ. Nếu tu đạo dứt trừ, là nói tu dứt trừ.

Tâm bất giác, tâm giác chín loại như vậy có một loại, chín loại có chín loại. Phương tiện phá thạch (kiến đạo) đoạn trừ, phương tiện ngẫu ty (tu đạo), chưa thấy quán nhĩ-diệm, đã thấy quán nhĩ-diệm. Khi đoạn trừ ấy, tu bốn hành đạo là kiến đạo dứt trừ. Lúc dứt trừ, tu mười sáu hành đạo, là tu đạo dứt trừ. Đối vô sự, đối hữu sự cũng như thế.

Đã nói đối trị sử khác nhau, nay sẽ nói về chủng loại khác nhau.

Sử có hai mươi tám
Là chướng việc kiến khổ
Kia phải thấy lúc khổ
Hết hẳn không còn sót.

Kiến dứt trừ hai mươi tám chướng trong tám mươi tám sử. Vì kiến khổ, nên kiến khổ dứt trừ, về nghĩa dứt trừ sẽ nói đến sau phẩm này.

Kiến tập dứt mười chín
Phải biết diệt cũng thế
Thêm ba kiến đạo dứt
Mười nói tu đạo diệt.

Kiến tập dứt trừ mười chín sử chướng, vì kiến tập nên kiến tập dứt trừ, phải biết diệt cũng thế. Nghĩa là kiến diệt dứt trừ mười chín sử cũng như thế, thêm ba kiến đạo dứt trừ, nghĩa là hai mươi hai sử do kiến đạo dứt trừ.

Nói tu đạo diệt mười, mười sử do tu đạo đoạn như trước đã nói, nay sẽ nói: Về sự khác nhau của giới,

Đệ nhất phiền não chủng
Ở dục phải biết mười
Hai thứ, chủng có bảy
Tám kiến đạo đoạn khác.

Đệ nhất phiền não chủng, ở dục phải biết mười như trước nói đầu tiên kiến khổ dứt trừ phiền não chủng, mười sử kia thuộc cõi Dục.

Hai chủng, chủng có bảy, là kiến tập, kiến diệt dứt trừ, mỗi thứ có bảy sử thuộc về cõi Dục.

Tám kiến đạo đoạn khác, nghĩa là kiến đạo dứt trừ tám sử thuộc cõi

Dục.

Cõi Dục cần phải biết
Bốn là tu đạo đoạn
Nói hai giới trên khác
Phải biết đồng đạt được.

Cõi Dục cần phải biết, bốn tu đạo dứt trừ, nghĩa là nếu phiền não do tu đạo dứt trừ thì phiền não có bốn thứ thuộc về cõi Dục. Nói cõi Dục có ba mươi sáu sử như thế, ngoài ra hai cõi trên, nghĩa là sáu mươi hai sử còn lại ở cõi Sắc, Vô Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thuộc cõi Vô Sắc?

Đáp: Phải biết đồng đạt được. Ba mươi mốt sử kia thuộc cõi Sắc, ba mươi mốt sử thuộc cõi Vô Sắc.

Đã nói sự khác nhau của giới, chủng, nay sẽ nói về tự tướng của sử:

Cái gọi hữu thân kiến
Thọ biên kiến, tà kiến
Hai thủ cần phải biết
Năm ấy gọi là kiến.

Các hành từ duyên khởi mà không biết là tâm rối loạn, người ngu đối với năm thọ ấm, hoặc tự, hoặc cộng, khởi lên ngã, ngã sở, suy xét như thế rồi chấp trước, đây gọi là thân kiến. Đối với các hành thọ đoạn, thường, suy xét như thế rồi chấp trước, gọi là thọ biên kiến. Không có thí, v.v..., suy xét như thế rồi chấp trước gọi là tà kiến. Đối với pháp hữu lậu, thọ bậc nhất, suy xét thế rồi chấp trước. Vì thủ kiến, v.v..., trừ v.v... nên gọi là kiến thủ kiến. Đối với hành hữu lậu thọ nhận tịnh, v.v… suy xét rồi chấp trước. Vì thủ giới, v.v… trừ, v.v… nên gọi là thủ giới kiến. Vì năm phiền não này quyết đoán nên nói là kiến. Do một tà kiến này quyết đoạn tà, vì hành khác nhau nên nói năm kiến (hai thủ, trong tiếng Phạm, cũng có thể nói là "ma", cũng có thể nói là thử, đều là nghĩa có trộm lấy, nghĩa lựa chọn. Dù sự thật trái với lý, mà ý vẫn còn cầu tông, nên nói là lựa chọn. Vì đối tượng thọ không phải đạo, nên nói là trộm lấy).

Tham dục, nghi, sân hận
Mạn, si, nói phi kiến
Cảnh giới chuyển khác nhau
Kiến lập nhiều thứ tên.

Tham dục, nghi, sân hận, mạn, si nói phi kiến, nghĩa là đối với cảnh giới kia ưa đắm, gọi là tham dục. Đối với đế, hoặc gọi là nghi. Chúng sinh không phải chúng sinh số, phẫn nộ, gọi là sân hận. Dòng họ, sắc lực, giàu

có, quyền thế, các phương, kỹ thuật, v.v... khởi lên ý tự cao cho kẻ khác là thấp, ngang bằng, gọi là mạn. Ngu đối với đế, gọi là si. Vì năm phiền não này không phải tánh tuệ, nên chẳng phải kiến, đây là mười sử. Cảnh giới chuyển khác nhau, kiến lập nhiều thứ tên, nghĩa là các sử này nếu che lấp kiến khổ thì nói là kiến khổ dứt trừ. Che lấp kiến tập, diệt, đạo như thế gọi là kiến đạo dứt trừ.

Khổ dưới nói tất cả
Hai hành lìa ba kiến
Đạo trừ ở hai kiến
Cõi trên không hành sân.

Khổ dưới nói tất cả: Khổ dưới nghĩa là khổ cõi Dục. Tất cả mười sử kia vì trái với tướng khổ, nên kiến khổ dứt trừ. Hai hành lìa ba kiến: Nghĩa là trừ thân kiến, biên kiến, giới thủ, bảy sử còn lại vì trái với kiến tập, diệt nên kiến tập, diệt dứt trừ.

Đạo trừ ở hai kiến, nghĩa là trừ thân kiến, biên kiến, tám sử còn lại vì trái với kiến đạo nên kiến đạo dứt trừ.

Hỏi: Vì sao thân kiến, biên kiến do kiến khổ dứt trừ, không phải thứ khác?

Đáp: Vì chuyển khổ xứ, vì chuyển quả xứ, kiến khổ kia dứt trừ không xa, tùy theo căn. Vì kiến này không tùy thuộc căn, nên lúc mới kiến đế liền dứt trừ.

Hỏi: Vì sao giới thủ do kiến khổ, kiến đạo dứt trừ, chứ không phải tập, diệt?

Đáp: Vì xứ kia khởi lên dị học, trái với hai đế, không phải tập diệt. Vì chỗ cấu uế, đối với dục của tập đế, vì chỗ tắm gội nên đối với dục của diệt đế. Nếu pháp bên trong thì kiến khổ dứt trừ, pháp bên ngoài thì kiến đạo dứt trừ.

Hỏi: Nghi, sử sao không phải do tu đạo dứt trừ?

Đáp: Vì đối với việc không thấy nên nghi, vì đối với việc thấy nên dứt trừ. Vì sức khởi kiến nên không có kiến, tu đạo dứt trừ.

Cõi trên không hành sân, nghĩa là cõi Sắc, Vô Sắc trừ sân, ngoài ra như nói về cõi Dục. Cõi Sắc kiến khổ dứt trừ chín. Kiến tập, diệt dứt trừ sáu. Kiến đạo dứt trừ bảy, tu đạo dứt trừ ba, Cõi Vô Sắc cũng như thế.

Hỏi: Vì sao hai cõi trên không có sân?

Đáp: Vì hai cõi kia không có tánh của không hổ, không thẹn, san, tật, ưu, khổ. Vì lặng dừng nuôi thân, vì được tâm từ, vì không có tánh của chín

não, vì lìa tướng không tạo lợi ích và vì lìa toàn bộ bất thiện, vì không có hai quả cho nên không sân hận.

Đã nói giới sử được kiến lập, nay sẽ nói về nhất thiết biến:

Cùng khắp ở nhân khổ
Nghi, kiến và vô minh
Là sử nhất thiết chủng
Là ở nơi một địa.

Kiến khổ, tập dứt trừ nghi, kiến, tương ưng với vô minh và bất cộng. Mười một sử này phải biết là "Nhất thiết biến" của địa khác. Vì cảnh giới rộng. Tự địa duyên với năm thứ sử như thế, nên địa trên không sai khiến địa dưới, vì không phải cảnh giới, vì lìa dục, vì dứt trừ sự nhận biết. Địa dưới cũng không sai khiến địa trên, vì yếu kém, vì không phải bị sự sai khiến, vì dựa vào quả không thể đắc. Phải biết kiến đế dứt trừ là nhân tố của tất cả pháp cấu uế. Pháp đó nên như thế. Vì sao bậc Thánh không khởi, không có chủng của ái, sân hận, triền, mạn hiện ở trước, nên nói không phải phần chuyển?

Không có ái: Nghĩa là dứt trừ kiến đã được nuôi lớn, tùy theo sự dứt trừ tri kiến khởi, vì dứt trừ kiến kia diệt.

Sân triền nghĩa là tà kiến được nuôi lớn, theo tà kiến khởi, vì tà kiến kia diệt.

Mạn chủng nghĩa là thân kiến được nuôi lớn, tùy theo thân kiến khởi, vì thân kiến kia diệt.

Đã nói nhất thiết biến của tự địa, nay sẽ nói về địa khác:

Địa khác là cảnh giới
Trừ hai kiến như trước
Địa địa chín sử biến
Phi tưởng thì không thế.

Trước đã nói mười một nhất thiết biến. Trừ thân kiến, biên kiến, chín nhất thiết biến còn lại, từ cõi Dục cho đến Vô Sở Hữu Xứ là nhất thiết biến của địa khác. Tà kiến do kiến khổ ở cõi Dục dứt trừ, hoặc tự, hoặc cộng, vì chê bai quả của cõi Sắc, Vô Sắc.

Kiến thủ thọ nhận thứ nhất, giới thủ thọ nhận tịnh, khởi nghi, hoặc vô minh không hiểu rõ, kiến tập dứt trừ tà kiến cõi Dục, hoặc riêng, hoặc chung, chê bai nhân ấm của cõi Sắc, Vô Sắc.

Kiến thủ đối với nhân thọ nhận thứ nhất, nghi hoặc vô minh không hiểu rõ, khổ tập dứt trừ tà kiến của Sơ thiền như thế do kiến, hoặc tự, hoặc cộng, chê bai khổ, tập của bảy địa. Nói rộng như thế, cho đến tà kiến của

Vô Sở Hữu Xứ do kiến khổ, tập dứt trừ, hoặc tự, hoặc cộng, chê bai khổ, tập của một địa. Nói rộng như thế.

Phi tưởng Phi phi tưởng xứ địa, không có nhất thiết biến của địa khác vì không có địa trên. Giới cũng nói như thế. Cõi Vô Sắc không có nhất thiết biến của cõi khác, vì không có cõi trên.

Hỏi: Nhất thiết biến có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa duyên khắp tất cả hạt giống hữu lậu, là nghĩa của nhất thiết biến. Nghĩa duyên lực gìn giữ là nghĩa của nhất thiết biến. Vì tất cả khởi, vì tất cả chúng sinh, vì hết thảy sự việc nên gọi là Nhất thiết biến. Không có phàm phu nào đối với pháp hữu lậu, xưa nay không chấp lấy các hành như ngã, v.v...

Hỏi: Vì sao thân kiến, biên kiến được gọi là Nhất thiết biến của tự địa, chứ không phải địa khác?

Đáp: Vì kiến hiện cảnh giới, kiến này thấy hiện cảnh giới, không phải địa dưới sinh kiến địa trên, tuy địa trên sinh kiến địa dưới.

Ở trước đã nói sử của địa trên không duyên với ái, sân, mạn của địa dưới, vì tự tướng khởi, không duyên với chủng khác, huống gì là duyên nơi địa người khác. Người chưa lìa dục dù ưa địa trên cũng là dục chẳng phải tham.

Nếu duyên tà kiến khổ
Là trái với kiến khổ
Một địa duyên chín địa
Duyên tập cũng như thế.

Nếu duyên tà kiến khổ, là trái với kiến khổ, một địa duyên chín địa, nghĩa là kiến khổ dứt trừ tà kiến ở cõi Dục, duyên khổ của chín địa. Từ cõi Dục cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, không phải cùng lúc, nghĩa là cõi Dục, không phải cõi Sắc, Vô Sắc. Nếu khác, tức là dứt trừ sự nhận biết hoại và giới hoại.

Sơ thiền duyên tám địa, Nhị thiền duyên bảy địa, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng duyên Phi tưởng Phi phi tưởng.

Duyên tập cũng giống như thế, nghĩa là như nói kiến khổ dứt trừ tà kiến, kiến tập dứt trừ tà kiến cũng như thế.

Hỏi: Vì sao chỉ có sử là nhất thiết biến, còn pháp khác thì sao?

Đáp:

Nếu sử nhất thiết biến
Các hành đồng một quả

Phải biết nhất thiết biến
Không phải các đắc thảy.

Nếu sử nhất thiết biến tương ưng với các pháp như thọ, v.v... và cộng hữu sinh, v.v..., thì đó cũng là nhất thiết biến, vì đồng một quả, vì hòa hợp, vì cùng tùy hành, vì trước sau không có pháp nào không hợp, cho nên gọi là Nhất thiết biến. Vì không phải là tánh một qua, v.v... Đắc không phải là Nhất thiết biến, sử nhất thiết biến, vì ba việc. Năm thứ nhân duyên, năm thứ sử, pháp tương ưng với năm hạt giống, năm loại nhân duyên, không phải năm loại sử vì chẳng phải tánh sử. Nhân của năm hạt giống nơi pháp cộng hữu ấy không duyên với năm hạt giống, năm loại không phải sử, cho nên nói: Nếu sử nhất thiết biến, nhân nhất thiết biến thì sẽ tạo ra bốn trường hợp:

1. Sử nhất thiết biến không phải là nhân nhất thiết biến, nghĩa là sử nhất thiết biến ở vị lai.

2. Nhân nhất thiết biến không phải sử nhất thiết biến, nghĩa là sử nhất thiết biến quá khứ, hiện tại tương ưng với pháp cộng hữu.

3. Sử nhất thiết biến, nhân nhất thiết biến, nghĩa là sử nhất thiết biến quá khứ, hiện tại.

4. Không phải sử nhất thiết biến, không phải nhân nhất thiết biến, nghĩa là trừ thuyết trên.

Tà kiến tương ưng nghi Và vô minh bất cộng Diệt, đạo mà dứt trừ Phải biết duyên vô lậu.

Kiến diệt, kiến đạo dứt trừ tà kiến, nghi tương ưng với vô minh và vô minh bất cộng, phải biết sáu sử này là giới của giới duyên vô lậu. Kiến diệt kia dứt trừ tà kiến, do chê bai diệt. Vô minh, nghi hoặc không hiểu rõ xứ diệt chuyển. Kiến đạo dứt trừ như thế đối với đạo xứ chuyển.

Hỏi: Kiến diệt trừ tà kiến là kiến diệt chê bai chăng, hay là không thấy? Nếu thấy thì lẽ ra không chê bai, vì do kiến. Nếu không thấy thì lẽ ra không phải là duyên vô lậu?

Đáp: Sự hủy báng chỉ là tà kiến, như người tưởng hữu xứ, chê bai xứ, người tà kiến kia cũng như thế.

Hỏi: Như cõi Dục thấy khổ dứt trừ tà kiến, duyên khổ của chín địa, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ duyên một địa, kiến diệt dứt trừ cũng như thế chăng?

Đáp: Không như thế.

Hỏi: Thế là thế nào?

Đáp:

Nếu diệt cảnh giới kiến
Các hành diệt tự địa
Cảnh giới này chẳng khác
Diệt tận chẳng phải nhân.

Nếu diệt cảnh giới kiến, các hành diệt tự địa, cảnh giới này không khác: Nghĩa là kiến diệt dứt trừ tà kiến cõi Dục, duyên các hành cõi Dục mà diệt, không phải Sơ thiền khác. Từ Sơ thiền cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ cũng như thế.

Hỏi: Vì sao chẳng phải địa khác?

Đáp: Vì Diệt tận không phải nhân. Diệt tận nghĩa là vì vô vi nên không phải nhân lần lượt. Vì không phải là nhân lần lượt, các hành của tự địa diệt là cảnh giới tà kiến, nên không phải pháp khác. Nói trí thiện cũng như thế thì không đúng. Vì sao? Vì chuyển sinh trái nhau. Trí thiện nghĩa là hành đế trái với chuyển sinh, cho nên sự chuyển ấy khác, nhiễm ô cũng khác, vì nhân quả của địa hữu lậu dứt trừ. Nghĩa là kiến khổ dứt trừ tà kiến, cũng lấy khổ của tự địa làm cảnh giới là không đúng, vì lần lượt lôi kéo nhau hoặc sinh, hoặc nương, hoặc lập, hoặc nhân vì nhân lần lượt.

Hỏi: Kiến đạo dứt trừ tà kiến chuyển thế nào? Như kiến khổ, tập dứt trừ hay như kiến diệt dứt trừ?

Đáp: Chuyển khác.

Hỏi: Thế là thế nào?

Đáp:

Nếu cảnh giới kiến đạo
Thì kiến kia duyên đạo
Lần lượt làm nhân nhau
Sáu địa và chín địa.

Vì đạo nghĩa là lần lượt làm nhân cho nhau, kiến đạo dứt trừ tà kiến ở cõi Dục, phẩm pháp trí nói tám địa thuộc cõi Sắc, Vô Sắc. Kiến đạo dứt trừ tà kiến duyên chín địa, phẩm tỷ trí, chỉ có pháp trí, tỷ trí lần lượt làm nhân cho nhau. Nếu pháp kia được thấm nhuần do ái cõi Dục, chấp ngã, ngã sở thọ. Các pháp đối trị kia ứng với kiến đạo dứt trừ duyên tà kiến ở cõi Dục, chứ không phải duyên địa khác của phiền não này. Như luận này phần Trí vị tri cũng nói như thế.

Hỏi: Pháp trí của diệt, đạo không phải pháp đối trị của cõi Sắc, Vô Sắc ư? Thế nên trí kia ứng với kiến đạo dứt trừ cảnh giới tà kiến của cõi Sắc, Vô Sắc, nếu không phải cảnh giới, cũng không nên nói. Nếu pháp được

thấm nhuần do ái của cõi Sắc, Vô Sắc chấp ngã, ngã sở thọ, thì các đối trị kia ứng với kiến đạo dứt trừ duyên tà kiến của cõi Sắc, Vô Sắc?

Đáp: Vì đều không hoàn toàn nên không có lỗi, không phải pháp trí hoàn toàn là đối trị của cõi kia. Tuy pháp trí của diệt đạo chẳng phải pháp trí của khổ tập, cũng chẳng phải pháp trí diệt đạo hoàn toàn là đối trị của cõi Sắc, Vô Sắc, chỉ có pháp trí của tu đạo đối trị, chứ không phải kiến đạo, vì kia chẳng phải phần. Thế nên điều ông nói là không đúng. Ví như ý hành của lạc căn (ưu, hỷ, xả ở ý địa, vì do sáu thức nên lập ra mười tám ý hành. Lạc căn cõi Dục không tồn tại ở ý địa, nên không lập ý hành).

Hỏi: Vì sao tham, sân, mạn, kiến thủ, giới thủ đều chẳng phải duyên vô lậu?

Đáp:

Duyên tham không nên trách
Không vì chẳng lợi ích
Vắng lặng tịnh bậc nhất
Kia chẳng duyên vô lậu.

Người trí thấy lỗi tham, nếu duyên vô lậu thì đến không thấy lỗi, nếu không thấy lỗi thì cũng không cần dứt trừ. Nếu người muốn đạt Niết-bàn thì dục của pháp thiện này không phải tham ái. Vì không làm lợi ích nên khởi sân. Sự ham muốn kia chẳng phải không lợi ích, vì không vắng lặng nên khởi mạn, nhưng dục kia vắng lặng. Kiến thủ nghĩa là bậc nhất hành chuyển pháp vô lậu đệ nhất. Nếu duyên vô lậu ấy ứng với chánh kiến, chứ chẳng phải phiền não, vì không điên đảo. Giới thủ cũng như thế.

Hỏi: Các sử sai khiến cái gì?

Đáp:

Nhất thiết chủng cõi Dục
Sử nhất thiết biến sử
Duyên trói buộc tự địa
Địa trên cũng như thế.

Nhất thiết chủng cõi Dục, sử nhất thiết biến sử, duyên trói buộc tự địa, nghĩa là sử nhất thiết biến của cõi Dục duyên năm thứ sử của cõi Dục.

Hỏi: Cõi Sắc, Vô Sắc như thế nào?

Đáp: Địa trên cũng thế, sử nhất thiết biến của tự địa ở cõi Sắc, Vô Sắc như thế duyên năm thứ sử của tự địa.

Là các sử khác ấy
Phải biết duyên tự chủng
Duyên sử tự cảnh giới

Tất cả phẩm sở y.

Là các sử khác ấy, phải biết duyên tự chủng, duyên sử tự cảnh giới: Nghĩa là không có nhất thiết biến và sử nhất thiết biến khác, vì cảnh giới tự tướng, duyên theo pháp sử tự chủng của phẩm Nhất Thiết sở y, nghĩa là hoặc nhất thiết biến và không nhất thiết biến, hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu. Mỗi duyên ấy đều sai khiến pháp tương ưng của tự phẩm.

Nếu sử duyên vô lậu
Địa khác duyên phiền não
Sử tương ưng tự phẩm
Vì cảnh giới giải thoát.

Nếu sử duyên vô lậu, địa khác duyên phiền não, sử tương ưng tự phẩm, nghĩa là nếu sử duyên vô lậu và tự phẩm duyên địa khác tương ưng với sử, thì chẳng duyên sử, vì sao? Vì cảnh giới giải thoát. Cảnh giới giải thoát của sử này, vì pháp vô lậu giải thoát tất cả phiền não, vì các pháp của địa trên giải thoát phiền não của địa dưới.

Hỏi: Mỗi mỗi sử có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp:

Thân kiến của sử kia
Thấy khổ dứt trừ chủng
Thấy tập, nhất thiết biến
Thấy khổ, khác cũng thế.

Thân kiến của sử kia, thấy khổ dứt trừ chủng, thấy tập nhất thiết biến: Nghĩa là thân kiến là thấy khổ dứt trừ, bị nhất thiết sử sai khiến, vì tự chủng, và kiến tập dứt trừ chỗ sai khiến của sử nhất thiết biến, vì cảnh giới rộng lớn.

Hỏi: Thấy khổ dứt trừ sử khác như thế nào?

Đáp: Thấy khổ dứt trừ sử khác cũng như thế. Như nói thân kiến, phải biết thấy khổ dứt trừ sử khác cũng như thế.

Như khổ, tập cũng vậy
Diệt đạo duyên hữu lậu
Hết sử nơi tự chủng
Tu đạo dứt cũng thế.

Như khổ, tập cũng vậy: Nghĩa là như nói thấy khổ dứt trừ, kiến tập dứt trừ cũng như thế. Diệt đạo duyên hữu lậu, hết sử nơi tự chủng, tu đạo dứt trừ cũng như thế: Nghĩa là kiến diệt kiến đạo như thế, tu đạo dứt trừ cũng như thế. Sự khác nhau: Nghĩa là thấy diệt, thấy đạo dứt sử, tự chủng duyên hữu lậu, sử hết, tự chủng sử và sử nhất thiết biến sai sử, cũng duyên

vô lậu tương ưng với sử sai sử.

Hỏi: Đã biết sử, chỗ các sử sai sử, các sử của sử, sử nào sai khiến? Cái nào làm duyên cho sử của sử, chẳng phải tương ưng với sử của sử? Cho đến cái nào chẳng phải duyên sử sai khiến, cũng không phải tương ưng với sử của sử?

Đáp:

Thấy khổ sử tự phẩm
Duyên sử và tương ưng
Kiến tương ưng vô minh
Duyên sử, khác cũng thế.

Thân kiến kia, vô minh tương ưng với thân kiến có hai thứ: Sử sử duyên và tương ưng. Thấy khổ dứt trừ sử khác và thấy tập dứt trừ nhất thiết biến duyên sử, chẳng tương ưng với sử, vì phẩm không đồng, sử khác cũng chẳng duyên sử, cũng chẳng tương ưng sử. Thân kiến tương ưng với chẳng phải sử, pháp thân kiến và tương ưng, vô minh tương ưng với sử, cũng duyên với sử, thấy khổ dứt trừ và thấy tập dứt trừ sử nhất thiết biến, duyên sử chẳng tương ưng với sử. Ngoài ra sử cũng chẳng tương ưng, cũng chẳng duyên, như thân kiến.

Biên kiến như thế do thấy khổ dứt trừ tà kiến, kiến thủ, giới thủ, nghi, tham, sân, mạn cũng như thế. Thấy khổ dứt trừ vô minh, đối với thấy khổ dứt trừ vô minh và thấy tập dứt trừ nhất thiết biến duyên sử, chứ không phải tương ưng với sử. Ngoài ra kiến khổ dứt trừ sử, vừa là duyên, vừa là tương ưng với sử, ngoài ra cũng chẳng phải duyên, cũng chẳng tương ưng với sử. Như thấy khổ dứt trừ, thấy tập dứt trừ cũng như thế. Kiến diệt, kiến đạo dứt trừ duyên hữu lậu và tu đạo dứt trừ cũng như thế.

Sự khác nhau nghĩa là nếu tương ưng với sử có thể được, tức là sử kia tương ưng với sử và duyên sử.

Nếu cảnh giới kiến diệt
Vô minh cùng sinh kia
Các sử nhất thiết biến
Duyên hữu lậu trái nhau.

Nếu cảnh giới kiến diệt, vô minh cùng sinh kia, nghĩa là kiến diệt dứt trừ tà kiến, tà kiến đó tương ưng với vô minh, tương ưng với sử. Vô minh tà kiến kia tương ưng với sử và pháp tương ưng đó, cả hai đều tương ưng với sử.

Hỏi: Sử khác thì thế nào?

Đáp: Các sử nhất thiết biến trái với duyên hữu lậu. Nếu nhất thiết

biến và chủng do kiến diệt dứt trừ, duyên hữu lậu sử và duyên sử thì chẳng tương ưng sử, cũng chẳng duyên sử. Vì nghĩa này phải biết duyên vô lậu sử khác cũng như thế. Vô minh bất cộng sai khác nghĩa là vô minh kia không có tương ưng với sử của sử.

Sử kia và vi nhập
Tùy nhập, cũng tùy trục
Là từ ba việc khởi
Phải biết không dứt thảy.

Sử kia và vi nhập, tùy nhập cũng tùy trục, nghĩa là sử kia là tạo tác. Vi nhập là tánh, tùy nhập là tương ưng, tùy theo là đắc.

Lại nữa, sử như trẻ con bú sữa, vi nhập nghĩa là hành vi tế, tùy nhập nghĩa là như dầu trong cây gai, tùy trục nghĩa là người đi trên không, bóng đi theo dưới nước.

Hỏi: Khởi sử kia thế nào?

Đáp: Là từ ba sự khởi, phải biết không dứt thảy, vì ba sự nên khởi lên sử tham: Năng lực nhân, năng lực cảnh giới và năng lực phương tiện.

Sử tham dục kia không dứt trừ, không biết năng lực của nhân này. Đối tượng duyên của triền tham dục là năng lực cảnh giới. Không chánh tư duy là năng lực phương tiện. Đây là nói phiền não đầy đủ nhân duyên, không hẳn phải đủ ba việc, nếu phải đủ ba việc khởi thì không nên lui sụt, phải biết tất cả sử cũng như thế.

Hỏi: Các sử là bất thiện hay vô ký?

Đáp:

Thân kiến thọ biên kiến
Vô minh tương ưng kia
Vô ký trong cõi Dục
Tất cả sắc, Vô Sắc.

Thân kiến thọ biên kiến, kia tương ưng vô minh, vô ký trong cõi Dục, nghĩa là thân kiến, biên kiến cõi Dục và tương ưng với vô minh là vô ký. Vì sao? Vì đối với thí, giới, tu không trái nhau. Nếu người chấp ngã mà thực hành bố thí khiến cho đời sau của ta sẽ được vui, cũng như giữ giới, sẽ khiến ta sinh lên cõi trời, cũng như tu đạo khiến ta sẽ được giải thoát. Đoạn diệt kiến nghĩa là thuận với giải thoát.

Lại nữa, kiến này vì ngu đối với việc của mình nên khởi, không bị người khác éo ngặt mà khởi. Người chấp ngã kia, mắt thấy sắc nói "Ta thấy, không phải mắt thấy, không do ta thấy sắc ép ngặt người khác, thế nên không phải bất thiện. Ngoài ra phiền não cõi Dục là bất thiện.

Tất cả sắc, Vô Sắc nghĩa là sử của cõi Sắc, Vô Sắc tất cả là vô ký, vì chánh thọ hư hoại, vì không có tánh khổ thọ. Bất thiện nghĩa là báo khổ thọ, cõi Sắc, Vô Sắc kia không có, không phải cõi Sắc, Vô Sắc có báo của cõi Dục vì là quả báo dứt trừ địa.

Hỏi: Sử nào chuyển xứ nào?

Đáp:

Tham dục, sân hận, mạn
Quá khứ hoặc duyên khởi
Vị lai nói tất cả
Hai đời khác đều buộc.

Tham dục, sân hận, mạn, quá khứ hoặc duyên khởi, nghĩa là tham, sân, mạn quá khứ là tự tướng phiền não. Không thể khởi tất cả pháp hữu lậu.

Người tham không thể không thấy, không nghe, không tư duy cảnh giới, khởi do phương tiện nên bùng cháy, hoặc có khi người ở mắt khởi ái, không phải phần thân khác. Sân, mạn cũng như thế.

Vị lai nói tất cả, nghĩa là tham, sân, mạn ở vị lai duyên thuộc về ba đời, tất cả pháp hữu lậu vì duyên ba đời. Hai đời khác đều là duyên ràng buộc, nghĩa là kiến, nghi, vô minh là khác, vì cộng tướng kia khởi. Nếu quá khứ, vị lai thuộc về pháp hữu lậu ba đời, vì sử hiện tại bất định cho nên không nói. Nếu có nghĩa là nếu tự tướng phiền não hiện ở trước, tức hiện tại vị lai kia ràng buộc quá khứ, hoặc ở nơi kia khởi rồi diệt không dứt.

Hỏi: Không phải sử quá khứ dứt trừ, tức vị lai kia dứt trừ chăng?

Vì sao nói quá khứ khởi rồi diệt không dứt?

Đáp: Vì không dùng đẳng chủng nên nói. Có khi chủng trong tăng thượng khởi trước. Chủng kia nếu quá khứ dứt trừ, tức chủng đó ở vị lai sẽ dứt trừ. Vị lai trong sự kia, phiền não ràng buộc nhẹ, cho nên không có lỗi. Nếu cộng tướng phiền não hiện tiền sẽ ràng buộc tất cả pháp hữu lậu của ba đời, đây là nói chung. Nếu phiền não của năm thức thân, thì quá khứ ràng buộc quá khứ, hiện tại buộc ràng hiện tại, vị lai nếu sinh pháp sẽ ràng buộc vị lai, nếu không sinh pháp sẽ buộc ràng sự của ba đời. Nếu ý địa thì quá khứ, vị lai, hiện tại đều ràng buộc sự ba đời.

Hỏi: Ràng buộc ra sao?

Đáp: Nếu phiền não của nhãn thức thân ràng buộc đối tượng duyên duyên sắc, pháp tương ưng kia tương ưng với sự ràng buộc. Ý nhập, pháp nhập của pháp tương ưng kia, như thế cho đến phiền não thân, thức thân, ràng buộc đối tượng duyên xúc, pháp tương ưng kia tương ưng với ràng

buộc. Nếu phiền não của ý địa ràng buộc đối tượng duyên là mười hai nhập, pháp tương ưng kia tương ưng với sự ràng buộc là ý nhập và pháp nhập của pháp tương ưng kia.

Bộ Bà-sa kia nói: "Người thành, kiết thành, sự thành". Phái A-tỳ-đàm nói: "Người không thành, kiết thành, sự thành". Phái Thí Dụ nói: "Kiết thành, người không thành, sự không thành". Vì cảnh giới không nhất định có dục hay không có dục, có khi đối với cảnh giới đó, khởi dục, khởi sân, khởi mạn, khởi tật, khởi chán, khởi bi, khởi xả.

Đã nói sử do thế gian kiến lập, nay sẽ nói về thứ lớp sử:

Phiền não thứ lớp khởi
Tự địa nơi tự địa
Địa trên cũng sinh dưới
Phải biết thứ lớp sinh.

Phiền não thứ lớp khởi, tự địa nơi tự địa: Nghĩa là tất cả sử của tự địa đối với hết thảy phiền não của tự địa, theo thứ lớp chuyển, mỗi mỗi theo thứ lớp sinh tất cả.

Địa trên cũng sinh dưới, phải biết thứ lớp sinh: Nghĩa là phiền não của địa trên theo thứ lớp sinh phiền não của địa dưới.

Tâm nhiễm ô của địa kia, khi chết khởi trung ấm của địa dưới, sinh ra ấm. Địa Phi tưởng Phi phi tưởng kia theo thứ lớp sinh bát địa, cho đến Phạm Thế theo thứ lớp sinh cõi Dục.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói các phiền não này là ách, lưu, thủ, thọ lậu buộc, nghĩa ấy thế nào?

Đáp:

Có ách nổi lưu, thủ
Tiết lậu và kiết buộc
Do nghĩa đó, nên nói
Ách, lưu, thủ lậu buộc.

Vì khổ ách nên nói là ách. Ách kia có bốn thứ: ách dục, ách hữu, ách kiến và ách vô minh.

Hỏi: Vì sao năm kiến nói là kiến ách, còn vô minh lại lập một ách?

Đáp: Vì bình đẳng gánh vác.

Hỏi: Vì sao kiết của cõi Sắc, Vô Sắc, trừ kiến vô minh để lập một hữu ách khác?

Đáp: Vì đồng là địa chánh định và vì vô ký ẩn mất, vì chúng sinh trôi nổi nên nói là lưu. Nó cũng có bốn thứ như nói về ách.

Vì thủ hữu nên nói là thủ, vì quá chấp giữ. Thủ kia cũng có bốn thứ: dục thủ, kiến thủ, giới thủ, thuyết ngã thủ.

Hỏi: Vì sao vô minh nói là ách, lưu mà không nói là thủ?

Đáp: Vì không phải là hành nhanh chóng. Nghĩa chấp thọ là nghĩa thủ, là hành nhanh chóng, vô minh kia chẳng phải hành nhanh chóng, vì ngu tối, nên không nói là thủ.

Hỏi: Vì sao bốn kiến gọi là kiến thủ, còn một thủ gọi là giới thủ?

Đáp: Vì bình đẳng đảm trách. Nghĩa là vì giới thủ kia có thể làm bùng cháy nghiệp và vì trái với đạo, vì trong ngoài có thể được. Các nỗi khổ như nhịn ăn, v.v... của ngoại đạo nghĩ là đạo. Nội đạo dùng y phấn tảo, v.v... nghĩ là đạo.

Hỏi: Vì sao kiết của cõi Sắc, Vô Sắc được gọi là ngã thủ mà chẳng phải cõi Dục?

Đáp: Vì nội xứ khởi, kiết cõi Sắc, Vô Sắc vì hướng nội khởi, duyên của chính mình, còn kiết cõi Dục thì vì hướng ngoại khởi, cho nên nói là dục thủ. Vì tất cả xứ nhập là hữu lậu, vì tâm hữu lậu chảy rót liên tục nên nói là lậu, ba thứ kia là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Hỏi: Vì sao nói kiến lưu, kiến ách, không nói kiến lậu?

Đáp: Vì nghĩa chảy rịn là nghĩa lậu. Vì kiến này nhanh chóng đối với sự rỉ lậu, không thuận, cho nên đối với thứ khác không nhanh chóng. Đã nói về phiền não tạp. Nghĩa trôi nổi là nghĩa của lưu, kiến thuận theo trôi nổi, thế nên kiến lập lưu khổ. Nghĩa lệ thuộc là nghĩa ràng buộc.

Hỏi: Ách, lưu, thủ, lậu buộc có tánh gì?

Đáp:

Số có hai mươi chín
Cũng nói hai mươi tám
Ba mươi sáu, mười lăm
Tánh ách, lưu, dục thảy.

Tánh của dục ách kia có hai mươi chín: Tham có năm, sân có năm, mạn có năm, nghi có bốn, triền mười (triền sẽ nói sau phẩm này).

Hữu ách có hai mươi tám: ái mười, mạn mười, nghi tám. Kiến ách ba mươi sáu, năm kiến giới, hành, chủng, chia ra ba mươi sáu. Phân biệt giới, chủng vô minh ách có mười lăm. Lưu cũng như thế.

Nói ba mươi bốn trước
Kế chủng, nói ba mươi
Thứ ba là nói sáu

Thứ tư, ba mươi tám.

Tánh của dục thủ có ba mươi bốn: Tham có năm, sân có năm, mạn có năm, vô minh có năm, nghi có bốn, triền có mười.

Kiến thủ có ba mươi, trừ giới thủ. Tánh của giới thủ có sáu, giới chủng của giới thủ có chia ra sáu. Nói tánh của ngã thủ có ba mươi tám: Ái có mười, mạn có mười, vô minh có mười, nghi có tám.

Cõi Sắc, Vô Sắc có hai triền: thùy miên và trạo, chẳng phải giới, chủng phân biệt, vì ở trước đã nói nên trong đây không nói nữa.

Nói tánh dục lậu kia Phải biết bốn mươi mốt Hữu lậu năm mươi hai Vô minh lậu mười lăm.

Tánh của dục lậu có bốn mươi mốt: Tham có năm, sân có năm, mạn có năm, nghi có bốn, kiến có mười hai, triền có mười. Tánh hữu lậu có năm mươi hai: Ái có mười, mạn có mười, nghi có tám, kiến có hai mươi bốn. Tánh của vô minh lậu có mười lăm. Vì nghĩa ách của một trăm lẻ tám phiền não này nên nói là ách, vì nghĩa nổi trôi nên nói là lưu. Vì nghĩa chấp lấy nên nói thủ. Vì nghĩa rỉ chảy nên nói là lậu.

Hỏi: Các chủng phiền não khởi ra sao?

Đáp:

Không biết nên do dự
Do dự nên tà kiến
Nhân vì tà kiến này
Chuyển sinh các thân kiến.

Đầu tiên vì vô tri nên khổ bất dục, cho đến đạo bất dục, đó đây gọi là vô minh. Vì vô minh nên do dự là khổ hay chẳng khổ? Cho đến cho đạo là phi đạo chăng? Đây là vô minh chuyển sinh nghi, vì nghi nên mong cầu quyết định. Nếu được chánh phương tiện, sinh chánh quyết định thì có khổ, tập, diệt, đạo. Nếu tà phương tiện sinh quyết định tà thì sẽ không có khổ, tập, diệt, đạo, là nghi chuyển sinh tà kiến. Nếu không phải khổ này thì là ngã, là tà kiến chuyên sinh thân kiến.

Từ đây khởi biên kiến Giới thủ, giới tưởng thủ Ở đó quyết định rồi, Thứ lớp sinh kiến thủ.

Kiến thủ kia đối với ngã chấp biến hoại, thành kiến đoạn. Nếu kiến tương tợ nối tiếp nhau liền thành kiến thường, là thân kiến chuyển sinh biên kiến. Nếu kiến tịnh một bên, là biên kiến chuyển sinh giới thủ. Nếu tịnh đây là bậc nhất, là giới thủ chuyển sinh kiến thủ.

Tự kiến thì sinh dục
Tha kiến thì khởi sân

Tự cao cử là mạn
Từ sử chuyển sinh triền.

Tự kiến kia sinh nhiễm, tha kiến thì khởi sân, tự cao cử là mạn, từ kiến này khởi tham, sân, mạn, từ sử sinh ra phiền não triền ở trên.

Hỏi: Thế nào là đúng.

Đáp:

Vô tàm và vô quý
Thùy, hối, san, tật, trạo
Miên, phẫn cùng với phú
Là triền phiền não trên.

Mười triền, đó là vô tàm, vô quý (không hổ, không thẹn), thùy, hối, san, tật, trạo cử, miên, phẫn, phú. Phẩm Hành Tướng này đã nói đây là sử nương dựa (Nương dựa tiếng Phạm là Nị sơn địa, nghĩa Nị sơn địa nói là tân dịch (thấm ướt), là triền, là tân dịch của sử, như bình tô mật, tân dịch chảy rỉ ra).

Hỏi: Triền nào sử nào nương dựa?

Đáp:

Vô quý, thùy và miên
Vô minh dựa ba này
Trạo, san và vô tàm
Là từ tham dục sinh.

Vô quý, thùy và miên, vô minh dựa ba này, nghĩa là vô quý, thùy, miên, phải biết là vô minh nương dựa.

Hỏi: Nếu triền kia là vô minh dựa thì tương ưng với vô minh phải không?

Đáp: Nếu vô minh dựa tức vô minh tương ưng hoặc vô minh tương ưng không phải vô minh dựa, nghĩa là bảy triền khác là: trạo cử, san, và vô tàm là từ tham dục sinh, nghĩa là triền của trạo cử, san, vô tàm là tham dục dựa.

Hỏi: Nếu triền là tham dục dựa tức tương ưng với tham dục đó phải không?

Đáp: Có bốn trường hợp:

1. Nương không tương ưng, là triền san.

2. Tương ưng không nương, là vô quý, thùy miên.

3. Vừa nương, vừa tương ưng, là trạo cử và vô tàm.

4. Không phải nương, không phải tương ưng, trừ những thứ trên.

Phú triền, hai sử nương
Hối thì nhân do dự
Phẫn, tật, sân hận nương
Do bậc Minh trí nói.

Phú triền, hai sử nương: Nghĩa là hoặc nói triền, phú là ái nương, vì sức ái nên che giấu. Có thuyết nói là vô minh nương, vì sức của vô tri nên che giấu. Hối thì nhân do dự: Triền hối là nghi nương. Phẫn, tật, sân hận nương, do bậc Minh trí nói, nghĩa là triền phẫn, triền tật là sân hận nương.

Hỏi: Phiền não cấu này có sáu là nương nào?

Đáp: Trói buộc gấp là nghĩa triền, trói buộc nhẹ là nghĩa cấu, là nghĩa khác nhau giữa mười triền, sáu cấu.

Cái gọi phiền não cấu Hại, hận, sân hận dựa Cuống, cao dựa tham dục Nghĩa này cần phải biết.

Cái gọi là phiền não cấu, hại hận sân hận nương: Nghĩa là hại và hận là sân hận nương. Cuống cao, nương tham dục, nghĩa này cần nên biết: Nghĩa là cuống, cao cấu là tham dục nương.

Cái gọi năm tà kiến Siểm nương do đấy sinh Nói nương quả kiến thủ Là não, cần phải biết.

Cái gọi năm tà kiến, siểm nương do đó sinh: Nghĩa là năm kiến khởi siểm nương, vì nhanh chóng. Nói nương quả kiến thủ là não cần phải biết, nghĩa là cấu não là kiến thủ nương.

Hỏi: Triền nào tương ưng với phiền não nào?

Đáp:

Tất cả phiền não chung,
Nói thùy và trạo cử
Vô tàm chung bất thiện
Vô quý cũng như thế.

Tất cả phiền não kết, nói thùy và trạo cử. Nghĩa là hai triền này tương ưng với tất cả phiền não, vì tất cả tâm nhiễm ô không vắng lặng, nên biết là trạo cử. Phiền não hiện ở trước, tâm không có khả năng chịu đựng nên biết đó là thùy. Tuy trạo cử không tương ưng với trạo cử và thùy không tương ưng với thùy, vì tự tánh, vì phần ít, nên không nói. Phải biết sử tức phiền não, vì triền kia cùng có với tất cả phiền não.

Năm chủng sáu thức thân, bất thiện của ba cõi và vô ký. Vô tàm chung với bất thiện. Vô quý cũng như thế. Hai triền này tương ưng với tất cả sử bất thiện. Tất cả tâm bất thiện hiện ở trước, hủy hoại sự cung kính,

không sợ tội, cho nên triền kia nói là năm chủng sáu thức thân, vì bất thiện nên thuộc cõi Dục.

Hối ở nơi ý khổ
Chỗ tu đạo dứt trừ
Miên chỉ ở ý dục
Phần khác tự kiến lập.

Hối ở nơi ý khổ, nghĩa là hối ở ý địa, vì nhanh chóng, vì buồn rầu khởi, vì tương ưng với ưu, vì thuộc về khổ thọ, nên ở cõi Dục.

Hỏi: Hối này địa vị nào dứt trừ?

Đáp: Sự dứt trừ của tu đạo, vì sinh trong hành thiện, hành ác, nên tu đạo dứt trừ. Miên chỉ ở ý dục, nghĩa là miên ở ý địa cõi Dục. Lúc ngủ, tất cả phiền não đều hoạt động, cho nên tương ưng với tất cả phiền não cõi Dục.

Các phần khác đều tự kiến lập, đó là phiền não thượng của triền khác đều tự kiến lập, đó là phẫn, phú, san, tật không tương ưng với sử khác, trừ vô minh, phải biết hối cũng tự kiến lập. Phiền não khác là hành, chứ không phải tánh.

Hỏi: Vì sao san, tật được lập trong chín kiết, không phải triền khác?

Đáp:

Cái gọi sanh và tật
Lập riêng lìa cả hai
Cho nên hai triền này
Lập ở trong chín kiết.

Hai triền san, tật vì tự lực khởi, độc lập, hoàn toàn bất thiện, nên lìa cả hai, vì thế nên lập trong chín kiết.

Thùy, trạo cử nghĩa là vì tất cả phiền não đều đi chung nên không độc lập, vì bất thiện và vô ký nên không lìa hai. Vì miên cũng tương ưng với sử khác nên không độc lập, vì thiện bất thiện, vô ký nên không lìa hai. Không hổ, không thẹn tuy lìa hai mà không độc lập. Hối tuy độc lập mà không lìa hai, vì thiện, bất thiện. Phẫn và phú tuy được độc lập cũng lìa hai. Hoặc có dục khiến cho tánh của sử này, ký kia có tám triền hối, miên. Nếu thiện là nên biết, không phải triền, vì triền hoàn toàn nhiễm ô.

Hỏi: Vì sao ái được lập một kiết mà hai sử, hoặc ba, hoặc sáu?

Đáp: Vì được một tướng trói buộc, nên lập một kiết. Vì địa chánh định, địa bất định nên nói hai sử. Vì giới biệt nên nói ba, vì chỗ nương biệt khác nên nói sáu.

Hỏi: Vì sao ba kiến được lập kiến kiết, hai kiến lập thủ kiết khác?

Đáp: Vì danh, v.v..., vì sự, v.v... Thân kiến, biên kiến, tà kiến là nữ, gọi là tự tánh của mười tám sử, cho nên lập một kiết. Thủ kiết khác là nam, cũng gọi đó là tự tánh của mười tám sử, cho nên lập một kiết. Cho nên nói rằng: " Nếu kiến tương ưng với pháp thì ái kiết ràng buộc, chẳng phải kiến kiết, cũng chẳng phải không là kiến sử của sử.

Nếu tập trí sinh, diệt trí chưa sinh thì kiến diệt, kiến đạo dứt trừ. Nếu pháp tương ưng với kiến thủ, giới thủ thì ái kiết buộc ràng, vì ái kiết duyên hữu lậu nên không phải kiến kiết. Vì kiến kiết nhất thiết biến kia dứt trừ, tuy tự chủng của kiến kiết không dứt trừ mà không duyên duyên vô lậu kia, nên chẳng tương ưng với phẩm khác, không phải kiến sử không sai sử, do lấy năm kiến là kiến sử, ba kiến là kiến kiết. Đã nói tự tánh của phiền não, nay sẽ nói căn tương ưng:

Các sử ở ba cõi
Đều tương ưng xả căn
Các căn sử tùy địa
Tương ưng đến sắc hữu.

Các sử ở ba cõi, đều tương ưng xả căn: Nghĩa là tất cả sử của ba cõi đều tương ưng xả căn. Vì sao? Vì thuận theo tất cả phiền não cùng với vui, buồn và vì cùng với phiền não chuyển hành, vì tất cả phiền não đều ở trong đó mà dứt. Nếu khác là không lìa phiền não, cho nên xả căn được năm chủng, sáu thức thân ở ba cõi.

Tùy địa các căn sử, tương ưng đến sắc hữu, nghĩa là hỷ căn, lạc căn, cho đến Phạm Thế. Các sử kia tương ưng với hỷ căn, lạc căn. Trời Quang âm cũng có hỷ căn, sử của địa này tương ưng với hỷ căn. Trời Biến tịnh có lạc căn, sử của địa đó tương ưng với lạc căn. Trời Quả Thật có một xả căn, các sử của trời kia tương ưng với xả căn, không phải căn khác (ái, v.v... là phiền não vui, sân, si là phiền não buồn, tà kiến là phiền não kết hợp, xả căn đều tương ưng với các tà kiến kia, vì cùng chung một duyên hành).

Tà kiến và vô minh
Khổ vui trong cõi Dục
Sân nhuế, nghi chỉ khổ
Ngoài ra hoàn toàn vui.

Tà kiến và vô minh, khổ vui trong cõi Dục, nghĩa là tà kiến khởi nghiệp ác thì mừng, nghiệp tịnh thì lo. Vô minh tương ưng với tất cả căn.

Sân hận, nghi chỉ khổ: Nghĩa là nghi của cõi Dục, vì không quyết định nên không mừng, cho nên tương ưng với khổ thọ. Sơ thiền, Nhị thiền

không có căn tánh khác, tương ưng với hỷ căn. Hỷ căn của cõi Dục vì thô, chúng sinh không nên khởi mà khởi. Như người nghèo hèn thường đùa giỡn theo việc kia, không nên khởi mà khởi.

Nghi của cõi Dục vì vi tế, nên không tương ưng với hỷ căn. Vì hành sân hận, khởi lo buồn, nên tương ưng với khổ thọ. Ngoài ra, hoàn toàn vui, nghĩa là phiền não khác của cõi Dục, vì lạc hành khởi nên tương ưng với lạc thọ.

Huân tập hai tương ưng
Kiến đoạn chỉ ứng ý
Các phiền não cõi Dục
Nói tương ưng các căn.

Tức huân tập tương ưng: Nghĩa là tu đạo dứt trừ phiền não gọi là huân. Thân thọ tương ưng và tâm thọ, hoặc sáu thức thân, năm căn kia tương ưng như chỗ khởi tùy theo nghĩa ấy nói mà khổ căn kia, lạc căn của cõi Dục. Hỷ căn, ưu căn của năm thức thân là xả căn của ý địa. Tất cả thân thọ của sáu thức thân do tu đạo dứt trừ, ý đều có kiến dứt trừ.

Chỉ ứng hợp với y: Nghĩa là kiến đạo dứt trừ phiền não ở ý địa. Các căn tương ưng với ý thức, không vì tùy theo sự khởi. Các phiền não cõi Dục nói là tương ưng với các căn, đó là nói các phiền não cõi Dục. Địa trên tùy theo căn tương ưng của địa, cũng nói như thế.

Hỏi: Các triền tương ưng với căn nào?

Đáp: Thùy, trạo cử, vô tàm, vô quý tương ưng với năm căn. Miên tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Phẫn, hối, tật, hận, hại, não, tương ưng với ưu căn và xả căn, ba căn Phú, cuống, siểm ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. San tương ưng với hỷ căn và xả căn. Cao ngạo tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Vì tự cao thuộc ý địa, hỷ của ba cõi vì hành chuyển.

Hỏi: Các sử tương ưng với bao nhiêu thức?

Tham dục, sân hận, si
Phải biết chung sáu thức
Là dục tùy đạo đoạn
Địa trên tùy sở đắc.

Tham dục, sân hận, si phải biết sáu thức đi chung, nghĩa là tu đạo mà đoạn; dục, sân, vô minh do tu đạo của cõi Dục đoạn tương ưng với sáu thức.

Địa trên tùy sở đắc, nghĩa là cõi Sắc, Vô Sắc không có sân nhuế. Ái, vô minh tùy thuộc thân có thức, tức tương ưng với thức thân đó. Nghĩa là bốn thức thân của Phạm Thế có thể được, tức hai sử của địa kia tương ưng

với bốn thức.

Tất cả cõi Vô Sắc
Phi sự, mạn, ý địa
Phải biết bảy sử kia
Quả tự tánh và người.

Tất cả cõi Vô Sắc, nghĩa là sử của cõi Vô Sắc do kiến đạo dứt trừ và tu đạo dứt trừ.

Phi sự mạn ý địa: Nghĩa là cõi Dục, cõi sắc do kiến đạo dứt trừ và mạn. Các sử này ở ý địa, tuy Tam thiền trên cũng là ý địa, vì giới phân biệt nên không nói địa.

Hỏi: Làm sao biết là sử?

Đáp: Phải biết tự tánh quả và người của bảy sử kia, vì ba việc cho nên biết là sử. Nghĩa là quả tự tánh và người. Tự tánh của sử kia là sử tham dục, như khởi công sức to lớn. Sử sân hận, như hạt giống đắng. Sử hữu ái, như áo trẻ thơ. Sử mạn, như người kiêu ngạo. Sử vô minh, như người ngu si. Sử kiến như kẻ lạc đường, sử nghi như mê lầm hai đường.

Quả nghĩa là hành tập sử tham dục, hành tập nhiều, sinh trong các loài chim uyên ương, chim sẻ, v.v..., tu tập sử sân nhuế, thường tu sinh trong loài mãng xà. Tu tập sử hữu ái, nhiều tu tập sinh cõi Sắc, Vô Sắc. Tu tập sử mạn, thường tu tập sinh trong dòng thấp kém. Sử vô minh sinh trong cảnh tối tăm, nghĩa là trung gian thế giới. Kiến sử sinh vào nhà tà kiến. Sử nghi sinh ở biên địa. Và người: Nghĩa là sử tham dục, phải quán như Nan-đà, v.v... Sử sân hận như Ương-quật-ma, v.v... Sử hữu ái như A-tư-đà, A-la-lan, Uất-đầu-lam-tử, v.v... Sử mạn như trẻ con v.v... kiêu ngạo, tự cao. Sử vô minh như Uất-tỳ-la Ca-diếp, v.v... Kiến sử như Tu-na, Sát-đa-la, v.v... Sử nghi như Ma-ha Ca-diếp, v.v...

Do ba việc này nên biết sử có thể xa lìa, như biết con đường hiểm trở, đầy dẫy phiền não là sử. Phiền não không đầy dẫy là triền, cho nên triền không lập sử. Phiền não cấu cũng như thế, vì năm việc này đầy đủ nên gọi là phiền não đầy dẫy.

Năm việc nghĩa là các kiết, phược, sử, thượng phiền não và triền. Nếu một pháp nào không đủ thì gọi là phiền não không đầy. Đã nói phiền não kiến lập, nay sẽ nói về dứt trừ phiền não:

Dứt phiền não cùng lúc
Do bậc chánh trí nói
Như các giải thoát này
Cũng chẳng cùng lúc được.

Dứt phiền não một lúc, do bậc chánh trí nói, nghĩa là các phiền não này dứt ngay, không phải dần dần . Nghĩa là lúc tự phần đối trị khởi, mà khổ pháp nhẫn khởi, thấy khổ dứt trừ mười sử cõi Dục một cách nhanh chóng, tri nhẫn mau chóng dứt trừ mười tám sử của cõi Sắc và Vô Sắc. Như thế cho đến mười bốn sử do đạo vi tri nhẫn mau chóng dứt trừ. Tu đạo Thánh đạo dần dần khởi, bốn sử thượng thượng mau chóng dứt trừ, cho đến do Thánh đạo thượng thượng khởi, bốn sử tiệm tiệm cũng mau chóng dứt trừ. Tất cả địa cũng như thế.

Hỏi: Kiến đạo thì cùng lúc dứt trừ cho nên như the, dùng một thứ đạo dứt trừ chín thứ kiết, tu đạo dứt trừ nghĩa là dùng chín thứ đạo dứt trừ chín loại kiết, làm sao dứt trừ cùng lúc được?

Đáp: Tu đạo dứt trừ, nghĩa là nếu loại đối trị này khởi, tức loại này mau chóng dứt trừ, không dần dần, vì đầu tiên đã dứt trừ. Như các giải thoát này cũng không phải cùng lúc mà đắc, nghĩa là các giải thoát đó thường thường đắc, thấy khổ đế dứt trừ của cõi Dục và thấy khổ, tập, diệt dứt trừ của cõi Sắc, Vô Sắc.

Sáu thời được, nghĩa là lúc tự phần đối trị và lúc bốn quả Sa-môn, và lúc căn thêm ích, kiến đạo dứt trừ năm thời đắc của cõi Sắc, Vô Sắc do trừ tự phần đối trị, do vì trí mới đắc đạo vị tri, tu đạo dứt trừ năm loại năm thời của cõi Dục, trừ quả Tu-đà-hoàn, ba loại, bốn thời hạ hạ. Chủng loại ba thời, bảy địa cõi Sắc, Vô Sắc và tám loại ba thời của địa Phi tưởng Phi phi tưởng, trừ ba quả Sa-môn trước, loại hạ hạ hai thời là quả A-la-hán và căn tăng ích.

Hỏi: Các phiền não được dứt trừ ra sao?

Đáp:

Là giác đối duyên kia
Và nói duyên kia dứt
Cũng nói được đối trị
Lại còn duyên kia diệt.

Bốn việc dứt phiền não, nghĩa là biết duyên, duyên dứt, được đối trị, duyên kia diệt. Biết duyên nghĩa là thấy khổ, kiến tập dứt trừ tự giới duyên và duyên vô lậu. Duyên dứt trừ là kiến diệt, kiến đạo dứt trừ duyên hữu lậu. Được đối trị nghĩa là tu đạo dứt trừ. Duyên kia diệt nghĩa là duyên của tha giới. Lại nữa, có năm việc dứt trừ phiền não, nghĩa là nhân diệt hẳn, được dứt trừ, chuyển y, biết duyên và được đối trị.

Đã nói nhân duyên kiến lập dứt trừ phiền não, nay sẽ nói về dứt trừ sự nhận biết:

Giải thoát trong cõi Dục
Thánh nói bốn đoạn biết
Lìa cõi Sắc, Vô Sắc
Phải biết năm đoạn biết.

Chín đoạn nhận biết là lập dứt phiền não ở cõi Dục. Bốn đoạn nhận biết là lập dứt phiền não ở cõi Sắc, Vô Sắc. Năm đoạn nhận biết là tuy trí biết mà dứt trừ, vì là quả trí, nên nói dứt trừ nhận biết, như quả nghiệp cũng gọi là nghiệp.

Khổ, tập, phiền não hết
Nói chung một đoạn biết
Diệt, đạo dứt đều một
Như dục trên cũng ba.

Thấy khổ, thấy tập dứt trừ hết phiền não cõi Dục đều lập một đoạn biết. Kiến diệt dứt trừ hai, kiến đạo dứt trừ ba, như thấy khổ, thấy tập dứt trừ cõi Dục, cõi Sắc, Vô Sắc cũng lập một. Thấy diệt dứt trừ hai, thấy đạo dứt trừ ba. (Sẽ nói rộng sau phẩm này)

Tu đạo dứt phải biết
Mỗi giới đoạn nói một
Ba đoạn là quả trí
Ngoài ra là quả nhẫn.

Tu đạo dứt trừ một, đoạn biết cõi Dục. Cõi Sắc dứt trừ hai, Cõi Vô Sắc dứt trừ ba, ba đoạn này phải biết là quả trí.

Hỏi: Vì sao thấy đạo dứt trừ cõi Sắc, Vô Sắc, lập một đoạn nhận biết, tu đạo dứt trừ lập hai?

Đáp: Kiến đạo dứt trừ vì đồng đối trị, tu đạo dứt trừ vì không đồng.

Hỏi: Đoạn nhận biết khác là quả gì?

Đáp: Đoạn nhận biết khác là nói quả nhẫn. Kiến đạo dứt trừ hết sáu đoạn nhận biết, gọi là quả nhẫn, vì nhẫn đối trị. Kiến đạo dứt trừ hết, nếu gọi là quả nhẫn, chẳng phải đoạn nhận biết là không đúng, vì đó là quyến thuộc của nhẫn trí, vì đồng một quả với trí. Thế nên thấy đạo, tu đạo dứt trừ đều cùng được gọi là quả trí.

Đã nói đoạn nhận biết là quả trí, nghĩa là hoặc địa, hoặc đạo, hoặc pháp trí, trí vị tri, hoặc là quả của phẩm đồng kia, nay sẽ nói:

Sơ địa nói tất cả
Thiền năm cũng lại tám
Vô Sắc, nói một quả
Quả quyến thuộc cũng thế.

Sơ địa nói tất ca: Nghĩa là vị chí dựa vào đủ chín quả đoạn nhận biết. Vì đối trị ba cõi. Thiền năm cũng lại tám: Là phái A-tỳ-đàm nói: "Thiền căn bản có năm quả đoạn nhận biết là phiền não của cõi Sắc, Vô Sắc được đoạn nhận biết, như trước nói". Tôn giả Cù-sa nói: "Có tám trừ năm kiết phần dưới đều là đoạn nhận biết là vị chí nương vào quả. Quả ấy muốn cho thấy đế cõi Dục dứt hết, là quả thiền, thiền trung gian, như thuyết thiền, thuyết Vô Sắc nói một quả, nghĩa là ba định Vô Sắc, nói là quả của một đoạn nhận biết, tất cả kiết đều dứt hết.

Quả quyến thuộc cũng thế, nghĩa là như quyến thuộc của không xứ cũng nói là quả của một đoạn nhận biết, là ái cõi Sắc đều dứt. Tuy tu đạo dứt hết ở bốn địa, kiến lập đoạn nhận biết, nhưng vì chủng hạ hạ của đệ Tứ thiền đều được gọi là đoạn nhận biết, chế nên nói là quả quyến thuộc của không xứ.

Quả đạo thế tục hai
Thánh, chín pháp trí ba
Trí vị tri nói hai
Năm, sáu quả phẩm kia.

Quả đạo thế tục hai: nghĩa là năm kiết phần dưới hết, và ái sắc hết, là quả của đạo thế tục, nghĩa là bậc Thánh dùng đạo thế tục để dứt trừ kiết của hai cõi.

Thánh chín: Nghĩa là tất cả chín đoạn nhận biết là quả của Thánh đạo, vì Thánh đạo đối trị hết thảy phiền não. Pháp trí ba, nghĩa là ba đoạn nhận biết là quả của pháp trí. Năm kiết phần dưới hết, ái sắc hết và tất cả kiết hết, là do vì tu đạo pháp trí dứt trừ kiết của ba cõi.

Trí vị tri nói hai: Hai là hai đoạn nhận biết, là quả của trí vị tri, ái sắc hết và tất cả kiết hết, là vì quả tu đạo của cõi Sắc, Vô Sắc. Phẩm quả kia năm sáu, nghĩa là phẩm quả pháp trí có sáu đoạn nhận biết. Kiến đạo cõi Dục dứt trừ ba và quả của pháp trí đã nói trước có ba.

Phẩm Vị tri trí có năm quả đoạn nhận biết kiến đạo dứt trừ ba của sắc, Vô Sắc và quả vị tri trí đã nói ở trước là hai.

Hỏi: Ai thành tựu bao nhiêu đoạn nhận biết?

Đáp:

Hoặc có các bậc Thánh
Chưa thành tựu đoạn biết
Thành tựu một, hai, ba
Bốn, năm và với sáu.

Năm khoảnh tâm của thấy đạo không thành tựu đoạn nhận biết. Tập

pháp trí, tập vị tri nhẫn một. Tập vị tri trí, diệt pháp nhẫn hai. Diệt pháp trí, diệt vị tri nhẫn ba. Diệt vị tri trí, đạo pháp nhẫn bốn. Đạo pháp trí, đạo vị tri nhẫn năm. Tu-đà-hoàn sáu.

Quả hướng Tư-đà-hàm, nghĩa là nếu tăng gấp bội dục dứt trừ hết sẽ vượt lên lìa sinh, như trước nói. Nếu theo thứ lớp hướng thành tựu sáu, quả Tư-đà-hàm cũng sáu, quả hướng A-na-hàm. Nếu ái cõi Dục hết, vượt lên lìa sinh như trước đã nói. Nếu theo thứ lớp hướng thành tựu sáu, sẽ được quả A-na-hàm một. Kiết phần dưới hết là quả hướng A-la-hán. Nếu ái cõi Sắc chưa hết một, ái cõi Sắc hết hai, quả A-la-hán một. Tất cả kiết hết đều là đoạn biết.

Hỏi: Ai xả, bao nhiêu đoạn nhận biết?

Đáp:

Xả một, hai, năm, sáu
Như xả được cũng thế
Được quả và độ giới
Hai xứ dứt biết tập.

Xả một, hai, năm, sáu: Nghĩa là quả A-la-hán lui sụt, xả một đoạn nhận biết. Ái cõi Sắc hết, triền của A-na-hàm ở cõi Sắc lui sụt, xả một. Nếu ái sắc chưa hết, triền cõi Dục lui sụt, xả một, ái sắc hết, quả A-na-hàm, triền cõi Dục lui sụt, xả hai, được quả A-la-hán, xả hai. Nếu ái cõi Dục hết, vượt qua A-na-hàm, xả năm, Thứ lớp xả sáu.

Hỏi: Ai được bao nhiêu đoạn nhận biết?

Đáp: Như xả, được cũng thế, có khi được một đoạn nhận biết. Kiến đạo thứ sáu, thứ tám, thứ mười, thứ mười hai, thứ mười bốn, cho đến tâm của đạo vị tri trí, mỗi mỗi được một, thứ lớp của quả A-na-hàm được một. Năm kiết phần dưới hết là ái cõi Sắc của bậc Thánh hết một. Ái sắc hết, là quả A-la-hán một. Tất cả kiết hết là được hai, nghĩa là A-la-hán, triền của cõi Vô Sắc lui sụt, được sáu, hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm, triền cõi Dục lui sụt không có được năm. Thế nên trong kinh không có nói.

Hỏi: Đoạn nhận biết này sẽ nhóm họp ở xứ nào?

Đáp: Đoạn nhận biết sẽ nhóm hợp ở hai xứ: Đắc quả và độ giới. Đoạn nhận biết nhóm hợp ở hai xứ này là quả A-na-hàm, quả A-la-hán, vì đắc quả của xứ đó, tức địa vị độ giới kia, cho nên lúc kiết phần dưới, kiết phần trên đoạn nhận biết sẽ được đạo vị tri trí sinh ra.

Sáu thứ dứt trừ tuy là đắc quả, chẳng phải là độ giới, ái cõi Sắc hết, tuy vượt qua giới nhưng chẳng phải đắc quả. Ngoài ra không phải là độ giới, cũng không phải đắc quả, thế nên xứ của các đoạn biết này không gọi

là tập.

Đã nói kiến lập quả tự tánh, thành tựu xả, được tập. Nếu nhân duyên của dứt trừ kia được gọi là đoạn nhận biết, nay sẽ nói:

Là hai nhân kia diệt
Lìa buộc và độ giới
Chứng được vô lậu đắc
Và thiếu đệ nhất hữu.

Do bốn nhân duyên, hoặc năm dứt trừ kia được đoạn nhận biết, gọi là kiến đạo. Bốn nhân duyên nghĩa là đều là nhân diệt, cùng ly hệ đắc vô lậu, đắc giải thoát.

Và thiếu đệ nhất hữu, nghĩa là khổ pháp nhẫn, khổ pháp trí, và khổ vị tri nhẫn sinh ra, không phải cùng nhân diệt. Tuy kiến khổ dứt trừ nhân diệt, nhưng chẳng phải thấy tập dứt trừ, chính vì nghĩa đó, nên chẳng phải cùng ly hệ. Tuy được vô lậu giải thoát đắc mà chưa khuyết đệ nhất hữu. Một nhân duyên hợp, ba nhân duyên không hợp như thế, khổ vị tri trí, tập pháp nhẫn sinh. Tuy được vô lậu giải thoát đắc và khuyết đệ nhất hữu. Hai nhân khác không đủ, cho nên xứ này không lập đoạn biết.

Tập pháp trí sinh, câu nhân diệt, nghĩa là trước kia kiến khổ dứt trừ nhân diệt, nay kiến tập dứt trừ nhân diệt. Phải biết cũng là cùng ly hệ được vô lậu giải thoát đắc, lúc khổ vị tri trí sinh, đã khuyết đệ nhất hữu, cho nên xứ này kiến lập đoạn tri.

Tập vị tri trí sinh đủ tất cả nhân duyên. Cho nên xứ này được kiến lập đoạn biết. Diệt pháp trí thứ ba như thế, diệt vi tri trí thứ tư, đạo pháp trí thứ năm, đạo vi tri trí thứ sáu. Đây là nói thấy đạo.

Tu đạo dứt trừ năm nhân duyên: bốn nhân duyên trước và giới dứt trừ hẳn là năm. Tu đạo dứt trừ chín thứ phiền não cõi Dục, thay nhau ràng buộc, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng địa cũng như thế.

Một thứ dứt trừ của cõi Dục kia cho đến tám loại, đủ cả hai nhân duyên, nghĩa là được vô lậu giải thoát đắc và khuyết đệ nhất hữu.

Ba nhân duyên không đủ, chủng thứ chín diệt, đủ năm nhân duyên. Vì thế nên xứ này được kiến lập đoạn biết. Một chủng đoạn của Sơ thiền, cho đến tám chủng, đủ cả hai nhân duyên, không phải thứ khác, như trước đã nói. Chủng thứ chín dứt trừ, đủ bốn nhân duyên, một nhân duyên không đủ , nghĩa là độ giới. Đệ nhị, đệ Tam thiền và ba Vô Sắc cũng như thế. Đệ Tứ thiền địa cho đến tám chủng đoạn đủ cả hai nhân duyên, không phải thứ khác. Chủng thứ chín đoạn biết đủ năm nhân duyên. Cho nên xứ này được kiến lập đoạn biết. Phi tưởng Phi phi tưởng cũng như thế, chính vì nghĩa

này, nên phàm phu lìa dục không lập đoạn biết, vì họ không được vô lậu giải thoát đắc, cũng không khuyết đệ nhất hữu.

Đã nói đoạn biết, nay sẽ nói: Về ba thứ cảnh giới, năm thứ ái sinh

Cảnh tốt chung, chẳng chung,
Hai thứ kia ái sinh
Cảnh ác hai cũng thế
Một thì cho là xả.

Cảnh tốt hợp, chẳng hợp, hai thứ kia ái sinh: Tốt gọi là cảnh giới đáng yêu. Nếu được cảnh giới đó thì không lìa ái sinh. Làm thế nào để cho ta đối với việc này không lìa? Nếu người chưa được thì tưởng được ái sinh làm sao sẽ được?

Cảnh ác hai cũng thế: xấu ác là cảnh giới không đáng ưa thích, có hai loại cảnh giới, ái sinh câu: Nghĩa là lìa tưởng ái sinh, bất câu: nghĩa là không được tưởng ái sinh ra.

Một thì cho là xả, nghĩa là xả là cảnh giới chẳng đáng ưa thích, chẳng phải chẳng đáng ưa thích, hoàn toàn ngu ái sinh.

Hỏi: Sử kia có tương ưng với tâm hay không? Đây là chỉ nghi gì? Đây là dị thuyết của hai sư là Tỳ-bà-xà-bà-đề muốn cho không tương ưng, còn Dục-đa-bà-đề thì muốn cho tương ưng, nên ở đây có nghi.

Đáp: Tương ưng thế nào?

Là tâm sử phiền não
Chướng ngại không trái tịnh
Tâm diệu thiện khả đắc
Phi sử bất tương ưng.

Vì sử có hai việc, nên duyên tâm não và tương ưng. Nếu tâm sử bất tương ưng thì không nên ở trong duyên não tâm, vì não tâm kia vô duyên. Tất cả pháp tâm bất tương ưng với tâm, không duyên cũng không tương ưng, vì không phải pháp tương ưng.

Tâm bị sử não loạn, như đã nói "Tham dục làm não loạn tâm cho nên tâm không giải thoát". Do thuyết này nên biết được tâm sử tương ưng. Chướng ngại: Là nếu sử không tương ưng với tâm thì lúc đạo sinh, không nên chướng ngại, không trái với tâm nối tiếp, vì chướng ngại nên chẳng phải không tương ưng.

Không trái với tịnh: Nghĩa là nếu sử không tương ưng với tâm thì không nên trái với tâm thiện, đều sinh cùng lúc với tâm thiện, không nên gây ra lỗi lầm, vì gây ra lầm lỗi, cho nên chẳng phải không tương ưng. Lại nữa, tâm diệu thiện đạt được, vì trái với công đức nên gọi là sử. Nếu sử

không tương ưng với tâm thì vì sử kia thường hoạt động, nên tâm thiện ứng với vô sinh xứ, vì tâm thiện vẫn sinh, nên phải biết chẳng phải không tương ưng.

Lại nữa, vì nói về chấp tướng. Thế nào là sử tham? Nghĩa là tướng nhiễm đắm. Thế nào là sử sân? Nghĩa là tâm pháp não. Thế nào là sử mạn? Nghĩa là tâm pháp cống cao. So sánh như thế, cho nên sử, tâm chẳng phải không tương ưng. Nếu nói triền trái với tâm thiện, chẳng phải sử thì không đúng. Vì sao? Vì được tướng của sử, vì tham dục ràng buộc nên gọi là triền tham dục, so sánh như thế, không nói nhân khác nhau, đều là tham dục, mà nói triền tương ưng, sử không tương ưng, là chỉ có ngôn thuyết, hoàn toàn không nói nhân duyên khác nhau. Nếu nói triền lấy sử làm hạt giống thì điều đã nói không thành, vì nhân không tương ưng mà quả tương ưng nên có lỗi, cho nên sử chẳng phải không tương ưng.

-oOo-

LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

QUYỂN 5

Phẩm 5: HIỀN THÁNH

Đã nói về các phiền não, bây giờ nói về tu hành:

Mới đầu gọi thỉ nghiệp
Kế là đã tập hành
Tư duy người đã độ
Phải biết chủng thứ ba.

Ba thứ tu hành, nghĩa là thỉ nghiệp, hành đã tu tập và tư duy đã độ. Thỉ nghiệp nghĩa là bất tịnh chuyển, chưa từng được cảnh giới ý giải phần tư duy. Hành đã tu tập, nghĩa là thọ tự tướng, niệm xứ chuyển, chưa từng được căn thiện của phần quyết định. Trên đây phải biết là tư duy đã độ, vì đạo nhất thừa trên đây.

Lại nữa, quán bất tịnh cũng có ba loại tu hành, nghĩa là khởi sự từ ngón chân cho đến đỉnh đầu, bỏ đi ý giải tư duy da, máu, thịt. Đây gọi là thỉ nghiệp. Đối với vòng xương này, khởi tưởng không tạo tác, sinh ra cùng khắp đại địa. Lại quán bộ xương khởi tưởng không tạo tác, bộ xương kia sẽ lần lượt đối nhau, với trận gió to thổi đến đập tiêu tan thành đống tuyết. Đây gọi là hành đã tu tập.

Lược quán về bộ xương, lại đến thân mình. Nơi đối tượng duyên đó, thanh tịnh vắng lặng, chỉ quán một sắc. Đây gọi là tư duy đã độ. Như vậy cho đến tóm lược cảnh giới, phải biết căn thiện tăng dần, nên biết hết thảy phương tiện căn thiện khác cũng như thế. Đã nói tu hành, nay sẽ nói về pháp khác.

Hoặc sợ phiền não này
Xa lìa các Hiền Thánh
Chánh cụ túc như thật
Phương tiện nên khéo nghe.

Hoặc: Nghĩa là hoặc chủng, hoặc phương tiện, hoặc phân biệt. Này: nghĩa là thứ lớp chỉ bày phiền não. Phiền não nghĩa là nóng nảy, bứt rứt, cũng lìa tất cả hữu lậu, chỉ vì lỗi phiền não như cơm độc. Thế nên nói lìa

phiền não, gốc của mọi sợ hãi, là khởi các thứ nghiệp, các thứ sinh. Xa lìa: Nghĩa là thường diệt, diệt. Hiền Thánh nghĩa là nhóm chánh định: Bảy người và phàm phu chân thật. Chánh cụ túc như thật nghĩa là trụ nơi đạo chân thật. Phương tiện nên khéo nghe nghĩa là đạo phương tiện kia phải nhất tâm lắng nghe. Phương tiện là tất cả phương tiện của pháp thiện hướng đến giải thoát, khởi sự thực hành bố thí, v.v... không phải chỉ có đạo. Ba khổ ép ngặt thế gian không thể giác ngộ, vì muốn cho tu định.

Bắt đầu phần tự thân Buộc giữ tâm cho định Muốn buộc nơi chân thức Vì tận trí tuệ oán.

Thỉ: Nghĩa là trước hết, phần tự thân là một chỗ trong thân mình, hoặc giữa hai đầu chân mày, với đốt sống mũi và ngón chân. Buộc giữ nghĩa là an lập trong duyên, khiến cho không tản mát. An lập chỗ nào? Nghĩa là nhờ định lực của tự tâm nên khởi trí tuệ.

Hỏi: Vì sao phải buộc giữ như thế?

Đáp: Muốn buộc giữ ở nơi chân thức là vì tâm trôi lăn không dừng, nên phải buộc giữ trong một duyên. Vì nhất tâm, nên biết chân thật không loạn.

Hỏi: Vì sao phải buộc giữ trong một duyên?

Đáp: Vì cùng tận trí tuệ oán. Trí tuệ oán nghĩa là các phiền não, các phiền não đó nên dứt trừ, tuy quán thân người khác như quán tử thi. Khế kinh nói vì nhân xa kia, đây nói quán nhân gần. Lại nữa, vì thuận theo tất cả môn độ, nghĩa là quán phần thân xương trắng, thuận theo ba môn độ. Quán tử thi chỉ thuận theo một độ môn bất tịnh. Ba độ môn nghĩa là quán bất tịnh, an-ban niệm và quán giới phương tiện. Người tham dục kia dùng quán bất tịnh để độ. Người tư giác thì dùng an-ban niệm độ. Người kiến hành nghĩa là dùng quán phương tiện giới để độ. Như chỗ thầy truyền trao, tùy sự ưa thích mà tu hành. Quán bất tịnh, niệm an-ban (nói rộng trong phẩm Khế kinh), nay sẽ nói về quán phương tiện giới. Do vậy người ngu không chánh tư duy, che lấp tuệ nhãn, không quán pháp duyên khởi chân thật. Đã gieo trồng vô lượng pháp phiền não nghiệp đời trước, chứa nhóm năm ấm, khởi tưởng chứa nhóm, vì ngu hoặc nên trong phần duyên khởi tạo ra các tà kiến trói buộc, chấp ngã tạo tác, v.v... Hoặc lúc tu hành gần thiện tri thức, được nghe chánh pháp, khởi chánh tư duy rồi, có thể đối với thân mình dùng quán phương tiện giới các thứ lớp tánh của thân này, các thứ nghiệp, các thứ tướng nghĩa là sáu giới như địa, v.v... Địa giới kia vì thủy giới thấm nhuần nên không lìa nhau. Vì thủy giới được địa giới gìn giữ nên không chảy tan. Vì hỏa giới thành thục nên không ứ đọng hư hoại.

Vì phong giới dao động nên được tăng trưởng. Không giới vì rỗng không nên thức ăn v.v… vào ra. Vì thức giới hòa hợp nên có chỗ tạo tác.

Lại quán thân này từ chân đến đầu, đầy dẫy các thứ bất tịnh nhơ nhớp, ghê tởm. Quán sát sắc này cũng như trận gió dữ thổi tan đống cát. Đối với pháp vô sắc, trước sau nối tiếp nhau, quán sát từng phần khác nhau. Người quán như thế, sẽ được hạt giống của môn giải thoát không, đối với sinh tử kia nhàm lìa không ưa, được hạt giống của môn giải thoát vô nguyện, đối với sinh tử không ưa thích rồi hướng thẳng Niết-bàn, được hạt giống của môn giải thoát vô tướng.

Nếu ở đây biết được tưởng không tạo tác rồi, quán tất cả hữu vi đều tan hoại, đó gọi là phương tiện giới viên mãn.

Hỏi: Quán như thế xong, lại còn gì nữa?

Đáp:

Phương tiện này ở thân
Tướng chân thật quyết định
Các thọ và tự tâm
Pháp cũng quán như thế.

Người tu hành kia quán bất tịnh, niệm an-ban, quán phương tiện giới, mỗi chỗ trụ xong, thân, thọ, tâm, pháp đều quán chân thật. Chân thật nghĩa là không điên đảo. Tướng có hai thứ: Tự tướng và cộng tướng. Sắc tướng là thân, bốn thứ lớp tướng và tướng tùy giác được tạo, là tự tướng của thọ.

Thức tướng là tự tướng của tâm. Pháp niệm xứ có nhiều thứ pháp, nhiều loại tướng khác nhau. Tùy tri là tướng tưởng, là tạo tướng của tư, so sánh như thế, về cộng tướng sẽ nói sau.

Hỏi: Niệm xứ này như kiến lập địa đại nên nói một, chia ra hữu lậu, vô lậu nên nói là hai. Phân biệt hạ trung thượng nên nói là ba. Tức phân biệt hữu lậu, vô lậu này nên nói là sáu. Phân biệt thân v.v… hữu lậu vô lậu nên nói là tám. Phân biệt chín phẩm nên nói là chín. Phân biệt thân v.v… hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài nên nói là mười hai. Chia ra chín phẩm hữu lậu, vô lậu nên nói là mười tám. Chia ra hạ, trung, thượng của thân hữu lậu, vô lậu phải nói là hai mươi bốn. Phân biệt thân hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài, hoặc nhàm lìa, hoặc không ưa, hoặc quán sát, nên nói là ba mươi sáu. Phân biệt chín phẩm hữu lậu, vô lậu của thân nên nói là bảy mươi hai. Nếu niệm niệm phân biệt, nên nói là vô lượng, vì sao chỉ nói bốn niệm xứ?

Đáp: Bốn đảo, bốn niệm, bốn thức trụ và ấm, vì bốn thứ tu đối trị, nên nói bốn thứ pháp tu trị bất tịnh, điên đảo tưởng là tịnh ấy nên nói thân

niệm xứ. Đối trị tưởng điên đảo về khổ vui nên nói thọ niệm xứ. Đối trị tưởng về điên đảo vô thường là thường nên nói tâm niệm xứ. Pháp tu trị tưởng vô ngã, điên đảo tưởng là ngã nên nói là pháp niệm xứ. Như thế, các thứ các loại pháp khác tùy chỗ thích ứng nên nói.

Hỏi: Niệm xứ này làm sao để tròn đầy?

Đáp: Dùng hai nhân duyên tròn đầy, đó là hoại cảnh giới và căn thiện tăng. Hoại cảnh giới nghĩa là dùng sát-na cực vi nơi cảnh giới hư hoại tùy theo nghĩa ấy. Căn thiện tăng nghĩa là nương vào căn thiện trung, dựa vào đó mà được tăng trưởng, đây gọi là đầy đủ.

Hỏi: Vì sao trước nói thân niệm xứ, sau đó mới nói pháp niệm xứ?

Đáp: Vì khởi tùy thuận. Đức Thế Tôn nói ba thứ tùy thuận: Tùy thuận khởi, tùy thuận thuyết và tùy thuận vô gián đẳng. Tùy thuận khởi nghĩa là niệm xứ và thiền. Người tu hành Vô Sắc, trước khởi thân niệm xứ, cho đến sau đó khởi pháp niệm xứ. Vì thế Đức Thế Tôn trước nói thân niệm xứ, sau mới nói về pháp niệm xứ. Phải biết thiền Vô Sắc cũng như thế. Tùy thuận thuyết nghĩa là nhân nơi chánh đoạn, như ý túc, căn, lực, giác đạo chi thừa. Một sát-na khởi tinh tiến đủ bốn chánh đoạn nên nói dễ. Pháp ác bất thiện đã sinh, phương tiện khiến đoạn, cho đến pháp thiện đã sinh, phương tiện khiến trụ, nói rộng như thế. Chánh đoạn như vậy vì chỗ tạo tác nên nói là bốn chánh đoạn, vì không phải tự tánh.

Tùy thuận vô gián đẳng nghĩa là nói người tu hành chân đế, trước nhập khổ vô gián đẳng, cho nên nói trước, nói rộng như thế.

Hỏi: Vì sao người tu hành trước khởi thân niệm xứ, cho đến pháp niệm xứ?

Đáp: Vì thô. Năm ấm thô là sao? Đó là bốn loại và ấm được tạo, cho nên trước quán thọ, tuy không phải sắc nhưng vì hành thô nên kế nói, nghĩa là tay, chân v.v… thọ nhận là tùy chuyển. Tuy tưởng hành ấm thô chẳng phải thức, mà hợp với Niết-bàn, nên đặt ra pháp niệm xứ, nên tưởng ấy rất vi tế, nên trước quán tâm, sau quán pháp. Tuy tất cả đều là pháp, tức đối với pháp tưởng tròn đầy nên kiến lập, thế nên nói một pháp niệm xứ, không phải pháp khác. Như trong phẩm Giới nói pháp nhập, ở đây cũng thế. (Tưởng mãn nghĩa là đối với tiếng là tưởng, đối với nghĩa đó gọi là mãn)

Hỏi: Có bao nhiêu niệm xứ?

Đáp:

Ba thứ nói niệm xứ
Tự tánh cùng với cộng
Cũng gọi đó là duyên

Văn tuệ thảy cũng thế.

Ba thứ nói niệm xứ, tự tánh cùng với cộng, cũng gọi đó là duyên, nghĩa là ba thứ niệm xứ: Tự tánh niệm xứ, cộng niệm xứ và duyên niệm xứ. Tự tánh niệm xứ nghĩa là nói tuệ không điên đảo. Vì sao? Như nói quán thân thuận với thân, quán nghĩa là tuệ, niệm nghĩa là việc đã làm không quên mất, vì trao duyên, vì trừ lỗi tự tánh, nên nói niệm xứ. Cộng niệm xứ nghĩa là cùng một quả pháp với chánh tuệ. Như Đức Thế Tôn nói: "Tỳ-kheo là pháp thiện chứa nhóm, nghĩa là bốn niệm xứ. Đây là thuyết đúng. Duyên niệm xứ nghĩa là tất cả pháp như đã nói: "Tỳ-kheo! Tất cả pháp đã nói về bốn niệm xứ, đây là thuyết đúng. vì thâu nhận đầy đủ, vì tóm lược duyên". Cộng niệm xứ dứt trừ phiền não, không phải pháp khác. Tự tánh niệm xứ dù tóm lược cảnh giới, vì vật dụng, không đủ nên thâu nhận đầy đủ đạo dứt trừ phiền não. Duyên niệm xứ tuy bao gồm đông đủ, nhưng vì cảnh giới tản mát khắp, nên tóm lược cảnh giới đạo, dứt trừ phiền não.

Hỏi: Chỉ có ba loại niệm xứ này, pháp khác có như thế chăng?

Đáp: Văn tuệ v.v... cũng thế, pháp khác cũng có ba loại, đó là văn, tư, tu. Văn nghĩa là thường khởi ở danh, xứ, từ thầy thọ Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm. Tư nghĩa là hoặc tư xứ khởi, hoặc lìa tư. Tu nghĩa là hoàn toàn lìa danh mà khởi, như ba người học bơi: Mới học, học nửa chừng và học giỏi. Người mới học bơi gần bờ, người học nửa chừng, hoặc gần, hoặc xa bờ, người học thành thạo bơi xa bờ. Người thứ nhất ví như văn tuệ, người thứ hai ví như tư tuệ, người thứ ba ví như tu tuệ, tu tuệ có thể dứt trừ phiền não, vì lìa hẳn danh, và vì chánh định. Cho hai thứ vô nghĩa là không đúng. Vì sao? Vì hướng về tu tuệ, tu tuệ có đủ bốn niệm xứ: thân, thọ, tâm, pháp. Pháp niệm xứ kia dứt trừ phiền não, chẳng phải thứ khác vì cảnh giới chung, không phải thứ khác, vì cảnh giới sự, vì khởi pháp niệm xứ nên cũng không phải vô nghĩa. Pháp niệm xứ có hai thứ: duyên hoại, duyên không hoại, nếu tuệ duyên sắc là thân niệm xứ, nếu duyên thọ, là thọ niệm xứ, nếu duyên tâm là tâm niệm xứ, nếu duyên tưởng, hành và vô vi là duyên bất hoại. Nay sẽ nói pháp niệm xứ khác: Nhập vào pháp quán chung Đắc pháp tướng chân thật Bốn này là vô thường Không, vô ngã, phi lạc.

Nhập vào pháp quán chung, đắc pháp tướng chân thật, nghĩa là người tu hành nhập pháp niệm xứ của duyên không hư hoại. Tu mỗi niệm xứ, quán khắp tự tướng, cộng tướng của tất cả pháp rồi, nhập pháp niệm xứ của duyên hoại. Sắc, thọ duyên niệm xứ, sắc tưởng duyên, sắc hành duyên, sắc thức duyên. Duyên ba, bốn, năm ấm như thế là pháp niệm xứ, thành tất cả thân, thọ, tâm, pháp niệm xứ. Một giác quán chung về độ, đó là thế nào?

Bốn pháp này là vô thường, không, vô ngã, phi lạc. Do các hành như vô thường, v.v... quán chung tất cả pháp hữu lậu. Vì pháp kia mỗi niệm diệt, nên vô thường, vì lìa thường, v.v... cho nên không, vì không tự tại nên vô ngã, vì thật sự ép ngặt nên khổ.

Từ đây gọi là Noãn
Đối pháp giác mà sinh
Mười sáu hành cùng khởi
Quán sát bốn Thánh đế.

Từ đây gọi là Noãn, đối pháp giác mà sinh, nghĩa là người tu hành kia đối với pháp niệm xứ của duyên hoại lần lượt sinh căn thiện, gọi là Noãn.

Hỏi: Cảnh giới nào có bao nhiêu hành?

Đáp: Mười sáu hành cùng khởi, quán sát bốn Thánh đế, pháp hành của pháp Noãn ấy là mười sáu hành như khổ đế, v.v... Bốn hành của khổ Thánh đế cho đến bốn hành của đạo Thánh đế. Về nghĩa hành, ở phẩm Trí sẽ nói rộng.

Pháp Noãn kia sinh, pháp niệm xứ duyên ba đế tu hiện tại, vị lai có bốn. Một hành tu hiện tại ở vị lai có bốn, tự phần chẳng phải không tự phần. Pháp niệm xứ của duyên diệt đế, tu hiện tại tức vị lai này tu, không phải đầu tiên lìa ấm, quán đạo đắc tu duyên ấm. Một hành tu hiện tại, vị lai có bốn, tinh tiến nơi bốn niệm xứ duyên ba đế. Mỗi niệm xứ tu hiện tại, vị lai có bốn. Một hành tu hiện tại, ở vị lai có mười sáu.

Tinh tiến nơi pháp niệm xứ tu hiện tại duyên diệt đế, ở vị lai có bốn. Một hành tu hiện tại vị lai có mười sáu, tu căn thiện chưa tăng, tu hành tự phần, tăng căn thiện, tăng tu hiện tại, tu hành tự phần, không tự phần. Pháp Noãn là tuệ tự tại nơi pháp tùy chuyển, là tánh của năm ấm. Noãn là sinh ra lửa Thánh trí. Vì Noãn là chủng nên nói pháp noãn.

Pháp này tăng trưởng rồi
Sinh Đảnh cùng với Nhẫn
Được pháp Thế đệ nhất
Dựa vào một sát-na.

Pháp này tăng trưởng rồi, sinh Đảnh cùng với Nhẫn, nghĩa là người tu hành chánh phương tiện, chánh ức niệm tăng trưởng, vì được thuận theo đủ mọi dụng cụ của nghiệp thiện nên pháp Noãn được tăng trưởng, kế là sinh căn thiện, gọi là Đảnh.

Mười sáu hành duyên bốn hành Thánh đế. Pháp Đảnh kia duyên bốn đế, duyên diệt đế, tiến thêm pháp niệm xứ, tinh tiến hiện tại tu ở vị lai. Có

bốn, một hành tu hiện tại, trong vị lai có mười sáu. Bốn niệm xứ, tinh tiến duyên ba đế, mỗi xứ tu hiện tại ở vị lai có bốn. Một hành hiện tại ở vị lai có mười sáu.

Căn thiện này cũng là tánh của tuệ, pháp tùy chuyển của tánh năm ấm. Pháp Đảnh nghĩa là vì ở trên Noãn, nên nói là Đảnh, kém hơn Nhẫn gọi là dưới. Đôi khi Đức Thế Tôn nói: "Tín như vì Ba-la-diên nói". Hoặc nói tuệ như vì các Tỳ-kheo trẻ tuổi nói việc thọ nhận ở nơi Đảnh này mà lui sụt gọi là Đảnh đọa. Noãn cũng phải có đọa, nhưng không nói.

Đảnh đọa nghĩa là do thường ưu não cho nên có, ba xứ khởi đại ưu não, như mất đi của báu lớn. Nghĩa là Phi tưởng Phi phi tưởng lìa dục, thối lìa dục của cõi Dục, và pháp Đảnh lui sụt gọi là tánh không thành tựu. Người tu hành kia đối với chánh phương tiện này thành tựu căn thiện của Đảnh, tăng tiến sinh đế thuận nhẫn, mười sáu hành duyên hành bốn đế, và pháp niệm xứ tinh tiến tu hiện tại, ở vị lai có bốn, một hành tu hiện tại ở vị lai có mười sáu. Nhẫn nghĩa là đối với bốn Thánh đế kham nhẫn dục lạc. Noãn, Đảnh cũng kham nhẫn thì không đúng, vì Nhẫn không lui sụt, vì trái với đường ác, vì gần với Thánh đạo, cho nên nói đế thuận nhẫn, chẳng phải Noãn, Đảnh.

Hỏi: Nhẫn tăng trưởng sinh ra căn thiện nào?

Đáp: Được pháp Thế đệ nhất dựa vào một sát-na, nghĩa là duyên thứ đệ tăng thượng nhẫn sinh, phàm phu sở đắc căn thiện thù thắng, gọi là pháp đệ nhất thế gian, pháp này cũng là tánh năm ấm, vì pháp đó hữu lậu nên gọi Thế gian. Vì vượt hơn Noãn… nên nói là đệ nhất. Pháp này cũng là chỗ tu công đức tối thắng của phàm phu, vì một sát-na không dừng, vì giống với kiến đạo, vì Noãn, Đảnh, Nhẫn nối tiếp nhau.

Có thuyết nói: Pháp niệm xứ tu tuệ kia quán chung tất cả, thứ lớp sinh ra phần quyết định thế gian hành căn thiện, căn thiện ấy kiến lập ra chín phẩm. Đó là hạ hạ, hạ trung, hạ thượng, gọi là pháp noãn, hạ trung, trung trung, gọi pháp Đảnh, trung thượng, thượng hạ, thượng trung, gọi là pháp Nhẫn, thượng thượng gọi là pháp đệ nhất thế gian.

Nếu quán căn thiện của ấm là vô thường, v.v... gọi là pháp Noãn. Quán công đức của Tam bảo, gọi là pháp Đảnh. Quán sát Thánh đế, gọi pháp Nhẫn. Quán khổ Thánh đế theo thứ lớp Thánh đạo, gọi là pháp đệ nhất thế gian. Người tu hành khi được pháp Noãn rồi, hoặc lui sụt xả, hoặc qua đời xả, hoặc độ giới địa xả, cũng khởi lên nghiệp vô gián đoạn trừ căn thiện, sinh trong đường ác. Vì duyên theo phước này mục đích là đạt được Niết-bàn.

Lui sụt pháp Đảnh cũng như thế, chỉ trừ cắt đứt căn thiện, nhẫn thì không lui sụt. Có mạng chung xả và độ giới địa xả, không tạo ra nghiệp vô gián, không đoạn căn thiện, không rơi vào đường ác, vì sức lớn của nhẫn, như sư tử, đầu đàn, các thú đều tránh xa. Sức nhẫn cũng thế, tất cả ác tâm không phải thường diệt, cũng như trú xứ của đại vương, tâm hạnh ác của người, trời đều nhu hòa.

Hỏi: Pháp đệ nhất thế gian duyên theo pháp gì? Có bao nhiêu hành?

Đáp:

Khổ dưới có bốn hành
Nói thuộc nương sáu địa
Pháp nhẫn cũng như thế
Là khác, hoặc nương bảy.

Khổ dưới có bốn hành, nghĩa là khổ cõi Dục nói là khổ dưới, khổ ấy là đối tượng duyên của pháp đệ nhất thế gian. Các hành vô thường, khổ, không, vô ngã, chuyển chẳng phải pháp khác, vì giống như kiến đạo. Có hai thứ tu hành: Ái hành và kiến hành. Ái hành có hai thứ là: Ngã mạn hành và tăng giải đãi. Kiến hành cũng có hai thứ: Chấp trước ngã và ngã sở. Ngã mạn nghĩa là tu hành vô thường, pháp đệ nhất thế gian. Tăng giải đãi nghĩa là tu hành khổ. Chấp trước hành ngã nghĩa là tu hành phi ngã. Chấp trước ngã sở nghĩa là tu hành không.

Hỏi: Thuộc về bao nhiêu địa?

Đáp: Thuộc về sáu địa: Vị lai, trung gian và bốn thiền căn bản, không phải cõi Dục vì vô định, không phải cõi Vô Sắc vì không có kiến đạo.

Hỏi: Phần căn thiện quyết định khác thuộc bao nhiêu địa?

Đáp: Pháp nhẫn cũng giống như thế. Nghĩa là thuộc về sáu địa nhẫn. Như pháp đệ nhất thế gian, nghĩa là pháp khác hoặc nương dựa bảy. Noãn, Đảnh cũng thuộc sáu địa. Tôn giả Cù-sa nói muốn cho cõi Dục cũng có.

Hỏi: Đã nói phần quyết định thứ lớp khởi. Thánh đạo thứ lớp khởi ra sao?

Đáp:

Pháp đệ nhất thế gian
Kế sinh khổ pháp nhẫn
Nhẫn, kế sinh ra trí
Đều quán khổ cõi dưới.

Pháp đệ nhất thế gian, kế sinh khổ pháp nhẫn, nghĩa là pháp đệ nhất thế gian theo thứ lớp sinh ra khổ pháp nhẫn. Kiến khổ dứt trừ cõi Dục, đối trị mười sử. Đây là đạo vô ngại vô lậu đầu tiên. Lại nữa, pháp đệ nhất thế

gian theo thứ lớp không làm, không hướng, không hành, xả nghiệp tà, đường tà, kiến tà. Nghiệp tà là năm nghiệp Vô gián, đường tà là đường ác. Kiến tà là năm kiến. Lại nữa, pháp đệ nhất thế gian chia ra khổ pháp nhẫn, tạo nên năm thứ định, đó là định địa, định hành, định duyên, định sát-na và định duyên thứ đệ. Định địa: Nghĩa là nếu pháp đệ nhất thế gian của địa này, tức là khổ pháp nhẫn của địa ấy. Định hành nghĩa là nếu pháp đệ nhất thế gian của hành này thì chính là khổ pháp nhẫn của hành ấy. Định duyên nghĩa là vì chắc chắn đồng duyên. Định sát-na nghĩa là nếu trái với sát-na này tức là sát-na này sinh. Định duyên thứ lớp nghĩa là pháp đệ nhất thế gian, tất nhiên lần lượt sinh khổ pháp nhẫn, tăng thượng nhẫn, chia làm ba thứ định, trừ sát-na và duyên thứ đệ. Vì vậy nên duyên khổ nhẫn, về sau sẽ được vượt lên ly sinh.

Người tu hành kia tư duy khổ ở cõi Dục và khổ của cõi Sắc, Vô Sắc cho đến đối trị hành của cõi Sắc, Vô Sắc, đó gọi là hạ nhẫn. Người kia lại tư duy khổ cõi Dục, cho đến hành đối trị cõi Dục, xả đối trị hành của cõi Sắc, Vô Sắc, đó gọi là trung nhẫn. Người kia quán sát mỗi đế xả trở lại, cho đến khổ cõi Dục nối tiếp tu, sau đó lại xả, tiếp nối cho đến tư duy một sát-na về khổ cõi Dục là tăng thượng nhẫn. Sau đó sinh ra pháp đệ nhất thế gian. Kế là nhẫn sinh ra trí: Nghĩa là khổ pháp nhẫn theo thứ lớp sinh khổ pháp trí, tự tánh của đạo giải thoát.

Hỏi: Trí nhẫn này duyên theo cái gì?

Đáp: Đều duyên theo khổ dưới, khổ dưới là khổ cõi Dục. Trí kia đều quán.

Là khổ sắc, Vô Sắc Tập, diệt, đạo cũng thế Pháp này vô gián đẳng Là nói mười sáu tâm.

Là khổ cõi sắc, Vô Sắc, nghĩa là khổ cõi Sắc, Vô Sắc cũng như thế. Đạo vô ngại của khổ tỷ nhẫn, đạo giải thoát của khổ tỷ trí. Tập, diệt, đạo cũng thế, nghĩa là tập, diệt, đạo đế cũng dùng hai nhẫn làm đạo vô ngại, hai trí làm đạo giải thoát. Pháp vô gián này đẳng là nói mười sáu tâm, nghĩa là mười sáu khoảnh tâm này là pháp vô gián đẳng. Vô gián đẳng là kiến nghĩa, mười lăm tâm khoảnh này là kiến đạo, một tâm sau cùng là tu đạo.

Hỏi: Vì sao ba đế nhẫn và trí thuộc về Kiến đạo? Tâm đạo đế tối hậu thuộc về tu đạo.

Đáp: Vì tu mười sáu hành đạo, đạo tỷ trí tương ưng với mười sáu hành, chẳng phải kiến đạo tu mười sáu hành, vì đạo tỷ trí nối tiếp nhau, thuộc về đạo quả cho là không ứng hợp thì không đúng. Như tận trí thành thì đạo quả này thành. Nếu đạo quả này không có thì đạo vô học cũng chẳng

có phần. Nói lược về ba địa: kiến địa, tu địa, vô học địa. Ở nơi các địa này kiến lập con người, như nghĩa đó nay sẽ nói:

Tùy pháp hành, lợi căn
Đây ở mười lăm ý
Tùy tín hành, độn kiến
Phải biết ở giữa trong đó.

Tùy pháp hành lợi căn, đây ở mười lăm y: Nghĩa là người kiến đạo có mười lăm tâm, nếu thuộc lợi căn thì gọi là Tùy pháp hành. Vì tùy theo pháp hành nên gọi là Tùy pháp hành, vì niềm tin không xuất phát từ người khác.

Tùy tín hành độn kiến, phải biết cũng ở giữa, nghĩa là ở hạng người mười lăm tâm này nếu là độn căn, thì nói là Tùy tín hành. Vì tin vào người khác được độ. Người tùy tín hành là ít quán sát, người Tùy pháp hành là thường quán sát.

Tùy tín, tùy pháp hành
Hoặc có phiền não buộc
Cho đến năm thứ đoạn
Phải biết hướng quả đầu.

Tùy Người tín, Tùy pháp hành này hoặc có phiền não trói buộc, hoặc một, hai, ba, bốn, năm thứ dứt trừ, gọi là quả hướng Tu-đà-hoàn. Vì phiền não phân biệt thượng thượng v.v… nên lập ra chín phẩm. Người kia nếu lúc còn là phàm phu, chưa hề dứt trừ một phẩm phiền não thì gọi là Cụ phược. Nếu dứt trừ một phẩm thì gọi không cụ phược. Nếu dứt trừ năm phẩm thì vượt lên ly sinh, thấy khổ dứt trừ năm phẩm cõi Dục, dứt khổ pháp trí đắc giải thoát chứng, cho đến kiến đạo dứt trừ năm phẩm đoạn đạt đạo pháp trí đắc giải thoát chứng, tu đạo dứt trừ năm phẩm đoạn của quả Tư-đà-hàm, chứng được giải thoát.

Sáu tận cho đến tám
Là hướng quả thứ hai
Lìa dục đến tám địa
Đây là hướng thứ ba.

Sáu đoạn cho đến tám, là hướng quả thứ hai, nghĩa là người Tùy tín hành, Tùy pháp hành ấy nếu đã dứt trừ sáu, bảy, tám phẩm phiền não thì đây quả hướng gọi là Tư-đà-hàm. Lìa dục đến Bát địa, đây là hướng thứ ba, nghĩa là người Tùy tín hành, Tùy pháp hành này, nếu lìa dục cho đến Vô sở hữu xứ hết, thì họ đều hướng đến quả A-na-hàm.

Nếu đến mười sáu tâm

Đó gọi là trụ quả
Kiến yếu, tín giải thoát
Kiến lợi gọi kiến đáo.

Nếu đến mười sáu tâm, đó gọi là trụ quả, nghĩa là đến tâm thứ mười sáu gọi là đạo tỷ trí, tương ưng với đạo kia khởi, đều nói là trụ quả, hoặc Tu-đà-hoàn, hoặc Tư-đà-hàm, hoặc A-na-hàm. Kiến yếu, tín giải thoát: Nghĩa là nếu người kiến yếu kém nhập kiến đạo, gọi là Tùy tín hành, lúc người tu hành ấy trụ ba quả, gọi là Tín giải thoát. Kiến lợi gọi kiến đáo: Nghĩa là nếu người lợi căn nhập kiến đạo thì gọi là Tùy pháp hành, người đó lúc trụ ba quả, gọi là kiến đáo. Tín căn của Kiến đáo vượt hơn Tín giải thoát, chỉ vì tuệ đã huân tập, nên nói là kiến đáo.

Phi sự các phiền não
Các phiền não dứt hết
Cho đến vị tiến hành
Đó gọi Tu-đà-hoàn.

Nếu kiến đạo dứt trừ hết tám mươi tám kiết thì đây là quả Tu-đà-hoàn, cho đến Vị tiến hành, gọi là trụ quả Tu-đà-hoàn. Nếu phương tiện dứt trừ chủng thượng thượng thì gọi là quả hướng Tư-đà-hàm, tức từ chủng này cho đến dứt năm phẩm, vượt lên ly sinh, đạo tỷ trí khởi gọi là Tu-đà-hoàn, không phải hướng Tư-đà-hàm, vì hướng đến đạo quả kia mà vẫn chưa một niệm hiện ở trước.

Hỏi: Dứt trừ rất nhiều phiền não, vì sao Đức Thế Tôn nói là ba kiết hết?

Đáp: Mười sử là căn bản. Năm kiến: nghi, ái, sân, mạn, vô minh; Thấy đạo đoạn là sáu (năm kiến và nghi). Kiến đạo kia dứt trừ sáu sử hết hẳn, sáu là ba chuyển và ba tùy chuyển. Thân kiến kia là chuyển, biên kiến là tùy chuyển. Giới thủ là chuyển, kiến thủ là tùy chuyển, nghi là chuyển, tà kiến là tùy chuyển.

Đã nói chuyển, phải biết là đã nói tùy chuyển, cho nên Đức Thế Tôn nói ba kiết hết là Tu-đà-hoàn. Hơn nữa, các phiền não này hoặc một thứ, hai thứ, bốn thứ, đã nói thân kiến, phải biết đã nói một thứ, đã nói giới thủ phải biết đã nói hai thứ. Đã nói nghi phải biết đã nói bốn thứ. Nhất thiết biến, không nhất thiết biến, duyên hữu lậu, duyên vô lậu như thế, đều phải biết mọi kiết này đã hết, đã biết, cho đến A-la-hán vẫn còn có tương tợ tùy chuyển.

Chưa hết chủng tu đạo
Thọ sinh, sinh tử bảy.

Phải biết Thế Tôn nói
Tu-đà-hoàn viên mãn.

Chủng tu đạo của Tu-đà-hoàn kia chưa hết. Cực mãn ấy phải biết là bảy hữu. Bảy lần sinh làm trung ấm, sinh ấm ở nhân gian và các tầng trời cõi Dục. Đây là nói chung bảy hữu, vì không quá bảy, như cây bảy lá.

Hỏi: Vì sao nói bảy hữu, không thêm, không bớt?

Đáp: Như bị rắn bảy bước cắn. Vì sức bốn đại nên bước đến bảy bước, vì sức độc nên không đến tám. Vì nghiệp lực như thế nên bảy lần sinh, vì đạo lực nên không đến tám. Tu-đà-hoàn kia lúc trụ tăng thượng nhẫn, trừ bảy lần sinh cõi Dục. Ngoài ra tất cả đều sinh, được không phải thường diệt, đến hoàn toàn không hiện ở trước. Nếu nhân gian vượt lên Ly sinh thì nhân gian phải đủ bảy lần sinh trên cõi trời, rồi lại mãn trên trời bảy lần. Thánh đạo trung gian tuy thể hiện ở trước nhưng vì nghiệp lực gìn giữ, nên không nhập Niết-bàn.

Hỏi: Nếu mãn bảy lần sinh rồi mà Đức Phật không ra đời, thì vị kia làm sao chứng được quả A-la-hán?

Đáp: Có thuyết nói tại gia được quả A-la-hán, được quả rồi không trụ ở nhà. Lại nói chính thân hình người kia tự xuất gia, vì thành tựu tịnh bất hoại, vì hy vọng tròn đầy, vì nhận thấy lỗi của hành vi ác, cho nên pháp Tu-đà-hoàn không đọa vào đường ác. Lại vì sinh trong chủng tánh Phật, vì lửa trí sáng sạch, vì thấy lỗi lầm của cảnh giới, vì chỉ, quán đầy đủ, vì được hun đúc do thuốc Thánh đạo, như Thái tử của vua, như người được tăng thêm nội lực, như cá khéo léo. Vì thế nên Tu-đà-hoàn không đọa đường ác. Tuy phàm phu không đọa đường ác nhưng vì ít và bất định, cho nên không nói. Vì trụ nhóm chánh định , nên nói là định, tất nhiên vì được Niết-bàn nên nói hướng về chánh giác. Bảy hữu (như trước đã nói). Trụ là trung ấm. Sinh là sinh ấm cho nên nói trụ sinh. Lại vì không thọ sinh khác nên gọi trụ khổ biên, không hẳn là hết thảy Tu- đà-hoàn đều mãn bảy đời.

Nếu dứt ba, bốn thứ
Thành tựu đối trị kia
Hai đời ba đời khác
Đây gọi là Gia gia.

Vì ba nhân duyên nên lập Gia gia, nghĩa là phiền não dứt trừ, thành tựu căn và thọ sinh. Phiền não dứt trừ nghĩa là cõi Dục do tu đạo dứt trừ phiền não. Ba phẩm, bốn phẩm dứt trừ, không có năm phẩm dứt trừ gọi là Gia gia. Nếu người dứt trừ được năm phẩm là nhờ uy lực, thì phải dứt sáu phẩm, thành Tư-đà-hàm, chứ không phải do sức của phẩm thứ sáu có thể

ngăn trở, khiến không đến quả. Thành tựu căn nghĩa là được các căn vô lậu đối trị. Thọ sinh hoặc là còn thọ cõi Dục nữa, hai đời ba đời khác nghĩa là nếu trong ba nhân duyên, mỗi duyên không đủ thì chẳng phải Gia gia. Có hai thứ Gia gia: Hoặc trời, hoặc người. Thiên gia gia nghĩa là các tầng trời cõi Dục. Hoặc thọ hai đời, ba đời, hoặc thọ một chủng loại thân ở thiên xứ, hoặc hai, hoặc ba lần sinh ở cõi trời. Nhân gia gia nghĩa là thân ở nhân gian, hoặc một thiên hạ, hoặc hai, hoặc ba. Hoặc một nhà, hoặc hai hay ba.

Hỏi: Gia gia có nghĩa là gì?

Đáp: Từ nhà đến nhà mà nhập Niết-bàn nên gọi là Gia gia. Tu-đà-hoàn vì vượt hơn nên gọi là Gia gia.

Sáu phẩm phiền não dứt
Kiến đạo dứt tất cả
Là nói Tư-đà-hàm
Là Vị Tiến hành kia.

Nếu tu đạo dứt ba phẩm thượng, ba phẩm trung cõi Dục và thấy đạo dứt trừ tất cả thì hoàn toàn trụ quả Vị Tiến hành, gọi là Tư-đà-hàm.

Hỏi: Tư-đà-hàm có nghĩa là gì?

Đáp: Ở đây chết đi, sinh lên trời cõi Dục. Một lần đến nhân gian rồi nhập Niết-bàn, gọi là Nhất lai.

Nếu phẩm bảy, tám đoạn
Thành tựu căn đối trị
Phẩm khác thọ một đời
Đó gọi một hạt giống.

Nếu phẩm bảy phẩm tám của cõi Dục do tu đạo đoạn và kiến đạo dứt trừ tất cả đều được căn đối trị vô lậu kia, một đời khác ở cõi Dục, gọi là một hạt giống. Ba nhân duyên, bất cứ một nhân duyên nào không đủ, thì không phải là một hạt giống. Nếu một hạt giống trời thì thọ một thân trời mà nhập Niết-bàn. Nhân gian cũng thế. Vì hạt giống của một đời khác nên nói là một hạt giống.

Hỏi: Vì sao phẩm tám dứt trừ gọi là một hạt giống? Phẩm năm dứt trừ không gọi Gia gia?

Đáp: Dù cho phẩm sáu dứt trừ là Gia gia, nghĩa là còn sinh cõi Dục, là nghiệp phiền não của cõi Dục không bị chướng ngại. Vì phẩm chín của một hạt giống đều sinh cõi Sắc, cho nên nghiệp phiền não cõi Dục rất chướng ngại. Vì thế nên nói nghiệp của chúng sinh ở ba chỗ rất gây não loạn ba chỗ ở sau sẽ nói. Một hạt giống là Tư-đà-hàm ở trên.

Bất hoàn: Chín phẩm hết Phải biết có nhiều thứ Hoặc năm và bảy,

tám Hoặc là nói rất nhiều.

Bất hoàn dứt chín phẩm: nghĩa là kiến đạo dứt trừ tất cả và tu đạo cõi Dục dứt trừ chín phẩm kiết hết, nên biết là A-na-hàm.

Hỏi: Có ngần ấy phiền não được dứt trừ, vì sao Đức Thế Tôn lại nói năm kiết phần dưới hết là A-na-hàm?

Đáp: Một, hai, bốn, năm thứ, như thế tất cả đều thuộc về năm kiết phần dưới, đồng nghĩa với đáng ghét thấp hèn. Lại nữa, có thuyết nói có hai chủng loại dưới: Cõi dưới và chúng sinh dưới. Cõi dưới nghĩa là cõi Dục, chúng sinh dưới là phàm phu, bị tham, sân buộc ràng, cõi dưới nghĩa là vì khó độ, vì bị thân kiến, giới thủ, nghi trói buộc, chúng sinh dưới như lính giữ cửa canh phòng. Bậc Thánh trước hoặc dứt trừ hai kiết, hoặc ba kiết, vì dứt trừ tập nên nói là năm. Không trở lại cõi Dục gọi là A-na-hàm. Điều này cũng có nhiều thứ, hoặc năm và bảy, tám, hoặc lại nói đa số, gọi là A-na-hàm. Năm thứ là trung bát Niết-bàn, sinh bát Niết-bàn, hành bát Niết-bàn, vô hành bát Niết-bàn và thượng lưu bát Niết-bàn.

Bảy thứ là: Trung bát Niết-bàn có ba thứ. Như Khế kinh nói trung bát Niết-bàn có ba thứ: Như tấm bình phong nhỏ trước ngọn lửa to. Như tấm phên nhỏ đặt cạnh tấm sắt nóng. Như tấm bình phong bị viên sắt nóng đốt cháy. Nghĩa này tức là nghĩa Khế kinh nói.

Bốn thứ như ở trước nói tám, năm thứ như trước nói. Lại nữa, hiện pháp bát Niết-bàn, A-na-hàm ở cõi Vô Sắc và bất định. Lại nữa, năm thứ căn của cõi Sắc được kiến lập thì có mười lăm trung bát Niết-bàn thượng, trung, hạ. Cho đến thượng lưu bát Niết-bàn cũng như thế.

Địa kiến lập có hai mươi: Sơ thiền có năm, cho đến đệ Tứ thiền cũng có năm, kiến lập chủng tánh thì ba mươi. Trung bát Niết-bàn có sáu loại, đó là chủng tánh của pháp lui sụt, pháp tư, pháp hộ, pháp trụ, pháp thắng tiến và chủng tánh của pháp bất động. Như thế cho đến thượng lưu cũng vậy.

Xứ sở kiến lập thì tám mươi, thân trời Phạm có năm. Như thế cho đến trời A-ca-nị-trá. Căn chủng tánh kiến lập thì chín mươi. Địa chủng tánh kiến lập thì một trăm hai mươi. Kiến lập căn địa chủng tánh có ba trăm sáu mươi. Tánh xứ kiến lập xứ chủng tánh là bốn trăm tám mươi, kiến lập căn cứ chủng tánh là một ngàn bốn trăm bốn mươi. Ký rằng:

Mười lăm có hai mươi
Ba mươi và tám mươi
Chín mươi, trăm hai mươi
Và ba trăm sáu mươi

Bốn trăm tám mươi thứ
bốn trăm bốn mươi
Nói rộng lược như thế
Nhiếp thọ A-na-hàm
Căn, địa và chủng tánh
Kiến lập rộng xứ sở
Tùy phiền não dứt kia,
Nay sẽ lần lượt nói.

Lại nữa, một A-na-hàm là nói trung bát Niết-bàn, kiến lập căn có ba: địa bốn, chủng tánh sáu, xứ sở mười sáu. Chủng tánh căn mười tám, địa chủng tánh hai mươi bốn. Địa lìa dục ba mươi sáu, căn của địa chủng tánh có bảy mươi hai, xứ chủng tánh có chín mươi sáu. Địa chủng tánh lìa dục có hai trăm mười sáu. Căn xứ chủng tánh có hai trăm tám mươi tám, căn địa chủng tánh lìa dục có sáu trăm bốn mươi tám, xứ chủng tánh lìa dục có tám trăm sáu mươi bốn, kiến lập căn xứ chủng tánh lìa dục có hai ngàn năm trăm chín mươi hai. Phải biết là số của trung bát Niết-bàn, cho đến thượng lưu cũng như vậy. Tất cả gồm một vạn hai ngàn chín trăm sáu mươi. Ký chép:

Một, ba, bốn và sáu
Mười sáu và mười tám
Là nói hai mươi bốn
Lại nói ba mươi sáu.
Bảy mươi có hai thứ
Chín mươi có sáu thứ
Hai trăm mười sáu thứ
Hai trăm tám mươi tám.
Sáu trăm bốn mươi tám
Tám trăm sáu mươi bốn
Và lại nói hai ngàn
Năm trăm chín mươi hai.

A-na-hàm như vậy, số ấy gấp năm lần (tức là ở trên có hai ngàn năm trăm chín mươi hai, gấp năm là một vạn hai ngàn chín trăm sáu mươi). Đã nói tất cả A-na-hàm, nay sẽ nói tướng của năm A-na-hàm:

Hạ phiền não lợi căn Trụ ở một thứ nghiệp Là trung bát Niết-bàn Phân biệt sáu thứ tánh.

Hạ phiền não lợi căn, trú nơi một thứ nghiệp, là trung bát Niết-bàn: Nghĩa là người lợi căn và trung phiền não yếu kém, tác nghiệp trung ấm

tăng trưởng, không tác nghiệp sinh ấm, người ấy chết ở cõi dục, trú ở trung ấm cõi sắc, đắc đạo vô lậu, dùng đạo này để xả các kiết khác mà bát Niết-bàn, đó gọi là trung bát Niết-bàn, vì vượt qua nạn cõi Dục nên phải ở trung ấm cõi Dục mà bát Niết-bàn. Nếu muốn cho người bát Niết-bàn, thì người ấy phải dứt hai thứ kiết là bất thiện và vô ký, đắc hoặc hai, hoặc ba quả Sa-môn, vượt ra ba cõi, trung ấm cõi Dục đối với điều ấy là không thể. Nếu chết ở cõi Sắc là thuộc về phẩm thượng lưu.

Hỏi: Người này có bao nhiêu chủng tánh?

Đáp: Chia ra sáu chủng tánh, nên biết trung bát Niết-bàn có sáu chủng tánh: Thối pháp cho đến Bất động. Nếu nói lợi căn không thối chủng tánh là không đúng, vì người ấy cũng kiến lập chín phẩm căn.

Phương tiện siêng tinh tiến
Tu tập mau tiến đạo
Là sinh bát Niết-bàn
Kia cũng có hai thuyết.

Phương tiện siêng tinh tiến, tu tập mau tiến đạo, là sinh bát Niết-bàn, nghĩa là người sinh bát Niết-bàn tạo nghiệp trung ấm, sinh ấm, khi chết thọ trung ấm và sinh ấm ở các tầng trời cõi Sắc. Người ấy lúc mới sinh khởi đạo hữu hành, đó là phương tiện siêng năng và tiến đạo dứt trừ nhanh chóng các kiết khác. Lúc mới sinh liền bát Niết-bàn nên nói là sinh bát Niết-bàn.

Việc ấy cũng có hai thuyết. Có thuyết nói: Lúc mới sinh, liền dứt phiền não, được bát Niết-bàn là không đúng. Có thuyết nói: Vì không xả phần thọ hành, nghĩa là trú đến khi tuổi thọ hết, nghĩa này có lý hơn.

Phương tiện siêng thứ ba
Xa lìa mau tiến đạo
Không siêng cầu thứ tư
Ba cùng nói sáu thứ.

Phương tiện siêng thứ ba, xa lìa mau tiến đạo: Nghĩa là người ấy hành bát Niết-bàn sai khác, không hành mau tiến đạo, ngoài ra như trước đã nói. Danh: Là khởi đạo hữu hành, dứt phiền não khác mà bát Niết-bàn là hữu hành bát Niết-bàn. Lại nữa, nương vào tam-muội duyên vô vi dứt phiền não mà bát Niết-bàn cũng là hữu hành bát Niết-bàn. Không siêng cầu thứ tư nghĩa là vô hành bát Niết-bàn này cũng là không siêng cầu, cũng không hành mau tiến đạo, ngoài ra như trước đã nói. Danh: Là khởi đạo vô hành dứt trừ phiền não khác mà bát Niết-bàn là vô hành bát Niết-bàn. Lại nữa, nương vào tam-muội duyên vô vi đoạn trừ phiền não mà bát Niết-bàn, cũng là vô hành bát Niết-bàn. Ba đều nói sáu loại nghĩa là hành cùng vô hành và

sinh bát Niết-bàn. Phải biết đều nói sáu chủng tánh. Ba loại này tuy đều là sinh bát Niết-bàn, vì nghĩa sai khác nên nói ba không lỗi.

Siêu, bán siêu, xứ xứ
Đó gọi là thượng lưu
Đây là sáu chủng tánh
Phải biết tiến, bất tiến.

Siêu, bán siêu xứ xứ, đó gọi là thượng lưu: Thượng lưu có hai loại: Hoặc trước đắc huân thiền, hoặc không đắc, trước đắc kia: Nghĩa là trước đã huân tu Tam thiền, sau đó lại lui sụt trụ Sơ thiền, tương ưng vị Sơ thiền, khi chết sinh lên cõi Phạm thiên: trường hợp này cũng có ba loại: siêu, bán siêu và qua đời ở tất cả xứ. Siêu nghĩa là sinh ở Sơ thiền cho đến lìa đệ Tam thiền, muốn huân tu tròn đầy, siêu đệ Tứ thiền, ở đó chết đi sinh lên tầng trời A-ca-nị-trá. Bán siêu là chết ở Phạm thiên, hoặc sinh một, hai, ba xứ, sau đó sinh lên cõi trời A-ca-nị-trá. Chết ở tất cả xứ nghĩa là sinh ở một xứ cho đến tầng trời A-ca-nị-trá, trước không được huân tập, nghĩa là không sinh lên tầng trời Tịnh Cư mà sinh ở cõi Vô Sắc, ngoài ra như trước đã nói.

Hỏi: Nghĩa này có bao nhiêu chủng tánh?

Đáp: Nghĩa này có sáu chủng tánh, thượng lưu cũng có sáu chủng tánh: từ thối pháp cho đến bất động, đây chẳng phải chủng tánh căn mới trú bất động. Nghĩa là chủng tánh thối pháp lui sụt ở huân tu thiền lui sụt, sau đó đắc kiến đáo. Phải biết tiến chẳng tiến: Thượng lưu nên biết là có tiến chẳng tiến, nên chia làm bốn trường hợp:

1. Nên tiến tu chẳng phải không tiến, nghĩa là trú Phạm thiên cõi Dục.

2. Không tiến, chẳng phải nên tiến, nghĩa là trụ ở tầng trời A-ca-nị-trá.

3. Vừa tiến vừa không tiến, nghĩa là trụ ở cõi trời khác.

4. Chẳng phải tiến, chẳng phải không tiến, nghĩa là không có. Nếu hướng đến cõi Vô Sắc nghĩa là chẳng phải huân tu, cho nên nói sinh lên cõi Vô Sắc.

Hỏi: Thế Tôn nói đường của bảy sĩ phu, thế nào là kiến lập đường của bảy sĩ phu?

Đáp:

Là sinh căn phiền não
Thuyết này có ba loại
Bất sinh cũng như vậy
Cùng hai Thượng lưu một.

Bốn nhân duyên của một A-na-hàm nên có bảy thứ kiến lập là căn

kiến lập, phiền não kiến lập, sinh bất sinh kiến lập và thượng tiến kiến lập. Sinh: Nghĩa là lợi căn ban đầu ở hạ phiền não, trung căn thứ hai của trung phiền não, hạ căn thứ ba của thượng phiền não, như sinh có ba, bất sinh cũng có ba. Thượng lưu nghĩa là nói về thượng tiến, vì phàm phu chuyển hoàn nên chẳng phải thượng lưu. Thượng lưu cõi Vô Sắc có năm việc thù thắng: giới thù thắng, địa thù thắng, chánh thọ thù thắng, ấm giảm thù thắng và phiền não đoạn thù thắng. Tuy có năm việc thù thắng nhưng không được huân tu nên không kiến lập sĩ phu thú hướng.

Chín phiền não như vậy
Ở tại tám địa trên
Là hai đạo, diệt kia,
Do Đức Thế Tôn nói.

Chín phiền não như vậy, ở tại tám địa trên, nghĩa là như tu đạo dứt phiền não cõi Dục có chín phẩm từ hạ hạ cho đến thượng thượng. Tám địa trên cũng như vậy, đó là bốn thiền, bốn Vô Sắc. Kiến đạo khởi ban đầu do một thứ đạo dứt chín thứ phiền não.

Hỏi: Nếu phiền não cõi Sắc, Vô Sắc cũng có chín thứ, tại sao không kiến lập người lìa dục?

Đáp: Trong một xứ có hai sinh chẳng phải phần. Cõi Dục có cõi trời như vậy, phương như vậy, nhà như vậy, bậc Thánh nhị sinh, chẳng phải bậc Thánh nhị sinh ở cõi Sắc, Vô Sắc. Nhị sinh nghĩa là vô sinh bát Niết-bàn cho đến Thượng lưu, đó là hai đạo diệt. Do Đức Thế Tôn nói, nghĩa là phiền não của ba cõi này phải biết là đạo vô ngại giải thoát diệt. Đạo vô ngại có thể dứt phiền não, đắc đạo giải thoát, chứng đắc giải thoát. Đạo vô ngại dứt phiền não, đạo giải thoát vì không mất chốn tạo tác nên nói là hai đạo diệt. Nếu nói đạo giải thoát đoạn phiền não, thì thế nào là khởi, là chưa khởi? Nếu nói khởi thì lúc tận trí sinh đầu tiên lẽ ra có phiền não, điều này chẳng rốt ráo. Nếu chưa khởi thì không cần đạo vị lai dứt phiền não chăng?

Hỏi: Dùng đạo nào để dứt phiền não?

Đáp:

Đạo hữu cấu, vô cấu
Có thể lìa Bát địa
Thân chứng trụ thuyết ấy
Là đắc chánh thọ diệt.

Đạo hữu cấu, vô cấu đều có thể lìa tám địa: Hữu cấu là đạo thế tục, vô cấu là Thánh đạo. Trừ địa hữu dư bậc nhất lúc lìa dục, phải biết đạo hữu lậu vô lậu lìa đệ nhất hữu chỉ có vô lậu, vì hữu lậu ở nơi phi phần kia, vì

đạo thế tục phan duyên với địa trên. Xa lìa phiền não địa dưới như bắt côn trùng ở lầu gác. Phi tưởng Phi phi tưởng xứ không có địa trên để để phan duyên dựa và xa lìa kiết. Tự địa bị trói buộc nên không thể lìa kiết của tự địa. Như người bị trói không thể tự mở. Đạo vô ngại của thế tục ấy có ba hành: hoặc thô, hoặc khổ, hoặc thô chướng. Vì hiện ra nên nói là thô, vì ba khổ thành lập nên nói là khổ, vì dễ quán nên nói là thô chướng. Đạo giải thoát cũng có ba hành, đó là chỉ, diệu, xuất. Mỗi hành nơi đạo vô ngại duyên dưới, đạo giải thoát duyên Thánh hạnh trên, về sau sẽ nói rõ. Thân chứng trú thuyết ấy, là đắc chánh thọ diệt, nghĩa là trú nơi kiến đạo, tu đạo đoạn của tám địa, kiến đạo đoạn của nhất địa trú ở trong ấy được chánh thọ diệt gọi là thân chứng. Cho nên người học đối với hữu thứ nhất mỗi mỗi lìa dục khởi chánh thọ diệt. Người ấy hoặc đầy đủ sự ràng buộc của kiết, đắc chánh thọ diệt, hoặc đều đắc tám phẩm. Đức Thế Tôn vì độ các chánh thọ nên nói là độ tất cả. Phi tưởng Phi phi tưởng tưởng biết diệt thân tác chứng, trú pháp đầy đủ, do Niết-bàn cùng hòa hợp với thân nên nói là thân chứng. Chánh thọ diệt ở phẩm Định sẽ nói rộng:

Kế định Kim Cương dụ
Ắt sinh nơi tận trí
Ngã sinh tận, sinh ý
Ứng cúng lìa các lậu.

Kế định Kim Cương dụ, ắt sinh nơi tận trí: Nghĩa là đạo vô ngại thứ chín lìa dục của địa Phi tưởng Phi phi tưởng gọi là Tam-ma-đề Kim Cương, không có một vật gì không bị hủy hoại, nên gọi là Kim Cương.

Nghĩa này sẽ nói rộng trong phẩm Trạch.

Định Kim Cương thứ lớp, ắt sinh ra tận trí, hai trí đầu tiên này hoặc khổ tỷ trí, hoặc tập tỷ trí. Nghĩa là tận trí kia đã khởi, khởi hành của chính mình. Sinh ý: Ngã sinh tận vì duyên bốn ấm của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ kia là căn bản hữu.

Ứng cúng lìa các lậu: Khi tận trí lại sinh thì tất cả hữu lậu đều dứt hết, gọi là Ứng cúng, vì xứng đáng nhận tất cả sự cúng dường. Vì trừ bỏ tất cả phiền não nên càng không ở nơi ruộng hữu, gieo trồng hạt giống thức nữa. Tận trí của A-la-hán bất động thứ lớp khởi trí vô sinh. Tận trí kia trong một sát-na, trí vô sinh hoặc một sát-na, hoặc theo thứ lớp cùng thấy hiện ở trước một sát-na. Hoặc trí vô sinh hiện ở trước thì giải thoát thời và ý nối tiếp nhau. Tận trí hoặc một sát-na, hoặc thứ lớp cùng thấy hiện ở trước một sát-na, hoặc tận trí lại hiện ở trước thì nối tiếp nhau.

Hỏi: Có bao nhiêu loại A-la-hán?

Đáp:

Có sáu loại La-hán
Tùy tín hành sinh năm
Vị kia được hai trí
Phải biết Thời giải thoát.

Có sáu loại La-hán, đó là Thối pháp, Pháp tư, Pháp hộ, Pháp trụ, Pháp tất thăng tiến và Pháp bất động. Nếu địa sơ học và phương tiện bất thường, dùng phương tiện không tức thì, đó gọi là thối pháp. Pháp tư cũng như thế, có thể nghĩ đến thệ nguyện. Pháp hộ nghĩa là phương tiện thường, phương tiện không tức thì, liền dùng để theo giữ gìn nên không lui sụt. Pháp trụ nghĩa là phương tiện tức thì, phương tiện bất thường, không lùi cũng không tiến. Pháp tất thăng tiến nghĩa là phương tiện thường, phương tiện tức khắc thì độn căn, có thể được bất động. Pháp bất động nghĩa là phương tiện thường, tức khắc là lợi căn. Có thuyết nói nếu là người thối pháp, là ắt thối cho đến được thăng tiến, người tất thăng tiến thì sẽ thăng tiến.

Thuyết kia nói sáu loại là A-la-hán cõi Dục. Cõi Sắc, Vô Sắc có hai thứ: Pháp trụ và pháp bất động. Có thuyết nói thối pháp không hẳn là thối, nếu người lui sụt thì chỉ có chủng tánh này, chẳng có chủng tánh khác. Thuyết kia nói ba cõi đều có sáu loại A-la-hán.

Tùy tín hành sinh năm, nghĩa là năm loại trước trong sáu loại A-la-hán là chủng tánh tín. Tín kia thành tựu hai trí, là tận trí và vô học đẳng kiến. Người kia hoặc vì có lúc lui sụt nên không nói là trí vô sinh. Đức Thế Tôn vì không còn thọ sinh nữa nên tất cả Khế kinh nói không còn thọ thân sau, vì biết như thật.

Phải biết thời giải thoát nghĩa là nên biết là thời giải thoát này nương vào tùy thuận thức ăn, y phục, giường nằm, ngọa cụ, xứ sở nói pháp và con người nên căn thiện tăng tiến, không thể tùy theo điều mình muốn tiến hành bất cứ lúc nào, nên nói là Thời giải thoát.

Lợi căn, pháp, bất động
Là bất thời giải thoát
Người kia được ba trí
Thành tựu tự giải thoát.

Lợi căn, pháp, bất động là bất thời giải thoát: Nghĩa là nếu pháp bất động hoàn toàn lợi căn, thì có thể trong tất cả thời, tùy theo điều mình mong muốn, tiến tu nghiệp thiện, không chờ đợi mọi sự đầy đủ nào, là bất thời giải thoát.

Người kia được ba trí: Nghĩa là người kia thành tựu ba trí: tận trí, trí

vô sinh và vô học đẳng kiến, là pháp bất thối.

Thành tựu tự giải thoát nghĩa là phải biết người kia giống như mình, gọi là thành tựu giải thoát. Thời ý giải thoát nghĩa là vì thời gian chờ đợi nên thời ý giải thoát thành tựu pháp bất động. Vì bất động, không bị phiền não làm động nên nói bất động, là nghĩa bất thối.

Hỏi: Vì sao thời ý giải thoát gọi là ái, chứ chẳng phải bất động?

Đáp: Vì thời ý giải thoát kia rất tự giữ gìn, cũng như người chỉ có một mắt nên không tự tại, vì sợ lui sụt. Như mượn vật người khác, vật đó ràng buộc căn thiện lẫn nhau, không phải phần. Bất động giải thoát có căn thiện quan hệ nhau, nghĩa là vì giải thoát kia có Tam-ma-đề khác, cho nên không gọi ái, nghĩa là không không, vô nguyện vô nguyện, vô tác vô tác, dùng định để xả định, gọi là lệ thuộc nhau.

Phải biết tuệ giải thoát
Không đắc định Diệt tận
Nếu đắc định Diệt tận
Nên biết câu giải thoát.

Phải biết tuệ giải thoát, không đắc định Diệt tận, nghĩa là sáu loại A-la-hán này không được định Diệt tận, là nói tuệ giải thoát, vì tuệ lực khiến giải thoát phiền não chướng nên gọi tuệ giải thoát.

Nếu được định Diệt tận, nên biết là câu giải thoát, nghĩa là sáu loại A-la-hán này được định Diệt tận là nói câu giải thoát, do tuệ lực của họ nên lìa phiền não chướng, tâm được giải thoát. Lực chánh thọ diệt lìa giải thoát chướng được giải thoát, cho nên gọi là câu giải thoát. Nếu lại là thối pháp, thì tất cả đều giải thoát nên chia làm bốn trường hợp:

1. Thối pháp không phải đều giải thoát: Nghĩa là thối pháp không được định Diệt tận.

2. Đều giải thoát chẳng phải thối pháp, nghĩa là năm loại A-la-hán được định Diệt tận.

3. Vừa thối pháp, vừa là câu giải thoát, nghĩa là thối pháp được định Diệt tận.

4. Cũng chẳng phải thối pháp, cũng chẳng phải câu giải thoát: Nghĩa là năm loại A-la-hán không được định Diệt tận, cho đến bất động giải thoát cũng như thế.

Các căn nói chín thứ Cũng nói chín hạng người Có bảy loại Thanh văn Duyên giác và Như lai.

Đây nói chín thứ căn, nghĩa là từ hạ hạ cho đến thượng thượng. Bậc

A-la-hán cũng có chín chủng tánh, nghĩa là năm chủng tánh trước và hai loại bất động, giải thoát. Hoặc nhân thời giải thoát, được bất động, hoặc mới được bất động. Bảy loại Thanh văn này và Duyên giác, Như lai, gọi là chín hạng người. Đã nói căn kiến lập người. Nếu người thành tựu căn, nay sẽ nói:

Căn hạ trung, tối hạ
Đây là người loại đầu
Cho đến tăng thượng thượng
Người thứ chín phải biết.

Thối pháp kia thành tựu căn hạ hạ, Pháp tư thuộc hạ trung, Pháp hộ là hạ thượng, Pháp trụ thuộc trung hạ, Pháp thắng tấn thuộc trung trung. Chủng tánh nhân thời giải thoát thuộc pháp bất động trung thượng, bất động giải thoát ban đầu là thuộc thượng hạ, Duyên giác là thượng trung, Như lai là thượng thượng.

Là do chủng tánh Học
Được quả Vô học kia
Hoặc tức chủng tánh ấy
Hoặc tiến bất thối chuyển.

Sáu loại A-la-hán, hoặc do học địa, với chủng tánh như thế, được A-la-hán, tức chủng tánh A-la-hán kia, hoặc căn tăng ích được bất thối chuyển, vì căn tu tập của chủng tánh kia. Thối pháp kia có ba việc sẽ nói sau). Pháp bất động chỉ có một việc, tức trụ bát Niết-bàn, A-la-hán khác có hai việc. Đã nói chủng tánh căn bản của A-la-hán, nay sẽ nói: Về căn thắng tấn,

Cái gọi ba, bốn, năm
Sáu, bảy lần lượt tăng
Là các thối pháp thảy
Nói năm La-hán thảy.

Thối pháp kia có ba việc, đó là thối pháp, trú học, căn thối, pháp hoặc trụ căn thượng thắng tiến của bát Niết-bàn kia. Tư pháp có bốn việc, đó là căn thối trú học, thối tức là trụ nơi căn của thối pháp, hoặc khác tức là nên tiến không thối, vì trước đã nói chủng tánh kia bất thối. Trụ nơi căn thối pháp, tức là trụ nơi căn thượng thắng tiến của bát Niết-bàn.

Hộ pháp có năm việc, đó là pháp hộ, thối, căn trụ học, căn trú thối pháp, trụ căn trú pháp tư, tức trụ nơi căn thượng tăng tiến của bát Niết-bàn.

Pháp trụ có sáu loại, tất thăng tiến có bảy, tùy theo nghĩa mà nói ấy. Đã nói kiến lập tướng của bậc Hiền Thánh, nay sẽ nói: Về kiến lập pháp,

Là pháp tùy tín hành
Hoặc pháp tùy pháp hành
Cùng với đạo kiến đế
Đều là đồng một tướng.

Pháp Tùy tín hành, pháp Tùy pháp hành và đạo kiến đế, ba loại pháp này đều đồng một tướng. Sự khác nhau nghĩa là người Tùy tín hành là độn căn, người Tùy pháp hành là lợi căn.

Ở trong các căn ấy
Đó gọi vị tri căn
Là pháp hữu học khác
Phật nói dĩ tri căn.

Trong đó các căn pháp gọi là vị tri căn, nghĩa là căn thuộc về kiến đế thường có chín pháp: ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn, năm căn như Tín, v.v... gọi là Vị tri căn. Các căn này Tùy tín hành, Tùy pháp hành mà thành tựu. Danh: Chưa biết sẽ biết, nên nói là vị tri căn.

Hỏi: Khổ pháp nhẫn sinh quán năm ấm cõi Dục. Về sau khổ pháp trí sinh không phải ở năm ấm là đã biết hay sẽ biết? Nếu nói chưa biết, sẽ biết thì điều này không đúng.

Đáp: Vì nhẫn không phải trí không phải tánh của trí nên không có lỗi. Vì nhẫn là kiến, chẳng phải tánh của trí, vì trí biết nên chẳng phải không đúng. Nghĩa là pháp hữu học khác, Phật nói dĩ tri căn là trừ pháp học của kiến đạo, còn pháp học khác, tức là chín pháp của số căn này được nói là dĩ tri căn. Tín căn giải thoát ấy là sự thành tựu của kiến đáo, thân chứng mà thành tựu. Dù đạo tỷ trí sinh ra quán đạo tỷ nhẫn, là vị tri, đương tri, vì ít nên không nói, như một giọt nước biển, một hạt bụi của Tu-di, chỗ ruồi đậu trong hư không.

Phải biết pháp vô học
Là nói vô tri căn
Đắc quả, bỏ đạo trước
Do trí vô ngại nói.

Phải biết pháp Vô học, là nói vô tri căn, nghĩa là phải biết pháp vô học tức căn này thường có chín pháp, nói là vô tri căn. Tuệ giải thoát của căn này do câu giải thoát thành tựu.

Sáu địa, bốn thiền, vị lai, trung gian của kiến đạo kia, không phải là căn thiện phương tiện của địa trên, vì không có và vì không phải cảnh giới rộng. Chín địa của pháp tu đạo học, sáu địa này và tánh của bốn ấm, năm ấm của ba Vô Sắc.

Được quả xả đạo trước, do Trí vô ngại nói, nghĩa là khi đắc quả, phải biết xả đạo vô lậu trước để được quả Tu-đà-hoàn, xả kiến đạo, được quả Tư-đà-hàm. Nếu trước diệt dục gấp bội hết, cũng xả kiến đạo. Nếu theo thứ lớp: Xả quả Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hoàn tiến hướng đạo được quả A-na-hàm. Nếu trước dục ái hết cũng xả kiến đạo. Nếu theo thứ lớp nghĩa là xả quả Tư-đà-hàm và Tư-đà-hàm tiến hướng đạo, được quả A-la-hán thì xả quả A-na-hàm và A-na-hàm tiến hướng đạo.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bảy người như Tùy tín hành v.v… được kiến lập thế nào?

Đáp:

Phương tiện và các căn
Chánh thọ, giải thoát chung
Phải biết Hiền Thánh bảy
Sự thì nói có sáu.

Phương tiện và các căn, chánh thọ giải thoát chung, phải biết Hiền Thánh bảy: Nghĩa là vì năm nhân duyên nên nói bảy người, gọi là bảy, chứ chẳng phải sự có bảy. Năm nhân duyên là phương tiện, căn, chánh thọ, giải thoát và chánh thọ giải thoát.

Phương tiện nghĩa là Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Tùy tín hành nghĩa là vì tín nhiều, nên nói tùy tín hành, trước vì gieo trồng các nghiệp tin người khác nên làm. Khi được đạo rồi, dùng gốc để gọi tên. Tùy pháp hành: Là trước tự mình tư duy để tạo ra các nghiệp. Sau được đạo rồi lấy gốc làm tên.

Căn nghĩa là tín giải thoát, kiến đáo. Độn căn nói là tín giải thoát, lợi căn nói là kiến đáo. Chánh thọ nghĩa là thân chứng. Giải thoát là tuệ giải thoát. Chánh thọ, giải thoát là câu giải thoát. Về sự nói có sáu nghĩa là các bậc Thánh này có sáu, kiến đạo có hai: Tùy tín hành và Tùy pháp hành. Tu đạo có hai là Tín giải thoát và Kiến đạo. Đạo vô học có hai là Thời giải thoát và Bất thời giải thoát. Người tùy tín hành nên nói là một, nghĩa là vì căn của bảy người nên nói là ba, nghĩa là vì chủng tánh của hạ, trung, thượng nên nói năm, nghĩa là thối pháp cho đến đạo tất thăng tiến nên nói mười lăm. Từ trụ khổ pháp nhẫn, cho đến đạo tỷ nhẫn lìa dục, nên nói bảy mươi ba, lìa dục cõi Dục có mười, nghĩa là từ cụ phược cho đến hết chín phẩm. Sơ thiền chín, cho đến Vô sở hữu xứ.

Lại nữa, đạo của chủng tánh căn dựa vào kiến lập mà tăng, cũng nên nói rộng. Như thế người tùy tín hành có mười bốn vạn bảy nghìn tám trăm hai mươi lăm, thuộc về đạo kia.

Một, ba, năm, mười lăm Cùng với bảy mươi ba Là đạo chủng tánh căn Lìa phiền não phải biết Gấp ba, kế gấp năm Mười lăm và gấp chín Rất nhiều hạng như thế Chỉ nói Tùy tín hành.

Phải biết bậc Thánh khác, tùy theo nghĩa đó cũng nên nói như thế.

Hỏi: Như Khế kinh nói tám người như hướng Tu-đà-hoàn, v.v... là thế nào?

Đáp:

Do vì có năm việc
Nói có tên tám người
Sự trước, sau đều một
Khoảng giữa thì có ba.

Bốn hướng, bốn quả này nói là tám người, danh sự có năm. Hướng Tu-đà-hoàn và A-la-hán, đây gọi là một việc, cũng một Tu-đà-hoàn và hướng Tư-đà-hàm, đây gọi hai việc. Một Tư-đà-hàm và hướng A-na-hàm, A-na-hàm và hướng A-la-hán, cũng như thế.

Bốn người trước ấy là thành tựu Thánh đạo của một địa, tức ở đây cũng nói Gia gia và một hạt giống. Hướng quả A-na-hàm hoặc một địa cho đến sáu địa, quả A-na-hàm hoặc ba địa, cho đến sáu địa, hướng A- la-hán hoặc ba địa cho đến chín địa. A-la-hán thành tựu chín địa. Đạo quả Sa-môn kia hư hoại thì địa hư hoại, nên lập ra bốn trường hợp:

1. Đạo hoại, địa không hoại: Là quả Tư-đà-hàm.

2. Địa hoại, không phải đạo hoại, là quả A-la-hán.

3. Đạo hoại, địa hoại: Là quả A-na-hàm.

4. Đạo không hoại, địa không hoại: Là quả Tu-đà-hoàn (xen lẫn hữu lậu, vô lậu gọi là đạo hoại, xen lẫn dựa vào các thiền gọi là địa hoại).

Đã hết là giải thoát Được nương vào một quả Thứ chín, không nhiễm ô Diệt tận nên sẽ nói.

Đã hết là giải thoát, được nương vào một quả: Các đạo giải thoát trong hướng đạo lúc đắc quả đắc giải thoát. Phiền não phẩm Pháp trí đã dứt hết, được một giải thoát, những phiền não do phẩm tỷ trí dứt hết được hai giải thoát. Vì được đạo không hư hoại nên nói lúc được một quả, nói năm nhân duyên được đạo chưa từng, xả đạo đã từng, đắc ngay tám trí, cùng lúc tu mười sáu hành, được quả của một vị giải thoát.

Hỏi: Dứt trừ nhiễm ô trước đã nói, không nhiễm ô làm sao dứt trừ?

Đáp: Diệt tận thứ chín không nhiễm ô, nên phải nói. Trước đã nói chín phẩm dứt phiền não quyến thuộc.

Không nhiễm ô nghĩa là trụ đạo vô ngại thứ chín, dứt trừ mau chóng, chẳng phải dần dần. Không nhiễm ô nghĩa là thiện thế tục và vô ký không ẩn mất, sắc của năm ấm nhiễm ô cũng do đạo vô ngại thứ chín dứt trừ, vì ít nên không nói.

Hỏi: Vì sao dứt trừ chín phẩm phiền não, đạo vô ngại thứ chín không nhiễm ô dứt trừ?

Đáp: Vì phiền não trái với Thánh đạo. Thánh đạo trái với phiền não, không nhiễm ô, không trái nhau, cho nên phiền não kia như thế, đạo như thế khởi, tùy chỗ cần dứt trừ, phiền não được dứt trừ. Đạo hạ hạ khởi, phiền não thượng thượng dứt trừ, cho đến đạo thượng thượng khởi, phiền não hạ hạ dứt trừ. Như ánh sáng nhỏ diệt bóng tối thô, nguồn sáng lớn diệt bóng tối nhỏ. Đạo kia cũng như thế, do nhiễm ô nên tự tánh dứt trừ không thành tựu, người không cấu uế là xả lỗi phiền não như nạn độc.

Vô trước tên giống nhau Kia hay được bất động Chủng tánh tín giải thoát Thăng tiến cũng tăng đạo.

Vô trước tên giống nhau, có thể được bất động, nghĩa là chẳng phải tất cả A-la-hán đều được bất động, chỉ có danh tương tự công đức là đắc, nghĩa chắc chắn thăng tiến tăng tiến căn trong năm loại kia là đắc, nghĩa là pháp tiến đến tư pháp. Thứ lớp như thế theo thứ lớp đều phải biết. Lại nữa, được bất động có chín đạo vô ngại và chín đạo giải thoát, như được A-la-hán. Chín đạo vô ngại, tám đạo giải thoát thuộc về thời giải thoát. Đạo giải thoát thứ chín thuộc về Bất thời giải thoát. Tất cả quả của đạo kia thuộc về đạo. Đạo phương tiện kia nếu là vô lậu thì thuộc quả đạo, còn nếu là hữu lậu thì không thuộc.

Chủng tánh tín giải thoát, thăng tiến cũng thăng tiến, nghĩa là tín giải thoát kia, hoặc chủng tánh tất thăng tiến có thể đắc kiến đáo, chứ chẳng phải tánh khác. Cho nên năm thứ học địa cũng là căn thăng tiến. Đạo thăng tiến nghĩa là căn bùng cháy. Căn thăng tiến nghĩa là tăng thêm trong loài người, chứ không phải đường khác. Thánh đạo tăng chẳng phải đạo thế tục. Học là nương vào thiền, vô học là nương vào thiền và Vô Sắc. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm thì nương vào căn tăng tiến ở vị lai, tức họ xả một địa, được một địa. Nếu A-na-hàm trước nương vào Sơ thiền và quyến thuộc vượt lên ly sinh và theo thứ lớp chưa đắc đệ Nhị thiền. Căn thăng tiến kia sẽ xả quả của ba địa, đắc quả của ba địa, hoặc đắc đệ Nhị thiền chứ không phải đệ Tam thiền. Về sau, sẽ nương vào căn thăng tiến của Sơ thiền, nghĩa là xả quả của ba địa và đạo quả vượt hơn của bốn địa, tức được quả của ba địa. Như thế cho đến đắc Vô sở hữu xứ vô lậu, xả quả của ba địa và xả đạo

thắng quả của chín địa, đắc quả của ba địa. Như thế cho đến được Vô sở hữu xứ vô lậu, xả quả ba địa và xả quả địa thù thắng của Chín địa được quả ba địa, nếu cho xả nhiều đạo được ít đạo nên lui sụt thì không đúng. Vì sao? Vì đắc đạo thù thắng, vì ý giải của người đó.

Hỏi: Xả đạo, cũng xả đoạn (dứt trừ) chăng?

Đáp: Đạo thế tục đoạn là không xả. Nếu mỗi thứ phiền não của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ dứt trừ thì lúc được kiến đáo, Phi tưởng Phi phi tưởng kia sẽ do tu đạo dứt trừ, xả dứt và đối trị, mà không thành tựu phiền não đắc, như lúc phàm phu sinh nơi địa trên.

Lại nữa, nếu trước nương vào Sơ thiền, vượt lên ly sinh, về sau nương vào căn tăng tiến của đệ Nhị thiền thì người đó đã xả quả của ba địa và thắng quả đạo thù thắng của bốn địa, được quả của bốn địa. Như thế tất cả địa nên nói rộng.

Nếu trụ quả mà căn tăng tiến thì sẽ thuộc về phương tiện vô ngại và đạo quả giải thoát. Nếu trụ căn tăng tiến của thắng quả đạo, nghĩa là hoặc thuộc về đạo phương tiện vô ngại, hoặc thắng đạo quả vượt hơn, hoặc thuộc về đạo quả giải thoát, một đạo phương tiện một đạo vô ngại cũng là một đạo giải thoát. Như thế kiến đạo cũng có sáu chủng tánh mà không có căn tăng tiến, vì là đạo nhanh chóng.

Phần căn thiện quyết định phần như thế cũng có sáu chủng tánh. Người tu hành là căn tăng tiến theo thứ lớp, chỉ có pháp thế gian đệ nhất là không có căn tăng tiến vì do một niệm.

Đã nói các căn đủ, nay sẽ nói: Về là học đủ không đủ

Hoặc quả hữu học đủ
Hoặc căn, hoặc chánh thọ
Hoặc ba đều cùng đủ
Vô học hai cũng thế.

Học kia có ba sự đủ, hoặc quả đủ, hoặc căn đủ, hoặc chánh thọ đủ. Nếu tín giải thoát A-na-hàm không được định Diệt tận thì chỉ có quả đủ, chẳng phải căn đủ, vì căn yếu kém, không phải chánh thọ đủ, không được đủ, vì định Diệt tận.

Kiến đáo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm chỉ có căn đủ, chẳng có quả đủ, chẳng phải chánh thọ. Tín giải thoát A-na-hàm, đắc định Diệt tận, quả đủ và chánh thọ đủ không phải căn đủ. Kiến đáo A-na-hàm không được định Diệt tận, nghĩa là quả đủ và căn đủ không phải chánh thọ đủ. Kiến đáo được định Diệt tận, có ba sự đủ, vô học có hai cũng thế: Nghĩa là tất cả quả vô học đều đủ, vì tánh quả không hai. Hạ căn tuệ giải thoát, nghĩa là quả đủ,

không phải căn đủ. Người lợi căn là quả đủ và căn đủ đều không phải chánh thọ đủ. Hạ căn câu giải thoát, nghĩa là quả đủ và chánh thọ đủ, không phải căn đủ. Lợi căn nghĩa là ba việc đủ.

Hỏi: Ba thứ đủ, đó là khéo quán đế, tại sao quán đế là mau chóng, hay dần dần?

Đáp:

Kiến lập công đức ác
Dần dần thấy chân đế
Sức đạo vô ngại được
Quả hữu vi, vô vi.

Kiến lập công đức ác, dần dần thấy chân đế: nghĩa là vì đối với chân đế này thấy rõ lỗi ác, nên lập khổ đế, tập đế. Vì nhận thấy công đức nên lập diệt đế, đạo đế. Cho nên không phải lúc thấy lỗi ác đồng thời thấy công đức, cũng không phải khi thấy công đức đồng thời thấy lỗi ác, vì thể khác nhau, cũng không phải không thấy đế như thật, gọi là đế vô gián đẳng, cũng không phải một trí quán chung đế, vì đế có nhiều tánh, cho thế nên dần dần thấy chân đế.

Có thuyết nói hành vô ngã đốn vô gián đẳng. Thuyết kia nói hành vô ngã duyên tất cả pháp như thế lẽ ra vô gián đẳng ngay tức khắc là không đúng. Vì sao? Vì quá nhiều điên đảo, và vì tự tánh tương ưng với pháp cộng hữu chẳng phải cảnh giới, vì tướng quả của đế.

Vô ngã, v.v... đối với đế này mang rất nhiều tánh điên đảo chẳng phải một. Vì vô ngã khởi dứt trừ rất nhiều tự tánh của hoặc, cho nên chẳng phải một. Vô gián đẳng dần dần. Vô gián đẳng sẽ nói rộng trong phẩm Trạch.

Hỏi: Đế vô gián đẳng được quả Sa-môn, sao lại là quả hữu vi?

Đáp: Sức của đạo vô ngại được quả hữu vi lẫn vô vi. Phiền não thường diệt và đạo giải thoát đều có sức của đạo vô ngại đạt được, cho nên đều nói là quả Sa-môn. Phiền não diệt là quả giải thoát và quả công dụng. Đạo giải thoát là quả công dụng và quả y.

Hỏi: Vô gián đẳng này có bao nhiêu loại?

Đáp:

Là ba vô gián đẳng
Duyên sự kiến vô gián
Phải biết có ba loại
Hoặc hai cũng là một.

Ba loại vô gián đẳng, đó là duyên vô gián đẳng, sự vô gián đẳng và kiến vô gián đẳng. Tuệ kia là hai loại vô gián đẳng. Duyên vô gián đẳng vì

hữu duyên, Sự vô gián đẳng là vì có thể thành sự. Kiến vô gián đẳng là kiến tánh. Tuệ tương ưng pháp có hai thứ vô gián đẳng là duyên vô gián đẳng và sự vô gián đẳng, còn pháp cộng hữu kia chỉ có một là sự vô gián đẳng. Khổ nhẫn, khổ trí kia ở nơi khổ đế có ba thứ vô gián đẳng, đối với diệt đế, đạo đế có sự vô gián đẳng, phải biết tập nhẫn, tập trí đối với tập đế cũng như vậy. Diệt nhẫn, diệt trí đối với diệt đế có ba loại vô gián đẳng, đối với khổ, tập, đạo đế có sự vô gián đẳng.

Đạo nhẫn đạo trí đối với đạo đế có ba vô gián đẳng, đối với khổ, tập, diệt đế có sự vô gián đẳng. Tu đạo tùy theo nghĩa ấy, phải biết như vầy: Kiến đế vô gián đẳng vì nhân duyên này nên phải biết lần lượt vô gián đẳng.

-oOo-

LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

QUYỂN 6

Phẩm 6: TRÍ

Đã nói về kiến lập bậc Hiền Thánh, nay sẽ nói về Trí.

Nếu tánh trí rõ được,
Soi sáng tất cả hữu
Có, không có Niết-bàn
Nay nói các tướng ấy.

Nếu: Nghĩa là nếu sự kia, Trí là nghĩa quyết định, rõ nghĩa là phân biệt. Soi sáng nghĩa là quán sát. Tất cả hữu là cùng cực mé ba cõi, đó là khổ tập đế. Hữu là tánh hữu. Có, không có nghĩa là có tận. Niết-bàn nghĩa là các phiền não diệt, đây là nói diệt đế. Trong các nghĩa kia cũng biểu thị tướng của đạo đế, nghĩa là tự tánh, tánh tự nhiên, nay nói là chỉ bày tự tánh.

Hỏi: Những gì là trí?

Đáp:

Ba trí do Phật nói
Giác bậc nhất trên hết
Pháp trí và tỷ trí
Và đẳng trí thế tục.

Ba trí này gồm thâu tất cả trí. Pháp trí: Hoặc cảnh giới trí là trí vô lậu của khổ, tập, diệt, đạo, thuộc cõi Dục. Vì trí này đầu tiên thọ pháp tướng nên nói là pháp trí. Tỷ trí nghĩa là hoặc trí cảnh giới, là trí vô lậu khổ, tập, diệt, đạo của cõi Sắc và Vô Sắc. Nếu pháp trí của hành này chuyển thì hành ấy chuyển theo. Tỷ trí này vì do tỷ loại trí, nên nói là tỷ trí. Đẳng trí là hoặc trí cảnh giới, là trí hữu lậu của tất cả pháp. Đẳng nghĩa là thọ nhiều số loại thế tục: nam, nữ, dài, ngắn, v.v... nên nói đẳng trí. (Đẳng nghĩa là mọi việc nhóm họp).

Khổ, tập và diệt, đạo
Hai trí từ đế sinh
Đó gọi khởi bốn trí
Mâu-ni tùy đế nói.

Pháp trí, tỷ trí này tùy đế chuyển, Đức Thế Tôn tùy theo âm thanh đế kia mà nói, cảnh giới khổ đế nói là khổ trí, còn cảnh giới tập, diệt, đạo thì nói là đạo trí.

Nếu trí quán tha tâm
Là nói theo ba này
Trí tận, trí vô sinh
Cảnh giới ở bốn môn.

Nếu trí quán tha tâm, là nói theo ba này, nghĩa là ba trí quán tha tâm, dùng phẩm pháp trí làm cảnh giới, để nói pháp trí, dùng phẩm tỷ trí làm cảnh giới, để nói về tỷ trí, dùng tâm, tâm pháp hữu lậu làm cảnh giới, nói là đẳng trí.

Trí tận, trí vô sinh, nghĩa là trí tận, trí vô sinh là hai trí, đó là pháp trí và tỷ trí. Cảnh giới tạo tác của trí kia rốt ráo quyết định chuyển là tận trí, không còn tạo tác nữa. Quyết định chuyển là trí vô sinh.

Hỏi: Cảnh giới của đế nào?

Đáp: Cảnh giới ở bốn môn, nghĩa là duyên bốn đế kia.

Hỏi: Nếu Đức Thế Tôn nói ba trí thì sao lại nói mười?

Đáp:

Đối trị và phương tiện
Tự tánh hành, hành duyên
Đã làm nhân nuôi lớn
Thế nên nói mười trí.

Vì bảy nhân duyên nên nói mười trí, nghĩa là đối trị và phương tiện, tự tánh hành, hành duyên, đã làm nhân trưởng dưỡng. Đối trị, nghĩa là pháp trí tỷ trí là trí vô lậu. Đối trị cõi Dục, nói là pháp trí, đối trị cõi Sắc, Vô Sắc nói là tỷ trí, pháp trí. Tuy đối trị cõi Sắc, Vô Sắc nhưng chẳng phải tất cả, cũng chẳng phải toàn chủng, cho nên không nói. Phương tiện nghĩa là trí tha tâm cũng trí tâm pháp, chỉ vì phương tiện mà muốn biết tâm kia. Tự tánh: Nghĩa là đẳng trí thường chấp lấy nhiều số tục, như trước đã nói.

Hành: Là khổ trí, tập trí, hai trí này hành duyên hoại không hư hoại, vì một duyên. Hai trí này chung một duyên, cho nên đối với duyên kia, hành vô thường chuyển, khổ trí này, cũng nói là vô thường. Vì trí do khổ tăng thêm rất nhiều sự nhàm chán nên gọi là khổ trí. Kế đó vì bất cộng, nên hành khổ hoàn toàn duyên hữu lậu. Hành vô thường là hoặc duyên ba đế hữu lậu, hoặc duyên vô lậu, hữu lậu.

Hành không, vô ngã: Nghĩa là hoặc duyên tất cả pháp hữu lậu, hoặc duyên vô lậu hữu lậu. Cho nên khổ trí, hành khổ tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc khổ trí không phải hành khổ, nghĩa là hành khổ trí, hành khác.

2. Hoặc hành khổ chẳng phải khổ trí, nghĩa là pháp tương ưng của khổ trí.

3. Hoặc khổ trí cũng là hành khổ, nghĩa là hành khổ trí, hành khổ.

4. Hoặc không phải khổ trí, cũng không phải hành khổ, nghĩa là hành khổ trí của các pháp hành tương ưng khác. Như hành, đã hành, sẽ hành cũng như thế. Như hành khổ, vô thường, không, vô ngã cũng như vậy.

Như khổ trí mười hai, cho đến đạo trí cũng như thế. Hành duyên nghĩa là các diệt trí, đạo trí. Vì trí kia duyên hành không hư hoại, cũng không bị hư hoại. Đã làm nghĩa là vì việc làm của tận trí đã thực hiện. Nhân trưởng dưỡng nghĩa là trí vô sinh, vì do tất cả trí vô lậu, vì trụ thân bất động.

Đã nói nhân duyên kiến lập mười trí. Nay sẽ nói phân biệt thiện v.v…

Chín trí chỉ nói thiện,
Một trí, ba phân biệt,
Một kiến, hai phi kiến
Ngoài ra có hai thứ.

Chín trí chỉ nói thiện: Nghĩa là trừ đẳng trí, còn chín trí khác nói là thiện, vì quả ái. Một trí ba phân biệt: Nghĩa là đẳng trí hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Một kiến nghĩa là trí tha tâm, là tánh phân biệt của kiến này.

Hai phi kiến: Là trí tận, trí vô sinh, vì không phải kiến, không phải tánh phân biệt. Ngoài ra có hai thứ, nghĩa là bảy trí khác, hoặc kiến, hoặc chẳng phải kiến, hoặc pháp trí, tỷ trí, trí khổ, tập, diệt, đạo, trí tận, trí vô sinh, trí nào không lệ thuộc là kiến, lệ thuộc thì chẳng phải kiến.

Đẳng trí là hoặc kiến, hoặc chẳng phải kiến, năm kiến như chánh kiến thế tục, kiến này vì nhanh chóng. Nghi, ái, sân, mạn, vô minh tương ưng với tuệ, chẳng phải kiến. Vì sao? Vì hai sử che lấp. Tuệ tương ưng với vô minh, tuy không có hai sử, một có thể che lấp tột độ, chẳng phải phiền não khác. Vì sao? Vì chẳng phải phương tiện quán sát. Tuệ vô ký không ẩn mất chẳng phải kiến, vì không nhanh chóng.

Năm thức tương ưng với tuệ chẳng phải kiến, vì không phải tánh suy lường.

Học và vô học sáu
Hai trí nói vô học
Phi Học, Vô học một
Phải biết một, ba thứ.

Học và Vô học sáu: Nghĩa là pháp trí, tỷ trí, trí khổ, tập, diệt, đạo, hoặc Học, hoặc Vô Học. Nếu người Học thì sở đắc là Học, nếu người vô học thì sở đắc là vô Học. Hai trí nói vô học, nghĩa là trí tận, trí vô sinh là vô học, vì lìa phiền não trụ.

Phi học, phi vô học một, nghĩa là đẳng trí là phi học, phi vô học, vì hữu lậu. Phải biết một, ba thứ nghĩa là trí tha tâm hoặc Học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học, hoặc chỉ dùng tâm, tâm pháp làm cảnh giới là học, hoặc chỉ lấy tâm, tâm pháp vô học làm cảnh giới là Vô học, hoặc chỉ dùng tâm, tâm pháp hữu lậu làm cảnh giới là phi học, phi vô học.

Tánh tám trí không đoạn
Hai trí, hai chủng nói
Hữu lậu, vô lậu một
Một thì nói hữu lậu.

Tánh tám trí không dứt, nghĩa là trừ trí tha tâm và đẳng trí, tám trí khác không dứt, vì ly cấu. Nói hai trí, hai chủng, nghĩa là trí tha tâm nếu hữu lậu là tu đạo dứt trừ, nếu vô lậu là đẳng trí không dứt trừ, nếu nhẫn đối trị là kiến đạo dứt trừ, nếu trí đối trị là tu đạo dứt trừ.

Hữu lậu, vô lậu một, nghĩa là trí tha tâm hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Dùng tâm, tâm pháp hữu lậu làm cảnh giới là hữu lậu, dùng tâm, tâm pháp vô lậu làm cảnh giới là vô lậu. Một thì nói hữu lậu, nghĩa là đẳng trí hoàn toàn hữu lậu, vì trú xứ của phiền não. Phải biết tám trí không dứt, nói là vô lậu.

Bốn trí duyên hữu vi
Duyên hữu thường thì một
Hai cảnh giới năm trí
Do bậc Minh trí nói.

Bốn trí duyên hữu vi: Nghĩa là trí tha tâm, khổ, tập, đạo trí duyên hữu vi, vì lấy ấm làm cảnh giới. Duyên hữu thường thì một, nghĩa là diệt trí duyên vô vi, vì dùng Niết-bàn làm cảnh giới. Hai cảnh giới năm trí, nghĩa là pháp trí, tỷ trí, trí tận, trí vô sinh, lấy ba đế làm cảnh giới là duyên hữu vi, lấy diệt đế làm cảnh giới là duyên vô vi. Đẳng trí cũng lấy ba đế làm cảnh giới là duyên hữu vi. Dùng thường diệt và hư không làm cảnh giới là duyên vô vi.

Pháp trí cần phải biết
Là từ sáu địa khởi
Tỷ trí thì chín địa
Trí tha tâm ở thiền.

Pháp trí cần phải biết, là từ sáu địa khởi: nghĩa là sáu địa của pháp trí có thể đạt được, vì là tự tánh đắc. Nghĩa là Tứ thiền, vị lai, trung gian chẳng phải Vô Sắc, vì Vô Sắc không duyên cõi Dục. Tỷ trí thì chín địa, nghĩa là tỷ trí chín địa có thể được, đó là vị lai, trung gian, bốn thiền và ba Vô Sắc. Trí tha tâm ở thiền, nghĩa là thiền căn bản có trí tha tâm là vì quả định của bốn chi, năm chi.

Đẳng trí cần phải biết
Ở tại mười một địa
Đó là các trí khác
Phẩm phẩm như trước nói.

Đẳng trí cần phải biết, ở tại mười một địa: nghĩa là đẳng trí ở mười một địa, đó là cõi Dục, vị lai, trung gian, bốn thiền, bốn Vô Sắc. Đó là các trí khác, phẩm phẩm như trước nói: nghĩa là trí khổ, tập, diệt, đạo, tận trí, trí vô sinh. Hoặc phẩm pháp trí ở sáu địa như pháp trí, hoặc phẩm tỷ trí ở chín địa như tỷ trí.

Nếu nói các niệm xứ
Một trí phải biết sau
Ba thì nói một trí
Bốn kia, minh trí nói.

Nếu nói các niệm xứ, một trí phải biết sau: Nghĩa là diệt trí là pháp niệm xứ, vì duyên vô vi. Ba thì nói một trí, nghĩa là trí tha tâm, vì duyên tha tâm, tâm pháp, là ba niệm xứ, trừ thân niệm xứ. Bốn còn lại, bậc minh trí nói, nghĩa là tám trí còn lại là bốn niệm xứ, vì duyên năm ấm.

Một trí cõi Dục nương
Hai cõi nương có một
Hai trí ba cõi nương
Sáu kia, một hoặc ba.

Một trí cõi Dục nương: Nghĩa là pháp trí chỉ cõi Dục nương, vì pháp trí tùy sinh, hoặc vì bốn đại tạo cõi Dục. Hai cõi nương có một, nghĩa là trí tha tâm có cõi Dục, cõi Sắc nương vì nương vào sắc.

Hai trí ba cõi nương, nghĩa là tỷ trí, đẳng trí ba cõi nương. Sáu kia, một hoặc ba, nghĩa sáu trí như khổ trí, v.v..., hoặc phẩm Pháp trí cõi Dục nương, phẩm tỷ trí ba cõi nương. (Nương là tên khác của thân).

Danh thì mười sáu hành
Sự, hoặc nói mười sáu
Lìa khỏi mười sáu hành
Trừ ám phi vô lậu.

Danh thì mười sáu hành, đó là vô thường, khổ, không, phi ngã, nhân, tập, hữu, duyên, diệt, chỉ, diệu, đạo, xuất, chánh, tích, thừa, vì nắm giữ các duyên, vì vô thường, ép ngặt nên khổ, vì đối trị kiến của ngã sở nên không, vì đối trị với ngã kiến nên phi ngã, vì pháp của hạt giống nên là nhân, vì đẳng khởi nên là tập, vì nối tiếp nhau nên hữu, vì tướng thành thục nên là duyên, vì các ấm tận nên là diệt, vì ba đại dừng nghỉ nên là chỉ, vì lìa não bên trong nên là diệu, vì lìa não ngoài nên là xuất, vì hướng đến nên là đạo, vì xảo tiện nên là chánh, vì cùng như vậy nên là tích và vì đạt tới rốt ráo nên là thừa.

Lại nữa, vì không phải rốt ráo nên vô thường, vì gánh vác nặng nên khổ, vì bên trong lìa người cho nên không, vì chẳng tự tại nên phi ngã, vì phương tiện đến nên nhân, vì phương tiện xuất sinh nên tập, vì tăng trưởng nên là hữu, vì dựa vào nhau nên là duyên, vì không nối tiếp nhau, lìa tiếp nối nhau nên diệt, vì lìa ba tướng hữu vi nên chỉ, vì thiện vì thường nên là diệu, vì thôi dứt bậc nhất, vì đối trị lìa nẻo tà nên là đạo, vì đối trị với bất chánh nên là chánh, vì lên thành Niết-bàn nên là tích, vì đối trị tất cả hữu nên là Thừa.

Hỏi: Sự có bao nhiêu hành?

Đáp: Sự hoặc nói mười sáu, đây gọi là mười sáu hành. Có thuyết nói sự có bảy, đó là hành khổ, gọi là bốn. Sự cũng có bốn, vì đối trị với điên đảo. Tập hành gọi là bốn, sự có một. Diệt, đạo cũng như thế. Thuyết như thế, gọi là mười sáu sự, cũng là mười sáu thiện.

Hỏi: Lìa mười sáu hành, lại có tuệ vô lậu chăng?

Đáp: Lìa mười sáu hành, trừ bóng tối, chẳng phải vô lậu. Lìa mười sáu hành, không có tuệ vô lậu. Như khế kinh nói: "Sanh tử của ta đã hết". Đây cũng là hành sinh khổ v.v... đã hết. Như nói ta chặt gỗ, lấy gì để chặt, đó là búa chặt, ở đây cũng như thế.

Hỏi: Các trí này mỗi trí có bao nhiêu hành?

Đáp:

Hai trí mười sáu hành
Pháp trí và tỷ trí
Hành như thế hoặc phi
Đây gọi là đẳng trí.

Hai trí mười sáu hành, pháp trí và tỷ trí, nghĩa là như nói mười sáu hành, tất cả pháp trí, tỷ trí chuyển. Hành hoặc là phi như thế là nói Đẳng trí. Đẳng trí hành, mười sáu hành cũng chẳng phải mười sáu hành. Mười sáu hành là các căn thiện như noãn, v.v... mười sáu hành này và văn, tư, tuệ

bất định khác, cũng là phi (không phải) nghĩa là như bệnh, như hành ung nhọt v.v..., đó gọi là phi.

Hỏi: Nếu đẳng trí là mười sáu hành thì vì sao không gọi là khổ trí cho đến đạo trí?

Đáp: Vì cảnh giới hư hoại, cảnh giới không hư hoại của hành vô lậu, vì duyên biệt đế. Cảnh giới hư hoại của hành hữu lậu, ba đế của hành vô thường, hữu lậu, hành của duyên không, phi ngã, là duyên tất cả pháp.

Bốn trí có bốn hành Hành quyết định đã nói Nếu trí biết tha tâm Hành như thế hoặc phi.

Bốn trí có bốn hành, hành quyết định đã nói: Nghĩa là khổ trí có bốn hành, cho đến đạo trí cũng như thế. Nếu trí biết tha tâm, hành như thế hoặc phi, nghĩa là nếu trí tha tâm vô lậu là bốn hạnh của đạo thì trí hữu lậu chẳng phải là cảnh giới tự tướng.

Trí tận, trí vô sinh
Lìa hành không, vô ngã
Nói có mười bốn hành
Tức vì gần với đẳng.

Trí tận, trí vô sinh, lìa hành không vô ngã, nói có mười bốn hành: Nghĩa là mười bốn hành của trí tận, trí vô sinh, trừ hành không, vô ngã.

Hỏi: Vì sao chẳng phải hành không vô ngã?

Đáp: Nghĩa là vì gần với đẳng. Đệ nhất nghĩa của trí tận, trí vô sinh mà gần với đẳng. Đệ nhất nghĩa của hành không vô ngã, gần với đệ nhất.

Hỏi: Các hành kia là ai có thể làm, cũng là điều thực hành của người khác, hay vì những tánh nào?

Đáp:

Tuệ tức hành năng hành
Cũng là chỗ hành khác
Hữu y khác hai thứ
Không nương chỗ hành khác.

Là tuệ hành năng hành, cũng là chỗ hành khác, nghĩa là tự tánh của tuệ là hành, có thể ở trong phiền não ấy mà hành các hạnh như vô thường, v.v... Tuệ kia cũng là hành nơi chốn hành như vô thường, v.v...

Hữu y khác có hai thứ, nghĩa là trừ tuệ, pháp tương ưng khác cũng là chủ thể hành, vì có duyên, cũng là chỗ hành khác, vì đối tượng duyên khác, không phải hành vì chẳng phải tánh tuệ. Không nương chỗ hành là hoặc pháp bất tương ưng kia, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành là chỗ hành

khác, vì không phải tánh của tuệ, không phải chủ thể hành, vì không có duyên. Đã nói kiến lập hành, nay sẽ nói kiến lập đắc.

Là sơ tâm vô lậu
Hoặc có thành tựu một
Hai hoặc thành tựu ba
Bốn thời đều tăng một.

Là sơ tâm vô lậu, hoặc có khi thành tựu một, nghĩa là tâm khổ pháp nhẫn ban đầu tương ưng, nếu chưa lìa dục thì thành tựu một đẳng trí, nếu lìa dục thì thành tựu trí tha tâm.

Hai hoặc thành tựu ba: Nghĩa là khổ pháp trí thứ hai tương ưng với tâm, nếu chưa lìa dục thì thành tựu ba trí: khổ trí, pháp trí, đẳng trí. Nếu đã lìa dục thì thành tựu trí tha tâm.

Bốn thời đều tăng một, nghĩa là ở vào bốn thời gian trên, mỗi lúc tăng khổ tỷ trí. Nếu chưa lìa dục thì thành tựu bốn trí: Pháp trí, tỷ trí, khổ trí, đẳng trí. Nếu lìa dục thì được trí tha tâm. Tập pháp trí tăng tập trí, diệt, pháp trí tăng thì diệt trí. Đạo pháp trí tăng đạo trí trong đạo trí nhẫn, không đắc trí, vì chẳng phải tánh trí.

Trí tập, diệt, đạo, tỷ trí không tăng trí vì do khổ tỷ trí mà được tên.

Đã nói về thành tựu trí. Nay sẽ nói tu:

Nếu được tu về trí
Là kiến đạo bậc Thánh
Tức tu đương lai kia
Các nhẫn cũng như thế.

Nếu được tu về trí, là kiến đạo bậc Thánh, tức tu đương lai kia, nghĩa là các trí kiến đạo tu hiện tại, tức tu vị lai kia. Nghĩa là khổ pháp trí tu hiện tại, tu khổ, pháp trí tu ở vị lai, chẳng phải nhẫn, chẳng phải trí khác. Như thế cho đến đạo pháp trí, các nhẫn cũng như thế. Nghĩa là khổ pháp nhẫn tu hiện tại, tức tu vị lai kia, chẳng phải trí, chẳng phải nhẫn khác, tất cả nhẫn cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao kiến đạo chỉ tu tự phần, còn tu đạo thì tu tự phần và không phải tự phần chăng?

Đáp: Vì tu đạo kia đầu tiên đắc chủng tánh, còn kiến đạo thì mới thấy đế, nên chỉ tu phần mình, chẳng phải phần khác. Lại vì đạo không xen lẫn, vì nhanh chóng, vì đạo bất giác.

Ở trong ba tâm kia
Được tu về đẳng trí
Phải biết tâm sau cùng

Hoặc tu bảy hoặc sáu.

Ở trong ba tâm kia, được tu về đẳng trí, nghĩa là ba tâm vô gián đẳng biên của kiến đạo tu đẳng trí, đó là khổ, tập, diệt tỷ trí. Nếu dựa vào thiền vị lai, vượt lên Ly sinh, người đó tu kiến đạo của một địa, đẳng trí của hai địa, đó là thiền vị lai và cõi Dục. Nếu dựa vào Sơ thiền vượt lên ly sinh thì tu kiến đạo của hai địa, đẳng trí của ba địa, cho đến đệ Tứ thiền tu kiến đạo của sáu địa, đẳng trí của bảy địa.

Hỏi: Đạo tỷ trí biên vì sao không tu đẳng trí?

Đáp: Vì biên không có phần, vì tu đế vô gián đẳng biên, nên gọi vô gián đẳng biên. Không có khả năng tu tất cả đạo và bờ mé của Phật để biết tất cả khổ, tập, diệt.

Hơn nữa, trí thế tục đối với đế kia, vì đã từng là vô gián đẳng, vì tu kiến đạo quyến thuộc đẳng trí của vô gián đẳng biên là kiến đạo quyến thuộc kiến đạo, đạo tỷ trí là tu đạo. Sở dĩ cõi Vô Sắc không tu là vì không có kiến đạo.

Hỏi: Vì sao pháp trí không tu?

Đáp: Vì đế vô gián, không rốt ráo. Nếu tu thì lẽ ra nói là trong vô gián đẳng. Nếu người cõi Dục thì tánh bốn ấm, vì bất định. Nếu người cõi Sắc thì tánh năm ấm, vì là định (có định thì có sắc định, vì cộng sắc. Có sắc ấm là vì có năm ấm). Vì trí tăng nên nói tu đẳng trí.

Nếu khổ vô gián đẳng biên thì có bốn việc: Cõi Dục duyên khổ cõi Dục, cõi Sắc duyên khổ cõi Sắc, Vô Sắc, vô gián đẳng biên của tập, diệt cũng như thế. Pháp bất sinh này dựa vào Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Tùy tín hành, Tùy pháp hành thành tựu mà không hiện ở trước.

Hoặc tu bảy hoặc sáu, phải biết tâm sau cùng, nghĩa là nếu lìa dục được đạo tỷ trí, tu bảy trí ở vị lai, trừ đẳng trí, trí tận, trí vô sinh. Nếu chưa lìa dục thì tu sáu trí, trừ trí tha tâm. Tu đạo đối trị đẳng trí của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, vì chẳng phải đối trị kia nên không tu.

Với tu đạo trên kia
Mười bảy tâm vô lậu
Phải biết tu ở bảy
Căn tăng ích hoặc sáu.

Với tu đạo trên kia, mười bảy tâm vô lậu, phải biết tu ở bảy, nghĩa là nếu chưa lìa sáu thứ dục, từ quả Tu-đà-hoàn, tiến lên chín đạo vô ngại, tám đạo giải thoát, tu bảy trí. Vì đạo này thuộc về thiền vị lai, không có trí tha tâm, trí tận, trí vô sinh, vì là vô học, nên không tu, còn bảy trí khác thì phải tu.

Nếu trí thế tục lìa dục, trí đó hiện tại tu một đẳng trí, vị lai tu bảy.

Nếu người vô lậu, là bốn pháp trí, mỗi pháp trí tu hiện tại, vị lai bảy.

Căn tăng ích hoặc sáu, nghĩa là tín, giải thoát, cầu kiến đáo. Đạo vô ngại kia tu sáu trí, chẳng phải trí tha tâm, vì trái với đạo vô ngại, không phải đẳng trí, vì kiến đạo, không phải trí tận, trí vô sinh, vì vô học.

Nếu chưa lìa dục, đạo giải thoát cũng tu sáu trí này, nếu lìa dục, tu bảy trí, cho nên nói hoặc đạo thăng tiến được bất động, chín đạo vô ngại tu bảy trí, chứ không phải trí tha tâm, vì trái với đạo vô ngại, không phải đẳng trí, không phải đệ nhất hữu, vì đối trị. Không phải trí vô sinh, vì chưa đắc. Tám đạo giải thoát tu tám trí, cũng được trí tha tâm. Đạo giải thoát thứ chín tu mười trí, cho nên nói là "hoặc".

Lúc được quả Bất hoàn
Và lìa bảy địa trên,
Huân tu các thần thông
Giải thoát tu tập tám.

Được quả A-na-hàm, sẽ được thiền căn bản nên tu tám trí, trí trừ tận, trí vô sinh và bốn thiền ba Vô Sắc. Bảy địa này lúc lìa dục, chín đạo giải thoát tu tám trí. Nếu đạo thế tục khi lìa dục, đẳng trí hiện tại, tu vị lai tám. Nếu đạo vô lậu lìa dục, tu sáu trí, mỗi trí hiện tại, tu vị lai tám.

Sáu trí là khổ tỷ trí, tập, diệt đạo, tỷ trí và diệt, đạo pháp trí. Huân tu thiền một, đạo giải thoát hữu học tu tám trí, vô học tu mười trí. Thần túc, trí tha tâm, túc mạng đều một, đạo giải thoát cũng tu tám trí, vì thuộc về thiền căn bản.

Thiên nhãn, thiên nhĩ, đạo giải thoát vì vô ký nên không tu (ba thông trên lúc được và về sau, khi dụng, đều là đạo giải thoát. Đạo giải thoát đều là thần túc vì hàng phục chúng sinh. Hai thông khác vì chỗ thấy nhỏ, xa, vì nhãn, nhĩ là không cho nên vô ký).

Các đạo vô ngại này
Và diệt đệ nhất hữu
Tức tám giải thoát kia
Phải biết tu có bảy.

Đạo vô ngại bảy địa lìa dục và hai đạo vô ngoại của đối tu thiền, học năm đạo vô ngại của các thông (Bảy địa lìa dục và huân tu, dùng một đẳng trí, một trí vô lậu làm đạo vô ngại hai, vì hai niệm nên nói hai, vì năm thông đều có một đạo vô ngại, nên nói là năm). Tu bảy học trí, trừ trí tha tâm, vì trái với đạo vô ngại. Đệ nhất hữu lìa dục, tám đạo giải thoát tu bảy trí, trừ đẳng trí vì không phải đối trị.

Hữu thứ nhất lìa dục
Đạo vô ngại tu sáu
Thượng thừa cần phải biết
Tu tập ở địa dưới.

Hữu thứ nhất lìa dục, đạo vô ngại tu sáu: Nghĩa là hữu thứ nhất lìa dục, chín đạo vô ngại tu sáu trí, trừ trí tha tâm và đẳng trí, còn tất cả đạo phương tiện hữu lậu, vô lậu đều tu tám trí. Thượng thừa cần phải biết, tu tập ở địa dưới, nghĩa là nếu địa này lìa dục, tức là tu trí vô lậu của địa này và địa dưới, nghĩa là Sơ thiền lìa dục, tức là tu công đức của Sơ thiền và thiền vị lai. Như thế cho đến hữu thứ nhất lìa dục, tu công đức vô lậu của tất cả địa. Pháp đối trị trên gọi là Thượng thừa.

Trong sơ tâm Vô học
Tu ở tất cả địa
Tu tương tợ Vô học
Hoặc khổ, tập, tỷ trí.

Trong sơ tâm vô học, tu ở tất cả địa, nghĩa là tận trí ban đầu của Vô học, tâm tương ưng với tu công đức của chín địa.

Hỏi: Tu những thứ công đức vô học nào?

Đáp: Nghĩa là tu vô học tương tợ, nếu là người của thối pháp thì tu công đức hạ hạ của chín địa, cho đến tu công đức thượng thượng Như lai địa.

Hỏi: Sơ tâm vô học thuộc trí nào?

Đáp: Hoặc khổ, tập, tỷ trí, hoặc khổ tỷ trí, hoặc tập tỷ trí, vì sinh duyên. Nên nghĩ rằng: Sanh tử của ta đã hết. Bốn ấm của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ này, sinh ra duyên sau cùng đã hết, đã nói công đức vô lậu, nay sẽ nói hữu lậu.

Tận trí, tâm đều tu
Công đức thiện hữu lậu
Chín địa đến một địa
Thứ lớp tu cũng giảm.

Khi đắc quả A-la-hán, hoặc tu công đức thiện hữu lậu của chín địa, cho đến hoặc một địa.

Hỏi: Vì sao chín địa cho đến một địa?

Đáp:

Tức sinh ở cõi Dục
Tu hữu lậu chín địa
Nếu sinh hữu thứ nhất

Thì tu ở một địa
Nếu sinh ở cõi Dục
Được quả A-la-hán.

Chỗ tu căn thiện của chín địa đắc tận trí. Nếu sinh Sơ thiền thì tu tám địa, trừ cõi Dục. Như thế cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, tức là tu căn thiện của địa đó.

Hỏi: Vì sao ở xứ này tu căn thiện của ba cõi?

Đáp: Vì tất cả sự ràng buộc đều dứt hẳn. Như ba lần buộc, mở, như lực sĩ hàng phục phiền não, mọi người đều khen ngợi. Như vua lên ngôi quán đảnh giải thoát, tất cả đều dâng lên vật báu lạ. Trước kia tuy được công đức của địa dưới, nhưng vì phiền não của địa trên nên ánh sáng trí tuệ không sáng. Được quả A-la-hán, tất cả công đức tăng tu soi sáng, nghĩa tu sẽ nói rộng trong phẩm Trạch.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói kiến, trí, tuệ là một hay khác?

Đáp:

Các nhẫn thì phi trí
Tận, vô sinh, phi kiến
Tất cả Thánh tuệ khác
Phải biết ba thứ tánh.

Các nhẫn thì phi trí: nghĩa là tám vô gián đẳng là nhẫn, chẳng phải trí, vì không quyết định. Đối trị nghi của tự phẩm, vì mắc phải trói buộc, vì nghĩa quyết định là nghĩa trí.

Lại nữa, nhẫn nghĩa là hy vọng, cầu trí nghĩa là dứt hy vọng. Lại nữa, nhẫn là kiến, chẳng phải tánh trí. Tận, vô sinh chẳng phải kiến, nghĩa là tân trí, trí vô sinh chẳng phải kiến, vì dứt mong cầu, vì trung bình, và vì trái với sinh tử, tất cả Thánh tuệ khác, phải biết ba thứ tánh, nghĩa là trừ nhẫn và tận trí, trí vô sinh. Vì chủng tuệ khác có thể tìm cầu, nên là kiến trí quyết định.

Hỏi: Pháp nào đúng?

Đáp: Tám trí hữu học và đẳng kiến vô học.

Nếu trí hữu lậu thiện
Ở ý tức là kiến
Kiến phiền não là trí
Đây và khác nói tuệ.

Trí của ý địa thiện hữu lậu có thể tìm cầu, nên là kiến. Có thuyết nói không phải tất cả ý thức tương ưng với trí thiện hữu lậu là thấy tánh, nghĩa là vì từ chỗ khởi của thức thân bất tư lương cho nên chẳng phải kiến (năm

thức thứ lớp sinh ý thức, đây chẳng phải kiến). Tâm lúc qua đời chẳng phải kiến vì yếu kém.

Vì khởi tâm tạo tác, chẳng phải kiến vì hướng đến ra ngoài, như vậy đáng gọi là sơ thuyết (hễ nói đúng lý gọi là như vậy). Phiền não kiến là trí: Nghĩa là nếu thấy tự tánh, đó là thân kiến, v.v... vì từ tư lường sinh ra, nên nói là kiến, cũng nói là trí quyết định.

Đây và khác nói tuệ, nghĩa là thuyết này nói hoặc trí, hoặc kiến, và thuyết khác thì chưa nói, nghĩa là ý thức tương ưng với vô ký, ngoại trừ năm kiến, các ý địa khác nhiễm ô và tương ưng với tất cả năm thức. Phải biết tất cả đều là tuệ, nghĩa là thuyết kia chưa nói, nghĩa là nếu vô ký tuệ chẳng phải kiến, vì không nhanh nhẹn. Tuệ công xảo tuy nhanh chóng mà chẳng phải kiến vì gây trở ngại cho sự cầu sinh.

Nhiễm ô trước đã nói, tuệ tương ưng với năm thức chẳng phải kiến, vì không phân biệt, vì không nhanh chóng và vì một lần đi qua.

Hỏi: Mỗi mỗi trí có bao nhiêu trí duyên?

Đáp:

Pháp trí và tỷ trí
Quán sát ở chín trí
Nhân trí và quả trí
Cảnh giới ở hai trí.

Pháp trí và tỷ trí, quán sát ở chín trí: Nghĩa là pháp trí duyên chín trí, trừ tỷ trí. Tỷ trí cũng duyên chín trí, trừ pháp trí.

Hỏi: Vì sao không lần lượt duyên nhau?

Đáp: Vì cảnh giới dưới trên, pháp trí duyên dưới, còn tỷ trí thì duyên trên, cho nên không lần lượt duyên nhau. Như hai người cùng đứng, một người thì nhìn xuống, còn một người nhìn lên. Vì cách nhìn dưới đất và trên không khác nhau nên học không thấy mặt nhau. Nếu nói không tự duyên như không tự thấy mặt mình thì không đúng, vì nhìn liên tục. Nhân trí và quả trí, cảnh giới ở hai trí, nghĩa là khổ, tập trí duyên hữu lậu. Trí tha tâm, và đẳng trí thuộc về khổ, tập đế.

Đạo trí duyên chín trí
Trí giải thoát không duyên
Tất cả cảnh giới khác
Quyết định trí đã nói.

Đạo trí duyên chín trí: Nghĩa là đạo trí duyên chín trí, trừ đẳng trí, chín trí thuộc về duyên đạo đế. Trí giải thoát không duyên, nghĩa là diệt trí không duyên trí, duyên vô vi. Tất cả cảnh giới khác, quyết định trí đã nói,

nghĩa là bốn trí còn lại: Trí tha tâm, đẳng trí, trí tận, trí vô sinh duyên mười trí.

Hỏi: Như trước đã nói nếu đối trị cõi Dục là pháp trí, tuy là đối trị với cõi Sắc, cõi Vô Sắc, không phải là tất cả, cũng chẳng phải hoàn toàn, vậy thì những pháp trí nào là đối trị cõi Sắc, Vô Sắc?

Đáp:

Là diệt và đạo kia
Chỗ hành của pháp trí
Là đối trị ba cõi
Chẳng tỷ trí cõi Dục.

Chỗ hành của diệt kia và đạo pháp trí là đối trị ba cõi: Nghĩa là có tu đạo diệt pháp trí và đạo pháp trí là đối trị với phiền não của ba cõi do tu đạo dứt trừ. Trí kia nhận thấy nhiều lỗi lầm ở cõi Dục, tư duy hành diệt và đối trị cõi Dục được lìa dục ba cõi.

Hỏi: Vì sao không phải là khổ, tập pháp trí?

Đáp: Vì dưới kém, trên hơn, quán yếu kém chẳng thể lìa dục ở chỗ vượt hơn. Diệt đạo đều thù thắng, cho nên quán diệt dục của ba cõi này.

Lại nữa, nếu duyên cõi Dục, lìa cõi Sắc, Vô Sắc thì đây là sự nhàm chán khác, không ưa thích khác, giải thoát khác, việc này không đúng.

Hỏi: Phải chăng tỷ trí lìa cõi Dục?

Đáp: Chẳng phải tỷ trí cõi Dục không có tỷ trí, đối trị cõi Dục, vì việc của mình chưa rốt ráo. Như vua dẹp oán thù ngay trong cõi nước của mình, sau đó mới chinh phục nước khác. Pháp trí cũng như thế. Không có tỷ trí trước diệt cõi Sắc, Vô Sắc, về sau diệt cõi Dục. Lại pháp trí là trí rất nhạy bén mà còn diệt bất thiện, huống chi là vô ký.

Hỏi: Thần thông có bao nhiêu tánh trí?

Đáp:

Thần túc, thiên nhãn, nhĩ
Là nói một đẳng trí
Hoặc sáu trí túc mạng
Năm, nói trí tha tâm.

Thần túc, thiên nhãn, nhĩ là nói một đẳng trí: nghĩa là một đẳng trí của thần túc, thiên nhãn, nhĩ. Trí Vô lậu không dùng hành này. Thần túc là các thứ thị hiện. Thiên nhĩ thông là tuệ tương ưng với thiên nhĩ thức. Sinh tử thông là tương ưng với tuệ của thiên nhãn thức. Thần túc thông (phẩm khác sẽ nói). Phương tiện của thiên nhĩ nhằm tư duy âm thanh lớn. Phương

tiện đó càng tăng dần được thiên nhĩ thanh tịnh tạo thành do bốn đại của cõi Sắc, tùy theo tiếng xa gần tất cả đều nghe.

Phương tiện của thiên nhãn tư duy tướng sáng. Phương tiện đó tăng dần đối với mắt tròn khắp, được thiên nhãn thanh tịnh do bốn đại cõi Sắc, Vô Sắc tạo nên, ở nơi một phương thấy khắp mười phương, tất cả đều thấy nhưng chẳng phải cùng lúc.

Hoặc sáu trí túc mạng: Tôn giả Cù-sa nói sáu trí không phải trí tha tâm, vì duyên hiện tại, không phải diệt trí, vì duyên vô vi, không phải tận trí, trí vô sinh, vì chẳng phải kiến tánh. Thuyết A-tỳ-đàm nói một đẳng trí duyên danh tánh, v.v... của chúng sinh.

Phương tiện nghĩa là hoặc đối với thân mình, hoặc đối với thân khác. Phương tiện ở chỗ này tức là chỗ này rốt ráo, hoặc lại ở chỗ khác. Thanh văn, Duyên giác từ thân trước bắt đầu cho đến rốt ráo tùy thuộc vào điều mà họ muốn. Chỉ có Đức Như lai tùy ý tự tại, hoặc trước hoặc sau, tùy theo những gì thấy, nghe, đều hoàn toàn nhớ nghĩ.

Năm là nói trí tha tâm, nghĩa là năm trí biết tha tâm, nghĩa là pháp trí biết cảnh giới tự phần tâm, tâm pháp của phẩm tha pháp trí. Tỷ trí cũng như vậy. Đạo trí biết tâm, tâm pháp tha vô lậu khác. Pháp trí phẩm tâm, tâm pháp. Đẳng trí biết tâm, tâm pháp thế tục của người khác, là trí tha tâm có năm.

Phương tiện: Nghĩa là hoặc từ thân mình, hoặc từ tâm mình, chấp lấy tướng mạo kia. Với tướng như thế, thân có tâm tướng như thế, do phương tiện này mà căn thiện tăng dần, cho đến nhận biết tâm, tâm pháp của người. Đây gọi là thành tựu phương tiện về sắc, và từ tự thân khởi, đến khi thành tựu, không duyên sắc và tự tâm xa lìa hành duyên, biết căn độ, địa độ, nhân độ của trí tha tâm. Không biết căn độ, nghĩa là hạ không biết căn trung, thượng, cho đến địa thiền thứ tư, hạ biết hạ của địa dưới, vô lậu chẳng phải pháp khác. Hữu lậu, nghĩa là biết hữu lậu, không biết vô lậu. Địa độ nghĩa là Sơ thiền không biết Nhị thiền.

Nhân độ nghĩa là người hữu học không biết người Vô học. Thế nên tâm, tâm pháp của Phật chẳng phải tất cả cảnh giới của trí tha tâm, tất cả cảnh giới sự của trí tha tâm, cảnh giới của tự tướng, cảnh giới tâm, tâm pháp, cảnh giới hiện tại, cảnh giới tha tâm, trừ kiến đạo vì là tu đạo đắc không, vô tướng, không tương ưng với trí tận và trí vô sinh, không thuộc về đạo lìa vô ngại.

Hỏi: Thế nào là thần thông như thuyết mà sinh là khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nói như thuyết mà sinh. Như Đức Thế Tôn trước

nói thần túc, cho nên sinh trước, cho đến đời sau, nói về trí sinh tử, cho nên sinh sau, Tôn giả Cù-sa nói chỗ cõi Dục khởi thần thông, như thuyết mà sinh, nếu ở cõi Sắc thì khác với đây. Người tu hành nghe nói trời cõi Sắc mà không thấy. Vì muốn thấy, nên khởi thiên nhãn. Vì thấy mà không thể đi qua, nên khởi thần túc. Qua mà vì không nghe nói nên khởi thiên nhĩ. Vì nghe mà không biết tâm làm sao đi qua, cho nên khởi trí tha tâm. Vì biết tha tâm mà không tự biết trước kia mình từ đâu đến nên khởi trí túc mạng. Nói như thế, nghĩa là thần thông không có thứ lớp chánh thọ, cũng không vượt qua chánh thọ, cũng không thuận với chánh thọ, cũng không nghịch với chánh thọ. Phải biết thần thông thuộc về đạo Giải thoát, chẳng phải đạo Vô ngại.

Hỏi: Lực, vô sở úy, mỗi pháp có bao nhiêu trí tánh?

Đáp:

Trí lực xứ, phi xứ
Và vô úy bậc nhất
Đây là mười trí Phật
Trong đó có sai khác.

Trí lực xứ, phi xứ và vô úy bậc nhất, đây là mười trí Phật, nghĩa là lực xứ, phi xứ và vô úy ban đầu. Cảnh giới của mười trí tánh này rộng khắp.

Hỏi: Lực, vô úy khác là trí tánh gì?

Đáp: Trong đó có sai khác, là sự sai khác của lực xứ, phi xứ, có lực khác, sự sai khác của vô úy đầu tiên có vô úy khác. Đức Thế Tôn quán người thọ giáo hóa vì hy vọng nên lập ra nhiều thứ.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn tự nói công đức?

Đáp: Vì người cầu Phật đạo, vì người tu tam-muội niệm Phật. Lại nữa, đối với đẳng giải thoát, vì hiện sai khác, vì ưa nói biện tài vô tận, không có đuối lý, không có thiếu sót, cho đến trong việc hàng phục voi say, vẫn có kẻ ngờ vực không biết là do sức của ai? Vì voi kia nên Phật biểu thị năng lực của mình.

Lại nữa, vì người thọ hóa, nên nói công đức thật, vì không quá lượng, vì lìa pháp chẳng phải đại nhân.

Nghiệp tịnh có quả ái
Quả bất tịnh không ái
Đây nói là thị xứ
Khác thì nói phi xứ
Cần phải biết như thế
Lực thị xứ, phi xứ.

Nghiệp tịnh có quả ái, nghiệp bất tịnh có quả không ái, đây nói là thị xứ, nghĩa là nhân quả quyết định của trí không chướng ngại kia, biết nhân quyết định đây là kia, đó là nghiệp tịnh có quả ái, nghiệp bất tịnh có quả không ái, cũng như nhân quả của hạt giống bên ngoài tùy theo loại.

Khác thì nói phi xứ: Nghĩa là trái với thị, gọi là phi xứ, cần phải biết như thế. Lực thị xứ, phi xứ: Nghĩa là nghĩa đẳng khởi dung nạp, là nghĩa thị xứ. Trái với thị, gọi nghĩa phi xứ. Vì không phục, không khuất, không có gì hơn vì không lay động nên nói là lực.

Tự tánh mười trí kia
Ở nơi mười một địa
Quyết định nói Như lai
Là nương Diêm-phù-đề.

Tự tánh mười trí kia: nghĩa là như trước nói, vì cảnh giới rộng khắp. Tự tánh của mười trí duyên tất cả pháp là mười sáu hành, hoặc lìa hành. Bốn niệm xứ, ba chánh thọ tương ưng với ba căn.

Đối với mười một địa, nghĩa là cõi Dục, Tứ thiền, vị lai, trung gian, bốn Vô Sắc. Quyết định nói Như lai, nghĩa là kiến lập năng lực của Như lai, chẳng phải Thanh văn, Duyên giác, vì Đức Như lai dứt trừ hai thứ vô tri: nhiễm ô, không nhiễm ô. Thế nên trí Phật không bị phi trí khuất phục là vô học và phi học phi vô học, chẳng phải Thanh văn, Duyên giác hữu học, chỉ trừ nhiễm ô, không trừ bất nhiễm ô.

Như lai dứt trừ hai thứ nghi: Nghi sử xứ, nghi phi xứ. Là nương Diêm-phù-đề, nghĩa là thân của Diêm-phù-đề hiện ở trước, không phải ở nơi khác. Vì phương khác không có Phật ra đời. Người Diêm-phù-đề lợi căn, dễ giác ngộ. Thế nên Đức Phật xuất thế tại cõi Diêm-phù-đề, không phải cõi khác.

Lực thứ hai, tám trí, Chuyển nghiệp nơi sự kia Và pháp thọ phiền não Ngoài ra như trước nói.

Lực thứ hai, tám trí nghĩa là tám trí của trí lực tự nghiệp, trừ diệt trí, đạo trí, vì duyên vô lậu, cho nên nói tám. Hành, hoặc lìa hành, tương ưng với không, vô nguyện.

Hỏi: Duyên nào?

Đáp: Chuyển nghiệp đối với sự kia và pháp thọ phiền não, sự kia nghĩa là nghiệp quả, nghiệp thân, miệng và tư là nghiệp. Pháp thọ: có bốn pháp thọ: pháp hữu, thọ vui hiện đời, vui đời sau. So sánh như thế, phiền não là nghiệp nhân. Ở đây chuyển, duyên theo đây mà khởi, ngoài ra như trước đã nói, nghĩa là ngoài ra, như nói của lực xứ, phi xứ.

Các thiền và bội xả

Chánh thọ Tam-ma-đề
Lực thứ ba, hồi chuyển
Chín trí, khác như trước.

Các thiền và bội xả, chánh thọ Tam-ma-đề, lực thứ ba, hồi chuyển: thiền là bốn thiền, bội xả là tám bội xả, chánh thọ là định Vô tưởng, định Diệt tận và bốn Vô Sắc. Tam-ma-đề nghĩa là không, vô tướng, vô nguyện.

Lực thứ ba nghĩa là đối với thiền này, bội xả chánh thọ trong Tam-ma-đề chuyển, duyên theo lực này mà khởi.

Hỏi: Tánh của lực này là gì?

Đáp: Là tánh chín trí trừ Diệt trí và bốn hành nơi tam-muội Vô tướng, vì duyên vô vi. Còn lại như trước: Nghĩa là ngoài ra như thuyết của trí lực tự nghiệp nói.

Các căn trên và dưới
Lực thứ tư hồi chuyển
Thứ năm nói giải lực
Thứ sáu duyên theo giới.

Các căn trên và dưới, trên là hơn, dưới là kém, căn là chủ, lực thứ tư: Nghĩa là các căn lực trên và dưới. Hồi chuyển nghĩa là duyên, đó là duyên ba đế, từ duyên căn phương tiện khởi, nên nói các căn, lực trên dưới như trí tha tâm. Thứ năm nói giải lực: Giải là dục, giải kia cũng có hai thứ: Có hơn, có kém, hơn là thiện, kém là ái dục. Lại nữa, dục đạo và đạo quả là hơn. Sinh tử dục thì kém, dục này cũng duyên ba đế. Vì từ phương tiện dục khởi, nên nói là lực dục.

Thứ sáu duyên theo giới, giới nghĩa là tự tánh. Có hai thứ như trước nói.

Đối với các đường kia
Lực thứ bảy hồi chuyển
Phải biết đã nói bốn
Còn lại như trước nói.

Đối với các đường kia, lực thứ bảy hồi chuyển: Thú là con đường, con đường kia cũng có các thứ: hướng địa ngục, cho đến Niết-bàn. Duyên đường kia và đầy đủ nên gọi lực của đường.

Phải biết đã nói bốn, còn lại như trước nói, nghĩa là đã nói lực căn, giải, giới, nẻo. Nhân duyên khác phải biết như thuyết thiền bội xả, chánh thọ tam-muội nói. Hoặc có thuyết nói đường trí lực là mười trí tánh.

Biết túc mạng hữu hành
Là nói lực thứ tám

Là thiền có phiền não
Còn lại như trước nói.

Biết túc mạng hữu hành là nói lực thứ tám: Nghĩa là lực túc mạng, có chốn thọ đời trước, hoặc hành, chỗ thọ, các thứ đều biết. Chốn hành kia là trung ấm. Chốn thọ nghĩa là bổn hữu, do bổn hữu có chỗ thọ, hoặc Sát-lợi, hoặc Bà-la-môn, sự so sánh như thế đều biết là lực túc mạng.

Nói một trí, nghĩa là túc mạng. Trí có hai thứ: từng được, nay được, thượng trung, hạ nói ba địa, kiến lập nói bốn, hạ trung thượng từng được, nay được nói sáu địa, từng được, nay được, nói tám. Từ hạ hạ đến thượng thượng, nói chín địa. Và chia ra ha, trung, thượng nói mười hai. Hạ hạ v.v… từng được nay được, nói mười tám địa. Hạ trung, thượng từng được, nay được, nói hai mươi bốn địa, hạ hạ… phân biệt nói ba mươi sáu địa, hạ hạ v.v… từng được, nay được, nói bảy mươi hai. Đây là nói chung một túc mạng trí.

Nói thiền: Là thiền căn bản, chẳng phải quyến thuộc, chẳng phải Vô Sắc không có thần thông nương vào Tam-ma-đề, bốn chi, năm chi thuộc về Tam-ma-đề chỗ thần thông nương tựa.

Chỉ có thiền, không có thứ khác: Nếu dựa vào thiền kia được túc mạng thông thì biết ngay thiền kia và địa dưới. Nếu dựa vào Sơ thiền được thần thông thì biết Sơ thiền và trung gian là đồng một địa. Có phiền não: Như trước nói là đẳng trí, cho nên không có sự vô lậu, là pháp niệm xứ. Ngoài ra thì như trước đã nói, nghĩa là như thuyết trí lực của đường nói.

Lực thứ chín phải biết
Xa lìa nơi đã duyên
Chết đi và thọ sinh
Hành nơi số chúng sinh.

Lực thứ chín phải biết, xa lìa nơi đã duyên: Nghĩa là trí lực sinh tử trừ duyên, ngoài ra như thuyết lực trí túc mạng nói, Thanh văn không phương tiện, thấy một ngàn thế giới, có phương tiện là thấy hai ngàn thế giới. Duyên giác không phương tiện thấy hai ngàn thế giới, phương tiện thấy ba ngàn thế giới. Phật không phương tiện thấy ba ngàn thế giới, phương tiện thấy vô lượng, vô biên ức trăm ngàn ba ngàn thế giới.

Hỏi: Duyên gì?

Đáp: Chết đi và thọ sinh, hành nơi số chúng sinh. Người kia duyên sắc nhập, như sở thuyết tùy theo nghiệp, thọ pháp như thật trí, phải biết thuyết đó là nói quyến thuộc, trí sinh tử, đây là nội pháp.

Lực thứ mười, mười trí

Hoặc sáu, tất cả địa
Thị hiện lực minh thông
Còn lại như trước nói.

Lực thứ mười, mười trí, hoặc sáu: Nếu nói sở đắc của người lậu tận, là trí lậu tận, thì thuyết kia nói mười trí tánh, nếu vì duyên lậu tận mà được trí lậu tận thì thuyết kia sẽ nói sáu trí, trừ trí tha tâm, khổ, tập, đạo trí.

Tất cả địa: Nghĩa là trí lậu tận ở mười một địa, vì nhiếp thọ sinh. Thị hiện lực minh thông: Nghĩa là trí lậu tận kia gọi là thị hiện, nghĩa là thị hiện răn dạy khiến người kia hoan hỷ. Vì không lay động nên nói là Lực. Vì lìa hẳn vô minh, nên nói là minh. Vì đi suốt qua chủng tánh nên nói là Thông. Lực túc mạng trí, lực sinh tử trí là nói lực thông minh, chẳng phải thị hiện.

Hỏi: Lực này phi học phi vô học? Vì sao Khế kinh nói ba minh hoàn toàn vô học?

Đáp: Vì đắc trong thân vô học, vì dẫn đến đệ nhất nghĩa minh.

Hỏi: Vì sao sáu thông, ba thông kiến lập minh, không phải thông khác?

Đáp: Vì đối trị ba thứ ngu: Minh thứ nhất diệt ngu về bờ mé trước. Minh thứ hai diệt ngu về bờ mé sau. Minh thứ ba diệt ngu nơi chân đế.

Vì dẫn đến ba môn giải thoát, nên hai thông trong sáu thông là thị hiện, chứ không phải minh, nghĩa là hai thần túc, trí tha tâm là hai minh, chứ không phải thị hiện, đó là trí túc mạng và trí sinh tử, lậu tận thông đều có, thiên nhĩ thông đều không có.

Còn lại như trước nói: Nghĩa là là nhân duyên như trước nói, đã nói về lực, nay sẽ nói về vô úy.

Đầu thì như lực đầu
Thứ hai, như thứ mười
Hai khác như hai, bảy
Gọi là vô úy an.

Đầu thì như lực đầu: Nghĩa là nói vô úy ban đầu này của đấng Chánh giác của chúng ta, tức là lực xứ, phi xứ.

Thứ hai như thứ mười, nghĩa là nói các lậu ta đã hết, đây là lực lậu tận. Hai khác, như hai bảy gọi là vô úy an: Nghĩa là nói ta vì các đệ tử nói pháp chướng đạo. Nói pháp không chướng đạo, nghĩa là không có nỗi sợ này. Đây là trí lực của tự nghiệp. Nói ta vì các đệ tử nói đạo là đạo xuất ly của Hiền Thánh. Nói không xuất ly, nghĩa là không có nỗi sợ này. Phải biết đây là lực hướng về.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói Khế kinh này?

Đáp: Vì chế ngự sự bài báng của Thiện Tinh và Bà-la-bà nên nói Khế kinh này.

Thiện tinh nói Sa-môn Cù-đàm không có pháp hơn người. Vì chế ngự việc đó nên Phật nói hai vô úy trước. Ba-la-bà nói pháp của Sa- môn họ Thích ta đều thấy biết. Vì chế ngự điều đó, nên nói hai vô úy sau. Lại nữa, hai vô úy trước là nói tự an, hai vô úy sau là nói an cho người khác. Nghĩa không khuất phục là nghĩa vô úy, vì lìa sợ hãi.

Hỏi: Lực và vô úy có khác gì nhau không?

Đáp: Có thuyết nói không khác nhau. Lại nói trí là lực, trí sáng chiếu khắp là vô úy, an trụ là lực. Dũng mãnh là vô úy, trí vô tận là lực, biện vô tận là vô úy, như thế v.v...

Lại nữa, mỗi lực gồm thâu bốn vô úy, mỗi vô úy gồm thâu mười lực. Mười bốn pháp này lại chia làm ba: bất cộng, niệm xứ và đại bi, là mười tám pháp bất cộng của Phật. Vì không chung với tất cả Thanh văn, Duyên giác nên gọi bất cộng. Niệm xứ và đại bi là tánh của tuệ.

Hỏi: Địa nào vô tránh? Thế nào là hành? Xứ nào hiện ở trước?

Duyên gì? Những người nào khởi? Các tự tánh nào?

Đáp:

Đệ Tứ thiền hữu cấu
Vô tránh ba phương nương
Duyên dục, chưa sinh não
Nương trí tuệ bất động.

Đệ Tứ thiền nghĩa là vô tránh ở thiền thứ tư, không phải thiền khác, vì cảnh giới rộng khắp, vì đối với tất cả nương là tối thắng, vì là hữu cấu, lìa hạnh Thánh. Vô tránh nghĩa là trái với phiền não, ba phương nương nghĩa là ba phương hiện ở trước, không phải phương khác. Vì nói do lực khởi lên. Duyên dục chưa sinh não, nghĩa là duyên phiền não vị lai của cõi Dục, đó là tự tướng phiền não tham, sân, si, mạn, không phải tướng chung, tướng chung là cảnh giới rộng khắp, cho nên được bốn niệm xứ tương ưng với xả căn.

Nương vào bất động: Nghĩa là do thân lìa phiền não mà được, vì sức của tam-muội, chỉ có pháp bất động, nghĩa là chỗ có thể dấy khởi, chứ không phải chi khác.

Trí tuệ là tự tánh trí tuệ. A-la-hán kia vì không hành năm nhân duyên nên có thể khiến họ không khởi phiền não. Đó là chánh oai nghi và chánh

thuyết phân biệt nên thọ không nên thọ, quán sát trú xứ và quán sát con người.

Chánh oai nghi: Nghĩa là thân ngồi thẳng ở một chỗ. Nếu có người đến liền quán tâm họ. Quán sát tâm người kia, có những oai nghi nào khiến không khởi kiết. Nếu ở oai nghi này khiến người ấy không khởi kiết, thì liền trụ vào oai nghi ấy. Chánh thuyết là, nếu có người đến liền quán sát tâm họ, hoặc nói chung mà người ấy khởi kiết thì không nên nói. Nếu không nói chung mà người ấy khởi kiết thì nên nói.

Phân biệt nên thọ, không nên thọ, nghĩa là người khác thí cho các vật, liền quán sát: Nếu thọ của ấy mà người kia khởi kiết thì dù cần cũng không thọ, không thọ mà người ấy khởi kiết dù không cần cũng thọ.

Quán sát trú xứ, nghĩa là nếu ở chỗ này mà làm cho người khởi kiết thì cho dù đầy đủ các dụng cụ vẫn bỏ đi. Quán sát con người nghĩa là trước hết quán sát con người, rồi sau mới đi vào thôn. Hoặc nhà, hoặc ngõ hẻm có kẻ khởi kiết thì không vào, làm sao lại tạo ra duyên ác đối với họ. Vì muốn dẫn dắt họ nên nghĩ rằng "xưa lúc thân tôi phiền não, họ khởi phiền não với tôi nên thọ quả bất ái, huống chi nay lìa dục, tôi sẽ tạo ra phương tiện sao cho họ đối với tôi không khởi phiền não. Đức Phật và các Thanh văn Ba-la-mật v.v... đã được vô tránh viên mãn mà không thường nhập (vì khiến chúng sinh nhân não được độ, nên có lúc không nhập tam-muội Vô Tránh).

Cái gọi nguyện trí mầu
Xa lìa cảnh giới kia
Sau cùng được trí ấy
Tánh tự tại sáu trí.

Cái gọi nguyện trí mầu xa lìa cảnh giới kia: Nghĩa là nguyện trí mầu nhiệm cũng ở đệ Tứ thiền là hữu lậu nương. Ba phương bất động là được tánh trí tuệ duyên tất cả pháp vì cảnh giới rộng khắp.

Vô Sắc nương nghĩa là quán hành khác nhau như người làm ruộng, cho nên nói bốn niệm xứ, như vì nguyện trí mà biết nên nói. Nguyện trí muốn biết là nghĩa đó. Sau cùng đắc trí kia: Nghĩa là nếu khi khởi trí kia, thì tâm thiện cõi Dục theo thứ lớp, Sơ thiền hiện ở trước. Thứ lớp như thế, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Nghịch với sự thứ lớp như thế thứ lớp cho đến tâm thiện cõi Dục. Lại thuận theo thứ lớp cho đến đệ Tứ thiền hiện tiền. Về sau lại đối với đệ Tứ thiền từ hạ đến trung, từ trung đến tăng. Đệ Tứ thiền đối với tăng thượng kia, về sau khởi nguyện trí.

Tánh tự tại sáu trí: Nghĩa là tự tánh sáu thứ trí này, đó là ba trí vô

ngại, trừ từ vô ngại. Lại nữa, sau trí vô tránh là trí biên và trí diệu nguyện. Trí này khởi vì ba nhân duyên:

1. Vì dẫn dắt người khác.
2. Vì gồm thâu giáo pháp.
3. Vì giác thế gian, an không an.

Nghĩa biện lậu, vô lậu
Đối với tất cả địa
Phật nói là phương tiện
Còn lại như trước nói.

Nghĩa biện lậu vô lậu: Nghĩa là mười trí tánh của biện tài này dùng đệ nhất nghĩa của tất cả pháp. Có thuyết nói sáu trí tánh, trừ trí tha tâm, khổ, tập, đạo, trí, dùng tối đệ nhất nghĩa của diệt đế, cho nên nói là duyên hành niệm xứ tam-muội. Đối với tất cả địa, nghĩa là biện này ở mười một địa, vì tự tánh đắc. Phật nói là phương tiện: Nghĩa biên là dùng lời Phật nói làm phương tiện, nếu trước không có Phật nói thì đã không có người có thể khởi, vì không biết nghĩa. Còn lại như trước nói: Nghĩa là pháp khác chưa nói, như nguyện trí nói.

Cái gọi là ứng biện
Đạo cảnh giới và thuyết
Phương tiện nhân minh luận
Hoặc ba, khác như trước.

Cái gọi là ứng biện, đạo cảnh giới và thuyết: Nghĩa là ứng biện duyên đạo và ngôn thuyết, vì thế nên tự tánh của chín trí, trừ diệt trí có mười hai hành. Phương tiện nhân minh luận, nghĩa là biện này nếu không dùng nhân minh luận làm phương tiện thì không thể khởi, vì không biết có ứng hay không ứng, cho nên nói A-tỳ-đàm làm phương tiện. Sở dĩ nhân minh luận không như A-tỳ-đàm là vì trí đầy đủ.

Hoặc ba, nghĩa là ba trí tánh của biện này: Biện, và nguyện trí, và tối hậu trí, có thuyết nói là biết nghĩa đệ nhất của tất cả pháp. Đệ nhất nghĩa kia cũng là nghĩa biện.

Ngoài ra như trước nghĩa là pháp khác chưa nói đến, như nghĩa biện nói.

Pháp biện duyên lập bày
Ở đủ trong năm địa
Dùng số làm phương tiện
Khác như vô tránh nói.

Pháp biện duyên lập bày: nghĩa là pháp biện duyên, gọi là giới hạn.

Ở đủ trong năm địa, nghĩa là cõi Dục và bốn thiền, không phải địa trên, vì cõi Vô Sắc không duyên danh và địa dưới, vì không có phần. Dùng số làm phương tiện nghĩa là pháp biện dùng số luận làm phương tiện. Còn lại như vô tránh nói: nghĩa là pháp còn lại chưa nói đến, như vô tránh ở trước nói.

Phương tiện thanh minh luận
Đây chính là từ biện
Cảnh giới nơi ngôn thuyết
Hai địa khác như trước.

Phương tiện thanh minh luận, đây chính là từ biện: nghĩa là từ biện dùng thanh minh luận làm phương tiện. Nếu trước không huân tập thanh minh luận thì không thể khởi vì xa lìa hạt giống.

Cảnh giới nơi ngôn thuyết: nghĩa là vì biện này duyên ngôn thuyết, cho nên là thân niệm xứ. Hai địa nghĩa là cõi Dục và Sơ thiền, chẳng phải địa trên, vì lìa giác quán. Còn lại như trước nói: nghĩa là ngoài ra như pháp biện nói.

Hỏi: Biện là sao? Như nói sinh hay khác?

Đáp: Có thuyết nói: Như nói sinh, nghĩa là trước đối với pháp khởi, gọi là phương tiện khéo, vì biết danh, chưa biết nghĩa nên phải theo thứ lớp để khởi nghĩa biện. Vì tuy biết nghĩa nhưng không biết từ, nên theo thứ lớp khởi từ biện. Biết từ biện rồi, vì không thể nói một cách trôi chảy, nên theo thứ lớp ứng biện.

Lại nói trước khởi nghĩa biện, vì biết nghĩa không biết danh, nên kế là khởi pháp biện. Vì biết danh không biết từ nên kế là khởi từ biện. Biết từ, không thể nói lưu loát liên tục, nên kế là khởi ứng biện. Ứng biện như trước nói.

Lại nói danh tùy thuyết chuyển, cho nên trước khởi từ biện, sau khởi pháp biện. Nghĩa dựa vào danh chuyển, nên kế là khởi nghĩa biện. Ba biện này dẫn dắt ứng biện.

Hỏi: Biện này thế nào? Là mỗi mỗi biện được chăng?

Đáp: Không như thế. Vì nếu được một thì đủ bốn, như bốn Thánh chủng được cùng lúc, đây cũng như thế.

-oOo-

LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

QUYỂN 7

Phẩm 7: ĐỊNH

Đã nói về Trí, nay sẽ nói về Định.

Trí nương vào các định An, bất động mà chuyển Nên phải quán xét định Siêng cầu kiến chân thật.

Nghĩa quyết định, gọi là trí, chánh tánh của tâm thiện kia nối tiếp nhau, gọi là Định. Nghĩa kiến lập gọi là nương. Nương có hai thứ: Cộng khởi và duyên thứ đệ.

Hai thứ kia được gọi là nương, vì nương định mà lập, nên nói là nương. Các trí định có tám thứ: Bốn pháp trí, bốn tỷ trí. An bất động: Nghĩa là vì không lay động, nên nói là bất động. Chuyển: Nghĩa là nhận lấy duyên. Như chiếc đèn dầu, dựa vào dầu sạch, tim, tránh nơi gió thì ánh sáng rất sáng. Như thế trí nương các định, lìa nơi gió loạn, thì không lay động mà chuyển, cho nên nói là nhân duyên.

Định là chỗ dựa của trí (sẽ nói sau). Tư là nghĩa tri kiến. Siêng cầu nghĩa là lúc tìm kiếm dục. Chân thật, nghĩa là không điên đảo, đó là bốn chân đế. Kiến nghĩa là vô gián đẳng, là nói kiến chân thật, vì không lìa định mà khởi thật trí.

Hỏi: Có bao nhiêu tam-muội?

Đáp:

Quyết định nói bốn thiền
Cùng với định Vô Sắc
Trong đây nói mỗi thứ
Vị tịnh và vô lậu.

Quyết định nói bốn thiền, cùng với định Vô Sắc: Nghĩa là trí quyết định, nói lược có tám thứ. Tam-muội gồm thâu tất cả Tam-muội. Đức Thế Tôn biết sự khác nhau giữa Tam-muội và chánh thọ. Tất cả Thanh văn, Duyên giác đều không biết tên Tam-muội kia (như Tu-đa-la nói rộng). Trong đây nói mỗi thứ, vị tịnh và vô lậu: Mỗi Tam-muội nói ba thứ: Vị,

tịnh, vô lậu.

Thiện hữu lậu là tịnh
Vô lậu, lìa cháy rực
Vị thì tương ưng ái
Trên hết, không vô lậu.

Thiện hữu lậu là tịnh: Nghĩa là nếu là thiện hữu lậu phải biết đó là tịnh.

Hỏi: Thiện hữu lậu là hữu cấu, vì sao nói là tịnh?

Đáp: Vì phiền não trái nhau, vì phiền não không xen lẫn, vì vô lậu dẫn đường. Vô lậu lìa cháy rực: Nghĩa là lìa cháy rực của phiền não phải biết là vô lậu. Dù vô lậu kia lìa hẳn phiền não, đệ nhất nghĩa tịnh phải biết là khác nhau, cho nên đặt tên. Vị tương ưng với ái, nghĩa là nếu ái tương ưng với định, phải biết là tương ưng với vị.

Hỏi: Vì sao ái tương ưng, nói là thiền, chứ không phải phiền não khác?

Đáp: Vì giống nhau, nên hoàn toàn huân tập. Duyên là Tam-muội, phiền não khác không có vướng mắc duyên như ái kia: Lại nữa đã nói ái, phải biết đã nói phiền não khác tức là vì phiền não đủ!

Trên hết không có vô lậu, nghĩa là những lời nói chung kia, nên nói là mỗi mỗi có ba thứ. Phải biết hữu thứ nhất chỉ có hai thứ: Không có vô lậu, không nhanh nhẹn. Có hai biên, đó là cõi Dục và hữu thứ nhất. Thánh đạo lìa hai biên, gọi là Trung đạo. Lìa căn bản hai hữu cũng như thế. Nếu vướng mắc tương ưng với vị gọi là vị chánh thọ. Nếu không vướng mắc vị gọi là chánh thọ tịnh, nếu tư duy vô lậu, ác hành như năm ấm vô thường, v.v... của năm ấm phải biết là chánh thọ vô lậu.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ tịnh?

Đáp:

- Tịnh thì có bốn phần
- Phần lui và phần trụ
- Phần thắng tiến, quyết định
- Thuận theo các công đức.
- Phần thoái là thuận với phiền não.
- Phần trụ là thuận với địa mình.
- Phần thắng là thuận với địa trên.
- Phần quyết định là thuận với Thánh đạo.

Lại nữa, phần lui nghĩa là nếu trụ nơi kia thì thoái, phần trụ nghĩa là

nếu trụ ở kia thì sẽ không tiến, cũng không lùi. Phần thắng nghĩa là nếu trụ nơi kia thì có thể tiến hơn. Phần quyết định nghĩa là nếu trụ ở kia thì có thể thứ lớp vượt lên ly sinh.

Lại nữa, phần lùi nghĩa là bị phiền não lấn át, xen lẫn. Từ thiền theo thứ lớp phiền não hiện ở trước. Theo thứ lớp phiền não, thiền hiện ở trước. Phần trụ nghĩa là thiền kia làm cho nhàm chán hành thô, v.v... của địa dưới, thọ các hành như vắng lặng, v.v... của địa mình. Phần hơn nghĩa là nhàm chán lỗi của địa mình, thọ công đức của địa trên. Phần quyết định nghĩa là Noãn, Đảnh, Nhẫn, pháp Thế đệ nhất, như thiền, Vô Sắc cũng như thế, chỉ trừ công đức của Noãn, v.v...

Hỏi: Những gì là tánh của thiền?

Đáp:

Năm chi có giác quán
Cũng lại có ba thọ
Các thứ và bốn tâm
Đây gọi là Sơ thiền.

Năm chi là do năm chi mà thành. Nghĩa phần là nghĩa chi, như chiếc xe có các phần. Nghĩa chúng cụ là nghĩa của chi, như vua thì có tướng sĩ.

Chi thì hoặc là khác, hoặc là tức. Nếu là khác thì như sáu chi của Tỳ-đà (Kinh Tứ Tỳ-đà nói:

1. Ức Lực Tỳ-đà.

2. A-tha Tỳ-đà.

3. Da Huấn Tỳ-đà.

4. Tam-ma Tỳ-đà. Tỳ-đà là trí, có sáu chi mà thành: Học, dục, tưởng, từ, ký, duyên lịch).

Tỳ-kheo ngũ thắng chi (Tỳ-kheo do năm chi vượt hơn và thành: Tín, bất siểm, bất bệnh, tinh tiến, trí). Hoặc tức: như mười sáu chi tán, tám chi Thánh đạo. Chi kia nghĩa là lúc giác quán hỷ, lạc, nhất tâm chánh thọ, trước tâm pháp thô tác tưởng, gọi là Giác, tâm pháp thô nối tiếp nhau tùy chuyển, gọi là Quán. Lúc chánh thọ tâm vui vẻ, gọi là hỷ. Vì thân, tâm lìa ác nên vui vẻ, gọi là lạc, là lạc do ỷ dứt, chứ chẳng phải thọ lạc. Đối với duyên, tâm, tâm pháp không phân tán, gọi là nhất tâm.

Có giác có quán nghĩa là Sơ thiền có giác, có quán.

Hỏi: Đã nói năm chi, vì sao còn nói riêng có giác, có quán?

Đáp: Chi nghĩa là thiện. Vì cấu uế cũng có giác, có quán nên phải nói riêng.

Cũng lại có ba thọ: Nghĩa là chi kia có ba thọ: Ba thức thân có lạc căn, ý địa có hỷ căn, bốn thức thân có xả căn. Các thứ: Nghĩa là Phạm thiên có các thứ thân, có hơn, có kém, vì sức của giác quán mà sinh, có tôn trưởng, xứ quyến thuộc.

Và bốn tâm: Nghĩa là chi kia có bốn tâm: Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức, ý thức. Đây nói là Sơ thiền nghĩa là các pháp này gọi là Sơ thiền, vì hơn tất cả phiền não, vì chánh quán tất cả cảnh giới, nên gọi là thiền.

Thứ hai có bốn chi
Các thứ và hai thọ
Thứ ba nói năm chi
Thiền này cũng hai thọ.

Thứ hai có bốn chi: Nghĩa là nội tịnh, hỷ, lạc, nhất tâm. Các thứ: nghĩa là không có các thứ thân kia, vì giác quán chẳng có phần, có các thứ tâm, nghĩa là căn bản có hỷ căn. Hỷ dứt rồi, quyến thuộc xả căn hiện ở trước. Xả dứt rồi, lại nhập hỷ căn.

Và hai thọ, đó là hỷ căn và xả căn. Các pháp này nói đệ Nhị thiền. Đệ Tam thiền nói năm chi, đó là: niệm, chánh tri, lạc, hành, xả (hành xả, hành này, như hạnh thường hành. đây là hành xả, chứ chẳng phải căn xả) và nhất tâm.

Niệm: Đối với duyên ghi nhớ không quên. Chánh tri, nghĩa là lúc chỉ nêu xả, biết phân biệt. Lạc, nghĩa là đối với duyên thuận theo thọ. Hành xả, nghĩa là vì ưa đắm chấp lạc, nên không thọ tìm kiếm khác. Nhất tâm là đối với duyên không phân tán, thiền này cũng có hai thọ. Chi kia cũng có hai thọ: Lạc căn và xả căn.

Các pháp này nói đệ Tam thiền.

Lìa hơi thở ra vào
Đệ tứ có bốn chi
Chi nghĩa là nói thiện
Theo sự như trước nói.

Lìa hơi thở ra vào, đệ tứ có bốn chi: Nghĩa là đệ Tứ thiền không có hơi thở ra vào, lỗ chân lông thân chánh thọ của thiền kia hợp với bốn đại rất kín. Bốn chi, nghĩa là bất khổ, bất lạc, hành xả, tịnh niệm nhất tâm. Bất khổ, bất lạc: Nghĩa là đã lìa khổ, lạc. Hành xả nghĩa là không tìm kiếm việc khác.

Tịnh niệm nghĩa là vì hộ căn thiện nên niệm. Vì lìa tám phiền não trên nên tịnh. Tám phiền não trên là: Bốn căn giác quán, hơi thở ra vào, lìa loạn trong ngoài. (Nghĩa của loạn, ở phẩm Trạch sẽ nói rộng). Nhất tâm:

Là duyên tâm không phân tán.

Hỏi: Vì sao Sơ thiền, Nhị thiền không lập chánh tri?

Đáp: Vì hỷ và giác quán loạn, nên không lập chi chủng, do đó, cũng không lập niệm. Lại không lập hành xả, vì ỷ lạc trái với hành xả (lạc thì động, xả thì vắng lặng).

Hỏi: Vì sao đệ Tam thiền không lập bất khổ, bất lạc?

Đáp: Vì thuận theo phẩm vô minh, minh trái với vô minh, do nghĩa này, nên đệ Tứ thiền không lập chánh tri.

Hỏi: Ba thứ thiền như vị tương ưng, v.v... đều thành tựu chi phải không?

Đáp: Chi nghĩa là chỉ nói thiện, phải biết thiền thiện tương ưng với chi mà chẳng nhiễm ô.

Hỏi: Cấu uế không có ở những thiền nào?

Đáp: Sơ thiền không có, vì ly sinh hỷ lạc tương ưng với phiền não. Đệ Nhị thiền không có, vì nội tịnh phiền não trược, loạn. Đệ Tam thiền không có, vì niệm và chánh tri bị phiền não lạc làm mê hoặc. Đệ Tứ thiền không có, vì tịnh niệm và hành xả trái với phiền não.

Lại nữa, Sơ thiền, Nhị thiền không có cấu uế, vì ỷ lạc hoàn toàn thiện. Tam thiền, Tứ thiền cũng không có, vì hành xả tùy sự như trước nói, nghĩa là nếu việc mà thiền kia trước đã nói rồi, thiền khác lại nói nữa, thì không phải là việc tăng ích chưa từng được. Như Sơ thiền, Nhị thiền nói hỷ lạc, phải biết hai chi này chẳng phải bốn, tất cả địa như thế.

Hỏi: Thiền này có bao nhiêu chi?

Đáp:

Chi thiền gọi mười tám
Sự thì có mười một
Vô Sắc không có chi
Quyến thuộc thiền cũng thế.

Chi thiền gọi mười tám: Nghĩa là chi thiền về tên gọi có mười tám, Sơ thiền có năm chi, đệ Tam thiền cũng thế. Đệ Nhị thiền có bốn chi, đệ Tứ thiền cũng thế. Chi trước đã nói, sự có mười một, nghĩa là Sơ thiền có năm chi, gọi là năm, sự cũng năm. Đệ nhị thêm nội tịnh, đệ tam thêm hành xả, niệm, lạc, chánh trí. Đệ tứ thêm bất khổ, bất lạc. Chi Sơ thiền không phải chi Nhị thiền, tạo ra bốn trường hợp:

1. Chi Sơ thiền, không phải chi Nhị thiền, đó nghĩa là giác quán.

2. Đệ nhị chẳng phải sơ, đó nghĩa là nội tịnh.

3. Vừa sơ, vừa đệ nhị, nghĩa là hỷ, lạc, nhất tâm.

4. Chẳng phải sơ, chẳng phải đệ nhị: Nghĩa là trừ những gì đã nói ở trên.

Như thế, cho đến đệ Tứ thiền, lần lượt nói.

Vô Sắc không có chi, quyến thuộc của thiền cũng thế. Nghĩa là bốn Vô Sắc và quyến thuộc thiền không lập chi, vì hành khổ. Thiền thuộc về chi là hạnh lạc. Thế nên, nói địa kia là đạo khổ. Nếu địa kia lập chi, lẽ ra tất cả địa đều gọi là đạo lạc!

Có giác cũng có quán
Là nói thiền vị lai
Thiền trung gian có quán
Do đấng Minh trí nói.

Có giác cũng có quán là nói thiền vị lai. Nghĩa là vị chí dựa vào có giác có quán. Vị chí là quyến thuộc Sơ thiền.

Thiền trung gian có quán, do đấng Minh trí nói: Nghĩa là thiền trung gian chỉ có quán mà không có giác, vì người tu hành chuyển vắng lặng.

Hỏi: Vì sao Sơ thiền, Nhị thiền lập trung gian nương, chẳng phải địa trên?

Đáp: Vì thiền kia lên xuống đều có thể được, Sơ thiền có giác có quán, Đệ Nhị thiền không có, trung gian kia thì có quán, không có giác, nên lập riêng chỗ dựa. Địa trên, vì không có việc lên xuống này cho nên không lập!

Vị lai hoặc hai chủng
Là lìa tương ưng vị
Thiền trung gian ba thứ
đều nói một thọ.

Vị lai hoặc hai chủng, là lìa tương ưng vị. Có thuyết nói: Hai chủng tánh của thiền vị lai: Là tịnh và vô lậu, chẳng tương ưng với vị. Dù thiền kia có vòng ràng buộc liên tục (do sức của ái, khiến thiền vị lai thọ sinh Phạm Thiên, sinh tử nối tiếp nhau do vòng xích ái của Sơ thiền. Trừ ái này, thì hai thủ ấy thành ba). Thiền kia không có ái chánh thọ, không trừ ái thọ sinh, nên không có lỗi. Nói như thế, nghĩa là có tương ưng với vị.

Thiền trung gian ba thứ: Nghĩa là thiền trung gian có ba thứ tánh: Vị tương ưng, tịnh, vô lậu. Cũng có tương ưng vị như địa khác. Cũng đều nói một thọ, nghĩa là vị lai và trung gian đều có một thọ đó là xả thọ. Người vị lai, vì còn có sợ hãi, nên không có lạc thọ, do gần cõi Dục. Người tu hành còn có sợ hãi, nên không khởi lạc thọ, vì các việc chưa rốt ráo. Người tu

hành hướng về lìa dục, vì chưa được, nên không khởi lạc thọ, thế nên sinh ra ưu. Sự ràng buộc của cõi Dục thì có thừa, ví như người bị trói quá lâu, cũng sinh ra ngờ vực, sợ hãi, nên không khởi lạc thọ!

Thiền kia cũng như thế, vì sự vắng lặng kém. Như vị lai, trung gian cũng như thế. Tùy nghĩa đã nói rồi, nay sẽ nói: Về công đức do địa sanh khởi.

Tam-ma-đề và thông
Vô lượng tất cả xứ
Thắng xứ và các trí
Bối xả khởi trong đó.

Tam-ma-đề kia là ba Tam-ma-đề: không, vô nguyện (vô nguyện lẽ ra nói là vô thật), vô tướng. Vì tâm thiện kia bình đẳng nên nói Tam- ma-đề.

Không kia có hai thứ: Hữu lậu và vô lậu. Nếu hữu lậu thì tất cả pháp duyên, vô lậu thì duyên hữu lậu. Không này lại có chín thứ:

1. Nội không.
2. Ngoại không.
3. Nội ngoại không.
4. Hữu vi không.
5. Vô vi không.
6. Hữu vi, vô vi không.
7. Vô sự không.
8. Đệ nhất nghĩa không.
9. Không không.

Nội không: Là nội nhập không, tạo ra tư duy vô ngã. Ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, hữu vi vô vi không, cũng như thế.

Vô sự không: Nghĩa là không có những vật khác. Đệ nhất nghĩa không nghĩa là lúc mắt khởi, không từ đâu đến. Khi diệt, không đi về đâu. So sánh như thế mà nói.

Không không, nghĩa là hữu lậu không, đối với vô lậu không, tạo ra tư duy không không.

Vô nguyện cũng có hai thứ, là hữu lậu và vô lậu, đều có hai thứ duyên, theo nghĩa đó mà nói. Vô nguyện kia lại có năm thứ, đó là ba thứ như nội, v.v… và vô nguyện, vô tướng hữu vi.

Vô nguyện hữu vi: Nghĩa là đối với pháp hữu vi, dùng vô nguyện hữu lậu tạo nên tư duy các hành như vô thường, v.v... ngoài ra, như nói về

không.

Vô tướng có hai thứ: Hữu lậu và vô lậu, lại chia ra bốn thứ, nghĩa là đối với nội nhập, thường diệt, dùng hữu lậu, vô lậu để khởi ra tư duy vô tướng diệt, chỉ diệu, xuất. Như thế ngoại và nội ngoại vô tướng, cũng là vô tướng Tam-ma-đề (phẩm Tu-đa-la sẽ nói rộng, phẩm Trùng Tam- muội phần sẽ nói rộng).

Thông: Sáu thông (phẩm Trí đã nói).

Hỏi: Nếu tu thần thông tác chứng đạo (Chứng là nghĩa hiển hiện, nghĩa là không mất việc đã làm, thì việc đã làm sẽ hiện rõ). Người kia lúc thành tựu thần thông là khởi, hay không khởi?

Đáp: Nếu giải thoát là vô ký, thì Tam-muội kia khởi (Xuất định, gọi là khởi, nếu giải thoát là vô ký, thì xuất Tam-muội! Nếu là thiện, tức Tam-muội). Nếu thiện thì không khởi vô lượng.

Hai vô lượng không nhuế,
Sau cùng nói không tham
Thứ ba nói hỷ căn
Căn kia nương cõi Dục.

Hai vô lượng không nhuế, nghĩa là Từ và Bi là tánh căn thiện vô nhuế, đối trị với sân nhuế. Thị xứ nhuế thì dùng Từ để đối trị, phi xứ nhuế thì lấy Bi đối trị.

Lại nữa, vì xả mạng chúng sinh khởi nhuế, thì dùng Từ đối trị. Vì trừng phạt chúng sinh khởi nhuế, dùng Bi đối trị, cho nên người mong cầu công đức, hay khởi vô lượng, chứ không phải tìm kiếm lỗi xấu ác. Người kia, thậm chí có cắt đứt chỗ căn thiện, cũng vẫn cầu công đức, nghĩa là thấy nghiệp vốn tịnh, kẻ tìm kiếm lỗi xấu ác, dẫu có đến chỗ A-la-hán, cũng tìm kiếm lỗi ác, nghĩa là thấy nghiệp vốn bất tịnh.

Sau cùng nói vô tham, nghĩa là xả vô lượng là tánh của căn thiện vô tham. Cho vô tham không phải đối trị với dục ái và sân nhuế là không đúng. Vì sao? Vì không đúng với vô nhuế.

Hỏi: Xả là đối trị với tham dục, quán bất tịnh cũng đối trị tham dục. Vậy tham nào dùng xả để đối trị? Tham nào dùng quán bất tịnh để đối trị?

Đáp: Tham sắc dùng quán bất tịnh đối trị, tham dâm dùng xả để đối trị.

Thứ ba nói hỷ căn, nghĩa là hỷ vô lượng là tánh của hỷ căn. Pháp tùy sinh là tánh của năm ấm.

Tướng, nghĩa là dùng an làm lợi ích là tướng từ, dứt trừ bất an là

tướng bi. Tùy hỷ là tướng hỷ, buông bỏ là tướng xả. Căn kia nương cõi Dục (nương phải cõi khác. Vì sao? Vì lạc chuyển là lợi ích, nghĩa là thấy nỗi khổ của chúng sinh cõi Dục, muốn sao cho họ được vui lợi ích, để bỏ đi nỗi khổ, còn cõi Sắc, cõi Vô Sắc thì không có khổ.

Lại nữa, vì đối trị với sân nhuế, nên từ vô lượng: Nghĩa là đối trị lỗi của sân nhuế, như nói tu tập từ, phần nhiều tu tập, trừ sân nhuế. Bi trừ hại, hỷ trừ không vui, xả trừ dục ái, sân nhuế. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc không có các lỗi này. Hơn nữa, cõi Dục có ba phương, trừ châu Uất- đơn-việt.

Hỏi: Vô lượng chánh thọ tư duy những gì?

Đáp:

Chúng sinh lạc, khổ, hỷ
Chúng sinh tưởng vô dư
Chuyển theo điều họ thích
Duyên vô lượng chúng sinh.

Đối với chúng sinh kia, muốn cho họ được vui. Tư duy như thế, nhập chánh thọ từ, đối với chúng sinh khổ thì than: "Khổ thay! Muốn cho họ thoát khổ". Tư duy như thế, nhập chánh thọ bi. Vui vẻ đối với chúng sinh kia, tư duy như thế, rồi nhập chánh thọ hỷ. Nhưng chúng sinh kia không có tưởng khác. Tư duy như thế nhập chánh thọ xả.

Hỏi: Sức của từ không thể khiến chúng sinh khổ được vui. Vì sao chẳng phải điên đảo?

Đáp: Vì thiện, vì hy vọng sanh khởi, vì tương ưng với chánh tư duy, và vì trái với sân nhuế.

Duyên chúng sinh, nghĩa là duyên chúng sinh cõi Dục. Như đã nói: Nếu tư duy thành tựu trụ khắp cả một phương, thì đây là nói đồ chứa và vật chứa. Vì nghĩa này, nên phải biết vô lượng là vì duyên chúng sinh hữu lậu, duyên chung cùng khắp tất cả chúng sinh là bốn sinh, ngoài bốn sinh này, không còn có chúng sinh nào khác!

Lìa dục đắc, phương tiện đắc. Lìa dục đắc nghĩa là lúc lìa dục đắc rồi, về sau mới được phương tiện hiện ở trước.

Hỏi: Phương tiện là sao?

Đáp: Từ là từ thân thuộc mà khởi, là khi muốn khởi tâm từ, đối với tất cả chúng sinh lập ra ba phẩm: Nghĩa là trong thân, oán. Thân lại chia ra phẩm hạ, trung, thượng. Trước hết, đối với phẩm thượng thân, khởi hy vọng chân thật, nghĩa là cha mẹ và bậc tôn trọng khác, cho vì họ từ lâu đã mong mỏi theo thói ác, nên tâm lợi ích không đến, lại thâu giữ tâm tạo ra tưởng lợi ích. Như thế từ thân thượng cho đến thượng oán, được trụ bình đẳng gọi

là thành tựu tâm từ chánh thọ, bi, hỷ cũng như thế. Xả từ phẩm trung khởi, nói rộng như thế. Danh: Nghĩa là duyên vô lượng chúng sinh, nên nói là vô lượng.

Thắng xứ nói có tám
Ba sắc trước bội xả
Và tám nhất thiết xứ
Tánh căn thiện vô tham.

Các căn thiện này phải biết là tánh vô tham, vì đối trị với tham, là ý giải tư duy hữu lậu.

Hỏi: Đây không phải là tánh căn thiện vô tham, vì sao lại nói quán, nói tưởng? Như Khế kinh nói: Trong tưởng sắc, ngoài quán sắc, nói rộng như thế.

Quán là tuệ, cho nên thắng xứ là tánh tuệ (A-tỳ-đàm giải thoát xứ nói: Thắng tri, thắng kiến, kiến tức là tuệ). Bối xả cũng nói quán sắc. Sắc là bối xả ban đầu, cho nên ba bối xả trước là tánh tuệ.

Tất cả xứ như thế, được nói là địa phổ cập một tưởng, cho nên tất cả xứ là tánh của tưởng, mà nói là tánh vô tham, thì không đúng?

Đáp: Tánh vô tham của các căn thiện này làm tăng tưởng tuệ. Thuyết kia nói "Kiến" và "Tưởng", như niệm túc mạng và tưởng sắc vượt hơn, cho nên không có lỗi. Như tùy niệm trí của xứ từng diệt, vì niệm tăng nên nói sự nhớ nghĩ kia đã từng trải qua vô lượng sự, đó cũng là trí, như tưởng sắc vượt hơn là tánh tuệ. Vì tưởng tăng nên nói tưởng sắc vượt hơn.

Lại nữa, vì tưởng gần kề, cho nên nói như vậy, nói tưởng không có lỗi. Tuệ tưởng vô tham không lìa nhau: Một y, một hành, một duyên, một quả, một y quả. (Y quả, y này cũng là nghĩa tân nị. Quả tân nị đại khái có ba thứ:

1. Từ nhân biến sinh.

2. Từ nhân tự phần sinh.

3. Từ báo nhân nơi thế lực khác sinh, nghĩa là sát sinh được sống lâu hay chết yểu). Cho nên nói là một. Phải biết nói khác thì làm sao biết được tánh vô tham, vì đối trị với tham. Căn thiện đó, nên biết là đối trị tham: Nếu là tánh vô si, lẽ ra phải nói là tuệ đối trị si. Dù đối trị với tất cả phiền não, vì si rất gần, nên chẳng phải tham. Nếu tất cả xứ là tự tánh của tưởng, thì không phải là đối trị phiền não, vì không quyết định. Cho nên, phải biết căn thiện này là tánh vô tham!

Nếu nói quyến thuộc kia
Thì là tánh năm ấm

Đây nói ba phương dựa
Cảnh giới, sắc cõi Dục.

Nếu nói quyến thuộc kia, thì là tánh năm ấm: Nghĩa là phải biết các căn thiện này và quyến thuộc là tánh của năm ấm.

Đây nói ba phương dựa, nghĩa là các căn thiện này, thân khởi ở ba phương, trừ châu Uất-đơn-việt, cũng chẳng phải phương nào khác. Vì sao? Vì các căn thiện này đối trị tham dục, chứ không phải cõi Sắc, cõi Vô Sắc có tham dục. Dù châu Uất-đơn-việt có tham dục, nhưng vì sức tuệ kém, cho nên không thể khởi căn thiện này. Các vị trời cõi Dục, dù có tham dục, nhưng vì tham đắm lạc, nên cũng không thể khởi các căn thiện này.

Cảnh giới, sắc cõi Dục: Nghĩa là các căn thiện này duyên với sắc cõi Dục: Hai bối xả đầu, bốn thắng xứ trước, tạo ra các tướng sanh bầm, v.v... chuyển đối với sắc nhập, chuyển hành bất tịnh, ngoài ra là chuyển hành tịnh, cho nên được làm thân niệm xứ.

Hỏi: Vì sao người tu hành kia duyên tướng tịnh của thọ?

Đáp: Vì thử nghiệm bất tịnh xem thành hay không thành. Người quán bất tịnh, sinh ra tâm biếng trễ, muốn nhiếp giữ, lại muốn tự quán biết được khả năng của mình, nên nghĩ rằng: "Dùng quán bất tịnh không khởi phiền não, chưa phải là điều lạ. Quán tịnh mà vẫn không khởi mới là việc lạ". Lại vì biểu hiện căn thiện còn có chỗ có khả năng chịu đựng.

Sau cùng trong bối xả
Tâm bất tương ưng hành
Là nói hai cõi nương
Trước từ cõi Dục khởi.

Tâm bất tương ưng hành sau cùng trong bối xả: Nghĩa là bối xả của tưởng, thọ diệt là tánh của tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Tất cả tâm, tâm pháp diệt, vì sao nói là tưởng, thọ diệt?

Đáp: Vì hai sức này, khiến người tu hành, cảm thấy quá mỏi mệt đối với hai cõi. Vì sức của thọ cảm thấy nhọc nhằn đối với thiền. Vì sức của tưởng cảm thấy uể oải đối với Vô Sắc (về nghĩa thọ, tưởng như đã nói trong ấm).

Là nói hai cõi nương, nghĩa là thân hiện tiền ở cõi Dục, cõi Sắc, chứ chẳng phải cõi Vô Sắc. Vì sao? Vì chẳng phải tâm. Cõi Dục, cõi Sắc có sắc, cho nên tâm, tâm pháp của người kia diệt, mạng căn dựa vào sắc chuyển, Vô Sắc thì trong Vô Sắc. Nếu người kia, khi chánh thọ, tâm, tâm pháp diệt, mạng căn phải cắt đứt, vì không có nơi nương dựa nên chết chẳng phải chánh thọ, việc này không đúng! Vì trước từ cõi Dục khởi, chánh thọ Diệt

tận, trước khởi từ cõi Dục rồi, lui sụt cõi đó, sinh cõi Sắc, lại lìa dục của cõi đó mà hiện ở trước.

Hỏi: Vì sao cõi Sắc, cõi Vô Sắc được khởi thiền đầu tiên, mà Vô Sắc chẳng phải chánh thọ Diệt tận?

Đáp: Vì thiền do ba việc nên khởi, nghĩa là do sức của nhân, sức của nghiệp và sức của pháp phương tiện.

Sức của nhân: Nghĩa là người kia đã từng khởi gần ở thiền. Sức của nghiệp: Nghĩa là đã tạo ra thọ nghiệp và trưởng dưỡng (có bốn pháp thọ nghiệp đã tạo ra mà còn trưởng dưỡng).

Sức của pháp phương tiện, nghĩa là như khi kiếp thành bại, ở cõi Vô Sắc sẽ khởi hai việc: Sức của nhân và sức của nghiệp. Không có sức của pháp phương tiện, vì kiếp kia không có thành bại. Chánh thọ Diệt tận từ sức nói mà khởi. Nói là cõi Dục, nghĩa là Phật và Thanh văn Ba-la-mật nói, cho nên thân cõi Dục kia có thể khởi ngay từ đầu, không phải thân khác. Ở cõi Dục, mỗi lần nhập chánh thọ không quá bảy ngày, vì thân đoàn thực. Nếu quá thì khi xuất định sẽ tiêu tan! Cõi Sắc một khi nhập chánh thọ thì trải qua kiếp Trụ.

Khác thì tánh bốn ấm
Nói ba cõi nương kia
Hoặc cảnh giới Vô Sắc
Và do duyên vô lậu.

Khác thì tánh bốn ấm: Nghĩa là công đức khác, là bốn bối xả hai, nhất thiết xứ, tánh bốn ấm, trừ sắc ấm, vì cõi kia là Vô Sắc. Nói ba cõi nương kia, nghĩa là công đức của ba cõi này hiện ở trước. Không xứ, không, xứ của bối xả, nhất thiết xứ, đầu tiên từ cõi Dục, cõi Sắc khởi (vì được xả sắc, vì tu không, nên đầu tiên từ sắc xứ khởi). Hoặc cảnh giới Vô Sắc, và do duyên vô lậu: Nghĩa là Không xứ, Nhất thiết xứ, không xứ địa duyên nơi bốn ấm. Thức xứ, nhất thiết xứ, thức xứ địa duyên nơi bốn ấm. Bối xả của không xứ duyên nơi bốn Vô Sắc và nhân kia. Cõi kia diệt tất cả phẩm tỷ trí. Bối xả của thức xứ duyên ba Vô Sắc. Còn lại như trên nói.

Bối xả của Vô sở hữu xứ duyên hai Vô Sắc. Ngoài ra như trên nói. Bối xả của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ tức duyên địa kia và nhân kia. Cõi kia diệt tất cả phẩm Tỷ trí.

Đã nói tự tánh của căn thiện, nay sẽ nói: Thành tựu công đức.

Phải biết hoặc có thuyết
Thành tựu bốn vô lượng
Hoặc lại thành tựu ba

Bớt đi thì không đúng.

Nếu sinh cõi Dục, lìa dục cõi Dục và sinh Sơ thiền, Nhị thiền thì thành tựu bốn vô lượng. Nếu sinh đệ tam, đệ Tứ thiền thì thành tựu ba vô lượng, trừ hỷ. Tánh của hỷ căn ở sơ, Nhị thiền, chẳng phải địa trên. Bớt đi thì không có.

Hoặc một cho đến tám
Thành tựu ở bối xả
Hoặc bốn cũng lại tám
Thành tựu ở thắng xứ.

Hoặc một cho đến tám, thành tựu ở bối xả: Nghĩa là có khi thành tựu một bối xả, có khi thành tựu cho đến tám.

Thành tựu một: Nghĩa là nếu sinh ở Biến tịnh, ái kia hết, Quả thật của ái chưa hết. Nếu sinh Thật quả thì đối với ái kia chưa hết. Nếu sinh ở Không xứ thì đối với ái kia chưa hết.

Thành tựu hai, nghĩa là nếu sinh cõi Dục và sinh ở Sơ thiền, Nhị thiền, thì đối với ái kia hết, ái của Biến tịnh chưa hết. Nếu sinh ở Tam thiền, Tứ thiền thì ái cõi Sắc hết, ái của Không xứ chưa hết. Nếu sinh ở Không xứ thì ái của Không xứ hết, ái của Thức xứ chưa hết. Nếu sinh lên Thức xứ thì ái cõi đó chưa hết.

Thành tựu ba: Nghĩa là nếu sinh cõi Dục và Sơ thiền, Nhị thiền, thì ái của cõi trời Biến Tịnh hết, ái của cõi trời Thật Quả chưa hết. Nếu sinh ở Biến Tịnh và Thật Quả, thì ái của Không xứ hết, ái trên chưa hết. Nếu sinh Không xứ, Thức xứ, (vì vô lậu sinh lên cõi trên, không mất dưới. Sinh Thức xứ, thành tựu bối xả của Không xứ, tất cả đều như thế), thì ái của Thức xứ hết, ái trên chưa hết. Nếu sinh lên Vô sở hữu xứ, tức ái của xứ đó chưa hết.

Thành tựu bốn: Nghĩa là nếu sinh ở cõi Dục và Sơ thiền, Nhị thiền, thì ái cõi Sắc hết, ái của Không xứ chưa hết. Nếu sinh ở Tam thiền, Tứ thiền thì ái của Thức xứ hết, ái trên chưa hết. Nếu sinh ở Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, thì ái của Vô sở hữu xứ hết. Nếu sinh ở Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thì sẽ không được Tam-muội Diệt tận.

Thành tựu năm: Nghĩa là nếu sinh ở cõi Dục và Sơ thiền, Nhị thiền, thì ái của Không xứ hết, ái của Thức xứ chưa hết. Nếu sinh ở cõi trời Biến tịnh và cõi trời Quả Thật, thì ái của Vô sở hữu xứ hết, không được Tam-muội Diệt tận. Nếu sinh lên Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thì sẽ được Tam-muội Diệt tận.

Thành tựu sáu: Nghĩa là nếu sinh ở cõi Dục và Sơ thiền, Nhị thiền, thì ái của Thức xứ hết, ái cõi trên chưa hết. Nếu sinh ở cõi trời Biến Tịnh

và Quả Thật thì sẽ được Tam-muội Diệt tận.

Thành tựu bảy: Nghĩa là nếu sinh ở cõi Dục và Sơ thiền, Nhị thiền, thì ái của Vô sở hữu xứ hết, không được Tam-muội Diệt tận.

Thành tựu tám: Nếu sinh ở cõi Dục và Sơ thiền, Nhị thiền, thì sẽ được Tam-muội Diệt tận, đó là nói chung. Nếu bối xả hữu lậu: Nghĩa là địa dưới lìa dục, chưa sinh lên địa trên, thì đều thành tựu. Nếu vô lậu thì sinh lên địa trên, cũng thành tựu.

Hoặc bốn cũng lại tám, thành tựu ở thắng xứ, có khi thành tựu bốn thắng xứ, hoặc tám.

Thành tựu bốn: Nghĩa là nếu sinh cõi Dục và Sơ thiền, Nhị thiền, thì với ái của cõi đó hết, ái Biến Tịnh chưa hết. Nếu sinh Biến tịnh, thì ái của cõi đó hết và sinh Quả Thật.

Thành tựu tám: Nghĩa là nếu sinh ở cõi Dục và Sơ thiền, Nhị thiền, thì ái của Biến Tịnh sẽ hết.

Hoặc một cũng lại hai Tám, chín cùng với mười Phải biết tu hành kia Thành tựu nhất thiết xứ.

Hoặc có khi thành tựu một nhất thiết xứ, hoặc hai, hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười.

Thành tựu một: Nghĩa là nếu sinh Không xứ, tức ái kia chưa hết và sinh Thức xứ.

Thành tựu hai: Nghĩa là nếu sinh Không xứ thì ái kia hết.

Thành tựu tám: Nghĩa là nếu sinh cõi Dục, cõi Sắc, thì ái của Biến Tịnh hết, ái của Quả Thật chưa hết.

Thành tựu chín: Nghĩa là nếu sinh cõi Dục, cõi Sắc, thì ái của Quả Thật hết, ái của Không xứ chưa hết.

Thành tựu mười: Nghĩa là nếu sinh cõi Dục, cõi Sắc, thì ái của Không xứ sẽ hết.

Đã nói về thành tựu, nay sẽ nói: Về tùy theo công đức của địa.

Năm thông ở bốn thiền
Căn bổn chẳng địa khác
Các trí như trước nói
Ba vô lượng, hoặc sáu.

Năm thông ở bốn thiền, căn bổn chẳng phải địa khác: Nghĩa là bốn căn bổn thiền thành tựu năm thông, chẳng phải địa khác, trừ lậu tận thông. Vì sao? Vì nhiếp thọ chi Tam-ma-đề.

Các trí như trước nói: Như phẩm Trí ở trước đã nói, tùy theo địa mà

được.

Ba vô lượng hoặc sáu: Nghĩa là Trừ hỷ, vô lượng khác ở sáu địa: Vị lai, trung gian và bốn thiền căn bản. Hoặc có khi không muốn khiến ở vị lai. Hoặc lại nói Sơ thiền, Nhị thiền không khởi bi, hỷ, vì trái với căn.

Hỷ căn là tự tánh chuyển thọ hỷ hành. Bi là chuyển hành ưu. Thế nên, hỷ kia không tương ưng, như khổ, tập, nhẫn, trí là không đúng. Vì sao? Vì chuyển hành chân thật. Nếu nói khổ, tập, nhẫn, trí rất nhàm chán mà hành bi tương ưng với hỷ căn cũng như thế, thì thuyết kia có lỗi! Vì hỷ kia tư duy chân thật, vui mừng sinh ra bi, nghĩa là ý giải tư duy! Cho nên có lỗi.

Nói như thế: Nghĩa là dẫn dắt tư duy chân thật thì không có lỗi. Dù bi không phải tư duy chân thật, mà có thể dẫn dắt tư duy chân thật, cho nên không có lỗi (vì sự vui vẻ dứt được khổ, bi đến chung với hỷ).

Hỏi: Bi khác với đại bi thế nào?

Đáp: Bi là tánh vô nhuế. Đại bi là tánh vô si. Lại nữa, bi là chung cả Thanh văn, Duyên giác, còn đại bi thì không chung.

Lại nữa, bi thì năng bi, bất năng độ. Đại bi thì năng bi, năng độ.

Lại nữa, bi là duyên với chúng sinh khổ, đại bi là duyên với chúng sinh ba khổ. Bi duyên thân khổ, đại bi duyên khổ của thân tâm.

Hỏi: Vì sao gọi là đại bi?

Đáp: Vì độ chúng sinh có khổ lớn nên gọi là đại bi. Vì ban phát rộng lớn nên gọi đại bi. Vì nhiếp thọ số lớn chúng sinh, nên gọi Đại bi. Vì Đại sĩ dấn thân vào nơi hiểm nạn lớn, nên gọi Đại bi.

Bốn thắng xứ trước kia
Cùng với hỷ vô lượng
Cũng hai bối xả đầu
Ở Sơ thiền Nhị thiền.

Bốn thắng xứ trước và hỷ v.v..., hai bối xả đầu là ở trong Sơ thiền, Nhị thiền, chẳng phải thiền nào khác. Đệ tam, đệ Tứ thiền dù có bối xả của Sơ, Nhị giống với căn thiện mà không kiến lập. Cho nên, cũng có bốn thắng xứ ban đầu, giống với căn thiện. Như Tu-đa-la nói: Từ cực đến Biến Tịnh, bi cực đến Không xứ, hỷ cực đến Thức xứ, xả cực đến Vô sở hữu xứ.

Có thuyết nói: Kinh này dùng tên vô lượng để nói Thánh đạo.

Người được giáo hóa kia dùng tên vô lượng để nhập Thánh đạo.

Lại nữa, đối trị giác chi kia, lấy tên vô lượng để nói, nghĩa là đệ Tam thiền đối trị giác chi dùng tên từ để nói. Như thế, cho đến Vô sở hữu xứ, đối trị giác chi, dùng tên xả để nói.

Lại nữa, lấy tên giống nhau để nói, nghĩa là từ là hành vui, lạc thọ, cho đến đệ Tam thiền. Bi là hành khổ, không xứ, quở trách, chuyển sắc. Hỷ là hành hân duyệt. Thức xứ là trụ duyệt thức. Xả là hành xả, Vô sở hữu xứ là nói xả.

Còn có bốn thắng xứ
Cùng với một bối xả
Cũng tám nhất thiết xứ
Là ở thiền trên hết.

Tịnh bối xả của bốn thắng xứ sau, tám nhất thiết xứ trước ở đệ Tứ thiền, chứ không phải địa dưới khác. Cũng có khi tịnh bối xả giống với căn thiện mà không kiến lập, vị bất tịnh làm hư hoại. Cũng có bốn thắng xứ sau giống như căn thiện, gọi là chánh thọ địa và nhất thiết xứ địa.

Chánh thọ của địa kia ở cõi Dục và bốn thiền. Nhất thiết xứ của địa ở đệ Tứ thiền, chứ chẳng phải thiền khác. Vì sao? Vì lìa tám sự não loạn.

Sắc dục, cõi Dục có hai thứ: Thân dục và tâm dục. Vì đối trị dục kia, nên Sơ thiền lập hai bối xả, bốn thắng xứ. Sắc dục của Sơ thiền cũng có hai thứ. Nhị thiền lập hai bối xả, vì Nhị thiền không có hai thứ sắc dục, Tam thiền không lập bối xả, vì vui niềm vui vượt hơn, nên không thể khởi các căn thiện này. Và nhất thiết xứ dùng bối xả kia để nhập thắng xứ, lấy thắng xứ để nhập nhất thiết xứ. Dùng bối xả đầu để nhập hai thắng xứ đầu, từ bối xả thứ hai, để nhập thắng xứ thứ ba, thứ tư. Dùng tịnh bối xả để nhập bốn thắng xứ sau, từ bốn thắng xứ sau lại nhập Nhất thiết xứ.

Khác tức gọi bối xả Hai, tất cả cũng thế Diệt tận ở sau cùng Chín địa vô lậu khác.

Khác tức gọi bối xa: Nghĩa là Trừ Không xứ, chín đạo vô ngoại và tâm qua đời, thiện khác đều gọi là bối xả Không xứ. Đạo vô ngại hướng đến đệ Tứ thiền, tâm qua đời hướng đến sinh cho nên không lập bối xả. Phải biết, Vô Sắc khác cũng như thế.

Hai, nhất thiết cũng thế: Nghĩa là Không xứ, Thức xứ, Nhất thiết xứ, cũng tức là tên gọi.

Hỏi: Vì sao trên Thức xứ không lập Nhất thiết xứ?

Đáp: Vì người tu hành trước nhập quán bối xả, không thể tăng thắng. Sau đó nhập thắng xứ không có khả năng quán vô biên ý giải.

Về sau, nhập Nhất thiết xứ, quán vô biên ý giải sanh. Như vậy, vàng, đỏ, trắng cũng giống như thế. Tư duy sắc này nương tựa vào đâu? Quán dựa vào đại chủng địa, sau đó, nhập quán ý giải của vô biên địa. Các đại còn lại cũng như thế!

Người tu hành kia lại nghĩ rằng: Thế nào là thăng tiến? Đó là giác biết, tức trước nhập Không xứ, Nhất thiết xứ. Giác biết kia dựa vào đâu mà quán? Dựa vào ý thức. Người kia liền nhập Vô biên thức xứ Nhất thiết xứ. Sự nương dựa này lại không có chỗ nương tựa! Thế nên, trên đó không lập Nhất thiết xứ.

Diệt tận ở sau cùng: Nghĩa là chánh thọ Diệt tận gồm thâu trong hữu bậc nhất. Vì sao? Vì thuận theo tâm diệt, vì thứ lớp nhỏ dần nên dễ diệt.

Hỏi: Định Diệt tận không lẽ ra không thuộc về Hữu thứ nhất, Vì sao? Vì như đã nói, độ tất cả Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, tưởng, thọ diệt thành tựu trụ?

Đáp: Thuộc về đệ nhất hữu. Vì Đức Thế Tôn đã dùng đệ nhất hữu kia để độ các chánh thọ, và vì ái dục nên nói. Người học, vì độ chánh thọ trụ, nên nói. Người vô học, vì độ ái dục, nên nói.

Lại nữa, độ tất cả Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, đó là nói kiến đạo đoạn. Tưởng thọ diệt, đó là nói là tu đạo đoạn. Như vậy, từng tập, chưa từng tập, cộng, bất cộng, lìa dục đắc và phương tiện đắc, đều nêu biết vì vượt hơn, vì bất cộng, vì giới địa rốt ráo.

Hai bối xả nói là thân tác chứng. Chánh thọ Diệt tận và tâm nhập định là hữu lậu, vì thuận theo tâm diệt. Tâm xuất định hữu lậu, vô lậu. chánh thọ kia là phương tiện đắc, không phải lìa dục đắc. Nếu lui sụt, mà lại khởi nữa, thì sẽ được chưa từng được, chứ không phải đã từng được.

Chín địa vô lậu khác, nghĩa là nếu công đức vô lậu khác, thì đó là ba Tam-muội lậu tận có ở khắp chín địa, đó là bốn thiền, ba Vô Sắc, vị lai, trung gian. Tam-muội hữu lậu ở mười một địa, đó là chín địa này và cõi Dục, cũng là đệ nhất hữu.

Ba bối xả phải biết Hữu lậu và vô lậu Định, trí, chung đã nói Ngoài ra, đều hữu lậu.

Ba bối xả phải biết hữu lậu và vô lậu: Nghĩa là bối xả của Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, nên biết hữu lậu cũng vô lậu.

Định, trí, chung đã nói: Nghĩa là định đã nói ở trước. Các trí, thần thông như phẩm Trí đã nói. Ngoài ra, đều hữu lậu, nghĩa là ba thông khác, vì giống với công xảo, vì thọ tự tướng của sắc, thanh. Vô lượng nghĩa là duyên theo chúng sinh.

Ba bối xả ban đầu của Nhất thiết xứ, thắng xứ, vì được tư duy giải, vì chánh thọ của đệ nhất hữu không nhạy bén, trái với tâm tướng của thọ, diệt, cho nên đều là hữu lậu.

Hỏi: Bối xả, thắng xứ, Nhất thiết xứ, có gì khác nhau không?

Đáp:

Là bối xả tánh kia
Năng hơn chỗ sở duyên
Vô gián đều đầy khắp
Danh như nói được độ.

Vì không hướng đến, nên nói là bối xả. Vì vượt hơn kia, nên nói là thắng xứ. Vì xứ vượt hơn, nên Đức Thế Tôn nói là thắng xứ. Dù không phải tất cả người tu hành đều có thể vượt hơn xứ kia, chỉ vì phiền não trong duyên không khởi, cũng gọi là thắng xứ. Vì vô biên ý giải, nên nói Nhất thiết xứ.

Lại nữa, căn thiện yếu kém nói là bối xả. Giữa nói là thắng xứ, trên nói là Nhất thiết xứ. Lại nữa, nhân nói bối xả, quả nói Nhất thiết xứ, nhân quả nói thắng xứ.

Đã nói tự tánh các công đức, thành tựu địa hữu lậu, vô lậu, nay sẽ nói: Về ba thứ thành tựu thiền Vô Sắc,

Chưa lìa dục phải biết
Thành tựu vị tương ưng
Lìa dưới, chưa đến trên
Thành tựu các định tịnh.

Chưa lìa dục phải biết, thành tựu vị tương ưng: Nghĩa là nếu địa kia chưa lìa dục, thành tựu vị tương ưng của địa kia.

Lìa dưới chưa đến trên, thành tựu các định tịnh, nghĩa là lìa dục của cõi Dục, chẳng phải Phạm thiên, thành tựu kia là Sơ thiền tịnh và công đức khác của địa Sơ thiền.

Người phàm phu, thành tựu tương ưng vị và tịnh, bậc Thánh thành tựu cả ba thứ.

Trên trụ, cần phải biết
Thành tựu vô lậu dưới
Phương tiện sinh công đức
Phải biết chẳng lìa dục.

Trên trụ cần phải biết, thành tựu vô lậu dưới, nghĩa là bậc Thánh sinh lên Phạm thiên, thành tựu Sơ thiền vô lậu và các công đức của thần thông Tam-muội vô lậu khác. Các công đức hữu lậu thì ràng buộc chỗ sinh. Vô lậu thì không ràng buộc. Cho nên, lìa chỗ sinh là xả công đức hữu lậu, chứ không phải vô lậu. Phải biết: Phương tiện sinh công đức, chớ không phải do người lìa dục.

Đã nói lìa dục của địa dưới, thành tựu các công đức. Phải biết được không hiện ra trước. Hiện ra trước, nghĩa là pháp kia không phải được do phương tiện lìa dục, đó là trí của thiên nhãn, thiên nhĩ, vì tánh vô ký này, nên không nhập tương ưng vị tịnh vô lậu. Cho nên, lúc được ba thứ thiền kia, không được tạo phương tiện xong rồi, mới hiện ở trước!

Hai trong sáu thông là vô ký, vì thuộc về đạo giải thoát. Bốn thông còn lại là thiện.

Hỏi: Công đức mà các phương tiện này được. Những gì là dứt phiền não? Những gì là không dứt phiền não?

Đáp:

Sơ thiền tịnh, căn bản
Cũng đồng một ràng buộc
Không thể dứt phiền não
Vô lượng cũng lại thế.

Sơ thiền tịnh căn bản, cũng đồng một ràng buộc, không thể dứt phiền não: Nghĩa là Sơ thiền tịnh căn bản, phiền não của địa mình, vì bị trói do một ràng buộc, nên không thể dứt phiền não. Lúc đạo thế tục của địa khác hiện ở trước, mới có thể lìa bỏ. Như người bị trói không thể tự mở. Thiền kia cũng như thế. Vì vị của địa mình bị nếm, nên không thể lìa bỏ. Như người bạn thân, thì dù kém vẫn không từ bỏ! thiền kia cũng như thế. Nếu các phiền não căn bản đối trị với thiền, phiền não đó sẽ dứt được. Nếu không dứt được, thì chẳng phải đối trị với thiền kia, cho nên thiền vô lậu đối trị phiền não.

Hữu lậu là phương tiện đoạn. Như thế cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Vô lượng cũng như thế, nghĩa là vô lượng không dứt phiền não, vì duyên chúng sinh. Pháp tướng, nghĩa là dứt phiền não.

Lại nữa, vì thuộc về đạo Giải thoát, thuộc đạo Vô ngại, nên dứt phiền não. Lại nữa, vì duyên hiện tại, nên duyên ba đời, nghĩa là dứt trừ phiền não, do đối trị khoảnh khắc. Trong Tu-đa-la của Đức Thế Tôn nói: Từ dứt sân nhuế, đối trị khoảnh khắc, là kiết tạm dừng nghỉ, như kỳ hạn rộng cho kẻ mắc nợ.

Phải biết năm bối xả
Cùng với tám thắng xứ
Cũng mười Nhất thiết xứ
Không thể dứt phiền não.

Không xứ, Thức xứ, Nhất thiết xứ và bối xả Phi tưởng Phi phi tưởng, không dứt phiền não là thuộc về căn bản của pháp này, như trước đã nói.

Bối xả tưởng, thọ diệt vì trái với tâm, nên không dứt phiền não. Bối xả của sắc, thắng xứ, Nhất thiết xứ cũng không dứt phiền não, vì cảnh giới của tự tướng. Đạo cộng tướng mới dứt phiền não chứ không phải tự tướng.

Lại nữa, về tư duy ý giải, tư duy chân thật dứt trừ phiền não, không phải ý giải. Lại nữa, về tư duy giả tưởng thì tư duy không giả tưởng dứt phiền não.

Lại nữa, về cảnh giới sự thì tư duy không phải sự, dứt phiền não. Lại nữa, về đạo giải thoát gồm thâu thì thuộc về đạo vô ngại dứt phiền não.

Tám vị của hai mươi ba thứ chánh thọ tương ưng với tám tịnh, bảy vô lậu.

Hỏi: Mỗi tam-muội ấy, có bao nhiêu nhân?

Đáp:

Cái gọi định vô lậu
Mỗi định bảy thứ nhân
Nhân tương ưng vị, một
Là tịnh kia cũng thế.

Cái gọi định vô lậu, mỗi định bảy thứ nhân, nghĩa là Sơ thiền vô lậu xả nhân tự phần, cộng hữu, tương ưng với Sơ thiền vô lậu, đối với nhân tự phần của ba Vô Sắc của ba thiền vô lậu, như thế cho đến Vô sở hữu xứ, đó là nói chung. Đạo thuộc về Sơ thiền có sáu thứ:

1. Tùy tín hành.
2. Tùy pháp hành.
3. Tín giải thoát.
4. Kiến đáo.
5. Thời giải thoát.
6. Bất thời giải thoát.

Đạo Tùy tín hành có sáu thứ nhân.

Đạo Tùy pháp hành có ba thứ nhân.

Đạo Tín giải thoát có bốn thứ nhân.

Đạo Kiến đáo có hai thứ nhân.

Đạo Thời giải thoát cũng có hai thứ nhân.

Đạo Bất thời giải thoát tức là nhân của bất thời giải thoát.

Nhân tương ưng vị, một: Nghĩa là nhân Sơ thiền tương ưng vị của Sơ thiền tương ưng vị, chứ không phải thiền khác. Nhân của Sơ thiền, vì không giống nhau nên không phải nhân của địa khác, vì nhân quả đoạn.

Tương ưng vị kia có năm thứ: Kiến khổ dứt cho đến tu đạo dứt, nhân của kiến khổ đoạn kiến khổ đoạn tất cả như thế.

Là tịnh kia cũng thế, nghĩa là nhân Sơ thiền tịnh, là Sơ thiền tịnh, không phải tương ưng vị, không phải vô lậu, vì không giống nhau. Không phải nhân tịnh của địa khác, vì ràng buộc của địa mình.

Sơ thiền tịnh có bốn thứ: Phần thối, phần trụ, phần thắng, phần quyết định. Phần thối kia có bốn thứ nhân, phần trụ có ba, phần thắng có hai, phần quyết định chỉ có phần quyết định, không phần khác, vì là kém. Phải biết, địa khác cũng như thế!

Hỏi: Mỗi thứ lớp sinh bao nhiêu thứ?

Đáp:

Vô Sắc, thiền vô lậu
Nghịch, thuận vượt thứ lớp
Thứ lớp sinh sáu thứ
Bảy, tám, chín và mười.

Sơ thiền vô lậu theo thứ lớp, sinh sáu thứ: Tịnh của địa mình và đệ nhị, đệ Tam thiền vô lậu cũng như thế!

Vô sở hữu xứ vô lậu theo thứ lớp sinh bảy: Địa mình hai, địa trên một, địa dưới bốn. Thứ lớp của đệ Nhị thiền vô lậu sinh tám: Địa mình hai, địa dưới hai, địa trên bốn.

Thứ lớp Thức xứ vô lậu sinh chín: Địa mình hai, địa trên ba, địa dưới bốn. Thứ lớp vô lậu khác sinh ra mười, thuộc về phẩm Tỷ trí. Thứ lớp của thiền Vô Sắc hiện ở trước, không phải thuộc phẩm Pháp trí. Phẩm Pháp trí nghĩa là địa dưới dựa vào địa dưới duyên, cho nên, Vô Sắc theo thứ lớp không hiện ở trước.

Từ sáu đến mười một
Là tịnh thứ lớp sinh
Kế sinh, hai đến mười
Tương ưng vị chẳng ba.

Từ sáu đến mười một, là tịnh thứ lớp sinh, nghĩa là tịnh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thứ lớp sinh sáu thứ: vị địa mình tương ưng và tịnh. Bốn tịnh của địa dưới và vô lậu không phải tương ưng vị, vì lìa dục.

Theo thứ lớp, Sơ thiền tịnh sinh bảy: Địa mình ba, địa trên bốn. tịnh và vô lậu tịnh của Vô sở hữu xứ, thứ lớp sinh tám: Địa mình ba, địa trên một, địa dưới bốn. Thứ lớp tịnh của đệ Nhị thiền sinh chín. Thứ lớp của tịnh Thức xứ sinh mười, mười một khác, đấy nói là phương tiện đắc, lìa dục đắc, chẳng phải sinh đắc! Cho nên, không nói sinh đắc tương ưng vị

của địa trên dưới.

Thứ lớp tịnh lúc mạng chung, sinh ra hết thảy địa tương ưng vị.

Hỏi: Những tịnh nào theo thứ lớp Sơ thiền sinh Thánh đạo?

Đáp: Đó là phần quyết định, nếu khác thì không nên lập ra bốn thứ!

Kế đến sinh hai đến mười, tương ưng vị chẳng phải ba, nghĩa là thứ lớp của Sơ thiền tương ưng vị sinh hai thứ: Tương ưng vị của địa mình và tịnh, không phải vô lậu, vì trái với phiền não. Không phải địa trên, vì chưa lìa dục. Chẳng phải ba, nghĩa là không sinh ba. Nếu nói ba thì không đúng!

Tương ưng vị của đệ Nhị thiền, theo thứ lớp sinh bốn: Địa mình hai trừ vô lậu, địa dưới hai: Tương ưng vị và tịnh sinh đắc, đó là đệ Nhị thiền vì sợ ái nên nương dựa. Sơ thiền tịnh tự giữ gìn, như Tu-đa-la nói: "Thà nương dựa sự nhàm lìa của Sơ thiền, đều tư duy chánh thọ, chứ không nương dựa đệ Nhị thiền mà tư duy kém".

Đệ Tam thiền sinh năm: Địa mình hai, đệ Nhị thiền hai, Sơ thiền một.

Đệ Tứ thiền tương ưng vị sinh sáu. Không xứ bảy. Thức xứ tám, vô sở hữu xứ chín. Phi tưởng Phi phi tưởng xứ mười: Tự địa hai. Vô sở hữu xứ hai, tương ưng vị của địa dưới sáu, đó là thọ sinh phiền não.

Hỏi: Mỗi duyên có bao nhiêu thứ?

Đáp:

Tịnh và thiền vô lậu
Duyên với tất cả địa,
Pháp hữu lậu địa mình
Sở duyên tương ưng vị.

Tịnh và thiền vô lậu duyên với tất cả địa: Nghĩa là tịnh và thiền vô lậu, duyên với tất cả địa, tất cả chúng vì cảnh giới rộng.

Phẩm vô lậu Tỷ trí kia duyên tám địa, phẩm Pháp trí duyên một địa. Căn thiện phương tiện duyên bốn đế. Pháp hữu lậu địa mình, đối tượng duyên tương ưng vị, nghĩa là Sơ thiền tương ưng vị duyên tương ưng vị của địa mình và tịnh, chứ không phải địa khác về nghĩa này phẩm Sử đã nói rộng. Không duyên vô lậu và địa khác.

Vô Sắc thì không duyên Chủng hữu lậu địa dưới Là thiện hữu căn bản Cấu uế như thiền vị.

Vô Sắc thì không duyên hữu lậu chủng của địa dưới.

Là thiện, hữu căn bản: Nghĩa là căn bản tịnh Vô Sắc và vô lậu, không duyên pháp hữu lậu của địa dưới, vì lìa sắc tướng. Duyên địa mình và địa trên, nên nói là chẳng phải dưới. Phẩm Tỷ trí duyên vô lậu của địa dưới,

nên nói không phải chủng hữu lậu, vì thuộc về phương tiện. Đạo vô ngại duyên địa dưới, nên nói là căn bản (Đạo thế tục dứt kiết, đạo vô ngại duyên địa dưới, đạo giải thoát duyên địa trên). Vị tương ưng duyên với địa mình, nên nói là hữu thiện.

Cấu uế như thiền vị, nghĩa là như thiền tương ưng vị, duyên vị tương ưng của địa mình. Vô Sắc cũng như thế!

Là cõi Sắc hữu dư
Các công đức vô lượng
Đây là duyên cõi Dục
Do bậc Tối thắng nói.

Các công đức của bốn vô lượng v.v... duyên cõi Dục như trước đã nói. Trừ thần thông nên nói các công đức vô lượng, v.v… Năm thần thông kia duyên cõi Dục, cõi Sắc. Đó là người Sơ thiền duyên Sơ thiền và cõi Dục, chẳng phải địa trên. Ngoài ra cũng như thế, tùy theo nghĩa kia mà nói. Thiền tịnh có ba thứ:

1. Phiền não huân tập.

2. Đạo huân tập.

3. Bất huân tập.

Phiền não huân tập, đó là phần thối (Hữu lậu có tập khí phiền não, nên gọi là phiền não huân tập).

Đạo huân tập, nghĩa là đạo đã được huân tập, có nghĩa là huân tu, những cái khác chẳng phải huân tập.

Hỏi: Người kia năng huân tập những thiền nào?

Đáp:

Nếu huân tập các thiền
Là dựa đệ Tứ thiền
Vì ba địa ái hết
Tịnh cư chỉ Quả Thật.

Dựa vào đệ Tứ thiền huân tập Sơ thiền. Vì sao? Vì lìa được tám việc não loạn, vì đối với tất cả chỗ nương nhờ là hơn hết!

Có năm thứ huân tập: Hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Năm thứ này sinh năm thứ Tịnh cư. Địa dưới cũng có năm thứ huân tập. Vì đệ Tam thiền ái hết, địa dưới không sinh Tịnh cư, nên chỗ nương dựa kia hoặc khởi, hoặc không khởi, huân tập (khởi, không khởi là xuất định, không xuất định). Phương tiện là do đệ Tứ thiền vô lậu chảy rót đầy đủ chánh thọ. Sau đó là hữu lậu, kế là vô lậu, đối với sự chảy rót kia

giản lược dần. Cho đến thứ lớp hai sát-na vô lậu, hai sát-na hữu lậu hiện ở trước.

Đây là phương tiện huân tập thiền hữu lậu, vô lậu thành. Nếu một sát-na vô lậu, một sát-na hữu lậu, lại một sát-na vô lậu đó, gọi là huân tập thiền thành có mười lăm tâm: Năm tâm hữu lậu, mười tâm vô lậu.

Hỏi: Vì sao huân tập thiền?

Đáp:

Hoặc có niệm chánh thọ
Hoặc sợ các phiền não
Hoặc lại ưa thọ sinh
Là đều nói theo nghĩa.

Huân tập thiền có ba nhân duyên: Niệm chánh thọ nghĩa là người tu hành ưa thích niệm chánh thọ, vì được trụ hiện pháp lạc. Sợ phiền não nghĩa là sợ lui sụt. Lạc thọ sinh nghĩa là ưa sinh Tịnh cư. Tín giải thoát kia có ba nhân duyên chánh thọ.

Kiến đáo có hai: Không sợ phiền não, không thối pháp.. Thời giải thoát cũng có hai: Không ưa sinh, trái với tất cả sinh.

Bất thời giải thoát chỉ có một: Ưa thích niệm chánh thọ, không sợ phiền não, không thối pháp. Không ưa sinh, vì trái với tất cả sinh. Huân tập thiền, tánh năm ấm. Hữu lậu và duyên bốn đế vô lậu. (Dùng vô lậu phân tán hữu lậu, như nghĩa rải hoa ở Chi-đề, gọi là huân tập). Như thế nói rộng, tâm vô lậu huân tập tâm hữu lậu, như rải hoa ở Chi-đề.

Hỏi: Đã nói ba thứ chánh thọ, làm thế nào được chánh thọ đó?

Đáp:

Lìa dục và thọ sinh
Mà có được thiền tịnh
Cấu uế, thối và sinh,
Vô lậu, chỉ lìa dục.

Lìa dục và thọ sinh, mà có được thiền tịnh: Nghĩa là hai thời gian của Sơ thiền tịnh, lúc lìa dục cõi Dục và khi ở địa trên mất, sinh Phạm thiên.

Hỏi: Khi lui sụt cũng đắc, đó là Sơ thiền lìa dục thối đắc, hay Sơ thiền thối phần căn thiện, vì sao không nói?

Đáp: Trong đấy nói tất cả tịnh, là trước không được mà được. Lúc lui sụt, căn thiện của phần thối dù trước không được mà được. Ba thứ khác thì trước đã thành tựu. (Trước mất một, được ba, nay mất ba, được một. Vì không phải trước kia đều không, nên chẳng phải tất cả không được mà

được). Cho nên không nói. Từng có Sơ thiền tịnh lìa dục được lìa dục, xả lui sụt và thọ sinh cũng như thế chăng?

Đáp: Sơ thiền có phần lui sụt, khi cõi Dục lìa dục thì đắc, lúc Phạm thiên lìa dục thì xả (Lúc Phạm thiên lìa dục, vì được phần vượt hơn, nên xả phần thối). Lúc Phạm thiên thối lìa dục thì đắc. Khi cõi Dục lui sụt lìa dục thì xả. Lúc địa trên mất, sinh lên Phạm thiên thì được. Khi Phạm thiên mất, sinh cõi Dục thì xả, cho đến Vô sở hữu xứ cũng như thế. Phi tưởng Phi phi tưởng do lìa dục đắc, chẳng phải sinh mà được địa vô thượng.

Thối cấu uế và sinh, nghĩa là Sơ thiền tương ưng vị lúc lui sụt: Thì được, đó là Sơ thiền lìa dục cõi Dục và Phạm thiên đẩy lùi triền. Sinh đắc nghĩa mất ở là địa trên, sinh cõi Dục và Phạm thiên như thế, cho đến Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng chỉ có lui sụt thì được.

Vô lậu chỉ lìa dục: Nghĩa là Sơ thiền vô lậu lìa dục thì đắc, đó là bậc Thánh lìa dục cõi Dục. Đây là nói người theo thứ lớp. Nếu dựa vào Sơ thiền vượt lên ly sinh, cũng được, cho đến tất cả địa cũng như thế!

Hỏi: Các công đức này dứt trừ những phiền não nào?

Đáp:

Vô lậu dứt phiền não
Và chánh thọ trung gian
Tất cả định trung gian
Tương ưng với xả căn.

Vô lậu dứt phiền não, nghĩa là tám địa Sơ thiền của căn bản vô lậu đối trị Phiền não, cho đến Vô sở hữu xứ hai địa đối trị phiền não.

Và chánh thọ trung gian: Nghĩa là chánh thọ trung gian gọi là đạo phương tiện, đó là dứt trừ phiền não của địa dưới, cho đến chưa lìa dục của địa dưới, không được chánh thọ căn bản. Ngoài ra, chẳng phải đối trị.

Tất cả định trung gian tương ưng với xả căn, nghĩa là tất cả đạo phương tiện tương ưng với xả căn, vì chưa được, nên không sinh vui vẻ.

Hỏi: Như đã nói địa trên không có thân thức, nếu lúc địa trên muốn mắt thấy, tai nghe, thân xúc chạm thì họ làm sao thấy, nghe, xúc?

Đáp: Ở Phạm Thế, thức hiện ra trước.

Hỏi: Vì sao địa trên không có thức này?

Đáp: Ở trước đã nói, vì giác, quán ở địa trên chẳng có phần, nên không có ba thức thân ấy. Địa trên muốn thấy, nghe xúc, thức của Sơ thiền hiện ở trước thì sẽ thấy, nghe xúc, chẳng phải cõi Dục, chẳng phải tu quả.

Hỏi: Thành tựu vào lúc nào?

Đáp:

Theo thức hiện ở trước
Địa trên thì thành tựu
Xả thì không thành tựu
Vì tâm lực yếu kém.

Cho đến thức này hiện ở trước, hoặc nhãn thức, hoặc nhĩ thức, hoặc thân thức thành tựu lúc ấy, thì tâm sẽ yếu kém, vô ký không ẩn mất, cho nên, sát-na thành tựu, từ thức kia khởi rồi không tùy chuyển.

Hỏi: Đã biết thiện, cấu uế, lúc chánh thọ được và các thức thành tựu, hóa tâm kia làm sao được cùng lúc, và được bao nhiêu tâm?

Đáp:

Thọ sinh và lìa dục
Được là các hóa tâm
Hai, ba cùng với bốn
Cũng năm, được cùng lúc.

Có hai nhân duyên được hóa tâm: Thọ sinh và lìa dục. Hoặc được ngay hai, ba, bốn năm thọ sinh: Nghĩa là địa trên mất, sinh Phạm thiên, bấy giờ được hai tâm của Sơ thiền: Cõi Dục và Sơ thiền. Nếu sinh Nhị thiền sẽ được ba tâm: Cõi Dục, Sơ thiền, và địa mình. Sinh Tam thiền được bốn tâm: Địa dưới ba, địa mình một. Nếu sinh Tứ thiền sẽ được năm tâm: địa dưới bốn, địa mình một, đấy là nói thọ sinh đắc.

Lìa dục: Nghĩa là lìa dục của cõi Dục được hai tâm, như trước nói. Sơ thiền lìa dục được ba tâm, Nhị thiền lìa dục được bốn tâm, Tam thiền lìa dục được năm tâm, cho nên nói: Hoặc một sát-na được hóa tâm mà không dứt, lúc lìa dục cõi Dục, sau cùng là đạo vô ngại, tạo ra bốn trường hợp:

1. Được mà không dứt, đó là địa Sơ thiền, hóa tâm của quả Sơ thiền (khi lìa dục cõi Dục, được hóa tâm của quả Sơ thiền, tâm này bị kiết Sơ thiền ràng buộc nên không dứt).

2. Dứt mà không được, nghĩa là cõi Dục hóa tâm của quả đệ nhị, đệ tam, đệ Tứ thiền (hóa tâm của ba địa, là pháp cõi Dục, bị phiền não cõi Dục trói buộc. Lìa dục cõi Dục, cắt đứt được trói buộc. Vì Sơ thiền chưa lìa dục, nên không được).

3. Vừa được, vừa dứt, nghĩa là hóa tâm của quả Sơ thiền cõi Dục.

4. Không được, không dứt: Nghĩa là các hóa tâm khác, cho đến đệ Tam thiền lìa dục, theo nghĩa đó mà nói.

Với mười bốn hóa tâm này, cõi Dục bốn, cõi Sắc mười. Hóa tâm của

cõi Dục kia hóa làm các Hóa của cõi Dục. Hóa tâm của cõi Sắc, hóa thành các hóa của cõi Sắc, vì là phần mình. Tám thứ hóa tâm kia, sinh cõi dục hóa, cõi dục hóa, thân mình và thân người, như thế, cõi Sắc sinh cõi Sắc cũng như vậy.

Cõi Dục hóa bốn nhập, cõi Sắc hóa hai nhập. Vì sao? Vì không hóa căn, cho nên hóa vô tâm. Mỗi tâm biến hóa hoặc một hoặc nhiều, nhưng chỉ một địa.

Trụ thần túc có thể khiến trụ, dù hóa của Niết-bàn là tùy chuyển, như Tôn giả Đà-Phiếu nhập Niết-bàn xong, hóa lửa đốt thân. Tôn giả Đại Ca-diếp, toàn thân trụ lâu. Đức Thế Tôn hóa giáo, hóa phi phần, Phật sự hoàn thành, nên sau khi nhập Niết-bàn không lưu hóa.

Hỏi: Vì hóa của tu tuệ cũng sinh tuệ chăng?

Đáp: Cũng sinh tuệ (vì lui sụt sinh, được hóa tâm, trước do lìa dục mà được tu tuệ, là tuệ do hóa tâm của thiên ma là sinh ra), như ma hóa thành thân Phật. Ma thiên nữ hóa thân, đi đến chỗ Phật, hoặc hóa ra thức ăn để con người dùng, hoặc hóa người chủ vốn muốn tự nuôi thân, thức ăn kia liền hiện ra, và được tiêu hóa trong thân của hóa chủ! Nếu vốn không muốn nuôi thân, thì thức ăn nọ chỉ gom nhóm ở chỗ người biến hóa.

Hỏi: Thành tựu bao nhiêu thứ hóa tâm?

Đáp:

Hoặc có hai, ba, bốn
Năm, bảy cùng với chín
Thêm ba, hoặc cũng năm
Như thế thành hóa tâm.

Nếu sinh cõi Dục, ái dục hết, ái Phạm thiên chưa hết và sinh Phạm thiên, với ái kia chưa hết, là thành tựu hai. Nếu sinh đệ Nhị thiền, đối với ái kia chưa hết, là thành tựu ba. Nếu sinh đệ Tam thiền, đối với ái kia chưa hết, là thành tựu bốn. Nếu sinh ở đệ Tứ thiền là thành tựu năm. Nếu sinh cõi Dục và Phạm thiên, ái của Phạm thiên hết, ái của Nhị thiền chưa hết, thì cũng thành tựu năm. Nếu sinh Nhị thiền, ái Nhị thiền hết, ái của Tam thiền chưa hết, là thành tựu bảy, nói rộng như thế. (Nên nói chín và thêm ba, năm. Ái của đệ Tứ thiền hết, sinh đệ Tam thiền, sinh đệ Nhị thiền, lại thêm ba, sinh Sơ thiền lại thêm năm).

Hỏi: Nếu hóa của cõi Dục, quả của Sơ thiền và hóa của địa Sơ thiền, quả của Sơ thiền, có gì khác nhau không?

Đáp: Cõi Sắc, vì là cõi vượt hơn cho nên hơn. Và quả đệ Nhị thiền cõi Dục, quả Sơ thiền cõi Sắc, cõi Dục khứ thắng, có khả năng đến Nhị

thiền nên nói là khứ thắng, cõi Sắc giới thắng, tất cả hóa đều nói như thế. (Lìa dục được hóa tâm và phương tiện được hóa tâm, đều có mười bốn thứ, lúc địa trên sinh xuống địa dưới, trước là do lìa dục mà được mười bốn thứ).

-oOo-

LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

QUYỂN 8

Phẩm 8: TU-ĐA-LA

Đã nói về Định, nay sẽ nói: Về Tu-đa-la

Bậc Nhất thiết trí nói
Diệu nghĩa Tu-đa-la
Nay con nói ít phần
Tu hành phải khéo nghe.

Vì biết tất cả nên nói là Nhất thiết trí, tất cả: Là mười hai nhập, đối với tự tướng, cộng tướng của mười hai nhập tất cả đều biết.

Người nói: Là bậc Nhất thiết trí đích thân tự giảng nói. Diệu nghĩa là nghĩa mầu nhiệm về tánh rất sâu xa. Nghĩa vi diệu này là nói về Tu- đa-la, nên nói là nghĩa mầu Tu-đa-la.

Nay tức là luận này. Nói ít phần: Là đấng Mâu-ni nói vô lượng vô biên, nên nói là nói ít. Tu-đa-la: Gồm có năm nghĩa:

1. Sinh ra: Vì sinh ra các nghĩa.
2. Suốt vọt: Vì nghĩa vị vô tận.
3. Hiển bày: Vì chỉ bày các nghĩa.
4. Dây mực: Vì nói về các tà, chánh.
5. Kết man, vì xuyên suốt các pháp.

Năm nghĩa như thế là nghĩa Tu-đa-la, dù nghĩa không ở lời nói, nhưng nhờ có nói mới biểu hiện rõ ràng, nên nói là nghĩa ngôn thuyết, do nói mà danh chuyển, do danh mà hiển nghĩa. Khéo nghe nghĩa là cần phải một lòng quyết định khéo nghe.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói thí, giới, tu, mỗi thứ có bao nhiêu loại?

Đáp:

Tuệ thí, giữ tịnh giới
Là đều có bốn thứ
Tu thiền thì có hai
Đó gọi là công đức.

Sợ có ba thứ, muốn có phương tiện khiến độ ba sợ, nên Đức Thế Tôn nói lược ba thứ công đức này. Người kia sợ nghèo nàn thì sợ là phương tiện khiến được độ, cho nên nói thí. Sợ đường ác, thì sợ là phương tiện khiến được độ, cho nên nói giới. Sợ sinh tử, thì sợ là phương tiện khiến được độ, cho nên nói tu.

Hỏi: Những gì là tánh của thí?

Đáp:

Vô tham tương ưng tư
Đều khởi đồng một quả
Chỗ chúng cụ sinh ra
Đó chính là tánh thí.

Căn thiện vô tham tương ưng với tư, từ chỗ vật thí sinh ra và tùy chuyển nghiệp thân, miệng là tự tánh thí của năm ấm. Do nói sắc, hương, vị đầy đủ nên nói là tư, nguyện, v.v... chẳng phải là người thí thì không đúng. Vì sao? Vì đối với vật nói là thí, Đức Thế Tôn vì mở tâm thí chủ nên khiến tư, nguyện được vững chắc. Đối với vật nói là thí, tức là từ chỗ vật thí mà sinh ra.

Hỏi: Trước kia nói bốn thứ thí. Những gì là chủng thí?

Đáp:

Cái gọi tự nhiếp thọ
Cũng lại nhiếp thọ khác
Có khi hai đều nhiếp,
Có khi không nhiếp hai.

Có khi tự thân nhiếp nên thí, có khi thâu nhiếp người khác nên thí, có khi thâu nhiếp mình và người nên thí, có khi trả ơn, không vì thâu nhiếp mình người nên thí (Nghĩa là A-la-hán cúng dường Phật là để trả ơn, chứ không vì mình, vì người), người kia tự thâu nhiếp.

Nếu người chưa lìa dục
Mà cúng dường chi-đề
Và phàm phu lìa dục
Gọi vì mình mà thí.

Bậc Thánh chưa lìa dục và phàm phu lìa dục, cúng dường chi-đề, thì đó là tự nhiếp mà thí. Vì thí, được quả báo cõi Dục, nghĩa là người chưa lìa dục, sinh cõi Dục. Tuy phàm phu lìa dục, sinh cõi Sắc, cõi Vô Sắc, nhưng về sau trở lại thọ hậu báo của cõi Dục và báo bất định, đây gọi là tự nhiếp thọ mình, không nhiếp thọ người. Vì sao? Vì chi-đề không phải chúng sinh.

Lìa dục phi phàm phu

Trừ quả hiện pháp kia
Thí cho các chúng sinh
Đấy gọi là nhiếp tha.

Nếu A-la-hán, hoặc A-na-hàm, trừ quả hiện pháp khởi thí, nếu thí khác vì chúng sinh, thì đó là nhiếp người, chẳng phải tự nhiếp, vì A-la-hán chẳng có phần sinh. A-na-hàm tuy thọ sinh ở cõi Sắc, cõi Vô Sắc, nhưng lại không thọ quả thí. Do nhân quả đoạn nên lập ra giới.

Chưa lìa dục cõi Dục
Phàm phu đã lìa dục
Thí cho các chúng sinh
Phải biết hai đều nhiếp.

Nghĩa là bậc Thánh chưa lìa dục và phàm phu lìa dục, thí cho chúng sinh, phải biết cả hai đều gồm nhiếp.

Lìa dục phi phàm phu
Ngoại trừ quả hiện pháp
Cúng dường lên chi-đề
Đấy đều không gồm nhiếp.

Hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm, trừ khởi thí quả hiện pháp mà cúng dường chi-đề. Đấy chẳng phải gồm nhiếp mình, cũng không phải gồm nhiếp người, vì A-la-hán vô sinh, A-na-hàm dù có sinh mà cõi Dục không có phần sinh, nên không gồm nhiếp mình. Vì chi-đề chẳng phải chúng sinh, nên không gồm thâu người. A-la-hán kia nghĩ nhớ ơn xưa, trả ơn Phật, nên dù Phật nhập Niết-bàn vẫn cúng dường chi-đề.

Lại nữa,

Nếu vì gồm nhiếp người
Cúng dường lên chi-đề
Vô lượng chúng thấy nghe
Đều sinh tâm tùy hỷ.

Cúng dường chi-đề, cũng là gồm nhiếp người khác. Dùng cờ phướn, lọng hoa, đốt hương, rải hoa, cúng dường chi-đề, khiến cho vô lượng chúng sinh trông thấy, tùy hỷ làm nhân giải thoát sinh lên cõi trời. Thế nên, Tu-đa-la của Thế Tôn nói: Đối với chỗ chưa từng lập mà kiến lập chi-đề, thì sẽ sinh phước Phạm, vì để gồm nhiếp vô lượng chúng sinh, nên gọi là phước Phạm.

Hỏi: Ngang đâu sẽ nói là phước phạm?

Đáp: Có người nói: Trừ Bồ-tát gần Phật địa, tất cả các chúng sinh khác có thể sinh ra nghiệp quả tăng thượng giàu to, sức lớn v.v… đó là

nghiệp của quả tăng thượng, đó là lượng của phước Phạm.

Lại có thuyết nói: Lúc thế giới thành tất cả chúng sinh, khí thế giới sinh ra. Nghiệp đó có khả năng sinh khí thế giới này, gọi là lượng của phước Phạm. Lại nữa, thí này:

Là hy vọng kia thảy
Bảy thí chẳng gì hơn
Tâm trang nghiêm, thứ tám
Gọi là thí hơn hết.

Đức Thế Tôn nói tám thứ thí, đó là hy vọng thí, bố úy thí, phản báo thí, kỳ báo thí, gia pháp thí, sinh thiên thí, cầu danh thí và vì tâm trang nghiêm, vì điều phục tâm, vì thuận tu hành, vì được nghĩa trên hết nên thí.

Hy vọng thí nghĩa là lựa chọn ruộng phước, muốn cầu nhiều quả nên thí cho người đến xin, thí cho người đến xin thì cựu A-tỳ-đàm nói là hy vọng thí.

Bố úy thí nghĩa là vừa mới thí mà lại quên mất, nên thí, thấy có tưởng mất, thà cho mà không mất.

Phản báo thí: Nghĩa là từng được lợi kia, sao không báo đáp.

Kỳ báo thí: Nghĩa là thí cho người kia, mong được họ đền đáp lại.

Gia pháp thí: Nghĩa là có thói quen học tập theo người đi trước mà thí, không phải tự tin mà thí.

Sinh thiên thí: Nghĩa là vì cầu sinh lên cõi trời, nên thí. Cầu danh thí nghĩa là muốn được khen ngợi nên thí.

Bảy thứ thí này là thấp kém, không cao thượng! Không cầu sinh tử, mà ưa thí, đó gọi tâm trang nghiêm mà thí, dùng đạo này làm phương tiện thí đó là đệ nhất trong các tài thí, gọi là thượng thí.

Đã nói thí, nay sẽ nói quả của thí.

Thọ, sắc, lực, an vui
Biện tài là năm thứ
Báo thí có trăm ngàn,
Thí chủ sẽ đạt được.

Bố thí như trên nói, có năm thứ, Đức Thế Tôn nói trong Tu-đa-la về đức của năm thí. Ăn để sống, chẳng thể không ăn, cho nên thí tuổi thọ, cho đến biện tài cũng giống như thế. Nhân giống nhau sinh ra quả giống nhau, đó là được sống lâu cho đến báo của biện tài. Gieo trồng giống bên ngoài, tùy từng loại, mà đạt được quả thật. Thí này cũng như thế!

Tuổi thọ, đó là cõi người, trời, không phải đường ác, đó là do nhân

giữ gìn nên nói thí thọ. Như nói: Lìa sát sinh, tu tập nhiều thì được sống lâu. Đó là do nhân chiêu cảm dẫn dắt cho nên nói. Thí như hai người mẹ: Mẹ đẻ và mẹ nuôi. Người lìa sát sinh như mẹ đẻ, người thí thức ăn như mẹ nuôi.

Năm thứ báo, thí cho súc sinh sẽ được phước gấp trăm lần, đó là do người hòa hợp mà được! Nói rộng như thế. Trong kiến đạo dù không ăn mà có thể thọ thí. Đã nói thí và quả, nay sẽ nói: Về "tức thí tức quả",

Từ, vô tránh, diệt định
Kiến đạo và vô học
Từ chánh thọ kia khởi
Bố thí được quả ngay.

Tam-muội Từ tâm vô tránh, Tam-muội Diệt tận, quả A-la-hán kiến đạo từ đấy mà khởi rồi, nếu có người thí thì được quả ngay. Vì sao? Vì đối với vô lượng chúng sinh, dùng tướng yên ổn làm lợi ích, là lấy lòng từ để hun đúc thân. Từ đây khởi rồi thì người thí sẽ được quả ngay.

Tam-muội Vô tránh, khiến cho vô lượng chúng sinh không khởi phiền não, do công đức rộng nhiếp mà huân tập thân, nên từ đấy khởi rồi thì người thí sẽ được quả ngay.

Tam-muội Diệt tận, do công đức rộng huân tập thân nên giống với Niết-bàn. Từ đấy khởi rồi, thì bố thí sẽ được quả ngay. Kiến đạo dứt kiết hết hẳn, dùng Thánh đạo để huân tập thân, nên từ đó khởi rồi thì thí sẽ được quả ngay. Tu đạo dứt kiết hết hẳn, thì tâm được tự tại, trụ quả A-la-hán, từ đó khởi rồi thì thí sẽ được quả ngay.

Đã nói "Tức quả", quả lớn, nay sẽ nói.

Cha mẹ hoặc người bệnh
Cùng với sư nói pháp
Các Bồ-tát gần Phật
Bố thí được quả lớn.

Thí cho năm hạng người này thì được quả lớn. Vì sao? Vì với cha mẹ vì có ơn sinh thân và nuôi lớn, thí sẽ được quả lớn. Với người bệnh không có nơi nương dựa, tâm bi tăng trưởng, thí sẽ được quả lớn, với người nói pháp, pháp thân tăng trưởng, chỉ bảo cho con người biết rõ thiện ác, nên thí sẽ được quả lớn. Với người tiếp cận Phật địa, chứa nhóm công đức, gồm nhiếp rộng chúng sinh, nên thí sẽ được quả lớn.

Hỏi: Vì tư, nguyện vượt hơn khiến thí thanh tịnh, hay vì ruộng vượt hơn? Nếu vì tư, nguyện vượt hơn, vì sao Đức Thế Tôn khen ngợi ruộng phước? Nếu vì ruộng phước hơn, tại sao thí một ruộng phước, mà quả

không được bằng nhau?

Đáp: Vì tư, nguyện vượt hơn, nên thí thanh tịnh, ruộng phước nhờ ở lực, cho nên trước hết nói tư, nguyện và quyến thuộc, gọi là bố thí phước. Dùng tâm thuần tịnh để mong cầu lìa của cải và thân, tùy trí tuệ mà thực hành. Người thí như thế sẽ được quả lớn. Nếu khác, như người kia cầu tiếng khen mà thí cho thì ruộng phước trội hơn, như vậy chẳng phải là bố thí của bậc Đại nhân. Nếu người căn cứ vào sức sinh tội phước của ruộng, thì sẽ không thành sức ruộng phước, đáng lẽ bị nghiệp vô gián mà không được, phải biết là do sức của tư, nguyện.

Ruộng phước công đức, có thể khởi tư, nguyện vượt hơn, thế nên Đức Thế Tôn ca ngợi ruộng phước.

Hỏi: Đã biết thí cho nuôi lớn sinh thân, vậy thí cho nuôi lớn pháp thân là thế nào?

Đáp:

Khéo nói các kinh pháp
Xa lìa các điên đảo
Không chê bai Mâu-ni
Đây gọi là pháp thí.

Đối với Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, phân biệt chân thật, không mê đắm danh lợi, gồm nhiếp rộng chúng sinh, đó gọi là pháp thí. Dù người kia không có tưởng mê đắm mà nói điên đảo, chê bai nhân duyên chân thật của Như lai, lại có tưởng khác lạ, phải biết đó là nhân duyên của tâm loạn! Dù thuyết giảng nói không điên đảo, mà tâm đắm nhiễm, như thương nhân kia, vì thế kệ nói "Không biết Mâu-ni nói, như dao lửa chất độc, nơi đây khéo phân biệt, cũng như ăn cam lộ". Lại nữa, điên đảo có ba: Pháp điên đảo, nhân điên đảo, thời điên đảo.

Pháp điên đảo, nghĩa là như có thuyết nói: Tu tập tưởng tịnh, dứt trừ tham dục!

Nhân điên đảo, nghĩa là người tham dục, vì tham dục mà nói từ.

Thời điên đảo, nghĩa là với người căn cơ chưa thành thục, mà nói chân đế cho họ nghe. So sánh như thế, trái với ở đây thì được gọi là nói pháp không điên đảo.

Đã nói pháp thí, nay sẽ nói về thí vô úy.

Nói thọ như lìa, thảy
An ủi các sợ hãi
Gọi là thí vô úy
Phá tan nỗi sợ nghèo.

Nếu thấy chúng sinh đời này, đời sau đều có sợ hãi, dùng giới lìa thọ, nói bằng tâm từ, an ủi rằng: "Chúng sinh đừng sợ, tôi sẽ làm giúp ông, khiến được vô úy, đó gọi là thí vô úy". Người sợ hãi kia ví như kẻ nghèo cùng thì sẽ không sợ thiếu của cải nữa. Đối trị chân thật cho người kia, gọi là thí vô úy.

Đã nói thí vô úy.
Nay sẽ nói về đại thí.
Khắp các loài chúng sinh
Đều thọ giới luật nghi
Công đức thêm rộng chảy
Đây mới là thí lớn.

Đức Thế Tôn nói: Năm giới là bố thí lớn, vì gồm nhiếp vô biên chúng sinh, vì khởi vô biên lạc.

Tài thí thì không thể gồm nhiếp tất cả chúng sinh, chỉ có thọ giới thì mới có thể. thọ trì năm giới rồi, đối với tất cả chúng sinh, suốt đời, trong mỗi niệm được mười hai thứ luật nghi chưa từng được (ba thiện, tức mỗi thiện khởi thân miệng vô tác), giới kia nối tiếp nhau trôi chảy không gián đoạn.

Hỏi: Đã biết bốn thứ thí. Bốn thứ giới nói trước thì thế nào?

Đáp:

Cõi Dục và thiền sinh
Luật nghi, giới vô lậu
Luật nghi đoạn, từ hai
Là nói luật nghi chủng.

Bốn thứ luật nghi, đó là: Luật nghi biệt giải thoát, luật nghi thiền, luật nghi vô lậu và luật nghi đoạn.

Luật nghi biệt giải thoát, là giới bảy chúng đã thọ. Luật nghi thiền đó là giới hữu lậu tùy sinh. Luật nghi vô lậu đó là giới của học, vô học. Luật nghi đoạn đó là lìa dục cõi Dục, chín đạo vô ngại tùy sinh giới. Hoặc hữu lậu là giới thiền, hoặc vô lậu là giới vô lậu, đây là luật nghi. Phẩm Nghiệp đã nói bốn thứ giới, nay sẽ nói: Bốn thứ khác còn lại.

Giới do hy vọng thọ
Giới do sợ hãi giữ
Có thuận chi Bồ-đề
Cùng với giới thanh tịnh.

Có bốn thứ giới, đó là giới hy vọng, giới khủng bố, giới thuận giác chi và giới thanh tịnh.

Giới hy vọng là giới vì cầu sinh lên cõi trời và cầu những chỗ khác mà giữ giới.

Giới khủng bố nghĩa là sợ trách mình, sợ người khác trách, sợ phạt, sợ đường ác, sợ không sống nổi, sợ tiếng xấu nên giữ giới.

Giới thuận giác chi là vì tâm trang nghiêm, vì phương tiện đầy đủ, vì cầu nghĩa hơn hết nên giữ giới.

Giới thanh tịnh là giới vô lậu, là lìa cấu.

Hỏi: Thế nào là trì giới thanh tịnh?

Đáp:

Căn bản quyến thuộc tịnh
Không bị giác làm hoại
Thâu nhiếp các chánh niệm
Thuận theo bát Niết-bàn.

Có năm nhân duyên khiến giới thanh tịnh, đó là căn bản tịnh, quyến thuộc tịnh, không bị giác làm hư hoại, nhiếp thọ chánh niệm, chánh hướng giải thoát.

Căn bản tịnh, nghĩa là lìa và vượt nghiệp đạo căn bản.

Quyến thuộc tịnh, nghĩa là lìa các phương tiện như sát sinh, v.v...

Không bị giác làm loại: Nghĩa là lìa ba giác: dục, nhuế, hại, làm não loạn.

Nhiếp thọ chánh niệm: Nghĩa là nhiếp thọ mà niệm Phật, Pháp, Tăng, vì thế nên cũng lìa được các tâm vô ký.

Chánh hướng giải thoát, nghĩa là vì giải thoát nên giữ giới chứ không vì thân, của cải và việc làm khác, cho nên cũng nói là thuận theo giác chi.

Năm nhân duyên khiến giới thanh tịnh, Đức Thế Tôn nói là được quả lớn, vì lìa được tất cả não loạn!

Hỏi: Đã biết giới là chỗ dựa của tất cả chánh hạnh, như bình công đức của người trời. Thế nào là hai thứ tu?

Đáp:

Thiền Vô Sắc vô lượng
Đắc tu và tu tập
Bất tịnh, niệm an-ban
Nghĩa hai tu cũng thế.

Công đức của các thiền này v.v… huân tập tâm, như xông áo, như hoa xông ướp sợi gai, như luyện vàng, cho nên nói như vầy: "Tu như xông áo, tu như xông gai, tu như luyện vàng". Hiện tại nghĩa là tu tập, vị lai là tu

đắc. Hiện tại là dụng, vị lai là khởi. Hiện tại làm điều cần làm, vị lai thì sẽ làm. Hiện tại là sinh, vị lai là đắc. Hiện tại là phần hiện tiền, vị lai là phần thành tựu. thiền Vô Sắc vô lượng (phẩm định đã nói rộng).

Người quán bất tịnh không có tánh tham, vì đối trị tham. Vả lại, vì đối trị bốn thứ tham, nên lại nói bốn thứ, nghĩa là muốn dứt trừ tham oai nghi, nên tu quán tử thi. Muốn dứt trừ tham sắc, nên tu quán màu sanh bầm v.v... Muốn dứt trừ tham, xúc nên bỏ da, thịt, tu quán bộ xương, muốn dứt trừ tham chỗ ở, nên tu quán các đốt xương rã rời.

Quán bất tịnh này lại có bốn thứ: Phần thối, phần trụ, phần thắng, phần quyết định. Phần thối nghĩa là trụ kia thì thối. Phần trụ nghĩa là trụ kia thì không tiến, không thối. Phần thắng nghĩa là trụ kia sẽ tiến lên. Phần quyết định nghĩa là trụ kia thì thuận với Thánh đạo.

Cõi là cõi Dục, cõi Sắc. Địa là mười địa: Thiền trung gian, bốn thiền căn bản cõi Dục, và bốn quyến thuộc.

Chỗ dựa là cõi Dục, Hành giả là phi hành. duyên nghĩa là duyên cõi Dục. Niệm xứ là thân niệm xứ. Trí là đẳng trí. Không phải Tam- muội, vì thọ sinh. Tương ưng với ba căn, rơi vào ba đời. Quá khứ là duyên quá khứ, hiện tại là duyên hiện tại. Vị lai nghĩa là nếu pháp sinh thì duyên vị lai, nếu là pháp không sinh thì duyên ba đời, đó là thiện duyên vô ký, là Phi học phi vô học, duyên Phi học phi vô học, là tu đạo đoạn duyên tu đạo đoạn. Sẽ nói về nghĩa của duyên.

Hỏi: Phương tiện đắc hay là lìa dục đắc?

Đáp: Vừa là phương tiện đắc, vừa là dục đắc. Nếu lìa dục cõi Dục, được Sơ thiền cho đến lìa dục của Tam thiền, được đệ Tứ thiền, phương tiện sau, hiện ở trước.

Hỏi: Quán bất tịnh, phương tiện ra sao?

Đáp: Người tu quán bất tịnh kia, vào trong gò mả, phải thật khéo, nhận lấy tướng bất tịnh đó. Nhận lấy tướng đó rồi, trở về chỗ ngồi, rửa chân, ngồi yên, thân, tâm hòa dịu, lìa các "cái". Nhận lấy duyên bên ngoài, rồi mới đến thân mình, buộc tâm ở xương bàn chân, xương ống quyển, xương bắp vế, xương háng, xương sống, xương hông, xương tay, xương cánh tay, xương chân mày, xương cổ, xương trán, xương răng, xương đầu lâu v.v…

Nếu buộc tâm ở giữa hai đầu chân mày, với người ưa quán lược, thì trước hết từ thân niệm xứ mà độ. Nếu người ưa quán rộng thì từ giữa hai đầu chân mày quán đầu lâu, cho đến xương bàn chân. Từ đây một tòa, một phòng, một nhà, một Tăng-già-lam, một thôn làng, một nước. Nếu người

chỉ từ tưởng khởi, thì không có việc ấy, nếu kẻ quán cùng khắp đại địa, đến nhãn quang, có thể quán chỗ kia đầy dẫy xương trắng. Nếu có người lại quán lược, thì theo thứ lớp trở lại đến giữa hai đầu chân mày, thứ lớp lại đến buộc tâm ở giữa hai đầu chân mày, đó gọi là pháp quán bất tịnh thành.

Hoặc có người quán bất tịnh, duyên ít, chẳng phải tự tại ít, thì có thể tạo ra bốn trường hợp:

1. Duyên ít, chẳng phải tự tại ít: Nghĩa là với thân mình thường nhập quán bất tịnh.

2. Tự tại ít, không phải duyên ít: Nghĩa là cùng lúc quán bất tịnh đầy dẫy khắp bốn biển, đại địa, không thể thường nhập quán bất tịnh.

3. Duyên ít, tự tại cũng ít: Nghĩa là cùng lúc, quán sát thân mình bất tịnh, không thể thường nhập quán bất tịnh.

4. Chẳng phải duyên ít, cũng chẳng phải tự tại ít: Nghĩa là bất tịnh đầy dẫy khắp bốn biển, đại địa, nhưng cũng có thể thường nhập quán bất tịnh.

Lại nữa, quán bất tịnh, duyên vô lượng chứ chẳng phải tự tại vô lượng, nên chia làm bốn trường hợp:

1. Duyên vô lượng, chẳng phải tự tại vô lượng: Nghĩa là bất tịnh đầy dẫy bốn biển, đại địa nhưng không thể thường nhập quán bất tịnh.

2. Tự tại vô lượng, không phải duyên vô lượng: Nghĩa là đối với thân mình thường nhập quán bất tịnh.

3. Duyên vô lượng, tự tại cũng vô lượng: Nghĩa là bất tịnh đầy dẫy bốn biển, đại địa, nhưng cũng có thể thường nhập quán bất tịnh.

4. Không phải duyên vô lượng, cũng chẳng phải tự tại vô lượng: Nghĩa là đối với thân mình, không thể thường nhập quán bất tịnh.

Đã nói về quán bất tịnh. Nay sẽ nói niệm an ban (niệm hơi thở). An na, nghĩa là trì lai. Ban-na nghĩa là trì khứ, cũng gọi A-thấp-bà, Sa-bà-thấp, Ba-sa. Niệm là nhớ nghĩ. Đối với An-na ban-na xét kỹ, buộc niệm, tâm không luống dối, tu tập niệm kia, nên nói là tu. Niệm an ban là tánh tuệ. Vì ở phẩm kia niệm tăng, nên nói là niệm an ban. Như niệm xứ, như niệm túc mạng.

Sơ khởi: Nghĩa là từ chỗ rún trong thai mẹ, đã có nghiệp sinh ra gió khởi, hoặc hướng phía dưới, hoặc hướng lên phía trên. Hướng xuống phía dưới, tạo ra bộ phận thân dưới, các lỗ chân lông. Hướng lên phía trên, tạo nên phần thân trên. Các lỗ chân lông hình thành rồi, hơi thở ra là trước nhất, cho đến khi qua đời, hơi thở ra là sau cùng.

Chánh thọ cũng thế, nghĩa là thở ra là mới nhập định, thở vào là mới xuất định. Sáu nhân duyên được sáu thứ niệm an ban, đó là sổ, tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh.

Sổ là người tu hành dùng phương tiện khéo léo buộc niệm, đếm hơi thở ra vào, không có một lần thở ra thở vào nào mà không hay biết.

Nếu người tâm loạn, có khi bớt số, có khi thêm số, có khi đếm lộn xộn.

Bớt số là lấy hai làm một, thêm số là lấy một làm hai.

Đếm lộn xộn, nghĩa là thở ra thì tính vào, thở vào thì tính ra.

Tâm không loạn gọi là đếm đều: Năm lần thở ra, năm lần thở vào, đó gọi là mười số. Nếu người tu hành, lúc đếm đến mười, khoảng giữa, tâm loạn, thì đếm lại từ một. Nếu đếm đủ mười xong, nếu loạn, hoặc không loạn, cũng đếm lại từ một. Vì sợ tâm loạn, nên không đếm quá mười, vì sợ tâm không tập trung, nên đếm không ít hơn mười.

Ở trên vì không có hay chưa từng đếm, nên tùy. Hơi thở ra vào, đi không có chỗ đi, tùy theo dài hay ngắn? Là khắp thân? Hay ở một chỗ? Vào là xa hay gần? Tới chỗ nào rồi trở lại?

Chỉ là tùy theo tâm ưa thích đối với một phần thân, buộc tâm khiến cho trụ ở đó, mà quán sát hơi thở kia, đối với thân là lợi ích hay tổn hại, là lạnh hay là ấm, đều đặn như thế. v.v...

Quán nghĩa là tu tập, tích cực tu tập, như tự nhớ tên mình, tùy theo những gì mình muốn mà hiện ở trước. Hoàn nghĩa là nếu dựa vào dục giác thì ít hành, nếu dựa vào người giác xuất ly thì siêng tu.

Tịnh, nghĩa là làm tịnh các cái. Người tu hành đối với hơi thở ra vào chỉ tạo nên một tưởng. Quán thân như ống trúc. Quán hơi thở như xỏ ngọc, hơi thở ra vào không lay động. Ở nơi thân, không phát sinh thân thức, đó gọi là thành niệm an ban.

Có thuyết cho là cũng khởi thân thức, chỉ không làm tổn thương thân. Lại nữa, người tu hành dùng "Cực vi hoại" đối với hơi thở ra vào, gọi là quán thân. Thọ hơi thở ra vào gọi là thọ tức quán, thọ đó gọi là quán thọ, nhận biết hơi thở ra vào gọi là thức tức quán. Thức kia gọi là quán thức. Tưởng hơi thở ra vào gọi là tưởng tức quán, tưởng đó là quán tưởng (Các cực vi hoại sắc. Sắc hết, diệt hết, sau đó, dùng hỷ và tưởng khởi thức, khiến cho hiện ở trước, bèn quán ngay ba thứ kia, cho là hạt giống phương tiện của ba niệm xứ). Không phải hơi thở vào chưa diệt mà sinh hơi thở ra. Không phải hơi thở ra chưa diệt mà sinh hơi thở vào, đó gọi là nhân nơi an ban hành độ vô thường.

Vì hơi thở vào bức bách nên hơi thở ra diệt, đó gọi là hành độ khổ, đó gọi là được hạt giống của phương tiện môn giải thoát vô nguyện. Hơi thở ra vào, sinh, trụ, diệt không tự tại, là gọi nhân hơi thở ra vào, quán hành vô ngã độ. Vì hơi thở ra vào, lìa nhân thường, v.v... kia, là hành độ không, đó gọi là đắc hạt giống của môn phương tiện giải thoát không. Đối với hơi thở ra vào, sinh tâm nhàm chán, hướng đến Niết-bàn, đó gọi là đắc hạt giống của môn phương tiện giải thoát vô tướng.

Trong tam-muội, dựa vào hai lớp dịu dàng kia, dựa vào trung tăng, như thế, theo thứ lớp, pháp Noãn, cho đến trí tận, trí vô sinh.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói giới, giới này thế nào?

Đáp:

Hai mươi, nói cõi Dục
Cõi Sắc hoặc mười sáu
Cõi Vô Sắc có bốn
Xứ sở, thứ lớp nói.

Hai mươi nói cõi Dục: Đó là tám đại địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, bốn châu thiên hạ và sáu tầng trời cõi dục. Hai mươi cõi này là cõi Dục. Các chúng sinh này lấy dục thọ thân các dụng cụ và thứ hai, cho nên nói là cõi Dục.

Cõi Sắc hoặc mười sáu, nghĩa là Phạm thân, Phạm-phú-lâu, Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Vô ấm, Phước sinh, Quả Thật, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện hiện và Sắc Cứu Cánh. Mười sáu xứ này là cõi Sắc.

Hữu dục khiến thành mười bảy: Mười sáu như trước và Đại phạm, chúng sinh kia thọ sắc thân chẳng phải các dụng cụ, chẳng phải thứ hai, cho nên nói là cõi Sắc.

Cõi Vô Sắc có bốn, đó là Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, và Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Chúng sinh của xứ này không thọ sắc thân, lìa sắc dục, nên gọi là cõi Vô Sắc.

Hỏi: Vì sao lập ba cõi? Vì ái dứt hay vì xứ sở? Nếu ái dứt thì lẽ ra có chín, nghĩa là ái cõi Dục dứt cõi Dục, như thế từ Sơ thiền cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Nếu vì xứ sở nên lập, thì lẽ ra có bốn mươi như trước nói?

Đáp: Vì ái dứt chung nên nói, nghĩa là ái cõi Dục dứt ái cõi Dục, cũng thế ái cõi Sắc dứt ái cõi Sắc, ái cõi Vô Sắc dứt ái cõi Vô Sắc. Vì cõi Dục không nhất định, nên có một sử. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc vì nhất định, nên không có một sử.

Hỏi: Kiến lập giới (cõi) thế nào?

Đáp: Xứ sở theo thứ lớp nói. Có thuyết cho là từ dưới thứ lớp lên trên, dưới hết là địa ngục Vô Trạch, kế đó là địa ngục Đại Nhiệt. Thứ lớp như thế cho đến Sắc Cứu Cánh.

Trên Sắc Cứu Cánh lại có địa ngục Vô Trạch, thứ lớp cho đến Sắc Cứu Cánh. Nếu lìa dục của một cõi Dục, thì lìa dục của tất cả cõi Dục. Nếu được thần túc của Sơ thiền, thì có thể đến một cõi Dục và một

Phạm Thế. Lại nữa, hữu dục khiến cùng khắp, lập giới một bên.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bảy thức trụ, thức trụ này thế nào?

Đáp:

Đường thiện ở cõi Dục
Và ba địa cõi Sắc
Ba Vô Sắc cũng thế
Đây gọi là thức trụ.

Đường thiện cõi Dục, đó là hàng trời và người, ba địa trước của cõi Sắc, ba địa trước của cõi Vô Sắc. Bảy địa này gọi là thức trụ. Chúng sinh có sắc, nghĩa là thành tựu sắc thân. Các thứ thân là các thứ hình. Các thứ tưởng, là tưởng khổ, vui, không khổ, không vui, đó gọi là thức trụ ban đầu. Lại nữa, các thứ thân, như trước nói. Một tưởng, đó là tưởng nhiễm ô.

Thân trời Phạm kia, lúc mới sinh, nghĩ thế rằng: "Ta từ trời Đại Phạm sinh". Trời Đại Phạm nghĩ thế này: "Ta có thể sinh ra xứ sở cao, thấp kia và giác, quán thức thân". Phạm thiên có các thứ thân, đó gọi là thức trụ thứ hai. Một thân là sắc thân, thì gồm hình, vị trí, chất lượng, v.v... Các thứ tưởng là tưởng vui và tưởng không khổ, không vui.

Hỷ căn vốn là quyến thuộc của sự nhàm chán, xả căn lại hiện trước mặt sự nhàm chán kia rồi, thì hỷ lại hiện ở trước, đó gọi là thức trụ thứ ba.

Một thân, một tưởng: Một thân, như trước đã nói, một tưởng là lạc, đó gọi là thức trụ thứ tư. Chúng sinh ở cõi Vô Sắc, không thành tựu sắc thân, vì đã lìa sắc dục.

Độ tất cả tưởng sắc, hành lìa sắc nên nói vì sắc tưởng tương ưng với nhãn thức. Nếu lìa sự ham muốn của Sơ thiền, độ dục, ái hành, lìa dục vọng của đệ Tứ thiền, muốn độ hành sắc hành. Vì nghĩa này, nên nói diệt là tưởng có đối, vì tương ưng với năm thức thân.

Không nhớ nghĩ các thứ tưởng, nghĩa là các thứ tưởng kia, phân tán khắp ở thiền thứ tư, để duyên các thứ nhập. Nếu nhiễm ô là duyên mười nhập, không nhiễm ô thì duyên mười hai nhập, vì đã lìa sự khuấy rối của

dục vọng nên nói như thế.

Không nhớ nghĩ vô lượng: Vì hành vô lượng, phương tiện tư duy nhập vào không. Chánh thọ không, nên nói là không xứ nhập. Không xứ nhập thành tựu, là thành tựu bốn ấm của địa kia, đó gọi là thức trụ thứ năm. Phương tiện tư duy thức nhập thức xứ, đấy gọi là thức trụ thứ sáu. Vì không có phần của hành vô lượng, nên nói là Vô sở hữu xứ, đó gọi là thức trụ thứ bảy.

Hỏi: Vì sao lập bảy thức trụ?

Đáp: Vì thức ưa trụ ở xứ đó, nên nói là thức trụ. Vì khổ đường ác ép ngặt, nên thức không ưa trụ. Vì trời Tịnh Cư hướng đến Niết-bàn, nên thức không ưa trụ, vì chúng sinh của trời Vô Tưởng không có tâm. Các cõi khác ở Tứ thiền, hoặc vì cầu Vô Sắc, hoặc vì cầu Tịnh Cư, hoặc vì cầu vô tưởng, nên thức không ưa trụ. Vì hữu thứ nhất không nhạy bén, nên thức không ưa trụ.

Lại nữa, nếu xứ đó có pháp của thức hư hoại, thì không lập thức trụ. Vì đường ác là căn khổ hư hoại, vì Tam-muội Vô tưởng của đệ Tứ thiền bị hư hoại, vì Tam-muội Diệt tận của hữu thứ nhất bị hư hoại nên không lập thức trụ.

Hỏi: Chỗ cư trú của chín loại chúng sinh thì thế nào?

Đáp:

Vô tưởng, hữu thứ nhất
Là nói chúng sinh ở
Gọi bốn ấm hữu lậu
Là nói bốn thức trụ.

Hữu thứ nhất Vô tưởng nói là nơi chúng sinh ở, nghĩa là trước đây đã nói bảy thức trụ và trời Vô tưởng hữu thứ nhất là chín chỗ ở của chúng sinh.

Hỏi: Vì sao không nói đường ác là nơi ở của chúng sinh?

Đáp: Vì không có phần ưa trụ, vì nhiều đau khổ, nên không ưa trụ, vì trời Tịnh Cư nhanh chóng hướng đến Niết-bàn, nên không ưa trụ. Còn lại đệ Tứ thiền, như trước đã nói.

Hỏi: Bốn thức trụ thì thế nào?

Đáp: Là bốn ấm hữu lậu tức nói bốn thức trụ, ngoại trừ thức ấm, bốn ấm hữu lậu còn lại được gọi là thức trụ.

Có thuyết cho là ấm số chúng sinh, gọi là thức trụ thì không đúng. Vì sao? Vì dựa vào phần nghĩa hành tương ưng duyên, nên gọi là Trụ. Nương:

Là duyên sở y của thức, năng duyên chẳng có phần sở duyên, âm Phạm là Hà-ba-tha-da, dịch nghĩa là lưu chú, nghĩa là thọ sanh thai phần nối tiếp quá khứ, vị lai tuy chẳng phải số chúng sanh, cũng có năm nghĩa, cho nên được làm thức trụ. Pháp vô lậu cũng nói thức trụ là không đúng. Vì sao? Vì thức nhiễm ô, bị hư hoại, nên không lập thức trụ, thức ấm không phải thức trụ, nên hai thứ này không có phần, trước sau không đều, không đoái nghĩ đến tự tánh. Thức của phần mình trụ nơi ấm của phần mình, nghĩa là cõi Dục an trụ cõi Dục, so sánh như vậy, không khác cõi, không khác địa, không khác thân.

Hỏi: Vì sao tự phần ấm nói là thức trụ, không nói là tự phần?

Đáp: Vì tự phần ấm gồm nhiếp thức.

Hỏi: Không tự phần tâm ấm và phi tâm ấm sao gọi là thức trụ? Khi tâm của giới khác trụ gọi là chẳng phải tự phần tâm ấm, khi pháp Vô tâm trụ thì gọi là phi tâm ấm.

Đáp: Vì có tướng được. Tướng được đó cũng là tướng của thức trụ thành tựu. Nếu tự phần thức kia phát sinh, thì thức đó sẽ chuyển biến theo và thức đó sẽ có nghĩa thức trụ, vì nhân duyên trung gian gây trở ngại nên thức không sinh, chứ chẳng phải thức trụ chẳng có phần!

Hỏi: Đức Thế Tôn nói duyên khởi, pháp duyên khởi đó có tướng gì?

Đáp:

Phiền não sự và nghiệp
Phát sinh theo thứ lớp
Nên biết là chi hữu
Chúng sinh, tất cả sinh.

Ba phần chi duyên khởi, đó là: Phiền não, nghiệp và sự. Phiền não, nghiệp và sự này được phát sinh theo thứ lớp của nó, gọi là chi duyên khởi, nên biết chi duyên khởi ấy:

Kiến lập các phần này
Là chúng sinh thọ sinh
Quá hai và chưa sinh
Trung gian nói có tám.

Lập ra các phần này, gọi là chúng sinh thọ sinh. Đối với ba phần duyên khởi này, nói mười hai chi.

Hỏi: Thế là thế nào?

Đáp: Quá hai và trung gian chưa sinh, nói là tám. Khi ở đời quá khứ các phần phiền não gọi là vô minh, khi quá khứ sanh thì nghiệp gọi là hành. Hiện tại nối tiếp, gọi là Thức. Sự nối tiếp kéo dài khi sáu nhập chưa đầy

đủ, gọi là danh sắc. Khi các căn đầy đủ, gọi là sáu nhập, chưa có khả năng phân biệt được khổ, vui, không khổ, không vui. Căn, trần, thức hợp nhau, gọi là Xúc. Phân biệt được khổ, vui, mà chưa phân biệt được phiền não gọi là Thọ.

Ưa thích với cảnh đáng ưa, khó chịu với cảnh không đáng ưa, hoặc rời xa, hoặc hướng đến sự yêu mến, gặp nhau gọi là ái. Hiện tại đầy ắp sự bức rức gọi là thủ. Lại sinh thân sau, nói là hữu. Hiện tại có gieo trồng để sinh ấm ở vị lai, gọi là sinh. Ấm của vị lai đã chín muồi, gọi là lão. Xả bỏ ấm vị lai gọi là Tử.

Ba chi hữu, phiền não
Hai nghiệp, sự là bảy
Bảy thứ là chi trước
Năm thứ là chi sau.

Ba chi hữu phiền não, hai nghiệp là: Ba chi hữu đó là: Vô minh, ái và thủ là hành của phiền não. Và hai chi hữu là nghiệp, những chi khác là sự. Bảy gọi là chi hữu trước, năm thì là nói phần sau. Có nghĩa là từ vô minh đến thọ là bảy chi, đó gọi là duyên khởi của đời trước, còn năm chi sau là duyên khởi của đời sau.

Năm chi trước là quả
Hai chi kế là nhân
Ba chi sau là nhân
Hai chi cuối là quả.

Duyên khởi đời trước từ thức, cho đến thọ là quả. Vô minh, hành là nhân, Duyên khởi sau, ba chi trước là nhân, hai chi cuối là quả.

Hỏi: Các chi hữu đời trước và đời sau, có xoay vần hợp nhau chăng?

Đáp: Được. Việc ấy ra sao?

Trước si, sau ái thủ
Hành hữu hợp cũng thế
Danh sắc, nhập, xúc, thọ
Là nói đồng già chất
Khi thức mới thọ thân
Là ở đời vị lai.

Hỏi: Đã biết chi hữu, trước sau xoay vần gồm nhiếp lẫn nhau. Chi hữu đó sinh khởi thế nào?

Đáp:

Phiền não khởi nghiệp phiền
Nghiệp đó chuyển sinh sự

Sự cũng sinh ra sự
Cũng lại sinh phiền não.

Duyên phiền não sinh phiền não: Đó là duyên ái sinh ra thủ. Duyên phiền não sinh ra nghiệp, đó là duyên thủ sinh ra hữu, duyên nghiệp sinh ra sự, đó là duyên hữu sinh ra sinh.

Duyên sự sinh ra sự, đó là duyên sinh, sinh ra già chết. Duyên sự lại sinh ra phiền não, nghĩa là như trước đã nói: Danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ tức là chi sau của già chết. Vì lý do đó, nên nói duyên thọ sinh ái, cũng nói duyên già chết, sinh ra vô minh, đó gọi là vô thỉ hữu luân.

Hỏi: Có bốn thứ duyên khởi. Bốn thứ đó là gì?

Đáp:

Là chúng nối tiếp chuyển
Sát-na và ràng buộc
Cùng trước là phần đoạn
Đó gọi là duyên khởi.

Nối tiếp chuyển là nghĩa vô thỉ. Vì nhân quả lần lượt ràng buộc nhau nên nói là vòng duyên khởi. Cũng như mặt trăng đầy vơi không thể biết. Thế nên, Tu-đa-la nói: Bốn tế của hữu, ái không thể biết!

Nên nói điều cần nói, không thể biết cái mình có, có mà chẳng thể biết là không đúng. Vì sao? Vì không có nhân của lời nói. Lời nói không, nghĩa là nếu có người hỏi, tại sao không, tức không thừa nhận nhân của lời nói.

Lời nói không thể biết, nghĩa là nếu có người hỏi, vì sao không thể biết, thì đáp vì vô thủy, như trăng đầy vơi không thể biết!

Nhân duyên như vậy, là duyên khởi nối tiếp nhau. Như vầng trăng đầy vơi không thể biết, cho nên nói là không thể biết. Trong khoảng một sát-na, tất cả chi hữu đều hiện ở trước mặt, nên nói là sát-na. Như Luận Thức Thân nói: Đối với sự trang nghiêm, vì vô tri, nên khởi lên lòng tham. Vô tri ấy là vô minh, tham ấy là hành. Ở sự biết là thức, thức cùng sinh khởi với bốn ấm kia, gọi là danh sắc. Danh sắc lập ra các căn, là sáu nhập, sáu nhập bị chấp lấy là xúc. Cảm giác có được từ xúc là thọ. Mừng vui do thọ sinh ra là ái. Ái cùng với sinh nối tiếp là thủ. Thọ sinh ra nghiệp đời sau là hữu. Khởi năm ấm của đời sau là sinh. Năm ấm ấy chín muồi là già, từ bỏ năm ấm là tư, vì lần lượt ràng buộc lẫn nhau, nên nói là nhân duyên ràng buộc nối tiếp. Sự lần lượt của căn bản là nghĩa lâu xa, không phải chỉ có mười hai chi, gọi là duyên khởi, hoặc này sinh, hoặc sở sinh, tất cả pháp hữu vi đều nói là duyên khởi.

Tôn giả Phú-na-da-xá nói: "Hoặc duyên khởi chẳng phải là đã duyên khởi". Đó là pháp vị lai. Đã duyên khởi chẳng phải duyên khởi thì đó là năm ấm ở quá khứ và hiện tại của vị A-la-hán qua đời. Duyên khởi rồi duyên khởi: Nghĩa là trừ năm ấm quá khứ, hiện tại của vị A-la-hán qua đời. Các pháp quá khứ, hiện tại khác, không phải duyên khởi, không phải đã duyên khởi, đó là pháp vô vi, vì giữa phần đoạn có thể được, nên nói là phần đoạn. Phiền não sinh ra vào đời quá khứ, phân ra, nói là vô minh phần còn lại, như trước đã nói.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sinh và đường, thì sinh gồm nhiếp cả đường hay đường gồm nhiếp sinh?

Đáp:

Sinh nhiếp tất cả đường
Chẳng phải đường nhiếp sinh
Vì sinh trung ấm tăng
Nên biết chẳng thuộc đường.

Sinh gồm nhiếp đường không phải đường gồm nhiếp sinh.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì trung ấm trong sinh gia tăng. Trung ấm là thuộc về sinh, không phải thuộc về đường, vì đến, nên nói là thú.

Trung ấm, là đi, chẳng phải đến, cho nên, không phải cõi. Sinh nghĩa là bốn cách sinh: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh. Cõi Dục có đủ bốn thứ. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc hết thảy là hóa sinh. Địa ngục hóa sinh, súc sinh có bốn thứ. Ngạ quỷ hóa sinh cũng có thai sinh. Cõi người có bốn thứ, cõi trời hóa sinh, hóa sinh nhiều nhất, vì hoàn toàn là hai đường, phần ít của ba đường, nên cũng cho đó là hơn hết.

Hỏi: Nếu là hơn hết, thì Đức Thế Tôn tại sao không hóa sinh?

Đáp: Không cùng thời. Nếu lúc có hóa sinh thì không có Đức Phật ra đời và thời kỳ nào có Phật xuất hiện ở thế gian thì không có người hóa sinh.

Lại nữa, vì Nhất thiết thắng, Đức Thế Tôn là chủng tánh do Nhất thiết thắng sinh ra nên Ngài là tối thắng đối với tất cả chúng sinh, cũng là để nói pháp cho người tín thọ, cũng là để dứt trừ tánh cao ngạo của dòng họ.

Đường là năm đường: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời. Vì không có gì đáng vui, nên gọi là địa ngục. Vì thân đi ngang, nên nói là súc sinh. Vì mong cầu từ người khác, nên nói là ngạ quỷ. Vì ý vắng lặng nên nói là con người. Vì sáng suốt, nên nói là trời. Vì có dục, nên A-tu- la và trời đồng ở một đường, thế nên có lời nói ông trước kia là trời.

Hỏi: Nếu vậy vì sao họ không kiến đế?

Đáp: Vì họ đã bị tánh dua nịnh che lấp. Có thuyết cho là ngạ quỷ đại lực, đường trời không nói.

Hỏi: Nếu vậy tại sao Trời Đế-thích lại quen gần với họ?

Đáp: Vì do tham sắc. Phải gánh vác nhiều là Cưu-bàn-trà, Lặc- xoa, cũng thuộc về đường ngạ quỷ. Khẩn-na-la, Tỳ-xá-già, Hê-lỗ-bà, Ca-xà-la, Phả-cầu-la, thuộc về đường súc sinh.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói sáu cõi, sáu cõi này thế nào?

Đáp:

Cái gọi bốn đại chủng
Và các thức hữu lậu
Cũng tướng trung gian sắc
Cõi này là gốc sinh.

Cái gọi là bốn đại chủng và các thức hữu lậu, cũng là tướng trung gian của sắc: Đó là năm thức thân của bốn đại và ý thức hữu lậu cũng là trung gian của sắc, là chốn mà mắt thọ nhận là "Số không giới", đó gọi là sáu giới.

Hỏi: Đã nói mười tám giới, vì sao lại còn nói riêng sáu giới?

Đáp: Vì sáu giới này là gốc để sinh ra. Giới này còn được gọi là "Số sĩ phu", vì lập ra căn bản của sự sinh, nên pháp vô lậu không lập trong sáu giới. Bốn đại như đã nói trong phẩm Giới.

Hỏi: Đế có tướng gì?

Đáp:

Là các hành, tánh quả
Hữu lậu là nói khổ
Tánh nhân chính là tập
Diệt đế, các khổ dứt.

Là các hành của tánh quả, hữu lậu chính là khổ. Nghĩa là tất cả hành hữu lậu, vì có nhân và tánh ràng buộc nên nói là khổ. tánh của nhân chính là nhóm hợp. Nghĩa là hành hữu lậu này là tánh của nhân, gọi là tập đế. Vì vậy khổ, tập là một vật do nhân quả mà lập ra hai đế. Diệt đế thì các khổ đều dứt hết, tất cả pháp hữu lậu rốt ráo vắng lặng, đó là diệt đế.

Nếu các hành vô lậu
Đó gọi là đạo đế
Vì hai nhân duyên này
Thô, tế lần lượt hiện.

Nếu các hành vô lậu, đó gọi là đạo đế, nghĩa là hết thảy hành vô lậu, đều gọi là đạo đế, vì có sự trái nhau.

Hỏi: Tại sao gọi là đế?

Đáp: Vì do hai nhân duyên. Có hai nhân duyên mới được gọi là đế, đó là tự tánh không giả dối và kiến. Tự tánh đó đã được giác ngộ, không điên đảo. Hư không chẳng thường duyên theo sự vắng lặng, nên dù tự tánh không giả dối, nhưng vì vô ký, vì vô lậu, nên không nói là đế! Nếu pháp là khổ, là nhân của khổ, là lìa khổ, là đối trị khổ thì pháp ấy mới được lập đế. Vì pháp kia là vô lậu, không phải khổ, không phải nhân của khổ, vì vô ký nên chẳng phải lìa khổ, vì vô vi nên không phải đối trị khổ. Thế nên nói bốn đế là bệnh, nhân của bệnh, dứt bệnh thì thuốc chữa bệnh, cũng nói như vậy.

Hỏi: Thánh đế có nghĩa là gì?

Đáp: Thánh đã khởi sự giác ngộ chân thật, đối với các đế này và còn bảo cho người khác biết rõ nữa, nên gọi là Thánh đế.

Tướng bức bách này gọi là khổ, tướng sinh gọi là tập, tướng lặng dứt gọi là diệt, tướng ra khỏi gọi là đạo.

Hỏi: Đáng lẽ nhân trước, quả sau, tại sao Đức Thế Tôn lại nói quả trước?

Đáp: Thô, tế thứ lớp biểu hiện. Mặc dù như vậy nhưng thuận theo vô gián đẳng nên nói quả trước, vì khổ thô to nên trước là vô gián đẳng.

So sánh như vậy, diệt tuy là vi tế, nhưng chẳng phải đạo, trước lập bày nói đế cầu diệt, mà thô chẳng phải đạo.

Lại nữa, vì nghĩa dễ vượt qua, nên từ thô thứ lớp lập thô, về khổ của cõi Dục, Đức Thế Tôn nói vô gián đẳng trước. Về sau mới nói đến khổ cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Nỗi khổ cõi Sắc dù thô, chứ chẳng phải như cõi Vô Sắc là định, bất định, thế nên, có một vô gián đẳng, v.v...

Hỏi: Chân đế vô gián đẳng v.v... là thế nào? Là tự tướng hay cộng tướng?

Đáp: Vì đế nên là tự tướng, vì ấm nên là cộng tướng.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn quả Sa-môn có bao nhiêu việc?

Đáp:

Quả Thánh có sáu việc
Hơn hết ở chín địa
Thứ ba ở sáu địa
Hai quả nương vị lai.

Quả Thánh có sáu việc: Nghĩa là có sáu việc nói về quả Sa-môn, đó là năm ấm vô lậu và số diệt. Đạo Thánh nói là quả Sa-môn, đạo Thánh đó là quả này. Về quả Sa-môn sẽ nói rộng trong phẩm Trạch.

Hỏi: Quả Sa-môn ấy thuộc về địa nào?

Đáp: Trên hết là chín địa, quả A-la-hán thuộc chín địa, đó là thiền vị lai, trung gian, bốn thiền căn bản và ba Vô Sắc.

Thứ ba ở sáu địa: Nghĩa là quả A-na-hàm thuộc về sáu địa, trừ Vô Sắc. Hai quả dựa vào vị lai là quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm còn dựa vào vị lai, vì chưa lìa dục!

Hỏi: Đạo có tướng gì?

Đáp:

Hành pháp tùy tín hành
Lìa tướng phiền não chậm
Hành pháp tùy pháp hành
Lìa tướng phiền não nhanh.

Hành pháp tùy tín hành, lìa tướng phiền não chậm, nghĩa là tùy tín hành đã thực hành pháp vô lậu, và thuộc về loại căn mềm yếu, nên biết là chậm chạp. Nếu theo chỗ tiếp nhận của tín hành nên biết, có tín giải thoát, thời giải thoát, cũng tiếp nhận, cùng với căn mềm yếu, hành pháp tùy pháp hành.

Lìa tướng phiền não nhanh, nghĩa là tùy pháp hành nên đã thực hành pháp vô lậu và thuộc về loại căn nhạy bén nên biết là đạo nhanh chóng. Nếu tùy theo sự tiếp nhận của pháp hành, nên biết kiến đáo, bất thời giải thoát, cũng tiếp nhận đồng với căn cơ nhạy bén.

Trong địa thiền căn bản
Nên biết là đạo vui
Vì giảm và, khó được
Nên biết là nói khổ.

Trong địa thiền căn bản, nên biết là đạo yên vui: Pháp của căn cơ yếu nơi địa Tứ thiền căn bản và pháp của căn cơ nhạy bén, được gọi là đạo yên vui, vì chỉ quán, v.v... hành của đạo yên vui nơi địa thiền căn bản kia giảm ít và khó được.

Nên biết là nói khổ, nghĩa là căn cứ vào địa khác để nói là đạo khổ, vì giảm ít. Đó là chỉ đạo giảm ít ở thiền trung gian, vị lai, và đạo quán của định Vô Sắc tắt mất, vì phương tiện đó rất khó được, nên nói là khổ, chứ không phải Thánh đạo là tánh thọ nhận khổ, cũng chẳng phải tương ưng với khổ thọ. Dù là đạo của khổ dứt hết, nhưng cũng có vô lượng phân biệt.

Vì kiến lập địa này và căn nên nói có bốn. Địa của thiền căn bản kia, nếu là căn cơ nhạy bén nói là đạo vui và đạo nhanh. Nếu là cơ căn chậm lụt, thì nói là đạo vui và chẳng phải đạo nhanh. Đạo của địa khác, nếu là căn cơ nhạy bén nói là đạo khổ và đạo nhanh. Nếu là căn cơ chậm lụt nói là đạo khổ và chẳng phải đạo nhanh. Vì thắng tiến nên nói là đạo, vì chánh thời giải thoát nên nói là Đạo.

Hỏi: Thế nào là tịnh không hư hoại?

Đáp:

Phật và pháp Thanh văn
Giải thoát, cũng nhân khác
Tín thanh tịnh, không nhơ
Giới Thánh, là quyết định.

Đức Phật và pháp của Thanh văn, giải thoát cũng có nhân khác, thanh tịnh, sự tin tưởng không cấu uế: Nghĩa là nếu ở chỗ Phật được pháp vô học, khởi niềm tin vô lậu đó gọi là tịnh không hư hoại đối với Phật. Nếu ở trụ xứ của tăng mà thực hành pháp học, vô học rồi khởi lên sự tin tưởng vô lậu, đấy gọi là tịnh không hư hoại đối với Tăng. Nếu đối với Niết-bàn, khởi niềm tin vô lậu, ngoại trừ pháp trước đã nói, đó là đối với khổ đế, tập đế khác và công đức vô lậu của Bồ-tát và công đức vô lậu của Bích-chi-Phật, phát sinh niềm tin vô lậu, đó gọi là pháp duyên không hư hoại, tịnh không hư hoại (vì duyên riêng với pháp bảo, nên nhất định duyên không hư hoại).

Nếu đối với pháp của Phật, pháp của Bích-chi-Phật và pháp của Thanh văn, khởi lên niềm tin vô lậu, đó gọi là pháp duyên hư hoại, tịnh không hư hoại (Vì duyên Tam bảo lẫn lộn, nên nói là duyên hư hoại).

Giới của Thánh: Giới vô lậu là bốn đại tịnh (Niềm tin là tâm tịnh, giới là bốn đại tịnh).

Hỏi: Vì sao vô lậu nói là tịnh không hư hoại?

Đáp: Vì đó là quyết định, trí chân thật đều sinh với niềm tin vô lậu. Giới quyết định niềm tin hữu lậu, bị sự không tin làm hư hoại. Giới hữu lậu bị giới ác hủy hoại. Giới vô lậu, qua nhiều đời không hư hoại, do quyết định này nên lập vô lậu là tịnh không hư hoại. (Về nghĩa này, sẽ nói rộng trong phẩm Trạch)

Hỏi: Tu định có tướng gì?

Đáp:

Nếu có thiện, Sơ thiền
Gọi là vui hiện pháp
Là được trí sinh tử

Đó gọi là tri kiến.

Nếu Sơ thiền đều có thiện, gọi là niềm vui hiện pháp, nghĩa là tịnh vô lậu, Sơ thiền, trụ an lạc ở hiện pháp, đó gọi là tu định được vui hiện pháp. Nên biết đệ Tứ thiền cũng như vậy. Sơ thiền cũng nói là trụ trong niềm vui của đời sau, nhưng không phải tất cả, vì hoặc là lùi lại, hoặc sinh lên địa trên, hoặc nhập Niết-bàn. Vì niềm vui của đời sau không nhất định, nên Đức Thế Tôn nói là an trụ niềm vui hiện pháp, gọi là được trí sinh tử, ấy gọi là tri kiến, là sinh tử trí thông, gọi là do tu định được. Tri kiến, như nói lực, xứ đều nên biết.

Nên biết tuệ phân biệt
Phương tiện sinh công đức
Kim Cương dụ, Tứ thiền
Đó gọi là lậu tận.

Nên biết, phương tiện tuệ phân biệt phát sinh công đức, nghĩa là nếu phương tiện phát sinh các công đức, từ pháp thiện muốn được văn, tư, tu thiện của ba cõi và vô lậu thì tất cả pháp thiện này được gọi tên, là tu định được tuệ phân biệt. Tứ thiền của Kim Cương dụ, đó gọi là lậu tận. Nghĩa là định Kim Cương dụ được gọi là sự tương ưng của tâm học sau cùng, dựa vào đệ Tứ thiền, đó gọi là tu định được lậu tận. Đây là Đức Thế Tôn đã tự mình nói ái của tất cả Bồ-tát, ở Vô sở hữu xứ của đệ Tứ thiền đều dứt hết, dựa vào đệ Tứ thiền vượt lên ly sinh, cho đến lậu tận.

Hỏi: Những gì là tự tánh của như ý túc?

Đáp:

Các pháp hữu vi thiện
Từ phương tiện sanh khởi,
Phật nói như ý túc
Đó cũng nói chánh đoạn.

Các pháp hữu vi thiện do phương tiện sanh khởi, Đức Phật nói như ý túc: Nghĩa là trước đây nói phương tiện đã sinh ra công đức. Tất cả phương tiên đó là đồ đựng như ý, nên nói là như ý túc. Tâm mình tự tại, phát sinh đủ các thứ công đức nên nói là như ý túc. Vì công đức kia đầy đủ như ý, nên nói là như ý túc. Công cụ của chi túc đều đồng một nghĩa.

Hỏi: Việc này ra sao?

Đáp: Gọi là Tam-muội, Tam-muội đó lại chia làm bốn thứ tăng thượng. Nếu dục tăng thượng khởi Tam-muội, gọi là dục định. Tâm tinh tiến, tuệ tăng thượng khởi Tam-muội cũng như vậy, vì định kia, trước là dục nên dục tăng thượng. Dục đã sinh rồi, vì muốn được thành tựu, nên

tinh tiến tăng thượng. Vận dụng phương tiện tinh tiến rồi, thì thuận theo mong cầu, nên tâm tăng thượng.

Đối với dục, tâm tinh tiến hướng đến chân chánh, vì như ý túc là rốt ráo, cho nên tuệ tăng thượng. Do vậy, nếu không có tuệ thì mọi thứ dục khác đều mất.

Hỏi: Thế nào là như ý? Thế nào là túc?

Đáp: Định là như ý, dục v.v... là túc. Dù có các pháp như thọ, v.v... sinh ra, nhưng chỉ giữ lấy sự sinh định này nên gọi là túc. (Về nghĩa này, sẽ nói rộng trong phẩm Tạp).

Như ý túc ấy , cũng nói là chánh đoạn, nghĩa là chính các công đức này, được nói là chánh đoạn, vì ngọn lửa chánh trí đốt rụi cỏ phiền não, nên nói là sự đốt cháy chân chính. Vì trí tuệ ấy cũng dứt các phiền não, nên nói là chánh đoạn.

Hơn nữa, vì dứt trừ phiền não hơn hết, nên nói là chánh thắng. Các công đức, các lỗi ác kia, bỏ sự nuôi lớn, hoặc đề phòng, hoặc gia tăng, đều có thể có khả năng, nên nói là chánh đoạn. Chánh đoạn đó, lại chia ra bốn thứ sự, như trong một sát-na, chiếc đèn đã làm nên bốn việc, đó là: Sự đốt cháy tim đèn, dầu cạn, bình đựng dầu nóng lên, bóng tối bị phá tan.

Như vậy, trong một sát-na, sự tinh tiến được biểu hiện ở trước mặt, đã làm bốn sự đối trị pháp ác đã sinh v.v..., như Tu-đa-la có nói rộng: Chấm dứt chủng phiền não, căn đạo dứt được phiền não quá khứ, vị lai. Phiền não đã dứt được, là nói quá khứ đã mất, vị lai không khởi. Dù đã dứt tất cả hữu lậu, nhưng vì pháp ác cực ác, trái với Thánh đạo, nên chỉ nói pháp ác cắt đứt sự sanh, vì một quả nên nói là điều ác sinh, hai quả nên nói là bất thiện. Vì đã sinh pháp thiện, an trụ nối tiếp nhau, nên nói là trụ. Vì phẩm hạ trung thượng tăng trưởng, nên nói là lại tu thêm rộng. Dù A-la-hán không có pháp nào bất thiện và đối trị đoạn, mà vẫn có pháp đối trị hư hoại (sự chê bai, quở trách là đối trị hư hoại), đem đối trị để đối trị với phần xa, cũng nói là bốn chánh đoạn. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy.

Đây nói bốn niệm xứ
Bốn Thánh chủng cũng vậy
Như tăng thượng kia sinh
Là đều nói theo danh.

Ở đây nói bốn niệm xứ, nghĩa là trước đã nói về công đức, cũng nói về niệm xứ, đó là thân, thọ, tâm, pháp, trong ngoài đều có tự tướng và cộng tướng, vì thuận theo quán nên nói là niệm xứ, như đã nói trong phẩm Hiền Thánh.

Bốn Thánh chủng cũng vậy, công đức nói ở trước, cũng nói bốn hạt giống Thánh, vì bậc Thánh lấy bốn niệm xứ này làm hạt giống, nên nói là Thánh Chủng, vì Thánh đã sinh ra từ bốn niệm xứ đó, nên gọi là Thánh chủng.

Hỏi: Thánh chủng có tánh chất gì?

Đáp: Thánh chủng có tánh chất của căn thiện vô tham. Nếu quyến thuộc là tánh của năm ấm, thì bốn thứ ái đã nhận lấy pháp đối trị, nên nói là bốn nhân, nương dựa nhau sinh ra nhân của ái. Nhân khất thực, nhân của dụng cụ ngồi nằm, hữu vô hữu sinh ái (không có ái, nghĩa là ái đã đoạn, đã diệt trừ là ba thứ ở trên và ái này. Ái khác, có tên chung là hữu ái).

Tùy thuộc vào ái đó, theo thứ lớp đối trị, lập bốn hạt giống Thánh. Vì y phục, sự khất thực bao gồm cả thuốc thang, lại không tất cả, vì không tất cả thời, nên thuốc thang không lập riêng, vì hạt giống Thánh sinh khởi ở cảnh giới hiện tại. Tri túc (sự biết đủ) lập Thánh chủng, không phải là thiểu dục (ít ham muốn) tri túc là khởi hiện ngay ở hiện tại, thiểu dục ở vị lai sinh khởi hiện tại, không lấy một đồng tiền là khó, chẳng phải là hạt giống Thánh của vua Chuyển luân trong vị lai. Đối với người xuất gia có hai điều tốt đẹp, đó là niềm hy vọng và sự thọ dụng, người tại gia, chỉ có mỗi sự hy vọng.

Hạt giống, nghĩa là gìn giữ, cho nên luật nghi biệt giải thoát lấy vô tác (không có tạo tác) làm chủng tử Thánh, không phải làm cõi Sắc, Vô Sắc, tuy không có áo, cơm nhưng có chủng tử Thánh, đó là luật nghi vô lậu.

Hỏi: Vì sao nói các công đức này là như ý túc, cho đến Thánh chủng?

Đáp: Sự phát sinh tăng thượng như vậy là đều theo danh mà nói các công đức ấy. Vì định phát sinh tăng thượng nên nói là như ý túc. Vì tinh tiến phát sinh tăng thượng, nên nói là chánh đoạn. Vì niệm sinh khởi tăng thượng nên nói là niệm xứ. Vì tri túc sinh khởi tăng thượng nên nói là Thánh chủng.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói ba mươi bảy phẩm giác có bao nhiêu chủng tánh?

Đáp:

Tín tịnh, tinh tiến, niệm
Trí tuệ và hỷ ỷ
Giác phẩm tương ưng xả
Tư, giới, Tam-ma-đề.

Mười việc như đã nói phần phẩm giác khác đều nhập vào mười việc

đó. Thế là thế nào? Nghĩa là Tín là tín căn, tín lực. Tinh tiến là chánh đoạn, tinh tiến căn, tinh tiến lực, tinh tiến giác chi. Chánh phương tiện, niệm là niệm căn, niệm lực, niệm giác chi. Chánh niệm tuệ là niệm xứ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp, giác chi, và chánh kiến. Hỷ là hỷ giác chi. Ỷ là ỷ giác chi, và xả là xả giác chi. Tư là chánh tư duy, giới là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Tam-ma-đề là như ý túc, định căn, định lực, định giác chi, và chánh định.

Tỳ-bà-sa cho rằng: Giới có hai thứ: Thân nghiệp, khẩu nghiệp không hư hoại, nên nói có mười một sự.

Hỏi: Vì sao các pháp này được lập bằng nhiều cách?

Đáp:

Xứ, phương tiện tự tại
Độn và lợi cũng thế
Kiến đạo cũng tu đạo
Nên nói ba mươi bảy.

Xứ là chánh duyên, xứ đã được lập nên nói là niệm xứ. Phương tiện nghĩa là chánh phương tiện, nên nói là chánh đoạn. Tự tại là công đức tự tại, nên nói là như ý túc. Mềm yếu là năm pháp như tín, v.v..., mềm yếu là nói về căn.

Và sự nhạy bén cũng vậy: Trong các căn này, nếu tăng thượng là nói lực. Thế nên, nghĩa tăng thượng là nói căn, vì khó điều phục nên nói là lực.

Hỏi: Những gì là căn? Thế nào là thứ lớp?

Đáp: Tín, tinh tiến, niệm, định, và tuệ là căn. Thứ lớp nghĩa là tin nhân quả, có công năng làm căn bản cho tất cả pháp thiện, nên trước là nói về tín. Vì tin rồi sẽ từ bỏ điều ác, tu việc thiện, nên tinh tiến phương tiện. Dùng phương tiện tinh tiến rồi, tâm thường nhớ nghĩ cảnh giới. Tâm đã an trụ rồi, thì duyên không tán loạn. Không tán loạn rồi, mới có khả năng quán sát.

Lại nữa, quán sát pháp rồi, tâm mới định. tâm đã định, an trụ theo niệm chân chánh (chánh niệm). An trụ chánh niệm xong, chánh niệm mới có thể quán sát đúng. Quan sát đúng rồi mới tin nghiệp quả. Đó là nói theo thứ lớp nghịch.

Hỏi: Lập năm căn thế nào?

Đáp: Vì địa, nên lập ở sơ nghiệp của địa kia. Tín, tu, là nói sự huân tu, là do niềm tin đã un đúc nghiệp ban đầu. Tất cả sự tu dưới đây nên biết như vậy. Vì sự tu dẫn dắt tất cả pháp tốt đẹp. Kiến địa tu tinh tiến, kiến đạo tăng tiến mau chóng. Bạc địa gọi là niệm. Tu niệm trụ, khiến cho tham, sân,

si trở nên mỏng yếu. Địa lìa dục gọi là định vì tu định, tu thiền căn bản. Địa vô học gọi là tuệ, tu tuệ lìa hẳn vô minh. Nói về lực, cũng như vậy.

Kiến đạo: Là chi kiến đạo, tu kiến đạo tăng tiến rất nhanh chóng. Từ chánh kiến cho đến chánh định, người tu hành kia hiển bày về tự tướng và cộng tướng của các pháp, nên nói là chánh kiến. Suy lường nghĩa chánh, nên nói là chánh tư duy. Không thuộc tà mạng lìa bốn điều ác của miệng, gọi là chánh ngữ. Không thuộc tà mạng và lìa ba nghiệp ác của thân, gọi là chánh nghiệp. Tà mạng thường diệt và lìa, nói là chánh mạng.

Vì có thể thực hiện phương tiện chân chánh nên gọi là chánh phương tiện.

Vì duyên không quên niệm đúng đắn, nên gọi là chánh niệm.

Vì giữ lấy một tâm niệm đúng đắn, nên gọi là chánh định.

Theo thứ lớp, như Tu-đa-la nói: Chánh kiến, nghĩa là chánh kiến kia là đạo, cũng là chi đạo. Những cái khác cho là chi đạo thì không phải đạo. Như định là thiền, cũng là chi thiền, những định khác cho là chi thiền, thì chẳng phải thiền. Như nói tám thứ định, cũng như vậy.

Tu đạo, là giác chi tu đạo. Tu đạo đã dứt chín phẩm phiền não.

Vì đoạn nên được cực giác ngộ, do nghĩa giác nên nói là giác chi. Trạch pháp giác kia là giác, cũng là chi giác. Những cái khác cho là giác chi, thì không phải giác, là theo thứ lớp như Tu-đa-la nói.

Hỏi: Vì sao hỷ, ỷ, xả lập giác chi, mà chẳng phải đạo chi? Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, lập đạo chi mà chẳng phải giác chi? Tín đều chẳng phải?

Đáp: Vì thuận theo giác, cho đến biết duyên, thường sinh hỷ, cho đến sinh hỷ thường sinh giác, đó là chấm dứt tất cả sự và xả thường sinh giác. Vì không thuận theo tinh tiến, nên chẳng phải đạo chi. Tiến tới là nghĩa đạo. Hỷ là không đi, vì vui với chỗ ở. Vì ỷ, xả hoàn toàn trái với đi, nên không nói là đạo chi.

Giới là tiếng nói của đạo luận, nên lập đạo luận, vì không tương ưng với chi nên không phải là giác chi. Chánh tư duy là vì cố tìm chánh kiến cho nên tiến tới đi tới, thuận theo không phải giác, nên lập đạo chi mà không phải giác chi.

Tín là mới tập vượt qua, còn giác đạo là đã vượt qua, cho nên đều không lập. Nói ba mươi bảy, nghĩa là mười pháp này đều khác nhau, vì phân biệt sự, nên Đức Thế Tôn nói có ba mươi bảy. sơ nghiệp địa nói là niệm xứ, vì phân biệt tu về thân, v.v... Pháp noãn được gọi là chánh phương

tiện, vì lửa của Thánh trí sinh ra noãn. Pháp Đảnh gọi là như ý túc, vì được công đức tự tại của pháp Đảnh. Pháp nhẫn được gọi là căn, vì căn đó tinh tiến thêm lên.

Pháp thế gian đệ nhất gọi là lực trụ, vì uy lực đó không thể khuất phục. Kiến đạo nói là đạo chi, vì sự tiến đến rất nhanh chóng. Tu đạo được nói là giác chi, vì giác ngộ. Vì thường tăng dần, nên trước là giác chi, kế là đạo chi, từ bốn cho đến tám, đó là các phẩm giác.

Nhị thiền, ba mươi sáu
Vị lai cũng như vậy
Ba, bốn và trung gian
Đều là ba mươi lăm.

Nhị thiền ba mươi sáu: trừ địa chánh tư, vì không có sự tư duy. Vị lai cũng như vậy, nghĩa là thiền vị lai cũng có ba mươi sáu, trừ hỷ, vì khó sanh khởi (Thiền vị lai khó sinh ra hỷ).

Ba, bốn và thiền trung gian, đều là ba mươi lăm, nghĩa là đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền và thiền trung gian có ba mươi lăm (trừ hỷ) và chánh tư duy.

Sơ thiền nói tất cả
Vô Sắc ba mươi hai
Trên hết hai mươi hai
Cõi Dục cũng như vậy.

Sơ thiền nói tất ca: nghĩa là Sơ thiền có ba mươi bảy phẩm, Vô Sắc có ba mươi hai, nghĩa là ba Vô Sắc có ba mươi hai, trừ hỷ, Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Trên hết có hai mươi hai, nghĩa là Phi tưởng Phi phi tưởng xứ không có Đạo chi và Giác chi. Dù đạo chi là hữu lậu, nhưng vì nói sau giác chi, nên biết là vô lậu. Cho nên Tu-đa-la nói: Ba mươi bảy phẩm giác hoàn toàn vô lậu. Như Tu-đa-la nói: Tu quán bất tịnh đều niệm giác chi. Người tu quán kia, vì dùng Quán bất tịnh để điều phục tâm mình, sau đó giác chi mới hiện ở trước mặt.

Cõi Dục cũng như vậy. Cõi Dục cũng có hai mươi hai.

Hỏi: Bốn cách ăn ở địa nào và có tánh chất gì?

Đáp:

Ăn vốc, trong các ăn
Cõi Dục nói ba nhập
Thức, tư và xúc thực
Ăn này là hữu lậu.

Ăn vốc trong các cách ăn, cõi Dục nói ba nhập: thứ: Ăn vốc là ba xứ nhập trong cõi Dục, đó là: Hương, vị, xúc. Về sự thì có mười ba, nghĩa là mười một xúc và hương, vị. Tùy theo sự thích hợp, mà họ hoặc dùng cỏ, cây, rễ, trái, hoặc dùng ngũ cốc, nước ép, hoặc dùng mùi hương, hoặc dùng hơi ấm áp, cứ như vậy mà so sánh.

Thức tư và xúc thực, ăn này là hữu lậu. Nghĩa là, là ba cách ăn hữu lậu thức, tư, xúc, giữ cho sự sống nối tiếp và vì là chiêu cảm hữu, cho nên nói là ăn.

Vô lậu xúc v.v... tuy cũng gồm nhiếp để duy trì các căn bốn đại, mà không chiêu hữu, lại dứt hữu, nên không phải ăn.

Hỏi: Vì sao sắc chẳng phải ăn?

Đáp: Vì sắc thô nên chẳng phải ăn, vì sắc hư hoại nên gọi là ăn.

Sắc không thể cực gồm nhiếp cả bốn đại của các căn. Nghĩa gồm thâu là nghĩa ăn (Về nghĩa này sẽ nói rộng trong phẩm Trạch).

Hỏi: Ba Tam-muội, mỗi Tam-muội có bao nhiêu hành chuyển biến?

Đáp:

Vô nguyện có mười hành
Hai hành là định không
Bốn hành, là vô tướng
Ấy gọi là Thánh hạnh.

Vô nguyện có mười hành: Tam-muội vô nguyện có mười hành chuyển. Đó là: Hành vô thường, hành khổ, bốn hành tập, bốn hành đạo. Hai hành là không định: Là không Tam-muội, hành không và hành vô ngã chuyển. Bốn hành là vô tướng, ấy gọi là Thánh hành, nghĩa là Tam- muội vô tướng có bốn hành chuyển biến của diệt đế (đã nói rộng trong phẩm Định).

Hỏi: Bốn điên đảo là gì? Dứt những tánh nào?

Đáp:

Nói bốn điên đảo kia
Nên biết thấy khổ dứt
Tự tánh ba kiến thêm
Thấy chân thật, rõ ràng.

Nói bốn điên đảo kia, nên biết thấy khổ dứt: Nghĩa là tất cả bốn điên đảo, vì không xa tìm căn bản, vì sinh khởi khổ xứ, nên thấy khổ dứt. Tỳ-bà-xà bà-đề muốn cho mười hai thứ điên đảo được gọi là vô thường, nghĩ ngược lại, tưởng ngược lại, thấy ngược lại v.v.… là thường biết, ngoài ra

cũng như vậy.

Tám thứ thấy đạo dứt kia: Vô thường, vô ngã có sáu (hai thứ này mỗi thứ đều có tâm, tưởng, kiến, thành sáu). Khổ thấy ngược là có vui, bất tịnh thấy tịnh, đó là bốn thứ ngược. Kiến đạo, tu đạo, dứt khổ và tưởng đảo, tâm đảo về bất tịnh (thấy vui, tịnh, hoàn toàn kiến đế, đoạn tưởng lạc tịnh. Hai kiến đạo tu đạo dứt là do kiến đế, nghĩa là kiến đoạn mà tâm tưởng không hết). Nói như vậy, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì điên đảo là tánh của thấy, vì tưởng, tâm là chỗ loạn của kiến. Nói tưởng tâm là thọ nhận đảo ngược v.v... Mặc dù cái thấy bi lộn xộn, nhưng vì không phải bị đời ràng buộc, cho nên không nói. Nếu hỏi Tu- đà-hoàn, thế nào là sự đắm nhiễm, nghĩa là vì không dứt phiền não. Như tại gia, Tu-đà-hoàn dứt ngã đảo, cũng giống như khởi kiết của nam, nữ. Tưởng phi pháp, khởi ra kiết về nam, nữ cũng như vậy. Tự tánh của ba kiến tăng, kiến chân thật, nghĩa là sự rõ ràng bốn thứ điên đảo này, là tự tánh của ba kiến, chỉ nói phần ít. Kiến chân thật mới được kiến lập.

Hỏi: Tại sao?

Đáp: Vì tăng thêm lên. Nếu kiến kia, kiến lập tăng thêm phần điên đảo, thì đó như là lập ngã kiến trong thân kiến, là điên đảo, không phải là cái thấy của ngã, lập thường kiến trong biên kiến, là điên đảo, không phải đoạn kiến, lập kiến lạc, tịnh trong kiến thủ là điên đảo, không phải pháp nào khác (chấp xấu là tốt, chấp kém là hơn, như vậy, tất cả đều là điên đảo), đều là kiến thủ, chỉ vì nhẹ.

Hỏi: Vì sao kiến khác không lập sự điên đảo?

Đáp: Vì có ba việc, nên nói là điên đảo. Đó là sự quyết đoán, bịa đặt giả dối, hoàn toàn điên đảo. (Hoàn toàn điên đảo, nghĩa là trái với sự đứng đắn, đổi dưới thành trên). Hết mực điên đảo, nghĩa là tà kiến và biên kiến kia thuộc về đoạn kiến. Dù là quyết đoán và hoàn toàn điên đảo, mà không phải là sự bịa đặt giả dối, vì sinh ra từ sự hư hoại. Giới thủ, dù quyết đoạn và bịa đặt giả dối, nhưng không phải hoàn toàn điên đảo. Nghĩa là có ít sự thật, vì khởi từ chỗ thật. A-tỳ-đàm nói: Thân kiến, kiến thủ hoàn toàn điên đảo, vì chứa nhóm lâu sự điên đảo này, từ vô thỉ. Dù phiền não đã dứt, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm còn đắm nhiễm cảnh giới.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có nhiều kiến, vậy gồm những kiến nào?

Đáp: Gồm năm kiến.

Hỏi: Năm kiến là gì?

Đáp:

Chê bai sự chân thật

Kiến này là tà kiến
Không thật mà giả đặt
Là hai kiến cùng đặt.

Chê bai sự chân thật, kiến này là tà kiến: Nghĩa là nếu thấy người chê bai sự chân thật, cho là không có (không có, nghĩa là chê bai sự bố thí, giữ giới v.v...) không có khổ ,v.v... gọi là tà kiến.

Không thật mà bịa đặt, là hai kiến và trí, nghĩa là đối với ấm là không thật, bịa đặt để dối trá ngã và thuộc về ngã là thân kiến. Bịa đặt giả dối lạc và tịnh là kiến thủ, ở xứ sở không thật khác, mà bịa đặt giả dối những sĩ phu, v.v… tất cả như vậy, là tà trí, chẳng phải kiến.

Chẳng phải nhân thấy nhân,
Tức nói là giới thủ,
Nếu nhiếp thọ biên kiến
Nương đoạn diệt có thường.

Chẳng phải nhân mà thấy nhân, tức nói là giới thủ: Nghĩa là đối với cái không có nhân mà thấy có nhân đây là giới thủ. Như vì trời Tự Tại mà tuyệt thực, v.v... để cầu sinh lên cõi trời! Nói về tánh có thể nhận biết và sĩ phu mà cho là tánh được giải thoát (tánh là thế tánh, là tánh có thể nhận biết thế gian biện sai khác với sĩ phu, được giải thoát). Nếu thâu nhiếp biên kiến, dựa vào sự đoạn diệt, có thường. Nếu giống nhau, nối tiếp nhau che giấu hành vô thường chấp là thường, đó là thường kiến. Không biết phần nhân quả tiếp nối nhau, chấp là đoạn, đó là đoạn kiến. Ngoài trừ năm kiến này, không còn kiến nào khác. Cho nên nói tất cả kiến thuộc về năm kiến.

Hỏi: Kiến này, vì sao gọi là đoạn?

Đáp:

Chê bai và bịa đặt
Nhân kiến và hai biên
Ở đây các sự chuyển
Hoặc thấy đạo là dứt.

Chê bai là nói tà kiến, hoặc chê bai khổ, nên biết thấy khổ dứt, vì khởi ở khổ xứ. Kiến tập v.v... cũng như vậy. Như khi kiến diệt đạo đoạn, kiến thủ, giới thủ, ở xứ khác sinh ra, thấy xứ khác dứt. Vì nghĩa này, nên phiền não thường duyên cõi Dục, cũng nói như vậy.

Việc không thật mà bịa đặt giả dối, là nói hai kiến, thân kiến kia là xứ khổ nên thấy khổ thì dứt.

Kiến thủ, nghĩa là nếu đối với quả không thật mà đặt để sai thì thấy khổ dứt. Nếu ở nhân mà khởi thì thấy tập dứt. Nếu thấy diệt dứt mà khởi

thì thấy diệt dứt. Những thấy đạo đã dứt mà khởi cũng như vậy. Chẳng phải tu đoán quyết đoạn.

Giới thủ, nghĩa là chẳng phải nhân chấp là nhân. Nếu khởi ở chỗ hữu lậu, thì thấy khổ dứt. Nếu khởi ở chỗ kiến đạo đã dứt, nghĩa là thấy đạo dứt. Đoạn, thường kiến, sinh khởi ở xứ kiến khổ thì thấy khổ dứt.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói hai mươi hai căn là thế nào?

Đáp:

Bốn căn như mắt thảy
Thân căn có ba thứ
Ý căn và mạng căn
Đây là căn sinh tử.

Nói bốn căn như mắt, v.v...như trong phẩm Giới đã nói, thân căn có ba thứ là thân căn, nam căn, nữ căn.

Ý là ý căn, trước đã nói. Vì ý giới tức ý căn và cùng với mạng nghĩa là tuổi thọ được gọi là mạng căn. Là căn sinh tử: Nghĩa là các căn sanh tử này, dựa vào đó mà lập căn.

Hỏi: Căn có nghĩa gì?

Đáp:

Tăng thượng là nghĩa căn
Năm căn, nói bốn thứ
Biết bốn căn còn lại
Đều có hai tăng thượng.

Tăng thượng là nghĩa của căn: Nghĩa là nghĩa của sự tăng thượng kia là nghĩa căn, nghĩa đoan nghiêm là nghĩa của căn, nghĩa hơn là nghĩa của căn. Nghĩa trên là nghĩa của căn. Nghĩa chủ là nghĩa của căn. Dù tất cả pháp hữu vi đều có sự tăng thượng, nhưng hoặc kém, hoặc hơn, nên biết hơn thì lập căn, như nhân chủ, thiên chủ.

Hỏi: Nghĩa tăng thượng có mấy thứ?

Đáp: Bốn thứ tăng thượng như mắt, v.v... đó là năm căn như mắt v.v... có bốn thứ duyên tăng thượng, gọi đó là khiến thân đoan nghiêm, dẫn dắt, nuôi nấng thân mình, dựa vào thức sinh, sự bất cộng.

Nhãn căn kia làm cho thân đoan nghiêm, nghĩa là nếu căn không đủ thì người ta không thích nhìn, hay bị ghét bỏ, không được tăng thượng.

Dẫn dắt, nuôi nấng thân mình, nghĩa là nếu mắt thấy sự an ổn nguy khốn, thì sẽ từ bỏ việc nguy khốn, để đến với sự yên ổn, làm cho thân sống lâu.

Dựa vào sinh thức, nghĩa là dựa vào mắt phát sinh nhãn thức và pháp tương ưng. Sự không chung, là chỉ mắt thấy sắc, không phải căn khác, nhĩ căn làm cho thân được đoan nghiêm, nuôi nấng thân mình như trước đã nói. Dựa vào sinh thức, nghĩa là dựa vào tai sinh nhĩ thức và pháp tương ưng. Sự không chung, nghĩa là tai nghe tiếng, chẳng phải căn khác. Các căn khác khiến thân trang nghiêm, như trước đã nói. Dẫn dắt, nuôi dưỡng thân mình, đó là ba căn thông suốt việc ăn vốc khiến thân trụ lâu.

Nương vào mà sinh thức, nghĩa là ba căn này, mỗi căn đầu sinh phần thức của mình. Việc không chung nghĩa là mỗi căn đều hành mỗi cảnh giới, nên biết bốn căn còn lại, mỗi căn đều có hai việc tăng thượng. Nam căn, nữ căn có hai việc duyên tăng thượng cho nên vượt hơn. Đó là tướng riêng, bắt đầu sự khác nhau của chúng sinh. Khi một chúng sinh hai căn sinh ra rồi, thì chúng sinh đều có tướng khác nhau.

Lại nữa, về phiền não và thanh tịnh, thì hai căn này đầy đủ, có khả năng làm bất luật nghi, cho đến có thể gây ra năm nghiệp Vô gián, cắt đứt căn thiện. Sự thanh tịnh nghĩa là thọ luật nghi, đắc quả, lìa dục, gieo trồng hạt giống ba thừa. Nếu không có hình, hoặc hai hình, thì không thể khởi thiện ác như vậy.

Mạng căn, nghĩa là chủng loại được tiếp nối nhau và gìn giữ. Ý căn là nối tiếp đương lai, có sự tự tại thuận theo chuyển biến. Hữu tương tục, nghĩa như đã nói hương ấm, có hai tâm lần lượt hiện ra trước mặt, hoặc yêu, hoặc giận, đều được tự tại, nghĩa như đã nói ở tâm lôi kéo thế gian, nói rộng như vậy.

Thọ hoặc phần phiền não
Tín thảy nương thanh tịnh
Nếu chín căn vô lậu
Ba đây nương theo đạo.

Thọ hoặc phần phiền não: Nghĩa là các thứ khổ, vui, mừng, lo, xả, thọ, thuận theo phần phiền não, làm duyên tăng thượng, đó là thọ huân các phiền não, vì thọ mê đắm lạc, nên phiền não cũng mê đắm lạc, lại nữa thọ là duyên tăng thượng cho phiền não và thanh tịnh. Ở phần phiền não, như đã nói: Lạc thọ là sử tham, khổ thọ là sử nhuế, xả thọ là sử si.

Ở phần thanh tịnh, như đã nói: Vui là nhân định của tâm mình. Tín có khổ, tập, dựa vào sáu pháp xuất ly. Tin xả, hành, v.v..., tín v.v... dựa vào phần thanh tịnh, nghĩa là thuận theo thanh tịnh, nên năm căn gồm tín v.v... tu phần thanh tịnh. Nếu chín căn vô lậu, thì ba căn này nương vào đạo. Nghĩa là năm căn như tín, v.v... và hỷ, lạc, xả, ý căn, chín căn này là hữu

lậu, vô lậu. Nếu là vô lậu, vì nương nơi đạo mà lập ba căn. Nếu tùy tín hành, Tùy pháp hành thuộc về đạo, là vị tri căn. Nếu tín, giải thoát, kiến đáo đều thuộc về đạo, là dĩ tri căn. Nếu thuộc về đạo Vô học là vô tri căn.

Đã nói về các căn, về nhân duyên khác sẽ nói trong phẩm Trạch.

Hỏi: Các căn này thuộc về cõi nào?

Đáp:

Cõi Dục bốn, thiện tám
Căn sắc chủng có bảy
Tâm pháp thì có mười
Nhất tâm, ba căn hai.

Cõi Dục bốn: Nghĩa là nam căn, nữ căn, khổ căn, ưu căn đều thuộc về cõi Dục. Ngoài ra, sắc căn và ý căn kia, như phẩm Giới có nói. Như ý căn, tín, v.v... và xả căn cũng vậy. Lạc căn, hỷ căn nếu là hữu lậu thì thuộc về cõi Dục, cõi Sắc, nếu là vô lậu thì không lệ thuộc, về mạng căn sẽ nói trong phẩm Tạp. Riêng ba căn vô lậu, vì không dứt, nên không lệ thuộc.

Hỏi: Có bao nhiêu điều thiện?

Đáp: thiện có tám, gồm năm căn như tín v.v… và ba căn vô lậu, vì thiện này là quả ái. Mạng căn và các thọ có quả báo sẽ nói, ngoài ra như phẩm Giới nói.

Sắc chủng căn có bảy, nghĩa là bảy căn như nhãn căn, v.v... là sắc, những thứ khác chẳng phải sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu tánh tâm? Bao nhiêu pháp của tánh tâm? Bao nhiêu chẳng phải tâm, chẳng phải tâm pháp?

Đáp: Tâm pháp có mười, là năm căn như tín, v.v... và năm thọ căn. Các căn này là tâm pháp vì tương ưng với tâm. Nhất tâm là ý căn, là tự tánh của tâm, vì được tướng của tâm.

Tám thứ như mạng căn, v.v... không phải tâm, không phải tâm pháp, vì không có duyên. Ba căn có hai, nghĩa là ba căn vô lậu, có hai thứ là tâm và tâm pháp, vì tánh thường nhóm họp.

Hỏi: Có bao nhiêu căn có báo? Bao nhiêu căn không có báo?

Đáp:

Đối với các căn này
Một và mười có báo
Trong mười hai là báo
Mạng căn chỉ là báo.

Trong các căn này, một và mười có báo, nghĩa là ưu căn đều có báo,

vì là hữu lậu thiện, bất thiện, vì phương tiện hiện tại sinh, không phải báo sinh, không phải oai nghi, không phải sự khéo léo, không phải pháp học tập, cũng không phải vô lậu, vì từ phiền não sinh ra!

Ý căn, nếu thiện, bất thiện, hữu lậu là có báo, còn vô lậu, vô ký không có báo. Ba thọ cũng như vậy. Khổ căn thiện, bất thiện là có báo, vô ký không có báo. Năm căn như tín, v.v... nếu hữu lậu là có báo, nếu vô lậu là không có báo. Tám thứ như mạng căn, v.v... là không có báo, vì tánh vô ký. Ba vô lậu không có báo.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là báo? Bao nhiêu căn chẳng phải báo?

Đáp: Trong mười hai căn là báo, nghĩa là bảy hữu sắc căn là báo,

còn hữu chẳng phải báo, như phẩm Giới đã nói. Ý căn và bốn thọ, hoặc là báo, hoặc chẳng phải báo. Như quả của nghiệp thiện, bất thiện là báo, còn mạng căn chỉ là báo, nghĩa là mạng căn hoàn toàn là báo, hữu dục là dục quả của chánh thọ.

Hỏi: Lúc mới sinh được bao nhiêu báo của căn?

Đáp:

Hai hoặc sáu, bảy, tám
Lúc mới sinh đã được
Phải biết báo cõi Dục
Sắc sáu, Vô Sắc một.

Hai hoặc sáu, bảy, tám, lúc mới sinh đã được, nên biết đó là báo của cõi Dục. Nghĩa là các căn này dần dần sinh, là thai sinh, noãn sinh, thấp sinh. Sự sinh lần đầu đó, trong một sát-na, được hai căn, là thân căn và mạng căn. Ý căn của sát-na kia là cấu uế, chẳng phải không cấu uế, vì tâm tiếp nối thọ sinh, xả căn cũng như vậy. Những căn khác cũng được, nhưng không nói đến, vì chẳng có báo, cho nên nói.

Hóa sinh vô hình có sáu, đó là năm sắc căn và mạng căn, một hình có bảy, hai hình có tám, đó là hoàn toàn nói về cõi Dục.

Cõi Sắc có sáu, Vô Sắc có một căn, nghĩa là cõi Sắc được sáu căn, vì hoàn toàn là hóa sinh, không có nam căn, nữ căn như trước đã nói, cõi Vô Sắc thì chỉ có một mạng căn.

Hỏi: Lúc qua đời, có bao nhiêu căn sẽ được xả sau cùng?

Đáp:

Bỏ bốn, tám và chín
Hoặc loại bỏ ở mười
Chết dần hay chết ngay

Bỏ thiện, đều thêm năm.

Bỏ bốn, tám và chín, hoặc lại bỏ ở mười, chết dần và chết ngay, nghĩa là tâm vô ký chết dần, xả bỏ bốn căn: Thân, ý, mạng và xả. Nếu không có hình, tâm vô ký chết cùng lúc, thì xả tám căn, là năm căn như mắt v.v… ý, mạng và xả căn. với tâm vô ký thì một hình, có chín căn, hai hình có mười căn. Tâm bất thiện cũng vậy.

Hỏi: Tâm thiện xả bao nhiêu căn?

Đáp: Tâm thiện xả đều có thêm năm căn. Nếu tâm thiện chết đi đều có thêm năm căn như tín, v.v... là nói người ở cõi Dục mất, lại sinh cõi Dục. Còn người mất ở cõi Dục sinh lên cõi trên, trừ người không có hình, hai hình, vì lìa dục đều cùng không có phần. Ở cõi Sắc, cõi Vô Sắc qua đời, tùy theo căn đã được, nói như vậy là không có sự chết dần, đó là nói các căn hiện ở trước xả, chứ chẳng phải thành tựu xả. Vô ký không ẩn mất nói là được xả.

Thiện: Nghĩa là ở đây chết đi, thì sinh ở nơi này, nói là hành xa, nếu sinh ở chỗ khác thì được xả.

Hỏi: Có bao nhiêu kiến đoạn, bao nhiêu tu đoạn, bao nhiêu không đoạn?

Đáp:

Hai đoạn, không đoạn, bốn
Sáu căn, có hai thứ
Ba vô lậu không đoạn
Còn lại, tu đạo đoạn.

Hai đoạn, không đoạn bốn: Nghĩa là ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn có ba thứ: Hoặc kiến đoạn, hoặc tu đoạn, hoặc không đoạn. Tùy tín hành, Tùy pháp hành, đạo đoạn gọi là kiến đoạn. Tín, giải thoát và kiến đáo, đạo đoạn gọi là tu đoạn, Vô lậu gọi là không đoạn.

Sáu căn, có hai thứ: Là nói ưu căn do kiến đoạn và tu đoạn. Năm căn như tín, v.v... là tu đoạn và không đoạn, chẳng phải kiến đoạn, vì không nhiễm ô.

Ba vô lậu không dứt, vì hoàn toàn vô lậu. Các căn khác là tu đạo đạo, nghĩa là chín căn khác do tu đạo sứt. Tám thứ như mạng căn, v.v... là vô ký không ẩn mất, nên không phải kiến đoạn. Vì rơi vào sự sinh, nên chẳng phải không đoạn. Vì khổ căn tương ưng với năm thức thân, nên chẳng phải kiến đoạn, vì sinh từ phiền não, nên chẳng phải bất đoạn.

Hỏi: Nếu thành tựu căn thì thành tựu được bao nhiêu căn?

Đáp:

Hoặc thành tựu ba, bốn
Năm, bảy cùng với tám
Mười một và mười ba
Là nói thành tựu định.

Nếu thành tựu ý căn, thì sẽ thành tựu ba căn: Là ý, mạng, xả. Các căn khác hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Các căn mắt, tai, mũi, lưỡi: Nếu sinh cõi Sắc, thì sẽ thành tựu, nếu sinh cõi Dục, được mà không mất thì thành tựu. Nếu sinh cõi Vô Sắc và cõi Dục, ở trong thai dần dần dày ra, các căn chưa đầy đủ, được mà mất là không thành tựu. Thân căn, nếu sinh ở cõi Dục, cõi Sắc, thì sẽ thành tựu, sinh cõi Vô Sắc sẽ không thành tựu. Lạc căn sinh ở cõi trời Biến Tịnh. Nếu từ dưới và là bậc Thánh sinh lên cõi trên, thì sẽ thành tựu. Phàm phu sinh lên cõi trên thì sẽ không thành tựu. Hỷ căn sinh lên cõi trời Quang Âm, tất nhiên là thành tựu. Các căn khác đều nói như lạc căn. Khổ căn sinh cõi Dục, thì sẽ thành tựu, sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Ưu căn chưa lìa dục, thì sẽ thành tựu, đã lìa dục thì không thành tựu, năm căn như tín, v.v... không dứt căn thiện, thì sẽ thành tựu, dứt thì không thành tựu. Ba căn vô lậu của bậc Thánh tùy địa, tất nhiên thành tựu, (đó là kiến địa, tu địa, vô học địa) Phàm phu thì không thành tựu. Như ý căn, mạng căn, xả căn cũng như vậy. Nếu thành tựu thân căn, thì sẽ thành tựu bốn căn là thân, ý, mạng, xả. Các căn khác, như trước đã nói.

Nếu thành tựu lạc căn, cũng thành tựu bốn căn, là mạng căn, ý căn, lạc căn, xả căn. Nếu thành tựu nhãn căn, thì sẽ thành tựu năm căn là thân căn, ý căn, mạng căn, xả căn và nhãn căn. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng đều như vậy.

Nếu thành tựu hỷ căn, cũng thành tựu năm căn là hỷ, lạc, ý, mạng và xả. Nếu thành tựu khổ căn, thì sẽ thành tựu bảy căn là thân, ý, mạng căn và bốn thọ, trừ ưu căn. Nếu thành tựu nam căn, thì sẽ thành tựu tám căn, là bảy căn trước và một hình. Nữ căn cũng như vậy. Nếu thành tựu ưu căn cũng thành tựu tám căn là thân, ý, mạng và năm thọ.

Nếu thành tựu tín căn, cũng thành tựu tám căn, đó là năm căn như tín, v.v... và ý, mạng, xả. Các căn tinh tiến, niệm, định, tuệ cũng đều như vậy. Nếu thành tựu dĩ tri căn thì sẽ thành tựu mười một căn là ý, mạng, hỷ, lạc, xả; năm căn như tín, v.v... và dĩ tri căn. Vô tri căn cũng như vậy. Nếu thành tựu vị tri căn, thì sẽ thành tựu mười ba căn là thân, ý, mạng, khổ, vui, hỷ, xả, năm căn như tín, v.v... và vị tri căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn thì được quả Sa-môn?

Đáp:

Chín căn được Sơ quả
Hoặc được quả thứ hai
Là do mười một căn
Rốt ráo quả thứ tư.

Chín căn được Sơ quả: Nghĩa là chín căn thì được quả Tu-đà-hoàn, đó là ý căn, xả căn, năm căn như tín v.v..., vị tri căn và dĩ tri căn. Vị tri căn thuộc đạo vô ngại, dĩ tri căn thuộc đạo giải thoát, đều có bảy căn. Hoặc được hai quả Sa-môn, nghĩa là nếu dứt hết gấp bội dục vọng, thì sẽ được quả Tư-đà-hàm. Chín căn như trước đã nói. Nếu ái dục dứt hết sẽ được quả A-na-hàm, cũng chín căn, tám căn như trước đã nói. Ba thọ thì nói theo tác dụng. Nếu theo thứ lớp thì được quả Tư-đà-hàm, đạo thế tục có bảy, là ý căn, xả căn và năm căn như tín, v.v... Đạo vô lậu có tám căn là bảy căn trước và dĩ tri căn. Theo thứ lớp, được quả A-na-hàm cũng như vậy. Đó là do mười một căn rốt ráo được quả thứ tư, nghĩa là mười một căn thì được quả A-la-hán, là ý căn và ba thọ, năm căn như tín, v.v... dĩ tri căn, vô tri căn. Dĩ tri căn là đạo vô ngại. vô tri căn là đạo giải thoát.

Hỏi: Các đạo này thế nào là phần định hay dụng định? Nếu là phần định, thì quả A-na-hàm cũng có ba thọ. Nếu là dụng định, thì sẽ không có ba tác dụng này, còn không có được hai thọ hoạt động trong cùng một lúc, làm gì có ba?

Đáp: Dụng định là ở thân, chẳng phải ở sát-na, đó là do lạc căn mà được quả A-la-hán. Sau khi thối định rồi, lại được từ hỷ căn. Nếu còn thối định nữa, lại được từ xả căn, mà quả A-na-hàm được là do thọ này. Nếu định mà thối trở lại được là từ thọ này, không phải pháp khác.

Hỏi: Tu-đa-la của Thế Tôn nói sáu thức thân. Những gì là cảnh giới thức của các thức này?

Đáp:

Nếu lấy nghĩa các tướng
Cảnh giới năm thứ tâm
Nếu nhận lấy các pháp
Đây là nói ý thức.

Nếu nhận lấy nghĩa của các tướng, cảnh giới của năm thứ tâm, thì năm cảnh giới như sắc, v.v... là đối tượng nhận lấy của năm thức. Nhãn thức nhận lấy sắc, cho đến thân thức nhận lấy xúc, vì tự tướng của thọ và vì cảnh giới hiện tại. Nếu thọ nhận tất cả pháp, thì đây là nói ý thức, nghĩa

là ý thức duyên tất cả pháp, vì cảnh giới của cộng tướng, vì tư duy, vì thường nhớ nghĩ. Về nghĩa này, nói rộng như trong phẩm Giới, đã nói về cảnh giới của thức, nay sẽ nói: Về cảnh giới của trí.

Các ấm cõi Dục, sắc
Vô Sắc và vô lậu
Hữu y, vô y, tám
Và hai vô vi kia.

Có mười pháp tương ưng, bất tương ưng của cõi Dục. Cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy. Tương ưng, không tương ưng của hữu vi vô lậu có hai thứ: Vô vi thiện và vô ký.

Hỏi: Mười sở tri của pháp trí này, mỗi trí có bao nhiêu pháp làm cảnh giới?

Đáp:

Năm pháp, cần phải biết
Cảnh giới của pháp trí
Tỷ trí bảy làm duyên
Cảnh giới tha tâm ba.

Năm pháp cần phải biết, cảnh giới của pháp trí, đó là pháp tương ưng không tương ưng của cõi Dục và vô vi thiện tương ưng, không tương ưng với vô lậu. Tỷ trí này có bảy làm duyên: Nghĩa là cõi Sắc, cõi Vô Sắc tương ưng vô vi thiện, không tương ưng với vô lậu. Cảnh giới của tha tâm có ba, đó là cõi Dục, cõi Sắc và cảnh giới tâm, tâm pháp tương ưng với vô lậu.

Hữu lậu nên biết mười Trí nhân, quả có sáu giải thoát một, đạo hai Hai cảnh giới khác chín.

Hữu lậu nên biết có mười: Nghĩa là hạnh của đẳng trí tất cả có mười pháp, vì cảnh giới rộng, trí nhân quả có sáu, nghĩa là khổ, trí tập trí biết sáu pháp, đó là cảnh giới hữu lậu tương ưng, không tương ưng của ba cõi, vì pháp trí, tỷ trí.

Giải thoát một: Nghĩa là trí diệt, duyên một pháp. Đó là cảnh giới thường diệt của vô vi thiện. Đạo có hai, nghĩa là đạo trí duyên hai pháp. Đó là cảnh giới học, vô học tương ưng, không tương ưng của hữu vi vô lậu. Hai cảnh giới còn lại thì chín, nghĩa là tận trí, trí vô sinh duyên chín pháp, trừ vô ký, vì vô vi là cảnh giới của bốn đế.

Hỏi: Các Sử có những sai khiến gì?

Đáp:

Các phiền não địa mình
Định sử ở địa mình

Tự chủng nhất thiết biến
Tùy sử ở chủng kia.

Phiền não ở địa mình, định sử ở địa mình, nghĩa là phiền não cõi Dục kia, tức là sai khiến các pháp cõi Dục, cho đến đệ nhất hữu, cũng như vậy. Vì thù thắng, vì đối trị nên địa dưới không sai khiến địa trên. Vì thân hành lìa dục, nên phiền não ở địa trên không sai khiến địa dưới.

Tự chủng nhất thiết biến, tùy sự sai khiến ở chủng kia, nghĩa là các pháp tự chủng, bị sử tự chủng sai khiến. Nhất thiết biến, cũng sai khiến chủng khác, vì có năm thứ cảnh giới.

Nếu định pháp ba cõi
Bị Sử ba cõi khiến
Sinh hai cõi, nên biết
Một cõi cũng như thế.

Nếu là pháp ba cõi, bị sử ba cõi sai khiến, nghĩa là năm thứ pháp thuộc về ba cõi bị tất cả sử của ba cõi sai khiến. Như thế, tất cả pháp, đều tùy theo sự thích ứng mà nói.

Sinh hai cõi phải biết: Nghĩa là pháp thuộc về hai cõi, phiền não của hai cõi, bị sai khiến tùy theo sự thích ứng kia. Đó là giác quán năm thứ của cõi Dục cõi Sắc kia. Cõi Dục, cõi Sắc kia, bị tất cả sử sai khiến, đó gọi là ý căn, năm thứ của ba cõi. Ba cõi kia bị hết thảy sử sai khiến. Cũng vậy, tất cả pháp đều tùy theo sự thích ứng. Một cõi cũng giống như vậy, Nếu nhất định là pháp một cõi, thì bị sử của một cõi đó sai khiến, đó là ưu căn. Năm thứ của cõi Dục, bị tất cả sử của cõi Dục đó sai khiến. Như vậy, tất cả pháp đều tùy theo sự thích ứng.

Kinh này do Phật nói
Tánh nó đã rõ ràng
Thức, trí và các sử
Nên biết là ba môn.

Kinh này do Phật nói, ta đã phân biệt đầy đủ, nên dùng ba môn để hiểu. Đó là môn thức, môn trí và môn sử. Như đưa ra tánh năm ấm của cõi Dục, do tu đạo dứt, bảy trí biết kia, ngoại trừ tỷ trí, diệt trí, đạo trí, vì cõi Dục nên trừ tỷ trí, vì hữu lậu nên trừ diệt trí, đạo trí.

Ba thức biết: Đó là nhãn thức, nhĩ thức và ý thức. Vì thuộc về bốn nhập, Cõi Dục bị sử nhất thiết biến và tu đạo dứt sai khiến. Giới nghĩa là tám trí tri, trừ trí tha tâm, diệt trí. Ba trí biết đó là nhãn thức, nhĩ thức, ý thức. Cõi Dục, cõi Sắc, bị sử của nhất thiết biến và tu đạo dứt sai khiến.

Tu: Là tánh không buông lung, chín trí biết, trừ diệt trí. Ý thức biết

ba cõi, bị sử của nhất thiết biến và tu đạo dứt sai khiến. Tất cả Tu-đa-la đều nói như vậy. Tùy theo sự thích ứng. Nếu nói chung về nghĩa, muốn biết về sự gồm nhiếp, phải xét về giới mà kiến lập. Muốn biết môn trí phải xét về đế mà kiến lập. Muốn biết về môn thức, phải xét về nhập mà kiến lập. Và muốn biết về môn sử, phải xét về chủng mà kiến lập. Nói như vậy thì thật dễ hiểu.

-oOo-

LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

QUYỂN 9

Phẩm 9: TẠP

Đã phân biệt các pháp Mỗi pháp tiếp nối nhau Các tạp nghĩa ở trên Nay sẽ nói sơ lược

Đã phân biệt các pháp, mỗi pháp tiếp nối nhau: Nghĩa là đã nói đủ các thứ phẩm loại, lần lượt nối tiếp nhau của các pháp, về các tạp nghĩa trên. (Nghĩa là quyết định tiếp nối nhau, nên nói là đã nói xong, tức là các tạp nghĩa trên, sẽ nói trong phẩm này), nay sẽ nói sơ lược.

Có duyên cũng tương ưng
Hữu hành và hữu nương
Tâm và các tâm pháp
Là nói đồng một nghĩa.

Đây là các tâm, tâm pháp, có tên khác nhau, vì có duyên của chúng, nên nói là có duyên. Vì chuyển biến theo cảnh giới, cho nên thời, y, hành duyên sự đều chuyển biến theo, gọi là tương ưng. Hữu hành nghĩa là tuệ, phẩm Trí đã nói. Vì tuệ kia đối với duyên tạo ra hành nên nói là hữu hành. Vì nương vào sự chuyển biến của người khác, nên nói là hữu nương.

Từ duyên sinh, cũng nhân
Vừa nhân vừa hữu vi
Nói xứ cùng với đạo
Có quả phải nên biết.

Đây là sự khác nhau về danh của các pháp hữu vi. Vì pháp này duyên pháp kia, rồi hòa hợp với nhau mà sinh, nên nói từ duyên sinh. Vì sinh ra pháp khác, nên nói là nhân. Do sức của nhân nên nói là có nhân. Vì do nhân duyên v.v... tạo tác, nên nói là hữu vi. Vì sinh ra lời nói, nên gọi là thuyết xứ. Vì thuộc về đạo của quá khứ, vị lai, hiện tại, nên nói là Đạo. Vì đạo kia có quả, nên nói là có quả.

Có tội cũng ẩn mất
Nhơ bẩn và thấp hèn
Thiện hữu vi nói tập

Cũng lại gọi là tu.

Có tội cũng ẩn mất, nhơ bẩn và thấp hèn, đây là các tên gọi khác nhau của bất thiện và vô ký ẩn mất. Đi chung với tội nên nói là có tội, là nghĩa đáng chán ghét. Vì bị phiền não che lấp, nên nói là sự ẩn mất, là nghĩa bị lậu che lấp, vì bị phiền não làm cấu uế, nên nói là cấu uế. Vì rất thô bỉ, nên nói là thấp hèn, vì tăm tối, nên nói là đen. Có hai thứ đen: Đen vì cấu uế và đen vì không vừa ý. Ở đây nói thứ đen cấu uế, không nói thứ đen không vừa ý, vì thứ đen không vừa ý cũng có cái đen của quả báo bất thiện.

Thiện hữu vi được gọi là tập, cũng gọi là tu đó là các tên gọi khác nhau của pháp thiện hữu vi. Vì thuộc về pháp thiện kia và quả ái, nên nói là thiện. Vì tăng trưởng công đức nên nói là tập và tu. Đó là nói tu đắc và tu tập (sự gần gũi là nghĩa của tập, gieo trồng là nghĩa của tu. Hiện tại gọi là tập, vị lai gọi là tu), nên nói là thiện hữu vi. Đối trị tu là đoạn tu. Tất cả pháp hữu lậu cũng nói là tu.

Hỏi: Những gì là tâm bất tương ưng hành?

Đáp:

Vô tưởng, hai chánh thọ
Cũng chủng loại chúng sinh
Cú, vị với danh thân
Mạng căn và pháp đắc.

Vô tưởng: Là chúng sinh của Vô tưởng kia thọ sinh, tâm và tâm pháp diệt. Có thuyết nói: Chánh thọ quả Vô tưởng. Có thuyết cho rằng: Đó là quả quyến thuộc của đệ Tứ thiền. Có thuyết nói: Cho đến có tâm, là quả có tâm, không có tâm, là quả không có tâm.

Hỏi: Tâm trước nhiều hay tâm sau nhiều?

Đáp: Có thuyết cho là tâm sau nhiều, tâm trước ít, vì muốn nhanh chóng nhập Vô tưởng. Nói như vậy, thì tâm này không nhất định, hoặc tâm trước nhiều, hoặc tâm sau nhiều. Nếu dùng oai nghi này để nhập chánh thọ vô tưởng, thì dùng oai nghi này nhập vô tưởng trụ. Từ vô tưởng đó khởi rồi chê bai thừa Niết-bàn, về sau nghiệp báo sẽ thọ sinh cõi Dục và nghiệp báo đó sẽ hết, vì không sinh khởi nghiệp khác.

Hai chánh thọ; đó là: Chánh thọ vô tưởng và chánh thọ Diệt tận. Chánh thọ vô tưởng, là ái của Biến tịnh đã hết, ái của cõi trên chưa hết, trước là khởi tưởng xuất ly. Tư duy về tâm, tâm pháp diệt, Từ cõi Dục khởi, không phải cõi khác. Đấy là căn cơ nhạy bén. Phàm phu khởi, chẳng phải bậc Thánh, vì không có bậc Thánh nào đối với hữu lại tạo ra tưởng xuất ly. Phương tiện mà được, không phải lìa dục bất thoái chuyển.

Hỏi: Chánh thọ vô tưởng và vô tưởng, có gì khác nhau?

Đáp: Chánh thọ vô tưởng là nhân, vô tưởng là quả, nhân chánh thọ là thiện, quả vô tưởng là vô ký. Chánh thọ là có báo, vô tưởng là báo, chánh thọ có hành, vô tưởng không có hành.

Chánh thọ Diệt tận, nghĩa là lìa sự ham muốn của Vô sở hữu xứ, trước là dứt bỏ tưởng và tư duy về tâm, tâm pháp diệt.

Hỏi: Chánh thọ của vô tưởng này thế nào?

Đáp: Tâm, tâm pháp đều diệt, trung gian nối tiếp nhau, tâm bất tương ưng hành lưu chuyển theo và trụ trong các căn bốn đại. Đó là nói chánh thọ diệt tận. Chánh thọ khác như đã nói trong phẩm Định.

Chủng loại, nghĩa là sự giống nhau về chi tiết các căn, sự nghiệp, ăn uống của thân chúng sinh. Chủng loại đó có sáu thứ, đó là: Giới chủng loại, thú chủng loại, sinh chủng loại, xứ sở chủng loại, tự thân chủng loại và tánh chủng loại.

Giới chủng loại: Nghĩa là chúng sinh cõi Dục, là chủng loại của chúng sinh cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy.

Thú chủng loại: Là ở đường nào, sinh ra chủng loại của đường đó. Sinh chủng loại, nghĩa là tiếp nhận đời nào thì có chủng loại của đời đó. xứ sở chủng loại, nghĩa là sinh ở bất cứ ngục nào, thì có chủng loại của ngục đó, cho đến đệ nhất hữu cũng như vậy.

Tự thân chủng loại, nghĩa là đồng sinh một cõi, một đường, một đời (một đời là một trong bốn cách sinh) mà có các thứ tự thân, ví như các loài chim, so sánh như vậy.

Tánh chủng loại, nghĩa là tánh bẩm sinh đồng là tánh chủng loại. Nếu sáu chủng loại giống nhau thì đó gọi là chủng loại. Cú là tập họp các danh, vị, rốt ráo làm rõ nghĩa. Vị thân của chữ (Vị là chữ, tiếng Phạm là vị của trung hữu. Tiếng là khuôn phép của chữ, không phải là chữ của hình sắc như chữ ngày nay).

Danh là tên các pháp, dùng tên để làm rõ nghĩa, như gọi là nam, nữ. Mạng là sống lâu, nghĩa là ấm, giới, nhập không hư hoại.

Hỏi: Hoạt động của mạng và hoạt động của sự sống lâu, có gì khác nhau?

Đáp: Có thuyết cho là không có khác nhau, có thuyết cho là quả của nghiệp đời trước gọi là sự sống lâu, quả của tu gọi là mạng.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn bỏ sự sống lâu của phần thứ năm?

Đáp: Vì việc của Phật là làm thiện rốt ráo, những sự khác là rốt ráo

của Thanh văn. Hơn nữa, vì an trụ bốn Thánh chủng, vì hữu và mọi công cụ của hữu đều dứt hết, không còn gì.

Đắc, nghĩa là được các pháp, được thành tựu, đồng một nghĩa. (sau sẽ nói rộng).

Gọi tánh phàm phu đó,
Và bốn tướng các pháp
Chẳng sắc, bất tương ưng
Nói là hành hữu vi.

Tánh phàm phu, nghĩa là không được pháp Thánh. Bốn tướng: sinh, trụ, già, vô thường (đã nói trong phẩm Hành).

Chẳng phải sắc, nghĩa là các pháp này chẳng phải là tánh của sắc, vì nó không phải phần của bốn thứ và sắc tạo nên. Bất tương ưng, là không có duyên. Nói là hành hữu vi, nghĩa là Do cái khác mà làm và làm vì cái khác.

Hỏi: Các hành này có bao nhiêu thiện, bao nhiêu bất thiện, bao nhiêu vô ký?

Đáp:

Hai thiện, năm thứ, ba
Nên biết bảy vô ký
Hai ở trong cõi Sắc
Một ở địa Vô Sắc.

Hai thiện, đó là chánh thọ vô tưởng và chánh thọ Diệt tận, là tánh của tu thiện.

Năm thứ, ba: Nghĩa là đắc, sinh, trụ, già, vô thường là thiện trong thiện, bất thiện trong bất thiện, vô ký trong vô ký, vì sinh, v.v... là một quả với pháp. Đắc: Là chẳng phải không có phần mình. Nên biết bảy vô ký: Nghĩa là vô tưởng, chủng, loại, cú, vị, danh, mạng căn, tánh của phàm phu.

Hỏi: Trong các pháp này, có bao nhiêu pháp thuộc về cõi Dục, bao nhiêu pháp thuộc về cõi Sắc, bao nhiêu pháp thuộc về cõi Vô Sắc?

Đáp: Hai pháp ở trong cõi Sắc, đó là trời Vô tưởng, chánh thọ vô tưởng thuộc về cõi Sắc, vì trời Vô Tưởng là quả của đệ Tứ thiền, chánh thọ vô tưởng thuộc đệ Tứ thiền.

Một ở địa Vô Sắc, nghĩa là chánh thọ Diệt tận thuộc cõi Vô Sắc, thuộc đệ nhất hữu.

Hai cõi nói có ba
Ngoài ra ở ba cõi
Hữu lậu, vô lậu, năm

Còn lại đều hữu lậu.

Hai cõi nói có ba, nghĩa là cú, vị, danh thân ở cõi Dục, cõi Sắc, chứ chẳng phải cõi Vô Sắc, vì ở đó không có phần của tiếng nói.

Ngoài ra ở ba cõi: Nghĩa là chủng loại, đắc, mạng căn, tánh phàm phu. Tướng của các đắc ở ba cõi, vì phổ biến.

Hỏi: Có bao nhiêu hữu lậu, bao nhiêu vô lậu?

Đáp: Hữu lậu, vô lậu có năm, đó là bốn tướng hữu vi ở trong pháp vô lậu, tức là vô lậu. Trong pháp hữu lậu tức là hữu lậu, vì cùng một quả với pháp.

Đắc: Nghĩa là nếu đắc là hữu vi thì cũng như vậy. Nếu đắc thường diệt, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, vì đều là phàm phu. Nếu đắc chẳng phải thường diệt, mà là hữu lậu, thì là vô ký, do nghĩa này, nói là lệ thuộc, không lệ thuộc.

Pháp khác thì dứt hết hữu lậu: Trời Vô tưởng, chánh thọ vô tưởng, chánh thọ Diệt tận, cú, vị, mạng căn, chủng loại của chúng sinh, gọi là tánh phàm phu, hoàn toàn hữu lậu vì thuộc về hữu.

Hỏi: Lìa Thánh pháp, gọi là tánh phàm phu, thế nào là xả? Thế nào là đoạn?

Đáp:

Trong tâm vô lậu đầu
Nên biết xả không được.
Phàm phu trong các cõi
Diệt tận khi lìa dục.

Nên biết, ngay trong tâm vô lậu ban đầu là không được xả: Nghĩa là lúc bậc Thánh mới sinh tâm vô lậu, là xả tánh phàm phu. Tâm vô lậu đầu tiên tương ưng với khổ, pháp nhẫn, nên lúc tâm đó sinh, là xả tánh phàm phu. Nếu nói khởi rồi mới xả , thì khi vị ấy trụ ở khổ, pháp nhẫn, lẽ ra chẳng phải bậc Thánh, vì không xả phàm phu, nên nói là lúc sinh, cho nên Phật nói, lúc hai pháp sinh, thì việc ấy rốt ráo.

Việc bên trong là quyến thuộc của khổ pháp nhẫn, việc bên ngoài là các thứ ánh sáng. Phàm phu trôi lăn trong các cõi: Nghĩa là lúc phàm phu trôi nổi trong các cõi, nếu chết ở địa này, thì xả địa này, nếu sinh địa kia, chính thì được địa kia. Vì vô ký không ẩn mất, vì chẳng phải rốt ráo xả, vì không được Thánh pháp.

Lìa dục Diệt tận, nghĩa là nếu lìa dục ở địa này, nếu phàm phu và bậc Thánh, bấy giờ, dứt tánh phàm phu ở địa này, vì vô ký không ẩn mất.

Hỏi: Ba vô vi có tướng gì?

Đáp:

Dứt phiền não, lìa buộc
Đó gọi là thường diệt
Không các tướng chướng ngại
Đó gọi là hư không.

Dứt phiền não lìa buộc, đó gọi là thường diệt, nghĩa là dùng trí tuệ dứt các phiền não như thân kiến, v.v... và quyến thuộc. Được ở đây là được lìa trói buộc. Các lìa trói buộc này gọi là thường diệt. (chủng loại, số lượng của bệnh và thuốc là tương đối).

Có thuyết cho: Chỉ có một việc diệt, vì không có phần mình, nên có đa số người được. Nếu ở đây mà được diệt được chứng, tức đây là Niết-bàn. Cho nên, Niết-bàn không chung. Tỳ-bà-sa nói: Ngay sự trói buộc này, tức là đã lìa sự trói buộc. Nếu khác, nghĩa là thấy khổ dứt, kiết chủng đoạn, phiền não khác cũng nên dứt, làm việc tác chứng. Nếu vậy, các pháp đối trị sau này, sẽ trở nên vô dụng, chỉ vì pháp đó chưa rốt ráo, cho nên, các việc đều khác nhau, không có nhân tự phần, nên nói là không có tự phần. Việc không có nhân của tự phần này, cũng không có khổ, pháp nhẫn và quyến thuộc khác, dù không có nhân tự phần, mà vẫn dự vào nhân tự phần khác, vì không có phẩm chất kia, nên nói là phi phẩm.

Vì phiền não diệt, nên nói là Niết-bàn. Vì nói vô biên, nên nói là chẳng nói. Vì hơn tất cả pháp, nên nói là tối thắng. Vì quả của trí, nên nói là trí. Vì không gieo trồng, nên nói là vô sinh. Vì ở bên cạnh đạo giải thoát, nên nói là biên. Vì ra khỏi tất cả pháp nên nói là xuất, vì lìa lỗi vô thường nên nói là mầu nhiệm.

Không có các tướng chướng ngại, nên nói là hư không, nghĩa là không chướng ngại các thứ sắc, vì có sự đến, đi, v.v... nên nói là hư không. Phái Thí dụ giả nói: Hư không chẳng phải sắc, cũng chẳng phải phi sắc. Nói hư không, nghĩa là nói thuận theo thế gian.

Có thuyết nói không phải không có hư không, vì nó chứa cái có. Vì nếu chẳng có hư không, thì không thể chứa cái có, vì chứa cái có, nên có việc hư không.

Dựa vào các pháp duyên
Hữu, y và cảnh giới
Không đủ thì không sinh
Đây diệt rõ đúng sai.

Tất cả pháp hữu vi đều dựa vào duyên và sức của cảnh giới mà sinh,

vì nó yếu kém. Pháp đó không phải phần, cho nên không sinh. Như nhãn thức, dựa vào mắt, sắc, ánh sáng, hư không và sự nhớ nghĩ của ý thức kia hòa hợp nên sinh. Bất cứ một pháp nào không đủ thì bất sinh. Lúc thức khác hiện ở trước mặt, trong khoảnh một niệm, mắt này diệt, mắt khác sinh. Vì các duyên không đủ, nên nhãn thức không sinh được. Nếu nhãn thức mà phải dựa vào mắt kia mới sinh thì bất sinh. Vì sự nương dựa v.v... đã diệt, nên cuối cùng vẫn bất sinh. Do trước, không có phương tiện mà diệt, nên nói chẳng phải thường diệt. Như nhãn thức, tất cả thân thức cũng đều như vậy. Vả lại, vô lậu là đạo tùy tín hành, do tinh tiến mà được, đạo tùy pháp hành chẳng phải thường diệt. Tất cả đạo, cũng như vậy, tùy theo nghĩa đó, đều phải biết rõ.

Hỏi: Nếu đạo thắng tiến này mà đắc, thì vì sao không thuộc về quả đạo?

Đáp: Vì có những việc khác, vì dứt trừ phiền não, siêng năng phương tiện nhưng vì không phải là thường diệt, cho nên không thuộc về quả đạo.

Hỏi: Tất cả pháp hữu vi, nói nhân cái gì làm nhân cho cái gì?

Đáp:

Nhân trước dường như tăng
Hoặc đều nương dựa sinh
Hai nhân và một duyên
Hoàn toàn nói đã sinh.

Nhân trước, dường như tăng, nghĩa là pháp trước làm nhân của pháp tương tợ sau và tăng nhân chứ chẳng phải nhân kém, nghĩa là lúc tu pháp, hoặc trụ, gia tăng, chứ chẳng giảm, hoặc đều nương vào sinh, đó là nhân tương ưng và nhân cộng hữu.

Hai nhân và một duyên, hoàn toàn nói đã sinh, nghĩa là nhân tự phần nói đã sinh, chẳng phải chưa sinh. Cái trước là nhân cho cái sau. Cái chưa sinh thì không có trước sau. Nhân nhất thiết biến cũng như vậy. Duyên thứ đệ cũng nói là đã sinh. Về nghĩa nhân duyên, đã nói trong phẩm Hành.

Hỏi: Báo nên nói là số chúng sinh, hay không phải số chúng sinh?

Đáp:

Báo là số chúng sinh
Quả giải thoát hữu vi
Có duyên nói câu hành
Đó là tướng khác chuyển.

Báo là số chúng sinh: Nghĩa là báo gọi là nói số chúng sinh, vì không chung, không do mắt của người khác trông thấy, cũng không thành tựu,

nghĩa của báo khác cũng như vậy. Mọi vật dụng áo cơm, nên biết là quả tăng thượng, quả công dụng, chẳng phải số chúng sinh, vì cộng.

Hỏi: Quả là thế nào?

Đáp:

Quả giải thoát, hữu vi
Tất cả pháp hữu vi
Nói quả có nhân sinh
Vì là số duyên diệt.

Cũng nói quả của đạo, về nghĩa của quả đã nói trong phẩm Nghiệp.

Hỏi: Thế nào là tâm, tâm pháp chuyển theo duyên?

Đáp: Có duyên gọi là câu hành, nếu có duyên, pháp cùng chuyển biến trong duyên, làm xong một việc.

Hỏi: Chuyển biến duyên nào?

Đáp: Đó là chuyển ở tướng khác, vì tâm, tâm pháp duyên với pháp khác, chẳng phải tự tánh. Vì sao? Vì không có hai quyết định, vì không tự hành động, vì cũng không duyên tương ưng với một hành, một duyên, cũng không duyên cộng hữu, vì đồng một quả. Về nghĩa này, sẽ nói rộng trong phẩm Trạch.

Hỏi: Tâm, tâm pháp có phương xứ, hay không có nơi chốn?

Đáp:

Nhân khắp không phương xứ
Lúc sinh, tâm giải thoát
Phiền não ở tâm đạo
Đến lúc diệt là xả.

Nhân khắp không có nơi chốn, nghĩa là nhân khắp của tâm, tâm pháp sinh, đó là nhờ hai mắt sinh một thức. Nhĩ, tỷ thức cũng giống như vậy.

Nếu có nơi chốn, thì lẽ ra chuyển biến chỉ trong một mắt. Nếu vậy, lẽ ra một mắt thấy sắc, không nên cả hai mắt đều thấy sắc. Về nghĩa này, đã nói trong phẩm Giới. Nếu nói có hai thức đều sinh tác dụng, là không đúng. Vì sao? Vì duyên thứ đệ thứ hai chẳng có phần.

Một thức trụ ở hai mắt, nhìn thấy sắc, là không đúng, vì không có phần. Nếu một thức trụ trong hai mắt, thì lẽ ra phải có phần sinh. Nếu trụ ở mắt bên trái thì chẳng phải mắt bên phải, vì phương, xứ của chúng khác nhau. Đấy là nói sai, vì cõi Vô Sắc không có chỗ dùng.

Nếu lại một thức, trụ trong hai mắt, thì trong thân căn giữa hai mắt đó lã ra cũng sinh tác dụng. Và nếu vậy thì hóa ra nhãn thức tức là thân

thức. Nếu trung gian không sinh tác dụng, thì lẽ ra phải cắt đứt thành hai phần, chẳng phải một như trước đã nói, vì không có hai thức cùng sinh.

Hỏi: Tâm giải thoát ở đời nào?

Đáp: Tâm giải thoát lúc phát sinh, là lúc đạo sinh, là lúc phiền não diệt, cho nên, lúc đạo sinh là tâm giải thoát. Như bờ đê bị rò rỉ, nước ở đó chảy ra trước. Tâm giải thoát kia cũng giống như vậy. Lại có thuyết nói: Hết thảy tâm giải thoát ở vị lai, không phải chỉ có lúc sinh, chỉ vì sự giải thoát ban đầu, nên nói lúc sinh.

Hỏi: Lúc đạo sinh có dứt phiền não hay không?

Đáp: Phiền não ở ngay trong tâm đạo, cho đến lúc diệt là xả. Lúc đạo diệt, sự diệt phiền não cũng rốt ráo. Lúc sinh là vị lai, làm sao đạo vị lai lại có khả năng rốt ráo công việc. Cho nên nói, lúc đạo vô ngại diệt, là đã dứt phiền não rồi.

Hỏi: Hữu ái có bao nhiêu loại?

Đáp:

Hữu, ái có năm thứ
Vô hữu chỉ một tướng
Sự ái, phiền não khác
Diệt tận là ba cõi.

Hữu ái có năm thư: Nghĩa là hữu ái tham, với hữu có năm thứ, đó là thấy khổ, tập, diệt, đạo dò tu đạo mà dứt. Do năm hạnh gieo trồng hữu tham.

Vô hữu chỉ có một tướng: Nghĩa là không có hữu ái, đó là kiến đoạn. Đã đoạn báo của mình, sinh lạc trước, là tu đạo đoạn. Vì sao? Vì kiến tham do thấy đạo dứt. Loại tham này, tùy theo quả báo. Vô thường khởi báo, là do tu đạo dứt, vì vô ký không ẩn mất. Báo, vô thường cũng như vậy, vì đồng một quả với báo cho nên không phải thấy đạo mà dứt. Duyên tham là do tu đạo mà dứt, chẳng phải nhất thiết biến. Tu đạo đoạn này không có hữu ái. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm thì không dứt mà không hành. Vì được đoạn kiến nuôi lớn, cũng như được hối, nghi nuôi lớn. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm cũng không hành.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói ba cõi: Cõi đoạn, cõi vô dục và cõi diệt.

Ba cõi này thế nào?

Đáp: Các việc của ái, những phiền não khác và sự diệt tận, là ba cõi. Ái kia đã dứt hết, là cõi không có dục. Các việc đã hết là cõi diệt. Phiền não khác đã hết là cõi đoạn, vì nắm lấy gần để đối trị.

Luận giả nói rằng: "Trong Tu-đa-la của Đức Thế Tôn nói: Tất cả hành đều hết, gọi là cõi đoạn, cõi không có dục vọng và cõi diệt, cũng như vậy".

Hỏi: Trong mười hai pháp thiện, bất thiện, vô ký ẩn mất, vô ký không ẩn mất của cõi Dục, cõi Sắc có ba, trừ pháp bất thiện, cõi Vô Sắc có ba cũng như vậy và Học, Vô học. Trong mười hai pháp này, bao nhiêu đắc trong tâm cấu uế, bao nhiêu đắc trong tâm thiện, bao nhiêu đắc trong tâm vô ký?

Đáp:

Nếu được chín thứ pháp
Nên biết tâm cấu uế
Tâm thiện được sáu thứ
Vô ký tức vô ký.

Nếu được chín thứ pháp, nên biết là tâm cấu uế: Nghĩa là lúc cõi và địa hoàn lại, cõi Dục, cõi Sắc được bảy tâm, (ở cõi trên mất, sinh lại cõi Sắc, được tâm vô ký của cõi Dục và ba tâm của cõi Sắc), và thiện của cõi Dục. Lúc căn thiện nối tiếp, được thối thời, được cấu uế và tâm học của ba cõi.

Ngoài ra không được, đó là pháp thiện, vô ký không ẩn mất của cõi Vô Sắc và vô học. Dù pháp thiện của cõi Vô Sắc, có một ít sự lui sụt được, đó là phần lui sụt, chỉ vì trong phần này có nói, đều không thành tựu mà được. Đó là nói về tắc thông, chứ chẳng phải trong một tâm, của một người mà được chín pháp.

Tâm thiện được sáu thứ, nghĩa là trong tâm thiện được sáu tâm: Vô ký không ẩn mất của cõi Dục, thiện và vô ký không ẩn mất của cõi Sắc, thiện học và vô học của cõi Vô Sắc. Các pháp này cũng nói để thông suốt, chẳng phải được cùng lúc.

Vô ký tức vô ký, nghĩa là vô ký không ẩn mất, tức được vô ký, không phải pháp nào khác, vì yếu kém.

Hỏi: Trong mười pháp phẩm đạo, có bao nhiêu căn tánh? Bao nhiêu chẳng phải căn tánh?

Đáp:

Phẩm đạo có sáu pháp
Nên biết là căn tánh
Nếu các pháp tương ưng
Đó gọi là tánh khác.

Phẩm đạo có sáu pháp, nên biết là căn tánh: Nghĩa là năm căn như tín, v.v... và hỷ giác chi, nên biết là căn tánh, vì được tướng của căn, các

căn khác chẳng phải căn tánh.

Hỏi: Pháp tương ưng là tánh của mình hay tánh của người?

Đáp: Các pháp nếu tương ưng là nói vì tha tánh. Các pháp tương ưng với tha tánh, chẳng phải với tự tánh, vì không có một tánh, cùng khởi trong hai sát-na, vì trước và sau không hoà hợp, chính nó không tự tương ưng được. Về nghĩa này đã nói trong phẩm Hành.

Hỏi: Giải thoát ở đâu?

Đáp:

Được giải thoát trong duyên
Do Đại Tiên nói ra
Cũng có dứt mà buộc
Kiến đạo và tu đạo.

Được giải thoát trong duyên, do Đại Tiên nói ra: Nên biết là được giải thoát trong duyên, không có khả năng giải thoát đối với tương ưng, vì một sát-na, tâm sinh chung với phiền não. Chúng sinh ngu ở trong duyên, liền ở duyên kia khởi giải thoát, bất ngu phiền não.

Hỏi: Dứt tức là giải thoát phải chăng?

Đáp: Nếu giải thoát tức là dứt, thì cũng có dứt mà ràng buộc. Có một ít dứt mà không phải giải thoát, đó là khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh. Dứt phiền não do thấy khổ dứt, dứt trừ nhất thiết biến, sử, phược, do thấy tập mà dứt, vì duyên kia chưa dứt và tu đạo một phẩm dứt, tám phẩm khác buộc ràng, cho đến tám phẩm dứt. Vì một sử của phẩm thứ chín buộc ràng, mà tám phẩm kia, trước dứt, sau giải thoát. Phẩm thứ chín này, hễ dứt là giải thoát ngay, tất cả phẩm khác cũng như vậy.

Hỏi: Kiến đế như thế nào để được tịnh bất hoại?

Đáp:

Hai giải ở ba đế
Bốn do thấy chánh đạo
Mà được tịnh bất hoại
Tu tập ở hai đời.

Hai kiến giải với ba đế, bốn đế, do thấy chánh đạo mà được tịnh không hư hoại. Khổ, tập, diệt, vô gián đẳng v.v... được pháp tịnh bất hoại và Thánh giới. Đạo vô gián đẳng v.v... được bốn tịnh bất hoại. Về nghĩa này nói trong phẩm Trạch.

Hỏi: Tu trong những đời nào?

Đáp: tu tập trong hai đời: hiện tại là tu tập, được hiện ở trước mặt, vị

lai là tu đắc, không hiện ở trước mặt, được nối tiếp theo. Quá khứ chẳng phải tu, vì không có phần cho nhân hiện tại.

Hỏi: Những pháp nào đều chuyển với tâm?

Đáp:

Tất cả các tâm pháp
Đều chuyển chung với tâm
Với các tướng tâm này
Tướng khác và sở tác.

Nói tất cả các tâm pháp, đều chuyển chung với tâm, nghĩa là tất cả tâm pháp đều chuyển chung với tâm, vì đồng một quả với tâm.

Cũng như các tướng tâm này, khi tâm này sinh ra các tướng, cũng chuyển chung với tâm, cũng cùng một quả với tâm.

Tướng khác, nghĩa là tướng của tâm pháp này cũng chuyển chung với tâm và những việc đã làm gọi là vô tác, vì giới do tâm, cũng chuyển chung với tâm, cũng cùng một quả với tâm.

Hỏi: Pháp đoạn là thế nào?

Đáp:

Pháp đoạn là hữu lậu
Người trí cũng vô cấu
Vị lai diệt, gọi xa
Pháp khác, gọi là gần.

Đoạn pháp, là hữu lậu: vì có lỗi. Như chiếc áo có vết nhơ thì giặt, chứ chẳng phải không nhơ. Pháp đoạn kia cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là pháp biết?

Đáp: Sự hiểu biết cũng không có cấu uế, nếu là pháp hữu lậu, vô lậu, tất cả đều nói biết là tùy theo đó. Vì sao? Vì trừ sự không biết.

Hỏi: Thế nào là pháp xa?

Đáp: Vì diệt ở vị lai, nên nói là xa. Pháp của quá khứ, vị lai được gọi là xa, vì xa với thức hiện tại. Đây là nói sự cách xa về thời gian. Bốn nghĩa xa đã nói trong phẩm Hành. Cái khác là nói gần, nghĩa là hiện tại thì nói gần, vì có chung với thân thức. Vô vi được gọi là gần, vì không ràng buộc nơi chốn. Tùy các phương kia mà được diệt, vì do đạo chẳng phải thường diệt, vì lìa sự siêng năng mong cầu. Về nghĩa đời, đã nói rộng trong phẩm Giới.

Hỏi: Thế nào là pháp định?

Đáp:

Cái gọi nghiệp Vô gián
Và các đạo vô lậu
Tuệ, được gọi là định
Kiến xứ là hữu lậu.

Cái gọi nghiệp vô gián và các đạo vô lậu, tuệ được gọi là định: Nghĩa là nghiệp vô gián được gọi là tà định, vì định này dẫn đến địa ngục. Hành vô lậu được gọi là chánh định, vì định này hướng đến quả giải thoát, định khác là bất định.

Hỏi: Đức Thế Tôn ngồi dưới cội Bồ-đề, lập ba nhóm đối với tất cả chúng sinh: Vì giới hạn của phần chúng sinh mà lập, hay vì giới hạn của phần pháp mà lập? Nếu nói là của phần chúng sinh giới hạn, sao lại không gọi là chúng sinh biên, mà là chúng sinh vô biên? Nếu pháp của phần giới hạn thì Thanh văn lẽ ra cũng lập pháp, sao lại nói là pháp bất cộng của Như lai?

Đáp: Có thuyết nói: Phần chúng sinh giới hạn là cộng tướng, không phải tự tướng, đó là nói bốn loại sinh. Ngoại trừ bốn loại sinh này, không còn chúng sinh nào khác.

Hỏi: Nếu vậy, Thanh văn lẽ ra cũng lập, do đó Như lai và Thanh văn có gì khác nhau?

Đáp: Có khác nhau. Vì Đức Như lai tự lực kiến lập, còn Thanh văn theo Phật để nghe, đấy là sự khác nhau. Có thuyết nói: Đức Như lai kiến lập phần chúng sinh giới hạn, còn Thanh văn Duyên giác lại lập giới hạn của pháp. Đức Thế Tôn lập ba nhóm chúng sinh rồi, nay vì đại bi nên vẫn còn luôn đem lại niềm an vui cho chúng sinh suốt ba thời trong ngày đêm, dùng Phật nhãn mà quán sát chúng sinh.

Hỏi: Thế nào là kiến xứ?

Đáp: Kiến xứ, là hữu lậu. Tất cả pháp hữu lậu đều là kiến xứ, đi chung với kiến cấu uế. Nếu pháp cấu uế, kiến duyên sử và tương ưng với sử, thì pháp đó là kiến xứ. Có thuyết nói: Vì sức duyên với kiến của giới mình, nên pháp hữu lậu được gọi là kiến xứ, chẳng phải duyên sử nào khác và chẳng phải phần nào khác, nói như vậy là tốt đẹp, nghĩa là như ở trước đã nói.

Hỏi: Nếu chúng sinh thành tựu căn, chúng sinh đó thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp:

Nói có mười chín căn
Là thành tựu rất nhiều

Ít nhất thành tựu tám
Hiểu rõ căn đã nói.

Nói có mười chín căn là thành tựu rất nhiều, nghĩa là bậc Thánh thành tựu nhiều nhất là mười chín căn, đó là đủ các căn chưa lìa dục. Nếu trụ kiến đạo, trừ dĩ tri căn, vô tri căn và một hình. Nếu trụ tu đạo, trừ vị tri căn, vô tri căn và một hình. Phàm phu không dứt căn thiện, đủ các căn và hai hình, trừ ba căn vô lậu. Ít nhất thành tựu tám đã nói hiểu rõ căn, nghĩa là ít nhất thành tựu tám căn gọi là còn lại (nghĩa là thân căn chết dần dần, có phần ít căn còn lại). Căn thân, căn thiện dần dần dứt, khi qua đời sẽ đọa vào địa ngục Vô Trạch, bị núi lớn ép lại, chỉ có thân căn, mạng căn, ý căn và năm thọ căn. Nếu phàm phu sinh cõi Vô Sắc, thì có ý, mạng, xả và năm căn như tín, v.v...

Hỏi: Có bao nhiêu xúc?

Đáp:

Tăng ngữ và có đối.
Trong xứ minh, vô minh
Cái gọi là được quả
Tức là việc hai đạo.

Tăng ngữ (do nhiều danh, nên nói là tăng ngữ) và có đối, trong xứ của minh và vô minh. Tăng ngữ: Nghĩa là nếu ý thức thân tương ưng với xúc, duyên tất cả pháp thì gọi là tăng ngữ. Vả lại, vì duyên nhiều danh, nên nói là tăng ngữ. Dù xúc thứ năm cũng duyên nhiều danh, nhưng vì thức kia mới có tên nên không có lỗi. Nếu năm thức thân tương ưng với xúc, dựa vào căn có đối, nên nói là có đối.

Vô lậu gọi là minh, vì xúc tương ưng với minh. Sự cấu uế gọi là vô minh, vì xúc do vô minh sinh. Hữu lậu không cấu uế, nói là chẳng minh, chẳng phải vô minh, vì đều không tương ưng với xúc. Năm xúc này, tùy thuận, không tùy thuận, tương ưng y, vì phân biệt, nên nói có mười sáu thứ. Tùy thuận, không tùy thuận được kiến lập, nghĩa là sự ái, sân, tương ưng, xúc tương ưng. Vì phân biệt, nên nói xúc là khổ, vui, không khổ, không vui. Vì dựa vào sự phân biệt, nên nói có xúc của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Hỏi: Được quả là đạo vô ngại hay đạo giải thoát?

Đáp: Cái gọi là được quả, nghĩa là việc của hai đạo đều được, đó là đạo vô ngại và đạo giải thoát. Đạo vô ngại dứt phiền não, sẽ được đạo giải thoát, được chứng giải thoát. Lại nói đạo vô ngại được quả, đạo giải thoát bảo vệ những việc mà đạo vô ngại kia đã làm, không để mất mát, nên nói

như vậy.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói nhàm chán rồi lìa dục. Thế nào là nhàm chán, thế nào là lìa dục?

Đáp:

Nếu trí ở nhân khổ
Và nhẫn là nhàm chán
Vì lìa được tham dục
Nói bốn là lìa dục.

Nếu trí ở nhân khổ và nhẫn là sự nhàm chán, nghĩa là duyên khổ trí, tập trí và nhẫn, gọi là nhàm chán, vì duyên là việc đáng nhàm chán, vì khổ, tập đế là chỗ nương dựa của phiền não, hành động ác, nên nói là những việc nhàm chán.

Vì lìa được tham dục, nên nói bốn là lìa dục, nghĩa là nếu nhẫn và trí chuyển biến hết cả bốn đế, nói là lìa dục, vì làm hoại tham dục. Dù lìa tất cả phiền não, chỉ cần tham dục là đủ các phiền não, cho nên nói là lìa dục. Chỉ vì ghét mà không thích trái với ác, đó là khác với nhàm chán. Lìa dục là diệt, giải thoát là dứt hết, đấy là điểm khác với lìa dục.

Hỏi: A-la-hán trụ tâm nào để nhập Niết-bàn?

Đáp:

La-hán trụ báo sinh
Cùng với tâm oai nghi
Vì thuận theo tâm diệt
Hướng về bát Niết-bàn.

A-la-hán trụ báo sinh và tâm oai nghi mà nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì thuận theo tâm diệt. Tâm thiện trụ vững chắc, là không thuận theo tâm diệt. Tâm vô ký yếu kém, vì yếu kém nên thuận theo tâm diệt. Lại nữa, vì ít lỗi nên tâm thiện dựa quả báo, vì quả môn quá sinh. Vô ký chỉ có dựa quả môn, không có báo quả môn.

Lại nữa, vì quay lưng lại các đường, nếu hướng về các đường, người đó phải có tâm thiện siêng năng hiện ngay ở trước mặt, không để mình đọa trong đường ác. Thế nên, người đó vì chống chọi với tất cả đường, nên trụ tâm tánh thường còn. Có lúc tâm thiện trong phần thân kia trống không như dứt căn thiện, tâm bất thiện cũng trống không như lìa sự ham muốn cõi Dục.

Lại nữa: Dần vì lìa sanh tử, nghĩa là ở ngay trong cõi Dục, lìa dục, lìa tâm bất thiện, lìa dục đệ nhất hữu, lìa dục tâm nhiễm ô. tâm vô ký hiện ở trước mặt, lìa tâm thiện, tâm qua đời hiện ở trước mặt, lìa tâm vô ký.

Tôn giả nói (đây là Đạt-ma-đa-la lấy truyện cổ tích Đạt-ma-đa-la làm Tôn giả): Siêng năng liên tục, nghĩa là tâm thiện, người đó lúc qua đời không chuyển biến theo.

Có thuyết nói: Vì muốn cho địa dưới có quả báo không khổ, không vui, nên người kia nói cõi Dục, cho đến báo sinh của đệ Tứ thiền và tâm oai nghi bát Niết-bàn. Cõi Vô Sắc chỉ có báo sinh, chẳng phải oai nghi, vì sắc không có phần.

Có người muốn cho địa dưới không có quả báo không khổ, không vui, nên người đó nói cõi Dục, cho đến đệ Tam thiền, chỉ có an trụ tâm oai nghi, bát Niết-bàn. Ngoài ra như trên đã nói.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ hữu?

Đáp:

Sinh hữu và hoại hữu
Bổn hữu cũng lại trung
Nên biết hai sát-na
Một nhiễm ba hữu hai.

Sinh hữu và hoại hữu, bổn hữu cũng lại trung: Nghĩa là sinh hữu gọi là phần sinh. Vì năm ấm có chung với sinh nên gọi là sinh hữu, là nghĩa của tâm tương tục cùng sinh.

Hoại hữu: Nghĩa là tử biên, vì năm ấm đi chung với cái chết, nên gọi là tử hữu, nghĩa là không đi chung với tâm.

Bổn hữu: Nghĩa là trừ năm ấm của phần sanh, phần tử. Hữu trung gian kia, do nghiệp trước đã gieo trồng từ lâu, nên gọi là bổn hữu. Trung hữu, nghĩa là trong khoảng thời gian từ khi chết, cho đến lúc chưa được sinh hữu khác, trong khoảng hướng đến hữu thọ sinh khởi, năm ấm không thuộc về đường nào, vì khởi ở giữa hai bên, nên gọi là Trung hữu.

Hỏi: Các hữu này có bao nhiêu sát-na? Trụ được bao lâu?

Đáp: Nên biết hai sát-na tử hữu và sinh hữu, đều trong khoảnh khắc sát-na không trụ lâu. Do nghĩa này, nên biết bổn hữu, trung hữu đều trụ lâu.

Hỏi: Có bao nhiêu nhiễm ô, bao nhiêu không nhiễm ô?

Đáp: Một nhiễm ô, ba hữu có hai, sinh hữu hoàn toàn nhiễm ô. Vì tâm nhiễm ô, nên sự sanh nối tiếp nhau nhiễm ô. Phàm phu ở cõi Dục kia có ba mươi sáu sử, mỗi sử đều khiến sự sanh nối tiếp nhau. Bậc Thánh tu đạo dứt trừ bốn sử mỗi sử cũng như vậy. Phàm phu cõi Sắc có ba mươi mốt sử, mỗi sử đều đều khiến sự sanh nối tiếp nhau. Bậc Thánh có ba sử, cõi Vô Sắc cũng như vậy. Sử khiến cho sự sanh nối tiếp nhau, không phải cấu

uế ràng buộc. Hữu khác thì có nhiễm ô, không nhiễm ô.

Hỏi: Người tu hành có bao nhiêu thời gian bị nghiệp làm chướng ngại?

Đáp:

Nếu lìa dục cõi Dục
Vượt qua hữu thứ nhất
Cùng với khởi pháp nhẫn
Rất bị nghiệp chướng ngại.

Ba thời gian tu hành ở đây: Nghiệp rất làm chướng ngại, đó là lúc bậc Thánh lìa dục cõi Dục, nghiệp cõi Dục đó, rất làm chướng ngại, nghĩa của lời này là: Nếu ông lìa dục, ta sẽ thọ báo ở đâu? Vì bậc Thánh khi lìa dục cõi Dục, không còn thọ sinh ở cõi Dục, vì đã dứt hết sanh tử.

Vì đến lúc chết được quả không lui sụt, nghĩa là khi chứng quả A- la-hán, vị ấy đời sau thọ báo, thì nghiệp rất làm chướng ngại, nghĩa là nói: Ông đã vượt qua hữu thứ nhất, không còn chỗ sinh, ta sẽ thọ báo ở đâu? Đó là lúc trụ ở pháp Đảnh, khởi pháp Nhẫn, vị ấy thọ báo đường ác, do nghiệp rất làm chướng ngại. Khởi pháp nhẫn là lìa hẳn đường ác, ngoài ra như trước đã nói.

Hỏi: Việc này có bao nhiêu thứ?

Đáp:

Nên biết có năm thứ
Là tự tánh và nhân
Ràng buộc, hoặc thâu nhiếp
Sự của mọi cảnh giới.

Năm thứ sự là: Tự tánh sự, nhân sự, hệ sự, thâu nhận sự và cảnh giới sự. Tự tánh sự, nghĩa là nếu pháp là tánh của mình, do sự mà đặt tên, như nói: Nếu đắc sự, là đã thành tựu sự đó. Nhân sự nghĩa là như đã nói: Thế nào là pháp có sự? Là lời nói có nhân. Hệ sự nghĩa là như nói: Nếu sự này bị ái kiết trói buộc, tức là sự kia bị giận dữ trói buộc chăng? Năm thứ pháp kia đã do sự (năm thứ pháp là năm hành), nên được gọi là nhiếp thọ sự (như là thọ của thọ lấy). Như đã nói, việc nhà, việc ruộng là như vậy. Cảnh giới sự, nghĩa là như nói: Tất cả pháp được trí nhận biết, đều tùy vào sự đó. Nếu là pháp, pháp ấy duyên lấy sự mà đặt tên. Lại có năm thứ sự khác.

Nói ấm tức là sự
Giới nhập, sự cũng vậy
Và sát-na thế gian
Đó gọi năm thứ sự.

Nếu nói ấm, tức lấy ấm làm sự, không phải lấy thứ nào khác. Như vậy, cho đến nói sát-na, chính là lấy sát-na làm sự, không phải lấy thứ nào khác. Như vậy, nói lược là đồng thật, mà khác tên, đều phải biết.

Hỏi: Như phẩm Nghiệp nói năm thứ quả là thế nào? Chỉ có quả này hay còn có quả nào khác nữa chăng?

Đáp: Có sự ham muốn, khiến lại có bốn quả.

Dục-đa-bà-đề nói
An lập và phương tiện
Cũng nói hòa hợp, tu
Đó gọi là bốn quả.

Quả an lập: Là như nước trụ ở phong luân, thủy luân là quả an lập trên phong luân, tất cả đều như vậy.

Quả phương tiện, nghĩa là từ phương tiện quán bất tịnh, cho đến khởi trí tận, trí vô sinh. Trí tận, trí vô sinh kia là quả phương tiện của quán bất tịnh. Tất cả phương tiện như vậy (đấy là lấy nhân để tìm quả, hướng đến phương tiện) đều nên biết.

Quả hòa hợp: Nghĩa là các thứ như: Mắt, màu sắc, ánh sáng, niệm, hòa hợp sinh nhãn thức. Pháp như vậy pháp sinh ra từ hòa hợp, pháp này là quả hòa hợp.

Quả tu: Nghĩa là sắc giới đạo dục giới hóa, hóa và làm ngôn ngữ cõi Dục. Sự hóa và ngôn ngữ kia, là quả tu đạo của cõi Sắc, tất cả như vậy.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thần túc? (tiếng Phạm là túc địa, hoặc nói thần túc, hoặc nói như ý túc, hoặc nói tự tại, hoặc nói phú mãn v.v… đều có nghĩa dịch thoát, không hoàn toàn đúng ý chính).

Đáp:

Vận thân và ý giải
Ý niệm tự tại thông
Ý niệm chỉ có Phật
Nên biết hai là chung.

Ba thứ lớp tại: Là vận thân tự tại, ý giải tự tại và ý niệm tự tại. Vận thân tự tại: Nghĩa là cất mình lên hư không như chim bay. Ý giải tự tại, nghĩa là xa mấy cũng cho là gần, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, đã đến Sắc Cứu Cánh. Ý niệm tự tại: Nghĩa là nhãn thức đến với sắc, trong khoảnh khắc ý liền đến. Ý niệm tự tại này, chỉ có Phật, không ai khác có được, vì Nhất thiết trí biết được đến cả bờ giác.

Nên biết hai là chung, nghĩa là vận thân tự tại và ý giải tự tại thì Như lai, Duyên giác, Thanh văn đều có, vì là quả của thiền.

Hỏi: Tất cả A-na-hàm có nhập vào quả cõi Sắc, cõi Vô Sắc không? Tất cả tín giải thoát có được kiến đáo không? Tất cả pháp lui sụt, đều phải lui sụt chăng?

Đáp:

Nhập cõi Sắc, Vô Sắc
Cũng là căn tăng ích
Cùng với Hiền, Thánh thoái
Sinh định trung gian không.

Bậc Thánh lại thọ sinh: Nghĩa là như trước đã nói: Nhân duyên khác, nhất định không. (Thọ sinh trở lại, là nhất định không đến hai cõi trên, cũng là căn không tiến thêm, cũng không lùi xuống).

Thọ sinh lại: Nghĩa là cõi Dục sau khi được quả, lại sinh cõi Dục. Sự nhàm chán ở trong thai thấy lỗi của hữu, không nhập cõi Sắc, cõi Vô Sắc, vì ở đó, tuổi thọ lâu dài. Vì tu Thánh đạo khá lâu mà căn không thể tiến bộ thêm, vì cõi dưới như bạn thân không thể lìa bỏ. Sự thọ sinh kia cũng như vậy. Tu tập Thánh đạo, sinh ở trung gian, nên không lui sụt.

Hỏi: Đức Phật xuất hiện ở thế gian vào thời kỳ nào? Vua Thánh Chuyển luân ra đời vào thời kỳ nào? Bích-chi-Phật ra đời vào thời kỳ nào?

Đáp:

Kiếp giảm, Phật ra đời
Vua Chuyển luân kiếp tăng,
Bích-chi-Phật cả hai
Như vậy cần phải biết.

Vào thời kiếp giảm, Đức Phật xuất hiện ở thế gian, làm thầy thuận giải thoát, nên Đức Phật là sư giải thoát. Đã lìa bỏ sự sống chết, xuất hiện ở thế gian nói pháp. Vào thời kỳ tăng, chúng sinh hướng về sự sống chết, cái thấy chuyển hướng theo sự vui sướng. Nếu bấy giờ, Đức Phật ra đời, thì vô ích, vì chúng sinh không thể bỏ sự sống chết, vì đã quá mê đắm.

Thời kỳ kiếp giảm, chúng sinh đã có quay lưng lại cái thấy về sinh tử, phiền não hành vi ác tăng quá nhiều nên có khả năng lìa bỏ sinh tử. Thế nên, cho đến thời kỳ chúng sinh trăm tuổi, thì Đức Phật mới ra đời. Không phải giảm, vì nếu giảm, thì bấy giờ, chúng sinh sẽ sinh lòng tham phi pháp, tham bất chính, tu theo tà pháp, thích sinh lên cõi trời, siêng làm lợi cho phiền não, nên chẳng phải pháp khí thiện.

Vua Thánh Chuyển luân, phần đông ra đời vào thời kỳ tăng, có thể dùng mười điều thiện, để kiến lập chúng sinh. Do vậy, trong thời kỳ giảm, Phật không ra đời, vì chúng sinh kia đều hướng về hành vi ác. Thế nên, vào

thời kỳ tăng, thì việc giáo hóa rất dễ dàng, vì thời đại thuần hậu.

Đầu tiên vào thời kỳ giảm vua Thánh Chuyển luân cũng ra đời, vì đời còn thuần hậu. Bích-chi-Phật ra đời vào cả hai thời kỳ để tu pháp của mình.

Hỏi: Đắc là vì có đắc mà được hay là vì không có đắc mà được? Nếu là đắc lại có đắc nữa thì đắc này còn có đắc khác, làm sao chẳng phải không cùng cực. Nếu không có đắc mà được thì đắc này làm sao thành tựu?

Đáp:

Nếu các pháp kia sinh
Hai đắc cùng khởi chung
Hai đắc đều sinh ra
Biết có đắc mà đắc.

Nếu các pháp sinh, tức là pháp kia hai đắc đều cùng đắc và đắc đắc. Vì sức của đắc kia, nên thành tựu pháp và đắc đắc. Vì sức của đắc, nên thành tựu đắc, do đắc và đắc đắc, đều cùng trong một nhất tâm lần lượt đắc nhau. Thế nên, chẳng phải vô cùng. Sắc ấm, hành ấm kia là một đắc, ấm khác cũng như vậy. (đắc đầu tiên có thể được một ấm và được đắc nhỏ)

Hữu vi, vô vi là một đắc (đắc đầu tiên có thể được vô vi và được đắc nhỏ). Giới thiện, giới ác của cõi Dục, nếu thuộc về quá khứ là đắc của ba đời, nếu thuộc hiện tại là đắc của hiện tại, vị lai. Nếu thuộc về vị lai tức là đắc vị lai.

Việc thiện và bốn ấm cấu uế của cõi Dục. Năm ấm thiện của cõi Sắc và bốn ấm cấu uế. Thiện của cõi Vô Sắc và bốn ấm cấu uế. Năm ấm vô lậu và tâm biến hóa cùng sinh ra bốn ấm.

Ba đời thì đắc ba đời, tùy loại mà đắc. Bốn ấm oai nghi, phần nhiều do thế gian đoạn và sát-na đoạn mà đắc. Nếu người tu thiện kia, thì đắc ba đời, sự khéo léo cũng như vậy. Sắc của vô ký và bốn ấm của sinh báo, do thế gian đoạn và sát-na đoạn mà đắc, quá khứ của quá khứ, vị lai của vị lai và hiện tại của hiện tại.

Hỏi: Khổ pháp nhẫn có bao nhiêu đắc, cho đến đạo tỷ nhẫn có bao nhiêu đắc?

Đáp:

Các đắc có mười lăm
Đắc ở khổ pháp nhẫn
Ngoài ra kiến tăng đạo
Nên biết mỗi mỗi giảm.

Các đắc có mười lăm đắc ở khổ pháp nhẫn: Nghĩa là khổ, pháp nhẫn có mười lăm đắc, kiến đạo có mười lăm tâm, nên tất cả tâm kia, đều được

sinh một đắc, sinh chung với nhẫn kia mười bốn đắc sinh sau. Ngoài ra, kiến tăng đạo, nên biết: Mỗi mỗi giảm: Nghĩa là kiến đạo gọi là kiến tăng, vì là tuệ tăng thượng. Kiến đạo khác dần dần vượt qua, trong mỗi tâm đắc lần giảm.

Khổ pháp trí có mười bốn đắc, một đắc sinh chung, còn mười ba đắc sinh sau, không có sinh trước, vì chưa từng được. (Khổ, pháp trí đều cùng sinh đắc, vì nay mới khởi, không có sinh trước nên chỉ có mười bốn đắc, đắc khác vì không có sinh trước, nên giảm ít dần).

Khổ tỷ nhẫn có mười ba đắc, một đắc cùng sinh, còn mười hai đắc sinh sau. Khổ, tỷ trí có mười hai đắc, một đắc cùng sinh, mười một đắc sinh sau, cho đến đạo tỷ nhẫn có một đắc cùng sinh, không có đắc sinh sau, vì kiến đạo rốt ráo, cũng không có sinh trước, vì chưa từng được nhẫn (đã không có khởi sau, lại không có sinh trước, nên chỉ có một).

Hỏi: Giải thoát đắc, thuộc về địa nào?

Đáp:

Nếu ở trong địa kia
Đoạn và hoại đối trị
Liền thuộc giải thoát đắc
Pháp trí, tỷ trí phẩm.

Nếu ở trong địa kia đoạn và hoại đối trị, liền thuộc giải thoát đắc: Có thuyết nói: Nếu địa kia dứt đối trị, thì địa đó là giải thoát đắc, tức là gồm nhiếp địa kia, vì đoạn đối trị. Nói như vậy, nghĩa là kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn của cõi Dục là giải thoát đắc, thuộc về thiền vị lai. Sơ thiền địa thuộc về Sơ thiền vị lai và thiền trung gian: Đệ Nhị thiền, thuộc về bốn địa, tức là ba địa trước và đệ Nhị thiền. Đệ Tam thuộc về năm địa, tức là bốn địa trước và đệ Tam thiền. Kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn của đệ Tứ thiền và kiến đạo đoạn của Vô Sắc, thuộc về sáu địa, tức năm địa trước và đệ Tứ thiền. Tu đạo đoạn của không xứ, thuộc về bảy địa, tức sáu địa trước và không xứ. Tu đạo đoạn của thức xứ thuộc về tám địa tức bảy địa trước và thức xứ. Vô sở hữu xứ và tu đạo đoạn giải thoát đắc của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thuộc về chín địa: Vị lai, trung gian, bốn thiền căn bản và ba Vô Sắc.

Lại có thuyết nói: Nếu thuộc về địa kia, đoạn đối trị và hoại đối trị, đó là nói kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn của cõi Dục, cõi Sắc. Kiến đạo đoạn giải thoát đắc của cõi Vô Sắc, thuộc về sáu địa. Tu đạo đoạn của cõi Vô Sắc, như trước đã nói.

Về pháp trí, tỷ trí phẩm: Lại có thuyết nói: Nếu là phẩm, pháp trí của địa thì kiến đạo, tu đạo đoạn giải thoát đắc của cõi Dục, tức thuộc về địa

kia. Nếu là phẩm tỷ trí của địa, thì kiến đạo, tu đạo Đoạn giải thoát đắc của cõi Sắc, cõi Vô Sắc, tức thuộc về địa kia. Đấy là nói giải thoát đắc của cõi Dục thuộc về sáu địa và giải thoát đắc của cõi Sắc, Vô Sắc thuộc về địa.

Hỏi: Nếu đạo đều khởi đắc, thì đắc đó có phải là nhân cùng sinh đạo không? (Chỉ trừ nhân đã làm, nhân khác thì hỏi chung).

Đáp:

Đều khởi đắc với đạo
Đều khởi, chẳng phải nhân
Đạo chẳng phải nhân kia
Khởi sau, hoặc có, không.

Đều khởi đắc với đạo, đều khởi chẳng phải nhân (đạo đều cùng khởi với đắc, đã không phải là nhân chung, lại vì không có nhân khác, nên không có nhân), nghĩa là đạo cùng khởi đắc, đạo đó, chẳng phải là nhân của đạo, vì không phải một quả. Không là một quả, thì không có nghĩa của nhân chung. Đạo cũng chẳng phải nhân kia, nghĩa là đắc là đạo đều khởi, cũng không phải nhân của đắc, cũng không phải một quả.

Hỏi: Thế nào là đắc khởi sau?

Đáp: Đắc khởi sau, hoặc có, không. Trước đạo khởi đối với đắc khởi sau, hoặc có nhân, hoặc không nhân, tương tợ với tăng đạo đắc ở sau, làm nhân cho tương tợ tăng giải thoát đắc, không phải đạo hạ đắc, làm nhân cho đạo giải thoát hạ đắc (vì đây là nhân tự nhiên, nên không làm nhân trung, thượng, không phải là nhân của địa trên, địa dưới). Là khổ, pháp nhẫn có một đắc, đều cùng sinh, đắc đó không phải nhân của nhẫn, nhẫn cũng chẳng phải là nhân của đắc.

Khổ pháp trí có ba đắc, đều cùng sinh: Đắc của hai đạo, đắc của một giải thoát. Khổ pháp trí, chẳng phải là nhân của các đắc, các đắc đó, cũng không phải là nhân của khổ pháp trí. Khổ pháp nhẫn kia là nhân của ba đắc. Khổ tỷ nhẫn có bốn đắc đều cùng sinh: Ba đạo đắc, một giải thoát đắc. Khổ tỷ nhẫn không phải là nhân của các đắc kia, các đắc kia, cũng không là nhân của nhẫn. Khổ pháp trí là nhân của ba đắc, không phải khổ pháp nhẫn là nhân của đắc, vì nhẫn yếu kém (Tỷ nhẫn, tỷ trí và giải thoát đắc). Khổ tỷ trí có sáu đắc đều cùng sinh: Bốn đạo đắc, hai giải thoát đắc. Khổ tỷ trí không phải là nhân của các đắc kia, các đắc kia cũng chẳng phải nhân của trí. Nhân của ba đắc khổ tỷ nhẫn không phải là nhân của ba đắc, đó gọi là đắc trong pháp trí phẩm, cho đến đạo tỷ nhẫn có hai mươi hai đắc đều cùng sinh, mười lăm đạo đắc và bảy giải thoát đắc: Đạo tỷ nhẫn không phải là nhân của các đắc kia, các đắc kia, cũng không phải là nhân của nhẫn.

Đạo, pháp, trí là nhân của ba đắc (Pháp trí tự ở vị lai đắc, giải thoát đắc và tỷ nhẫn đắc, làm nhân tự nhiên. Các đắc dưới vì yếu kém nên chẳng phải nhân), chẳng phải nhân khác.

Hỏi: Không không thuộc về hành nào? Tự tánh nào? Duyên nào? Địa nào?

Đáp:

Hành không, trụ có nhơ
Đây nói là không không
Nói cảnh giới Vô học
Ở nơi mười một địa.

Hành không sinh rồi, không không mới khởi sau. Hành không là quán năm thạnh ấm không. Không không kia, khởi nơi không tư duy không kia. Như người lúc đốt tử thi, cầm gậy trở qua trở lại, sau đó mới đốt bỏ cây gậy. Hành không kia cũng như vậy.

Có cấu uế là nghĩa hữu lậu. Vì ràng buộc Thánh đạo. Không không ràng buộc Thánh đạo, chẳng dùng Thánh đạo ràng buộc Thánh đạo, dùng hành nhàm chán của vô lậu không duyên với vô lậu.

Trụ: Là tự tánh của tam-muội. Không không: Là ở trong không mà hành nghĩa không. Cảnh giới vô học: Lấy nghĩa vô học làm duyên, đó là hành không vô học là duyên của học kia. Lại nói duyên không hành năm ấm đều cùng sinh. Mười một địa: Vì là hữu lậu, khắp cảnh giới đều không. Mười một địa của không không, từ cõi Dục cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Thế nào là vô nguyện của vô nguyện?

Đáp:

Thực hành hạnh vô thường
Là vô nguyện của vô nguyện
Đều ở chỗ bất động
Cõi Dục khác: Như trước.

Thực hành hạnh vô thường, là vô nguyện vô nguyện: Nghĩa là hạnh vô thường tương ưng với vô nguyện. Quán năm thạnh ấm vô thường, với pháp quán đó, khởi vô nguyện vô nguyện. Tư duy vô nguyện vô thường, hành khổ khổ, đó là điên đảo, Thánh đạo không phải tánh của khổ, cũng không phải hành của nhân, v.v... vì trái với Thánh đạo (vì vô nguyện vô nguyện trái với Thánh đạo, nên hành không làm nhân, v.v...). Nếu hành làm nhân v.v... thì lẽ ra thuận với Thánh đạo, nhưng hành kia lại ràng buộc Thánh đạo, trái với Thánh đạo, nên cũng không làm hành của đạo, v.v... Vì

hành của đạo v.v... thì ưa thích đạo. Đều ở chỗ bất động, nghĩa là trước đây đã nói, không không và vô nguyện vô nguyện. Hai hành này là pháp bất động, A-la-hán nên có khả năng làm tam-muội hiện ở trước mặt, vì có uy lực, vì lìa phiền não.

Kiến đáo: Nghĩa là dù lợi căn, được Tam-muội tự tại, nhưng vì chưa lìa phiền não. Thời giải thoát tuy lìa phiền não, mà không được Tam-muội tự tại. Vì căn cơ chậm lụt. Bất thời giải thoát, được Tam-muội tự tại, vì là lợi căn, vì đã lìa sự ham muốn của ba cõi, cho nên Tam-muội có thể hiện ở trước, không phải căn nào khác. Cõi Dục, nghĩa là cõi Dục hiện ở trước mặt, phần nhiều nói từ sức mà khởi, chứ không phải pháp nào khác. Là ba phương khác trừ châu Uất-đơn-việt. Ngoài ra như trước đã nói, nghĩa là những việc khác như nói ở không không.

Là vô tướng vô tướng
Hành kia ở tịch chỉ
Hành ở vô ký diệt
Còn lại như trước nói.

Là vô tướng, vô tướng, hành kia ở tịch chỉ: Vô tướng nghĩa là thường diệt, quán tịch chỉ. Ở đó, về sau khởi hạnh vô tướng vô tướng. Nghĩa là nói ông không phải thường diệt, cũng tịch chỉ (định vắng lặng).

Hỏi: Pháp quán đó duyên gì?

Đáp: Hành ở vô ký, diệt chẳng phải thường diệt, là duyên kia, là vô ký, cũng không khởi, không phải thường diệt, không khởi như trước. Vì nghĩa này, nên không nói diệt hành, vì có hai thứ diệt: Chẳng phải thường diệt và vô thường diệt. Nếu nói là diệt hành, thì không biết là diệt cái gì. Cũng không phải là hành diệu, xuất, vì vô ký chẳng phải diệu, chẳng phải xuất, vì chẳng phải do ba tướng mà thành.

Ngoài chỉ ra, như trước đã nói: Nghĩa là ngoài ra như thuyết không không. Đã nói. Lại, Tam-muội kia, khi lợi căn sinh tận trí, được phương tiện sau, hiện ở trước. Đức Phật không phương tiện, Bích-chi-Phật ít phương tiện, Thanh văn hoặc trung, hoặc thượng. Không không, vô nguyên vô nguyện, pháp trí, tỷ trí, khổ trí, về sau hiện ở trước. Vô tướng, vô tướng, pháp trí, tỷ trí và diệt trí, về sau đều hiện ở trước.

Nếu Tam-muội cõi Dục thuộc về thiền vị lai, thì Thánh đạo về sau mới khởi. Nếu Phi tưởng Phi phi tưởng địa, Vô sở hữu xứ thì Thánh đạo về sau mới khởi, ngoài ra là thứ lớp tự địa.

Hỏi: Vượt lên trên Tam-muội, chánh thọ thế nào?

Đáp:

Vượt qua Tam-ma-đề
Trên, dưới đến thứ ba
Không nhớ nghĩ tư duy
Siêu vượt duyên cũng vậy.

Vượt qua Tam-ma-đề, trên dưới đến thứ ba: Nghĩa là lúc vượt lên trên Tam-muội. Chánh thọ theo thứ lớp, vượt Sơ thiền hữu lậu, đệ Nhị thiền hữu lậu hiện ở trước. Theo thứ lớp như vậy, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Sau đó, cũng thứ lớp trở lại cho đến Sơ thiền. Ở các địa này khéo tu tập rồi, khởi Sơ thiền vô lậu, thứ lớp cho đến Vô sở hữu xứ.

Lại nữa, theo thứ lớp, trở lại đến Sơ thiền. Ở địa này khéo tu tập rồi, lại khởi chánh thọ Sơ thiền hữu lậu, xuất Sơ thiền nhập vào đệ Tam thiền hữu lậu, xuất đệ Tam thiền nhập vào Không xứ, xuất Không xứ nhập Vô sở hữu xứ. Vượt qua ngược lại, cũng như thế. Địa này khéo tu tập rồi, sau đó khởi chánh thọ vô lậu vượt qua. Đó gọi là phương tiện siêu việt. Sau đó, có thể Sơ thiền hữu lậu vượt theo thứ lớp, nhập chánh thọ vô lậu đệ Tam thiền. Đệ Tam thiền vô lậu, theo thứ lớp Không xứ hữu lậu. Không xứ hữu lậu lần lượt đến Vô sở hữu xứ vô lậu, vượt nghịch cũng như vậy, đó gọi là siêu việt chánh thọ thành tựu. Vì cách xa, nên không khởi chánh thọ thứ tư. Ba phương bất thời giải thoát có thể khởi, chẳng phải phương nào khác. Vì sao? Vì đã lìa phiền não, vì uy lực của Tam-muội tự tại, như ở trước đã nói. Và không nhớ nghĩ tư duy về duyên khởi cũng vậy: Nghĩa là nếu không cấu uế, mà dứt cảnh giới, thì nhân kia không nhớ nghĩ tư duy. (cảnh giới có xen hở gọi là đoạn, hoặc có tâm nhiễm, mà duyên cảnh giới đoạn nên nêu ra không nhiễm để phân biệt nhân riêng. Không nhớ nghĩ tư duy, tự nhiên có thể duyên vượt lên đến Tam thiền), cũng đến đệ Tam thiền, nghĩa là Sơ thiền duyên cõi Dục, lần lượt duyên địa trên, Sơ thiền, Nhị thiền và chánh thọ (ở đây làm rõ cảnh giới siêu việt, lời văn, chỉ có lần lượt sắp trước sau, vượt qua trong tam-muội như trên, nên đơn cử cái bắt đầu để làm sáng tỏ cho cái sau cùng), duyên Sơ thiền, lần lượt duyên xuống cõi Dục. Lần lượt duyên lên đệ nhị, đệ Tam thiền. Sơ thiền duyên Nhị thiền, lần lượt duyên xuống cõi Dục và Sơ thiền. Và duyên lên đệ tam,

Tứ thiền như thế, tất cả địa đều nên biết. Vô Sắc không duyên địa dưới, như trước đã nói. Dù khổ pháp trí theo trình tự, sinh khổ tỷ nhẫn cho đến duyên đệ nhất hữu, vì ở đây không dứt cảnh giới. (vì nối tiếp nhau không dứt, nên dù xa, mà chẳng phải vượt qua). Tịnh, bội xả lần lượt, duyên tâm tự địa mà khởi, hoặc duyên địa trên, chỉ vì địa đó nhiễm ô.

Hỏi: Lời Phật nói, nên nói là thiện hay là vô ký?

Đáp:

Lời Phật thiện, vô ký
Như sơ tâm kia chuyển
Rốt ráo cũng như vậy
Vô ký hoặc thanh tịnh.

Lời Phật thiện, vô ký: Nghĩa là điều phục chỗ, phương tiện mà nói là thiện. Như Phật nói: Hết thảy hành vô thường, tất cả pháp vô ngã. Niết-bàn diệt hẳn. So sánh như vậy. Nếu Phật không vận dụng phương tiện, thì gọi là vô ký. Như Phật hỏi: A-nan vì sao cất tiếng lớn trong vườn, so sánh như vậy, như sơ tâm kia chuyển biến rốt ráo cũng giống như vậy. Vô ký hoặc thanh tịnh, nghĩa là Đức Thế Tôn dùng tâm thiện phát ra lời nói, tức là dùng tâm thiện rốt ráo, tâm vô ký phát ra lời nói. Hoặc tâm vô ký rốt ráo, hoặc tâm thiện rốt ráo. Không có tâm thiện phát ra lời nói, tâm vô ký rốt ráo, vì lúc nói, càng tăng thêm không giảm.

Hỏi: Thế nào là Thanh văn?

Đáp:

Thanh văn thì bất định
Rốt ráo cùng với chuyển
Lúc nói, không lui, giảm
Chỉ có Phật Thế Tôn.

Thanh văn thì bất định, rốt ráo cùng với chuyển: Nghĩa là Thanh văn dùng tâm thiện phát ra lời nói, hoặc tâm thiện rốt ráo, hoặc tâm vô ký rốt ráo. Tâm vô ký phát ra lời nói, hoặc tâm thiện rốt ráo, hoặc tâm vô ký rốt ráo.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn dùng tâm thiện phát ra lời nói, là tâm thiện rốt ráo? Tâm thiện của Thanh văn phát ra lời nói là tâm vô ký rốt ráo?

Đáp: Vì lúc nói, lời nói không lui thì chỉ có Phật, Thế tôn. Phật, Thế Tôn lúc nói không lùi, hàng Thanh văn như Tôn giả Xá-lợi-phất, v.v... lúc nói, vẫn còn lui sụt.

Hỏi: Có bao nhiêu nhập sở thiêu? Bao nhiêu nhập năng thiêu?

Đáp:

Trong các nhập có bốn
Bị đốt cũng hay đốt
Được xưng cũng hay xưng
Đoạn, năng đoạn, không lầm.

Trong các nhập có bốn bị đốt, cũng hay đốt: Nghĩa là sắc, hương, vị, xúc bị đốt cháy, cũng có khả năng đốt cháy, vì chúng không lìa nhau. Có

thuyết nói: Bốn nhập này có thể đốt, vì không lìa nhau. Lại có một nhập có khả năng đốt, đó là hỏa đại, vì được tướng đốt cháy.

Được xưng cũng có khả năng xưng: Nghĩa là trước đã nói bốn nhập được gọi, cũng có khả năng gọi, vì không lìa nhau. Có thuyết nói: Bốn nhập có khả năng gọi, một thứ được gọi, vì được tướng lặp lại. Đoạn, năng đoạn không lầm: Là nói bốn nhập của ở trước nói được đoạn, cũng có khả năng đoạn, nên trong đấy không có thuyết sai lầm.

Hỏi: Địa, địa giới khác nhau thế nào?

Đáp:

Địa là sắc, hình, xứ
Tướng cứng, nói địa giới
Còn hai cũng hai thứ
Phong tức phong, hoặc khác.

Địa là sắc, hình, xứ: Nghĩa là sắc, hình, xứ là địa. Nhãn thức thuộc sắc nhập nên biết được tên của thế gian này. Địa giới, là nói về tướng cứng: Nghĩa là tướng cứng là giới của địa. Xúc nhập gồm nhiếp cái biết của thân thức, đấy là đệ nhất nghĩa.

Còn hai cũng hai thứ, nghĩa là nước và lửa, cũng có hai thứ: Sắc, hình xứ là nước thì chất ẩm ướt, thấm nhuần, là giới thủy. Sắc, hình xứ là lửa, thì hơi nóng là giới của lửa. Các địa còn lại như trước nói.

Phong tức phong, hoặc khác, nghĩa là có thuyết cho phong tức là chủng loại gió, vì lấy phi thế gian để đặt tên. Có thuyết cho đây cũng là thế gian đặt tên, có bụi gió, không có bụi gió, so sánh như vậy.

Hỏi: Căn thiện có bao nhiêu loại?

Đáp:

Phần phước nói một thứ
Cùng với phần giải thoát
Phần quyết định ở phước
Thứ tư lìa các lậu.

Phần phước nói một thứ, nghĩa là nếu văn, tư, tuệ ở cõi Dục mà thù thắng tinh tiến, bố thí, trì giới, v.v... đều sinh, được vua Chuyển luân, Đế-thích và các báo thân có sức tự tại to lớn khác ở cõi Dục và các căn thiện thắng tiến của cõi Sắc, cõi Vô Sắc, có khả năng được quả hữu, đó gọi là phần phước.

Cùng với phần giải thoát, nghĩa là phần giải thoát cũng là văn, tư, thí, giới, v.v... đều sinh ở cõi Dục, trái với các hữu, hướng về giải thoát, gieo trồng các căn thiện này, nghĩa là khoảng giữa dù dứt căn thiện, vẫn gọi là

nghịch lưu. Vì sao? Vì chắc chắn được Niết-bàn. Cho nên có thuyết nói như vầy: "Thà làm Điều-đạt, chứ không làm ngoại đạo Uất-đầu-lam-tử. Điều-đạt dù gây ra ba tội nghịch, cắt đứt các căn thiện, diệt chủng tử thiện, đọa địa ngục Vô gián (A-tỳ-chí: A là Vô, tỳ-chí là Trạch. Gián là hạt giống, vì nhân không có hạt giống thiện, nên quả gọi là không có hạt giống. Hai nghĩa khác như cũ).

Tội ở địa ngục hết, sống lâu vạn tuổi trong cõi người, được quả Bích-chi-Phật, được các căn bén nhạy, hơn Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... Uất-đầu-lam-tử, dù lìa tám địa, sinh lên đệ nhất hữu, khi báo hết, qua đời, ở cõi đó sẽ sinh làm chồn bay có cánh trong rừng pháp, để tàn hại hết thảy chúng sinh sống dưới nước và trên đất liền, khi chết đọa vào địa ngục Vô gián.

Đức Thế Tôn không thọ ký cho giải thoát thời và giải thoát chủng cho những người có tướng xứ ngồi nghe pháp như vậy. Nếu lúc nghe pháp, khóc lóc buồn bã, rơi lệ, rùng mình, thì mới nhận thấy lỗi lầm của sinh tử và lợi ích cao quý của Niết-bàn kính tin chánh pháp và người nói pháp. Về phần phước quyết định, nghĩa là quán sát các căn thiện như noãn, v.v... của chân đế, có quyết định đối với đế, có đầy đủ đối với đế, vì thuận theo hướng về Thánh đạo, nên gọi là phần quyết định, như đã nói trong phẩm Hiền Thánh.

Đệ Thứ tư lìa các lậu. Căn thiện vô lậu là học, vô học, mà ở trước đã nói.

Hỏi: Đối với đường ác, được chẳng phải thường diệt, là thế nào?

Đáp:

Nên biết bố thí thảy,
Chuyển được các đường ác
Nhất định cùng với nhẫn
Thí thảy đồng hoặc khác.

Nên biết bố thí thảy chuyển được các đường ác: Nghĩa là nếu có bố thí, thì không đọa đường ác, hoặc nếu có giới, văn, hoặc tư duy, Noãn, hoặc Đảnh, hoặc nếu thấy lỗi sinh tử và lợi ích cao quý của Niết-bàn, trái sinh tử, hướng về Niết-bàn, mà thực hành bố thí. Bố thí như vậy, chuyển được các đường ác. Căn thiện khác cũng như vậy. Bố thí chuyển được các đường ác, mà không phải Đảnh. Nếu cho rằng không như vậy thì không đúng. Vì sao? Vì trái với sinh tử, hoặc có căn thiện chưa được quyết định, mà có thể chán ghét tột độ sinh tử, thì không phải là người được căn thiện quyết định.

Lại nữa, sự bố thí rất trái với nghiệp phiền não của đường ác, chẳng phải Đảnh, cho nên không có lỗi.

Hỏi: Nếu các căn thiện không nhất định lìa đường ác, thì cái gì là nhất định?

Đáp: Nhất định đi chung với nhẫn, xả ngay đường ác, chắc chắn là ở nhẫn. Nhẫn trái với tất cả nghiệp phiền não của đường ác. Bỏ nhẫn: Là nghiệp phiền não của đường ác còn không khởi hiện, huống chi là không bỏ.

Thí thảy đồng hoặc khác: Là từ bố thí cho đến Đảnh, có khi lìa đường ác, có khi không lìa, vì không phải tất cả bố thí đều có trái với nghiệp phiền não của đường ác. Căn thiện khác cũng như vậy.

Đã nói về nhân duyên chuyển đường ác, nay sẽ nói: Về ý thức không chung (ý thức có sáu việc không chung với năm thức).

Khi lìa dục và lùi
Thọ sinh cũng chết đi.
Đoạn thiện, và nối tiếp
Nên biết là ý thức.

Sáu việc này là nói trụ ý thức, vì tư duy, vì duyên khắp. Dù Đức Thế Tôn nói là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thân xúc chạm mà thối lui, nhưng đó cũng do ý thức hiện ở trước lôi kéo, nên lui sụt.

Hỏi: Trụ ở thọ nào mà qua đời và thọ sinh?

Đáp:

Là tất cả chúng sinh
Đều trụ ở xả thọ
Qua đời và thọ sinh
Vì lẽ không nhanh chóng.

Là tất cả chúng sinh đều trụ ở xả thọ, qua đời và thọ sinh. Nghĩa là hết thảy chúng sinh đều trụ ở thọ không khổ, không vui, qua đời và thọ sinh.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì không nhanh chóng. Phần sống, phần chết trong tất cả phần, không sáng suốt, không giác ngộ. Vì thọ không khổ, không vui trong các thọ, không nhanh chóng, không sáng suốt, cho nên, tất cả chúng sinh, đều trụ ở thọ không khổ, không vui, qua đời và thọ sinh.

Hỏi: Nếu vậy thì thọ không khổ, không vui, lẽ ra không phải là Thánh đạo vô lậu nhanh chóng?

Đáp: Chẳng phải thọ không khổ, không vui, không có sức của Thánh đạo vô lậu mà có thể khiến cho lanh lợi. Như nước có pha chất cay thì cay,

có pha chất đắng thì đắng; Ngọt, chua, mặn, lạt cũng giống như vậy.

-oOo-

LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

QUYỂN 10

Phẩm 10: TRẠCH (Phần đầu)

Dù đã nói nhiều pháp
Quyết định các nghĩa tạp
Ở vô lượng xứ kia
Cần chọn phần cốt yếu.
Mâu-ni nói thấy đạo

Nhanh chóng gọi pháp luân Hoặc nói tám chi Học Chuyển đến trong tâm người.

Mâu-ni nói thấy đạo, vì nhanh chóng nên gọi pháp luân: Nghĩa là vì diệt hai thứ si, nên gọi là Mâu-ni. Vì vắng lặng đầy đủ, nên gọi là Mâu-ni. Nói là hiển bày. Vì sự nhận thấy kia tăng thêm nên nói là thấy đạo. Vì tuệ tăng, vì cầu đạt cảnh giới, vì đến phi phẩm nên nói là Đạo. Nhanh chóng, là sự tinh tiến nhanh chóng. Kiến đạo là đạo nhanh chóng, không khởi định. Một phẩm đạo dứt trừ tức khắc chín phẩm kiết. Vì là pháp, nên gọi là Pháp, vì lìa chúng sinh, bỏ chỗ này đến nơi khác, nên nói là luân, nghĩa là bỏ khổ, đến tập, cho đến bỏ diệt đến đạo.

Vì giống như bánh xe, nên gọi là Luân. Như bánh xe, xoay từ dưới lên, hay từ trên xuống. Bánh xe kiến đạo cũng như thế. Nhẫn ở dưới, chuyển đến trí ở trên, rồi lại chuyển đến nhẫn. Lại nữa, vì có nghĩa lên xuống, nên gọi là Luân, như xoay chuyển từ dưới lên, từ trên xuống kiến đạo luân này. Duyên với cõi Dục rồi, duyên lên đệ nhất hữu. Duyên đệ nhất hữu rồi, duyên xuống cõi Dục.

Lại nữa, vì hàng phục đế nên nói là Luân, như luân của Thánh vương. Hoặc nói tám chi của Hữu học, chuyển đến nơi tâm người: Nghĩa là Tôn giả Cù-sa nói tám chi học, được chuyển đến tâm người, gọi là chuyển pháp luân. Cho nên nói: Như lai chuyển pháp luân nơi trụ xứ của vị tiên thuộc thành Ba-la-nại. Chính vì nghĩa này, nên Đức Như lai khác Bích-chi-Phật, Thanh văn là tự lực chuyển pháp luân. Mặc dù Câu-lân v.v... tự chuyển pháp luân, tự tu đạo, không phải ai khác, nhưng do nhân duyên khai ngộ,

nên nói Thế Tôn chuyển pháp luân. Dù khổ pháp nhẫn khởi, rồi chuyển, nhưng chỉ khi đạo tỷ trí khởi mới gọi là chuyển. Vì chỗ đó đủ năm nhân duyên, gọi là bỏ đạo đã từng có, được đạo chưa từng có. Kiết hết thì được nhất vị, liền được tám trí, cùng lúc tu mười sáu hành. Năm vị như Câu-lân, v.v... và tám mươi bốn ngàn vị trời thấy đế. Vì thấy đế trước tiên là Câu-lân v.v... làm nhân duyên. Đức Thế Tôn và Câu-lân khởi tâm thế tục, thần đất biết được, đại lực Tôn Thiên nghe được, hớn hở vui mừng, vì vốn thường bảo vệ, địa thần ở gần lớn tiếng xướng to, thần đất ở cách xa lần lượt tuyên cáo, chứ không phải tự lực họ thấy biết, là vì tâm thường thắng, không phải là cảnh giới của tâm yếu kém. Như vậy trong khoảnh khắc, thiên thần trong hư không lần lượt xướng tiếng, cho đến Phạm thiên, không đến địa trên, vì địa của họ không có nhĩ thức.

Có thuyết nói: Do tiếng Phạn có tên là tiếng của trời A-ca-nị-trá, nên dù mỗi niệm diệt mà vẫn nối tiếp nhau khởi, nên nói là tiếng thấu đến Phạm thiên. Vua Chuyển Luân ra đời, dùng mười nghiệp đạo thiện giáo hóa, dẫn dắt chúng sinh. Do mười nghiệp đạo thiện mà thọ báo cõi Dục. Thế nên, tiếng của vua Chuyển Luân ra đời, tiếng thấu đến trời Tha Hóa Tự Tại. Vì chưa lìa dục, nên không sinh địa lìa dục.

Vì Phạm thiên khuyến thỉnh Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, nên âm thanh thấu đến Phạm thiên. Vì trời Tịnh Cư khuyến phát thành đạo vô thượng nên âm thanh vang dội đến trời Tịnh Cư. Vì thành tựu nghiệp tiếng gọi, nên âm thanh có giới hạn.

Hỏi: Thế nào là Phạm luân?

Đáp:

Phật nói đạo đầy đủ
Rộng lớn gọi Phạm luân
Giới hạn đủ các căn,
Đối trị phi phạm hạnh.

Tất cả tám Thánh đạo, vì cùng nương dựa vào sự rộng lớn nên gọi là Phạm luân. Vì chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng kia không hư hoại, nên gọi là tề (giới hạn ngang bằng). Vì chánh kiến, chánh tư duy, chánh phương tiện đều dựa vào giới mà lập và duyên rộng, nên gọi là bức (căm xe). Vì chánh niệm, chánh định gồm nhiếp những căm xe chánh kiến, chánh tư duy, chánh phương tiện, nên gọi là võng (vành bánh xe). Phiền não gọi là phi phạm, vì là quả không đáng ưa. Đạo là đối trị phiền não phi phạm, nên gọi là Phạm luân. Đã nói Phạm luân. Tám chi Hiền Thánh thành tựu giới hạn (bổn âm: Ưu-ba-bà-tố, sẽ giải thích sau đây), nay sẽ nói.

Gọi Ưu-ba-bà-tố
Lúc thọ hai thuyết khác
Đầy đủ một ngày đêm
Lìa các việc tô điểm.

Ưu-ba là gần, Bà-tố là ở. Vì suốt đời ở gần Tam bà-la nên nói là ở gần. Tam là bình đẳng. Bà la là giữ gìn, nghĩa là bình đẳng gìn giữ tất cả chúng sinh (trong tất cả Kinh luận nói luật nghi, đều nghĩa là gìn giữ). Thế nên nói là tùy tất cả chúng sinh, trụ tâm từ, được luật nghi. Nếu người kia nghĩ rằng: Thọ ở đây, không thọ ở nơi khác thì không được luật nghi, vì tâm bất tịnh nên thọ riêng, không được luật nghi, vì luật nghi lìa sự thêm bớt.

Thọ: Nghĩa là nhận lấy, vì làm chẳng phải phát tâm mà được. Thời gian: Là nói lúc tướng sáng xuất hiện mới thọ. Người khác, là thọ từ người khác. Là từ chúng sinh, không từ số phi chúng sinh. Vì không nói năng, không phải trẻ thơ, không phải ngủ, không phải si mê, không phải điên cuồng chẳng hiểu trai pháp. Vì đó và đây hòa hợp, nên được thọ. Nếu bị phạm giới và phiền não khởi, người có thể nhận thấy lỗi, thọ nhận từ người đó. Cả hai đều nói: Nghĩa là người truyền trao và người thọ, cả hai đều nói để truyền trao. Trước nói thọ: Nghĩa là tùy theo đó mà nói. Nếu người truyền trao không nói, thì không thành sự truyền trao. Sự truyền trao không thành thì việc thọ cũng không thành. Nếu người thọ không nói thì không thành thọ. Vì không có thọ mà nói, chứ chẳng phải không nói mà sinh tác nghiệp. Tác nghiệp không sinh thì vô tác cũng bất sinh, vô tác bất sinh thì không có công đức của thức khác cùng sinh. Nếu hai người cùng nói cùng lúc thì cũng không thành thọ, vì không có sự truyền trao.

Đầy đủ, nghĩa là tám chi của bậc Thánh thành tựu. Như Tỳ-kheo không đầy đủ luật nghi thì chẳng phải Tỳ-kheo. Tám chi của bậc Thánh cũng như vậy. Một ngày, một đêm: Nghĩa là trai của phần thứ ba không có, nên có hai phần trai, như trước đã nói. Luật nghi trai thì được phần trai một ngày đêm, luật nghi khác được phần trai suốt đời.

Lìa các việc tô điểm: Nghĩa là các thứ chuỗi ngọc, y phục là đồ trang sức đeo mang đều nên bỏ. Dù có trụ oai nghi thọ, thì sự trang sức vẫn bổ túc cho tánh buông lung. Điều phục an trụ thì không buông lung. Buông lung là điều không nên làm mà làm. Phá bỏ oai nghi là không cung kính nên không được luật nghi. Lúc là huỳnh môn, thì huỳnh môn không có hình, hai hình đều không sinh luật nghi. Vì sao? Vì tham dục thêm lớn, vì không hổ thẹn tăng. Ở cõi người, họ dựa vào ba phương, không có phương

nào khác. Vì tri giác rất nhanh chóng. Về năm thứ nhân duyên thanh tịnh, trong phẩm Tu-đa-la đã nói.

Hỏi: Có bao nhiêu trai là chi-thi-la? Bao nhiêu trai là chi không buông lung? Bao nhiêu trai là chi trì?

Đáp:

Chi-thi-la có bốn
Chi không buông thả, hai
Ngoài ra là chi trì
Chi trai, tuệ đã nói.

Bốn trai trước là Chi-thi-la (Thi la, Hán dịch là tu tập, cũng dịch là chánh thuận tam-muội, cũng dịch là sự mát mẻ, ngủ yên), xả tánh tội là giới tự tánh. Không uống rượu là chi không buông lung, uống rượu là đầy dẫy buông lung, vì làm cho tâm quên mất nhớ nghĩ, cho nên, xa rời những điều ấy, gọi là chi không buông lung.

Trai khác là chi trì, nghĩa là thuận theo giới. Có thuyết nói: Tránh ăn phi thời là trai, ngoài ra là chi trai. Có thuyết cho: Tránh ăn phi thời là trai, cũng là chi trai, ngoài ra là chi. Như đẳng kiến là đạo, cũng là chi đạo. Trạch pháp giác là giác, cũng là chi giác. Trai kia cũng như vậy. Nếu nói chín chi thì không đúng. Vì sao? Vì lìa bỏ giường rộng, dùng hoa thơm thoa mình được xếp vào một chi, vì đều là trang sức. Như sự già, chết được xếp vào một chi hữu, vì đều chín muồi. Những chi kia cũng vậy.

Hỏi: Lìa bỏ nói lưỡi hai chiều, nói hung dữ, nói thêu dệt v.v... là lìa tánh tội, vì sao lại không xếp vào luật nghi trai?

Đáp: Vì khó giữ, vì thường tập gần. Đối với người xuất gia còn khó giữ, vì phải thường hành, huống chi người tại gia. Như vậy, điều khó giữ là các oai nghi, trừ không uống rượu. Những già tội khác cũng không xếp vào chi trai.

Hỏi: Đã biết là bị giới ác đốt nóng, luật nghi trai là phấn thoa chiên đàn, nay sẽ nói. Vì sao đã có đầy đủ luật nghi Ưu-bà-tắc rồi, sao còn hoài nghi là cùng nhận thấy lỗi lầm đó. Nếu có người không đầy đủ luật nghi Ưu-bà-tắc, làm sao có đầy đủ luật nghi Sa-di để làm Sa-di? Nếu không, vì sao lại nói Ưu-bà-tắc một hành, v.v..., đâu được nói là chẳng phải không có nghĩa?

Đáp:

Ưu-bà-tắc đủ luật
Luật nghi Tỳ-kheo một
Do nghĩa thiếu bớt đó

Mâu-ni nói ít phần.

Ưu-bà-tắc đủ luật, luật nghi Tỳ-kheo một: Nghĩa là có một thuyết nói đầy đủ luật nghi Ưu-bà-tắc, gọi là Ưu-bà-tắc, chẳng phải là không đầy đủ Sa-di. Tỳ-kheo cũng như vậy. Như nói: Con tên là... quy y Phật lưỡng túc tôn, quy y Pháp lìa dục tôn, quy y Tăng chư chúng tôn. Con là Ưu-bà-tắc xin chứng biết trọn đời xả bỏ chúng sinh, thọ sự quy y với tâm thanh tịnh. Tác bạch như vậy đến ba lần là được luật nghi Ưu-bà- tắc.

Hỏi: Việc trên đây chỉ mới là miệng tác bạch lìa sát sinh, làm sao được những luật nghi khác?

Đáp: Nên biết: Vì trừ, v.v... nên nói con suốt đời xả bỏ chúng sinh, v.v… như giới v.v..., lấy trừ, v.v... nên gọi là giới được giữ lấy. Các pháp khác cũng như vậy.

Lại nữa, xả bỏ chúng sinh, nghĩa là xả bỏ chúng sinh của chính mình. Từ nay cho đến xả bỏ chúng sinh của chính mình để được thọ giới, không bao giờ hủy phạm. Lại nữa, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa có được từ nơi chúng sinh, người ấy nói rằng: "Kể từ hôm nay, con không giết hại chúng sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối. Để vâng giữ giới đó, nên không uống rượu. Thế nên, trong tất cả già tội, việc lìa bỏ uống rượu được kiến lập cho luật nghi Ưu-bà-tắc, vì uống rượu là đủ tất cả sự buông luông, khiến mình rất khó gìn giữ những giới điều mình đã thọ. Thế nên, lìa sự dâm người khác, nói hai lưỡi, nói lời hung dữ, nói lời thêu dệt, cũng nói như vầy. Vì bậc Thánh kia đã từng trải nơi sự sống, vẫn còn cố biết mà không nói trái phạm. Nếu nói, người Ưu-bà-tắc không có một hành, v.v... là không đúng. Thật ra, Ưu- bà-tắc có một hành, v.v... được kiến lập. Việc này thế nào? Vì nghĩa kém bớt, nên đấng Mâu-ni chỉ nói phần ít. Đức Phật lấy người giữ giới thiếu để nói là phần ít của Ưu-bà-tắc. Ưu-bà-tắc giữ giới đủ kia, nếu giữ một, không giữ bốn, gọi là một hành. Nếu giữ hai, không giữ ba, gọi là phần ít. Các giới kia cũng như vậy. Nghĩa là giới đã được, phải khiến cho biết, vì người khác nói chẳng phải không có nghĩa.

Hỏi: Nếu người nào thọ luật nghi Ưu-bà-tắc hồi chín, mười tuổi. Về sau cưới vợ, lấy người cô gái kia làm vợ, trước đó đã quan hệ với cô gái ấy thì có được luật nghi không? Nếu được thì sao không phạm giới? Nếu không được thì đâu được chẳng phải thiểu phần?

Đáp: Được chi, chứ không phải được đầy đủ. Không có chỗ dâm người khác, không được lìa chỗ phi phạm hạnh, là ngoài phận sự làm vợ rồi, không khởi sự dâm với người khác. Với những gì không nên làm, cũng như vậy.

Ưu-bà-tắc lãnh thọ giới Sa-di, không xả giới Ưu-bà-tắc vẫn được giới Sa-di, vì lấy hơn mà gọi tên, nên không gọi là Ưu-bà-tắc. Nếu lúc Sa-di kia hoàn tục, nói tôi làm Ưu-bà-tắc thì nên chứng biết là Ưu-bà- tắc. Khác đi thì nên lãnh thọ lại luật nghi Ưu-bà-tắc. Tỳ-kheo cũng như vậy.

Đã nói luật nghi, nay sẽ nói: So sánh các loại luật nghi

Hạnh mầu hai luật nghi
Nghiệp đạo, sơ giải thoát
Nói nghiệp và thi-la
Bảy thứ tên như vậy.

Khi tạo ra luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, tức sát-na đó là vô tác, gồm có bảy tên là luật nghi, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa, hành diệu, nghiệp đạo, Ba-la-đề-mộc-xoa, nghiệp và thi la.

Tất cả bảy thứ trên đều đối trị với giới ác, nên gọi là luật nghi. Vì đề phòng, ngăn giữ giới ác nhập vào bảy chúng, nên gọi là luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa. Đối với tất cả chúng sinh nhờ nó mà được. Làm các điều thiện nên gọi là hành diệu. Vì được quả đáng yêu, vì là đạo tư duy, mong muốn, nên gọi là nghiệp đạo. Vì tư duy, mong muốn đều được chuyển từ đạo kia, vì thuận theo giải thoát của nghiệp đạo ban đầu nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Vì thuận theo tâm từ của tất cả chúng sinh mà được.

Nghiệp: Là làm, vì đã khởi làm. Nói là tư thì không đúng, nói là Ba-la-đề-mộc-xoa, do đó nên biết cũng không phải là ba nghiệp đạo sau. Thi-la là nghĩa thuần thiện, vì khởi tâm không hại. Về sau, các vô tác có năm thứ tên, trừ Ba-la-đề-mộc-xoa và nghiệp đạo. Trừ Ba-la-đề- mộc-xoa là vì chẳng phải trước, trừ nghiệp đạo là vì khởi ở nghiệp, sau khi lo nghĩ, mong muốn.

Đã nói so sánh tên loại của luật nghi, nay sẽ nói "Về thân, nghiệp của thân, thành tựu, không thành tựu".

Thành tựu thân, phi nghiệp
Hoặc nói nghiệp phi thân
Có khi thân, nghiệp chung
Có khi cũng không chung.

Thành tựu thân phi nghiệp: Nghĩa là có người phàm phu ở trong thai, noãn dưới dạng ca-la-la, màng bao bọc khối thịt bào thai dày chắc. Thân trước tạo rồi, việc xả thân này chưa thành tựu, nên chưa khởi sự làm, không có tâm thô cạn hiện ở trước. Tâm thô cạn hiện ở trước thì có thể khởi thân nghiệp, nhưng tâm vi tế kia hiện ở trước. Như vậy, hướng trong hướng ngoài, việc trong, việc ngoài đều nên biết.

Lại nữa, vì khổ gây bức bách trong phần kia, nên không thể chuyển động, làm sao có thể khởi sự làm. Nếu sinh cõi Dục, không trụ luật nghi, cũng chẳng phải ở chỗ không luật nghi, thì thân không có làm. Hoặc ngủ, hoặc điên, hoặc say, không cầu, không có phương tiện xả, (đã nói trong phẩm Nghiệp). Hoặc nói nghiệp phi thân, nghĩa là bậc Thánh sinh cõi Vô Sắc, bậc Thánh đó thành tựu đạo cộng thân nghiệp, chứ chẳng phải thân, vì sắc kia không có phần.

Hoặc có thân nghiệp đều đủ: Nghĩa là bậc Thánh ở ca-la-la, khối thịt có màng bao bọc dày, chắc trong thai mẹ. Nếu sinh cõi Dục, ở luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa. Thiền vô lậu, trụ bất luật nghi, không trụ luật nghi, cũng chẳng phải thân không luật nghi mà hữu tác. Hữu tác thì không mất. Nếu sinh cõi Sắc thì các thân này là sắc ở chỗ chúng sinh. Về thân nghiệp, có thuyết cho là luật nghi, hoặc nói bất luật nghi, hoặc không xả tác, hoặc cũng không cùng nói, nghĩa là phàm phu ở cõi Vô Sắc chẳng phải thân, vì không có sắc, vì chẳng phải thân nghiệp phàm phu. Khẩu nghiệp cũng như vậy.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói bốn thứ nhập thai. Bốn thứ này thế nào?

Đáp:

Là nhập bất chánh tri
Trụ thai và xuất thai
Cho đến nhập chánh tri
Trụ xuất cũng như vậy.

Chúng sinh ít phước kia, vào thai mẹ, từ tư tưởng điên đảo, chuyển sang sự hiểu biết điên đảo, đó là gió thổi, mưa rơi, lạnh buốt, cực kỳ tăm tối, nhiều thứ âm thanh nhiễu loạn, vào đám hoa, trong rừng hay trong hang cỏ, hang hoa, dưới cây, trong vách tường. Ở trong thai mẹ, cũng tưởng trái ngược và hiểu trái ngược, đối tượng thấy thì như trước đã nói. Lúc ra khỏi thai, cũng có tưởng và hiểu biết điên đảo, về những gì đã thấy như trước.

Chúng sinh có nhiều phước thì lúc vào thai được thấy. Nào là vườn, rừng, ao tắm, cung điện, nhà cửa, lầu gác, ngồi kiết già. Ngoài ra như trước đã nói. Đây gọi là sự nhập thai thứ nhất. Nhập thai thứ hai là tự biết mình nhập thai, không tưởng điên đảo, không biết điên đảo, khi trụ và ra khỏi thai thì điên đảo như trước đã nói.

Nhập thai thứ ba, nghĩa là tự biết ta đã vào thai như vậy, trụ trong thai như vậy, nhưng lúc ra khỏi thai thì điên đảo, như trước đã nói. Nhập thai thứ tư, nghĩa là tự biết ta đã nhập thai như vậy, lúc trụ thai, tự biết ta trụ trong thai như vậy, lúc xuất thai, cũng tự biết ta đã ra khỏi thai như vậy.

Hỏi: Các cách nhập thai này, là nói ở những người nào?

Đáp:

Người đầu, nghiệp bất tịnh
Cũng không mong cầu trí
Trong hai đều thành một
Thứ tư đều thành tựu.

Người thứ nhất kia, là người có nghiệp thiện không thanh tịnh, cũng không mong cầu trí. Người thứ hai có nghiệp thanh tịnh mà không cầu trí. Người thứ ba cầu trí mà nghiệp không thanh tịnh. Người thứ tư đều được thành tựu.

Nói người thứ nhất nhập thai là tất cả chúng sinh. Người thứ hai là vua Chuyển luân, người thứ ba là Bích-chi-Phật. Người thứ tư là Đức Như lai.

Hỏi: Tu-đà-hoàn có nghiệp bất thiện hay chăng? Nếu có tại sao không đọa đường ác? Nếu không thì lẽ ra lìa dục, mà người lìa dục thì không có vực đó?

Đáp:

Người trụ ở Sơ quả
Một thứ nghiệp: Bất tịnh
Mà không đọa đường ác
Vì nghiệp không đầy đủ.

Tu-đà-hoàn chỉ có tu đạo dứt nghiệp bất tịnh, không có kiến đạo dứt nghiệp, vì sự không có đối nên không đọa đường ác. Ví như chiếc xe có đủ hai bánh mới có thể chuyển vận được, hai bánh bể thì không thể vận chuyển. Tu-đà-hoàn kia cũng như vậy. Ví dụ con chim, cũng thế. Người ngu đọa đường ác chứ chẳng phải người trí. Phàm phu đọa đường ác chứ không phải bậc Thánh. Kẻ phạm giới đọa đường ác chứ không phải người giữ giới. Kẻ có tâm địa độc ác đọa đường ác, chứ chẳng phải tâm thiện, như phẩm Tu-đa-la nói, nay sẽ nói về: Phẩm chọn lựa thức ăn.

Bốn cách ăn cõi Dục
Bốn đường sinh cũng vậy
Ba cách, hai cõi trên
Ăn vốc, kia không có.

Bốn cách ăn ở cõi Dục: Nghĩa là ở cõi Dục có bốn cách ăn. Bốn đường sinh cũng vậy. Trong năm đường với bốn loài sinh, cũng có bốn cách ăn: Nước đồng sôi, những viên sắt nóng trong địa ngục, tuy làm tăng thêm nỗi khổ hư hoại, nhưng vì đói khát, nên gọi là ăn. Và gió lạnh buốt chạm vào thân cũng gọi là ăn. Ba cách ăn ở hai cõi trên thì ăn vốc kia không

có ở cõi Sắc, cõi Vô Sắc, vì thân rất nhẹ nhàng, vì không có Sắc.

Hỏi: Trong các đường, mỗi đường có thêm những cách ăn nào?

Đáp:

Ở đường ngạ quỷ kia
Thêm cách ăn ý tư
Và loài sinh từ trứng
Ba Vô Sắc cũng vậy.

Thêm cách ăn bằng ý lo nghĩ của đường ngạ quỷ kia: Nghĩa là đường ngạ quỷ, ý tư thực tăng vì ý hoạt động tối đa. Và các loài sinh bằng trứng, nghĩa là loài đó cũng thêm cách ăn bằng ý tư thực, vì loài sinh bằng trứng thường nhớ nghĩ đến mẹ, nên không thối rữa. Ba Vô Sắc cũng vậy, nghĩa là trừ Phi tưởng Phi phi tưởng, ba Vô Sắc còn lại cũng thêm ý tư thực, vì hoạt động của ý là tối đa.

Thai sinh thêm ăn vốc
Là nói trong cõi người
Địa ngục thêm thức thực
Đệ nhất hữu cũng vậy.

Thai sinh thêm ăn vốc, là nói trong đường người, nghĩa là ở đường người sinh bằng thai thì thêm việc ăn vốc, nói thêm nhiều, vì ăn vốc là để gìn giữ thân. Địa ngục thì thêm thức thực.

Đệ nhất hữu cũng vậy: Nghĩa là địa ngục thêm thức thực, vì thức giữ gìn danh sắc. Phi tưởng Phi phi tưởng cũng thêm thức thực, vì thức giữ gìn danh.

Trời dục như cõi người
Cõi Sắc thêm xúc thực
Cùng với đường súc sinh
Thấp sinh cũng như vậy.

Các tầng trời cõi Dục như cõi người: Nghĩa là trời cõi Dục có thêm cách ăn vốc. Cõi Sắc thêm xúc thực: Nghĩa là các tầng trời cõi Sắc có thêm xúc thực, vì do tu thiền. Cùng với đường súc sinh, thấp sinh cũng như vậy: Nghĩa là trong đường súc sinh, thấp sinh có thêm xúc thực. Nghĩa giữ gìn là nghĩa ăn. Như giữ cho chiếc bình được đứng vững không bể. Như vậy, dùng thức ăn để giữ gìn thân, thân sẽ không hư hoại, dẫn dắt đến hữu, nên nói là ăn.

Hỏi: Nếu vậy hết thảy pháp hữu lậu đều là ăn, vì dẫn dứt đến hữu?

Đáp: Vì tăng thượng nên nói là sức, vì có thể lôi kéo đến hữu nên nói là ăn, vì có hai sự nên gọi là ăn: Trước là phương tiện dẫn dắt, dẫn dắt rồi

lại nuôi lớn.

Hỏi: Vì sao nói bốn cách ăn?

Đáp: Về việc này, không nên hỏi, vì tất cả khó khởi ra, chỉ tùy ở chất lượng mà có sự thích hợp nên nói là bốn. Như cách ăn vốc kia, vì nuôi lớn bốn đại của các căn, nên nói là ăn. Tiếp xúc mà nuôi lớn tâm, tâm pháp nên nói là ăn. Ý tư để nuôi lớn thân ở mai sau nên nói là ăn. thức nuôi lớn danh sắc nên nói là ăn, cho nên nói có bốn cách ăn.

Hỏi: Nếu người quy y Phật, Pháp, Tăng (Tam bảo, tiếng Phạm là Phú-hộ. Quy y nghĩa là hướng về, nên mới nói là quy hướng Phật, hay Phú hộ, Pháp, Tăng cũng như vậy) là quy hướng ở đâu? Mỗi Tam bảo đều có hai thứ. Phật có hai thứ thân: Sinh thân và Pháp thân. Pháp cũng có hai thứ: Pháp đệ nhất nghĩa Niết-bàn và tất cả pháp vô ngã. Tăng cũng có hai loại: Đệ nhất nghĩa tăng và đẳng tăng. Vậy quy y những ai?

Đáp:

Quy y Chư Phật kia
Pháp vô học sở đắc.
Pháp Niết-bàn, vô thượng
Pháp học vô học tăng.

Pháp vô học mà Chư Phật thành tựu, gọi là Phật. Quy nghĩa là trở về với pháp vô học mà Phật đã được, gọi là quy Phật. Không trở về với Phật, đã thành tựu các pháp hữu lậu vô tránh, v.v..., vì không giải thoát được tự tánh. Vì lý do này, nên biết là cũng trừ sinh thân.

Nếu nói: Đối với Như lai, khởi tâm ác, làm bị chân Phật thương chảy máu mà không mắc tội Vô gián là không đúng. Vì sao? Vì khởi tâm ác đối với Phật, nghĩa là đối với người đã được pháp vô học mà khởi tâm độc ác, gây thương tích nơi chân thì mắc phải tội Vô gián.

Lại nữa, làm hư hoại Phật, là làm hư hoại công đức vô học mà Phật đã được, làm hư hoại chỗ nương dựa. Chỗ nương dựa đã hư hoại thì người nương dựa cũng hư hoại. Như chiếc bình bể, thì sữa cũng chảy hết.

Quy y ái tận gọi là quy Pháp, vì là thiện, vì là thường. Phải biết

trừ các pháp khác, vì các pháp khác không phải thiện và thường. Quy y những người đã được pháp học, vô học, gọi là quy Tăng. Không quy Tăng đã thành tựu pháp phi học, phi vô học và sinh thân, vì là hữu lậu. Cũng chẳng phải đẳng tăng, vì có thể hư hoại.

Hỏi: Quy y lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Có thuyết nói: Tự tánh của khẩu nghiệp, vì lời nói là giả hợp.

Lại có thuyết nói: Cũng là tự tánh của nghiệp thân, miệng, là tự tánh của giới.

Hỏi: Quy y có nghĩa gì?

Đáp Nghĩa che chở là nghĩa của y. Nghĩa an ủi là nghĩa của y, do nhân duyên này nên nói là quy y. Thọ nhận môn luật nghi ấy, phẩm Tu- đa-la nói có bốn lời nói trong sạch không hư hoại, phẩm Trạch sẽ nói, nay sẽ nói tiếp.

Đạo Duyên giác, Bồ-tát Cùng với ba chân đế Nơi đó tin không cấu Pháp này tịnh bất hoại.

Bích-chi-Phật đã được ba căn và quyến thuộc. Tất cả đạo Bồ-tát đã tu hành và khổ, tập, diệt đế, duyên các pháp này, khởi niềm tin vô lậu, đó gọi là pháp duyên không hư hoại. Trong sạch, không hoại và duyên hư hoại, sẽ nói ở sau.

Giới thanh tịnh tùy sinh
Phật, tăng như nói quy
Việc này có hai thứ
Nói có bốn thứ danh.

Giới thanh tịnh tùy sinh, nghĩa là vô lậu tùy theo nghiệp thân, miệng sinh: Là giới mà bậc Hiền Thánh tôn trọng, đó gọi là giới trong sạch không hư hoại.

Phật, Tăng như nói quy: Nghĩa là Phật và Tăng, nên biết như nói quy y ở trước. Hiền Thánh kia duyên pháp Phật bằng đức tin vô lậu, là duyên sự trong sạch không hư hoại ở Phật, duyên pháp của tăng với niềm tin vô lậu là sự trong sạch không hư hoại ở tăng. Nếu duyên pháp vô lậu mà Phật đã được và pháp học mà Bồ-tát đã được đó gọi là sự thanh tịnh không hư hoại, đối với pháp duyên hư hoại.

Như vậy, duyên pháp của Phật, Bích-chi-Phật, pháp Thanh văn, cho đến tất cả pháp học, vô học, đó cũng gọi là sự trong sạch, không hư hoại, đối với pháp duyên hư hoại.

Hỏi: Trong sạch không hư hoại có bao nhiêu việc?

Đáp: Việc này có hai thứ, đó là tín và giới. Tín là tâm tịnh, giới là bốn đại tịnh. Nói có bốn thứ danh: Nghĩa là vì duyên sự kiến lập có bốn. Vì do tín duyên riêng có ba thứ. Biết tịnh: Nghĩa là hoặc biết, hoặc được, hoặc gìn giữ thanh tịnh.

Hỏi: Biết những gì?

Đáp: Bốn chân đế. Lại có thuyết cho là thanh tịnh không hư hoại, như

Trưởng giả Thủ-la. Lại nữa, vì mạnh mẽ nên không dứt. Có người nói là tịnh không hư hoại, như Trưởng giả Y. (Hai vị Trưởng giả này đều được sơ đạo, ma không thể phá hoại, không thể dứt trừ, đều dựa vào mình, tự nói là danh)

Hỏi: Thế nào là thứ lớp?

Đáp: Phật biết tịnh ở trước, phật là căn bản, cho nên nói.

Hỏi: Phật có khả năng gì?

Đáp: Giác pháp.

Hỏi: Ai gìn giữ pháp?

Đáp: Tăng.

Hỏi: Tăng kia làm sao được một vị?

Đáp: Thánh giới.

Lại nữa, người có khả năng nói là Phật. Nói những gì? Nói pháp.

Vì ai mà nói? Vì Tăng, Tăng trì pháp gì? Đó là giới.

Lại nữa, vị lương y là Phật, thuốc chữa bệnh là pháp, người khám bệnh là tăng, thuốc là giới Thánh, đó gọi là nói theo thứ lớp. Người kia, đối với khổ, tập đế và căn cơ phẩm hạ, có một nhân duyên đối với đạo đế, được trong sạch không hư hoại, đó là đức tin. (Ba căn đối với khổ, tập, đều sinh niềm tin, nhàm chán, đó là căn cơ phẩm hạ, đối với đạo chưa thể yêu thích, chỉ có niềm tin).

Người kia đối với diệt đế và căn phẩm trung thượng, đối với đạo đế có hai nhân duyên được trong sạch không hư hoại, là tín và ưa muốn. (Ba căn đối với diệt, đều ưa muốn căn trung thượng, đối với đạo mới có ưa muốn và tín).

Phẩm Tu-đa-la nói về quả Sa-môn, sẽ nói rộng trong phẩm Trạch, nay sẽ nói.

Cái gọi quả Sa-môn
Vô vi cũng hữu vi
Quả học hữu vi, ba
Quả vô học, thứ tư.

Hai quả Sa-môn: hữu vi và vô vi. Quả học hữu vi có ba, quả vô học hữu vi thứ tư. Tất cả vô vi đều là phi học, phi vô học.

Tám mươi chín bậc Thánh
Quả Sa-môn vô vi
Cũng nói ở hữu vi
Tất cả đạo Sa-môn.

Tám nhẫn của kiến đạo kia là tám trí của Sa-môn, là quả hữu vi của Sa-môn. Tám phiền não bị dứt là quả vô vi của Sa-môn. Tu đạo lìa dục của cõi Dục với chín đạo vô ngại là chín đạo giải thoát của Sa-môn, là quả hữu vi của Sa-môn. Dứt chín thứ phiền não là quả vô vi của Sa- môn. Như vậy, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng lìa dục, đều nên biết. Vì thị hiện rõ, nên Đức Thế Tôn nói bốn quả Sa-môn. Do chỗ này có đủ năm nhân duyên, đó là: Bỏ đạo đã từng được, được đạo chưa từng được, kiết đã hết, được một vị giải thoát, được ngay tám trí, cùng lúc tu mười sáu hành. Do chỗ này mà quyết định và quyết định rốt ráo. Nếu dứt là dứt những gì đã làm và những gì đã làm rốt ráo.

Hỏi: Có khi nào trong khoảng một niệm, một trí mà biết tất cả pháp hay không?

Đáp: Không. Vì sao?

Dù biết tất cả không
Mà chẳng biết tất cả
Trừ sự tương ưng chung
Tự tánh cũng như thế.

Nếu trí này sinh, biết được tất cả pháp không và vô ngã mà không biết tự tánh của mình, không tự ngoảnh lại, như đầu ngón tay không tự xúc chạm, trí này cũng như vậy. Vả lại, vì không có hai quyết định, không có một trí mà có hai quyết định: Tự biết, biết người, cũng không biết được cái chung của pháp tương ưng. Vì một hành, một duyên, nên tất cả pháp của phẩm tương ưng đều đồng hành, đồng duyên, không biết pháp cộng hữu vì một quả nên đồng quyết định chuyển biến. Văn tuệ, tư tuệ của trí này chứ chẳng phải tu tuệ. Vì sao? Vì tu tuệ là duyên phần đoạn, thế nên nói cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc không có văn, tư.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ đối trị?

Đáp:

Cái gọi dứt đối trị
Hoại trì và viễn phần
Bốn thứ này phải biết
Gọi là chủng đối trị.

Có bốn thứ đối trị: Đoạn đối trị, hoại đối trị, trì đối trị và viễn phần đối trị. Đoạn đối trị: Nghĩa là đạo vô ngại vì dứt phiền não mà được. Hoại đối trị, nghĩa là ở trong duyên tạo nên hành vượt hơn, đó là vô thường, khổ, không, phi ngã, v.v... so sánh như vậy. Trì đối trị, nghĩa là cùng đoạn phiền não mà được hợp, đó là đạo giải thoát và về sau, các đạo khác cũng cùng

với phiền não được dứt mà được hợp.

Viễn phần đối trị, nghĩa là đạo giải thoát đứng đầu. Khổ pháp nhẫn là thấy khổ dứt phiền não, dùng đoạn đối trị và hoại đối trị. Đối với các pháp ràng buộc cõi Dục kia thì dùng hoại đối trị. Nếu ái cõi Dục hết, vượt lên ly sinh khổ pháp nhẫn, cũng là viễn phần đối trị. Như vậy, tất cả đạo đều theo nghĩa đó, đều nên biết.

Phẩm tu-Đa-la nói về nghĩa tu, phẩm Trạch nên nói rộng nay sẽ nói.

Sơ đắc hoặc tập hành
Đối trị và đoạn tu
Nên biết bốn thứ này
Được gọi là nghĩa tu.

Bốn thứ tu: Tu đắc, tu tập hành, tu đối trị và tu đoạn. Tu đắc: Nghĩa là mới được cái chưa từng được là công đức hữu vi. Tu tập, nghĩa là đã từng được pháp thiện nối tiếp nhau sinh. Tu đối trị, nghĩa là tu bốn thứ đối trị, gọi là tu đối trị, là đạo đối lại pháp hữu lậu. Tu đoạn nghĩa là dứt trừ phiền não. Tu đạo là nghĩa dứt phiền não (Trên lấy chủ thể trị và đoạn làm tu, nay lấy đối tượng của trị và đoạn làm tu, dựa vào bốn trường hợp sau, có thể biết).

Có pháp tu đắc và tu tập, chẳng phải tu đối trị, tu đoạn, nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Pháp hữu vi vô lậu.

2. Pháp bất thiện, pháp hữu vi vô ký.

3. Pháp hữu lậu thiện.

4. Pháp vô vi.

Có thuyết nói: Có sáu thứ tu: Gồm bốn thứ tu trước và tu phân biệt, tu phòng hộ. Tu phân biệt, nghĩa là như Tu-đa-la nói: Tóc, lông, móng tay, răng trên thân này, so sánh như vậy. Tu phòng hộ, nghĩa là căn như đã nói khéo điều phục sáu căn, nói rộng như vậy. Như thế là tốt đẹp, nghĩa là bốn thứ tu như trước đã nói. Hai thứ tu sau này thuộc về tu đoạn, tu đối trị.

Đã nói về tướng quyết định của kiến đạo, tu đạo, nay sẽ nói: Về nghĩa khác nhau của kiến đạo, tu đạo.

Phiền não chung ba cõi
Nếu hai thứ kiến đoạn
Hai đoạn, thì ba thứ
Cùng kiến đạo hành trước.

Nếu phiền não thuộc ba cõi, kiến đạo đoạn thì đó là năm kiến và nghi.

Kiến đạo này và hai thứ hành trước. (Năm kiến, nghi, nhất định trước khi kiến đạo dứt trừ ái mạn, vô minh và kiến đều diệt. Thật ra, dù chưa hết phiền não, mà về danh đều thâu nhiếp, gọi chung là kiến, gọi là hành trước, tu đạo sau, vì không đợi kiến đạo, nên tu đạo hành trước). Hoặc thấy đạo dứt, hoặc thấy đạo, tu đạo dứt. Thế nào là thấy đạo dứt? Nếu kiết trói buộc Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, thì tùy tín hành, tùy pháp hành, vô gián nhẫn đoạn. Sự trói buộc Phi tưởng Phi phi tưởng xứ kia, đó là vì định của địa mà nói. Tùy tín hành, tùy pháp hành, đó là lấy định của người mà nói. Vô gián nhẫn, đó là lấy định đối trị mà nói. Dứt là lấy định về những việc đã làm mà nói.

Thế nào là thấy đạo, tu đạo dứt? Đó là nói tám địa. Nếu phàm phu dứt thì tu đạo dứt. Nếu bậc Thánh dứt là thấy đạo dứt.

Hỏi: Vì sao phàm phu dứt phiền não, mà hoàn toàn là tu đạo?

Đáp: Vì phàm phu không thể xả bỏ phiền não từng phần kiến đoạn như vậy, tu đoạn như vậy. Lại nữa, phàm phu không có khả năng dùng một thứ đạo dứt trừ chín thứ. Nếu năm thứ của ba cõi là ái, mạn, vô minh, thì kiến đạo này đã hành ba thứ trước, hoặc thấy đạo dứt, hoặc tu đạo dứt, hoặc kiến đạo, tu đạo dứt. Nếu phiền não đó không trói buộc Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thì Tùy tín hành, Tùy pháp hành, vô gián nhẫn dứt là thấy đạo dứt trừ. Nếu học kiến tích của chín địa, do tu đạo dứt thì tu đạo dứt. Trong tám địa còn lại, nếu phàm phu dứt là tu đạo dứt, nếu bậc Thánh dứt là thấy đạo dứt.

Nếu phiền não cõi Dục
Năm hành có hai thứ
Vì giới hạn tu kia
Nói tu đạo hành trước.

Nếu năm hành cõi Dục, tu đạo kia trước hành hai thứ, hoặc tu đạo dứt, hoặc dứt đạo, tu đạo dứt. Nếu học kiến tích tu đạo dứt thì tu đạo dứt. Ngoài ra, nếu phàm phu dứt, thì là tu đạo dứt, nếu bậc Thánh dứt, thì là thấy đạo dứt, vì bậc Thánh kia quyết định dứt trước, cho nên nói là hành trước.

Hỏi: Trước đây nói duyên, các duyên này hoạt động vào lúc nào?

Đáp:

Duyên thứ lớp sở tác
Nói lúc pháp kia sinh
Duyên nghiệp do duyên tạo
Nói khi pháp đó diệt.

Duyên thứ lớp sở tác, nói lúc pháp kia sinh: Nghĩa là lúc sinh là vị lai, vì đều cùng có chuyển biến. Cũng nên nói lúc chuyển biến là lúc pháp đó sinh. Duyên thứ lớp là tạo nghiệp, cùng với nghĩa xứ nên gọi là duyên thứ đệ. Pháp đó sinh, nghĩa là được chỗ. Nếu nói sắc và tất cả tâm bất tương ưng hành cũng được chỗ mà sinh, nên nói duyên thứ đệ thì không đúng.

Phẩm sự hành kia đã nói, duyên nghiệp do duyên tạo, nói khi pháp đó diệt: Nghĩa là khi pháp diệt, duyên duyên đã là tạo nghiệp, vì lúc pháp diệt là hiện tại, có thể thâu nhận cảnh giới, chứ chẳng phải vị lai, vì chưa sinh khởi, cũng chẳng phải quá khứ, vì đã diệt.

Nghiệp do ba nhân tạo
Là lúc pháp kia sinh
Do hai nhân tạo tác
Nên biết nói lúc diệt.

Nghiệp do ba nhân tạo, là lúc pháp kia sinh, nghĩa là lúc pháp sinh, có ba nhân tạo nghiệp, đó là nhân tự phần, nhân nhất thiết biến và nhân báo. Vì sức của nhân tự phần, nên pháp sinh dường như nối tiếp, cho nên lúc pháp sinh, nhân tự phần tạo nghiệp. Nhân nhất thiết biến, nhân báo đều thuận theo để lập pháp sinh. Lúc pháp đó sinh là tạo nghiệp. Vì nói chung, nên nói lúc pháp sinh, ba nhân tạo nghiệp, trừ pháp vô lậu đầu tiên, ngoài ra là thiện, trừ báo, còn lại là vô ký không ẩn mất.

Nhân tự phần tạo nghiệp nhiễm ô: Nghĩa là nhân tự phần, nhân nhất thiết biến tạo nghiệp. Báo, nghĩa là nhân tự phần và nhân báo tạo nghiệp. Những việc mà hai nhân đã tạo, nên biết là nói lúc diệt, nghĩa là lúc có duyên khi pháp diệt. Nhân tương ưng, nhân cộng hữu tạo nghiệp, vì nghiệp đồng, vì một quả, pháp bất tương ưng, nhân cộng hữu thì không duyên.

Duyên tăng thượng, nghĩa là an trụ không chướng ngại, trong bất cứ lúc nào, cho nên không nói, vì không đợi nói. Nhân sở tác cũng như vậy.

Hỏi: Đẳng tâm khởi, đẳng tâm trụ, đẳng tâm diệt của tất cả chúng sinh là không đồng nhau phải không? Vì sao hỏi vậy? Vì chúng sinh có thân, hoặc lớn, hoặc nhỏ, có phải vì thân to lớn, thì tâm to lớn, thân nhỏ bé thì tâm nhỏ bé, hay tất cả đều ngang bằng? Hơn nữa, chúng sinh đi đứng chậm nhanh khác nhau, vì đi chậm mà tâm chậm hay nhanh nên tâm nhanh, hay đều bằng nhau?

Lại nữa, chúng sinh hoặc có người yên lặng mà tri giác cao như núi. Hoặc có kẻ không đứng yên mà lay động, như bụi bay theo gió. Người tĩnh lặng mà tâm chậm lụt, người lay động mà tâm nhanh chóng? Hay đều như nhau?

Đáp:

Tất cả loài chúng sinh
Tâm khởi, trụ, diệt thảy
Tương ưng tham dục thảy
Bất tương ưng cũng vậy.

Tất cả loài chúng sinh tâm khởi, trụ, diệt thảy: Nghĩa là tâm của tất cả chúng sinh, bình đẳng lúc khởi, trụ, diệt, không nhiều ít. Vì sao? Vì sát-na cũng không có lớn, nhỏ, vì chẳng phải sắc, vì sự khác nhau của bốn đại mà khởi, nên thân có lớn nhỏ. Thân nhẹ thì nhanh chóng, thân nặng nề thì chậm chạp. Vì tâm chuyển biến với nhiều duyên, nên cảm giác lay động. Tâm dừng lại một duyên thì sự nhớ nghĩ được yên tĩnh. Pháp tương ưng, không tương ưng với tham dục v.v… cũng như vậy. Nếu tâm có tham, không có tham, tất cả tâm đó đều khởi, đều trụ đều diệt. Vì sát-na, tâm tham không tạo nghiệp nên hiện ra nặng. Tâm không tham tạo nghiệp, nên hiện ra nhẹ, cho đến có giải thoát, không giải thoát đều nên biết. Có tham, không tham, như phẩm Giới đã nói.

Hỏi: Đã nói phần có tâm. Tâm của tất cả chúng sinh đều khởi, đều trụ, đều diệt. Còn phần không có tâm thì thế nào? Nghĩa là người nhập chánh thọ Vô tưởng, Diệt tận, tâm này diệt, tâm của chúng sinh khác khởi, lại từ định biết tâm này sinh, tâm của chúng sinh khác diệt, thế là bình đẳng?

Đáp: Nên biết, ở đây nói có tâm là đúng, vì người không có tâm cũng đồng. Nghĩa là người nhập chánh thọ Vô tưởng, Diệt tận, tâm của chúng sinh khác kia khởi, chánh thọ ban đầu này cũng khởi trong sát-na. Lúc giác ngộ từ định, tâm của chúng sinh khác diệt, từ đấy về sau chánh thọ cũng diệt. Nếu lúc trụ định, tâm của chúng sinh khác vừa khởi vừa diệt, chánh thọ này vừa khởi vừa diệt.

Lại có thuyết nói: Tất cả tâm khởi, không hẳn là đồng, vì đôi khi có tâm khởi không diệt, nên chia làm bốn trường hợp:

1. Từ chánh thọ Vô tưởng, Diệt tận khởi.
2. Lúc nhập chánh thọ.
3. Người có tâm.
4. Lúc trụ chánh thọ.

Ở đây không có nhỏ, lớn, vì không có hình.

Đã nói các tâm khởi diệt, nay sẽ nói: Về nghĩa rộng của tâm.

Trong cõi Dục có bốn
Sắc, Vô Sắc đều ba

Cũng tâm Học, Vô học
Nói thứ lớp sinh này.

Trong cõi Dục có bốn, cõi Sắc, cõi Vô Sắc mỗi cõi đều có ba, cũng tâm Học, Vô học: Nghĩa là có mười hai tâm, đó là: tâm thiện, bất thiện, tâm vô ký ẩn mất, tâm vô ký không ẩn mất ràng buộc cõi Dục. Tâm thiện, tâm vô ký ẩn mất, tâm vô ký không ẩn mất trói buộc cõi Sắc. Cõi Vô Sắc cũng như vậy và tâm Học, tâm Vô học.

Hỏi: Mười hai tâm này được kiến lập thế nào?

Đáp: kiến lập theo sự ràng buộc hay không ràng buộc về giới, chủng loại trói buộc. Trói buộc và không trói buộc kiến lập hai tâm. Trói buộc, nghĩa là giới chủng phân biệt lập mười tâm, không trói buộc, nghĩa là chủng phân biệt, lập ra hai tâm, cho nên nói là mười hai tâm.

Nói theo thứ lớp sinh, nghĩa là các tâm này, mỗi tâm đều sinh theo thứ lớp, nay sẽ nói: Về các tâm.

Thiện cõi Dục sinh chín
Cũng lại khởi từ tám
Hai tâm nhơ sinh bốn
Cũng từ mười tâm sinh.

Thiện cõi Dục sinh chín: Nghĩa là tâm thiện cõi Dục, theo thứ lớp sinh chín tâm. Vì cõi Dục có bốn tự địa. Tâm thiện cõi Sắc, đó là phương tiện ban đầu khi nhập chánh thọ, thuận theo tâm thiện kia. Đây là nói chung, không phải tất cả cõi Sắc.

Có thuyết nói: Thiền vị lai thâu nhiếp không phải thiền khác. Lại còn cho: Vị lai và Sơ thiền. Lại nói là thiền trung gian. Tôn giả Cù-sa nói: Cho đến đệ Nhị thiền, như khởi vượt chánh thọ, từ Sơ thiền khởi, vượt lên đệ Nhị thiền và quyến thuộc, đệ Tam thiền hiện ở trước, thiền này cũng như vậy. Tâm cấu uế của cõi Sắc, đó là lúc thọ sinh, tâm thiện này qua đời, tâm cấu uế kia tiếp nối nhau sinh. Tâm cấu uế của cõi Vô Sắc cũng vậy. Và tâm Học, Vô học thì tâm đó cũng thuận theo. Tâm vô ký không ẩn mất của cõi Sắc, cõi Vô Sắc không theo thứ lớp hiện ở trước, vì tâm ràng buộc địa của nó, thiện của cõi Vô Sắc cũng không hiện ở trước, vì rất trái nhau.

Tâm thiện này, cũng từ tám tâm khởi, nghĩa là tâm thiện cõi Dục cũng từ tám tâm sinh theo thứ lớp. Vì cõi Dục có bốn tự địa. Thiện và cấu uế của cõi Sắc, tâm thiện như trước đã nói, còn sự cấu uế đó là phiền não của địa Sơ thiền đã gây bức não, tức phải dựa vào sự đề phòng, gìn giữ của tâm thiện cõi Dục, nên phải từ tâm học, vô học khởi, tâm thiện cõi Dục hiện ở trước.

Hai tâm cấu uế sinh bốn, nghĩa là tâm bất thiện cõi Dục và tâm vô ký ẩn mất theo thứ lớp sinh bốn tâm ở cõi mình, không phải địa trên, vì trái nhau. Cũng từ mười tâm sinh, nghĩa là hai thứ tâm nhiễm ô của cõi Dục kia, từ thứ lớp mười tâm sinh, bốn sắc của cõi mình. Cõi Vô Sắc có sáu, đó là lúc thọ sinh.

Vô ký kế sinh bảy
Cũng lại từ năm khởi
Thiện cõi Sắc, mười hai
Cũng từ chín tâm sinh.

Vô ký kế sinh bảy, nghĩa là theo thứ lớp tâm vô ký không ẩn mất của cõi Dục, thứ lớp sinh bảy tâm và bốn tự giới. Thiện cõi Sắc, đó là tâm biến hóa, theo thứ lớp sinh tâm vô ký ẩn mất, đó là lúc thọ sinh. Cõi Vô Sắc cũng có tâm vô ký ẩn mất, cũng lại từ năm tâm khởi. Tâm vô ký không ẩn mất của cõi Dục, theo thứ lớp từ năm tâm sinh. Bốn tự giới, thiện cõi Sắc, thì theo thứ lớp sinh, đó là tâm biến hóa. Thiện cõi Sắc có mười một, nghĩa là tâm thiện cõi Sắc theo thứ lớp sinh mười một tâm, trừ tâm vô ký không ẩn mất của cõi Vô Sắc.

Cũng từ chín tâm sinh: Nghĩa là tâm thiện cõi Sắc theo thứ lớp từ chín tâm sinh, trừ hai tâm cấu uế của cõi Dục và tâm vô ký không ẩn mất của cõi Vô Sắc.

Tâm cấu cõi Sắc, sáu
Cũng từ tám tâm khởi
Vô ký kế sinh sáu
Từ ba thứ lớp sinh.

Tâm cấu uế của cõi Sắc có sáu, nghĩa là tâm vô ký ẩn mất của cõi Sắc, theo thứ lớp sinh sáu tâm: Tự giới ba, cõi Dục ba, trừ tâm vô ký không ẩn mất của cõi Dục. Cũng khởi từ tám tâm, nghĩa là tâm vô ký ẩn mất cõi Sắc, từ thứ lớp của tám tâm sinh, trừ hai tâm cấu uế của cõi Dục và hai tâm vô lậu.

Vô ký kế sinh sáu: Nghĩa là theo thứ lớp, tâm vô ký không ẩn mất của cõi Sắc, sinh sáu tâm: Tự giới có ba. Cõi Dục có hai cấu uế, và cấu uế cõi Vô Sắc. Theo thứ lớp từ ba tâm sinh, nghĩa là từ ba tâm của Tự giới, thứ lớp sinh.

Thiện Vô Sắc sinh chín
Cũng từ sáu tâm khởi
Tâm cấu uế sinh bảy
Kia cũng từ bảy sinh.

Tâm thiện cõi Vô Sắc sinh chín: Nghĩa là theo thứ lớp của tâm thiện cõi Vô Sắc, sinh chín tâm trừ tâm thiện, tâm vô ký không ẩn mất của cõi Dục và tâm vô ký không ẩn mất của cõi Sắc.

Cũng từ sáu tâm khởi: Nghĩa là tâm thiện của cõi Vô Sắc, cũng theo thứ lớp từ sáu tâm sinh: Tự giới ba, cõi Sắc có hai tâm vô lậu và thiện. Tâm cấu uế sinh bảy, nghĩa là theo thứ lớp, tâm cấu uế của cõi Vô Sắc sinh bảy tâm: Tự giới ba, tâm thiện và cấu uế, cõi Sắc, hai tâm cấu uế của cõi Dục.

Kia cũng từ bảy sinh: Nghĩa là tâm vô ký ẩn mất của cõi Vô Sắc, cũng theo thứ lớp từ bảy tâm sinh: Tự giới ba, tâm thiện và tâm vô ký không ẩn mất của cõi Dục và cõi Sắc.

Tâm vô ký sinh sáu
Cũng lại từ ba khởi
Tâm Hữu học sinh năm
Cũng từ bốn tâm sinh.

Tâm vô ký sinh sáu: Nghĩa là theo thứ lớp, tâm vô ký không ẩn mất của cõi Vô Sắc sinh sáu tâm: Tự giới ba, tâm cấu uế cõi dưới ba. Cũng lại từ ba khởi, nghĩa là tâm vô ký không ẩn mất của cõi Vô Sắc, theo thứ lớp từ ba tâm của tự giới sinh, không phải tâm nào khác, vì số của báo.

Tâm Hữu học sinh năm: Nghĩa là theo thứ lớp, tâm Hữu học sinh ra năm tâm: Hai vô lậu và tâm thiện của ba cõi. Không phải cấu uế, vì tánh trái nhau. Chẳng phải vô ký không ẩn mất, vì tánh không nhanh nhẹn.

Cũng từ bốn tâm sinh: Nghĩa là tâm học cũng theo thứ lớp từ bốn tâm sinh: Tức tâm Hữu học và tâm thiện phi vô học của ba cõi, là nhân này, không phải nhân nào khác, như trước đã nói.

Tâm Vô học sinh bốn
Cũng từ năm tâm sinh
Đã nói mười hai tâm
Sẽ nói hai mươi tâm.

Tâm vô học sinh bốn: Nghĩa là theo thứ lớp tâm vô học sinh bốn tâm, tức là tâm Vô học và tâm thiện của ba cõi, phi học là quả, không phải quả nào khác, như trước đã nói.

Cũng từ năm tâm sinh: Nghĩa là tâm vô học, theo thứ lớp từ năm tâm sinh, gồm hai tâm vô lậu và tâm thiện của ba cõi. Đã nói mười hai tâm, hai mươi tâm nói: Đã nói mười hai tâm, theo thứ lớp sinh, cũng từ mười hai tâm này phân biệt thành hai mươi tâm, nay sẽ nói.

Hai thiện, hai cấu uế
Báo sinh và oai nghi

Công xảo, quả các thiền
Tám tâm trong cõi Dục.

Tám tâm của cõi Dục, đó là phương tiện sinh tâm thiện và sinh đắc thiện, bất thiện và vô ký ẩn mất, không ẩn mất. Vô ký có bốn thứ: Báo sinh, oai nghi, công xảo và tâm biến hóa.

Trừ công xảo bất thiện
Còn lại ở cõi Sắc
Lìa thiền quả oai nghi
Bốn tâm kia, Vô Sắc.

Trừ bất thiện công xảo, ngoài ra ở cõi Sắc, nghĩa là cõi Sắc có sáu tâm, trừ bất thiện và công xảo. Ngoài ra, như trước nói. Lìa thiền quả, oai nghi bốn tâm khác ở Vô Sắc, nghĩa là cõi Vô Sắc có bốn tâm, trừ oai nghi và tâm biến hóa. Cõi Sắc, Vô Sắc trừ công xảo, vì không có sự nghiệp, trừ bất thiện vì đã lìa không hổ không thẹn. Cõi Vô Sắc trừ oai nghi, vì không có tới lui, trừ tâm biến hóa, vì không có phần thuộc về chi thiền.

Tâm Học và Vô học
Đó là thành hai mươi
Tâm kia thứ lớp sinh
Đều tùy theo nghĩa nói.

Tâm Học và Vô học, đó là hai mươi tâm: Nghĩa là tâm Học và Vô Học cùng mười tám tâm trước, là thành hai mươi tâm. Phải phân biệt về sự trói buộc, không trói buộc của giới và chủng loại. Sự khác nhau này, trước đây đã nói chung. Thiện và vô ký không ẩn mất (vô phú vô ký), nay cũng phân biệt chủng loại. Tâm kia, thứ lớp sinh, đều tùy theo nghĩa kia mà nói, nay sẽ nói: Về tâm này, lần lượt theo thứ lớp sinh.

Dục phương tiện sinh mười
Cũng từ tám tâm khởi
Sinh đắc, kế sinh chín
Cũng từ mười một sinh.

Dục phương tiện sinh mười: Nghĩa là phương tiện tâm thiện của cõi Dục, lần lượt sinh mười tâm, tự giới bảy, trừ tâm biến hóa, vì thiền tịnh kia theo thứ lớp sinh. Tâm thiện phương tiện cõi Sắc và tâm Học, Vô Học.

Cũng từ tám tâm sinh: Nghĩa là tâm thiện của phương tiện cõi Dục kia theo thứ lớp từ tám tâm sinh. Tự giới hai tâm thiện và hai tâm cấu uế. Tâm thiện, tâm cấu uế, của phương tiện cõi Sắc và tâm Học, Vô Học.

Sinh đắc kế sinh chín: Nghĩa là tâm thiện sinh đắc cõi Dục, theo thứ lớp sinh chín tâm: Tự giới có bảy tâm, trừ tâm biến hóa, tâm cấu uế của cõi

Sắc và cõi Vô Sắc. Cũng từ mười một tâm sinh, nghĩa là tâm thiện của sinh đắc cõi Dục, từ mười một tâm theo thứ lớp sinh: Tự giới có bảy tâm, như trước đã nói. Tâm thiện, tâm cấu uế, phương tiện của cõi Sắc và tâm Học, Vô Học.

Hai cấu uế sinh bảy
Cũng từ mười bốn khởi
Báo sinh oai nghi tám
Cũng từ bảy tâm sinh.

Hai cấu uế sinh bảy: Nghĩa là bất thiện của cõi Dục và vô ký ẩn mất, tự giới bảy tâm, trừ tâm biến hóa. Cũng từ mười bốn tâm khởi, nghĩa là hai cấu uế này, theo thứ lớp mười bốn tâm sinh, tự giới bảy, trừ tâm biến hóa. Cõi Sắc có bốn thứ, trừ tâm thiện phương tiện và tâm biến hóa. Cõi Vô Sắc có ba, trừ tâm thiện phương tiện.

Báo sinh oai nghi tám, nghĩa là báo sinh cõi Dục và oai nghi, theo thứ lớp sinh tám tâm: Tự giới sáu, trừ tâm thiện phương tiện và tâm biến hóa. Tâm cấu uế của cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Cũng từ bảy tâm sinh, nghĩa là báo sinh của cõi Dục này và tâm oai nghi cũng từ bảy tâm của tự giới, theo thứ lớp sinh, trừ tâm biến hóa.

Tâm công xảo sinh sáu
Cũng lại từ bảy khởi
Tâm biến hóa sinh hai
Cũng là từ hai sinh.

Tâm công xảo sinh sáu: Nghĩa là tâm công xảo của cõi Dục theo thứ lớp sinh sáu tâm tự giới, trừ tâm thiện phương tiện và tâm biến hóa. Cũng lại từ bảy sinh: Nghĩa là tâm kia cũng từ bảy tâm tự giới theo thứ lớp sinh, trừ tâm biến hóa. tâm biến hóa sinh hai, nghĩa là tâm biến hóa cõi Dục theo thứ lớp sinh hai tâm: Tâm biến hóa cõi Dục và tâm thiện phương tiện cõi Sắc. Cũng tức từ hai sinh, cũng tức là từ hai tâm này lần lượt sinh ra.

Phương tiện sắc mười hai
Cũng từ mười tâm khởi
Sinh đắc kế sinh tám
Cũng từ năm tâm sinh.

Phương tiện sắc mười hai: Nghĩa là tâm thiện phương tiện cõi Sắc, theo thứ lớp sinh mười hai tâm: Tự giới sáu, cõi Dục ba, tâm thiện phương tiện, tâm sinh đắc thiện và tâm biến hóa. Tâm thiện phương tiện của cõi Vô Sắc và tâm Học, Vô Học, đều cùng từ mười khởi, nghĩa là tâm thiện, phương tiện cõi Sắc, từ mười tâm theo thứ lớp sinh. Tự giới bốn, trừ oai

nghi và báo sinh. Cõi Dục hai: Tâm thiện phương tiện và tâm biến hóa. Cõi Vô Sắc hai: tâm thiện phương tiện, tâm cấu uế, tâm học, vô học.

Sinh đắc thứ lớp sinh tám, nghĩa là tâm thiện sinh đắc của cõi Sắc, theo thứ lớp sinh tám tâm: Tự giới năm, trừ tâm biến hóa, hai tâm cấu uế cõi Dục và tâm cấu uế của cõi Vô Sắc. Cũng từ năm tâm sinh, nghĩa là tâm thiện sinh đắc của cõi Sắc, từ năm tâm của tự giới theo thứ lớp sinh, trừ tâm biến hóa.

Cấu cõi Sắc sinh chín
Cũng từ mười một khởi
Tâm oai nghi sinh bảy
Từ năm thứ lớp sinh.

Cấu uế cõi Sắc sinh chín, nghĩa là tâm cấu uế của cõi Sắc, theo thứ lớp sinh chín tâm: Tự giới năm, trừ tâm biến hóa, cõi Dục bốn: Hai tâm thiện, hai tâm cấu uế. Cũng từ mười một khởi, nghĩa là tâm cấu uế của cõi Sắc, từ mười một tâm, theo thứ lớp sinh: Tự giới năm, trừ tâm biến hóa, cõi Dục ba: Sinh đắc thiện, oai nghi và báo sinh. Cõi Vô Sắc ba, trừ tâm thiện phương tiện.

Tâm oai nghi sinh bảy, nghĩa là tâm oai nghi của cõi Sắc, theo thứ lớp sinh bảy tâm: Tự giới bốn, trừ tâm thiện phương tiện và tâm biến hóa. Hai cấu uế là quả của cõi Dục và cấu uế của cõi Vô Sắc.

Thứ lớp năm tâm sinh: Nghĩa là tâm oai nghi của cõi Sắc, theo thứ lớp, từ năm tâm của tự giới sinh, trừ tâm biến hóa.

Nên biết sắc báo sinh
Cũng như nói oai nghi
Là các quả thiền kia
Nên biết như cõi Dục.

Nên biết sắc báo sinh, cũng như nói oai nghi: Nghĩa là báo sinh tâm ở cõi Sắc, theo thứ lớp sinh bảy tâm. Cũng từ năm tâm sinh, như oai nghi: là các quả thiền kia, nên biết, như cõi Dục, nghĩa là tâm biến hóa của cõi Sắc theo thứ lớp sinh hai tâm, là tâm thiện phương tiện cõi Sắc và tâm biến hóa. Cũng tức là từ hai tâm này mà thứ lớp sinh.

Vô Sắc mới sinh bảy Là cũng từ sáu sinh Sinh đắc cũng sinh bảy Nên biết từ bốn khởi.

Vô Sắc đầu tiên sinh bảy: Nghĩa là tâm thiện phương tiện của cõi Vô Sắc, theo thứ lớp sinh bảy tâm: Tự giới bốn, tâm thiện phương tiện của cõi Sắc, và tâm Học, Vô Học. Là cũng từ sáu tâm sinh, nghĩa là tâm thiện, phương tiện cõi Vô Sắc, theo thứ lớp từ sáu tâm sinh: Tự giới ba, trừ báo

sinh, tâm thiện phương tiện cõi Sắc, và tâm Học, Vô Học.

Sinh đắc cũng sinh bảy, nghĩa là sinh đắc thiện của cõi Vô Sắc, cũng theo thứ lớp sinh bảy tâm: Tự giới bốn, ba cấu uế của cõi dưới, nên biết từ bốn khởi, nghĩa là theo thứ lớp, từ bốn tâm của tự giới kia sinh.

Cấu uế sinh tám tâm
Là từ mười tâm khởi
Tâm báo sinh ở sáu
Là cũng từ bốn sinh.

Cấu uế sinh tám tâm: Nghĩa là tâm cấu uế của cõi Vô Sắc, theo thứ lớp sinh tám tâm: Tự giới bốn, cõi Dục hai cấu uế, cõi Sắc với tâm thiện phương tiện và tâm cấu uế.

Là từ mười tâm khởi: Nghĩa là tâm cấu uế của cõi Vô Sắc, từ mười tâm theo thứ lớp sinh: Tự giới bốn, cõi Dục ba: Sinh đắc thiện, oai nghi và báo sinh, cõi Sắc cũng như vậy.

Tâm báo sinh ở sáu: Nghĩa là tâm báo sinh của cõi Vô Sắc, theo thứ lớp phát sinh sáu tâm: Tự giới ba, trừ tâm thiện phương tiện, địa dưới ba tâm cấu uế.

Là cũng từ bốn sinh: Nghĩa là tâm báo sinh kia, theo thứ lớp cũng từ bốn tâm của tự giới sinh.

Tâm học kế sinh sáu
Từ bốn thứ lớp khởi
Tâm vô học sinh năm
Là cũng từ năm sinh.

Tâm học kế sinh sáu: Nghĩa là tâm học theo thứ lớp sinh sáu tâm: Tâm thiện phương tiện của ba cõi, sinh đắc thiện của cõi Dục (sinh đắc thiện của cõi Dục, vừa mạnh mẽ vừa nhạy bén, hai cõi kia thì yếu ớt, mà chậm lụt), và tâm Học, Vô Học.

Từ bốn thứ lớp khởi, nghĩa là tâm Học theo thứ lớp từ bốn tâm sinh: Gồm tâm thiện phương tiện của ba cõi và tâm Học. Tâm vô học sinh năm, nghĩa là tâm vô học theo thứ lớp sinh năn tâm, gồm tâm thiện phương tiện ba cõi, sinh đắc thiện cõi Dục và tâm Vô học.

Là cũng từ năm tâm sinh, nghĩa là tâm thiện phương tiện của ba cõi và tâm Học, Vô Học.

Hỏi: Vì sao tâm thiện phương tiện theo thứ lớp sinh các tâm oai nghi, công xảo và báo sinh? Vì sao các tâm này lại không theo thứ lớp sinh tâm thiện phương tiện?

Đáp: Vì oai nghi và công xảo là tự ưa chuộng những gì mình đã làm,

còn tâm của báo sinh yếu kém, không có tạo tác. Nghĩa là tâm oai nghi thì ưa tập oai nghi, cho nên, theo thứ lớp nên sinh khởi tâm thiện phương tiện. Vì tâm xuất ly không siêng năng vận dụng phương tiện, nên tâm thiện phương tiện theo thứ lớp sinh. Tâm oai nghi, tâm công xảo cũng như vậy. Tâm của báo sinh yếu kém, không có tạo tác bổn nghiệp thì đã được gieo trồng, cho nên, người nhập tâm đó, là tâm không thể xuất ly, không siêng năng vận dụng phương tiện, nên phải theo thứ lớp của tâm thiện phương tiện mà sinh khởi. Nếu nói, vì tâm cấu uế ưa đắm say cảnh giới, vì yếu kém, nên không theo thứ lớp cảnh giới của tâm cấu uế mà sinh tâm thiện phương tiện, thì không đúng. Vì sao? Vì cảnh giới không khác, vì thấy lỗi lầm, vì không yếu kém, nên chuyển đổi lỗi ác của cảnh giới đó, chính nơi đó khởi công đức. Cho nên cảnh giới kia không khác với hành kia, vì mỏi mệt nhàm chán phiền não. Chính ở cảnh giới kia, quán sát tập phiền não sinh trưởng đêm dài, vì tâm cấu uế không yếu kém, cho nên, tâm kia, theo thứ lớp sinh tâm thiện phương tiện. Tâm sinh đắc thiện cõi Dục, dù nhanh chóng mà không phải phương tiện, do nhanh chóng, mà từ tâm thiện phương tiện của cõi Sắc kia. Và tâm Học, Vô Học theo thứ lớp sinh vì không phải phương tiện, nên không có khả năng theo thứ lớp sinh các tâm kia. Tâm sinh đắc thiện ở cõi Sắc của các tâm kia không nhanh nhẹn, cũng không phải phương tiện. Vì không nhanh nhẹn nên không từ tâm Học, Vô Học và tâm thiện phương tiện của cõi Vô Sắc theo thứ lớp mà sinh. Vì không phải phương tiện, nên không sinh theo thứ lớp. Các tâm đó, ở cõi Vô Sắc cũng như vậy. Tâm cấu uế của cõi Sắc được sinh theo thứ lớp. Tâm sinh đắc thiện ở cõi Dục thì nhanh chóng. Tâm cấu uế của cõi Vô Sắc không sinh theo thứ lớp. Tâm sinh đắc thiện cõi Sắc thì không nhanh chóng.

Hỏi: Thế nào là chánh pháp?

Đáp:

Kinh, Luật, A-tỳ-đàm
Đó gọi chánh pháp tục
Ba mươi bảy phẩm giác
Là nói đệ nhất nghĩa.

Kinh, Luật, A-tỳ-đàm gọi là chánh pháp thế tục, nghĩa là Tu-đa- la, Luật, A-tỳ-đàm, được gọi là chánh pháp, vì căn cứ vào danh, xứ mà khởi, như trước đã nói. Ngôn ngữ của Phật, là tự tánh của ngôn ngữ. Ngôn ngữ, là dựa vào danh chuyển biến, do chuyển biến đến xứ khác nên gọi là số tục. Vì làm sáng tỏ đệ nhất nghĩa, nên gọi là Chánh pháp. Vì dùng danh để làm sáng tỏ nghĩa, nên ba mươi bảy phẩm giác gọi là đệ nhất nghĩa. Ba mươi

bảy phẩm giác là chánh pháp của đệ nhất nghĩa, vì lìa danh mà khởi. Tu tuệ hữu lậu, dù lìa danh chuyển biến, nhưng vì có cấu uế, nên không nói là chánh pháp của đệ nhất nghĩa. Chánh pháp có hai thứ. Hành pháp cũng có hai thứ: Pháp tu và tu. Pháp tu là tụng tập, tu là tu thiền, đó là số thế tục. Chánh pháp là tu. Pháp là nghĩa trì. Chánh pháp của đệ nhất nghĩa là tu. Vì vậy nên nói là tu hành. Pháp còn thì chánh pháp còn. Người tu hành diệt thì chánh pháp diệt. Đức Thế Tôn thường khuyến khích, người tu hành, nên không nói đến phần giới hạn như trước nói. Phẩm Kim Cương Tam-muội, nay sẽ nói.

Năm mươi hai và khác
Cũng lại nói tám mươi
Có thuyết nói mười ba
Là Tam-muội Kim Cương.

Có thuyết nói: Năm mươi hai Tam-muội Kim Cương, thuộc về thiền vị lai, nếu dựa vào khổ tỷ trí của thiền vị lai thì sẽ được quả A-la-hán. Đối với bốn ấm của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, suy nghĩ đó là vô thường, khổ, không và phi ngã. Nếu tập tỷ trí mà được, là tư duy mỗi hành trong bốn hành của tập đế. Nếu diệt pháp trí, thì diệt sự trói buộc cõi Dục, tư duy bốn hành của diệt đế. Nếu đạo pháp trí, hành đạo dứt trói buộc của cõi Dục, tư duy bốn hành của đạo đế. Nếu diệt tỷ trí, hoặc tư duy hành diệt trói buộc địa Sơ thiền, hoặc cho đến tư duy hành diệt trói buộc Phi tưởng Phi phi tưởng. Nếu đạo tỷ trí, đối với chín địa đó, thì đạo phẩm tỷ trí tư duy bốn hành, được quả A-la-hán.

Trí hành như vậy, duyên phân biệt là năm mươi hai. (Vì khổ khác nên diệt khác, vì tình cách nên quán riêng. Đây là lý do tám địa diệt, có ba mươi hai đạo hành là giống như vậy, thông suốt với địa khác, đồng tánh tình vô ngại, nên thông suốt quán. Quán thông suốt chín địa, chỉ có bốn hành kết hợp với mười sáu hành của bốn đế trước là thành năm mươi hai). Như thiền vị lai, cho đến đệ Tứ thiền cũng như vậy. Không xứ có hai mươi tám hành (Khổ, tập của tự địa là tám hành, diệt đế của bốn không là mười sáu hành. Đạo chín địa có bốn hành. Vì diệt ở địa trên ít dần, nên tùy chỗ diệt mà có bốn). Thức xứ có hai mươi bốn hành. Vô sở hữu xứ có hai mươi. Cõi Vô Sắc không có pháp trí. Pháp trí duyên cõi Dục, chẳng phải cõi Vô Sắc duyên hành diệt của địa dưới, khổ của địa dưới chẳng phải cảnh giới, đối trị của địa dưới, lần lượt duyên nhân.

Có thuyết nói: Thiền vị lai có tám mươi Tam-muội Kim Cương, sự khác nhau trong đó là nói về đạo tỷ trí. Cũng mỗi mỗi địa duyên đối trị,

được quả A-la-hán. (Quán đạo của bảy địa, địa tỷ trí, mỗi địa đều có bốn hành, mỗi hành có hai mươi tám, cộng với năm mươi hai hành trước, thành tám mươi hành). Như thiền vị lai, cho đến đệ Tứ thiền cũng như vậy. Không xứ có bốn mươi hành, Thức xứ có ba mươi hai, Vô sở hữu xứ có hai mươi bốn.

Tôn giả Cù-sa nói: Tam-muội Kim Cương thuộc về thiền vị lai. Mười ba kiến đạo, bốn tỷ nhẫn tương ưng với bốn Tam-muội. Tu đạo lìa dục Phi tưởng Phi phi tưởng, chín đạo vô ngại, tương ưng chín Tam- muội. Tất cả những cái đó đối trị với đệ nhất hữu kia. Đạo thế tục nơi Tam-muội Kim Cương chẳng phải cảnh giới, cho đến đệ Tứ thiền cũng như vậy. Không xứ có chín cho đến Vô sở hữu xứ cũng như thế.

Hành chủng duyên phân biệt này, thuộc về thiền vị lai thì có đến một ngàn bốn trăm chín mươi hai Tam-muội Kim Cương, cho đến đệ Tứ thiền cũng đều như vậy. Không xứ có bốn trăm sáu mươi tám, Thức xứ có ba trăm hai mươi bốn, Vô sở hữu xứ có hai trăm mười sáu.

Hỏi: Thần thông mà Phẩm Trí kia nói. Vậy thần thông đó có phải là tất cả thiện hay không?

Đáp:

Ba thông thì nói thiện
Hai thông là, vô ký
Nên biết dựa dục, sắc
Thế Tôn nói tánh tuệ.

Ba thông thì nói thiện; Ba thông gồm thần là trí, trí tha tâm, túc mạng trí, ba thông này gọi là thiện. Vì sao? Vì là quả ái, vì phương tiện tột bậc đã khởi, vì điều phục người khác. Đối với không tin ưa, khiến cho họ tin ưa. Ba thông này, khiến người khác được điều phục nên vui mừng. Tâm vui mừng tương ưng với tuệ là thiện, vì tương ưng với lòng tin.

Hai thông khác là vô ký: Đó là thiên nhãn, thiên nhĩ. Hai thần thông này là vô ký, vì không có quả ái và phương tiện tột bậc. Lại thọ nhận màu sắc, âm thanh mà khởi, cho nên vô ký.

Hỏi: Ở chỗ nào hiện ra trước, là những tánh nào?

Đáp: Nên biết, căn cứ vào dục sắc, Đức Thế Tôn nói tánh tuệ. Thần thông này được hiện ở trước nơi cõi Dục, cõi Sắc, chứ không phải ở cõi nào khác. Vì dựa vào sắc, thần thông đó khởi hiện ở cõi Dục trước, về sau ở cõi Sắc mới có thể hiện ở trước. Thần thông đó chẳng phải do nghiệp ban đầu gắng nhận, vì chẳng có phần. Đó là tánh của trí tuệ từ sự phân biệt khởi, y cứ vào sự thành tựu, y cứ vào người. (Đấy là giải thích thần thông có tên

là mắt, do mắt sinh khởi). Như Luận Thi Thiết nói: Bấy giờ, bốn đại tạo của cõi Sắc, làm cho nhãn xứ được tròn đầy, nên thiên nhãn thanh tịnh, như phẩm Tu-đa-la đã nói. Còn việc các căn có nói rộng trong phẩm Trạch.

Nay sẽ nói:

Nên biết các căn kia
Người tuệ khéo phân biệt
Danh có hai mươi hai
Về sự nói mười bảy.

Đức Phật nói các căn: Danh có hai mươi hai, sự có mười bảy, vì căn nam căn nữ và ba căn vô lậu, không có sự riêng, nên không lập sự, thuộc về căn khác. Căn nam căn nữ rời thân căn thì không còn căn nào khác. Cho nên phải nói căn nam thế nào? Là phần ít của thân căn. Căn nữ cũng như vậy. Lại nữa, vì một thức nương dựa. Nếu thức dựa vào thân căn phát sinh tác dụng, chính là dựa vào căn nam căn nữ cùng sinh với căn mà không có tướng khác. Vì một thức, ba căn vô lậu, chín căn hợp thành. Chín căn là: Ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn và năm căn như tín, v.v... Trong chín căn này, vì phân biệt đạo và người cho nên lập ra ba căn. Phân biệt về đạo, nghĩa là kiến đạo gọi là vị tri căn, tu đạo gọi là dĩ tri căn, đạo vô học gọi là vô tri căn.

Phân biệt về người: Nghĩa là tùy tín hành, tùy pháp hành nói là vị tri căn. Tín giải thoát, kiến đáo, thân chứng gọi là dĩ tri căn. Tuệ giải thoát, câu giải thoát gọi là vô tri căn.

Hỏi: Đẳng và đệ nhất nghĩa có tướng gì?

Đáp:

Nếu lúc phân biệt sự
Bỏ danh thì nói đẳng
Phân biệt không chỗ xả
Đó là đệ nhất nghĩa.

Nếu lúc phân biệt sự, xả danh thì gọi là đẳng, nghĩa là nếu lúc phân biệt sự, mà xả danh, thì đó là đẳng sự (Đẳng sự, tiếng Phạm là Tam-tỷ-túc-đề, Hán dịch là Đẳng tập, cũng dịch là Đẳng tích tụ. Hội họp có ba, không có gọi là Đẳng tập), không phải đệ nhất nghĩa quyết định sự việc, vì không thể được. Như lúc phân biệt chiếc bình, với sắc, hương, vị, xúc, xả bỏ tên bình, chứ không phải bỏ sắc, hương, vị, xúc mà có tên bình riêng, nên gọi là đẳng Sự. Như vậy, tất cả phân biệt là không có gì để bỏ, đó là đệ nhất nghĩa. Nghĩa là nếu lúc phân biệt sự, không bỏ danh, đó là đệ nhất nghĩa, như năm ấm lừng lẫy, gọi là khổ đế. Nếu lúc phân biệt năm ấm, cũng không

bỏ tên khổ, vì sắc là khổ, cho đến thức cũng như vậy. Sắc kia lại có mười một thứ, mỗi nhập đều là khổ, cho đến sát-na và lúc phân biệt cực vi cũng không bỏ tên khổ, vì nó có tướng đắc. Như vậy, tất cả như phẩm Tạp nói thì phẩm trung ấm Trạch sẽ nói rộng.

Hỏi: Là nhất định hay không nhất định?

Đáp:

Giới, đường, địa nhất định
Năm vô ngại trung ấm
Đều gọi là hương thực
Cầu hữu thừa ý hành.

Giới, đường, địa nhất định, nghĩa là giới, đường, địa của trung ấm không thay đổi, vì trung ấm của cõi Dục sẽ sinh cõi Dục, cõi Sắc sinh cõi Sắc. Như vậy đường địa ngục đọa địa ngục, cho đến đường người sinh làm người. Bốn Thiên vương sinh làm bốn Thiên vương, cho đến cõi trời A-ca-nị-trá cũng như vậy.

Trung ấm năm, nghĩa là tánh năm ấm của trung ấm, vì có đến đi, chẳng phải lìa sắc mà có đến đi, cho nên ở cõi Dục, cõi Sắc có trung ấm, chứ không phải ở cõi Vô Sắc, vì cõi ấy không có sắc. Không có trở ngại: Vì rất nhỏ nhặt, tất cả hình che lấp đều không thể ngăn ngại, vì sức nghiệp trụ trong thai mẹ. Nếu khác thì không thể trụ thai, gọi là hương thực.

Cầu hữu thừa ý hành: Nghĩa là vì dùng hương làm thức ăn, nên nói là hương thực. Nếu người nào có phước mỏng, thì ăn các mùi nhơ nhớp. Nếu người có sức mạnh thì ăn các mùi trong sạch. Vì tìm ở sinh hữu nên nói là cầu hữu. Vì từ ý sinh nên nói là nhờ vào ý hành. Các chúng sinh này hoặc do nghiệp sinh, là địa ngục, như đã nói, các chúng sinh đó bị nghiệp ràng buộc, hoặc phiền não sinh, nghĩa là người và trời cõi Dục, hoặc báo sinh, là nói chim bay. Hoặc từ ý sinh, là các vị trời cõi Vô Sắc và người kiếp sơ. Biến hóa và trung ấm ở giữa hai hữu, khởi nẻo xen lẫn, nên nói là trung ấm.

Hỏi: Trung ấm trụ trong thời gian bao lâu?

Đáp:

Bảy ngày, bốn chín ngày,
Cho đến khi hòa hợp
Hoặc lõa hình ăn hương
Các căn đều đầy đủ.

Bảy ngày: Có thuyết nói trung ấm trụ bảy ngày, vì thân yếu ớt.

Hỏi: Nếu hòa hợp thì nên như vậy. Còn nếu cha mẹ người kia, đều ở

chỗ khác nghĩa là người này chết, thì phải làm sao?

Đáp: Nên quán nghiệp của chúng sinh này, có chuyển hay không, nếu đối với mẹ có thể chuyển, với cha không thể chuyển, nghĩa là người cha kia, theo người nữ khác, khiến trung ấm được gặp, duyên ở người cha có thể chuyển. Cũng như vậy, nếu cả hai người đều không thể chuyển, thì người này chưa chết mà người kia trước đó đã hòa hợp, thì đó là nói người thường hành dục. Nếu hành dục theo thời tiết, nghĩa là vì nghiệp nhân duyên của chúng sinh kia, khiến họ phi thời cũng hành dục.

Có thuyết nói: Hoặc sinh ở chỗ tương tợ, đó là: Nếu lúc sinh được thích ứng với chỗ hành dục mà trung ấm không đến đúng lúc thì sinh ở chỗ thường hành dục tương tự, tùy theo từng loại trung ấm mà nói.

Về bốn mươi chín, có thuyết nói: Thân trung ấm trụ trong bốn mươi chín ngày, cho đến lúc nam nữ kia hòa hợp. Có thuyết lại nói: Thân trung ấm không nhất định, cho đến thường ở trong khoảng thời gian chưa hòa hợp.

Hỏi: Thân trung ấm có y phục hay không?

Đáp: Đôi khi lõa thể. Trung ấm của cõi Sắc có y phục, vì cõi Sắc cộng thêm sự hổ thẹn. Như pháp thân kia không lõa thể, thì sinh thân cũng vậy. Bồ-tát của cõi Dục và trung ấm của Tỳ-kheo-ni Bạch tịnh thì có y phục, còn chúng sinh khác thì không có y phục, vì không có thêm sự hổ thẹn.

Hỏi: Trung ấm ăn gì?

Đáp: Ăn mùi hương, trung ấm cõi Dục, lấy mùi hương làm thức ăn, ở trước đã nói. Cõi Sắc lìa bỏ cách ăn vốc, vì tham của thân rất nhỏ, nên chỉ có ba cách ăn.

Hỏi: Thân trung ấm có đủ các căn không?

Đáp: Các căn đều đầy đủ, trung ấm đủ các căn. Vì sao? Vì vì báo của trung ấm thuần hậu. Lại vì chúng sinh thường tìm cầu hữu, nên đối với môn sáu nhập thường tìm cầu hữu.

Hỏi: Hình dáng của thân trung ấm ra sao?

Đáp:

Tùy đi, lượng không định
Có khi thấy, không thấy
Nhập thì từ môn sinh
Hoặc sinh tưởng điên đảo.

Tùy di nghĩa là mỗi người có đường đi của mình. Trung ấm địa ngục như thân ở địa ngục, cho đến người, trời như thân của người, trời.

Hỏi: Trung ấm đi đứng thế nào, thân lượng ra sao?

Đáp: Đi đứng và lượng không nhất định. Trung ấm đi đứng và thân lượng không nhất định. Trung ấm địa ngục, khi đi thì chân hướng thẳng lên trên, đầu chúc xuống dưới. Trung ấm của trời thì đi lên trên như mũi tên bắn vào hư không. Trung ấm khác thì thân nghiêng, đi ngang, như vẽ hình người đang bay. Lượng: Trung ấm cõi Sắc, thì lượng như vốn có. Trung ấm của Bồ-tát cõi Dục, cũng như vốn có, với ba mươi hai tướng trang nghiêm thân, cho nên trung ấm của Bồ-tát, ánh sáng sáng rỡ, soi suốt trăm ức thiên hạ. Nói thân voi trắng đi vào thai mẹ là không đúng, vì Bồ-tát đã lìa súc sinh. Từ chín mươi mốt kiếp đến nay, Bồ-tát đã thường lìa súc sinh. Vì thuận theo sách tướng nên khiến mẹ của Bồ- tát thấy đều mộng như vậy. Thân lượng trung ấm của chúng sinh khác trong cõi Dục như hình đứa trẻ có sự hiểu biết, vì các căn mạnh mẽ, nhạy bén, do tưởng điên đảo lúc vào thai.

Hỏi: Trung ấm và trung ấm có thấy nhau không?

Đáp: Có khi thấy, có khi không thấy. Hoặc trung ấm lấy trung ấm làm cảnh giới nhưng không nhất thiết. Có thuyết nói: Trung ấm địa ngục thấy trung ấm địa ngục, tất cả đều như vậy. Lại nói trung ấm địa ngục trông thấy trung ấm của địa ngục. Súc sinh thấy cả hai đường. Ngạ quỷ thấy ba đường, người thấy bốn đường, trời thấy năm đường. Mắt của sinh ấm thì không trông thấy. Mắt trời nếu rất trong sạch, thì có thể thấy.

Hỏi: Vào thai từ chỗ nào?

Đáp: Vào thai từ cửa sinh. Trung ấm kia vào thai từ cửa sinh, cho nên, trẻ con sinh đôi, đứa sinh sau là lớn.

Hỏi: Do tưởng gì lúc vào thai?

Đáp: Có thể sinh tưởng điên đảo, không phải tất cả chúng sinh đều mang tưởng điên đảo lúc vào thai mẹ, trừ Bồ-tát gần thành Phật. Bồ-tát gần thành Phật kia đối với mẹ, nghĩ là mẹ, đối với cha, nghĩ là cha. Còn chúng sinh khác đều tưởng điên đảo lúc vào thai. Nếu là trung ấm nam, thì có tưởng nhiễm đối với mẹ, và tưởng tức giận đối với cha. Trung ấm kia nghĩ rằng: Nếu không có người nam kia thì ta sẽ giao hội với người nữ này, tưởng tượng thấy người nam kia đi rồi, giao hội với người nữ nọ. Lúc thấy tinh của nam kia vọt ra, cho là của mình, liền cảm thấy vui mừng, vì sinh vui mừng, nên ấm dần dần dày thêm ấm dần dày thêm, rồi quay lưng, ngồi dựa vào phía hông phải của mẹ. Nếu là trung ấm nữ, thì nói ngược lại. Về nhân duyên của trung ấm, sau sẽ nói.

-oOo-

LUẬN TẠP A-TỲ-ĐÀM TÂM

QUYỂN 11

Phẩm 10: TRẠCH (Phần cuối)

Hỏi: Biết pháp, hiểu pháp, rõ pháp, những việc này thế nào?

Đáp:

Biết là tất cả pháp
Hiểu và rõ cũng vậy
Trí và ý thức sáng
Đều tùy việc mà nói.

Khổ trí kia biết khổ, cho đến đạo trí biết đạo, trí vô lậu duyên phần đoạn. Đẳng trí thiện cũng biết khổ, cho đến số hư không phi số diệt duyên khắp tất cả pháp. Thức cũng biết tất cả pháp. Nhãn thức kia biết sắc, cho đến thân thức biết xúc, vì nhiếp thọ tự tướng. Ý thức biết mắt, sắc và nhãn thức, vì đều duyên khắp tất cả như vậy. Sự sáng suốt cũng làm sáng tỏ tất cả pháp tùy theo việc kia. Khổ nhẫn, khổ trí kia làm sáng tỏ nỗi khổ, cho đến đạo nhẫn, đạo trí làm sáng tỏ đạo, vì duyên phần đoạn. Tuệ hữu lậu thiện cũng làm sáng tỏ, hư không phi số diệt.

Hỏi: Kiếp có lỗi thế nào?

Đáp:

Đao binh, bệnh, đói khát
Gọi là lỗi trung kiếp
Trừ địa, ba thứ khác
Gọi là lỗi đại kiếp.

Đao binh, bệnh, đói khát, gọi là lỗi trung kiếp: Nghĩa là ba thứ lỗi ở trung kiếp, đó là nạn đao binh, bệnh dịch, đói khát. Kiếp đao binh: Là đến lúc tuổi thọ của con người giảm xuống chỉ còn mười tuổi, là cảnh giới tham lam, thô bạo, độc ác, vận hành các pháp tà, mọi người đều có tâm hãm hại nhau, tay cầm cỏ, cây đều biến thành dao gươm, sát hại lẫn nhau. Thảm trạng như vậy, kéo dài đến bảy ngày. Đó là lỗi đao binh ở trung kiếp.

Kiếp bệnh dịch: Cũng xảy ra vào lúc tuổi thọ của con người chỉ có mười, với nhiều bệnh tật, không có bác sĩ, thuốc hay và sự chẩn đoán bệnh.

Con người bấy giờ vì phước đức quá mỏng, nên hễ bị bệnh là chết ngay. Tình huống như vậy, kéo dài đến bảy tháng, bảy ngày. Đó là tội lỗi về bệnh dịch của trung kiếp.

Kiếp đói khát: Lúc con người cũng sống được mười tuổi, họa đói khát càng tăng thêm, làm cho cơ thể của con người càng yếu đuối. Nạn hạn hán kéo dài khắp thiên hạ, gieo trồng không thu hoạch số lượng gạo không đủ ăn, phải nấu xương người để húp nước. Thảm trạng như vậy, tiếp diễn suốt trong bảy năm, bảy tháng, bảy ngày. Đó là lỗi về đói khát của trung kiếp.

Nói như vậy, còn nếu ở vào đời hiện nay, người nào giữ giới không sát sinh, trong một ngày một đêm, thì không bao giờ sinh trong kiếp đao binh kia. Nếu dùng một quả ha-lê-lặc cúng dường ruộng phước tăng, thì không bao giờ sinh trong kiếp bệnh dịch kia. Nếu bố thí cho ruộng phước tăng một bữa ăn thì không bao giờ sinh vừa kiếp đói khát kia.

Trên đây là kiếp ác ở cõi Diêm-phù-đề sinh khởi lẫn nhau. Ở phương khác thì có một ít phần giống nhau. Như sinh trong kiếp đao binh ấy, người kia chỉ có thêm sự tức giận, nếu sinh trong kiếp bệnh dịch ấy, người kia chỉ có một ít sức yếu đuối, nếu sinh vào kiếp đói khát, người kia chỉ thêm sự đói khát.

Hỏi: Lỗi của đại kiếp là thế nào?

Đáp: Trừ địa ra, ba thứ kia gọi là lỗi của đại kiếp. Ba đại chủng, gọi là lỗi của đại kiếp, đó là: lửa, nước, gió, chẳng phải địa chủng. Vì sao? Vì bất lợi. Lợi là làm hoại đại kiếp.

Lại nữa, kiếp hoại của địa chủng, nghĩa là kiếp hoại lẽ ra phải đến đệ Tứ thiền mà chưa từng đến đệ Tứ thiền.

Hỏi: Vì sao kiếp hoại không đến đệ Tứ thiền?

Đáp: Vì trời Tịnh Cư. Trời đó không sinh địa trên, ở ngay địa đó mà nhập Niết-bàn. Cũng không sinh xuống địa dưới, vì địa dưới chẳng phải thường diệt. Nếu kiếp trụ kia trải qua kiếp hoại cũng không đúng, vì sức phước tăng thượng nên sinh vào xứ đó, vì sự rối loạn bên trong không có. Nếu bên trong địa đó có sự khuấy rối, thì bên ngoài sẽ có tai họa. Trong Sơ thiền kia, vì có lửa giác quán khuấy rối, nên bên ngoài bị hỏa tai đốt cháy. Trong đệ Nhị thiền có nước hỷ nhiễu loạn, nên bên ngoài bị thủy tai cuốn trôi. Trong đệ Tam thiền có hơi thở gió ra vào khuấy rối, nên bên ngoài bị phong tai làm tan hoại.

Hỏi: Đệ Tứ thiền không hề có sự nhiễu loạn, đâu được không thường còn?

Đáp: Vì bị sát-na vô thường hủy hoại. Nói như vậy, nghĩa là địa của

đệ Tứ thiền không nhất định nối tiếp nhau, hễ vị trời kia sinh thì cung điện đều có theo. Nếu vị trời ấy qua đời, thì cung điện cũng mất theo.

Hỏi: Kiếp nào hết trước nhất?

Đáp:

Bảy lửa lần lượt qua
Sau đến một thủy tai
Bốn chín lửa, bảy nước,
Lại bảy lửa, gió sau.

Bảy lửa lần lượt khởi: Nghĩa là kiếp lửa khởi lên trước nhất. Nói như thế này: Nếu kiếp lửa sắp khởi, bấy giờ tuổi thọ của con người là tám vạn tuổi. Người địa ngục chết, không còn sanh lại, nên biết là kiếp hết, cho đến ở địa ngục cũng không có một chúng sinh nào cư trú, đó gọi là kiếp địa ngục hết. Như kiếp địa ngục hết, súc sinh, ngạ quỷ cũng như vậy. Nếu súc sinh hữu dụng đối với người, thì đều tận diệt một lượt với con người. Và lúc ấy, ở Diêm-phù-đề chỉ còn một người, không ai chỉ dạy bèn nhập Sơ thiền. Xuất Sơ thiền, bèn cất tiếng xướng: Ly sinh hỷ lạc thật là vui sướng, âm thanh như vậy, lần lượt bảo nhau khắp cả Diêm-phù-đề. Các chúng sinh khác cũng không có thầy giáo hóa, đều nhập Sơ thiền, cho đến cả Diêm-phù-đề, không có một chúng sinh nào ở. Đó gọi là hết kiếp Diêm-phù-đề, chỉ trừ châu Uất-đơn-việt, tất cả các đường lành cõi Dục cũng giống như vậy. Ở Châu Uất-đơn-việt chết, không người nào được thiền, vì không có sự lìa dục. Lại nữa, lúc đó, một chúng sinh ở Sơ thiền, không có ai giáo hóa, bèn nhập đệ Nhị thiền. Sau khi xuất thiền, cất tiếng xướng: Định sinh hỷ lạc thật là vui sướng. Âm thanh như vậy vang khắp đến Phạm thiên. Các chúng sinh khác cũng giống như thế. Cho đến Sơ thiền, không có một chúng sinh nào cư ngụ, đó gọi là kiếp của đời chúng sinh hết. Thế giới lúc đó trống rỗng trong một thời gian lâu, mãi cho đến khi bảy mặt trời xuất hiện.

Hỏi: Mặt trời xuất hiện từ đâu?

Đáp: Có thuyết nói: Lúc kiếp thành, ở sau núi Càn-đà có bảy mặt trời trụ, từ nơi ấy xuất hiện.

Có thuyết nói: Một mặt trời chia thành bảy phần.

Lại có thuyết nói: Năng lượng của một mặt trời nóng gấp bảy lần.

Lại có thuyết nói: Lửa của địa ngục Vô gián tỏa ra. Nói như vậy: Nghĩa là vì sức nghiệp của chúng sinh làm cho quả tăng thêm, khí thế giới khởi, nghiệp chúng sinh đó hết, như vậy, sự nhiễu loạn phát sinh cho đến đốt cháy cả trời Phạm, bảy hỏa tai như vậy thứ lớp đi qua. Sau đó, là một thủy tai, nghĩa là bảy hỏa tai xảy ra rồi, sau đó mới là một thủy tai, cho đến

làm tan rã đệ Nhị thiền.

Hỏi: Nước dâng lên từ đâu?

Đáp: Có thuyết nói: Từ ranh giới của đệ Tam thiền nước mưa bị đun nóng. Có thuyết lại nói: Bánh xe nước vọt lên, xảy ra nhiễu loạn như trước đã nói. Bốn chín lửa, bảy nước: Nghĩa là bảy hỏa tai theo thứ lớp xảy ra, sau đó là một thủy tai. Như vậy bốn mươi chín lần hỏa tai và bảy lần thủy tai.

Lại bảy lửa, gió sau: Nghĩa là lại bảy lần hỏa tai, về sau là một phong tai. Thủy tai, phong tai nổi lên, theo thứ lớp từ hỏa tai. Đấy là khéo nói, Tịnh cư thiên sống lâu đến sáu mươi bốn kiếp, mới bị thủy tai làm trôi dạt, cho đến đệ Nhị thiền bị phong tai làm tan hoại. Cho đến đệ Tam thiền, trăm ức bốn thiên hạ hư hoại cùng một lúc.

Mười chín trung kiếp thế gian trống rỗng, một trung kiếp khí thế gian tan hoại, một trung kiếp khí thế giới hình thành, mười chín trung kiếp theo thứ lớp an trụ dần. Nếu ở kiếp không trước nhất là ở kiếp trụ sau cùng. Nếu ở kiếp không sau cùng là ở kiếp trụ trước nhất.

Hỏi: Thế nào là tâm rối loạn?

Đáp:

Lầm lẫn, nghiệp báo gốc
Sợ hãi và tổn hại
Nếu hiểu chi tiết kia
Thánh nói nước, lửa, gió.

Lầm lẫn nghiệp báo gốc, sợ hãi và tổn hại: Nghĩa là bốn nhân duyên làm cho tâm rối loạn, đó là bốn đại loạn, nghiệp báo gốc, sự sợ hãi và gây tổn hại cho thân.

Bốn đại rối loạn: Nghĩa là ăn uống không thích hợp, nên bốn đại rối loạn. Vì bốn đại rối loạn nên khiến tâm người kia loạn. Nghiệp báo gốc là nghiệp báo là gốc tạo ra tâm tán loạn chín muồi.

Hỏi: Việc này ra sao?

Đáp: Ưa loan truyền những tai họa suy sụp, làm cho người khác buồn rầu, khổ sở. Hoặc lại mắng rằng: Ông là người ngu si, điên rồ, tâm tán loạn. Hoặc xua đuổi, đàn áp chúng sinh, khiến họ rơi vào chỗ nguy hiểm. Đốt núi, đầm, cho người uống rượu. Hoặc do vọng tưởng nên nói ngược lời Phật. Những nghiệp xấu như thế, dẫn tới hậu quả là tâm loạn.

Sự sợ hãi: Nghĩa là kinh hoàng sợ hãi khi thấy hình phi nhân đến. Vì sợ hãi nên tâm người kia loạn, gây tổn hại cho thân, tức bị phi nhân đánh.

Vì người kia đã dùng vật bất tịnh làm cấu uế chỗ đại chúng hội họp và tháp Phật, Tăng, nên khiến cho phi nhân ở nơi đó giận, mà đánh, cho nên tâm người kia loạn.

Đó là nói người phàm phu, bậc Thánh không có hành báo của nghiệp gốc làm tâm loạn. Nếu người nào trước đã gieo trồng nghiệp báo nhất định, thì trước hết thọ báo, sau đó mới vượt lên ly sinh. Nếu kẻ nào gieo trồng nghiệp báo không nhất định, nếu vượt lên ly sinh, thì nghiệp của họ sẽ tiêu mất.

Tâm loạn: Là ở cõi Dục. Địa ngục kia không tâm loạn, vì thường loạn. Súc sinh, ngạ quỷ và người thì tâm loạn, trừ châu Uất-đơn-việt, các tầng trời cõi Dục cũng có tâm loạn.

Hỏi: Những bậc Thánh nào có tâm loạn?

Đáp: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi- Phật. Chỉ có tâm Phật không loạn, tiếng nói không hư hoại, tóc không bạc, mặt không nhăn, không dần dần nhập Niết-bàn.

Từ lâu, Đức Thế Tôn đã dứt hết nghiệp nhiễu loạn, vì Phật thực hành hạnh mầu nhiệm. Sự rối loạn là ở ý thức, chứ không phải ở năm thức tâm, vì không phân biệt. Tâm hữu lậu loạn, vô lậu thì không, vì hành chân thật. Thế nên, nếu nói tâm điên loạn là tán loạn chăng? Nên chia làm bốn trường hợp:

Trường hợp đầu: Nói điên, là tâm hữu lậu thiện, tâm vô ký không ẩn mất.

Trường hợp thứ hai: Nói tự tướng trụ, là tâm cấu uế. Trường hợp thứ ba: Nói người điên, là tâm cấu uế.

Trường hợp thứ tư: Nói tự tướng trụ tâm thiện và tâm vô ký không ẩn mất.

Hỏi: Những đại nào có thể làm tan rã chi tiết?

Đáp: Nếu có thể làm tan rã chi tiết, bậc Thánh nói: Ba đại nước, lửa và gió là có thể làm tan rã chi tiết, chẳng phải địa đại vì bất lợi.

Đại lửa làm tan rã chi tiết: Nghĩa là lúc chết, đại lửa tăng, đốt cháy khắp gân, đốt gân xong, làm tan rã từng lóng đốt, làm tan rã lóng đốt rồi, không bao lâu sẽ chết.

Đại nước làm tan rã chi tiết, nghĩa là lúc từng lóng đốt rời ra, trước hết làm cho gân thối rữa, gân thối rữa rồi, chi tiết khác tiếp tục như trước đã nói. Đại gió làm tan rã chi tiết, nghĩa là làm cho gân nát vụn, gân nát vụn rồi, chi tiết khác tiếp tục như trước nói. chi tiết đã làm tan rã rồi, không

quá một ngày đêm sẽ chết,, vì bốn đại rối loạn. Địa ngục không có việc làm tan rã chi tiết, vì các chi tiết thường bị tan rã, nhưng do nghiệp báo, nên không chết. Súc sinh, ngạ quỷ và ba phương đều có sự tan rã chi tiết, trừ châu Uất-đơn-việt, vì không có tội nghiệp. Cõi trời cũng như vậy. Phàm phu, bậc Thánh đều tan rã chi tiết, chỉ trừ Phật. Tội báo nghĩa làm tan rã chi tiết. Phật không có tội báo.

Đã nói tách rời chi tiết, nay sẽ nói: Về sự lui sụt.

Thối pháp có ba thứ
Đắc, vị đắc, tập hành
Hoặc một người, một thối
Vị đắc thối là hai
Là tập hành thối kia
Ba Thánh đều cũng vậy.

Thối pháp có ba thứ: Đắc thối, vị đắc thối và tập hành thối.

Đắc thối, nghĩa là công đức đã được mà gặp phải nhân duyên lui sụt là thối. Vị đắc thối nghĩa là công đức đáng lẽ được, nhưng vì buông lung nên không được. Tập hành thối là công đức đã được, vì có nhân duyên nên không được tập hành.

Hỏi: Những người nào thối lui và thối lui việc gì?

Đáp: Hoặc một người, một thối lui. Nếu người đắc thối là Thanh văn, thuộc căn cơ chậm lụt, không phải căn cơ nhạy bén. Căn cơ nhạy bén là sức của Tam-muội, nên nói như vậy.

Hỏi: Làm sao biết có đắc thối?

Đáp: Do nói có hai loại A-la-hán. Đó là Thối pháp và bất thối pháp. Nếu nói thối đạo mà quả không thối là không đúng. Vì sao? Vì đoạn đắc hợp với đạo. Đắc là thuộc đạo đế, thế nên, đạo thối chẳng phải đoạn là không đúng. Nếu nói lìa thì hạt giống phiền não làm sao phát sinh? Nên nói như tâm vô lậu ban đầu, không có nhân trước mà sinh, đạo thối kia cũng như vậy.

Lại nữa, vì có phần tự, phần nhân, nên từ nơi không có biên vực sinh tử, phần tự, phần nhân của phiền não sinh ra. Nói phiền não khởi ở ba chỗ là nói sai là không đúng. Vì sao? Vì phiền não khởi là có đầy đủ nên nói là chúng sinh khởi phiền não, phải có đủ ba nhân duyên, đó là: Sức nhân, sức cảnh giới và sức phương tiện. Sử của dục ái kia, chưa đoạn, chưa biết là sức của nhân (đoạn là vô ngại, biết là giải thoát). Triền của dục ái chấp pháp là sức của cảnh giới. Sự tư duy không đúng đắn là sức của phương tiện, là ý của thuyết kia. Nếu theo thuyết kia nói, sự tư duy bất chánh, nghĩa

là trước kia không có tư duy bất chánh thì không khởi. Nếu tư duy bất chánh trước kia có thì là không cùng.

Lại nữa, tâm thiện, vô ký đã đến mức rốt ráo bất sinh. (Nếu sự tư duy bất chánh cứ tiếp nối nhau không cùng thì những niệm khác sẽ không được sinh). Nếu bất sinh thì sự giải thoát cũng không có phần. Đốt cháy các phiền não, không sinh trở lại, như lửa đốt gỗ thành tro, đến cuối cùng, thì tro không còn là gỗ nữa. Cũng vậy, A-la-hán dùng lửa trí để đốt củi phiền não, không lẽ lại là phiền não. Sự bất ưng kia là như vậy. Vì sao? Vì thí dụ không đúng. Sao lại như đốt củi có tro? Nếu như vậy phiền não của A-la-hán có thừa như tro kia chăng? Nếu có thừa, thì không phải là A-la-hán, vì có phiền não. Nếu không có thừa phiền não thì chẳng giống như thí dụ trên. Nhưng chẳng phải Thánh đạo kia như lửa đốt củi. Thánh đạo chỉ bắt đầu khởi sự dứt trừ phiền não, là được giải thoát, được chứng quả. Nếu vị kia lìa Thánh đạo thì cũng xả bỏ giải thoát, bị trói buộc, còn khởi lại. Như các sự lui sụt là trái với kinh nói, nên biết vì nói bất thời giải thoát, nên nói vị đắc thối tức nói hai, nghĩa là nếu vị kia là vị đắc thối thì đó là Thanh văn, Bích-chi-Phật, chứ chẳng phải Phật, vì Phật đã an trụ tối thắng. Thanh văn không được căn cơ tối thắng của Bích-chi-Phật Phật. Bích-chi-Phật không được căn cơ tối thắng của Phật, cho nên mới có vị đắc thối. Nói lược là tất cả chúng sinh tu hành lẽ ra đều được tuệ nhãn của bậc Thánh. Nếu người không tu hành mà nhập danh sắc, đó là Vị đắc thối.

Hỏi: Làm sao biết được có Vị đắc thối?

Đáp: Vì tin tưởng lời Phật nói. Như Đức Thế Tôn nói: Chư thiên và người đời lui sụt trí tuệ, nghĩa là mê đắm danh sắc, không thấy Thánh đế, nói họ là tập hành thối. Ba Thánh đều cũng như vậy, nghĩa là nếu người tập hành thối, thì đó là ba Thánh: Thanh văn, Bích-chi-Phật và Như lai đều có, do các nhân duyên ở khoảng giữa mà công đức có được, không thể thường hiện ở trước mặt.

Hỏi: Làm sao biết có tập hành thối?

Đáp: Vì nói tâm, tâm pháp lui sụt. Đức Thế Tôn nói: Bốn thứ tâm, tâm pháp này, được trụ trong hiện pháp an lạc. Ta nói vị kia, mỗi mỗi lui sụt, như Tu-đa-la có nói rộng.

Lại có thuyết nói: Ý bất động, thân giải thoát, chứng quả, thành tựu diệu dụng, những thứ đó là không lui sụt. Vì lý do này, nên biết, Đức Thế Tôn cũng có Tập hành thối. Cho nên nói: Đức Thế Tôn phần nhiều là diệu dụng vị chí, chẳng phải địa căn bản. Vì sao? Vì gần cõi Dục. Dù ý bất động, có giải thoát, có tập hành thối, nhưng vì người đã thành tựu tu đắc nên tất

cả những thứ kia khi ở hiện tại, đều thường được chuyển theo. Tâm, tâm pháp của người là hiện tại tu, nghĩa là những gì không hiện ở trước đều gọi là thối. Tập hành thối nhiều nhất là Đức Thế Tôn. Vì sao? Vì công đức vô biên. Như vua Thánh Chuyển luân thọ nhận rộng cảnh giới.

Lại nói, vì thâu nhiếp người khác, nên gọi là bất động, vì tự nhiếp nên gọi là tâm, tâm pháp. Đức Thế Tôn thường thâu nhiếp người, ít khi tự thâu nhiếp. Như vậy, Đức Thế Tôn là đấng đại bi, đại xả.

Hỏi: Xứ nào không thối?

Đáp:

Chư thiên thì bất thối
Quả thối không hề chết
Cũng không tạo nghiệp ấy
Trụ quả mà không làm.

Chư thiên thì bất thối: Nghĩa là các vị trời không lui sụt, vì trời căn cơ nhạy bén, vì trời là được quả. Người căn cơ bén nhạy thì không thối. Nếu người căn cơ chậm lụt mà được quả, sau đó sinh lên cõi trời cũng không thối. Vì vô sinh. Bậc Thánh vô sinh nên không thối. Việc này trước đây đã nói. Vì thối kia đều không có phần. Đức Thế Tôn nói năm thối đầy đủ, nhiều sự nghiệp.

Vì năm thối pháp kia, trời không có cho nên không thối. Do trời không thối, nên biết thối phải ở trong loài người, vì thối đủ có thể được.

Quả thối không hề chết, nghĩa là người có quả thối, không bao giờ chết, phải đắc quả lại. Vì sao? Vì sinh ở địa dưới, chẳng phải thường diệt, chẳng phải pháp thường diệt, không còn hiện ở trước, vì pháp bất sinh, vì đạo quyết định và quyết định rốt ráo đều thuộc về quả. Vì chỗ chết đi sống lại của đạo quả, nên người kia được sống lại. Lại vì quả xứ được tự khéo giữ gìn, vì vị trí của quả đủ ba nhân duyên và năm nhân duyên, như trước đã nói.

Thối ba quả kia, chẳng phải là quả của Tu-đà-hoàn, vì kiến đạo dứt phiền não chẳng phải là sự đối trị. Thấy đạo dứt phiền não dựa vào chỗ ngã mà chuyển, không có ngã. Tu đạo dứt phiền não là đối sự, tu đạo dứt phiền não là xứ tịnh chuyển. Tu-đà-hoàn kia có tưởng tịnh và tướng bất tịnh. Họ tư duy các hành bất tịnh, họ tư duy tịnh được lìa dục. Đối với cái thấy bất tịnh thì lui sụt, tư duy không có pháp ngã, ngã sở. Đối với phi ngã thì thấy được thối.

Lại nữa, quả Tu-đà-hoàn có phương tiện rộng, trước kia đã tu như là thí, giới, v.v… để hướng đến giải thoát, so sánh như vậy. Lại nữa, quả Tu-

đà-hoàn do thấy đạo mà được, nên không có kiến đạo thối, vì đạo nhanh chóng, vì nhạy bén, vì đối trị Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Nếu quả A-la-hán, thối đến quả Tu-đà-hoàn, nên biết là thối ba quả. Vì đối trị phiền não được thành tựu, cũng không gây ra các nghiệp. Như A-la-hán kia đã trụ ở quả, nghĩa là nếu người được quả mà không làm, thì người của quả thối đó cũng không làm. Vì sao? Vì được luật nghi không tạo tác, vì Thánh đạo đã diệt trừ hành vi ác, như đã từng uống thuốc. Lại nữa, vì sự hy vọng đầy đủ, A-la-hán kia hy vọng ở quả diệt, vì đối trị hành vi ác.

Hỏi: Ngang đâu thì gọi là Bồ-tát?

Đáp:

Nếu tu các tướng tốt
Phương tiện khởi nghiệp kia
Từ đó, càng tiến thêm
Được gọi là Bồ-tát.

Nếu có chúng sinh bố thí một bữa ăn, khởi tâm quyết định, phát tâm không sợ nói rằng: "Ta sẽ thành Phật, có thể khởi báo tướng, tăng trưởng nghiệp kia", ngang đó gọi là Bồ-tát, vì có thể từ đấy sẽ tạo nghiệp tương tợ nối tiếp. Nếu không được như vậy là chỉ có danh hiệu suông". Bồ-tát dù có khởi tâm bất thối ngay từ đầu, nhưng đó là Bồ-đề quyết định, chứ chẳng phải thú hướng quyết định (Thú nên nói là đến, đồng với từ ngữ thú hướng), nghĩa là tạo nghiệp báo của tướng rồi thì đều quyết định, cho nên được mang danh hiệu ngang đồng với nghiệp báo của tướng Phật, vì tướng của Phật lìa bốn nhân duyên, đó là lìa đường ác, lìa phi nam, lìa dòng họ thấp hèn, và lìa không căn đủ. Được một nhân duyên, là sinh ra, biết được túc mạng. Do sinh ra biết túc mạng, nên vừa nghe thì thọ trì, quyến thuộc tín thọ, lìa lỗi chúng sinh, vượt qua ba A-tăng-kỳ kiếp, gieo trồng nghiệp báo tướng trong trăm kiếp, trừ Đức Thích Ca Mâu Ni, vì Thích Ca Mâu Ni là Bồ-tát tinh tiến, trừ chín kiếp, còn lại chín mươi mốt kiếp.

Có thuyết nói: Hai, ba A-tăng-kỳ, không phải là kiếp A-tăng-kỳ, nói A-tăng-kỳ kiếp sinh A-tăng-kỳ, và hành thiện A-tăng-kỳ.

Hỏi: Nghiệp báo của tướng là những tánh nào?

Đáp: Thân nghiệp, khẩu nghiệp tăng thượng và ý nghiệp. Lại nữa, tánh của tư tuệ này chẳng phải văn tuệ, vì yếu kém, cũng chẳng phải tu tuệ, vì cõi Dục không nhất định, là chủng loại của Diêm-phù-đề, chẳng phải phương nào khác, người nam chẳng phải người nữ, Đức Phật ra đời, chẳng phải không ra đời, thấy Phật chẳng phải không thấy Phật, là duyên tạo nghiệp, chẳng phải duyên khác.

Có thuyết nói: Một nghĩ mong, gieo trồng nghiệp ba mươi hai tướng. Về sau, các thứ nghiệp viên mãn. Lại có thuyết nói: Một tâm định, một hành, một duyên phần nhiều là nghĩ mong hiện ở trước, có nguyện vọng dưới chân được quả trụ an bình, có nguyện cho đến nhục kế, mỗi tướng đó là quyến thuộc của trăm phước. Về số lượng phước, Có thuyết nói: Phước của một vua Thánh Chuyển luân, gọi là lượng của một phước. Lại nói: Phước của một Đế-thích. Có thuyết lại cho: Lúc kiếp thành, nghiệp của tất cả chúng sinh tăng thượng, khí thế giới phát sinh, đó gọi là lượng của phước. Có thuyết nói: Trừ Bồ-tát ở địa gần Phật, còn lại là các phước lạc tự tại của nghiệp chúng sinh, đó gọi là số lượng của một phước. Pháp vô học của Phật là Bồ-đề, gọi là trí tận, trí vô sinh. Tát-đỏa cầu trí này, nên gọi là Bồ-đề. Tát-đỏa được Bồ-đề này là giác ngộ tất cả pháp, nên gọi là Phật. Chỉ có nghiệp báo của tướng, về sau mới được ngôi vua Thánh Chuyển Luân, mà tướng của vua Thánh nên biết là nghiệp báo khác.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ Tát-bà-đa?

Đáp:

Một thứ phân biệt khác
Có thuyết nói tướng khác
Hoặc nói từng phần khác
Hoặc lại nói dị khác.

Bốn thứ Tát-bà-đa: Một thứ phân biệt khác, nghĩa là thuyết kia nói lúc các pháp tùy theo đời chuyển biến, là phần khác chẳng phải sự khác. Như sữa biến thành lạc, là bỏ chất béo của vị, chứ không bỏ màu sắc. Như món đồ bằng vàng bạc, hư rồi, làm lại món khác, là bỏ hình dáng, không bỏ màu sắc. Pháp từ vị lai đến hiện tại cũng như thế. Nên biết, đây là chuyển biến Tát-bà-đa.

Khác tướng: Nghĩa là pháp quá khứ kết hợp với tướng quá khứ, không lìa tướng vị lai, hiện tại. Như người đã mê đắm một sắc, thì chẳng phải không mê đắm sắc khác. Pháp quá khứ kia cũng như vậy.

Thuyết này có lỗi, vì nếu các pháp của quá khứ, không lìa tướng vị lai, hiện tại thì rốt cuộc chúng sẽ t thành gì? Cũng thành nghĩa hợp. Nếu vậy thì đời rối loạn. Như người mê đắm một sắc, chỉ yêu đắm ở một sắc đó, cũng hoạt động cũng thành tựu, đối với thành tựu khác thì không hoạt động? Cho nên, thuyết kia nói đời rối loạn, thí dụ cũng trái nhau.

Từng phần khác, là nói lúc các pháp, tùy theo thế gian chuyển biến, từng phần khác, chẳng phải sự khác. Đó là kiến lập thế gian không rối loạn. Vì sao? Vì nghiệp khác nhau, nghĩa là pháp chưa tạo nghiệp gọi là vị lai,

pháp đang tạo nghiệp gọi là hiện tại, tạo nghiệp rồi gọi là quá khứ. Từng phần khác đó, nghĩa là các pháp được nói kia, tùy theo thế gian chuyển biến, trước sau đối đãi nhau, không phải việc khác, cũng chẳng phải phần khác. Như một cô gái, vừa gọi là con gái, vừa gọi là mẹ, vì thời gian trước sau đối đãi nhau, nghĩa là ngắm cô gái thì biết là mẹ, nhìn người mẹ thì biết là con. Đó là kiếp lập thế gian rối loạn, vì một sát-na của đời quá khứ, có ba đời mà nói là: Quán tướng khởi trước gọi là vị lai, quán tướng khởi sau, gọi là hiện tại.

Hỏi: Các sư nói đế vô gián đẳng, mỗi đế đều khác. Tát-bà-đa và Bà-ta bộ nói đế vô gián đẳng theo thứ lớp. Đàm Vô Đức v.v…. nói một vô gián đẳng, vậy đâu là sự thật?

Đáp: Nay sẽ dùng năm chi để nói như thật. Năm chi là Tông, nhân, dụ, hợp, kết và nghĩa sẽ nói qua kệ sau:

Thứ đệ vô gián đẳng
Đế trí vì tướng khác
Thấy bình không thấy áo
Thấy đế kia cũng vậy.

Người tu hành trước hết là tu khổ vô gián đẳng, về sau mới đến đạo.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì tướng khác của đế trí. Trí của khổ, tập, diệt, đạo, mỗi trí đều có tướng khác, vì hành khác nhau. Nếu hành là khổ trí, thì hành này chẳng phải là trí khác. Nếu không như thế sẽ không có bốn trí được kiến lập, đế cũng có tướng khác. Nỗi bức bách kia là tướng khổ, sự sinh khởi là tướng tập, sự vắng lặng là tướng diệt, sự ra khỏi là tướng đạo. Chẳng phải trí không khác tướng khác, một vô gián đẳng của đế. Ví như lúc thấy chiếc bình, thì không thấy chiếc áo, vì tướng của bình và áo khác nhau. Vì tướng khác nhau, nên hễ thấy bình thì không thấy áo, thấy áo thì không thấy bình. Việc thấy đế kia cũng như vậy. Đối với tướng khác nhau của đế, lúc thấy khổ không thấy tướng nào khác, tất cả đều như vậy. Cho nên thứ lớp vô gián đẳng, nói là một vô gián đẳng, nghĩa là thuyết kia nói: Một vô gián đẳng đối với đế. Vì sao? Vì tin tưởng ở Thánh Hiền. Như Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo đối với khổ chẳng hoài nghi, tập cũng chẳng nghi, diệt, đạo cũng như thế. Như chiếc đèn, bốn việc đều có tác động: Bình đựng dầu nóng lên, tim cháy, dầu cạn, phá tan bóng tối. Một trí như vậy biết khổ, cho đến tu đạo. Thế nên là một vô gián đẳng. Thuyết ấy nói: Trí đế có tướng khác là không đúng, vì một tướng, tất cả tuệ, một trí tướng đối với cảnh giới của tất cả pháp, làm nên hành vô ngã. Đức Thế Tôn nói: Tất cả pháp là vô ngã,

người trí tuệ có thể thấy. Người trí tuệ kia, lúc nhàm chán nỗi khổ, đấy tức là đạo thanh tịnh, về tướng đế, cũng nói như vậy. thí dụ bình, áo có tướng khác, điều này cũng không đúng. Vì sao? Vì vô gián đẳng không có phần của tự tướng và cảnh giới của cộng tướng. Vô gián đẳng chẳng phải tự tướng, đó là tướng hư hoại của năm ấm như sắc v.v... (tướng hư hoại tức là tướng vô thường). Cảnh giới chung là trí của một vô gián đẳng. Nếu khác là tự sinh lỗi lầm. Nói thứ lớp vô gián, nghĩa là ông nói là lời của Hiền Thánh, đó là mật ngữ. Thuyết này có nghĩa khác. Đức Thế Tôn nói: Nếu khổ thì không nghi thì đối với tất cả không nghi, vì hành vi nghi ngờ của người kia, cho nên nói. Nếu khổ kia sinh vô gián đẳng, thì nghi kia đều rốt ráo không hiện hành, vì chẳng phải thường diệt. Vì trừ có thuyết khác, nên Đức Thế Tôn nói trong Kinh Cấp Cô Độc thế này: "Trưởng giả đối với bốn Thánh đế theo thứ lớp không gián đoạn, nói rộng như vậy".

Như chiếc đèn đã nói, nghĩa là chiếc đèn có lỗi là nhiều tánh chất, nhiều nghiệp dụng. Tôi không chấp nhận việc chiếc đèn, vì nếu khi phân biệt thì chiếc đèn đã bỏ tên của mình, như trước đã nói. Ánh sáng của đèn kia là thuộc sắc nhập, có công năng phá tan bóng tối, sức nóng của đèn kia thuộc xúc nhập, có thể làm việc khác. Nếu không như vậy thì hoại nghĩa quyết định. Tuệ thì không như vậy. Nếu nói là đồng thì có lỗi, còn nếu nói một tướng thì điều này cũng không đúng, vì hành khác nhau. Hành vô thường khác với trí. Khổ, không, vô ngã, v.v... hành trí cũng đều khác, theo như vậy mà so sánh. Nếu không như thế sẽ không có môn giải thoát. Hành không hư hoại là môn giải thoát (Lìa quán gọi là hoại, ba thoát khác quán nên không hoại). Như ông nói, duyên với tất cả pháp làm nên hành vô ngã, vì quán ngay tất cả pháp. Đó là phần tư duy không nhất định và tư duy định một phần, hành đều duyên riêng mỗi đế, do vậy, không nên nói, người tu hành kia lúc nhàm chán khổ, tức là đạo thanh tịnh. Vì không thể đem hành nhàm chán để duyên với diệt, đạo. Vì diệt đạo là việc đáng ưa chuộng. Tất cả duyên nghĩa là không chung tất cả, vì trái nhau, do hành vô ngã, không tức hành. Vì hành vô ngã này, vì tự tánh không tự quán sát, cũng không có hai tánh quyết định, cũng không quán tương ưng, vì cùng một hành, một duyên. Cũng không quán chung, có chung, vì một quả, một quyết định. Lại nói:

Tất cả hành vô thường, nghĩa là cũng chẳng phải là hành vô thường, vì làm diệt vô gián đẳng. Diệt là thường, nên biết, hành đó cách xa chân đế. Như đã nói, quán chúng sinh này suốt đêm dài sinh tử, đã thành tựu những hành vi ác của thân, miệng, ý, nói chúng sinh này, tức là địa ngục và đường ác khác. Thật ra, chẳng phải người này, tức là địa ngục, vì hướng đến địa

ngục, nên nói người đó cũng như vậy.

Lại nữa, không vô gián đẳng này, chẳng phải là vô nguyện, vô tướng vì cảnh giới tất cả pháp kia không có, nên chớ nói là có lỗi. Thế nên, hành vô ngã của tất cả pháp, là sự suy nghĩ không nhất định. Sự suy nghĩ nhất định là duyên hữu lậu. Nếu không như vậy, là môn giải thoát giảm. Nếu nói tự tướng vô gián đẳng là không có, thì không đúng. Vì sao? Vì là quán. Tự tướng, cộng tướng này gọi là tướng bức bách, là tướng khổ. Vì quán ba đế là tự tướng, vì quán ấm là cộng tướng. Như vậy, tất cả phải biết, đều do quán nên nói là tự tướng, cộng tướng. Nói không như vậy là không đúng. Vì sao? Vì quán không hư hoại như trước đã nói. Thuyết trung ấm ở trước nói, về sau sẽ nói, thì nay nói.

Hỏi: Có trung ấm hay không?

Đáp:

Nên biết có trung ấm
Do Đức Thế Tôn nói
Như con đường trong xóm
Kia đều cùng đi qua.

Đây nói có trung ấm. Vì sao? Vì do Đức Thế Tôn nói. Đức Thế Tôn nói: Đường của bảy sĩ phu có trung bát Niết-bàn. Nếu không có trung ấm thì không có trung bát Niết-bàn. Nếu nói có thì trung yếu từ bát Niết-bàn kia, là không đúng, vì trong đường trời không có nói. Tu- đa-la của Đức Thế Tôn nói: Trời Tứ Thiên vương cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, đều không nói có trung yếu, ngoài ra cũng có lỗi, vì nếu nói sinh bát Niết-bàn thì còn có tên là sinh thiên chăng? Như vậy, tất cả A-na-hàm lẽ ra cũng có lỗi là nói như vậy. Thế nên, thuyết kia là thuyết vọng tưởng. Nếu nói trung gian mạng sống lâu là bát Niết-bàn thì không đúng, vì trừ châu Uất-đơn-việt và Bồ-tát ở biên sau, có nhiều chúng sinh không hết tuổi thọ mà đã chết, đó đều là trung bát Niết-bàn chăng? Cho nên, các giả thuyết này đều có lỗi.

Hỏi: Việc này thế nào?

Đáp: Ví như con đường trong xóm, nối liền từ một xã này đến một xã khác. Như vậy tử ấm sinh ấm, từ tử ấm hướng đến sinh ấm cũng như thế. Như kinh A-thấp-ba-la-diên nói: Nếu từ mỗi chỗ kia đến, nói rộng như thế.

Nếu không có trung ấm thì sẽ không có việc tới lui, cho nên phải có trung ấm, nếu nói vì trừ Tu-đa-la là có thuyết khác. Đức Thế Tôn nói Tu-đa-la và kệ: "Năm tội Vô gián đã gây ra thì theo thứ lớp sẽ đọa vào địa ngục

Vô Gián". Lại nữa, vì Phạm chí mà nói kệ: "Trẻ thành già, bệnh trôi dạt đến chỗ Diêm vương". Phạm chí không có trụ xứ, cũng không có lương thực, cho nên không có trung ấm, là không đúng. Vì sao? Vì nghiệp của đường không gián đoạn, nên nói Tu-đa-la và kệ là nói: Tạo nghiệp vô gián rồi, thì trước phải chịu báo Vô gián, sau đó mới thọ nghiệp báo khác, cũng phải đọa vào đường địa ngục, không phải đường khác.

Hỏi: Như ông giải thích, Đức Thế Tôn nói Tu-đa-la là tạo năm nghiệp vô gián rồi, theo thứ lớp đọa vào địa ngục, phải là năm nghiệp Vô gián mới đọa vào địa ngục hay chỉ hai, ba, bốn nghiệp? Hay còn tội khác đọa vào địa ngục?

Đáp: Nên biết kinh này và ý bài kệ. Nếu nói như ảnh, nghĩa là mặt trăng rất xa, ảnh của trăng hiện dưới đáy nước, không phải là mặt trăng kia đi đến trong nước. Như vậy, tử ấm, sinh ấm cũng như ảnh, chúng sinh sinh đâu cần gì đến trung ấm. Điều này cũng không đúng. Vì sao? Vì những điều kia đều có lỗi. Mặt trăng và nước đi chung, tử ấm sinh ấm không đi chung, cho nên có lỗi, dưới chân nhãn thức là tay thân thức, cũng như vậy. Nếu trước kia đã nhận lấy sinh ấm mà bỏ tử ấm như chiết lâu trùng là không đúng. Vì sao? Vì đường không khác và hai thức kết hợp là có lỗi. Vì vậy, nên nói có trung ấm, như đã nói ở bốn thứ Tát-bà-đa.

Hỏi: Là có tất cả hữu vi hay là không?

Đáp:

Nên biết tất cả hữu
Chẳng có tất cả tướng
Tất cả vô tất cả
Không có pháp tướng khác.

Hữu này là Tát-bà-đa lập ra. Tất cả là nói mười hai nhập, các nhập đó đều có tự tướng, không phải tướng nào khác, tất cả tướng đã tạo đều khác nhau, tạo nên nghiệp khác nhau, như trước đây đã nói.

Tất cả vô tất cả, nghĩa là pháp hữu học trong pháp học, không có pháp vô học. Có pháp vô học trong pháp vô học, cũng không có pháp vô học, như trong hư không chẳng có dấu vết, cứ so sánh như vậy.

Hỏi: Ở đây nói là có, vì sao nói không có?

Đáp: Không có pháp của tướng khác, như tướng của mắt, là nhãn nhập, không có tướng nhập khác, vì khác nhau. Vì lý do ấy nên nói tất cả pháp đều không lẫn lộn.

Tất cả thế gian có
Không trái sự thích ứng

Do Mâu-ni nói ra
Tăng Thanh văn không Phật.

Có ba đời Tát-bà-đa, đây là do Tát-bà-đa lập.

Hỏi: Vì sao đời hiện tại là do quán quá khứ, vị lai mà lập ra?

Đáp: Nếu không có quá khứ, vị lai thì sẽ không có đời hiện tại.

Đời hiện tại đã không, thì cũng không có pháp hữu vi, cho nên có ba đời. Đừng nói có lỗi. Nếu nói thời gian lâu xa là quá khứ, sẽ có là vị lai thì chẳng phải là có, chỉ có hiện tại, điều này không đúng. Vì sao? Vì có nghiệp báo. Đức Thế Tôn nói có nghiệp, có báo, chẳng phải nghiệp báo này đều có trong hiện tại. Nếu nghiệp hiện tại, nên biết báo ở vị lai. Nếu chịu báo ở hiện tại, phải biết: Nghiệp đã có trong quá khứ. Nếu nói những lời thế tục thường nói: Nghĩa là cũng nói tác giả là không thật có. Nếu cho những lời người thế tục thường nói là có nghiệp, có báo thì điều này cũng không đúng, vì Đức Thế Tôn cũng nói tác giả không thật có, đây cũng là lời của thế tục thường nói hay sao? Do miệng thần đã nói Tu-đa-la đệ nhất nghĩa không, mà ông vọng tưởng nói là ở đây có nên kia có, so sánh như vậy.

Phải biết, như ông nói: Thời gian lâu xa là quá khứ, sẽ có là vị lai, thì chẳng phải là có, chỉ hiện tại là có. Nghĩa là chớ nên nói, tôi cũng có thể nói, cái hiện tại đối với đã qua là vị lai, đối với sẽ có là quá khứ, thì điều này chẳng phải người trí nói.

Như đã nói, nếu không có năm căn như tín v.v... ta nói là chúng phàm phu, nếu người hữu học còn bị phiền não ràng buộc, nên năm căn như Tín, v.v... không hiện ở trước, vì đạo và phiền não không đi chung, cho nên biết có quá khứ, vị lai. Nếu nói khác, thì bậc Thánh lẽ ra là phàm phu. Nếu nói, chứng đắc là tùy theo sinh thì điều này cũng không đúng, không có pháp chứng đắc, vì không có chỗ nương dựa.

Thanh văn Tăng không có Phật: Nghĩa là Phật không thuộc Tăng Thanh văn. Vì sao? Vì ba ngôi báu không giảm. Nếu Đức Thế Tôn thuộc về Thanh văn thì lẽ ra có hai ngôi báu, chẳng phải ba, vì Phật không có tự thể riêng. Quy y và trong sạch không hư hoại, niệm v.v... cũng như vậy, chớ nói có lỗi, thế nên, Phật không thuộc về Thanh văn tăng. Như Đức Thế Tôn nói Tu-đa-la của "Kiều-đàm-di. Bố thí tăng, cũng chính là cúng dường ta". Nên biết là nói Tỳ-kheo Tăng, Thánh Tăng, ruộng phước Tăng, Đức Thế Tôn thuộc về ba tăng đó, vì đã phá phiền não, vì là Thánh, vì là ruộng phước đệ nhất nghĩa, chẳng phải Thanh văn Tăng tự giác.

Nếu khiến chương cú rộng
Chúng sinh rất sợ hãi

Tướng sâu không gì hơn
Nay ta chỉ nói lược.

Nếu nói rộng thì chúng sinh sẽ cảm thấy sợ hãi, nên hôm nay, con không nói rộng. Về các câu trong mỗi chương thật sâu xa. A-tỳ-đàm sáng suốt, thanh tịnh, trí tuệ đã am hiểu. Đối với nghĩa nhiệm mầu, âm thanh của các luận ở đây chỉ nói lược.

Các Đại sư thuở xưa
Giảng nói vô lượng nghĩa
Nay con theo chỗ hiểu
Phân biệt nói ít phần.

Đối với pháp, Tôn giả Pháp Thắng đã nói, nay tôi xin dùng chút ít trí tuệ để suy nghĩ so lường gom góp, để tạo lập chương cú, tường thuật lại để giúp tuyên dương giáo pháp của Phật, chẳng phải muốn kiêu mạn, hay cầu được tiếng khen. Như Tôn giả Pháp Thắng đã nói: Nếu sinh các phiền não là Thánh nói, thì đạo hữu lậu diệt, cũng sinh phiền não, mà chẳng thêm hữu lậu, vì phiền não không có. Vô lậu duyên phiền não, chỉ có bớt mà không thêm, như trước đã nói, cho nên tôi nói là thêm. Vô lậu duyên hạ trung thượng không thêm, là không đúng, vì dựa vào thêm.

Quyết định biết luận này
Chương cú nghĩa mầu nhiệm
Đối chúng trí tuệ kia
Mạnh mẽ không hề sợ.

Đối với nghĩa vị chương, cú của luận này, người trí khéo phân biệt nói, nghĩa là không có tâm khiếp sợ ở trong các chúng trí tuệ, vì khéo hiểu pháp tướng.

Nay tôi luận tăng ích
Tâm tôi không ham gì
Khiến người trí ưa thích
Chóng được vui Niết-bàn.

Kinh này là nói theo nghĩa rất lược mà sâu rộng, khó có thể thọ trì, như luận về hư không khó có thể biết rõ như trước đã nói, cho nên, bổn luận tăng ích tùy thuận nghĩa của Tu-đa-la, giúp cho chúng ta được hiểu rõ một cách dễ dàng, vì biết nghĩa thì phiền não dứt.

Phẩm 11: LUẬN

Đã nói xong phẩm Trạch, nay sẽ nói lược các luận, khiến cho người trí ưa thích.

Lìa luật không luật nghi
Mà được ở luật nghi
Không do kia vượt hơn
Người năng quyết định nói.

Đáp: Có. Đó là lúc từ cõi Vô Sắc mất, sinh cõi Sắc. Phàm phu ở cõi Vô Sắc, gọi là phi luật nghi, phi bất luật nghi, vì luật nghi thiện ác không có ở cõi Vô Sắc. Lúc từ cõi Vô Sắc kia chết, sinh cõi Sắc thì được luật nghi thiện, vì luật nghi cõi Sắc, đều có chung với tâm, chẳng phải thắng tiến, vì cõi Vô Sắc là cõi thù thắng.

Từng được quả Sa-môn
Hiền Thánh lìa các lỗi
Được pháp thiện hữu vi
Không gọi là tu tập.

Đáp: Có, đó là Thánh đạo thuộc về quả diệt rồi về sau mới thối. Căn không tiến thêm mà lại được. Căn đó, trước kia thuộc về quả quá khứ, vì đạo trước diệt tiên nên chẳng phải tu, vì nhân của hiện tại không có.

Lìa các lỗi: Nghĩa là vì chẳng phải thế tục, Hữu vi là chẳng phải vô vi. Thiện nghĩa là vì không phải bất thiện, vô ký.

Lúc đạo chưa hưng khởi
Xa lìa các lỗi lầm
Lúc giải thoát lìa ác
Người năng quyết định nói.

Đáp: Có, đó là người tu hành trụ Tam-muội Kim Cương, trừ tận trí đầu tiên và các pháp vô học khác, là lúc chưa khởi, vì không hướng đến. Lúc giải thoát: Là khi tất cả đạo vô học giải thoát ngay, thì tận trí đầu tiên phát sinh, lúc phát sinh này là lúc giải thoát. Lìa các lỗi ác: Nghĩa là vì chẳng phải hữu lậu.

Lại Triền Quang Âm khởi
Là tương ưng định kia
Sơ thiền thanh tịnh thối
Mà được ở thối pháp.

Đáp: Có, đó là lúc A-la-hán lui sụt triền đệ Nhị thiền, tận trí đã được, sự lui sụt của Sơ thiền được kết hợp với tận trí. Có lui sụt sự huân tu, vì Sơ thiền kết hợp với đệ Tứ thiền. A-na-hàm cũng vậy. Nói tịnh, nghĩa là làm

sáng tỏ chỗ thối, vì chẳng phải vô học.

Lại ở đạo kiến đế
Được các pháp thiện kia
Pháp đó là có duyên
Thánh trí không thấy duyên.

Đáp: Có nghĩa là đi chung với khổ tỷ trí, đẳng trí của cõi Dục, với khổ tỷ trí đều cùng chung khổ vô gián đẳng v.v... biên tu, cũng không thấy trí kia duyên, vì trí đó duyên cõi Dục, mà khổ tỷ trí không duyên cõi Dục. Tập, diệt vô gián đẳng biên cũng như vậy. Đạo tỷ nhẫn được duyên với trí của ba đế mà không quán đế đó vì trụ cảnh giới khác. Như trụ pháp học được pháp vô học, được pháp vô học chẳng phải pháp học. Như thế, từ phẩm Pháp trí đến phẩm Tỷ trí, phẩm Tỷ trí lại đến phẩm Pháp trí.

Về quả tuệ hữu lậu
Tuệ vô lậu đã dứt
Quả kia do nhân khởi
Là tuệ không lìa dục.

Đáp: Có. Đó là bậc Thánh lìa dục cõi Dục, chưa lìa dục của Sơ thiền. Tâm biến hóa của quả Sơ thiền ở cõi Dục đã lìa dục, vì ái của cõi Dục đã hết. Tuệ của Sơ thiền chưa lìa dục, vì ái của thiền đó chưa hết, tất cả tâm biến hóa cũng vậy, theo nghĩa đó, trừ quả của địa mình.

Lại trụ đạo vô ngại
Mà được ở các diệt
Phiền não trái nhau này
Chẳng phải kiến vô lậu.

Đáp: Có. Đó là lúc phàm phu tu thần thông. Đạo vô ngại dứt, phiền não, trái với thần thông mà được các diệt, chẳng phải trái với kiến vô lậu. Vì sao? Vì lúc bậc Thánh lìa dục thì pháp nhẫn được hiện ở trước, vì đắc nhẫn trái với phiền não diệt.

Lại các phiền não diệt
Người lìa dục đạt được
Không dứt các phiền não
Mà được sạch không nhơ.

Đáp: Có, đó là lúc địa trên chết, sinh Phạm thiên, được phiền não cõi Dục diệt mà không dứt phiền não đó, vì trước đã dứt rồi. Tất cả địa khác cũng như vậy.

Địa thanh tịnh không nhơ
Chưa từng được mà được

Chẳng lìa dục, chẳng thối
Không dựa vào kiến đạo.

Đáp: Có. Đó là Sơ thiền lìa dục, dựa vào Sơ thiền và quyến thuộc vượt lên ly sinh. Đạo tỷ trí phát sinh, thành tựu quả A-na-hàm của ba địa. Xuất định đó, nhập đệ Nhị thiền, đạt được vô lậu của đệ Nhị thiền. Lúc được vô lậu của thiền đó, chẳng lìa dục, vì trước đã lìa dục, chẳng phải thối vì tinh tiến vượt hơn, chẳng phải kiến đạo, vì thấy đạo rốt ráo. Nên biết địa trên và các căn tăng ích cũng đều như vậy.

Là được chưa từng được Mà đạt được vắng lặng, Không xả kia không được Như bậc Năng tri nói.

Đáp: Có. Đó là trừ quyến thuộc khổ pháp mà nhẫn và được, được đạo vô lậu khác, xả vô lậu ban đầu kia. Tánh của tất cả phàm phu đều không được, những cái khác không xả, vì trước kia đã xả.

Nếu thành tựu tám nhẫn Cũng thành tựu bảy trí Các kiến vô lậu này Không thấy vô lậu nào.

Đáp: Có. Đó là nói người này trụ đạo tỷ nhẫn, thành tựu tất cả tuệ của kiến đạo, kiến tất cả diệt, tất cả đạo chỉ trừ, quyến thuộc của đạo tỷ nhẫn. Nhẫn kia không thấy tự tánh, vì không tự quán sát, không có hai tánh, cũng không thấy tương ưng với một hành, một duyên, không thấy có chung một quả, một quyết định.

Lại pháp chưa từng được Cảnh giới bên hữu lậu Chỉ có người bất động

Năng kích động pháp thiện.

Đáp: Có. Đó là nói vô tướng của vô tướng, đối với sự sinh tử vô cùng cực chưa từng được mà được. Vì Thánh đạo vắng lặng, nên nói duyên hữu lậu, chẳng phải thường diệt, nên nói cảnh giới biên, ngoài ra không có, nên nói chỉ có bất động, vì Thánh đạo vắng lặng, nên nói kích động pháp thiện.

Đã khởi tuệ vô lậu
Người chưa khởi tuệ đó
Đời trước, chẳng nhân sau
Như bậc Năng tri nói.

Đáp: Có. Đó là sự thêm trước, chẳng phải nhân kém ở sau, vì quả kia tương tợ và thêm.

Lại lìa dục sáu địa
Thánh cũng đắc quả kia
Không được thiền vô lậu
Như bậc Năng tri nói.

Đáp: Có. Đó là không xứ lìa dục, dựa vào thiền vị chí, vượt lên ly sinh. Khổ, pháp nhẫn sinh, đạo tỷ trí chưa sinh, vì tám mươi chín quả Sa-môn, nên nói là thành tựu quả của địa kia, vì khổ pháp trí là khổ pháp nhẫn nơi quả dựa và quả công dụng. Phiền não do thấy khổ dứt hết, thấy khổ dứt phiền não, là quả giải thoát và quả công dụng, mà không thành tựu thiền vô lậu, vì chưa được.

Lại các pháp vô lậu
Mà vì thuộc về quả
Người năng sinh pháp kia
Không nhập vào cõi đó.

Đáp: Có, đó là giới vô lậu, thuộc về cõi vô lậu kia, chẳng thuộc hữu lậu. Giới là do bốn đại tạo nên, vì quả của bốn đại đó. Bốn đại thuộc về giới xúc, vì là cảnh giới của thân thức.

Có một đại chủng diệt Ở địa thiền không khởi Hai đại chủng ở trước Như bậc Năng Tri nói.

Đáp: Có. Đó là nói bậc Thánh sinh ở Sơ thiền vô lậu cõi Dục, theo thứ lớp Sơ thiền hữu lậu hiện ở trước. Một chủng bốn đại diệt, đó là bốn đại cõi Dục, do vô lậu chuyển biến theo. Vì nếu sự sinh ở cõi Dục kia, được hiện ở trước, tức là bốn đại tạo địa cõi Dục đó. Hai thứ bốn đại hiện ở trước, nghĩa là cõi Dục và bốn đại của địa Sơ thiền. (Giới chung của đạo, gọi là vô lậu chuyển biến theo. Nếu sinh ở cõi Dục kia, tức là bốn đại tạo cõi Dục đó, nên bốn đại này, đều có sự khởi diệt với vô lậu).

Về ba đạo nhân pháp Là ba thứ lớp tánh Nói ba thứ một địa Cũng lại ở ba địa.

Đáp: Có, đó là tuệ vô học, dùng kiến đạo, tu đạo, đạo vô học kia làm nhân. Trí tận, trí vô sinh, đẳng kiến vô học là tự tánh. Vì phần hạ trung, thượng khác nhau, nên nói là ba thứ, vì thuộc về địa vô học nên nói là một địa, có giác có quán đều phân biệt, nên ở ba địa.

Từng có hữu lậu thọ
Hai thành, một không thành
Hai căn, hai thứ thành
Đây nói là thân chứng.

Đáp: Có, đó là người thân chứng, căn cứ vào Sơ thiền, quyến thuộc của Sơ thiền và căn cơ thắng tiến của đệ Nhị thiền. Địa trên chẳng hiện ở trước, thành tựu khổ căn, lạc căn hữu lậu. Người này trước đây đã được lạc căn vô lậu của địa đệ Tam thiền. Vì chuyển căn, nên xả rồi chưa được trở lại, vì dựa vào căn thắng tiến của địa dưới nên không tu đạo học của địa

trên. Như được một ưu căn của quả Học không thành tựu, vì lìa dục. Hỷ căn, xả căn, mỗi căn đều có hai thứ, nghĩa là hữu lậu, vô lậu khởi đều thành tựu, do xả căn thuộc về thiền Vị chí, thiền trung gian, cho nên được xả căn. Hỷ căn thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, cho nên được hỷ căn.

Phiền não Cửu địa diệt
Mà được ở các thiền
Không được định Vô Sắc
Hoặc lại được sẽ nói.

Đáp: Có, đó là A-la-hán có thể được thiền định, chẳng phải Vô Sắc. Các thiền cũng được, cũng hiện ở trước. Người ở cõi Vô Sắc thành tựu mà không hành.

Một pháp có nhiều tánh
Hoặc một, ba, có không
Đó là pháp Vô học
Sức nhân đã nuôi lớn.

Đáp: Có, đó là vô tri căn, vì kiến lập một căn nên nói là một, vì chín căn hòa hợp nên nói là nhiều tánh. Do nhiều tánh nên nói chẳng phải một. Vì một địa vô học, nên nói một địa, vì giác quán phân biệt nên nói là ba địa. Có: Là có danh. Vô: Là không có việc khác, vì Vô học đắc, nên nói là pháp Vô học, vì ba nhân thành lập, nên nói là nhân nuôi lớn.

Về pháp là có phần
Cùng kia có phần khác
Sinh, trụ, hoại giống nhau
Như bậc Năng Tri nói.

Đáp: Có, đó là sắc nhập thì có phần khác. Tướng sắc kia và nhập đều có sinh, trụ, diệt vì chung một quả. Sắc nhập, nghĩa là vì không tạo nghiệp nên nói là có phần khác. Tướng sắc kia, nghĩa là vì thuộc pháp nhập, nên là có nhập.

Về các pháp tương ưng
Hoặc nói có phần khác
Hoặc lại nói có phần
Như bậc Năng tri nói.

Đáp: Có, đó là pháp bất sinh ở vị lai, ý nhập là có phần khác, vì không tạo nghiệp, tâm pháp khác là có phần, vì thuộc về pháp nhập.

Về hai A-na-hàm
Sinh chung ở một địa
Pháp thứ nhất hoặc thành

Cùng được một quả địa.

Đáp: Có, đó là một A-na-hàm, dựa vào đệ Nhị thiền, vượt lên ly sinh. A-na-hàm thứ hai dựa vào đệ Tam thiền. A-na-hàm kia chết, đều sinh đệ Tam thiền. Người A-na-hàm kia dựa vào đệ Nhị thiền, vượt lên ly sinh, là vì thiền tăng tiến, bỏ pháp đệ nhất thế gian, tức là dựa vào đệ Tam thiền, nghĩa là thành tựu, không bỏ, các địa trên cũng như vậy. Được một quả địa, đó là thiền vô giác, vô quán.

Từng có pháp bất động
Đều thọ ở một hữu
Một thành tựu chín địa
Thiện hữu lậu, một vô.

Đáp: Có. Nghĩa là một lần sinh cõi Dục, một lần sinh Sơ thiền. Lần sinh cõi Dục, có chín địa, thành tựu pháp hữu lậu. Lần sinh Sơ thiền, có tám địa trừ địa cõi Dục. Tăng và xả, đều thọ một hữu, nên nói là một hữu. Hữu lậu: Nghĩa là do vô lậu sinh lên địa trên, thành tựu địa dưới, nên nói là hữu lậu.

Từng trụ một sát-na
Được, xả ba môn thoát
Hoặc lại xả cả hai
Một xả lại còn được.

Đáp: Có, đó là người sinh cõi Vô Sắc, sẽ được A-la-hán, trụ Tam-muội Kim Cương, được ba môn giải thoát vô học, xả ba môn giải thoát của học, xả định diệt thọ tưởng và Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, xả tất cả phần thối, được tất cả phần thắng tiến. (Vì trong một niệm vừa xả vừa được, nên nói là một niệm. Định diệt thọ tưởng và phi tưởng được đoạn trị. Nói xả hai là xả thối và được, vì thắng tiến nên xả một, được một).

Từng thành quả Sa-môn
Thành tựu Thánh, phi Thánh
Mà không được dứt biết
Như bậc Năng tri nói.

Đáp: Có, đó là vô gián đẳng, khổ trí sinh, tập trí chưa sinh. Bấy giờ, ở tám mươi chín phần quả Sa-môn thì thành tựu, ở bốn quả Sa-môn thì không thành tựu, cũng không được dứt biết.

Độ biển vô thắng kia
Sức kém, không kham được
Nay con theo khả năng
Nói rộng nghĩa sâu xa.

Người nghèo cùng thế gian
Có thể được giàu có
Kẻ ngu không như vậy
Cần phương tiện to lớn.
Báu thế gian dễ được
Báu tuệ thật khó được
Cho nên phải siêng học
Dần nhập trí sâu xa.
Hiểu đúng đường Niết-bàn
Lầm nẻo tà sinh tử
Tuệ xua tan tối si
Như mặt trời trừ tối
Vì mong cầu giải thoát
Phải siêng tu trí tuệ.

Bài kệ trang nghiêm A-tỳ-đàm của Tỳ-kheo Tát-bà-đa là mong sao tất cả chúng sinh, trí tuệ ngày càng thêm, mau được giải thoát.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 98

LUẬN
A TỲ ĐÀM CAM LỘ VỊ

SỐ 1553

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1553

LUẬN A TỲ ĐÀM CAM LỘ VỊ

Tác giả: Tôn giả Cù Sa. Hán dịch: Tam Tạng
Đời Tào Ngụy, mất tên người dịch.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: BỐ THÍ TRÌ GIỚI

Hỏi: Thế nào là bố thí?

Đáp: Tự đem của cải, vật dụng để cho, vì ba thứ, đó là vì mình, vì người, vì cả hai. Cúng dường chùa, tháp, Phật, Bích-chi-Phật và A-la-hán, đó là vì mình; Thí cho chúng sinh là vì người, bố thí cho người là vì cả hai. Ý nghĩ, ruộng vườn, tài vật tốt đẹp, được quả báo tốt đẹp.

Hỏi: Thế nào là ý nghĩ tốt đẹp?

Đáp: Cúng dường với đức tin thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là ruộng tốt đẹp?

Đáp: Có ba thứ ruộng:

1. Người có đức lớn.

2. Người nghèo khổ.

3. Người có đức lớn mà nghèo khổ.

Hỏi: Thế nào là đức lớn?

Đáp: Là Phật, Bồ-tát, Bích-chi-Phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm và Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Thế nào là nghèo khổ?

Đáp: Là súc sinh, kẻ già bệnh, đui, điếc, câm, ngọng, các thứ nghèo khổ như thế.

Hỏi: Thế nào là có đức lớn mà nghèo khổ? Là Phật, Bồ-tát, Bích-chi-Phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hàm, người già bịnh, đui điếc câm ngọng nghèo khổ. Đối với người là ruộng phước đức lớn, nếu tâm cung kính thì được phước báo to lớn. Đối với ruộng nghèo khổ, tâm thương xót thì được báo to lớn. Đối với ruộng phước đức lớn và nghèo khổ nếu

tâm cung kính thương xót thì được báo to lớn. Đấy là ruộng phước tốt đẹp.

Hỏi: Thế nào là vật tốt đẹp?

Đáp: Là không giết hại người khác, không trộm cắp, không cướp đoạt, không trói buộc, không đánh đập, không khinh thường, không lừa dối, đem vật trong sạch tùy theo nhiều ít bố thí đúng lúc, đấy là vật dụng tốt đẹp.

Hỏi: Tin là sao?

Đáp: Biết quả đời sau, nếu Niết-bàn thì nhất tâm không lay động.

Đấy là niềm tin trong sạch.

Hỏi: Thế nào là tự bỏ sự tham lam, keo kiệt?

Đáp: Cung kính người, đó là cúng dường thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là đón rước, lễ bái?

Đáp: Tự tay thí cho v.v..., đó gọi là cúng dường.

Hỏi: Ruộng khác là sao?

Đáp: Các công đức làm việc thiện, giữ giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, được quả, v.v..., nếu làm những việc đó, đó là ruộng khác. Cứu giúp những nhân duyên tai ách khác thì được không khổ, phát tâm cung cấp, sẽ được quả báo mầu nhiệm. Bố thí cho Phật, thì tất cả đều được phước. Bố thí chúng tăng nếu tăng thọ dụng, sẽ được tất cả phước, nếu chưa thọ dụng sẽ không được tất cả phước. Vì cúng dường pháp nên được báo lớn. Nếu người học thông minh, trí tuệ rộng lớn, vì pháp mà cúng dường thì đó là cúng dường pháp. Bố thí sẽ được giàu có, người nhận lãnh của bố thí rồi thì được các công đức, như niềm vui, sức khỏe, sống lâu v.v... dứt trừ kiết sử được quả báo lớn. Nếu thí cho súc sinh thì sẽ được thọ báo trăm đời. Nếu cho kẻ bất thiện sẽ mắc quả báo ngàn đời, nếu cho người thiện sẽ được thọ quả báo ngàn vạn đời. Nếu cho phàm phu lìa dục sẽ được thọ báo trong ngàn muôn ức đời. Nếu bố thí cho người đắc đạo sẽ thọ báo vô số đời. Nếu cúng dường Phật thì sẽ được thọ báo cho đến đắc quả Niết-bàn.

Bố thí có sáu nạn:

1. Bố thí với tâm kiêu mạn.
2. Bố thí vì cầu danh.
3. Bố thí vì thế lực.
4. Bố thí vì ép buộc.
5. Bố thí vì nhân duyên.
6. Bố thí mong cầu được báo. Đấy là sáu nạn của việc bố thí.

Hỏi: Thế nào là giữ giới?

Đáp: Có hai thứ luật nghi: Luật nghi bất thiện và luật nghi thiện.

Hỏi: Thế nào là luật nghi bất thiện?

Đáp: Đó là sát sinh, trộm cắp, dâm dục. Đấy là ba luật nghi ác của thân. Nói hai lưỡi, nói hung dữ, nói dối, nói thêu dệt là bốn thứ luật nghi ác của miệng. Tham lam, giận dữ, ác tà là ba thứ luật ác của ý.

Hỏi: Thế nào là sát sinh?

Đáp: Có sự sống của kẻ khác, biết là sự sống mà cố tình cướp đoạt mạng sống, như vậy là sát sinh. Có vật thọ dụng của người khác, biết là vật thọ dụng của người khác mà vẫn cố tâm trộm lấy, cướp đoạt, như vậy là ăn trộm. Có phụ nữ là sở hữu của người khác, biết của người khác mà muốn hành dâm với họ, hoặc đúng là đạo, hoặc không đúng là đạo. Tự có vợ mà quan hệ không đúng đạo, như vậy là dâm dục. Nếu biết mà nói không biết, không biết nói là biết, nếu nghi nói không nghi, không nghi nói nghi, như vậy là nói dối. Nếu có thật ý muốn chia cách mà nói khác đi là nói hai lưỡi. Vì tâm nhiễm ô đối với người khác nói lời không nhã nhặn, đáng yêu là nói lời hung dữ. Nói lời vô nghĩa không phải lúc là nói lời thêu dệt, đối với của cải người khác mà cho là của mình, như thế là tham lam.

Thấy người kia vui mừng, ta muốn cho họ đau đớn, khổ sở đó là tức giận. Tà ác có hai thứ: Vật có thật nói là không có, đấy là thấy nghe điên đảo.

Thế nào là vật có thật mà nói không có, không có tội, không có phước báo, không có đời nay, đời sau, không có cha, mẹ, không có Phật, Bích-chi-Phật, A-la-hán, người đắc đạo khác, v.v… như vậy việc thật mà nói là không.

Điên đảo là sao? Thấy, nghe việc tốt xấu cho là trời làm, không phải là do quả báo. Như vậy là tà ác. Đó là ba thứ nghiệp bất thiện. Ăn năn, chừa bỏ ba nghiệp này, gọi là ba thứ nghiệp thiện. Thường lánh xa ba hạnh ác thực hành ba hạnh thiện, đó là giữ giới vững chắc. Bố thí, giữ giới, thiền định, tư duy chắc chắn sẽ được ba quả báo tốt đẹp: đó là của cải giàu có, được sinh lên cõi trời, được giải thoát. Những thứ ruộng phước thế gian: Như cha mẹ, người già bệnh, người thiện, phàm phu lìa dục, bảy hạng người hữu lậu, bốn đạo hướng, bốn đạo quả, người nhập, xuất định Diệt tận, Bích-chi-Phật, Bồ-tát, Phật, Tỳ-kheo, tăng, người qua lại, người đói khát.

Phẩm 2: GIỚI ĐẠO

Ba cõi: Là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Trong ba cõi này có năm thứ đạo: Địa ngục, Súc sinh, Quỷ thần, Người, Trời và đạo trung ấm.

Thế nào là đạo địa ngục? Địa ngục lớn có tám thứ:

1. Tăng thời phi.
2. Hắc thằng.
3. Hợp hội.
4. Lỗ lạp.
5. Ma-ha-lỗ-lạp.
6. Ban-na.
7. Ba-đa-ban.
8. A-tỳ.

Mỗi địa ngục lớn đều có mười sáu địa ngục quyến thuộc.

Thế nào là đường súc sinh? Là các loài không có chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, hoặc đi dưới nước, đi trên đất liền, bay trong hư không.

Thế nào là đường quỷ thần? Quỷ thần có các thứ thân.

Hành bất thiện của cõi Dục có ba thứ: thượng, trung, hạ. Địa ngục thuộc báo thượng, súc sinh là báo trung, ngạ quỷ là báo hạ.

Thế nào là đường người? Có bốn thứ người:

1. Người ở phía Đông Phất-vu-đãi.
2. Người ở phía Tây Cù-da-ni.
3. Người ở phía Nam Diêm-phù-đề.
4. Người ở phía Bắc Uất-đơn-viết.

Cõi Dục do bốn thứ báo của hạnh thiện sinh ra

Thế nào là đường trời? Cõi Dục có sáu tầng trời:

1. Trời Tứ Thiên vương.
2. Trời Đao-lợi.
3. Trời Diêm.
4. Trời Đâu-thuật.
5. Trời Ni-ma-la.
6. Trời Tha hóa tự tại.

Trong cõi Dục có sáu thứ báo thiện sinh ra.

Mười bảy xứ của cõi Sắc là: Phạm-phú-lâu, Phạm-ca-di, Ma phạm, Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang diệu, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến

tịnh, Quả thật, Đắc đức, Đại quả, Bất phiền, Bất não, Thiện quán, Khoái kiến, A-ca-nị-trá. Bốn thiền có ba thứ báo thượng, trung, hạ. Mười hai xứ sinh báo lẫn lộn hữu lậu, vô lậu của bốn thiền. Bậc Thánh của năm Tịnh Cư sinh ở ba xứ. Bậc Thánh, phàm phu sinh chung ở chỗ Đại quả, phàm phu được định Vô tưởng, sinh ở trời Vô tưởng.

Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng Vô tưởng xứ ở cõi Vô Sắc, được định Vô Sắc là theo thứ lớp sinh ở xứ Vô Sắc. Tùy theo sức của định nên được xứ sinh, đấy là đường trời.

Vì muốn thọ hưởng, muốn sử dụng, muốn chứa giữ, do nhân duyên này nên nói là cõi Dục. Không có dục, có sắc, do nhân duyên này nên gọi là cõi Sắc. Cõi Vô Sắc có bốn ấm, do nhân duyên này nên nói là cõi Vô Sắc.

Năm mươi năm trong cõi người bằng một ngày, một đêm ở cõi trời Tứ Vương Thiên. Ba mươi ngày như vậy là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ của Tứ Thiên Vương trên trời là năm trăm tuổi, tương đương chín vạn tuổi trong loài người. Đây cũng chính là một ngày một đêm trong địa ngục Tăng thời phi. Ba mươi ngày như vậy là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Tăng thời Phi sống lâu năm trăm tuổi.

Lại nữa, một trăm tuổi trong cõi người là một ngày một đêm ở cõi trời Đao-lợi. Như vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, trời Đao-lợi sống lâu một ngàn năm trên cõi trời, bằng ba ức sáu vạn năm trong cõi người, cũng là một ngày một đêm trong địa ngục Hắc thằng. Như vậy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Hắc Thằng sống lâu một ngàn tuổi.

Lại nữa, hai trăm năm trong cõi người là một ngày một đêm ở cõi trời Diêm. Như vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ của trời Diêm là hai ngàn năm, tương đương với số mười bốn ức bốn vạn năm ở nhân gian, cũng là một ngày một đêm trong địa ngục Hợp Hội. Như vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Hợp Hội sống lâu đến hai ngàn tuổi.

Lại nữa, bốn trăm năm trong cõi người là một ngày một đêm trên cõi trời Đâu-thuật, ba mươi ngày như vậy, là một tháng, mười hai tháng là một năm trên trời Đâu thuật sống lâu đến bốn ngàn năm, tương đương với số năm mươi bảy ức sáu vạn năm ở nhân gian, cũng là một ngày một đêm trong địa ngục Lỗ-lạp. Ba mươi ngày như vậy, là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Lỗ-lạp sống lâu đến bốn ngàn tuổi.

Lại nữa, tám trăm năm ở nhân gian là một ngày một đêm ở trời Hóa

Ứng Thanh. Ba mươi ngày như vậy là một tháng, mười hai tháng là một năm, trên trời Hóa ứng thanh sống lâu tám ngàn năm, tương đương với số hai trăm ba mươi ức bốn vạn năm ở nhân gian, cũng là một ngày một đêm trong địa ngục Ma-ha-lỗ-lạp. Như vậy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, tại địa ngục Ma-ha-lỗ-lạp sống lâu tám ngàn năm.

Lại nữa, một ngàn sáu trăm năm ở cõi người là một ngày một đêm ở tầng trời Tha hóa tự tại. Ba mươi ngày như vậy là một tháng, mười hai tháng là một năm, trên tầng trời Tha hóa tự tại sống lâu một vạn sáu ngàn tuổi, tương đương với số chín trăm hai mươi mốt ức sáu vạn năm ở nhân gian, cũng chính là một ngày một đêm trong địa ngục Ban-na. Ba mươi ngày như vậy, là một tháng, mười hai tháng là một năm, trong địa ngục Ban-na sống lâu một vạn sáu ngàn năm.

Địa ngục Tăng khát sống lâu nửa kiếp, địa ngục A-tỳ sống lâu một kiếp. Tuổi thọ trong súc sinh có loài chỉ trong khoảng thời gian búng ngón tay, nửa ngày, một ngày, một tháng, một năm, mười năm, một trăm ngàn vạn ức năm, cho đến một kiếp. Trong loài ngạ quỷ tuổi thọ cho đến bảy vạn năm, tuổi thọ của người Nam Diêm-phù-đề thuộc loài người hoặc vô số năm, hoặc đến mười tuổi. Thời đại ngày nay, con người sống lâu trên dưới một trăm tuổi. Người Tây Cù-da-ni sống lâu hai trăm năm mươi tuổi. Người Đông Phất-vu-đãi sống lâu năm trăm tuổi. Người Bắc Uất-đơn-việt sống lâu một ngàn tuổi, không thêm bớt. Chúng sinh ở xứ khác tuổi thọ có tăng giảm. Đấy là tuổi thọ của chúng sinh trong cõi Dục.

Tuổi thọ ở cõi Sắc như thế nào? Trời Phạm ca di sống lâu nửa kiếp. Trời Phạm-phú-la thọ một kiếp, trời Ma-ha-phạm sống lâu một kiếp rưỡi. Đấy là tuổi thọ của Sơ thiền. Trời Thiểu Quang thọ hai kiếp. Trời Vô Lượng Quang thọ bốn kiếp. Trời Quang Diệu thọ tám kiếp. Đấy là số tuổi thọ của Nhị thiền. Trời Ước tịnh thọ mười sáu kiếp. Trời Vô Lượng Tịnh thọ ba mươi hai kiếp. Trời Biến Tịnh thọ sáu mươi bốn kiếp, đấy là số tuổi thọ của Tam thiền. Trời Quả Thật thọ hưởng một trăm hai mươi lăm kiếp. Trời Đắc Đức thọ hai trăm năm mươi kiếp. Trời Đại Quả thọ năm trăm kiếp. Trời Vô Phiền thọ một ngàn kiếp. Trời Vô Não sống lâu hai ngàn kiếp. Trời Thiện Quán thọ bốn ngàn kiếp, trời Khoái Kiến thọ tám ngàn kiếp. Trời A-ca-nị-trá thọ một vạn sáu ngàn kiếp. Đấy là số tuổi thọ của Tứ thiền.

Cõi Không xứ thọ hai vạn kiếp. Cõi Thức xứ thọ một vạn kiếp. Cõi Bất Dụng xứ thọ sáu vạn kiếp. Cõi Hữu tưởng Vô tưởng thọ tám vạn kiếp. Đấy là tuổi thọ của cõi Vô Sắc.

Số tuổi thọ của chúng sinh trong ba cõi là như vậy.

Phẩm 3: TRỤ THỰC SINH

Có bốn thức trụ. Thế nào là bốn? Sắc, thống (thọ), tưởng, hành. trong cõi Dục, cõi Sắc, thức thường duyên với sắc mà trụ. Thức của Không xứ, Thức xứ thường duyên với thống (thọ) mà trụ. Thức của Bất dụng xứ thường duyên với tưởng mà trụ. Thức của Hữu tưởng Vô tưởng xứ thường duyên với hành mà trụ.

Có bốn thứ ăn khiến mạng căn của hữu tình được thêm lớn. Bốn cách ăn (thực) là:

1. Đoàn thực.
2. Lạc thực.
3. Ý tư thực.
4. Thức thực

Đoàn thực thuộc về ba nhập là hương, vị, tế hoạt (xúc). Vì sao không thuộc về sắc nhập? Đoàn thực là thức ăn mắt thấy được. Mạng căn của hữu tình có lớn mà không tăng thêm. Đoàn thực có hai thứ là có thô và có tế. Thế nào là thức ăn thô? Cơm, bánh, tất cả như vậy! Thế nào là thức ăn tế? Thức uống, những thứ hương thoa mình.

Thế nào là Lạc thực (Xúc thực)? Mắt cánh lạc (xúc), tai mũi lưỡi thân cùng tiếp xúc. Ý hữu lậu tiếp xúc, có thể nối tiếp đến đời sau không dứt. Lạc thực phần nhiều là ở chim đẻ trứng, ngỗng, nhạn, tất cả như vậy.

Ý tư thực phần nhiều là trùng, cá đẻ trứng trong nước, tất cả như vậy. Thức thực phần nhiều là ở cõi Hữu tưởng, Vô tưởng và chúng sinh trung ấm.

Đoàn thực phần nhiều ở cõi Dục, ba cách ăn còn lại phần nhiều là ở cõi Sắc, Vô Sắc.

Đoàn thực là thô bậc nhất, lạc thực là tế, ý tư thực là tế kế tiếp, thức thực là tế nhất.

Bốn thứ sinh: Thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, và hóa sinh. Thân trung ấm, cõi trời, địa ngục, tất cả đều hóa sinh.

Quỷ thần có hai thứ sinh: Thai sinh và hóa sinh.

Chúng sinh khác có bốn thứ sinh. Chúng sinh ở trong hóa sinh cùng lúc được sáu căn. Các thứ sinh kia trước nhất được thân căn, mạng căn. Các căn khác theo thứ lớp được thành.

Bốn hữu: Sinh hữu, tử hữu, bổn hữu và trung hữu. Giữa sự sống chết

là năm ấm vi tế, đó là Trung hữu.

Trung hữu và sinh hữu ví như in ra chữ, như cha con giống nhau.

Trừ cõi Vô Sắc, tất cả cõi khác đều thọ thân trung ấm. Qua đời ở cõi Vô Sắc, sinh cõi Dục, Sắc và thọ thân trung ấm. Ví như Trung A-na-hàm có trung ấm. Trung hữu, sinh hữu của đời khác cũng như vậy.

Phẩm 4: NGHIỆP

Trong tâm tạp duyên tạp cấu khởi hạnh tạp. Trong hạnh tạp thọ nhận báo tạp.

Thế nào là hạnh tạp? Có ba thứ hành: Hành của thân, hành của miệng và hành của ý. Lại có hành thiện, hành bất thiện và hành vô ký. Hành học, hành vô học và hành phi học phi vô học, hạnh kiến đế dứt trừ, hành tư duy dứt trừ và hạnh không dứt trừ.

Quả báo cũng có nhiều thứ như báo hiện đời, sinh báo, hậu báo, lạc báo, khổ báo, bất lạc bất khổ báo, báo đen, báo trắng, báo tạp.

Hành không báo, không trắng không đen.

Lúc hành hết, thì hẳn có quả báo, không hẳn thọ quả báo.

Thế nào là hành của thân?

Hành của thân là thân cử động, tác động làm việc.

Thế nào là hành của miệng? Miệng lay động, nói ra.

Thế nào là hành của ý? Là ý hoạt động suy nghĩ.

Thế nào là hành thiện?

Thân thiện tạo ra khẩu thiện, tạo ra ý nghĩ thiện.

Thế nào là hành bất thiện?

Thân bất thiện tạo ra khẩu bất thiện và ý bất thiện.

Thế nào là hành vô ký?

Thân vô ký tạo ra khẩu vô ký, nghĩ ra ý vô ký.

Thế nào là hành hữu học?

Thân học vô giáo, khẩu học vô giáo, ý học nghĩ ra.

Thế nào là hành Vô học?

Thân vô học vô giáo, khẩu vô học vô giáo, ý vô học nghĩ ra.

Thế nào là hành phi học phi vô học?

Thân hữu lậu hành động, khẩu hành động, ý nghĩ ra.

Thế nào là hạnh do kiến đế dứt trừ?

Kiên tín, Kiên pháp, kiến nhẫn dứt trừ tám mươi tám kiết, tương ưng với tư.

Thế nào là hành do tư duy dứt trừ? Đó là tín giải thoát, kiến đáo, tư duy dứt trừ mười sử tương ưng với tư. Và hành của thân nhiễm ô, hành của miệng, hành hữu lậu thiện, hành vô ký.

Thế nào là hành không dứt trừ? Đó là các hành vô lậu.

Thế nào là báo hiện đời? Nếu tạo hạnh thiện, ác thì ngay trong đời này sẽ được báo, chứ không phải đến đời sau mới được.

Thế nào là sinh báo? Tùy theo sau khi hành thiện ác, ngay đời thứ nhất là được báo, chẳng phải đến đời khác.

Thế nào là hậu báo? Tùy theo sau khi làm điều thiện, ác, thì đời thứ hai được báo, hoặc đời thứ ba, thứ tư hoặc hơn nữa mới được báo.

Thế nào là lạc báo? Làm việc thiện ở cõi Dục, cõi Sắc cho đến thực hành điều thiện của ba thiền là thọ lạc báo.

Thế nào là khổ báo? Làm điều bất thiện sẽ thọ báo khổ.

Thế nào là bất khổ bất lạc báo? Hành hữu lậu thiện của đệ Tứ thiền và hành hữu lậu thiện của cõi Vô Sắc.

Thế là báo hắc hắc? Đó là hành bất thiện tạo ra báo hắc hắc.

Thế nào là báo bạch bạch? Hành hữu lậu thiện được báo bạch bạch.

Thế nào là tạp báo? Hành thiện ác lẫn lộn của cõi Dục sẽ thọ báo lẫn lộn.

Thế nào là hạnh vô báo không hắc, không bạch? Khi hành hết thì lậu ba cõi hết. Tư duy vô lậu thuộc về đạo vô ngại

Thế nào là hạnh phải thọ báo? Hành năm nghịch tất phải chịu báo ác. Báo hiện đời, sinh báo, hậu báo và tàn dư của báo có duyên, có người, thì phải thọ báo. Không duyên, không người thì không hẳn phải thọ báo. Vì tất cả đều là hành hữu lậu, nên tạo nghiệp thành thục sẽ mắc quả báo. Nếu không cố ý tạo nghiệp không thành thục thì không mắc quả báo.

Ba thứ hành: Thân nghiệp có giáo vô giáo (vô biểu), khẩu nghiệp có giáo, vô giáo, ý nghiệp có giáo.

Thế nào là hành có giáo? Hoặc là thân, miệng, ý tạo ra.

Thế nào là hành vô giáo? Lúc thân, miệng tạo nghiệp xong, ý sinh khởi tâm khác, thường còn không mất sắc vô giáo. Trong tâm thiện bất thiện sinh, tâm vô ký, không sinh sắc vô giáo. Vì sao? Vì sức của tâm vô ký yếu kém. Vô ký có hai thứ: Có ẩn mất và không ẩn mất. Bị kiết sử che

lấp là ẩn mất. Không bị che lấp là không ẩn mất.

Thế nào là pháp vô ký ẩn mất? Là thân tà (thân kiến), biên tà (biên kiến) trong cõi Dục. Và pháp vô minh cộng hữu tương ưng với chúng.

Tất cả kiết sử của cõi Sắc, Vô Sắc và hạnh thân, khẩu của cõi Sắc, đấy là pháp vô ký ẩn mất.

Thế nào là pháp vô ký không ẩn mất? Đi, đứng, nằm, ngồi, pháp báo của kỹ xảo, tâm biến hóa và hư không, đều không phải là trí duyên tận. Đấy là pháp vô ký không ẩn mất.

Ba thứ vô giáo là:

1. Vô lậu.

2. Định cộng.

3. Luật nghi giới.

Thế nào là vô lậu giới? Là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Thế nào là định cộng giới? Đắc thiền, lìa pháp dục ác.

Thế nào là luật nghi giới? Lúc thọ giới, được hạnh thân, miệng thiện hữu lậu.

Thế nào là được ba thứ luật nghi? Tất cả thành tựu được đạo luật nghi vô lậu. Tất cả thành tựu được luật nghi thiền định cộng. Người cõi Dục thọ lãnh giới nên thành tựu giới luật nghi. Người thọ giới luật nghi lúc đầu có giáo tác nên thành tựu vô giáo. Nếu đều không mất thì thành tựu quá khứ. Người đắc thiền thì thành tựu tất cả quá khứ, vị lai, đều thuộc luật nghi định cộng. Nếu nhập định quá khứ, vị lai, hiện tại thành tựu thì luật nghi vô lậu ở vị lai, tất cả đều thành tựu. Nếu nhập đạo hiện ở trước thì thành tựu, nếu đều không mất thì thành tựu người luật nghi quá khứ. Nếu tạo ác bất thiện nặng thì sẽ thành tựu giáo, vô giáo bất thiện. Nếu không tạo điều ác nặng thì thành tựu giáo, vô giáo bất thiện. Nếu ác không nặng thì thành tựu giáo bất thiện, không có vô giáo. Nếu tâm ác diệt thì không thành tựu giáo, vô giáo. Người không có luật nghi, hiện tại thành tựu vô giáo bất thiện. Nếu đều không mất thì thành tựu vô giáo bất thiện quá khứ. Nếu làm điều thiện quan trọng thì thành tựu giáo, vô giáo thiện. Nếu không làm điều thiện quan trọng thì sẽ thành tựu giáo thiện, vô giáo. Nếu không có thiện quan trọng thì thành tựu thiệu giáo, không có vô giáo, nếu tâm thiện diệt thì không thành tựu giáo, vô giáo. Nếu người trung gian hoặc làm việc thiện quan trọng, hoặc bất thiện cũng sẽ thành tựu giáo, vô giáo thiện, bất thiện. Nếu làm việc thiện, bất thiện không quan trọng thì sẽ thành tựu giáo, không có vô giáo. Nếu tâm thiện, bất thiện diệt thì không thành tựu giáo, vô giáo.

Nếu được tâm thiện cõi Sắc, thì thành tựu luật nghi thiền. Nếu tâm thối lui, thì không thành tựu luật nghi thiền. Tất cả luật nghi trong tâm thiện của cõi tất cả Sắc đều tương ưng với tâm, trừ tâm của nhãn, tâm của nhĩ, thân tâm của văn tuệ, tâm lúc chết. Sức của tâm vô lậu nơi sáu địa thành tựu luật nghi vô lậu.

Thế nào là sáu địa? Nghĩa là địa thiền vị đáo, Sơ thiền, thiền trung gian, đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền. Tâm của sáu địa thoái lui sẽ không thành tựu luật nghi vô lậu. Có hai việc làm mất luật nghi vô lậu. Hoặc thối, hoặc được đạo quả. Có hai việc làm mất luật nghi thiền, hoặc thối lui, hoặc qua đời. Có ba việc làm mất luật nghi giới:

1. Phạm giới.

2. Xả giới.

3. Khởi ác tà.

Nếu lúc pháp diệt tận, có người nói là mất luật nghi giới, có người lại nói không mất, thật sự thì không mất. Có bốn việc làm mất bất luật nghi:

1. Thọ giới.

2. Không còn tạo nghiệp nữa.

3. Nhất tâm dứt mong cầu.

4. Được sắc thiện đắc đạo.

Thế nào là mất? Hoặc dứt căn thiện, hoặc qua đời, pháp tâm sở nhiễm ô còn thừa lại. Lúc dứt trừ kiết, sự dứt trừ có năm thứ quả:

1. Quả báo.

2. Quả sở y.

3. Quả tăng thượng.

4. Quả thân lực.

5. Quả giải thoát.

Pháp hữu lậu thiện, hoặc có bốn quả, hoặc năm quả. Có thể dứt trừ kiết sử, đấy là năm quả. Không thể dứt trừ kiết, đấy là bốn quả, trừ quả giải thoát.

Pháp bất thiện có bốn quả, trừ quả giải thoát.

Pháp vô lậu hoặc bốn quả, hoặc ba quả. Nếu dứt trừ kiết, sẽ có bốn quả, trừ báo quả. Nếu không dứt trừ kiết, sẽ có ba quả trừ quả báo và quả giải thoát.

Pháp vô ký có ba quả, trừ quả báo, quả giải thoát.

Thế nào là quả báo? Pháp bất thiện, pháp thiện hữu lậu được quả báo.

Thế nào là quả sở y? Pháp thiện, bất thiện, vô ký, thường hành tăng trưởng, ích lợi mãi cho đến cuối cùng đạt được, đấy là quả sở y.

Thế nào là quả tăng thượng? Hoặc tốt đẹp, hoặc không tốt đẹp, đều lãnh thọ chung, lãnh thọ trên hết, đó gọi là quả tăng thượng.

Thế nào là quả thân lực? Thân hành, tạo tác, v.v… đó là quả thân lực.

Thế nào là quả giải thoát? Trí diệt kiết, đấy là quả giải thoát.

Có ba thứ căn là căn thiện, căn bất thiện và căn vô ký.

Ba thứ căn thiện là không tham, không sân, không si.

Căn bất thiện là tham dục, giận dữ và ngu si.

Bốn thứ căn vô ký là ái vô ký, vô minh vô ký, kiến vô ký và mạn vô ký.

Ba thứ pháp: Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký.

Thế nào là pháp thiện? Nghiệp thân, khẩu thiện và tâm thiện. Pháp tương ưng với tâm, tâm bất tương ưng hành và trí duyên tận, đó là pháp thiện.

Thế nào là pháp bất thiện? Nghiệp thân, khẩu bất thiện và tâm bất thiện. Pháp tương ưng với tâm và tâm bất tương ưng hành, đấy là pháp bất thiện.

Thế nào là pháp vô ký? Nghiệp thân, miệng vô ký và tâm vô ký. Pháp tương ưng với tâm và tâm bất tương ưng hành, hư không phi trí duyên tận, đó là pháp vô ký.

Không uống rượu, bố thí, cúng dường, tôn trọng v.v... đó là thuộc về nghiệp thân, miệng thiện.

Uống rượu, đánh đập, kiêu mạn, không tôn trọng, v.v... là thuộc về nghiệp thân, miệng bất thiện.

Đấy là nghiệp thân miệng ở cõi Dục không thuộc về mười nghiệp đạo, mà là bốn đại tạo của cõi Dục,

Như vậy, nghiệp thân, miệng vô lậu của cõi Sắc là bốn đại tạo nào? Nếu dựa vào sáu thứ địa, tức là bốn đại tạo của địa đó. Nếu sinh cõi Vô Sắc, như vậy, vốn đã được nghiệp thân, miệng vô lậu, tức là bốn đại tạo của địa đó.

Ba thứ qua đời: Có khi mạng hết mà phước không hết, có khi phước hết mà mạng không hết và có khi phước hết mạng cũng hết.

Phẩm 5: ẤM TRÌ NHẬP

Các pháp hữu lậu có bốn việc phải xa lìa. Bốn việc đó là các lậu phiền não: Vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Vì sao? Vì hướng về tất cả chỗ sinh, vì tâm hữu lậu rót chảy liên tục, rơi vào thế giới, gọi là hữu lậu.

Ba cõi có một trăm lẻ tám phiền não: chín mươi tám kiết và mười triền là phiền não nẩy sinh ở xứ nào? Là nói pháp hữu lậu, cũng gọi là thọ ấm và xứ phiền não. Từ trong phiền não này có hai thứ năm ấm: Hữu lậu và vô lậu. Thọ ấm, tất cả đều hữu lậu.

Thế nào là sắc ấm? Các bốn đại tạo, mười hai nhập trừ ý nhập. Các nhập khác và sắc vô giáo thuộc về pháp nhập. Đấy là sắc ấm. Sắc ấm này có hai thứ: có thể thấy, không thể thấy.

Thế nào là có thể thấy? Là một nhập thuộc sắc nhập.

Thế nào là không thể thấy? Là chín nhập và sắc vô giáo thuộc về pháp nhập.

Lại có ba thứ sắc: Có sắc có thể thấy, có đối. Có sắc không thể thấy, có đối. Có sắc không thể thấy, không có đối. Sắc nhập có thể thấy, có đối. Chín nhập còn lại là không thể thấy, có đối. Pháp nhập và sắc vô giáo là không thể thấy, không có đối. Đó là sắc ấm.

Thế nào là thống (thọ) ấm? Thọ ấm sinh ra từ sáu cánh lạc (xúc).

Ấm này có hai thứ thọ: thân thọ và tâm thọ.

Ba thứ thọ là thọ khổ, thọ lạc, thọ bất khổ bất lạc. Bốn thứ thọ: thân hữu ký, vô ký, tâm hữu ký, vô ký. Năm thứ thọ là năm thọ căn.

Sáu thứ thọ: Nhãn xúc thọ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc thọ. Mười tám thứ thọ: Nhãn v.v... có hỷ, lạc, hộ.

Ba mươi sáu thứ thọ: có thiện, bất thiện trong mười tám thứ thọ.

Một trăm lẻ tám thứ thọ: Mỗi đời quá khứ, vị lai, hiện tại đều có ba mươi sáu thứ thọ. Mỗi chúng sinh trong khoảnh khắc khởi lên vô số thọ, đây gọi là thọ ấm.

Thế nào là tưởng ấm? Ý có các thứ duyên theo tất cả pháp tưởng, là ba thứ này: Nhỏ, lớn vô số thứ loại gồm vào các thứ thuộc về nhập. Do nhân duyên này, tưởng gọi là tưởng ấm.

Thế nào là hành ấm? Hành tạo ra các thứ pháp trong pháp hữu vi, là hành ấm. Hành ấm này có hai thứ: pháp tương ưng với tâm và pháp bất tương ưng với tâm.

Thế nào là pháp tương ưng với tâm? Có ba thứ:

1. Tư.

2. Cánh lạc (xúc).

3. Các pháp như nhớ lại. v.v… Đây gọi là pháp tương ưng với tâm. Thế nào là pháp bất tương ưng với tâm? Đó là:

1. Đắc.

2. Vô tưởng.

3. Định Diệt tận đều là những pháp bất tương ưng với tâm. Đó là hành ấm.

Thế nào là thức ấm? Là thức phân biệt các pháp xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... Thức này có sáu thứ: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

Thế nào là nhãn thức? Con người dựa vào sắc của thức, đó gọi là nhãn thức. Như vậy, nhĩ, tỷ, thiện, thân, ý, ý tình dựa vào pháp của thức, đó là ý thức, đó là thức ấm.

Mười hai nhập gồm nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập và sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập, xúc nhập, pháp nhập, sáu thứ nhập này thuộc về nội nhập (thuộc bên trong tâm thức). Còn sáu thứ nhập sau (sắc…) là thuộc về ngoại nhập (pháp trần). Lại nữa, lấy mười hai thứ nhập trên cộng chung với sáu thức, nghĩa là từ nhãn thức cho đến ý thức, chúng ta sẽ thành mười tám nhập, hay còn gọi là mười tám giới nhập.

Do nắm giữ vào bốn đại tịnh tạo ra nhân duyên giữa sắc và thức nên gọi là nhãn. Cũng vậy, do nương vào bốn đại khéo tạo ra nhân duyên hòa hợp giữa thanh hương, vị, xúc, và thức nên gọi là nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Tất cả sắc trần của nhãn thức, gồm có mười hai thứ: dài, ngắn, sáng, tối, xanh, vàng, đỏ, trắng, thô, tế, hư không, thân giáo. Tất cả thanh trần của nhĩ thức bao gồm âm thanh của chúng sinh và phi chúng sinh (hữu tình và vô tình chúng sinh).

Tất cả trần hương của tỷ thức: Các mùi hương tốt, mùi hôi hám v.v...

Tất cả trần vị của thiệt thức, gồm ba mươi sáu thứ vị: cay, chua, mặn, đắng, ngọt v.v... Tất cả trần của thân thức: Mịn màng, trơn láng, nhẹ nhàng, cứng, mềm, lạnh, nóng, đói, khát, bốn đại, v.v... Tất cả pháp trần của ý thức, đó là tất cả pháp.

Năm thức không thể phân biệt, chỉ ý thức phân biệt. Tâm, ý, thức, không khác nhau, mà nói có khác nhau. Căn, trần và thức hòa hợp là nảy sinh. Cánh lạc (xúc), cùng sinh ra thống (thọ) v.v…. Mười địa đại, là mười

địa đại phiền não, mười địa tiểu phiền não là các pháp cùng với tâm sinh ra và cùng duyên, cùng ở, cùng khởi rồi cùng diệt. Ví như ngọn đèn sáng thì cùng nóng chung cùng cháy, cùng tồn tại, cùng tắt.

Hỏi: Trong mười tám pháp trì, có bao nhiêu thiện, bao nhiêu bất thiện và bao nhiêu vô ký ?

Đáp: Có tám thứ vô ký, mười thứ sẽ phân biệt: Sắc trì, thanh trì, bảy thức trì, pháp trì có thiện, bất thiện, vô ký.

Thế nào là sắc thiện? Là thân giáo thiện.

Thế nào là sắc bất thiện? Là thân giáo bất thiện.

Thế nào là sắc vô ký? Trừ thân giáo thiện, bất thiện, các sắc trì khác là vô ký.

Như vậy, thanh trần và nhãn thức có thiện, bất thiện và vô ký.

Thế nào là thiện? Sự ghi nhớ thiện, tương ưng với nhãn thức.

Thế nào là bất thiện? Là sự ghi nhớ bất thiện, tương ưng với nhãn thức.

Thế nào là vô ký? Sự ghi nhớ vô ký, tương ưng với nhãn thức.

Cũng vậy tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ý thức trì, pháp trì hoặc thiện, bất thiện, vô ký.

Thế nào là thiện? Nghiệp thân, miệng thiện, thuộc về pháp trì thọ, tưởng, hành ấm thiện và trí duyên tận.

Thế nào là bất thiện? Nghiệp thân, miệng bất thiện thuộc về pháp trì thọ, tưởng, hành ấm bất thiện.

Thế nào là vô ký? Thống (thọ) tưởng, hành ấm vô ký thuộc pháp trì và hư không chẳng phải là trí duyên tận.

Hỏi: Trong mười tám pháp trì, có bao nhiêu hữu lậu, bao nhiêu vô lậu?

Đáp: Trong mười tám pháp trì có mười lăm trì hữu lậu, ba thứ sẽ phân biệt. Sao là ba? Đó là ý trì, pháp trì, ý thức trì. Sự ghi nhớ hữu lậu tương ưng với ý trì, nên gọi là hữu lậu. Sự ghi nhớ vô lậu tương ưng với ý trì, nên là vô lậu. Ý thức cũng như vậy

Nghiệp thân, miệng hữu lậu, thọ, tưởng, hành ấm, thuộc trong pháp trì, đó là hữu lậu. Nghiệp thân miệng vô lậu thuộc về pháp trì, thọ, tưởng, hành ấm vô lậu và pháp vô vi, đó gọi là vô lậu.

Hỏi: Trong mười tám trì, có bao nhiêu pháp lệ thuộc cõi Dục, bao nhiêu lệ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu lệ thuộc cõi Vô Sắc và bao nhiêu không lệ thuộc?

Đáp: Có bốn thứ trì lệ thuộc cõi Dục là hương, vị, tỷ thức, thiệt thức, do dùng cách ăn vốc. Mười bốn thứ sẽ phân biệt: Nhãn trì lệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc.

Thế nào là nhãn trì lệ thuộc cõi Dục? Bốn đại tạo lệ thuộc cõi Dục. Như vậy, pháp trì của tai, mũi, lưỡi, thân, sắc, thanh, tế hoạt (xúc) lệ thuộc cõi Dục, bốn đại tạo lệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là nhãn trì lệ thuộc cõi Sắc? Bốn đại tạo lệ thuộc cõi Sắc. Như vậy, pháp trì của tai, mũi, lưỡi, thân, sắc, thanh, xúc lệ thuộc cõi Sắc. Bốn đại tạo lệ thuộc cõi Sắc.

Nhãn thức lệ thuộc cõi Dục và cõi Sắc.

Thế nào là pháp lệ thuộc cõi Dục? Sự ghi nhớ của cõi Dục tương ưng với nhãn thức, nhĩ, thân, thức trì cũng như vậy.

Thế nào là cõi Sắc? Sự ghi nhớ của cõi Sắc tương ưng với nhãn thức, nhĩ và thân cũng vậy.

Ý trì lệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc, hoặc không lệ thuộc.

Thế nào là sự lệ thuộc cõi Dục? Là sự ghi nhớ của cõi Dục tương ưng với ý trì.

Thế nào là sự lệ thuộc cõi Sắc? Là sự ghi nhớ của cõi Sắc tương ưng với ý trì.

Thế nào là sự lệ thuộc cõi Vô Sắc? Là sự ghi nhớ cõi Vô Sắc tương ưng với ý trì.

Thế nào là không lệ thuộc? Là sự ghi nhớ vô lậu tương ưng với ý trì.

Ý thức trì cũng như vậy

Pháp trì hoặc lệ thuộc cõi Dục, hoặc lệ thuộc cõi Sắc, hoặc lệ thuộc cõi Vô Sắc, hoặc không lệ thuộc.

Thế nào là lệ thuộc cõi Dục? Nghiệp thân, miệng lệ thuộc cõi Dục thuộc về pháp trì và thọ, tưởng, hành ấm, đấy là sự lệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là lệ thuộc cõi Sắc? Nghiệp thân, miệng lệ thuộc cõi Sắc, thuộc về pháp trì và thọ, tưởng, hành ấm, đó là sự lệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là lệ thuộc cõi Vô Sắc? Thọ, tưởng, hành ấm của cõi Vô Sắc thuộc về pháp trì, đấy là sự lệ thuộc cõi Vô Sắc.

Thế nào là không lệ thuộc? Là nghiệp thân, miệng vô lậu thuộc về pháp trì, thọ, tưởng, hành ấm vô lậu và pháp vô vi, đó là sự không lệ thuộc.

Hỏi: Trong mười tám thứ trì (nhập), có bao nhiêu thứ thuộc về nội nhập, bao nhiêu thứ thuộc về ngoại nhập?

Đáp: Có mười hai thứ thuộc nội nhập: Là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Nhãn thức trì, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức trì. Sáu trì thuộc về ngoại nhập là sắc trì, thanh, hương, vị, xúc, pháp trì.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ trì có giác có quán, bao nhiêu thứ trì có giác vô quán, và bao nhiêu thứ trì vô giác, vô quán?

Đáp: Có mười thứ trì vô giác, vô quán là năm tình (căn), năm trần. Năm thức thì có giác, có quán, ba thứ cần phân biệt, ý trì hoặc có giác có quán, hoặc có giác vô quán, hoặc vô giác vô quán.

Thế nào là có giác có quán? Sơ thiền cõi Dục có giác có quán. Thiền trung gian có giác, vô quán. Địa trên thì vô giác vô quán. Ý thức cũng như vậy. Nghiệp thân, miệng thuộc pháp trì, các hành bất tương ưng, vô vi là vô giác, vô quán. Ngoài ra như ý trì.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ duyên chung? Bao nhiêu thứ không duyên chung?

Đáp: Có bảy tâm trì duyên chung. Vì sao? Vì tự trần duyên. Mười trì không duyên chung là năm tình (căn), năm trần (cảnh). Pháp trì sẽ phân biệt. Nghiệp thân, miệng thuộc pháp trì, các tâm bất tương ưng hành, vô vi thì không duyên chung, ngoài ra là duyên chung.

Hỏi: Trong mười tám trì có bao nhiêu thọ, bao nhiêu không thọ?

Đáp: Có chín trì là căn tình hợp. Nếu hiện tại là thọ, trong đó pháp tâm, tâm sở sẽ dừng trụ. Quá khứ, vị lai thì không thọ, vì không phải pháp tâm, tâm sở kia dừng lại. Thanh trì, bảy thức trì, pháp trì là không thọ, vì không phải là sự dừng trụ của pháp tâm, tâm sở kia.

Hỏi: Trong mười tám trì, có bao nhiêu trì là hữu vi, bao nhiêu trì là vô vi?

Đáp: Có mười bảy trì thuộc hữu vi. Pháp trì cần phân biệt, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Thế nào là hữu vi? Các thống (thọ) tưởng, hành ấm của nghiệp thân, miệng thuộc pháp trì, đây gọi là hữu vi. Trí duyên tận, không phải trí duyên tận, hư không, đấy là vô vi.

Phẩm 6: HÀNH

Tất cả pháp hữu vi đều không có thế lực tự khởi, phải nhờ sức khác để cùng sinh. Các pháp này có bốn tướng: khởi (sinh), trụ, già, vô thường.

Hỏi: Nếu có bốn tướng, thì bốn tướng này lẽ ra còn có tướng nào nữa

chăng?

Đáp: Lại có bốn tướng. Bốn tướng khác trong tướng kia cùng sinh: Sinh là sinh, trụ là trụ, lão là già, vô thường là vô thường.

Hỏi: Nếu vậy thì sẽ bất tận chăng?

Đáp: Lần lượt tự tướng là các hành pháp có hai thứ, có thứ tương ưng với tâm, có thứ không tương ưng với tâm.

Thế nào là tương ưng với tâm? Thọ, tưởng, tư, cánh lạc (xúc), ức, dục, giải thoát, tín, tinh tiến, niệm, định, tuệ, giác quán, tà hạnh, bất tà hạnh, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, tất cả sử, não kiết, phược, triền, tất cả trí tuệ, những thứ như vậy là pháp tương ưng với tâm, đó gọi là tâm tương ưng hành.

Thế nào là hành không tương ưng với tâm? Là đắc, sinh, trụ, già, vô thường, định Vô tưởng, định Diệt tận, Vô tưởng xứ, các phương đắc, vật đắc, nhập đắc, danh chúng, cú chúng, vị chúng, tánh phàm phu, các thứ pháp như vậy đều gọi là tâm bất tương ưng hành.

Nhân duyên, duyên thứ đệ, duyên duyên, duyên tăng thượng, tất cả pháp hữu vi đều từ bốn duyên sinh.

Thế nào là nhân duyên? Có năm nhân là nhân tương ưng, nhân cộng hữu, nhân tự nhiên, nhân biến và nhân báo, đó gọi là nhân duyên.

Thế nào là duyên Thứ đệ? Là tâm, tâm sở, trong các pháp pháp diệt, là pháp khởi, đó là duyên thứ đệ.

Thế nào là duyên duyên? Vì duyên với trần nên tâm, tâm sở sinh, đó là duyên duyên.

Thế nào là duyên tăng thượng? Tất cả vạn vật đều không ngăn cách, trở ngại nhau, đó là duyên tăng thượng.

Có sáu nhân: Nhân tương ưng, nhân cộng hữu, nhân tự nhiên, nhân biến, nhân báo và nhân sở tác.

Thế nào là nhân tương ưng? Tâm làm nhân cho các pháp tâm sở, các pháp tâm sở làm nhân cho tâm.

Thế nào là nhân cộng hữu? Các pháp mỗi pháp đều làm bạn với nhau. Tâm là nhân của các pháp tâm sở, các pháp tâm sở là nhân của tâm.

Lại nữa, bốn đại cùng sinh, nhân cộng hữu tạo ra sắc, tâm bất tương ưng hành. Pháp tâm, tâm sở là nhân của tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là nhân tự nhiên? Nghĩa là nhân có trước kia sinh thiện, về sau sinh thiện, trước sinh bất thiện, sau sinh bất thiện, trước vô ký, sau vô ký.

Thế nào là nhân biến? Là thân kiến, chấp ngã, ngã có thường. Các thọ ấm có thường, ngã, lạc, tịnh v.v... sinh ra các phiền não.

Thế nào là nhân báo? Là thiện sinh báo vui, bất thiện sinh báo khổ.

Thế nào là nhân sở tác? Tất cả các pháp đều không chướng ngại nhau, không núi giữ, không dừng trụ. Tâm của báo có năm nhân, trừ nhân biến. Pháp tâm sở là như vậy.

Tất cả phiền não có năm nhân, trừ nhân báo. Báo sinh ra sắc và hành bất tương ưng có bốn nhân, trừ nhân tương ưng và nhân biến. Sắc nhiễm ô và hành bất tương ưng có bốn nhân, trừ nhân tương ưng và nhân báo. Pháp tâm, tâm sở còn lại có bốn nhân, trừ nhân báo và nhân biến. Tâm bất tương ưng hành khác, hoặc có hai nhân, hoặc ba nhân, trừ nhân tương ưng, nhân biến và nhân báo, hoặc trừ nhân tự nhiên, hoặc đều là tâm vô lậu ban đầu.

Pháp tương ưng có ba nhân, trừ nhân tự nhiên, nhân báo và nhân biến. Tâm vô lậu này ở trong tâm sinh sắc và tâm bất tương ưng hành có hai nhân: Nhân cọng và nhân sở tác.

Pháp tâm, tâm sở là từ bốn duyên sinh. Định Vô tưởng, định Diệt tận là từ ba duyên sinh, trừ duyên duyên. Tâm bất tương ưng hành và các pháp sắc là từ hai duyên sinh, trừ duyên thứ đệ và duyên duyên. Không có pháp nào chỉ có một duyên sinh, vì phải nhờ vào sức của pháp khác mới sinh. Một pháp có ba sự: hội hợp, tiếp xúc, cộng sinh. Thọ, tưởng, tư, ức dục, giải thoát, tín, tinh tiến, niệm, định, tuệ, hộ, hợp với tâm khởi, đều thành tựu, cộng tâm của các pháp này đều có ba pháp: Hội, cánh lạc (xúc), thân tâm thọ nhận, duyên phân biệt thức, tưởng tác động tư, tâm ghi nhớ mãi không quên, ức dục tác động tâm ham muốn, tín vô ngại giải thoát.

Vô số sự siêng năng, tinh tiến duyên vượt hơn không quên. Niệm tâm bất động định, phân biệt pháp tuệ, tâm không nhiễm chấp, là sự hộ, duyên khởi tương ưng với tâm pháp, được các pháp thành tựu. Thọ, tưởng, tư, cánh lạc (xúc), dục, giải thoát, niệm, định, tuệ là mười pháp đại địa. Vì sao? Vì tất cả tâm là sinh chung.

Thế nào là tương ưng cùng một duyên hành không thêm, không bớt? Đấy là tương ưng với mười đại địa phiền não cùng sinh chung trong tất cả tâm bất thiện là bất tín, biếng nhác, vong tâm, loạn, ám độn, tà ức, tà giải thoát, điệu, vô minh, tà hạnh.

Thế nào là bất tín? Là tâm không nhập pháp.

Thế nào là tâm biếng nhác, là mỏi mệt khi làm việc.

Thế nào là quên? Là không nhớ nghĩ.

Tâm loạn là không nhất tâm. Ám độn là không hiểu biết sự việc.

Tà ức là nhớ nghĩ phi đạo.

Thế nào là tà giải thoát? Là không từ bỏ điên đảo.

Thế nào là điệu (trạo cử)? Là tâm rong ruổi không dừng.

Thế nào là vô minh? Là không hiểu biết trong ba cõi.

Thế nào là tà hạnh? Là không trụ trong pháp thiện.

Mười tiểu phiền não địa: sân, ưu-ba-na, bất ngữ, ba-đà-xá, ma-dạ, xá-sỉ, xan (keo kiệt), tật (ganh tị), mạn, đại mạn.

Thế nào là tâm giận dữ? Là hành động phẫn hận.

Thế nào là ưu ba na? Là tâm chứa chất độc.

Thế nào là bất ngữ (phú)? Là che giấu tội lỗi.

Thế nào là Ba-đà-xá? Là vì gìn giữ gấp rút việc phi pháp không bỏ.

Thế nào là ma-dạ? Là thân, miệng khinh khi người.

Thế nào là xá-sỉ? Là tâm ganh ghét, mưu hại.

Thế nào là xan? Là tiếc nuối, sợ hết của.

Thế nào là tật? Là thấy việc tốt đẹp của người khác thì nổi giận.

Thế nào là mạn? Là đối với kẻ thấp, cho là ta hơn, đối với người trên ta cho là ta bằng.

Thế nào là đại mạn? Là đối với người ngang hàng thì cho là ta to lớn, đối với người lớn hơn thì cho mình lớn hơn.

Mười phiền não địa này tương ưng với ý thức. Vì không phải là năm thức, nên nói là tiểu. Ở trong đó có bảy phiền não lệ thuộc cõi Dục. Xá-sỉ ở cõi Dục, mạn, đại mạn ở Phạm thiên lệ thuộc ba cõi.

Mười đại địa thiện: Là không tham, không sân, tín, ỷ (khinh an), không buông lung, tinh tiến, hộ, bất nhiễu não, tàm, quý.

Không tham là đối với tài sản vật dụng của mình và người không ham muốn không giành lợi.

Không sân là đối với chúng sinh, không phải chúng sinh, tâm không giận dữ.

Tín là nhận biết thật sự với tâm thanh tịnh.

Ỷ (khinh an) là tâm khéo lìa các thứ nặng nề nên được nhẹ nhàng, mát mẻ.

Không buông lung là tâm buộc vào pháp thiện.

Tinh tiến là hành tập gần pháp thiện.

Hộ (xả) là trụ ở chỗ lìa các pháp.

Bất nhiễu não là thân, miệng, ý không phạm điều ác đối với hết thảy chúng sinh.

Tàm là xấu hổ về việc mình làm ác.

Quý là thẹn vì làm việc không nên làm đối với người.

Mười pháp này tương ưng với tất cả tâm thiện, cho nên nói là đại địa.

Có ba xứ: xứ ái, xứ không ái, xứ ở giữa. Xứ ái, là các chỗ phiền não dâm dục, keo kiệt, tham lam, luyến tiếc v.v... phát sinh.

Xứ không ái, là chỗ các phiền não giận dữ, tranh chấp, ganh ghét v.v... phát sinh.

Xứ ở giữa: Nghĩa là chỗ các phiền não ngu si, kiêu mạn v.v... phát sinh. Tất cả phiền não kiết sử thuộc về ba độc. Vì sao? Vì có ba căn bất thiện, tất cả phiền não kiết sử sinh tử , ba độc này làm dứt trừ ba căn thiện, có thể gây não loạn chúng sinh trong ba cõi, thế nên thuộc về ba độc.

Phẩm 7: NHÂN DUYÊN CHỦNG

Mười hai nhân duyên: Là vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu nhập, cánh lạc (xúc), thống (thọ), ái, thọ (thủ), hữu, sinh, già, chết. Mười hai nhân duyên này có ba thứ:

1. Phiền não.

2. Nghiệp.

3. Khổ.

Ba thứ phiền não là vô minh, ái, thọ. Hai thứ nghiệp là hành và hữu.

Bảy thứ khổ là thức, danh sắc, sáu nhập, cánh lạc (xúc), thống (thọ), sinh, già, chết.

Hai thứ thuộc quá khứ, hai thứ thuộc vị lai, tám thứ thuộc hiện tại. Nghiệp nhân của các phiền não, nhân của nghiệp khổ, nhân của phiền não khổ, nhân phiền não của phiền não, nhân của nghiệp phiền não, nhân khổ của nghiệp, nhân của khổ khổ. Các nhân đó theo thứ lớp khởi.

Vô minh quá khứ tương ưng với tất cả phiền não. Vô minh ấy duyên theo đây mà tạo nghiệp. Tạo nghiệp là tạo nên quả thế gian, đó gọi là hành. Do nhân duyên của hành đó khiến tâm nhiễm ô, được thức phân biệt của thân căn. Như nghé con biết mẹ là thức, thức này cùng sinh ra bốn ấm Vô Sắc, cũng tiếp nối nhau sinh ra sắc, đó gọi là sắc. Nương vào cảnh giới của

căn như nhãn, v.v... là sáu nhập. Căn, trần và tâm hòa hợp là cánh lạc (xúc). Cánh lạc (xúc) sinh ra gọi là thống (thọ). Sự nhiễm chấp của thống (thọ) là ái. Sự khao khát đã gây ra phiền toái, nhọc nhằn là thọ, vất vả tạo nghiệp là hữu. Quả vị lai là sinh, sinh khởi vô lượng nỗi khổ là già, chết.

Lại nữa, vô minh không biết bốn đế, pháp trong, ngoài, quá khứ, hiện tại, vị lai, và các nhân duyên của pháp Phật. Những pháp thật như vậy không biết, đó gọi là vô minh. Người ngu si tạo ra ba thứ hành (nghiệp): hành có đức, hành không đức, và hành không động.

Thế nào là hành có đức? Là được báo tốt đẹp.

Thế nào là hành không đức? Là mắc phải quả báo xấu ác.

Thế nào là hành không động? Là sinh cõi Sắc, Vô Sắc.

Lại nữa, bố thí, giữ giới, tu thiền.

Thế nào là bố thí? Có hai thứ bố thí:

1. Tài thí.

2. Pháp thí.

Năm thứ giữ giới: Nếu lãnh thọ giới, cho đến thanh tịnh rốt ráo, tẩy trừ hết vết cấu uế của tâm ác, thường nghĩ đến giữ gìn, không mong cầu quả báo thế gian. Người tu thiền định quán bất tịnh, quán sổ tức, v.v... Tất cả pháp định hữu lậu thiện là hành có đức.

Thế nào là hành không đức? Là các thứ tội của ba căn bất thiện, mười đạo bất thiện, đó là hành không đức.

Thế nào là hành không động? Là từ Sơ thiền cho đến định hữu tưởng Vô tưởng là hành không động.

Ba nhân duyên: Thức hữu lậu thọ nhận hữu, thứ nhất của bảy hữu, đó là thức. Từ thức có danh sắc, thọ, tưởng, hành, thức ấm, đó là danh. Bốn đại và sắc được tạo, đó là sắc. Hai sự này cùng nói là danh sắc, từ danh sắc sinh sáu nhập, sáu nhập sinh cánh lạc (xúc).

Cánh lạc (xúc) có sáu thứ: Hai thứ thân, ý khởi có đối và tăng ngữ. Vì sáu thức phân biệt, nên có sáu thứ cánh lạc (xúc). Cánh lạc (xúc) sinh ái, không ái.

Không ái không không ái có ba thứ thống (thọ) là thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui.

Thế nào là khổ thọ? Là bị sử sân hận sai khiến.

Thế nào là lạc thọ? Là bị sử dục sai khiến.

Thế nào là thọ không khổ, không vui? Là bị sử vô minh sai khiến.

Khởi niềm vui, an trụ nơi vui và đều không vui, đó là lạc thọ. Khởi khổ, trụ khổ, đều không khổ, đó là khổ thọ. Niềm vui lúc không trí, trí không vui, đó là thọ không khổ, không vui.

Sinh ra ba thứ khao khát: dục khát, sắc khát, Vô Sắc khát, với tưởng khao khát mong cầu không nhàm chán.

Sinh bốn thứ thọ (thủ): Dục thọ, kiến thọ, giới thọ và ngã thọ. Lệ thuộc cõi Dục, trừ mười hai kiến, các phiền não khác, đó là dục thọ.

Bốn tà kiến, đó là kiến thọ (thủ). Bên ngoài giữ giới, tìm cầu đạo, đấy là giới thọ (thủ) cõi Sắc, Vô Sắc, trừ hai mươi bốn kiến, các phiền não còn lại, đó gọi ngã thọ (thủ). Bốn thọ (thủ) sinh ra chỗ nghiệp của mọi kiết sử.

Ba thứ hữu là dục hữu, sắc hữu, Vô Sắc hữu. Có năm ấm của sinh đắc, đó là sinh. Nỗi khổ của hành suy yếu là già. Có hai thứ già: Cái già tiêu hao dần, tiêu mòn dần và tuổi già chín muồi.

Hai thứ chết: Người tự chết và bị người khác giết chết, bị sầu lo đau buồn khổ não.

Thế nào là tâm sầu? Là tâm nóng bức, không cần dùng, không còn ham muốn việc gì đến với mình, đó là sầu.

Thế nào là khóc than buồn bã? Các thứ khóc kể là buồn bã.

Thế nào là khổ? Là thân khổ não, đó là khổ.

Thế nào là lo lắng? Tâm sầu não, đó là sự lo lắng.

Thế nào là não? Những chuyện khẩn cấp như: Đến cửa quan, các tai nạn nước, lửa, trộm, giặc v.v... và các việc khác, đó là não.

Với vô lượng khổ như vậy đó, là nhân duyên như vô minh, v.v... Nhân duyên này dứt, các quả báo hết, vô lượng sự khổ như vậy dứt hết.

Sáu thứ hợp được thân người. Sáu thứ đó là: bốn đại và không, thức. Địa thủy hỏa phong, ba đại có sắc, địa thủy hỏa lường tính dài ngắn, to, nhỏ.

Gió, chủng loại gió là một chủng loại. Bốn đại thường kết hợp, không khác nhau. Tướng cứng là đất, tướng ẩm ướt là nước, tướng nóng là lửa, tướng lay động là gió. Bốn đại ngoài thành tựu bốn đại chủng trong. Khoảng không trong sắc. Nhãn thức duyên có trong, ngoài đó là chủng loại không. Năm thức và ý thức hữu lậu, đó là chủng loại thức.

Sự sinh ra đời có sáu thứ: Đất thì cứng chắc. Nước thì thấm ướt. Lửa có tác dụng nấu nướng, loại trừ chất thối rữa, hôi hám, gió có tác dụng làm lay động, động tác đứng, ngồi, sinh trưởng đều trừ hư không. Thức uống ăn tiêu hóa được là nhờ tác dụng của gió duy trì, loại bỏ nhờ sức của thức

mà có thân mạng, đó gọi là con người.

Phẩm 8: TỊNH CĂN

Tương ưng với tâm dâm dục, sân hận, ngu si, đó là phiền não, là kiết ràng buộc. Người muốn bỏ ba thứ này phải chế ngự, dứt bỏ và dùng trí đoạn trừ.

Thế nào là chế ngự? Nếu chưa được tâm vô lậu thì phải giữ giới, tư duy, nhằm loại trừ tâm tham dâm, phẫn nộ, ngu si, không thọ nhận, đó là chế ngự.

Thế nào là dứt bỏ? Được thiền định là lìa dâm dục và pháp bất thiện xấu ác, đó là dứt bỏ.

Thế nào là dùng trí dứt trừ? Giác ý duyên khổ, tập mà đoạn, đó gọi là đoạn. Hoặc chế ngự, hoặc dứt trừ, hoặc có lúc tịnh, hoặc bất tịnh, trí vô lậu dứt trừ, đó là thanh tịnh.

Hai mươi hai căn: Các mạng, nam, nữ ngoại nhập, khổ, vui, ưu, hỷ, hộ (xả) tín, tinh tiến, niệm, định, tuệ, vị tri, dĩ tri, đại tri căn và sáu căn nội, như trước đã nói. Tướng nam biết là nam, đó là nam căn. Tướng nữ, biết là nữ, đó là nữ căn. Tướng sống trong ba cõi, đó là mạng căn. Lạc thống (thọ) tương ưng với sáu thức, đó là lạc căn. Khổ thống (thọ) tương ưng với năm thức, đó là khổ căn. Lạc thọ tương ưng với ý thức, đó là hỷ căn. Khổ thọ tương ưng với ý thức, đó là ưu căn. Không khổ, không lạc thọ tương ưng với sáu thức, đó là hộ căn (xả căn). Tín trong các pháp thiện, đó là tín căn. Như vậy các căn tinh tiến, niệm, định, tuệ, kiên tín, kiên pháp thuộc về đạo.

Chín căn vô lậu là vị tri căn, thuộc về đạo kiến đáo tín giải thoát. Chín căn vô lậu là dĩ tri căn, thuộc về đạo vô học, chín căn vô lậu là đại tri căn.

Thế nào là nghĩa căn? Có sức, có lợi, đó là căn. Mạng, nam, nữ của sáu tình (căn), có sức, có lợi trong thế giới chín căn. Phiền não của năm thọ căn sinh, có sức, có lợi. Trong pháp thiện của năm căn như tín, v.v... có sức, có lợi. Trong đạo của ba căn vô lậu có sức, có lợi. Vì được đạo, nên các căn đều tự có sức, có lợi.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu căn thuộc về cõi Dục, bao nhiêu căn thuộc về cõi Sắc, Vô Sắc, bao nhiêu căn không thuộc cõi nào?

Đáp: Có bốn căn thuộc về cõi Dục: Nam, nữ, ưu, khổ căn. Năm căn thuộc về cõi Dục, cõi Sắc: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Hỷ, lạc căn hữu lậu thuộc về cõi Dục, cõi Sắc. Noãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn là căn hỷ lạc

hữu lậu thuộc cõi Dục, cõi Sắc. Hộ, ý, mạng, căn hữu lậu, năm căn như tín v.v… thuộc về tất cả ba cõi. Ý căn, hộ căn, hỷ căn, lạc căn, năm căn như tín v.v… vô lậu là không lệ thuộc. Chín căn này hợp lại là ba căn vô lậu: vị tri căn, dĩ tri căn và đại tri căn.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn có bao nhiêu thọ, bao nhiêu không thọ?

Đáp: Năm căn như lạc, v.v..., năm căn như tín, v.v... tất cả căn vô lậu là không thọ. Các căn còn lại hoặc thọ, hoặc không thọ.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn có bao nhiêu thiện, bất thiện, vô ký?

Đáp: Có tám căn là thiện năm căn như tín v.v... là ba vô lậu. Tám căn vô ký, năm căn như nhãn, v.v... và mạng căn, nam căn, nữ căn. Sáu căn nên phân biệt ý là năm thọ căn và lạc căn, v.v... hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn có bao nhiêu căn là hữu lậu, bao nhiêu căn là vô lậu?

Đáp: Năm căn như tín v.v... lạc, hỷ, hộ, ý căn, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Ba căn sau đều là vô lậu, mười căn hữu lậu là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ, mạng, ưu, khổ.

Ba thứ sinh đầu tiên được hai căn, là thân căn và mạng căn. Hóa sinh hoặc sáu, bảy, tám. Vô hình có sáu, một hình có bảy, hai hình có tám. Năm căn như mắt, v.v... và mạng căn, nam căn, nữ căn, các căn còn lại lần lượt được.

Đầu tiên được trong cõi Sắc sáu căn là năm tình (căn), mạng căn. Đầu tiên ở cõi Vô Sắc được một mạng căn. Trong cõi Dục, tâm vô ký dần dần qua đời có bốn, hoặc tám, chín, mười căn. Nếu tâm thiện chết thì có chín hoặc mười ba, mười bốn, hay mười lăm thứ căn.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn có bao nhiêu căn do kiến đế đoạn, bao nhiêu căn do tư duy đoạn và bao nhiêu căn không đoạn?

Đáp: Có bốn căn hoặc kiến đế đoạn, hoặc tư duy đoạn, hoặc không đoạn, là ý căn, lạc căn, hỷ căn, hộ căn. Ưu căn thì hoặc kiến đế đoạn, hoặc tư duy đoạn. Năm căn như tín, v.v... hoặc tư duy đoạn, hoặc không đoạn, ba căn vô lậu thì không đoạn. Căn còn lại là tư duy đoạn.

Phẩm 9: KIẾT SỬ THIỀN TRÍ

Hai thứ dứt chín mươi tám sử, là kiến đế đoạn và tư duy đoạn. Hai

mươi tám thứ do kiến khổ đoạn, mười chín thứ do kiến tập đoạn. Mười chín thứ do kiến tận đoạn. Hai mươi hai thứ do kiến đạo đoạn. Mười thứ do tư duy đoạn. Kiến đạo đoạn mười sử thuộc cõi Dục, kiến tập đoạn bảy sử, kiến tận đoạn bảy sử, kiến đạo đoạn tám sử, tư duy đoạn bốn sử. Đấy là ba mươi sáu sử thuộc cõi Dục. Trừ sân hận và các kiết sử khác, trong cõi Sắc, Vô Sắc, mỗi cõi đều dứt trừ ba mươi mốt sử.

Nói lược là mười sử thật: thân tà (thân kiến), biên tà (biên kiến), tà kiến, trộm kiến (kiến thủ), trộm giới (giới cấm thủ), nghi, ái, sân, mạn và vô minh.

Thế nào là thân tà (thân kiến)? Chấp ngã trong năm ấm, thấy như vậy là thân tà (thân kiến). Thế giới hữu biên, vô biên như vậy là biên tà (biên kiến). Cho rằng không có quả báo, nhân duyên của bốn đế, thấy như vậy là tà kiến. Chấp thường là bậc nhất trong pháp hữu lậu, là trộm kiến (kiến thủ). Cầu đạo tịnh trong nhân duyên phi tịnh, là trộm giới (giới cấm thủ). Chưa được tâm đạo, si mê không hiểu rõ về phải, không phải, về có, không có, đấy là tâm nghi si. Nhiễm đắm dục trong các pháp, đấy là ái. Trong tâm si, không muốn đối đáp lại, tâm phẫn nộ, chao động, đó là sân. Tâm tự đại, cao ngạo đó là mạn. Không biết được thật tướng các pháp, đó là vô minh.

Các sử này là khổ đế của cõi Dục, tất cả tập đế, bảy tận đế cũng vậy. Đạo đế có tám tà, nghi do kiến đế đoạn. Bốn sử cõi Dục do tư duy đoạn. Sáu sử cõi Sắc, Vô Sắc do tư duy đoạn. Tham, sân, mạn, vô minh, năm thứ hành đoạn. Nghi, tà kiến, trộm đạo do bốn đế đoạn. Thân tà, biên tà do khổ đế đoạn. Trộm giới do khổ đế, đạo đế đoạn. Khổ đế của cõi Dục đoạn sáu sử là năm tà và nghi. Tập đế đoạn ba, là hai tà và nghi. Vô minh có hai thứ do khổ đến đoạn. Vô minh hoặc cùng khắp hoặc không cùng khắp.

Thế nào là cùng khắp? Là vô minh tương ưng với sáu sử, và vô minh bất cộng, đấy là cùng khắp.

Thế nào là không cùng khắp? Là ba sử tương ưng với vô minh, là không cùng khắp. Như vậy, tập tương ưng với ba sử và vô minh bất cộng, đó là hiện khắp, ngoài ra là không hiện khắp.

Các sử, trừ ái, sân, mạn, số còn lại là cùng khắp tất cả. Vì sao? Vì các sử này có năm duyên và hai tà trong tất cả sử cùng khắp và vô minh tương ưng với chúng. Tất cả cùng khắp là ở cõi mình không phải cõi khác. Cõi Sắc cũng như vậy. Cõi Vô Sắc tất cả sử cũng cùng khắp. Tất cả cùng khắp của cõi mình, tất cả sử cùng khắp còn lại, hết thảy sử cùng khắp của cõi mình cũng duyên cõi khác. Vô minh là nhân tương ưng của tất cả sử và vô minh bất cộng. Dứt trừ tà kiến, nghi, vô minh của ba cõi do tận đế, đạo đế

dứt trừ tà, tà nghi vô minh là mười tám sử này là duyên vô lậu, sử còn lại là duyên hữu lậu. Các sử duyên hữu lậu và hữu lậu duyên tương ưng với vô minh. Ngoài ra vô minh duyên vô lậu là tất cả kiết sử của ba cõi tương ưng với hộ căn (xả căn). Các sử ở trời Phạm và trời Quang Diệu tương ưng với hộ căn và hỷ căn. Các sử của cõi trời Biến Tịnh tương ưng với hộ căn, lạc căn. Tà kiến vô minh thuộc cõi Dục, tương ưng với ba căn là hỷ căn, ưu căn, hộ căn. Nghi tương ưng với hai căn là ưu căn, hộ căn. Sân tương ưng với ba căn là ưu căn, khổ căn, hộ căn. Các sử còn lại do kiến đế ở cõi Dục đoạn tương ưng với hai căn là hỷ căn và hộ căn. Tư duy dứt trừ trong cõi Dục tương ưng với sáu thức, trừ mạn. Mạn tương ưng với ý thức, tất cả do kiến đế đoạn tương ưng với ý thức.

Mười tiểu phiền não là nói triển:

1. Sân.
2. Sợ tội của mình.
3. Thùy.
4. Miên.
5. Điệu.
6. Hý.
7. San.
8. Tật.
9. Vô tàm.
10. Vô quý.

Thế nào là sân? Là tâm ác, dao động mạnh.

Thế nào là sợ tội của mình? Sợ người thấy nghe.

Thế nào là thùy? Tâm chìm đắm, thân nặng nề, tâm nặng về tương ưng với tất cả kiết sử.

Thế nào là miên? Tâm hòa hợp với lúc nằm ngủ mới dậy, không tỉnh táo, tương ưng với ý thức, thuộc cõi Dục.

Thế nào là điệu (trạo cử)? Là tâm bất thiện bồng bột không dứt tương ưng với tất cả kiết sử.

Thế nào là hý (ố tác)? Tạo ra việc thiện, bất thiện, về sau lại hối tiếc, tương ưng với ưu căn.

Thế nào là san? Tâm luyến tiếc, keo kiệt.

Thế nào là tật? Là thấy người khác được việc tốt đẹp, mình không vui, muốn cho họ phải đau khổ. Hai kiết này thuộc cõi Dục do tư duy dứt

trừ.

Thế nào là vô tàm? Tự làm điều ác không biết xấu hổ. Thế nào là vô quý? Là làm điều ác, không thẹn với người.

Hai thứ này tương ưng với tất cả pháp bất thiện. Ba kiết: Ái, sân, vô minh, tương ưng với sáu thức. Hai thứ ái, vô minh của cõi Sắc tương ưng với bốn thức. Kiết sử còn lại tương ưng với ý thức, cùng lúc do đạo vô ngại đoạn. Lúc kiết sử, tác chứng lại tác chứng. Dứt trừ kiết cõi Dục, được ba trí đoạn. Dứt trừ kiết sử của khổ đế, tập đế ở cõi Dục được một trí đoạn. Dứt trừ kiết sử của diệt đế được hai trí đoạn. Dứt trừ kiết sử của đạo đế được ba trí đoạn. kiết do bốn đế đoạn ở cõi Sắc, Vô Sắc được ba trí đoạn. Năm kiết sử phần dưới ở cõi Dục được bảy trí đoạn.

Ở cõi Sắc, kiết sử do tư duy dứt hết, được tám trí đoạn, tất cả kiết sử phiền não dứt hết, được chín trí đoạn. Diệt trừ kiết hoàn toàn đó gọi là trí đoạn. Có các kiết sử như vậy, tâm không tương ưng trói buộc tâm, tương ưng với việc này không đúng với tất cả tâm tương ưng. Vì sao? Vì khởi phiền não kiết sử hủy hoại pháp thiện. Lúc thấy kiết sử là pháp thiện nẩy sinh, cho nên, biết tất cả kiết sử đều tương ưng với tâm. Tất cả kiết sử này đều có hai sự đoạn là tâm tương ưng với trí thiền.

Thế nào là thiền dứt trừ tâm nhu hòa ban đầu? Thế nào là trí phân biệt các pháp? Nhất tâm nhập định, tư duy, quán sát các pháp vô thường v.v…, đó là trí. Trí thiền đều cùng hoạt động tư duy, được giải thoát. Ba thời điểm khéo tinh tiến là lúc nhất tâm gìn giữ, ngồi thiền, nếu tâm nhu hòa thì lúc ấy nên tinh tiến tư duy. Nếu tâm điệu (trạo cử), thì khi đó phải nhất tâm tư duy điều thiện. Nếu cả hai việc này đều không nhu hòa, không chế ngự điệu (trạo cử), thì lúc ấy là buông lung. Ví như thợ luyện vàng, đặt thỏi vàng ròng trong lửa, thổi lửa liên tục để nung, thường rưới nước lên, và hằng giờ tạm ngưng tôi luyện. Vì sao? Vì nếu thường xuyên thổi lửa thì vàng sẽ chảy ra, còn nếu thường rưới nước thì vàng sẽ nguội lạnh, không nóng. Nếu thường bỏ ra, sẽ không làm khéo được. Việc ngồi thiền cũng như vậy. Thổi lửa như sức tinh tiến, nhúng vàng vào nước như thiền, buông bỏ như xả. Vì sao? Vì thường xuyên tinh tiến, điều phục tâm, thường định nhất tâm, tâm nhu hòa, thường xả, không thọ các tâm. Thế nên, thường siêng năng, tinh tiến, luôn luôn nhất tâm định và thường xả. Tâm hòa hợp, điều phục như vậy, sẽ được giải thoát đối với tất cả kiết sử.

Phẩm 10: BA MƯƠI BẢY NGƯỜI VÔ LẬU

Phương pháp ngồi thiền trước là buộc tâm vào một chỗ, hoặc ở đỉnh đầu, hoặc ở trán, hoặc giữa hai đầu chân mày, hoặc ở chót mũi, hoặc ở trong tâm, sao cho tâm trụ một chỗ. Nếu niệm chay đi thì kéo trở lại rồi đặt vào chỗ cũ. Tâm này ví như con vượn, buộc cổ nó vào cây trụ khiến vượn chỉ chạy quanh trụ, không chạy đi chỗ khác được, bắt buộc phải dừng. Tâm chạy rong cũng như vậy. Buộc tâm vào pháp sao cho tâm không đi nữa mà bắt buộc phải trụ lại. Dần dần quán thân, thọ, Ý, pháp là trong người, pháp, ý dừng lại, thuần thục nhất tâm, được trí tuệ thật, quán thật tướng của tất cả hành, vì sinh diệt không dừng nên vô thường, vì chất chứa tai hoạn nên khổ, vì bên trong không có người nên không, vì không tự tại nên phi ngã (vô ngã). Từ đấy, được pháp noãn khởi trong ý. Ví như dùi lửa, lửa sinh từ trong cây. Căn thiện của niềm tin thanh tịnh được phát sinh trong pháp Phật.

Bốn duyên quán quán mười sáu hành. Bốn hành quán khổ đế. Từ nhân duyên sinh, vì không trụ nên vô thường, vì sức của vô thường hủy hoại nên khổ, vì không có người nên không, vì không tự tại nên phi ngã (vô ngã).

Bốn hành quán tập đế: Vì tướng sinh giống như quả nên là nhân. Vì sống, chết không dứt nên là tập. Vì không thể hết nên có, vì không giống nhau mà nối tiếp nhau, nên là duyên.

Bốn hành quán diệt đế: Vì đóng kín cửa tất cả tai hại khổ đau nên là tận. Vì dập tắt tất cả ngọn lửa kiết sử nên là chỉ. Vì hơn tất cả pháp nên là diệu, vì ra khỏi ba cõi nên là độ.

Bốn hành quán đạo đế: Vì có thể dẫn đến Niết-bàn nên là Đạo. Vì không phải là điên đảo nên là ứng. Vì là chỗ hành hóa của bậc Thánh nên là trụ. Vì lìa được phiền não thế gian nên là xuất.

Quán mười sáu hành pháp thiện, thường siêng năng tinh tiến, đấy là pháp Noãn. Từ căn thiện Noãn này tăng trưởng, đấy là căn thiện đảnh.

Tin Tam bảo, hoặc tin tưởng năm thọ ấm là vô thường, hoặc khổ, không, phi ngã (vô ngã). Như vậy, duyên mười sáu hành của bốn đế, vì hơn pháp Noãn, nên nói là Đảnh. Đảnh đã tăng thượng, tùy theo đế nhẫn gọi là căn thiện nhẫn. Nhẫn này có ba thứ: Thượng, trung, hạ. Duyên pháp quán của bốn đế, quán mười sáu hành thuận với căn thiện tăng thượng của đế, đây gọi là pháp bậc nhất thế gian. Pháp tâm, tâm sở lúc nhất tâm, đó gọi là căn thiện bậc nhất thế gian.

Có người nói: Năm căn như tín, v.v... là nghĩa như thật của pháp bậc

nhất thế gian. Pháp tâm, tâm sở lúc nhất tâm là căn thiện bậc nhất thế gian, có thể mở cửa Niết-bàn, là duyên bậc nhất trong pháp phàm phu. Quán bốn hành một đế: Vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì tâm vô lậu bậc nhất duyên với khổ đế, pháp bậc nhất thế gian cũng như vậy.

Sáu thiền địa: Thiền Vị đáo, thiền Trung gian và Bốn thiền, là các căn thiện Nhẫn, Đảnh, Noãn. Trong sáu địa, có pháp bậc nhất thế gian, theo thứ lớp khởi người vô lậu, đó gọi là khổ pháp nhẫn. Chưa từng thấy, vì mới bắt đầu thấy mà có thể nhẫn, nên nói nhẫn là đạo vô ngại của nhẫn đầu tiên.

Theo thứ lớp, trí của pháp khổ sinh, biết như thật về tướng khổ là đạo giải thoát của khổ pháp trí. Hai tâm này duyên theo khổ cõi Dục. Đạo vô ngại của nhẫn vị tri, đạo giải thoát của trí vị tri, hai tâm này duyên theo khổ thuộc cõi Sắc, Vô Sắc. Khổ Tập, diệt, đạo đế cũng như vậy.

Pháp chánh quán này là mười sáu tâm tịnh. Căn cơ nhạy bén trong mười lăm tâm là nói Tùy pháp hành, căn cơ chậm lụt (độn căn) là nói Tùy tín hành. Hai người này vẫn chưa lìa kiết cõi Dục để hướng đến quả thứ nhất. Sáu thứ kiết sử cõi Dục đã dứt trừ, hướng đến quả thứ hai. Nếu chín thứ kiết đã hết, hướng đến quả thứ ba. Hướng đến quả thứ nhất, nhằm đến với người tu hành, trong mười lăm tâm, cũng lại là người tu hành của quả trung gian, là hai người Tùy pháp hành, Tùy tín hành này, tiến đến được trụ quả trong mười sáu tâm. Hai người ấy trước đây chưa dứt trừ kiết, do viên mãn mười sáu tâm, đều là Tu-đà-hoàn. Nếu dứt trừ sáu thứ kiết, viên mãn mười sáu tâm, thì đều là Tư-đà-hàm. Nếu dứt trừ chín thứ kiết, đầy đủ mười sáu tâm thì đều là A-na-hàm, được quả thứ ba và dứt hết tám mươi tám kiết.

Vì căn thiện nơi giới vô lậu của người ấy thành tựu, nên nói là Tu-đà-hoàn. Căn cơ nhạy bén (lợi căn) được quả gọi là kiến đáo. Căn cơ chậm lụt được quả, gọi là Tín giải thoát. Nếu hai người này tư duy dứt trừ kiết lệ thuộc cõi Dục không hết, sẽ phải trải qua bảy lần chết, bảy lần sinh. Nếu trước hết diệt ba phẩm kiết, thì đây gọi là Gia gia, trải qua ba lần chết, ba lần sinh.

Trong dòng nước tám trực đạo dẫn đến Niết-bàn là Tu-đà-hoàn hạnh bậc trung. Sáu thứ kiết đã hết, gọi là Tư-đà-hàm. Tám thứ kiết hết, gọi là Nhất chủng.

Sinh lên các tầng trời cõi Dục, rồi lại sinh xuống cõi người và bát Niết-bàn, đó gọi là Nhất chủng và Tư-đà-hàm.

Năm A-na-hàm là Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn, Hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn và Thượng lưu A-ca-ni đến A-na-hàm. Lại

có A-na-hàm sinh ở cõi Vô Sắc. Khổ của cõi Sắc, Vô Sắc dứt hết, được bát Niết-bàn, không sinh cõi dưới là nói A-na-hàm.

Chín thứ kiết sử cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy. Các kiết sử này do hai đạo dứt trừ là đạo Vô ngại và đạo Giải thoát. Trước hết là đạo vô ngại dứt trừ, đạo giải thoát thành tựu. Ví như bắt được rắn độc bỏ vào chiếc bình, rồi bịt miệng bình lại. Đạo thế tục, đạo xuất thế gian dứt trừ các kiết sử thuộc về cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Đạo thế tục cũng có thể dứt trừ sử trong thế giới.

Tám địa lìa dục được định Diệt tận, là nói thân chứng A-na-hàm. Nếu pháp A-la-hán câu giải thoát tợ Niết-bàn, thân trụ trong đó dứt được năm kiết phần dưới, sẽ được A-na-hàm. Dứt hết năm kiết phần trên, được A-la-hán. Mọi kiết sử, triền ràng buộc còn lại trong cõi Sắc, Vô Sắc này là nói do tâm điều phục, như định Kim Cương, lần lượt sinh ra diệt trí. Bấy giờ được quả A-la-hán, là đạo vô ngại lìa dục trên hết, cũng là tâm học sau cùng, là thứ lớp của định Kim Cương. Vô học đầu tiên phát sinh diệt trí: Các sinh tử của ta đã hết, ta đã được A-la-hán, tất cả kiết đã dứt hết, đại tiểu phiền não đều diệt hết, gọi là A-la-hán, người xứng đáng nhận sự cúng dường trong tất cả người, trời, đó gọi là A-la-hán.

Vô học này có chín thứ:

1. Pháp thối.
2. Pháp không thối.
3. Pháp tư duy.
4. Pháp thủ hộ.
5. Pháp trụ.
6. Pháp năng tiến.
7. Pháp không động.
8. Tuệ giải thoát.
9. Câu giải thoát.

Thế nào là pháp thối? Là trí kém, tinh tiến yếu, hành đủ cả năm thối, được đạo quả thối, đó là pháp thối.

Thế nào là pháp bất thối? Là trí nhạy bén, siêng năng, tinh tiến, không thực hành trong năm thối, được đạo quả bất thối, đó là pháp bất thối.

Thế nào là pháp tư duy? Trí kém, tinh tiến kém, siêng năng quán thân bất tịnh, đáng ghét bỏ, tư duy tự diệt thân đó là pháp tư.

Thế nào là pháp thủ hộ? Với trí kém siêng năng, tinh tiến, gìn giữ bản thân, là pháp thủ hộ.

Thế nào là pháp trụ? Trí bậc trung, tinh tiến thuộc phẩm trung, đạo hành bậc trung, không thêm bớt, đó là pháp trụ.

Thế nào là pháp năng tiến? Trí ít nhạy bén, siêng năng, tinh tiến, có thể đạt được điều thiện không động, đó gọi là năng tiến.

Thế nào là pháp không động? Là căn cơ nhạy bén, rất siêng năng, tinh tiến, trước được điều thiện không động, đó là pháp không động.

Thế nào là tuệ giải thoát? Là không được định Diệt tận.

Thế nào là câu giải thoát? Là có thể được định Diệt tận, là câu giải thoát.

Năm hạng A-la-hán Tùy tính hành, gọi là Thời giải thoát. Các vị A-la-hán này có hai trí, là diệt trí và trực kiến vô học (chánh kiến vô học). Một loại A-la-hán là Tùy pháp hành lợi căn gọi là Bất thời giải thoát, A-la-hán này đạt ba trí là diệt trí, trí vô sinh và trực kiến vô học. Tám A-la-hán ái thời giải thoát, thành tựu pháp không động, thành tựu này là tùy tín hành, đạo kiến đế và chín căn vô lậu trong mười lăm tâm. Đây gọi là Vị tri căn. Mười sáu tâm đắc quả là chín căn vô lậu. Đây gọi là dĩ tri căn, chín căn này đều là pháp vô học, đây gọi là đại tri căn. Lúc đắc quả, làm mất hướng đạo, dứt trừ hết kiết sử trong đạo.

Có hai thứ thành tựu là hữu vi, vô vi. Lúc được quả lớn, tất cả đều làm mất hai thứ gốc, được một thứ thành tựu. Chín thứ diệt trừ kiết sử và các pháp ẩn mất. Tâm thứ chín, tất cả đều được dứt trừ.

Pháp năng tiến là A-la-hán được việc thiện không động, chẳng phải pháp nào khác. Tín giải thoát bậc hữu, học đắc, căn cơ nhạy bén gọi là kiến đáo, không phải pháp khác. Các kiết sử trong đạo kiến đế đều khác nhau, pháp vô lậu đều khác nhau. Vì lý do này, nên dần dần kiến đế, không phải kiến đế cùng một lúc, do sức của đạo vô ngại mà chứng được quả. Chính vì lẽ này nên có hai thứ quả: Quả hữu vi và quả vô vi.

LUẬN A TỲ ĐÀM CAM LỘ VỊ

QUYỂN HẠ

Phẩm 11: TRÍ

Mười trí là Pháp trí, trí vị tri (loại trí), đẳng trí, trí tri tha nhân tâm (Trí tha tâm), khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, diệt trí, và trí vô sinh.

Thế nào là pháp trí? Là trí vô lậu trong các hành khổ thuộc cõi Dục. Trí vô lậu trong các hành tập thuộc cõi Dục. Trí vô lậu trong các hành tận thuộc cõi Dục. Vì các hành đạo dứt trừ phiền não thuộc cõi Dục, trí vô lậu trong đạo và trí vô lậu trong địa pháp trí, đó gọi là pháp trí.

Thế nào là trí vị tri? Là trí vô lậu trong các hành khổ thuộc cõi Sắc, Vô Sắc. Trí vô lậu trong các hành tập thuộc cõi Sắc, Vô Sắc, vì các hành đạo dứt trừ phiền não thuộc cõi Sắc, Vô Sắc, trí vô lậu trong đạo và trí vị tri, trí vô lậu trong địa trí vị tri, đó gọi là trí vị tri.

Thế nào là đẳng trí? Tất cả trí tuệ hữu lậu hoặc là thiện, bất thiện, vô ký, đó là đẳng trí.

Thế nào là trí tri tha nhân tâm? Do sức tư duy trong thiền mà biết được pháp tâm, tâm sở của người khác ở cõi Dục, Đó là trí tri tha nhân tâm.

Thế nào là khổ trí? Là trí quán vô lậu về vô thường, khổ, không, phi ngã (vô ngã) trong năm thọ ấm, đó là khổ trí.

Thế nào là tập trí? Là trí quán vô lậu về tập nhân hữu duyên của năm thọ ấm. Đấy là tập trí.

Thế nào là tận trí? Là trí quán vô lậu về tận, chỉ, diệu, xuất, đó là tận trí.

Thế nào là đạo trí? Là trí quán vô lậu về tám trực đạo (bát chánh đạo) nên trụ xuất, đó gọi là Đạo trí.

Thế nào là diệt trí? Là kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tư duy đạo, là trí quán vô lậu trong bốn pháp, đó gọi là Diệt trí.

Thế nào trí vô sinh? Ta đã thấy khổ, không còn thấy khổ nữa, ta đã đoạn, không còn đoạn tập nữa. Ta đã tác chứng, không còn tác chứng nữa. Ta đã tư duy đạo, không còn tư duy đạo nữa, là trí quán vô lậu trong bốn

pháp. Đây gọi là trí vô sinh, là mười sáu hành của hai trí trong mười trí.

Pháp trí, trí vị tri là mười sáu hành của đẳng trí trong pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn, bốn hành của đẳng trí trong pháp bậc nhất thế gian. Ngoài ra, không có hành nào khác. Bốn hành của trí tha tâm vô lậu, như đạo trí. trí tri tha tâm hữu lậu là không hành.

Khổ trí có bốn hành, tập trí có bốn hành, tận trí có bốn hành, đạo trí có bốn hành, diệt trí, trí vô sinh, mỗi trí này đều có mười bốn hành, trừ hành không, vô ngã.

Thiền vị đáo và thiền địa trung gian có chín trí, trừ trí tri tha tâm.

Mười trí trong bốn thiền khác, định Vô Sắc có tám trí, trừ pháp trí và trí tri tha tâm. Tâm vô lậu bậc nhất thành tựu một đẳng trí. Tâm vô lậu thứ hai thành tựu ba trí là đẳng trí, pháp trí và khổ trí. Tâm vô lậu thứ ba vượt qua, tâm vô lậu thứ tư thành tựu bốn trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí và trí vị tri. Tâm vô lậu thứ năm vượt qua, tâm vô lậu thứ sáu thành tựu năm trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí, trí vị tri và tập trí. Tâm vô lậu thứ bảy vượt qua. Tâm vô lậu thứ tám cũng vượt qua. Tâm vô lậu thứ chín thành tựu sáu trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí, trí vị tri, tập trí và tận trí. Tâm vô lậu thứ mười, thứ mười một vượt qua. Tâm vô lậu thứ mười hai thành tựu bảy trí: Đẳng trí, pháp trí, khổ trí, trí vị tri, tập trí, tận trí và đạo trí. Nếu trí đã lìa dục, từng biết được tâm người khác, sẽ có hai thứ tu trí là đắc tu và hành tu, trước chưa được công đức, đến nay mới được, đó là đắc tu. Trước đây đã được công đức, hiện nhập ở trước, đó là hành tu. Tu hiện ở trước trong đạo kiến đế, sự tu đó tức tu ở vị lai.

Như vậy tu các nhẫn hiện ở trước, cũng là tu ở mai sau. Trí khổ vị, tập vị tri, trí tập vị tri, là tu đẳng trí trong ba trí vị tri. Hoặc tu sáu trí, hoặc tu bảy trí trong đạo trí vị tri. Nếu chưa lìa dục tu sáu trí, đã lìa dục tu bảy trí, thì trí tri tha tâm vượt qua quả Tu-đà-hoàn. Tu bảy trí trong mười bảy tâm, trừ diệt trí, trí vô sinh và trí tri tha tâm, là tín giải thoát lúc được căn cơ nhạy bén trong mười bảy tâm. Tu sáu trí trong hai đạo: vô ngại và giải thoát, trừ trí tha tâm, đẳng trí, diệt trí và trí vô sinh được quả A-na-hàm. Tu tám trí trong đạo giải thoát, trừ diệt trí, trí vô sinh.

Như vậy, lúc bảy địa lìa dục, tu tám trí trong đạo giải thoát, trừ diệt trí, trí vô sinh, đó là tu bảy trí trong các đạo vô ngại, trừ trí tri tha tâm, diệt trí và trí vô sinh.

Lúc hữu tưởng Vô tưởng lìa dục, tu bảy trí trong tám đạo giải thoát, trừ đẳng trí, diệt trí, và trí vô sinh. Tu sáu trí trong chín đạo vô ngại, trừ đẳng trí, tri trí tha tâm, diệt trí và trí vô sinh. Tu các căn thiện hữu lậu, vô

lậu trong tâm vô học ban đầu. Tâm vô học đầu tiên này tương ưng với trí khổ vị tri. Có người nói là tương ưng với trí tập vị tri. Vì sao? Vì xứ hữu tưởng, Vô tưởng tương ưng với sinh duyên, tâm vô học ban đầu kiến đế. Vì tám nhẫn tìm kiếm, nên gọi là kiến, không phải trí. Diệt trí, trí vô sinh là trí không phải kiến. Ngoài ra, tuệ vô lậu vừa là tuệ, vừa là kiến, vừa là trí, trừ tuệ hữu lậu thiện tương ưng với ý thức và năm tà kiến. Tuệ hữu lậu còn lại vừa là trí, vừa là tuệ, không phải kiến. Pháp trí duyên theo chín trí, trừ trí vị tri. Trí vị tri duyên theo chín trí, trừ pháp trí. Đạo trí duyên theo chín trí, trừ đẳng trí. Khổ trí, tập trí duyên nơi tất cả pháp hữu lậu. Trí còn lại duyên mười trí và đẳng trí, trí tha tâm, diệt trí, và trí vô sinh.

Hai trí: Trí tận pháp và Trí đạo pháp có thể làm dứt trừ kiết của ba cõi, sáu thông, bốn thông, đẳng trí, thân thông, nhĩ thông, nhãn thông, túc mạng thông và tha tâm thông.

Năm trí: Pháp trí, trí vị tri, đạo trí, đẳng trí và trí tha tâm thuộc lậu tận thông. Chín trí vô lậu trừ đẳng trí.

Bốn ý chỉ: Thân ý chỉ có tám trí, trừ trí tha tâm, tận trí. Thống (thọ) ý chỉ, tâm ý chỉ có chín trí, trừ tận trí. Pháp ý chỉ có mười trí. Bốn biện là pháp biện, từ biện, ứng biện, nghĩa biện của đẳng trí đều có mười trí, nguyện trí có bảy trí, trừ trí tha tâm, diệt trí, trí vô sinh.

Lực thứ nhất trong mười lực nhận biết mười trí. Hai lực, ba, bốn, năm, sáu lực có chín trí, trừ tận trí.

Bảy lực có mười trí. Tám lực, chín lực có một trí là đẳng trí. Mười lực có chín trí, trừ đẳng trí.

Pháp vô úy thứ nhất có mười trí nhận biết. Pháp vô úy thứ hai có chín trí nhận biết, trừ đẳng trí. Pháp vô úy thứ ba có tám trí nhận biết, trừ đạo trí, tận trí. Pháp vô úy thứ tư có tám trí, trừ khổ trí và tập trí.

Phẩm 12: THIỀN ĐỊNH

Được thiền định nhất tâm, tâm không phân tán, trí tuệ thanh tịnh.

Ví như đèn dầu xa nơi có gió thì ánh sáng sẽ tỏa ra sáng tỏ.

Thế nào là thiền định? Tám thứ thiền định là bốn thiền và bốn định Vô Sắc.

Bốn thiền: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, là các thiền định. Vị tịnh của ba thiền là vô lậu tương ưng với ái, đây gọi là có vị. Thiền hữu

lậu thiện, đó là tịnh. Không có phiền não, đó là vô lậu.

Hai thứ định trong Hữu đảnh: Có vị và tịnh, không có pháp thiện của định vô lậu. Ở chỗ vắng lặng, hoặc ngồi hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc bước đi với ý, trí nhất định, tin tưởng thật sâu xa trong tâm khéo léo. Người có tâm như vậy, nên nhập thiền định.

Dục, tinh tiến, niệm, tuệ, nhất tâm (định) tương ưng với thiền. Các pháp thiện này hướng đến định của Sơ thiền, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện. Có giác, có quán, lìa dục, sinh đắc hỷ lạc, đó là Sơ thiền.

Nhiễm đắm nơi ngoại nhập, đó là tham dục, sân hận, thùy miên, điệu, hý, nghi, năm cái này là pháp ác, bất thiện. Dứt trừ hai thứ pháp ác trong ngoài ấy, đó gọi là lìa. Tâm duyên chuyển xoay lại, đó gọi là giác. Tâm thọ hành tư duy, đấy là quán. Dứt trừ pháp ác, bất thiện, gắng sức được thiền, đó là lìa dục. Tâm sinh vui vẻ, đó là hỷ. Thân tâm yên ổn, đó là lạc. Buộc tâm trong duyên, đó là nhất tâm. Là năm chi của Sơ thiền. Dâm dục là tội khổ lớn, không vui, do sức lìa dục, nên được yên ổn và xuất ly.

Như thế, tư duy các pháp thiện như dục, v.v…, phải sinh trong tâm, đó gọi là được đạo Sơ thiền. Hỷ, lạc, xả căn tương ưng với ba thọ căn. Lạc căn tương ưng với ba thức thân là nhãn, nhĩ, thân thức. Hỷ căn tương ưng với ý thức, xả căn tương ưng với bốn thức.

Sơ thiền này có thân riêng, tưởng riêng. Có thân riêng một tưởng, bốn tâm ở Sơ thiền là nhãn, nhĩ, thân, ý, đó gọi là các giác quán của Sơ thiền. Nội diệt nhất tâm tịnh, vô giác vô quán, định sinh được tương ưng với hỷ lạc. Đó là giác quán của Nhị thiền, như trước đã nói.

Dứt trừ hẳn, đó gọi là diệt. Niềm tin của các địa không cấu uế, đó gọi là bên trong thanh tịnh. Ý thức buộc nơi duyên không phân tán, đó gọi là nhất tâm. Về chi hỷ, lạc như trước đã nói.

Hỷ căn, xả căn tương ưng với hai thọ căn. Một tưởng của thân riêng tương ưng với hỷ. Địa gần căn bản tương ưng với xả căn, trừ diệt cấu uế giác, quán, trừ diệt công đức tư duy là con đường đi đến hai thiền, vì lìa cấu uế của hỷ.

Xả hành thọ thân ở địa dưới, người lạc vô lậu, là nói lạc, xả, niệm dưới, lạc nhập Tam thiền lìa hỷ như trước đã nói.

Tâm xả, phóng xả và lạc. Hai thứ thọ, lạc không phiền não là ưa hành niệm, nhớ giữ trong thân. Lạc này khó biết được pháp thật, thế nên vô lậu được nói là lạc, cũng thực hành, xả các pháp thiện như dục v.v... là con đường tiến đến ba thiền.

Quán hỷ ghét bỏ tội không hỷ lạc thiền quán, chỉ, lạc, xả, niệm, trí,

nhất tâm, đó là năm chi như trước nói, đó gọi là ba thiền dứt trừ lạc, khổ. Trước hết là diệt ưu, hỷ căn, xả niệm tịnh nhập Tứ thiền. Các pháp thiện như dục, v.v... cũng lại quán cấu uế của vui khổ, không khổ, không lạc. Khéo chỉ là đạo đi vào Tứ thiền.

Bốn chi là xả niệm, trí thiện, nhất tâm, sức thiền và diệt hơi thở, đó là Tứ thiền. Tất cả chi thiền thiện, thiền vị đáo có giác, có quán, thiền trung gian không có giác, có quán. Hai địa này tương ưng với xả căn. Hai thứ tịnh vô lậu của địa thiền vị đáo không phải là vị. Ba thứ vị, tịnh, vô lậu trong Tứ thiền gọi là thiền pháp.

Lìa ghi nhớ sắc cũng quán vô lượng không, nhập định không, quán cấu uế của sắc, khéo dừng lại ở Không xứ. Quán này là con đường hướng đến định không.

Ghi nhớ vô lượng thức, nhập thức xứ quán cấu uế của không xứ.

Khéo dừng lại ở thức xứ, quán theo cách đó hướng đến định thức.

Vô lượng thức hành, đó là khổ. Ghi nhớ hành bất dụng xứ, nhập định bất dụng. Quán cấu uế của vô lượng thức xứ, khéo dừng lại ở Bất dụng xứ. Quán theo cách ấy hướng đến định Bất dụng, là xứ hữu tưởng bệnh, xứ Vô tưởng si. Tư duy như vậy, nhập định hữu tưởng, Vô tưởng, quán cấu uế của Bất dụng xứ, khéo dừng lại ở hữu tưởng, Vô tưởng. Quán theo cách ấy hướng đến định hữu tưởng, Vô tưởng. Đó là định hữu tưởng, Vô tưởng.

Đạo hướng đến Niết-bàn có hai thứ:

1. Quán thân bất tịnh.

2. Đến hơi thở.

Trong phần thứ nhất của thân ý chỉ, hai giải thoát, bốn trừ nhập có nói rõ về pháp bất tịnh. Nhập định sổ tức, từ một, hai cho đến mười niệm, gìn giữ hơi thở ra vào như người giữ cửa quán tất cả pháp khởi, diệt. Hai tướng này là sáu thứ phân biệt của tự tướng, quán thân vô thường, khổ, không, phi ngã (vô ngã).

Như thế, tất cả các pháp quán về sự sợ hãi thế giới, dần dần diệt cấu uế, bắt đầu thực hành pháp thiện, hướng về Niết-bàn.

Địa của thiền vị đáo, địa của thiền trung gian, địa của Tứ thiền, địa của ba Vô Sắc có hai thứ: Hữu lậu, vô lậu. Tất cả hữu lậu của Hữu đảnh là mười tưởng: vô thường, khổ khổ, vô ngã, quán thức ăn, tất cả thế gian không đáng vui, bất tịnh, chết, đoạn, không có dục và tưởng diệt tận.

Nhớ nghĩ đến các hành vô thường, đó là tưởng vô thường.

Nhớ nghĩ nỗi khổ đau của sanh, v.v... đầy khắp thế gian, đó là tưởng

khổ.

Nhớ nghĩ trong ngoài đều vô thường, khổ, không tự tại, trống không, đó gọi là tưởng khổ vô ngã.

Lúc nhớ nghĩ đến nhiều sự khổ nhọc mà được thức ăn là bất tịnh, đó là quán tưởng về thức ăn.

Nhớ nghĩ đến những sự sợ hãi về sinh, già, bệnh, chết, v.v..., các thứ phiền não đầy khắp thế giới, đó gọi là tưởng về tất cả thế gian không đáng vui.

Quán những thứ chứa đựng trong tự thân, đó là tưởng bất tịnh. Nhớ nghĩ hết thảy sự sống đều phải chết, đó là tưởng về chết.

Nhớ nghĩ sự dứt trừ tất cả phiền não, là khéo dừng lại, đó là tưởng dứt trừ.

Nhớ nghĩ đến sự vô thường lìa dục, đó là tưởng vô dục.

Nhớ nghĩ đến năm thọ ấm không còn sinh nữa, là tận chỉ diệu ly nơi Niết-bàn, đó là tưởng tận diệt.

Mười tưởng này thường nhớ nghĩ thì, dứt được bờ mé khổ.

Phẩm 13: TẠP ĐỊNH

Tam muội v.v... chung cho tất cả ấm, nhập, trí giải thoát thiền.

Ba tam muội là tam muội Không, tam muội Vô nguyện, và tam muội Vô tướng. Vì buộc tâm nơi duyên vô lậu, nên gọi là tam muội. Nhất tâm quán năm thọ ấm là không, vô thường, phi ngã, đó là tam muội Không. Nhập tam muội này, không mong muốn dâm dục, phẫn nộ, ngu si còn có sinh ra, đó là tam muội Vô nguyện. Tam muội này duyên pháp lìa mười tưởng.

Thế nào là mười tưởng? Là năm trần như sắc, v.v..., nam, nữ, sinh, già, vô thường, đó gọi là tam muội Vô tướng.

Hai hành của tam muội Không là hành không và hành vô ngã.

Tam muội Vô nguyện có mười hành: Hành vô thường, khổ, cũng là hành tập, đạo.

Tam muội Vô tướng cùng đủ bốn hành, bốn đẳng (bốn vô lượng) là từ, bi, hỷ, hộ (xả). Tự mình được sự vui sướng, nhớ nghĩ đem cho tất cả chúng sinh, đó là có ba thứ tâm. Trước hết là bà con, thân thuộc. Kế là người trong nhà, sau là các kẻ thù. Nhất tâm tư duy về tất cả thân của chúng

sinh trong ba cõi và kẻ thù đều bình đẳng, không khác nhau, trừ sự giận dữ bên trong, là thọ, tưởng, hành, thức tương ưng với từ, v.v... Có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là các hành không tương ưng. Đó là từ đẳng (từ vô lượng). Nhất tâm tư duy về thân tâm của chúng sinh trong ba cõi, đã gieo trồng sự cay đắng, mong muốn được cứu giúp. Tư duy như vậy, có thể tiêu trừ khổ não bên ngoài, là thọ, tưởng, hành, thức tương ưng với bi, v.v... Có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là các hành không tương ưng. Đó gọi là bi đẳng (bi vô lượng). Nhất tâm tư duy chúng sinh trong ba cõi hoan hỷ được vui, có thể dứt trừ lo khổ, là thọ, tưởng, hành, thức tương ưng với hỷ, v.v... Có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là hành không tương ưng. Đó gọi là hỷ đẳng (hỷ vô lượng). Nhất tâm tư duy về vui, khổ, hỷ, phóng, xả của chúng sinh trong ba cõi, có thể dứt trừ dục, sân. Xả đẳng tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức, có thể khởi chánh ngữ, chánh nghiệp, cũng là hành không tương ưng. Đó là xả đẳng (xả vô lượng).

Sáu thông là thần túc; thiên nhãn, thiên nhĩ, thức túc mạng, trí tha tâm và lậu tận thông, trừ thông thứ sáu (lậu tận), các thứ kia thì phàm phu cũng đạt được.

Thế nào là thần túc thông? Thần túc thông này có ba thứ:

1. Bay đi.

2. Biến hóa.

3. Thần thông của bậc Thánh.

Có ba thứ bay đi:

1. Tự thân bay đi, ví như chim bay.

2. Ở cõi này, bỗng nhiên biến mất và hiện đến cõi khác.

3. Sức của tâm tự tại, như co duỗi cánh tay, đó gọi là thần thông của Chư Phật, không phải là của các đạo khác.

Thường quán thân là không, học cất mình lên một cách nhẹ nhàng, là đáo thú đến thần thông, có thể biến hóa thành lớn, nhỏ, có thể hóa nhiều thành ít, hóa ít ra nhiều, có thể chuyển biến thành các thứ vật dụng, đó gọi là thần thông biến hóa.

Phàm phu biến hóa đến bảy ngày, quá bảy ngày thì diệt. Phật và đệ tử biến hóa tự tại. Lúc biến hóa, quán thế gian tịnh thành bất tịnh, bất tịnh thành tịnh, trừ niệm tịnh, bất tịnh, tâm, niệm, xả. Đó gọi là thần thông của bậc Thánh.

Ba thứ thông này sinh từ diệu lực của bốn thần túc. Tất cả duyên theo sắc, dần dần được cất mình lên hư không một cách nhẹ nhàng. Chư Phật

trong một lúc được thiên nhãn thông, từ mắt của mình, bốn đại tạo cõi Sắc tịnh, sinh khởi được thiên nhãn, nhìn thấu suốt cả gần, xa, trên, dưới. Thấy tất cả sắc rất vi tế, ghi nhớ mặt trời, mặt trăng, các vì sao, lửa, ngọc sáng là con đường đạt được thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông. Từ tai mình, bốn đại tạo cõi Sắc thanh tịnh, sinh khởi được thiên nhĩ, nhớ nghĩ, nhận biết các thứ tiếng nói của cõi trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Là con đường hướng đến thiên nhĩ thông.

Thức túc mạng thông, nhớ nghĩ các việc đời trước và nơi mình sinh ở đâu. Đó là con đường hướng đến túc mạng thông.

Thần thông nhận biết được tâm địa của người, tức đều biết rõ tâm thanh tịnh và tâm nhiễm ô của người. Tự tâm sinh, diệt, có thể phân biệt nhận biết, là con đường hướng đến tri tha tâm thông.

Tất cả lậu của ba cõi, ta đều dứt hết. Như vậy nhớ nghĩ, nhận biết được năm thọ ấm là vô thường, v.v…, là con đường đạt được lậu tận thông. Túc mạng thông và thiên nhãn thông hoàn toàn là minh. Túc mạng thông nhận biết nhân duyên thứ lớp của thế gian, đó là minh.

Thiên nhãn thông nhận biết nhân duyên như hành nghiệp được quả báo, đó là minh.

Lậu tận thông là lậu của cõi Dục, Sắc, Vô sắc đã hết, "Ta đã dứt hết các lậu", đó là minh.

Mười Nhất thiết nhập, ghi nhớ tất cả địa, không nhớ nghĩ gì khác, đó là nhất thiết nhập của địa, cho đến nhất thiết nhập của thức cũng như vậy.

Tám giải thoát: Trong có tưởng sắc, ngoài quán sắc, trong không có tưởng sắc, ngoài quán sắc, tịnh giải thoát tác chứng bốn định Vô Sắc, định Diệt tận, đó là tám giải thoát.

Duyên quán chuyển tâm được giải thoát, đó là giải thoát. Quán sắc bên trong bất tịnh và quán sắc bên ngoài, đó là giải thoát ban đầu. Không quán sắc bên trong, quán sắc bên ngoài bất tịnh, là giải thoát thứ hai. Phân biệt quán sắc trong, ngoài, tất cả sắc tịnh là giải thoát thứ ba.

Bốn định Vô Sắc, bốn giải thoát, giải thoát diệt tận.

Trong có tưởng sắc, ngoài quán một ít sắc xấu, tốt, là duyên tri kiến thù thắng, là trừ nhập (thắng xứ) thứ nhất. Bên trong có tưởng sắc, bên ngoài quán vô lượng sắc tốt, xấu, là duyên tri kiến thù thắng, là trừ nhập thứ hai. Trong không có tưởng sắc, ngoài quán một ít sắc tốt, xấu, là duyên tri kiến thù thắng, là trừ nhập thứ ba. Bên trong không có tưởng về sắc, ngoài quán vô lượng sắc tốt, xấu, là duyên tri kiến thù thắng, là trừ nhập thứ tư. Trong không có tưởng sắc, ngoài quán sắc màu xanh, là duyên tri

kiến thù thắng, là trừ nhập thứ năm. Các màu vàng, đỏ, trắng, cũng giống như vậy.

Bên trong không loại trừ tưởng về sắc, bên ngoài quán một ít sắc tịnh là:

1. Duyên vô lượng.

2. Bên trong trừ tưởng sắc, bên ngoài quán một ít sắc tịnh.

3. Duyên vô lượng.

4. Nhớ nghĩ đến các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, khác.

Vì duyên thù thắng của bốn thứ trừ nhập tịnh, nên nói là trừ nhập.

Sắc đẹp hình dáng trang nghiêm, vì trừ bỏ cấu uế, nên giải thoát, đó là trừ nhập, gọi riêng là ba giải thoát, bốn trừ nhập.

Tám nhất thiết nhập (biến xứ) thuộc về giải thoát tịnh. Mười trí như trước đã nói. Ba đẳng tâm là từ, bi, xả và năm thông trong bốn thiền căn bản có.

Trong sáu địa: Pháp trí, thiền vị đáo, thiền trung gian, bốn thiền căn bản, hỷ v.v... là giải thoát thứ nhất, giải thoát thứ hai, bốn trừ nhập ban đầu, trong Sơ thiền, hai thiền có. Các trừ nhập còn lại, giải thoát tịnh, tám Nhất thiết nhập (tám biến xứ) có trong đệ Tứ thiền. Các giải thoát còn lại hai nhất thiết nhập thuộc về tên của mình.

Giải thoát diệt tận thuộc về Hữu đảnh. Ba tam muội, bảy trí lậu tận thông thuộc về chín địa, trừ đẳng trí trong Hữu đảnh.

Trong mười địa có ba giải thoát của cõi Vô Sắc, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, ba giải thoát khác, tám trừ nhập, mười nhất thiết nhập là hữu lậu, tất cả hữu lậu trong Hữu đảnh, do chậm lụt, không nhanh nhẹn, cho nên là hữu lậu. Vì định Diệt tận không có trí tuệ, cho nên hữu lậu. Trong năm thông, thường là tâm vô ký. Bốn đẳng tâm (bốn tâm vô lượng) vì duyên theo chúng sinh, nên là hữu lậu. Ái dục chưa hết, kiết sử của ba cõi đã thành. Ái dục đã hết, kiết sử của cõi Sắc, Vô Sắc thành tựu. Ái cõi Sắc hết, kiết sử của cõi Vô Sắc thành tựu. Ái của cõi Vô Sắc hết, kiết sử của ba cõi không thành. Ái cõi Dục hết, vô lậu tịnh ở Sơ thiền thành tựu, như vậy, vô lậu của bậc Thánh trong tất cả địa đều thành tựu. Bậc Thánh sinh ở địa trên hay địa dưới đều thành tựu vô lậu, cầu được năm thông, bốn đẳng tâm, sự cấu uế của kiết ở địa dưới không thành tựu.

Đạo thế tục dựa vào địa thiền vị đáo, lìa dục của địa dưới. Như vậy, đạo vô lậu của tất cả địa đều dựa vào địa thiền căn bản. Địa mình cũng lìa dục địa trên. Vì tất cả địa đều như vậy, nên phàm phu trong Hữu đảnh

không thể lìa dục. Các pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn, pháp thế gian đệ nhất đều lìa dục. Người tu thiền định hữu lậu trong hai thời gian hiện tại, vị lai, khổ, tập, tận trong đạo kiến đế, tu trí vô lậu hiện ở trước trong trí vị tri.

Vị lai có hai thứ: trí hữu lậu, và trí vô lậu. Vô lậu của vị lai, vô lậu hiện ở trước trong những tâm khác.

Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn lìa ái dục, dựa vào địa của thiền vị đáo, ở hiện tại tu đạo hữu lậu, ở vị lai tu đạo hữu lậu, vô lậu. Đạo giải thoát thứ chín tu đạo hữu lậu trong hiện tại, tu hữu lậu, vô lậu ở vị lai và Sơ thiền tu thiền vị đáo vô lậu. Nếu dựa vào thiền vị đáo để tu đạo vô lậu trong hiện tại, thì ở vị lai sẽ tu đạo hữu lậu, vô lậu. Nếu tu đạo vô lậu ở hiện tại trong đạo giải thoát thứ chín, thì sẽ tu đạo hữu lậu, vô lậu ở vị lai.

Về Sơ thiền, nếu đệ tử Đức Thế Tôn nếu đã lìa ái dục của Sơ thiền, dựa vào địa của Nhị thiền vị đáo hiện ở trước tu đạo vô lậu, vị lai tu đạo hữu lậu vô lậu. Trong đạo giải thoát thứ chín, tu đạo hữu lậu ở hiện tại, tu ba thứ vô lậu ở vị lai.

Sơ thiền và tu tịnh vô lậu ở đệ Nhị thiền, nếu lìa ái của Sơ thiền, dựa vào đạo vô lậu, hướng đến Nhị thiền, tu vô lậu ở địa mình, tu đạo hữu lậu, vô lậu ở địa khác.

Trong đạo giải thoát thứ chín, tu đạo vô lậu ở hiện tại, vị lai tu ba thứ vô lậu. Sơ thiền và vô lậu tịnh ở Nhị thiền, cho đến Bất dụng xứ lìa dục cũng giống như vậy.

Lúc lìa dục trong Hữu đảnh, tu tất cả thiền định vô lậu, hiện tại tu đạo vô lậu trong đạo giải thoát thứ chín, tu vô lậu ở vị lai và tu hai mươi ba thứ định của căn thiện thuộc ba cõi.

Có vị tám, tịnh tám, vô lậu bảy, tất cả vô lậu bảy địa là nhân tự nhiên vô lậu, vô lậu của địa mình, vô lậu của địa mình có ba thứ nhân: nhân tương ưng, nhân cộng hữu và nhân tự nhiên. Vị định của đệ nhất hữu, là nhân của vị định nơi đệ nhất hữu không phải nhân khác. Định tịnh thứ nhất nhân của định tịnh thứ nhất, không phải là nhân khác. Định vô lậu thứ nhất thứ lớp khởi sáu thứ định: Thiền thứ nhất có hai thứ: tịnh, vô lậu. Vô lậu của đệ nhị, đệ Tam thiền cũng như vậy. Vô lậu ở đệ Nhị thiền thứ lớp sinh tám địa: Địa mình có hai thứ, địa trên có bốn thứ, địa dưới có hai thứ. Đệ Tam thiền vô lậu, đệ Tứ thiền, định không xứ thứ lớp sinh mười địa: Trên, bốn địa dưới, bốn thứ và địa mình hai thứ. Thức xứ vô lậu theo thứ lớp sinh chín địa: Địa trên ba thứ, địa dưới bốn thứ, địa mình hai thứ. Định Bất dụng xứ vô lậu thứ lớp sinh bảy địa, địa trên một thứ, địa dưới bốn thứ, địa mình hai thứ.

Định Vô Sắc thứ tư thứ lớp sinh sáu địa: Địa dưới bốn thứ, tự địa hai thứ, thiền tịnh cũng như thế. Hữu vị thứ lớp sinh hai thứ. Hữu vị của tự địa cũng lại tịnh.

Như vậy, các thiền định tịnh, vô lậu của tất cả địa, tất cả duyên, tất cả pháp duyên theo tự địa hữu vị. Hữu vị của tự địa duyên cũng lại tịnh. Duyên theo hữu vị không thể duyên các tịnh vô lậu. Định Vô Sắc vô lậu không duyên địa hữu lậu. Định Vô Sắc hữu vị duyên theo hữu vị của tự địa, duyên tịnh không thể duyên theo vô lậu.

Bốn đẳng, tám trừ nhập, ba giải thoát, tám nhất thiết nhập, tất cả các pháp này đều duyên theo cõi Dục. Năm thông duyên theo cõi Dục, cõi Sắc. Tất cả thiền huân, thiền vô lậu, huân tập thiền hữu lậu được người của Tứ thiền, trước huân tu đệ Tứ thiền, sau huân tu ba thiền dưới, được quả báo của năm Tịnh cư.

A-la-hán Bất động pháp được tất cả thiền định, có thể được Đảnh thiền, có thể trụ thọ, cũng có thể xả thọ. Nguyện trí từ tâm nguyện mong, biết tường tận các pháp quá khứ, vị lai và hiện tại, thường là biết pháp vị lai.

Bốn biện tài: pháp biện, từ biện, ứng biện và nghĩa biện, khiến tâm người khác không nổi cơn giận. Đấy là vô tránh thuộc về Tứ thiền, cũng lại là nguyện trí của đệ Tứ thiền thuộc cõi Dục, cũng lại là pháp biện, từ biện của cõi Dục thuộc cõi Dục và hai biện tài khác trong Phạm thiên thuộc về chín địa.

Bốn thiền của cõi Dục, thiền tịnh của bốn Vô Sắc có hai thời: lúc được lìa dục và lúc phát sinh được thiền. Thiền được hữu vi có hai thời: lúc bị thoái chuyển và lúc được sinh. Được vô lậu thiền đạt có hai thứ được: Được hoặc lúc thoái chuyển, và khi lìa dục được, đều thuộc chín địa. Vô lậu có thể dứt trừ kiết sử.

Sự biến hóa có mười bốn tâm: Mười tâm cõi Sắc, bốn tâm của cõi Dục. Sơ thiền có hai tâm biến hóa: Sơ thiền có một, cõi Dục có một. Nhị thiền có ba tâm biến hóa: Nhị thiền có một, Sơ thiền có một, cõi Dục có một. Tam thiền có bốn tâm biến hóa, Tam thiền có một, Nhị thiền có một, Sơ thiền có một, cõi Dục có một. Tứ thiền có năm tâm biến hóa: Tứ thiền có một, Tam thiền có một, Nhị thiền có một, Sơ thiền có một, cõi Dục có một.

Những thiền nào thành tựu quả này? Tâm biến hóa của địa dưới thành tựu trụ địa của Tam thiền. Thức của Phạm thiên hiện ở , năng có thể thấy nghe bấy giờ thành tựu, liền diệt, bấy giờ không thành tựu.

Phẩm 14: TAM THẬP THẤT PHẨM

Ý chỉ, ý đoạn, thần túc, căn, lực, giác, đạo là bảy pháp dẫn đến Niết-bàn. Trong ấy bảy giác ý là vô lậu, sáu thứ còn lại thì phân biệt hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu.

Có thuyết nói: Bảy giác ý, tám trực đạo, tất cả đều vô lậu. Những thứ còn lại thì phân biệt. Bốn ý chỉ (bốn niệm xứ) có trong thiền định của tất cả địa, thuộc bốn thứ trí thường niệm giữ, đó là niệm chỉ. Ba thứ: Hành trí tuệ trong niệm thân, đó gọi là thân niệm chỉ. Như vậy, niệm chỉ thọ, tâm, pháp, đấy là bốn niệm chỉ. Vì sao không nói ba niệm chỉ hoặc năm niệm chỉ? Vì muốn phá trừ bốn điên đảo, nên nói bốn niệm chỉ (bốn niệm xứ).

Thế nào là thân niệm chỉ? Vì hủy hoại sự điên đảo của tưởng tịnh, quán tướng thật của thân có ba mươi sáu thứ bất tịnh. Nếu chết thì sâu trùng lúc nhúc bò ra v.v… thân thể hôi tanh, mục nát, còn trơ lại xương v.v... Quán thân như vậy là hủy hoại tưởng tịnh điên đảo.

Thế nào là thọ niệm chỉ? Quán sinh trụ diệt khổ của thọ nơi các hữu. Sử dâm dục trong lạc thọ, sử sân hận trong khổ thọ và sử vô minh trong thọ không khổ, không vui, quán vô thường, khổ, không, vô ngã, đó là thọ niệm chỉ.

Thế nào là tâm niệm chỉ? Là quán tâm nhiễm ô, tâm không nhiễm ô. Nếu nhất tâm, hoặc tâm phân tán, quán khổ, vô thường v.v... đấy là tâm niệm chỉ.

Thế nào là pháp niệm chỉ? Đó là quán pháp bên trong, quán pháp bên ngoài và quán pháp trong lẫn ngoài. Hoặc quán pháp quá khứ, vị lai, hoặc quán các kiết sử, có bao nhiêu pháp dứt trừ, bao nhiêu pháp không dứt trừ? Hoặc quán khổ vô thường, quán nhân duyên của tập, quán sự ngừng dứt, đó là pháp niệm chỉ.

Thế nào là bốn ý đoạn (bốn chánh cần)? Trong tâm đã sinh pháp ác bất thiện, muốn dứt bỏ, nên siêng năng tinh tiến chế ngự tâm, trụ nơi pháp thiện. Lúc chưa sinh pháp ác, bất thiện, chớ khiến cho chúng sinh siêng năng tinh tiến, ngăn giữ tâm, trụ nơi pháp thiện. Pháp thiện chưa phát sinh, muốn cho sinh, nên siêng năng tinh tiến trụ pháp thiện. Pháp thiện đã sinh, nhớ giữ lại đừng để cho mất, càng làm cho lớn thêm, siêng năng tinh tiến trụ pháp thiện, đó là bốn ý đoạn (bốn chánh cần).

Thế nào là bốn thần túc? Dục định, tinh tiến định, tâm định và tuệ

định. Từ các định này được tất cả công đức, đó là bốn thần túc.

Dục định dứt trừ các hành, thành tựu thần túc bậc nhất, muốn làm, đó gọi là dục. Tâm không phân tán, đó là định. Dục, tinh tiến, niệm, tuệ, hỷ, ỷ (khinh an). Đó là các hành kết hợp với dục định. Như vậy, tâm tinh tiến, tuệ dục, đại dục, vì muốn được định, đó là dục định. Tâm tuệ tinh tiến như vậy, đó là bốn thần túc.

Tín, tinh tiến, niệm, định, tuệ, đó là năm căn. Tín, có niềm tin trong bốn đức tin không hư hoại, đó là tín căn. Bốn ý tinh tiến, đó là tinh tiến căn. Niệm không quên trong bốn niệm chỉ, đó là niệm căn. Nhất tâm trong bốn thiền định, đó là định căn. Tuệ trong bốn đế, đó là tuệ căn. Căn cơ nhạy bén, nhanh nhẹn bậc nhất, đó là nghĩa của căn.

Năm lực như tín v.v..., pháp ác, bất thiện không thể hủy hoại được, đó là lực. Nhỏ là căn, lớn là lực.

Niệm, trạch pháp, tinh tiến, hỷ, ỷ (khinh an), định, hộ (xả), đó là bảy giác ý.

Thế nào là Niệm? Là nhớ nghĩ đến các thứ tội sinh, diệt của pháp hữu vi và sự mầu nhiệm cùng cực của Niết-bàn. Đấy là niệm giác. Sự tư duy phân biệt trong đó là trạch pháp giác. Sự tư duy, siêng năng, tinh tiến ở đấy là tinh tiến giác. Trong đấy, được vui vẻ với vị pháp thiện, đó là hỷ giác. Sự tư duy về thân tâm nhẹ nhàng, yên ổn, tùy theo định, đó là ỷ giác (khinh an). Nhân duyên trong đây thâu giữ tâm trụ không loạn, đó là định giác. Ở đây, buông tâm, dừng nghỉ, không nghĩ, không mong muốn, đó là xả giác. Các thứ trí tuệ được sức của thiền định dứt trừ tất cả phiền não, đó là quả của bảy giác. Bảy pháp như niệm v.v... dứt trừ tất cả phiền não, đó gọi là giác.

Thấy ngay thẳng (chánh kiến), tư duy ngay thẳng, lời nói ngay thẳng, nghề nghiệp ngay thẳng, mạng sống ngay thẳng, niệm ngay thẳng, phương tiện ngay thẳng và định ngay thẳng, đó là tám trực đạo (tám chánh đạo).

Trí tuệ chân thật trong bốn đế, đó là sự thấy ngay thẳng (chánh kiến). Trong đây, ba thứ giác, quán là thiện, không giận, không não hại là nói sự tư duy ngay thẳng (chánh tư duy). Dứt trừ bốn thứ nói bất chính, đó là lời nói ngay thẳng (chánh ngữ). Đoạn trừ ba thứ nghiệp tà, đó là trực nghiệp (chánh nghiệp). Dứt bỏ tà mạng bất thiện, đấy là trực mạng (chánh mạng). Trong đây, tư duy siêng năng, tinh tiến là trực phương tiện (chánh tinh tiến). Trong đó, tư duy nhớ nghĩ không quên, là niệm ngay thẳng (chánh niệm). Trong đây, nhất tâm trụ là định ngay thẳng.

Đó là tám đạo ngay thẳng (tám chánh đạo) hướng về Niết-bàn. Tín,

tinh tiến, niệm, định, tuệ, hỷ, ỷ (khinh an), xả, tư, giới, mười pháp này phân biệt nói là ba mươi bảy pháp tín. Đó là tín căn, tín lực, tinh tiến, tinh tiến căn, tinh tiến lực, bốn ý đoạn, tinh tiến giác ý, phương tiện ngay thẳng, niệm căn, niệm lực, niệm giác ý, trực niệm, hỷ, hỷ giác, tuệ, tuệ căn, tuệ lực, bốn niệm chỉ, trạch pháp giác, trực kiến, ỷ (khinh an), ỷ giác, định, định căn, định lực, bốn thần túc, định giác, trực định, xả, xả giác, tư, trực tư, giới, trực ngữ, trực nghiệp, trực mạng, và nhân duyên ngay thẳng.

Trụ trong bốn thứ trí tuệ, đó là niệm chỉ. Sự tinh tiến ngay thẳng, đó là ý đoạn. Nhất tâm trụ trong duyên không phân tán, đó gọi là bốn thần túc.

Sinh trong tâm của người căn cơ chậm lụt, đó gọi là năm căn. Sinh trong tâm người căn cơ nhạy bén, đó gọi là năm lực. Trong đạo kiến đế, đó gọi là tám trực đạo (tám chánh đạo). Trong đạo tư duy, đó gọi là bảy giác, là ba mươi bảy phẩm thuộc mười pháp.

Địa thiền Vị đáo có ba mươi sáu phẩm trừ hỷ giác, Địa của Nhị thiền cũng có ba mươi sáu phẩm, trừ tư duy ngay thẳng (chánh tư duy). Tam thiền, Tứ thiền, thiền trung gian có ba mươi lăm phẩm trừ hỷ giác, tư duy ngay thẳng(chánh tư duy). Sơ thiền có ba mươi bảy phẩm. Ba định không có ba mươi hai thứ, trừ hỷ giác, tư duy ngay thẳng(chánh tư duy), lời nói ngay thẳng (chánh ngữ), nghề nghiệp ngay thẳng (chánh nghiệp), mạng sống ngay thẳng (chánh mạng). Trong Hữu đảnh có hai mươi hai thứ, trừ bảy giác, tám đạo. Cõi Dục cũng có hai mươi hai thứ, trừ bảy giác, tám đạo.

Phẩm 15: BỐN ĐẾ

Bốn đế: Khổ đế, Tập đế, Tận đế (Diệt đế), Đạo đế.

Thế nào là Khổ đế? Một thứ tướng não là khổ. Hai thứ là thân khổ, tâm khổ. Ba thứ là khổ khổ, biệt ly khổ (hoại khổ), hành vô thường khổ (hành khổ). Bốn thứ khổ trong ngoài của thân, nỗi khổ trong ngoài của tâm, năm thứ khổ của năm ấm lừng lẫy. Sáu thứ khổ của ba cõi, nỗi khổ của ba độc. Bảy thứ khổ của bảy thức xứ. Tám thứ khổ: sinh, già, bệnh, chết, oán ghét gặp nhau, ân ái biệt ly, nỗi đau khổ vì mong cầu không được. Tóm lại, tất cả mọi nỗi đau khổ, đó là Khổ đế.

Thế nào là Tập đế? Năm thọ ấm là nhân của các thứ khổ, đó là Tập đế.

Thế nào là Tận đế (Diệt đế)? Khổ, tập, hoàn toàn dứt hết, trí duyên tận, đó là Tận đế. Thực hành tám trực đạo (tám chánh đạo), đó là Đạo đế.

Bốn đế này theo thứ lớp, nên nhận biết dứt trừ, tu chứng. Tự tư duy về thật tướng, người tu tập chắc chắn được quả, không giả dối, đấy là đế. Vì nhận biết về thô, nên theo thứ lớp Khổ đế là thô dễ nhận biết. Vì lý do này, nên trước nói Khổ đế. Biết khổ, suy tìm nhân của khổ, từ trong tập sinh. Vì lẽ đó, nên Tập đế đứng thứ hai. Khổ đế này sẽ diệt hết ở xứ nào để được giải thoát, nên tư duy trong Niết-bàn. Vì lý do này, nên Diệt đế đứng thứ ba. Làm sao được diệt ấy? Phải tư duy thực hành tám trực đạo (tám chánh đạo), dứt hết kiết sử, được Tận đế. Vì lẽ này nên Đạo đế đứng thứ tư.

Lúc năm thọ ấm thọ nhận quả báo, đấy là Khổ đế. Lúc năm thọ ấm làm nhân duyên, đó là Tập đế, vừa gọi là Khổ đế. Ví như một người vừa gọi là con, vừa gọi là cha. Tập đế đa số là kiết sử. Những thứ kiết sử nào? Có chín kiết là kiết ái, sân hận, kiêu mạn, vô minh, nghi, kiến, thất nguyện, san, tật đố.

Sự ham muốn của ba cõi là kiết ái, tâm phẫn nộ trong chúng sinh khởi động điều xấu ác, đó là kiết sân. Bảy thứ mạn là kiết mạn. Sự ngu si trói buộc khắp ba cõi là kiết vô minh. Ba kiến là kiết kiến, hai kiến là kiết thất nguyện (kiết thủ). Không quyết định rõ trong bốn đế là kiết nghi. Tâm luyến tiếc, bỏn xẻn là kiết san, ganh ghét người khác, ôm lòng tức giận, là kiết tật.

Tận đế có hai thứ:

1. Đạo hữu lậu dứt hết kiết sử.

2. Đạo vô lậu dứt hết kiết sử.

Hai thứ này là các pháp thanh tịnh.

Bốn biện tài: Pháp, từ, ứng, nghĩa. Biết thật tướng của tất cả danh, tự, đó là pháp biện. Trí của tất cả nói năng, bàn luận, đó là từ biện. Biết thật tướng của tất cả pháp, đó là ứng biện. Tất cả trí tuệ, ngôn ngữ, thiền định, thông, trí, đó là nghĩa biện.

Bốn niềm tin không hư hoại của Tu-đà-hoàn: Tin Phật không hư hoại, tin Pháp không hư hoại, tin Tăng không hư hoại, tin tịnh giới không hư hoại.

Các pháp vô học thuộc về quả A-la-hán. Các niềm tin vô lậu trong vô số công đức to lớn của Phật, đó là tin Phật không hư hoại.

Vô lậu trong Niết-bàn và pháp học, vô học trong đế vô lậu là niềm tin tịnh vô lậu trong công đức chân thật của Bồ-tát, đó là tin Pháp không hư hoại.

Tin đạt được đạo quả vô lậu có tất cả công đức của bốn hướng bốn quả (tứ song bát bối), là niềm tin trong chúng đệ tử Phật, chứ không phải tin ở nơi nào khác. Đấy là tin Tăng không hư hoại.

Giới vô lậu vô giáo. Tin vô lậu trong đó là tin giới không hư hoại. Trí tuệ tịnh thật, kết hợp chung với niềm tin. Vì lý do này nên không gì có thể vượt hơn giới vô lậu ấy, cho nên tin không hư hoại. Đây gọi là bốn niềm tin không hư hoại.

Có bốn việc tu định: Tu định được sống yên vui trong hiện pháp, tu định được trí kiến, tu định được tuệ phân biệt, và tu định được các điều thiện, dứt hết lậu. Sơ thiền có thể được sống vui trong hiện tại (hiện pháp lạc trụ). Sinh tử trí thông, đó là trí kiến. Phương tiện cầu công đức là công đức của giới vô giáo, nơi văn, tư, tu ở cõi Dục. Tất cả pháp của cõi Sắc, Vô Sắc, tất cả pháp hữu vi, vô lậu, đó là nói tuệ phân biệt. Bốn thiền của Kim Cương dụ là tâm học sau cùng, tương ưng với lậu tận, đó là tu định được lậu tận thuộc về đệ Tứ thiền. Bốn đạo là khổ khó biết, khổ dễ biết, vui khó biết và vui dễ biết. Tùy tín hành với căn cơ chậm lụt, đối với pháp vô lậu là khổ khó biết. Căn cơ nhạy bén đối với pháp vô lậu của Tùy pháp hành, là khổ dễ biết. Căn cơ nhạy bén trong bốn thiền căn bản và pháp của căn cơ chậm lụt, gọi là lạc đạo. Vì sao? Vì đạo chỉ quán đều song hành, vì trong địa khác chỉ quán hoặc nhiều, ít, nên nói như thế. Hai xứ khổ của thiền vị đáo, thiền trung gian thì đạo chỉ ít, đạo quán nhiều. Trong Vô Sắc thì đạo quán ít, đạo chỉ nhiều, đó gọi là đạo khổ khó được. Có bảy thức trụ:

1. Chư thiên trong cõi Dục và loài người, trời Phạm chúng của cõi Sắc, trừ trời mới sinh, là thân khác, tưởng khác.

2. Trời Phạm chúng mới sinh, thân khác, tưởng một.

3. Sinh lên trời Nhị thiền, thân một, tưởng khác.

4. Sinh lên trời Tam thiền, một thân, một tưởng.

5. Sinh lên trời Không xứ.

6. Sinh lên trời Thức xứ.

7. Sinh lên trời Bất Dụng xứ (Vô sở hữu xứ).

Đó là bảy thức trụ. Vì sao? Vì thức không hư hoại. Vì khổ thọ làm thức bị hư hoại trong đường ác, nên không được lập thức trụ. Vì đệ Tứ thiền và định Vô tưởng làm thức hư hoại, nên cũng không được lập thức trụ.

Vì Phi tưởng Phi phi tưởng xứ và định Diệt tận, thức bị hư hoại, nên cũng không được lập thức trụ.

Chín chúng sinh ở bảy thức trụ này và chúng sinh Vô tưởng nơi Phi

tưởng Phi phi tưởng xứ, đó gọi là nơi cư trú của chín chúng sinh. Vì cư ngụ trong đó, do sức của tư duy duyên về y phục, thức uống ăn, giường nằm, ưa dứt kiết sử mà được đạo, nên nói là bốn Thánh chủng. Hoặc tốt đẹp, hoặc không tốt đẹp, đồng thời y phục, thức uống ăn, giường nằm, đều biết vừa đủ, là ba Thánh chủng.

Khổ của mong cầu, giữ gìn, mất mát, ba khổ này làm mất đạo thiện. Vì không ăn thì thân mạng không sống, do đó nên hướng đến được tri túc, lìa dục, được niềm vui hoan hỷ trong tâm, đó gọi là thứ tư.

Một trăm lẻ tám thứ thọ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý sinh ra cánh lạc (xúc), đó là sáu cánh lạc (xúc) có ba thứ: Mắt thấy sắc, ưu, hỷ, xả, cho đến ý niệm pháp, ưu, hỷ, xả. Trong đó có thiện, bất thiện: Thiện có mười tám thứ, bất thiện có mười tám thứ. Đó là ba mươi sáu thứ, nhân với ba thứ thành một trăm lẻ tám thứ. Ba mươi sáu thứ ở quá khứ, ba mươi sáu thứ ở vị lai và ba mươi sáu thứ ở hiện tại. Vì năm thức không thể phân biệt, nên không có ưu (lo), hỷ (mừng). Pháp tâm sở trong ý hành nối tiếp nhau không dứt, thường ghi nhớ, đó là niệm. Nhân duyên của sự ghi nhớ thuận theo pháp này, nhân duyên của pháp thức ghi nhớ lại, với sức nhớ nghĩ rất mạnh mẽ, nên không quên pháp quá khứ. Nhân duyên của pháp tâm, tâm sở nơi người ngủ nằm mộng thấy có, không nhân, không duyên, nơi những gì đã thấy trong mộng. Cảnh mộng này hoặc đời quá khứ, hoặc đời vị lai, hoặc mộng thấy người mọc sừng, là vì trước kia người ấy đã thấy có bò sừng, tư duy rất mạnh mẽ: Vì sao con người không mọc sừng? Nghĩ như vậy rồi, người đó nằm mộng thấy người có mọc sừng.

Tâm phân tán, rối loạn, đó là si. Hoặc vì thân bệnh mà si, hoặc vì bị quỷ mị mê hoặc nên si, hoặc vì nhân duyên của đời trước, nên si.

Ba chi: chi giới, chi định, chi tuệ.

Thế nào là chi giới? Giới có giáo (hữu biểu), vô giáo (vô biểu)của cõi Dục, giới vô giáo (vô biểu) ở cõi Sắc.

Thế nào là chi định? Là tu mười bốn thứ định.

Thế nào là chi tuệ? Là ba thứ tuệ: văn, tư và tu. Cõi Dục có hai thứ: văn và tu. Cõi Sắc có hai thứ là văn và tư. Cõi Vô Sắc chỉ có một thứ là tu.

Hai thứ luật nghi:

1. Luật nghi tình.

2. Luật nghi giới.

Thế nào là luật nghi tình? Không được khởi tưởng dâm với mẹ mình, v.v... hoặc có tưởng dâm với chị, em gái mình. Nhìn thấy người nữ, không

nên nhớ, không sinh tưởng nhớ, nghĩ đến nữ căn, vì từ tưởng này gây nên rất nhiều tội lỗi, khổ não. Quán thân tâm xa lìa, đó là luật nghi tình.

Dứt trừ hẳn pháp bất thiện của các thứ dâm dục. Không hủy hoại giới hạnh, không chút tâm nhiễm ô, tuyệt đối tịnh, không có một vết nhơ, trừ khử hẳn bảy thứ dâm dục, đó là luật nghi giới.

Phiền não nghiệp ác và báo của nghiệp ác là có ba chướng, nghiệp trái ngược, phiền não rất nặng và báo của ba đường ác. Nếu có một trong ba việc này thì không được thọ Thánh pháp, cho nên nói là chướng-ngại. Giác, quán bất thiện có ba thứ là dâm dục, giận dữ, phiền não. Ba thứ này phá hoại ba thứ giác quán thiện là không dâm, không giận, không gây phiền não.

Có ba thứ bệnh: dâm, nộ, si. Bệnh này có ba thứ thuốc trị:

1. Quán thân bất tịnh.

2. Tâm từ, nghĩ đến chúng sinh

3. Quán mười hai nhân duyên. Đấy là ba thứ thuốc.

Tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ. Pháp này không thọ tất cả quả báo ác, hoặc nhận lãnh một ít báo, hoặc đời này, đời sau thọ một ít báo.

Thế nào là tu thân? Tu thân là quán vô số các thứ là vô thường, v.v...

Thế nào là tu giới? Là giữ giới, không trái phạm, thường thủ hộ.

Thế nào là tu tâm? Tu tâm là trừ bỏ giác quán ác, thực hành giác quán thiện.

Thế nào là tu tuệ? Tu tuệ là phân biệt các thứ pháp thiện, càng ích lợi thêm cho trí tuệ. Người làm điều thiện sẽ dễ được đạo tốt đẹp, kẻ làm việc bất thiện dễ rơi vào đường ác. Hoặc có người thiện bị đọa vào đường ác, hoặc có kẻ dữ lại sinh vào đường tốt, vì nhân duyên của năng lực lớn đời trước với báo dư chưa hết, hoặc đến khi chết, tâm sau cùng của họ có thiện, bất thiện. Vì thế, nên người thiện bị đọa đường ác, kẻ bất thiện lại được sinh vào đường tốt.

Phẩm 16: TẠP

Bốn quả Sa-môn, sáu pháp, năm ấm. Trí duyên tận, đó gọi là phân biệt bốn quả:

Quả A-la-hán thuộc về chín địa, trừ địa trong Hữu đảnh, quả thứ ba thuộc sáu địa, trừ bốn Vô Sắc, vì không có pháp trí. Quả Tu-đà-hoàn, Tư-

đà-hàm thuộc về địa thiền Vị đáo, vì thân của người chưa lìa dục.

Có bốn thứ điên đảo:

Vô thường tưởng là thường, là tâm điên đảo, tưởng điên đảo, kiến điên đảo, khổ có tưởng vui, bất tịnh có tưởng tịnh, phi ngã có tưởng ngã. Đó là tâm điên đảo, tưởng điên đảo, kiến điên đảo. Tất cả điên đảo đều do kiến khổ đế mà dứt trừ. Vì sao? Vì hành duyên xứ khổ thuộc về ba kiến: thân kiến, biên kiến và trộm kiến (kiến thủ) điên đảo. Tất cả sáu mươi hai kiến thuộc về năm tà kiến.

Ngã không thật trong năm ấm mà thấy có ngã thật, là thân kiến. Thường, đoạn dựa vào nhân duyên quả báo mà không biết là biên kiến. Đối với pháp chân thật của đế mà cho là không có đời này, đời sau, không có Niết-bàn và bốn đế, v.v... là tà kiến.

Không phải lạc, tịnh chân thật mà quán có lạc tịnh, ví như cây bị chặt gốc vẫn còn đứng, trong đêm trông thấy từ xa, cho là con người, là trộm kiến (kiến thủ). Không phải nhân chấp là nhân, không phải đạo chấp là đạo, đó là trộm giới (giới cấm thủ).

Thân kiến do kiến khổ đế dứt trừ, vì chấp ngã trong năm ấm. Tưởng thường, tưởng đoạn, do khổ đế dứt trừ, vì duyên năm ấm hiện tại. Tà kiến, hoặc chê bai khổ thì kiến khổ dứt trừ. Như vậy, chê bai tập, diệt, đạo thì kiến tập, diệt, đạo dứt trừ. Trộm kiến (kiến thủ) nếu chấp có lạc, tịnh trong khổ đế, thì kiến khổ dứt trừ. Như vậy, chấp có lạc, tịnh v.v... trong tập, diệt, đạo, thì do kiến tập, diệt, đạo dứt trừ.

Trộm giới không phải là đạo cầu Niết-bàn và chẳng phải nhân mà chấp nhân là trộm giới (giới cấm thủ), do kiến khổ, kiến đạo mà dứt trừ.

Sáu tu: tu đắc, tu hành, tu đoạn, tu trừ, tu phân biệt và tu luật nghi.

Thế nào là tu đắc? Chưa từng được công đức của pháp thiện mà được, sau khi được công đức này rồi, các công đức khác cũng được.

Thế nào là tu hành? Đã từng được các công đức, hiện nay đang thực hành.

Thế nào là tu đoạn? Pháp thiện dứt trừ các kiết sử.

Thế nào là tu trừ? Có thể dứt trừ các pháp bất thiện.

Thế nào là tu phân biệt? Quán phân biệt về thật tướng của thân.

Thế nào là tu luật nghi? Duyên vượt hơn đối với sáu căn nhiễm ô duyên cảnh.

Năm căn: Sơ thiền diệt hết ưu căn. Nhị thiền diệt hết khổ căn, không sót; Tam thiền diệt hết hỷ căn, không sót; Tứ thiền diệt hết lạc căn, không

sót; Tam muội vô tướng diệt hết xả căn.

Ba cõi không sót là cõi đoạn, cõi vô dục và cõi tận. Trừ kiết ái, còn các phiền não khác đều dứt trừ, đó gọi là cõi đoạn. Kiết ái đã dứt trừ, đó gọi là cõi vô dục.

Các pháp khác được dứt trừ, gọi là cõi tận.

Diệt dâm, dục được tâm giải thoát, diệt ngu si được tuệ giải thoát. Nhập trong ngoài không lệ thuộc nhau. Sự dâm dục là chủ thể trói buộc. Ví như hai con bò bị buộc chặt vào chiếc ách. Vì lý do đó, nên trong trần (cảnh) có ái, không ái, tâm nên xả, không nên có tâm ái, sân hận.

Mười pháp: Là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc, vô lậu, tương ưng không tương ưng, thiện, vô vi, vô ký, vô vi. Đó là mười pháp.

Năm pháp: Pháp trí duyên. Năm pháp đó là: Pháp tương ưng, pháp không tương ưng thuộc cõi Dục. Pháp tương ưng, không tương ưng với vô lậu và pháp thiện, vô vi. Đó gọi là năm pháp.

Trí vị tri duyên bảy pháp. Bảy pháp đó là: Pháp tương ưng, không tương ưng thuộc cõi Sắc. Pháp tương ưng, không tương ưng thuộc cõi Vô Sắc, pháp tương ưng, không tương ưng với vô lậu và pháp vô vi thiện.

Trí tha tâm duyên ba pháp: Pháp tương ưng thuộc cõi Dục, pháp tương ưng thuộc cõi Sắc, và pháp tương ưng với vô lậu.

Đẳng trí duyên mười pháp: Pháp tương ưng, không tương ưng thuộc cõi Dục. Pháp tương ưng, không tương ưng thuộc cõi Sắc, pháp tương ưng, không tương ưng thuộc cõi Vô Sắc. Pháp tương ưng, không tương ưng với vô lậu và pháp vô vi thiện, pháp vô vi vô ký.

Khổ trí, tập trí, mỗi trí đều duyên sáu pháp: Pháp tương ưng, không tương ưng thuộc ba cõi, đó là sáu pháp.

Tận trí duyên một pháp, là pháp vô vi thiện. Đạo trí duyên hai pháp là pháp tương ưng, pháp không tương ưng với vô lậu.

Diệt trí, trí vô sinh duyên chín pháp, trừ pháp vô vi, vô ký.

Phiền não của địa mình, sử sai khiến của địa mình, sử nhất thiết biến, nhất thiết biến trong địa mình và địa khác. Ngoài ra, đều bị sử của địa mình sai khiến.

Có hai thứ pháp: Pháp tương ưng và không tương ưng.

Thế nào là pháp tương ưng? Pháp tương ưng là các pháp tâm, tâm sở.

Thế nào là pháp không tương ưng? Đó là mười bảy pháp, như đắc v.v... Mười bảy pháp gồm:

1. Thành tựu.

2. Định Vô tưởng.

3. Định Diệt tận.

4. Xứ Vô tưởng.

5. Mạng căn.

6. Chủng loại. (chúng đồng phần)

7. Xứ đắc.

8. Vật đắc.

9. Nhập đắc.

10. Sinh.

11. Già.

12. Trụ.

13. Vô thường.

14. Danh chúng (danh thân).

15. Tự chúng (Cú thân).

16. Vị chúng (văn thân).

17. Tánh phàm phu.

Khi các đắc pháp, pháp không tương ưng với tâm đều đắc, đó gọi là thành tựu.

Tưởng ưa chuộng Niết-bàn, nhàm chán sinh tử. Lúc này lực định nhiều, ít của bốn thiền làm diệt mất pháp tâm, tâm sở, đó là định Vô tưởng.

Chán ngán nỗi vất vả nhọc nhằn, ngừng dứt ý tưởng, do sức của định Hữu tưởng, Vô tưởng làm mất pháp tâm, tâm sở trong thời gian dài, ngắn, đó là định Diệt tận.

Sinh lên cõi trời Vô tưởng, pháp tâm, tâm sở không hoạt động, đó gọi là xứ Vô tưởng.

Các căn v.v... của bốn đại nối tiếp nhau không hư hoại, đó là mạng căn.

Các xứ sinh, thân tâm, lời nói của chúng sinh khác là giống nhau, đó gọi là chủng loại của chúng sinh (chúng đồng phần).

Đến nơi khác mà được, gọi là xứ đắc. Vật lẫn lộn của các hành, đó là vật đắc.

Đắc các nhập trong ngoài đó là nhập đắc. Các hành khởi là sinh, hành chín muồi là già, hành này chưa diệt là trụ, hành diệt là vô thường. Kết hợp chữ nghĩa lại, đó gọi là danh chúng (danh thân). Hợp tên để nói tên sự là cú chúng (cú thân). Hợp để nói rộng là ngữ chúng (văn thân). Chưa được

đạo Thánh vô lậu là tánh phàm phu. Đó gọi là mười bảy pháp tâm bất tương ưng.

Trong các pháp này có bao nhiêu pháp là thiện, bao nhiêu pháp là bất thiện và bao nhiêu pháp là vô ký? Có hai thiện, bảy vô ký và tám nên phân biệt.

Định Vô tưởng, định Diệt tận, đó là thiện. Xứ Vô tưởng, chủng loại, danh chúng, cú chúng, ngữ chúng, mạng căn, tánh phàm phu, đó là vô ký. Thành tựu, sinh, già, trụ, vô thường là thiện trong thiện, bất thiện trong bất thiện, vô ký trong vô ký. Xứ đắc, vật đắc, nhập đắc, có thiện, bất thiện, vô ký.

Có bao nhiêu pháp thuộc cõi Dục? Bao nhiêu thuộc cõi Sắc? Bao nhiêu pháp thuộc cõi Vô Sắc? Và bao nhiêu pháp không lệ thuộc? Có ba thứ thuộc cõi Dục, có hai thứ thuộc cõi Sắc và có một thuộc cõi Vô Sắc. Có mười một thứ nên phân biệt: hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô Sắc, hoặc không lệ thuộc. Danh chúng, cú chúng, ngữ chúng là thuộc cõi Dục, cõi Sắc. Định Vô tưởng, xứ Vô tưởng là thuộc cõi Sắc. Định Diệt tận là thuộc cõi Vô Sắc.

Thành tựu, mạng căn, chủng loại, xứ đắc, vật đắc, nhập đắc, tánh phàm phu là thuộc ba cõi. Sinh, già, trụ, vô thường thuộc cõi Dục. Trong pháp cõi Dục thì thuộc cõi Dục. Trong pháp cõi Sắc thì thuộc cõi Sắc. Trong pháp cõi Vô Sắc thì thuộc cõi Vô Sắc. Trong pháp không lệ thuộc thì không lệ thuộc.

Mười bảy pháp, trong đó có bao nhiêu pháp là hữu lậu, bao nhiêu pháp là vô lậu? Có mười ba thứ hữu lậu và bốn thứ sẽ phân biệt: Sinh, già, trụ, vô thường là hữu lậu trong hữu lậu, vô lậu trong vô lậu.

Khi được tâm vô lậu đầu tiên, lúc đó xả tánh phàm phu, lúc sinh ở cõi khác, cũng xả tánh phàm phu, được tánh phàm phu của cõi khác.

Khi lìa dục, là được dứt trừ trong đạo giải thoát thứ chín.

Thế nào là ba vô vi? Trí duyên tận, không phải là trí duyên tận hư không.

Thế nào là trí duyên tận? Sức của trí tuệ hữu lậu, vô lậu, dứt trừ mọi kiết sử, được giải thoát, đó là trí duyên tận (trạch diệt).

Thế nào là không phải trí duyên tận? Nhân vị lai lẽ ra sinh lại không sinh, đó gọi là không phải trí duyên tận (phi trạch diệt).

Thế nào là hư không? Xứ Vô Sắc không có đối, không thể thấy, đó là hư không.

Nhân cùng nương, nhân tương ưng và nhân cộng hữu trước sinh tự giống nhân làm nhân cho các pháp sau chưa sinh.

Như vậy, nhân biến cũng là duyên thứ đệ, là nhân báo trong chúng sinh. Tất cả pháp hữu vi, quả của pháp hữu vi cũng chính là quả của Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả nhân duyên của pháp hữu vi sinh ra đạo quả Niết-bàn. Các pháp tương ưng trong một duyên cùng lúc hiện hành, cùng duyên nơi pháp tâm, tâm sở trong tướng khác không phải tự tướng, không có chỗ, không nơi chốn. Vì sao? Vì duyên theo tất cả xứ. Lúc đạo sinh ra, các kiết sử sắp diệt, cho nên, lúc đạo sắp sinh là được giải thoát, lúc đạo không diệt, sắp diệt, đạo vô ngại dứt trừ kiết sử, sắp sinh giải thoát, được giải thoát.

Ba thứ ái: Dục ái, hữu ái, bất hữu ái. Tìm cầu các sự vật, đó là dục ái. Lúc được thì tham tiếc, đó là hữu ái. Do kiến dứt trừ, mong cầu dứt trừ, đó gọi là bất hữu ái. Do tư duy dứt trừ trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, trừ trực tư, trực ngữ, trực nghiệp, trực mạng, ỷ (khinh an), xả, các pháp khác là pháp căn.

Bốn niệm chỉ, mỗi niệm chỉ đều hiện ở trước. Vì sao? Vì lần lượt duyên theo các pháp. Các pháp tương ưng với cái khác, không tương ưng với chính mình, trong duyên theo các pháp, kiết sử nên xa lìa, đó gọi là đoạn, có đoạn mà chưa lìa.

Đoạn mà chưa lìa là sao? Là được khổ trí, chưa được tập trí, do tập đế đã đoạn. Khổ đế đã đoạn. Duyên theo ba đế được hai niềm tin không hư hoại. Niềm tin không hư hoại về pháp, giới của khổ đế, tập đế, tận đế, được bốn niềm tin không hư hoại trong đạo đế. Tất cả pháp tâm sở đều hiện hành tùy theo tâm, vì cùng chung một duyên.

Như vậy, giới vô giáo là sinh, trụ, lão, hư hoại, đều tùy theo tâm hiện hành.

Tất cả pháp hữu lậu nên dứt trừ. Vì sao? Vì tội cấu uế. Tất cả pháp hữu lậu, vô lậu nên nhận biết. Vì sao? Vì trí duyên nơi tất cả pháp. Các pháp quá khứ, vị lai là xa. Vì sao? Vì việc không hoàn thành. Các pháp hiện tại thì gần. Vì sao? Vì công việc hoàn tất. Vô vi cũng gần. Vì sao? Vì nhanh chóng được, vì kiến xứ của tất cả pháp hữu lậu, khi duyên nơi năm kiến thì thành tựu nhiều ít trong mười chín căn tình không hư hoại.

Có hai căn cũng lại là người kiến đế, căn không hư hoại mà chưa lìa dục. Đó gọi là mười chín. Ít nhất là tám căn dứt trừ căn thiện, dần dần qua đời, có thân căn còn lại. Cũng lại là ba việc cánh lạc (xúc) của phàm phu, ở cõi Vô Sắc, hợp tình (căn), duyên thức là năm thứ cánh lạc (xúc) này: Có đối, tăng ngữ, minh, vô minh, phi minh phi vô minh. Tương ưng với năm

thức, đó là xúc có đối, tương ưng với ý thức gọi là xúc tăng ngữ. Cánh lạc (xúc) nhiễm ô, gọi là xúc vô minh. Cánh lạc vô lậu gọi là xúc minh. Cánh lạc không nhiễm ô, hữu lậu, gọi là xúc phi minh, phi vô minh.

Có hai đạo được quả:

1. Dứt trừ kiết sử.

2. Được giải thoát.

Báo của A-la-hán là tâm bát Niết-bàn, vì tất cả pháp đều buông xả.

Bốn hữu là sinh hữu, tử hữu, bản hữu và trung hữu. Mới sinh được năm ấm, đó là sinh hữu. Năm ấm lúc chết, đó là tử hữu. Trừ năm ấm sinh tử, ở khoảng giữa là bổn hữu. Sau khi chết rồi, năm ấm đến được các cõi khác, đó gọi là Trung hữu.

Trí nhẫn của khổ đế, tập đế duyên các pháp, đó gọi là sự nhàm chán, nhàm chán duyên nơi sự vật. Các trí nhẫn trong bốn đế là lìa dục vì sắp diệt.

Ba hữu lậu: dục, hữu, vô minh. Ở cõi Dục trừ vô minh, các phiền não còn lại, gọi là dục hữu lậu. Cõi Sắc, Vô Sắc, trừ vô minh các phiền não khác, gọi là hữu hữu lậu. Si của ba cõi là vô minh hữu lậu. Tất cả các lậu này đều diệt hết, lúc ấy được dứt hết tất cả khổ, được vị cam lộ của đấng Nhất thiết trí, bậc Thánh đắc đạo tên là Cù-sa soạn.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 98

LUẬN
NHẬP A TỲ ĐẠT MA

SỐ 1554

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1554

LUẬN NHẬP A TỲ ĐẠT MA

Tác giả: A-la-hán Tắc-Kiến-Đà-La. Hán dịch: Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng. Đời Đường vâng chiếu dịch.

QUYỂN THƯỢNG

Kính lạy Nhất thiết trí Mặt trời Phật không nhơ Lời sáng mở người trời Nẻo ác che bản tâm

Và các lý đối pháp Dứt trừ tướng ngu si Con đảnh lễ như thế

Nhất Thiết trí nói Tạng, Tuệ kém tối vọng ngữ Ngăn lấp lời Phật dạy Chiếu soi do đèn sáng Kính lạy bậc thắp đèn.

Người có trí tuệ thông minh có thể thọ trì các nghĩa văn giáo huấn tôn quý của đấng Mâu-ni nhưng do câu nệ sự nghiệp nên chưa được bất thối.

Người có trí tuệ kém cỏi, nghe danh, nghĩa trong pháp đối trị quá phức tạp như rừng rậm, rồi sinh ra nỗi sợ hãi. Nhưng người ấy thường có tâm tìm tòi, hiểu biết rõ ràng.

Vì muốn cho người đó đối với vị trí sâu thẳm trong biển pháp tướng của A-tỳ-đạt-ma, được vui thích dễ vào, nên tôi soạn luận này.

Nói là Tông Thiện Thệ có tám cú nghĩa:

1. Sắc.
2. Thọ.
3. Tưởng.
4. Hành.
5. Thức.
6. Hư không.
7. Trạch diệt.
8. Phi trạch diệt.

Đây là gồm chung tất cả nghĩa. Sắc có hai thứ: Đại chủng và Sắc

được tạo đại chủng có bốn thứ: Đất, nước, lửa, gió. Giới có thể giữ gìn tướng riêng, tướng chung, hoặc các sắc được tạo, nên gọi là giới.

Bốn đại chủng này, như thứ lớp của chúng, lấy chất cứng, ẩm ướt, ấm áp, lay động làm tự tánh, dùng sự gìn giữ, thâu tóm, thành thục, tăng trưởng làm nghiệp. Vì chủng loại to lớn nên gọi là Đại chủng. Do đó hư không chẳng phải thuộc về Đại chủng. Vì có thể sinh ra quả của mình, gọi là nghĩa chủng, vì sắc được tạo ra cùng khắp, nên gọi là Đại. Như vậy đại chủng chỉ có bốn thứ.

Hơn nữa, vì không có công dụng khác, vì không có khả năng kham nhận, như chân giường.

Sắc được tạo ra có mười một thứ:

1. Mắt.
2. Tai.
3. Mũi.
4. Lưỡi.
5. Thân.
6. Sắc.
7. Âm thanh.
8. Mùi hương.
9. Vị.
10. Một phần xúc.
11. Sắc Vô biểu.

Vì ở đại chủng có, nên gọi là được tạo ra, tức là nghĩa nương tựa đại chủng để khởi. Mắt trong đây, nghĩa là chỗ nương tựa của nhãn thức, vì việc thấy sắc là dùng tịnh sắc làm thể. Tai, mũi, lưỡi, thân y theo đây nên nói.

Sắc có hai thứ: Hiển sắc và hình sắc. Như Đức Thế Tôn nói: "Hiển ác thì hình ác". Hiển sắc ở đây có mười hai thứ: xanh, vàng, đỏ, trắng, khói, bụi, sương mù, ảnh quang, ánh sáng và bóng tối. Hình sắc có tám thứ: Dài, ngắn, vuông, tròn, cao, thấp, ngay, không ngay.

Sương mù nói ở đây là hơi của đất, nước. Ánh nắng mặt trời gọi là ánh sáng. Mặt trăng, tinh tú, lửa, thuốc, ngọc báu, ánh chớp, v.v... các thứ ánh sáng ấy gọi là sáng. Che khuất ánh nắng mặt trời, ánh sáng sinh ở trong đó. Sắc khác có thể trông thấy, gọi là ảnh. Trái với ảnh này, gọi là bóng tối. Vuông là giới vuông, tròn là vòng tròn, bằng v.v… gọi là ngay, hình không bằng thẳng gọi là không ngay. Vì các màu sắc khác rất dễ hiểu, nên ở đây

không giải thích.

Hai mươi hai thứ này đều là cảnh riêng của nhãn thức, và dẫn riêng ý thức để phân biệt cảnh.

Âm thanh có hai thứ: Có chấp thọ và không chấp thọ, Đại chủng làm nhân có khác nhau, nên rơi vào tự thể, gọi là có chấp thọ, là nghĩa có giác biết. Trái với nghĩa này gọi là không chấp thọ. Cái được sinh trước gọi là có chấp thọ. Đại chủng làm nhân, nghĩa là âm thanh của lời nói, tay chân, v.v... Về sau mới sinh gọi là không chấp thọ. Đại chủng làm nhân, nghĩa là âm thanh của gió, rừng cây, v.v...

Ở đây, tiếng hữu tình, tiếng phi hữu tình có bốn loại khác nhau: Tiếng nói trong tiếng trước kia gọi là tiếng hữu tình. Âm thanh khác gọi là tiếng phi hữu tình, tiếng nói nơi lời giáo hóa trong tiếng sau này, được gọi là tiếng hữu tình, tiếng khác gọi là tiếng phi hữu tình.

Trong ấy, lại có tám thứ tiếng vừa ý và không vừa ý. Tám thứ như vậy đều là cảnh riêng của nhĩ thức và ý thức được dẫn kèm để rõ biết.

Mùi hương có ba thứ:

1. Mùi hương thơm.

2. Mùi hương hôi.

3. Mùi hương không thơm không hôi.

Nghĩa là có thể nuôi lớn đại chủng của các căn, gọi là mùi hương thơm, nếu gây nên sự tổn hại đại chủng của các căn gọi là mùi hương hôi. Nếu đều trái với cả hai thứ trên gọi là mùi hương thơm không hôi. Ba thứ như vậy đều là cảnh phân biệt của tỷ thức và ý thức rõ biết.

Vị có sáu thứ khác nhau: ngọt, chua, mặn, cay, đắng, lạt. Sáu thứ như vậy đều là cảnh phân biệt của thiệt thức và ý thức rõ biết.

Một phần xúc có bảy thứ: tính chất trơn, nhám, nặng, nhẹ và lạnh, đói, khát. Mềm gọi là trơn, là nghĩa của ý xúc. Thô cứng gọi là nhám. Có thể cân đo gọi là nặng, trái lại là nhẹ. Do bị ép ngặt muốn ấm gọi là lạnh. Nhân muốn ăn gọi là đói, nhân muốn uống gọi là khát, những thứ này đều từ nhân mà đặt tên quả, nên nói như thế. Như nói: v.v… "Chư Phật xuất hiện v.v…".

Vì nước, lửa trong nhóm đại chủng tăng nên có tánh trơn. Vì đất, gió tăng nên có tánh nhám. Vì đất nước tăng nên có tánh nặng. Vì lửa, gió tăng nên có tánh nhẹ. Vì nước, gió tăng nên có tánh lạnh. Vì gió tăng nên có cảm giác đói. Vì lửa tăng nên có cảm giác khát.

Sắc Vô biểu: Nghĩa là vì có thể tự biểu lộ sự chuyển biến khác nhau

của các tâm, tâm sở, nên gọi là biểu. Vì đồng loại với sự chuyển biến của tâm, tâm sở kia mà không thể biểu hiện, nên gọi là vô biểu. Đấy là do ở sự giống nhau nên lập ra giới hạn, như đối với Sát-đế-lợi v.v... nói là không phải Bà-la-môn, v.v...

Tướng vô biểu: Nghĩa là do tâm biểu lộ sự khác nhau của đại chủng. Vào lúc ngủ, thức, tâm tán loạn, hay không tán loạn, và ở phần vị vô tâm có sắc thiện, bất thiện, chuyển biến nối tiếp nhau, không thể chất chứa, là có thể kiến lập nhân của Bí-sô, v.v... là tướng vô biểu. Nếu không có tướng vô biểu này, thì không nên kiến lập có Bí-sô, v.v... như Đức Thế Tôn nói: "Dựa vào nghiệp phước mà phước thường hằng kia tăng trưởng". Như vậy, vô biểu gồm có ba thứ: luật nghi, bất luật nghi, đều thuộc về trái nhau.

Luật nghi có ba thứ: Biệt giải thoát, tĩnh lự và luật nghi vô lậu.

Luật nghi biệt giải thoát lại có tám thứ:

1. Luật nghi Bí-sô.
2. Luật nghi Bí-sô-ni.
3. Luật nghi cần sách (Sa-di).
4. Luật nghi Chánh học.
5. Luật nghi Cần sách nữ (Sa-di-ni).
6. Luật nghi Cận sự nam.
7. Luật nghi Cận sự nữ.
8. Luật nghi cận trụ.

Tám thứ như vậy chỉ thuộc cõi Dục. Luật nghi Tĩnh lự, nghĩa là Tam-ma-địa của cõi Sắc, chuyển biến theo sắc. Luật nghi này chỉ thuộc cõi Sắc.

Luật nghi vô lậu, nghĩa là Tam-ma-địa vô lậu chuyển biến theo sắc, luật nghi này không lệ thuộc ba cõi.

Bất luật nghi, nghĩa là kẻ giết mổ thợ săn, bắt chim cá, trộm cướp, giữ ngục, trói rồng, nấu chó, đặt bẫy, làm nem thịt thái. Vô biểu sắc bất thiện trong các thân này được nối tiếp chuyển biến.

Phi luật nghi, phi bất luật nghi, nghĩa là xây dựng Tỳ-ha-la, Tốt-đổ-ba, Tăng-già-la-ma v.v... và lễ tháp miếu, đốt hương, rải hoa, tán, tụng, chú nguyện v.v... đồng thời đánh đập, v.v… khởi ra các thứ vô biểu sắc thiện, bất thiện nối tiếp chuyển biến. Cũng có vô biểu chỉ trong một sát-na. Vì dựa vào chủng loại chung nên nói là nối tiếp nhau.

Luật nghi biệt giải thoát do thệ nguyện lãnh thọ bảy luật nghi trước, cho đến khi qua đời, thọ luật nghi thứ tám trong một ngày, đêm, lại xả bảy thứ luật nghi trước do bốn duyên:

1. Vì xả giới mình đã học.

2. Vì qua đời.

3. Vì đoạn căn thiện.

4. Vì sinh hai hình.

Luật nghi thứ tám, tức do bốn duyên trước và xả do đêm đã tàn mà xả.

Luật nghi tĩnh lự do được tâm thiện cõi Sắc nên được. Vì bỏ tâm thiện cõi Sắc nên xả. Vì thuộc về tâm người kia, nên luật nghi vô lậu được xả cũng vậy. Vì tùy tâm vô lậu mà được xả, được bất luật nghi do tạo ra và lãnh thọ.

Do bốn duyên nên xả bất luật nghi:

1. Vì thọ luật nghi.

2. Vì qua đời.

3. Vì sinh hai hình.

4. Pháp như thế mà được.

Vô biểu trong xứ tâm thiện của cõi Sắc, hoặc vì làm ra mà được, là tâm tịnh ân cần, phiền não mạnh mẽ, nhạy bén, lễ tán tháp miếu và đánh đập, v.v... Hoặc vì lãnh thọ mà được, nghĩa là nghĩ rằng: "Nếu không được Đức Phật tạo ra Mạn-đồ-la thì trọn sẽ không ăn trước". Lời nguyện ấy hoặc do xả mà được, nghĩa là xây cất chùa, tăng xá, tọa cụ, vườn rừng, bố thí cho Bí-sô, v.v... Xả vô biểu này là do tâm cùng khởi và việc đã làm vì đều có tâm dứt trừ.

Vô biểu như vậy và như trước đã nói năm căn như nhãn, v.v... chỉ là cảnh của ý thức đã biệt rõ. Ngang đây được gọi là nghĩa câu sắc ban đầu, nhưng các pháp tướng tóm tắt có ba thứ:

1. Tự cộng tướng.

2. Phần cộng tướng.

3. Biến cộng tướng

Tự cộng tướng: Nghĩa là như vì biến đổi, hư hoại, hoặc bị đổi thay, trở ngại, nên nói tên là sắc. Như vậy, tức là nói nghĩa có thể gây khổ não, hư hoại. Như đấng Pháp Vương nói: "Bí-sô nên biết! Do sự đổi thay, hư hoại, nên gọi là sắc thủ uẩn".

Cái gì có thể đổi thay, hư hoại ? Là vì tay tiếp xúc, tức là sự đổi thay hư hoại, cho đến nói rộng. Như vì có thể đi nhanh, nên gọi là ngựa. Vì có thể đi chậm, nên nói là bò, v.v...

Phần cộng tướng: Nghĩa là như tánh phi thường và tánh khổ v.v… Biến cộng tướng: Như tánh phi ngã và tánh không, v.v... Do khuôn

khổ này đối với tất cả pháp, nên biết là ba tướng. Nghĩa câu Thọ: Nghĩa là ba thứ nhận lãnh:

1. Vui.

2. Khổ.

3. Không khổ không vui.

Đây tức là sự nhận lãnh ba thứ nghĩa tùy theo sự tiếp xúc, từ sự xúc chạm sinh ra ưa thích, không ưa thích hoặc không phải cả hai. Vì phần vị của thân tâm, sinh ra hai sự tiếp xúc khác nhau, mà đối với cảnh sinh ra vui, buồn, không phải cả hai làm tướng hay làm nhân cho ai, nên gọi là thọ. Như Đức Thế Tôn nói: "Xúc duyên thọ, thọ duyên ái".

Thọ này lại tùy theo sự khác nhau của thức mà có sáu như nhãn tiếp xúc phát sinh thọ, cho đến ý tiếp xúc sinh ra thọ. Năm thức đều sinh gọi là thân thọ. Ý thức đều sinh gọi là tâm thọ.

Do căn khác nhau nên kiến lập năm thứ: Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn. Các thân thọ nhận sự vui vẻ và tâm tĩnh lự thứ ba. Thọ nhận sự vui vẻ gọi là lạc căn. Sự vui vẻ là thuộc về nghĩa lợi ích.

Các thân nhận sự không vui, gọi là khổ căn. Sự không vui là nghĩa tổn não, trừ tĩnh lự thứ ba. Tâm khác nhận niềm vui, gọi là hỷ căn. Các tâm nhận sự không vui gọi là ưu căn. Các thân và tâm nhận không phải vui, không phải chẳng vui, gọi là xả căn. Phân biệt rộng về căn này, như chỗ nói về căn v.v…

Tưởng nghĩa câu, nghĩa là có thể đã hợp danh nghĩa của tướng để hiểu, tức là đối với các màu sắc xanh, vàng, dài, ngắn. v.v.. tiếng ốc, tiếng trống v.v... mùi hương trầm, xạ hương v.v.. vị mặn, đắng v.v.. sự tiếp xúc vật cứng, mềm v.v... pháp tướng của nam, nữ v.v.. gọi là trong nghĩa giả hợp mà hiểu.

Vì là nhân của tâm, tứ nên gọi là tưởng, tưởng này tùy theo thức có sáu thứ riêng như thọ.

Sự khác nhau lớn nhỏ của vô lượng có ba thứ: nghĩa là vì duyên cảnh ít, nên gọi là tưởng nhỏ. Vì duyên các cảnh pháp lớn, mầu nhiệm, cao siêu, v.v... nên gọi là tưởng lớn. Tùy theo không vô biên xứ, v.v... gọi là tưởng vô lượng, hoặc tùy theo ba cõi mà đặt ba tên này.

Hành có hai thứ: Hành tương ưng và hành bất tương ưng.

Hành tương ưng nghĩa là tư, xúc, dục, tác ý, thắng giải, niệm, định,

tuệ, tầm, tứ, tín, tinh tiến, tàm, quý, , khinh an, bất hại, xả, hận, yểm, bất tín, biếng nhác, không buông lung, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, lậu, ách, bộc lưu, thủ, thân hệ cái (cái lệ thuộc thân) và trí nhẫn, v.v... Các pháp tâm sở này đều đối với tâm có đủ năm nghĩa: Chỗ dựa, đối tượng duyên, hành tướng, thời gian và sự... nên gọi là tương ưng. Trái với tương ưng này, gọi là bất tương ưng, nghĩa là đắc, phi đắc, định Vô tưởng, định Diệt tận, Vô tưởng sự, mạng căn, chúng đồng phần, sinh, trụ, già, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân...

Như vậy, hành tương ưng, bất tương ưng, gọi chung là hành uẩn. Vì vậy, nên đấng Đại Tiên nói: "Hành uẩn như thân cây chuối".

Tư, là có thể khiến tâm tạo tác, tức là ý nghiệp, cũng là nghĩa làm cho tâm vận động, vì tư này khác với thiện, bất thiện, vô ký, có ba thứ khác nhau.

Xúc là căn, cảnh, thức hòa hợp phát sinh khiến tâm tiếp xúc với cảnh, lấy khả năng nuôi sống tâm làm tướng, có ba thứ thuận lạc thọ v.v… khác nhau.

Dục, nghĩa là mong cầu, làm sự nghiệp thuận theo, tinh tiến, có nghĩa là ta phải làm sự nghiệp như thế.

Tác ý, nghĩa là có thể khiến tâm cảnh giác, tức là nghĩa dẫn tâm hướng đến cảnh, cũng là sự ghi nhớ, gìn giữ, đã từng là cảnh của thọ v.v... Cảnh này có ba thứ: Là học, vô học, phi học phi vô học. Tác ý vô lậu trong bảy thân hữu học, gọi là Học. Tác ý vô lậu trong thân A-la-hán, gọi là Vô học. Tác ý tất cả hữu lậu đều gọi là Phi học phi vô học.

Thắng giải, nghĩa là có thể chấp nhận đối với cảnh, tức là nghĩa có thể giúp cho tâm không khiếp sợ, yếu đuối đối với cảnh sở duyên.

Niệm: Khiến tâm ghi nhớ rõ cảnh tượng, tức là không quên, nghĩa là đã tạo ra các sự nghiệp chánh đáng.

Định: Khiến tâm chuyên chú một cảnh, tức là chế ngự tâm như vượn, khỉ, chỉ có nghĩa chuyển ở một cảnh. Phái Tỳ-bà-sa nói như vầy: "Như con rắn ở trong ống, di chuyển không cong. Nếu tâm ở trong định, sẽ chuyển ngay thẳng".

Tuệ: Đối với pháp hay chọn lựa, tức là tương ưng với sự thâu nhận, thành tựu các quả nhân duyên. Trong tám thứ pháp tự tướng, cộng tướng, tùy theo ở sự thích hợp mà lấy sự quán sát làm nghĩa.

Tầm: Nghĩa là đối với cảnh, khiến tâm thô tháo làm tướng, cũng gọi là sự phân biệt tư duy thuộc về gió tưởng, chuyển biến thô động, pháp này chính là nhân chuyển biến của năm thức.

Tứ: Nghĩa là đối với cảnh, khiến tâm nhỏ nhặt làm tướng. Pháp này chính là nhân thuận theo ý thức chuyển biến ở cảnh.

Tín là khiến tâm lắng sạch đối với cảnh, tức đối với tướng nhân quả của Tam bảo thuộc về sự chấp nhận hiện tiền trong tánh có, v.v... nên gọi là tín. Điều này có thể loại trừ pháp cấu uế của tâm, như bỏ phèn lóng xuống ao, sẽ làm cho nước đục nhơ trở thành lắng trong. Cũng vậy bỏ phèn tín vào ao tâm, mọi thứ nhơ đục của tâm đều được loại bỏ ngay.

Tin Phật chứng Bồ-đề, tin Pháp thì khéo nói, tin tăng có đủ diệu hạnh. Cũng tin tưởng hết thảy ngoại đạo đều bị mê mờ. Pháp tánh duyên khởi là sự nghiệp của niềm tin.

Tinh tiến, nghĩa là đối với pháp thiện, bất thiện, lấy sự mạnh mẽ vượt lên trong sự sinh diệt làm tánh, tức là kẻ đang chìm đắm trong vũng bùn sinh, tử thì dốc tâm, cố sức sao cho mình nhanh chóng được ra khỏi.

Tàm, nghĩa là thuận theo pháp bạch của chánh lý, tăng thượng mà nảy sinh tánh tự tại của tâm đẳng lưu trái với ái. Do uy lực này, đối với các công đức và người có đức độ, cung kính mà trụ.

Quý, nghĩa là tu tập công đức làm trước nhất, trái với đẳng lưu si, quở trách pháp yếu kém. Do uy lực này nên sợ tội lỗi.

Không buông lung nghĩa là tu các pháp thiện. Trái với hại, buông lung, gìn giữ tâm tánh. Tâm tánh kham nhận gọi là khinh an. Trái với hại, hôn trầm, thuận theo pháp thiện. Tâm tánh thiện vững chắc, gọi là không hại. Do uy lực này, nên không gây tổn não cho người khác. Hay trái với việc ưa làm tổn hại người khác, tâm tánh bình đẳng, gọi là xả. Vì xả bỏ phi lý và hướng đến chân lý. Do uy lực này khiến tâm đối với chánh lý và phi lý, không hướng, không bỏ, bình đẳng mà trụ, như cầm cán cân.

Hận: Là vui thích ở phẩm Hoàn diệt, thấy công đức rồi khiến tâm hân hoan, mến mộ, thuận theo tu thiện, vì có tâm này nên sự ưa thích Niết bàn tương ưng với tâm này, gọi là Hận tác ý.

Yểm: Nghĩa là nhàm chán các thứ tai hại đối với phẩm lưu chuyển. Thấy lỗi lầm rồi, khiến tâm chán lìa, thuận theo lìa nhiễm. Vì nhờ có tâm này, nên nhàm chán sinh tử xấu ác, tương ưng với tâm ấy, gọi là Yểm tác ý.

Tâm không lắng sạch, gọi là Bất tín, như trước đã nói, là trái với tín.

Tâm không mạnh mẽ, gọi là biếng nhác, trái với tinh tiến đã nói ở trước.

Không tu pháp thiện, gọi là buông lung, trái với tánh không buông

lung đã nói ở trước, tức là nghĩa không thể gìn giữ tâm.

Ba thứ như bất tín v.v... đã nói, như vậy không lập tùy miên và triền cấu, vì lỗi lầm nhẹ, vì dễ trừ bỏ.

Căn thiện có ba thứ: Vô tham là trái với pháp tham, vô sân là trái với pháp sân, vô si là trái với pháp si, tức là lấy trí tuệ làm tự tánh như trước đã nói.

Ba pháp này là tự tánh của thiện, cũng có thể là cội rễ sinh ra pháp thiện khác, nên gọi là căn thiện. Nghĩa yên ổn là nghĩa thiện, vì có thể dẫn đến thân sau khả ái và mầm mống của sự giải thoát, hoặc là đã tập học, trở thành nghĩa phương tiện khéo léo, là nghĩa thiện. Do pháp thiện này có thể làm xong hình tượng của sắc mầu nhiệm. Như họa sĩ tô màu bức tranh vẽ, tạo ra ra bức tượng với màu sắc tươi đẹp, thế gian đều khen là khéo léo.

Căn bất thiện có ba thứ, tức là ba thứ tham, sân, si mà ở trước đối trị. Tham là năm bộ tham cõi Dục. Sân là năm bộ sân. Si là ba mươi bốn vô minh của cõi Dục, trừ hữu thân kiến và vô minh tương ưng với biên chấp kiến.

Ba pháp như vậy là tự tánh của bất thiện, cũng có thể là cội rễ nảy sinh các bất thiện khác, gọi là căn bất thiện. Nghĩa không yên ổn, là nghĩa bất thiện, vì có thể dẫn đến phi ái, mầm mống của các hữu. Hoặc chưa tập học, không phải là nghĩa phương tiện khéo léo, đó là nghĩa bất thiện. Do bất thiện này có thể phân biệt sắc tượng xấu, như họa sĩ tạo ra bức tranh không đẹp, nên gọi là không thiện.

Căn vô ký có bốn thứ: Ái, kiến, mạn, vô minh. Ái: Cõi Sắc, Vô Sắc đều có năm bộ tham.

Kiến: Cõi Sắc, Vô Sắc đều có mười hai kiến và cõi Dục hữu thân kiến, biên chấp kiến.

Mạn: Cõi Sắc, Vô Sắc đều có năm bộ mạn.

Vô minh: Tất cả vô minh của cõi Sắc, cõi Vô Sắc và cõi Dục, có thân kiến và biên chấp kiến tương ưng với vô minh.

Bốn căn vô ký này là tự mình đã thừa nhận. Người tu tĩnh lự vì có ba hạng khác nhau:

1. Hạng người yêu thích tĩnh lự cõi trên.

2. Hạng người đã thấy tĩnh lự cõi trên.

3. Hạng người kiêu mạn đối với tĩnh lự cõi trên.

Ba hạng người này đều do năng lực vô minh khởi lên. Phái Tỳ-bà- sa lập căn vô ký chỉ có ba thứ: Vô ký ái, vô minh, tuệ. Sự nghi ngờ trụ không

vững chắc, tánh khinh mạn, tự cao, vì không phải pháp căn, nên đối với nghĩa thiện, bất thiện đều không ghi nhận, nên gọi là vô ký.

Lại vì không thể ghi nhớ của ái, phi ái, nên gọi là vô ký, vì không thể chiêu cảm quả dị thục. Tánh vô ký này cũng có thể sinh ra pháp nhiễm vô ký khác, hoặc các pháp vô ký, nên gọi là căn vô ký

Kiết có chín thứ: Kiết ái, kiết sân, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi, kiết san và kiết tật.

Kiết ái, nghĩa là sự tham của ba cõi là tướng đắm nhiễm như keo sơn nên gọi là ái. Vì ái chính là kiết, nên gọi là kiết ái.

Kiết sân, nghĩa là năm bộ sân. Đối với niềm vui của hữu tình v.v… bị tổn hại, với tướng không lợi ích, như hạt giống cay đắng, cho nên gọi là sân. Vì sân chính là kiết, nên gọi là kiết sân.

Kiết mạn, nghĩa là sự kiêu mạn của ba cõi. Vì mình khác với đức độ của người khác, nên sinh tâm khinh rẻ, ý đây gọi là mạn, như kẻ kiêu ngạo, lấn át, khinh miệt người khác. Mạn này lại có bảy thứ:

1. Mạn.
2. Quá mạn.
3. Mạn quá mạn.
4. Ngã mạn.
5. Tăng thượng mạn.
6. Ty mạn.
7. Tà mạn.

Nghĩa là nhân những việc về dòng họ, tài sản, địa vị, sắc lực, giữ giới, học rộng, nghề nghiệp, nên đối với người yếu kém thì cho là mình hơn, hoặc đối với kẻ ngang bằng mình thì cho mình là ngang bằng. Do quan niệm này, nên làm cho tâm cao cử, gọi là mạn.

Nếu đối với người ngang bằng với mình mà cho là mình hơn, hoặc đối với những kẻ giỏi hơn mình, mình lại cho là bằng họ. Do quan niệm này khiến tâm cao cử gọi là Quá mạn. Nếu đối với người hơn mình mà cho là mình hơn. Do ý nghĩ này nên làm cho tâm tự cao, cử gọi là Mạn quá mạn.

Nếu đối với năm thủ uẩn chấp ngã và ngã sở, do sự chấp này khiến tâm cao cử gọi là ngã mạn.

Nếu chưa chứng được các đức thù thắng trong quả Dự-lưu mà cho mình đã chứng được, do đó khiến cho tâm cao cử gọi là tăng thượng mạn.

Nếu cho mình là phần tử kém cỏi trong phần đông dòng họ đều vượt

hơn, do đó đã khiến tâm cao cử gọi là Ty mạn.

Nếu thật sự không có đức mà cho mình có đức, do đấy khiến tâm cao cử gọi là tà mạn.

Bảy sự khinh mạn như thế, gọi chung là kiết mạn

Kiết vô minh: Nghĩa là ba cõi không biết, lấy sự không hiểu rõ làm tướng, như kẻ đui mù. Vì trái với ánh sáng, nên gọi là vô minh.

Lời ngăn cấm này là dựa vào nghĩa đối trị, như không phải bạn thân, lời nói không thật v.v..., tức là nói kẻ thù, lời nói dối trá, v.v...Vì vô minh tức là kiết, nên gọi là kiết vô minh.

Kiết kiến: Là ba kiến, tức hữu thân kiến, biên chấp kiến và tà kiến.

Không có ngã, ngã sở trong năm thủ uẩn mà chấp là thật có tướng của ngã, ngã sở, tuệ nhiễm ô này gọi là hữu thân kiến. Vì thân là nghĩa nhóm họp, vì có mà là thân, nên gọi là hữu thân, tức năm thủ uẩn. Ở ngay thân này khởi lên kiến chấp, gọi là hữu thân kiến, tức năm thủ uẩn không phải đoạn, không phải thường, qua đó lại chấp có hai tướng đoạn, thường. Tuệ nhiễm ô này gọi là biên chấp kiến, vì chấp cả hai bên.

Nếu quyết định chấp không có nghiệp, không có quả của nghiệp, không có sự giải thoát, không có ai được đạo giải thoát, bác bỏ không có sự thật thì tuệ nhiễm ô này gọi là tà kiến. Ba kiến như vậy gọi là kiết kiến.

Kiết thủ, nghĩa là hai thủ, tức kiến thủ, giới cấm thủ. Nghĩa là ba kiến trước và năm thủ uẩn. Thật sự không phải là mình hơn mà chấp cho là hơn. Tuệ nhiễm ô này gọi là kiến thủ, thủ là nghĩa tìm tòi và chấp khư khư.

Giới: Xa lìa các thứ phá giới cấm ác, nghĩa là thọ trì các giới của quạ, gà, nai, chó, hoặc lõa thể, nhổ tóc, bỏ ăn, nằm trên tro. Hoặc vọng chấp sinh phước, diệt tội, hoặc thường tắm gội dưới ao. Hoặc ăn rễ, trái cây, cỏ, rau cải, vật thuốc để tự nuôi sống. Hoặc bôi tro vào mình, để búi tóc trên đầu v.v... đều gọi là cấm. Cả hai thứ này đều không phải là đạo thanh tịnh mà vọng chấp là đạo thanh tịnh. Tuệ nhiễm ô này gọi là giới cấm thủ. Các Bà-la-môn có người học rộng, phần đông chấp pháp này cho là đạo tịnh mà họ không thể rốt ráo thanh tịnh. Hai thủ như vậy, gọi là kiết thủ.

Kiết nghi: Khiến tâm do dự đối với bốn Thánh đế, như đến khoảng đường rẽ, thấy một người đang bó cỏ một cách rụt rè không quyết định.

Như vậy, vì đối với khổ, tâm sinh ra do dự, không biết là phải hay quấy, cho đến nói rộng. Vì nghi tức là kiết, nên gọi là kiết nghi.

Kiết tật: Thấy người khác hơn mình khiến tâm bất nhẫn, cho là đối với người khác được sự cung kính, cúng dường, tài sản, địa vị, sự học rộng

và pháp vượt hơn khác, nảy sinh lòng ganh ghét không nhịn. vì sự ganh tị tức là kiết, nên gọi là kiết tật.

Kiết san: Nghĩa là đối với tài pháp của mình, khiến tâm bỏn xẻn, luyến tiếc, cho vật của ta, đừng đến với người, vì sự keo kiệt tức là kiết, nên gọi là kiết san.

Nghĩa kiết là nghĩa ràng buộc. Như Đức Thế Tôn nói: "Không phải mắt buộc lấy sắc, không phải sắc buộc lấy mắt. Trong việc này, lòng tham dục được gọi là kiết. Như không phải trâu đen buộc với trâu trắng, cũng không phải trâu trắng buộc với trâu đen, cho đến nói rộng".

Kiết đã nói ở trước cũng tức là sự ràng buộc, vì chính nghĩa kiết là nghĩa buộc ràng. Tuy nhiên trong khế kinh lại nói có ba sự trói buộc:

Tham trói buộc: Nghĩa là tất cả tham, như nói về tướng của kiết ái.

Sự giận dữ trói buộc: Tất cả giận, như nói về tướng của kiết giận. Sự ngu si trói buộc: Nghĩa là tất cả sự ngu si, như nói về tướng của kiết vô minh

Tùy miên có bảy thứ:

1. Dục tham.
2. Sân.
3. Hữu tham.
4. Mạn.
5. Vô minh.
6. Kiến.
7. Nghi.

Về tướng riêng của bảy tùy miên này đã nói trong kiết. Nhưng nên dựa vào bộ riêng biệt của hành tướng giới.

Sự phân biệt bảy thứ tùy miên như vậy, nghĩa là vì tham các dục, nên gọi là dục tham. Vì dục tham này tức là tùy miên, nên gọi là tùy miên dục tham. Tùy miên dục tham này chỉ có năm bộ cõi Dục có năm thứ, đều gọi là kiến khổ dứt trừ, cho đến tu đạo dứt trừ.

Tùy miên sân cũng chỉ có năm bộ của cõi Dục là năm thứ. Hữu tham tùy miên chỉ có cõi Sắc, Vô Sắc, mỗi cõi đều có năm bộ là mười thứ. Vì sự chuyển biến bên trong, vì ngăn che tưởng giải thoát của tĩnh lự Vô Sắc, nên tham của hai cõi là hữu tham.

Tùy miên mạn chung có ở cả ba cõi, mỗi cõi có năm bộ thành mười lăm thứ, tùy miên vô minh cũng vậy.

Tùy miên kiến có ở cả ba cõi, mỗi cõi có mười hai thứ thành ra ba mươi sáu thứ. Nghĩa là cõi Dục kiến khổ dứt trừ, đủ năm kiến, kiến tập, diệt dứt trừ chỉ có hai là tà kiến và kiến thủ. Kiến đạo dứt trừ chỉ có ba thứ là tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tổng cộng là mười hai thứ. Hai cõi trên cũng vậy là ba mươi sáu thứ.

Tùy miên nghi chung có ở cõi ba cõi, mỗi cõi đều có bốn bộ, thành mười hai thứ, là kiến khổ, tập, diệt, đạo dứt trừ. Dục tham trong đây và tùy miên sân chỉ có bộ riêng, không có hành tướng riêng của cõi.

Tùy miên hữu tham, nghi, mạn, vô minh có giới, bộ riêng, không có hành tướng riêng, tùy miên kiến có đủ bộ, hành tướng, giới riêng.

Hành tướng riêng nghĩa là ngã và ngã sở.

Sự chuyển biến của hành tướng, nghĩa là hữu thân kiến. Sự chuyển biến của hành tướng đoạn, thường gọi là biên chấp kiến, không có hành tướng chuyển biến, gọi là Tà kiến.

Hành tướng chuyển biến vượt hơn, gọi là kiến thủ, chuyển biến của hành tướng tịnh, gọi là giới cấm thủ.

Nghĩa vi tế là nghĩa tùy miên, vì lúc nó hiện khởi rất khó hay biết. Hoặc theo nghĩa trói buộc là nghĩa tùy miên, tức là tùy theo sự tiếp nối nhau của thân tâm mà chuyển biến. Như người đi trên hư không, bóng của họ sẽ đi theo dưới nước. Hoặc nghĩa theo đuổi là nghĩa tùy miên, như dầu trong hạt vừng, chất nhờn trong nắm tay.

Hoặc nghĩa tùy tăng là nghĩa tùy miên. Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, vì tương ưng với đối tượng duyên mà tùy tăng. Nói tùy tăng, có nghĩa tùy theo đối tượng duyên và môn tương ưng mà tăng trưởng.

Bảy thứ tùy miên như vậy đều do sự khác nhau của bộ, của hành tướng giới, nên thành chín mươi tám tùy miên. Nghĩa là cõi Dục kiến khổ dứt trừ mười tùy miên, tức hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh.

Kiến tập dứt trừ có bảy tùy miên, trừ hữu thân kiến, biên chấp kiến, giới cấm thủ, trong mười tùy miên trước, kiến diệt dứt trừ có bảy tùy miên cũng vậy.

Kiến đạo dứt trừ có tám tùy miên, nghĩa là tức bảy tùy miên ở trước cộng thêm giới cấm thủ.

Tu dứt trừ có bốn tùy miên, đó là tham, sân, mạn, vô minh.

Như vậy, ở cõi Dục có ba mươi sáu tùy miên, cõi Sắc có ba mươi mốt tùy miên. Nghĩa là trừ năm bộ sân trong ba mươi sáu tùy miên của cõi Dục.

Cõi Vô Sắc cũng vậy, nên có chín mươi tám tùy miên, trong đó tám mươi tám thứ do kiến dứt trừ, mười thứ do tu dứt trừ.

Có ba mươi ba tùy miên là biến hành. Nghĩa là các kiến nghi do Kiến khổ, tập dứt trừ trong mỗi giới, và vô minh bất cộng tương ưng với tùy miên đó. Số tùy miên còn lại đều không phải là biến hành.

Mười tám tùy miên là duyên vô lậu. Nghĩa là mỗi giới, kiến diệt, đạo dứt trừ tà kiến, nghi và vô minh bất cộng tương ưng với nó. Vì mười tám thứ này duyên diệt, đạo, nên gọi là duyên vô lậu, ngoài ra đều duyên hữu lậu.

Duyên hữu lậu trong đây, nghĩa là do tương ưng với đối tượng duyên cho nên tùy tăng.

Duyên vô lậu chỉ ở nhóm mình, vì tương ưng, nên tùy tăng. Có chín thứ là duyên vô vi, nghĩa là trong mỗi cõi, kiến diệt dứt trừ tà kiến nghi và vô minh bất cộng tương ưng với nó.

Vì duyên diệt đế, nên gọi là duyên vô vi. Ngoài ra, đều là duyên hữu vi.

Mười thứ tùy miên theo thứ lớp sinh ra, nghĩa là trước đây do vô minh nên không hiểu rõ đế lý. Nghĩa là đối với khổ không ham muốn, cho đến đối với Đạo cũng không mong muốn. Vì không hiểu nên sinh nghi ngờ. Nghĩa là vừa nghe hai phẩm tà, chánh là ôm lòng nghi, do dự là khổ hay không phải khổ, cho đến là đạo hay không phải đạo. Từ sự do dự này dẫn sinh tà kiến, nghĩa là gặp phải bạn ác, do nghe, nghĩ quấy, nên sinh ra quyết định tà, không có bố thí, không có ưa thích, không có cúng tế, cho đến nói rộng. Từ tà kiến này sinh ra hữu thân kiến, đó là bác bỏ không có lý khổ trong thủ uẩn, rồi chấp là có ngã, hoặc có ngã sở. Từ thân kiến, biên chấp kiến sinh ra, nghĩa là chấp ngã có đoạn, có thường biên. Từ biên chấp kiến, giới cấm thủ nảy sinh, cho là lối chấp một bên này là năng tịnh.

Từ giới cấm thủ nảy sinh kiến thủ, cho là năng tịnh, vì là hơn hết.

Từ kiến thủ kế dẫn sinh tham, cho là vì đó sinh ra yêu tiếc sâu nặng trong kiến chấp của mình. Từ lòng tham này, kế là dẫn sinh ra mạn. Nghĩa là yêu đắm trong kiến chấp sâu đậm của mình rồi, tỏ thái độ ỷ thị, tự cao, lấn hiếp người khác. Từ mạn này sau đó dẫn sinh nóng giận. Nghĩa là cậy vào kiến chấp của mình, lòng không thể chịu được cho nên ganh ghét. Hoặc trong phần vị thủ, xả kiến chấp của mình mà khởi ra ganh ghét, nên mười thứ tùy miên theo thứ lớp như vậy.

Do ba nhân duyên mà khởi các phiền não:

1. Vì chưa dứt trừ tùy miên.

2. Vì tác ý phi lý.

3. Vì cảnh giới hiện ở trước.

Do ba sức của cảnh giới gia hạnh mà phiền não biểu hiện ở trước, đó là nói đủ. Nghĩa là cũng có trường hợp chỉ dựa vào sức của cảnh giới mà khởi phiền não rối loạn, gây nên nỗi bứt rứt thân tâm liên tục, nên gọi là phiền não, phiền não tức tùy miên.

Tùy phiền não: Chính các phiền não cũng gọi là tùy phiền não, lại còn có tùy phiền não, nghĩa là tâm sở nhiễm ô thuộc về tất cả hành uẩn khác, cùng với các phiền não đều thuộc về uẩn.

Ở đây là thế nào? Nghĩa là đã có vô lượng thứ, như: Cuống, kiêu, hại, não, hận, siểm v.v... như Thánh giáo nói: "Cuống là mê hoặc người".

Kiêu là đắm nhiễm tất cả sắc lực của tự thân nên về dòng họ tịnh giới, học rộng, biện tài, khôn khéo của mình rồi, khiến tâm kiêu ngạo, buông lung bất kể người khác.

Hại: Làm bức bách người khác. Do đó có những hành động đánh, mắng v.v…

Não: Chấp chặt mọi việc có tội, do đó không chịu nghe lời can ngăn đúng.

Hận: Trong việc mình duyên, sinh ra tức giận, thường tầm, tứ, kết oán không bỏ.

Siểm: Nghĩa là tâm cong vạy.

Sáu thứ như vậy đều sinh ra từ phiền não với tướng cấu uế, thô bỉ, gọi là phiền não cấu. Trong sáu thứ phiền não cấu uế này, hai thứ cuống, kiêu là đẳng lưu của tham, v.v… vì thuộc loại tham. Hai thứ hại và hận là đẳng lưu của sân, vì thuộc loại sân.

Vết nhơ của não, tức là đẳng lưu kiến thủ. Vì chấp kiến thức của mình là hơn người nên gây não loạn mình và người.

Vết nhơ của siểm là đẳng lưu của các kiến, vì các kiến gia tăng là đa số dua nịnh, như nói: "Sự dua nịnh tà vạy là các ác kiến".

Những vết nhơ này và triền, các nhiễm ô khác thuộc về hành uẩn.

Các tâm sở pháp vì từ phiền não sinh, nên gọi là tùy phiền não.

Triền có mười thứ: Hôn trầm, thùy miên, trạo cử, ác tác, tật, san, vô tàm, vô quý, phẫn, phú. Thân, tâm nối tiếp nhau, không có tính chất kham nhậm, gọi là hôn trầm. Nghĩa là mờ tối nặng nề, không thể gánh vác được việc gì. Thân tâm nối tiếp nhau làm cho tâm tối tăm, yếu ớt, gọi là thùy miên. Sự thùy miên này được gọi là triền, vì chỉ dựa vào sự nhiễm ô.

Trạo cử: Khiến tâm không vắng lặng, của nó là ác tác, gọi là ác tác. Có tâm sở riêng duyên ác nảy sinh, đặt tên là ác tác. Nghĩa là ăn năn, thể của quả giả đặt tên nhân. Như duyên với hư không, gọi là duyên không, bất tịnh gọi là bất tịnh.

Thế gian cũng lấy xứ sở để nói: "Dựa nơi xứ, như nói: Tất cả thôn, ấp, đến v.v…". Ở đây được đặt tên triền, cũng chỉ dựa vào nhiễm mà có hai tướng là tật và san, như đã nói qua trong kiết.

Đối với các công đức và người có đức, khiến tâm không cung kính, gọi là vô tàm (không hổ), tức là pháp trái lại với cung kính.

Không hề cảm thấy sợ hãi đối với các tội, gọi là vô quý (không thẹn) có thể chiêu cảm đường ác, bị người thiện quở trách, gọi là tội.

Trừ sân và hại, đối với tình, phi tình, khiến tâm nổi cơn giận dữ, gọi là phẫn.

Che giấu tội mình, gọi là phú.

Mười điều này ràng buộc thân, tâm nối tiếp nhau, nên gọi là triền.

Hôn trầm, thùy miên, vô quý trong đây là đẳng lưu của vô minh.

Ác tác là đẳng lưu nghi. Vô tàm, san, trạo cử đều là đẳng lưu của tham. Tật, phẫn là đẳng lưu của sân. Phú là đẳng lưu của tham và vô minh.

Hành tướng của pháp tâm sở rất nhỏ nhặt. Sự phân biệt của mỗi hành tướng nối tiếp nhau còn khó khăn, huống chi trong một sát-na cùng có, mà người trí rất tinh tế, kín đáo, dựa vào lời Phật đã nói, quán sự khác nhau của quả, biết tánh nó khác, vì các người học mà tuyên nói không điên đảo. Kẻ có trí tuệ yếu kém, các sự chưa chính mình làm việc giải thích không điên đảo về lời Phật nói, nên tâm họ bị mê lầm, rồi bài bác, hoặc nói chỉ có ba thứ, hoặc là hoàn toàn không có.

Lậu có ba thứ: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Phiền não và triền của cõi Dục, trừ vô minh, gọi là dục lậu. Có bốn mươi mốt vật là ba mươi mốt tùy miên và mười triền. Phiền não và triền của cõi Sắc, cõi Vô Sắc, ngoại trừ vô minh, gọi là hữu lậu. Có năm mươi bốn vật là ở cõi trên, mỗi cõi có hai mươi sáu tùy miên và hôn trầm, trạo cử, vì đồng là vô ký, vì chuyển biến bên trong và vì dựa vào địa định.

Hai cõi được lập chung một tên hữu lậu, vô minh ba cõi gọi là Vô minh lậu, có mười lăm vật. Vì vô minh là gốc của các hữu, lập riêng lậu v.v… để lại cho hữu tình trụ ba cõi lâu dài. Vì ngăn trở hướng đến sự giải thoát, nên gọi là lậu. Hoặc làm cho lưu chuyển từ trời Hữu Đảnh đến ngục Vô gián, nên gọi là lậu. Hoặc hữu lậu kia tiếp nối với sáu thứ ung nhọt tiết

ra không cùng, nên gọi là lậu.

Bộc lưu có bốn thứ: Dục, hữu, kiến, vô minh. Bộc lưu trừ kiến trong dục lậu, gọi là Dục bộc lưu. Có hai mươi chín vật, trừ kiến trong hữu lậu, gọi là bộc lưu, có ba mươi vật, các kiến của ba cõi, gọi là bộc lưu kiến. Có ba mươi sáu vật, vô minh bất cộng tương ưng với ba cõi, gọi là bộc lưu vô minh. Có mười lăm vật làm trôi nổi, cướp đi sự tốt đẹp của tất cả hữu tình, nên gọi là như thác nước (bộc lưu).

Ách có bốn thứ, như thuyết nói về bộc lưu. Hòa hợp hữu tình, khiến chịu đau khổ ở các đường, các sanh, các địa, nên gọi là ách. Nghĩa là hòa hợp, khiến cảm nhận mọi thứ thọ khổ nhẹ, nặng.

-oOo-

LUẬN NHẬP A TỲ ĐẠT MA

QUYỂN HẠ

Thủ có bốn thứ: Thủ dục, thủ kiến, giới cấm thủ và ngã ngữ thủ. Tức dục bộc lưu thêm vô minh, gọi là dục thủ. Có ba mươi bốn vật là tham, sân, mạn, vô minh, mỗi thứ đều có năm loại, Nghi có bốn, triền có mười, hữu bộc lưu thêm vô minh, gọi là ngã ngữ thủ.

Có bốn mươi vật là tham, mạn, vô minh, mỗi thứ có mười loại, Nghi có tám thứ và hôn trầm, trạo cử, trừ giới cấm thủ trong các kiến, số còn lại gọi là kiến thủ.

Có năm mươi vật: Giới cấm thủ, gọi là giới cấm thủ, có sáu vật. Do đó, riêng làm oán của Thánh đạo, vì dối gạt cả hai chúng tại gia, xuất gia. Đó là lập riêng thủ trong năm kiến. Nghĩa là chúng tại gia do sự dối gạt này, nên chấp rằng tự nhịn đói, chỉ hớp không khí và từ đỉnh núi cao gieo mình xuống vực thẳm v.v... là đạo trời. Các chúng xuất gia do sự mê hoặc lừa dối này mà cho bỏ cảnh đáng yêu, thọ công đức đỗ- đa (đầu-đà) là đạo thanh tịnh.

Nghĩa củi là nghĩa của thủ, có thể khiến lửa nghiệp đốt cháy nối tiếp nhau mà sinh trưởng. Như vì có củi, nên lửa mới được cháy bùng. Như vậy, vì có phiền não, nên nghiệp của hữu tình mới được sinh trưởng.

Lại, nghĩa mạnh mẽ, nhạy bén là nghĩa của thủ, hoặc nghĩa ràng buộc bên trong là nghĩa của thủ, như con tằm ở trong kén tự ràng buộc mình rồi chết. Như vậy hữu tình bị bốn thủ buộc ràng, trôi lăn trong sự sống chết, đánh mất tuệ mạng.

Sự trói buộc thân có bốn thứ: Nghĩa là tham dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân, giới cấm thủ trói buộc thân, chấp thân này có thật trói buộc thân. Năm bộ tham của cõi Dục, gọi là sự trói buộc thân ban đầu. Năm bộ sân, gọi là sự trói buộc thân thứ hai. Sáu giới cấm thủ, gọi là sự trói buộc thân thứ ba. Mười hai kiến thủ, gọi là sự trói buộc thân thứ tư. Các thứ triền ràng buộc hữu tình, vì tự trói buộc lấy mình, nên gọi là trói buộc thân. Những thứ này đều có nghĩa trói buộc thân hữu tình.

Cái có năm thứ: cái dục tham, cái sân hận, cái hôn trầm thùy miên,

cái trạo cử ác tác, cái nghi.

Năm bộ tham của cõi Dục, gọi là cái ban đầu. Năm bộ sân, gọi là cái thứ hai. Hôn trầm và thùy miên bất thiện của cõi Dục, gọi là cái thứ ba. Trạo cử và ác tác bất thiện, gọi là cái thứ tư. Bốn bộ nghi của cõi Dục, gọi là cái thứ năm. Do ngăn che Thánh đạo và lìa nhiễm cõi Dục và hai thứ căn thiện gia hạnh này, nên gọi là cái.

Trước đây đã nói các giới, các đường, các sinh, các địa chịu khổ, nên nói.

Thế nào là sinh về giới đường? Giới địa có ba thứ: Là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc. Cõi Dục có hai mươi xứ, đó là tám địa ngục lớn:

1. Đẳng hoạt.
2. Hắc thằng.
3. Chúng hợp.
4. Hào kiếu.
5. Đại hào kiếu.
6. Viêm nhiệt.
7. Đại viêm nhiệt.
8. Vô gián cùng Bàng sinh, cõi quỷ là mười.

Người có bốn châu:

1. Châu Thiệm-bộ.
2. Châu Thắng-thân.
3. Châu Ngưu-hóa.
4. Châu Câu-lô.

Có sáu trời Dục:

1. Trời Tứ đại vương chúng.
2. Trời Tam Thập Tam.
3. Trời Dạ-ma.
4. Trời Đỗ-sử-đa.
5. Trời Lạc-biến-hóa.
6. Trời Tha-hóa-tự-tại.

Kết hợp là hai mươi xứ.

Cõi Sắc có mười sáu xứ: Sơ Tĩnh lự có hai xứ: Là trời Phạm Chúng và trời Phạm Phụ. Đệ nhị tĩnh lự có ba tầng trời:

1. Trời Thiểu Quang.

2. Trời Vô Lượng Quang.

3. Trời Cực Quang Tịnh.

Đệ tam Tĩnh lự có ba tầng trời:

1. Trời Thiểu Tịnh.

2. Trời Vô Lượng Tịnh.

3. Trời Biến Tịnh.

Đệ tứ Tĩnh lự có tám tầng trời:

1. Trời Vô Vân.

2. Trời Phước Sinh.

3. Quảng Quả thiên.

4. Trời Vô Phiền.

5. Trời Vô Nhiệt.

6. Trời Thiện Hiện.

7. Trời Thiện Kiến.

8. Trời Sắc Cứu Cánh. Kết hợp là mười sáu xứ.

Vì Đại Phạm, Vô tưởng không có chỗ riêng, nên không phải mười tám.

Cõi Vô Sắc dù không có chỗ trên, dưới mà vẫn có bốn chỗ sinh khác nhau:

1. Không vô biên xứ.

2. Thức vô biên xứ.

3. Vô sở hữu xứ.

4. Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Thú (đường) có năm thứ:

1. Nại-lạc-ca.

2. Bàng sinh.

3. Cõi quỷ.

4. Trời.

5. Người.

Sinh có bốn thứ: Noãn sinh, Thai sinh, Thấp sinh, Hóa sinh.

Địa có mười một thứ: Tĩnh lự cõi Dục, Vị chí, Trung gian ở cõi Dục, bốn Tĩnh lự, bốn Vô Sắc là mười một địa. Cõi Dục và Hữu đảnh hoàn toàn hữu lậu, chín địa kia có cả hữu lậu và vô lậu. Giới, thú, sinh nói ở trước hoàn toàn là hữu lậu.

Trí có mười thứ: Pháp trí, loại trí, trí thế tục, trí tha tâm, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí và trí vô sinh.

Các hành của cõi Dục và nhân của các hành đó diệt, đạo Gia hạnh, đạo thắng tiến, đạo Vô gián, đạo Giải thoát và trí vô lậu đã có trong địa Pháp trí, gọi là Pháp trí. Từ vô thỉ đến nay, thường ôm ấp chấp ngã, nay vì mở ra thấy pháp, nên gọi là Pháp trí. Các hành của cõi Sắc, Vô Sắc và nhân của các hành đó diệt, đạo Gia hạnh, Vô gián, Giải thoát, thắng tiến và trí vô lậu đã có trong địa loại trí, gọi là loại trí. Vì tùy theo pháp trí nẩy sinh nên gọi là loại trí. Các tuệ hữu lậu gọi là trí thế tục. Trí này phần nhiều phân biệt sự chuyển của thế tục, như bình, y v.v…, nên gọi là trí thế tục. Trí thế tục này có hai thứ là nhiễm ô, không nhiễm ô. Nhiễm ô lại có hai thứ là kiến tánh và phi kiến tánh.

Kiến tánh có năm loại: Hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ.

Phi kiến tánh: Là tuệ tương ưng với nghi, tham, sân, mạn, vô minh, phẫn, hại, v.v…

Không nhiễm ô cũng có hai thứ:

1. Thiện.

2. Vô phú vô ký.

Vô phú vô ký nghĩa là không phải kiến, vì không suy luận, cân nhắc là tuệ và trí.

Thiện: Như năm thức đều có, cũng không phải kiến mà là tuệ và trí. Nếu ý thức đều có là chánh kiến thế tục, vừa là tuệ, vừa là trí. Các định phát sinh trí, có thể biết rõ sự trói buộc của cõi Dục, cõi Sắc ở người khác. Một phần vô lậu hiện tại, giống như tâm, tâm sở pháp gọi là trí tha tâm. Trí này có hai thứ:

1. Hữu lậu.

2. Vô lậu.

Hữu lậu có thể biết rõ pháp tâm, tâm sở thuộc về cõi Dục, cõi Sắc khác.

Vô lậu có hai thứ:

1. Pháp trí phẩm.

2. Loại trí phẩm.

Pháp trí phẩm: Biết pháp tâm, tâm sở của phẩm pháp trí. Loại trí phẩm biết pháp tâm, tâm sở của phẩm loại trí. Trí này không biết sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành và quá khứ, vị lai thuộc về cõi Vô Sắc. Tất cả

tâm, tâm sở thù thắng của Bổ-đặc-già-la nơi địa căn đều không thể biết. Ở phần quả của năm thủ uẩn, có trí vô lậu, tạo nên hành tướng phân biệt vô thường, khổ, không, vô ngã, gọi là khổ trí. Về phần nhân của năm thủ uẩn, có trí vô lậu, với hành tướng quán sát tập làm nhân sinh ra duyên, gọi là tập trí. Ở diệt kia có trí vô lậu, tạo nên hành tướng phân biệt của diệt, tịnh, diệu, ly gọi là diệt trí. Đối trị ở nơi kia được đạo Niết bàn, có trí vô lậu với hành tướng phân biệt của đạo, như hành, chuyển gọi là đạo trí.

Có trí vô lậu suy nghĩ: "Khổ ta đã biết, tập ta đã đoạn, diệt ta đã chứng, đạo ta đã tu". Hết thảy hành tướng đều chuyển, gọi là tận trí.

Có trí vô lậu suy nghĩ: "Khổ ta đã biết, không còn biết nữa, cho đến đạo ta đã tu, không còn tu nữa, hành tướng vô sinh chuyển gọi là trí vô sinh.

Hai trí sau này vì không suy luận đắn đo, nên không phải là tánh kiến. Trí tha tâm chỉ là kiến tánh. Sáu trí khác có cả kiến tánh và phi kiến tánh. Trí thế tục chỉ có hữu lậu. Trí tha tâm có cả hữu lậu, vô lậu. Tám trí khác chỉ là vô lậu. Diệt trí chỉ duyên vô vi. Trí tha tâm, khổ, tập, đạo chỉ duyên hữu vi. Năm trí còn lại duyên cả hữu vi và vô vi. Khổ trí, tập trí chỉ duyên hữu lậu. Diệt trí, đạo trí chỉ duyên vô lậu. Sáu trí còn lại duyên cả hữu lậu và vô lậu.

Pháp trí ở sáu địa, đó là bốn Tĩnh lự, thiền Vị chí và Trung gian.

Loại trí ở chín địa, đó là sáu địa trước và ba Vô Sắc dưới.

Trí tha tâm ở bốn địa là bốn tĩnh lự. Trí thế tục ở tất cả địa.

Pháp trí phẩm và sáu trí còn lại là ở sáu địa, loại trí phẩm thì ở chín địa.

Nhẫn có tám thứ: Pháp trí nhẫn khổ, tập, diệt, đạo và loại trí nhẫn khổ, tập, diệt, đạo. Tám trí này có thể dẫn sinh trí quyết định và tuệ thù thắng. Do nhẫn có thể đạt được lý bốn Thánh đế như khổ v.v… nên gọi là Nhẫn. Trong các nhẫn, tám trí này chỉ là quán sát pháp nhẫn, là kiến và tuệ, không phải tự tánh của trí. Nghĩa quyết định là nghĩa của trí. Ý ưa tìm tòi, ý lạc của tám trí này chưa dứt. Vì chưa thể xem xét, quyết đoán, nên không gọi là trí. Khổ pháp trí nhẫn và mười tùy miên do kiến khổ dứt trừ ở cõi Dục đều được trừ diệt. Khổ pháp trí đều sinh với sự dứt trừ kia.

Nhẫn là đạo Vô gián, trí là đạo Giải thoát. Đối trị với mười thứ tùy miên ở cõi Dục do kiến khổ dứt trừ. Như có hai người: một người ở trong nhà đuổi giặc ra, còn một người thì đóng cửa lại không cho chúng vào nữa. Khổ loại trí nhẫn và mười tám thứ tùy miên của cõi Sắc, cõi Vô Sắc do kiến khổ dứt trừ đều được cùng diệt. Khổ loại trí và sự dứt trừ kia được sinh chung với trí khác, như trước đã nói.

Bốn tâm như vậy, có thể hiện quán khổ đế ở ba cõi. Ở tập, diệt, đạo đều có bốn tâm, nên biết cũng vậy. Mười sáu tâm này có thể hiện quán bốn đế ở ba cõi, dứt trừ tám mươi tám kiết do kiến dứt trừ mà được quả Dự lưu. Mười thứ tùy miên khác do tu đạo dứt trừ. Nghĩa là cõi Dục có bốn thứ, cõi Sắc, Vô Sắc, mỗi cõi đều có ba thứ, nên thành ra mười thứ. Bốn thứ của cõi Dục ví như bó cỏ lau được chia đều thành chín phần, là từ thượng thượng cho đến hạ hạ. Đạo đối trị vô gián, giải thoát kia cũng có chín phẩm. Đó là đạo của phẩm hạ hạ, có thể đối trị tùy miên của phẩm thượng thượng, cho đến đạo của phẩm thượng thượng có thể đối trị tùy miên của phẩm hạ hạ. Lúc sáu phẩm tùy miên dứt hết là được quả Nhất lai. Lúc chín phẩm tùy miên dứt hết thì được quả Bất-hoàn. Như cõi Dục có bốn thứ được chia đều thành chín phần, cũng có Vô gián, giải thoát của chín phẩm có thể là đạo Đối trị.

Cõi Sắc, Vô Sắc đều có bốn địa, chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị trong mỗi địa đều có chín phẩm, nên biết cũng vậy. Lần lượt dứt trừ tùy miên của tám địa kia, cho đến khi dứt hết phẩm hạ hạ của Hữu đảnh, được quả A-la-hán. Ở giữa bốn quả đã có các đạo và kiến đạo trước kia, gọi là bốn hướng. Tùy theo ở quả nào trước gọi là hướng của quả đó.

Như vậy có tám Bổ-đặc-già-la là hành bốn hướng và trụ bốn quả. Quả hướng như vậy là do phần riêng của chủng tánh mà chia làm sáu thứ là chủng tánh của phàm phu, căn cơ châm hụt, nhạy bén. Nếu nhập mười lăm tâm của Kiến đạo gọi là Tùy tín hành và Tùy pháp hành, tức hai thứ này đến quả vị tu đạo, là từ tâm thứ mười sáu cho đến định Kim Cương dụ, gọi là Tín thắng giải và được gọi là Kiến chí, nghĩa là hai thứ này đến quả vị vô học. Từ tận trí ban đầu, cho đến tâm sau cùng, gọi là Thời giải thoát và Bất thời giải thoát, v.v… đó là những chủng loại khác nhau của tâm sở mà có vô lượng thứ.

Vì dựa vào tâm mà có, nên gọi là pháp tâm sở, cũng như ngã sở.

Tâm sở như vậy gọi là hành tương ưng.

Hành bất tương ưng trái với hành tương ưng này, nghĩa là các đắc v.v... Đắc là xưng gọi có pháp, tức pháp của nhân có ba thứ:

1. Tịnh.

2. Bất tịnh.

3. Vô ký.

Tịnh là tín, v.v…, bất tịnh là tham, v.v…, vô ký, tâm biến hóa v.v... Nếu thành lập pháp này, gọi là pháp có, nghĩa là xưng gọi pháp này là nhân nhất định, gọi là đắc được thành tựu. Nếu không có đắc thì lúc các phiền

não như tham v.v… hiện khởi ở trước, người hữu học đã không có tâm vô lậu nên không phải bậc Thánh. Nếu phàm phu khởi tâm thiện, vô ký, thì bấy giờ nên gọi là người đã lìa nhiễm! Vả lại, các bậc Thánh với các phàm phu đều không có đắc của Niết-bàn. Vì giống nhau nên đều gọi là phàm phu, hoặc đều gọi là bậc Thánh! Như đấng Pháp Vương nói: "Vì khởi đầu được thành tựu mười pháp vô học, nên gọi là bậc Thánh, dứt hẳn năm chi", cho đến nói rộng.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: "Bí-sô nên biết! Nếu có ai thành tựu pháp thiện, bất thiện, ta nhận thấy các loài hữu tình như vậy, pháp thiện, bất thiện trong tâm họ nối tiếp nhau sẽ được tăng trưởng vô biên". Ngài nói rằng: "Bí-sô các thầy không nên so sánh, cân nhắc sự hơn, kém của hữu tình. Không nên vọng chấp về chất lượng của đức Bổ-đặc-già-la là cạn, sâu", cho đến nói rộng.

Vì vậy, nên biết ngoài pháp thì nhất định có đắc thật.

Đắc này có hai thứ:

1. Chưa được, đã mất nay được.

2. Được rồi không mất, nay thành tựu.

Nên biết, không phải đắc là trái với đây. Vì có đắc, phi đắc trong pháp nào, tức đối với sự nối tiếp nhau của mình và trong hai diệt, có đắc, phi đắc, không phải là sự nối tiếp của người khác. Vì không có pháp thành tựu ở thân người khác, không phải là chẳng nối tiếp nhau, vì không có thành tựu pháp phi tình, cũng chẳng phải hư không, vì không có ai thành tựu hư không, vì cái đắc kia đã không có thì phi đắc cũng không có.

Đắc có ba thứ:

1. Như bóng theo hình.

2. Như bò đầu đàn dẫn đi trước mà đắc.

3. Như nghé con theo sau mà đắc.

Pháp đắc thứ nhất, phần nhiều như pháp vô phú vô ký. Pháp đắc thứ hai, phần nhiều là như lúc qua đời ở địa trên, sinh xuất cõi Dục, lúc kiết phát sinh, đắc pháp thiện của cõi Dục, pháp đắc thứ ba, phần nhiều như văn, tư, tạo thành tuệ, v.v… trừ những pháp đắc khác cùng sinh.

Trong đây, nên tóm tắt Tỳ-bà-sa, nghĩa là sắc thiện, bất thiện thuộc cõi Dục, không có đắc của đời trước, chỉ có đắc cùng sinh và theo sau, trừ sự thông minh của mắt, tai và tâm năng biến hóa, đồng thời ngoại trừ phần ít, nếu là đường oai nghi, hoặc xứ công xảo, người thường xuyên tập luyện. Tất cả pháp vô phú vô ký khác và Biểu sắc của hữu phú vô ký chỉ có đắc

cùng sinh. Vì uy lực yếu kém, nên không có đắc trước, sau. Các pháp khác, mỗi pháp đều có đắc trước sau và cùng sinh. Đắc của pháp thiện chỉ là thiện, đắc của pháp bất thiện chỉ là bất thiện. Đắc của pháp vô ký chỉ là vô ký. Đắc của pháp cõi Dục chỉ là cõi Dục. Đắc của pháp cõi Sắc chỉ là cõi Sắc. Đắc của pháp cõi Vô Sắc chỉ là cõi Vô Sắc. Đắc của pháp vô lậu chung cho cả ba cõi và vô lậu. Pháp vô lậu, nghĩa là đạo đế, ba vô vi đều không bị ràng buộc. Đắc của đạo đế chỉ là vô lậu. Đắc của Phi trạch diệt chung cả ba cõi. Đắc của trạch diệt tức là đạo lực của cõi Sắc, Vô Sắc khởi lên, tức là liền theo cõi đó. Đạo lực vô lậu khởi lên là vô lậu.

Đắc của pháp vô lậu nói chung có bốn thứ: Đắc của pháp học chỉ có học, đắc của pháp vô học chỉ có vô học, đắc của pháp phi học phi vô học có ba thứ:

Pháp phi học phi vô học, nghĩa là các hữu lậu và hữu lậu vô vi và đắc của phi trạch diệt chỉ có phi học phi vô học.

Đắc của trạch diệt do sức của đạo học khởi, chỉ là học - sức của đạo vô học khởi, chỉ là vô học. Sức của đạo thế gian khởi chỉ là phi học phi vô học.

Đắc của pháp do kiến dứt trừ, chỉ là kiến dứt trừ. Đắc của pháp do tu dứt trừ, chỉ là tu dứt trừ.

Đắc của pháp phi sở đoạn có hai thứ: tu sở đoạn và phi sở đoạn.

Pháp phi sở đoạn, nghĩa là đạo đế và vô vi. Đắc của đạo đế chỉ là phi sở đoạn. Đắc của phi trạch diệt chỉ do tu dứt trừ, vì không nhiễm ô. Vì là hữu lậu, nên đắc của trạch diệt, khi sức của đạo thế gian khởi chỉ là tu đạo đoạn. Sức của đạo vô lậu khởi, chỉ là phi sở đoạn.

Tất cả phi đắc đều chỉ thuộc về tánh vô phú vô ký, không phải như đắc trước đây có nghĩa khác nhau. Nhưng pháp quá khứ, vị lai, mỗi pháp đều có phi đắc của ba đời. Pháp hiện tại không có hiện tại là phi đắc, vì tánh của đắc và phi đắc trái nhau. Không có pháp hiện tại có thể thành tựu vì không thành tựu. Nhưng có phi đắc của quá khứ, vị lai. Cõi Dục, Sắc, Vô Sắc và pháp vô lậu, mỗi pháp vô lậu đều có phi đắc của ba cõi.

Không có phi đắc là vô lậu. Nghĩa là trong phi đắc có tánh phàm phu. Như nói: Thế nào là tánh của phàm phu? Nghĩa là không được Thánh pháp. Không được là tên khác của phi đắc. Vả lại, vì các phi đắc chỉ là tánh vô ký, nên không phải vô lậu.

Đã lìa nhiễm của đệ tam tĩnh lự, chưa xa lìa nhiễm của đệ Tứ tĩnh lự, nên tâm, tâm sở của địa đệ Tứ Tĩnh lự diệt. Có pháp bất tương ưng gọi là định Vô tưởng. Dù diệt tất cả pháp tâm, tâm sở mà vẫn khởi định này. Vì

chuyên trừ tưởng, nên gọi là Vô tưởng, như trí tha tâm. Định Vô tưởng này là thiện, thuộc về đệ Tứ tĩnh lự, vì chỉ có chẳng phải Thánh. Trong sự nối tiếp nhau đã khởi sự cầu tưởng giải thoát, vì khởi hiện định này. Bậc Thánh đối với định ấy, như tưởng cõi ác, tâm nhàm chán lìa bỏ thật sâu xa. Ở đây, chỉ có thuận thọ định, nghĩa là thuận theo thứ lớp sinh ra đời sống kế tiếp là gia hạnh đắc, không phải diệt định lìa nhiễm đắc: Nghĩa là đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ. Pháp tâm, tâm sở của Hữu đảnh diệt. Có pháp bất tương ưng làm cho đại chủng bình đẳng nối tiếp nhau, nên gọi là định diệt. Đó là thuộc về gia hạnh thiện của địa Hữu đảnh. Hoặc thuận theo thứ lớp sinh thọ, hoặc thuận theo hậu sinh thọ, hoặc thuận theo thọ bất định. Khởi định này rồi, chưa được dị thục là nhập Niết bàn, nên là thọ bất định.

Định này có thể cảm nhận dị thục bốn uẩn trong địa Hữu đảnh, vì cõi kia không có. Bậc Thánh có thể khởi hiện không phải các phàm phu, vì do sức của Thánh đạo khởi định ấy. Bậc Thánh vì được hiện pháp lạc trụ, nên khởi định này. Phàm phu đối với định ấy rất sợ đoạn diệt. Vì không có sức của Thánh đạo, nên không thể khởi. Đối với định này, bậc Thánh do gia hạnh đắc, không phải lìa nhiễm đắc. Chỉ có Phật Thế Tôn đối với định diệt này gọi là lìa nhiễm đắc. Lúc tận trí ban đầu đã có định này có thể khởi hiện tự tại, nên gọi là đắc. Công đức của Chư Phật không do gia hạnh mà, vì hễ muốn thì liền khởi hiện ở trước. Nếu sinh trong trời hữu tình Vô tưởng, pháp có thể khiến tâm, tâm sở diệt gọi là sự Vô tưởng, là vật thực có, là vì quả dị thục của định Vô tưởng. Đó gọi là dị thục sinh, thuộc về tánh vô ký, tức là có chỗ vượt hơn trong cõi trời Quảng Quả. Như tĩnh lự trung gian, gọi là trời Vô Tình, lúc sinh, lúc chết đều có tâm tưởng. Vì trung gian không có, nên đặt tên Vô tưởng. Lúc người kia sắp chết, như ngủ lâu vừa tỉnh giấc, trở lại khởi lên tâm tưởng. Khởi rồi không bao lâu thì qua đời, sinh ở cõi Dục. Người sắp sinh cõi Dục kia sẽ có thuận hậu thứ họ của cõi Dục, vì nghiệp quyết định, như người sắp sinh ở châu Câu-lô ở phía Bắc kia rất có thể chiêu cảm nghiệp sinh lên cõi trời.

Nghiệp trước kia đã dẫn phát nhân của sáu xứ nối tiếp nhau không dứt. Dựa vào nghiệp nhân đó, đặt ra bốn thứ sinh trong năm đường, đó là mạng căn. Vì cũng gọi là tuổi thọ, nên Đối pháp nói: Thế nào là mạng căn? Nghĩa là tuổi thọ của ba cõi. Tuổi thọ này có thật thể, có thể duy trì thức, noãn, như già-tha nói:

Thọ, noãn cùng với thức Lúc ba pháp bỏ thân.

Thân bỏ cứng đờ ra Như cây không biết gì.

Khế kinh cũng nói: "Tiếp nhận dị thục rồi, gọi là Na-lạc-ca, cho đến

Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, nên biết cũng thế. Nếu mạng căn khác, sẽ không có pháp riêng mà là thuộc về căn tánh ở khắp cả ba cõi. Trong một thời kỳ nối tiếp nhau không gián đoạn, có thể dựa vào sự đặt ra bốn loại sinh, năm đường sinh cõi Vô Sắc, khởi từ tâm thiện nhiễm ô của địa trên, hoặc khi khởi tâm vô lậu của địa dưới, dựa vào sự lập bày nào mà hóa sinh cõi trời? Lúc khởi thiện nhiễm, lẽ ra gọi là chết. Nếu khởi vô ký, lẽ ra gọi là sanh. Bác bỏ không có mạng căn sẽ có lỗi lớn này!

Các loại hữu tình đồng làm sự nghiệp, đồng là nhân của sự ưa muốn, nên gọi là Chúng đồng phần. Chúng đồng phần này có hai thứ:

1. Không khác.

2. Có khác.

Không khác, nghĩa là các hữu tình đều có ngã ái, đồng nhờ vào thức ăn, ưa muốn giống nhau. Nhân bình đẳng này được gọi là chúng đồng phần. Trong mỗi thân đều có một riêng, có khác nhau, nghĩa là sự của các cõi hữu tình, ở giới, địa, đường sinh, chủng tánh nam, nữ, cận sự, Bí-sô, Học, Vô Học, v.v... Trong mỗi thân đều có nghiệp đồng sự, nhân nhất định của lạc dục gọi là chúng đồng phần. Nếu không có chúng đồng phần này thì Thánh không phải Thánh, đồng như tiếng nói của thế tục lẽ ra đều lẫn lộn!

Các tánh phàm phu với đồng phần phàm phu có gì khác nhau không? Vì đồng nhân ưa muốn, v.v… nên gọi phàm phu kia là đồng phần.

Tánh của phàm phu, nghĩa là phàm phu có thể làm tất cả nhân vô nghĩa lợi. Như Khế kinh nói: "Bí-sô nên biết! Ta nói ngu phu phàm phu ít học không có chút nghiệp ác, bất thiện, vì họ không thể gây tạo". Lại Đức Thế Tôn nói: "Nếu đến trong cõi người sẽ được đồng phần của người, không phải tánh của phàm phu, thì khi chết, sống sẽ có nghĩa được xả. Vì vậy, tánh của phàm phu khác với đồng phần".

Lúc các pháp sinh là đã có lực của nhân bên trong, khiến pháp đó được công năng riêng. Chính nhân bên trong này gọi là tướng sinh. Nghĩa là nhân của pháp sinh, gồm có hai thứ:

1. Trong.

2. Ngoài.

Trong là tướng sinh, ngoài là sáu nhân, hoặc là tánh của bốn duyên. Vì nếu không có tướng sinh thì các pháp hữu vi lẽ ra đều như hư không, v.v… dù có đủ nhân duyên bên ngoài, cũng không có nghĩa sinh. Hoặc hư không, v.v… lẽ ra cũng có nghĩa có thể sinh, trở thành tính hữu vi, là có lỗi lớn. Do đó nên biết, có tướng sinh riêng, có thể dẫn sinh quả riêng.

Nhân tạm thời trụ nói là trụ tướng. Nghĩa là lúc tạm trú, pháp hữu vi đều có thế lực, có công năng dẫn đến quả riêng, khiến cho tạm thời trụ, đây là dẫn quả riêng, thế lực nội nhân gọi là tướng trụ. Nếu không có tướng trụ, thì các pháp hữu vi trong lúc tạm trú, lẽ ra cũng không thể dẫn đến quả riêng. Do vậy nên biết có tướng trụ riêng.

Già, nghĩa là sự hao mòn, yếu kém, công năng dẫn đến quả khiến cho sự già kia không thể còn dẫn đến quả riêng. Nghĩa là pháp hữu vi nếu không có tưởng đổi khác thì công năng của sự suy yếu, sẽ phải do duyên nào mà không thể dẫn đến quả riêng, rồi lại không dẫn nữa? Đã dẫn rồi, lại dẫn nữa, lẽ ra sẽ trở thành lỗi vô cùng! Và nếu vậy, lẽ ra lại không phải là tính chất của sát-na. Chính vì lý do này, nên biết phải có riêng tướng đổi khác.

Vô thường, nghĩa là công năng gây tổn hại cho mình, khiến pháp hiện tại nhập nhân quá khứ. Nghĩa là có pháp riêng gọi là tướng diệt, khiến từ hiện tại rơi vào quá khứ. Nếu không có vô thường này, thì pháp lẽ ra sẽ không diệt. Hoặc hư không v.v… cũng có nghĩa diệt. Tướng hữu vi của bốn hữu vi ấy, nếu có bốn tướng hữu vi này gọi là hữu vi, chẳng phải hư không, v.v... Nhưng Đức Thế Tôn nói: "Có tướng hữu vi của ba hữu vi". Sự sinh khởi của hữu vi cũng có thể biết rõ, tận và trụ, dị cũng có thể biết rõ. Vì được hóa ra sinh, nhàm chán hữu vi, như nói dị cùng với sự tốt lành chung khởi. Hai tướng trụ, dị hợp lại gọi là một. Thế nên, nhất định có bốn tướng hữu vi, chẳng phải tức "Sở tướng" (Đối tượng tướng) là thể của pháp hữu vi. Vì nếu có "Sở tướng" hữu vi là thể, tất nhiên như thể của "Sở tướng" và "Năng tướng" (chủ thể tướng) là một, "Năng tướng" lẽ ra cũng lần lượt không khác. Nếu vậy, thì khi các pháp diệt lẽ ra nên sinh, lúc sinh lẽ ra diệt, hoặc hoàn toàn bất sinh.

Bốn tướng gốc này vì là hữu vi, như pháp "sở tướng" có bốn tướng theo, đó là sinh sinh, cho đến diệt diệt, nhưng chẳng phải vô cùng, vì bốn tướng gốc này mỗi tướng đều có tám pháp tùy tướng. Vì chỉ có thể mỗi tướng sinh một, nghĩa là lúc pháp sinh và chín pháp tự thể của nó đều khởi. Tự thể là một tướng và tám tùy tướng. Sinh trong tướng gốc, ngoại trừ tự thể của nó, sinh ra tám pháp kia. Trong tùy tướng sinh trong chín pháp, chỉ có sinh ra từ sự sinh gốc, vì thế lực yếu kém. Tướng trụ, dị, diệt, nên biết cũng vậy. Tướng gốc dựa vào pháp, tùy tướng dựa vào tướng. Vì pháp nhân tướng, nên được có tác dụng. Tướng nhân tùy tướng mà được có tác dụng.

Tác dụng là sao? Nghĩa là sinh, trụ, dị, diệt.

Sở sinh, v.v… (đối tượng sinh) nghĩa là vì công năng dẫn sinh quả, nên thể của pháp hữu vi dù luôn luôn có mà dụng không phải thường. Chỉ

tạm nhờ sức của nhân trong, ngoài của bốn tướng này mà tác dụng được hoàn thành, nên gọi là danh thân, cú thân. Văn thân v.v… Nghĩa là dựa vào ngôn ngữ mà sinh như trí kèm theo nghĩa ảnh tượng mà hiện. Có thể giải thích (năng thuyên) về nghĩa của mình, gọi là. Cú văn, tức là mục khác của tưởng chướng tự. Như nhãn thức, v.v… dựa vào mắt, v.v… mà sinh, là của nghĩa kèm sắc v.v… mà ảnh tượng khởi hiện, có thể phân biệt rõ sinh, v.v của cảnh mình cũng vậy. Không phải tức tiếng nói có thể giải thích được nghĩa, chớ nói lửa là bị cháy ở miệng, trình bày trực tiếp nghĩa đó. Vì cần phải dựa vào lời nói, thì danh từ lửa, v.v mới phát sinh, vì danh từ lửa, v.v giải thích rõ ràng về nghĩa của lửa, v.v…

Chữ thuyên, nghĩa là có thể làm rõ nghĩa làm nẩy sinh sự hiểu biết của người khác, không phải kết hợp với nghĩa, vì tiếng có chất ngại.

Các Ký luận giả chấp tiếng là thường còn. Vì lý không thành, không nên lìa ba thứ: Danh, cú, văn này mà để chấp là có pháp nào có thể nói rõ nghĩa. Nhưng sự giống nhau của bốn thứ pháp là đồng một tướng:

1. Âm thanh.

2. Danh.

3. Nghĩa.

4. Trí.

Trong đây, danh là tưởng như sắc v.v... Cú là rốt ráo nghĩa năng thuyên. Như nói: Bài tụng: "Các điều ác đừng làm, v.v…". Thế gian cũng nói: "Đề-bà-đạt-đa lùa bò trắng đến, vắt lấy hết sữa, v.v…".

Văn, tức là hợp nhất các chữ lại v.v. Ba thứ này đều khác, tập hợp đồng loại, nói là thân. Như Đại Tiên nói: "Bí-sô nên biết! Như Lai xuất hiện ở thế gian là có danh thân, cú thân và văn thân, có thể biết rõ, nghĩa là ý gọi uẩn, xứ, giới của đế thật. Pháp duyên khởi, v.v của quả Sa-môn là danh, cú, văn thân".

Lại, Đức Thế Tôn nói: "Như Lai đã được danh, cú, văn thân kia". Nghĩa là ý nói Như Lai được những pháp danh, cú, văn thân, v.v... kia không chung với Phật pháp.

Trong đây, giải thích khác về cú, nghĩa của các hành giống như đây nên biết.

Cú nghĩa của thức: Phân biệt cảnh sự như sắc, v.v… gọi là thức, tức trong sáu thứ cảnh như sắc, v.v… do sự giúp đỡ của nhãn căn v.v mà khởi tác dụng hiện tại. Chỉ có phân biệt chung về sự cảnh của sắc v.v, gọi là thức. Nếu có thể phân biệt tướng khác nhau, thì gọi là các pháp tâm sở như

thọ, v.v... Thức không có tác dụng đó, chỉ làm nơi nương tựa. Tác dụng của thức chỉ có một khoảng sát-na ngay trong đời hiện tại, có thể phân biệt rõ ràng. Thức này vừa gọi là ý, vừa gọi là tâm, cũng là đặt ra bổn sự của hữu tình, có tác dụng phân biệt rõ về các cảnh sắc, v.v...

Do căn cảnh riêng, nên lập ra sáu thức, đó là nhãn thức cho đến ý thức. Trong kinh, Đức Phật tự nói tướng của thức kia, nghĩa là vì có thể phân biệt rõ, nên lập tên thức. Do vậy, nên biết, sự phân biệt rõ là tướng.

Trước đây ở phần suy chọn tướng hữu vi đã có nói về nhân của pháp sinh, gồm có hai thứ:

1. Trong.

2. Ngoài.

Trong là tướng sinh, ngoài là sáu nhân. Hoặc là tánh của bốn duyên, nay nên suy nghĩ lựa chọn:

Nhân duyên là sao? Nhân có sáu thứ:

1. Nhân tương ưng.

2. Nhân câu hữu.

3. Nhân đồng loại.

4. Nhân biến hành.

5. Nhân dị thục.

6. Nhân năng tác.

Pháp Tâm, tâm sở lần lượt tương ưng nhau, đồng nhận lấy một cảnh, gọi là nhân tương ưng. Như tâm và thọ v.v... thọ v.v... và thọ v.v. Thọ v.v... lại với tâm đều bỏ đi tự tánh của mình.

Các pháp hữu vi lại làm quả lẫn nhau, hoặc đồng một quả, gọi là nhân câu hữu, như các đại chủng, sở tướng năng tướng. Tâm, tâm chuyển biến theo, lại đối lẫn nhau.

Hai nhân riêng: Như các người đi buôn, nhờ ra sức hỗ trợ lẫn nhau, nên họ có thể vượt qua chặng đường nguy hiểm, đó là nhân câu hữu.

Các thức uống ăn lần lượt đồng nghĩa, là nhân tương ưng.

Tâm chuyển biến theo, nghĩa là các tâm sở và các tĩnh lự, luật nghi vô lậu, các tướng hữu vi, vì những pháp đó đều có với tâm, rơi vào một đời, một khởi, một trụ, một diệt, một quả, một đẳng lưu, một dị thục, đồng nhân thiện, bất thiện, vô ký.

Do mười nhân này nên gọi là tâm tùy chuyển. Các pháp của đời trước thuộc bộ mình, địa mình, như pháp hạt giống tương tợ với pháp sau là nhân

đồng loại. Các pháp biến hành của đời trước kia thuộc địa mình, cùng đi với pháp nhiễm ở đời sau, là nhân biến hành. Tất cả pháp bất thiện, thiện hữu lậu đều làm nhân dị thục cho dị thục của mình.

Lúc các pháp sinh, ngoại trừ tự tánh của chúng, lấy tất cả pháp làm nhân năng tác, hoặc chỉ có, vô chướng ngại, hoặc vì có thể sinh.

Sáu nhân như vậy, đều lấy tất cả hữu vi làm quả. Vì do đó sinh ra, nghĩa là nhân tương ưng nên câu hữu được quả Sĩ dụng. Do uy lực này, nên quả kia được sinh, đó gọi là sĩ dụng, đó gọi là quả.

Nhân đồng loại, biến hành được quả Đẳng lưu. Vì quả giống với nhân, nên gọi là đẳng. Vì từ nhân sinh, lại nói là lưu. Quả tức đẳng lưu, nên gọi là quả Đẳng lưu.

Nhân dị thục được quả Dị thục, vì quả không giống nhân nên nói là dị thục. Nghĩa là vì thành thục, có thể thọ dụng, quả tức dị thục, gọi là quả dị thục, chỉ thuộc về số hữu hình.

Tánh vô phú vô ký có thể làm nhân được quả tăng thượng. Do sức tăng thượng này mà quả kia mới được phát sinh như nhãn căn, v.v đối với nhãn thức, v.v… và nông phu đối với việc cày cấy v.v… Do tăng thượng trước, pháp sau mới được sinh, quả tăng thượng gọi là quả Tăng thượng.

Trạch diệt vô vi, gọi là quả Ly hệ. Quả này do đạo mà được, chứ không phải do đạo quả sinh tức lìa sự lệ thuộc, gọi là quả Ly hệ.

Duyên có bốn thứ: Nhân duyên, duyên đẳng vô gián, duyên sở duyên và duyên tăng thượng. Ngoài nhân năng tác, năm nhân khác gọi là Nhân duyên.

Pháp tâm, tâm sở trong quá khứ, hiện tại, trừ tâm sau cùng, v.v... của A-la-hán, gọi là duyên đẳng vô gián.

Tất cả pháp gọi là duyên sở duyên. Tánh của nhân năng tác, gọi là duyên tăng thượng.

Dung chứa vật có trở ngại là tướng hư không. Nhờ sức tăng thượng này mà vật kia mới được sinh, vì có khả năng dung nạp là tánh hư không. Nếu không có tính chất này của hư không thì mọi vật có thể có trở ngại, lẽ ra không được phát sinh, vì không có chỗ chứa. Như Đức Thế Tôn nói: Phạm chí nên biết! Gió dựa vào hư không. Bà-La-môn nói: Hư không dựa vào đâu? Đức Phật lại bảo: Ông hỏi phi lý. Vì hư không Vô Sắc, vô kiến, vô đối thì sẽ dựa vào chỗ nào? Nhưng có hư không sáng rõ, có thể hiểu được, cho nên biết là thật có hư không vô vi. Vì nếu không có tự thể của hư không này thì gió sẽ dựa vào đâu mà trụ! Nói Vô Sắc v.v là nói dựa vào đâu? Nhân có sáng suốt thì phân biệt rõ những thứ nào? Biết rõ về lông rùa,

v.v... vì không có gì để so sánh.

Các khổ dứt hẳn, gọi là trạch diệt. Các khổ là sao? Là các sự sống, chết. Như Đức Thế Tôn nói: "Bí-sô nên biết! Nếu các hữu sinh, thì nói là khổ. Các hữu là tên khác của sự sống, chết. Nếu hữu bất sinh, gọi là khổ dứt hẳn. Như đê ngăn nước, như vách chắn gió, khiến cho khổ bất sinh, gọi là trạch diệt. Trạch nghĩa là lựa chọn, tức là tuệ thiện vượt hơn, thường phân biệt bốn Thánh đế. Vì sự khổ được diệt, nên đặt tên trạch diệt. Trạch diệt này tùy theo thể của đối tượng đoạn có vô lượng, vì lượng pháp bị đoạn là vô biên. Nếu thể là một thì đạo ban đầu đã được tu các đạo sau sẽ trở nên vô dụng. Nếu nói lần đầu tiên chúng phần ít không phải toàn phần, thì một thể diệt, lẽ ra sẽ có nhiều phần, một thể có nhiều phần là trái với lý. Tùy theo pháp hữu lậu mà có ngần ấy số lượng. Trạch diệt vô vi, nên biết cũng vậy".

Thuyết này là tốt, vì thích hợp với chánh lý. Ở đây tùy theo đạo mà lập riêng tám mươi chín thứ. Tùy theo biến tri dứt trừ mà có chín thứ. Nếu tùy theo năm bộ mà lập có năm thứ. Lại nữa, tùy theo quả khác nhau mà lập chung bốn thứ. Nghĩa là Dự lưu v.v... Do đoạn, lìa cõi diệt, lập riêng ba thứ. Do dứt trừ khổ, tập và hữu dư y, vô dư y khác nhau mà lập chung hai thứ. Y theo sự dứt trừ sinh tử, được lập chung là một.

Như vậy, Trạch diệt có nhiều tên khác nhau, nghĩa là tận, ly, diệt, Niết-bàn, v.v... Như Nhân kinh nói: "Bí-sô nên biết! Bốn uẩn Vô Sắc và nhãn sắc, v.v... gọi chung là con người. Trong đó giả tưởng nói tên là hữu tình, cũng gọi là ý sinh cũng gọi là người, Ma-nạp-bà, v.v... Trong đây, tự cho mắt, v.v... của họ là thấy sắc, v.v... rồi phát sinh các thứ ngôn luận thế tục. Nghĩa là Tôn giả này có danh như vậy, dòng họ như vậy, cho đến nói rộng". Bí-sô nên biết! Điều ấy chỉ có tưởng, chỉ có lời nói, các pháp như vậy, đều là vô thường. Pháp hữu vì duyên sinh do vô thường này nên khổ, nghĩa là lúc sinh khổ rồi trụ, v.v... cũng khổ. Các khổ này dứt hẳn không sót, ngoại trừ từ bỏ sự đổi thay, loại trừ, đều dứt lìa hẳn nhiễm, diệt, vắng lặng, ẩn mất. Pháp khác không khởi nối tiếp nữa, gọi là không sinh. Đấy là phép mầu nhiệm yên tĩnh cùng cực, nghĩa là tất cả sự nương dựa, ngoại trừ bỏ hết ái, lìa diệt Niết bàn.

Đã nói tất tất cả sự nương tựa trừ bỏ, nghĩa là trong diệt này, vì được sự diệt này là đã vĩnh viễn lìa pháp nhiễm, nên gọi là lìa. Chứng diệt này rồi, mọi khổ đều dứt hết, nên gọi là diệt. Chứng diệt này xong, tất cả lửa tai họa phiền não đều tắt mất, nên gọi là Niết-bàn.

Phi trạch diệt, nghĩa là có pháp riêng hoàn toàn chướng ngại sự sinh

của pháp vị lai, chỉ do thiếu duyên không phải do lựa chọn mà được. Như mắt với ý lúc chuyên chú vào một sắc, sẽ loại trừ các sắc, tiếng, hương, vị, xúc v.v... khác. Năm thức thân v.v... khi duyên cảnh giới đó cũng thế. Do được sự diệt này có thể vĩnh viễn bị ngăn cách hẳn, trụ đời vị lai là hoàn toàn không sinh. Duyên thiếu cũng do uy lực diệt này, nên phi trạch diệt quyết định thật có. Như Đức Thế Tôn nói: "Nếu bấy giờ lạc thọ biểu hiện trước, hiện tiền thì hai thọ kia liền diệt".

Nói sự diệt đó nghĩa là ngoại trừ sự diệt này là gì? Nhất định không phải vô thường và trạch diệt lại nữa. Khế kinh nói: "Bí-sô nên biết! Nếu được Dự lưu thì đã hết địa ngục, đã hết cõi Quỷ và đã hết Bàng sinh. Nói dứt hết ở đấy là phi trạch diệt. Lúc ấy, pháp dị thục chưa được, vì trạch diệt là nghiệp ban đầu. Nghĩa là ưa thích, siêng học, tránh các vấn đáp, tóm tắt tạo ra luận này. Các người chưa biết khắp tướng thân mật của A-tỳ-đạt-ma, theo ý mình, gom góp các tụ hý luận đặt để ở trước, rồi câu kết với tà mạn, muốn chê bai nhau. Chính họ đã chê bai chánh giáo mà Đức Phật đã nói. Như Đức Thế Tôn nói: "Có hai hạng người chê bai chánh giáo của Phật:

1. Không tin, sinh ra sự oán ghét.
2. Dù tin mà vẫn thọ trì điều ác".

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 98

LUẬN
NGŨ SỰ TỲ BÀ SA

SỐ 1555

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1555

LUẬN NGŨ SỰ TỲ BÀ SA

Tác giả: Tôn giả Pháp Cứu. Hán dịch:
Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng,
Đời Đường vâng chiếu dịch.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: PHÂN BIỆT SẮC (Phần đầu)

Kính lạy Phật, Pháp, Tăng Nay con theo sức mình Muốn ở biển Đối pháp Chọn ít nghĩa chân thật.

Xót thương các đệ tử Giải thích tuệ năng sinh Năm sự luận diệt ngu Khiến họ được hỏi pháp.

Tôn giả Thế Hữu vì tạo lợi ích cho hữu tình, nên soạn luận Ngũ Sự, nay con sẽ giải thích:

Hỏi: Giải thích Luận Ngũ Sự này để làm gì?

Đáp: Vì muốn khai pháp nghĩa sâu ẩn. Nếu chưa khai phát nghĩa sâu ẩn này thì khác nào như có "Kho báu trong lòng đất" chưa khai phát, thế gian không thể vui mừng thọ dụng. Nếu vì khai phát nghĩa sâu ẩn này, như có "Kho báu trong lòng đất" khi ta được khai phát thì thế gian có thể vui mừng thọ dụng.

Lại nữa, như mặt trời, mặt trăng dù có đủ ánh sáng uy nghi, nhưng lúc bị mây, v.v... che khuất thì không được chiếu rõ. Nếu loại trừ mọi thứ che khuất kia, thì việc chiếu sáng sẽ thành. Văn từ của luận này nên biết cũng vậy. Mặc dù dùng biện luận đơn giản các thứ thắng nghĩa, nhưng nếu không được giải thích rộng, e sẽ không được sáng tỏ lắm. Vì muốn được sáng tỏ, nên tôi sẽ giải thích.

Hỏi: Đã biết cần phải giải thích nguyên nhân của Luận Ngũ Sự, vậy vì sao Tôn giả soạn ra luận này?

Đáp: Vì có một số đệ tử lo sợ do phải nhớ giữ rộng, vì muốn giúp họ dựa vào sự tóm tắt đơn giản này mà biết được tự tướng, cộng tướng. Nghĩa là Tôn giả kia thường nghĩ: Mình phải làm sao cho các đệ tử, v.v... sẽ nương

tựa vào văn tóm tắt được hiểu rõ tự tướng, cộng tướng của tất cả pháp.

Vì hiểu biết rõ, thí dụ như núi Kim Cương, các gió ác kiến thổi đến cũng không nghiêng động. Nếu không hiểu biết rõ như hoa cỏ lau bị gió ác kiến thổi tung. Ngọn gió ấy xoay vần, thổi tốc lên trong hư không do dự.

Như vậy vì muốn cho các chúng đệ tử được hiểu biết vững chắc, nên soạn luận này.

Hỏi: Thế nào là tự tướng, cộng tướng của các pháp?

Đáp: Các chất cứng, ẩm ướt, ấm v.v... là tự tướng các pháp. Vô thường, khổ v.v... là cộng tướng các pháp. Dù thế gian này có thể nhận biết về tự tướng của các pháp, nhưng về cộng tướng đều không thể biết. Như vậy, vì muốn do các chúng đệ tử đối với các pháp của hai tướng có thể biết như thật, nên soạn luận này.

Hỏi: Đã biết lý do cần phải soạn Luận Ngũ Sự, tại sao luận này lại gọi là Luận Ngũ Sự?

Đáp: Vì trong luận này phân biệt năm việc, cho nên được gọi là Luận Ngũ Sự, nghĩa là dựa vào xứ có thể sinh ra nghĩa việc không khác.

Các đại luận sư A-tỳ-đạt-ma đều nói rằng: Việc có năm thứ:

1. Sự tự tánh.

2. Sự sở duyên.

3. Sự trói buộc.

4. Sự sở nhân.

5. Sự nhiếp thọ.

Nên biết, trong đây chỉ nói về sự tự tánh.

Hỏi: Nếu vậy vì sao nói có năm pháp?

Đáp: Vì nghĩa của pháp và sự cũng không khác.

Hỏi: Vì sao luận này chỉ nói về năm pháp?

Đáp: Có thuyết nói: Câu hỏi này thật phi lý, vì nếu bớt, nếu thêm đều khó khăn.

Có thuyết nói: Nói gọn về thể loại khác nhau của các pháp, không lẫn lộn, gồm thâu tất cả pháp, nên chỉ nói có năm. Nếu tổng số là năm mà lập tên một pháp, thì dù là nói tóm tắt gồm thâu hết các pháp, nhưng không thể làm sáng tỏ về thể loại khác nhau của năm pháp như tâm, v.v… khiến không lẫn lộn

Nếu nói hữu lậu, vô lậu là hai thì Hữu học, Vô học sẽ không phải hai mà là ba thứ. Cõi Dục, Sắc, Vô Sắc, không lệ thuộc là bốn, nên biết cũng

vậy.

Hỏi: Sao không nêu tên để biết có năm việc? Vì sao ở đầu luận, trước lại nêu số năm?

Đáp: Như sợi chỉ buộc hoa, vì để dễ cầm. Nghĩa là như dùng sợi chỉ xâu suốt các đóa hoa, dễ cầm, dễ làm đẹp cho đầu và thân. Cũng vậy về nghĩa số hoa được kết liền với nhau, có thể cầm dễ dàng, dễ trang nghiêm tâm tuệ. Hoặc trước nêu số, sau nêu tên, đó là vì danh sáng lập theo nghi thức cũ của tác giả. Nên biết nghĩa của pháp thanh có nhiều thứ, nghĩa là, hoặc có chỗ cho điều giảng nói gọi là Pháp. Như Khế kinh nói: Ông nên lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông nói rộng pháp mầu nhiệm.

Hoặc có cho nói công đức gọi là Pháp. Như Khế kinh nói: "Bí-sô nên biết, pháp là chánh kiến, tà kiến không phải pháp".

Hoặc lại có chỗ nói: Vô ngã gọi là Pháp. Như Khế kinh nói: "Các pháp vô ngã, nên biết vô ngã trong đây gọi là Pháp. Pháp là năng giữ gìn, hoặc là năng nuôi lớn, năng gìn giữ ở mình, nuôi lớn là nhờ ở người".

Hỏi: Vì sao trong luận này trước nói về sắc pháp?

Đáp: Vì sắc trong tất cả pháp thì sắc là thô nhất, cho nên là cảnh sở duyên của tất cả thức, vì là môn quan trọng cho người mới vào pháp Phật. Nghĩa là người nhập pháp Phật có hai môn cam lộ:

1. Quán bất tịnh.

2. Ghi nhớ hơi thở.

Người dựa vào quán bất tịnh để vào pháp Phật, thì quán sắc được tạo. Kẻ dựa vào ghi nhíp hơi thở, giữ niệm hơi thở để nhập pháp Phật là quán gió năng tạo.

Hỏi: Dựa vào nghĩa nào mà nói là sắc?

Đáp: Lần lượt chứa nhóm, lần lượt tan hoại, gieo trồng sinh trưởng, nghĩa là oán, thân hội ngộ, năng hủy hoại, năng thành lập, đều là nghĩa của sắc.

Đức Phật nói: Vì đổi thay, hư hoại nên gọi là sắc. Sự đổi thay hư hoại tức là nghĩa não hoại.

Có thuyết nói: Vì sự đổi thay, trở ngại, nên gọi là sắc.

Hỏi: Cực vi, vô biểu trong quá khứ, vị lai đều không có biến đổi, trở ngại, lẽ ra không gọi là sắc?

Đáp: Cực vi đó cũng là sắc, vì nó có được tướng sắc. Các sắc quá khứ dù không có sự đổi thay, trở ngại, mà vì đã từng đổi thay, trở ngại, nên được đặt tên là sắc. Các sắc ở vị lai dù chưa đổi thay, ngăn ngại, mà chúng

sẽ đổi thay, ngăn ngại, nên đặt tên là sắc. Như ở quá khứ, vị lai, dù mắt không thể thấy mà vì đã từng thấy, nên đặt tên là mắt. Vì được tướng của sắc, sắc này lẽ ra cũng như vậy. Mặc dù mỗi cực vi đều không có sự đổi thay, trở ngại, nhưng có thể chứa nhóm thành nghĩa, đổi thay, trở ngại, các sắc vô biểu dù không có sự đổi thay, trở ngại, nhưng vì tùy theo chỗ dựa, nên được gọi là đổi thay trở ngại.

Sở y (đối tượng nương dựa) là gì? Là bốn đại chủng. Do vô biểu kia đổi thay, trở ngại, nên gọi là sắc. Như lúc thân cây xao động, thì bóng cây cũng lay động theo. Hoặc theo phần nhiều, như gọi là đoạn thực, hoặc biểu hiện nội tâm, nên gọi là sắc. Hoặc biểu lộ nghiệp trước, nên đặt tên là sắc.

Sắc là thế nào?

Hỏi: Vì sao Tôn giả lại nói lời này?

Đáp: Vì ở trước đã nói tóm tắt, nay muốn nói rộng. Hoặc là sắc có thấy, có đối. Hoặc là sắc không thấy, có đối. Hoặc là sắc không thấy, không đối. Gồm thâu chung gọi là tất cả các sắc.

Nói tất cả, nghĩa là các sắc này đều thuộc về sắc, không phải thứ khác.

Bốn đại chủng:

Hỏi: Vì sao đại chủng chỉ có bốn?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: Câu hỏi này thật phi lý, vì nếu có bớt hoặc thêm đều có sự nghi ngờ. Vì không trái với pháp trướng, gọi là bốn không lỗi.

Có thuyết nói: Để ngăn với năm đại chủng của ngoại đạo nên chỉ có nói bốn thứ, vì ngoại đạo kia chấp hư không cũng là đại chủng.

Hỏi: Vì sao hư không chẳng gọi là đại chủng?

Đáp: Vì hư không chẳng có tướng đại chủng, nghĩa là hư không là rộng lớn, không phải chủng, vì là pháp thường trụ, không có tạo tác.

Đại đức Diệu Âm cũng nói như vầy: Tướng của hư không và đại chủng đều khác nhau. Hư không dù lớn, nhưng không thể là chủng. Vả lại, nếu các đại chủng có thể hình thành thân thì đa số là nghiệp hữu tình thuộc về dị thục. Hư không, chẳng có tướng của nghiệp dị thục đó. Vì vậy nên hư không nhất định không phải đại chủng.

Hỏi: Đã nói đại chủng, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Vì vừa là chủng, vừa là lớn nên gọi Đại chủng. Như thế gian nói đại địa, đại vương.

Hỏi: Chủng đã nói ở đây là nghĩa gì?

Đáp: Là nghĩa chứa nhóm nhiều, làm chướng ngại lớn, vì làm xong

việc lớn, nên gọi là Chủng.

Hỏi: Bốn đại chủng đã làm nên sự nghiệp gì?

Đáp: Bốn đại chủng này có thể tạo ra các sắc được tạo, nghĩa là dựa vào các sắc chứa nhóm của bốn đại, sắc chướng ngại lớn đều được sinh trưởng, như vậy gọi là sự nghiệp của đại chủng.

Hỏi: Tạo là nghĩa gì? Là nhân hay duyên? Nếu là nghĩa nhân thì bốn đại chủng này đối với năm nhân của sắc được tạo đều là không, vậy làm sao có thể nói sự tạo tác là nghĩa nhân? Nếu là nghĩa duyên thì các sắc được tạo, ngoài pháp khác của mình đều là duyên tăng thượng. Điều này không hợp lý, vì chỉ có bốn năng tạo này.

Có thuyết nói: Sự tạo ra là nghĩa của nhân. Mặc dù đối với sắc được tạo, bốn đại chủng không có nghĩa của năm thứ nhân như tương ưng, v.v... mà lại có riêng năm nhân là sinh, nương, lập, trì, dưỡng.

Lại có thuyết nói: Sự tạo ra là nghĩa của duyên. Mặc dù sắc được tạo, ngoài tự tánh của nó, tất cả các pháp đều là duyên tăng thượng gần, không phải pháp nào khác. Như nói sắc của mắt duyên của là nhãn thức. Thuyết kia nói thắng duyên ở đây cũng nên như vậy.

Hỏi: Có khi nào sắc này không phải là bốn đại chủng, cũng không phải là sắc của bốn đại chủng tạo ra hay chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là một, hoặc hai, ba đại chủng. Vì một, hai, ba này không gọi là bốn. Vả lại, vì các đại chủng không phải là đối tượng được tạo.

Hỏi: Vì sao đại chủng không phải là đối tượng được tạo?

Đáp: Vì quả của sắc, tướng của sắc đều khác nhau, hoặc các đại chủng nếu thuộc về đối tượng được tạo, là bốn tạo ra một hay ba tạo ra một? Nếu các đại chủng bốn có thể tạo ra một thì đất, v.v... lẽ ra cũng lại tạo ra đất, v.v... Đấy là tự tánh các pháp nên đối đãi nhau. Nhưng tự tánh tất cả pháp không đối đãi nhau, chỉ nhờ duyên khác mà có tác dụng. Nếu các đại chủng ba có thể tạo ra một thì số lượng nhân đã thiếu, nên không thể tạo được. Như nhân của sắc được tạo phải có đủ bốn.

Hỏi: Đã biết rõ chung về những gì đại chủng và đối tượng được tạo đã tạo ra, lại muốn nghe tướng riêng của hai chủng này? Những gì là đại chủng? Tướng của chúng ra sao?

Đáp: Giới của đất, v.v... gọi là đại chủng, tính chất cứng, v.v... là tướng của chúng.

Hỏi: Nếu tính chất cứng, v.v... là tướng của đất, v.v... thì đối tượng

tướng và chủ thể tướng há không thành một chăng?

Đáp: Cho dù tánh, tướng này thành một đi nữa cũng nào có lỗi gì! Vì vậy nên Tỳ-bà-sa nói rằng: Tự tánh ngã, vật, tướng, bản tánh v.v... về danh ngôn dù khác mà nghĩa không khác, vì không thể nói các pháp lìa tự tánh mà có tướng được. Như nói: Sự vắng lặng của Niết-Bàn là tướng tất nhiên, không phải lìa sự vắng lặng mà có Niết-Bàn riêng. Đây cũng nên như vậy, vì thế không có lỗi. Tính chất cứng trong đây, tức là thể cứng của phần cứng. Nói theo chủng loại thì tánh cứng là giới đất, nhưng tính chất cứng này có vô biên sự khác nhau. Nghĩa là sự khác của móng tay, tóc, v.v... của pháp bên ngoài. Vả lại, chất cứng đổi khác của tay, chân trong pháp bên trong. Pháp ngoài cũng vậy, nên tính chất cứng là vô biên.

Hỏi: Nếu vậy, tánh cứng lẽ ra thuộc về cộng tướng, sao lại nói là tự tướng của đất, v.v…?

Đáp: Mặc dù tính chất cứng có nhiều, mà tiêu biểu chung như đất, thường đổi thay, ngăn ngại, nêu chung là sắc uẩn, vì sự tiêu biểu đã là một thì không phải cộng tướng.

Có thuyết nói: Tánh cứng bao gồm hai tướng và quán ba đại chủng là tự tướng. Nếu quán về loại cứng, sẽ có vô biên sự khác nhau của trong, ngoài, lại trở thành cộng tướng, như tánh đổi thay trở ngại thuộc chung cả hai tướng. Quán bốn uẩn khác là thành tự tướng. Nếu quán mười một thứ phẩm loại khác nhau của tánh sắc lại thành cộng tướng. Lại như khổ đế, tướng của nó là ép ngặt khi quán ba đế, đây thành ra tự tướng. Nếu quán năm uẩn hữu lậu khác nhau, thì sự bức bách này lại thành cộng tướng, vì tánh cứng cũng vậy nên chung cho cả hai thứ.

Hỏi: Nếu thế thì làm sao kiến lập tự tướng, cộng tướng riêng biệt không lẫn lộn nhau?

Đáp: Vì quán đối đãi, nên không có lỗi lẫn lộn. Nghĩa là nếu quán kia, thì lập làm tự tướng. Chưa từng quán kia, kiến lập thành cộng tướng. Nếu lại quán tự tướng đây kiến lập thành cộng tướng. Chưa từng quán đây mà lập là tự tướng. Cho nên quán tự tướng, cộng tướng đối đãi nhau.

Hỏi: Đã biết tướng của đại chủng đều khác nhau, sự của đại chủng tạo nghiệp khác nhau như thế nào?

Đáp: Giới đất có công năng gìn giữ hai thứ đi đứng, để không bị té ngã. Giới nước có tánh thể hay gom những việc trái nhau, khiến không lìa tan. Giới lửa có tánh hay nung những vật loại không chín để không bị hư rã. Giới gió có tánh giúp mọi vật được tăng trưởng, hoặc lại lưu dẫn, đó là sự nghiệp đều khác nhau của mỗi đại chủng.

Hỏi: Đất, nước, gió, lửa đều có hai tánh: Tánh cứng, v.v... và thuộc về tự tướng của giới đất, v.v... Tánh của sắc làm sao một pháp được hai tướng?

Đáp: Một pháp có nhiều tướng, điều này đâu có lỗi gì? Như Khế kinh nói: Mỗi thủ uẩn có vô lượng chủng tướng, như bịnh, v.v... Hoặc tánh cứng, v.v... là giới đất, v.v... thuộc về tự tướng. Trong đó tánh của sắc là thuộc về cộng tướng của giới đất v.v... Nên ở một pháp có hai thứ tướng:

1. Tự tướng.

2. Cộng tướng.

Điều này cũng trái lý.

Hỏi: Như vậy bốn giới có thể lìa nhau không?

Đáp: Bốn giới này lần lượt quyết định không lìa nhau. Làm sao biết được? Vì Khế kinh nói: Kinh Nhập Thai nói: Lúc Yết-lạt-lam, nếu có giới đất không có giới nước, thì tánh của nó sẽ khô ráo, sẽ phải phân tán, vì đã không phân tán, nên biết nhất định có giới nước có công năng thâu nhiếp.

Nếu có giới nước mà không có giới đất thì tánh của nó là dung hòa, lẽ ra phải chảy tan! Đã không chảy tan nên biết nhất định có giới đất để giữ lại.

Nếu có giới nước mà không có giới lửa thì tánh của nó thấm nhuần ẩm ướt, lẽ ra phải hư mục. Vì không hư mục, nên biết chắc chắn là có giới lửa, làm cho chín nhừ.

Nếu có giới lửa, không có giới gió, thì tánh của nó lẽ ra không có nghĩa tăng trưởng. Vì đã tăng trưởng dần nên biết nhất định có giới gió làm lay động.

Hỏi: Nếu vậy, theo Khế kinh nói, phải hiểu như thế nào? Như Khế kinh nói: Bí-sô nên biết, giới lửa trong thân này nếu phát ra, hoặc làm cho chết, hoặc làm cho khổ gần chết.

Đáp: Kinh là nói theo sự tăng thạnh và không tăng thạnh mà nói, chứ không nói thể của lửa trong thân vốn không.

Hỏi: Giới đất và đất có gì khác nhau không?

Đáp: Giới đất là tánh cứng, đất là hình thể bên ngoài, giới đất là chủ thể tạo, đất là đối tượng được tạo. Địa giới là xúc xứ tiếp xúc do thân thức nhận biết.

Đất là sắc xứ do nhãn thức nhận biết, đó là sự khác nhau giữa giới đất và đất. Nước, lửa cũng vậy, gió hoặc giới gió cũng thế.

Hỏi: Đã biết rõ đủ tướng của bốn đại chủng: Cứng, ẩm ướt, ấm, động,

đều lần lượt chống trái nhau. Như bốn con rắn độc cùng ở trong một thân. Lại thế nào muốn hỏi tướng sắc của nó tạo ra, lại là sắc của nó tạo ra?

Đáp: Sắc được tạo đó là nhãn căn, v.v... Vì nhãn tức căn nên gọi là nhãn căn. Như hoa sen xanh, căn khác cũng vậy.

Hỏi: Năm thứ như nhãn, v.v... cũng thuộc về giới, xứ, vì sao trong đây chỉ nói về căn?

Đáp: Vì muốn phân biệt ngoại cảnh như sắc, v.v... nghĩa là nếu nói giới, xứ là nhãn, v.v... thì nghĩa của căn sai khác, khó biết, cho nên trong luận này chỉ nêu tên căn. Đấy là chỉ bày rõ trong sắc được tạo, phần bên trong gọi là căn, bên ngoài gọi là nghĩa của căn.

Hỏi: Trong đây nói nghĩa của căn là thế nào?

Đáp: Tăng thượng, hơn hết, thấy rõ, sáng suốt, thích thú quán mầu nhiệm, v.v... đều là nghĩa của căn.

Hỏi: Nếu nghĩa tăng thượng là nghĩa của căn, thì các pháp hữu vi lần lượt tăng thượng, vô vi cũng là hữu vi tăng thượng, tức tất cả pháp lẽ ra đều là căn?

Đáp: Vì dựa vào sự vượt hơn để kiến lập căn, nên không có lỗi này. Nghĩa là duyên tăng thượng có hơn có kém, nên biết phần nào vượt hơn được gọi là căn.

Hỏi: Căn nào ở đâu, có bao nhiêu tăng thượng?

Đáp: Trong năm căn, mỗi căn đều có bốn việc tăng thượng:

1. Trang nghiêm thân.

2. Dẫn dắt nuôi dưỡng thân.

3. Phát sinh thức, v.v...

4. Việc không chung.

Trước nói về nhãn căn. Trang nghiêm thân, nghĩa là mặc dù thân có đủ các căn khác, nếu thiếu nhãn căn thì trở nên xấu xí.

Dẫn dắt nuôi nấng thân, nghĩa là mắt có thể thấy các sắc an hay nguy, vì được bền lâu.

Phát sinh thức v.v..., nghĩa là dựa vào nhãn căn, tất cả nhãn thức và pháp tương ưng đều được phát sinh.

Việc không chung, nghĩa là tác dụng thấy sắc, chỉ thuộc về nhãn căn, vì hai mươi mốt căn khác không có tác dụng này.

Kế là phân tích về nhĩ căn: Trang nghiêm thân nghĩa là kẻ tai điếc không thể yêu thích.

Dẫn dắt nuôi dưỡng thân, nghĩa là tai có thể nghe tiếng tốt, xấu, vì tránh khỏi chỗ xấu, đến với nơi tốt đẹp, thân được bền lâu.

Phát sinh thức, v.v... nghĩa là vì dựa vào nhĩ căn, tất cả nhĩ thức và các pháp tương ưng đều được phát sinh.

Việc không chung: Nghĩa là tác dụng nghe tiếng chỉ thuộc nhĩ căn, vì hai mươi mốt căn khác không có tác dụng này. Tỷ, thiệt, thân căn, về trang nghiêm thân giống như nhãn căn nhĩ căn.

Dẫn dắt nuôi dưỡng thân, nghĩa là ba căn này thọ dụng đoạn thực, (ăn vốc) thân mới bền trụ lâu.

Phát sinh thức, v.v..., nghĩa là dựa vào ba căn tỷ thức, thiệt thức, thân thức và pháp tương ưng đều được phát sinh.

Việc không chung, nghĩa là tác dụng ngửi, nếm, cảm giác về hương, vị, v.v... tiếp xúc thuộc về tỷ, thiệt, thân căn, không phải căn nào khác.

Hỏi: Năm căn như vậy, có đức tốt gì? Cái gì là tự tánh? Nghiệp dụng thế nào?

Đáp: Đức của nhãn căn, nghĩa là cùng với nhãn thức và pháp tương ưng của nó làm chỗ dựa. Tự tánh của nhãn căn tức là sắc tịnh. Khả năng thấy sắc là nghiệp dụng của nhãn. Ba việc của căn kia, giống như nhãn, nên biết. Vả lại, trong đây nói căn có nghiệp dụng, không phải là chỗ nương dựa của tất cả căn thức. Vì sắc này lắng sạch, nên gọi là sắc tịnh. Hoặc trong đấy làm chỗ nương dựa cho nhãn thức, v.v... làm sáng tỏ cho căn đồng phần nên nói sắc tịnh là nói rõ phần đồng đó.

Hỏi: Sao gọi là đồng phần bỉ đồng phần, căn như vậy hai tên đều gọi là nhãn thì đâu có khác gì nhau?

Đáp: Có nghiệp dụng gọi là căn đồng phần, căn không có nghiệp dụng gọi là bỉ đồng phần. Như có thể thấy sắc gọi là mắt đồng phần, không thấy sắc gọi là bỉ đồng phần.

Sự khác nhau của bỉ đồng phần ở mắt có bốn thứ sai khác.

1. Có nhãn đồng phần kia trong quá khứ, nghĩa là không thể thấy các sắc đã mất.

2. Có nhãn đồng phần kia trong hiện tại, không thể thấy các sắc đã mất trong hôm nay.

3. Có mắt đồng phần kia ở vị lai, nghĩa là không thể thấy các sắc sẽ mất.

4. Có mắt ở vị lai nhất định không sinh.

Sự khác nhau của mắt đồng phần chỉ có ba thứ. Nghĩa là trừ vị lai

nhất định mắt không phát sinh. Bốn thứ như nhĩ căn, v.v... cũng giống như mắt nên biết. Hoặc còn có năm thức, đều có hai chỗ dựa:

1. Sinh cùng lúc, nghĩa là năm căn như mắt, v.v...

2. Không gián đoạn tiêu mất, nghĩa là ý căn, chỉ nói thức dựa vào ý buông lung không gián đoạn, chỉ có năm thể của sắc tịnh lẽ ra đồng nhau. Do vậy nên nói sắc tịnh là để phân biệt với. Ý không gián đoạn, làm chỗ nương cho nhãn thức, v.v... sự khác nhau của nhãn căn, v.v... có năm thứ.

Do đấy, nên nói chỗ dựa của năm thức với duyên đẳng vô gián khác nhau đều có bốn trường hợp:

Nhãn căn v.v... đều cùng phát sinh là trường hợp thứ nhất.

Tâm sở không gián đoạn diệt là trường hợp thứ hai.

Tâm gián đoạn diệt là trường hợp thứ ba.

Trừ các pháp đã nêu ở trước là trường hợp thứ tư.

Hỏi: Cái gì có thể thấy sắc? Là nhãn căn thấy, hay nhãn thức thấy? Là tuệ tương ưng với nhãn thức thấy sắc hay tâm, tâm sở hòa hợp mà thấy?

Tất cả những gì ông đã hoài nghi đều có lỗi, vì nếu nhãn căn thấy thì lúc thức khác hoạt động sao không thấy sắc? Sao không đều cùng nhận lấy tất cả cảnh?

Nếu nhãn thức thấy, các thức chỉ lấy sự phân biệt rõ làm tướng, không phải trông thấy làm tướng, đâu thể thấy sắc? Nếu tuệ tương ưng với nhãn thức mà thấy, nên thừa nhận văn tuệ tương ưng với nhĩ thức. Tai kia đã chẳng nghe thì mắt này làm sao thấy? Nếu tâm, tâm sở hòa hợp mà thấy được thì các tâm, tâm sở hòa hợp không nhất định. Nghĩa là nhãn thức thiện tương ưng với hai mươi hai tâm sở. Nhãn thức bất thiện tương ưng với hai mươi mốt tâm sở, nhãn thức hữu phú, vô ký tương ưng với mười tám thứ tâm sở.

Đã không quyết định thì làm sao hòa hợp?

Đáp: Nhãn căn có thể thấy, nhưng phải hợp vị với nhãn thức, chứ không phải pháp khác. Ví như nhãn thức có tác dụng biểu thị nêu bày sắc là do dựa vào mắt mới có. Vả lại, như thọ, v.v... có tác dụng lãnh nạp, v.v... tất nhiên dựa vào tâm. Nhãn thức đây lẽ ra cũng như vậy. Do lý thú này, nên lúc thức khác hoạt động, mắt đã nhận thức hư không, chẳng có khả năng thấy sắc, cũng không cùng nhận lấy tất cả cảnh mất mát, vì trong một sự nối tiếp nhau không có chuyển biến của hai tầm.

Hỏi: Vì sao có đủ sáu chỗ dựa, đối tượng duyên, lại không có sáu thức đều chuyển biến trong một sự nối tiếp nhau?

Đáp: Vì duyên đẳng vô gián chỉ có một, lại có nghĩa khác, nếu nhãn thức thấy thì cái gì có khả năng nhận thức? Nếu tuệ thấy, thì cái gì lại có thể biết? Nếu tâm, tâm sở hòa hợp có thể thấy thì mỗi nghiệp dụng của các pháp sẽ không đồng nhau. Trong đó nhất định sẽ không có nghĩa hòa hợp mà thấy. Lại nữa, lẽ ra trong một thể có hai tác dụng, tức thừa nhận có tác dụng thấy và nhận lãnh, v.v...

Lại có nghĩa khác, nếu thức thấy, thức không có đối thì khả năng thấy sẽ bị các sắc gây trở ngại! Tuệ và sự hòa hợp, nên biết cũng vậy. Thế nên nhãn căn được gọi riêng là năng thấy.

Hỏi: Đã biết tác dụng thấy chỉ thuộc về nhãn căn, vậy lúc mắt thấy là hai, hay một?

Đáp: Việc này không quyết định. Nếu lúc mở hai mắt đều thấy các sắc, thì lúc một mắt mở, một mắt che lại, thì ở trước mặt thấy hai mặt trăng, v.v... Nếu nhắm một mắt, che một mắt thì việc này sẽ là không, cho nên, có lúc cả hai mắt đều cùng thấy.

Lại nữa, Luận Phát Trí nói: Nhãn đều thấy. Nghĩa là lúc mở cả hai mắt thì sự trông thấy sẽ rõ ràng v.v... Hai tai, hai mũi, nên biết cũng vậy.

Hỏi: Vì sao hai mắt, hai tai, hai mũi, mặc dù đều có hai chỗ mà lập một căn?

Đáp: Hai vị trí nhưng vì thể loại chỉ có một. Vì hai cảnh sở chấp thuộc về một giới, hai thức năng y vì thuộc về một thức. Lại nữa, cả hai đều, có thể chấp cảnh. Mặc dù có hai xứ mà lập một căn. Như căn nữ, căn nam tức thuộc về thân căn, thế nên ở đây không lập riêng căn. Cực vi của nhãn căn tỏa khắp trên tròng mắt, đối với cảnh mà trụ như hoa hương lăng. Cực vi của nhĩ căn ở trong lỗ tai xoay vòng mà đứng như vỏ cây hoa, cực vi của tỷ căn ở trong sống mũi, trên lưng, chúc xuống như hai móng tay. Cực vi của thiệt căn ở khắp trên lưỡi hình bán nguyệt. Nhưng ở trong lưỡi có lượng như lông, tóc, không có thiệt căn. Cực vi của nhãn căn ở khắp các thân phần.

-oOo-

LUẬN NGŨ SỰ TỲ BÀ SA

QUYỂN HẠ

Phẩm 1: PHÂN BIỆT SẮC (Phần cuối)

Hỏi: Sắc được tạo thuộc về căn bên trong, tôi đã biết rõ. Nay tôi lại muốn nghe sắc không phải thuộc về căn, xưa ông giải thích cho.

Đáp: Sắc, thanh, hương, vị thuộc tiếp xúc thuộc về vô biểu. Sắc trong đấy là khéo hiển sắc v.v... Nếu xanh, vàng, v.v... là sắc không đổi thay, hư hoại gọi là hiển sắc đẹp. Nếu sắc này hư hoại, đổi thay gọi là hiển sắc xấu. Nếu bình đẳng gọi là hai trung gian giống như sắc xứ hiển bày

Hỏi: Sắc xứ có hai thứ:

1. Hiển.

2. Hình.

Vậy sao trong đây chỉ phân tích hiển sắc?

Đáp: Nay ở trong đây nên nói thế này: Sắc có hai thứ:

1. Hiển.

2. Hình.

Hiển sắc: Là màu xanh, vàng, v.v... Hình sắc là dài, ngắn v.v... Nhưng không nói là có ý gì? Nghĩa là hiển sắc thô sơ và dễ biết. Như vậy các sắc là đối tượng nhận thức của hai thức trong sáu thức. Nghĩa là mắt và ý, trước dùng nhãn thức chỉ phân biệt về tự tướng, sau dùng ý thức để phân biệt rõ cả cộng tướng và tự tướng. Nghĩa là các sắc kia lúc an trụ trong hiện tại, nhãn thức chỉ có thể hiểu rõ tự tướng của sắc đó. Nhãn thức không gián đoạn phát sinh ý thức phân biệt, lại phân biệt rõ về tự tướng hoặc cộng tướng của sắc trước. Tuy nhiên, ý thức phát sinh phân biệt này đã dựa vào nhãn thức trước, duyên cảnh của sắc trước. Như vậy lúc ý thức đang trong hiện tại, thì đối tượng nương dựa và đối tượng duyên đều ở quá khứ, do năm cảnh này lúc trụ trong hiện tại, ý thức không thể phân biệt tự tướng của năm cảnh đó, cho nên cảnh của sắc là đối tượng nhận thức của hai thức. Nghĩa là lúc các nhãn thức hiện khởi ở trước mặt chỉ phân biệt rõ về tự tướng ở hiện tại, chứ không phải cộng tướng. Nếu khi các ý thức hiện ở

trước thì phân biệt chung các tự tướng và cộng tướng của ba đời vì các cảnh giới của ý thức đều hiện bày cùng khắp, vì có sự phân biệt. Nhãn thức không gián đoạn, không nhất định khởi ý thức, vì đối với sáu thức thân, chỉ chấp nhận tùy khởi một thứ nào đó. Nếu nhãn thức không gián đoạn, nhất định sinh khởi ý thức, thì khổ căn lẽ ra không phải khổ v.v... mà không gián đoạn, khổ căn chỉ có ở năm thức thân. Nếu vậy thì trái với phần Uẩn căn đã nói: Khổ căn làm nhân đẳng vô gián tăng thượng cho khổ căn. Nhưng dựa vào nhãn thức phân biệt sắc rồi, dẫn khởi không gián đoạn ý thức phân biệt, nên nói như vậy: Nhãn thức nhận biết trước, nhãn thức thọ nhận rồi ý thức mới nhận thức theo. Thanh có hai thứ, cho đến nói rộng.

Có chấp thọ đại chủng, nghĩa là các đại chủng trong sát-na hiện tại thuộc về số hữu tình.

Không chấp thọ đại chủng, nghĩa là các đại chủng quá khứ, vị lai, thuộc số hữu tình và ba đời không phải thuộc số hữu tình. Trong đây, âm thanh có chấp thọ đại chủng phát sinh, gọi là có chấp thọ đại chủng làm nhân. Có chấp thọ đại chủng với âm thanh đã sinh này là năm thứ nhân trước sinh ra, v.v... Không chấp thọ đại chủng làm nhân phát sinh âm thanh cũng như thế. Nếu từ miệng phát ra, tay v.v… cùng kết hợp sinh, gọi là âm thanh có chấp thọ đại chủng làm nhân. Nếu từ rừng, nước, gió v.v... mà phát sinh gọi là âm thanh không có chấp thọ đại chủng làm nhân, ngoài ra như trước đã giải thích.

Tất cả các mùi hương, cho đến nói rộng, vừa ý gọi là mùi hương tốt, không vừa gọi là mùi hương xấu. Theo xả thọ xứ, gọi là mùi hương bình đẳng.

Đối tượng ngửi các mũi, nghĩa là cảnh của tỷ căn, ngoài ra như trước đã giải thích. Tất cả các vị cho đến nói rộng. Có thích ý gọi là vị vừa ý. Không thích ý gọi là vị không vừa ý, trái với hai thứ này gọi là vị thuận xả xứ.

Đối tượng nếm của lưỡi, nghĩa là cảnh của thiệt căn, ngoài ra như trước đã giải thích.

Hỏi: Nếu lúc nếm vị, là khởi thiệt thức trước hay khởi thân thức trước?

Đáp: Nếu đối tượng nếm là chất lạnh, ấm, v.v... tăng, thì khởi thân trước thức. Nếu đối tượng nếm là chất mặn, chua, v.v... tăng thì khởi thiệt thức trước. Nếu vị xúc bình đẳng thì cũng khởi thiệt thức trước, vì vị dục mạnh hơn, một phần được tiếp xúc cho đến nói rộng.

Tánh trơn láng là mềm mỏng, tính chất nhám rít là khô nặng. Tánh

nhẹ là không thể cân lường. Tánh nặng là có thể cân lường.

Lạnh, nghĩa là có thôi thúc muốn ấm, đói là muốn ăn. Khát là muốn uống, bảy thứ như vậy là thuộc xúc xứ, do sắc được tạo làm tự tánh. Bốn đại chủng trước dù thuộc xúc xứ, nhưng không phải do sắc được tạo làm tự tánh. Thế nên, xúc xứ có mười một thứ, nay vì có bảy thứ được tạo nên gọi là một phần.

Đối tượng tiếp xúc của thân, nghĩa là cảnh của thân căn, ngoài ra như trước đã giải thích.

Hỏi: Tăng thêm đại chủng nào nên có tính chất trơn, cho đến tăng thêm đại chủng nào mà có tính chất khát?

Đáp: Có thuyết nói: Không sự thêm bên nào, nhưng tánh của bốn đại chủng, theo loại có khác nhau có thể tạo nên tánh trơn láng. Nói rộng cho đến có thể tạo nên tính chất khát.

Lại có thuyết nói: Vì giới nước, lửa tăng thêm, nên có thể tạo ra tính chất trơn láng. Vì giới đất và gió thêm, nên có thể tạo ra tánh nhám rít. Vì giới lửa, gió thêm nên có công năng tạo ra tính chất nhẹ. Vì giới đất, nước tăng thêm nên có thể tạo ra tính chất nặng. Vì giới nước, gió tăng thêm nên có thể tạo ra tính chất lạnh. Vì chỉ thêm giới gió nên có khả năng tạo ra tính chất đói.

Chỉ thêm giới lửa nên có thể tạo ra tính chất khát. Đấy là nói sự tăng thêm, nghĩa là nghiệp dụng tăng thêm, không phải sự thể tăng thêm.

Như tâm, tâm sở, vô biểu là thế nào? Cho đến nói rộng. Rơi vào sắc pháp xứ, rơi (đọa) có sáu thứ:

1. Giới đọa.
2. Thú đọa.
3. Bổ-đặc-già-la đọa.
4. Xứ đọa.
5. Hữu lậu đọa.
6. Tự thể đọa.

Giới đọa như trong phần Kiết uẩn nói: Các kiết đọa cõi Dục, kiết đó ở cõi Dục, v.v...

Thú đọa, nghĩa là nếu thuộc về thú đường như vậy, gọi là thú.

Bổ-đặc-già-la đọa: Như Tỳ-nại-da nói: Có hai Bổ-đặc-già-la, rơi trong tăng số, khiến tăng hòa hợp.

Xứ đọa: Như trong đây nói: Vô biểu sắc là thế nào? Nghĩa là sắc rơi vào pháp xứ.

Hữu lậu đọa: Như luận này nói: Thế nào là đọa pháp? Đó là pháp hữu lậu.

Tự thể đọa: Như Đại chủng uẩn nói: Có chấp thọ nghĩa là gì? Đây là tăng ngữ đã làm sáng tỏ pháp của tự thể đọa.

Sắc vô biểu: Giới thiện, ác nối tiếp nhau không dứt. Sắc vô biểu này do một thức nhận biết trong tất cả thời, đó là ý thức. Nghĩa là vì không có đối, năm cảnh như sắc, v.v... ngay trong lúc hiện tại, là đối tượng nhận biết của năm thức, đối tượng nhận biết của ý thức trong ba đời, đó là lúc nào ý thức cũng biết năm căn như nhãn, v.v... cũng là đối tượng nhận biết của ý thức trong tất cả thời.

Sắc vô biểu này gồm có hai thứ: thiện, bất thiện, không có vô ký. Nghĩa là do sức mạnh, tâm có thể phát sinh vô biểu. Tâm vô ký yếu kém, không phát sinh vô biểu. Các vô biểu thiện gồm có hai thứ:

1. Thuộc về luật nghi.

2. Không thuộc về luật nghi.

Vô biểu bất thiện cũng có hai thứ:

1. Thuộc về bất luật nghi.

2. Không thuộc về bất luật nghi.

Vô biểu thuộc về luật nghi lại có bốn thứ:

a. Luật nghi biệt giải thoát.

b. Luật nghi tĩnh lự.

c. Luật nghi vô lậu.

d. Luật nghi đoạn.

Luật nghi biệt giải thoát, nghĩa là giới của bảy chúng. Luật nghi tĩnh lự là giới của cõi Sắc. Luật nghi vô lậu là giới của bậc Hữu học, Vô học. Luật nghi đoạn, nghĩa là dựa vào một phần của hai luật nghi để kiến lập, đó là luật nghi tĩnh lự và luật nghi vô lậu.

Lìa nhiễm cõi Dục thuộc về tùy chuyển của chín đạo Vô gián gọi là luật nghi đoạn. Vì có thể đối trị hết thảy giới ác và có thể đối trị phiền não do giới ác khởi, nên gọi là đoạn. Thuộc về phần tùy chuyển của tám đạo Vô gián trước, nghĩa là chỉ có thể đối trị sự khởi lên phiền não của giới ác. Thuộc về phần tùy chuyển của đạo Vô gián thứ chín có thể đối trị giới ác khởi lên và có thể đối trị phiền não của giới ác ấy dấy khởi.

Hỏi: Luật nghi biệt giải thoát do đâu mà được, do đâu mà xả?

Đáp: Do sự giáo hóa của người khác nên được, do bốn duyên nên xả. Bốn duyên là:

1. Xả giới đã học.

2. Sinh ra hai hình.

3. Căn thiện bị cắt đứt.

4. Làm mất chúng đồng phần.

Hỏi: Luật nghi tĩnh lự do đâu mà được, do đâu mà xả?

Đáp: Tâm thiện cõi Sắc nếu được liền được, nếu xả liền xả.

Luật nghi này lại có hai thứ:

1. Do thối lui.

2. Do giới, địa có sự chuyển dời.

Hỏi: Luật nghi vô lậu do đâu mà được, do đâu mà xả?

Đáp: Cùng được với đạo, không hoàn toàn xả.

Nếu tùy phần xả thì do ba duyên:

1. Do thối lui.

2. Do được quả.

3. Do chuyển căn.

Hỏi: Luật nghi đoạn do đâu mà được, do đâu mà xả?

Đáp: Vì thuộc về luật nghi tĩnh lự, nghĩa là nói như luật nghi tĩnh lự. Thuộc về luật nghi vô lậu, nghĩa là nói như luật nghi vô lậu. Như nói về luật nghi vô lậu, thuộc về luật nghi thiện vô biểu, nếu tâm sở thanh tịnh, mạnh mẽ sẽ phát sinh việc thiện, sẽ biểu hiện được vô biểu này. Nếu tâm sở thanh tịnh yếu kém phát khởi thiện biểu, thì không được vô biểu này.

Xả vô biểu này do ba duyên:

1. Ý lạc dứt.

2. Xả gia hạnh.

3. Lỗi thế lực bị hạn chế.

Thuộc về bất luật nghi bất thiện vô biểu, nghĩa là các bất luật nghi như giết mổ dê, v.v... Bất luật nghi này do hai duyên mà được:

1. Do tạo nghiệp.

2. Do nhận việc.

Bất luật nghi này do bốn duyên xả:

1. Do thọ giới biệt giải thoát.

2. Do được luật nghi tĩnh lự.

3. Do sinh hai hình.

4. Do mất chúng đồng phần.

Nhưng tất cả sắc lược có bốn thứ:

1. Dị thục.

2. Nuôi lớn.

3. Đẳng lưu.

4. Sát-na.

Nhãn xứ trong đây chỉ có hai thứ:

1. Dị thục.

2. Nuôi lớn. Không có đẳng lưu riêng, vì lìa hai thứ trước, không có tánh đẳng lưu riêng ba. Xứ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nên biết cũng vậy. Xứ của sắc chỉ có thứ: dị thục, nuôi lớn và đẳng lưu. Xứ hương, vị, xúc, nên biết cũng vậy.

Thanh xứ chỉ có hai thứ: Tức ở ba thứ trước, trừ dị thục. Sắc thuộc pháp xứ chỉ có hai thứ: Tâm vô lậu đầu tiên đi chung thuộc về sát-na. Những thứ khác thuộc về đẳng lưu.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT TÂM

Hỏi: Đã biết sự mê lầm lừa dối của sắc tướng, người ngu không thể nắm bắt, tiếp xúc được, cũng như chùm bọt nước, muốn được nghe tâm pháp thì tướng ấy thế nào?

Đáp: Tâm, ý, thức, không nên nói là tâm đó là câu hỏi.

Hỏi: Tâm, ý, thức, có gì khác nhau không?

Đáp: Tâm, ý, thức này không khác gì nhau, như việc thế gian.

Một nói là nhiều, nhiều nói là một.

Một nói là nhiều. Như nói: Sĩ phu là người, Nho đồng, v.v...

Nhiều nói là một. Như nói: Con chim, hạt đậu, v.v... đồng gọi là tái sinh, nên biết trong đây cùng dựa vào một việc mà nói. Tâm, ý, thức cũng giống như vậy.

Lại có thuyết nói: Cũng có khác nhau: Quá khứ gọi là ý, vị lai gọi là tâm, hiện tại gọi là thức.

Lại nữa, giới đặt ra tâm, xứ đặt là ý, Uẩn đặt ra thức.

Có thuyết nói: Dựa vào hành nghiệp xa, nói là tâm. Dựa vào hành nghiệp trước, nói là ý. Dựa vào nghiệp nối tiếp sinh gọi là thức.

Lại nữa, do nghĩa gom góp lại là tâm, do nghĩa dựa vào đường, cõi

gọi là ý, do nghĩa phân biệt, gọi là thức, việc này thế nào? Nghĩa là sáu thức thân

Hỏi: Tại sao chỉ có sáu mà không bớt, không thêm?

Đáp: Vì là chỗ nương dựa bằng nhau, v.v... Nghĩa là chỗ nương dựa của thức chỉ có sáu thứ. Nếu bớt thức đến năm thì sẽ có một chỗ nương dựa không có thức. Nếu thêm thức đến bảy là sẽ có một thức không có chỗ nương dựa, v.v... Sáu đối tượng duyên nên biết cũng vậy. Nhưng nói thức khác là chỉ y cứ vào chỗ dựa của thức là thân. Nghĩa là một thức có nhiều, không phải một nhãn thức gọi là nhãn thức thân, cần phải có nhiều nhãn thức, gọi là nhãn thức thân. Như không phải một con voi mà có thể gọi là thân voi, cần phải có nhiều voi mới gọi là thân voi, thức này cũng như vậy.

Thế nào là nhãn thức? Nghĩa là dựa vào nhãn căn, làm sáng tỏ chỗ dựa của nhãn thức. Đều liễu biệt sắc, nghĩa là làm sáng tỏ đối tượng duyên của nhãn thức. Lại nữa, nói nương nhãn căn, là nói nhân của nhãn thức. Sắc là nói duyên của nhãn thức. Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết, nhân mắt duyên sắc, nhãn thức mới được sinh.

Hỏi: Nhãn và nhãn thức là những nhân nào?

Đáp: Nhãn và nhãn thức này là những nhân gì?

Đáp: Đây là y nhân, ví như đại chủng và sắc được tạo là nghĩa y nhân.

Đều liễu biệt: Nghĩa là nói tướng của nhãn thức, vì thức lấy sự phân biệt rõ làm tướng. Ý trong đây nói, dựa vào mắt duyên sắc, có tướng liễu biệt gọi là nhãn thức. Nói rộng, cho đến dựa vào ý, duyên nơi pháp có tướng liễu biệt gọi là ý thức.

Hỏi: Vì sao không chỉ nói là dựa vào nhãn căn, v.v... hoặc không chỉ nói đều liễu biệt sắc, v.v...?

Đáp: Vì nói biết cứ một nghĩa nào cũng không thành, nghĩa là nếu chỉ nói dựa vào nhãn căn, v.v... thì các pháp như thọ, v.v… được tương ứng với nhãn thức kia cũng dựa vào nhãn căn, v.v... lẽ ra gọi là thức như nhãn, v.v... Nếu lại chỉ có đều liễu biệt sắc, v.v... đã có ý thức cũng liễu biệt sắc, v.v... thì ý thức cũng nên gọi là thức như nhãn, v.v... Tuy nhiên, trong đây nói dựa vào nhãn căn, v.v... là nhằm ngăn ngừa ý thức có thể liễu biệt sắc, v.v...

Lại nói đều có khả năng liễu biệt sắc, v.v... là để ngăn ngừa thọ, v.v... tương ưng với thức như nhãn, v.v...

Hỏi: Nhãn, sắc làm rõ tác ý làm duyên sinh nhãn thức, vì sao chỉ nói nhãn thức, không phải thức khác?

Đáp: Vì nhãn căn tốt đẹp hơn, như sách Vũ nhiễm, vì mắt không chung. Như mầm giống nào đó, là chỗ nương dựa của mắt, như tiếng trống, v.v... Vì mắt rất gần gũi, như nói giác chi. Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức, đều có bốn thứ: thiện, bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký.

Bất thiện: Chỉ có ở cõi Dục. Hữu phú vô ký, chỉ ở cõi Phạm thế, thiện, vô phú vô ký chung cho Phạm thế, cõi Dục, không có ở địa trên, vì có tầm, tứ.

Hai thức tỷ, thiệt đều có ba thứ, trừ hữu phú vô ký, chỉ ở cõi Dục, vì duyên theo đoàn thực. Ý thức có bốn thứ chung cả ba cõi, không lệ thuộc.

Hỏi: Nếu sơ tĩnh lự trở lên, các địa không có ba thức thân, thì lúc sinh lên cõi đó, làm sao có được sự thấy, nghe, và xúc?

Đáp: Vì do sức tu, nên ba thức của địa sơ tĩnh lự hiện ở trước, khiến ba căn của thức có được sự thấy, nghe, xúc.

Dựa vào nghĩa như vậy, nên có người hỏi: Từng có thân của địa khác, mắt của địa khác, sắc của địa khác và nhãn thức của địa khác có sinh thức chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là người sinh địa tĩnh lự thứ hai, vận dụng mắt của địa tĩnh lự thứ tư để thấy sắc của tĩnh lự thứ ba. Thân của địa tĩnh lự thứ hai kia, với mắt của địa tĩnh lự thứ tư để thấy sắc của địa tĩnh lự thứ ba. Nhãn thức của địa Sơ tĩnh lự sinh thức, trong tĩnh lự thứ hai này.

Năm thức thân đều có hai thứ:

1. Dị thục.

2. Đẳng lưu.

Thân ý thức có ba thứ:

1. Dị thục.

2. Đẳng lưu.

3. Sát-na.

Trong sát-na này, ý thức tương ưng với khổ pháp trí nhẫn.

Hỏi: Từng có một nhân, đạo hiện ở trước, đã xả tâm trong một sát-na. Hoặc có nhân đồng loại này, tự tính không phải có nhân đồng loại. Hoặc có khi nào có nhân đồng loại, không phải là tự tánh của nhân đồng loại, hoặc có bao giờ là tự tánh của nhân đồng loại, cũng có nhân đồng loại. Hoặc có trường hợp không phải tự tánh của nhân đồng loại, cũng không phải nhân đồng loại?

Đáp: Lúc đạo loại trí nhẫn nên chia làm bốn trường hợp:

1. Khổ, pháp, trí, nhẫn đã sinh tương ưng với tâm.

2. Nghĩa là tâm tương ưng với kiến đạo ở vị lai.

3. Nghĩa là trừ tâm tương ưng với khổ pháp trí nhẫn đã sinh, các tâm tương ưng với kiến đạo đã sinh.

4. Trừ các thuyết trước.

Hỏi: Từng có một nhân, đạo hiện ở trước, đã xả tâm trong một khoảng sát-na. Hoặc có khi hữu lậu này duyên hữu lậu. Hoặc có khi hữu lậu này duyên vô lậu. Hoặc có khi vô lậu này duyên vô lậu. Hoặc có khi vô lậu này duyên hữu lậu chăng?

Đáp: Có, lúc đạo loại trí nhẫn sinh nên chia làm bốn trường hợp:

1. Tâm tương ưng với tùy miên duyên hữu lậu do kiến đạo dứt trừ thuộc cõi Sắc, Vô Sắc.

2. Tâm tương ưng với tùy miên duyên vô lậu do kiến đạo dứt trừ thuộc cõi Sắc, Vô Sắc.

3. Tâm tương ưng diệt đạo nhẫn trí.

4. Tâm tương ưng với khổ tập nhẫn trí.

Hỏi: Từng có vô sự phiền não, đạo đối trị được hiện ra ở trước, đã xả tâm trong một khoảng sát-na. Hoặc có khi duyên vô lậu, chẳng phải duyên với duyên vô lậu. Hoặc có khi duyên với duyên vô lậu không phải là duyên vô lậu. Hoặc có khi duyên vô lậu cũng không duyên với duyên vô lậu. Hoặc có khi không phải duyên vô lậu, cũng không phải duyên với duyên vô lậu?

Đáp: Bốn trường hợp như vậy dựa theo nghĩa nên suy nghĩ.

Hỏi: Từng có tâm đã diệt của tâm sát-na hiện ở trước, hoặc có khi không phải định, không phải định duyên, hoặc có khi không phải định là định duyên, hoặc có khi là định là định duyên, hoặc có khi là định không phải định duyên.

Đáp: Bốn trường hợp như vậy y theo nghĩa nên suy nghĩ.

Hỏi: Từng có tâm đã diệt của tâm sát-na hiện ở trước, hoặc có tâm đã sinh, không phải là đã sinh làm nhân. Hoặc có tâm đã sinh làm nhân không phải đã sinh, hoặc có tâm đã sinh, cũng đã sinh là nhân. Hoặc có khi không phải đã sinh, cũng không phải tâm đã sinh làm nhân.

Đáp: Bốn trường hợp như vậy y theo nghĩa nên suy nghĩ.

Phẩm 3: PHÂN BIỆT TÂM SỞ PHÁP

Hỏi: Đã biết hành tướng lưu chuyển không phải một chỗ dựa, một

một đối tượng duyên giống như huyễn hóa, thật khó điều phục như voi, ngựa dữ, do có tâm tham, v.v... khác nhau.

Hôm nay tôi muốn được nghe nói đến tướng của pháp tâm sở làm sao biết được có tâm sở riêng?

Đáp: Tất cả thọ, v.v... gọi là pháp tâm sở. Vì kinh là lượng, nên biết có tự thể riêng. Như Thế Tôn nói: Do hai duyên là nhãn, sắc nên sinh ra nhãn thức, vì ba sự hòa hợp nên xúc và xúc cùng khởi, có thọ, tưởng, tư, cho đến nói rộng.

Trong kinh Tát-tha-phiệt-để nói: Lại có suy nghĩ: Các pháp tâm sở dựa vào tâm mà khởi, lệ thuộc theo tâm. Lại nữa, Xá-lợi-tử hỏi Câu- chi-la: Vì sao tưởng, tư mà gọi là ý hành?

Câu-chi-la nói: Hai pháp tâm sở này đều dựa vào tâm khởi, thuộc về tâm, cho đến nói rộng.

Do vô lượng khế kinh đều nói như vậy, nên biết pháp tâm sở nhất định có tự thể riêng.

Lại nữa, nếu pháp tâm sở không có tự thể riêng thì Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, thức căn thiện, trụ các thực niệm, trụ các uẩn, sáu giác chi, đạo chi, các pháp kiết học, các chi hữu mà Khế kinh nói nên giảm. Vả lại, không nên kiến lập pháp địa đại, v.v... Nhưng kinh đã nói: Pháp môn không giảm, pháp của địa đại, v.v... thật sự có thể kiến lập, nên biết có các pháp tâm sở riêng.

Hỏi: Dựa vào đâu mà biết được tâm sở tương ưng với tâm?

Đáp: Vì dùng kinh để xác định. Như Đức Thế Tôn nói: Kiến là căn tín, tương ưng với chứng trí, nên biết tâm sở có nghĩa tương ưng.

Hỏi: Tương ưng là nghĩa gì?

Đáp: Các Đại Luận sư của A-tỳ-đạt-ma đều nói rằng: Nói tương ưng có nghĩa là bình đẳng.

Hỏi: Có phần vị của tâm sinh khởi pháp tâm sở nhiều, lúc có tâm sinh phát, tâm sở ít, làm sao lại nói bình đẳng là nghĩa tương ưng?

Đáp: Vì dựa vào thể bình đẳng, nên nói như vậy. Nếu có hai thọ, một tưởng trong một tâm thì không phải nghĩa bình đẳng mà là nghĩa tương ưng. Nhưng trong một tâm có một thọ, một tưởng, tư v.v... cũng vậy, nên nói bình đẳng là nghĩa tương ưng.

Lại nữa, bình đẳng không trái nhau là nghĩa tương ưng, bình đẳng không ly tán là nghĩa tương ưng, bình đẳng vận chuyển là nghĩa tương ưng, như các bộ phận của xe, nên gọi là tương ưng.

Lại nữa, đồng một thời phần, đồng một chỗ dựa, đồng một hành tướng, đồng một đối tượng duyên, đồng một quả, đồng một đẳng lưu, và một đồng vị thục, là nghĩa tương ưng.

Việc này lại thế nào? Nghĩa là thọ, tưởng, tư cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao trước nói thọ, không nói tưởng trước, v.v…?

Đáp: Vì hành tướng thô. Dù thọ không trở ngại, không trụ ở nơi chốn mà hành tương thô như sắc đặt bày ra, nên thế gian nói: Hôm nay tôi đau tay, đau chân, nhức đầu, cho đến nói rộng. Tưởng, tư, xúc, v.v... thì không có việc như vậy.

Thọ là thế nào? Nghĩa là tánh lãnh nạp. Có dụng lãnh nạp, gọi là tánh lãnh nạp, tức là nghĩa lãnh thọ cảnh của đối tượng duyên.

Thọ này có ba thứ: là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Nếu hay nuôi lớn đại chủng của các căn với tánh bình đẳng thọ nhận gọi là lạc thọ. Nếu có thể gây tổn giảm đại chủng của các căn với tánh chẳng bình đẳng thọ nhận, v.v... gọi là khổ thọ. Với cả hai đều trái nhau, tánh không phải bình đẳng, chẳng phải không bình đẳng, gọi là bất khổ bất lạc thọ.

Lại nữa, nếu thọ này làm sinh ra hai duyên nơi tham tùy miên tùy tăng. Nghĩa là vì đối tượng duyên hoặc là tương ưng, đây gọi là lạc thọ. Nếu ở thọ này, khiến hai duyên ở sân tùy miên tùy tăng, nghĩa là vì đối tượng duyên, hoặc vì tương ưng, gọi là khổ thọ. Nếu đối với thọ này khiến hai duyên nơi si tùy miên tùy tăng, nghĩa là vì đối tượng duyên hoặc vì tương ưng, gọi là bất khổ bất lạc thọ. Tuy tùy miên si, đối với tất cả thọ tùy tăng hai duyên, nhưng chúng không cùng sinh tự dựa mà khởi tự lực mà chuyển, thường đi chung với bất khổ bất lạc thọ. Vì các pháp khác rõ ràng nên không nói về điều này.

Do vừa ý không vừa ý, cảnh thuận hoặc xả, có khác nhau, mà lập ra ba tánh lãnh nạp như vậy. Cho nên chỉ có ba thứ thọ mà thật sự thì tính chất thọ có vô lượng thứ. Ngoài ra là dục khiến không có lạc thọ chân thật và bất khổ bất lạc thọ.

Hỏi: Do duyên nào nói không có lạc thọ thân thật?

Đáp: Vì lấy kinh để xác định. Nghĩa là Khế kinh nói các thọ đều là khổ Lại Khế kinh nói: Ông nên dùng khổ để quán sát lạc thọ. Nếu tánh của lạc thọ là thật có thì tại sao Thế Tôn lại dạy các đệ tử quán vui là khổ?

Lại, Khế kinh nói: Vì đối với khổ mà cho là vui, gọi là điên đảo. Nếu có lạc thọ chân thật thì lẽ ra không có khổ. Nghĩa là vui là tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo.

Lại, Khế kinh nói: Vì các thọ hữu lậu thuộc về khổ đế.

Thuộc về trong đấy là thuộc về tự tánh, không phải lạc thọ chân thật, là tự tánh của khổ. Làm sao có thể nói thuộc về khổ đế? Vì đã nói là thuộc khổ đế nên không có lạc thọ chân thật.

Lại, vì khác nhau, nghĩa là tướng ép ngặt gọi là khổ. Không phải lạc thọ chân thật có tướng ép ngặt, tức có thể nói các thọ hữu lậu đều thuộc về khổ đế.

Lại, vì hiện quán: Nghĩa là quán tất cả hữu lậu đều khổ, gọi là hiện quán. Nếu tính chất của lạc thọ là thật có thì việc quán vui là khổ sẽ trở thành kiến điên đảo, kiến lẽ ra chẳng phải hiện quán. Chính vì vậy, nên biết chắc chắn không có lạc thọ chân thật. Các Luận sư A-tỳ- đạt-ma đều nói: Thật có lạc thọ, vì lấy kinh để xác định. Nghĩa là Khế kinh nói: Phật bảo Đại Danh: Nếu sắc hoàn toàn là khổ, không phải vui, không phải là niềm vui đã theo, thì hữu tình không nên tham đắm các sắc, cho đến nói rộng.

Lại, Khế kinh nói: Điều lạc cùng vui đối với bốn Thánh đế, ta nói là hiện quán.

Lại, Khế kinh nói: Có ba thứ thọ: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Lại, Khế kinh nói: Lúc lạc thọ sinh, lúc lạc trụ lạc, do vô thường mà có lỗi. Lúc các khổ thọ sinh, lúc khổ trụ, khổ do vô thường nên có lỗi.

Nếu tánh của lạc thọ không thật có thì lẽ ra không nói khổ là một loại lẽ ra nói lạc thọ là một loại khác. Lý ưng đối với khổ thọ là một loại khác.

Lại, nếu lạc thọ không thực có tánh, thì lẽ ra không có khinh an, vì vô nhân, như khế kinh nói: Vì có hỷ nên thân tâm khinh an. Nếu không có khinh an, thì lẽ ra cũng không có lạc. Lần lượt cho đến, nếu không có Niết-bàn thì sẽ không có thứ lớp nhân quả, vì lần lượt vì không phải có, các sư kia tra cứu về nghĩa này, nói: Như trong địa trên dù không có hỷ mà chẳng phải không có thân tâm khinh an, nên họ dẫn chứng: Không phải là quyết định.

Sự tra cứu của các sư đó là phi lý. Vì sao? Vì trong địa trên đều không có hỷ. Ta nên quán nghĩa này như kiền-đạt-phược do ba sự hòa hợp: Thức ăn, danh sắc, thức. Như Khế kinh nói: Cha mẹ giao hội có kiền-đạt-phược đang hiện ở trước. Mà lúc thấy hữu không có sự giao hội của cha mẹ, kiền-đạt-phược cũng hiện ở trước mặt. Như thọ thấp sinh và hóa sinh, không thọ hai thứ thai sinh, noãn sinh. Loài hữu tình rời ngoài sự giao hợp của cha mẹ, vẫn có nghĩa vào thai.

Lại như khế kinh nói: Ba sự hòa hợp đó là tuổi thọ, hơi ấm và thức. Nhưng cõi Vô Sắc dù không có hơi ấm mà có tuổi thọ và thức, không phải

thân cõi Dục, cõi Sắc, vì tuổi thọ, thức lìa hơi ấm.

Lại như khế kinh nói: Thân nương vào thức ăn mà trụ, không phải trụ của hai cõi trên, do ba thứ ăn nơi cõi Dục cũng vậy, không phải trụ trong cõi Dục, do bốn thứ ăn cõi trên cũng vậy.

Lại như kinh nói: Danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc, không phải cõi Vô Sắc. Dù không có sắc mà danh và thức lần lượt duyên nhau, khiến trong cõi Dục, cõi Sắc cũng có nghĩa này. Trong đây cũng vậy, nếu có hỷ xứ, vì có hỷ nên có được khinh an. Nếu ở xứ có hỷ không có khinh an, cũng có khi do duyên khác, không nên tránh nạn.

Duyên khác là sao? Nghĩa là trước hết, cõi Dục có hỷ thọ vượt hơn dẫn đến khiến cho, định Vị chí khinh an sinh khởi. Tĩnh lự thứ hai có hỷ thọ vượt hơn, dẫn đến khinh an trong địa trên, khiến cho sinh khởi.

Nếu khiến không có hỷ thì không có khinh an, do đó chứng biết chắc chắn có lạc thọ.

Lại như Sơ quả ở hai cõi trên, dù không thể được, mà người kia có thể được quả A-la-hán, do sức trước dẫn dắt, ở đây lẽ ra cũng như vậy, không nên trách cứ.

Lại như dùng cây, gậy, trước quay bánh xe, sau đó, lúc quăng gậy đi, bánh xe nọ vẫn còn quay. Thọ này lẽ ra cũng như vậy. Do sức của hỷ trước dẫn đến cảm giác khinh an về sau. Thế nên, sự khinh an nhất định là do có hỷ, hỷ chính là hỷ thọ thuộc về lạc thọ, cho nên, nhất định biết thật có lạc thọ.

Lại, do lạc thọ, vì có hy vọng. Như khế kinh nói: Nếu người có niềm vui là đối với pháp có hy vọng. Nếu không có lạc thọ, thì lẽ ra đối với pháp không có hy vọng. Thế nên, biết chắc chắn thật có lạc thọ.

Lại vì nghiệp đáng yêu, lẽ ra không có quả. Nếu không có lạc thọ, thì các nghiệp đáng yêu lẽ ra là không, chẳng có quả. Vì các nghiệp đáng yêu nhất định do lạc thọ, là quả của nghiệp đó. Cũng không nên nói các nghiệp đáng yêu đều lấy lạc cụ để làm quả dị thục, vì lạc cụ chỉ là quả tăng thượng. Nghĩa là lạc thọ chính là quả tăng thượng, không phải quả dị thục. Vì sao? Vì tất cả nhạc cụ thọ dụng chung với người khác, vì sau khi mình chết rồi, chúng không hư mất. Nghĩa là mọi nhạc cụ đều có thể cùng thọ dụng chung với hữu tình khác, còn các quả dị thục thì nhất định không có nghĩa thọ dụng chung với người khác được.

Vì như thế sẽ rơi vào sự tự nối tiếp, vì không chung với người khác.

Lại nữa, các nhạc cụ từ khi chết rồi, như voi, ngựa, v.v... hãy còn không hư mất, các quả dị thục đều có với thân mạng. Nếu thân mạng đã

không thì quả dị thục kia nhất định sẽ hư hoại mất. Cho nên, nếu nghiệp đáng yêu không có thì lạc thọ sẽ không có quả. Đó là lẽ quyết định.

Lại, vì bao gồm lợi ích, nên không có lạc thọ, thì đại chủng các căn lẽ ra không bao gồm lợi ích. Nếu cho, việc bao gồm lợi ích là do giới mà hữu tình phân biệt cảnh giới, chứ không phải do lạc thọ, thì lý này cũng không đúng. Nên biết là thuộc về lợi ích, như do khổ thọ, vì có tổn hại. Lại chính gia hạnh, phải có quả. Nếu không có lạc thọ, thì chánh gia hạnh lẽ ra không có quả. Chánh gia hạnh, nghĩa là lấy khổ thọ làm quả dị thục. Vì không có lạc thọ, như tà, như hành, tất nhiên lấy khổ thọ làm quả dị thục. Chánh gia hạnh lẽ ra dùng lạc thọ làm quả dị thục, lại vì trái nhau, như sáng và tối, ảnh và ánh sáng, v.v... Lại, do lạc thọ khởi hành vi ác. Nếu không có lạc thọ thì hành vi ác lẽ ra không có. Vì các hữu tình đều tham đắm lạc thọ, nên khởi hành vi ác sẽ cảm thọ quả khổ. Nếu hành vi ác không có, thì sẽ không có thọ khổ. Khổ thọ đã có thì hành vi ác chẳng phải không có. Đã có hành vi ác rồi, nhất định sẽ có lạc thọ.

Lại, vì pháp thọ, như Khế kinh nói: Có bốn pháp thọ: hoặc có pháp thọ hiện tại vui về sau khổ. Hoặc có pháp thọ hiện tại khổ, về sau vui. Hoặc có pháp thọ hiện vui, sau vui, hoặc có pháp thọ hiện khổ về sau, khổ nếu không có lạc thọ, thì pháp thọ lẽ ra có một, không nên có bốn. Do các nhân duyên như vậy, nên nhất định có lạc thọ.

Hỏi: Nếu có lạc thọ thì lời Đức Thế Tôn nói trái với lạc thọ, vậy, kinh có lý sâu xa gì?

Đáp: Vì có lý thú riêng. Vả lại kinh đầu nói: Tất cả các thọ đều là khổ. Nên biết, kinh ấy nói là dựa vào ba khổ. Ba khổ là:

1. Khổ khổ.

2. Khổ hoại.

3. Khổ hành.

Như các khổ thọ thì do khổ khổ, nên gọi là khổ. Nếu lạc thọ do nhiều hoại khổ mà khổ, nên nói là khổ. Như Khế kinh nói: Vì vô thường nên khổ, cho nên biết kinh kia có lý thú này.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 98

LUẬN
TÁT BÀ ĐA TÔNG NGŨ SỰ

SỐ 1556

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1556

LUẬN TÁT BÀ ĐA TÔNG NGŨ SỰ

Hán dịch: Đại Đức Tam Tạng Pháp Sư
Sa-môn Pháp Thành nước Đại Thiên.

Pháp có năm thứ:

1. Sắc pháp.

2. Tâm pháp.

3. Pháp sở hữu của tâm.

4. Pháp bất tương ưng hành của tâm.

5. Pháp vô vi.

Thế nào là sắc pháp? Nghĩa là tất cả thứ đó đều từ bốn đại chủng, tức do bốn đại tạo tác sinh ra các sắc.

Bốn đại là gì? Đó là: giới đất, giới nước, giới lửa và giới gió.

Sao gọi là sắc tạo? Nghĩa là các căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Các sắc là âm thanh, mùi hương, các vị và một phần xúc, gồm vô biểu sắc. Thế nào là tâm pháp? Là tâm, ý, thức. Tâm pháp đó là thế nào?

Nghĩa là thân sáu thức: nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức.

Sao gọi là pháp sở của tâm? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm, các pháp ấy là gì? Là thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý, dục, thắng giải, tín, tinh tiến, niệm, định, tuệ, tầm, từ, buông lung, không buông lung, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, các kiết phược hẹp, rộng, các tùy phiền não, triền nhiễu, an trụ, biết, thấy, tất cả hiện quán. Lại có pháp khác, những loại như vậy tương ưng với tâm, gọi là pháp sở hữu của tâm.

Sao gọi là hành pháp bất tương ưng của tâm? Nghĩa là có các pháp không tương ưng với tâm. Đó là: Đắc, đẳng chí vô tướng, đẳng chí diệt tận, vô tướng sở hữu, mạng căn, chúng đồng phần, đắc xứ sở, đắc sự, đắc xứ, sinh, già, trụ, tánh vô thường, danh thân, cú thân, và văn thân.

Lại có pháp khác không tương ưng với tâm, các loại như vậy, gọi là hành pháp bất tương ưng của tâm.

Sao gọi là pháp vô vi? Đó là ba thứ vô vi: hư không, phi trạch diệt và

trạch diệt, đó gọi là pháp vô vi.

Thế nào là giới đất? Là tánh cứng chắc.

Thế nào là giới nước? Là tánh thấm nhuần.

Thế nào là giới lửa? Là tính chất nóng, ấm.

Thế nào là giới gió? Là tính chất nhẹ lay.

Thế nào là nhãn căn? Nghĩa là nhãn thức dựa vào sắc thanh tịnh.

Thế nào là nhĩ căn? Là nhĩ thức dựa vào sắc thanh tịnh.

Thế nào là tỷ căn? Nghĩa là tỷ thức nương sắc thanh tịnh.

Thế nào là thiệt căn? Nghĩa là tỷ thức dựa vào sắc thanh tịnh.

Thế nào là thân căn? Nghĩa là thân thức dựa vào sắc thanh tịnh.

Thế nào là các sắc? Nghĩa là các sắc đẹp, sắc không đẹp, các sắc ở giữa hai sắc đó và hiển sắc, v.v...

Một thức đầu tiên là nhãn thức đã biết, nhãn thức đã tiếp nhận, ý thức có thể biết, cho nên, các sắc do hai thức: Nhãn thức, ý thức biết rõ.

Thế nào là các âm thanh? Âm thanh có hai thứ: Chấp thọ nhân đại chủng sinh ra và không phải chấp thọ nhân đại chủng sinh ra.

Một thức đầu tiên là nhĩ thức đã biết, nhĩ thức đã tiếp nhận, ý thức có thể biết, cho nên, các âm thanh do hai thức: Nhĩ thức, ý thức biết rõ.

Thế nào là các mùi hương? Đó là mùi hương tốt, mùi hương xấu, mùi hương không tốt không xấu.

Một thức đầu tiên là tỷ thức đã biết, tỷ thức thọ nhận, ý thức có thể biết, cho nên, các mùi hương do hai thức: tỷ thức, ý thức biết rõ.

Thế nào là các vị? Đó là vị nếm vừa ý, không vừa ý và bình thường.

Một thức đầu tiên là thiệt thức đã biết, thiệt thức thọ nhận, ý thức có thể biết. Cho nên, các vị do hai thức: Thiệt thức, ý thức biết rõ.

Thế nào là một phần của xúc? Là tính chất trơn, nhám, nhẹ, nặng, lạnh, đói, khát, v.v...

Một thức đầu tiên là thân thức đã biết, thân thức đã tiếp nhận, ý thức có thể biết, cho nên, một phần của mọi sự tiếp xúc do hai thức: thân thức, ý thức đều biết rõ.

Những gì gọi là các sắc vô biểu? Nghĩa là thuộc về pháp xứ sắc.

Trong bất cứ lúc nào, chỉ có một ý thức đã biết rõ.

Thế nào là nhãn thức? Dựa vào nhãn căn, phân biệt riêng về sắc.

Thế nào là nhĩ thức? Dựa vào nhĩ căn, phân biệt riêng về tiếng.

Thế nào là tỷ thức? Dựa vào tỷ căn, phân biệt riêng về mùi.

Thế nào là thiệt thức? Dựa vào thiệt căn, phân biệt riêng về vị.

Thế nào là thân thức? Dựa vào thân căn, phân biệt riêng về xúc.

Thế nào là ý thức? Dựa vào ý căn, phân biệt riêng về pháp.

Thế nào là thọ? Nghĩa là tánh nhận lãnh. Thọ này có ba thứ: khổ, vui, không khổ không vui.

Thế nào là tưởng? Nghĩa là tánh biết khắp, tánh này có ba thứ: nhỏ, lớn, vô lượng.

Thế nào là tư? Nghĩa là tâm tạo hành động, nghiệp do ý đã gây tạo, nghiệp này có ba thứ: thiện, bất thiện và vô ký.

Thế nào là xúc? Nghĩa là ba sự hòa hợp. Sự này gồm có ba thứ: Thọ lạc, thọ khổ, thọ bất khổ bất lạc.

Thế nào là tác ý? Nghĩa là tâm sở chuyển biến, tâm sở này có ba thứ: học, vô học, phi học phi vô học.

Thế nào là dục? Nghĩa là tánh ưa tạo tác.

Thế nào là thắng giải? Nghĩa là tâm sở ưa vui, tánh ưa làm.

Thế nào là tín? Nghĩa là tâm rất thanh tịnh.

Thế nào là tinh tiến? Nghĩa là tâm ưa vui.

Thế nào là niệm? Tánh ghi nhớ rõ của tâm.

Thế nào là định? Tánh một cảnh của tâm.

Thế nào là tuệ? Liêm khiết lựa chọn pháp.

Thế nào là tầm? Tâm tra xứ là tánh.

Thế nào là tứ? Tâm tế nhị là tánh.

Thế nào là buông lung? Không tu các điều thiện. Thế nào là không buông lung? Tu các điều thiện.

Các căn thiện: Có ba căn thiện: Căn thiện không tham, căn thiện không sân, căn thiện không si.

Căn bất thiện: Có ba căn bất thiện: căn bất thiện tham, căn bất thiện sân, căn bất thiện si.

Căn vô ký: Có bốn căn vô ký: Vô ký ái, vô ký kiến, vô ký mạn, vô ký vô minh.

Thế nào là vô ký ái? Nghĩa là năm thứ sở tạo cõi Sắc, Vô Sắc.

Thế nào là vô ký kiến? Nghĩa là thân kiến và biên kiến hoạt động trong cõi Dục. Năm kiến đã hoạt động trong sắc, Vô Sắc.

Thế nào là vô ký mạn? Nghĩa là năm thứ hoạt động ở cõi Sắc, Vô Sắc.

Thế nào là vô ký vô minh? Nghĩa là thân kiến hoạt động cõi Dục và do vô minh trong tương ưng với biên kiến, năm thứ hoạt động trong cõi Sắc, Vô Sắc.

Nói các kiết: Có chín thứ kiết: Kiết tham, kiết sân, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thắng chấp, kiết nghi, kiết san, kiết tật.

Thế nào là kiết tham? Sự tham trong ba cõi.

Thế nào là kiết sân? Dựa vào tánh giận dữ của các hữu tình làm tánh.

Thế nào là kiết mạn? Là bảy thứ mạn gọi là kiết mạn: Mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ty mạn, tà mạn.

Thế nào là mạn? Người thua mình mà chấp mình là hơn, người bằng mình chấp mình là bằng, chấp đó làm nhân. Mạn, là giữ tánh kiêu ngạo, tâm, tánh tự đề cao, tâm cố chấp, tâm kiêu mạn, đó gọi là mạn.

Thế nào là quá mạn? Đối với người bằng mình, mà chấp là mình hơn mà hoặc đối với người hơn, chấp là mình bằng, lấy đó làm nhân, giữ tánh khinh thường, tâm kiêu mạn, tâm cố chấp, đây gọi là mạn quá mạn.

Thế nào là ngã mạn? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, quán bất cứ một uẩn nào làm ngã, hoặc cho là thuộc về ta. Lấy đó làm nhân cho sự khinh mạn, ỷ thị, tâm cao cỡ, tâm kiêu mạn, tâm cố chấp, đó gọi là ngã mạn.

Thế nào là tăng thượng mạn? Chưa chứng được quả tốt đẹp trên hết mà cho là mình đã chứng được. Hoặc chưa xúc chứng, cũng chưa hiện tiền, chấp ta đã chứng. Những việc thù thắng ở trên lấy đó làm nhân. Sự khinh mạn, tánh kiêu mạn, tâm tự cao cử, tâm kiêu mạn, tâm cố chấp, đó gọi là tăng thượng mạn.

Thế nào là ty mạn? Nghĩa là đối với nhiều phần tốt đẹp, đặc biệt, chấp cho mình có một phần ít thấp kém đó, lấy đó làm nhân kiêu mạn, khinh miệt, tánh khinh mạn, tâm tự cao cử, tâm kiêu ngạo, tâm cố chấp, đó gọi là ty mạn.

Thế nào là tà mạn? Nghĩa là không có đủ đức mà chấp là mình đã có đủ đức, lấy đó làm nhân, với tánh kiêu mạn, khinh miệt, tâm, tự cao cử, tâm tự cố chấp, đó gọi là tà mạn.

Bảy thứ kiêu mạn trên đây gọi là kiết mạn.

Thế nào là kiết vô minh? Nghĩa là ba cõi vô tri, đó gọi là kiết vô minh.

Thế nào là kiết kiến? Nghĩa là ba thứ kiết gọi là kiết kiến.

Ba thứ đó là:

1. Thân kiến.

2. Biên chấp kiến.

3. Tà kiến.

Thế nào là thân kiến? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, quán bất cứ một uẩn nào là ngã, hoặc cho là của ta, lấy đó làm nhân, nhận vui tuệ quán và các chấp kiến gọi là thân kiến.

Thế nào là biên chấp kiến? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, quán bất cứ một uẩn nào là đoạn, thường, lấy đó làm nhân, nhẫn vui, tuệ quán và các chấp kiến, gọi là biên chấp kiến.

Thế nào là tà kiến? Nghĩa là chê bai nhân quả và tác dụng của nó, hoại hữu rồi lấy đó làm nhân, nhẫn vui, tuệ quán và các chấp kiến, gọi là tà kiến.

Ba thứ kiến này gọi là kiết kiến.

Thế nào là kiết thắng chấp? Có hai thứ thắng chấp, gọi là kiết thắng chấp. Đó là:

1. Kiến thắng chấp.

2. Giới cấm thắng chấp.

Thế nào là kiến thắng chấp? Đối với năm thủ uẩn, quán bất cứ một uẩn nào là cao, là hơn hết, lấy đó làm nhân, nhẫn vui, tuệ quán. Các thứ chấp này, gọi là kiến thắng chấp.

Thế nào là giới cấm thắng chấp? Nghĩa là dựa vào năm thủ uẩn, quán bất cứu một uẩn nào là tịnh, là giải thoát, là xuất ly, lấy đó làm nhân, nhẫn vui, tuệ quán. Hai thứ chấp này, gọi là kiết thắng chấp.

Thế nào là kiết nghi? Đối với các đế lấy do dự làm tánh. Thế nào là kiết tật? Tâm rối loạn làm tánh.

Thế nào là kiết san? Tâm chấp làm tánh, cho nên nói là các kiết.

Nói ràng buộc: Nghĩa là đã nói các kiết. Kiết đó cũng gọi là sự ràng buộc. Nhưng sự ràng buộc có ba thứ:

1. Tham ràng buộc.

2. Sân ràng buộc.

3. Si ràng buộc.

Nói nhỏ, rộng, nghĩa là bảy thứ nhỏ, rộng, bảy thứ đó là:

1. Tham nhỏ, rộng.

2. Sân nhỏ, rộng.

3. Hữu dục nhỏ, rộng.

4. Mạn nhỏ, rộng.

5. Vô minh nhỏ, rộng.

6. Kiến nhỏ, rộng.

7. Nghi nhỏ, rộng.

Thế nào là tham nhỏ, rộng? Năm thứ nhỏ, rộng gọi là tham nhỏ rộng. Năm thứ đó là: Tất cả tham dục thuộc cõi Dục do kiến khổ dứt trừ. Những tham dục thuộc cõi Dục do kiến tập, diệt, đạo dứt trừ. Năm thứ nhỏ, rộng này gọi là tham nhỏ, rộng.

Thế nào là sân nhỏ, rộng? Sân nhỏ, rộng có năm thứ: Đó là tất cả sân hận do kiến khổ dứt trừ. Tất cả sân hận do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo dứt trừ. Năm thứ nhỏ, rộng này gọi là sân nhỏ rộng.

Thế nào là hữu dục nhỏ, rộng? Mười sự nhỏ, rộng này gọi là hữu dục nhỏ, rộng. Người thứ đó là năm thứ thuộc cõi Sắc, năm thứ thuộc cõi Vô Sắc.

Thế nào là hữu tham nhỏ, rộng? Thuộc cõi Sắc có năm thứ. Nghĩa là lệ thuộc cõi Sắc do kiến khổ dứt trừ. Tất cả tham dục và thuộc cõi Sắc, do kiến tập, diệt, đạo và tất cả dục tham do tu đạo dứt trừ. Như năm thứ thuộc cõi Sắc, năm thứ lệ thuộc cõi Vô Sắc cũng giống như vậy. Mười thứ nhỏ, rộng này gọi là nhỏ, rộng của hữu dục.

Thế nào là mạn nhỏ, rộng? Mạn nhỏ, rộng có mười lăm thứ nhỏ rộng gọi là mạn nhỏ rộng. Mười lăm thứ ấy là: Năm thứ thuộc cõi Dục, năm thứ thuộc cõi Sắc và năm thứ thuộc cõi Vô Sắc.

Năm thứ mạn nhỏ, rộng thuộc cõi Dục: Nghĩa là tất cả các mạn cõi Dục, do kiến khổ dứt trừ, tất cả các mạn cõi Dục do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo dứt trừ. Các thứ mạn như năm thứ thuộc về cõi Dục, cõi Sắc năm thứ, cõi Vô Sắc năm thứ cũng giống như vậy. Mười lăm thứ nhỏ, rộng này gọi là mạn nhỏ rộng.

Thế nào là vô minh nhỏ, rộng? Mười lăm thứ nhỏ, rộng này là vô minh nhỏ, rộng. Mười lăm thứ ấy là: Cõi Dục có năm thứ, cõi Sắc có năm thứ và cõi Vô Sắc có năm thứ.

Năm thứ vô mạn nhỏ, rộng thuộc về cõi Dục. Nghĩa là tất cả vô minh thuộc về cõi Dục, do kiến khổ dứt trừ. Tất cả vô minh thuộc cõi Dục do kiến tập, diệt, đạo dứt trừ. Cũng như năm thứ thuộc cõi Dục, năm thứ thuộc cõi Sắc và năm thứ thuộc cõi Vô Sắc cũng giống như vậy. Mười lăm thứ nhỏ rộng này gọi là vô minh nhỏ, rộng.

Thế nào là kiến nhỏ, rộng? Có ba mươi sáu thứ nhỏ rộng, gọi là kiến nỏ rộng ba mươi sáu thứ ấy là: Có mười hai thứ thuộc cõi Dục, mười hai thứ thuộc cõi Sắc, và mười hai thứ thuộc cõi Vô Sắc.

Mười hai kiến nhỏ, rộng thuộc cõi Dục: Nghĩa là thân kiến, biên kiến thuộc cõi Dục và tất cả tà kiến, kiến thủ thuộc cõi Dục, do kiến khổ dứt trừ. Và tà kiến, cho đến kiến thủ thuộc cõi Dục do kiến diệt dứt trừ. Tất cả tà kiến cho đến kiến thủ, chấp cấm giới thủ thuộc cõi Dục do kiến đạo dứt trừ. Giống như cõi Dục, mười hai thứ thuộc cõi Dục, mười hai thứ thuộc cõi Sắc và mười hai thứ thuộc cõi Vô Sắc cũng vậy. Ba mươi sáu thứ nhỏ, rộng này gọi là kiến nhỏ, rộng.

Thế nào là nghi nhỏ, rộng? Nghi nhỏ, rộng có mười hai thứ, mười hai thứ ấy là: Cõi Dục có bốn thứ, cõi Sắc có bốn thứ và cõi Vô Sắc cũng có bốn thứ. Thế nào là bốn nghi nhỏ, rộng thuộc cõi Dục? Nghi thuộc cõi Dục do kiến khổ dứt trừ. Các nghi thuộc cõi Dục do kiến tập, diệt, đạo dứt trừ, cũng như thuộc cõi Dục có bốn thứ, cõi Sắc và cõi Vô Sắc mỗi cõi đều có bốn thứ, cũng giống như vậy. Mười hai thứ nhỏ, rộng này gọi là nghi nhỏ, rộng.

Nói các tùy phiền não, nghĩa là tất cả sự nhỏ, rộng, sự nhỏ rộng đó được gọi là các tùy phiền não. Có tùy phiền não này không phải nhỏ, rộng, nghĩa là dứt trừ sự nhỏ, rộng ấy, tâm khác sinh ra hành uẩn nhiễm ô.

Thế nào là ràng buộc ở yên? Có tám thứ ràng buộc ở yên, tám thứ ấy là:

1. Hôn trầm.
2. Thùy miên.
3. Trạo cử.
4. Ác tác.
5. Ganh ghét.
5. San (keo kiệt).
6. Vô tàm (không hổ).
7. Vô quý (không thẹn).

Thế nên gọi là ràng buộc ở yên.

Nói nhận biết, nghĩa là mười thứ trí:

1. Pháp trí.
2. Trí tùy loại.
3. Trí tha tâm.
4. Trí thế tục.
5. Khổ trí.
6. Tập trí.

7. Diệt trí.

8. Đạo trí.

9. Tận trí.

10. Trí vô sinh.

Thế nào là pháp trí? Nghĩa là trí vô lậu biết rõ các hành của cõi Dục, các trí vô lậu của nhân hành cõi Dục, các trí vô lậu của hành diệt thuộc cõi Dục, các trí vô lậu trong đoạn đạo thuộc cõi Dục.

Lại nữa, pháp trí, các trí vô lậu trong địa pháp trí, đây gọi là pháp trí.

Thế nào là trí tùy loại? Các trí vô lậu trong các hành thuộc cõi Sắc Vô Sắc. Các trí vô lậu trong các hạng mục thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Các trí vô lậu trong hành diệt thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Các trí vô lậu trong đoạn đạo thuộc cõi Sắc, Vô sắc.

Lại nữa, tùy thuận trí đã biết rõ, tùy thuận các trí vô lậu hiểu rõ trong địa. Những pháp này gọi là tùy loại trí.

Thế nào là trí tha tâm? Từ tu sinh trí, quả của pháp đã tu, dựa vào pháp đã tu, đã được không thối lui. Do trí tuệ của người đó, biết rõ sự ham muốn đã làm và sắc đã làm, giống như tâm, tâm pháp của người khác, chứng được một phần pháp vô lậu hiện tiền. Các pháp này được gọi là trí tha tâm biết rõ.

Thế nào là trí thế tục? Là trí hữu lậu, đó là trí thế tục.

Thế nào là khổ trí? Nhận biết rõ tính chất vô thường, tánh khổ, tánh không, tánh vô ngã ở năm thủ uẩn. Sự tác ý đã phát sinh trí vô lậu, đây gọi là khổ trí.

Thế nào là Tập trí? Ở nhân hữu lậu mà sinh khởi, nhân tập sinh duyên, tác ý trí vô lậu, đây gọi là tập trí.

Thế nào là diệt trí? Sinh, diệt trong diệt. Tác ý trí vô lậu, tịnh diệu, xuất ly. Trí vô lậu này gọi là diệt trí.

Thế nào là Đạo trí? Khởi đạo ở trong đạo, như hành nẩy sinh ra tác ý trí vô lậu, đây gọi là Đạo trí.

Thế nào là Tận trí? Nghĩa là tự biết khổ khắp, tự biết dứt tập, tự biết chứng diệt, tự biết tu đạo, lấy đó làm nhân, tri kiến, giác tuệ, biết rõ phân minh, chứng đắc hiện tiền, đó gọi là Tận trí.

Thế nào là trí vô sinh? Nghĩa là tự biết rõ khắp các khổ. Lại, trí không thể biết, vì tự dứt trừ tập, lại không là trí không thể dứt trừ, vì tự chứng diệt. Lại trí không thể chứng, vì tự tu đạo. Lại trí không thể tu, lấy trí đó làm nhân, tri kiến, giác tuệ, biết rõ phân minh, chứng đắc hiện tiền. Đây gọi là

trí vô sinh.

Nói kiến: Dù là trí của người đó cũng là kiến của họ, cũng lại có kiến, không phải tức là trí, từ bên hiện quán sinh ra tám thứ nhẫn, đó là biết khổ pháp nhẫn, biết khổ tùy loại nhẫn, biết tập pháp nhẫn, biết tập tùy loại nhẫn, biết diệt pháp nhẫn, biết đạo tùy loại nhẫn, biết đạo pháp nhẫn, biết đạo tùy loại nhẫn cho nên gọi là kiến.

Nói tất cả hiện quán, tức tri kiến kia cũng là hiện quán, cho nên nói là hiện quán.

Thế nào là đắc? Nghĩa là các pháp đã được.

Thế nào là đẳng chí Vô tưởng? Nghĩa là đã lìa tham biến tịnh, chưa lìa tham cõi trên. Do tác lý của tưởng xuất ly là trước lấy tâm pháp diệt làm tánh.

Thế nào là đẳng chí diệt tận? Nghĩa là đã lìa tham của vô sở hữu xứ, do ngừng dứt tác ý của tưởng là trước hết, và tâm lấy tâm pháp diệt làm tánh.

Thế nào là Vô tưởng sở hữu? Nghĩa là hữu tình sinh lên cõi trời Vô tưởng, tâm lấy tâm pháp diệt làm tánh.

Thế nào là mạng căn? Nghĩa là tuổi thọ của ba cõi.

Thế nào là chúng đồng phần? Nghĩa là tự loại của các hữu tình giống nhau.

Thế nào là đắc xứ sở? Nghĩa là được các cảnh.

Thế nào đắc sự? Nghĩa là được các uẩn.

Thế nào là đắc xứ? Nghĩa là được xứ trong, ngoài.

Thế nào là sinh? Nghĩa là thành tựu uẩn.

Thế nào là già? Nghĩa là các uẩn đã chín muồi.

Thế nào là trụ? Nghĩa là các hành không hư hoại.

Thế nào là tánh vô thường? Nghĩa là các hành hư hoại.

Thế nào là danh thân? Tức là tăng ngữ kia.

Thế nào là cú thân? Nghĩa là văn đầy đủ.

Thế nào là văn thân? Tức chữ thân kia, gọi là văn thân.

Thế nào là xứ không? Là nhân của sở hành, tức là hư không, chẳng có chướng ngại. Chủng loại của các sắc không thể che khắp, gọi là hư không.

Thế nào là phi trạch diệt? Nghĩa là diệt chẳng lìa.

Thế nào là trạch diệt? Nghĩa là diệt cũng lìa, cho nên nói pháp có năm

thứ:

1. Pháp sắc.
2. Pháp tâm.
3. Pháp sở hữu của tâm.
4. Hành pháp bất tương ưng của tâm.
5. Pháp vô vi.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 98

KINH A TỲ ĐÀM NGŨ PHÁP HÀNH

SỐ 1557

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1557

KINH A TỲ ĐÀM NGŨ PHÁP HÀNH

Hán dịch: Tam Tạng An Thế Cao,
người nước An Tức, Đời Hậu Hán.

Trí khổ pháp, trí có thể đạt khổ pháp. Trí tập pháp, trí có thể đạt tập pháp. Trí tận pháp, trí có thể đạt tận pháp. Trí đạo pháp, trí có thể đạt đạo pháp.

Pháp khổ: Nghĩa là hình thể muôn vật đều phải già suy, chết đi, đó là khổ. Người ngu si cho cơ thể thường còn, nên bảo vệ, gìn giữ. Đây là trí lạc, có thể biết đó là khổ nên không còn hướng về sinh tử, đó là trí khổ pháp.

Pháp có thể đạt tập, nghĩa là tập ham muốn, tập được, tập dâm, tập oán giận, tập ngu si, tập tốt đẹp.

Trí có thể đạt như vậy là tập. Từ tập được tận (diệt) là không ham muốn, đây là trí tập pháp.

Pháp có thể tận, nghĩa là người, vật hội hợp sẽ phải tiêu tan, diệt hết. Tức là được cũng không mừng, mất cũng không lo, đây là trí tận pháp.

Pháp có thể được đạo, hành đạo được đạo, làm điều thiện được sinh lên cõi trời, làm việc ác đi vào đường ác.

Người có thể đến được đạo là người biết từ bỏ việc ác, đến với điều thiện, đó là trí đạo pháp.

Trí có thể đạt được, nghĩa là giác có thể nên biết, vốn không biết đó là khổ. Khổ là một ý, biết là khổ, đó là hai ý. Tập là một ý, biết là tập, đó là hai ý. Tận là một ý, biết là tận, đó là hai ý. Đạo là một ý, biết là đạo, đó là hai ý. Tám ý này ở bên ngoài.

Phi thường, khổ, không, phi thân, vốn tập phát sinh, nhân duyên dứt hết, chỉ như ý tiếp nhận quán chỗ đạo cốt yếu.

Tận, khổ, không, phi thân, do đâu mà được tận? Tận từ khổ đến, từ khổ được tận, nhân tận liền được không. Được không là biết thân là phi ngã (vô ngã). Bốn ý này là theo khổ đế.

Những gì là khổ? Tất cả ở trong sự sinh tử đều là khổ, gặp gỡ, ham

muốn, cũng không ham muốn. Nghĩa là những điều ham muốn của người cũng không ham muốn, nghĩa là những cái không ham muốn của con người đều là khổ.

Tham từ tập mà ra, tùy theo ý phi thường, mong cầu diệt hết khổ từ tập được.

Những gì là pháp? Nghĩa là nhân duyên tạo ra cái đó, được cái đó, đó là pháp. Sẽ biết, đã biết, vì không vừa ý, phải biết trừ. Đó là khổ đế trong bốn đế.

Tập đế là chứng có đạo. Kiến khổ, biết từ tập khởi ra, kiến tập biết khổ, kiến tập đế, biết chẳng thường.

Những gì là có thể? Nghĩa là vui đạo không quên đạo, thường cầu đạo, vì đạo là có thể.

Những gì là trí tuệ? Thường hỏi đạo là trí tuệ. Đã hỏi xong, còn có thể thọ nhận, có thể thực hành, đó là trí tuệ. Tập cũng vậy, Tận, diệt đạo cũng như vậy, đạo cũng như vậy.

Khổ là pháp của tội, là kiết của hành vi, trí tuệ là ba mươi bảy phẩm kinh, có thể làm người thực hành, vì làm nên đạo trọn vẹn, vì tập như vậy, vì tận như vậy, vì đạo như vậy, đều vì tăng thượng.

Thứ nhất là khổ. Những gì là khổ? Tất cả điều ác không vừa ý là khổ. Đã biết khổ, không ham muốn liền hành đạo, không lìa đạo là có thể đạt được. Khổ sinh có gốc. Khổ là những gì? Gốc từ vạn vật. Vạn vật không có, cũng không tận cùng. Đã không tận cùng thì con người cũng không lo, đã không lo thì con người cũng không có khổ.

Thứ hai là tập. Những gì là tập? Ý thuận theo ái là tập, nếu cắt đứt ái, sẽ không có tập. Như vậy giữ lấy hành vi nào để cắt đứt ái? Muôn vật đều từ nhân duyên sinh, cắt đứt nhân duyên sẽ không sinh nữa. Nên dùng gì để cắt đứt nhân duyên? Giữ ý niệm đạo, đã giữ ý niệm đạo, ý không được có hai niệm là ở nơi đạo, đó là tập.

Thứ ba là tận (diệt). Pháp khổ là muôn vật. Vì sự thất bại là phải lo. Đã phải lo là già. Đã già là phải ốm đau, bệnh tật rồi chết. Đó gọi là pháp của khổ tận cùng bên ngoài. Vì sao? Vì pháp của khổ tận cùng bên ngoài, là do tội của mình chưa dứt bỏ. Vì sao? Vì tội của mình chưa trừ, vì sinh tử chưa diệt. Vì sao? Vì sinh tử chưa diệt vì không phải một ý. Vì sao? Vì không phải một ý thì không rơi vào thiền khí. Vì sao? Vì không rơi vào thiền khí thì không thọ hành như lời Phật dạy, đó gọi là ngoài tận. Thế nào là trong tận? Ý rơi vào sự giữ gìn, đã rơi vào sự giữ gìn rồi, thì ý khác sẽ không được sinh. Ý khác đã không sinh, đó là tiêu mất kiết. Kiết đã diệt

rồi, thì tội sẽ hết. Tội đã hết, không còn hữu, đó là trong tận.

Thứ tư là đạo. Những gì là đạo? Đạo của khổ vừa ý, gọi là tám thứ, thứ tám là gì, An-ban-thủ-ý nói tám hành như vậy ý không rơi vào sanh tử, chỉ có rơi vào đạo, rơi vào đạo là đoạn ba việc đầu ở trên. Ba việc đó là khổ, tập, tận. Đã dứt khổ, tập, tận thì được định. Đã định, đã hướng đến là được đạo.

Những gì là được đạo? Khổ đã diệt, không còn sinh nữa, đó là được.

Có năm pháp hành:

1. Sắc.

2. Ý.

3. Sở niệm.

4. Lìa riêng ý hành.

5. Vô vi.

Sắc là những gì? Tất cả đối tượng sắc đều ở bốn hành. Cũng từ chỗ bốn hành, bốn hành là: Địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng. Sắc được sinh ra nhân từ bốn hành này là: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt (xúc), cũng một xứ không đổi.

Ý là những gì? Ý, tâm, thức là gì? Là sáu thức thân. Sáu thức thân là những gì? Là nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, thân thức và tâm thức.

Pháp sở niệm là những gì? Nếu pháp sở niệm và ý đi thì đó là những gì? Đó là thống (thọ), tưởng, hành, dương niệm dục và ý, định, tuệ, tín, tinh tiến, kế, niệm, tham, bất tham, thiện bổn, ác bổn, bất phân biệt bổn. Tất cả kiết phược đều làm cho nhọc mệt, từ đó khởi lên trí nhận biết, kiến giải, chỗ cần yếu, cũng sẵn có, ý của pháp đều cùng chung, đó gọi là pháp sở niệm của ý.

Ý hành biệt ly là những gì? Ý đã biệt ly không chung, đó là những gì? Được, không tư tưởng chính là hết, chánh là bất tư, tưởng, niệm tưởng đến chúng dưới, khổ đắc, xứ đắc, chủng đắc, nhập sinh, già chết, phi thường, danh tự. Tuyệt, đủ, đúng như vậy và phân biệt những pháp ý hành khác, gọi là phân biệt ý hành.

Vô vi là những gì? Không diệt, chưa lìa diệt, không cần thọ.

Địa chủng là những chất nào cứng chắc. Thủy chủng là những chất nào ẩm ướt, Hỏa chủng là những chất nào ấm. Phong chủng là những chất nào nổi dậy.

Nhãn căn là sắc căn mà nhãn thức nương gá. Nhĩ căn là sắc căn mà nhĩ thức nương gá, tỷ căn là sắc căn mà tỷ thức nương gá. Thiệt căn là sắc

căn mà thiệt thức nương gá. Thân căn là sắc căn mà thân thức nương gá.

Thế nào là sắc? Nếu sắc đoan nghiêm, không đoan nghiêm, đều cùng có tưởng sắc trung ương. Từ trên đó, thức biến ra một hình tượng. Sắc của nhãn thức chính là ảnh tượng của tâm thức, là sắc của hai thức này. Lại biết như thế nào? Là hai thứ nhãn thức, tâm thức.

Thế nào là thanh? Có tiếng do hành động phát ra, cũng có tiếng không do hành động phát ra, từ bản thanh của thọ hành, cũng không từ bổn thọ của thọ hành. Nếu ở đấy phát ra thức liền biết, thì khi nhĩ thức biết rồi, tâm thức bèn biết đó là tiếng. Đối tượng đó do nhĩ thức và tâm thức biết.

Thế nào là hương? Hoặc rễ thơm, cộng thơm, hoa thơm, hoặc hương thật, mùi hương tốt, xấu, đó gọi là mùi. Nếu một thức ở trên ấy biến ra đối tượng để biết, thì đó là tỷ thức biết. Tỷ thức biết rồi, tâm thức biết. Hương như vậy là do tỷ thức, tâm thức biết.

Thế nào là vị? Hoặc vị chua, ngọt, mặn, đắng, cay, nhám, cũng là vị giác. Nếu ở trên ấy biến ra một đối tượng để biết thì đó là thiệt thức biết. Thiệt thức đã biết rồi, tâm thức biết là Vị, hai thức bèn biết thiệt tâm thức.

Thế nào là xúc (tế hoạt)? Hoặc trơn, hoặc thô, hoặc nhẹ, nặng, hoặc lạnh, nóng, hoặc đói, khát, ở trên đó, một thức biết thân thức, thân thức đã biết rồi, thì tâm thức liền biết. Một xứ lạc này là hai thức liền biết thân thức, tâm thức, tâm thức xứ không còn.

Sắc là thế nào? Nếu thức tưởng đắm chấp sắc pháp thì như thế nào? Nếu thân thiện, bất thiện không thay đổi, hoặc là thường một thức biết tâm thức.

Nhãn thức là thế nào? Nhẫn nương nhân sắc mà biết. Nhĩ thức là thế nào? Nhĩ căn nương thân hanh mà biết. Tỷ thức là thế nào? Tỷ căn nương hân mùi mà biết.

Thiện thức là thế nào? Nhân nương nơi thiệt căn mà biết được vị. Thân thức là thế nào? Thân căn nương lạc trước mà biết.

Tâm thức là thế nào? Tâm căn nương nhân pháp mà biết.

Thống (Thọ) là thế nào? Là niềm vui, đây cũng chia làm ba hạng, ít, nhiều, không có số lượng.

Tưởng là thế nào? Là đối lập với hành vi, những gì đã làm. Đây cũng là ba thứ, thiện, ác, không phân biệt phước hay họa.

Nguyện lạc là thế nào? Ba sự hội, cũng là ba hạng. Ưa thiện, ưa ác, cũng không thiện, cũng không ác, ý ưa thích niệm.

Ý niệm là những gì? Đây cũng là ba hạng: thiện, ác, không phân biệt

thiện ác.

Dục là những gì? Dục là như thế nào? Vừa ý, không vừa ý là những gì?

Niệm tư duy là gì? Là một ý.

Tuệ là gì? Là pháp quán.

Tín là gì? Là vừa ý.

Tinh tiến là gì? Là quán niệm.

Kế (suy tính) là gì? Sở niệm, khiến mong cầu tăng thêm hy vọng, mong muốn. Mong muốn ở đây là suy tính.

Phân biệt niệm là gì? Sở quán, chủ thể quán tùy thuận nhau không đoạn tuyệt, đó gọi là niệm.

Chấp niệm là những gì? Ý khác to lớn, chấp ý nhỏ là niệm.

Tham là gì? Không theo pháp thiện, không tin chí thành. Không làm việc không nên làm, đó gọi là tham.

Không tham là những gì? Thuận theo pháp thiện, tin tưởng chí thành, làm những việc đáng làm, đó gọi là không tham.

Thiện bổn là gì? Có ba thiện bổn: Thiện bổn không tham, thiện bổn không sân, thiện bổn không si, đó gọi là thiện bổn.

Bất thiện bổn là gì? Bất thiện bổn có ba thứ: Tham là bất thiện bổn, sân hận là bất thiện bổn, ngu si là bất thiện bổn, đó gọi là bất thiện bổn.

Bất phân biệt bổn là những gì? Có năm thứ không phân biệt: Ái không phân biệt, kiến không phân biệt, kiêu mạn không phân biệt, si không phân biệt, nghi không phân biệt, đó gọi là bất phân biệt bổn.

Kiết là những gì? Có chín kiết:

1. Kiết trì niệm.
2. Kiết tắng.
3. Kiết kiêu mạn.
4. Kiết si.
5. Kiết tà.
6. Kiết thất nguyện.
7. Kiết nghi.
8. Kiết tật.
9. Kiết san.

Kiết trì niệm là gì? Là tham trong ba cõi.

Kiết tắng là gì? Là ở nhân gian không thể dứt.

Kiết kiêu mạn là gì? Kiết kiêu mạn có bảy thứ:

1. Kiêu mạn.

2. Mạn.

3. Tự mạn.

4. Tự chấp mạn.

5. Khi mạn.

6. Mạn không bằng.

7. Tà mạn.

Kiêu mạn là những gì? Không bằng ta, cho ta là hơn. Nếu bằng ta cho ta là bằng, từ đó, kiêu mạn, ý tự chấp khởi lên ý thức hợp với ý đó, gọi là kiêu mạn.

Mạn là những gì? Trong đồng nhóm cho ta là hơn. Trong hơn, cho ta là bằng, từ đó, sinh ra kiêu mạn, cũng tự chấp, tự chấp cho mình hơn là hơn, đó là tự mạn, cũng nói là kiêu mạn mạn, vì là hợp hội của tất cả, đó gọi là tự mạn.

Tự chấp mạn là những gì? Là năm ấm tự thân là ngã thân chấp tự niệm. Từ đó, tự khởi ra mạn mạn, tự biết ý sinh, ý khởi, hợp ý, đó là tự chấp mạn.

Khi mạn là những gì? Chưa được chấp là được, chưa biết chấp là biết, chưa hết chấp là hết. Từ sự kiêu mạn này, ý tự chấp, ý quán khởi hợp ý, đó là khi mạn.

Mạn không bằng là những gì? Mình thua người xa mà chấp là thua ít, hoặc hào phóng, hoặc nghề nghiệp, hoặc nghề nghiệp như thế nào. Hoặc tội, hoặc bệnh không bằng gấp mười lần, gấp trăm lần. Tự chấp như vậy là không bằng. Từ đó mà kiêu mạn, ý sinh ra tự chấp, tự thấy, ý khởi hợp ý, tự vì mình, đó gọi là mạn không bằng.

Thế nào là tà mạn? Người không hiền, tự chấp là người hiền, từ đó có sự kiêu mạn. Tự sinh ra ý, tự nghĩ, tự chấp, ý khởi hợp với niệm, đó gọi là tà mạn.

Bảy thứ mạn này gọi là kiết kiêu mạn.

Thế nào là kiết si? Những ngu si trong ba cõi, đó gọi là si kiết.

Thế nào là kiết tà? Kiết tà có ba thứ gọi là kiết tà:

1. Thân tà (thân kiến).

2. Biên tà (biên kiến).

3. Tà tà.

Thế nào là thân tà (thân kiến)? Cho thân này là thân ta, đó gọi là thân tà (thân kiến).

Biên tà (biên kiến) là gì?

1. Đoạn diệt.

2. Thường còn, đó gọi là biên tà (biên kiến).

Tà tà là gì? Tà tà là gốc của sự tranh cãi, làm hư hoại phước.

Trên đây là ba thứ tà.

Thế nào là kiết mất nguyện? Mất gốc, không thọ nhận công ân, đó gọi là kiết mất nguyện. Hai sự mất này gọi là kiết mất nguyện.

Thế nào là kiết trộm? Hai thứ trộm gọi là kiết trộm:

1. Vì trộm thọ.

2. Vì trộm giới.

Thế nào là trộm thọ? Là năm ấm nghĩ cho là tôn trọng không có chi hơn. Từ đó ý dục nẩy sinh, cho là có thể dùng, đây gọi là kiết trộm.

Thế nào là trộm giới? Từ đây tịnh, từ đây xuất ly, từ đây giải thoát, từ đây được dụng xuất ly, cho nên chỗ nhân, chỗ ý, chỗ khả, chỗ nguyện, chỗ có thể làm, đó là trộm giới. Hai thứ trộm này gọi là kiết trộm.

Thế nào là kiết nghi? Là nghi bốn đế, đó gọi là kiết nghi. Thế nào là kiết tật? Ý loạn là kiết tật.

Thế nào là kiết san? Là không thể chế phục ý, đó gọi là kiết san. Đó là tất cả kiết.

Vậy thế nào là phược? Bị cột chặt là phược, nên nói là phược.

Thế nào là sử? Có bảy sử, bảy sử gồm:

1. Sử dục.

2. Sử bất khả.

3. Sử dục thế gian.

4. Sử kiêu mạn.

5. Sử si.

6. Sử tà.

7. Sử nghi.

Thế nào là sử dục? Sử dục gồm năm sử: Năm sử ấy là: Từ kiến khổ dứt trừ dục, chấp trước dục từ kiến tập dứt trừ dục. Tham đắm dục từ kiến tận dứt trừ dục. Chấp trước dục từ kiến đạo dứt trừ dục, tham đắm dục là từ kiến tư duy dứt trừ dục. Đó gọi là năm sử, gọi là sử dục. Thế nào là sử

bất khả? Có năm sử, gọi là sử bất kha, năm sử đó là: Từ những thứ kiến khổ không thể dứt trừ. Kiết tập không thể dứt trừ. Từ kiến tận không thể dứt trừ. Từ kiến đạo không thể dứt trừ. Từ kiến tư duy không thể dứt trừ, đó là năm sử, được gọi là sử bất khả.

Thế nào là sử thế gian dục khả? Có mười sử, gọi là sử thế gian dục khả mười sử ấy là Đắm chấp sắc là dục do kiến khổ dứt trừ. Đắm chấp sắc là dục do kiến tập dứt trừ. Đắm chấp sắc là dục do kiến tận dứt trừ, mê đắm sắc do kiến hành đạo dứt trừ. Nhân sắc đắm sắc là dục do tư duy dứt trừ. Từ nhân không có sắc đắm sắc là dục do kiến khổ dứt trừ. Từ nhân không có sắc mê đắm là dục do kiến tập dứt trừ. Từ nhân không có sắc mê đắm là dục do kiến tận dứt trừ. Từ nhân không có sắc mê đắm là dục do kiến đạo dứt trừ. Nhân không có sắc mê đắm là dục do tư duy dứt trừ. Đó là mười sử, gọi là sử dục thế gian.

Thế nào là sử kiêu mạn? Sử kiêu mạn có mười lăm thứ, mười lăm thứ ấy là: Mê đắm ham muốn do kiến khổ dứt trừ kiêu mạn. Mê đắm ham muốn do kiến tập dứt trừ kiêu mạn. Vướng mắc ham muốn do kiến tận dứt trừ kiêu mạn. Vướng mắc ham muốn do kiến đạo dứt trừ kiêu mạn. Vướng mắc ham muốn do tư duy dứt trừ kiêu mạn. Vướng sắc do kiến khổ dứt trừ kiêu mạn. Vướng sắc do kiến tập dứt trừ kiêu mạn. Vướng sắc do kiến tận dứt trừ kiêu mạn. Vướng sắc do kiến đạo dứt trừ kiêu mạn. Vướng sắc do tư duy dứt trừ kiêu mạn. Vướng không có sắc do kiến khổ dứt trừ kiêu mạn. Vướng không có sắc do kiến tập dứt trừ kiêu mạn. Vướng không có sắc do kiến tận dứt trừ kiêu mạn. Vướng không có sắc do kiến đạo dứt trừ kiêu mạn. Vướng không có sắc do tư duy dứt trừ kiêu mạn. Mười lăm sử này gọi là sử kiêu mạn.

Thế nào là sử si? Có mười lăm sử gọi là sử si. Mười lăm sử ấy là: Vướng mắc ham muốn do kiến khổ dứt trừ si. Vướng mắc ham muốn do kiến tập dứt trừ si. Vướng mắc ham muốn do kiến tận dứt trừ si. Vướng mắc ham muốn do kiến đạo dứt trừ si. Vướng mắc ham muốn do tư duy dứt trừ si. Vướng sắc do kiến khổ dứt trừ si. Vướng sắc do kiến tập dứt trừ si. Vướng sắc do kiến tận dứt trừ si. Vướng sắc do kiến đạo dứt trừ si. Vướng sắc do tư duy dứt trừ si. Vướng không có sắc do kiến khổ dứt trừ si. Vướng không có sắc do kiến tập dứt trừ si. Vướng không có sắc do kiến tận dứt trừ si. Vướng không có sắc do kiến đạo dứt trừ si. Vướng không có sắc do tư duy si mà dứt trừ. Mười lăm sử này, gọi là si sử.

Thế nào là sử tà? Ba mươi sáu sử là sử tà: Trong đó gồm mười hai sử vướng mắc cõi Dục, mười hai sử vướng mắc cõi Sắc và mười hai sử vướng

mắc cõi Vô Sắc. Đây gọi là ba mươi sáu sử.

Mười hai sử vướng mắc cõi Dục là gì? Vướng mắc cõi Dục do kiến khổ dứt trừ thân tà. Vướng mắc cõi Dục do kiến khổ dứt trừ yếu tà. Vướng mắc cõi Dục do kiến khổ dứt trừ tà tà. Vướng mắc cõi Dục do kiến tận dứt trừ tà tà. Vướng mắc cõi Dục do kiến tận dứt trừ tà tà. Vướng mắc cõi Dục do kiến đạo dứt trừ tà tà. Vướng mắc cõi Dục do kiến khổ dứt trừ trộm kiến. Vướng mắc cõi Dục do kiến tập dứt trừ trộm kiến. Vướng mắc cõi Dục do kiến tận dứt trừ trộm kiến. Vướng mắc cõi Dục do kiến đạo dứt trừ trộm kiến. Vướng mắc cõi Dục do kiến khổ dứt trừ trộm giới. Vướng mắc cõi Dục do kiến đạo dứt trừ trộm giới, đó gọi là mười hai sử vướng mắc cõi Dục.

Mười hai sử vướng mắc cõi Sắc là gì? Thân tà vướng mắc cõi Sắc do kiến khổ dứt trừ. Yếu tà vướng mắc cõi Sắc do kiến khổ dứt trừ. Tà tà vướng mắc cõi Sắc do kiến khổ dứt trừ. Tà tà vướng mắc cõi Sắc do kiến tập dứt trừ. Tà tà vướng mắc cõi Sắc do kiến tận dứt trừ. Tà tà vướng mắc cõi Sắc do kiến đạo dứt trừ. Trộm kiến vướng mắc cõi Sắc do kiến khổ dứt trừ. Trộm kiến vướng mắc cõi Sắc do kiến tập dứt trừ. Trộm kiến vướng mắc cõi Sắc do kiến tận dứt trừ. Trộm kiến vướng mắc cõi Sắc do kiến đạo dứt trừ. Trộm giới vướng mắc cõi Sắc do kiến khổ dứt trừ. Trộm giới vướng mắc cõi Sắc do kiến đạo dứt trừ. Đây là mười hai sử do vướng mắc sử cõi Sắc.

Mười hai sử vướng mắc cõi Vô Sắc là gì? Thân tà vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến khổ dứt trừ, yếu tà vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến khổ dứt trừ. Tà tà vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến khổ dứt trừ. Tà tà vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến tập dứt trừ. Tà tà vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến tận dứt trừ. Tà tà vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến đạo dứt trừ. Trộm kiến vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến khổ dứt trừ. Trộm kiến vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến tập dứt trừ. Trộm kiến vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến tận dứt trừ. Trộm kiến vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến đạo dứt trừ. Trộm giới vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến khổ dứt trừ. Trộm giới vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến đạo dứt trừ. Đó gọi là mười hai sử vướng mắc sử Vô Sắc.

Trên đây là ba mươi sáu sử, gọi là ba mươi sáu sử tà.

Thế nào là sử nghi? Mười hai sử gọi là sử nghi. Nghi vướng mắc cõi Dục do kiến khổ dứt trừ. Nghi vướng mắc cõi Dục do kiến tập dứt trừ. Nghi vướng mắc cõi Dục do kiến tận dứt trừ. Nghi vướng mắc cõi Dục do kiến đạo dứt trừ. Nghi vướng mắc cõi Sắc do kiến khổ dứt trừ. Nghi vướng mắc cõi Sắc do kiến tập dứt trừ. Nghi vướng mắc cõi Sắc do kiến tận dứt trừ.

Nghi vướng mắc cõi Sắc do kiến đạo dứt trừ. Nghi vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến khổ dứt trừ. Nghi vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến tập dứt trừ. Nghi vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến tận dứt trừ. Nghi vướng mắc cõi Vô Sắc do kiến đạo dứt trừ. Đó gọi là mười hai sử nghi.

Sử là trần, hay là trần não. Có lúc có trần không có não. Trừ trần, những thứ khác là những pháp loạn ý niệm, đây là não không phải trần. Từ khởi đầu là tám thứ:

1. Thùy.
2. Minh.
3. Lạc.
4. Nghi.
5. Ỷ.
6. Tứ thái.
7. Bất quý.
8. Bất tàm.

Vì thế nói là tám thứ khởi.

Sở hiệt (trí) là những gì? Có mười trí:

1. Pháp trí.
2. Tỷ trí.
3. Tri nhân tâm trí.
4. Xảo trí.
5. Khổ trí.
6. Tập trí.
7. Diệt trí.
8. Đạo trí.
9. Tận trí.
10. Vô vi trí.

Pháp trí là gì? Ở sinh tử, ham muốn những gì không có kiết trí ở sanh tử dục bản sở vô mà có kiết trí, sanh tử sắp diệt mà không có kiết trí. Ở sinh tử dục hoại đạo hành không có kiết trí, cũng ở pháp trí, cũng ở địa pháp trí mà không có kiết trí, đó gọi là pháp trí.

Tỷ trí là gì? Ở sự hoạt động của cõi Sắc, Vô Sắc không có kiết trí, ở nơi gốc cõi Sắc, Vô Sắc không có kiết trí. Hành ở cõi Sắc, Vô Sắc diệt không có kiết trí. Ở đạo dứt hành sắc, Vô Sắc không có kiết trí, cũng ở tỷ trí, cũng ở tỷ địa không có kiết trí. Đó là tỷ trí.

Tri nhân tâm trí là gì? Hành động của trí, phước của trí, sự hòa hợp của trí. Đã được không mất, thường hiện ở trước, luôn nhớ không quên vì người nêu, vì người khác, vì tự hoạt động. Thế nên, ý niệm mà biết, gọi là tri nhân tâm trí.

Xảo trí là gì? Trí mà thế gian thực hành gọi là xảo trí. Khổ trí là gì? Thọ năm ấm niệm không phải thường, khổ không, phi thân, không có kiết trí, đó gọi là khổ trí.

Tập trí là gì? Gốc của thế gian, cũng vốn tập sinh nhân duyên tư duy, nhớ nghĩ không có kiết trí, đó gọi là tập trí.

Diệt trí là gì? Diệt trí là trí niệm, rất quan trọng, là trí không ràng buộc, gọi là diệt trí.

Đạo trí là gì? Đạo là đạo, như người nêu thọ quán thì niệm muốn xuất ly, không có kiết trí, đó gọi là đạo trí.

Tận trí là gì? Đã biết khổ, đã bỏ tập, tận đã chứng, đạo đã thật hành, từ trí này thấy biết, ý được đúng, đó gọi là tận trí.

Vô vi trí là gì? Khổ đã hết không còn nữa, tập đã xong, không còn nữa, tận đã chứng, không còn chứng nữa. Đạo đã thực hành không còn thực hành nữa. Từ trí này đã thấy, đã nhận biết, đã ý thức được, đó gọi là trí vô vi, nên nói là trí.

Thế nào là tất cả kiến? Nếu kiến có trí là có kiến. Có lúc kiến không phải trí là sao?

Tám cánh (tám nhẫn) có thể làm những gì? Tám cánh có thể là gì?

Khổ pháp trí có thể là khổ, thí như trí đạt được. Tập pháp trí có thể là tập, thí như trí đạt được. Tận pháp trí có thể là tận, thí như trí đạt được.

Đạo pháp trí có thể là đạo, thí như trí đạt được, nên nói là kiến.

Nếu được, đấy là trí, có lúc không được, không phải trí. Tám cánh đạt được như trên đã nói, nên nói là cánh.

Đức là những gì? Được pháp là đức. Không có tư tưởng, tư duy là gì? Một xứ trên cõi trời, gọi là tất cả tịnh, trước khi có dục, không có dục, có tư tưởng xuất ly, pháp ý đã nhớ nghĩ diệt, không thuận theo, đó gọi là không tư tưởng, tư duy.

Diệt tư duy là gì? Hai mươi tám tầng trời, gọi là sự đắc đạo trong không có dục. Nghĩa là trên hành ý niệm muốn pháp diệt đó gọi là diệt tư duy.

Không tư tưởng là sao? Người không có tư tưởng, hóa sinh trên cõi trời. Trên ý niệm cũng theo, khi ở trên cõi trời thì ý niệm dứt trừ, đó gọi là

không tư tưởng.

Niệm căn là gì? Mạng trong ba cõi. Hội là gì? Là người ta đồng ở.

Đắc xứ là gì? Là đồng quận, huyện.

Chủng đắc là gì? Là năm ấm.

Nhập đắc là gì? Là nội, ngoại đắc nhập, đó gọi là nhập đắc.

Sinh là gì? Được ấm.

Già là gì? Ấm chín muồi.

Chỉ hành là gì? Sự hoạt động của đời trước ngắm về tương lai.

Chẳng thường là gì? Là đã sinh lại mất.

Danh tự là gì? Biết phân biệt. Tuyệt là gì? Chữ đầy đủ.

Chánh dung là gì? Các chữ gom lại.

Không là gì? Hư không chẳng có gì cả, không có vướng mắc, không có màu sắc, đó là không.

Tận mà còn chưa lìa là gì? Đã hết, không còn nữa, không còn vướng mắc.

Tận là sao? Độ thế gian đến vô vi, đó gọi là năm pháp, năm hành, hành là nói đủ.

-oOo-